VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN SỬ HỌC

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

KHÂM ĐỊNH

VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TẬP HAI

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN SỬ HỌC

****

QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN

KHÂM ĐỊNH

VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

584-2007/CXB/2-1344/GD Mã số : 8X136T7 – NĐN

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 25

Từ Canh Thân, Lê Hiến Tông năm Cảnh Thống thứ 3 (1500) đến Kỷ Tị, Lê Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ 5 (1509) gồm 10 năm. Chb.XXV,1

Canh Thân, năm [Cảnh Thống] thứ 3 (1500). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh báo cáo việc tang Lê Thánh Tông và xin nhà Minh phong tước. Nhà Minh sai Từ Ngọc, hành nhân trong ti Hành Nhân sang dụ bảo ban cho tế phẩm ; Lương Trừ, tẩy mã trong cục Ti Kinh kiêm Hàn lâm viện thị giảng và Vương Chẩn, Binh khoa đô cấp sự trung sang sách phong. Bọn Trừ và Ngọc đến trạm Thị Cầu, nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Đông các đại học sĩ, Nguyễn Nhân Thiếp và Bùi Kiên, Đông các học sĩ, bàn định với bọn Lương Trừ về việc nghi lễ. Bọn Trừ đến trạm Lữ Côi, nhà vua ngự thuyền nhỏ đến tiếp. Sau khi đã làm xong lễ dụ ban tế phẩm và lễ sách phong rồi, bọn Ngọc và Trừ từ biệt ra về, nhà vua đem vàng bạc lụa hoa tiến chân, bọn Trừ đều không nhận ; nhà vua làm thơ để tiễn.

Đến đây, nhà vua sai bọn Nguyễn Duy Trinh, Hình bộ tả thị lang, Lê Lan Hinh, Lễ khoa đô cấp sự trung và Nguyễn

Nho Tôn [Tông], Thượng bảo tự khanh, sang nhà Minh tạ ơn về việc ban cho tế phẩm ; Lưu Hưng Hiếu, Đông các học sĩ, Đỗ Nhân, Hàn lâm viện thị thư, và Bùi Đoan Giáo, Thông sự ti thừa, sang tạ về việc sách phong, nhân thể xin ban cho mũ áo.

Lời chua – *Trạm Thị Cầu :* Ở huyện Võ Giàng[1]. Chb.**XXV**,2

Trạm Lữ Côi : Ở huyện Gia Lâm[2]. Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Duy Trinh : Người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm[3], đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Lê Lan Hinh : Người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong[4], đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức ; nguyên trước họ Nguyễn, tên là Sư Mạnh, được vua cho đổi họ và tên.

Nguyễn Nho Tôn [Tông] : Người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi[5], đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

Đỗ Nhân: Người xã Lại Ốc, huyện Tế Giang sau đổi tên là Nhạc, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức.

Bùi Đoan Giáo : Người xã Đại Điền, huyện Bình Hà, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức.

Tháng 2. Tuyển học sinh ở tam xá[6], người nào đã dự trúng kỳ thi hội mà có đức hạnh, sẽ cất nhắc giữ chức dạy học.

Nhà vua hạ chiếu : Nếu chức huấn đạo có khuyết ngạch, thì các quan ở Quốc Tử giám chọn học sinh ở tam xá, người nào thi hội đã vào tam trường và người nào thi nhiều khoa đã thường trúng một hai kỳ, mà có đức hạnh, đáng làm tiêu biểu

(1) Nay thuộc thị xã Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(3) Nay thuộc xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(4) Nay thuộc xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, Hà Tây.
(5) Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.
(6) Xem thêm *Chính biên* quyển XXIII tờ 39- 40 về tam xá sinh.

để người khác bắt chước, thì đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng.

Nhà vua định thể lệ cất nhắc bổ dụng hạng nho và hạng lại : nho sinh, giám sinh, học sinh và đô lại ở các nha môn, trước kia đã từng lựa chọn được, nay bộ Lại tra cứu xem hàng năm người nào thi hội trúng được nhiều kỳ thi cất nhắc trước, người nào trúng ít kỳ thi cất nhắc sau ; nếu không có người trúng kỳ thi hội, thì người nào làm việc lâu năm được cất nhắc trước, người ít năm sẽ cất nhắc sau, không được theo như lệ trước chỉ căn cứ vào thân thể khoẻ mạnh và thứ tự tuổi sinh.

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Dương Trực Nguyên làm chỉ huy sứ trong ti Đình uý. Chb.**XXV**,3

Trực Nguyên làm quan doãn phủ Phụng Thiên, áp chế những người hào cường, làm cho bọn quyền quý phải chùn tay lại. Lê Quảng Độ tiến cử Trực Nguyên là người có phương pháp về chính trị và cứng rắn quả quyết, vì thế nhà vua hạ lệnh bổ dụng.

Truy lục dụng người tướng hiệu có quân công.

Trước đây, Đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm dâng nói : "Việc thưởng và phạt là quyền lớn của đế vương dùng để khuyên đời : thưởng xứng đáng với công lao từng người, phạt xứng đáng với tội lỗi từng người, thì người ta ai cũng biết khuyên răn. Khoảng niên hiệu Hồng Đức[1], khi đi đánh Chiêm Thành vào Lão Qua, quân sĩ trong vệ Hiệu lực, những người có quân công, cất nhắc bổ dùng chưa hết, kịp lúc bị lựa chọn sa thải thì cho tất cả lui về để sung vào quân Ngũ phủ, cũng như hàng sĩ tốt khác, không có gì phân biệt. Vậy những người ấy, xin do bộ Binh làm danh sách tâu bày, đặt riêng làm 4 vệ Hiệu lực để khuyến khích những binh sĩ có công lao". Nhà vua y lời tâu ấy.

(1) Niên hiệu Lê Thánh Tông (1470 - 1497).

Đến nay Hộ Bộ tả thị lang Nguyễn Đức Quảng dâng nói : "Lúc vua Thái Tổ bắt đầu mở nước, tướng sĩ cùng lòng hết sức, người việc lớn, người việc nhỏ khó nhọc đều nhau, thế mà những bầy tôi vào hàng tướng soái thì được chức tước cao, thụy hiệu tốt, con cháu của họ lại được tập ấm để cất nhắc bổ dụng. Còn về phần sĩ tốt, tuy có trao cho chức tướng quân ở các vệ, nhưng con cháu của họ, hoặc người thì không thoát khỏi hàng binh tốt, hoặc người thì bị co ro ở cảnh nghèo hèn ; phép tắc khuyên người có công chưa thi hành được đầy đủ.

"Từ khi bệ hạ lên nối ngôi đến nay, phàm những người tòng quân xẻo được tai giặc[1] tâu nộp, đều được cất nhắc bổ dụng ; còn sĩ tốt trong thời khai quốc lao đao hàng trăm trận hơn mười năm trời thì con cháu của họ không được đếm xỉa tới, như thế thì lấy gì để cổ vũ khuyến khích những người sau này. Chb.**XXV**,4

Tôi xin: những hạng tướng sĩ khai quốc, mà đã từng được nhận sắc mệnh, nay cho phép con cháu họ được đến cửa công tự bày tỏ, rồi do bộ Binh xét thực rõ ràng, làm danh sách kê họ tên tâu nộp, để giao bộ Lại tặng thêm cho họ một bậc nữa, chuẩn cho con cháu họ thừa ấm theo như thể lệ bầy tôi có công, trước là làm tỏ lời thề sông cạn đá mòn, sau là để gia ơn cho họ được cùng nước hưởng phúc".

Nhà vua chuẩn y lời tâu, bèn hạ sắc lệnh : Trong thời Thuận Thiên[2] khai quốc, tướng sĩ nào đã từng được nhận sắc mệnh từ hàm tam phẩm trở lên, mà con cháu đã sung vào các hạng quân ngũ, đều được phép đến cửa công bày tỏ, bộ Binh xét thực sẽ bổ sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y ; nếu là người thông hiểu nghĩa sách sẽ cho sung vào nho sinh quán Chiêu Văn ; con cháu viên quan dưới hàm tam phẩm trở đi, thì sung vào các vệ Vũ Lâm và Thần Tí.

(1) Xem chú thích số 4, *Chính biên* quyển VII, tờ 31.
(2) Niên hiệu Lê Thái Tổ, 1428 - 1433.

Lời phê[1] - *Đều không biết đại thể, vì tình thế không bổ dụng thế nào cho xiết được.*

Lời chua -*Chiêm Thành :* Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20-21).

Lão Qua : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 3. (Chb. XI, 13).

Vệ Cẩm Y, Vũ Lâm và Thần Tí : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 32-33).

Quán Chiêu Văn : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8[2] (Chb. XXIII 6).

Lựa chọn hoàng đinh người nào am hiểu nghề nghiệp để sung vào ngạch thợ.

Theo chế độ cũ, khi nào thiếu thợ, thì sai người chia nhau đi các xứ chọn người am hiểu các nghề để bổ sung. Đến nay, nhà vua hạ chiếu phàm ngạch thợ có khuyết, thì sức cho các xã dân chọn lấy hoàng đinh người nào am hiểu các nghề đểbổ sung vào. Chb.**XXV**,5

Nhà vua ra sắc lệnh : Từ nay, các sắc quân và thợ phải họp tập đông đủ trong kỳ thượng phiên[3], hoặc có người nào làm việc chưa đủ kỳ hạn mà bỏ trốn về trước, thì các quan châu, quan huyện tâu hặc để trị tội. Còn ở ti và sở thuộc các vệ, có người nào bỏ trốn mà lại về làm việc và dân đinh có người nào già ốm, thì mỗi khi đến kỳ thượng phiên, được phép sai phái họ làm việc nhẹ. Nếu là người mạnh khoẻ, thì không được phép cho đội ngũ ấy nộp tiền thay thế và không được gian trá thoái thác là có bệnh.

(1) Lời phê này chỉ vào việc trước để cho con cháu các người đã được trao cho chức tướng quân các vệ phải chìm đắm, phải bần cùng, nay lại muốn bổ dụng tất cả con cháu những người được dự có công đánh giặc.
(2) Nguyên văn chép lầm là năm thứ 2.
(3) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXIV, tờ 38.

Lời chua -*Hoàng đinh :* Theo *Hội điển* triều Lê, dân đinh 17 tuổi gọi là hoàng nam.

Tháng mười, mùa đông. Định chế độ mũ áo.

Nhà vua hạ chiếu : Tất cả quan lại, quân và dân đều phải tuân hành theo chế độ mũ áo mới định.

Lời chua -*Chế độ mũ áo :* Theo *Hội điển* triều Lê, các tước công trong hoàng thân và quan văn, quan võ từ tam phẩm trở lên, khi vào triều, mũ dùng kiểu mũ phốc đầu[1]. Mũ : của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, quan võ trang sức bằng bạc ; áo : dùng màu tía ; bổ tử : các tước công trong hoàng thân dùng hình con kỳ lân, quan nhất, nhị phẩm, về hàng văn dùng hình con tiên hạc, về hàng võ dùng hình con sư tử, tam phẩm về hàng văn dùng hình con cẩm kê, về hàng võ dùng hình con bạch thạch; đai lưng : dùng sừng con tê hoa, đai của hoàng thân trang sức bằng vàng, quan văn, hoặc võ hàm nhất, nhị phẩm trang sức bằng bạc, quan tam phẩm dùng đồi mồi trang sức bằng bạc ; bao lưng : dùng lụa đỏ. Chb.**XXV**,6

Các quan từ tứ phẩm đến ngũ phẩm, mũ: về hàng võ dùng nón sơn trắng, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu[1], không có trang sức ; áo ; dùng màu lục ; bổ tử : quan tứ phẩm, về hàng võ dùng hình con hổ, về hàng văn dùng hình con công, ngũ phẩm, về hàng võ dùng hình con báo, về hàng văn dùng hình con vân nhạn ; đai lưng : quan văn, quan võ đều dùng đồi mồi, trang sức bằng thau; bao lưng : dùng luạ đỏ.

Lục phẩm trở xuống, mũ : về hàng võ dùng nón sơn đỏ, về hàng văn dùng kiểu phốc đầu[1], không có trang sức ; áo : dùng màu xanh ; bổ tử : về hàng võ dùng hình con voi, về hàng văn dùng hình con bạch nhàn; đai lưng: quan văn, quan võ đều dùng tốc hương, chung quanh viền thau ; bao lưng : dùng đoạn thâm.

(1) Xem chú thích 2, *Chính biên* quyển III, tờ 23.

Áo mặc khi thường triều : các quan hàm nhất, nhị phẩm trở lên dùng các hàng gấm vóc có dệt hoa lá sặc sỡ ; tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm vóc ; lục phẩm trở xuống dùng các hàng tơ lĩnh.

Mệnh phụ[1], đều theo với phẩm trật của chồng.

Giám sinh, nho sinh, học sinh, sinh đồ, lại điển và quan viên tử, quan viên tôn đều dùng các hàng lĩnh, là. Thứ dân đều dùng các hàng lĩnh là hoặc vải, lụa.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1501). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 14).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh. Chb.**XXV**,7

Nhà vua đi tuần du Tây Kinh, cấm các quan theo hầu xa giá không được sai quân sĩ dùng hành trang chở vợ con hoặc nữ nhạc đi theo.

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ thể lệ lựa chọn tráng đinh.

Theo chế độ cũ, nhân đinh, người nào mạnh khoẻ, đều tuyển làm lính, không câu nệ người giàu, người nghèo. Đến đây, nhà vua hạ chiếu : từ nay, gặp kỳ lựa chọn tráng đinh, dân xã nào có người nghèo thiếu, thì xã trưởng dự bị khai báo cam đoan ngay từ trước, quan phủ, quan huyện xét thực, đều cho những người ấy được miễn tuyển.

Nhà vua hạ chiếu : Đinh nam ở các xã, phường và sách từ 12 tuổi đến 16 tuổi và hoàng đinh sót sổ, mà sức vóc khoẻ mạnh cao lớn trên 4 thước ta, thì xã trưởng kê khai họ tên, để nộp ba ti Đô, Thừa, Hiến và phủ Phụng Thiên, để đến lúc việc làm ruộng nhàn rỗi sẽ xét duyệt lựa chọn. Chb.**XXV**,8

Tháng 9, mùa thu. Mưa to.

Ở kinh thành nước lên đầy rẫy.

---

(1) Xem chú thích 3 *Chính biên* quyển XI, tờ 44 về nội mạng phục.

Định thuế sai dịch.

Nhà vua hạ sắc lệnh định thuế sai dịch của nhân đinh : Mỗi suất đinh đồng niên nộp cổ tiền[1] 1 quan 2 tiền ; hạng sinh đồ, hoàng đinh và hạng lão thì cứ hai người chuẩn làm một suất ; người tàn tật bất cụ[2] : người nào không thể làm nghề gì sinh sống được đều được miễn ; người nào có thể làm nghề nghiệp sinh sống sẽ thu nửa phần thuế thân.

Tháng 12, mùa đông. Định rõ điều lệ thi hương.

Nhà vua ra sắc lệnh : Từ nay gặp khoa thi hương, trừ số sinh đồ ở cục Tú Lâm ra, còn những quân và dân, người nào có học lực, có hạnh kiểm, có thể làm đủ thể văn 4 kỳ, về phần sĩ tử ở các xứ Hưng Hoá, An Bang, Tuyên Quang và Lạng Sơn, có thể làm đủ thể văn 3 kỳ, đều được phép vào thi. Số sĩ tử kể trên do xã trưởng kê khai cam kết, xã lớn 20 người, xã trung bình 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào số học trò ít ỏi, thì không bó buộc theo thể lệ này. Sau khi xã trưởng loại khai lấy danh sách họ tên sĩ tử rồi, thì phủ, huyện hoặc châu phúc hạch một kỳ ám tả, người nào được dự trúng thì do 2 ti Thừa Chính và Hiến Sát thi khảo kỹ lại. Nếu xã trưởng kê khai cam kết không đúng sự thật, các quan phủ, huyện hoặc châu khảo hạch không tinh tường, đến nỗi sĩ tử vào thi còn xảy ra sự trùng điệp hoặc văn bài không ra nghĩa lý gì, hoặc có người nào vì thân thích con em của mình mà gửi gắm quan chấm thi, thì Lục khoa, Ngự sử đài thân hành dò xét, hặc tấu để trị tội.

Khi sĩ tử vào trường thi, quan trường phải sức cho viên quan giữ việc thể sát lục soát kiểm điểm, nếu thấy có người nào mang giấu văn bài ở trong mình hoặc người nào đi thi thay cho người khác, sẽ bắt tội sung quân ở bản phủ ; nếu viên quan giữ việc thể sát khám xét Chb.**XXV**,9

(1) Xem thêm lời chua *Chính biên* quyển XXI, tờ 2 về cổ tiền.
(2) Những người mù, què, câm, điếc...

không chu đáo, sẽ phải luận vào tội biếm chức hoặc giáng chức. Hai ti Thừa chính và Hiến sát hội đồng kiểm xét, nếu thấy có hình tích gian trá thì phải hặc tâu ; nếu quan hai ti dám thông đồng làm bậy, thì các quan ở Lục khoa và Ngự sử đài thân hành dò hỏi, rồi hặc tâu để trị tội.

Về phần lại điển làm việc ở trong kinh hoặc ở ngoài, người nào tình nguyện ứng thi, thì đệ đơn trình bày, sẽ do viên quan bản quản xét thực, rồi cho phép về ứng thí ở nguyên quán của mình, không được nhân tiện nộp quyển thi ở phủ Phụng Thiên hoặc phụ thí ở xứ khác.

Người lại điển nào đi thi hương được trúng tuyển, sẽ được sung vào học ở Quốc Tử giám.

Giám sinh hoặc sinh đồ, người nào ở nhà để tang bố mẹ, gặp khi thi hương, những người ấy đều phải đến điểm mục tại phủ nha phủ mình ; ai thiếu mặt sẽ phải tội sung quân ở bản phủ. Người nào dám thiện tiện vào ngoài cửa trường thi, sẽ phải luận vào tội đồ, suốt đời không được ứng thí và cất nhắc bổ dụng ; nếu xã trưởng nhận diện mà đồng tình dung túng, khi có người tố cáo phát giác, thì người can phạm và xã trưởng đều phải sung quân.

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1502). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân, Nhà vua ra bài sách thi cống sĩ ; cho bọn Lê Ích Mộc 61 người được cập đệ và xuất thân cao thấp khác nhau.

Bảng vàng đề tên người đỗ tiến sĩ trước kia treo yết ở cửa Đông Hoa. Đến nay, nhà vua sai bộ Lễ cho phường nhạc đi trước cử nhạc, rước bảng vàng yết ở cửa nhà Thái Học. Việc này từ đây về sau dùng làm thể lệ lâu dài.

Lời chua - *Lê Ích Mộc* : Người xã Thanh Lãng, huyện Thuỷ Đường[1].

Tháng 4, mùa hạ. Định lệnh tuyển dụng quan trong kinh và ngoài các đạo. Chb.**XXV**,10

Các quan : thượng thư, thị lang trong Lục bộ +Ngự sử đài + Đông các +Hàn lâm +Lục tự +Lục khoa +Thừa tuyên sứ +Hiến sát sứ cùng ti và sở ở các vệ thuộc Ngũ phủ như các chức đô đốc +đô kiểm điểm +chỉ huy sứ +đô tổng binh,v.v... Những quan chức kể trên nếu có khuyết ngạch, thì bộ Lại tâu bày đầy đủ để xin chỉ thị của vua.

Ở vệ và ở sở : nếu khuyết một viên tổng tri, theo thể lệ, dự lấy 2 người trong hàng quản lãnh ; khuyết một viên quản lãnh, theo thể lệ, dự lấy 3 người trong hàng võ uý. Bộ Lại làm danh sách kê quan chức và họ tên những viên quan được dự lấy tâu bày đầy đủ. Nếu chức quan khuyết ngạch thuộc vào quan trong kinh, sẽ do trưởng quan trong Ngũ phủ dẫn vào chầu để lựa chọn ; nếu thuộc vào quan ngoài các đạo, sẽ do Chỉ huy sứ và viện Hàn lâm hội đồng với 3 ti Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, rồi tâu bày đầy đủ, sẽ có chỉ dụ cho thuyên chuyển cất nhắc.

Kiến vương là Tân mất.

Vương là con thứ năm của Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (1471) được tiến phong Kiến vương, mất năm 35 tuổi, nhà vua cho đặt tên thuỵ là Trinh Tĩnh.

Lại hạ lệnh cấm hoạn giả thiện tiện đến nhà người khác.

Năm Quang Thuận và Hồng Đức trước[2] định thể lệ: Nếu người hoạn quan nào thiện tiện đến nhà người khác sẽ bị xử trảm. Đến nay nhà vua nhắc lại lệnh cấm ấy.

(1) Làng Thanh Lãng, tức làng Ráng, nay thuộc xã Quảng Thanh, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.

(2) Đều niên hiệu Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

Quý Hợi, năm thứ 6 (1503). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 16). Chb.XXV,11

Tháng giêng, mùa xuân. Hạn hán. Hạ sắc lệnh chuẩn bị xe lấy nước(1) để bảo vệ việc làm ruộng.

Nhà vua hạ sắc lệnh dụ bảo bọn Dưỡng Tĩnh, tham nghị trong ti Thừa Tuyên sứ ở Thanh Hoá : "Trẫm rất lưu tâm đến việc làm ruộng, bọn các ngươi phải hết lòng về việc làm ruộng của dân, nghĩ thi hành chính sách tốt đẹp. Việc hạn hán, thuỷ lạo là những việc bất thường, cần phải dự bị đề phòng, để việc cầy cấy được kịp thời vụ. Trẫm thường cho người đi dò thám, thấy nơi thì ruộng nương trũng thấp, nơi thì đường sá rậm rạp, trời nắng chưa mấy ngày mà dân đã kêu ca là khô cạn quá đỗi. Những việc ấy đều bởi viên chức ở châu, ở huyện không được người tốt đấy. Vậy các ngươi nên sức cho trong hạt mình phải cần làm ngay việc sửa đắp. Các ngươi lại phải chính mình tự đi kiểm xét cửa sông, xe nước, khe nhỏ, đường to. Nếu thấy viên quan nào thừa hành hoàn hảo thì khi khảo công liệt vào hạng nhất ; viên quan nào thừa hành một cách dối trá để có chỗ thẩm lậu, thì liệt vào hạng không làm đầy đủ chức phận ; rồi đem hết sự thực tâu bày lên trẫm biết, để định việc truất bãi hoặc cho thăng chức".

Tháng 2. Đại hạn.

Tháng 4, mùa hạ. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Đắp đê Tô Lịch, đào cừ Yên Phúc.

Dương Trực Nguyên, tả thị lang bộ Lễ, tâu xin : Đắp đê sông Tô Lịch trên từ cầu Trát xuống đến sông Cống để phòng bị thuỷ hoạn, lại xin khai cừ Yên Phúc xuống đến cừ Thượng Phúc để lấy nước tưới ruộng. Nhà vua chuẩn y. Chb.XXV,12

(1) Nguyên văn chép "thuỷ xa", một thứ nông cụ, dùng để tát nước vào ruộng.

Lời chua -*Sông Tô Lịch* : Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Tràng Khánh thứ 4 (Tb.IV,31-32).

Cầu Trát : nay ở xã Trát Kiều.

Sông Cống : Nay ở xã Cống Xuyên.

Cừ Yên Phúc : Ở thôn Yên Phúc(1).

Cừ Thượng Phúc : Ở xã Thượng Phúc(2).

Đều thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội(3).

Tháng 5, mùa hạ. Có thuỷ tai lớn.

Núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị sụt lở.

Lời chua - *Núi Tản Viên* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng thiên thứ 7 (chb.I, 34).

Núi Tam Đảo : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Giáp Tí, năm thứ 7 (1504). (Từ tháng 6 trở về sau, thuộc Lê Túc Tông Khâm hoàng đế năm Thái Trinh thứ nhất.- Minh, năm Hoằng Trị thứ 17).

Lời cẩn án - *Theo phàm lệ chép* Cương mục *của Chu Tử :*

- Năm nào gặp năm Giáp Tí, thì chữ "giáp tí" chép ngang ở trên bằng màu đỏ để cho phân biệt(4), ngoài ra các năm khác đều chép bằng màu đen.

Lại một lệ nữa : - Phàm thiên tử nối đời trước, lên ngôi vua, thì chỉ thuỵ hiệu, niên hiệu ở hàng dưới chép bằng màu đỏ, còn chữ "nguyên niên" chép bằng màu đen ; từ năm thứ 2 trở đi, mới chép lớn niên thứ bằng màu đen ở hàng dưới.

---

(1) Nay thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Nay thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(3) Huyện Thượng Phúc nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây và một số xã của huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(4) Chữ "giáp" đứng đầu 10 hàng can, "tí" đứng đầu 12 hàng chi, giáp tí là năm đứng đầu lục thập hoa giáp. Vì thế nên trong bộ *Cương mục* này, gặp năm giáp tí, đều chép chữ màu đỏ.

- Nếu chưa qua năm sau mà đổi niên hiệu thì chữ "nguyên niên" chua ở hai bên dòng, mà bắt đầu chép chữ lớn từ năm thứ 2. Chb.**XXV**,13

Nay, tháng 6 mùa hạ, năm Cảnh Thống thứ 7, Túc Tông lên ngôi vua, chưa qua sang năm sau đã đổi niên hiệu, đến tháng 12 thì Túc Tông mất. Vậy thì năm Cảnh Thống thứ 7 này là năm cuối cùng đời Hiến Tông, đến năm sau lại là năm đầu đời Uy Mục đế, như thế thành ra thuỵ hiệu, niên hiệu của Túc Tông không có thể chép vào năm nào được.

Tra trong Đường Thư, *thì thấy : "Thuận Tông lên ngôi nhằm tháng giêng mùa xuân năm Trinh Nguyên thứ 21 đời Đức Tông, đến tháng 8 truyền ngôi cho người khác". Về việc này, sách* Cương mục chính biên *của* Chu tử *chép phân biệt như thế này : ngay năm ấy chua nhỏ chữ "ất dậu" " bằng màu đen ; chép lớn chữ "nhị thập nhất niên" bằng màu đen ; chua nhỏ chữ "Thuận tông hoàng đế [niên hiệu] Vĩnh Trinh" bằng màu đỏ, chua nhỏ chữ "nguyên niên" bằng màu đen.*

Nay phỏng theo lệ ấy, chua nhỏ chữ "giáp tí" bằng màu đỏ ; chép lớn chữ "thất niên" bằng màu đen ; chua nhỏ chữ "Túc tông Khâm hoàng đế [niên hiệu] Thái Trinh" bằng màu đỏ và chua nhỏ chữ "nguyên niên" bằng màu đen. Đấy là thuộc về biền lệ.

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Tháng 5, mùa hạ. Nhà vua mất.

Trước đây, nhà vua từ Tây Kinh trở về cung, trong mình không được khoẻ, lại vì sắc dục quá độ, nên mắc bệnh nặng. Lúc bệnh kịch quá, để mệnh lệnh lại cho thái tử nối ngôi vua. Đến nay, mất ở điện Đồ Trì.

Nhà vua ở ngôi 7 năm ; hưởng thọ 44 tuổi, miếu hiệu Hiến Tông, có 6 con trai.

Nhà vua là người thông minh, thánh trí, nhân từ, hoà nhã, ôn hậu, không làm ra dáng nghiêm khắc. Hằng ngày, mỗi khi lui chầu, thường tìm bọn sĩ đại phu vào cung hỏi han về những điều hay điều dở, trong khi hỏi, lời nói nét mặt tỏ ra dịu dàng, để khơi gợi cho người kia ứng đối lại ; nếu có xếp đặt việc gì thì ung dung nhàn nhã ; lời nói nét mặt không bao giờ lộ ra vẻ khoe khoang. Nhà vua thường nói : Thánh tổ ta[1] xây dựng khu vực rộng lớn ; vua cha ta trong sửa chính sự, ngoài dẹp bọn xâm lăng, quy mô đã định sẵn ta không cần phải thay đổi việc gì, chỉ cốt noi theo phép tắc cũ, làm cho ngày một mở rộng mà tươi sáng hơn, để tỏ rõ công đức của ông cha ta mà thôi. Chb.**XXV**,14

Lời chua – *Sáu người con của Hiến Tông* : Con trưởng : An vương Tuân ; con thứ hai : Uy Mục đế ; con thứ ba Túc Tông ; con thứ tư : Thông vương Dong ; con thứ năm : Minh vương Trị ; con thứ sáu : Tư vương Dưỡng.

Tháng 6, Thái tử Thuần lên ngôi vua.

Lê Quảng Độ, tả đô đốc phủ Trung Quân, Lê Đạt Chiêu, tả đô đốc phủ Nam Quân, cùng trăm quan văn võ, rước thái tử Thuần lên ngôi vua ở điện Hoàng Cực (tức là Túc Tông). Hạ lệnh đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm năm Thái Trinh thứ nhất (1504).

Tôn hoàng thái hậu làm thái hoàng thái hậu.

Sau khi nhà vua lên ngôi, tôn bà tổ mẫu Trường Lạc hoàng thái hậu Nguyễn Thị[2] làm thái hoàng thái hậu. Chb.**XXV**,15

Sao Trường Tinh[3] xuất hiện ở phương tây bắc.

---

(1) Chỉ Lê Thái Tổ.
(2) Vợ Lê Thánh Tông, xem thêm chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXIV, tờ 24.
(3) Thuộc loại sao Chổi. Theo quan niệm cổ, khi nào sao Trường Tinh xuất hiện, thì trong nước sẽ xảy ra việc can qua.

Tháng 9, mùa thu. Truy tôn mẹ là quý phi Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị người xã Bình Lăng, huyện Thiên Thi. Lúc Hiến Tông làm thái tử, Nguyễn Thị được tuyển vào hầu trong cung, ngày mồng 1 tháng 8 năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh nhà vua ; lúc Hiến Tông lên ngôi, gia phong là quý phi, hậu mất sớm. Đến nay tôn là Trang thuận minh ý hoàng thái hậu.

Lời chua - *Thiên Thi* : Tên huyện nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

Đoàn Thế Nùng ở Cao Bằng nổi loạn, phải chịu tội giết chết.

Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, nhà vua sai quân sĩ bắt được. Thế Nùng cùng đồ đảng hơn 500 người đều phải giết chết.

Lời chua - *Cao Bằng* : Tức Bắc Bình, thuộc xứ Ninh Sóc xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20, 32).

Tháng 11, mùa đông. Làm lễ táng Hiến Tông ở Dụ Lăng.

Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm biên soạn văn bia. Chb.**XXV**,16

Lời chua - *Phạm Thịnh* : Người xã Tam Nha (á), huyện Gia Định.

Trình Chí Sâm : Người xã Từ Hồ, huyện Đông Yên. Đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Tháng 12 nhà vua mất.

Nhà vua mất ở điện Hoàng Cực, ở ngôi một năm, hưởng thọ 17 tuổi, miếu hiệu Túc Tông, để tờ chiếu lại cho trăm quan về việc tang phục nhất thiết theo lễ cổ.

Đại thần rước người anh thứ[1] của nhà vua tên là Tấn vào cung điện lên ngôi vua.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXIV, tờ 42 và quyển XXV, tờ 14 về thứ tự các con của Hiến Tông.

Trước kia, Túc Tông bị yếu, hạ sắc lệnh dụ bảo bầy tôi trong triều là bọn Lê Quảng Độ và Lê Năng Nhượng rằng : "Bệnh trẫm không khỏi được, Chb.**XXV**,17 trẫm lo việc nước ký thác nặng nề, không thể gánh vác nổi. Người con thứ hai của tiên hoàng đế là Tấn, hiền hoà, sáng suốt, nhân từ, hiếu nghĩa, có thể nối giữ chính thống được, đại thần trăm quan đều phải hết lòng trung trinh, để giúp nên nghiệp lớn. Các thân vương, nếu có người nào sinh lòng càn dòm dỏ ngôi báu, thì người trong nước đều có quyền giết chết". Đến nay Lê Quảng Độ, tả đô đốc phủ Trung quân, Lê Năng Nhượng, Tông Nhân Lệnh, cùng văn võ trăm quan đều đến điện Hưng Minh rước Tấn vào cung lên ngôi vua (tức Uy Mục đế), hạ chiếu đại xá, đổi niên hiệu, lấy sang năm làm năm Đoan Khánh thứ nhất.

Sai sứ thần sang nhà Minh.

Trước kia, Túc Tông lên ngôi vua, sai sứ sang nhà Minh :

- Bọn Đặng Tán, tả thị lang bộ Lại ; Khuất Quỳnh Cửu, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lưu Quang Phụ, Hộ khoa đô cấp sự trung, sang dâng cống phẩm hằng năm ;

- Bọn Nguyễn Lân, hữu thị lang bộ Binh, và Nguyễn Kính Nghiêm, giám sát ngự sử, sang báo cáo việc Hiến Tông mất ;

- Bọn Nguyễn Bảo Khuê, hữu thị lang bộ Lễ, Trần Bá Lương, đông các hiệu thư, và Vũ Châu, hiệu lý, sang xin phong tước.

Các viên quan kể trên ra đi chưa kịp sang qua quan ải. Đến nay nhà vua lại đổi làm tờ biểu khác rồi sai bọn Bảo Khuê mang đi.

Lời chua – *Đặng Tán* : Người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487), năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Khuất Quỳnh Cửu : Người xã Lôi Trạch, huyện Thạch Thất.

Trần Bá Lương : Người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương. Quỳnh Cửu và Bá Lương đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Nguyễn Bảo Khuê : Người xã Lý Hải, huyện An Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Vũ Châu : Người xã Dị Sử, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Ất Sửu, Uy Mục đế năm Đoan Khánh thứ nhất (1505). (Minh, năm Hoằng Trị thứ 18).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Truy tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu. Chb.XXV,18

Hoàng thái hậu Nguyễn Thị, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, lúc bé, mồ côi và nghèo đói, phải tự bán mình cho nhà một người ở Phụng Thiên. Sau nhà người ấy phạm tội, Nguyễn Thị phải tịch thu làm nô tì trong cung, vì cớ ấy được vào hầu hoàng thái hậu ở cung Trường Lạc. Lúc Hiến Tông làm thái tử, vào cung chầu hoàng thái hậu, trông thấy Nguyễn Thị, lấy làm bằng lòng, mới lấy làm vợ ; ngày mồng 5 tháng 5 năm Hồng Đức thứ 19 (1488) sinh nhà vua. Sau đó, Nguyễn Thị mất sớm. Nay nhà vua lên ngôi, truy tôn là Chiêu nhân hoằng ý hoàng thái hậu, rước bài vị lên thờ phụ ở nhà thái miếu.

Lời chua - *Đông Ngàn* : Tên huyện, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh(1).

Phụng Thiên : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 20, 35).

Tháng 3. Làm lễ táng Túc Tông ở Kính Lăng.

(1) Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc vào các huyện: Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).

Nhà vua sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh và Trình Chí Sâm soạn văn bia.

Giết thái hoàng thái hậu ở điện Trường Lạc.

Trước kia, Túc Tông mất, hoạn giả là Nguyễn Nhữ Vi muốn lập nhà vua, nhưng thái hoàng thái hậu lấy cớ rằng, nhà vua, do mẹ là người hèn hạ sinh ra, không thể phụng thừa chính thống được, và cố ý đòi lập Lã Côi vương(?). Nhữ Vi liền khuyên thái hậu đi đón Lã Côi vương(?), rồi bọn Nhữ Vi đóng cửa thành lại mà lập nhà vua. Thái hậu không bằng lòng. Đến nay, nhà vua bèn sai người thân cận giết thái hậu một cách bí mật, rồi hạ lệnh nghỉ thiết triều 7 ngày. Chb.XXV,19

Tháng 4, mùa hạ. Truy dâng tôn hiệu thái hoàng thái hậu.

Nhà vua truy dâng tôn hiệu bà tổ mẫu Nguyễn Thị là Huy gia tĩnh mục ôn cung nhu thuận thái hoàng thái hậu, lại dựng điện Quang Mĩ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức, để thờ tiên tổ thái hoàng thái hậu.

Lời phê – *Giấu giếm thế nào được tội ác? Bọn gian giảo lừa dối người ta thường thường như thế, đáng chê cười !*

Lời chua – *Quảng Đức* : Tên huyện, thuộc phủ Phụng Thiên, nay là huyện Vĩnh Thuận[1].

Dựng điện Chân Nguyên ở làng Phù Chẩn.

Nhà vua tôn trọng yêu nuông ngoại thích, dựng điện Chân Nguyên và nhà Bảo Thuỵ ở làng Phù Chẩn để thờ tiên tổ nhà thái hậu Nguyễn Thị.

Lời chua – *Làng Phù Chẩn*: nay ở huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh[2].

---

(1) Đất huyện Quảng Đức cũ, nay là vùng đất phía bắc nội thành Hà Nội, gồm phần lớn thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa.

(2) Nay thuộc xã Phù Chẩn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng.

Mẹ đẻ ra nhà vua là thái hậu Nguyễn Thị mất sớm, Kính phi Nguyễn Thị nuôi nhà vua làm con mình. Kịp Chb.XXV,20 khi Túc Tông mất, không có con, Kính phi cùng hoạn giả là Nguyễn Như Vi định mưu kế lập nhà vua, nhà vua rất lấy làm ơn. Đến nay làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng để thờ tiên tổ Kính Phi.

Lời chua - *Nguyễn Kính Phi* : Người xã Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường(1).

Truất chức Đàm Văn Lễ, thượng thư bộ Lễ và Nguyễn Quang Bật, đô ngự sử, làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quảng Nam(2), rồi giết đi.

Trước kia, lúc Hiến Tông nằm giường bệnh, Kính Phi có ý muốn lập nhà vua, nhưng sợ quan đại thần không theo, bèn đem vàng đút lót Đàm Văn Lễ, Văn Lễ không nhận,. Kịp khi Hiến Tông bệnh kịch. Văn Lễ cùng Quang Bật nhận tờ di chiếu giúp hoàng thái tử nối ngôi vua. Lúc ấy các vương tranh nhau để được lập làm vua, Văn Lễ sợ việc biến xảy ra trong chốc lát, bèn vào nhà tẩm điện lấy quả ấn truyền quốc đem về nhà mình, rồi cùng các đại thần cùng lập Túc Tông. Nhà vua rất lấy làm oán giận. Đến nay, nhà vua dùng mưu mô của Khương Trùng và Nguyễn Như Vi, truất Văn Lễ và Quang Bật đi giữ chức thừa chính sứ đạo Quảng Nam ; khi hai người đi đến sông Chân Phúc, nhà vua sai người đuổi kịp, bắt phải tự tử. Bầy tôi trong triều lấy cớ rằng hai người ấy không có tội

(1) Nay là thôn Phương Lăng, xã Hoa Động, huyện Thủy Nguyên, T.P Hải Phòng.

(2) Ở phần này, nguyên văn chép : "vi Quảng Nam thừa tuyên sứ", về phần mục ở dưới lại chép : "hành Quảng Nam thừa chính sứ". Chúng tôi nhận thấy thừa tuyên không phải là chúc quan. Dưới triều lê Thánh Tông mỗi thừa tuyên có các chúc : đô tổng binh sứ, hiến sát sứ và thừa chính sứ. Vì thế, dịch : "Làm thừa chính sứ ở thừa tuyên Quang Nam" cho dược rõ nghĩa.

mà bị chết, nên nhiều người can ngăn ; nhà vua đổ lỗi ấy cho Nhữ Vi, rồi lại giết cả Nhữ Vi nữa.

Nhà vua tin dùng những người thân thích bên ngoại, bọn Khương Trùng cậy quyền, ngang ngược, không sợ hãi ai. Lúc ấy, Nguyễn Chí, lấy thân phận là người quê ngoại nhà vua, được cất nhắc làm thiếu doãn phủ Phụng Thiên sau được bổ làm tri phủ Phú Bình. Chí là người mạnh dạn cứng cổ, không chịu khuất phục ai. Nguyễn Trọng, thân nhân của Khương Trùng, mang lòng oán Chí, bắt Chí đem đến ngục đình uý, đấm đá cho đến chết. Chb.XXV,21

Lời chua – *Quảng Nam* : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII, 7-9).

Nguyễn Quang Bật : Người xã Bình Ngô, huyện Gia Định, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ nhị danh khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức.

Khương Trùng : Người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, một người trong đảng với họ hàng của Nguyễn thái hậu.

Nguyễn Chí : Chí bị Nguyễn Trọng đấm đá chết, vất bỏ ở ngoài thành, con cháu đem xác về để chôn, nhưng rồi lại sống lại, vợ con của Chí phải dùng hài cốt người khác chôn thay và làm lễ để tang 3 năm, làng xóm không ai biết rõ việc ấy. Đến năm Hồng Thuận thứ nhất (1509) đời Tương Dực đế, Chí đến khuyết đình tự tâu bày, lại được trao giữ chức Bí thư giám xá nhân. Sau, Chí làm quan với nhà Mạc.

Sông Chân Phúc : Nay ở huyện Châu Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

Gia Định : Nay là huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 6. Khởi phục [1] Ngô Hoán làm hiến sát sứ Thanh Hóa.

(1) Một danh từ của đời phong kiến dùng để nói về việc viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc viên quan nào nghỉ việc về nhà, sau lại gọi ra bổ dụng.

Hoán, đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, trải thờ Hiến Tông, làm quan Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, nên phải bãi chức và phải sung làm quân ở bản phủ. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501), Hoán lại thi đỗ sinh đồ. Đến nay, lại được triệu ra bổ dụng. Chb.XXV,22

Bính Dần, năm thứ 2 (1506). (Minh Võ tông, năm Chính Đức thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập Trần thị làm hoàng hậu.

Hậu, người xã Nhân Mục, tên là Tùng, con gái viên quản lãnh họ Trần (không rõ tên), là cháu ngoại một ông vua triều nhà Trần. Nhà vua nghe nói Trần Thị có sắc đẹp, cho tuyển vào cung, đến nay lập làm hoàng hậu. Sau, người em gái tên là Trúc cũng vào trong cung hầu vua.

Lời chua - *Xã Nhân Mục* : Nay thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 2. Tuyển hoàng đinh.

Lời chua - *Hoàng đinh* : Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb. XXV,5).

Tháng 12, mùa đông. Thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán.

Nhà vua sai bọn Nguyễn Quang Mĩ, Binh bộ thượng thư, Nguyễn Tinh, Lại khoa đô cấp sự trung, và Nguyễn Trọng Đạt, giám sát ngự sử, thi khảo quân và dân về môn viết chữ và tính toán ở sân điện Giảng Võ. Người ứng thi hơn ba vạn, lấy bọn Nguyễn Tử Kỳ 1519 người trúng tuyển ; trong số này trích lấy những người trội hơn được 144 người, thi khảo lại một lần nữa, lấy 25 người trúng Chb.XXV,23

(1) Tức làng Mọc, gồm 6 thôn. Nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

tuyển cho sung vào Hoa Văn học sinh, ngoài ra, đều cho sung làm lại dịch các nha môn trong kinh và ngoài các đạo.

Lời chua - *Nguyễn Tinh* : Người xã Văn Xá, huyện Lang Tài, đỗ đồng tiến sĩ khoa QuýSửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đinh Mão, năm thứ 3 (1507). (Minh, năm Chính Đức thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt ti Cường Lực.

Theo chế độ cũ, dũng lực võ sĩ ở các ti thuộc hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô đều đặt chức phó quân và đều không câu nệ đội ngũ, chỉ có từ ban thứ nhất đến ban thứ tám, chiếu theo số binh lính nhiều hay ít, để liệu lượng định thứ tự từng ban. Đến nay định lại hiệu quân, bãi bỏ chức phó quân, đổi đặt làm ti Cường Lực.

Lời chua - *Các ti trong hai vệ Cẩm Y và Kim Ngô* : Xem năm Hồng Đức thứ 4 đời Lê Thánh Tông (Chb. XXII, 32)[1].

Phó quân : Xem năm Hồng Đức thứ 22 (Chb. XXIV, 13).

Ti Cường Lực : Quân số của ti này không khảo cứu được.

Tháng 3. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh ; khi trở về, bèn vào thăm điện Chân Nguyên.

Lời chua - *Điện Chân Nguyên* : Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV, 19).

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ thần sang nhà Minh. Chb.XXV,24

Trước đây, nhà Minh sai sứ thần sang nước ta.

- Tăng Đạc, Hàn Lâm viện biên tu, và Trương Hoằng Chí, Lại khoa cấp sự trung, sang báo cáo việc Võ tông [nhà Minh] lên ngôi và ban cho lụa hoa ;

- Hà Lộ, hành nhân trong ti Hành Nhân, sang dụ bảo việc ban lễ tế Hiến tông [nhà Lê] ;

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 31, 32.

- Thẩm Đào, Hàn Lâm viện biên tu, và Hứa Thiên Tích, Công Khoa cấp sự trung, sang sách phong nhà vua làm An nam quốc vương và ban cho mũ áo bì biền[1].

Lúc Thiên Tích trông thấy nhà vua, nhân làm câu thơ rằng : "An Nam tứ bách vận vưu trường, thiên ý như hà giáng quỷvương?" Ý nói : Vận mệnh An Nam bốn trăm năm rất dài lâu, không biết ý trời thế nào mà lại giáng sinh ông vua quỷ sứ?

Đến đây, nhà vua sai sứ thần sang nhà Minh :

- Bọn Dương Trực Nguyên, Hộ bộ tả thị lang, Chu Văn, Đông các hiệu thư, và Đinh Thuận, Hàn lâm viện kiểm thảo, sang chúc mừng Minh Võ tông lên ngôi vua ;

- Nguyễn Thuyên, Hồng lô tự Thiếu khanh, sang dâng hương ;

- Bọn Nguyễn Thụ, Công Bộ hữu thị lang, Doãn Mậu Khôi, Hàn Lâm viện kiểm thảo, và Lê Đình Chi, Hộ khoa cấp sự trung, sang tạ ân việc ban cho tế phẩm ;

- Bọn Lê Tung, thừa chính sứ Thanh Hoá, Đinh Trinh, Hàn lâm viện kiểm thảo, và Lê Hiếu Trung, giám sát ngự sử, sang tạ việc sách phong ;

- Bọn Lê Uyên tham chính Nghệ An, Ngô Tuy, Hàn lâm viện hiệu lý, và Hoàng Nhạc, giám sát ngự sử, sang dâng lễ cống hàng năm.

Lời chua - *Chu Văn* : Người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông. Chb.**XXV**,25

Đinh Thuận : Người xã An Dương, huyện Tây Lan.

(1) Mũ áo triều phục của vua chúa đời cổ : Mũ bì biền chế bằng da con hươu trắng. Những chỗ khâu giáp đều dát bằng ngọc ; áo bì biền có nhiều thuyết khác nhau, nhưng tóm lại áo và xiêm đều làm bằng tơ màu trắng.

Lê Đình Chi : Người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thạch.

Ngô Tuy : Người xã Tông Tranh, huyện Đường Yên. Những người kể trên đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Doãn Mậu Khôi : Người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc.

Đinh Trinh : Người xã Vị Khê, huyện Thanh Lan. Khôi và Trinh đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Lê Trung Hiếu : Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống, làm quan đến Quốc Tử giám tư nghiệp. Khoảng năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông đem vào Thanh Hoá, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết[1].

Hoàng Nhạc : Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống.

Mậu Thìn, năm thứ 4 (1508). (Minh, năm Chính Đức thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Bổ dụng Mạc Đăng Dung làm đô chỉ huy sứ ở ti Đô chỉ huy sứ thuộc vệ Thiên võ.

Đăng Dung, người xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương ; ông tổ bảy đời của Đăng Dung là Đĩnh Chi ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà, đỗ trạng nguyên triều nhà Trần, làm quan đến tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh con là Dao, Dao sinh con là Tuý, Tuý sinh con là Tung, dời đến ở xã Lan Khê, huyện Thanh Hà, Tung sinh con là Bình, lại dời về ở xã Cổ Trai huyện Nghi Dương, Bình sinh con là Hịch, Hịch lấy con gái Đặng Xuân, sinh 3 con trai : con trưởng là Đăng Dung, con thứ hai là Đốc Tín, con thứ 3 là Quyết. Đăng Dung, lúc bé, có sức mạnh, nhà nghèo, làm nghề đánh chài. Lúc ấy nhà vua muốn tìm kiếm dũng sĩ, Đăng Dung thi khảo, trúng đô lực Chb.XXV,26

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXVII, tờ 8.

sĩ, được sung vào túc trực bảo vệ trong cung cấm. Đến nay, nhà vua bổ cho chức này.

Lời chua - *Vệ Thiên Võ* : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI,4).

Làng Đông Cao, huyện Bình Hà: Nay là xã Long Động, huyện Chí Linh.

Xã Lan Khê, huyện Thanh Hà : Nay đều thuộc phủ Nam Sách.

Xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương : Nay thuộc phủ Kiến Thuỵ.

Đều lệ thuộc tỉnh Hải Dương.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đô ngự sử Đỗ Nhân giao xuống ngục hình, ít lâu, Nhân lại được tha.

Trước kia, Nhân gặp tang mẹ nghỉ [việc quan, về nhà riêng] khi đoạn tang, được khởi phục làm hữu thị lang bộ Lễ, sau được thăng làm phó đô ngự sử trong Ngự sử đài. Đến nay, vì nói việc gì đó trái với ý vua, bị bắt giao xuống hình ngục, sau Nhân lại được tha.

Nước Hắc La La xâm lấn cửa ải Chu Quan, Nhà vua sai bọn Lê Quýnh đem quân đi đánh, chia lập giới mốc ở nơi quan ải, rồi dẫn quân về.

Nước Hắc La La xâm lấn vào cửa ải Chu Quan. Nhà vua sai Trần Thúc Mại, đô đốc Bắc quân, làm phó tướng doanh Hữu du kích, Phạm Nhất Ngạc làm ký lục, dẫn quân đi trước ; một mặt hạ lệnh cho Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó, thống lĩnh các vệ Thần Võ, Hiệu Lực, Điện Tiền và quân trong Ngũ phủ, tất cả sáu vạn người, đi đánh. Quân kéo đến cửa ải Chu Quan, chia lập giới mốc ; lại hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh chỉnh lý đất đai ở Chu Quan thuộc châu Thuỷ Vĩ xứ Hưng Hoá, sửa sang xếp đặt công việc ở quan ải, rồi dẫn quân về. Chb.**XXV**,27

Lời cẩn án : – Sử cũ *chép "nhà vua hạ lệnh cho bọn Lê Quýnh kinh lý Thuận Hoá". Nay tra chữ "Thuận Hoá" chính là chữ "Hưng Hoá" mà* Sử cũ *chép lầm, nên cải chính lại.*

Lời chua – *Hắc La La* : Theo sách *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư*, thì nước Hắc La La là giống man di ở Vân Nam thuộc tỉnh Vân Nam.

Chu Quan : Theo *Điển lệ quan chế triều Lê*, thì ti Tuần kiểm sứ thuộc Đô tổng binh sứ ti ở Hưng Hoá có cửa Chu quan, thuộc châu Thuỷ Vĩ.

Thần Võ, Hiệu Lực và Điện Tiền : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 4 (Chb. XXII, 23).

Quân Ngũ Phủ và doanh Du kích : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 7 (chb. XX, 2–7).

Hưng Hoá : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XX, 16, 19).

Châu Thuỷ Vĩ : Nay thuộc tỉnh Hưng Hoá[1].

Kỷ Tị, năm thứ 5 (1509). (Từ tháng 12 trở về sau, thuộc năm Hồng Thuận thứ nhất đời Tương Dực đế. (Minh, năm Chính Đức thứ 4).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy.

Quả chuông ở điện Kính Thiên tự nhiên rơi xuống.

Cái bồ lao treo hai quả chuông lớn ở điện Kính Thiên thình lình bị đứt đoạn, quả chuông tự rơi xuống. Chb.**XXV**,28

Lời chua – *Điện Kính Thiên* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 13).

Đặt ti Phi võ lực sĩ.

(1) Nay thuộc tỉnh Lào Cai.

Theo chế độ cũ, lực sĩ điện Kim Quang 10 ti, mỗi ti lực sĩ 100 người, bác sĩ 2 người, thay ban nhau phụng mệnh túc trực ở điện Kim Quang. Đến nay, mới đặt Phi Võ ti lực sĩ 100 người, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang, cũng như thể lệ lực sĩ túc trực điện Kim Quang. Bổ dụng Nguyễn Tông làm đô phi võ lực sĩ nội sứ trong ti Phi võ, Nguyễn Công Luận làm Phi võ lực sĩ nội sứ.

Lời chua - *Lực sĩ 10 ti túc trực điện Kim Quang* : Xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 31).

Đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã.

Tính nhà vua thích dũng lực, nhân đi tế yết giao đàn trở về, cỡi voi vào cửa Đông Hoa, sai quân các ti và quân các vệ trong Ngũ phủ, quản lãnh voi công dẫn đến trước mặt vua để ứng tuyển, lại chọn voi công ở các trấn giải vào Kinh ứng tuyển, đặt hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã : quân sĩ ở ti Ngự tượng đội mũ màu thuỷ ngân, vẽ hoa kim quỳ, quân sĩ ti Ngự mã đội mũ màu thủy ngân, vẽ hoa hồng quy. Mỗi ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau : hai viên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái miếu, nhà vua tới xem, lấy làm thích thưởng cho tiền và lụa. Chb.**XXV**.29

Từ sau khi lên ngôi, nhà vua mỗi đêm cùng cung nhân vui đùa uống rượu quá độ. Khi rượu say, liền giết cung nhân đi. Lúc ấy quyền bính về tay ngoại thích : mặt đông thì ngoại thích ở Hoa Lăng, mặt nam thì ngoại thích ở Nhân Mục, mặt bắc thì ngoại thích ở Phù Chẩn, đều cậy quyền thế ức hiếp trăm quan, mượn mánh khoé để đòi của báu ; lại còn giết hại sinh dân, của cải vật dụng ở dân gian cướp lấy đến hết. Muôn dân oán hờn mà nhà vua không biết. Nhà vua lại đem lòng nghi ngờ ghen ghét bầy tôi, người nào ngày trước không phụ hoạ với mình thì thường thường giết đi ; mặt khác, lại bí mật

sai người trong cung là Nguyễn Đình Khoa thân hành dò xét các chú và anh em : Kinh vương[1] sợ vạ lây, phải đi trốn tránh, không biết là đi đâu ; Giản tu công Oánh[2], là chỗ con chú con bác, cũng bị bắt giam vào ngục. Vì thế, ai cũng lo sẽ nguy hiểm đến tính mạng, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Lời chua – *Hai giám ti Ngự tượng và Ngự mã* : Số quân bao nhiêu, nay không khảo cứu được.

Hoa Lăng và Phù Chẩn : Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb.XXV, 19. 20).

Nhân Mục : Xem năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb.XXV,22).

Giản tu công Oánh : Con thứ hai Kiến vương Tân, tức Tương Dực đế sau này.

Hạ lệnh cho bọn đô đốc Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi chỉnh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam.

Chb.**XXV**,30

Trước kia, Lê Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành, bắt được Trà Toại và vợ con hắn[3] mang về an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm ; Trà Toại mất, đến khoảng niên hiệu Cảnh Thống[4], con Trà Toại là Trà Phúc lấy trộm hài cốt mang trốn về. Đến nay, những người Chiêm Thành làm nô lệ ở điền trang các nhà công thần thế gia cũng bỏ trốn về nước. Gặp lúc ấy, bọn Ma Mạt, người Chiêm Thành, đi biển bị trôi giạt, quan quân nước ta bắt được, Ma Mạt cung xưng : "Năm trước Trà Phúc trốn về, sai con là Mạ La sang cầu viện với nhà Minh và đóng nhiều thuyền chứa lương thảo". Vì cớ ấy, nhà vua hạ lệnh cho bọn Vũ Cảnh đi kinh lý xếp đặt công việc ở Quảng Nam.

---

(1) Tên là Kiện, con út Thánh Tông, em Hiến Tông và là chú Uy Mục đế.

(2) Con Kiến vương Tân, cháu Thánh Tông.

(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXII, tờ 28.

(4) Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498 - 1504).

Nhà vua hạ chiếu bắt người Chiêm Thành nào còn bị giam giữ đem giết hết.

Lời chua - *Quảng Nam* : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII, 7 -10).

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp, xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh Hoà thứ 9 (Tb.III, 20 - 21).

Tháng 9, mùa thu. Định rõ lại niên hạn tư cách lựa chọn cất nhắc giám sinh và nho sinh.

Dương Đức Giản, Lại khoa đô cấp sự trung, dâng sớ nói : "Năm Hồng Đức thứ 7 (1476) có chiếu chỉ : "Phàm giám sinh ở Quốc Tử giám sung vào tam xá sinh mà tuổi từ 30 trở lên, mới được lựa chọn bổ dụng". Đến năm Hồng Đức thứ 8 (1477) lại có sắc chỉ: "Nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú Lâm cục đã lâu năm, mà có tài cán và thi hội trúng một, hai, ba kỳ, đều được cất nhắc bổ dụng, không câu nệ vào niên hạn". Vả xét giám sinh, nho sinh tuổi chưa đến 30, sung bổ chưa đầy 15 năm, mà chỉ dựa vào việc thi hội trúng một, hai, ba kỳ, thì thường có người cầu may để tiến thân, như thế, phần nhiều có điều không tiện. Xin từ nay, giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên, mới được sung bổ, lại phải sung bổ đủ 15 năm trở lên, mới được lựa chọn cất nhắc". Chb.**XXV**,31

Đến nay, nhà vua hạ lệnh cho bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ bàn định lại : giám sinh trong Quốc Tử giám, người nào thi hội nhiều lần trúng được ba kỳ, ở Giám được 15 năm trở lên mà sung vào thượng xá sinh, thì tiến dẫn lựa chọn, sẽ cất nhắc giữ các chức thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử và huấn đạo ; còn người nào nhiều lần thi hội trúng ba kỳ, đã ở Giám đủ 15 năm mà chưa được sung vào thượng xá sinh, và người nào một lần thi hội trúng ba kỳ mà ở Giám đã được 18 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữa các chức cáp môn, tự ban và giảng dụ.

"Quan viên tử, quan viên tôn sung vào nho sinh ở Chiêu văn quán, Tú lâm cục, mà thi hội trúng ba kỳ đã ở quán hoặc cục đủ 15 năm trở lên và người trúng một kỳ mà ở quán hoặc cục đã đủ 18 năm trở lên, thì lựa chọn bổ dụng các chức chăn dân[1] hoặc thủ lĩnh ; người nào lâu năm mà có tài cán, dầu không trúng ba kỳ thi hội mà ở quán hoặc cục đã đủ 25 năm trở lên, thì lựa chọn cất nhắc giữ chức tá nhị[2] ở châu hoặc huyện.

Thân thuộc dòng dõi của hoàng hậu và con cháu của bầy tôi có công khai quốc, thì sung vào nho sinh quán Chiêu văn theo như thể lệ cũ". Chb.**XXV**,32

Lời chua – *Tam xá sinh* : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 14 (Chb.XXIII, 39 - 40).

Chiêu văn quán, Tú Lâm cục : Xem năm Hồng Đức thứ 8 (Chb.XXIII,6).

Tháng 10, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương Tây.

Sao chổi xuất hiện mười ngày mới lặn.

Tháng 11, mùa đông. Có sắc trắng xuất hiện ở phương tây - nam.

Sắc trắng hình như cái kiếm, dài hơn một trượng.

Tôn thất Giản Tu công là Oánh làm phản.

Lúc ấy nhà vua đuổi các người tôn thất và công thần về Thanh Hoá. Uy quyền của bọn ngoại thích là Khương Trùng và Nguyễn Bá Thắng làm nghiêng lệch cả trong triều đình và ngoài các địa phương, chúng tự tiện làm oai làm phúc ; dân gian không có kế gì xoay sở được tay chân, thiên hạ mất hết

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển XXIV, tờ 40.

(2) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển XXIV, tờ 16.

hy vọng. Nguyễn Văn Lang lấy thân phận là họ thân của Nguyễn thái hậu cũng bị đuổi. Người đại thần Chb.**XXV**,33
trong họ tôn thất là Nghi quận công Lê Năng
Cẩn không được hài lòng, bèn gửi cho Văn Lang bài thơ bảo đem quân giết hết bè đảng bạo nghịch. Văn Lang bèn đem nô bộc người Chiêm Thành là Chế Mạn cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp hiệu triệu nhân dân 3 phủ thuộc Thanh Hoá hội họp ở thành Tây Đô, rồi đem quân trấn giữ cửa biển Thần Phù. Gặp lúc ấy, Giản Tu công tên là Oánh trước bị giam trong ngục, Oánh đem nhiều lễ vật đút lót cho người canh ngục, được thoát ra, trốn về Tây Đô. Khi Oánh đi đến cửa biển Thần Phù, Văn Lang đón rước lập làm minh chủ[1]. Nhân đấy, Oánh đem đại thần là bọn Nguyễn Diễn, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm cùng những viên quan ở Thanh Hoá là tổng binh thiêm sự Nguyễn Bá Tuấn, thừa tuyên sứ Lê Tung, tham chính Nguyễn [Thì] Ung cùng nhau khởi binh, sai Lương Đắc Bằng làm tờ hịch dụ bảo đại thần trăm quan, rồi giả xưng là Cẩm Giang vương, kéo lá cờ chiêu an, tiến quân đến sát Đông Kinh.

Lời chua - *Nguyễn Văn Lang* : Người xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn, là con thái uý Nguyễn Đức Trung.

Nguyễn Bá Tuấn : Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông, sau đổi tên là Bá Thuyên.

Nguyễn [Thì] Ung : Người xã Đa Ngưu, huyện Tế Giang, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

---

(1) Ngày trước, những người cùng một chí hướng với nhau, hội họp để khởi binh chống lại bọn vua chúa lúc bấy giờ, trước hết, họ lập đàn tế lễ uống máu ăn thề. Trong số những người ấy, người nào được mọi người kính mến thì được suy tôn lên làm chủ việc tế lễ thề nguyền gọi là minh chủ.

Cẩm Giang vương : Tên là Sùng, con trưởng của Kiến vương Tân. Sùng bị Uy mục đế giết, lúc Tương Dực đế lên ngôi vua, truy phong là Trang Định đại vương, kịp lúc Chiêu Tông lên ngôi, truy tôn là Minh tông triết hoàng đế.

Lương Đắc Bằng : Người xã Hội Triều, huyện Hoằng Hoá, đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (tức bảng nhãn) khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Ba phủ thuộc Thanh Hoá : Hà Trung, Thiệu Hoá và Tĩnh Gia. Chb.XXV,34

Cửa biển Thần Phù : Nay ở xã Thần Phù, huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Oánh, tiến quân đến núi Thiên Kiện. Nhà vua sai lũ Lê Võ, Đông nham bá, và Dương Trực Nguyên, đô ngự sử, đi đánh. Võ và Nguyên đánh không thắng, bị chết.

Giản Tu công Oánh đem quân thuỷ, quân bộ các dinh cùng tiến : quân thuỷ kéo đến núi Thiên Kiện. Nhà vua dùng 2 chiếc thuyền nhỏ Hà Thanh và Hải Thanh đi vội đến Thiên Kiện, bắt được một viên tướng trong hàng ngũ quân thuỷ và chém được 20 thủ cấp đem về ngoài cửa Đông Hoa. Rồi hạ lệnh cho Đông nham bá Lê Võ sung làm tán lý, Ngự sử đài đô Ngự sử Dương Trực Nguyên sung làm ký lục, cùng bọn hữu thị lang Phạm Thịnh và Trần Năng thống lĩnh quân cấm binh cùng các vệ quân Thần võ, Hiệu Lực, Điện Tiền đi chống cự, nhưng không đánh thắng được.

Lúc ấy thân thích của Oánh có : mẹ là Trịnh Thị, anh là Cẩm Giang vương Sùng, em là bọn Tĩnh lượng công Doanh và Quyên đều ở Đông Đô, nhà vua hạ lệnh cho giết hết. Sau khi Sùng đã bị giết, Oánh còn đem cờ chiêu an của Cẩm Giang vương chiêu dụ bọn tên Võ đầu hàng. Võ đem đầu của Cẩm Giang vương bảo cho Oánh biết và nói rằng : "Nói dối nhau

làm gì ? "Bọn Võ tiến đánh, bị chết trận. Bọn Dương Trực Nguyên, Phạm Thịnh và Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu.

Lời chua – *Núi Thiên Kiện* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X, 17). Chb.**XXV**,35

Cửa Đông Hoa : Ở cửa đông thành Thăng Long.

Châu Cầu : Nay là xã Châu Cầu, thuộc huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nội(1).

Trần Năng : Người xã Quan San, huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (tức thám hoa) khoa Quý Sửu (1493) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Mẹ của Oánh : Theo *Đại việt Thông sử* của Lê Quý Đôn, thì mẹ của Oánh là Đặng Thị, người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, con gái của đô đốc thiêm sự Trịnh Trọng Phong. Năm Hồng Đức thứ 15 (1484) được tuyển làm vợ Kiến vương Tân, sinh ra Tương Dực đế. Kịp lúc Tương Dực đế khởi binh, Trịnh thị bị Uy Mục đế giết ; sau Tương Dực đế lên ngôi, truy tôn là Từ Huy hoàng thái hậu.

Doanh và Quyên : Đều là con Kiến vương Tân và là em Tương Dực đế, đều bị Uy Mục đế giết.

Tháng 12. Giản Tu công Oánh giết nhà vua và hoàng hậu Trần thị, tự lập làm vua.

Quân của Oánh tiến đến làng Bảo Đà và phường Hồng Mai. Nhà vua ra cửa Thanh Dương yên uỷ tướng sĩ, lấy kiếm trao cho bọn Trình Chí Sâm và Lê Quảng Độ. Một mặt đem vàng bạc tiền lụa trong kho ban cho người phạm tội bị giam mỗi người 3 quan và buông tha ra bắt phải đi đánh giặc. Các phạm nhân lạy tạ nhận xong thì họ đều về nhà. Một mặt khác hạ lệnh cho Trung sứ và Hoa văn học sinh đem sắc văn và phù hiệu đến các xứ Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang và An Bang điều động lấy mỗi xứ 5000 lính bản thổ đem vào bảo vệ

(1) Nay thuộc thị xã Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

kinh thành. Bọn Trung sứ và Hoa văn học sinh chưa đi đến Bồ đề, thì quân của Oánh đã tiến đến sát kinh thành, dân chúng đều bỏ trốn ; hoàng hậu Trần thị chạy ẩn núp ở nhà một người dân Hồng Mai, tự thắt cổ chết. Chb.XXV,36

Lê Quảng Độ cùng Oánh, người trong thành, người ngoài thành, ứng tiếp lẫn cho nhau, bắn pháo để báo hiệu. Quân sĩ thì hoặc lấy ngọn tre hoặc đẵn cây đánh lẫn nhau để cho các quân sĩ sợ hãi. Nhân đấy, Quảng Độ bắt cóc nhà vua chạy sang mặt bắc.

Khi Oánh vào Đông Kinh, nghe tin mẹ cùng em là bọn Doanh và Quyên, anh là Sùng đều bị giết, sai quan làm lễ táng, tế.

Nhà vua chạy đến phường Nhật Chiêu, vệ sĩ đuổi theo bắt được, đem trói ở cửa Lệ Cảnh. Oánh cho tên vệ sĩ ấy là người bất nghĩa, sai đem chém đi. Nhà vua uống thuốc độc tự tử. Oánh căm giận về việc nhà vua giết mẹ cùng anh em của mình, bèn sai người dùng cỗ đại bác đem thây đặt ở hoả khẩu, khi súng nổ, hài cốt bị tan tành, chỉ lấy tro tàn đem về táng ở An Lăng tại làng Phù Chẩn là nơi quê mẹ mà thôi. Oánh giáng tước nhà vua làm Mẫn Lệ công, rồi lên ngôi hoàng đế, ân xá cho trong nước, đổi niên hiệu là Hồng Thuận.

Lời chua - *Xã Bảo Đà* : Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Nội[1].

Phường Hồng Mai : Nay đổi là Bạch Mai thuộc huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội[2].

Hoa văn học sinh : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 25[3] (Chb. XXIV. 16-17).

(1) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.
(2) Xem chú thích số 6 Chính biên quyển XXIII, tờ 43.
(3) *Cương mục* chép lầm là năm thứ 8.

Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, An Bang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 19, 29, 30. 31).

Bồ Đề : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 4).

Phường Nhật Chiêu : ở huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội(1).

Phù Chẩn : Xem năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb.XXV, 19).

Truy tôn : cha là Kiến Vương Tân làm Kiến hoàng đế, mẹ là Trịnh thị làm hoàng thái hậu; tặng tước vương cho 3 người: anh và em.

Truy dâng: Tôn thụy.

Kiến vương là Phối thiên dụ thánh ôn lương quang minh văn triết khoan hoằng chương tín tuy hưu mục hiếu Kiến hoàng đế, tôn hiệu Trịnh Thị là Huy Từ trang huệ gia lượng nhu thánh hoà mục tín khiêm minh chính ý thuần phúc khánh hoàng thái hậu ; tặng phong : anh trưởng là Cẩm Giang vương Sùng làm Trang Định đại vương, em thứ là Tĩnh Lượng công Doanh làm Mục Ý vương, và em út là Quyên làm Dực Cung vương.

(1) Nay là xã Nhật Tân, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 26

Từ Canh Ngọ, Lê Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510) đến Kỷ Mão, Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (1519), gồm 10 năm. Chb.**XXVI**,1

Canh Ngọ, Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510). (Minh, năm Chính Đức thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Phong quan tước cho bọn Nguyễn Văn Lang cấp bậc cao thấp khác nhau.

Nhà vua đã lên ngôi, bàn luận công trạng những người bình định hoạ loạn, phong cho

– Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công.

– Lê Quảng Độ làm Thiệu quốc công.

– Lê Phụ làm Lượng quốc công.

– Lê Bá Lân làm Uy quốc công.

– Trịnh Duy Đại làm Lại quận công[1].

– Trịnh Hựu làm Thọ quận công.

– Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công.

– Nguyễn Hoằng Dụ làm An Hoà hầu.

– Trịnh Duy Sản làm Mỹ Huệ hầu.

– Nguyễn Bá Tuấn làm Lễ bộ thượng thư, Dc Lễ bá.

---

(1) *Việt sử thực lục* chép Văn quận công.

– Lê Tung làm Lại bộ thượng thư, Đôn thư bá.

– Nguyễn [Thì] Ung làm Đô ngự sử ở Ngự sử đài, Lương Văn bá.

– Đàm Thận Huy làm Hình bộ thượng thư, Lâm Xuyên bá.

– Lương Đắc Bằng làm tả thị lang bộ Lại.

Lại hạ chiếu cho các huyện Yên Ninh, Yên Mô, Phụng Hoá và Gia Viễn thuộc trấn Sơn Nam, phàm người nào có quân công trong khi theo hầu xa giá ở xã Tiêu Viên và Bảo Đà đều được ban thưởng tuỳ theo công trạng khác nhau.

Lời chua -*Sơn Nam* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17-18, 25- 28). Chb.XXVI,2

Phụng Hoá : Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Gia Viễn : Tên huyện, thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Bảo Đà: Tên xã. Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb.XXV, 36).

Yên Ninh: Nay là huyện Yên Khánh.

Yên Mô: Nay là huyện Yên Mô. Cả hai đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Tiêu Viên : Tên xã, thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hoà, tỉnh Hà Nội[1].

Trịnh Hựu : Người xã Kim Bôi, huyện Vĩnh Lộc.

Trịnh Duy Đại : Người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương.

Trịnh Duy Sản : Em Duy Đại.

Nguyễn Hoằng Dụ : Con Nguyễn Văn Lang.

(1) Nay thuộc huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

Nguyễn Bá Tuấn : Người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh, Bá Tuấn, sau đổi tên là Bá Thuyên, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Tung: Người xã Yên Cừ, huyện Thanh Liêm, nguyên họ Dương, tên là Bang Bản, sau được ban cho họ của vua, đổi tên là Tung, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Đàm Thận Huy : Người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức.

Bắt đầu đặt chức đề lãnh ở 4 cửa thành.

Đặt chức chưởng đề lãnh, đồng đề lãnh và phó đề lãnh, đều dùng chức quan trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để quản lãnh việc quân ở 4 cửa thành : phàm những việc tuần phòng nã bắt kẻ gian, tra hỏi kiện tụng và các việc ngăn cấm hoả tai, việc cầu cống đường sá đều do viên đề lãnh chịu trách nhiệm.

Tháng 2. Sai sứ thần sang nhà Minh. Chb.**XXVI**,3

Nhà vua sai bọn Đàm Thận Huy, Hình bộ thượng thư, Nguyễn Văn Thái, Đông các hiệu thư, và Lê Thừa Hưu, Binh khoa cấp sự trung, sang nhà Minh xin phong tước.

Lời chua - *Nguyễn Văn Thái* : Người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Lê Thừa Hưu : Người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) năm Cảnh Thống.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn hoạn giả Nguyễn Khắc Hài nổi loạn, bị giết chết.

Nhà vua mới lên ngôi, lòng người chưa ổn định. Nguyễn Khắc Hài, thái giám trong cung, ngầm có chí bạn nghịch. Một đêm, vào trống canh hai, nhà vua ra chơi cung Trùng Hoa, rồi lại đi chơi các điện Vạn Thọ, Kính Thiên và Cẩn Đức, cùng

bầy tôi theo hầu làm thơ xướng hoạ. Sau, Nguyễn Lĩnh, bầy tôi trong điện, lại rước nhà vua đến chơi ao sen. Lúc ấy bọn Khắc Hài ở trong cung lẻn ra, rước Hoa Khê vương tên là Tùng lập làm vua giả. Nhà vua được tin có biến động, bèn hạ lệnh cho bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đem quân đánh dẹp, đuổi đến phường Đông Hà giết được Khắc Hài và quá nửa đồ đảng của hắn. Những đồ đảng còn sót lại sang qua sông chạy lên núi Tam Đảo. Trịnh Hựu sai tì tướng đuổi đánh, giết hết bọn này.

Lời chua - *Vạn Thọ và Kính Thiên* : Đều xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb XV, 14). Chb.**XXVI**,4

Cần Đức : Xem năm Quang Thuận thứ 6 (Chb. XIX, 33).

Núi Tam Đảo : Xem Lê Nhân Tông năm Thái Hoà thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

Đông Hà : Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức tỉnh Hà Nội[1].

Đại xá.

Đặt vệ quân Thiên Võ và Thánh Oai.

Đặt hai vệ Thiên Võ và Thánh Oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm Y và Kim Ngô. Đổi hiệu lệnh lực sĩ làm thể sát lực sĩ ; các vệ quân này đều túc trực ở điện Kim Quang.

Đặt lại ti Thường Xuyên xá nhân. Hồi đầu năm Quang Thuận (1460 - 1469) đặt ti Thường Xuyên xá nhân; Khoảng năm Cảnh Thống (1498 - 1504) bãi bỏ ; đến nay đặt lại ti này.

Lời chua - *Vệ Thiên Võ* : Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti : Thân tả, Khâm võ, Hải Giá, Khu điện, Thần Nhuệ, Phụng Nhật, Minh Oai và Hùng Tài.

(1) Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vệ Thánh Oai : Có 8 ti sở thuộc là lực sĩ các ti : Quyền Hựu, Bảo Oai, Thừa Hà, Chiết Điện, Hiệu Dũng, Quang Đao, Sắc Thiên và Chính Lực. Chia ra tả và hữu túc trực điện Kim Quang.

Cẩm Y, Kim Ngô, Hiệu Lệnh lực sĩ và Thường Xuyên xá nhân : đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 31, 33).

Ai Lao xin phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua từ chối không nhận. Chb.**XXVI**,5

Cục Mông, người Ai Lao, sai sứ thần đến Nghệ An dâng thư xin nộp giấy cam kết để được phụ thuộc vào nước ta. Nhà vua mới lên ngôi, e rằng họ có ý dòm ngó nước ta, nên hạ chiếu chỉ từ chối.

Lời chua - *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ hai (Tb. IV, 9,10).

Nghệ An : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 21-23).

Tháng 8, mùa thu. Sao Thái Bạch đi ngang trời.

Tháng 10, mùa đông. Khởi phục[1] Lương Đắc Bằng kiêm chức Đông các học sĩ vào chầu Kinh Diên[2]. Đắc Bằng từ chối không phụng mệnh.

Trước kia, Đắc Bằng giữ chức Lại bộ tả thị lang, vì có tang xin cáo quan về. Đến nay cho khởi phục. Đắc Bằng lấy cớ chưa đoạn tang, cố ý từ chối ; nhân Chb.**XXVI**,6 dâng 14 kế hoạch về việc trị bình. Đại lược nói : "Tôi nghe : các vua thánh đời xưa không vì thiên hạ đã thái bình mà xao nhãng lòng răn sợ ; bầy tôi hiền đời xưa không vì cớ vua mình đã là bậc thánh triết mà quên nhãng lòng khuyên can. Vì thế, nên đời Ngu Thuấn đã là thời đại thịnh trị yên vui, mà Bá Ích trình bày lời khuyên can thì nói : "Chớ ưa thích nhàn rỗi, chớ

(1) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển XXV, tờ 21.
(2) Nơi vua chúa đọc sách.

đắm đuối vui chơi, trong bụng chớ lúc nào trễ biếng, công việc chớ việc gì để bê trệ"[1]. Lời nói của Bá Ích tỏ ý lo lắng như việc nguy vong sắp xảy đến nơi. Đế Thuấn thu nhận lời nói này mà ngăn ngừa những việc đáng ngăn ngừa ; do đấy mà Đế Thuấn thành một bậc đại thánh. Đời Hán Văn đế, nhân dân đã giàu có lại đông đúc, mà Giả Nghị dâng bài sách, quả quyết nói : "Tình thế hiện nay không khác gì đốt lửa ở dưới đống củi (mà người nằm lên trên), thật đáng sa nước mắt, thật đáng đau lòng"[2]. Lời nói của Giả Nghị sợ hãi như hoạ loạn đã nảy mầm ra. Văn đế thu nhận lời nói ấy, mà lo lắng những việc đáng lo lắng ; do đấy mà Văn đế thành một ông vua hiền.

"Bởi vì, người bầy tôi dâng lời nói, nếu không ân cần, không thống thiết, thì không sao giúp được trí sáng suốt của ông vua thu dùng lời nói của mình, người làm vua nghe lời khuyên, nếu không vui nhận, không ôn hoà, thì không sao mở được con đường dâng lời can ngăn của bầy tôi trung trực.

"Nay bệ hạ là bậc đức nhân rộng rãi, độ lượng cao cả, không ưa việc giết hại người, cho nên khôi phục được sự nghiệp đức Cao Tổ[3] cứu sống được tính mạng muôn dân. Nhân dân trong nước, như đương bị treo ngược mà có người cởi dây cho mình, không ai là không vươn cổ lên kiễng chân lên, ngửa mặt để trông mong thành hiệu của chính thể mới, múa hát thịnh trị trong thời thái bình.

"Nhưng, từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, khí hậu chưa được hoà thuận, can qua chưa được dẹp yên, kỷ cương trong triều chưa chấn chỉnh, chính lệnh về quân ngũ chưa sửa sang. Cứ xem ít lâu nay tai biến thường xảy ra, đá ở núi bị sụt lở, tôi e rằng như thế là khí hậu trời đất chưa Chb.XXVI,7

(1) Nguyên văn : "Võng du vu dật, võng dâm vu lạc, vô đại vô hoang : (Thiên "Đại vũ mô" sách *Thượng thư* quyển 2, tờ 4).
(2) Nguyên văn : "Thổ hoả tích tân, khả vị lưu thể, khả vị thống khốc".
(3) Chỉ Lê Thái Tổ.

được điều hoà ; kẻ gian tà vụng trộm phát sinh, bọn phản nghịch ngấm ngầm trỗi dậy, tôi e rằng như thế là dân sự chưa được an ninh. Thế mà bầy tôi trong triều biết mà không nói, họ tự cho kế của họ là hay lắm, nhưng đối với quốc kế thì sao?

"Là một bầy tôi cố cựu, tôi tự xét lấy làm hổ thẹn, vì đạo nghĩa người bầy tôi là phải cùng nước chung sự vui buồn. Nay dầu tôi đương ở trong lúc xô gai, tang ba năm chưa đoạn, mà bệ hạ vì nghĩa công, bỏ tình riêng, đặt tôi vào hàng quan hầu chực bên cạnh. Ý bệ hạ là muốn cho tôi có những bàn luận, những mưu mô, để bổ ích cho thiên hạ, giúp rập đời thái bình. Nếu tôi không nói, chỉ trơ trơ theo đuôi người khác, thấy người ta tiến cũng tiến, lui cũng lui, cẩu thả để dung thân, ăn phí hoài bổng lộc, thì tôi sẽ thiếu sót cả trung lẫn hiếu, còn lấy gì để báo đáp ơn của bệ hạ mà hết chức phận người làm tôi được nữa? Mỗi lần tôi nghĩ đến công việc trong lúc này, thì suốt đêm không ngủ, đến bữa không ăn, tấm lòng kẻ hèn hạ báo đáp ơn vua không thể nào nguôi đi được.

Tôi xin có 14 chính sách về việc trị bình, xin kính cẩn tâu bày dâng nộp :

"1. Hết lòng răn sợ, để dập tắt biến cố tai dị.

"2. Dốc làm điều hiếu thảo, để khuyến miễn lòng trung hậu.

"3. Xa bỏ hát hay sắc đẹp, để giữ vững căn bản lòng người.

"4. Trừ bỏ kẻ gian nịnh, để nguồn gốc phong hoá được trong sạch.

"5. Dè dặt ban quan tước, để kính cẩn về phép tắc khuyên răn.

"6. Lựa chọn bổ dụng công bằng, để con đường làm quan được trong sạch.

"7. Dùng tiền tài có tiết độ, để khuyến miễn phong tục sẻn nhặt, mộc mạc.

"8. Khen thưởng người tiết nghĩa, để trọng đạo cương thường.

"9. Cấm ăn của đút, để trừ bỏ thói tham ô.

"10. Sửa sang vũ bị, để vững vàng hình thế thành hào. Chb.XXVI,8

"11. Lựa chọn người can ngăn ở Ngự sử đài, để cổ võ chí khí người mạnh dạn dâng lời nói thẳng.

"12. Giảm nhẹ việc lực dịch, để hài lòng mong muốn của dân.

"13. Hiệu lệnh đúng đắn, để thống nhất ý chí bốn phương.

"14. Cẩn thận phép tắc, để mở thịnh trị đời thái bình.

"Bấy nhiêu chính sách tôi dâng tâu, dám mong bệ hạ soi xét.

"Tôi lại nghe : cổ ngữ nói : "Sô nghiêu chi ngôn, thánh nhân trạch yên", nghĩa là dầu lời nói của người tầm thường như người hái rau hái củi, nhưng người thánh trí cũng chọn lọc mà dùng ; kinh *Thư* nói : "Tri chi phi gian, hành chi duy gian", nghĩa là biết được điều phải không khó, thực hành được điều phải mới là khó. Xin bệ hạ chớ cho lời nói của tôi là viển vông, mà lựa chọn thi hành, răn những điều nên răn, lo những điều nên lo, như thế thì may ra có thể thuận hoà được trời đất, có thể yên vui được lòng người và có thể tiến lên đời thái bình được".

Nhà vua nhận lời.

Gia phong Lê Quảng Độ chức Bình chương quân quốc trọng sự, thái tể thái sư, giữ tất cả chính quyền trong nước.

Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ nhà Trần, đặt chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Khoảng

năm Hồng Đức (1470 - 1497) Thánh tông định lại tên quan, bãi bỏ chức ấy ; đến nay lại đặt và gia phong thái tể thái sư.

Lời cẩn án : - *Theo mục "Chức quan chí" trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú, thì chức tể tướng : về hồi triều nhà Đinh xếp đặt như thế nào không thể khảo cứu rõ được. Đến Lê Đại Hành mới đặt chức tổng quản giữ mọi công việc trong nước, có lẽ đây là chức tể tướng lúc bấy giờ. Triều Lý, Thái Tổ gọi là Tướng công ; Thái tông mới đặt chức phụ quốc thái uý nắm chính quyền trong nước, tức là tể tướng ; Nhân tông gia phong phẩm trật của tể tướng là bình chương quân quốc trọng sự, thì chức trách và danh phận càng thêm long trọng.* Chb.**XXVI**,9

Triều nhà Trần, Thái Tông đổi làm tả hữu tướng quốc kiêm thụ kiểm hiệu đặc tiến khai phủ nghi đồng tam ti bình chương sự ; từ năm Kiến Trung (1225 - 1231) trở đi, đều dùng thân vương trong họ tôn thất giữ chức này và gia phong quốc công ; còn những người hiền tài ở họ khác, họ xa, dầu được cất nhắc vào địa vị giữ chính quyền cũng chưa từng bao giờ được dự vào hàng bình chương cả. Như thế là có ý chú trọng về việc thân yêu người thân thích của mình ; sau đó, họ ngoại chuyên quyền, đi dần đến chỗ thay đổi ngôi vua[1].

Lê Thái tổ lúc đầu cũng đặt chức bình chương, sau khi bình định cả nước mới đặt chức tướng quốc và gia phong phẩm trật là kiểm hiệu bình chương quân quốc trọng sự, chức trách và danh phận cũng theo như triều nhà Trần ; Lê Thánh Tông định tên quan, mới bỏ chức bình chương tướng quốc, không xếp đặt thành tên quan nữa. Đến nay đặt lại chức bình chương phụ tướng, lại có danh xưng là thái tể thái sư. So với trước kia thì chức trách và danh phận của quan bình chương có phần thêm

(1) Chỉ Hồ Quý Ly.

long trọng ; nhưng do đấy mà kẻ cường thần chuyên giữ mệnh lệnh trong nước[1], *con đường suy loạn bắt đầu từ đây.*

Dựng điện Thiên Quang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 6). Chb.XXVI,10

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua hạ lệnh cho Thuỵ quận công Ngô Bính và Kim nguyên bá Trịnh Bá Quát ở lại kinh thành, trấn giữ Đông Kinh. Lúc ấy có Thân Duy Nhạc, trước giữ chức đoán sự trong vệ Cẩm Y, cùng bọn Ngô Văn Tổng dấy quân làm loạn ở các huyện Yên Phú, Đông Ngàn và Gia Lâm thuộc Kinh Bắc, bọn Ngô Bính và Trịnh Bá Quát sai quân đi đánh, bắt được bọn Duy Nhạc, đóng cũi giải đến chỗ hành tại, giết chết.

Lời chua – *Tây Kinh* : Xem Lê Thái tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Đông Kinh : Tức Đông Đô, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb. XI, 29).

Kinh Bắc : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 18, 28).

Đông Ngàn : Tức Cổ Pháp, xem Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb. VII, 6).

Gia Lâm : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Yên Phú : Huyện Yên Phong xưa, thuộc phủ Bắc Giang, khoảng niên hiệu Hồng Đức đổi làm Yên Phú, thuộc phủ Từ Sơn, đến đời Lê Chiêu Tông sau đây khoảng niên hiệu Quang Thiệu (1516 – 1522) lại đổi làm Yên Phong.

(1) Chỉ Mạc Đăng Dung.

Thân Duy Nhạc : Người xã Đại Liễn, huyện Vũ Ninh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508), năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Trong tháng ấy (tháng 2), nhà vua trở về cung.

Nhà vua về đến bến Thuý Ái, lúc ấy gió nổi lên mạnh quá, thuyền nhà vua bị tròng trành. Chb.**XXVI**, 11

Tháng 4, mùa hạ. Sách *Đại Việt thông giám* đã biên soạn xong.

Trước đây, Vũ Quỳnh, Binh bộ thượng thư, Quốc Tử giám tư nghiệp kiêm sử quan đô tổng tài, phụng chiếu biên tập sách *Đại Việt thông giám,* chép từ Hồng Bàng thị đến Mười hai sứ quân làm *Ngoại kỷ*, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm thứ nhất Lê Thái Tổ bình định được cả nước làm *Bản kỷ*, trình bày rõ ràng theo sự biên niên các triều đại, gồm 26 quyển. Đến nay, biên tập xong, dâng nộp. Sau nhà vua hạ lệnh cho Lê Tung làm bài "Tổng luận".

Lời chua – *Vũ Quỳnh* : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn[1] năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Phong Mạc Đăng Dung tước Vũ Xuyên bá.

Lúc ấy, người giữ việc xem xét khí tượng phần nhiều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử. Nhà vua sai Nguyễn Văn Lang đi Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng dự vào cuộc đi này mà chung quy không ai nhận biết cả.

Lời chua – *Đồ Sơn* : Tên xã, thuộc huyện Nghi Dương, phủ Kiến Thuỵ, tỉnh Hải Dương.

Ban phát *Trị Bình bảo phạm* (khuôn phép quý báu về việc trị bình) cho trong nước.

---

(1) Vũ Quỳnh đỗ tiến sĩ năm Mậu Tuất (1478) Hồng Đức thứ 9. *Cương mục* chép lầm là Mậu Thìn.

Sưu tầm điển lệ đời trước, trích lấy những điều gì có quan hệ đến chính trị, phong tục, biên tập làm *Trị bình bảo phạm* : Chb.**XXVI**,12

1. Người bầy tôi thờ vua nên giữ lòng trung thành lương thiện, không nên a dua để mong được vua dung nạp, cầu may tiến lên chức vị, ăn hại bổng lộc triều đình.

2. Người trong hoàng tông và bầy tôi có công nên dạy bảo con cháu hiểu biết lễ phép, không nên cậy thế kiêu ngạo, lấn áp ngược đãi với dân thường, hoặc đón đường chặn lối, ăn cướp tài sản của dân.

3. Các nha môn trong kinh và ngoài các đạo nên giữ mình đứng đắn để dẫn đầu cho liêu thuộc, kính cẩn chăm chỉ chức phận, không nên theo ý muốn của mình, buông thả tình riêng mà trễ bỏ việc công.

4. Bộ Lại nên kính cẩn giữ lẽ công bằng : phải cân nhắc từng người trong khi bổ dụng, phải cẩn thận dè dặt trong việc cấp phát danh vị hoặc đồ dùng[1] để cho con đường làm quan được trong sạch.

5. Giám sinh, nho sinh và sinh đồ[2] phải noi theo khuôn phép nhà trường, luyện tập học hành, mong trở thành người tài giỏi, để bổ ích cho công việc trong nước.

6. Các quan đề điệu, giám thí và giám khảo[3] nên thể theo ơn đức chí ý của triều đình, giữ lòng công bằng, cốt sao lấy được người có tài thực học, để nhà nước dùng.

Trị bình bảo phạm gồm 50 điều, ban hành trong cả nước.

Tháng 5. Gia phong Lê Phụ chức tả bình chương quân quốc trọng sự, nhập nội kiểm hiệu thượng tướng[4] ; Nguyễn

(1) Tiêu chuẩn các viên quan được dùng xe, kiệu, võng lọng, v.v...
(2) Xem lời chua của *Cương mục* quyển XIX, tờ 21-22.
(3) Các viên chánh phó chủ khảo và các viên được cử đi chấm quyển học trò trong các khoa thi. Xem thêm lời chua ở *Cương mục* quyển XXXIV tờ 8.
(4) Như Tể tướng đứng đầu triều.

Văn Lang chức khai phủ nghi đồng tam ti bình chương quân quốc trọng sự thừa tướng thượng tể[1].

Tháng 11, mùa đông. Trần Tuân ở Sơn Tây nổi loạn, nhà vua sai Trịnh Duy Sản đi đánh, giết được Trần Tuân. Chb.XXVI,13

Tuân, người xã Quang Bị, huyện Bất Bạt, là cháu Trần Cẩn, một viên thượng thư đã mất. Tuân là người hung hãn chiếm cứ các động ở ven núi vùng Hưng Hoá, tụ tập quân vô lại[2] kể hàng vạn người, tung ra cướp bóc các nơi. Lúc ấy quân của Tuân di chuyển về mặt Sơn Tây, nhân dân ở kinh thành náo động, tranh nhau bồng con bế cái chạy đi nơi khác lánh loạn. Nhà vua sai Mỹ Huệ hầu Trịnh Duy Sản đem quân tiến đánh, bị thua, Duy Sản rút quân về giữ ở xã Đông Ngạc và phường Nhật Chiêu. Quân của Tuân nhân khí thế đương mạnh, muốn tiến sát vào kinh thành. Nguyễn Văn Lang sai quân thân tín ở 6 vệ Điện Tiền chuẩn bị thuyền của vua, muốn rước vua lánh vào Thanh Hoa ; một mặt điều động những người làm thợ tại các sở, bày hàng trận ở Đông Hà, để tỏ cho bên địch biết có quân phòng bị giữ kinh thành. Đến đêm, toán quân này tự nhiên sợ hãi tan vỡ.

Duy Sản thu thập toán quân tan vỡ lại còn được hơn 30 người, họ xé áo làm dấu hiệu, thề đánh nhau với giặc. Hôm ấy, trời đã gần tối, quân của Duy Sản chợt kéo đến trại luỹ Trần Tuân. Tuân, mình mặc áo bào đỏ, ngồi trên giường. Duy Sản xông thẳng vào đâm chết. Quân trong trại bèn tan vỡ. Các toán quân nơi khác không biết là Tuân đã chết, cứ tụ họp như cũ. Nhà vua được tin báo, bèn sai Nguyễn Văn Lang đốc thúc tướng sĩ các dinh hội họp với toán quân của Duy Sản, nổi trống hò reo tiến đánh, phá tan được bọn này, đuổi đến địa phận xã

(1) Cũng như Tể tướng dúng đầu triều.
(2) Người bơ vơ không nương nhờ vào đâu được, không có kế gì sinh sống.

Thuỵ Hương và Quả Động, chém giết không biết bao nhiêu mà kể.

Lời chua – *Sơn Tây, Hưng Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16,18, 19, 27, 30). Chb.**XXVI**,14

Bất Bạt : Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

Đông Ngạc(1), *Thuỵ Hương*(2), *Quả Động*(3) : Đều tên xã, nay thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Nhật Chiêu : Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb.XXV, 37).

Phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công.

Nhà vua xét công những người đánh được Trần Tuân, tiến phong Trịnh Duy Sản tước Nguyên quận công ; những binh sĩ nào theo Duy Sản đánh giặc chém giết được nhiều người, đều trao cho chức đô chỉ huy đồng tri. Việc xét quân công, cứ người nào cắt được nhiều tai giặc thì trao cho chức trọng, bắt đầu từ đây.

Trước kia, quân của Trần Tuân tiến sát đến kinh thành, dân chúng phần nhiều bồng con bế cái chạy lánh nơi khác, duy có đại học sĩ là bọn Đỗ Nhạc 11 người vẫn ứng trực ở triều đường, nay nhà vua hạ sắc lệnh cho được dự vào việc nghị thưởng để biểu dương họ.

Lời chua – *Đô chỉ huy đồng tri* : Theo điển lệ quan chức triều Lê, thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật tòng tam phẩm về hàng quan võ.

Định thể lệ thuế vàng và bạc.

Theo thể lệ cũ, đồng niên trong nước, thuế vàng : vàng mười hạng tốt (thập thành sắc kiêm Chb.**XXVI**,15

(1) Tục gọi là làng Vẽ. Nay là xã Đông Ngạc.
(2) Tục gọi làng Chèm. Nay thuộc xã Thụy Phương.
(3) Nay thuộc xã Xuân Đỉnh. Cả 3 xã đều thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

kim) 460 lạng ; vàng nộp để thay thế voi công[1] 20 lạng, vàng mười hạng thường (thập thành sắc kim) 2863 lạng ; thuế bạc 4930 lạng. Đến nay định thể lệ : vàng mười hạng tốt 449 lạng 5 phân 4 hào 6 ly ; vàng mười hạng thường 2901 lạng 6 đồng 9 phân 5 ly 1ti ; bạc mười (thập thành hoa ngân) 6125 lạng 9 đồng 8 phân 8 hào 4 ly.

Lời phê -*Lúc ấy đất đai chưa mở rộng, làm gì có số vàng nhiều như thế? chưa chắc đã đúng sự thật.*

Lời chua - *Kiêm kim* : Thứ vàng tốt, giá vàng này cao gấp đôi giá vàng thường.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1512). (Minh, năm Chính Đức thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bọn Đỗ Nhạc tuần hành địa phương Sơn Tây và Hưng Hoá đánh bọn Nguyễn Nghiêm, dư đảng của Trần Tuân, hết thảy đều bình định được.

Tháng 3. Truy lục dụng con cháu những bày tôi có công khai quốc.

Tờ chiếu nói : Con cháu những bày tôi có công khai quốc, người nào còn chìm đắm trong hàng quân ngũ thì được phép đem cáo mệnh hoặc sắc văn của ông cha đệ trình để xét thực. Nếu xét thấy là người biết chữ sẽ cho sung vào học sinh quán Chiêu văn ; người không biết chữ cho sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y.

Người thân thích trong hoàng tộc, nhà vua còn phải để tang ti ma[2], nếu người nào chưa được thừa ấm, Chb.**XXVI**,16
sẽ chiểu theo thể lệ sung vào tuấn sĩ vệ Cẩm Y,
hoặc người nào trước đã sung vào các vệ, nay đều gọi về cho sung vào tuấn sĩ để tỏ lòng ưu đãi quyến chú.

(1) Nguyên văn : "đại nạp công tượng", có lẽ lúc bấy giờ triều đình hạ lệnh cho địa phương nào đó phải nộp voi, nếu không có voi thì phải nộp vàng để thay thế.

(2) Tang 3 tháng, một thứ tang nhẹ nhất trong hàng ngũ phục.

Lời chua – *Học sinh, tuấn sĩ* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb.XXIII, 5).

Bọn Lê Hi, Trịnh Hưng và Lê Minh Triệt ở Nghệ An nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, giết được bọn này.

Bọn Hi và Hưng dấy quân ở Nghệ An. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần Dực đi đánh. Binh thuyền của bọn Trần Nghi tiến vào Nghệ An, Hi và Hưng chia quân ra các đạo đằng trước đằng sau đánh khép lại. Thế lực của bọn Trần Nghi không sao địch nổi, phải đi thuyền vượt ra biển, gặp sóng gió đổ thuyền, toàn quân bị chết, Trần Nghi và Trần Dực đều chết đuối ở biển. Bọn Lê Hi nhân thế thắng, tiến quân đến sát huyện Lôi Dương. Nhà vua lại hạ lệnh cho Nguyên quận công Trịnh Duy Sản thống lãnh quan quân, Đỗ Nhạc tán lý việc quân, đem binh sĩ đi đánh, chém được Minh Triệt, bắt được bọn Lê Hi và Trịnh Hưng đóng cũi đưa về kinh sư, rồi giết chết.

Trước kia được tin bọn Lê Hi xâm phạm sát đến huyện Lôi Dương, nhà vua vội vàng hạ lệnh cho trăm quan hội bàn, điều động họp tập dân tứ chiếng phân phối phụ thuộc vào sổ binh lính các xứ để phòng bị việc đánh dẹp. Đến nay đã đánh tan được giặc, nên buông thả cho bọn này trở về làng cũ.

Lời chua – *Lôi Dương* : Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb.XIII, 2).

Trần Dực : Người xã Ngải Lăng, huyện La Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tứ chiếng : Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 20 (Chb.XXX, 21). Chb.**XXVI**,17

Hạn hán ; dân bị nạn đói to.

Khởi công dựng đại điện và cửu trùng đài.

Trước đây, Vũ Như Tô, một người thợ ở Cẩm Giàng, xếp cây mía làm thành kiểu mẫu cung điện lớn trăm nóc, dâng lên nhà vua ; nhà vua bằng lòng, Chb.**XXVI**,18
phong cho Như Tô làm đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn trăm nóc cung điện lớn có gác, lại khởi công làm cửu trùng đài. Mặt trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch, vòng quanh khuất khúc, mở thông cửa cống. Nhà vua bất thần ngự thuyền Thiên Quang đi chơi xem suốt ngày đêm. Quân sĩ trong Ngũ phủ làm việc xây đắp chưa được thành công, lại bắt quân sĩ các nha môn ở trong và ngoài kinh thành làm việc lấp hồ, san đất. Khi nhà vua đi chơi, thấy người nào làm vừa ý thì thưởng cho thẻ bài vàng hoặc bạc. Có khicông việc đã làmxong rồi lại thay đổi làm lại; sửa sang xây dựng hết năm này sang năm khác. Quân và dân phải đi làm việc bị bệnh dịch, chết mất khá nhiều.

Lời chua - *Vũ Như Tô* : Người xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng.

Sông Tô Lịch : Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV,31).

Tháng 10, mùa đông. Truy trả lại quan chức Ngự sử đài đô ngự sử cho Dương Trực Nguyên.

Trước đây, nhà vua dấy quân từ Tây Đô tiến đến núi Thiên Kiện, Uy Mục đế sai Ngự sử đài đô ngự sử Dương Trực Nguyên giữ chức tán lý việc quân đem quân đi chống cự, vì đánh không được, Trực Nguyên phải tử trận[1]. Đến nay, nhà vua khen Trực Nguyên là người trung, nên truy trả lại quan chức.

Lời chua - *Núi Thiên Kiện* : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 6 (Chb.X, 17).

Dương Trực Nguyên : Người xã Thượng Phúc, huyện Thượng Phúc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXIV, tờ 34.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1513). (Minh, năm Chính Đức thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Thừa tướng thượng tể Nguyễn Văn Lang mất.

Nguyễn Văn Lang là em Trường Lạc hoàng thái hậu. Văn Lang thông hiểu thao lược, sành sỏi phép dụng binh, giỏi cả việc suy nghiệm thời trời, sức có thể đánh được hổ. Trước đây, nhà vua dấy quân ở Tây Kinh, Văn Lang xướng suất việc nghĩa trước nhất, kéo quân về bình định được Đông Đô ; vì có công lớn, được phong tước Nghĩa quốc công. Đến nay Văn Lang mất, được tặng phong tước Nghĩa Huân vương, việc táng, việc lễ đều được dùng lễ nghi của vua chúa và được đúc tượng bằng loại kim.

Sứ thần nhà Minh sang nước ta.

Nhà Minh sai Trạm Nhược Thuỷ, Hàn Lâm viện biên tu, làm chánh sứ và Phan Hi Tăng, Hình khoa cấp sự trung, làm phó sứ, mang sách thư phong nhà vua tước An Nam quốc vương và ban cho một cỗ mũ bì biền[1], một cặp áo thường phục. Sau khi Hi Tăng đã yết kiến nhà vua rồi, Chb.XXVI,19 ra bảo với Nhược Thuỷ rằng : "Quốc vương dong mạo đẹp nhưng lệch mình, tính đa dâm, trông như tướng con lợn, chả bao lâu nữa sẽ bị loạn vong". Khi sứ thần ra về, nhà vua tiễn đưa hành lý khá hậu, nhưng họ đều không nhận. Sau đó, nhà vua sai Nguyễn Trang, Lễ bộ hữu thị lang, Nguyễn Si, Hàn lâm viện kiểm thảo, và Trương Phu Duyệt, Lễ khoa cấp sự trung, sang nhà Minh đáp lễ và tạ ơn.

Lời chua – *Nguyễn Trang* : Người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Si : Người làng Lý Hải, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

(1) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển XXIV, tờ 24 về mũ bì biền.

Trương Phu Duyệt : Người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) năm Đoan Khánh.

Tháng 2. Dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà giáp đường ở phía đông và phía tây điện.

Trước kia, sắp đặt bài vị thờ tiên tổ như thế này :

Điện Phụng Tiên : ở giữa thờ Thái Tổ Cao hoàng đế, bên tả thờ Tuyên Tổ hoàng đế, bên hữu thờ Hiển Tổ hoàng đế, phía đông bên tả chỗ đặt bài vị Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông và Túc Tông, phía tây về bên hữu chỗ đặt bài vị Hiển Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông và Đức Tông.

Nhà Hiếu Kính : về phía đông thờ Hiếu Chiêu đại vương và Quận Ai vương, về phía tây thờ Trung Dũng vương.

Đến nay, ở đằng trước điện Phụng Tiên dựng điện Mục Thanh và làm hai nhà giáp đường ở bên đông và bên tây điện ấy. Bên đông gọi là nhà Chương Đức, để thờ phụ Chiêu Hiếu đại vương, Quận Ai vương, Lương vương, Đường vương, Diễn vương, Ứng vương và Triệu vương ; bên tây gọi là nhà Chiêu Huân, để thờ phụ Trung Dũng vương, Cung vương, Tống vương, Phúc vương, Quảng vương, Trấn vương, Nghĩa vương và Kinh vương. Chb.**XXVI**,20

Lời cẩn án - *Thiên "Vương chế" trong sách Lễ Ký chép : "Thiên tử có bảy miếu thờ tiên tổ : ba miếu thờ hàng chiêu*(1)*, ba miếu thờ hàng mục*(2)*, cùng với miếu thờ ông thái tổ là bảy miếu".*

Giải thích lễ nghi chép ở trên, Chu tử dẫn lời bàn của Hán Nho(3) *để giải nghĩa rằng : "Bảy miếu thờ tiên tổ của thiên tử :*

(1) Hàng chiêu thờ những vua đời thứ hai, thứ tư và thứ sáu ; hàng mục thờ những vua đời thứ ba, thứ năm và thứ bảy. Vì chia ra hàng chẵn và hàng lẽ như thế, nên ở dưới đoạn văn này mới chép bài vị ông vua đời thứ hai thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ sáu thờ phụ vàovà nếu bài vị vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị vua đời thứ bảy thờ phụ vào.

(2) Nt.

(3) Tức Lưu Hâm, người đời Tây Hán.

miếu ông thái tổ ở phương bắc, ông tổ nào là vị vua được phong trước nhất thì thờ ở miếu ấy ; bên tả miếu ấy là miếu thờ hàng chiêu; bên hữu miếu ấy là miếu thờ hàng mục, theo thứ tự mà hướng mặt về phương nam. Nói riêng về nhà Chu, họ lấy ông Hậu Tắc là vị vua được phong đầu tiên làm thái tổ. Bài vị của thái tổ dẫu trăm đời cũng không di dịch, còn về hàng chiêu, hàng mục nếu đã xa đời quá thì thay đổi bài vị đi. Về bên hàng chiêu, nếu bài vị ông vua đời thứ hai mà thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ sáu thờ phụ vào hàng ấy ; về bên hàng mục, nếu bài vị ông vua đời thứ ba thay đổi đi, thì đem bài vị ông vua đời thứ bảy thờ phụ vào hàng ấy. Chỉ có Văn vương và Vũ vương bắt đầu chịu mệnh trời làm thiên tử, công lao đáng được tôn kính, thì dầu xa đời nhưng vẫn không thay đổi bài vị, bởi thế, nên về sau nhà Chu lại dựng thêm hai miếu thờ Văn vương và Vũ vương làm "Miếu bất diêu"(1), mà những bài vị thờ ở miếu bên cạnh không được dự thờ ở miếu ấy. Từ đời nhà Hán, nhà Đường trở về sau, mỗi đời có một chế độ riêng, châm chước thêm bớt, theo thời để thay đổi cho thích hợp, nhưng ý nghĩa chính thì đều không vượt qua nghi lễ đã nói trên.

Nhà Lê, về ý nghĩa miếu thờ tiên tổ không rõ ràng, thứ tự hàng chiêu, hàng mục không phân biệt. Trước kia dựng một điện Phụng Tiên, thờ Thái Tổ ở giữa ; Tuyên Tổ ở phía tả, Hiển Tổ ở phía hữu ; bên đông về phía tả chỗ thờ Tuyên Tổ thì thờ Thái Tông, Thánh Tông và Túc Tông ; bên tây về phía hữu chỗ thờ Hiển Tổ thì thờ Nhân Tông, Hiến Tông và Đức Tông. Này, người con đầu thánh trí đến đâu cũng không bao giờ lại hưởng lễ trước cha. Nay một điện Phụng Tiên, ở giữa dùng để thờ Thái Tổ, mà hai bên tả và hữu thì thờ hai ông tổ, như thế chả phải thờ tự một cách trái ngược à? Huống hồ Thánh Tông là con Thái Tông mà cùng đặt bài vị ở

Chb.**XXVI**,21

(1) Ngôi miếu thờ bài vị không bao giờ di dịch. (Những chú thích trên, chúng tôi tham khảo sách *Lễ Ký đại toàn* quyển V, tờ 25, 26).

bàn thờ về phía đông ; Hiến Tông đối với Nhân Tông là về hàng cháu[1] *mà cùng đặt bài vị ở bàn thờ về phía tây. Thế là nghi lễ gì? Miếu hiệu Đức Tông, mãi sau này mới được truy tôn, lúc còn sống chưa từng ở ngôi vua bao giờ, cũng đem thăng lên miếu điện, cùng tôn thờ ngang với các vua khác. Như thế có hợp lễ không? Lại còn một việc này nữa : đằng trước điện Phụng Tiên có một nhà Hiếu Kính, chia ra bên đông bên tây để thờ các vị được phong tước vương, thì việc này lại rất là lầm lẫn càn rỡ. Còn như việc Tương Dực đế dựng điện Mục Thanh ở đằng trước điện Phụng Tiên, làm nhà giáp đường ở bên đông, bên tây điện ấy, rồi lại đem thờ phụ các tước vương về ngành thứ, để cùng tế tự chung trong lễ tiết hàng năm, thì việc thất lễ này là do thất lễ từ trước để lại, không cần phải biện luận làm gì nữa !*

Lời chua - "*Đế hệ truyện*" trong *Thông sử của Lê Quý Đôn chép* : Hiển Tổ tên huý là Thinh, sinh ra Tuyên Tổ, Tuyên Tổ tên huý là Khoáng, sinh ra Thái Tổ. Chiêu hiếu đại vương tên là Học, con trưởng của Tuyên Tổ và là anh của Thái Tổ. Quận Ai vương tên là Tư Tề, con trưởng của Thái Tổ. Cung vương tên là Khắc Xương, Chb.**XXVI**,22 trước phong là Tân Bình vương, Nghi Dân đổi phong là Cung vương - Trung Dũng vương tên là Thạch, con của Chiêu Hiếu đại vương - Lương vương tên là Thuyên, - Đường vương tên là Cảo, - Diễn vương tên là Thông,- Ứng vương tên là Chiêu, - Triệu vương tên là Thoan, - Tống vương tên là Tung,- Phúc vương tên là Tranh, - Quảng vương tên làTáo,- Trấn vương tên là Hình, - Nghĩa vương tên là Cảnh, - Kinh vương tên là Kiện : đều con của Thánh Tông. - Đức tông tức Kiến vương Tân, năm Quang Thiệu thứ 2 (1517) đời Chiêu Tông, truy tôn làm Kiến hoàng đế, miếu hiệu Đức Tông[2].

Tháng 6, mùa hạ. Có thuỷ tai lớn.

Nước phá vỡ đê ở phường Yên Hoa và thông sang Tây Hồ.

(1) Hiến Tông là con Thánh Tông ; Thánh Tông và Nhân Tông đều là con của Thái Tông, nên Hiến Tông gọi Nhân Tông bằng chú ruột.

(2) Kiến vương Tân cũng là con Thánh Tông và là cha Tương dực đế.

Lời chua - *Phường Yên Hoa* : Nay là phường Yên Tĩnh, ở huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Tây Hồ : Tức Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb. II,11).

Bổ dụng Nguyễn Mậu làm hiến sát sứ ở Thanh Hoa.

Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu là người nghiêm thẳng. Nhà vua thường sai người hái lấy hoa gạo, Mậu dâng sớ can, làm trái ý nhà vua, vua sai viên trung sứ đánh đòn. Đến nay cho thăng chức hiến sát sứ ở Thanh Hoa.

Lời chua - *Nguyễn Mậu* : Người làng Du La, huyện Thanh Hà, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Giáp Tuất, năm thứ 6 (1514). (Minh, năm Chính Đức thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Nhà vua đi tuần du Tây Kinh.

Nhà vua tự mình cày ruộng tịch điền, cái cày bị gãy. Chb.XXVI,23

Tháng 5, mùa hạ. Sao thái bạch xuất hiện ban ngày.

Có thuỷ tai lớn.

Mực nước tràn lên quá cao, hồ ao trong kinh thành có thứ rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày, nhà vua phải cho đốt pháo, mở cờ, đánh trống để khu trừ, sau thứ rắn ấy mới đi.

Đắp thành chặn ngang sông Tô Lịch.

Nhà vua thích mở mang việc thổ mộc : đắp thành rộng hàng mấy ngàn trượng bao bọc cả điện Tường Quang, quán Chân Vũ và chùa Kim Cổ Thiên Hoa ; thành đắp từ phía đông nam đến phía tây bắc, chặn ngang sông Tô Lịch, bên trên đắp hoàng thành, bên dưới mở cửa cống, xây bằng gạch đá, dùng

(1) Nay là phường Yên Phụ thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội.

sắt chắn suốt bề ngang. Lại làm thuyền chiến để đi chơi hồ Tây, bắt phụ nữ cởi trần bơi chèo để vui chơi thoả thích.

Lời chua - *Điện Tường Quang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ nhất (Chb. XIX,5).

Quán Chân Vũ : Thuộc phường Thuỵ Chương, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Hà Nội[1].

Chùa Thiên Hoa : Nay không rõ ở đâu.

Giết hơn 10 người trong họ tôn thất.

Vì nghe lời tâu bịa đặt của hiệu uý là Hữu Vĩnh (không rõ họ), nhà vua giết 15 người vào hàng tước vương, tước công trong họ tôn thất. Lại triệu cung nhân của Mẫn Lệ[2] và cung nhân triều trước để tư thông. Chb.XXVI,24

Ất Hợi, năm thứ 7(1515). (Minh, năm Chính Đức thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Phùng Chương ở Sơn Tây nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, dẹp yên được.

Phùng Chương chiếm cứ núi Tam Đảo nổi loạn. Nhà vua hạ lệnh cho Thuỵ quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm đô tướng, đô ngự sử Phạm Khiêm Bính giữ chức tán lý quân vụ, đem quân đi đánh. Chương bị thua chạy trốn.

Lời chua - *Phạm Khiêm Bính* : Người làng Lãm Sơn, huyện Quế Dương, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Tháng 2. Nhà vua xem tập trận ở Định Công, rồi vào chơi nhà Lê thị là vợ Uy Mục đế.

Lời chua - *Định Công* : Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Nội[3].

---

(1) Nay là đền Trấn Vũ ở cạnh hồ Tây.
(2) Tức Uy Mục đế, sau khi Tương Dực đế đã giết Uy Mục đế, giáng phong làm Mẫn Lệ công.
(3) Nay là xã Định Công thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 8, mùa thu. Có thuỷ tai lớn đến mãi tháng 9.

Đặng Hân và Lê Hất ở Thanh Hoa nổi loạn. Nhà vua sai quân đi đánh, dẹp yên được.

Bọn Hân và Hất nổi loạn ở huyện Ngọc Sơn thuộc Thanh Hoa. Nhà vua hạ lệnh cho tướng thống lĩnh quân sĩ và dùng Đỗ Nhạc giữ chức tán lý quân vụ, đi đánh, dẹp yên được. Chb.XXVI,25

Lời chua - *Ngọc Sơn* : Tên huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

Bính Tí, năm thứ 8 (1516). (Từ tháng 4 trở đi thuộc Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ nhất. - Minh, năm Chính Đức thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Trần Công Ninh ở Yên Lãng nổi loạn. Nhà vua tự làm tướng đi đánh, dẹp yên được.

Công Ninh vụng trộm chiếm cứ Yên Lãng. Nhân lúc ấy quân các vệ họp cả ở kinh thành, nhà vua bèn hạ lệnh cho Đỗ Nhạc ở lại giữ kinh thành, rồi thân hành đem văn võ đại thần và đô đốc trong năm phủ theo hầu, tiến quân đóng hành tại ở Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, quân giặc bị thua to. Sau, luận bàn công đánh giặc của tướng sĩ, đều trao cho quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - *Yên Lãng* : Tên huyện, thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây[1].

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 3. Có thuỷ tai lớn.

Trần Cao, người Thuỷ Đường, nổi loạn.

Cao làm Thuần Mĩ điện giám, thấy lời sấm nói : "Phương đông có khí sắc thiên tử", bèn ngầm lập mưu làm việc trái

(1) Đất huyện Yên Lãng cũ, nay thuộc hai huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và Sóc Sơn (Hà Nội).

phép, dụ dỗ họp tập những người bỏ làng trốn tránh, giả mạo xưng mình là chắt huyền tôn của vua Thái Tông nhà Trần và là ngoại thích của Quang Thục hoàng hậu. Hắn cùng với con là Cung và đồ đảng là bọn Phan Ất dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm, chiếm cứ các huyện Thuỷ Đường và Đông Triều thuộc Hải Dương. Cao mặc áo màu đen, quân sĩ đều trọc đầu, tự xưng là "Đế Thích giáng sinh" ; nhân dân nhiều người đi theo, quân sĩ có đến hàng vạn. Chb.**XXVI**,26

Lời chua - *Chùa Quỳnh Lâm* : Ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều.

Thuỷ Đường : Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ hai. (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất. (Chb. XII, 25).

Thuần Mỉ diện giám : Không khảo cứu được. *Minh sử thông giám kỷ sự* chép : Cao giữ chức xã đường thiêu hương quan, không biết có đúng không?

Trần Cao : Người làng Dưỡng Chân, huyện Thuỷ Đường.

Quang Thục hoàng hậu(1) : Người làng Động Bàng, huyện An Định.

Phan Ất : Người Chiêm Thành, có một tên nữa là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Trần Cao, Cao chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho bọn Phùng Trấn, Trịnh Khổng Chiêu và Trịnh Ngạc đem quân đi đánh ; bọn này đánh không thắng được, bị tử trận.

Quân sĩ của Cao kéo từ các huyện Tiên Du, Quế Dương và Gia Lâm, xâm phạm đến bến Bồ Đề, vì mắc sông không qua sang được. Nhà vua thân ngự điện Tường Thọ chỉ huy các

(1) Vợ Lê Thái Tông, mẹ Lê Thánh Tông.

tướng là Lại Thúc Mậu, Nguyễn Khắc Nhượng và Trịnh Hồng thống lĩnh quan quân, đi đò sang sông đánh ở làng Lâm Hạ. Trần Cao bị thua to, chạy đến Trâu Sơn. Nhà vua hạ lệnh cho Định quận công Phùng Trấn, Diên Hưng bá Trịnh Khổng Chiêu và Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quân đuổi đánh. Phùng Trấn và Khổng Chiêu mắc vào trong trận giặc đều bị chết. Trịnh Ngạc bị bắt, Trần Cao muốn đem quan chức trao cho Ngạc, nhưng Ngạc không chịu khuất phục, mắng chửi ầm ỹ, rồi bị chết. Nhà vua lại hạ lệnh cho An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ đi đánh, Hoằng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề. Chb.**XXVI**,27

Lời chua – *Điện Trường Thọ* : Tức điện Quỳnh Vân, chưa rõ đích xác ở chỗ nào.

Tiên Du : Xem Thục An Dương vương năm thứ 48 (Tb. I, 16).

Gia Lâm : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Huyện Quế Dương : Thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Trâu Sơn : Sử cũ chép chữ "Trâu" là "Ngạc", thuộc xã Trâu Cầu, huyện Quế Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Lâm Hạ : Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên quận công Trịnh Duy Sản giết nhà vua ở hồ Chu Tước ; thừa chỉ Nguyễn Vũ cũng bị Duy Sản giết.

Duy Sản vì thường can ngăn, làm trái ý vua, nhà vua tức giận, sai đánh bằng trượng. Duy Sản bèn cùng Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm bàn mưu bỏ vua này lập vua khác. Họ chuẩn bị sửa soạn binh thuyền khí giới, hội họp ở bến Thái Cực, nói phao là đem đi đánh giặc ; rồi nhân ban đêm, họ đem quân Kim Ngô hộ vệ hơn ba ngàn người vào cửa Bắc Thần. Lúc lửa cháy, nhà vua ngờ là giặc kéo đến, đi lẻn ra ngoài cửa Bảo Khánh ; lúc tờ mờ sáng, đi qua cửa Thái Học đến hồ Chu Tước

ở phường Bích Câu, gặp Duy Sản, nhà vua hỏi "giặc ở đâu". Duy Sản không trả lời, quay mặt đi đằng khác và cười ầm lên. Nhà vua quay ngựa chạy sang mặt tây, Duy Sản sai võ sĩ tên là Hạnh đâm nhà vua ngã ngựa, rồi giết đi. Khâm Đức hoàng hậu cũng tự nhảy vào đống lửa để chết. Quân sĩ đem hai thi thể về táng ở lăng Ngự Thiên. Duy Sản truất nhà vua làm Linh Ẩn vương. Nhà vua ở ngôi 8 năm, hưởng thọ 24 tuổi. Chb.**XXVI**,28

Vũ, người làng Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm, bắt đầu đi theo quân khởi nghĩa(1) của nhà vua. sau làm quan Binh Bộ tả thị lang, rất được nhà vua yêu quý. Thi hội khoa Giáp Tuất (1514), văn của Vũ không trúng cách, nhà vua cho phép thi lại, bèn cất nhắc cho đỗ nhị giáp tiến sĩ. Làm quan, thăng dần đến Hình bộ thượng thư kiêm Bảo Thiên điện đông các đại học sĩ Hàn Lâm viện thừa chỉ vào chầu Kinh Diên, ngày đêm Vũ ở trong nội điện uống rượu, đánh bạc, bị người đời khinh rẻ. Đến lúc nghe có binh biến, hắn bảo con hắn rằng : "Ăn lộc của vua, phải chết với hoạn nạn của vua", rồi vội vàng đi theo nhà vua, nên cũng bị Duy Sản giết.

Lời chua - *Bến Thái Cực* : Thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội(2).

Phường Bích Câu : Thuộc huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội(3).

Chb.**XXVI**,29

Hồ Chu Tước : Thuộc phường Bích Câu.

Ngự Thiên : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb.V, 8).

Khâm Đức hoàng hậu : Truyện *Hậu Phi* [trong *Thông Sử*] của Lê Quý Đôn chép : Hậu họ Nguyễn, con gái viên quản lãnh ở làng Văn Giang. Về sau đặt tên thuỵ là Đôn Tiết.

(1) Quân của Giản tu công Oánh (tức Tương Dực đế) nổi lên đánh giết Uy Mục đế.
(2) Nay là phố Hàng Đào, Hà Nội.
(3) Nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

Trình Chí Sâm : Người làng Khúc Phố, huyện Vĩnh Xương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487), năm Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Hạnh : Sử cũ không chép rõ họ.

Trịnh Duy Sản rước tên Y, con trưởng của Cẩm Giang vương, vào triều đưa lên ngôi vua, rồi đem đi Tây Kinh.

Duy Sản họp tôn thất và đại thần bàn định lập Quang Trị, con Mục Ý vương, nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại tranh luận, nên lập tên Y là tằng tôn (chắt) của Thánh Tông và là con của Cẩm Giang vương Sùng. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ giết Phùng Mại ở nhà nghị sự, bèn lập Quang Trị. Lúc ấy Quang Trị mới 8 tuổi, lập làm vua được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại rước vào Tây Kinh.

Nguyễn Hoằng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản bạo nghịch giết vua, liền đem quân qua sông, đốt hết phố xá trong kinh thành, chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa thành. Lúc ấy Như Tô đương coi làm mấy nóc nhà đại điện chưa xong thì bị giết, mọi người đều chỉ trích chê cười, có người nhổ nước bọt vào thây của hắn.

Bấy giờ Duy Sản lại cùng Lê Nghĩa Chiêu và tôn thất, đại thần những người vào hạng có công, hạng cố cựu rước tên Y lập làm vua. Y mới 14 tuổi. Bọn Duy Sản và Chiêu Nghĩa thấy kinh thành đã bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh. Quang Trị sau bị Duy Đại giết. Chb.**XXVI**,30

Lời chua – *Mục Ý vương* : Tên là Doanh, con của Kiến vương Tân, và là em của Cẩm Giang vương Sùng.

Trần Cao xâm phạm vào kinh thành. Đô lực sĩ Thiết Sơn bá Trần Chân dấy quân đánh Cao, nhưng không thắng được.

Nhà vua đã về Tây Kinh, Lê Quảng Độ bỏ chạy, đầu hàng Trần Cao. Nhân dân rối loạn, tranh nhau lấy vàng bạc

của cải và đồ vật, vì thế mà cung điện kho tàng thành ra trống rỗng.

Nhân đấy Trần Cao sang qua sông, bèn vào chiếm cứ kinh thành, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng, ngự triều xưng làm vua, dùng Lê Quảng Độ xếp đặt công việc trong nước. Trần Chân họp tập thống suất bọn dũng sĩ cũ cùng con em trong nhà, binh tráng trong làng được Chb.**XXVI**,31 mấy ngàn người, đóng ở chợ Hoàng Hoa, để mưu tính công việc đánh giặc. Trần Cao được tin, sai đồ đảng là Phan Ất từ làng Bảo Đà huyện Thanh Oai tiến quân ; Trần Chân từ làng Dư Dụ huyện Thanh Đàm đem quân đón đánh. Trần Chân tiến đến xạ đôi (mô đất để tập bắn) cố sức đánh nhau với Phan Ất, khí giới đều hết, phải lấy mảnh cong mảnh lọ để ném. Răng và miệng Trần Chân bị thương nặng, Chân lại thấy rằng toán quân của mình chơ vơ khó có thể đánh lâu được, bèn nhân đêm rút quân đến chợ Hoàng Hoa.

Lời chua - *Chợ Hoàng Hoa* : Thuộc trại Ngọc Hà, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội.

Thanh Oai : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Thanh Đàm : Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính bình thứ 14 (Chb. VI, 26).

Dư Dụ : Tên xã, thuộc huyện Thanh Đàm.

Xạ Đôi : Ở trại Giảng Võ, huyện Thuận Xương, tỉnh Hà Nội[1].

Trần Chân : Người xã La Khê, huyện Từ Liêm, là con nuôi Trịnh Duy Sản.

---

(1) Ngày nay ở gần trại Giảng Võ có trại Ba Gò, có lẽ là gò tập bắn (xạ đôi) xưa.

Nhà vua tự làm tướng đánh Trần Cao. Cao thua chạy. Nhà vua về Đông Kinh, đổi niên hiệu và đại xá cho trong nước.

Nhà vua từ Tây Kinh thống suất quân ứng nghĩa ở 3 phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia, phân phối Chb.XXVI,32 sai : Nguyên Quận công Trịnh Duy Sản do đường Thiên Quan và Ứng Thiên tiến quân ; An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ do đường Trường Yên và Lỵ Nhân tiến quân ; ở chính doanh thì Phú bình hầu Nguyễn Văn Lự và Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy thống lĩnh quân thuỷ, quân bộ đều tiến, kéo thẳng đến Đông Kinh, đưa tờ hịch đi các quận huyện. Nhà vua đến Tiêu Viên, trước hết có Trần Chân đến hành tại bái yết ; ở Sơn Nam thì có bọn phó tướng An Tín bá Trịnh Hi, đề sát Lê Sạn, tán lý Lê Dực và ký lục Trương Huyền Linh cũng nổi dậy, đem quân tiếp tục tiến đến, vây ngoài cửa Đại Hưng. Trần Cao đem quân lên cái lầu ở trước cửa vẫy cờ bắn súng để chống cự quan quân. Một lúc thấy quân tam đoá[1] từ Mộng Kiều (cầu Muống) tiến vào cung Thuỵ Quang, Trịnh Hi lui dần quân đến xã Hồng Mai, gặp các quân thuỷ, quân bộ của bọn Hoằng Dụ và Duy Sản, Trịnh Hi lại cùng bọn này đều tiến, bốn mặt vây thành. Trần Cao đóng thành cố giữ. Duy Sản lại tiến đánh góc tây bắc thành. Lúc ấy Hà Công Chân, một đảng giặc ở Sơn Tây, cũng đem quân tiến sát đến chân thành, chợt gặp Duy Sản. Duy Sản ra sức cố đánh, Công Chân thua trận, bị chết. Lê Liễn, tả kiểm điểm, đánh nhau với giặc bị chết ở Dịch Vọng. Trần Cao mở cửa thành chạy, qua sông Thiên Đức, lẩn lút ở Lạng Nguyên.

Lúc ấy, nhà vua đóng ở Thanh Đàm, bọn Nguyễn Ung và Đỗ Nhạc rước vua về Đông Kinh, hạ chiếu đại xá cho trong nước, đổi niên hiệu, lấy năm ấy làm năm Quang Thiệu thứ

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.

nhất. Quan quân lại bắt được đồ đảng Trần Cao là Phan Ất ở Đông Triều, đóng cũi đưa về kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

Lời chua - *Thiệu Thiên, Hà Trung và Tỉnh Gia* : Đều tên phủ, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Thiên Quan : Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25). Chb.**XXVI**,33

Ứng Thiên : Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb.II, 18).

Trường Yên : Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Lỵ Nhân : Tên phủ, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên Phù duệ vũ thứ 6 (Chb. IV, 14).

Cửa Đại Hưng, sông Thiên Đức : Đều xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 10, 11).

Mộng Kiều : Thuộc phường Kim Liên, huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội(1).

Cung Thụy quang: Không rõ ở đâu.

Hồng Mai : Tên xã, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà nội(2).

Dịch Vọng : Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội(3).

Lạng Nguyên : Không rõ ở đâu, có thuyết nói Lạng Sơn, có lẽ là ở đây.

Nguyễn Văn Lự : Người Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, là em Nguyễn Văn Lang.

(1) Tức Cầu Muống, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.
(2) Nay là phường Bạch Mai thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
(3) Tục gọi làng Vòng, nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trịnh Tuy : Người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, em họ Trịnh Duy Sản.

Lê Sạn : Người xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì.

Lê Dực : Người xã Đại Định, huyện Thanh Oai. Sạn và Dực đều đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) năm Cảnh Thống, đời Lê Hiến tông.

Quân Tam Đoá : Tức hạng quân cắt tóc, nhưng vẫn để lại 3 chỏm ở trên đầu.

Nhà vua hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Phạm Khiêm Bính và Trịnh Tuy đi tuần hành bình định xứ Hải Dương và Kinh Bắc.

Nhà vua hạ lệnh cho Trịnh Duy Sản chỉ huy quân thuỷ, quân bộ các dinh, và Khiêm Bính giữ chức tán lý việc quân, đi tuần hành bình định xứ Hải Dương ; Trịnh Tuy, Lại Thúc Mậu và lực sĩ Đàm Cử đi tuần hành bình định xứ Kinh Bắc. Chb.XXVI,34

Lời chua - *Đàm Cử* : Người xã Lãm Sơn, huyện Quế Dương.

Tháng 11, mùa đông. Nhà vua lại hạ lệnh cho bọn Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoằng Dụ, Trịnh Hồng và Nguyễn Khắc Nhượng đem quân đi đánh Trần Cao. Vì bại trận, Trịnh Duy Sản bị Trần Cao giết.

Bọn Duy Sản và Hoằng Dụ tiến quân đóng ở Chí Linh. Duy Sản cùng Trần Cao chống cự với nhau ở chỗ giáp giới xã Nam Giản. Thấy tên Hạnh, một tì tướng, bị chết ở mặt trận, Duy Sản nổi giận, tiến sát đến nơi, các tướng can ngăn, Duy Sản không nghe, bèn chia đường cùng tiến, tự mình dẫn đầu sĩ tốt. Bên giặc tung quân kỳ binh[1] ra đánh cướp. Duy Sản bị Trần Cao bắt được, đem giết đi. Trần Cao tiến quân thẳng đến Bồ

(1) Danh từ để gọi một binh chủng có những động tác khác với chính binh. Hạng binh lính này có nhiều mưu chước kỳ diệu để đánh quân địch, khi ẩn khi hiện bên địch không dò biết được.

Đề. Nhà vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân ra đón đánh, phá tan được. Cao lại lẩn lút ở Lạng Nguyên không dám ra, truyền ngôi cho con là Cung tiếm niên hiệu là Tuyên Hoà. Sau Trần Cao cạo đầu làm sư, trốn tránh thoát được.

Lời chua – *Chí Linh* : Tên huyện, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb.VII, 28).

Nam Giản : Tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

Đinh Sửu, Lê Chiêu Tông Thần hoàng đế năm Quang Thiệu thứ 2 (1517). (Minh, năm Chính Đức thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn đế hiệu cho ông và cha.

Nhà vua truy tôn : ông là Kiến vương Tân làm Đức Tông Kiến hoàng đế, cha là Trang Định đại vương Sùng làm Minh Tông Triết hoàng đế ; rồi lại hạ lệnh cho Đàm Thận Huy, thượng thư bộ Lễ, định những chữ huý thờ ở miếu. Lại truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục đế, Linh Ẩn vương làm Tương Dực đế.

Lời chua – *Chữ huý thờ ở miếu* : Gồm 20 chữ.

Tháng 7, mùa thu. Nguyễn Hoằng Dụ và Trịnh Tuy hai người sửa soạn binh lính đánh lẫn nhau. Chb.**XXVI**, 35

Trước đây, Hoằng Dụ và Trịnh Tuy đều phụng mệnh vua đánh giặc, kịp lúc về kinh sư, vì nghe lời con em dèm pha, hai người thành ra hiềm khích, Hoằng Dụ thác là có bệnh không vào chầu, đóng quân ở phường Đông Hà, Trịnh Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La, hai người cùng nhau chống cự. Nguyễn Quán Chi, một viên quan trong Lục Khoa[1], đem

(1) Nguyên văn trong sử Cương mục này chép "khoa, đài Nguyễn Quán Chi". Chúng tôi nhận thấy khoa là Lục Khoa ; đài là Ngự sử đài, nếu là khoa, đài thì ít nhất cũng phải có 2, 3 người, nay có một Nguyễn Quán Chi mà chép "khoa đài" thì cũng đáng ngờ, nên dịch "viên quan trong Lục Khoa" là theo Việt sử thực lục chép "khoa quan Nguyễn Quán Chi".

việc ấy tâu bày. Nhà vua dùng sự tích Giả, Khấu, Liêm, Lạn[1] để dụ bảo, nhưng không giải hoà được.

Nguyễn Văn Lự cùng Trịnh Duy Đại hen nhau cùng vào chầu để tâu vua xin đứng hoà giải. Khi đến trước điện, Văn Lự lấy tờ sớ bí mật trong tay áo đưa ra, nói Trịnh Tuy cùng Trịnh Duy Đại bàn mưu với nhau lập Nguyễn Tùng là con Nguyễn Trinh, làm nguỵ chúa, định làm việc bạo nghịch lớn. Bấy giờ nhà vua sai bắt Duy Đại cùng đồ đảng của hắn là bọn Trịnh Bá Quát đều đem chém.

Ngày hôm ấy, Hoằng Dụ cất quân đánh Trịnh Tuy ở quãng phường Khúc Phố - Phục Cổ, ba lần đánh đều không thắng được. Nguyễn Thế Phó, đồ đảng của Tuy, trúng mũi tên, phải rút lui, Tuy bèn bỏ chạy.

Trần Chân là người có nghĩa cũ với Trịnh Tuy, cất quân đánh Hoằng Dụ, lại mật hạ trát cho con em các doanh[2] ở Sơn Tây cùng đánh, Hoằng Dụ lánh chạy vào Thanh Hoa. Trước kia, khi Hoằng Dụ và Trần Chân đánh nhau đương hăng, gặp lúc trời đã xế chiều, trên không bỗng có đám mây năm sắc xuất hiện ở phương đông, mà mây vàng bay đầy trời, người ta đều lấy làm kỳ quái. Chb.**XXVI**,36

---

(1) Giả Phục - Khấu Tuân - Liêm Pha - Lạn Tương Như :
Giả Phục và Khấu Tuân là đại tướng của Quang Vũ nhà Đông Hán, vì Tuân giết một bộ tướng của Phục mà hai người sinh hiềm khích toan đánh chém lẫn nhau. Quang Vũ cho triệu hai người đến trước mặt dụ bảo rằng : "Nay thiên hạ chưa bình định, sao hai con hổ lại đấu chọi với nhau". Từ đấy Phục và Tuân lại vui vẻ cùng nhau đi chung xe ra về, và kết bạn bè với nhau.
Liêm Pha và Lạn Tương Như người thời Chiến Quốc, đều làm quan nước Triệu : Liêm Pha làm tướng võ, Tương Như làm tướng văn, chỉ vì ngôi thứ cao thấp mà Liêm Pha toan làm nhục Tương Như, người nhà Tương Như lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo người nhà rằng : "Sở dĩ nước Tần không dám đánh nước Triệu, là vì nước Triệu có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, tất nhiên không sống cả được, cho nên tôi cần phải trọng việc nước mà bỏ thù riêng đi". Khi Liêm Pha nghe được lời nói ấy, thân hành đến nhà Tương Như tạ lỗi và xin kết bạn chí thân.

(2) Nguyên văn chép "các doanh tử đệ" tức là những tướng tá binh sĩ thân thiết của mình như ruột thịt, coi như con em trong nhà.

Lời chua - *Phường Đông Hà* : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 4).

Thành Đại La : Xem thuộc Đường, năm Hàm Thông thứ 7 (Tb. V, 10).

Vĩnh Xương : Tên huyện, nay đổi làm Thọ Xương, thuộc phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Khúc Phố, Phục Cổ : Đều tên phường, thuộc huyện Thọ Xương.

Nguyễn Trinh : Người xã Trịnh Mỹ, huyện Lôi Dương, là bố phò mã Điển quận công Nguyễn Mậu Tuyên.

Nhà vua sai các tướng đuổi đánh Nguyễn Hoằng Dụ.

Lúc ấy, tuổi vua thì thơ ấu, thế nước thì nguy ngập, các tướng nắm giữ binh quyền đánh chém lẫn nhau. Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ, cầm quân bảo vệ kinh sư. Nhà vua sai viên tướng mới đầu hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ và Mạc Đăng Dung đem quân thuỷ đuổi Hoằng Dụ. Hoằng Dụ chạy vào Thuần Hựu. Chb.**XXVI**,37 Quan quân bèn đào mả bố Hoằng Dụ là Nguyễn Văn Lang đem chém đầu. Hoằng Dụ đem quân chống lại và viết thư đưa cho Đăng Dung. Đăng Dung nhận được thư, đóng quân lại không đánh nữa, nhân đấy, Hoằng Dụ được toàn vẹn rút quân.

Lời chua - *Thuần Hựu* : Tên huyện. Theo *Thanh Hoa sách*, hồi đầu triều Lê, huyện này gọi là Thuần Hựu, sau đổi làm Thuần Lộc, rồi lại đổi làm Phong Lộc ; bản triều, năm Minh Mạng thứ 2 (1821) đổi làm Hậu Lộc, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 12 nhuận, mùa đông. Lê Quảng Độ nhận tội, nhà vua sai đem giết đi.

Trước đây, Trần Cao đem quân xâm phạm vào cung khuyết, Quảng Độ lấy danh phận là thái sư Thiệu quốc công, đón Trần Cao, xin đầu hàng, được Cao uỷ thác cho giữ công

(1) Ngày nay chỗ ngõ Huyện và ngõ Thọ Xương gần Nhà thờ Lớn, Hà Nội, tức là huyện lỵ của huyện Vĩnh Xương xưa.

việc trong nước. Đến nay, bọn tướng trấn thủ là Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ bắt được Quảng Độ đưa về kinh sư; bầy tôi trong triều ở các khoa các đạo thay đổi nhau làm sớ hặc tâu. Vì thế, bèn đem giết đi.

Dân bị đói lớn.

Năm ấy, trong nước bị đói to, nhân dân chết đói, thây nằm chồng chất lên nhau. Các huyện Đông Triều, Giáp Sơn thuộc Hải Dương và các huyện Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn thuộc Kinh Bắc, nạn đói càng dữ hơn.

Lời chua – *Tiên Du* : Xem Thục An Dương vương năm thứ 48 (Tb. I, 16).

Đông Ngàn : Tức châu Cổ Pháp, xem [Tiền] Lê đế Long Đĩnh, năm Cảnh Thuỵ thứ 2 (Chb.II, 6).

Yên Phong : Tức Yên Phú, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb. XXVI, 10).

Giáp Sơn :Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 37). Chb.**XXVI**,38

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb.XII,25)

Mậu Dần, năm thứ 3 (1518). (Minh, năm Chính Đức thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên hầu.

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn, sét đánh, nhiều người bị chết.

Giết Thiết Sơn bá Trần Chân. Bọn Hoàng Duy Nhạc, đồ đảng của Trần Chân, nổi loạn. Nhà vua đi Gia Lâm.

Trước đây, sau khi đã đuổi được Hoằng Dụ, Trần Chân nắm hết quyền bính trong tay, đến Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, hỏi lấy con gái Trần Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Lúc ấy có người hiếu sự làm câu sấm rằng : "Trần hữu

nhất nhân, vi thiên hạ quân, thỏ đầu hổ vĩ, tế thế an dân" (họ Trần có một người, làm vua thiên hạ, đầu thỏ đuôi hùm, giúp đời yên dân). Vì cớ ấy, quốc cữu[1] Chử Khải, cùng bọn Thọ quốc công Trịnh Hựu, Thuỵ quận công Ngô Bính mưu tính với nhau rằng : "Trần hữu nhất nhân" tức là Trần Chân, "thỏ đầu hổ vĩ" tức là "cuối năm Dần, đầu năm Mão"[2]. Bọn này sợ năm Mão sẽ có biến loạn, nên khuyên nhà vua toan tính sớm đi.

Đến nay nhà vua cho triệu Trần Chân vào trong cung cấm, hạ lệnh đóng các cửa thành rồi sai lực sĩ bắt, Trần Chân chạy đến trên thành, người giữ cửa bắt được đem chém. Lúc ấy, bộ tướng của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính và Nguyễn Áng được tin Chân bị giết, liền đem quân xông vào cửa Đại Hưng, bị người giữ cửa chống cự, không Chb.**XXVI**,39
vào được. Nhà vua thống suất quân sĩ tuần hành
trong thành, sai đem đầu Trần Chân giơ lên cho mọi người biết, bọn Kính và Áng rút lui tụ họp ở Yên Lãng, rồi lại xâm phạm sát vào kinh thành. Đương đêm nhà vua phải chạy đi Gia Lâm lánh nạn, sáng hôm sau đến Dương Quang, vào nhà đô lực sĩ Đàm Cử, quá trưa chưa có cơm ăn, dân chúng tranh nhau đem dâng bánh khoai.

Lúc ấy, Trịnh Tuy đóng ở Sơn Nam, có hơn vạn quân, được tin nhà vua chạy ra ngoài thành, quân sĩ đều giải tán bỏ đi. Do đó, bọn Duy Nhạc đem đồ đảng cướp bóc thả cửa, trong kinh sư thành ra trống rỗng. Nhà vua cho triệu Hoằng Dụ đem quân đánh giặc, nhưng Hoằng Dụ chần chừ, không đem quân đến.

---

(1) Vua chúa đời cổ, gọi những người phụ huynh bên họ mẹ mình là quốc cữu.

(2) Theo sự suy tính của nhà thuật số : 12 hàng chi cầm tinh 12 con giống : năm Dần cầm tinh con hổ, năm Mão cầm tinh con thỏ.

Lời phê – *Công việc lúc bấy giờ như thế, không giết Trần Chân, cũng không ngăn ngừa được loạn lạc.*

Lời chua – *Dương Quang* : Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Gia Lâm : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ nhất (Chb. VII, 34).

Nguyễn Kính : Người xã Dị Nậu, huyện Thạch Thất.

Tháng 8. Sao Thái Bạch đi ngang trên không.

Nhà vua hạ lệnh cho Phạm Khiêm Bính trưng thu, cấp phát lương thực tiếp tế cho quân ăn.

Lúc ấy, Phạm Khiêm Bính, Thừa tuyên sứ ở Kinh Bắc đến hành tại bái yết; nhà vua hạ lệnh cho Khiêm Bính trưng thu cấp phát lương thực để tiếp tế cho quân ăn.

Mạc Đăng Dung xin nhà vua dời đến Bồ Đề ; giết bọn Chử Khải và Trịnh Hựu 3 người.

Nhà vua ở Dương Quang, hạ lệnh triệu Đăng Dung ở Hải Dương. Khi Đăng Dung đến, vào bái yết nhà vua, rồi đóng quân thuỷ ở sông Nhị. Đăng Dung lấy cớ rằng vua ở Dương Quang hơi xa, xin dời đến Bồ Đề để quân thuỷ hộ vệ chầu chực cho được thuận tiện. Đăng Dung lại mật dụ bọn Kính và Áng. Họ đều nói : "Việc giết chết Thiết Sơn bá[1], là do lời gièm pha của Chử Khải, Trịnh Hựu và Ngô Bính ; nay nếu giết 3 người ấy đi, thì vua tôi lại như cũ, không dám có mưu toan gì khác cả". Đàm Cử cũng tán thành việc này. Vì thế nhà vua bèn giết bọn Chử Khải 3 người, mong lại có thể ngăn ngừa được hoạn nạn, nhưng bọn Kính và Áng lại càng kiêu ngạo hoành hành, nắm lấy binh quyền không chịu giải tán. Chb.**XXVI**,40

(1) Tước phong của Trần Chân.

Tháng 9. Đăng Dung giết đô ngự sử Đỗ Nhạc và thiêm đô ngự sử Nguyễn Dự, rồi xin nhà vua dời đến Bảo Châu.

Đăng Dung lại lấy cớ rằng nhà vua ở Bồ Đề gần địa phận của giặc, xin dời đến Bảo Châu. Nhạc và Dự đều can. Đăng Dung sai đồ đảng của mình là Đinh Mông bắt Nhạc và Dự đem giết ở ngoài cửa bắc chỗ hành doanh xã Xuân Đỗ, bầy tôi ai cũng run sợ. Đăng Dung bèn rước vua đi Bảo Châu. Từ đấy quyền bính trong triều đình, ngoài biên trấn, về hết trong tay Đăng Dung.

Lời chua - *Bảo Châu* : Thuộc huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Xuân Đỗ : Tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Chb.**XXVI**,41

Nguyễn Dự : Người xã Hải Triều, huyện Ngự Thiên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) năm Đoan Khánh đời Uy Mục đế.

Bọn Trịnh Tuy và Nguyễn Si làm phản. Nhà vua hạ chiếu với Nguyễn Hoằng Dụ đem quân về cứu viện.

Sau khi nhà vua đã dời đến Bảo Châu, Trịnh Tuy và Nguyễn Si giao thông với giặc là bọn Nguyễn Kính, cùng nhau lập tên Bảng là con của Tĩnh Tu công Lộc, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Đức, rồi lại truất bỏ đi mà lập Lê Do, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Hiến, dựng hành điện ở xã Miêu Nha, huyện Từ Liêm, chia đặt quan thuộc. Lúc ấy, nhà vua ở Bảo Châu, chỉ có Trình Chí Sâm và Nguyễn [Thì] Ung đi theo. Nhà vua sai người dụ bảo Hoằng Dụ đem quân cứu viện. Hoằng Dụ đem quân Thanh Hoa ra cứu nạn nước. Nhà vua hạ lệnh cho Hoằng Dụ cùng với Đăng Dung thống lĩnh quân các đạo Thanh Hoa và Sơn Nam tiến đánh bọn Kính và Áng ở Sơn Tây. Hoằng Dụ đem quân đánh trước, nhưng không thắng lợi. Hoằng Dụ suy

(1) Nay là Tứ Tổng thuộc ngoại thành Hà Nội.

tính rằng mình không thể đánh phá được bọn này, bèn dẫn quân về Thanh Hoa, ít lâu sau thì chết, chỉ còn một Đăng Dung cầm cự nhau với bọn Kinh và Áng.

Lời chua – *Tỉnh tu công Lộc* : Con Cung vương Khắc Xương.

Bảng : Cháu Cung vương.

Do : Em tên Bảng.

Miêu Nha : Tên xã, ở huyện Từ Liêm, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội[1].

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho Đăng Dung thống lĩnh công việc các dinh quân thuỷ và quân bộ. Chb.XXVI,42

Nhà vua đi đến xã Xuân Đỗ, ban dụ tế Đỗ Nhạc, đô ngự sử đã bị chết.

Nhà vua từ Bảo Châu đi Gia Lâm, đến dinh Xuân Đỗ, tưởng nhớ đến Đỗ Nhạc và Nguyễn Dự dâng lời can trung thực, bị Mạc Đăng Dung giết chết, bèn hạ lệnh cho Lê Sạn, thượng thư bộ Lại, đem tờ dụ đến ban tế phẩm cho Đỗ Nhạc và cho 100 quan tiền để thăm viếng và an uỷ; sau nhà vua tặng Đỗ Nhạc hàm thiếu bảo thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử, tước Văn Trinh bá, tên thuỵ là Văn Tiết. Nhà vua cũng truy tặng hàm phó đô ngự sử cho Nguyễn Dự.

Kỷ Mão, năm thứ 4 (1519). (Minh, năm Chính Đức thứ 14).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua đến Bồ Đề, sai tướng đánh đuổi được bọn Trịnh Tuy.

Nhà vua lại đến Bồ Đề, Trịnh Tuy làm cầu phao tiến quân sang nửa phần cầu để khiêu chiến, quan quân phá đứt cầu phao, đánh tan được quân của Tuy. Tuy và Do rút quân về

(1) Nay là thôn Miêu Nha thuộc xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Yên Lãng, nhà vua sai các tướng đuổi đánh, nhân đêm, bọn Tuy chạy trốn.

Lời chua - *Yên Lãng* : Tên Huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb. XXVI, 25).

Đại hạn từ tháng 3 đến tháng tư.

Tháng 5, mùa hạ. Mưa to.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua hạ lệnh cho Mạc Đăng Dung đánh bọn Lê Do và Nguyễn Si, bắt được đem giết đi. Chb.XXVI,43

Đăng Dung đốc xuất các quân thuỷ, quân bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, nhân gặp mưa to, Đăng Dung cho khơi nước vào trại quân của Do. Do cùng bọn Nguyễn Si, Nguyễn Áng chạy đến Ninh Sơn, quan quân bắt được đem giết đi. Trịnh Tuy chạy vào Thanh Hoa ; bọn Nguyễn Kính và Hoàng Duy Nhạc đầu hàng, Đăng Dung xin tha tội cho bọn này và thu dùng họ làm người nanh vuốt cho mình.

Lời chua - *Ninh Sơn* : Tức huyện Yên Sơn. Bây giờ, thuộc tỉnh Sơn Tây.

Từ Liêm : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 11. (Chb. XI, 31).

Tháng 9. Nhà vua trở về cung điện, đại xá cho trong nước, phong Mạc Đăng Dung làm Minh quận công.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 27

Từ Canh Thìn, Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (1520) đến Mậu Thân, Lê Trang Tông, năm Nguyên Hoà thứ 16 (1548), gồm 29 năm. Chb.XXVII,1

*
* *

Canh Thìn, năm [Quang Thiệu] thứ 5 (1520).(Minh, năm Chính Đức thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua sai Mạc Đăng Dung (Dong) tiết chế các doanh quân thuỷ, quân bộ[1], và Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ[2].

Đăng Dung cầu xin cầm nắm tất cả binh quyền để càn quét mọi đám giặc giã. Lễ Bộ thượng thư Phạm Gia Mô cho rằng nếu để binh quyền phân tán ở năm phủ[3] thì Đăng Dung không làm được hết điều mình cần phải làm. Gia Mô liền hiệp sức với các bạn đồng liêu, bảo cử Đăng Dung.

Nhà vua bèn dùng Đăng Dung tiết chế các quân doanh thuỷ và bộ trong mười ba đạo[4] và dùng Gia Mô làm tán lý

(1) Tức là Tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.
(2) Một chức như trợ lý trong quân đội, có nhiệm vụ xem xét giúp đỡ việc quân. Không đặt thường xuyên.
(3) Xem Chb. XX, 2.
(4) Tức là 12 đạo đặt năm 1466 (xem Chb.XX, 7- 8) và đạo Quảng Nam đặt năm 1471 (xem Chb.XXII, 6- 8).

quân vụ. Thế là quân đội tinh nhuệ và khí giới sắc bén trong nước từ đó về cả trong tay Đăng Dung.

Lời chua – *Phạm Gia Mô* : Người Lê Xá, huyện Nghi Dương[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục, Gia Mô là thông gia với Đăng Dung.

Vũ Nghiêm Uy ở Tuyên Quang làm loạn. Nhà vua sai Vũ Hộ đánh : Nghiêm Uy phải chạy.

Nghiêm Uy dấy quân khuấy nhiễu cướp bóc xã Trường Thân và xã Đại Đồng. Nhà vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đi đánh. Quan quân tiến đến xã Đại Đồng thì Nghiêm Uy chạy trốn vào động núi.

Lời chua – *Trường Thân, Đại Đồng* : Đều là tên xã, thuộc Thu Châu, phủ Yên Bình, Tuyên Quang. Chb.**XXVII**,2

Vũ Hộ : Người Thù Du, huyện Nghi Dương.

Tân Tị, năm thứ 6 (1521).(Minh, năm Chính Đức thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Gia phong Mạc Đăng Dung tước Nhân quốc công.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đến chơi nhà Đăng Dung, gia phong Đăng Dung chức thái phó.

Nhà vua sai Đăng Dung đi đánh Trần Cung ở Lạng Nguyên : Trần Cung phải chạy.

Trước kia, Trần Cao[2] trốn lên Lạng Nguyên, triều đình vì bận nhiều việc, nên chưa rời kinh lý đến nơi xa. Cao lén lút chiếm cứ các huyện thuộc Lạng Nguyên và Kinh Bắc, qua 5 năm, truyền cho con là Cung. Cung tiếm hiệu là Tuyên Hoà. Còn Cao thì cắt tóc làm sư, lẩn trốn đâu, không ai biết. Đến đây, nhà vua sai Đăng Dung thống suất các doanh quân thuỷ quân bộ đi đến các địa phương Kinh Bắc và Thái Nguyên, lùng

(1) Nay là thôn Lê Xá, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng.
(2) Xem Chb.XXVI, 25- 26.

bắt được vợ và con gái của Cung, giết chết. Còn Cung trốn vào Thất Nguyên.

Sử cũ chua rằng : Có thuyết nói Cung chạy sang nhà Minh, sau bị đóng cũi giải về kinh đô, giết chết[1].

Lời chua - *Thất Nguyên* : Tên huyện. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb.II, 25).

Nhâm Ngọ, năm thứ 7, (1522).(Tháng 8 trở đi là Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 1).

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lê Khắc Cương và Lê Bá Hiếu ở Kinh Bắc nổi loạn. Nhà vua sai tướng đi đánh, bắt được, giết chết Khắc Cương và Bá Hiếu.

Khắc Cương và Bá Hiếu dấy quân ở địa phương Đông Ngàn[2] và Gia Lâm. Đặng Dung thống suất các tướng đi đánh, không được ; phó đề lãnh tứ thành quân vụ là Lê Thọ chết ở vòng quân. Sau đó, triều đình lại sai tướng khác đi đánh, bèn phá và bắt được bọn Khắc Cương và Bá Hiếu ở Lạng Nguyên, đóng cũi đưa về kinh đô, giết chết. Chb.**XXVII**,3

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua đi Mộng Sơn.

Bấy giờ Đặng Dung chuyên quyền chinh phạt, uy thế ngày một to, lòng mọi người hướng về Đặng Dung.

Bè đảng của Đặng Dung là Phạm Gia Mô[3] nắm giữ chính quyền trong triều ; em rể[4] Đặng Dung là Hữu đô đốc Vũ Hộ làm tổng trấn Sơn Tây, cùng nhau ngầm thông tin tức. Bà con và bè đảng Đặng Dung chằng chịt khắp nơi, câu kết với nhau. Bọn thượng thư Trình Chí Sâm và Nguyễn Ung cũng đều hùa theo.

(1) Xem *Toàn thư*, quyển XV, tờ 54a.
(2) Đất huyện Đông Ngàn cũ nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Đông Anh, Sóc Sơn, Gia Lâm (Hà Nội).
(3) Gia Mô thông gia với Đặng Dung.
(4) Chồng của em gái.

Đăng Dung tiến người con gái nuôi làm tần ngự trong cung để rình từng lúc động tĩnh của nhà vua. Đặng Dung lại sai em là Quyết giữ quân túc vệ và con trai là Đăng Doanh giữ điện Kim Quang. Chính Đăng Dung tiếm dùng thuyền rồng và lọng phượng, ra vào nơi cung cấm không hề kiêng nể chút nào.

Bọn thị vệ là Nguyễn Cấu, đô lực sĩ là Nguyễn Thọ và Đàm Cử đều là những người tâm phúc của nhà vua thì Đăng Dung giết chết cả.

Nhà vua bí mật bàn cùng bọn nội thần là Phạm Hiến và Phạm Thứ định vời binh sĩ (các địa phương) đến đánh.

Trước hết nhà vua sai người đến Tây Kinh[1] mật dụ Trịnh Tuy tiếp đón cứu viện. Đêm đến, hồi canh hai, Chb.XXVII,4 nhà vua bèn cùng bọn Hiến và Thứ chạy đi Mộng Sơn. Hoàng thái hậu và hoàng đệ Xuân đều không kịp biết.

Ngày hôm sau, Đăng Dung biết chuyện, mới dùng binh lính đón chẹn những đường xung yếu, sai bè đảng là Hoàng Duy Nhạc đem quân đuổi kịp đến Thạch Thất. Nhà vua dùng quân lính Thạch Thất bắt được Duy Nhạc, giết chết.

Đăng Dung bèn mưu bàn với thái sư Lạng quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Điêu, Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu cùng bọn Phạm Gia Mô và Dương Kim Biêu lập hoàng đệ Xuân lên làm vua. Nhưng Đăng Dung lại sợ nhà vua ở ngoài hiệu triệu quân sĩ trong nước, nên không dám đóng giữ kinh thành, phải sai đồ đảng là Vũ Hộ đóng quân trấn giữ mạn Bắc Giang và dời Xuân đến huyện Gia Phúc thuộc Hải Dương, đắp luỹ Cẩm Giàng để tự vệ.

Bọn Bắc Giang phó đô tướng là Hà Phi Chuẩn, Nghiêm Bá Ký, Nguyễn Xí và Phạm Tại cùng nhận lãnh lời mật dụ của

(1) Túc Thanh Hoá.

nhà vua. Họ đem quân cần vương miền Bắc Giang đóng ở các huyện Đông Ngàn và Gia Lâm. Bọn văn thần là Đàm Thận Huy, Nguyễn Hữu Nghiêm đều ở trong quân, giúp việc bày mưu lập kế, cầm cự với Đăng Dung ở Tây Kiều giang. Đăng Dung ngầm dụ Phạm Tái khiến Tại đưa đường kéo quân đến đánh, bọn Phi Chuẩn và Bá Ký đều thua chạy.

Lời chua - *Mộng Sơn* : Tên xã, thuộc huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây.

Thạch Thất : Tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai, Sơn Tây.

Gia Phúc : tức huyện Gia Lộc ngày nay, thuộc tỉnh Hải Dương.

Bắc Giang : Tức Kinh Bắc. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 28 - 29). Chb.**XXVII**,5

Cẩm Giàng : Tên hùyện, thuộc phủ Bình Giang, Hải Dương.

Hoàng thái hậu : Họ Trịnh, người Phi Quan thuộc huyện Thanh Chương(1), là vợ Cẩm Giang vương.

Nghiêm Bá Ký : Người Lương Câm thuộc huyện Yên Phong(2).

Nguyễn Hữu Nghiêm : Người Phúc Khê thuộc huyện Đông Ngàn(3), đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh(4) khoa Mậu Thìn (1508), niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục.

Tháng 8. Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung lập hoàng đệ Xuân làm vua.

Đăng Dung đem quần thần rước hoàng đệ Xuân lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên, làm hành điện ở Gia Phúc, tải vàng bạc, tiền của ở kho tàng trong thành đến chứa tại đó.

Nhà vua(5) quay về đến hành điện Thuỵ Quang, chia sai các tướng đi đánh giặc : không thắng được. Nhà vua lại đi huyện Từ Liêm.

---

(1) Thuộc tỉnh Nghệ An.
(2) Thuộc tỉnh Bắc Ninh.
(3) Nt
(4) Tức thám hoa.
(5) Từ đây đến lúc Chiêu Tông bị giết, phàm tiếng "nhà vua" đều chỉ Chiêu Tông.

Nhà vua từ xã Mộng Sơn quay về, ngự ở hành điện Thuỵ Quang, cho trăm quan đến chầu. Bọn Đàm Thận Huy, Hà Phi Chuẩn, Lê Vĩnh, Lê Quảng và Lê Đình Tú đều đem quân đến hội. Nhà vua sai Đình Tú thúc đẩy điều động các quân doanh thuộc Sơn Nam chia ra đóng giữ các nơi xung yếu như Bộc Độ, Ninh Giang và Nghĩa Lễ, nhưng rồi đều bị Đăng Dung phá tan. Đăng Dung bắt được Đình Tú, đưa đến huyện Gia Phúc[1], giết chết.

Nhà vua lại sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vĩnh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm và Nguyễn Xí chia đường chẹn đánh ở các huyện Gia Lâm[2], Văn Giang[3], Đường Hào[4], Cẩm Giàng[5] và Lang Tài[6], cầm cự với quân Đăng Dung đến hàng tháng. Chb.XXVII,6

Bấy giờ các xứ Tây, Nam, Bắc đều đã quay theo chính nghĩa, về với nhà vua. Nhưng nhà vua tin dùng bọn hoạn quan Phạm Điền, không nghe theo ý kiến của chư tướng. Nhà vua sai trung sứ đi triệu Trịnh Tuy ở Thanh Hoa : hết bọn này đến lũ khác đi lại hàng 3, 4 lần, Trịnh Tuy vẫn cứ trùng trình ngờ vực, không chịu đến vội. Đăng Dung chia quân thuỷ, quân bộ tiến phạm bến Đông Hà. Nhà vua sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định và Đàm Khắc Nhượng dàn thành doanh trại để đóng giữ, lại bị Đăng Dung đánh úp : quân của Thúc Mậu và Dư Hoan phải lùi. Đồ đảng của giặc là bọn Hưng Hiền bốn người, tay giữ lá chắn, tay cầm cây thương, từ phường Phục Cổ thẳng phạm vào hành điện là chỗ nhà vua đang ở. Các vệ sĩ chống cự lại. Trong khi gấp rút, trăm quan đều tan tác. Nhà vua bèn rút ra đóng ở Nhân Mục[7]. Dân sở tại đua nhau đem dâng cháo hoa.

(1) Nay là huyện Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Dương.
(2) Nay thuộc Hà Nội.
(3) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(4) Nay là huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(5) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(6) Nay là một phần huyện Gia Lương, Bắc Ninh.
(7) Tức làng Mọc, nay là xã Nhân Chính thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngay ngày hôm ấy, nhà vua dời đi Từ Liêm[1], đóng tại chùa Trùng Quang làng Thiên Mỗ. Trăm quan dần dần tập hợp lại.

Lời chua - *Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ* : Đều là tên xã, thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh.

Gia Lâm : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb.VII, 34).

Đường Hào[2] : Xem Trần Thái Tông, năm Kiến Trung thứ 4 (Chb. VI, 8).

Văn Giang, Lang *Tài* : Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thuận An, Bắc Ninh.

Hành điện Thuỵ Quang : Không rõ ở đâu.

Nhân Mục : Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 2 (Chb.XXV, 22).

Từ Liêm : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10 (Chb.XI, 31). Chb.**XXVII**,7

Thiên Mỗ [3]: Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm.

Tháng 9. Nhà vua quay về, đóng ở làng Thượng Yên Quyết[4].

Nhà vua lại đốc thúc quân các đạo kéo về đến Thượng Yên Quyết ở phía tây kinh thành. Đăng Dung còn bị cản trở vì các tướng Bắc Giang, không dám ngấp nghé nom dòm trong đô thành. Nhà vua lập hành điện ở phía tây kinh đô để coi chầu và dựng nhà thái miếu ở phía đông.

Lời chua - *Thượng Yên Quyết* : Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Tháng 10, mùa đông. Trời mưa ra hoàng trùng.

Phương Đông có khí đỏ vàng che cả góc trời.

(1) Nay là huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(2) Đất huyện Đường Hào cũ, nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.
(3) Nay là xã Tây Mỗ và Đại Mỗ thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(4) Nay là phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Trịnh Tuy cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa. Quốc Tử Giám tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết.

Trịnh Tuy thống suất các tướng sĩ ở ba phủ[1] và ở các xứ thuộc Thanh Hoa hàng hơn vạn người cùng với Trịnh Duy Thuân ra hộ giá. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỷ vào hầu bên vua. Chb.**XXVII**,8

Nội thần là Phạm Điền sợ Bá Kỷ tranh giành quyền bính, bèn tâu vua đem chém, bêu đầu ở ngoài cửa quân doanh Trịnh Tuy. Trịnh Tuy vì thế sinh ra bất bình, bèn cùng bọn Duy Thuân nói phao lên rằng cần đi xem đất để lập doanh trại. Tối đến, Trịnh Tuy dời quân đến mai phục ở Dịch Vọng[2] ; gần mờ mờ sáng, đem quân hò la ầm ĩ, tiến sát đến chỗ nhà vua. Bấy giờ nhà vua bối rối, không biết xoay xở ra sao. Bọn Tuy bèn cướp lấy nhà vua đem về Thanh Hoa.

Tư nghiệp Lê Hiếu Trung tử tiết. Lại bộ thượng thư Đông các đại học sĩ thị Kinh Diên[3] là Vũ Duệ và Lại bộ thượng thư là Ngô Hoán cùng với môn đồ là bọn Nguyễn Mẫn Đốc thống suất hương binh đi theo nhà vua, đến Thanh Hoa, đứt liên lạc, không biết nhà vua ở đâu. Họ đều hướng về lăng tẩm Lam Sơn, bái vọng, rồi tự vẫn cả. Đô ngự sử là Nguyễn Văn Vận đi theo ngự giá, bị Đăng Dung giết chết.

Lời cẩn án – *Về cái chết trung của bọn Vũ Duệ, Ngô Hoán và Nguyễn Mẫn Đốc,* Sử cũ *không chép ; nay khảo ở Trung Hưng tiết nghĩa lục và Đăng khoa lục bổ sung thêm.*

Lời chua – *Tam Phủ* : Tức là ba phủ Hà Trung, Tĩnh Gia và Thiệu Hoá.

Lăng tẩm Lam Sơn[4] : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb.XV, 33).

---

(1) Xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục.*

(2) Tức làng Vòng nay là phường Dịch Vọng thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội.

(3) Chức quan hầu nhà vua học tập ở toà Kinh Diên.

(4) Thuộc Thanh Hoá.

Lê Hiếu Trung : Người Chi Nê[1], huyện Chương Đức[2] đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502), niên hiệu Cảnh Thống.

Trịnh Duy Thuân : Người Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương[3].

Vũ Duệ : Người Trình Xá, huyện Sơn Vi[4], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh[5] khoa Canh Tuất[6] (1490), niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Ngô Hoán : Người Thượng Đáp[7] thuộc huyện Thanh Lâm, đỗ Tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh[8] khoa Canh Tuất (1490), niên hiệu Hồng Đức.

Nguyễn Mẫn Đốc : Người Xuân Lũng thuộc huyện Sơn Vi, đỗ Tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Nguyễn Văn Vận : Người Ngọc Trục thuộc huyện Cẩm Giàng[9], đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505), niên hiệu Đoan Khánh đời Lê Uy Mục. Chb.**XXVII**,9

Tháng 11. Định Sơn hầu Giang Văn Dụ dấy quân đánh Đăng Dung : không thắng được.

Văn Dụ dấy quân ở Thanh Oai[10], các huyện Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức, Thanh Đàm, Thượng Phúc và Phú Nguyên đều hưởng ứng theo. Lê Văn Phúc vội báo tin gấp rút đến Đăng Dung.

Bấy giờ Đăng Dung đang đánh dẹp ở vùng Kinh Bắc, sai tì tướng là bọn Kiều Văn Côn, Lê Bá Ly và Mạc Quyết từ các

---

(1) Nay là thôn Chi Nê thuộc xã Trung Hoà huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

(2) Nay là huyện Chương Mỹ, Hà Tây.

(3) Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

(4) Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.

(5) Tức trạng nguyên.

(6) Nguyên văn *Cương mục* in lầm là Canh Thìn. Nay tra trong *Toàn thư* XIII, 64 chép khoa Canh Tuất (1490) có Vũ Duệ và Ngô Hoán... đỗ tiến sĩ cập đệ... Vậy xin cải chính.

(7) Nay thuộc xã Nam Hồng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

(8) Tức bảng nhãn.

(9) Nay thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(10) Nay là huyện Thanh Oai thuộc tỉnh Hà Tây

lộ Phú Nguyên, Thanh Đàm và Thanh Oai đồng thời tiến quân, bốn mặt đánh khép lại : Văn Dụ tan vỡ, chạy trốn.

Lời chua - *Thanh Oai* : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 31).

Thanh Đàm : Tức Long Đàm. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chb.VI, 26).

Sơn Miêng, Hoài An, Chương Đức : Tên ba huyện, đều thuộc phủ Ứng Hoà, Hà Nội[1].

Thượng Phúc, Phú Nguyên : Tên hai huyện, đều thuộc phủ Thường Tín[2]. Phú Nguyên nay là Phú Xuyên.

Tháng 12. Hoàng đệ Xuân từ Gia Phúc[3] quay về, đóng ở Bồ Đề.

Quý Mùi, năm thứ 8 (1523).(Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 2. (Minh, năm Gia Tĩnh thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Thanh Hoa. Chb.XXVII,10

Đăng Dung sai bè đảng là bọn Mạc Quyết, Vũ Hộ và Vũ Như Quế đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa. Trịnh Tuy nhân đó, dời nhà vua đến châu Lang Chánh.

Lời chua - *Châu Lang Chánh* : Thuộc phủ Thanh Đô, tỉnh Thanh Hoa.

Hoàng đệ Xuân phong Nguyễn Ung làm Lương văn hầu.

Trước kia, nhà vua thấy Ung bám theo Đăng Dung, nên giam Ung ở điện Quỳnh Vân, nhưng chưa kịp giết. Khi nhà vua đi xã Mộng Sơn, Đăng Dung thả Ung ra. Đến đây Ung đem con gái dâng cho Xuân, lại đem con gái khác gả cho Đăng Dung, do đó Ung được phong tước hầu.

(1) Nay là các huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức và Chương Mỹ thuộc tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là các huyện Thường Tín, Phú Xuyên thuộc tỉnh Hà Tây.
(3) Nay là huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương.

Tháng 8, mùa thu. Có sâu cắn lúa.

Mạc Đăng Dung phế nhà vua làm Đà Dương vương.

Bấy giờ nhà vua đang ở châu Lang Chánh. Đăng Dung giả mạo chiếu chỉ của Xuân, phế truất vắng mặt nhà vua.

Lời chua - *Đà Dương* : Tên xã, thuộc châu Lục Yên, phủ Yên Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Giáp Thân, năm thứ 9 (1524).(Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 3. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung tự làm bình chương quân quốc trọng sự, thái phó, Nhân quốc công.

Chb.**XXVII**,11

Tháng 11, mùa đông. Xuân truy phong Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hoằng hưu bá.

Trước kia, Trần Chân bị gian thần gièm pha[1], nên cùng con em sáu người đều bị giết chết. Đến đây được truy phong.

Ất Dậu, năm thứ 10 (1525).(Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 4. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 4).

Tháng 6, mùa hạ. Đại hạn.

Tháng 10, mùa đông. Đăng Dung đánh bại Trịnh Tuy, bèn cướp lấy nhà vua, đem về phường Đông Hà.

Đăng Dung tự làm đô tướng, thống suất các doanh quân thuỷ quân bộ, vào đánh Trịnh Tuy ở châu Lang Chánh thuộc Thanh Hoa[2] : đánh hãm được hết các quận huyện ở Tây

(1) Trần Chân, người La Khê, (nay thuộc thị xã Hà Đông), tước Thiết Sơn bá, sau khi đánh đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ (đinh sửu, 1517), nắm nhiều quyền bính trong tay. Về sau, có kẻ đặt bài vè để vu oan giá hoạ cho Trần Chân, nên bị Lê Chiêu Tông giết chết (xem *Toàn thư* XV, 43 ; *Cương mục* Chb. XXVI, 38).

(2) Từ đây trở xuống, cũng như từ đây ngược lên đầu triều Lê Thái Tông, *Cương mục* thường chép Thanh Hoá là Thanh Hoa, là theo sự thay đổi từ năm Quang Thuận thứ 10 (1469). Đến triều Nguyễn, năm Thiệu trị thứ 1 (1841), vì kiêng tên mẹ Thiệu Trị, lại đổi là Thanh Hoá.

Kinh[1]. Sau đó, Trịnh Tuy chết. Đăng Dung bèn cướp lấy nhà vua ở Lang Chánh, đem về để ở tại phường Đông Hà.

Lời chua – *Đông Hà* : Tên phường, thuộc huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức[2], Hà Nội.

Tháng 12. Đăng Dung giết Phúc Lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Phi Chuẩn đóng quân ở Bắc Giang. Nghe tin Đăng Dung đã bức hiếp đem nhà vua về rồi, quân của Phi Chuẩn đều giải tán. Phi Chuẩn bị môn đồ[3] bắt, đem đến kinh đô. Đăng Dung sai thắt cổ giết chết Phi Chuẩn. Chb.XXVII,12

Bấy giờ hàn lâm hiệu lý Nguyễn Thái Bạt bị Đăng Dung cưỡng ép vời đến, ông giả vờ thanh manh, được đến gần, nhân đó ông nhổ vào mặt Đăng Dung và mắng chửi ầm ỹ. Lễ Bộ thượng thư Lê Tuấn Mậu bị Đăng Dung cưỡng ép vào chầu, ông xu xu hòn đá trong ống tay áo, ném Đăng Dung, không trúng. Cả hai đều bị Đăng Dung giết chết.

Lại bộ Thượng thư Đàm Thận Huy, Kinh Bắc Tham chính sứ Nguyễn Duy Tường, Hiến sát sứ Nguyễn Tự Cường và Bình hồ bá Nghiêm Bá Ký đều thống suất hương binh[4] chống đánh với Đăng Dung: không thắng được, đều tự tử chết.

Đô ngự sử Lại Kim Bảng lánh về quê làng, sau bị Đăng Dung cưỡng ép vời gọi. Khi qua giữa dòng sông Nhị, ông, mũ áo chỉnh tề, bái vọng về Lam Sơn[5], lớn tiếng mắng chửi Đăng Dung, rồi gieo mình xuống sông chết.

---

(1) Tức Thanh Hoá.
(2) Nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
(3) Người môn đồ này không rõ tên là gì, chỉ thấy *Toàn thư* XV, 64 chép tước là Tử nhạc bá.
(4) Tức là dân quân.
(5) Chỗ lăng tẩm các vua nhà Lê.

Phó đô ngự sử Nguyễn Hữu Nghiêm và Lễ Bộ tả thị lang Lê Vô Cương bị bắt, không chịu khuất phục, đều bị Đăng Dung giết chết.

Nguyễn Thiệu Tri, trước kia, làm Hộ Bộ thượng thư, đã trí sĩ. Nay được tin con là Nguyên Sùng nhận lãnh nguỵ chức[1] của Mạc Đăng Dung, ông bèn gọi em của Nguyên Sùng đến, trối trăng mọi việc sau khi mình chết : không cho Nguyên Sùng được làm con. Đêm đến, ông hướng về Lam Sơn bái vọng, rồi tự vẫn chết.

Bây giờ có đến hơn mười người tử tiết. Riêng Lễ Bộ thượng thư Phạm Khiêm Bính trước tiên đi yết kiến, bị Đăng Dung truất xuống làm Hộ Bộ hữu thị lang. Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu theo nhà vua đi Thanh Hoa, kịp khi nhà vua bị Đăng Dung bức hiếp đem về, Nguyễn Mậu về trước để đợi tội, bị Đăng Dung truất xuống làm Tuyên Quang thừa chính sứ. Chb.**XXVII**,13

Lời chua - *Lam Sơn* : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 2).

Đàm Thận Huy : Người Ông Mặc thuộc huyện Đông Ngàn[2].

Lê Tuấn Mậu : Người Xuân Lôi, huyện Yên Phong[3]. Đàm Thận Huy và Lê Tuấn Mậu đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490), niên hiệu Hồng Đức đời Lê Thánh Tông.

Nguyễn Tự Cường : Người Tam Sơn thuộc huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa giáp tuất (1514) niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Thiệu Tri : Người Xuân Lôi, huyện Lập Thạch[4], đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Tuất[5], niên hiệu Hồng Đức.

---

(1) Vì nhà Mạc bị *Cương mục* liệt vào hạng triều đại tiếm nghịch, không được kể là chính thống, nên phàm quan chức nhà Mạc đều bị chép là "nguỵ chức" hay "nguỵ quan".
(2) Nay là thôn Ông Mạc, xã Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.
(3) Nay là thôn Xuân Lôi, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh.
(4) Nay là thôn Xuân Lôi, xã Xuân Lôi huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc.
(5) Đây là lỗi in của *Cương mục*, thực ra suốt triều Hồng Đức (1470- 1497) không có khoa nào là khoa "Mậu Tuất". Vậy nếu là Mậu Thân thì là 1488 ; nếu là Canh Tuất thì là 1490.

Nguyễn Duy Tường : Người Lý Hải thuộc huyện An Lãng[1], đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Nguyễn Thái Bạt : Người Bình Lãng thuộc huyện Cẩm Giàng[2], đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1520), niên hiệu Quang Thiệu.

Lại Kim Bảng : Người Kim Lan thuộc huyện Cẩm Giàng, đỗ Tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thiệu.

Lê Vô Cương : Người Thiên Biều thuộc huyện An Lãng, đỗ Tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận.

Bính Tuất, năm thứ 11 (1526). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 5. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở phường Đông Hà.

Tháng 12, mùa đông. Đăng Dung giết nhà vua ở phường Đông Hà.

Đăng Dung mật sai đồ đảng là Phạm Kim Bảng giết nhà vua ở phường Đông Hà, đem về táng tại lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm[3]. Nhà vua ở ngôi 11 năm, thọ 26 tuổi.

Đinh Hợi (1527). (Hoàng đệ Xuân, năm Thống Nguyên thứ 6. - Từ tháng 6 trở đi, là Mạc Đăng Dung năm Minh Đức thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 6).

Tháng 4, mùa hạ. Đăng Dung tự làm An Hưng Vương, tự cho mình được hưởng nghi lễ và đồ dùng "cửu tích"[4].

Đăng Dung từ sau vụ Đông Hà[5], giả vờ rút lui, sống cách nhàn tản, về ở Cổ Trai, nhưng vẫn từ xa cầm nắm quyền bính triều đình. Chb.XXVII,14

(1) Nay là thôn Lý Hải, xã Phú Xuân, huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.
(2) Nay thuộc huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
(3) Nay là Thanh Trì thuộc Hà Nội.
(4) Theo chế độ phong kiến xưa, khi thiên tử muốn tỏ ý ưu đãi một đại thần nào thì ban cho đồ quý giá và cho hưởng nghi lễ đặc biệt để biểu dương khác với mọi người. Chín thứ ban cho ấy gọi là "cửu tích". Muốn rõ từng thứ một, xin xem "Lời chua" ở sau của *Cương mục*.
(5) Tức là việc giết Lê Chiêu Tông ở phường Đông Hà.

Xuân sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu và Lan Xuyên bá Phan Đình Tá cầm cờ tiết và đem kim sách đi Cổ Trai ban cho Đăng Dung : mũ áo thêu rồng đen, đai ngọc, kiệu tía, quạt vẽ, tán tía ; tiến phong Đăng Dung tước An Hưng Vương, và cho thêm "cửu tích".

Xuân lại ban cho Đăng Dung bài thơ nói về việc Chu Công giúp rập Thành Vương.

Lời chua - *Cửu tích* : Theo sách *Lễ vi* thì "cửu tích" gồm có :

1. Xe, ngựa.
2. Áo mặc.
3. Nhạc khí.
4. Cửa son.
5. Nạp bệ [1].
6. Hổ bôn[2].
7. Cung, tên.
8. Phủ việt[3].
9. Cự sưởng[4].

Chín thứ ban cho trên đây là cốt để khuyến khích người thiện đã nâng đỡ được kẻ không đủ tài năng.

Sách *Bạch hổ thông chép* : Biết vỗ về cho dân được yên vui thì ban cho xe và ngựa. Làm được cho dân giàu có thì ban cho áo mặc. Làm cho dân được hoà vui thì ban cho nhạc khí, làm cho số dân tăng nhiều thì ban cho được dùng cửa son. Biết khuyên nhà vua làm điều thiện thì cho được "nạp bệ". Biết đẩy lùi được điều ác của nhà vua thì ban cho quân hổ bôn. Giết được kẻ có tội thì ban cho cây phủ việt. Đánh dẹp được kẻ phản nghịch thì ban cho cung và tên. Có lòng hiếu thảo đầy đủ thì ban cho rượu cúng tế.

(1) Được phép xây ngay thềm bậc lên xuống ở trong nền nhà, chứ không phải xây lộ thiên ở ngoài.
(2) Những tay dũng sĩ.
(3) Phủ : cái búa ; việt : búa lớn.
(4) "Cự sưởng", một thứ rượu dùng về việc cúng tế,

Cổ trai : Tên xã, xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 4 (Chb.XXV, 26).

Vũ Hữu : Người làng Mộ Trạch(1), huyện Đường An(2), đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463), niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông. Chb.**XXVII,15**

Phan Đình Tá : Người Phù Lưu, huyện Thiên Lộc(3), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499), niên hiệu Cảnh Thống, đời Lê Hiến Tông.

Tháng 6. Đăng Dung tự xưng là vua.

Đăng Dung từ Cổ Trai vào kinh đô, ép Xuân nhường ngôi cho mình.

Bấy giờ ban thứ trăm quan đã yên chỗ, nhưng chưa có tờ chiếu nhường ngôi. Đăng Dung hạ lệnh cho Lại Bộ thượng thư Trương Phu Duyệt(4) đứng thảo. Nhưng Phu Duyệt quắc mắt, mắng Đăng Dung : "Thế nghĩa là gì !"

Đăng Dung bèn sai Đông Các đại học sĩ Nguyễn Văn Thái phải làm cho xong tờ chiếu. Đăng Dung bèn sai tuyên đọc lời chiếu rồi xưng hoàng đế, đổi năm này (Đinh Hợi, 1527) làm năm Minh Đức thứ 1.

Đăng Dung giết hoàng đệ Xuân và hoàng thái hậu Trịnh thị.

Đăng Dung phế truất Xuân xuống làm Cung vương, giam luôn với hoàng thái hậu Trịnh thị ở nội cung phía tây, vài tháng sau, ép phải tự tử.

Đăng Dung vào đóng tại thành Thăng Long, lập miếu, dựng điện, truy tôn tổ khảo nhà mình.

(1) Nay là thôn Mộ Trạch thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.
(2) Thời Lê thuộc phủ Thượng Hồng. Thời Nguyễn do phủ Bình Giang kiêm lý. Phủ Bình Giang sau là huyện Bình Giang.
(3) Sau đổi Can Lộc thuộc Hà Tĩnh (xem thêm *Cương mục*, Tb.IV, 23 ; *Đại Nam nhất thống chí*, XIII, 5, tỉnh Hà Tĩnh).
(4) Người xã Kim Đâu, huyện Thanh Miện nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Đăng Dung từ Cổ Trai vào ở thành Thăng Long, đặt Hải Dương làm Dương Kinh, lập miếu và cung điện ở xã Cổ Trai. Từ tổ là Mạc Đĩnh Chi đến cha là Hịch gồm bảy đời đều truy tôn làm đế và hậu. Lập con là Đăng Doanh làm thái tử, phong em trai là Quyết làm Tín vương, em trai là Đốc làm Từ vương, em gái là Ngọc Huệ làm công chúa... Lại phong em rể là Vũ Hộ làm Tĩnh quốc công, cho lấy theo họ Mạc ; phong hoạn quan Nguyễn Thế Ân làm Lỵ quốc công. Chb.XXVII,16

Bấy giờ trong kinh đô và ngoài các lộ thảy đều hoang mang. Đăng Dung sợ lòng người tưởng nhớ nhà Lê cũ, sinh ra biến cố, nên phàm việc đều noi theo chế độ triều Lê, vỗ về một cách giả tạo để trấn áp lòng người : nào sửa chữa đền miếu nhà Lê cũ, cúng tế theo tuần tiết bốn mùa, nào truy phong thêm cho các bầy tôi tiết nghĩa nhà Lê như bọn Vũ Duệ và Đàm Thận Huy... Đăng Dung lại cầu tìm con cháu các công thần, bề ngoài tỏ ý lục dụng để vỗ về họ.

Nhưng con cháu các nhà công thần ấy hoặc trốn tránh vào rừng núi, hoặc giấu tên ẩn họ, không ra làm quan, hoặc tụ họp làm giặc cướp, hoặc trốn đi ngoại quốc để lánh nạn.

Lời chua - *Nguyễn Thế Ân* : Người Mộ Trạch, huyện Đường An[1].

Mậu Tí (1528).(Mạc, năm Minh Đức thứ 2. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung đúc thứ tiền khác.

Đăng Dung muốn thay đổi, lập chính sự mới, nhưng khi cho đúc tiền theo phép cũ thì phần nhiều hỏng cả, bèn đúc thứ tiền mới pha lẫn cả chì và sắt, ban hành trong nước khiến cho thông dụng.

(1) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Tháng 2, Đăng Dung phong tước và phẩm trật cho bè đảng mình có hơn kém khác nhau.

Phong :

Nguyễn Quốc Hiến làm phò mã đô uý, thái bảo, Lâm quốc công, cho đổi theo họ Mạc ; Chb.XXVII,17

Mạc Quốc Trinh làm thái sư, Lân quốc công ;

Mạc Đình Khoa làm tả đô đốc, Khiêm quận công ;

Nguyễn Ung làm thiếu bảo, Thông quốc công ;

Trần Phỉ làm Lai quận công.

Ngoài ra, bọn Khuất Quỳnh Cửu, Nguyễn Bỉnh Đức, Phạm Gia Mô, Phan Đình Tá, Nguyễn Văn Thái, Nguyễn Mậu, Hà Cảnh Đạo, Mạc Ích Trưng, Nguyễn Tuệ, Nguyễn Địch, Phạm Chính Nghị, Nguyễn Chuyên Mỹ, Nguyễn Độ, Lê Quang Bí và Nguyễn Điển Kính 56 người đều được thăng trật và phong tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua - *Trần Phỉ* : Người Chi Nê[1], huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1505) niên hiệu Đoan Khánh đời Lê uy Mục.

Khuất Quỳnh Cửu : Người Lôi Trạch, huyện Thạch Thất[2] đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) niên hiệu Cảnh Thống đời Lê Hiến Tông.

Phạm Chính Nghị : Người làng Hoa Kiều[3], huyện Lang Tài[4].

Hà Cảnh Đạo : Người làng Đạo tú thuộc huyện Siêu Loại [5].

Nguyễn Chuyên Mỹ : Người làng Thạch Lưu, huyện An Lão[6].

Nguyễn Bỉnh Đức : Người Thịnh Quang, huyện Quảng Đức [7]. Từ Phạm Chính Nghị, Hà Cảnh Đạo đến Nguyễn Chuyên Mỹ và Nguyễn

(1) Nay thuộc huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là thôn Trạch Lôi, xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, Hà Tây.
(3) Tục gọi Huê Kiều (cầu hoa).
(4) Nay là huyện Gia Lương, Bắc Ninh.
(5) Nay là huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.
(6) Nay là thôn Thạch Lựu, xã An Thái, huyện An Lão, Hải Phòng.
(7) Nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội.

Bỉnh Đức đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1514), niên hiệu Hồng thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Tuệ : Người Kim Bài, huyện Thanh Oai[1].

Nguyễn Địch : Người Lai Xá, huyện Lang Tài. Nguyễn Tuệ và Nguyễn Địch đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1511), niên hiệu Hồng Thuận đời Lê Tương Dực.

Nguyễn Độ : Người Phù Vệ thuộc huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Dần (1518), niên hiệu Quang Thuận.

Lê Quang Bí : Người Mộ Trạch, huyện Đường An[2]; đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1526), niên hiệu Thống Nguyên. Chb.XXVII,18

Bọn Lê Công Uyên, Nguyễn Ngã, Nguyễn Thọ Trường dấy quân đánh Đăng Dung : không thắng được.

Bấy giờ Đăng Dung sau khi làm việc thí nghịch và tiếm ngôi nhà Lê, mưu mô tìm kiếm con cháu các công thần để câu nhử bằng quan tước. Bích Khê hầu Lê Công Uyên là cháu nhà công thần, công phẫn vì chính nghĩa, không chịu khuất phục nhà Mạc, bèn mưu bàn với bọn Nguyễn Ngã và Nguyễn Thọ Trường cùng dấy quân. Họ tấn công vào cửa Chu Tước, nhưng không được ; phải chạy vào Thanh Hoá, chiêu tập nhân dân, kéo cờ chư tướng. Đăng Dung sai quân đi đánh. Công Uyên bị Lê Thiệu, người châu Thuý Đả, giết chết, do đó các tướng đều tan vỡ.

Lời chua - *Lê Công Uyên* : Người huyện Lôi Dương[3], là cháu nội Lê Văn Linh, khai quốc công thần.

Thuý Đả : Tên châu, thuộc tỉnh Thanh Hoá.

(1) Nay là thôn Kim Bài, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Hà Tây.
(2) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, Hải Dương.
(3) Nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Thanh Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10[1] (Chb.XXI, 20-21).

Đăng Dung quy định binh chế, điền chế và lộc chế[2].

Đăng Dung cho rằng bấy giờ sau lúc thừa hưởng thái bình, chế độ đã trễ tràng lỏng lẻo, nên muốn sửa sang và chấn chỉnh lại. Đăng Dung bèn sai bọn Nguyễn Quốc Hiến khảo cứu sắp xếp lại chế độ về quân đội, về ruộng đất, về bổng lộc. Lại kiểm điểm danh hiệu các vệ, các sở, các ti, tên chức quan, số nhân viên và số quân lính ở trong kinh đô và ngoài các lộ thuộc năm phủ[3]. Tất cả mọi quy chế trên đây đại khái đều phỏng theo điển lệ đời Hồng Đức (1470-1497). Đăng Dung lại đặt thêm vệ Hưng Quốc và vệ Chiêu Vũ, cộng với hai vệ Cẩm Y, Kim Ngô đã đặt từ trước, thành bốn vệ. Đặt quân Hải Dương thuộc vệ Hưng Quốc, quân Sơn Nam thuộc vệ Chiêu Vũ, quân Sơn Tây thuộc vệ Cẩm Y, quân Kinh Bắc thuộc vệ Kim Ngô. Lại chia người bổ vào các ti ở trong các vệ. Mỗi ti đặt : một chỉ huy sứ, một chỉ huy đồng tri, một chỉ huy thiêm sự, mười trung hiệu, một thư ký, 1.100 trung sĩ, chia làm 22 ban. Ban chia làm 5 giáp. Mỗi giáp đặt một người làm giáp thủ, luân phiên nhau vào túc trực. Chb.XXVII,19

Lời chua – *Binh chế, điền chế và lộc chế* : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb.XXIII, 5-25). Những phủ, vệ và ti do Mạc Đăng Dung đặt thêm, không rõ số mục là bao nhiêu.

Kỷ Sửu (1529).(Mạc, năm Minh Đức thứ 3. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 8). Bầy tôi cũ nhà Lê là Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy đi tố cáo với nhà Minh.

Hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh về việc Đăng Dung tiếm ngôi, và xin nhà Minh

(1) Nguyên văn Cương mục in lầm là Quang thuận thứ 7.
(2) Tức là chế độ về quân đội, về ruộng đất và về bổng lộc.
(3) Xem Chb.XX, 2.

dấy quân hỏi tội. Đặng Dung hối lộ bầy tôi nơi biên giới nhà Minh để ỉm chuyện đi. Do đấy công việc không xong, hai người đều chết ở nhà Minh.

Triệu tổ Tĩnh hoàng đế[1] ta[2] dấy quân ở Ai Lao.

Triệu tổ Tĩnh hoàng đế ta trước kia làm Thanh Hoa hữu vệ Điện Tiền tướng quân, tước An Thanh hầu, bấy giờ đem con em sang Ai Lao, được quốc vương Ai Lao là Sạ Đẩu dâng cho đất Sầm Châu, bèn do nhân dân đấy và đất đai đấy (tổ chức làm căn cứ địa) : gây nuôi quân lính, thu dùng hào kiệt, ngầm tìm con cháu họ Lê để toan tính công cuộc khôi phục. Chb.XXVII,20

Lời chua - *Sầm Châu* : Thuộc Thanh Hoa, phía tây nam giáp với Ai Lao, có man Mang Hổ cư trú. Khoảng niên hiệu Gia Long (1802-1819) triều ta[3], Sầm Châu là cống man[4] ở Thanh Hoa, lại chịu riêng phú thuế và sưu dịch với nước Vạn Tượng. Năm Minh Mạng thứ 8 (1827), Vạn Tượng bị Tiêm La đánh phá. Sầm Châu cầu xin phụ thuộc về ta, liền đó ta đổi làm huyện Sầm Nưa, cho lệ thuộc vào phủ Trấn Biên, tỉnh Nghệ An. Năm Minh mạng thứ 9 (1828), ta thấy đất ấy gần tỉnh Thanh Hoa, nên theo sự thuận tiện của dân Man, lại đặt lệ thuộc phủ Trấn Man.

Đăng Dung mở khoa thi hội. Chb.XXVII,21

Từ phép thi đến cách thức ban ơn đều nhất nhất noi theo điển lệ của triều Lê. Khoa này, bọn Đỗ Tổng, Nguyễn Hãng và Nguyễn Văn Huy 27 người trúng tuyển. Từ đó về sau, cứ ba năm một khoa thi, giữ làm lệ thường.

---

(1) Tức là Nguyễn Kim, người Bái Trang, huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hoá, tổ của triều Nguyễn. Vì *Cương mục* do sử thần triều Nguyễn chép, nên, khi nói về Nguyễn Kim, chỉ tôn xưng miếu hiệu, không chép thẳng tên. Và từ đây trở đi, phàm chỗ nào chép về tổ tiên và vua chúa triều Nguyễn đều kèm theo chữ "ta" (ngã) cả.

(2) Nt.

(3) Nguyên văn là "bản triều". Đó là do Quốc sử quán triều Nguyễn chép, nên gọi triều Nguyễn là "triều ta". Các chỗ khác trong sách này cũng đều chung một lệ ấy.

(4) Dân thiểu số này, hằng năm, chỉ phải giữ lễ tiến cống, chứ không phải chịu phú thuế và sưu dịch với triều đình nhà Nguyễn.

Lời chua – *Đỗ Tổng* : Người Lại Ốc, huyện Văn Giang [1].

Nguyễn Hăng : Người Vũ Lăng, huyện Thượng Phúc[2].

Nguyễn Văn Huy : Người Vịnh Cầu, huyện Đông Ngàn[3].

Canh Dần (1530).(Mạc Đăng Doanh, năm Đại Chính thứ 1. – Minh, năm Gia Tĩnh thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Dung truyền ngôi tiếm nguỵ cho con là Đăng Doanh.

Đăng Dung cướp ngôi được ba năm, bèn truyền ngôi tiếm nguỵ cho con trưởng là Đăng Doanh, tự cho mình là già cả, xưng thái thượng hoàng, lui về ở tại Cổ Trai để trấn giữ củng cố chỗ căn bản, nhưng vẫn nắm giữ tất cả quyền bính và định đoạt mọi việc quốc gia. Đăng Doanh tiếm đặt niên hiệu là Đại Chính (1530-1540).

Lê Ý, người Thanh Hoa, dấy quân ở Da Châu.

Tháng 4, mùa hạ. Lê Ý đánh bại Đăng Dung ở sông Mã.

Lê Ý, con công chúa Thái An nhà Lê, căm phẫn họ Mạc tiếm nghịch, bèn tụ họp quân chúng, chiếm giữ Da Châu, lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, báo cáo với gần xa, chiêu tập những người nghĩa dũng. Trong khoảng mươi lăm hôm đến một tháng, được đến vài vạn quân, Lê Ý dàn doanh trại, dựng rào lũy, chia quân đặt thành từng bộ, từng ngũ đóng đồn ở vùng sông Mã.

Chb.**XXVII**,22

Hào kiệt ở các quận huyện đều cho rằng họ Lê lại trung hưng, bèn kéo nhau đến quy phụ. Thanh thế quân đội của Lê Ý rất lừng lẫy.

Nghe biết việc này, Đăng Dung chính mình đốc suất vài vạn quân thuỷ, quân bộ, đánh nhau với Lê Ý ở sông Mã, bị Lê

(1) Nay là thôn Lại Ốc, xã Long Hưng, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay thuộc xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
(3) Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Ý đánh bại. Đăng Dung bèn rút về, để đồ đảng là bọn Mạc Quốc Trinh ở lại đóng giữ Hoa Lâm. Lê Ý nhân đà thắng lợi, tiến đến thành Tây Đô[1], lập đại doanh ở Nghĩa Lộ.

Lời chua – *Da Châu* : Tức châu Quan Da thuộc tỉnh Thanh Hoa.

Sông Mã : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 18).

Tây Đô : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb.XXI, 16).

Hoa Lâm : Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Nghĩa Lộ : Không rõ ở đâu.

Tháng 8, mùa thu. Lê Ý đánh cho Đăng Doanh đại bại ở Động Bàng.

Khi Đăng Dung thua trận rút về thì Đăng Doanh kéo đại quân vào hội ở địa phận sông Hoằng Hoá. Hai đạo quân của Đăng Dung và Đăng Doanh đồng thời cùng tiến. Mạc Quốc Trinh được lệnh đem 200 chiến thuyền tiến lên trước. Họ hẹn nhau rằng, ngày hôm sau, tất cả cùng hội binh ở sông Đa Lộc thuộc huyện An Định[2].

Nghe biết tin này, Lê Ý đặt nghi binh ở Đa Lộc, còn chính mình thì đem toán quân tinh nhuệ, đêm đến, lén đi đường tắt, mờ sáng, đến An Sơn[3].

Bấy giờ thuyền quân Quốc Trinh đang đi qua, Lê Ý nổi pháo hiệu ầm lên, rồi tự đốc suất quân lính đánh tiện ngang vào phía sau quân địch. Quốc Trinh kinh ngạc luống cuống, không biết xoay trở ra sao ! Quân bên Mạc tranh nhau bỏ thuyền chạy. Lê Ý ruổi ngựa, dẫn đầu tướng sĩ, đuổi chém hơn 70 thủ cấp địch. Quân Mạc đổ vỡ tan

Chb.**XXVII**,23

(1) Tức thành Thanh Hoá.

(2) Thuộc Thanh Hoá.

(3) *Toàn thư* XV, 75 chép là "An sơn giang" (cũng thuộc Thanh Hoá).

tành. Quân Lê Ý thừa thắng, đuổi kẻ thua chạy, chém và bắt được vô kể.

Buổi trưa hôm ấy, Đăng Doanh tiến đến Động Bàng, vì còn chưa biết Quốc Trinh đã bại trận.

Lê Ý khẳng khái ra lệnh cho các tướng : "Bây giờ gặp quân địch to lớn như thế này, nếu ta không cố sức chiến đấu thì đến bao giờ cho khôi phục được?" Các tướng đều hăng hái tiến lên trước, lại cả phá được địch : chém và bắt sống được đến hơn vạn người. Quân Mạc bị chết, chồng gối lên nhau ! Đăng Doanh phải chạy về, để Quốc Trinh đóng quân ở lại, cố thủ Tống Giang.

Lời chua – *Đa Lộc, An Giang*(1), *Động Bàng* : Đều là tên xã, thuộc huyện An Định, tỉnh Thanh Hoa.

Tống Giang : Sông này thuộc huyện Nga Sơn(2), tỉnh Thanh Hoa, chảy về phía đông đến bến Thanh Đán Quan thì đổ ra biển.

Tháng 12, mùa đông. Lê Ý đánh nhau với quân Mạc : không thắng được, bị chết.

Lê Ý, vì lương thực không tiếp tế liền liền được, phải chuyển quân về Da Châu. Cậy mình đã thắng nhiều trận, Ý đâm kiêu căng, khinh địch, không phòng bị. Bấy giờ Ý sai tướng sĩ vào núi vận tải lương thực để doanh trại trống rỗng, sơ hở, đội ngũ không chỉnh tề.

Hay tin, Quốc Trinh lựa lấy toán quân nhanh nhẹn đem 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gấp đường, tiến sát đến trại Da Châu. Lê Ý không kịp nghênh chiến, bị quân Mạc bắt được, đóng cũi đưa về Thăng Long, buộc chân tay vào xe mà xé xác(3). Chb.**XXVII**,24

(1) Chắc là "An Sơn" mà *Cương mục* in lầm.
(2) Theo *Đại Nam nhất thống chí* XVI, 42 (Thanh Hoá tỉnh, thượng) thì sông Tống Giang ở địa phận huyện Tống Sơn.
(3) *Toàn thư* XV, 76 chép sau khi Lê Ý bị bắt, quân gia tan rã, hoặc chạy sang Ai Lao, nhập vào dưới cờ Nguyễn Kim, hoặc tản về thôn quê, làm ăn sinh sống.

Tân Mão (1531).(Mạc, năm Đại Chính thứ 2. - Minh năm Gia Tĩnh thứ 10).

Nhâm Thìn (1532).(Mạc, năm Đại Chính thứ 3. - Minh năm Gia Tĩnh thứ 11).

Tháng 11, mùa đông. Đăng Doanh sai bọn hoạn quan Dương Chấp Nhất và Tây An bá Lê Phi Thừa chia nhau coi quản Thanh Hoa.

Đăng Doanh sai trung nhân[1] Dương Chấp Nhất làm đại tướng lãnh binh thống quản Thanh Hoa tam phủ đồng tam ti, tổng trấn quân và dân một địa phương. Phi Thừa gièm pha rằng : "Ỏ Ái Châu[2], núi sông hiểm trở, đất đai màu mỡ, quân lính và lương thực đều đầy đủ. Vả lại, nên phân quyền chứ không nên dồn quyền vào cả một người. Nếu do một người chuyên nắm, một khi lỡ có sự biến thì Ái Châu e không phải là đất của triều đình nữa. Nguyện xin xét kỹ cho". Đăng Doanh bèn đem bảy huyện thuộc Thanh Hoa là Thuỵ Nguyên, An Định, Vĩnh Lộc, Đông Sơn, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành và Quảng Bình tách ra, giao cho Phi Thừa coi quản, cùng với Chấp Nhất cùng gìn giữ trông nom cho nhau.

Lời chua - *Thuỵ Nguyên* : Tức Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 2).

Vĩnh Lộc : Tên huyện, tên cũ là Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hoá.

Đông Sơn, An Định : Đều là tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá[3].

Thạch Thành, Cẩm Thuỷ : Đều là tên huyện, nay thuộc phủ Quảng Hoá[4]. Chb.**XXVII**,25

Quảng Bình : Nay là huyện Quảng Địa, thuộc phủ Quảng Hoá.

(1) Tức hoạn quan.
(2) Tức Thanh Hoá.
(3) Đều thuộc Thanh Hoá.
(4) Nt.

Dương Chấp Nhất : Người huyện Hoằng Hoá[1]

Lê Phi Thừa : Người Hương Thị, thuộc An Định[2]

Sao Chổi xuất hiện ở phương Đông.

Quý Tị, Lê Trang Tông Dụ hoàng đế, năm Nguyên Hoà thứ 1 (1533). (Mạc, năm Đại chính thứ 4. – Minh, năm Gia Tĩnh thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân, Triệu tổ Tĩnh hoàng đế ta[3] đón lập hoàng tử Ninh lên ngôi ở Ai Lao.

Trước kia, khi Đăng Dung thí nghịch và tiếm ngôi, Triệu tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang ở tại châu Sầm Nưa thuộc Ai Lao, chiêu tập những người trung dũng, đầu tiên dựng lá cờ nghĩa, quyết chí diệt Mạc để khôi phục nhà Lê, bèn tìm khắp mọi nơi kiếm lấy con cháu họ Lê, thì được con nhỏ của Chiêu Tông là Ninh, lập làm vua, lên ngôi ở Ai Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hoà. Từ đó, hội gió mây lôi cuốn, tiếng chính nghĩa lẫy lừng, quân trẩy đến đâu chẳng ai là không hưởng ứng. Công nghiệp trung hưng *nhà Lê* thực bắt đầu từ đấy.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV, 9 – 10).

Châu Sầm Nưa : Xem Mạc, năm Minh Đức thứ 3 (Chb.XXVII, 20). Chb.**XXVII**,26

Bàn luận về công tôn phù giúp rập nhà vua[4], phong tước và ban thưởng có tầng bậc khác nhau.

Phong Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta làm thượng phụ, thái sư tước Hưng quốc công, giữ công việc trong và ngoài ; phong Đinh Công làm thiếu uý, tước Hùng quốc công. Ngoài ra, các tướng tá khác đều được phong thưởng có tầng bậc khác nhau.

---

(1) Đều thuộc Thanh Hoá.

(2) Nt.

(3) Xem chú giải số 1 và số 2 ở Chb.XXVII, 19.

(4) Chỉ việc lập Lê Trang Tông.

Nhà vua thông hiếu với chúa Ai Lao là Sạ Đẩu, trưng mộ quân lính, điều bát lương thực để tính việc tiến thủ.

Lời chua - *Đinh Công* : Người huyện Quảng Bình thuộc Thanh Hoa.

Sai sứ sang nhà Minh.

Trước kia, nhiều lần sai người đem thư sang Minh báo cáo về nạn nước, đều bị đồ đảng của giặc đón đường giết chết. Đến đây, sai bọn Trịnh Duy Liểu hơn mười người vượt biển từ Chiêm Thành đi ghé thuyền buôn Quảng Đông, hàng hai năm trời mới đến Yên Kinh, trình bày đầu đuôi về việc Đăng Dung thí nghịch, lén lút chiếm cứ quốc đô, do đó đường sá sang cống mới bị ngăn trở đoạn tuyệt. Vậy xin nhà Minh dấy quân hỏi tội họ Mạc.

Người Minh ngờ rằng có sự dối trá. Duy Liểu bèn viết bức thư hàng vài nghìn lời, tự cho mình là người có nghĩa khí có thể sánh với Thân Bao Tư[1] và Trương Tử Phòng[2], lời lẽ trong thư trung nghĩa mà đầy giọng căm hờn, hăng hái mà sục sôi tức bực, khiến người đọc phải xót xa.

Nghiêm Tung, Lễ bộ thượng thư nhà Minh, tâu nói : "Những lời điều trần của Duy Liểu chưa chắc đã có căn cứ đích xác. Vậy xin cho lưu Duy Liểu ở lại sứ quán, rồi sai quan sang khám xét sự thực". Vua Minh bèn sai bọn thiên hộ Đào Phượng Nghi và Trần Tỉ ra đi, cùng với tuần phủ Vân Nam là Uông Văn Thịnh hội khám, xét xem kẻ nào là tên tội nhân chủ phạm. Chb.XXVII,27

Lời chua - *Trịnh Duy Liểu* : Người Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương[3].

---

(1) Người nước Sở dời Xuân thu. Khi quân Ngô đánh phá nước Sở, Bao Tư sang Tần cầu cứu, khóc đến bảy ngày làm vua Tần cảm động, phải dấy quân cứu nước Sở.

(2) Tên tự của Trương Lương, trung với nước Hàn, mưu sát Tần Thuỷ hoàng ở Bác Lãng Sa để báo thù cho nước. Sau giúp Hán Cao tổ, thống nhất thiên hạ.

(3) Nay là huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Chiêm Thành : Tức Lâm Ấp. Xem thuộc Tấn, Mục đế, năm Vĩnh hoà thứ 9 (Tb. III, 20-21).

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1534).(Mạc, năm Đại Chính thứ 5. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 13).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1535).(Mạc, năm Đại Chính thứ 6. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 14).

Bính Thân, năm thứ 4 (1536).(Mạc, năm Đại Chính thứ 7. Minh, năm Gia Tĩnh thứ 15). Lại sai sứ sang nhà Minh (không rõ tháng nào).

Sau chuyến Trịnh Duy Liễu đã đi, nhà vua thấy lâu không có tin tức tăm hơi gì, lại sai Trịnh Viên sang Minh. Viên đi đến Vân Nam thì quan hội khám nhà Minh là bọn Đào Phượng Nghi cũng vừa tới nơi, Viên bèn trình bày tất cả sự việc họ Mạc thí nghịch và tình hình vua Lê bôn ba long đong. Viên thỉnh cầu nhà Minh xuất quân đánh Mạc. Quan hội khám về triều báo cáo. Vua Minh giao việc này xuống để đình thần bàn xét. Mọi người trong bộ Lễ và bộ Binh đều nói : "Đăng Dung có mười tội to, không thể không đánh được".

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1537).(Mạc, năm Đại Chính thứ 8. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 16).

Tháng 2, mùa xuân. Minh dùng Cừu Loan làm tổng đốc, Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đi đánh Mạc Đăng Dung. Chb.XXVII,28

Vua Minh đã biết rõ tội trạng tiếm nghịch của Đăng Dung Tuần phủ Vân Nam là Ưông Văn Thịnh lại tâu nói Đăng Dung ngầm sai bọn tri châu Nguyễn Cảnh đi sang rình dò hư thực, đến núi Nạp Canh bị thổ xá là Lý Mạnh Quang bắt được luôn với một bài Đại cáodo ngụy Mạc soạn ra, rồi đem trình nộp. Vua Minh cả giận, bèn phong Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm tổng đốc, thượng thư Mao Bá Ôn làm tán lý quân vụ, đem

quân đi đánh. Uông Văn Thịnh truyền hịch mọi nơi, đem hoạ phúc dụ bảo.

Lời cẩn án – Sử cũ, *trong năm Nguyên Hoà thứ 1 (1533), chép vua Lê sai Trịnh Duy Liểu sang Minh xin quân [đánh Mạc] ; đến năm thứ 2 (1534), chép vua Minh sai tướng sang đánh Đăng Dung. Nay tra trong* Minh sử : *tháng 2 mùa xuân năm Gia Tĩnh thứ 16 (Đinh Dậu, 1537) chép vua Minh sai tướng sang đánh Đăng Dung thì chính đúng vào năm Nguyên Hoà thứ 5. Nay, Duy Liểu sang Minh hàng hai năm mới đến được quốc đô [Trung Quốc] ; kịp khi được Uông Văn Thịnh tâu trình lên thì [triều đình nhà Minh] mới bàn đến việc ra quân. Vậy xét theo sự thực thì* Minh sử *đúng. Nay xin cải chính.*

Lời chua – *Núi Nạp Canh* : Theo *Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư* thì núi Nạp Canh ở phủ Lâm An thuộc Vân Nam. Chb.**XXVII**, 29

Tháng 4, mùa hạ. Gió bão lớn. Nước biển tràn ngập.

Gió bão lớn. Cây đổ, nhà sụp. Nước biển tràn ngập. Người và súc vật phần nhiều chết đuối.

Tướng Mạc là Lê Phi Thừa đầu hàng.

Tây An hầu Lê Phi Thừa nhà Mạc được phân phối cai quản bảy huyện[1] thuộc Thanh Hoa. Khi nghe biết nghĩa quân[2] trỗi dậy, bèn thu vén vơ vét chỗ đinh tam ti mà sang Ai Lao quy thuận nhà Lê. Nhà vua cho Phi Thừa vẫn giữ nguyên quan tước như cũ. Về sau, vì kiêu ngạo, ngang ngược và hay oán trách, nên Phi Thừa bị giết chết.

Mậu Tuất, năm thứ 6 (1538). (Mạc, năm Đại Chính thứ 9. – Minh, năm Gia Tĩnh thứ 17).

---

(1) Xem Chb.XXVII, 24

(2) Chỉ đám quân do Nguyễn Kim lãnh đạo, lập Lê Trang Tông ở Ai Lao để khôi phục nhà Lê.

Mùa xuân. Đăng Doanh tuyển mộ hoàng đinh[1] làm lính.

Lời chua - *Hoàng đinh* : Xem Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 3 (Chb.XXV, 5).

Mạc Đăng Doanh sai bầy tôi là bọn Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh, xin hàng.

Đăng Doanh được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, liền sai đồ đảng là bọn Nguyễn Văn Thái đem tờ biểu đầu hàng sang Minh nói dối trá rằng :

"Tương Dực đế bị nghịch tặc Trần Cao giết hại, Đăng Dung cùng người trong nước tôn lập vua Chiêu Tông. Không bao lâu, Chiêu Tông lại bị gian thần là bọn Đỗ Ôn Nhuận và Trịnh Tuy dụ dỗ dời vào Thanh Hoa, Đăng Dung lại tôn lập Cung đế làm vua. Liền đó Đăng Dung lại đón Chiêu Tông từ Thanh Hoa về. Rồi Chiêu Tông và Cung đế đều bị bệnh chết. Họ Lê không người kế tự. Cung đế, khi bệnh kịch, có bàn với quần thần, cho rằng cha con Đăng Dung có công với nước, bèn vời vào, trao cho ấn chương để nối coi việc nước. Đăng Dung bèn được người nước suy tôn. Chb.XXVII,30

"Còn lý do chưa được dâng biểu và sai sứ sang cống, là trước vì Trần Cung chiếm giữ Lạng Sơn làm nghẽn đường, sau vì quan giữ biên cương đóng cửa ải không tiếp nhận. Đến như người nhận là dòng dõi họ Lê bây giờ chỉ là con của kẻ khác, chứ không phải là con của Chiêu Tông".

Vua Minh biết rõ những lời trong bài biểu đều là lừa dối bưng bịt. Vả lại, tuy xin hàng, nhưng lời lẽ vẫn không thành khẩn khuất phục, Đăng Dung lại không tự trói nộp mình để đợi tội. Vua Minh bèn quyết đánh, mới sai bọn Cừu Loan và Mao Bá Ôn mau đến Quảng Tây chiêu tập binh lính để tiến đánh nhà Mạc.

(1) Dân đinh 17 tuổi.

Kỷ Hợi, năm thứ 7 (1539).(Mạc, năm Đại Chính thứ 10. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 18). Nhà vua sai bọn đại tướng Trịnh Kiểm đi tuần Thanh Hoa, đánh cho quân Mạc đại bại ở Lôi Dương[1] (không rõ tháng nào).

Nhà vua dùng Trịnh Kiểm làm đại tướng quân, tước Dực quận công, lại phong bọn Trịnh Công Năng và Lại Thế Vinh làm quận công. Họ đều được ban ấn tướng quân, quản lĩnh quân bản bộ, đi lược định các địa phương thuộc Thanh Hoa, tiến đánh quân Mạc ở Lôi Dương : địch bị đại bại.

Lời chua - *Lôi Dương* : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 1).

Trịnh Kiểm : Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc[2]. Thuở trẻ, nghèo hèn, Kiểm đến nương nhờ dưới trướng Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta : được thương yêu và tin cẩn lắm. Rồi Triệu Tổ để bạt phong Dực Nghĩa hầu và gả cho trưởng nữ là Ngọc Bảo. Cho cùng mưu tính công việc, Kiểm nhiều lần lập được chiến công. Chb.XXVII,31

Lại Thế Vinh : Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn[3].

Đại hạn.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Canh Tí, năm thứ 8 (1540).(Mạc, năm Đại Chính thứ 11. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Đăng Doanh chết.

Con trưởng là Phúc Hải nối ngôi nguỵ, tiếm xưng niên hiệu là Quảng Hoà.

Tháng 11, mùa đông. Mao Bá Ôn nhà Minh đóng quân ở ngoài cửa ải. Mạc Đăng Dung đến cửa quân tướng Minh, xin hàng, và đem đất năm động hối lộ nhà Minh.

(1) Thuộc Thanh Hoá.
(2) Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
(3) Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Sông Mã : Tức là sông Lễ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 17 (Chb.VI, 32).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trăng có quầng đỏ.

Mặt trăng có quầng mông lung, màu đỏ như tiết.

Tháng 8. Quân doanh An Tràng bị hoả tai.

Bấy giờ, gió lộng, lửa bốc mạnh, cháy lem lém tất cả trại quân, phòng, dinh, công đường và phố xá đến vài nghìn nóc nhà, khói lửa mù mịt. Cháy từ giờ ngọ đến giờ thân[1] mới dập tắt được. Mẹ Trịnh Tùng là Nguyễn Ngọc Bảo[2] chết cháy. Tùng phải lánh ở chỗ khác để cư tang, truy tôn Ngọc Bảo làm thái phi của Minh Khang đại vương[3].

Lời chua – *An Tràng* : Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Tháng 9. Thanh Hoa có thuỷ tai lớn. Dân bị đói kém.

Trước đây, trong dinh trại An Tràng, gió bão dữ dội, nhà sụp, cây đổ. Từ tháng 9 này đến tháng 10 lại mưa dầm hàng tuần, nước lụt đến bảy lần. Suốt vùng Thanh Hoa, mùa mất, nhân dân nhiều người bị chết đói.

Tháng 10, mùa đông. Núi ở Thanh Hoa sụt lở. Chb.XXIX,17

Núi ở các huyện [thuộc Thanh Hoa] đâu cũng có chỗ lở sụt.

Đinh Hợi, năm thứ 10 (1587).(Mạc, năm Đoan Thái thứ 2. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất.

(1) Khoảng từ 11 đến 17 giờ.
(2) Con gái Nguyễn Kim.
(3) Tức là Trịnh Kiểm.

Nhà Mạc sửa sang đường sá ngoại thành Thăng Long. Lại hạ lệnh cho các xứ đắp luỹ đất, trên từ sông Hát xuống đến sông Hoa Đình, kéo dài đến vài trăm dặm. Đâu đấy đều trồng tre và cây để phòng ngừa quan quân kéo ra.

Lời chua – ***Sông Hát*** : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 31).

Sông Hoa Đình : Ở huyện Sơn Miêng, Hà Nội(1).

Tháng 3. Trên trời tự nhiên ầm ầm có tiếng kêu.

Ngày Canh Tí, tháng 3 này, trong khoảng không bỗng dưng ầm ầm có tiếng kêu. Lại nữa, ở núi Trác Bút huyện Vĩnh Phúc(2) có hòn đá lớn, cao một trượng(3), vô cố tự đổ xuống, dời ra chỗ khác. Nước giếng xã Trừng Xá thuộc huyện An Định(4) tự nhiên sôi lên, đục đến ba ngày.

Lời chua – ***Vĩnh Phúc*** : Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Núi Trác Bút : Ở xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc(5).

Trừng Xá : Nay là xã Hà Xá thuộc huyện An Định.

Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tùng giết thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách. Chb.**XXIX**,18

Bách là người có họ với Trịnh Tùng. [Trước kia] Bách ngầm mưu với Lê Cập Đệ, định giết Tùng, nhưng Tùng biết, nên giết Cập Đệ và giam Bách vào trong ngục. Vì có thái phi Nguyễn thị(6) hết sức cứu chữa, nên Bách thoát khỏi lao tù. Đến đây, vì Bách lại nuôi kẻ đồng cốt làm thuật phép yêu quái và định táng mả cha vào nơi cấm địa, nên Tùng mới sai thắt cổ giết chết Bách.

(1) Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.
(2) Thuộc Thanh Hoá.
(3) Độ 4 mét.
(4) Cũng thuộc tỉnh Thanh Hoá.
(5) Tên cũ là huyện Vĩnh Phúc, thuộc tỉnh Thanh Hoá.
(6) Tức Nguyễn Ngọc Bảo, mẹ Trịnh Tùng.

Bọn Bá Ôn vâng theo lời chiếu của vua Minh dụ bảo Đăng Dung hãy cho đái tội, về nước, đợi mệnh lệnh phân xử sau.

Đăng Dung lại sai Văn Minh và Nguyễn Văn Thái đem tờ hàng biểu sang Yên Kinh.

Lời cẩn án - Sử cũ *chép Mạc Đăng Dung đầu hàng nhà Minh, xin nộp các động Ti Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, La Phù và An Lương thuộc châu Vĩnh An ở Yên Quảng cho lệ thuộc vào Khâm Châu. Nay xét* Khâm Châu chí *của nhà Thanh, chỉ thấy chép đời Gia Tĩnh (1522-1566), Đăng Dung nộp trả năm động Ti Phù, La Phù, Cổ Sâm, Liễu Cát và Kim Lặc mà thôi, chú không thấy nói đến động An Lương. Lại tra cứu đến* Quảng Yên sách *thì động An Lương hiện nay là phố An Lương thuộc châu Vạn Ninh nước ta. Có lẽ, về động An Lương, Đăng Dung chưa từng dâng nộp, mà chỉ là do* Sử cũ *chép sai sự thực đó chăng?* Chb.XXVII,34

Lại xét : Trong năm Mạc Minh Đức thứ 2, tức là năm Minh Gia Tĩnh thứ 7 (1528), Sử cũ *chép Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn tính chuyện cắt đất đem dâng hai châu Quy, Thuận ; vua Minh thu nhận. Từ đó, Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu. Nhưng, nay tra cứu bản đồ nước ta thì có Quy Hoá châu và Thuận Châu. Hai châu này hiện nay thuộc tỉnh Hưng Hoá. Trong* Đại Thanh nhất thống chí *tuy có chép châu Quy Thuận nguyên thuộc phủ Trấn An tỉnh Quảng Tây nhà Thanh đấy thật, nhưng hai châu mà* Sử cũ *gọi là Quy, Thuận có lẽ tức là Quy Hoá và Thuận Châu đó thôi.*

Lại xét Minh sử thông giám kỷ sự *: hồi năm Mạc Đại Chính thứ 9 (1538), Mạc Đăng Dung được tin quân Minh sang đánh, cả sợ, sai sứ xin hàng, nói dối là họ Lê không có người kế tự, cha con Đăng Dung có công với nước, được mọi người suy tôn ; còn Đăng Dung sở dĩ không dâng được biểu chương, cho sứ sang tiến cống, là chỉ vì trước kia bị Trần Cung chiếm cứ Lạng Sơn*

làm nghẽn đường, đến sau lại bị quan giữ biên cương đóng cửa ải, không tiếp nhận.

Này, từ năm Gia Tĩnh thứ 7 (1528) đến năm thứ 17 (1538), trải hàng 10 năm chưa từng có sứ đi thông hiếu, thế mà Sử cũ, *ở năm Gia Tĩnh thứ 7, đã vội chép rằng "Đăng Dung tính chuyện cắt đất dâng nộp hai châu Quy, Thuận, từ đó Nam, Bắc lại cho sứ giả đi lại thông hiếu". Về việc này, những điểm* Sử cũ *chép đó đều xa sự thực, nên nay rút bớt đi mà chép phụ vào đây để tham khảo.*

Lời chua - *Bằng Tường* : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 11 (Chb.VI, 24).

Long Châu : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb.VII, 17). Chb.**XXVII**,35

Tự Minh : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb.VI, 40).

Núi Ô Lôi : Thuộc Khâm Châu, phủ Liêm Châu nhà Thanh.

Ghềnh Liên Hoa : Thuộc huyện Mông Tự, phủ Khai Hoá nhà Thanh.

Nam Quan(1) : Ở về phía tây nam châu Bằng tường, phủ Thái Bình thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Thanh.

Quảng Yên: Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 35).

Châu Vĩnh An : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 14 (Chb.II, 23-24).

An Lương : Theo *Quảng Yên sách* thì An Lương thuộc châu Vạn Ninh, phủ Hải Ninh, tỉnh Quảng Yên.

Ti Phù : Theo *Khâm Châu chí* thì Ti Phù còn tên nữa là Ti Lẫm, ở thôn Ti Lẫm thuộc Thiệm Lãng đô.

Liễu Cát : Còn tên nữa là Hà Châu, ở thôn Liễu Cát thuộc Như Tích đô.

(1) Nay gọi Mục Nam Quan.

Lời chua – *Núi Trác Bút* : Xem lời chua ở trên (Chb.XXIX, 17).

Tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt qua bầu trời. Mặt trời, mặt trăng có hai lần quầng. Sương mù tỏa xuống.

Ngày Quý Hợi tháng ấy, sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt trời. Mặt trời và mặt trăng có hai lần quầng kéo dài đến hàng tuần không thôi. Sương mù mờ mịt đầy trời.Lúa má chết khô. Nhân dân phần nhiều xiêu giạt tan tác.

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở trại Dương Vũ.

Trịnh Tùng rầm rộ kéo quân ngoài cửa ải Trường Cát, đánh phá Trường Yên và Thiên Quan, qua đò sông Chb.XXIX,21
Chính Đại. Đến trại Dương Vũ, Tùng đóng quân ở lại đến hơn một tuần. Quân Mạc cố thủ không ra đánh. Tùng đốt dinh trại, giả vờ rút quân về, nhưng đặt kỳ binh[1] và voi ngựa mai phục ở phía sau dinh trại. Giặc dốc hết quân ở trong luỹ ra để chực giành lấy thắng lợi, quân phục của Tùng thình lình nổi dậy, đánh úp : chém được vài trăm thủ cấp. Tùng, nhân đó, chuyển quân quay về, đến núi Tam Điệp[2], hạ lệnh cho các quân đẵn gỗ lim, chia nhau cắm kè ở cửa biển Linh Tràng để phòng ngừa thuyền giặc và chuẩn bị để khiêu chiến.

Lời chua – *Cửa ải Trường Cát* : Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 7 (Chb.XXVIII, 18).

Sông Chính Đại : Ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn[3].

Trại Dương Vũ : Ở xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh[4].

Cửa biển Linh Tràng : Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 8 (Chb.XXVIII, 20).

---

(1) Xem chú giải số 1 ở Chb.XIII, 28.
(2) Tức đèo Ba Dội.
(3) Thuộc Thanh Hoá.
(4) Thuộc Ninh Bình.

Tháng 12. Nước sông Vãn đỏ như tiết.

Nước sông Vãn tự nhiên đỏ ngầu như máu đổ đến hàng một dặm.

Lời chua – *Sông Vãn* : Ở xã Vãn Hà, huyện Thuỵ Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Kỷ Sửu, năm thứ 12 (1589). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 2 – Minh, năm Vạn Lịch thứ 17).

Ngày Nhâm Tuất, tháng giêng, mùa xuân, sao Huỳnh Hoặc xâm phạm vào giới phận sao Cang ; ngày Quý Hợi, mặt trăng xâm vào giới phận sao Thái Tuế. Đại hạn.

Bấy giờ những tai biến do tinh tú báo điềm đã nhiều lần xảy ra. Trời đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu giạt.

Lời chua – Trong *Quản quy tập lãm,* Thạch thị bàn rằng : Xuyên qua ngôi sao mà ánh sáng toả lấn thì gọi là "phạm". Sách *Tấn chí* chép : "Ngày Tân Mùi, tháng 4, năm Hàm Khang thứ 5 (339) đời Thành đế[1], mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế. Nhà chiêm tinh đoán rằng : Nước thì đói kém, nhân dân thì xiêu giạt".

Tháng 7, mùa thu. Có hạn thuỷ tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở núi Tam Điệp[2]. Mạc Đôn Nhượng chạy trốn. Chb.**XXIX**,22

Trước kia, Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân đi đánh các huyện Trường Yên. Nhà Mạc sai Đôn Nhượng đem vệ sĩ và quân Tứ trấn[3] ấn định nhật kỳ đồng thời cung tiến. Đôn Nhượng kéo đến Yên Mô[4], hẹn ngày hội chiến.

---

(1) Hàm Khang (335 – 342) là niên hiệu thứ hai của Tấn Thành đế (326 – 342), *Cương mục* in lầm là Minh đế.

(2) Tức đèo Ba Dội.

(3) Xem chú giải ở Chb.XXIX, 19 và "Lời chua" của *Cương mục* ở Chb.XL, 2.

(4) Thuộc tỉnh Ninh Bình.

thiêm sự, dưới quyền coi quản của đô thống sứ. Tất cả các ti trên đây đều lệ thuộc vào Quảng Tây phiên ti.

Hằng năm, nhà Minh sẽ ban cho chính sóc, và đặt lệ là cứ ba năm một lần cống.

Còn về Lê Ninh thì cứ sai bầy tôi trấn thủ điều tra khám xét : nếu quả là con cháu họ Lê, sẽ trao cho cai quản bốn phủ thuộc Thanh Hoa ; nếu là giả dối không thực, sẽ không cho.

Lời chua – *Châu Thạch Lâm* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb.XV, 27).

Tất Mã Giang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 18)(1).

Bốn phủ thuộc Thanh Hoa : Tức là phủ Hà Trung, phủ Tĩnh Gia, phủ Thiệu Hoá và phủ Thọ Xuân.

Mười ba lộ : Không rõ là những lộ nào. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đời Lê Thánh Tông có đặt ra mười ba đạo thừa tuyên(2), có lẽ tức là mười ba lộ này chăng. Chb.**XXVII**,38

Nhâm Dần, năm thứ 10 (1542).(Mạc, năm Quảng Hoà thứ 2. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua tự làm tướng cầm quân đi tuần hành đất Thanh Hoa.

Bấy giờ nhà vua sửa soạn chính mình cầm quân đi trận, dùng Thuỵ quận công Hà Thọ Tường làm ngự doanh đề thống. Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta thân hành đôn đốc tướng sĩ các doanh đi trước, tấn công Thanh Hoa và Nghệ An. Quân trẩy đến đâu thì nhiều tướng cũ và hào kiệt ở đấy đều đi theo. Thanh thế quân đội rất lừng lẫy.

(1) Theo Chb.XX, 18 thì chỉ là "Mã giang", chú không chép là "Tất Mã Giang".
(2) Theo Chb.XX, 7-8 thì đời Lê Thánh Tông có đặt 12 thừa tuyên, kể cả phủ Phụng Thiên thì là mười ba (xem thêm Chb.XXI, 16-21). Còn nếu là mười ba đạo thì xem chú giải số 2 ở Chb.XXVII, 1.

Lời chua - *Hà Thọ Tường* : Người Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ[1].

Tháng 8, mùa thu. Mạc Phúc Hải sai bầy tôi là Nguyễn Điển Kính sang nhà Minh.

Nhà Minh ban cho Đăng Dung sắc, ấn và lịch Đại Thống. Phúc Hải sai sứ đem sản vật địa phương sang đáp tạ.

Lời chua - *Sản vật địa phương* : Theo truyện Mạc Phúc Hải trong *Thông sử* của Lê Quý Đôn thì những sản vật địa phương mà nhà Mạc đem sang tạ ơn nhà Minh gồm có :

Đồ vật	*Số lượng*	*Trọng lượng*
Lư hương, bình hoa bằng vàng	4 bộ	190 lạng[2]
Rùa vàng	1 con	90 -
Hạc[3] bạc	1 con	51 -
Đài[4] bạc	1 chiếc	51 -
Lư hương và bình hoa bằng bạc	2 bộ	150 -
Mâm bạc	12 chiếc	641 -
Trầm hương [5]	60 cân	
Tốc hương [6]	48 cân	Chb.**XXVII** , 39
Giáng chân hương [7]	30 nén	
Sừng tê	20 cái	
Ngà voi	30 chiếc	

Còn các sản vật trong lễ cống hằng năm cũng như vậy, đặt làm lệ thường.

Tháng 12, mùa đông. Nhà Minh cho Mạc Phúc Hải được nối chức An Nam đô thống sứ ti đô thống sứ.

(1) Thuộc Thanh Hoá.
(2) Lạng ta. Mỗi lạng là một phần mười sáu trong một cân ta (mỗi cân ta bằng sáu lạng tây).
(3) Hạc, dùng cắm nến để thờ cúng.
(4) Đồ dùng để dựng chén rượu cúng.
(5) Xem chú thích số 4 ở Chb.XIV, 24.
(6) Xem chú thích số 4 ở Chb.XIV, 24.
(7) Xem chú giải ở Chb.XV, 29.

Nghĩa. Quân Tùng kéo đi đến đâu thì ở đấy giặc đều đổ lướt. Trong khoảng không đầy mươi hôm, đã lược định các lộ An Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc và Tân Phong, Tùng đóng quân ở Tốt Lâm.

Nhà Mạc điều động hết binh mã ở bốn trấn[1], bốn vệ và năm phủ được hơn 10 vạn, sai bọn Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện chia ra quản lĩnh các đạo quân Tây, Nam, Đông, Bắc. Chúa Mạc là Mậu Hợp chính mình đốc suất binh mã ở chính doanh, đồng thời cùng tiến đến xã Phấn Thượng, đối trận với quan quân ở Tốt Lâm.

Tùng sai tướng Hữu doanh là Hoàng Đình Ái đi trước, khiêu chiến. Tùng lại tuyển 400 quân thiết kỵ xông lên trước giúp sức cho trận thế. Các quân đồng thời trổ sức, đánh giáp lá cà, từ giờ Mão đến giờ Tị[2]: chém được quận Khuông[3] và quận Tân (đều không rõ tên họ) là tướng trong quân bốn vệ của địch ở ngay vòng trận.

Giặc Mạc đóng quân ở yên một chỗ không nhúc nhích[4]. Tùng bèn chính mình đốc chiến, tướng sĩ phấn khởi, đều thề quyết tâm diệt giặc để báo thù ; ai nấy hăng hái đánh giặc, cả phá được địch. Quan quân thừa thắng ruổi dài, đuổi giặc đến Giang Cao, chém được hơn vạn quắc[5], tước được ngựa trận và khí giới không biết bao nhiêu mà kể. Chb.**XXIX**,25

Mậu Hợp cả sợ, phải sang sông để chạy. Quân tàn của Mạc tranh nhau xuống thuyền, ngã xuống nước chết đến quá nửa.

---

(1) Xem chú giải ở Chb.XXIX, 19.
(2) Khoảng từ 6 đến 10 giờ sáng.
(3) *Toàn thư* XVII. 24 chép là Khuông Định Công.
(4) Nguyên văn là án binh bất động (theo *Toàn thư* XVII, 24), *Cương mục* in lầm là tiếp binh bất động.
(5) Cứ mỗi cái tai bên tả của một mạng địch mà kẻ chiến thắng đã cắt được là một "quắc". Xem thêm chú giải số 4 ở Chb. XII, 31.

Riêng có cánh quân Nguyễn Quyện, tướng Nam đạo, vì lánh xa, nên không bại trận.

Tùng tiến đến Hoàng Xá, đóng dinh trại, sai quân vượt sông Cù, phá tan và san phẳng đồn luỹ của giặc. Tùng nhân đó bàn mưu với các tướng rằng : "Quân giặc nhiều lần thất bại, ta nên nhân đà sắc bén này mau mau đánh lấy thì dễ dàng như cúi xuống nhặt lấy cái rác thôi". Tùng bèn sai Hữu Liêu quản lãnh quân và voi thẳng tiến đến Cầu Cau(1) ở góc tây nam(2) thành Thăng Long, phóng hoả, đốt nhà cửa. Khói lửa mù trời. Trong thành kinh hãi rối loạn. Dân chúng ở quanh kinh đô tranh nhau qua đò sang sông để chạy loạn, chết đuối rất nhiều.

Gặp bấy giờ là tết nguyên đán, Trịnh Tùng cho quân nghỉ ngơi, ăn mừng để uý lạo họ, hẹn phải thu phục lấy kinh thành. Các quân ai nấy đều xin sẵn sàng trổ sức. Giặc Mạc dầu chưa bị bắt, nhưng thanh thế của quan quân từ đây đã lừng lẫy lắm rồi.

Lời chua -*Trịnh Văn Hải* : Người Ngân Bôi, huyện Vĩnh Lộc(3).

Nguyễn Thất Lý, Lê Hoà : Không rõ người đâu.

Bốn vệ quân Mạc : Vệ Hưng Quốc, vệ Chiêu Vũ, vệ Cẩm Y và vệ Kim Ngô.

Năm phủ : Phủ Trung quân, phủ Đông quân, phủ Tây quân, phủ Nam quân, phủ Bắc quân. Chb.**XXIX**,26

Huyện Quảng Bình : Thuộc phủ Thiệu Hoá ; nay đổi làm huyện Quảng Địa(4) thuộc phủ Quảng Hoá(5).

Núi Mã Yên (Yên Ngựa) : Ở huyện An Sơn.

Tân Phong : Nay là huyện Tiên Phong.

---

(1) Hán văn viết là Cao Kiều.
(2) Đây theo *Toàn thư* XVII, 25 ; còn *Cương mục* in lầm là Nam Bắc.
(3) Thuộc Thanh Hoá.
(4) Sau lại đổi làm huyện Quảng Tế, nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
(5) Thuộc Thanh Hoá.

giao cho cầm quân theo đi đánh dẹp ; do đấy Triệu Tổ mới bị nó phản. Chấp Nhất lại trốn về nhà Mạc.

Lời chua - *Tống Sơn* : Tên huyện, thuộc phủ Hà Trung, tỉnh Thanh Hoa.

Núi Thiên Tôn : Chính Lăng Triệu Tổ ở chỗ này. Đến năm Minh Mạng thứ 2 (1821) triều ta phong cho núi Thiên Tôn này là núi Triệu Tường.

Tháng 8, mùa thu. Dùng Trịnh Kiểm làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thuỷ quân bộ, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, gia phong thái sư, tước Lạng quốc công.

Bấy giờ trong quân mới mất chủ tướng(1), mọi người tinh thần dao động, bèn cùng nhau bàn tính rút lui về Tây Kinh(2) để củng cố lấy chỗ căn bản. Nhà vua gia phong Trịnh Kiểm chức này, giao cho chính quyền, từ quyền quân sự ở ngoài đến sự vụ quốc gia, công việc đánh dẹp và phong tước bổ chức đều được tuỳ tiện quyết định rồi tâu lên nhà vua biết.

Bính Ngọ, năm thứ 14 (1546).(Mạc, năm Quảng Hoà thứ 6. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 25). Lập hành điện ở sách Vạn Lại.

Thái sư Trịnh Kiểm cho rằng lập quốc tất phải căn cứ vào nơi hiểm trở. Sách Vạn Lại, núi đứng sững, nước uốn quanh, thực đáng gọi là nơi hình thế đẹp. Chb.XXVII,42
Đó là do trời đất xếp đặt để làm chỗ dấy nghiệp đế vương. Trịnh Kiểm bèn sai đào hào, đắp luỹ, xây dựng hành điện, mời nhà vua đến đóng tại đó.

Lời chua - *Sách Vạn Lại* : Thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoa.

Tháng 5, mùa hạ. Mạc Phúc Hải chết.

(1) Chỉ Nguyễn Kim.
(2) Túc Thanh Hoá.

Con là Phúc Nguyên nối ngôi nguỵ, tiếm đặt niên hiệu Vĩnh Định (1547)[1].

Đinh Mùi, năm thứ 15 (1547).(Mạc Phúc Nguyên, năm Vĩnh Định thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 26).

Mậu Thân, năm thứ 16 (1548).(Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua mất.

Ở ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi.

Thái tử Huyên lên ngôi (tức là Lê Trung Tông).

Đại xá. Kể từ năm sau là niên hiệu Thuận Chb.**XXVII**,43
Bình năm thứ 1.

Tháng 3. Táng [Lê Trang Tông] tại Cảnh Lăng.

Dâng tôn hiệu là Dụ hoàng đế, miếu hiệu là Trang Tông.

Lời chua - *Cảnh Lăng* : Ở phía nam Lam Sơn.

(1) Sau đổi làm Cảnh Lịch (1548- 1553), lại đổi Quang Bảo (1554- 1561).

Quyện, đối đãi bằng lễ tiếp khách và yên ủi đến điều. Quyện hổ thẹn, vội phục xuống đất.

Hôm đó, thây giặc ngổn ngang chồng gối lên nhau. Quan quân chém được hơn vài nghìn thủ cấp địch. Tướng giặc bị chết đến vài mươi người. Khí giới tước được chất cao như núi.

Mậu Hợp thu nhặt tàn quân, giữ dọc sông dài để phòng thủ. Chb.XXIX,28

Tùng nhân dịp đó, hỏi Nguyễn Quyện về mưu chước để diệt Mạc. Quyện nói : "Viên tướng đã thua trận, không thể còn nói đến mạnh được nữa. Trời đã làm mất nhà Mạc, thì dù anh hùng cũng không thể thi thố tài lực được". Rồi nhân dịp Quyện nói với Tùng nên san phẳng luỹ đất thành Đại La khiến cho nhà Mạc dù có quay về cũng không còn gì để làm căn cứ được nữa. Tùng không ngờ lời Quyện nói đó là kế hoãn binh, bèn sai các quân san suốt vài nghìn trượng hào luỹ của nhà Mạc làm cho trở thành đất phẳng.

Bấy giờ uy thế binh lực của quan quân vang dậy lẫy lừng. Nhân dân phía tây nam đều như làn cỏ lướt theo chiều gió. Hễ trẩy đến đâu là đấy hàng phục. Nhị Hà trở về tây lại là đất của triều đình [nhà Lê].

Liền đó, Tùng bàn rút quân về, đến cửa cung khuyết tâu tin thắng trận. Nhà vua cả mừng, sai bàn định để thăng chức thưởng tước cho những người có công lao.

Về sau, Nguyễn Quyện vì con là bọn Nguyễn Tín mưu phản, nên bị chết ở trong ngục.

Lời chua – *Bùi Văn Khuê* : Người Chi Phong, huyện Gia Viễn[1], sau đầu hàng nhà Lê.

(1) Thuộc tỉnh Ninh Bình.

Chùa Thiên Xuân : Ở địa phận xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai[1].

Ninh Giang : Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 6).

Cống Mọc (Nhân Mục kiều) : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 28).

Sông Tô Lịch : Xem thuộc Đường, Mục tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb.IV,31-32).

Hồng Mai : Nay đổi là phường Bạch Mai.

Cầu Giền : Ở địa phận Bạch Mai, thuộc huyện Thọ Xương. Hồng Mai và Cầu Giền đều thuộc Hà Nội. Chb.**XXIX**,29

Xã Thổ Khối : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb.XII, 3, 4).

Tháng 7, mùa thu. Thuỷ tai lớn.

Bấy giờ nước lũ thình lình đổ đến, tràn ngập cả gò đống. Lúa má ở Thanh Hoa bị mất mùa. Dân miền tây nam phần nhiều đói kém.

Mồng 1, ngày Mậu Tí, tháng 8. Sao sa, có tiếng như sấm vang.

Sao sa, màu đỏ, ánh sáng dài đến 5 trượng, rơi xuống đất, nổ kêu như tiếng sấm lớn.

Tướng Mạc, Bùi Văn Khuê, đầu hàng. Tùng bèn tiến đánh quân Mạc ở sông Thiên Phái : Mạc bị đại bại.

Chúa Mạc là Mậu Hợp ngày ngày say đắm tửu sắc. Nguyễn thị[2] là con gái Nguyễn Quyện và là vợ Bùi Văn Khuê, nhân có em gái là vợ của Mạc Mậu Hợp, nên thường ra vào trong cung cấm. Mậu Hợp ưng ý Nguyễn thị vì nàng có nhan sắc,

(1) Nay thuộc thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(2) Tên là Niên.

Về sau, Tử Nghi đánh nhiều lần không được, bèn đem Chính Trung ra chiếm cứ Yên Quảng, lúc ẩn, lúc hiện, khuấy nhiễu cướp bóc miền Hải Dương : phần nhiều cư dân bị tai hại, số người phải xiêu giạt đến quá nửa. Quân gia Tử Nghi lại tràn sang cướp bóc ở bờ cõi nhà Minh. Người Minh trách móc chất vấn về việc này. Phúc Nguyên sợ, phải sai bọn Kính Điển dốc quân đi đánh : Tử Nghi bị chém, Chính Trung phải chạy rồi chết.

Lời chua - *Thăng Long* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II, 9-10).

Ngự Thiên : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 17 (Chb.V,8).

Hoa Dương : Nay là xã Trác Dương thuộc huyện Hưng Nhân, phủ Tiên Hưng, tỉnh Hưng Yên[1]. Chb.XXVIII,2

Yên Quảng, Hải Dương : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 24-25. 29-30)

Chính Trung : Con thứ Mạc Đăng Dung.

Phạm Tử Nghi : Người Trung Hành, huyện An Dương[2].

Kính Điển : Em của Phúc Hải.

Canh Tuất, năm thứ 2 (1550).(Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 3. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 29). Tướng Mạc là bọn Lê Bá Ly và Nguyễn Thiến đầu hàng.

Thái Tổ Lê Bá Ly, tướng Nam Đạo nhà Mạc, tước Phụng quốc công, cầm giữ binh quyền, tham nghị triều chính. Con là Khắc Thận, tước Phổ quận công, tiết chế Sơn Nam thượng lộ kiêm giữ công việc trong phủ Đô đốc Nam quân. Con rể là Văn Phái hầu, Nguyễn Quyện, giữ quân vệ Phù Nam. Thông gia là Thư quận công, Nguyễn Thiến, làm Lại bộ thượng thư.

(1) Nay thuộc xã Thái Phương, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
(2) Nay thuộc xã Đằng Lâm, huyện An Hải, T.P Hải Phòng.

Thân thích và bè đảng của Bá Ly chằng chịt khắp nơi, câu kết với nhau, uy thế thật là hách dịch.

Khắc Thận ở Sơn Nam lại làm cửa cao nhà rộng, tiếm dùng kiệu sơn son và lọng vàng.

Hạng bầy tôi được cưng chiều của nhà Mạc là bọn Vinh quốc công Phạm Quỳnh và con là Tung Xuyên hầu Phạm Dao, nhân đó, nói với Phúc Nguyên rằng cha con Bá Ly có ý mưu phản. Phúc Nguyên bèn sai bọn Quỳnh xuất quân để vây bắt Bá Ly.

Phúc Nguyên lại ngờ Nguyễn Thiến đồng mưu, nên định vây bắt luôn cả một thể.

Bọn Bá Ly cưỡng ép quân lính phải chống lại và cố thủ ; lại gửi thư cầu cứu nơi Khắc Thận và bè đảng là Thuỵ quốc công Nguyễn Khải Khang.

Phúc Nguyên sợ, bèn sai sứ giả đi dụ Bá Ly. Bá Ly yêu cầu rằng hễ bắt cả cha con Quỳnh và Dao đưa đến cho Bá Ly, thì tức khắc bãi binh và xin chịu tội. Chb.**XXVIII**,3

Phúc Nguyên không nghe. Bấy giờ bọn Bá Ly, Nguyễn Thiến cùng với con là Khắc Thận, Quyện, Miễn và bè đảng là Khải Khang đều đem quân bản bộ vài trăm người, nhân ban đêm, trốn vào Thanh Hoa, đầu hàng.

Nhà vua ban thưởng và yên ủi, cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên quan tước cũ. Về sau, Nguyễn Thiến chết, con là Quyện và Miễn lại trốn về với nhà Mạc. Nhà Mạc lại dùng một cách cưng chiều. Khải Khang theo Trịnh Kiểm đi đánh Sơn Nam. Nhà Mạc sai người đi chiêu dụ được Khải Khang quay về với Mạc, rồi giết chết.

Lời chua - *Bá Ly* : Người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn thuộc Thanh Hoa, nhà ở tại làng Thịnh Liệt.

Quỳnh, Dao : Người Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì[1].

Nguyễn Thiến : Người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai [2], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532), năm Đại Chính nhà Mạc [3].

Tân Hợi, năm thứ 3 (1551). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 4. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 30). Nhà vua sai quân ra đánh Đông Kinh. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành.

Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Lê Bá Ly, tướng Mạc đã hàng, và Vũ Văn Mật, tướng bản thổ Tuyên Quang, tấn công Đông Kinh. Phúc Nguyên chạy đi Kim Thành, để Kính Điển làm Đô tổng suý, ở lại cầm quân chống giữ kinh đô.

Lời chua - *Đông Kinh* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Kim Thành : Tên huyện, xưa là Trà Hương. Xem thuộc Tấn[4], Tế vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Vũ Văn Mật : Người Ba Đông, huyện Gia Lộc [5]. Chb.**XXVIII**,4

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1552). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 5. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 31).

Quý Sửu, năm thứ 5 (1553). (Mạc, năm Cảnh Lịch thứ 6. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 32). Dời hành tại [6] đến An Tràng (trường).

Lời chua -*An Tràng* : Tên xã, thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoa.

---

(1) Tục gọi làng Sét, nay thuộc xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Nay thuộc xã Dân Hòa, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.
(3) Tức năm Đại Chính thứ 3 đời Mạc Đăng Doanh.
(4) Đáng phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.
(5) Thuộc tỉnh Hải Dương.
(6) Hành tại, chính nghĩa là chỗ ở của nhà vua khi đi tuần du. Đây *Cương mục* có ý cho rằng Thăng Long tuy chưa khôi phục được, nhưng vẫn có thể coi như của nhà Lê : cung điện ở Thăng Long vẫn là chỗ ở chính của vua Lê, còn những chỗ doanh trại hành quân như ở Vạn Lại hay ở An Tràng này chỉ là nơi ở tạm thời trong khi đi tuần hành hay du quan của vua Lê đó thôi. Nhưng, thực ra, hành tại dây chỉ là chỗ nhà riêng để vua Lê và gia quyến nhà vua cư trú.

Giáp Dần, năm thứ 6 (1554). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 33). Thái sư Kiểm dời đồn đến đóng tại Biện Thượng.

Lời chua -*Biện Thượng* : Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoa.

Bắt đầu mở chế khoa.

Ban cho bọn Đinh Bạt Tuỵ 5 người được đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân, bọn Chu Quang Trứ 8 người được đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

Lời chua - *Chế khoa* : Theo *Kiến văn lục* của Lê Quý Đôn thì thể lệ thi cử thời Lê quy định thế này : những năm tí, ngọ, mão, dậu, là khoa thi hương ; những năm thìn, tuất, sửu, mùi, là khoa thi hội. Nhưng khi nào bất thần nhà vua có bài chế ban xuống đặc biệt cho mở khoa thi thì là chế khoa. Phép thi chế khoa cũng giống khoa thi hội (có kinh nghĩa, tứ lục[1], thơ, phú và văn sách).

Đinh Bạt Tuỵ : Người Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên[2] .

Chu Quang Trứ : Người Nam Hoa thượng, huyện Thanh Chương[3]. Chb.**XXVIII**,5

Ất Mão, năm thứ 7 (1555). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 2. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 34).

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Trịnh Kiểm đánh bại quân Mạc.

Phúc Nguyên sai Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hoa. Quận Thọ (không rõ tên) quản lãnh chu sư với hơn trăm chiếc thuyền chiến, làm tiên phong, tiến đóng ở cửa biển Thần Phù. Ngày hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở Đại Lại giang, sai quận Thọ tiến quân, đóng ở Kim Sơn.

(1) Túc thể văn biền ngẫu, hai vế đối nhau, mỗi vế thường thường là đặt từng cụm bốn chữ và sáu chữ, nên gọi là "tứ lục".

(2), (3)Đều thuộc Nghệ An.

Hay tin này, thái sư Kiểm bèn hội họp các tướng để bàn mưu chước, rồi sai dụ bảo cư dân ở ven sông không được kinh hãi náo động. Đinh Công thì đốc suất các hàng tướng là bọn Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến và Lê Khắc Thận ai nấy đem quân bản bộ mai phục ở phía nam sông : từ núi An Định đến núi Quân An. Còn Trịnh Kiểm thì chính mình đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông : từ núi Bạch Thạch đến núi Kim Sơn, cứ từng đoạn từng quãng lại đặt quân phục. Lại đặt 50 thớt voi trận mai phục ở dưới núi Kim Sơn.

Quận Quảng, Phạm Đốc, quản lãnh thuỷ quân, đốc suất bọn hàng tướng Nguyễn Quyện với hơn 10 chiếc chiến thuyền đóng giữ thượng lưu từ sông Hữu Chấp xuống đến sông Kim Bôi, đi đi lại lại để giúp thanh thế. Chb.XXVIII,6

Ngày hôm sau, thuyền quân giặc trẩy qua chợ Ông Cung ở Kim Sơn : trong thuyền ca hát, thổi sáo nhộn nhịp tưng bừng, không tỏ ra có chút phòng bị gì cả. Trưa đến, quân địch tới núi Quân An, thì hoả pháo hai bên bờ sông bắn ra liền liền, Trịnh Kiểm tung quân ra hăng hái đánh. Voi trận ở phía hạ lưu vượt được qua sông đánh chặn ở đằng sau. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc và Nguyễn Quyện cũng đồng thời thuận dòng xuôi xuống. Quân và voi ở hai bên bờ hợp sức cùng đánh kẹp lại.

Quân thuỷ và quân bộ của giặc không đợi đánh đã tự tan vỡ. Bắt được tướng giặc là quận Thọ vài mươi người. Giặc bị sa xuống nước mà chết đến nghẽn cả sông. Khí giới bị tước mất vô kể. Vài vạn quân giặc chết đến gần hết. Kính Điển thu lượm quân tàn, chạy trốn.

Lời chua – *Cửa biển Thần Phù* : Tức cửa biển Thần Đầu. Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb.I, 40).

Đại Lại[1] *giang* : Xem Trần Nghệ Tông, năm Thiệu Khánh thứ 1 (Chb,X, 26).

Kim Sơn : Còn tên nữa là Biện Lĩnh, cũng gọi Bông Sơn.

Núi An Định, núi Quân An : Đều ở huyện An Định[2].

Núi Bạch Thạch : Ở phía tây bắc huyện Đông Sơn[3].

Sông Hữu Chấp : Ở xã Hữu Chấp.

Sông Kim Bôi : Ở xã Kim Bôi.

Chợ Ông Cung : Nay là chợ Ông, ở xã Biện Thượng. Mấy tên đất trên đây đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hoá[4].

Bính Thìn, năm thứ 8 (1556).(Mạc, năm Quang Bảo thứ 3. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân, Nhà vua mất. Chb.XXVIII,7

Ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi.

Thái sư Kiểm và các đại thần đón lập Duy Bang, chút[5] **của Lam quốc công Trừ, lên nối ngôi.**

Nhà vua mất, không con kế tự. Thái sư Trịnh Kiểm cùng các đại thần bàn kiếm con cháu họ Lê, thì được Duy Bang, cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ, ở xã Bố Vệ, huyện Đông Sơn, đón lập làm vua.

Duy Bang vào [An Tràng] lên ngôi vua (tức là Lê Anh Tông). Đại xá. Kể từ năm sau là niên hiệu Thiên Hựu thứ 1 (1557).

Lời chua - *Trừ* : Anh của Lê Thái Tổ, Trừ sinh Khang, Khang sinh Thọ, Thọ sinh Duy Thiệu, Duy Thiệu sinh Duy Quang, Duy Quang sinh Duy Bang.

Đông Sơn : Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoa.

---

(1) Chữ "lại" đây là ỷ lại, có chỗ chép chữ "lại" là quan lại (lời chua của *Cương mục*).
(2), (3), (4) Đều thuộc Thanh Hoá.
(5) Nguyên văn là "huyền tôn", tức cháu bốn đời

Bố Vệ : Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn.

Tháng 3. Táng [Lê Trung Tông] ở Diên Lăng.

Dâng tôn hiệu là Vũ hoàng đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lời chua – *Diên Lăng* : Ở phía nam Lam Sơn.

Đinh Tị, Lê Anh Tông Tuấn hoàng đế, năm Thiên Hựu thứ 1 (1557). (Mạc, năm Quang Bảo thứ 4. – Minh, năm Gia Tĩnh thứ 36).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thái sư Kiểm đánh úp : phá được địch. Chb.XXVIII,8

Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Quân Mạc kéo vào cửa Thần Phù, tràn đến Tống Sơn và Nga Sơn. Quận Thanh (không rõ tên họ) giữ Nga Sơn, quận Thuỵ Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn, Quân Mạc không tiến lên được.

Trịnh Kiểm chính mình đốc suất quân và voi lén kéo đến mạn sơn cước Yên Mô, xuyên thẳng ra phía cửa biển, đánh úp đằng sau quân địch : hoả pháo của quân Trịnh Kiểm bắn ra liền liền, phía trên và phía dưới đánh kẹp lại. Vũ Lăng hầu Phạm Đức Kỳ xông thuyền lên, xung kích, nhảy sang thuyền Kính Điển, chém người cầm lọng ngã lăn xuống sông. Kính Điển vội nhào xuống nước lặn trốn. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy vào rừng núi. Kính Điển trốn vào hang núi, ẩn đến ba ngày rồi ôm cây chuối, bơi ngược dòng sông Yên Mô, gặp ông chài xã Trà Tu cứu thoát[1]

Lời chua – *Tống Sơn* : Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hoà thứ 13 (Chb.XXVII, 41).

Nga Sơn : Tên huyện thuộc phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

---

(1) Khi về, Kính Điển nói với vua Mạc phong cho ông chài này tước Phù Nghĩa hầu (theo *Toàn thư* XVI, 14).

Sông Yên Mô, xã Trà Tu : Đều ở huyện Yên Mô, thuộc phủ Yên Khánh, Ninh Bình.

Phạm Đức Kỳ : Người Tào Xuyên, huyện Hoằng Hoá [1].

Tháng 8. Thái phó Phạm Đốc đánh bại tướng Mạc là Phạm Quỳnh và Phạm Dao ở Nghệ An.

Trước kia, Phúc Nguyên sai Kính Điển vào cướp Thanh Hoa và bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào cướp Nghệ An. Đến đây, Trịnh Kiểm đã phá quân Kính Điển ở cửa Thần Phù, tước lấy chiến thuyền của địch rồi nguỵ trang bằng cách kéo cờ và hiệu quân giặc, cho Phạm Đốc thống suất đem đi, thẳng vượt cửa biển Đan Nhai. Bọn Phạm Quỳnh tưởng là quân hậu tiếp của bên Mạc, không phòng bị, nên bị Phạm Đốc đánh úp. Bọn Quỳnh đại bại, phải bỏ thuyền, chạy. Chb.XXVIII,9

Lời chua - *Cửa biển Đan Nhai* : Ở xã Cổ Đan, chỗ giáp giới hai huyện Nghi Xuân[2] và Chân Lộc[3].

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm đi lược định Sơn Nam, đánh nhau với quân Mạc ở sông Giao Thuỷ : bị thua trận.

Kiểm thống suất các quân thuỷ, quân bộ, tất cả đến 5 vạn, ra lược định Sơn Nam trung lộ. Đến sông Phượng Xí (Cánh Phượng), làm cầu phao cho quân sang sông : cả phá quân Mạc, bắt làm tù binh rất nhiều. Thừa thắng, tiến quân đến sông Giao Thuỷ, sai bọn Phạm Đốc quản đốc quân thuỷ, dùng Phạm Đức Kỳ làm tiền đội, tung quân đánh mạnh.

Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, chống cự lại. Đức Kỳ nhân đà, liền nhảy sang thuyền Nguyễn Quyện. Quyện tuốt gươm xông ra để chém thì Đức Kỳ nhảy lặn xuống nước. Quyện lại nhảy sang thuyền Đức Kỳ, chém người cầm lọng, xách thủ cấp giơ

(1) Thuộc Thanh Hoá.
(2) Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Sau đổi Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An.

lên, la lớn : "Đầu lâu Đức Kỳ đây rồi, chúng mày còn địch với tao thế nào được nữa? " Các quân bên Trịnh Chb.XXVIII,10 Kiểm nghe nói như vậy, sợ quá, liền tan vỡ, bỏ thuyền chạy. Trịnh Kiểm vội vã rút quân tháo lui, bị quân Mạc đánh chặn lối về : quân lính Trịnh Kiểm phần nhiều bị chết và bị thương, số chiến tướng bị chết đến vài chục người ; thuyền bè và khí giới phải bỏ lại gần hết. Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hoa.

Lời chua - *Sơn Nam* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 17, 18).

Sông Giao Thuỷ : Thuộc huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

Sông Phượng Xí : Nam Định có sông Phượng Tường, ở huyện Chân Ninh, phủ Thiên Trường, chẳng hay có phải là sông Phượng Xí này không.

Mưa dầm. Thanh, Nghệ đói to.

Bấy giờ trời hay mưa dầm, liên miên hàng tuần[1] không tạnh. Lúa miền Thanh, Nghệ phần nhiều bị ngập và hư hại. Nhà vua ban chiếu đổi niên hiệu kể từ năm sau là năm Chính Trị thứ 1.

Mậu Ngọ, năm Chính Trị thứ 1 (1558).(Mạc, năm Quang Bảo thứ 5. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 37). Thái sư Trịnh Kiểm lại đi tuần vùng Sơn Nam.

Trịnh Kiểm lại chính mình đốc suất đại quân kéo ra Sơn Nam trung lộ, đánh chỗ không phòng bị của Mạc : bắt được tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu (không rõ tên), đưa về hành tại[2], giết chết.

Tháng 8, mùa thu. Thái phó Phạm Đốc chết.

(1) Mỗi tuần mười ngày.
(2) Tức là hành tại An Tràng. Xem thêm chú giải ở Chb.XXVIII, 4.

Tặng phong làm đặc tiến khai phủ thái uý Tĩnh quốc công, đặt tên thuỵ là Trung Nghị. Phạm Đốc là con nuôi của Thái sư Trịnh Kiểm, tập quen quân sự, lại có văn học, dùng lễ độ đối đãi sĩ phu. Khi hành quân thì kỷ luật nghiêm minh, hiệu lệnh nhất trí, không giết một cách càn bậy. Đời bấy giờ gọi Đốc là một lương tướng. Chb.XXVIII,11

Tháng 10, mùa đông. Sai Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta[1] vào trấn đất Thuận Hoá.

Từ khi Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta mất đi, bỏ dở công to nghiệp lớn, quyền bính trọng yếu trong nước đều do Trịnh Kiểm chuyên chế cầm nắm. Lãng quận công Uông[2] làm tả tướng, Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì cầm quân đi đánh dẹp, lập được nhiều chiến công, được phong đến Đoan quận công. Cả hai đều bị Trịnh Kiểm nghi kỵ. Rồi Tả tướng[3] bị Kiểm làm hại. Còn Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta thì tự lắng xuống, kín đáo giữ mình.

Bấy giờ đang có cuộc dụng binh luôn luôn với người Mạc, Thuận Hoá tuy là đất cũ nhà Lê, nhưng bè đảng nhà Mạc phần nhiều ra vào ẩn hiện ở đó, nhà Lê chưa rỗi kinh lý được. Gia Dụ bèn nhờ trưởng công chúa là Ngọc Bảo[4] cầu xin cho vào trấn giữ đất đó. Trịnh Kiểm cho rằng đó là chỗ đất hiểm trở xa khơi, bèn muốn lợi dụng, nên cũng ưng thuận. Kiểm dâng biểu nói với vua Lê rằng : "Thuận Hoá là nơi có hình thế đẹp. Để làm nên sự nghiệp lớn, bản triều lúc mới khai quốc, phải nhờ vào sự đóng góp quân lính và tiền tài của Thuận Hoá. Có điều là Thuận Hoá bị giặc Mạc chiếm cứ đã lâu, lòng người hãy còn phản trắc : phần nhiều vượt biển đi theo Mạc, hoặc nhân dịp đưa giặc đến quấy Chb.XXVIII,12

(1) Tức Nguyễn Hoàng, con thứ Nguyễn Kim.
(2) Con trưởng Nguyễn Kim.
(3) Tước của Nguyễn Uông.
(4) Con gái cả của Nguyễn Kim (xem Chb.XXVII, 31), chị gái của Nguyễn Hoàng.

ở phía sau chúng ta. Đó là điều rất đáng lo ngại. Vậy nếu không được tay lương tướng vào đấy trấn giữ vỗ về thì không xong.

"Đoan quận công[1] là con nhà tướng, có tài năng và mưu lược, nay nên ra lệnh cho hắn vào trấn áp đất ấy, gây thế ỷ dốc với Trấn quận công Bùi Tá Hán ở Quảng Nam, ngõ hầu không có cái lo phải đoái đến miền Nam".

Nhà vua nghe theo, bèn trao cho Gia Dụ cờ tiết để đi trấn thủ, công việc trong cõi thảy đều cho phép được tuỳ tiện xử trí, hằng năm chỉ thu lễ công và phú thuế mà thôi.

Thế rồi nhiều người quê hương ở Tống Sơn[2] và nghĩa dũng ở Thanh Nghệ đều dắt díu gia quyến, vui vẻ đi theo Gia Dụ.

Ban đầu, Gia Dụ lập bản doanh ở Ái Tử, vỗ về chăn dắt quân và dân, thu dùng những người hào kiệt ; giảm sưu, nhẹ thuế : lòng người mến phục. Thời bấy giờ gọi là chúa Tiên.

Lời chua - *Thuận Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23-24).

Quảng Nam : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII, 7-8).

Ái Tử : Tên xã, nay là huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Bùi Tá Hán : Người Thu Phố, huyện Chương Nghĩa.

Kỷ Mùi, năm thứ 2 (1559).(Mạc, năm Quang Bảo thứ 6. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Quy định ngạch thuế ở Thanh, Nghệ.

(1) Tước của Nguyễn Hoàng.
(2) Huyện Tống Sơn thuộc Thanh Hoá là quê quán của Nguyễn Hoàng.

Nhà vua sai Hộ Bộ độ chi là Lê Trọng Nguyên làm việc khám đạc ruộng đất công tư ở Thanh Hoa và Nghệ An để quy định số ngạch thuế khoá. Chb.**XXVIII**,13

Tháng 8, mùa thu. Thanh Hoa và Nghệ An có thuỷ tai lớn.

Nước tràn ngập, làm trôi đến vài trăm nhà. Kho tàng trong thành Tây Đô phần nhiều bị nước thấm ướt. Nhân dân bị đói kém.

Lời chua - *Tây Đô* : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb.XII, 16).

Tháng 9. Sai Thái sư Trịnh Kiểm kéo đại quân ra Bắc đánh dẹp.

Trịnh Kiểm dâng biểu xin cho viên tướng trong họ là Trịnh Quang làm đề thống ngự doanh, đóng giữ hành tại An Tràng (Trường), Lê Trọng làm tổng trấn Thanh Hoa, bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh quản lãnh toán quân tinh nhuệ, phòng giữ cửa biển.

Trịnh Kiểm chính mình thống đốc 6 vạn đại quân, nói lên là 12 vạn, dùng Hoàng Đình Ái làm tiên phong, từ Thiên Quan trẩy ra Sơn Tây thượng lộ. Quân trẩy qua đâu không hề xâm phạm ở đó cái tơ cái tóc. Nhân dân đều mến phục, đua nhau đem rượu, gạo, trâu bò, lương thực đến cung cấp cho quân.

Bọn tướng trấn thủ Hưng Hoá là Định quận công Đặng Định và thổ tướng Tuyên Quang là Gia quận công Vũ Văn Mật đều đem quân đến hội. Trịnh Kiểm bèn tiến quân vượt qua sông, lược định các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn và Kinh Bắc. Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng[1], Đặng Định trấn giữ An Tây[2], mở mang sửa sang đường sá từ Thiên Quan

(1) Nay thuộc huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
(2) Đất phủ An Tây cũ, nay thuộc các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu.

thông suốt đến Hưng Hoá, Tuyên Quang và Kinh Bắc để tiện việc chuyên chở tiếp tế.

Lời chua – *An Tràng (Trường)* : Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4) Chb.**XXVIII**,14

Thiên Quan : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18, 19, 28, 30, 31).

Vũ Sư Thước : Người Du Tràng, huyện Hậu Lộc(1).

Trịnh Quang : Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (2).

Lại Thế Khanh : Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn(3).

Hoàng Đình Ái : Người Vân Lũng, huyện Thạch Thành(4).

Đặng Định : Trước kia, theo Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế ta lánh nạn sang Ai Lao ; kịp khi Trang Tông trung hưng, sai Định đi trấn giữ An Tây mười châu thuộc Hưng Hoá. Đến đây, Đặng Định đem quân đến hội.

Canh Thân, năm thứ 3 (1560).(Mạc, năm Quang Bảo thứ 7. – Minh, năm Gia Tĩnh thứ 39).

Tháng 2, mùa xuân. Mạc Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm.

Mạc Phúc Nguyên sai các tướng đi phòng thủ ngoài thành Thăng Long, đóng đồn ven sông về phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xang, dinh trại thuyền bè san sát liên tiếp. Ban ngày thì bóng cờ phấp phới, tiếng trống thùng thình, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu, chúng cầm cự với quan quân.

Bấy giờ Trịnh Kiểm đang đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng quân doanh ở Thuận An, rồi lại dời đi đóng ở Tiên Du, chia sai các tướng đi đánh dẹp Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách, Tiên Hưng, Siêu Loại và Văn Giang. Lại hướng về phía

(1), (2), (3), (4) Đều thuộc Thanh Hoá

đông, đánh các huyện Đông Triều, Giáp[1] Sơn, Chí Linh và An Dương : đều được cả.

Phúc Nguyên chạy đi Thanh Đàm. Trịnh Kiểm bèn sai quận Vinh Hoàng Đình Ái giữ Lạng Sơn, quận Vị Lê Khắc Thận giữ Thái Nguyên, quận Gia Vũ Văn Mật lại về Tuyên Quang : thanh thế liên tiếp nhau, cứu giúp lẫn cho nhau. Quận Định Đặng Định trở về Hưng Hoá, chiêu tập vỗ về nhân dân ở An Tây mười châu, cung cấp lương thực cho Chb.XXVIII,15 quân đội. Từ Thiên Quan đến Kinh Bắc bấy giờ liên lạc được với nhau, không cách đứt.

Lời chua - *Thanh Đàm* : Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chb.VI, 26).

Thăng Long : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II, 10).

Bạch Hạc : Xem Trần Thánh Tông, năm Thiệu Long thứ 5 (Chb.VII, 4-5).

Tiên Du, Siêu Loại : Đều xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 30).

Nam Sách (sách : sách lược) : Tức Nam Sách (sách : sổ sách). Xem thuộc Tấn[2], Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V,22).

Khoái Châu : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long ứng thứ 4 (Chb.V, 32).

Hồng Châu : Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb.VII, 28).

Nam Xang[3] : Tên huyện, thuộc phủ Lý Nhân, Hà Nội[4].

Thuận An : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb.X, 4).

(1) Giáp, đây là theo tiếng nhân dân thường gọi, còn theo các từ thư thì âm là Hiệp.
(2) Đáng phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.
(3) Xang, là theo tiếng Việt, còn Hán văn là "xương".
(4) Ngày nay, Lý Nhân, tức Phủ Lý, thuộc tỉnh Hà Nam.

Tiên Hưng : Tên phủ, thuộc tỉnh Hưng Yên[1].

Văn Giang : Tên huyện, thuộc phủ Thuận An[2], tỉnh Bắc Ninh.

Đông Triều : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb.XII, 25). Chb.**XXVIII**,16

An Dương : Tên huyện, thuộc phủ Kiến Thuỵ, Hải Dương.

Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 30, 31, 32).

An Tây mười châu : 1) Chiêu Tấn, 2) Quỳnh Nhai, 3) Lai Châu, 4) Tung Lăng, 5) Hoàng Nham, 6) Hợp Phì, 7) Lễ Tuyền, 8) Khiêm Châu, 9) Tuy Phụ, 10) Luân Châu.

Thiên Quan : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 25).

Giáp Sơn : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 37)[3].

Năm này được mùa to.

Hạ lệnh cho vùng Kinh Bắc gặt lúa để cung cấp cho quân đội.

Tân Dậu, năm thứ 4 (1561).(Mạc, năm Quang Bảo thứ 8. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 40).

Tháng 3, mùa xuân. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Bọn tổng trấn Lê Trọng cùng thủ tướng[4] Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển : không lợi.

Phúc Nguyên sai tướng khác sang Kinh Bắc để cầm cự với Trịnh Kiểm, lén vời Kính Điển quay về, cho vào lấn cướp các cửa biển Thanh Hoa. Thủ tướng Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh cùng tổng trấn Lê Trọng đánh nhau với quân Mạc : không lợi, phải lui giữ An Tràng và sách Vạn Lại. Bấy giờ thế

(1) Tiên Hưng nay thuộc Thái Bình.
(2) Đất huyện Văn Giang cũ, nay thuộc các huyện Mỹ Văn và Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(3) Xem thêm Chb.XIII, 12, 13.
(4) Viên tướng trấn giữ một địa điểm (chỗ khác trong *Cương mục* quyển 28 này cũng vậy).

lực của giặc lại mạnh lên, phần đông nhân dân phải xiêu giạt tan tác. Hay tin này, Trịnh Kiểm bèn sai Đình Ái đem quân về trấn giữ Thanh Hoa. Chb.XXVIII,17

Tháng 9, mùa thu. Kính Điển xâm phạm An Tràng. Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đi đánh : Kính Điển phải chạy.

Quân Mạc xâm phạm đến sách Vạn Lại. Bọn Sư Thước và Thế Khanh họp sức lại, cùng chống cự. Quân phục [bên Lê] thình lình đánh úp, đắc thắng liền liền, chém hơn trăm thủ cấp. Quan quân nhân đà thắng lợi, dượt đuổi quân địch. Kính Điển lại nghe nói viện binh của Đình Ái sắp đến, bèn rút về. Trịnh Kiểm cũng kéo quân về Thanh Hoa, dâng tin thắng trận lên nhà vua ở hành tại An Tràng. Kiểm đóng quân doanh ở phía nam thành Tây Đô, thưởng to cho những người có chiến công.

Tháng 12, mùa đông. Mạc Phúc Nguyên chết.

Con trưởng là Mậu Hợp nối ngôi nguỵ, tiếm đặt niên hiệu là Thuần Phúc (1562 - 1565)[1].

Nhâm Tuất, năm thứ 5 (1562).(Mạc Mậu Hợp, năm Thuần Phúc thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 41).

Tháng 8, mùa thu. Mở trường thi hương ở Tây Đô.

Tháng 9. Thái sư Trịnh Kiểm lại ra Sơn Nam.

Kiểm kéo quân ra dẹp Sơn Nam. Trẩy đến Thanh Trì [2] và Thượng Phúc [3], lập đại doanh ở Sơn Miêng[4], Kiểm sai thu lượm tích trữ thóc lúa lương thực để làm chước cầm cự lâu dài.

(1) Về sau, lại đổi niên hiệu mấy lần nữa : Sùng Khang (1566 - 1577), Diên Thành (1578 - 1585), Đoan Thái (1586 - 1587), Hưng Trị (1588 - 1590) và Hồng Ninh (1591 - 1592).
(2) Nay thuộc Hà Nội.
(3) Nay là huyện Thường Tín tỉnh Hà Tây.
(4) Nay là huyện Ứng Hòa tỉnh Hà Tây.

Lời chua – *Thượng Phúc, Sơn Miêng* : Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 9). Chb.XXVIII,18

Quý Hợi, năm thứ 6 (1563).(Mạc, năm Thuần Phúc thứ 2.- Minh, năm Gia Tĩnh thứ 42).

Giáp Tí, năm thứ 7 (1564).(Mạc, năm Thuần Phúc thứ 3.- Minh, năm Gia Tĩnh thứ 43). Nước Ai Lao đến dâng lễ cống.

Chúa Ai Lao, Sạ Đẩu, sai bầy tôi đến cống bốn thớt voi đực. Nhà vua bảo Kiểm đem con gái nuôi của Kiểm gả cho chúa Ai Lao.

Tháng 10, mùa đông. Mở đường sơn cước ở Thanh Hoa cho thông suốt ra Sơn Nam.

Sai dân Trường Yên và dân Thiên Quan mở rộng đường sá : từ xã Trường Cát thẳng đến xã Bình Lương suốt tới huyện Hoài An và huyện Sơn Miêng, để tiện việc đài tải chuyên chở. Bấy giờ Sơn Nam từ sông lớn trở về phía tây, đều là đất ở trong vùng kiểm soát của triều đình cả.

Lời chua – *Trường Cát* : Tên xã, nay thuộc huyện Quảng Địa[1], phủ Quảng Hoá, tỉnh Thanh Hoa.

Bình Lương : Tên xã, nay thuộc huyện An Hoá, phủ Thiên Quan, tỉnh Ninh Bình.

Hoài An, Sơn Miêng : Tên hai huyện, đều xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 9).

Tháng 12. Thái sư Kiểm rút quân về Thanh Hoa.

Ất Sửu, năm thứ 8 (1565).(Mạc, năm Thuần Phúc thứ 4.- Minh, năm Gia Tĩnh thứ 44). Chb.XXVIII,19

Tháng 4, mùa hạ. Thái sư Kiểm đánh Trường Yên : hạ được.

(1) Nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sai bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển Thanh Hoa, còn mình thì tự đốc suất đại quân, lại ra lược định Sơn Nam trung lộ. Quân trẩy đến Trường Yên, đánh dẹp các huyện Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khang : đều hạ được cả.

Lời chua – *Gia Viễn* : Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb.XXVI, 2).

Yên Khang : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb.VIII, 18).

Yên Mô : Xem Lê Tương Dực, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb.XXVI, 2).

Tháng 9, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa. Thủ tướng là bọn Vũ Sư Thước và Lại Thế Khanh đánh nhau với Kính Điển : không lợi.

Bấy giờ quan quân tấn công và đánh úp rất gấp. Mậu Hợp bèn hỏi bọn Kính Điển về mưu chước để đẩy lùi quân Trịnh Kiểm. Kính Điển nói : "Bây giờ Kiểm đương dốc hết binh lực để đánh Sơn Nam, thì Thanh Hoa phải yếu và trống rỗng. Nếu ta sai vài viên đại tướng đến giao chiến với Kiểm để kéo co cho lực lượng địch phải phân tán, còn thần xin đem vài vạn quân tinh nhuệ thẳng xông vào Thanh Hoa, thì tất thế nào cũng thắng to và có thể đẩy lùi quân của Kiểm ở Sơn Nam được". Mậu Hợp nghe theo. Chb.**XXVIII**,20

Kính Điển bèn đem chu sư vượt biển vào cửa Linh Tràng, đánh phá các huyện Thuần Hựu, Hoằng Hóa.

Bọn Sư Thước cho người đi báo tin gấp rút với Kiểm, Kiểm sai quận Lộc về cứu. Quận Lộc cùng bọn Sư Thước và Thế Khanh hội binh, tiến đánh Du Tràng. Kính Điển chẹn chỗ hiểm yếu, đặt quân phục, rồi khiêu chiến, giả vờ thua. Bọn Sư Thước và Thế Khanh dẫn quân và voi đuổi theo, đến chỗ hiểm yếu, quân phục bên địch đều nổi dậy, bốn mặt đánh khép lại, bao vây đến vài vòng. Sư Thước và Thế Khanh xông đột vòng

vây, chạy thoát. Quận Lộc (không rõ tên) chiến đấu đến chết. Quan quân bị chết có đến vài ngàn người.

Giặc thừa thắng, tiến đánh. Khi hay tin quân của Trịnh Kiểm đã kéo về đến Thạch Thành, giặc bèn rút lui.

Quận Lộc được truy phong tước Nghiêm quốc công.

Lời chua – *Cửa Linh Tràng* : Nay là cửa biển Y Bích, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Thuận Hựu : Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 2 (Chb.XXVI, 37).

Hoằng Hoá : Xưa là Cổ Đằng, nay là Hoằng Hoá thuộc phủ Hà Trung(1).

Du Tràng : Tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, phủ Hà Trung(2).

Thạch Thành : Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá(3).

Bính Dần, năm thứ 9 (1566).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 1. - Minh, năm Gia Tĩnh thứ 45).

Tháng 9, mùa thu. Thái sư Kiểm xuất quân ra Sơn Nam, đến Gia Viễn quay về.

Đinh Mão, năm thứ 10 (1567). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 2. - Minh, năm Long Khánh thứ 1). Chb. XXVIII. 21

Mậu Thìn, năm thứ 11 (1568).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 3. - Minh, năm Long Khánh thứ 2).

Tháng 3, mùa xuân. Dùng Nguyễn Bá Quýnh làm tổng binh Quảng Nam.

Thổ tướng(4) Quảng Nam là Trấn quận công Bùi Tá Hán mất. Nhà vua sai quận Nguyên Nguyễn Bá Quýnh thay thế.

(1), (2), (3) Đều thuộc Thanh Hoá

(4) Viên Tướng người bản thổ

Lời chua - ***Bá Quýnh*** : Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc (Chân phúc cũ)[1].

Kỷ Tị, năm thứ 12 (1569).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 4.- Minh, năm Long Khánh thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Gia phong thái sư Kiểm làm thượng tướng, tước Thái quốc công, tấn tôn thượng phụ.

Tháng 4, mùa hạ, Hoàng đệ Duy Hàn có tội, bị phế làm thứ nhân.

Duy Hàn ngầm có ý khác, lén vào trong cung, lấy trộm quả ấn bảo tỉ, bị bắt, nhưng được tha. Rồi Duy Hàn lại tự tiện giết người. Nhà vua nói : "Nhiều lần khuyên bảo, Duy Hàn vẫn không nghe theo. Thế là "kẻ hạ ngu mình tự làm mình, không sao thay đổi được !" Nhà nước đã có pháp luật thường hành, trẫm còn tây vị bao che cho thế nào được?" Nhà vua bèn giao xuống cho đình thần bàn xét. Duy Hàn bị thích sáu chữ vào mặt, phế làm thứ nhân.

Tháng 9, mùa thu. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta đi ra Tây Kinh, yết kiến nhà vua ở hành tại An Tràng. Chb.**XXVIII**,22

Bái yết nhà vua xong, Gia Dụ đến phủ thượng tướng[2], anh em[3] tình tự, rất là hoà thuận thân yêu.

Tháng 10, mùa đông. Động đất.

Thượng tướng Kiểm bị bệnh, xin nghỉ, không giữ binh quyền. Nhà vua ưng thuận.

Kiểm đau nặng, dâng biểu xin thôi giữ quyền bính quân sự. Nhà vua sai người con trưởng của Kiểm là Tuấn Đức hầu

(1) Chân Lộc là tên đặt từ đời Tây Sơn (1778-1801); đến năm 1889 đổi là Nghi Lộc, thuộc tỉnh Nghệ An (xem *Đại Nam nhất thống chí* XIV, 5-6).T

(2) Phủ của Trịnh Kiểm.

(3) Trịnh Kiểm là anh rể, Nguyễn Hoàng là em vợ, vì Trịnh Kiểm lấy Ngọc Bảo, con gái Nguyễn Kim (xem Chb.XXVII, 31), sau Ngọc Bảo sinh ra Trịnh Tùng (theo *Toàn thư* XVI, 25).

Cối thống lĩnh các doanh quân thuỷ và quân bộ. Từ Phúc Lương Hầu Tùng con thứ của Kiểm, đến các tướng tá khác đều thuộc dưới quyền Cối.

Tháng 11. Sao sa.

Có lưu tinh dài hơn năm trượng sa xuống đất : ầm to như tiếng sấm sét lớn.

Canh Ngọ, năm thứ 13 (1570).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 5. - Minh, năm Long Khánh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta từ Tây Kinh trở về, kiêm việc cai quản cả các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam. Vua Lê vời tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quýnh(1) về giữ Nghệ An.

Tháng 2. Thái sư Thượng Phụ Trịnh Kiểm chết. Nhà vua dùng Trịnh Cối, con của Kiểm, lên thay, quản lĩnh quân đội.

Truy phong Trịnh Kiểm là Minh Khang vương, đặt tên thuỵ là Trung Huân. Hạ chiếu cho con trưởng là Cối lên thay, quản lãnh các quân doanh, đánh giặc. Chb.**XXVIII**,23

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cối và Trịnh Tùng dấy quân đánh lẫn nhau.

Cối, sau khi lên thay Kiểm, cầm nắm quyền binh trong nước, tâm chí càng kiêu rông, ngày ngày chỉ buông mình trong tửu sắc, không lo thương gì đến quân sĩ ! Cối lại định tước đoạt quân sĩ của Tùng. Do đó, các tướng hiệu đều có lòng lìa bỏ Trịnh Cối.

Bọn Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu, Phan Công Tích và Trịnh Bách, đang đêm, đem đồ đảng tới chỗ Tùng ở để bàn mưu kế. Tùng cùng bọn Cập Đệ và Vĩnh Thiệu lại nèo cả viên

(1) Nguyễn Bá Quýnh được dùng làm tổng binh Quảng Nam từ tháng 3 năm Mậu Thìn, 1568 (xem Chb.XXVIII, 21).

hàng tướng là Đặng Huấn cùng đi, đem luôn cả quân và voi, đang đêm, chạy đến bái yết nhà vua ở hành tại An Tràng. Tùng khóc lóc kể lể : "Anh của thần là Cối đam mê tửu sắc, làm nhiều việc mất lòng người, chẳng sớm thì chầy tất đến loạn mất ! Nay Cối lại định tước đoạt số quân của thần, nên bọn thần đang đêm phải chạy đến gieo mình ở cửa cung khuyết".

Tùng và bọn Cập Đệ, nhân đó, lại mật tâu với nhà vua dời hành tại vào phía trong cửa ải Vạn Lại, chia người ra đóng giữ cửa luỹ để phòng ngừa sự bất trắc.

Ngày hôm sau, Cối thân hành đem bọn Lại Thế Mỹ, Lại Thế Khanh, Nguyễn Sư Doãn, Vương Trân, Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liêu và Phạm Văn Khoái với hơn một vạn quân, đuổi theo bọn Tùng đến ngoài cửa ải.

Tùng sai đóng chặt cửa luỹ, không ra. Cối sai đưa thư vào, nói nhiều lời không được từ tốn. Nhà vua cho người đi hoà giải, nhưng Cối không nghe, bèn sai tướng đi đánh Cối.

Cối đánh nhiều lần không được. Khi hay tin quân Mạc kéo đến, Cối rút quân về Biện Doanh, bảo đồ đảng Chb.XXVIII,24
mình rằng : "Trong cửa ải thì có quân giữ, ngoài
bờ cõi thì giặc vào. Ta ở giữa nếu có sự biến xảy ra thì tình thế khó lòng chống nổi !" Cối bèn chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu :

Sư Thước giữ cửa Linh Tràng và cửa Hội Triều, Thế Khanh giữ cửa Chi Long và cửa Thần Phù, Sư Doãn giữ cửa Du Xuyên và cửa Ngọc Giáp để phòng ngừa quân Mạc ;

Bọn Thế Mỹ, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái thì bổ đồn đóng ở bờ sông để phòng ngừa quân trong ải.

Lời phê - *Bấy giờ hai anh em Cối và Tùng lục đục đánh lẫn nhau, dường như trời kia có ý nâng đỡ nhà Lê đấy. Giá thử may mà có được người bầy tôi nào có đủ tài năng, nhân dịp đứng*

lên rút bớt binh quyền của họ Trịnh thì đỡ được biết bao nhiêu việc rắc rối sau này, đâu đến nỗi đuôi to khó quẫy, họ Trịnh với họ Lê cứ cùng nhau tồn tại từ trước đến sau mãi như thế ! Nhưng, đời xa, việc lâu, tình thế có thể sai khác, nay đem ý kiến của mình mà suy luận, e chưa chắc đã đúng thế chăng.

Lời chua – *Trịnh*(1) *Vĩnh Thiệu* : Người Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc(2).

Phan Công Tích : Người Thái Xá, huyện Đông Thành(3).

Lại Thế Mỹ : Người Quang Lãng, huyện Tống Sơn(4).

Nguyễn Hữu Liêu : Người Tây Tựu(5), huyện Từ Liêm.

Phạm Văn Khoái : Người Tiểu Phấn, huyện Thượng Nguyên(6).

Cửa biển Linh Tràng : Xem năm Chính Trị thứ 8 (Chb.XXVIII, 20).

Cửa biển Hội Triều : Ở xã Hội Triều, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoa.

Cửa biển Chi Long : Ở huyện Nga Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hoa.

Cửa biển Du Xuyên : Nay là cửa Bạng, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Cửa biển Ngọc Giáp : Nay là cửa Hãn, ở xã Ngọc Giáp, huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, Thanh Hoa.

Tháng 8, mùa thu. Kính Điển vào cướp Thanh Hoa. Trịnh Cối đem đồ đảng đầu hàng nhà Mạc.

Lập quận công là Lập Bạo, người Bố Chính, được tin Trịnh Kiểm chết anh em dấy binh đánh lẫn nhau, bèn đem quân đầu hàng nhà Mạc. Chb.**XXVIII**,25

(1) Cương mục in lầm là "Đặng".
(2) Thuộc Thanh Hoá.
(3) Nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.
(4) Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
(5) Tục gọi làng Đăm, nay là xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(6) Nay thuộc T.P Nam Định.

Nhà Mạc cho Lập Bạo cầm quân, làm hướng đạo. Kính Điển chính mình đốc suất hơn mười vạn quân, 700 chiếc chiến thuyền, vào cướp Thanh Hoa. Nhà Mạc lại sai thân vương là Đôn Nhượng(1) và tướng tá là bọn Mạc Đình Khoa đem quân chặn giữ cửa biển Thần Phù, bọn Nguyễn Quyện và Mạc Ngọc Liễn chia làm sáu đội, ấn định nhật kỳ, đồng thời cùng tiến. Quân Mạc vượt vào các cửa biển Linh Tràng, Chi Long và Hội Triều đóng quân ở Hà Trung. Hai bên bờ sông khói lửa liên tiếp nhau.

Trịnh Cối liệu chừng không thể chống nổi, bèn đem bọn Lại Thế Mỹ, Nguyễn Sư Doãn, Trương Quốc Hoa, Vương Trân và Vũ Sư Thước đầu hàng nhà Mạc. Kính Điển cho ai nấy vẫn cứ giữ nguyên tước cũ.

Bọn Thế Khanh, Đình Ái, Khắc Thận, Hữu Liêu và Văn Khoái đều kéo quân lui vào An Tràng. Quận Hoành (sử không chép tên) tự rút quân bản bộ về Nghệ An, chia ra đóng giữ trên mặt đất với Nguyễn Bá Quýnh.

Lời chua - *Lập Bạo* : Một tên tướng nhà Mạc không rõ họ là gì.

Dùng Trịnh Tùng làm tiết chế các quân doanh thuỷ và bộ, thống lĩnh quân đội, để đánh Mạc.

Tùng, sau khi lãnh chức tiết chế, hội họp các tướng Hoàng Đình Ái, Trịnh Mô, Lê Cập Đệ và văn thần là bọn Nguyễn Đĩnh(2), mở yến tiệc yên ủi nhau, Chb.XXVIII,26
chỉ trời mà thề : Chung lòng đấu cật, làm cho thành công. Rồi chia quân đóng giữ các cửa luỹ, đào hào, dựng rào, đặt quân mai phục, giữ chỗ hiểm yếu để phòng ngừa quân Mạc.

Lời chua - *Nguyễn Đĩnh* : Người Hoàng Xá, huyện Từ Liêm(3).

---

(1) Đôn Nhượng là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp (Xem Chb.XXIX, 12).
(2) Bấy giờ Nguyễn Đĩnh làm Lại Bộ thượng thư, tước Tử quận công.
(3) Nay là thôn Hoàng Xá, xã Liên Mạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Trịnh Mô : Người Nông Sơn, huyện Nam Đường [1], trước là họ Nguyễn, tên gọi Cảnh Hoan sau nhà Trịnh cho lấy theo họ Trịnh, đổi tên là Mô.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua tự làm tướng đi đánh Mạc Kính Điển : Kính Điển phải chạy.

Kính Điển chính mình thống suất quân sĩ các đạo, tiến đến Úng Quan ở sông Mã và Bổng Luật ở sông Lam : khói lửa lan man không ngớt. Nhân dân Thanh Hoa dắt díu nhau chạy loạn, kêu khóc đầy đường. Tiền của, gia súc và phụ nữ đều sa trong vòng giặc. Giặc nhân đà sắc bén, có cái khí thế muốn san phẳng cả Hoan, Ái. Quan quân tuỳ tình thế, liệu chống đỡ. Da Châu và Tàm Châu ở phía tả sông luôn với các đầu nguồn huyện Lôi Dương và huyện Nông Cống ở phía hữu sông đều là chiến trường cả.

Kính Điển tấn công luỹ An Tràng, ngày đêm không ngớt.

Quan quân giao chiến với địch, không lợi, phải đóng chặt cửa luỹ, dựa vào địa thế hiểm trở giữ thế thủ.

Bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ bèn lựa theo hình thế phía ngoài luỹ làm cái thành giả che kín bằng phên nứa và vách tre của cư dân, rồi ngoài trát đất bùn, trên cắm chông tre. Thành giả này dài đến hơn mười dặm : công việc chỉ làm trong một đêm xong.

Ngày hôm sau, Kính Điển trông thấy, cả sợ, bảo các tướng tá rằng : "Đó chắc là những quân cảm tử còn nhiều, nên mới nỗ lực làm công việc được mau chóng như vậy. Nếu ta không đánh nhanh thì sau tất khó trị". Kính Điển bèn chính mình đốc thúc quân sĩ đánh gấp, hẹn ngày phải thắng. Chb.XXVIII,27

Quan quân theo sự lên xuống của thủy triều, cầm cự với quân Mạc ở khoảng Bảo Lạc và Long Sùng, giả cổ võ

(1) Thuộc tỉnh Nghệ An. Đến năm 1886, đổi làm Nam Đàn.

quân lính, treo giải hậu thưởng. Ban ngày thì cố thủ, đêm đến thì đổ ra cướp trại của quân Mạc để làm cho địch nao núng.

Quân Mạc luôn bị kinh động, có nhiều người đào ngũ, đi trốn. Kính Điển đánh nhiều lần không thắng được, bèn lui giữ Hà Trung.

Vũ Sư Thước sai người lén vào trong luỹ, dâng thư xin hàng, về triều đợi tội. Nhà vua nhóm họp các tướng, bàn việc tiến quân, gia phong Trịnh Tùng làm tả thừa tướng tiết chế các quân doanh thủy và bộ, chia quân làm ba đạo, đồng thời xuất phát :

Nhà vua chính mình quản đốc đại quân, từ trung lộ tiến ra, nhằm các huyện Thụy Nguyên, An Định, kéo thẳng đến đóng tại huyện Đông Sơn ;

Bọn Lại Thế Khanh, Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu và Trịnh Mô từ tả lộ kéo ra, nhằm huyện Vĩnh Phúc và huyện Tống Sơn ;

Bọn Hoàng Đình Ái, Đặng Huấn, Phan Công Tích và Trịnh Bách từ hữu lộ kéo ra, nhằm các huyện Lôi Dương, Nông Cống và Quảng Xương.

Bấy giờ nhà vua đóng quân doanh ở Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ thân đến ngự doanh xin chịu tội. Nhà vua yên ủi và cho vẫn giữ tước cũ. Từ đó Chb.XXVIII,28 thanh thế quân đội [bên Lê] rất lừng lẫy.

Quân Mạc hễ đánh là thua, phải lui giữ sông Bút Cương. Quan quân vượt sông An Liệt, qua Kim Bôi, Kim Tử, xuyên tắt ra Thuần Hựu.

Nhà vua sai Sư Thước chiêu tập cựu binh ở bản huyện[1] được bọn nghìn người, làm tiên phong, khiêu chiến với Mạc ở

(1) Vũ Sư Thước người huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá (Xem Chb.XXVIII, 14).

sông Lôi Tân. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh các huyện Tống Sơn và Nga Sơn, đều thắng cả.

Vì lương thực trong quân không tiếp tế được đều, Kính Điển, tháng 12, phải rút quân về.

Lời chua - *Sông Mã* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 18).

Ứng Quan : Ở tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ, phủ Quảng Hoá, Thanh Hoa.

Sông Lam : Ở huyện Thuỵ Nguyên(1).

Bổng Luật : Không rõ ở đâu.

Hoan : Châu Hoan, tức Nghệ An.

Ái : Châu Ái, tức Thanh Hoá. Nghệ An và Thanh Hoá đều xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 20 - 23).

Da Châu : Xem Mạc, năm Đại Chính thứ 1 (Chb.XXVII, 22).

Tàm Châu : Thuộc châu Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Lôi Dương : Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 2).

Nông Cống, Quảng Xương : Tên hai huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia(2).

Bảo Lạc, Long Sùng : Đều là tên xã(3), thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá(4).

Hà Trung : Tên phủ, thuộc tỉnh Thanh Hoa.

An Định, Đông Sơn, Vĩnh Phúc : Tên ba huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá.

Tống Sơn, Nga Sơn : Tên hai huyện, thuộc phủ Hà Trung.

---

(1), (2) Đều thuộc Thanh Hoá

(3) Hễ khúc sông chảy qua địa phận xã nào thì người ta thường gọi sông theo tên xã ấy. Thí dụ xã Long Sùng, sông Long Sùng; xã Lôi Tân, sông Lôi Tân...

(4) Thuộc Thanh Hoá

Bút Cương, An Liệt, Kim Bôi, Kim Tử, Lôi Tân : Chb.XXVIII,29
Đều là tên xã thuộc huyện Vĩnh Phúc, phủ Thiệu Hoá.

Tân Mùi, năm thứ 14 (1571).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 6. Minh, năm Long Khánh thứ 5).

Tháng 2, mùa xuân. Xét công đẩy lùi được giặc. Cho thăng quan và lên tước có tầng bậc khác nhau.

Gia phong Trịnh Tùng làm thái uý, Trường Quốc công ; Lê Cập Đệ làm Thái phó ; Trịnh Bách, Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Mô, Lại Thế Khanh và Đặng Huấn đều làm Thiếu phó. Lại phong cho các em của Tùng : Trịnh Đỗ làm Thiếu bảo, Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu. Ai nấy đều cầm quân đánh giặc.

Sai Phùng Khắc Khoan chiêu tập những dân Thanh Hoa bị xiêu giạt.

Dân các huyện thuộc Thanh Hoa trước đây đã từng xiêu giạt tan tác ; đến đây, nhà vua sai Khắc Khoan đi chiêu an cho họ tụ tập lại.

Lời chua - *Phùng Khắc Khoan* : Người Phùng Xá[1], huyện Thạch Thất, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1580), năm Quang Hưng đời Lê *Thánh Tông*.

Bọn Mỹ Lương, người huyện Khang Lộc, nổi loạn. Dẹp yên được.

Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyên việc trưng thu tô thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Kịp khi quân Mạc vào cướp Nghệ An, Thuận Hoá bị dao động, Mỹ Lương định mưu đánh úp Vũ Xương, thu lấy cả quân lính để đầu hàng nhà Mạc. Mỹ Lương

(1) Tục gọi làng Bùng, nay thuộc xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

bèn sai bọn Văn Lan và Nghĩa Sơn đem quân mai phục ở Minh Linh, còn mình thì đem quân lén do đường sơn cước đi đến Ngoã Kiều[1] ở huyện Hải Lăng, ấn định nhật kỳ để đánh kẹp lại. Chb.XXVIII,30

Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta biết rõ mưu định của chúng, bèn sai phó tướng Trương Trà đi đánh Nghĩa Sơn, còn Gia Dụ thì chính mình thống đốc quân lính, lén đến Ngoã Kiều, đánh úp Mỹ Lương, đốt trại của hắn. Mỹ Lương chạy trốn. Gia Dụ đuổi theo, bắt được, chém chết.

Trương Trà tiến đến Phúc Thị, đánh nhau với giặc, bị Nghĩa Sơn bắn chết. Vợ Trương Trà, Trần thị, sôi sục căm thù, cải trang giả làm đàn ông, ra trận đốc chiến, bắn giết được Nghĩa Sơn. Văn Lan trốn về với họ Trịnh.

Gia Dụ bèn kéo quân về, phong Trần thị làm quận phu nhân. Bấy giờ thổ hào Quảng Nam cũng đánh giết cướp bóc lẫn nhau. Gia Dụ đều dẹp yên được hết cả, nhân đó sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam, thu lượm vỗ về những quân còn sót lại.

Lời chua – *Khang Lộc* : Tên huyện, thuộc phủ Tân Bình[2].

Vũ Xương, Minh Linh, Hải Lăng : Tên ba huyện, thuộc tỉnh Quảng Trị. Vũ Xương nay là huyện Đăng Xương.

Phúc Thị[3] : Tên xã, thuộc huyện Minh Linh phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Mỹ Lương (không rõ họ) : Người Phổ Hành, huyện Khang Lộc.

Trương Trà : Người Hoành Vân, huyện Tống Sơn[4].

Trần thị : Người Diêm Tràng, huyện Phú Vinh. Chb.XXVIII,31

(1) Nghĩa là Cầu Ngói.
(2) Đất phủ Tân Bình cũ, nay thuộc tỉnh Quảng Bình và hai huyện Vĩnh Linh, Do Linh (Quảng Trị).
(3) Chữ "thị" ở đây in lầm là chữ "táp".
(4) Thuộc Thanh Hoá.

Tháng 10, mùa đông. Sai Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đi tuần vùng Thiên Quan : Dẹp yên được tất cả.

Thanh Hoa đói to.

Nhâm Thân, năm Hồng Phúc thứ 1 (1572).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 7. - Minh, năm Long Khánh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Nhà vua đốt hương, quỳ khấn ; lư hương bỗng nhào xuống đất biết là điềm chẳng lành, nhân đó mới ban chiếu đổi niên hiệu là Hồng Phúc thứ 1.

Lập Bạo, tướng Mạc vào cướp Thuận Hoá. Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta đánh úp, giết chết Lập Bạo.

Lập Bạo đem chu sư và hơn 60 chiếc thuyền vượt biển vào lấn cướp, theo đường Hồ Xá, đóng trại ở đền Thanh Tương, xã Lãng Uyển. Thế lực giặc rất lung lao.

Thái tổ Gia Dụ hoàng đế ta chính mình đem quân đi chống cự. Đóng ở bờ sông Ái Tử, ngài đêm nằm, nghe Chb.**XXVIII**,32
nơi sông nước có tiếng kêu oe oe, lấy làm lạ,
bỗng mộng thấy một người đàn bà, mặc áo xanh, đến trước mặt, thưa rằng : "Muốn trừ diệt giặc nên dùng đến kế mỹ nhân". Gia Dụ hiểu biết ý nói ấy, bèn sai Ngô Thị, một thị tì xinh đẹp, đem vàng lụa đến biếu Lập Bạo một cách phong hậu, thuyết phục Lập Bạo, hẹn ngày làm lễ hội minh. Lập Bạo hí hửng nghe theo. Gia Dụ liền sai dựng ngay tại chỗ có tiếng oe oe ấy ngôi đền và đàn thờ một cách lạo thảo để làm chỗ hội họp ăn thề, nhưng dưới đó đào hầm, đặt quân mai phục. Đến kỳ đã hẹn, Lập Bạo, với mấy chiếc thuyền tuỳ tùng đi đến, trông lên trên bờ sông thấy bên phía Gia Dụ cũng chỉ có vài mươi người, bèn nhơn nhơn không ngờ vực gì cả. Lập Bạo cùng Ngô thị đi chiếc thuyền nhỏ cũng chỉ có vài mươi người theo hầu. Lên bộ, đi thong thả. Lập Bạo đến chỗ hội minh thì

phục binh đột nhiên nổi dậy, Lập Bạo sợ, chạy xuống thuyền thì đã lìa khỏi bờ rồi ! Lao mình nhảy theo, Lập Bạo ngã xuống nước, bị quan quân bắn chết, quan quân thừa thắng, tiến đánh trại Thanh Tương : cả phá được địch. Còn các thuyền khác của địch ra khơi chạy trốn, gặp bão thình lình, bị đắm hết cả.

Gia Dụ bèn hậu thưởng cho Ngô thị, và phong thần sông Ái Tử làm Qua Qua linh thu phổ trạch tướng hựu phu nhân, lập đền để thờ.

Bấy giờ Thái Tổ Gia Dụ ta cai trị trong trấn mười năm, chính sự thì khoan hoà, quân lệnh thì nghiêm túc. Dân vùng Thuận Hoá và Quảng Nam đều được nhuần thấm ân đức và tắm gội giáo hoá. Dân buôn thì lạc nghiệp, chợ búa không bán hai giá, trong xứ không có trộm cướp. Nhiều người các nước đều sum vầy làm ăn. Trong trấn ngày một đông đúc thịnh vượng.

Lời chua – *Hồ Xá, Lãng Uyển* : Đều là tên xã thuộc huyện Minh Linh, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Đền Thanh Tương : Ở địa phận xã Lãng Uyển.

Đền Qua Qua Linh Thu : Ở xã Ái Tử.

Ngô thị : Tên là Ngọc Lâm, người Thế Lại, huyện Hương Trà[1].

Nghệ An đói và có bệnh dịch. Chb.**XXVIII**,33

Nghệ An nhiều phen bị nạn binh lửa. Các huyện, đồng ruộng bỏ hoang nhân dân đói khổ. Dịch lệ lại phát sinh, người chết đến quá nửa. Nhân dân xiêu giạt, hoặc tan tác vào Nam, ra Bắc. Trong cõi Nghệ An đìu hiu vắng tanh.

---

(1) Thuộc Thừa Thiên.

Trịnh Tùng giả lệnh nhà vua, giết chết Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ. Nhà vua chạy đi Nghệ An.

Theo *Sử cũ* thì Cập Đệ ngầm có ý khác, muốn làm hại Trịnh Tùng để giựt lấy quyền binh. Tùng, bề ngoài làm như không biết, thường đem nhiều vàng bạc biếu Cập Đệ. Cập Đệ đến tạ ơn thì Tùng sai tay đao thủ phục sẵn ở nơi màn trướng mà giết chết. Rồi Tùng nói phao lên rằng Cập Đệ mưu phản, nên nhà vua sai giết đi.

Bấy giờ Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với nhà vua rằng : "Quyền thế của tả tướng[1] to quá ! bệ hạ khó chung sống được". Nhà vua hoang mang ngờ vực, đang đêm, cùng với bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Theo *Lê triều trung hưng lục* của Hồ Sĩ Dương, Lê Cập Đệ mật bàn với nhà vua, bố trí đâu vào đấy, hẹn nhau rằng, hễ đêm đến, nghe thấy tiếng pháo nổ một cái thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ chuyện ấy rồi, nhưng bề ngoài vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ thì Tùng cho tên đao phủ mai phục sẵn, xông ra giết chết.

Nhà vua từ đó vẫn thường băn khoăn, không yên tâm. Khi nghe bọn Cảnh Hấp nói, bèn cùng bốn hoàng tử chạy đi Nghệ An.

Lời phê - Sử cũ *soạn hồi cuối Lê, đều ra từ những tay khuyển ưng của họ Trịnh, cố nhiên là có nhiều điều kiêng kỵ đối với họ Trịnh. Đó thật là những trang sử nhơ bẩn, không thể tin được. Nhưng vì nay không có bộ sử nào tốt hơn để có thể dựa vào mà sửa đổi lại, nên* Cương mục *cứ phải theo tài liệu đáng ngờ mà truyền lại điều đáng ngờ để đợi đời sau đính chính cho.* Chb.XXVIII,34

(1) Chúc của Trịnh Tùng.

Lời cẩn án – *Về việc Anh Tông phải chạy,* Sử cũ *cho rằng Cập Đệ ngầm có ý khác, định giết Trịnh Tùng, nên Tùng dụ Cập Đệ đến, nhân dịp giết đi rồi tuyên bố cho mọi người biết rằng : " Cập Đệ âm mưu làm phản, nhà vua sai giết chết". Kịp khi nhà vua nghe bọn Cảnh Hấp nói lời gièm pha, bấy giờ mới đâm hoang mang ngờ vực, đang đêm chạy đi Nghệ An.*

Nay, Cập Đệ nếu có ý khác, Trịnh Tùng vâng mạng nhà vua giết đi, thế là trị được tội nhân, nhà nước vững như núi Thái Sơn rồi, thì sao còn phải hoang mang ngờ vực mà chạy đi nữa.

Kịp khi khảo đến cuốn Trung Hưng lục *của Hồ Sĩ Dương, thấy nói Cập Đệ mật mưu với nhà vua, hẹn đến ban đêm, hễ nghe pháo nổ thì nhà vua liền qua sông để cử sự. Tùng biết rõ cả rồi, nên mới bày mưu giết Cập Đệ. Nhà vua thấy bọn Cảnh Hấp nói, bấy giờ mới hoang mang ngờ vực, chạy đi. Thế là, đã từ lâu, Anh Tông không sao chịu nổi những hình tích vô quân*(1) *của Tùng ; còn về phần Cập Đệ cũng đã từ lâu không sao nén nổi cái khí căm phẫn trung nghĩa, nên đối với Tùng, chỉ muốn xé thịt mà ăn, lột da mà nằm thôi. Rủi thay, việc toan tính của Cập Đệ không được toại nguyện, làm liên luỵ đến quân thân, nhưng tâm chí của Cập Đệ thực đáng đau xót !*

Những kẻ quan tư đứng đầy triều đình bấy giờ Chb.**XXVIII**,35
được họ Trịnh chăn nuôi, nào chạy vạy ở cửa ngõ, nào đón ý vâng dạ chỉ e không rồi, còn ai là người nét mặt dám tỏ chính nghĩa, không sợ kẻ có thế lực mạnh nữa ?

Đến người làm sử(2) *bấy giờ lại còn cầm bút chép quanh co, che đậy, nhằm buộc tội cho người trung thần ! Hơn nữa họ còn*

(1) Không đếm xỉa gì đến vua.

(2) Nguyên văn là "Nam, Đổng", chính nghĩa là Nam Sử thị nước Tề và Đổng Hồ nước Tấn đều là những sử gia trung trực cao quý ở đời Xuân Thu (770 - 403 trước công nguyên) : sau dùng rộng, chỉ chung những người làm sử hoặc viết phả ký và bút lục. Đây *Cương mục* dùng thành chữ "Nam, Đổng" ấy để chỉ những người làm sử ở hồi Lê Trung Hưng.

đổ thừa cho nhà vua rằng đã nhờ bậc công thần[1] *tôn lập làm vua, lại thiên lệch nghe lời gièm pha, lật đật bôn ba ra ngoài ! Ôi, thế cũng quá lắm ! Vậy không thể không có mấy lời này để biện luận lại.*

Lời chua - *Cảnh Hấp, Đình Ngạn* : Tên hai người. Đình Ngạn không rõ họ là gì.

(1) Chỉ họ Trịnh.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 29

Từ Quý Dậu, Lê Anh Tông, năm Hồng Phúc thứ 2 (1573) đến Nhâm Thìn, Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 15 (1592), gồm hai mươi năm. Chb.XXIX,1

*
* *

Quý Dậu, năm [Hồng Phúc] thứ 2 (1573). (Thế Tông, Lê Duy Đàm, năm Gia Thái thứ 1. - Mạc, năm Sùng Khang thứ 8. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 1).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở Nghệ An.

Trịnh Tùng đón lập Duy Đàm, con thứ nhà vua.

Trước kia, nhà vua chạy đi Nghệ An, Tùng bàn với các tướng rằng trước hãy lập hoàng tử lên ngôi đã, rồi sau xuất quân đi đón nhà vua, cũng chưa muộn.

Bấy giờ ông hoàng năm, Duy Đàm, mới lên bảy tuổi, đang được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, huyện Thuỵ Nguyên, Tùng sai người đón lập làm vua, đổi niên hiệu là Gia Thái (1573 - 1577)[1], ban chiếu đại xá gồm có sáu điều.

Lời phê - *[Sở dĩ lập Lê Duy Đàm], là vì Trịnh Tùng chỉ cốt lợi rằng vua còn thơ ấu đó thôi. Trịnh Kiểm tuy chuyên quyền,*

(1) Về sau, lại đổi niên hiệu là Quang Hưng (1578 - 1599).

nhưng tội ác chưa có gì tỏ rõ cho lắm ; đến Trịnh Tùng mới thật là gian thần như đồ Vương Mãng và Tào Tháo[1]*!*

Lời cẩn án – *Theo thể lệ của* Cương mục[2] *chép về việc đổi niên hiệu, hễ đổi vào giữa năm mà là bình thường, không có ý nghĩa gì quan trọng thì lấy niên hiệu đặt sau làm chính ; nếu là lúc có việc phế lập*[3] *quan hệ đến đạo nghĩa thì lấy niên hiệu trước làm chính, rồi chua niên hiệu mới đổi đó [bằng chữ nhỏ] ở dưới*[4]*. Nay xét : bấy giờ Lê Anh Tông ra ở Nghệ An, Trịnh Tùng tự tiện lập con của Anh Tông lên thay,* Sử cũ *vội chép ngay năm đó niên hiệu Gia Thái bằng chữ lớn. Thế là đối với đạo nghĩa vua tôi cha con,* Sử cũ *đều sai trái cả. Vậy, để đính chính lại, nay xin cứ theo niên hiệu cũ mà chép năm là Hồng Phúc, còn niên hiệu Gia Thái thì chua lưỡng cước ở dưới.* Chb.**XXIX**,2

Lời chua – *Quảng Thi* : Tên xã, thuộc huyện Thuỵ Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Sáu điều :

1. Dân nào, trải sau binh lửa, không có hằng sản, đều khoan giảm lực dịch.

2. Dân nghèo xiêu giạt đều cho trở về bản quán, khoan giảm phú thuế và sưu dịch.

3. Những tù phạm tội trộm cướp mà đang tại đào đều cho phép ra thú ở quan sở tại và sẽ được tha bổng.

---

(1) Vương Mãng, tên tự là Cự Quân, người Đông Bình Lăng đời Hán, làm quan với Hán đến chức đại tư mã, sau giết Hán Bình đế, lập Nhụ Tử Anh, rồi cướp ngôi, tự lập làm vua, đổi quốc hiệu là Tân, được 15 năm thì bị diệt vong.
Tào Tháo, tên tự là Mạnh Đức, người đời Đông Hán. Sau khi đón lập Hán Hiến đế, Tào Tháo tự làm thừa tướng, tước Nguỵ Công, áp bức vua Hán, nắm hết quyền bính trong tay. Xem thêm chú giải số 5 ở Thb. 3 (tập I, tr. 40).

(2) Bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).

(3) Bỏ vua cũ, lập vua mới.

(4) Xem thêm điều thứ 28 ở Phàm lệ của *Cương mục*.

4. Các nha môn ở trong kinh đô và ngoài các lộ có những tù nhân hiện đang bị giam cầm, nếu là tội nhẹ thì tha bổng.

5. Trong các quan văn quan võ ai có công lao thì cho thăng tước một lần[1].

6. Con cháu quan viên nào bị chèn ép chìm đọng thì cho làm giấy khai trình, sẽ được lục dụng tuỳ theo tài năng.

Tả tướng Trường quốc công Trịnh Tùng giết nhà vua[2] ở Lôi Dương.

Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu đem quân đến Nghệ An, nhà vua lánh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu đến lạy mời : "Xin bệ hạ mau mau về cung ! để cho tôi con trong nước được thoả ý mong muốn. Chúng tôi chẳng ai dám có ý gì khác". Họ bèn đón nhà vua quay về. Tùng sai quận Bảng Tống Đức Vị ngày đêm hầu ở bên nhà vua. Ngày 22 tháng giêng ấy, đi đến Lôi Dương, Đức Vị ngầm bức bách giết chết nhà vua, rồi giả vờ nói phao lên rằng nhà vua tự thắt cổ chết.

Bầy tôi dâng tôn hiệu là Anh Tông Tuấn hoàng đế. Nhà vua ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi, táng ở lăng Bố Vệ. Chb.**XXIX**,3

Lời cẩn án - *Theo thể lệ của* Cương mục[3], *vua bị giết chết mà đương thời không trị tội tên giặc thí nghịch thì sử không chép đến việc an táng vua bị giết ấy. Cho nên nay xin chép phụ việc táng Lê Anh Tông vào cuối phần "Mục".*

Lời chua - *Tống Đức Vị* : Người Khoái Lạc, huyện An Định [4].

Lôi Dương : Tên huyện, xem Bình Định vương năm thứ 1(Chb.XIII, 2).

Bố Vệ : Tên xã, thuộc huyện Đông Sơn, Thanh Hoá.

---

(1) Dịch theo nguyên văn là chữ "thứ". Đáng phải chép là "tư" (xem chú giải số 2 ở Chb.X, 18) thì đúng hơn.
(2) Lê Anh Tông.
(3) Túc bộ sử của Chu Hi đời Tống (Trung Quốc).
(4) Nay thuộc huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.

Trịnh Tùng tự gia phong cho mình làm đô tướng, tiết chế các quân doanh thuỷ và bộ, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự.

Trịnh Tùng tự phong thêm cho mình làm đô tướng tiết chế các dinh quân thuỷ quân bộ ở các xứ kiêm giữ việc quân việc nước quan trọng. Phàm các sự vụ cơ mật quốc gia đều tự Trịnh Tùng quyết định cả. Trịnh Tùng lại dùng Vũ Công Kỷ làm hữu tướng, bọn Hoàng Đình Ái, Vũ Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu là thái phó, và phong tước quận công cho bọn Trịnh Đỗ, Phạm Văn Khoái và Hà Thọ Lộc.

Lời chua – *Vũ Công Kỷ* : Là con Gia quốc công Vũ Văn Mật, Công Kỷ người Ba Đông, huyện Gia Lộc[1].

Ra lệnh cho Thuận Hoá tích trữ thóc lúa để sự phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ vững chắc.

Sai sứ giả đem sắc thư vào gia phong Thái tổ Gia Dụ hoàng đế[2] ta làm thái phó và hạ lệnh cho Gia Dụ phải tích trữ thóc lúa để việc phòng thủ nơi biên giới được đầy đủ, vững chắc. Hằng năm phải nộp tiền tiến dư[3] là 400 cân bạc và 500 tấm lụa. Chb.XXIX,4

Lời chua – *Thuận Hoá* : Xem năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 23-24).

Tháng 7, mùa thu. Quân Mạc vào xâm lấn An Tràng.

Nhà Mạc sai quân vào xâm lấn An Tràng. Quan quân [bên Lê] đều rút vào trong luỹ để giả vờ tỏ ra mình yếu. Giặc lại đắp thêm lũy đất. Khi giặc sắp qua chằm Đoàn Trạch, Trịnh Tùng chia chu sư ra đón đánh : cả phá được giặc. Quân Mạc chạy trốn.

(1) Thuộc Hải Dương.
(2) Miếu hiệu của Nguyễn Hoàng.
(3) Số thừa thãi do sự thu phú thuế còn lại.

Tháng 10, mùa đông. Cho Vũ Công Kỷ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Trước kia, Công Kỷ từ Đại Đồng vào yết kiến, đi đánh Mạc, nhiều lần lập được chiến công. Đến đây, triều đình cho rằng dân ở địa phương chưa được yên tĩnh, nên lại sai Công Kỷ quản lãnh quân bản bộ trở về trấn thủ Đại Đồng.

Lời chua - *Đại Đồng* : Đời Lê, Đại Đồng là trấn lỵ Tuyên Quang. Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb.XXVII, 2).

Mạc Mậu Hợp lại về Thăng Long.

Trước đây, quân Mạc thường thua, chúa Mạc là Mậu Hợp phát sợ, phải di cư sang Bồ Đề. Đến đây, bọn Chb.XXIX,5
Mạc Kính Điển lại nâng đỡ cho Mậu Hợp về thành Thăng Long, đóng dinh ở phía ngoài cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua - *Bồ Đề* : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb.XIV, 4).
Thăng Long : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II, 10).

Giáp Tuất, Lê Thế Tông Nghị hoàng đế, năm Gia Thái thứ 2 (1574).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 9. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 2).

Tháng 6, mùa hạ. Tướng Mạc, Nguyễn Quyện, vào xâm Nghệ An. Triều đình sai bọn Trịnh Mô đem quân đi cứu.

Mạc sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An. Các huyện Anh, Diễn[1] thuộc Nghệ An đều bị sa vào trong tay giặc. Trấn thủ Nguyễn Bá Quýnh sợ bóng gió, chạy trốn trước. Quận Hoành (không rõ tên) giao chiến với địch, thường bất lợi. Vì thấy quân lính hay đào ngũ, quận Hoành mới xích chân họ lại. Khi giặc kéo đến, họ không chiến

(1) Xem "Lời chua" ở dưới của *Cương mục*.

đấuthuyền lên cạn, chạy đến châu Bố Chính, bị Quyện bắt được.

Trịnh Tùng nhân đó, sai Tấn quận công Trịnh Mô và Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu. Bọn Trịnh Mô cầm cự với Nguyễn Quyện đến vài tháng, thì Quyện rút lui, bọn Trịnh Mô cũng thu quân về Thanh Hoa.

Lời chua - *Phan Công Tích* : Người Thái Xá, huyện Đông Thành(1).

Bố Chính : Xem Lý Thánh Tông, năm Thần Vũ thứ 1 Chb.**XXIX**,6 (Chb.III, 29).

Anh : Tức Anh Đô, nay đổi là phủ Anh Sơn.

Diễn : Tức phủ Diễn Châu. Anh và Diễn đều thuộc Nghệ An.

Ất Hợi, năm thứ 3 (1575).(Mạc, năm Sùng Khang thứ 10. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Mạc Kính Điển và Nguyễn Quyện đến xâm lấn.

Nhà Mạc sai Kính Điển khuấy nhiễu Thanh Hoa, và Nguyễn Quyện khuấy nhiễu Nghệ An. Quân Mạc kéo đến đâu, mọi người ở đấy đều bị ngả lướt, trốn biệt vào rừng núi để tránh khí thế sắc bén của địch.

Kính Điển chính mình thống suất đại binh, thẳng tiến đến huyện Thuỵ Nguyên và huyện An Định. Kính Điển lại chia quân đi xâm lấn khuấy nhiễu các huyện Lôi Dương và Đông Sơn.

Trịnh Tùng sai Hoàng Đình Ái đem quân cứu huyện Lôi Dương và huyện Nông Cống, đóng ở xã Tiên Mộc. Còn chính Trịnh Tùng thì thống suất các tướng, chia làm năm đội, đi chống cự. Tùng đánh nhau với Kính Điển ở xã Đông Lý. Vũ

(1) Đất huyện Đông Thành cũ, nay thuộc hai huyện Yên Thành và Diễn Châu tỉnh Nghệ An.

Sư Thước và Nguyễn Hữu Liêu dùng kỳ binh[1] đánh cho Kính Điển phải chạy.

Trịnh Tùng lại sai bọn Thế Khanh, Trịnh Mô và Phan Công Tích đến cứu Nghệ An, đánh nhau với Nguyễn Quyện, nhưng không thắng. Nguyễn Quyện đặt quân mai phục, bắt sống Công Tích đem về.

Lời chua - *Tiên Mộc* : Tên xã, thuộc huyện Nông Cống.

Đông Lý : Tên xã, thuộc huyện An Định.

Lôi Dương, Thuỵ Nguyên (tức Lương Giang) : Tên hai huyện, đều xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 2). Chb.XXIX,7

Đông Sơn, An Định, Nông Cống : Đều xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 13 (Chb.XXVIII, 28).

Bính Tí, năm thứ 4 (1576). (Mạc, năm Sùng Khang thứ 11. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 4). Nguyễn Quyện nhà Mạc lại vào cướp Nghệ An.

Mạc Kính Điển lại vào cướp Thanh Hoa, và chia quân cho Nguyễn Quyện vào cướp Nghệ An.

Cầm cự với Quyện hàng tháng, Trịnh Mô thường đánh không thắng nổi, phải rút lui. Khi đến Ngọc Sơn, Quyện bảo tướng hiệu dưới quyền mình rằng : "Trịnh Mô thua trận, rút về, quân trẩy không có hàng ngũ. Thế nào ta cũng phải bắt được nó". Quyện bèn chính mình đốc suất binh sĩ đuổi theo, bắt sống được Mô, đem về.

Lời chua - *Ngọc Sơn* : Tên huyện, thuộc phủ Tĩnh Gia[2].

Đinh Sửu, năm thứ 5 (1577).(Mạc,năm Sùng Khang thứ 12. Minh, năm Vạn Lịch thứ 5).

---

(1) Xem chú giải số 1 ở Chb.XIII, 28.

(2) Nay thuộc huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Tháng 8, mùa thu. Mạc Kính Điển xâm phạm sông Đồng Cổ. Trịnh Tùng đi đánh : Kính Điển phải chạy.

Trước đây, nhà Mạc thu nhặt quân lính các trấn, hạ lệnh cho đem lương đủ ba tháng, kéo vào lấn cướp.

Trịnh Tùng sai dân các huyện ở ven sông thuộc Thanh Hoa phải sửa soạn làm đồng không nhà trống để tránh sự cướp bóc của giặc. Những chỗ tuần phòng ở các cửa biển và các xứ ven đường đều đặt pháo hiệu. Hễ thấy giặc đến thì chỗ đầu tiên phải nổ một tiếng pháo, rồi suốt dọc đường cứ lần lượt nổ pháo truyền đi làm hiệu khiến cho dân chúng biết tin để tản cư trước.

Đến đây, quân Kính Điển kéo đến sông Đồng Cổ, Trịnh Tùng đem chư tướng ra cửa luỹ Khoái Lạc để chống cự. Quân Mạc đánh phá dinh Hội Thượng. Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu đánh chẹn : phá được địch. Quân Mạc lại tiến đến ngoài luỹ Khoái Lạc. Lại Thế Mỹ [bên Mạc] xung phong trèo lên luỹ trước để khiêu chiến : bị quan quân bắn chết. Quân Mạc tan vỡ lung tung. Các quân [bên Lê] đem thủ cấp Thế Mỹ đến dâng ở cửa quân Trịnh Tùng. Kính Điển liền chạy về Thăng Long. Chb.XXIX,8

Lời chua – *Các huyện ven sông* : Tức là địa phận các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc và An Định[1].

Sông Đồng Cổ : Tức là sông Tất Mã, từ huyện Cẩm Thuỷ qua xã Đan Nê huyện An Định (vì tại đó có miếu Đồng Cổ, nên mới gọi tên như vậy) rồi chảy xuống Lương Giang, đổ ra biển.

Luỹ Khoái Lạc : Ở xã Khoái Lạc, huyện An Định, tỉnh Thanh Hoá.

Thanh Hoa có nạn thuỷ tai lớn. Dân bị đói.

(1) Đều thuộc Thanh Hoá.

Năm này, Thanh Hoa hay mưa dầm, nước lụt đến bảy lần. Lúa đồng bị hư hại. Dân đói to.

Tháng 11, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, thẳng chỉ về phía đông nam, ánh sáng đỏ rực, dài đến 40 trượng, từ tháng 11 này đến mồng 1 tháng 12 mới lặn. Nhà vua xuống chiếu kể từ năm sau (Mậu Dần, 1578) đổi niên hiệu là Quang Hưng năm thứ 1. Chb.**XXIX**,9

—

Mậu Dần, năm Quang Hưng thứ 1 (1578).(Mạc, năm Diên Thành thứ 1. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 6).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển lại vào xâm lấn Thanh Hoa. Trịnh Tùng đón đánh ở xã Phụng Công : cả phá được địch.

Kính Điển lại xâm lấn các huyện ven sông thuộc Thanh Hoa, tiến đến xã Giang Biểu. Trịnh Tùng sai bọn Trịnh Bách kéo quân vượt qua sông, đặt mai phục ở núi Phụng Công, đánh mạnh và phá được địch. Quân Mạc bị chết không sao xiết kể. Kính Điển phải rút về.

Bấy giờ chúa Mạc là Mậu Hợp bị sét đánh trượt, thành ra bán thân bất toại, sau chữa thuốc được lành, bèn đổi năm này làm năm Diên Thành thứ 1 (1578).

Lời chua – *Bách* : Người cùng họ với Trịnh Tùng.

Giang Biểu, Phụng Công : Tên hai xã, đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoa.

Lập đàn tế Nam Giao ở Vạn Lại.

Trước kia, dựng thành tại ở Vạn Lại ; sau đó lập đàn tế Nam Giao ở phía ngoài cửa luỹ.

Lời chua – *Vạn Lại* : Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hoà thứ 14 (Chb. XXVII, 42).

Tháng 10, mùa đông. Vũ Công Kỷ đánh cho Mạc Ngọc Liễn đại bại ở Thu Châu. Chb.XXIX,10

Ngọc Liễn, tướng Tây đạo nhà Mạc, xâm lấn cướp bóc các châu huyện ở Tuyên Quang và Hưng Hoá, khi kéo quân đến châu Thu Vật, bị thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỷ tung quân đánh mạnh : quân Mạc thua to, rút về.

Lời chua - *Ngọc Liễn* : Là con Nguyễn Kính, người Dị Nậu, huyện Thạch Thất[1], Ngọc Liễn được nhà Mạc cho lấy theo họ Mạc.

Tuyên Quang, Hưng Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 30-31).

Châu Thu Vật : Xem Lê Thánh Tông, năm Đại Bảo thứ 1 (Chb.XVII, 20).

Kỷ Mão, năm thứ 2 (1579).(Mạc, năm Diên Thành thứ 2. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 7).

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Điển vào cướp huyện Hà Trung, bị thái phó Đặng Huấn đánh và phá tan.

Kính Điển lại vào lấn cướp các huyện ven sông[2] luôn với phủ Hà Trung và huyện Tống Sơn[3]. Trịnh Tùng sai Đặng Huấn đốc suất binh sĩ chống cự ở xã Thái Đường. Tùng lại sai Trịnh Văn Hải làm tiên phong, đại chiến với quân Mạc ở núi Kim Âu. Đặng Huấn lén kéo quân đến Tống Sơn, vọt ra Mục Sơn, đánh chẹn phía sau quân địch. Mạc Kính Điển bị đại bại, phải rút về ; sau đó, bị bệnh chết.

Lời chua - *Đặng Huấn* : Người Lương Xá, huyện Chương Đức[4].

Thái Đường, Kim Âu : Tên hai xã, thuộc huyện Vĩnh Lộc. Chb.XXIX,11

(1) Thuộc tỉnh Hà Tây.
(2) Tức là các huyện Hậu Lộc, Nga Sơn, Vĩnh Lộc và An Định thuộc Thanh Hoá.
(3) Thuộc Thanh Hoá.
(4) Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.

Mục Sơn : Núi này ở xã Bình Hoà, huyện Tống Sơn. Vĩnh Lộc và Tống Sơn trên đây đều thuộc Thanh Hoá.

Canh Thìn, năm thứ 3 (1580). (Mạc, năm Diên Thành thứ 3. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 8).

Tháng 8. mùa thu. Lại mở khoa thi hội.

Từ niên hiệu Nguyên Hoà[1] trở đi, đã lâu không có khoa thi hội, đến đây mới lại mở. Nhà vua sai chia làm tam giáp[2], ban cho bọn Nguyễn Văn Giai và Phùng Khắc Khoan sáu người được đỗ tiến sĩ xuất thân và tiến sĩ đồng xuất thân[3] có khác nhau. Từ đó về sau, cứ ba năm một lần thi, đặt làm lệ thường ; nhưng hãy còn chưa có thi đình.

Lời chua – *Nguyễn Văn Giai* : Người Phù Lưu Tràng, huyện Thiên Lộc[4].

Tháng 9. Sao sa có tiếng như sấm. Sao Chổi xuất hiện.

Tân Tị, năm thứ 4 (1581). (Mạc, năm Diên Thành thứ 4. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 9).

Mùa thu, Mạc Đôn Nhượng vào xâm lấn. Bọn Hoàng Đình Ái đánh bại được địch.

Mạc Kính Điển bấy giờ đã chết. Chúa Mạc là Mậu Hợp lại sai ông chú[5] là phụ chính Ứng Vương Đôn Nhượng làm tổng thống chư quân, trưng tập binh mã vào cướp Thanh Hoa.

Đôn Nhượng theo đường biển tiến quân đến đóng tại núi Đường Nang huyện Quảng Xương. Nhà vua sai bọn Hoàng Đình Ái thống lãnh đại quân đi chống quân Mạc. Đình Ái hội họp chư tướng, chia làm ba đạo đồng thời cùng tiến. Đánh nhau kịch liệt với quân Mạc, quan

Chb.**XXIX**,12

(1) Niên hiệu Lê Trang Tông (1533 – 1548). *Cương mục* in lầm là Vĩnh Hoà.

(2) Ba giáp : đệ nhất giáp, đệ nhị giáp và đệ tam giáp (xem thêm Chb.VI, 12)

(3) Xem chú giải số 5 ở Chb.VI, 30.

(4) Sau đổi Can Lộc thuộc Hà Tĩnh.

(5) Nguyên văn là tổ thúc

quân chém được hơn 600 thủ cấp địch. Quân giặc thua vỡ tan tành. Đôn Nhượng thu nhặt quân tàn, trốn về Thăng Long.

Quan quân đại thắng, kéo về. Triều đình tưởng lục chiến công : dùng Hoàng Đình Ái làm thái uý, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân đô đốc, Trịnh Bách làm Nam quân đô đốc, Trịnh Đỗ và Ngô Cảnh Hựu làm Nam Bắc quân tả hữu đô đốc. Còn thì phong thưởng có hơn kém khác nhau.

Những tù binh bắt được đến vài trăm người đều cấp cho cơm ăn áo mặc, thả về. Từ đó, uy thế quan quân rất lừng lẫy, quân Mạc không dám ngấp nghé nom dòm. Cư dân Thanh, Nghệ mới được yên nghiệp làm ăn một chút.

Lời chua - *Đôn Nhượng* : Là con út của Đăng Doanh và là ông chú của Mậu Hợp.

Trịnh Đỗ : Con Trịnh Kiểm.

Ngô Cảnh Hựu : Người Trảo Nha, huyện Thạch Hà[1].

Núi Đường Nang : Ở thôn Nang, xã Hưng Lễ, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Nhâm Ngọ, năm thứ 5 (1582).(Mạc, năm Diên Thành thứ 5. Minh, năm Vạn Lịch thứ 10).

Tháng 5, mùa hạ. Ở Thanh Hoa, mưa đá lớn.

Ở Vạn Lại thuộc Thanh Hoa, mưa đá lớn bằng quả dưa. Lúa đồng đều bị hư hại.

Trong biển Quỳnh Lưu có hòn đá lớn bắn vọt lên mặt đất.

Cửa biển Đông Hồi có hòn đá trắng lớn từ trong nước vọt lên mặt đất cách chỗ nước 15 trượng mới sa xuống. Người bản thổ[2] cho là thiêng liêng kỳ dị, bèn lập đền để thờ hòn đá ấy.

(1) Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Chữ "thổ", *Cương mục* in lầm là chữ "sĩ".

Lời chua - *Đông Hồi* : Tên thôn, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Chb.XXIX,13

Quý Mùi, năm thứ 6 (1583).(Mạc, năm Diên Thành thứ 6. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 11).

Tháng 7, mùa thu. Nước Ai Lao sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương.

Lời chua - *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV, 9-10).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng xuất quân đánh Sơn Nam.

Tiết chế Trịnh Tùng kéo đại quân ra Sơn Nam, đánh các huyện Yên Mô, Yên Khang, gặt lấy lúa, rồi rút về. Nguyễn Viết Kính, tướng Đông đạo nhà Mạc, đầu hàng, lại được phong tước quận công.

Lời chua - *Nguyễn Viết Kính* : Người huyện Tứ Kỳ thuộc Hải Dương.

Yên Mô : Tên huyện, hồi đầu Lê, thuộc Sơn Nam, nay thuộc Ninh Bình.

Yên Khang : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb.VIII, 18).

Giáp Thân, năm thứ 7 (1584).(Mạc, năm Diên Thành thứ 7. Minh, năm Vạn Lịch thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng xuất quân ra Trường Yên, rồi lại rút về.

Một lần nữa, Trịnh Tùng xuất quân ra đánh các huyện thuộc Trường Yên, rồi lại tiến quân đi tuần ở Thiên Quan. Vì Ngô Cảnh Hựu rút quân về trước, nên Trịnh Tùng liền đó rút quân quay về, dâng biểu xin giáng chức Cảnh Hựu xuống hai tư[1].

(1) Xem chú giải số 2 ở Chb.X, 18.

Lời chua – *Trường Yên* : Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II, 11).

Thiên Quan : Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 25). Chb.**XXIX**,14

Các huyện thuộc Trường Yên : Tức là các huyện Gia Viễn, Yên Mô và Yên Khánh đều thuộc phủ Trường Yên [1].

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa động đất.

Động đất đến hơn 50 dặm ở các địa phương thuộc huyện Thuỵ Nguyên và huyện An Định.

Lời chua – *Thuỵ Nguyên* : Tức huyện Lương Giang. Xem Bình Định vương năm thứ 1 (Chb.XIII, 2).

An Định : Xem năm Gia Thái thứ 3 (Chb.XXIX, 7).

Ất Dậu, năm thứ 8 (1585).(Mạc, năm Diên Thành thứ 8. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng đánh các lộ Sơn Tây : thắng lợi. Rồi lại rút quân về.

Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân, kéo ra Thiên Quan, đánh phá các huyện Mỹ Lương, Thạch Thất và An Sơn, lược định mặt Tây đạo. Đóng quân ở Sài Sơn[2], để tì tướng là quận Chiêu (không rõ tên họ) đóng đồn ở Hoàng Xá. Quân Mạc truy kích : quận Chiêu bị chết trận. Tùng thấy không lợi, rút quân về.

Lời chua – *Sài Sơn* : Ở xã Thuỵ Khuê, huyện An Sơn[3].

Hoàng Xá : Tên xã, thuộc huyện An Sơn, tỉnh Sơn Tây.

Mỹ Lương, Thạch Thất, An Sơn : Ba huyện này đều thuộc Sơn Tây[4].

(1) Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.
(2) Tục gọi núi Thầy, nay thuộc xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.
(3) - nt -
(4) Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

Tháng 6, mùa hạ. Vùng Đông Bắc nhà Mạc, nhân dân đói to. Chb.XXIX,15

Bấy giờ, từ tháng 2 đến tháng 6 này, không mưa. Ở Đông đạo và Bắc đạo, lúa má chết khô, nhân dân bị đói kém.

Lại Mẫn dâng sớ cực lực nói về việc hình phạt ngục tụng thì oan uổng hà lạm, phú thuế sưu dịch thì phiền nhiễu nặng nề ; vậy xin sửa đổi chính sự tệ hại để cứu chữa đau khổ cho dân được sống lại. Mạc Mậu Hợp dẫu cho rằng Lại Mẫn nói phải, nhưng không nghe theo.

Lời chua - *Lại Mẫn* : Người Ô Mễ, huyện Vũ Tiên[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1565) niên hiệu Thuần Phúc (1562 - 1565) đời Mạc Mậu Hợp.

Nhà Mạc tu sửa thành Thăng Long.

Mậu Hợp muốn vào ở thành Thăng Long, bèn tăng cường về việc sửa sang xây đắp: rầm rộ khởi công làm việc, đóng gạch, nung ngói, vừa đầy một năm mới xong. Mậu Hợp vào ở tòa Chính điện, nhận lễ chầu mừng, kể từ năm sau đổi niên hiệu là Đoan Thái thứ 1 (1586).

Bính Tuất, năm thứ 9 (1586).(Mạc, năm Đoan Thái thứ 1. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 14).

Tháng 6, mùa hạ. Nước sông Mã tràn ngập.

Bấy giờ Thanh Hoa không mưa gió, thế mà nước sông Mã thình lình lên to[2], tràn ngập cả vào thành Tây Đô. Dòng sông chảy ngược, xiết mạnh như tên bắn, cây và gỗ ngổn ngang nghẽn cả sông. Nhiều nhà cửa của cư dân ven sông bị trôi giạt ra biển. Chb.XXIX,16

Lời chua - *Thành Tây Đô* : Xem Trần đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 16).

(1) Nay thuộc xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

(2) Có thể rằng bấy giờ ở Thanh Hoá tuy không mưa gió, nhưng trên nguồn có mưa, nước lũ đổ xuống, nên nước sông Mã mới thình lình lên to như vậy.

Sông Mã : Tức là sông Lễ, xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 17 (Chb.VI, 32).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trăng có quầng đỏ.

Mặt trăng có quầng mông lung, màu đỏ như tiết.

Tháng 8. Quân doanh An Tràng bị hoả tai.

Bấy giờ, gió lộng, lửa bốc mạnh, cháy lem lém tất cả trại quân, phòng, dinh, công đường và phố xá đến vài nghìn nóc nhà, khói lửa mù mịt. Cháy từ giờ ngọ đến giờ thân[1] mới dập tắt được. Mẹ Trịnh Tùng là Nguyễn Ngọc Bảo[2] chết cháy. Tùng phải lánh ở chỗ khác để cư tang, truy tôn Ngọc Bảo làm thái phi của Minh Khang đại vương[3].

Lời chua – *An Tràng* : Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Tháng 9. Thanh Hoa có thuỷ tai lớn. Dân bị đói kém.

Trước đây, trong dinh trại An Tràng, gió bão dữ dội, nhà sụp, cây đổ. Từ tháng 9 này đến tháng 10 lại mưa dầm hàng tuần, nước lụt đến bảy lần. Suốt vùng Thanh Hoa, mùa mất, nhân dân nhiều người bị chết đói.

Tháng 10, mùa đông. Núi ở Thanh Hoa sụt lở. Chb.XXIX,17

Núi ở các huyện [thuộc Thanh Hoa] đâu cũng có chỗ lở sụt.

Đinh Hợi, năm thứ 10 (1587).(Mạc, năm Đoan Thái thứ 2. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm lũy đất.

---

(1) Khoảng từ 11 đến 17 giờ.
(2) Con gái Nguyễn Kim.
(3) Tức là Trịnh Kiểm.

Nhà Mạc sửa sang đường sá ngoại thành Thăng Long. Lại hạ lệnh cho các xứ đắp luỹ đất, trên từ sông Hát xuống đến sông Hoa Đình, kéo dài đến vài trăm dặm. Đâu đấy đều trồng tre và cây để phòng ngừa quan quân kéo ra.

Lời chua - ***Sông Hát*** : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 31).

Sông Hoa Đình : Ở huyện Sơn Miêng, Hà Nội(1).

Tháng 3. Trên trời tự nhiên ầm ầm có tiếng kêu.

Ngày Canh Tí, tháng 3 này, trong khoảng không bỗng dưng ầm ầm có tiếng kêu. Lại nữa, ở núi Trác Bút huyện Vĩnh Phúc(2) có hòn đá lớn, cao một trượng(3), vô cớ tự đổ xuống, dời ra chỗ khác. Nước giếng xã Trừng Xá thuộc huyện An Định(4) tự nhiên sôi lên, đục đến ba ngày.

Lời chua - ***Vĩnh Phúc*** : Tên huyện, thuộc phủ Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Núi Trác Bút : Ở xã Đa Bút, huyện Vĩnh Lộc(5).

Trừng Xá : Nay là xã Hà Xá thuộc huyện An Định.

Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tùng giết thái phó Vệ Dương hầu Trịnh Bách. Chb.**XXIX**,18

Bách là người có họ với Trịnh Tùng. [Trước kia] Bách ngầm mưu với Lê Cập Đệ, định giết Tùng, nhưng Tùng biết, nên giết Cập Đệ và giam Bách vào trong ngục. Vì có thái phi Nguyễn thị(6) hết sức cứu chữa, nên Bách thoát khỏi lao tù. Đến đây, vì Bách lại nuôi kẻ đồng cốt làm thuật phép yêu quái và định táng mả cha vào nơi cấm địa, nên Tùng mới sai thắt cổ giết chết Bách.

(1) Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.
(2) Thuộc Thanh Hoá.
(3) Độ 4 mét.
(4) Cũng thuộc tỉnh Thanh Hoá.
(5) Tên cũ là huyện Vĩnh Phúc, thuộc tỉnh Thanh Hoá.
(6) Tức Nguyễn Ngọc Bảo, mẹ Trịnh Tùng.

Mồng 1, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Mỹ Lương, cả phá quân Mạc ở sông Do Lễ.

Trịnh Tùng đem quân đánh phá các phủ Trường Yên, Thiên Quan, bèn tiến quân ra vùng tây nam, đến huyện Mỹ Lương(1).

Nhà Mạc sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liễn xuất quân ra huyện An Sơn(2) để đánh vào phía tả quân Tùng, lại sai tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện xuất quân đến huyện Chương Đức(3), vượt qua sông Do Lễ để đánh vào phía hữu quân Tùng. Nguyễn Quyện đến sông Do Lễ, lại chia quân đặt mai phục ở miền sơn cước, chực cắt đứt đường vận tải lương thực của quân Tùng.

Do thám biết rõ, Tùng bèn trước sai đại tướng Hoàng Đình Ái cấp tốc đang đêm lén về để giữ Thanh Hoa, lưu bọn Hà Thọ Lộc và Ngô Cảnh Hựu ở lại canh giữ binh lương ở phía sau. Tùng lại sai bọn Nguyễn Hữu Liêu và Trịnh Đỗ, từ đường phía tả, xuất quân đi cầm cự với Mạc Ngọc Liễn để phân tán thế lực của địch. Còn Tùng thì đốc quân do đường phía hữu kéo ra, tiến đánh Nguyễn Quyện : Quyện thua liểng xiểng. Quân của Nguyễn Quyện thua chạy, phục binh cũng tan vỡ chạy nốt : chúng tranh nhau qua sông, chết đuối vô kể. Quan quân chém và bắt sống hàng vài trăm địch, truy kích đến nửa ngày mới thôi. Ngọc Liễn cũng thu quân chạy trốn. Chb.XXIX,19

Từ đó, Quyện sợ oai, hễ gặp quan quân thì xa lánh, không dám tranh giành trước mũi nhọn sắc bén nữa.

(1) Đất huyện Mỹ Lương cũ, nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).
(2) Thuộc tỉnh Hà Tây.
(3) Sau đổi Chương Mỹ, thuộc tỉnh HàTây .

Qua ngày hôm sau, Tùng đem đại quân tiến đóng Hoàng Sơn, lại tấn công các huyện An Sơn, Thạch Thất : đều phá được cả. Sau đó, vì bấy giờ đã là cuối năm, nên Tùng rút quân về Thanh Hoá.

Lời chua - *Sông Do Lễ* : Ở xã Do Lễ, huyện Chương Đức.

Mậu Tí, năm thứ 11 (1588).(Mạc, năm Hưng Trị thứ 1. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 16).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà Mạc đắp thêm luỹ đất ở ngoài thành Đại La.

Nhà Mạc thấy quan quân ngày một mạnh, bèn ra lệnh cho quân và dân ở tứ trấn(1) đắp thêm ba lần luỹ đất ở ngoài thành Đại La : bắt đầu từ Nhật Chiêu qua Tây Hồ, suốt Cầu Dừa đến Thanh Trì tới sát phía tây bắc Nhị Hà : thân luỹ cao hơn thành Thăng Long đến vài trượng, rộng 25 trượng(2), đào ba lần hào. Luỹ nào cũng trồng tre và cây, tất cả chiều dài của luỹ có đến vài mươi dặm. Đó là mưu chước của nhà Mạc dùng để phòng thủ.

Lời chua - *Nhật Chiêu* : Xem Lê Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 1(3) (Chb.XXV, 37).

Tây Hồ : Còn tên nữa là Lãng Bạc, xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 8 (Tb. II, 11).

Cầu Dừa (4) : Ở phường Thịnh Quang, huyện Vĩnh Thuận thuộc Hà Nội. Chb.**XXIX**,20

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 5, mùa hạ. Núi Trác Bút đổ.

---

(1) Tứ trấn gồm có Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây.
(2) Mỗi trượng bằng 4 mét. Bề rộng đây có lẽ là kể gộp cả ba lần luỹ.
(3) Cương mục chua là xem Lê Uy Mục, năm Đoan Khánh thứ 5.
(4) Tức là chỗ ở Chợ Dừa ở phố Hàng Bột, Hà Nội, ngày nay.

Lời chua - *Núi Trác Bút* : Xem lời chua ở trên (Chb.XXIX, 17).

Tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt qua bầu trời. Mặt trời, mặt trăng có hai lần quầng. Sương mù tỏa xuống.

Ngày Quý Hợi tháng ấy, sao Thái Bạch xuất hiện, ánh sáng suốt trời. Mặt trời và mặt trăng có hai lần quầng kéo dài đến hàng tuần không thôi. Sương mù mờ mịt đầy trời.Lúa má chết khô. Nhân dân phần nhiều xiêu giạt tan tác.

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở trại Dương Vũ.

Trịnh Tùng rầm rộ kéo quân ngoài cửa ải Trường Cát, đánh phá Trường Yên và Thiên Quan, qua đò sông Chính Đại. Đến trại Dương Vũ, Tùng đóng quân ở lại đến hơn một tuần. Quân Mạc cố thủ không ra đánh. Tùng đốt dinh trại, giả vờ rút quân về, nhưng đặt kỳ binh[1] và voi ngựa mai phục ở phía sau dinh trại. Giặc dốc hết quân ở trong luỹ ra để chực giành lấy thắng lợi, quân phục của Tùng thình lình nổi dậy, đánh úp : chém được vài trăm thủ cấp. Tùng, nhân đó, chuyển quân quay về, đến núi Tam Điệp[2], hạ lệnh cho các quân đẵn gỗ lim, chia nhau cắm kè ở cửa biển Linh Tràng để phòng ngừa thuyền giặc và chuẩn bị để khiêu chiến. Chb.XXIX,21

Lời chua - *Cửa ải Trường Cát* : Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 7 (Chb.XXVIII, 18).

Sông Chính Đại : Ở trang Chính Đại, huyện Tống Sơn[3].

Trại Dương Vũ : Ở xã Dương Vũ, huyện Yên Khánh[4].

Cửa biển Linh Tràng : Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 8 (Chb.XXVIII, 20).

---

(1) Xem chú giải số 1 ở Chb.XIII, 28.
(2) Tức đèo Ba Dội.
(3) Thuộc Thanh Hoá.
(4) Thuộc Ninh Bình.

Tháng 12. Nước sông Vãn đỏ như tiết.

Nước sông Vãn tự nhiên đỏ ngầu như máu đổ đến hàng một dặm.

Lời chua – *Sông Vãn* : Ở xã Vãn Hà, huyện Thuỵ Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Kỷ Sửu, năm thứ 12 (1589). (Mạc, năm Hưng Trị thứ 2 – Minh, năm Vạn Lịch thứ 17).

Ngày Nhâm Tuất, tháng giêng, mùa xuân, sao Huỳnh Hoặc xâm phạm vào giới phận sao Cang ; ngày Quý Hợi, mặt trăng xâm vào giới phận sao Thái Tuế. Đại hạn.

Bấy giờ những tai biến do tinh tú báo điềm đã nhiều lần xảy ra. Trời đại hạn. Gạo kém. Dân nhiều người xiêu giạt.

Lời chua – Trong *Quản quy tập lãm*, Thạch thị bàn rằng : Xuyên qua ngôi sao mà ánh sáng toả lấn thì gọi là "phạm". Sách *Tấn chí* chép : "Ngày Tân Mùi, tháng 4, năm Hàm Khang thứ 5 (339) đời Thành đế[1], mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế. Nhà chiêm tinh đoán rằng : Nước thì đói kém, nhân dân thì xiêu giạt".

Tháng 7, mùa thu. Có hạn thuỷ tai lớn.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tùng đánh bại quân Mạc ở núi Tam Điệp[2]. Chb.**XXIX**,22
Mạc Đôn Nhượng chạy trốn.

Trước kia, Trịnh Tùng chính mình đốc suất đại quân đi đánh các huyện Trường Yên. Nhà Mạc sai Đôn Nhượng đem vệ sĩ và quân Tứ trấn[3] ấn định nhật kỳ đồng thời cung tiến. Đôn Nhượng kéo đến Yên Mô[4], hẹn ngày hội chiến.

---

(1) Hàm Khang (335 – 342) là niên hiệu thứ hai của Tấn Thành đế (326 – 342), *Cương mục* in lầm là Minh đế.

(2) Tức đèo Ba Dội.

(3) Xem chú giải ở Chb.XXIX, 19 và "Lời chua" của *Cương mục* ở Chb.XL, 2.

(4) Thuộc tỉnh Ninh Bình.

Trịnh Tùng bàn mưu với các tướng rằng : "Giặc Mạc dốc hết quân đến đây, định quyết một trận sống mái với ta đó.

Nay ta đã giữ một chỗ địa thế hiểm yếu rồi, quân giặc dẫu nhiều cũng không thể làm gì được. *Binh pháp* có nói : "Một người giữ được chỗ hiểm yếu thì hàng nghìn kẻ khác không địch nổi", chính là thế đó. Bây giờ ta nên giả vờ rút lui, nhử giặc vào sâu hiểm địa ; giặc coi khinh ta, chắc sẽ lùa hết quân sĩ đuổi theo. Bấy giờ ta sẽ tung quân chủ lực ra đánh úp chúng thì tất thế nào cũng phá tan được giặc".

Đêm hôm ấy, hồi canh ba, Tùng sai Nguyễn Hữu Liêu quản lãnh 15.000 quân tinh nhuệ, 200 quân khinh kỵ kéo đi trước, lén mai phục ở chân núi. Tùng cắt bọn Trịnh Đỗ và Trịnh Đồng quản lãnh quân lính ở lại đoạn hậu, nhử giặc vào chỗ mai phục ; Ngô Cảnh Hựu thì thu lượm lương thực và quân lính rút lui trước để tỏ ý kéo quân về. Đại Doanh của trung quân cũng theo đó rút lui. Trịnh Tùng làm hậu đốc cũng rút vào núi Tam Điệp, đóng dinh trại.

Quân Mạc thấy thế, cho rằng quan quân khiếp sợ, tháo lui, trốn tránh, nên chúng đua nhau lên trước để đuổi theo đánh giết.

Bọn Đỗ và Đồng vừa đánh vừa lùi, nhử giặc đến sơn cước. Phục binh nghe tiếng pháo nổ, hàng loạt nổi dậy. Trịnh Tùng tung đại quân ra, bốn mặt cùng hăng hái đánh : chém hơn nghìn thủ cấp địch, bắt sống hơn 600 người. Giặc tan vỡ xiểng liểng, thua chạy. Đôn Nhượng thu lượm quân tàn, trốn về. Chb.XXIX,23

Quan quân đại thắng, bèn rút về. Các tướng ai nấy đều đem đến dâng nộp những tù binh mà mình đã bắt được. Tùng đều sai cởi trói và vỗ về yên ủi, rồi cấp cho cơm áo, thả về.

Lời chua - *Đỗ, Đồng* : Đều là con Trịnh Kiểm và là em Trịnh Tùng.

Núi Tam Điệp : Ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hoá và Ninh Bình.

Canh Dần, năm thứ 13 (1590).(Mạc, năm Hưng Trị thứ 3. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 18).

Mồng 1, tháng 7, mùa thu. Nhật thực. Sao Thái Bạch xâm phạm vào giới phận mặt trăng.

Tân Mão, năm thứ 14 (1591).(Mạc, năm Hồng Ninh thứ 1. Minh, năm Vạn Lịch thứ 19).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Chổi xuất hiện. Cầu vồng đỏ mọc suốt vòm trời. Mặt trời có quầng.

Sao Chổi hướng về tây bắc mà chuyển vần. Lại có cầu vồng đỏ mọc suốt vòm trời. Mặt trời có hai lần quầng, ngoài lần quầng ấy lại có vòng khí trắng bao xung quanh.

Ngày Nhâm Tí, tháng 12, mùa đông. Mặt trăng xâm phạm vào giới phận sao Thái Tuế.

Trịnh Tùng ra tuần hành vùng Sơn Tây cả phá quân Mạc ở xã Phấn Thượng, bèn sai quân tiến lên bức bách thành Thăng Long.

Trịnh Tùng lại bàn xuất quân, sai :

Quận Diễn Trịnh Văn Hải và quận Thái Chb.XXIX,24
Nguyễn Thất Lý quản lãnh quân thuỷ, quân bộ,
trấn thủ những nơi hiểm yếu ở các cửa biển ;

Quận Thọ Lê Hoà kiêm coi võ sĩ trong ngoài thuộc bốn vệ theo hầu nhà vua và hộ vệ ngự doanh.

Đến nhật kỳ đã định, Tùng điều động hơn 5 vạn quân, chia làm 5 đội, sai bọn thái phó Nguyễn Hữu Liêu, thái uý Hoàng Đình Ái, quận Lân Hà Thọ Lộc, quận Thế Ngô Cảnh Hựu chia nhau quản lãnh. Còn Tùng thì chính mình đốc suất 2 vạn binh mã của trung quân kéo ra Tây Đô, theo đường huyện Quảng Bình qua huyện Thiên Quan, phá núi mở đường, đêm ngày đi gấp, hơn mười hôm thì đến núi Mã Yên, rồi tiến ra huyện Ma

Nghĩa. Quân Tùng kéo đi đến đâu thì ở đấy giặc đều đổ lướt. Trong khoảng không đầy mươi hôm, đã lược định các lộ An Sơn, Thạch Thất, Phúc Lộc và Tân Phong, Tùng đóng quân ở Tốt Lâm.

Nhà Mạc điều động hết binh mã ở bốn trấn(1), bốn vệ và năm phủ được hơn 10 vạn, sai bọn Mạc Ngọc Liễn và Nguyễn Quyện chia ra quản lĩnh các đạo quân Tây, Nam, Đông, Bắc. Chúa Mạc là Mậu Hợp chính mình đốc suất binh mã ở chính doanh, đồng thời cùng tiến đến xã Phấn Thượng, đối trận với quan quân ở Tốt Lâm.

Tùng sai tướng Hữu doanh là Hoàng Đình Ái đi trước, khiêu chiến. Tùng lại tuyển 400 quân thiết kỵ xông lên trước giúp sức cho trận thế. Các quân đồng thời trổ sức, đánh giáp lá cà, từ giờ Mão đến giờ Tị(2): chém được quận Khuông(3) và quận Tân (đều không rõ tên họ) là tướng trong quân bốn vệ của địch ở ngay vòng trận.

Giặc Mạc đóng quân ở yên một chỗ không nhúc nhích(4). Tùng bèn chính mình đốc chiến, tướng sĩ phấn khởi, đều thề quyết tâm diệt giặc để báo thù ; ai nấy hăng hái đánh giặc, cả phá được địch. Quan quân thừa thắng ruổi dài, đuổi giặc đến Giang Cao, chém được hơn vạn quắc(5), tước được ngựa trận và khí giới không biết bao nhiêu mà kể. Chb.**XXIX**,25

Mậu Hợp cả sợ, phải sang sông để chạy. Quân tàn của Mạc tranh nhau xuống thuyền, ngã xuống nước chết đến quá nửa.

---

(1) Xem chú giải ở Chb.XXIX, 19.
(2) Khoảng từ 6 đến 10 giờ sáng.
(3) *Toàn thư* XVII. 24 chép là Khuông Định Công.
(4) Nguyên văn là án binh bất động (theo *Toàn thư* XVII, 24), *Cương mục* in lầm là tiếp binh bất động.
(5) Cứ mỗi cái tai bên tả của một mạng địch mà kẻ chiến thắng đã cắt được là một "quắc". Xem thêm chú giải số 4 ở Chb. XII, 31.

Riêng có cánh quân Nguyễn Quyện, tướng Nam đạo, vì lánh xa, nên không bại trận.

Tùng tiến đến Hoàng Xá, đóng dinh trại, sai quân vượt sông Cù, phá tan và san phẳng đồn luỹ của giặc. Tùng nhân đó bàn mưu với các tướng rằng : "Quân giặc nhiều lần thất bại, ta nên nhân đà sắc bén này mau mau đánh lấy thì dễ dàng như cúi xuống nhặt lấy cái rác thôi". Tùng bèn sai Hữu Liêu quản lãnh quân và voi thẳng tiến đến Cầu Cau[1] ở góc tây nam[2] thành Thăng Long, phóng hoả, đốt nhà cửa. Khói lửa mù trời. Trong thành kinh hãi rối loạn. Dân chúng ở quanh kinh đô tranh nhau qua đò sang sông để chạy loạn, chết đuối rất nhiều.

Gặp bấy giờ là tết nguyên đán, Trịnh Tùng cho quân nghỉ ngơi, ăn mừng để uý lạo họ, hẹn phải thu phục lấy kinh thành. Các quân ai nấy đều xin sẵn sàng trổ sức. Giặc Mạc dầu chưa bị bắt, nhưng thanh thế của quan quân từ đây đã lừng lẫy lắm rồi.

Lời chua -*Trịnh Văn Hải* : Người Ngân Bôi, huyện Vĩnh Lộc[3].

Nguyễn Thất Lý, Lê Hoà : Không rõ người đâu.

Bốn vệ quân Mạc : Vệ Hưng Quốc, vệ Chiêu Vũ, vệ Cẩm Y và vệ Kim Ngô.

Năm phủ : Phủ Trung quân, phủ Đông quân, phủ Tây quân, phủ Nam quân, phủ Bắc quân. Chb.**XXIX**,26

Huyện Quảng Bình : Thuộc phủ Thiệu Hoá ; nay đổi làm huyện Quảng Địa[4] thuộc phủ Quảng Hoá[5].

Núi Mã Yên (Yên Ngựa) : Ở huyện An Sơn.

Tân Phong : Nay là huyện Tiên Phong.

---

(1) Hán văn viết là Cao Kiều.
(2) Đây theo *Toàn thư* XVII, 25 ; còn *Cương mục* in lầm là Nam Bắc.
(3) Thuộc Thanh Hoá.
(4) Sau lại đổi làm huyện Quảng Tế, nay thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.
(5) Thuộc Thanh Hoá.

Phúc Lộc : Nay là huyện Phúc Thọ.

Ma Nghĩa : Nay là huyện Tùng Thiện.

Phấn Thượng : Nay là xã Tảo Thượng. Từ Mã Yên đến Phấn Thượng trên đây đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

Sông Cù : Cũng là sông Hát, vì chảy qua xã Cù Sơn, nên gọi tên như vậy.

Tốt Lâm : Ở đâu, không khảo được.

Nhâm Thìn, năm thứ 15 (1592).(Mạc, năm Hồng Ninh thứ 2. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 20).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng tấn công thành Thăng Long : Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy sang Gia Lâm. Quan quân bắt được tướng Mạc là Nguyễn Quyện.

Trịnh Tùng lập đàn, tế cáo trời đất và các vua Thái Tổ Thái Tông [nhà Lê], thề xin diệt giặc để phục thù. Khi đại quân kéo đến bờ phía tây Ninh Giang, Tùng ra ba điều buộc quân lính phải tuân giữ :

1. Không được tự tiện vào nhà nhân dân mà hái rau, kiếm củi ;

2. Không được cướp của cải, đồ vật và đẵn cây cối ;

3. Không được hiếp phụ nữ và giết người vì thù riêng. Kẻ nào vi phạm những điều cấm trên đây, sẽ trị theo quân luật.

Ba quân nghe theo lệnh, nghiêm chỉnh đội ngũ trẩy đi. Quân trẩy đến đâu, nhân dân vẫn an cư ở đó. Họ tranh nhau đem rượu và trâu bò đến đón quan quân. Tùng đốc suất quân lính sang sông. Khi Tùng trẩy đến chùa Thiên Xuân, chúa Mạc là Mậu Hợp cả sợ, bỏ thành Thăng Long, qua sông Nhị, đóng ở xã Thổ Khối, để các đại tướng ở lại chia nhau đóng giữ các cửa thành Thăng Long.

Quan quân qua sông Tô Lịch, đến cống Mọc[1], đóng quân ở Xạ Đôi[2]. Tùng chia sai các tướng là Hoàng Đình Ái và Nguyễn Hữu Liêu quản lãnh quân và voi, hẹn định ngày phá các cửa thành. Còn Tùng thì tự đốc suất quân và voi ở đại doanh tiến đến phường Hồng Mai. Chb.XXIX,27

Bấy giờ Mậu Hợp tuy đã qua đò sang Bắc, nhưng vẫn cậy có sông dài hiểm trở, sai Mạc Ngọc Liễn, Bùi Văn Khuê, Nguyễn Quyện và Trần Bách Niên cố thủ thành Đại La, còn mình thì thống suất thuỷ quân, dàn hơn trăm chiếc thuyền thành thế trận, giữ sông Nhị Hà để làm thanh thế cứu viện cho quân trong thành.

Nguyễn Quyện đặt quân mai phục ở ngoài cửa Cầu Giền[3], dàn súng bách tử đại pháo để phòng bị.

Các tướng chia đường tấn công từ giờ Tị đến giờ Mùi[4] chưa phân được thua. Tùng lại đốc thúc quân sĩ cố sức chiến đấu. Quan quân xuyên qua luỹ, trèo lên thành, đua nhau xông lên trước, đánh phá được ba lần cửa luỹ ở ngoài thành.

Quân Văn Khuê và Bách Niên rối loạn, tan chạy. Ngọc Liễn sợ hãi, cũng trốn.

Thừa thắng, quan quân đồng thời cùng tiến, đốt cung điện và nhà cửa ở ngoài thành : khói lửa mù mịt cả khoảng không. Quan quân lại rầm rộ lùa quân và voi xông vào giày đạp đánh phá Cầu Giền. Phục binh của Nguyễn Quyện không kịp nổi dậy, đều bị quan quân giết sạch. Con của Nguyễn Quyện là Bảo Trung và Nghĩa Trạch đều chiến đấu mà chết cả. Quyện bị quan quân bắt sống. Trịnh Tùng thân hành cởi trói cho

(1) Nguyên văn là Nhân Mục kiều, nay thuộc Phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
(2) Chỗ gò tập bắn.
(3) Nguyên văn là Triền Kiều môn ngoại. Tức là ô Cầu Giền ở chỗ cuối phố Huế, đầu phố Bạch Mai, giáp đường Đại Cồ Việt, Hà Nội, ngày nay.
(4) Khoảng từ 9 giờ đến 14 giờ.

Quyện, đối đãi bằng lễ tiếp khách và yên ủi đến điều. Quyện hổ thẹn, vội phục xuống đất.

Hôm đó, thây giặc ngổn ngang chồng gối lên nhau. Quan quân chém được hơn vài nghìn thủ cấp địch. Tướng giặc bị chết đến vài mươi người. Khí giới tước được chất cao như núi.

Mậu Hợp thu nhặt tàn quân, giữ dọc sông dài để phòng thủ. Chb.XXIX,28

Tùng nhân dịp đó, hỏi Nguyễn Quyện về mưu chước để diệt Mạc. Quyện nói : "Viên tướng đã thua trận, không thể còn nói đến mạnh được nữa. Trời đã làm mất nhà Mạc, thì dù anh hùng cũng không thể thi thố tài lực được". Rồi nhân dịp Quyện nói với Tùng nên san phẳng luỹ đất thành Đại La khiến cho nhà Mạc dù có quay về cũng không còn gì để làm căn cứ được nữa. Tùng không ngờ lời Quyện nói đó là kế hoãn binh, bèn sai các quân san suốt vài nghìn trượng hào luỹ của nhà Mạc làm cho trở thành đất phẳng.

Bấy giờ uy thế binh lực của quan quân vang dậy lẫy lừng. Nhân dân phía tây nam đều như làn cỏ lướt theo chiều gió. Hễ trẩy đến đâu là đấy hàng phục. Nhị Hà trở về tây lại là đất của triều đình [nhà Lê].

Liền đó, Tùng bàn rút quân về, đến cửa cung khuyết tâu tin thắng trận. Nhà vua cả mừng, sai bàn định để thăng chức thưởng tước cho những người có công lao.

Về sau, Nguyễn Quyện vì con là bọn Nguyễn Tín mưu phản, nên bị chết ở trong ngục.

Lời chua – *Bùi Văn Khuê* : Người Chi Phong, huyện Gia Viễn[1], sau đầu hàng nhà Lê.

(1) Thuộc tỉnh Ninh Bình.

Chùa Thiên Xuân : Ở địa phận xã Thanh Xuân, huyện Thanh Oai[1].

Ninh Giang : Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 6).

Cống Mọc (Nhân Mục kiều) : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 28).

Sông Tô Lịch : Xem thuộc Đường, Mục tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb.IV,31-32).

Hồng Mai : Nay đổi là phường Bạch Mai.

Cầu Giền : Ở địa phận Bạch Mai, thuộc huyện Thọ Xương. Hồng Mai và Cầu Giền đều thuộc Hà Nội. Chb.**XXIX**,29

Xã Thổ Khối : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb.XII, 3, 4).

Tháng 7, mùa thu. Thuỷ tai lớn.

Bấy giờ nước lũ thình lình đổ đến, tràn ngập cả gò đống. Lúa má ở Thanh Hoa bị mất mùa. Dân miền tây nam phần nhiều đói kém.

Mồng 1, ngày Mậu Tí, tháng 8. Sao sa, có tiếng như sấm vang.

Sao sa, màu đỏ, ánh sáng dài đến 5 trượng, rơi xuống đất, nổ kêu như tiếng sấm lớn.

Tướng Mạc, Bùi Văn Khuê, đầu hàng. Tùng bèn tiến đánh quân Mạc ở sông Thiên Phái : Mạc bị đại bại.

Chúa Mạc là Mậu Hợp ngày ngày say đắm tửu sắc. Nguyễn thị[2] là con gái Nguyễn Quyện và là vợ Bùi Văn Khuê, nhân có em gái là vợ của Mạc Mậu Hợp, nên thường ra vào trong cung cấm. Mậu Hợp ưng ý Nguyễn thị vì nàng có nhan sắc,

(1) Nay thuộc thôn Phùng Khoang, xã Trung Văn huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(2) Tên là Niên.

nên muốn giết Văn Khuê để chiếm lấy nàng. Văn Khuê biết chuyện, bèn đem quân bản bộ tự ý rút về Gia Viễn[1], đóng binh một chỗ, không chịu vào chầu. Mậu Hợp sai quân đến bức bách để bắt Văn Khuê. Văn Khuê sai con Chb.**XXIX**,30
trai là Văn Nguyên chạy vào Thanh Hoa, dâng
lễ đầu hàng và xin cứu viện. Trịnh Tùng ưng nhận cho hàng và mừng rỡ nói : "Văn Khuê đầu hàng, thế là trời giúp cho ta được chóng thành công. Đất đai bản triều[2] có thể hẹn ngày khôi phục được".

Tùng liền sai Hoàng Đình Ái lãnh quân tiến lên trước, đến làng Bái và làng Đình thì Văn Khuê đem quân bản bộ ra đón tiếp. Đình Ái sai Văn Khuê tiến quân đóng giữ bến đò Đàm Giang. Quân Mạc bèn lui giữ sông Thiên Phái. Tùng quản đốc đại quân kéo ra Trường Yên[3], Văn Khuê đến yết kiến, khóc lóc kể lể nỗi niềm. Tùng khen thưởng để vỗ về yên ủi, lại phong tước quận công[4], cho Văn Khuê quản lãnh binh mã và thuyền chiến của bản bộ, sung làm toán quân tiền đội cầm cự với quân Mạc.

Quan quân tiến lên, qua đò sông Hoàng Xá đến núi Kẽm Trống[5] ở Yên Quyết thì đóng dinh trại. Nghĩa quốc công (không rõ tên họ), tướng Nam đạo bên Mạc, đóng quân ở sông Thiên Phái, giữ bến đò Đoan Vĩ, đắp luỹ để chống giữ. Tùng sai Văn Khuê lén dời binh thuyền ra cửa sông, rồi trên và dưới cùng đánh kẹp lại : quân Mạc tan vỡ, chạy trốn. Quan quân tước được 70 chiếc thuyền và vô số khí giới. Tướng Mạc, Trần Bách Niên, đem quân bản bộ đầu hàng.

(1) Thuộc tỉnh Ninh Bình.
(2) Tức triều Lê.
(3) Nay thuộc Ninh Bình.
(4) Khi ở Mạc, Bùi Văn Khuê tước Sơn quận công (*Toàn thư* XVII, 31).
(5) Nguyên văn chép là Kiểm Cố sơn.

Lời chua - *Đàm Giang* : Xưa là bến đò Đàm Gia, ở xã Điểm Xá, huyện Gia Viễn thuộc Ninh Bình.

Sông Thiên Phái : Ở chỗ giáp giới hai huyện Ý Yên và Phong Doanh thuộc Nam Định, chảy ra cửa Liêu.

Bến đò Đoan Vĩ : Thuộc xã Đoan Vĩ, huyện Thanh Liêm, Hà Nội (1).

Kèm Trống (Kiềm cố sơn) : Thuộc xã Nham Kênh, huyện Thanh Liêm(2).

Bái, Đỉnh : Tên hai xã, đều thuộc huyện Gia Viễn Chb.XXIX,31

Sông Hoàng Xá : Cũng thuộc huyện Gia Viễn, giáp huyện Kim Bảng(3).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tùng lại tiến quân ra Thăng Long. Chúa Mạc là Mậu Hợp chạy đi Kim Thành rồi trốn.

Trịnh Tùng đã phá quân Mạc, tiến đóng Bình Lục, rồi kéo đến bãi Tinh Thần thuộc Thanh Oai, đóng dinh trại. Tùng hiểu dụ nhân dân miền tây nam đâu đấy nên cứ yên nghiệp làm ăn. Rồi Tùng tiến quân ra cửa sông Hát.

Tướng Mạc, Ngọc Liễn, dàn quân lính và thuyền chiến để chống cự. Quan quân tiến đánh : phá được địch. Ngọc Liễn bỏ thuyền chạy lên Tam Đảo. Quan quân thừa thắng, ruổi dài đến cửa Nam thành Thăng Long, đóng quân ở bến Cỏ(4), bắt được chiến thuyền của Mạc đến hàng nghìn chiếc. Mậu Hợp chạy đi Kim Thành thuộc Hải Dương.

Tùng hạ lệnh răn cấm tướng sĩ [không được vi phạm quân lệnh], đồng thời lại chiêu an vỗ về cư dân. Các phủ huyện ở vùng phía bắc sông Nhị, như Thuận An, Tam Đái và Thượng

(1) Nay thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
(2) Nay thuộc Ninh Bình.
(3) Thuộc tỉnh Hà Nam.
(4) Nguyên văn là Sa Thảo tân.

Hồng, đều đầu hàng cả. Tên Liêm (không rõ họ), đầu sỏ giặc Thái Nguyên, cũng đem 5.000 đồ đảng ra hàng.

Tùng lại đem quân đi truy tiễu quân Mạc. Đến huyện Phù Dung, Tùng sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên quản lãnh 300 chiếc chiến thuyền, đánh phá huyện Kim Thành. Mậu Hợp bỏ quân doanh, chạy trốn. Quan quân thu được vàng bạc, của cải, đồ vật và phụ nữ không sao kể xiết. Và bắt được mẹ chúa Mạc đem về.

Lời chua - *Kim Thành* : Tức là Trà Hương. Xem thuộc Tấn[1], Tế vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V, 22). Chb.**XXIX**,32

Thanh Oai : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 31).

Bãi Tinh Thần : Nay đổi xã Thanh Thần, thuộc huyện Thanh Oai[2].

Núi Tam Đảo : Xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 7 (Chb.XVIII, 18).

Phù Dung : Tên huyện, nay là huyện Phù Cừ thuộc Hưng Yên.

Phủ Thuận An : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12[3] (Chb.X, 4).

Phủ Tam Đái : Xem ngang với Tống, Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 29).

Phủ Thượng Hồng : Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb.V, 14).

Bồ Đề : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb.XIX, 4).

Mạc Mậu Hợp cho con là Toàn coi giữ việc nước, tự mình đứng ra đốc suất quân đội.

---

(1) Đây dịch theo nguyên văn *Cương mục*. Đáng phải chép là "đương Tấn" (ngang với Tấn) mới đúng.
(2) Thuộc tỉnh Hà Tây.
(3) *Cương mục* in lầm năm Thiệu Phong thứ 11.

Bấy giờ quân Mạc nhiều lần thua trận, Mậu Hợp bèn lập con là Toàn làm vua, coi quản việc nước, đổi năm này làm năm Vũ An thứ 1 (Nhâm Thìn, 1592). Mậu Hợp tự làm tướng, quản đốc binh mã để chống và giữ.

Tháng 12. Mặt trời có hai điểm đen như quạ.

Trịnh Tùng sai bọn Phạm Văn Khoái tấn công Kinh Bắc, bắt được Mạc Mậu Hợp, giết chết.

Tùng chia quân tấn công tướng Mạc, Kính Chỉ, ở Thanh Hà : cả phá được địch. Nhà cửa của dân gian ở các phủ Thượng Hồng, Nam Sách và Kinh Môn đều bị thiêu huỷ gần hết. Bầy tôi nhà Mạc là bọn Đỗ Uông, Đồng Hàng, Ngô Tháo và Đàm Văn Tiết 17 người đều đến cửa quân xin đầu hàng. Chb.**XXIX**,33

Sau đó Tùng tiến đóng quân doanh tại xã Tranh Giang thuộc Vĩnh Lại[1]. Lại sai bọn quận Lai Phạm Văn Khoái ai nấy quản lãnh quân và voi đánh dẹp các huyện Yên Dũng, Võ Ninh thuộc Kinh Bắc.

Mậu Hợp bỏ thuyền, lên bộ, lẩn trốn vào chùa thờ Phật ở huyện Phượng Nhãn. Quan quân đuổi theo, được nhân dân thôn quê vùng đó chỉ dẫn, bắt sống được Mậu Hợp, cho chở lên voi đem về Thăng Long : bêu sống ba ngày, rồi chém ở bến Bồ Đề, chặt đầu đem về hành tại Thanh Hoa dâng tin thắng trận. Thủ cấp Mạc Mậu Hợp bị đóng đinh vào hai mắt, bêu ở chợ.

Trịnh Tùng bèn ra lệnh cho các quân dời đại doanh ở bến Cỏ (Thảo Tân) đến đóng tại cửa Nam thành Thăng Long.

Lời chua – *Đỗ Uông* : Người Đoàn Lâm, huyện Gia Lộc[2], đỗ bảng nhãn khoa Bính Thìn[3] đời Mạc.

---

(1) Nay thuộc huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

(2) Thuộc Hải Dương.

(3) Tức là năm Quang Bảo thứ 3 (1556) đời Mạc Phúc Nguyên

Đồng Hàng : Người Triều Dương, huyện Chí Linh[1], đỗ hoàng giáp khoa Kỷ Mùi[2] đời Mạc.

Ngô Tháo : Người Xã Đàn, huyện Thọ Xương[3], đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi[4] đời Mạc.

Đàm Văn Tiết : Người Lãm Sơn, huyện Quế Dương[5], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn [6] đời Mạc.

Tranh Giang : Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại .

Thượng Hồng : Tên phủ, xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb.V, 14). Chb.**XXIX**,34

Phủ Nam Sách (sách : sách lược) : Tức Nam Sách (sách : sổ sách). Xem thuộc Tấn, Tế vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb.V, 22).

Phủ Kinh Môn : Thuộc Hải Dương.

Vũ Ninh (nay là Võ Giàng), Yên Dũng, Phượng Nhãn : Ba huyện này đều thuộc Bắc Ninh.

Bến Cỏ (Thảo Tân) : Chắc là ở bờ phía nam sông Nhị, Hà Nội ; nay ở đâu, không rõ[7].

(1) Thuộc Hải Dương.
(2) Tức là năm Quang Bảo thứ 6 (1559) đời Mạc Phúc Nguyên.
(3) Nay thuộc, quận Đống Đa, Hà Nội.
(4) Tức là năm Sùng Khang thứ 6 (1571) đời Mạc Mậu Hợp.
(5) Nay thuộc xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
(6) Tức là năm Diên Thành thứ 3 (1580) đời Mạc Mậu Hợp.
(7) Thảo Tân (Chb.XXIX, 33) hoặc Sa Thảo Tân (Chb.XXIX, 31), dịch là bến Cỏ, có thể là ở vùng ga Hàng Cỏ (tức ga Hà Nội) và phố Hàng Cỏ (nay là đường Lê Duẩn) Hà Nội ngày nay.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 30

Từ Quý Tị, năm Quang Hưng thứ 16 (1593) đến Kỷ Hợi, năm Quang Hưng thứ 22 (1599) đời Lê Thế Tông, gồm bảy năm. Chb.XXX,1

*

Quý Tị, năm [Quang Hưng] thứ 16 (1593). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 21. - Năm này nhà Mạc bị diệt).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Tùng tiến quân ra huyện Thanh Lâm, bắt được Mạc Kính Chỉ và họ hàng của Kính Chỉ, đều bị giết chết cả.

Trước kia, Kính Chỉ lẩn lút ở vùng Đông Triều, hay tin Mậu Hợp đã bị bắt làm tù binh, đóng giữ huyện Thanh Lâm, tiếm lên ngôi nguỵ ở xã Nam Giản huyện Chí Linh, đổi niên hiệu là Bảo Định, rồi lại đổi là Khang Hựu. Bọn Kính Phu, Kính Thành và Kính Thận vài trăm người là chỗ họ thân với chúa Mạc cùng các bầy tôi văn võ cũ đều đem nhau về với Kính Chỉ. Nhà Mạc yết bảng chiêu mộ, trong khoảng chốc lát, các huyện hưởng ứng được đến 6, 7 vạn quân.

Bấy giờ Mạc Toàn, con Mậu Hợp, thấy lòng người không phục mình, cũng theo về với Kính Chỉ. Về sau, Mạc Toàn lại trốn đi, bị quan quân bắt được.

Trịnh Tùng, nhân đó, sai bọn Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Ngô Đình Nga tiến đến huyện Thanh Lâm. Kính Chỉ tung quân đánh úp : Thất Lý chết trận, Đình Nga bị thương nặng, Văn Khuê và Bách Niên phải chạy, còn quân thì tan vỡ. Quân lương và khí giới của quan quân đều mất về tay giặc. Bấy giờ Hải Dương và Kinh Bắc phần nhiều quy phụ về với Mạc.

Trịnh Tùng lại sai thái uý Hoàng Đình Ái đốc suất các quân doanh thuỷ và bộ tiến đến Cẩm Giàng, Kính Chỉ dốc hết quân ra giữ Thanh Lâm, lấy một dải Hàm Giang làm chỗ phân chia Nam, Bắc. Hai bên luôn luôn huy động quân đội để chống và giữ. Ban ngày, cờ xí tung bay, ban đêm, hoả pháo ran nổ, trong khoảng hàng tuần, hàng tháng, quân hai bên cầm cự nhau, không lúc nào dám cởi bỏ áo giáp. Ở Thanh Lâm, Kính Chỉ lại đắp thêm hào luỹ theo dọc ven sông để cho sự phòng thủ được bền vững. Chb.XXX,2

Đến đây, Trịnh Tùng thân hành quản đốc đại quân qua sông Nhị, đêm ngày đi gấp đường, đến Cẩm Giàng, đại hội với các tướng, cả thuỷ lẫn bộ cùng tiến :

Hoàng Đình Ái thống lãnh tướng sĩ các dinh, tiến đến Thanh Lâm để đánh vào phía hạ lưu ;

Trịnh Tùng thân đốc đại binh để đánh phía thượng lưu ;

Nguyễn Hữu Liêu thống suất quân thuỷ để bao vây và đón chặn đường đi của quân Mạc.

Quan quân bốn mặt đánh khép lại : quân Mạc đổ vỡ tan tành.

Kính Chỉ và thân thuộc của hắn đều lẩn trốn vào rừng núi. Quan quân đuổi đến Đông Triều, bắt được bọn An Sơn vương Mạc Kính Thành và Hoàng Lượng công Mạc Lý Hựu, đều đem

chém cả. Số giặc bị bắt làm tù binh và những thuyền bè khí giới của Mạc bị tước không sao xiết kể.

Khi đến Chí Linh, quan quân lại chia nhau đi càn quét, bắt được Kính Chỉ ở thôn Tân Manh luôn với bọn Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân và quan liêu văn võ của Mạc đến hơn 60 người. Trịnh Tùng bèn kéo quân về Thăng Long. Các tướng đưa đến những người trong họ hàng bè lũ nhà Mạc bị bắt làm tù binh, đều chém cả ở bến Cỏ. Riêng lấy đầu Kính Chỉ đem vào bêu ở Thanh Hoa. Họ Mạc bị diệt.

Lời phê - *Dựa vào công lao trước của cha, Trịnh Tùng có công rất to, mà mang tội cũng nặng lắm. Không làm như vậy thì không đủ để diệt nhà Mạc mà phù Lê được. Mạc tuy bị diệt rồi, nhưng Trịnh lại lù lù ở đó thì cũng lại là một Mạc (thứ hai) nữa thôi !*

Lời chua - *Mạc Kính Chỉ* : Con Mạc Kính Điển. Chb.**XXX**,3

Kính Phu, Kính Thận, Kính Giản, Kính Tuân : Đều là em Kính Chỉ.

Nam Giản : Tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Thanh Lâm, Cẩm Giàng : Đều là tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương.

Tân Manh : Tên thôn, thuộc huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Yên.

Hàm Giang (sông) : Ở địa phận xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Tháng 4, mùa hạ. Xa giá vua Lê trẩy ra Thăng Long, ngự ở tòa Chính điện, nhận lễ triều hạ, đại xá cho cả nước.

Trịnh Tùng đã diệt nhà Mạc rồi, tu tạo cung điện [ở Thăng Long], một tháng hoàn thành, bèn sai các đại thần văn võ sắm sửa nghi trượng đi đón xa giá. Tháng 3, nhà vua khởi hành từ dinh Vạn Lại ; đến tháng 4 này, trẩy tới kinh đô. Ngày Canh Tý, nhà vua ngự ở toà chính điện, nhận lễ bách quan chầu mừng, đại xá cả nước.

Bản xét công lao các bầy tôi trong cuộc trung hưng. Ban thưởng tước phong cho họ có tầng bậc khác nhau.

Gia phong :

Hoàng Đình Ái làm hữu tướng thái uý, Vinh quốc công ;

Nguyễn Hữu Liêu làm thái uý, Dương quốc công ;

Quận công Trịnh Đỗ làm thái phó ;

Trịnh Đồng và Trịnh Nành làm thái bảo ;

Lê Bách và Hà Thọ Lộc làm thiếu uý ;

Ngô Cảnh Hựu và Trịnh Văn Hải làm thiếu bảo ;

Lại Bộ thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm thiếu phó tước Quỳnh quận công. Chb.XXX,4

Còn mọi người khác cũng đều được thưởng thêm tước trật có cao thấp khác nhau.

Lời chua – *Thái uý, thái phó, thái bảo* : Đều chánh nhất phẩm.

Thiếu uý, thiếu phó, thiếu bảo : Đều chánh nhị phẩm. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb XXII, 15–16).

Nguyễn Mậu Tuyên : Người Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương[1].

Tháng 5. Thái tổ Gia dụ hoàng đế ta từ Thuận Hoá vào chầu được tấn phong thái uý Đoan Quốc Công, cầm quân đi đánh giặc.

(1) Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Trước kia, Thái Tổ Gia Dụ hoàng đế ta ở Thuận Hoá hơn 20 năm, từ nhân dân đến các man di thảy đều mến phục. Bờ cõi và biên giới đều phẳng lặng yên ổn. Đến đây ngài đem tướng sĩ và binh thuyền vào chầu, dâng nộp sổ sách về quân, dân và kho tàng ở hai xứ Thuận, Quảng. Nhà vua xuống chiếu gia phong cho Gia Dụ làm tả đô đốc ở Trung quân đô đốc phủ, giữ công việc trong phủ, hàm thái uý, tước Đoan quốc công, tổng đốc tướng sĩ bản doanh, thống lãnh quân thuỷ ở các xứ Nam đạo[1] và 300 chiếc thuyền cả lớn lẫn nhỏ, đi đánh bọn giặc ở vùng đông nam.

Bấy giờ đồ đảng còn sót lại của nhà Mạc tản mát mọi nơi. Dân sở tại đều hưởng ứng theo chúng. Chia nhau chiếm cứ các châu thành, chúng tự xưng danh hiệu một cách tiếm nguỵ : Chb.XXX,5

Uy vương Mạc Kính Dụng giữ Thái Nguyên ;

Tráng vương Mạc Kính Chương giữ Thiên Thi ;

Văn quốc công (không rõ tên họ) giữ Tam Dương ;

Trung quốc công (không rõ họ tên) giữ Phổ Yên ;

Thái quốc công (không rõ tên họ) giữ Gia Phúc.

Trước đây, người huyện Chân Định là đô Ninh (không rõ họ) nguỵ xưng là Kiến quốc công, chiếm giữ Kiến Xương và Nghĩa quốc công (không rõ tên họ) chiếm cứ Tân Hưng. Cả hai đều có một số quân đến vài vạn người. Chúng đắp luỹ đất từ Duyên Hà và Vũ Tiên xuống đến Chân Định, cắm kè gỗ ở các chỗ trong Hoàng Giang để chống cự quan quân.

Bọn Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên đi đánh dẹp, hàng hơn tháng không hạ được.

(1) Nay gồm các huyện Châu Giang, Kim Động, Ân Thi, Phù Tiên (Hưng Yên); Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân (Hà Nam); Hưng Hà, Tiên Hưng cũ (Thái Bình).

Thái Tổ GiaDụ hoàng đế ta kéo quân đến, sai dùng hoả khí và hoả pháo bắn, đánh, cả phá được luỹ đất của giặc. Quân giặc sợ hãi tan vỡ. Quan quân nhân đà thắng lợi, đuổi chém có đến hàng vạn giặc mà cắt lấy hai tai bên trái. Lại bắt sống được tướng giặc, đem chém. Tiên Hưng và Kiến Xương đều yên.

Gia Dụ lại đi đánh dẹp nguỵ Tráng vương Mạc Kính Chương và bọn Thái quốc công, Nghiêm quốc công, Cường quốc công và Cẩm quốc công (đều không rõ họ tên) ở Hải Dương, cả phá được địch, bắt sống tướng nguỵ rất nhiều. Kính Chương chạy đi Yên Quảng. Bấy giờ miền đông nam mới dần dần được yên ổn.

Trịnh Tùng bèn sai các tướng chia đi trấn giữ các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Khoái Châu, Thuận An và Từ Sơn, chiêu tập vỗ về những dân xiêu giạt ở những các huyện về yên nghiệp làm ăn. Chb.XXX,6

Bấy giờ chỉ có một số lọt lưới như nguỵ Kiền Thống[1] Mạc Kính Cung cùng bọn Mạc Ngọc Liễn, Khánh vương Mạc Kính Khoan, An Dũng vương, Đường quốc công, Đông quốc công và Trung quốc công[2] mà thôi.

Lời chua - *Thuận Hoá, Thái Nguyên, Yên Quảng, Hải Dương* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (chb. XXI 17, 23, 24, 29, 31).

Quảng Nam : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7).

Thiên Thi : Xem Lê Túc Tông, năm Thái Trinh thứ 1[3] (Chb. XXV, 15).

Tam Dương : Tên huyện, nay thuộc tỉnh Sơn Tây[4].

Phổ Yên : Tên huyện, nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Gia Phúc : Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

---

(1) Niên hiệu của Mạc Kính Cung đặt từ năm Giáp Ngọ, 1594, khi chiếm giữ Lạng Sơn.
(2) Cũng đều không rõ tên họ.
(3) Cương mục in là "Hiến Tông, Cảnh Thống thất niên" (Lê Hiến Tông, năm Cảnh Thống thứ 7).
(4) Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Duyên Hà : Tên huyện, nay thuộc Hưng Yên[1].

Vũ Tiên[2], *Chân Định*[3] : Đều là tên huyện, nay thuộc tỉnh Nam Định.

Hoàng Giang : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb, VI, 44).

Tiên Hưng[4] : Tức Long Hưng.

Kiến Xương[5] : Tiên Hưng và Kiến Xương, tên hai phủ, đều xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 15 (Chb. VI, 28).

Thượng Hồng, Hạ Hồng : Tên hai phủ, đều xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb.V 14).

Khoái Châu : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Từ Sơn : Xem thuộc Minh, năm Vĩnh Lạc thứ 13 (Chb. XII, 44).

Thuận An : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 4).

Tháng 7, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện. Chb.XXX,7

Sao Chổi mọc ở phương đông, chuyển vần về phía đông bắc.

Giáp Ngọ, năm thứ 17 (1594). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Kinh Bắc, Thái Nguyên và Lạng Sơn đều có giặc cướp nổi dậy.

Bấy giờ đảng nguỵ ở các xứ đều nổi lên :

Khánh vương Mạc Kính Khoan giữ Đại Từ ;

Thứ vương (không rõ tên họ) giữ Thái Nguyên ;

(1) Nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
(2) Vũ Tiên nay thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
(3) Sau đổi là Trực Định , nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
(4) Nay thuộc Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(5) Thuộc tỉnh Thái Bình.

Quận An (không rõ tên) giữ Phổ Yên ;

Đông quốc công[1] giữ Lục Ngạn ;

An Dũng công[2] giữ Võ Nhai ;

Việt quốc công (không rõ tên họ) giữ Sơn Dương.

Chúng cướp bóc khuấy nhiễu ở sở tại. Hễ quan quân kéo đến thì chúng liền giải tán ; nhưng khi quan quân đi khỏi, chúng lại đóng đồn, tụ tập lại. Các châu huyện bị đau khổ vì chúng.

Lời chua – *Đại Từ, Võ Nhai* . Tên hai huyện, đều thuộc Thái Nguyên.

Lục Ngạn : Tên huyện, thuộc tỉnh Bắc Ninh[3].

Sơn Dương : Tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây[4].

Tháng 3. Ghi nhớ những người bầy tôi có công lao gây dựng cơ nghiệp trung hưng từ lúc ban đầu.

Nhà vua nhớ đến những người có công đầu trong cuộc trung hưng, sai bọn Nguyễn Mậu Tuyên đem kim sách truy phong :

Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế làm Chiêu Huân Phụ Triết Tĩnh công.

Trịnh Kiểm làm Minh Khang Nhân Trí Vũ Chb.XXX,8 Trinh Hùng Lược đại vương.

Mồng 1, ngày Kỷ Dậu, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực. Đại hạn.

Tháng 5. Sao Kim lỗi độ thường. Đại hán. Đảo vũ : trời mưa.

Bấy giờ đại hạn đã hàng mấy tuần, công việc canh nông phần nhiều không được thuận tiện. Nhà vua sai cầu đảo, được trời mưa.

---

(1) Đều không rõ tên họ là gì.
(2) Nt.
(3) Hiện nay Lục Ngạn thuộc Bắc Giang.
(4) Hiện nay Sơn Dương thuộc Tuyên Quang. Trong thời kỳ kháng chiến, nhân dân thường gọi là châu Tự Do.

Mạc Kính Cung cướp Lạng Sơn. Trịnh Tùng sai quân đi đánh : Kính Cung chạy đi Long Châu.

Trước kia, Ngọc Liễn, tướng Mạc lẩn trốn ở vùng Bắc, ngầm tìm con cháu họ Mạc, thì kiếm được Mạc Kính Cung, con Mạc Kính Điển, ở châu Văn Lan, lập lên làm chúa, đặt niên hiệu nguỵ là Kiền Thống, chiếm giữ châu An Bác thuộc Lạng Sơn.

Hoàng Đình Ái đem quân đi đánh, bắt được đồ đảng là bọn Vạn Ninh vương (không rõ tên họ) và Nghiêm quốc công[1], giết chết ; Ngọc Liễn chạy sang châu Tư Minh, rồi lại quay về chiếm cứ châu Vạn Ninh. Kính Cung và đồ đảng trốn sang Long Châu, đến đây lại đưa người sang Long Châu về xâm lấn cướp bóc Lạng Sơn. Trịnh Tùng sai quân đội phối hợp với lính ở trấn Lạng Sơn đánh bại được địch : Kính Cung lại chạy đi Long Châu.

Về sau, Ngọc Liễn bị bệnh chết, có thư để lại cho Kính Cung : "Họ Lê lại trung hưng, đó là số trời. Còn như dân ta là người vô tội, sao ta lại nỡ để cho dân mắc vào vòng mũi tên hòn đạn lâu mãi vậy ! Chúng ta nên lánh ở nước khác, cốt phải cẩn thận giữ gìn, đừng lại cố sức chiến đấu với họ nữa. Lại dứt khoát chớ có đón rước người Minh kéo sang nước ta để đến nỗi dân ta phải lầm than khốn khổ". Con của Ngọc Liễn là bọn Sơn, Đông cũng chạy sang Long Châu. Chb.XXX.9

Lời chua - *Châu Văn Lan* : Nay đổi là huyện Văn Quan[2].

Châu An Bác : Nay đổi làm huyện. Văn Lan và An Bác[3] đều thuộc Lạng Sơn.

(1) Cũng không rõ tên họ.
(2) Thuộc Lạng Sơn.
(3) Nay là huyện Sơn Động, Bắc Giang.

Tư Minh : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb. VI, 40).

Châu Vạn Minh : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Long Châu : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Tháng 7, mùa thu. Hải Dương bị đói kém. Người ta ăn thịt lẫn nhau.

Năm này, Hải Dương mất mùa to. Người ta ăn thịt lẫn nhau. Số người bị chết đói đến một phần ba.

Tháng 12, mùa đông. Trấn tướng ở Đại Đồng là Vũ Đức Cung làm phản; sau đó xin hàng, được nhà vua tha tội.

Trước kia, đất Đại Đồng từ khi Gia quốc công Vũ Văn Mật quy thuận với triều đình, có công đánh nhà Mạc, được triều đình cho giữ chức Đại Đồng, cha truyền con nối. Đến đời cháu là Vũ Đức Cung vào chầu, dâng 10 mâm vàng, bạc, châu báu và 30 con ngựa hay, được triều đình gia phong là Bắc quân đô đốc phủ hữu đô đốc, thái bảo, Hoà quận công, được mang quân hiệu là An Bắc doanh. Sau đó, Đức Cung lại xin về trấn để phòng ngừa giặc cướp. Rồi Đức Cung ngầm thông với giặc Mạc là Mỹ Thọ hầu (không rõ tên họ), xâm nhiễu cướp bóc các huyện đầu nguồn thuộc Sơn Tây, đánh phá các huyện Thanh Ba và Hạ Hoa. Rồi cưỡng ép nhân dân ở Đông Lan và Tây Lan phải theo chúng. Chb.XXX,10

Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu đem quân đi đánh dẹp : bắt sống được Mỹ Thọ hầu, kéo thẳng đến Đại Đồng, đánh và phá được giặc. Đức Cung bèn đem con em mình chạy đi Nghĩa Đô. Đức Cung lại sai người dâng lên triều đình vàng bạc và ngựa, vào kinh thú tội, được triều đình ưng thuận.

Lời chua – *Thanh Ba* : Tên huyện.

Hạ Hoa : Nay là huyện Hạ Hoà.

Đông Lan : Nay là huyện Hùng Quan.

Tây Lan : Nay là huyện Tây Quan. Các huyện trên này đều thuộc Sơn Tây[1].

Sơn Tây : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb XXI, 18, 27, 34, 35).

Đại Đồng : Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 1, 2).

Ất Mùi, năm thứ 18 (1595). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 23). Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu khôi phục lại phép thi đình.

Theo chế độ cũ, khoa thi đại tị, sĩ tử nào đã thi hội được trúng tuyển thì vào thi đình, nhà vua lấy đỗ có người cao có người thấp khác nhau. Bắt đầu từ trung hưng, phép thi hãy còn sơ lược, chỉ căn cứ vào thi hội để chia người đỗ ra tam giáp, chưa có thi đình. Đến nay, thi hội cống sĩ trong nước ở Thảo Tân rồi lại thi đình, nhà vua cho Nguyễn Thực và Nguyễn Viết Tráng đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Đức Mậu đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Lời chua - *Nguyễn Thực* : Người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn.

Nguyễn Viết Tráng : Người xã Hạ Yên Quyết, huyện Từ Liêm.

Nguyễn Đức Mậu : Người xã Nhân Hữu, huyện Gia Bình.

Thảo Tân : Có lẽ ở bờ phía nam sông Nhị, Hà Nội, nay không rõ ở chỗ nào. Chb.XXX,11

Tháng 5, mùa hạ. Dân bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Lúc ấy các trấn bị đói kém mất mùa, lại phát sinh bệnh dịch, thây chết chồng chất với nhau ; các nơi trộm cướp nổi

(1) Nay đều thuộc tỉnh Phú Thọ.

lên từng đàn, cướp của giết người, nhân dân không được yên nghiệp làm ăn.

Tháng 6. Đại hạn. Ngày Giáp Tí, hai mặt trời xuất hiện cùng một lúc.

Ngày Giáp Thân, tháng 7, mùa thu. Sét đánh vào cột trụ một cung điện.

Ngày hôm ấy không có mây mưa, tự nhiên sét đánh vào cột trụ một cung điện ; đêm hôm ấy, mặt trăng có quầng ; sao Tuế Tinh đứng vào độ số của sao Tâm ; sao Hoả Tinh suốt năm không đóng vào cung của nó, đêm Bính Thân, sao này phạm vào vị trí sao Mão.

Hội họp trăm quan thề ở cửa kinh thành.

Lúc đầu triều Lê, dùng theo việc cũ triều nhà Lý, nhà Trần[1], hàng năm cứ đầu mùa xuân, hội họp làm lễ tuyên thệ[2]. Từ khi trung hưng đến nay không cử hành lễ ấy. Đến nay hội họp đông đủ văn võ trăm quan, lại đặt đàn tràng làm lễ tuyên thệ ở phố tả cửa nam thành Thăng Long.

Tháng 8. Đại hạn.

Duyệt binh.

Nhà vua hạ lệnh duyệt quân sĩ các doanh một cách to lớn ở Thảo Tân. Số quân lính được tất cả hơn mười hai vạn. Chb.XXX,12

Tháng 9. Đặt chức quan Bình ngục khám lý, rồi lại bãi bỏ.

Bắt đầu đặt chức quan khám lý để quyết đoán những ngục tụng còn nghi ngờ ở trong nước, bổ dụng cho bọn Ngô Tháo và Nguyễn Hoành Từ giữ chức này, sau lại đặt thêm 3 viên

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển II, 30 ;VI, 5 ; và XVI , 3 về việc hội họp tuyên thệ ở đền thờ thần Đồng Cổ.
(2) Nt.

quan nữa, nhưng họ không giữ đúng phép tắc, nên lại bãi bỏ chức này.

Lời chua - *Nguyễn Hoành Từ* : Người xã Phất Nạo, huyện Thạch Hà, năm Đinh Sửu (1577) niên hiệu Gia Thái (Lê Thế Tông), Hoành Từ đỗ chế khoa[1] nhị giáp xuất thân.

Tháng 10, mùa đông. Sửa cung điện ở Tây Kinh.

Lời chua - *Tây Kinh* : Tức Lam Kinh, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (chb. XV, 33).

Tháng 12. Không mưa. Dân bị đói.

Từ tháng 8 đến tháng này không có mưa, lúa má bị chết khô.

Bính Thân, năm thứ 19 (1596). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 24).

Tháng giêng, mùa xuân. Phan Ngạn, trấn thủ Hải Dương, đánh bại được đồ đảng nhà Mạc ở Thanh Hà, rồi tiến quân đánh úp Vạn Ninh, bắt được Mạc Kính Chương là Tráng vương của ngụy Mạc.

Trước kia Kính Chương chiếm cứ Thiên Thi, bị quan quân đánh bại, Kính Chương chạy ra Yên Quảng Chb.**XXX**,13
đóng ở Vạn Ninh, lại sai đồ đảng là bọn Mạc Vĩ,
Mạc Lý đem 80 chiếc thuyền chiến lấn cướp hạt Tứ Kỳ và Vĩnh Lại. Kế quận công Phan Ngạn làm trấn tướng Hải Dương đem quân đi tuần tiễu. Quân vừa tiến đến quãng huyện Thanh Lâm, Thanh Hà thì chợt gặp thuyền của giặc phóng đến, Ngạn đón đánh ở giữa dòng sông từ giờ Dần đến giờ Ngọ[2]. Viên tì tướng[3] là Lễ quận công (không rõ họ tên) đắn đo rằng quân mình ít, không thể chống chọi được, bèn đem thuyền bản bộ mình rút lui trước ; Ngạn liền chiểu theo quân pháp chém

(1) Ngoài ra các khoa thi thường đã có niên hạn nhất định, thỉnh thoảng triều đình mở một khoa thi hỏi về điển chương chế độ, gọi là "chế khoa".
(2) Phỏng từ 6 giờ đến 12 giờ.
(3) Tức phó tướng.

chết Lễ quận công, vì thế quân sĩ người nào người nấy liều chết đánh nhau với địch. Lúc ấy lại có một đội quân thuỷ của Tây Chân chèo thuyền nhỏ tiến xông vào, bọn giặc tưởng là quân cứu viện đã đến, bèn tan vỡ bỏ chạy. Quân của Ngạn đuổi theo, chém được hơn hai nghìn thủ cấp và bắt sống được mấy người của bọn tướng giặc là Hào quận công (không rõ họ và tên). Ngạn thân hành cởi trói cho quận Hào và yên uỷ hỏi : "Nhà ngươi muốn sống hay muốn chết? Nếu muốn sống thì ta dùng ngươi làm người dẫn đường, hễ bắt được Tráng vương sẽ tha tội cho nhà ngươi". Hào quận công sụp lạy, xin hết sức nghĩ cách để đền ơn. Ngạn liền chọn mấy trăm quân lính tinh nhuệ và năm chiếc thuyền chiến, rồi đem Hào quận công giấu ở trong thuyền. Một mặt Ngạn bàn với các tướng rằng : "Ta bắt được quận Hào, bên giặc chưa kịp biết, việc binh cần nhanh chóng. Nay ta đem quân sĩ mới thắng trận, nhân tình thế chẻ tre[1], đánh một trận mà được cả hai, cũng là trời cho ta thành công đấy, xin các tướng cùng lòng hết sức để lập công nghiệp". Các tướng đều nghe theo mệnh lệnh. Ngạn bèn dùng sắc áo, hiệu cờ của quân Kính Chương để trang bị cho quân mình, rồi tự làm đội quân đi trước, còn các quân thuỷ thì tiếp tục tiến theo sau. Chb.XXX,14

Đến đêm, Ngạn tự đi thuyền nhỏ, xông vào quan ải đồn thuỷ của giặc, người giữ quan ải hỏi, Ngạn sai Hào quận công trả lời rằng : "Thuyền binh của ta liên tiếp thắng trận, bắt được Kế quận công giải về trước nộp ở cửa quân". Vì thế, quân của Ngạn qua được quan ải thẳng tiến, đi ba ngày đêm đến châu Vạn Ninh.

Kính Chương nghe tin báo thắng trận, mừng rỡ ra đón tiếp. Ngạn lớn tiếng mắng rằng : "Ta là Kế quận công đây, bọn

(1) Nguyên văn chép "phá trúc chi thế", câu này lấy ở truyện Đỗ Dụ trong *Tấn thư*. Ý nói : binh lực đầy đủ, đánh được trận đầu, không khác gì người chẻ tre, đã phá vỡ được mấy gióng đầu, thì những gióng sau, có thể bỏ dao ra mà bửa đôi ra được.

mày phải đến mau đây để chịu trói". Kính Chương giở tay không kịp, bỏ thuyền chạy, đến giữa bãi cát, bị quan quân bắt được, lại chém được đồ đảng của hắn hơn 40 người, còn quân sĩ đều sợ hãi tan vỡ.

Phan Ngạn thắng trận kéo quân về, dâng tù binh ở dưới cửa cung khuyết. Nhà vua cho Phan Ngạn một tấm thẻ bài bằng vàng và 10 cân vàng tốt, về phần tướng sĩ thì ban cho 300 cân bạc, lại đặt một bữa yến tiệc linh đình để yên uỷ họ.

Lời chua - *Phan Ngạn* : Người làng Thái Xá, huyện Đông Thành, là con Phan Công Tích.

Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, Thanh Lâm, Thanh Hà : Đều là tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương.

Tây Chân : Nay là huyện Nam Chân[1] thuộc tỉnh Nam Định. Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ nhất (Chb. VI, II).

Tháng 2. Mưa. Chb.**XXX**,15

Nhà vua đi đến Trấn Nam quan ; tháng 3, trở về kinh thành.

Lúc ấy, bô thần[2] nhà Mạc báo cáo gian dối với người Minh rằng : "Người mà đứng cầm quân nhà Lê đấy là họ Trịnh quật cường nổi dậy, dùng sức mạnh tranh nhau với nhà Mạc, họ đánh giết cống thần[3] và con cháu họ Mạc, chứ thực ra không phải là con cháu họ Lê lại nổi dậy đâu". Bởi thế người nhà Minh sai sứ thần sang Trấn Nam quan để hội họp kh ám nghiệm. Nhà vua hạ lệnh cho Hộ Bộ thượng thư Đỗ Uông và đô ngự sử Nguyễn Văn Giai đi trước chờ đón mệnh lệnh, lại sai hoàng thân là Lê Ngạnh, Lê Lựu và tả thị lang bộ Công là Phùng Khắc Khoan, cùng nhau đem hình dạng 2 quả ấn : một

(1) Nay là huyện NamTrực, tỉnh Nam Định.

(2) Một danh từ để gọi chung những bầy tôi ở một triều đình bị bại trận phải trốn tránh đi nơi khác.

(3) Thời đại phong kiến, nước nhỏ phải cống nạp cho nước lớn, tự xưng mình là cống thần, nghĩa là một nước đã thần phục và theo lệ nộp lễ cống.

là hình dạng ấn An Nam đô thống sứ ti của nhà Mạc và một nữa là hình dạng ấn An Nam quốc vương ngày trước, kèm theo 100 cân vàng, 1000 lạng bạc với mấy chục người kỳ mục trong nước, cùng đến chỗ nam bắc giao thông để hội đồng khám nghiệm. Về bên nhà Minh, thì Trần Đôn Lâm, phó sứ ti đề hình án sát ở Tả giang binh tuần đạo, đưa công điệp mời nhà vua phải sang. Vì thế nhà vua đi sang Trấn Nam quan, hạ lệnh cho bọn : hữu tướng Hoàng Đình Ái, Thái uý Nguyễn Hữu Liêu và thái phó Trịnh Đỗ đem hơn một vạn lính và voi đi theo xa giá đến cửa quan, đính ước nhật kỳ cùng nhau hội họp. Nhưng người nhà Minh lại chần chừ và yêu sách các vật kiện về sự tích người vàng, ấn vàng, họ không chịu đến hội họp, cuối cùng thành ra quá kỳ hẹn. Tháng 3, nhà vua bèn trở về kinh thành.

Lời chua – *Trấn Nam quan* : Xem Trang Tông năm Nguyên Hoà thứ 8 (Chb. XXVII, 35). Chb.XXX,16

Tả Giang đạo : Thuộc tỉnh Quảng Tây nhà Minh.

Tháng 4, mùa hạ. Hạ chiếu : Những dân lưu tán, người nào trở về sẽ được tha lực dịch trong 3 năm.

Nhà vua hạ chiếu : Dân những xã thuộc các xứ trước kia từng bị binh lửa phải lưu tán đi nơi khác, nay cho phép trở về làm nghề nghiệp cũ, sẽ được miễn lực dịch trong 3 năm. Tuy thế, nhưng bọn cai quản ở địa phương phần nhiều xâm chiếm sách nhiễu, chỉ chăm làm những việc hà khắc bạo ngược, nên đời sống của dân không được yên ổn.

Đại hạn.

Lúc ấy, bị hạn hán quá, thóc lúa về ruộng chiêm không được thu hoạch, cây cỏ vàng rụng, hồ ao khô cạn, hoa màu không kết quả, trộm giặc nổi lên từng đàn : bọn lớn đến bảy, tám trăm người, bọn nhỏ cũng không kém vài ba trăm người, chúng đốt phá cướp bóc cả ngày lẫn đêm, đường thuỷ, đường

bộ không giao thông được, đường sá bị bế tắc, nhân dân phần nhiều phải phiêu tán.

Tuyển lính.

Nhà vua hạ lệnh kén chọn lính mới, lính cũ ở trong kinh và ngoài các đạo, người nào khoẻ mạnh thì sung bổ vào quân ngũ, người nào già yếu thì thải bớt đi, để ấn định ngạch lính. Tuy thế, nhưng thực ra thì người già yếu vẫn không được thải về, nhiều người bị chết ở trong quân ngũ. Chb.XXX,17

Tháng 5. Định thể lệ thuế đất bãi ở Thanh Hoa.

Đất bãi trồng dâu ở Thanh Hoa chưa có thể lệ thu thuế. Nhà vua bèn hạ lệnh cho Hàn lâm Phạm Hồng Nho cùng với Hồ Bỉnh Quốc, thừa chính sứ ở xứ ấy, hội đồng khám xét, để định ngạch thuế.

Lời chua - *Phạm Hồng Nho* : Người làng Đoàn Bái, huyện Gia Lộc, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532) triều nhà Mạc.

Tháng 7, mùa thu. Dựng nhà Thái miếu ở kinh thành.

Trước kia nhà vua hạ lệnh dựng nhà Thái miếu ở trong kinh thành Thăng Long. Đến nay công việc đã làm xong, rước thần vị Thái tổ và các vua [nhà Lê] đến để phụng thờ.

Sao chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, hướng đi chỉ về phía tây bắc.

Ngày Giáp Thìn, tháng 8. Ở kinh sư cùng các lộ tây và nam, nước ở sông ngòi sôi vọt lên.

Ở kinh sư cùng các lộ Sơn Tây, Sơn Nam, nước ở sông ngòi không vì cớ gì tự nhiên sôi vọt lên, đến hơn một khắc mới thôi. Chb.XXX,18

Đại hạn, cầu đảo, trời mưa.

Ngày mồng một, tháng 8 dư. Nhật thực.

Tháng 11, mùa đông. Phạm Hàng ở Sơn Nam nổi loạn.

Nhà vua sai bọn Bùi Văn Khuê đi đánh, giết được Phạm Hàng.

Phạm Hàng, người huyện Đại An, xứ Sơn Nam, tự xưng là Thiên Nam chiêu thảo đô nguyên soái, chiếm cứ núi Đam Khê thuộc huyện Yên Mô để đi cướp bóc, trong vòng hơn một tháng, được số quân kể hàng vạn người. Các phủ Trường Yên và Lỵ Nhân trộm giặc nổi lên hàng đàn để hưởng ứng với Phạm Hàng. Trịnh Tùng sai Bùi Văn Khuê cùng với Lương quận công Nguyễn Thể, thổ quan huyện Yên Mô, tiến quân đi tuần tiễu, bắt giết được Phạm Hàng.

Lời chua – *Nguyễn Thể* : Người huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Đại An : Tên huyện, thuộc tỉnh Nam Định.

Núi Đam Khê : Ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Trường Yên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Lỵ Nhân : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ nhất. (Chb. III, 9).

Đinh Dậu, năm thứ 20 (1597). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 25).

Tháng 3, mùa xuân. Xứ Sơn Tây mưa ra máu. Mưa đá.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua lại đi đến trấn Nam Quan, sau sai bọn Phùng Khắc Khoan sang nhà Minh.

Trước đây nhà vua hạ lệnh cho bọn Đỗ Uông đem hai tượng người bằng vàng, bằng bạc và lễ vật tiến cống đến Lạng Sơn chờ đón mệnh lệnh, nhưng người nhà Minh tìm lời dối trá để thoái thác, bọn Đỗ Uông lại trở về. Tháng 2 năm nay, nhà vua lại sai bọn Uông đi thăm dò tin tức người nhà Minh, bị bè đảng nhà Mạc đem quân đi đón Chb.XXX,19

đường đánh cướp. Hội quận công (không rõ họ tên) đi hộ tống bọn Uông bị đảng nhà Mạc giết, bọn Uông phải vào một mỏm cao trong núi để thủ hiểm mới được thoát nạn.

Đến đây, Vương Kiến Lập nhà Minh sang nước ta, đưa tờ thông điệp về việc hội đồng khám nghiệm. Nhà vua lại hạ lệnh cho bọn hữu tướng Hoàng Đình Ái và bảy, tám viên tả đô đốc, hữu đô đốc đem năm vạn lính và voi theo xa giá đến Nam Quan, để cùng với Trần Đôn Lâm, án sát phó sứ ở Tả Giang binh tuần đạo nhà Minh và các quan ở phủ Tư Minh, Thái Bình thuộc Quảng Tây, các quan châu ở Long Châu, Bằng Tường mở cuộc đại hội. Từ đấy phương Nam phương Bắc lại giao thông hoà hảo với nhau.

Nhà vua trở về kinh thành. Khi xa giá đi đến xã Yên Thường, Trịnh Tùng lạy rước về cung, rồi lại thân hành đem văn võ trăm quan làm lễ chầu mừng. Nhân đấy nhà vua hạ lệnh cho Công bộ thượng thư Phùng Khắc Khoan làm chánh sứ, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiệm làm phó sứ sang nhà Minh nộp lễ cống hàng năm và xin phong tước. Khi đến Yên Kinh, vừa gặp tiết vạn thọ vua nhà Minh, Khắc Khoan dâng 30 bài thơ chúc mừng. Trương Vị, Đông các đại học sĩ nhà Minh đem thơ ấy tiến dâng, được vua Minh khen ngợi.

Lời chua - *Nguyễn Nhân Thiệm* : Người xã Bột Thái, huyện Hoằng Hoá[1], đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1583) năm Quang Hưng. Chb.**XXX**,20

Yên Thường : Tên xã, thuộc huyện Đông Ngàn, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 5. Đại hạn. Nhà vua thân hành cầu đảo. Mưa.

Lúc ấy, suốt tuần này đến tuần khác không mưa, lúa mạ, khoai, đậu đều chết khô. Nhà vua mặt cầu đảo ở trong cung, lại lập đàn tế chung cả các thần núi sông. Tháng này có mưa.

(1) Nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá.

Tháng 6. Nước sông Lô tràn ngập.

Tháng này không có gió mưa, mà nước sông Lô tự nhiên đầy rẫy tràn ngập, lúa ở ruộng tổn hại, mùa màng không được phong đăng, nhân dân phần nhiều phải phiêu tán.

Lời chua – *Sông Lô* : Phát nguyên từ phía tây bắc huyện Vĩnh Tuy, tỉnh Tuyên Quang, chảy đến Bạch Hạc thì hợp với dòng sông Thao.

Sao Tuế Tinh và sao Huỳnh Hoặc hợp hành độ với sao Tất.

Hành độ của Tuế tinh và Huỳnh Hoặc hợp túc xá ở độ cao Tất, các vì sao cách nhau chỉ độ một ngón tay.

Lời chua – *Tuế Tinh* : Ngôi sao thuộc hành mộc.

Huỳnh Hoặc : Ngôi sao thuộc hành hoả. Sách *Quản khuy tập yếu* chép : phàm hành độ của ngũ tinh[1] đều có sao đi chậm, sao đi nhanh. Tuế tinh mỗi năm đi được một xá[2], Huỳnh Hoặc cứ 2 năm đi quanh thiên cầu được một vòng[3]; Tuế Tinh gần mặt trời thì đi chậm, xa mặt trời thì đi nhanh, Huỳnh Hoặc gần mặt trời thì đi nhanh, xa mặt trời thì đi chậm. Cùng một hành độ gọi là "hợp", cùng một xá gọi là "túc". Chb.XXX,21

Cấm người nào dùng đồ vật vượt quá chức phận của mình.

Nhà vua hạ lệnh cấm : Phàm đồ vật dùng ở trong nước, mọi người đều phải dùng theo chức phận phẩm trật của mình, không ai được dùng lạm vượt bậc ; đồ tế tự ở dân gian cũng không được dùng thứ sơn son thếp bạc.

Xét duyệt sổ dân đinh ở Phụng Thiên.

Nhà vua hạ lệnh xét duyệt những hạng quân, dân, đinh tráng ở tứ chiếng hiện ngụ tại Phụng Thiên để lấy ngạch nhất

(1) Các vì sao thuộc năm hành : thuỷ, hoả, mộc, kim và thổ.
(2) Theo phép tính xưa, cứ 30 dặm là một xá.
(3) Đời cổ chia vòng tròn bầu trời làm 360 độ, đi quanh thiên cầu một vòng tức là đi được 360 độ.

định. Lúc ấy bọn cai quản ở địa phương chuyên việc bóc lột, lại làm phiền nhiễu dân tứ chiếng về việc đi cắt cỏ cho voi. Dân bị khổ sở không sao kể xiết, nhiều người đi theo đảng nguỵ để cướp bóc.

Lời chua - *Phụng Thiên* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 32, 33, 35).

Tứ chiếng : Dân ở các xứ Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây đến trú ngụ tại Phụng Thiên gọi là người tứ chiếng.

Tháng 11, mùa đông. Hạ lệnh cho thừa tuyên các xứ đều lập trường thi hương.

Lúc bắt đầu trung hưng, mới chiếm cứ được xứ Thanh Hoa, nên năm Chính Trị[1] mở khoa thi hương, hoặc ở An Định, hoặc ở Tây Đô[2] đều là nhân hành tại[3] của vua đóng mà dựng trường thi. Đến nay đã diệt được nguỵ Mạc, bèn hạ lệnh cho thừa tuyên các xứ dựng trường thi hương, phép thi nhất luật theo như phép cũ. Chb.**XXX**,22

Mậu Tuất, năm thứ 21 (1598). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 26).

Tháng giêng, mùa xuân. Đại xá cho trong nước.

Phàm tù phạm về tội trộm, cướp hoặc bỏ trốn và thuế khoá bỏ thiếu đã lâu, nay đều được tha tội và miễn thuế.

Tháng 2. Trịnh Tùng phong cho con là Tráng làm Bình quận công.

Tháng 3. Đại hạn.

Gió tây bắc nổi lên, lúa má bị chết.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa.

(1) Chính Trị (1558 - 1573) niên hiệu Lê Anh Tông.
(2) Năm Mậu Ngọ (1558), mở khoa thi hương ở xã Đa Lộc huyện An Định ; năm Nhâm Tuất (1562) mở khoa thi hương ở Tây Đô.
(3) Xem chú thích số 3, *Chính biên* quyển VIII, tờ 4.

Lính thổ ở Hải Dương làm phản. Thái tổ Gia dụ hoàng đế ta đi đánh, dẹp yên được.

Lúc ấy ở xứ Hải Dương có Thuỷ quận công (không rõ họ tên) người làng Thuỷ Đường và Lễ quận công (không rõ họ tên) người Nghi Dương đều làm phản, cướp bóc ở quận huyện ; lại có người ở Tiên Minh mạo xưng là anh em quận Quỳnh, quận Thụy (đều không rõ họ tên) họp bè đảng cướp bóc, bọn này cùng quận Thuỷ liên kết với nhau. Các huyện ở Hải Dương sợ hãi sự bạo ngược của họ, đều phải miễn cưỡng đi theo. Về phía nhà Lê thì Hào quận công Nguyễn Miện cùng bọn Phan Ngạn đem quân đi đánh. Vì Miện khinh thường quân địch, bị địch giết chết. Về phía địch, thì quận Thuỷ chiếm cứ mỏm núi cao ở Thuỷ Đường, rồi sai đồ đảng đánh cướp các hạt Thanh Lâm và Thanh Hà, bắt hiếp đinh tráng làm lính. Phương đông rối loạn. Chb.XXX,23

Trước đây Thái tổ Gia dụ hoàng đế ta vào triều yết vua Lê, được thống lãnh quân lính đánh giặc, thường lập được chiến công ; lại đánh phá được Mạc Ngọc Liễn ở Vĩnh Lại, Vũ Đức Cung ở Đại Đồng, đánh đâu được đấy, uy danh ngày thêm lừng lẫy. Đến nay Thái tổ Gia dụ hoàng đế ta, thống lĩnh quân thuỷ, đem bọn thiếu bảo Bùi Văn Khuê đi trước đánh dẹp ; hữu tướng Hoàng Đình Ái thống lĩnh quân bộ ; Kế quận công Phan Ngạn thống lĩnh các cơ binh Nội Thuỷ. Ba đạo quân tiến đánh cùng một lúc. Lúc bấy giờ Gia dụ hoàng đế ta sai quân tiến vào trước, xông vào phá mỏm núi ở Thuỷ Đường, bắt được quận Thuỷ. Đảng giặc tan vỡ. Quận Thuỷ đem đồ đảng muốn chạy về Tiên Minh, gặp đạo quân của Văn Khuê đánh kịch liệt ở giữa dòng sông từ giờ Thìn đến giờ Thân[1], giặc thua chạy. Văn Khuê nhân thế thắng, đuổi quân thua, bắt được

(1) Phỏng từ 9 giờ đến 17 giờ.

quận Thuỵ và chém được vài trăm thủ cấp của giặc. Quận Quỳnh chạy ra Yên Quảng, bình định được hết xứ Hải Dương. Sau khi thắng trận, dẫn quân về, các tướng đều được thăng thưởng quan chức cao thấp khác nhau.

Lời chua - *Thuỷ Đường, Nghi Dương, Tiên Minh* : Đều tên huyện, thuộc Hải Dương.

Thanh Lâm : Xem năm Quang Hưng thứ 16 (Chb. XXX, 3).

Thanh Hà : Xem năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Cơ binh Nội Thuỷ : Tức là đội thị hậu thuỷ binh[1]. Chb.XXX,24

Tháng 8, mùa thu. Đại hạn.

Mạc Kính Dụng cướp châu An Bác. Phú Lương hầu, một viên quan bản thổ, dụ bắt được.

Trước kia, Kính Dụng, con Mạc Kính Chỉ, họp đồ đảng ở châu An Bác, mạo xưng là Uy Vương. Sau thường bị đánh bại, thiếu lương ăn, hắn bèn lừa dối dụ dỗ viên quan bản thổ là Phú Lương hầu, nhân đấy, hắn muốn đánh úp mà chiếm lấy chỗ đất này. Phú Lương hầu (không rõ họ tên) biết ý ấy, bèn giả vờ sai vợ đón rước Kính Dụng để xin đầu hàng ; một mặt bí mật sai người về kinh sư xin quân cứu viện. Vì thế, triều đình sai quân bắt được Kính Dụng giải về kinh sư. Phú Lương hầu vì có công, được thăng chức tổng binh.

Lời chua - *Châu An Bác* : Xem năm Quang Hưng thứ 17 (Chb. XXX, 9).

Tháng 9, mưa.

Lúc ấy, luôn mấy tháng hạn hán, lúa má phần nhiều bị chết. Nhà vua ở trong cung ngày đêm mật đảo, lại sai quan lập đàn cầu đảo. Tháng này mưa to.

Tuyển đinh tráng ở các lộ.

(1) Thời đại Lê Trịnh có đặt các đội thị hậu thuỷ binh và thị hậu bộ binh là ngạch lính bên phủ chúa Trịnh.

Hạ lệnh cho các quan phủ, quan huyện ở tứ trấn, xét tuyển dân đinh trong hạt, từ 18 tuổi trở lên, người nào thân thể sức vóc khoẻ mạnh thì bổ vào quân ngũ. Lúc ấy phép xét duyệt quá nhũng nhiễu, dân gian bị khổ sở không sao kể xiết. Triều đình lại hạ lệnh cho các xứ Thanh Hoa, Nghệ An, Thuận Hoá và Quảng Nam lập trường để chờ ngày xét tuyển, sau vì gặp lúc cuối năm, nên chưa thi hành mà bãi bỏ. Chb.XXX,25

Tháng 11, mùa đông. Đồ đảng còn sót lại của nhà Mạc cướp vùng Thái, Lạng. Triều đình hạ lệnh cho các tướng chia đường tiến đánh. Lại Thế Quý bị quân địch đánh cho bại trận.

Trước đây, Hoàng Đình Ái và Trịnh Đồng thống lãnh quân sĩ đánh các đảng giặc ở Lạng Sơn ; Trịnh Tráng cùng tổng binh Thái Nguyên là Lại Thế Quý đánh các đảng giặc ở Thái Nguyên. Về bên địch thì Mạc Kính Cung từ Long Châu về Thất Tuyền, đốc quân đánh giúp. Đình Ái sai đô đốc Trần Phúc tung quân ra đánh bại được quân địch, bắt đồ đảng và đốt dinh trại của địch, nhân thế thắng, kéo thẳng đến doanh trại Kính Cung. Kính Cung lại chạy sang Long Châu. Khi Trịnh Tráng đến Thái Nguyên, sai Thế Quý đánh chiếm Cao Bằng, Thế Quý bị địch đánh cho bại trận, phải dẫn quân về. Triều đình hạ lệnh tước binh quyền của Thế Quý.

Lời chua – *Lại Thế Quý* : Người làng Quang Lãng, huyện Tống Sơn.

Thái : Tức Thái Nguyên.

Lạng : Tức Lạng Sơn.

Cao Bằng : Đều xem Lê Thái Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Thất Tuyền : Tức Thất Nguyên. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 12. Bọn Phùng Khắc Khoan từ bên nhà Minh trở về nước. Chb.XXX,26

Trước đây, sứ thần là bọn Phùng Khắc Khoan đem phẩm vật cống nạp đến Yên Kinh. Nhà vua Minh rất bằng lòng, lại hạ chiếu phong vua Lê làm An Nam Đô thống sứ ti đô thống sứ, quản trị nhân dân đất đai trong nước và ban cho ấn bạc An Nam, bảo Khắc Khoan mang về. Khắc Khoan dâng sớ tâu : "Họ Lê là dòng giống của vua nước An Nam, giận kẻ bầy tôi bạo ngược là họ Mạc tiếm ngôi vua, cướp mất nước, nên nằm gai nếm mật, nghĩ khôi phục lại cơ nghiệp của tổ tông. Còn họ Mạc kia đời đời làm tôi mà dám giết vua cướp nước, thế thì họ Mạc thực là người có tội với thiên triều mà lại cầu phong chức đô đốc một cách ám muội. Nay họ Lê không phải là người có tội như họ Mạc, mà lại nhận chức phong như họ Mạc thế là nghĩa lý gì? Xin bệ hạ soi xét". Vua nhà Minh dụ bảo rằng : "Chúa nhà ngươi không phải ví như họ Mạc, nhưng vì mới khôi phục được nước, lòng người chưa ổn định, thì hãy lấy địa vị đô thống quản lý công việc trong nước, sau này sẽ gia phong tước vương cũng chưa muộn gì". Khắc Khoan lạy nhận sắc phong trở về. Khi đến trấn Nam Quan, thì Trần Đôn Lâm, Tả Giang binh tuần đạo nhà Minh, sai Vương Kiến Lập nhân tiện cùng đưa công văn đến kinh đô nước ta. Triều đình sai hữu tướng Hoàng Đình Ái, thái bảo Trịnh Nành chỉnh bị nghi trượng đón tiếp ; khi về đến bến Bồ Đề, nhà vua bèn sai viết tấu thư giao cho Kiến Lập đem về chuyển tâu lên vua nhà Minh. Sau, nhà Minh sai quan đem đổi cho quả ấn khác. Chb.XXX,27

Nhà Minh cho Mạc Kính Cung được yên ổn nương thân ở Cao Bằng.

Lúc ấy thổ quan nhà Minh phần nhiều nhận lễ đút lót của Kính Cung khá hậu, họ tâu xin vua nhà Minh cho Kính Cung

được yên ổn nương náu ở Cao Bằng, người nhà Minh thường đưa thư bắt ép nước ta phải nhận. Triều đình bàn định, lấy lẽ rằng "thờ nước lớn cốt phải cung kính phụng mệnh" nên bất đắc dĩ hãy tạm theo lời.

Kỷ Hợi, năm thứ 22 (1599). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 27). Tháng 4, mùa hạ. Sao sa.

Sao sa xuống nội điện, điện Kính Thiên bị sạt một góc.

Tùng tự lập làm đô nguyên soái tổng quốc chính, thượng phụ Bình Yên vương.

Uy quyền ngày một cao cả, Tùng muốn làm đúng danh vị tước vương, bèn sai người xin với nhà vua ; nhà vua bất đắc dĩ phải y cho, sai thái tể Hoàng Đình Ái đem sách thư tiến phong Tùng làm Bình Yên vương, ban thêm cho ngọc toản, tiết mao và hoàng việt[1]. Tùng được mở phủ chúa, đặt quan thuộc. Từ đấy, chính sự quyền bính nhà vua đều do Tùng tự quyết đoán, của cải, thuế khoá, quân lính và nhân dân hết thảy về phủ chúa cả. Về phần vua Lê, thì chế độ bổng lộc, chỉ để một ngàn xã làm lộc Thượng tiến (bổng lộc dâng lên vua); quân lính túc trực và hộ vệ thì trong nội điện có 5000 lính, 7 thớt voi và 20 chiếc thuyền rồng. Nhà vua chỉ chỉnh chện mặc áo long bào, cầm hốt ngọc nhận lễ triều yết mà thôi. Chb.XXX,28

Sau khi Tùng đã nhận sách phong, vào triều lạy tạ vua Lê rồi về phủ chúa, văn võ bá quan đều lạy mừng, Tùng mở yến tiệc linh đình, ban thưởng bạc và lụa cho các quan có kẻ nhiều người ít khác nhau. Họ Trịnh đời đời tập phong tước vương là bắt đầu từ Tùng.

---

(1) Ba thứ này đều để tượng trưng đặc quyền của vua chúa đời phong kiến. *Ngọc toản :* Chén bằng ngọc để rót rượu trong khi tế lễ. *Tiết mao :* Tên một thứ cờ, do một thứ lông tết thành từng dốt như dốt tre, buộc vào đầu cán, khi vua ra đi thì một sứ thần cầm cờ ấy dẫn đường đi trước. *Hoàng việt :* Cái búa sắc vàng, chỉ dùng khi nào tự vua thân hành đi đánh dẹp.

Lời phê - Nhà Lê lúc bấy giờ cũng không khác gì nhà Chu[1], chỉ giữ ngôi suông. Lúc ấy bầy tôi đầy cả triều đường, không biết làm sao mà để đến nỗi tệ hại chứa chất đến như thế !

Lời cẩn án - *Từ sau khi làm việc nghịch bạo giết vua*[2], *trong bộ sử này chép về Trịnh Tùng đã truất bỏ quan tước của hắn đi, mà chỉ chép "Trịnh Tùng". Đến đây hắn lại tự xưng là vương, thì không thể không chê trách một cách nghiêm khắc được, vì thế, lại truất bỏ cả họ của hắn đi nữa [mà chỉ chép một chữ là "Tùng"].*

Tháng 6. Bàn định luật lệnh.
Từ tháng 3 đến tháng này không mưa. Nhà vua thân hành cầu đảo, mới mưa.

Suốt mùa này đến mùa khác không mưa. Nhà vua hạ lệnh lập đàn ở Xạ Đôi (gò tập bắn), thân hành cầu đảo, bèn được mưa.

Lời chua - *Xạ Đôi* : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 9 (Chb. XXVI, 31).

Vũ Đức Cung lại làm phản[3]**. Triều đình sai bọn Tống Chiếu đi đánh, thắng được Đức Cung.**

Đức Cung làm phản, tiếm xưng là Long Bình vương, sai đồ đảng đem quân châu Đại Man đánh cướp châu Bạch Thông thuộc Thái Nguyên, thu hiếp lấy thuế bạc ở các mỏ. Tùng hạ lệnh cho Hải quận công (không rõ họ tên) đem quân tiến đánh, lại hạ lệnh cho Vệ nghĩa hầu Tống Chiếu, trấn thủ Tuyên Quang, dẫn đường đi đánh, thắng được Đức Cung. Chb.**XXX**,29

Lời chua - *Đại Man châu* : Nay là châu Chiêm Hóa, thuộc tỉnh Tuyên Quang.

(1) Ở Trung Quốc, về thời đại Xuân Thu, nhà vua Chu tuy vẫn giữ ngôi thiên tử, nhưng không có quyền bính gì, quyền bính về cả vua các nước chư hầu.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXIX, tờ 2, 3 việc Trịnh Tùng giết Lê Anh Tông.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXX, tờ 9, 10 việc Vũ Đức Cung.

Bạch Thông châu: thuộc tỉnh Thái Nguyên[1].

Tháng 8, mùa thu. Sao Thái Bạch phạm vào vị trí sao Thái Ất.

Nhà vua mất. Tùng lập con thứ nhà vua là Duy Tân lên làm vua.

Nhà vua bị bệnh, đến ngày 24 tháng này thì mất, ở ngôi vua 27 năm, hưởng thọ 33 tuổi. Tùng cùng bầy tôi trong triều bàn định : lấy cớ rằng Duy Trì, con trưởng nhà vua, là người tính chất không được minh mẫn, bèn rước Duy Tân, con thứ nhà vua, lập lên làm vua (tức Kính Tông). Hạ chiếu lấy sang năm làm năm Thận Đức thứ nhất, tha hết các thuế còn bỏ thiếu cho trong nước và mở rộng lòng thương xót những dân phiêu lưu mới trở về quê quán, ban tước và đất cho bầy tôi có công, gia phong điển lễ thờ tự bách thần có từng bậc khác nhau. Lại định thể lệ để tang : các hàng thân vương, quan văn, quan võ và quan lại lớn nhỏ ở trong kinh, ngoài các xứ để tang từ 3 năm trở xuống cứ theo thứ tự mà bớt dần, nhân dân trong nước để tang 27 ngày. Duy có Tùng là bậc huân vương (tước vương có công lao) khác với trăm quan, chỉ để tang 100 ngày.

Sao đổi ngôi rơi xuống đất có tiếng như tiếng sấm.

Các vì sao liên tiếp đổi ngôi như hình dệt cửi, tia sáng kéo dài như tấm lụa, rơi xuống đất có tiếng như tiếng sấm to. Chb.XXX,30

Lời phê – Việc người như thế, cũng có thể biết được hình tượng trên trời, tai dị xảy ra luôn luôn, không lấy gì làm lạ.

Tháng 9. Làm lễ an táng [Lê Thế Tông] ở lăng Hoa Nhạc.

Đặt tên thuỵ là Nghị hoàng đế, miếu hiệu là Thế Tông.

Lời chua – *Lăng Hoa Nhạc* : Ở địa phận xã Đông Sơn, huyện Đông Sơn thuộc Thanh Hóa.

(1) Bạch Thông nay thuộc tỉnh Bắc Cạn.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 31

Từ Canh Tí, Lê Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (1600) đến Quý Mùi, Lê Thần Tông, năm Dương Hoà thứ 9 (1643), gồm bốn mươi tư năm. Chb.XXXI,1

*

* *

Canh Tí, Kính Tông Huệ hoàng đế, năm Thận Đức thứ nhất (1600). (Từ tháng 11 trở về sau thuộc năm Hoằng Định thứ nhất. - Minh, năm Vạn Lịch thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Hằng năm, cứ đầu mùa xuân, làm lễ hợp tế trời đất ở điện Chiêu Sự đàn Nam giao, nhà vua thân hành đến làm lễ. Trịnh Tùng đem trăm quan theo hầu để dự lễ bồi tế. Việc này người ta cùng truyền tụng là một điển lễ long trọng.

Lời cẩn án - *Việc tế giao hàng năm, người chép nối sử triều Lê đều không chép. Họ lấy cớ rằng việc này là theo thể lệ thường như thế. Này, nhà Lê từ lúc trung hưng trở về sau, gươm Thái A đã để người khác nắm đằng chuôi*(1)*, người dưới lấn quyền, người trên thất thế, lai lịch dẫn đến như thế kể đã từ lâu, nói về lễ nghĩa vua tôi đã đổ nát hết, chỉ còn việc nam giao tế trời là còn giữ được danh phận tôn ti mà thôi. Nếu cho việc ấy là theo lệ thường mà không chép thì lễ nghĩa vua tôi hầu như mất sạch sành sanh. Nay truy nguyên ra, thì nhà Lê mất quyền bính*

(1) Nguyên văn chép "Thái A đảo trì". Ý nói giao quyền bính của mình cho người khác, do đấy mà mình bị hại, cũng như trao chuôi gươm Thái A cho người khác nắm, mà mình nắm đằng lưỡi, tất bị nguy. Thái A tên một thanh kiếm rất sắc bén.

thực tế là bắt đầu từ lúc Trịnh Tùng xưng tước vương vào cuối đời Thế Tông và đầu đời Kính Tông. Vì thế, nên ngay từ năm nay cũng như sau này khi các vua lúc bắt đầu lên ngôi nối nghiệp, đều cẩn thận mà chép việc tế Nam Giao. Chép như thế, là để ghi sự biến trong đời mà giữ lấy danh phận vua tôi vậy.

Lời chua – *Điện Chiêu Sự* : Ở phía nam kinh thành, xem Huyền Tông năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIII, 14, 15). Chb.**XXXI**,2

Theo *Hội điển triều cố Lê*, thì hằng năm, tháng giêng (hoặc mồng một, hoặc mồng hai) trước ngày lễ chính một ngày, bày đặt hương án lớn ở gian chính giữa điện Chiêu Sự. Đến ngày chính lễ, nhà vua mặc áo bào thâm, các viên chấp sự đem đủ cả lỗ bộ, pháp giá[1] và nhã nhạc, từ cửa Đại Hưng (cửa nam kinh thành) đi ra. Khi đến điện Canh Y[2] ở ngoài đàn, nhà vua đội mũ xung thiên, mặc áo bào vàng, thắt đai ngọc, rồi đến sân điện Chiêu Sự hành lễ. Chúa Trịnh và văn võ trăm quan theo hầu, dự lễ bồi tế theo như nghi thức.

Nghi lễ tế giao chép trong *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thì hoàng đế tới sân điện Chiêu Sự, sau khi đã quán tẩy[3] rồi mới tiến lên điện làm lễ thượng hương[4]; người chấp sự đọc chúc văn ở trên điện, lúc ấy chỉ làm lễ quỵ và khấu đầu[5]; còn lạy trước khi tuyên chúc và sau khi tuyên chúc thì đều lạy ở sân điện. Lễ này là một lễ rất tôn nghiêm, long trọng.

Tháng 5, mùa hạ. Có thuỷ tai lớn.

---

1) Tức là thừa dư, xe của vua ngự.

(2) Một ngôi nhà để vua vào thay mũ áo.

(3) Đều là danh từ dùng trong khi làm lễ tế tự. Quán tẩy : Trước khi châm hương, người chủ tế đến nơi đã để sẵn thau nước rất thanh khiết để rửa tay. Thượng hương : Chính tay người chủ tế châm hương rồi đưa cho người chấp sự dâng lễ cắm vào bát hương. Quỵ khấu : Trước khi đọc chúc văn, người chủ tế quỳ ở trước hương án, sau khi đọc chúc văn, người chủ tế cúi đầu làm lễ.

(4) Nt.

(5) Nt.

Bọn Kế quận công Phan Ngạn, Tráng quận công Ngô Đình Nga và Mĩ quận công Bùi Văn Khuê làm phản, nhà vua đi Thanh Hoa.

Chb.XXXI,3

Thái Tổ Gia dụ hoàng đế ta có công to, Trịnh Tùng thấy thế mang lòng ghen ghét, 8 năm không cho về trấn[1]. Gặp lúc ấy, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê làm phản ở cửa biển Đại An, Thái Tổ Gia dụ hoàng đế ta nhân đem quân tiến đánh, bèn đem tướng sĩ thuyền chiến trong bộ thuộc mình, phóng ra biển về Thuận Hóa, bởi thế lòng người xao xuyến. Tùng bèn rước nhà vua về Thanh Hoa, để cho nơi căn bản được vững vàng. Sau đó, bọn Ngạn, Đình Nga và Văn Khuê dẫn quân phụ thuộc về với nhà Mạc.

Lời phê - *Lúc ấy Trịnh Tùng rất lấn quyền làm bậy, người nào cũng có thể kể tội hắn mà giết đi được. Về việc bọn Phan Ngạn,* Sử cũ *chép là làm phản, chép như thế chưa chắc đã không phải là a dua, đáng lẽ* Sử mới[2] *chỉ nên cứ theo sự thực mà chép thẳng. Còn như ngàn năm sau này khen hay chê đã có lời bàn luận công bằng. Người chép sử cũng không cần gì phải kiêng kỵ*[3].

Lời chua - *Thanh Hoa, Thuận Hoá* : Đều xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20, 21, 23, 24, 33).

Đại An : Tức Đại Nha, xem Lý Hậu đế năm thứ nhất (Tb. IV, 13).

Phan Ngạn bắn chết Bùi Văn Khuê. Vợ Văn Khuê là Nguyễn Thị đánh giết được Ngạn. Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Ngô Đình Nga đem quân theo Kính Cung.

(1) Tức Thuận Hoá. Nguyễn Hoàng ở Thuận Hóa ra yết kiến Lê Thế Tông từ năm Quang Hưng thứ 16 (1593).

(2) Chỉ bộ sử *Cương mục* này.

(3) Tham khảo *Việt sử tục biên* thì lúc ấy Nguyễn Hoàng (tức Gia dụ hoàng đế sau này) ngầm xui giục bọn Phan Ngạn làm phản, để lấy cớ ấy xin đem quân đuổi đánh, rồi chuồn vào Thuận Hoá. Lời phê này có lẽ ám chỉ về việc ấy.

Được ít lâu, Phan Ngạn ngờ Văn Khuê có lòng phản bội, sai người bắn giết đi. Ngạn tự xưng tiết chế Sính quốc công, Đình Nga tự xưng là thái bảo Hoa quận công, ra bảng yết thị cấm chỉ dùng niên hiệu Kiền Thống nhà Mạc.

Nguyễn Thị, vợ Văn Khuê, muốn báo thù cho chồng, bèn khuyến khích sĩ tốt, rồi đóng quân ở Hoàng Giang, chiêu mộ người nào có thể lấy được đầu Phan Ngạn, sẽ trọng thưởng cho. Ngạn nghe tin, giận lắm, hắn tự đốc suất thuyền chở binh lính, rồi đi một chiếc thuyền lớn tiến lên trước, trúng phải viên đạn lạc, chết ở giữa dòng sông. Chb.**XXXI**,4

Lúc ấy, nhà vua vào Thanh Hoa, kinh thành Thăng Long bị hiu quạnh, bỏ ngỏ. Dư đảng nhà Mạc thì : Nam quận công Nguyễn Dụng hô hào tụ họp quần chúng ở Sơn Nam ; Uy Vũ hầu (không rõ họ tên) thúc giục nhiều người nhóm ngọn lửa binh đao ở Hải Dương. Nhân đấy, chúng cùng nhau rước Bùi Thị, mẹ thứ Mạc Mậu Hợp, vào chiếm cứ Đông Kinh, Bùi Thị ra coi chầu ở triều đình, tiếm xưng là quốc mẫu, sai người đi rước Kính Cung ở Cao Bằng. Kính Cung là con Kính Điển. Khi Kính Cung đi đến Vũ Ninh, thì Đình Nga đem quân đi đón rước, Kính Cung cho Đình Nga cứ được giữ nguyên chức cũ.

Do đấy nhân dân ở vùng Đông Bắc, ngả theo để hưởng ứng, họ cùng nhau ủng hộ Kính Cung về đến kinh sư, chỉ trong một thời gian ngắn quần chúng được đến vài vạn người.

Lời chua – *Nguyễn Thị* : Tên tự là Niên, con gái thứ của Nguyễn Quyện, tướng nhà Mạc. Có một thuyết nói : Ngạn nghe biết Thị Niên có sắc đẹp, sai người mối đi lại cùng thông tin tức ước hẹn kết duyên. Nguyễn Thị giả vờ nhận lời, bèn kén hơn mười người trẻ tuổi đẹp trai, ăn mặc giả làm con gái sung làm thị tì. Nguyễn Thị giao ước với bọn thị tì giả : Nếu ai giết được Phan Ngạn thì sẽ được trọng thưởng. Muốn để Ngạn khỏi nghi ngờ, Nguyễn Thị hẹn : Đêm hôm nào đó thị sẽ đi

một chiếc thuyền lớn đến hội kiến. Ngạn hí hửng mừng. Đến kỳ hẹn, Nguyễn Thị ăn mặc lộng lẫy, đi thuyền ngược dòng sông Hoàng Giang ra sông Nha Giang. Ngạn cho người thăm dò, thấy trong thuyền la liệt những gái đẹp, Ngạn yên tâm không nghi ngờ gì cả, bèn ra ám hiệu cho thuyền tuần tiễu bơi đi nhanh, khi thuyền tuần tiễu sắp đến gần chỗ thuyền Nguyễn Thị thì dừng chèo ở giữa dòng sông. Điều khiển đâu vào đấy rồi, Ngạn mừng rỡ cuống quýt, cũng dùng một chiếc thuyền lớn đến để cùng Nguyễn Thị hội họp. Sau khi Ngạn đã sang thuyền Nguyễn Thị, liền vẫy cho thuyền mình rút lui. Lúc ấy thị tì đứng hai hàng rót rượu. Khi cuộc rượu đang nồng nàn, thị tì rút dao ở trong tay áo ra chặt lấy đầu Phan Ngạn, rồi nhân đêm nước thuỷ triều lên, gió thổi mạnh, quay chèo trở về như bay, quân lính của Ngạn vẫn chưa biết có chuyện ấy. Khi về, Nguyễn Thị đem đầu của Ngạn làm lễ tế ở bàn thờ chồng, rồi dặn hai con đến hành tại An Trường quy thuận với vua Lê. Còn thị thì tự gieo mình xuống sông. Chb.**XXXI**,5

Kiền Thống : Niên hiệu tiếm xưng của Mạc Kính Cung.

Đông Kinh : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Hoàng Giang : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 7 (Chb. VI, 44).

Nguyễn Dụng : Người xã Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, là con Nguyễn Miễn (Chữ "Dụng" sử cũ chép là "Nhậm").

Cao Bằng : Thuộc Ninh Sóc.

Vũ Ninh : Thuộc Kinh Bắc.

Cao Bằng, Vũ Ninh, Sơn Nam và Hải Dương : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 24–28, *31*, *32*).

Nha Giang : Nay là Đại An, xem Lý Hậu Đế năm thứ nhất (Tb. IV, 13).

Tháng 8. Tùng thống lĩnh binh sĩ từ hành tại An Trường kéo ra, tiến đánh quân Mạc, lấy lại Đông Kinh. Mạc Kính Cung chạy sang Kim Thành.

Hay tin Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh, Tùng họp các tướng bàn định. Một mặt sai Lê Nghĩa Trạch đem thư yên ủi Thái Tổ Gia dụ hoàng đế ta ở lại trấn thủ Thuận Hoá ; một mặt đem cả quân thuỷ, quân bộ xuất phát ra Tràng An : Nguyễn Khải đem quân bộ đi tiền đạo, đến cửa sông Gián[1], gặp quân canh giữ của giặc, Khải đánh hăng phá tan được, rồi nhân thế thắng, tiến thẳng lên ; quân thuỷ thì đi theo sông Ninh Giang ra cửa sông Hát, thuận dòng nước mà xuôi xuống, xông thẳng vào Đông Kinh. Quân nhà Mạc tan vỡ bỏ chạy, quan quân bắt giết Bùi Thị là quốc mẫu của nguỵ Mạc. Kính Cung chạy sang Kim Thành. Em Phan Ngạn là Quỳnh quận công (*Sử cũ* chép sót tên) đầu hàng, được tha không trị tội. Do đấy đồ đảng của nguỵ Mạc cùng đem nhau xin phụ thuộc về triều đình. Tùng sai tướng đi tuần hành mặt sông Thiên Đức, bắt Ngô Đình Nga giải về kinh sư, xử trảm. Chb.XXXI,6

Lời chua - *Kim Thành* : Làng Trà Hương xưa, xem thuộc Tấn, Tề vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 21).

An Trường : Xem Lê Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Lê Nghĩa Trạch : Người xã Cổ Đôi, huyện Nông Cống.

Nguyễn Khải: người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn.

Cửa sông Gián : Nay ở chỗ giáp giới Ninh Bình và Hà Nội[2].

Ninh Giang: xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 26).

Hát Môn : Tức cửa sông Hát, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb, XIII, 31).

Thiên Đức : Tên sông, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II,11).

(1) Nay thường gọi là bến Gián, khúc sông hai tỉnh Hà Nam và Nam Định tiếp giáp nhau.
(2) Nt.

Tháng 10, mùa đông. Sai Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Dụng ở Hoàng Giang. Luân bị bại trận.

Dụng là con Nguyễn Miễn, tước Phù quốc hầu nhà Mạc. Dụng mạnh tợn hơn cả mọi người. Trước kia, Mậu Hợp bại trận, bị bắt, Dụng đem anh em đầu hàng triều đình, sau trốn về Sơn Nam, hô hào tụ họp dân chúng, xưng là Nam quận công, cùng nhau rước Kính Cung vào chiếm cứ Đông Kinh(1). Trịnh Tùng tiến quân lấy lại được kinh thành. Dụng cùng đồ đảng là Uy Vũ hầu (*Sử cũ* chép sót họ tên) đem chu sư xâm phạm vào Thanh Trì, bị quan quân đánh phá. Uy Vũ hầu chạy giữ ở cửa biển ; Dụng lui quân giữ ở Hoàng Giang. Vì thế, mới sai quận công Đình Luân đem quân đi đánh, Luân bị bại trận, hơn 40 chiếc thuyền công đều bị giặc bắt được. Trịnh Tùng giận, bèn bãi chức quan của Đình Luân. Chb.**XXXI**,7

Lời chua - *Nguyễn Đình Luân* : Người xã Đa Lộc, huyện An Định.

Thanh Trì : Tức Thanh Đàm xưa, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII,30).

Tháng 11. Đổi niên hiệu. Đại xá cho trong nước.

Lấy năm ấy làm năm Hoằng Định thứ nhất.

Lời cẩn án - *Theo "Phàm Lệ" chép* Cương mục *của Chu Tử, về việc đổi niên hiệu : phàm ông vua nào đương giữa đời mà đổi niên hiệu khác, thì chỉ chép việc đổi niên hiệu lúc bắt đầu lên ngôi vua, ngoài ra đều nhân chép công việc gì đó mới lấy niện hiệu mới đổi ấy. Nay Kính Tông mới lên ngôi vua mà trong một năm hai lần đổi niên hiệu, thật là không kê cứu gì đến phép đời cổ, cho nên chép cả hai niên hiệu, để tỏ rõ sự sai lầm.*

Tân Sửu, năm Hoằng Định thứ 2 (1601). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 29).

(1) Xem thêm tờ 3, 4 trong cuốn này.

Tháng giêng, mùa xuân. Tùng đánh bại quân Nguyễn Dụng ở Lãnh Giang và chém được Nguyễn Dụng. Chb.**XXXI**,8

Kính Cung đến Kim Thành, hay tin Nguyễn Dụng chiếm cứ Hoàng Giang, hắn cho người phi ngựa báo tin sai Dụng tiến quân giữ lấy Nam Xang để ngăn giữ một đường Sơn Nam. Dụng bèn thiết lập doanh trại, canh phòng ngăn chặn nơi hiểm yếu, Dụng lại giết Uy Vũ hầu *(Sử cũ* chép thiếu họ tên), một viên tướng giữ ở đạo khác, mà cướp lấy lương thực. Tướng ở Tây đạo là Nha quận công và Cao quận công (*Sử cũ* đều chép thiếu họ tên) đều phải chạy đến Đại Đồng. Bấy giờ Trịnh Tùng thân hành đem đại quân xuống mặt nam. Quân tiến đến Lãnh Giang, Dụng chống cự, tiền quân của Tùng bị thiệt hại. Tùng bèn khuyến khích tướng sĩ, quân lính đều hết sức liều chết tiến đánh, phá tan được quân giặc, chém được Dụng và Nga quận công (*Sử cũ* chép sót họ tên) ở mặt trận, thu được thuyền bè, phụ nữ, trâu bò và tài vật kể đến hàng ngàn. Lại bắt giết được em của Dụng là Tào và Vị, đưa thủ cấp về kinh sư, hạ lệnh chiêu an dân chúng, lòng người rất vui mừng.

Lời chua – *Lãnh Giang* : Thuộc địa phận xã Lãnh Trì, huyện Nam Xang, tỉnh Hà Nội[1].

Tây Đạo : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. XV, 5).

Tháng 3. Sai Hoàng Đình Ái đi tuần hành vùng Hải Dương. Mạc Kính Cung chạy lên Lạng Sơn.

Kính Cung chiếm cứ Kim Thành, hay tin Nguyễn Dụng đã bị bại, đại binh của triều đình sắp đến, hắn bèn bỏ cả quân lính, chạy lên lên Lạng Sơn. Khi quan quân kéo đến, bèn phá huỷ tường luỹ, chiêu tập vỗ về Chb.**XXXI**,9

(1) Nay thuộc huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam. Khúc sông này có một bến đò, nhân dân gọi là bến Lãnh.

nhân dân, rồi đem quân trở về. Vùng Hải Dương hết thảy đều bình định.

Lời chua – *Lạng Sơn* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Mưa ra đá (vũ thạch).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Tháng 12, mùa đông. Sai Nguyễn Khải đi tuần hành vùng Sơn Tây và Kinh Bắc, hết thảy đều bình định được.

Lời chua – *Sơn Tây, Kinh Bắc* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 19, 27 ,28, 35).

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1602). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 30).

Tháng 3, mùa xuân. Mưa đá.

Quý Mão, năm thứ 4 (1603). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 31).

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực.

Đăng quận công Nguyễn Khải bị giao xuống hình ngục, sau lại được tha.

Tùng ngờ Nguyễn Khải có lòng bội bạn, bắt giao xuống hình ngục, hạ lệnh cho chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm xét hỏi, không có tình trạng đáng ngờ, bèn thả ra.

Lời chua – *Bùi Sĩ Lâm* : Người xã Lưu Vệ, huyện Quảng Xương.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1604). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 32).

Ất Tị, năm thứ 6 (1605). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 33).

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1606). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 34). Chb.XXXI,10

Đinh Mùi, năm thứ 8 (1607). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 35).

Mậu Thân, năm thứ 9 (1608). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 36).

Tháng 9, mùa thu. Đại hạn. Dân bị nạn đói to.

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1609). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 37).

Tháng 3, mùa xuân. Sai Trịnh Đỗ đi kinh lý vùng Thái Nguyên. Mạc Kính Cung chạy trốn.

Trước kia, Kính Cung chạy, chiếm cứ vùng Lạng Sơn, dần dần tụ họp lại được quân lính, bèn xâm lấn quấy rối vùng Thái Nguyên, Tùng hạ lệnh cho thái tể Trịnh Đỗ làm thống lãnh, Nguyễn Danh Thế làm đốc thị, đem quân đi đánh. Giặc được tin chạy trốn tan vỡ, lẩn lút vào trong hang. Kinh lý vừa một tháng, Trịnh Đỗ dẫn quân về.

Lời chua - *Trịnh Đỗ* : Em Trịnh Tùng.

Thái Nguyên : Tức Ninh Sóc. Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 19, 32, 33, 35).

Nguyễn Danh Thế : Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Canh Tuất, năm thứ 11 (1610). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 38).

Tháng 11, mùa đông. Lê Bật Tứ đề đạt kế sách với họ Trịnh.

Bật Tứ, tả thị lang bộ Hộ, dâng tờ khải trình bày với Tùng : một là xin lập thế tử, dự bị giao phó cho binh quyền, để giữ vững lòng người ; hai là xin xử trí đối với phiên trấn mạnh, để thống nhất chế độ. Bật Tứ lại trình bày rõ : "Này, người làm vua lấy thiên hạ làm của một nhà mình, bên cạnh giường nằm, có lẽ nào lại để người khác nghe biết tiếng ngáy[1]. Nay Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam và Thuận Hoá hãy còn ở ngoài bản đồ, nếu không xử trí, tôi e rằng sẽ làm mối lo sau này. Ngày trước vua Hiến Tông nhà Đường nghe lời bàn của Hoàng Thường dùng phép xén bớt và hạn chế quyền của phiên trấn, sau thành được nghiệp trung hưng. Vậy những lời tôi trình bày, cúi xin xét đoán thi hành". Chb.XXXI,11

(1) Nguyên văn "Thiên hạ nhất gia, ngoạ tháp chi trắc, khởi dung tha nhân hãn thuỵ", lời nói của Thái Tổ nhà Tống khi đi đánh Giang Nam.

Lời phê – *Chim mồi chó săn của nhà Trịnh, tên này là tên tội ác đầu sỏ.*

Lời chua – *Lê Bật Tứ* : Người xã Cổ Định, huyện Nông Cống đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng.

Quảng Nam : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 2–10).

Tân hợi, năm thứ 12 (1611). (Minh, năm, Vạn Lịch thứ 39).

Tháng 10, mùa đông. Núi Tản Viên bị sụt.

Lời chua – *Núi Tản Viên* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7 (Chb. I, 34).

Ở Yên Việt mưa ra máu (vũ huyết).

Mưa vừa vặn một ngày đêm.

Lời chua – *Yên Việt* : Tên huyện, nay là Việt Yên, thuộc tỉnh Bắc Ninh[1].

Nhâm Tí, năm thứ 13 (1612). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 40).

Tháng 8, mùa thu. Thuỷ tai lớn.

Quý Sửu, năm thứ 14 (1613). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 41).

Tháng 6, mùa hạ. Hi Tông Hiếu Văn hoàng đế[2] ta lên nối nghiệp.

Nhà vua hạ chiếu gia phong [cho Hi Tông] chức Thái bảo và được lưu trấn Thuận Hoá. Chb.**XXXI**,12

Tháng 8, mùa thu. Sai Trịnh Tráng kinh lý vùng Yên Quảng.

Lúc ấy mới dẹp bình được đảng giặc, nên hạ lệnh cho Tráng đi kinh lý địa phương này, chiêu tập vỗ về nhân dân.

(1) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(2) Tên là Phúc Nguyên, con thứ sáu Nguyễn Hoàng, cũng gọi là chúa Bụt.

Tráng đi đến đâu ai cũng vui mừng. Sau đó Tráng để viên tướng thuộc dưới quyền mình ở lại trấn giữ, rồi trở về kinh sư.

Lời chua - *Tráng* : Con của Tùng.

Yên Quảng : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 29).

Tháng 11, mùa đông. Sai sứ thần đi tuần hành các địa phương trong nước.

Hạ lệnh cho quan trong kinh sư chia nhau đi các xứ, thăm hỏi sự đau khổ của dân; người nào phiêu tán được miễn lực dịch ba năm.

Giáp Dần, năm thứ 15 (1614). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 42).

Tháng 11, mùa đông. Sấm động.

Ất Mão, năm thứ 16 (1615) (Minh, năm Vạn Lịch thứ 43).

Mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Đầm xã Hoằng Liệt và Thịnh Liệt bị khô cạn.

Không vì cớ gì, mà nước ở đầm bị cạn, 5 khắc sau lại trở lại như cũ.

Lời chua - *Hoàng Liệt, Thịnh Liệt* : Tên hai xã, đều thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội.

Bính Thìn, năm thứ 17 (1616). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 44).

Tháng 8, mùa thu. Từ tháng 5 đến tháng này không mưa.

Tháng 9. Kén thêm quân ở Thanh Hoa.

Bọn thị lang Lê Bật Tứ và Lưu Đình Chất làm tờ khải trình bày với Tùng rằng : "Lòng trời thương yêu người làm vua, tất nhiên có lúc hiện ra điềm tai dị để mà cảnh cáo, nếu người làm vua không biết tự xét mình, thì lại xuất hiện tai dị để cho răn sợ. Tháng 5, tháng 6 năm nay đại hạn, người làm ruộng mất trông mong ; tháng 8 vừa đây, lúa má đương xanh tốt thì lại gặp hạn hán dữ dội. Như thế, chả phải là chính sự có thiếu thốn hay sao? Nay không phải Chb.XXXI,13

kỳ hạn xét duyệt dân đinh để tuyển lính, thế mà kén thêm ngoài ngạch lính đã định, thì dân chịu đựng thế nào nổi được? Xin bỏ việc ấy đi, để tỏ lòng thành thực kính trời".

Lời chua - *Lưu Đình Chất* : Người xã Quỳ Chử, huyện Hoằng Hoá, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1607) năm Hoằng Định.

Đinh Tị, năm thứ 18 (1617). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 45).

Tháng 7, mùa thu. Mưa to, gió lớn.

Tháng 9. Gió lớn. Nước biển tràn ngập.

Lúc ấy, các giống lúa đương chín, gió bão nổi lên quá mạnh, nước mặn tràn ngập, dân ở gần biển, phần nhiều bị hại.

Xứ Sơn Tây, phát sinh nhiều sâu keo.

Mậu Ngọ, năm thứ 19 (1618). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 46).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Trịnh Tráng đi đánh Cao Bằng. Mạc Kính Khoan chạy trốn.

Kính Khoan, cháu Kính Cung, hô hào tụ họp đồ đảng còn sót lại là bọn Trí Thuỷ, lấp ló ra vào ở quãng Vũ Nhai, Đại Từ, xưng ngụy tước là Khánh vương, tiếm niên hiệu là Long Thái. Trịnh Tùng sai thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng, thái bảo Trịnh Xuân đốc suất tướng tá là bọn Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Văn Giai, Tạ Thế Phúc, Nguyễn Khải, Nguyễn Thực, Hoàng Đình Phùng, Trịnh Thức, Trịnh Trăn và Nguyễn Duy Thời [Thì] chia đường đi đánh. Đảng ngụy trốn xa, quan quân kéo về. Tháng 3, lại hạ lệnh cho bọn Trấn quận công Trịnh Lâm và Trịnh Bảng đi đánh Vũ Nhai, giặc đều tan vỡ. Chb.**XXXI**,14

Lời chua - *Vũ Nhai* : Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb. II, 42, 43).

Đại Từ : Tên huyện, thuộc Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Trịnh Xuân : Con Trịnh Tùng.

Nguyễn Văn Giai : Người xã Phù Lưu, huyện Thiên Lộc, đỗ hội nguyên khoa Canh Thìn (1580) năm Quang Hưng, thi đình đỗ nhị giáp tiến sĩ.

Nguyễn Cảnh Kiên : Người xã Nam Đường, thuộc Nghệ An, là con Nguyễn Cảnh Mô.

Nguyễn Thục : Người xã Vân Điểm, huyện Đông Ngàn, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Ất Mùi (1595) năm Quang Hưng.

Hoàng Đình Phùng : Người xã Vân Lung, huyện Thạch Thành.

Trịnh Trăn, Trịnh Thức : Đều là cháu của Tùng.

Nguyễn Duy Thời [Thì] : Người xã An Lãng, huyện An Lãng, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1598) năm Quang Hưng. Chb.XXXI,15

Tháng 4, mùa hạ. Núi Đồng Cổ bị sụt.

Sai quan đến tế.

Lời chua – *Núi Đồng Cổ* : Xem Lê Đại Hành, năm Thiên Phúc thứ 4 (Chb. I, 20).

Sao Chổi xuất hiện ở phương tây nam.

Sao Chổi xuất hiện, hình như tấm lụa đỏ.

Tháng 8, mùa thu. Trời mưa cát vàng, lại mưa than đen.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Trời mưa ra vàng, hình như gạo vàng ; trời mưa ra gạo, hình như gạo đen". Nhưng xét tờ khải của Lưu Đình Chất nói : "Trời mưa cát vàng mà bảo là mưa ra vàng, trời mưa ra than đen mà bảo là mưa ra gạo". Nên nay cải chính lại.*

Tháng 9. Có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam.

Phương đông nam có sắc trắng, đứng thẳng như hình cái búa lớn, mỗi đêm, thường xuất hiện vào lúc trống canh năm,

đến hơn một tháng mới tắt. Bầy tôi tâu rằng : "Chỗ quan hệ giữa trời và người rất đáng sợ. Tháng 9 năm nay, mỗi đêm cứ trống canh năm có sắc trắng xuất hiện ở phương đông nam, hình như mũi nhọn, đầu đuôi nhọn hoắt, ai trông thấy cũng phải kinh sợ. Lại còn điềm mưa vàng như đất, mưa gạo như than và sấm động trái thời nữa. Cái cớ sở dĩ phát sinh ra tai biến ấy có lẽ vì bên trong trái đạo đức, Chb.**XXXI**,16
ở bên ngoài trái chính lệnh, giường mối suy tàn, pháp lệnh không chấn chỉnh, quan lại hà khắc nhũng nhiễu, ngôi sao tượng trưng cho lòng dân bị dao động, việc làm của người phần nhiều trái với khí hoà mà đến nỗi như thế chăng? Chúng tôi kinh xét trong sách *Chu thư* chép : "Vương tỉnh duy tuế, khanh sĩ duy nguyệt, thứ dân duy tinh"(1). Mấy câu này ý nói việc làm của người có việc hay việc dở, thì điềm lành điềm dữ hiện ra cũng đều theo từng loại mà ứng phó lại. Nay tai dị hiện ra luôn luôn, trời cao răn bảo, thì lúc này chính là lúc lo sợ siêng năng đấy. Xin bệ hạ nhân tai dị mà lo sợ, nghiêm khắc với bản thân mà sửa đức hạnh, lập đàn cầu trời, chay nghiêm răn sợ tha thiết cầu đảo, ngõ hầu lòng thành cảm động, hình tượng ở trời sẽ theo mà đáp ứng, ngôi sao tai dị lui theo độ số, khí hoà sẽ đưa đến điềm lành". Nhà vua để tờ tâu ấy ở trong cung.

Lời phê – *Việc cần kíp lúc bấy giờ, không việc gì cần hơn là làm cho danh phận vua tôi được đúng mức. Thế mà bầy tôi cứ trình bày viển vông cho xong việc, thật đáng khinh bỉ, đáng chê cười !*

Tháng 11, mùa đông. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

(1) Lời của Cơ Tử trình bày với Chu Vũ vương chép trong thiên Hồng phạm sách *Thượng thư*. Nghĩa là : Chức phận của vua bao quát hết mọi việc trong nước, cũng như một năm bao gồm cả bốn mùa ; chức phận của khanh sĩ thì chia nhau mỗi người một việc, cũng như 12 tháng trong một năm, mỗi tháng có từng việc khác nhau ; thứ dân cũng ví như các vì sao, có vì sao thích mưa, có vì sao thích gió, lòng sở thích của thứ dân cũng giống như thế.

Kỷ Mùi, năm thứ 20 (1619), (Từ tháng 6 trở về sau là năm Vĩnh Tộ thứ nhất đời Thần Tông. – Minh, năm Vạn Lịch thứ 47).

Tháng giêng, mùa xuân. Lầu Đoan Môn bị hoả tai.

Lửa bốc lên từ trong thành, nhà cửa bị cháy thành tro than, cháy lan đến lầu Đoan Môn.

Chb.XXXI,17

Lời chua – *Lầu Đoan Môn* : Ở trong thành Thăng Long.

Tháng 5, mùa hạ. Tùng giết nhà vua ở nội điện.

Tùng chuyên quyền lấn át mỗi ngày một quá, nhà vua không sao chịu được. Vì nghe biết việc Xuân, con Tùng, ngầm có lòng cướp ngôi của người con trưởng, nhân đấy nhà vua bàn mưu với Xuân giết Tùng, rồi quyền bính sau này sẽ trao cho Xuân.

Một hôm, Tùng đi đến bến Đông Tân xem bơi thuyền, Xuân mật sai đồ đảng của mình là Văn Đốc, mai phục súng ở ngã ba đường, khi Tùng trở về, súng nổ, trúng vào con voi mà Tùng đương cưỡi. Bắt được Văn Đốc, tra hỏi biết rõ mưu gian, Tùng bèn sai con là Tráng và chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào nội điện tra hỏi tội trạng, rồi bắt ép vua phải tự thắt cổ. Còn Xuân đem giam ở nội phủ, sau lại tha ra.

Nhà vua ở ngôi 20 năm, hưởng thọ 32 tuổi. Bầy tôi bàn định : phàm lễ táng, lễ tế đều phải giảm bớt, bài vị phải thờ ở một nơi riêng, không được thờ phụ trong nhà thái miếu, bèn đặt tên thuỵ là Giản Huy đế, táng ở Lăng Bố Vệ.

Lời phê – *Người bầy tôi ngỗ ngược, tất nhiên có người con ngỗ ngược ; đạo trời hay trả miếng, bao giờ cũng thế.*

Tháng 6. Tùng lập hoàng tử là Duy Kỳ làm vua (tức là Thần Tông).

Đại xá.

Lấy năm ấy làm năm Vĩnh Tộ thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Canh Thân. Thần Tông Uyên hoàng đế, năm Vĩnh Tộ thứ 2 (1620). (Minh, năm Vạn Lịch thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Chb.XXXI,18

Tân Dậu, năm thứ 3 (1621). (Minh Hi Tông, năm Thiên Khải thứ nhất).

Tháng 8, mùa thu. Cầu vồng trắng xuất hiện ở phương đông.

Nhâm Tuất, năm thứ 4 (1622). (Minh, năm Thiên Khải thứ 2).

Tháng 8, mùa thu. Mưa to.

Quý Hợi, năm thứ 5 (1623). (Minh, năm Thiên Khải thứ 3).

Mùa xuân (không rõ tháng). Thi đại tị.

Khoa ấy thi hội, bọn Phạm Phi Kiến 7 người được trúng cách. Kịp khi thi đình, Nguyễn Trật mượn người khác làm hộ bài, việc phát giác, nhà vua không bằng lòng, nên không ban cho bảng vàng.

Lời chua - *Phạm Phi Kiến* : Người xã Dương Liễu, huyện Đan Phượng.

Nguyễn Trật : Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hoá.

Tháng 6, mùa hạ. Xuân, con thứ của Tùng, nổi loạn. Tùng dụ Xuân đến, bắt giết đi.

Tùng mắc bệnh, họp trăm quan bàn chọn người lập làm thế tử, cho con trưởng là Thanh quận công Trịnh Tráng giữ binh quyền, Xuân giữ chức phó. Xuân ấm ức không hài lòng, định mưu nổi loạn, hắn bèn phóng lửa đốt nhà cửa phố xá trong kinh thành. Tùng hay tin có biến động, gượng bệnh lên xe ra khỏi kinh thành, đến làng Hoàng Mai huyện Thanh Trì,

vào nhà riêng Trịnh Đỗ, rồi sai người giả vờ bảo Xuân vào hầu sẽ trao cho giữ binh quyền. Bấy giờ Xuân, miệng cắn cỏ, phủ phục ở sân, Tùng kể tội lỗi của Xuân. Trịnh Đỗ sai chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm dùng giáo giết chết Xuân.

Lời chua – *Thanh Trì* : Trước là Thanh Đàm. Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 30).

Hoàng Mai : Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì. Chb.XXXI,19

Trịnh Tùng mất. Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa.

Vì cớ con là Xuân nổi loạn, Tùng phải chạy vạy ở bên ngoài, bệnh nặng, mất ở chùa Thanh Xuân. Con là Tráng kế tiếp nối binh quyền. Lúc ấy, đồ đảng của Xuân nhiều người trốn thoát, lòng người nôn nao. Nhân đấy, Tráng rước nhà vua đi Thanh Hoa, để lo toan việc yên ninh sum họp. Nhà vua phong Tráng làm đô tướng tiết chế thuỷ bộ chư quân bình chương quân quốc trọng sự thái uý Thanh quốc công.

Lời phê – *Có nhiều dịp tốt, mà chung quy không toan tính được việc gì, không biết lúc bấy giờ vì cớ gì mà lại như thế?*

Lời chua – *Thanh Hoa* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33).

Thanh Xuân : Tên chùa, thuộc huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Mạc Kính Khoan xâm phạm Gia Lâm. Nhà vua sai Trịnh Tráng thống lãnh quân sĩ đi đánh.

Trước kia, Kính Khoan lẩn lút ở Cao Bằng, thấy mình thế lực nhỏ yếu, sợ không dám động binh. Đến nay, hay tin trong nước có biến loạn, hắn nhân lúc sơ hở, đem quân tiến thẳng đến Gia Lâm dàn quân đóng đồn trại, những bọn bất mãn ở xã Đông Dư và Thổ Khối hưởng ứng một cách ô hợp có đến vạn người. Nhà vua hạ lệnh cho Tráng thống lãnh quân thuỷ, quân bộ cùng tiến đánh. Đặng Thế Tài làm tiên phong,

Nguyễn Danh Thế đốc hậu quân, xông thẳng đến Gia Lâm đánh nhau với Kính Khoan. Quan quân phá tan quân địch, chém và bắt được rất nhiều. Kính Khoan chạy về Cao Bằng.

Lời chua – *Gia Lâm* : Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 39). Chb.**XXXI**,20

Cao Bằng : Thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 31, 32).

Đông Dư, Thổ Khối : Tên hai xã, đều thuộc huyện Gia Lâm.

Đặng Thế Tài: Người xã Vân Nội, huyện Chương Đức.

Tháng 8. Nhà vua trở về Đông Kinh.

Trịnh Tráng lấy cớ rằng trong kinh kỳ đã được dẹp yên, bèn sai bọn thị lang Lê Bật Tứ và chưởng cung giám Bùi Sĩ Lâm vào Thanh Hoa rước xa giá. Nhà vua bèn trở về. Bàn xét những người có công theo hầu, gia phong cho chức tước có cao thấp khác nhau.

Lời chua – *Đông Kinh* : Xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 3 (Chb. XV, 26).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến làm nguyên soái tổng quốc chính, Thanh Đô vương.

Giáp Tí, năm thứ 6 (1624). (Minh, năm Thiên Khải thứ 4).

Ất Sửu, năm thứ 7 (1625). (Minh, năm Thiên Khải thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho quận công Trịnh Kiều đi đánh Cao Bằng, bắt được Mạc Kính Cung giải về kinh sư giết đi. Mạc Kính Khoan xin hàng.

Kính Cung tiếm xưng niên hiệu Kiền Thống, cùng với cháu là Kính Khoan chia nhau chiếm cứ Cao Bằng. Chúng lấp ló ở quãng Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn hơn 30 năm, hễ quan quân tiến đánh thì chạy, trốn, khi quân rút về, lại hô hào nhau tụ họp như cũ. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Trịnh

Kiều thống lãnh các quân chia đường càn quét, bắt được Kính Cung và đồ đảng là bọn Sùng, Lễ, đóng cũi đưa về kinh sư, giết đi. Kính Khoan thua chạy, sai người dâng tờ biểu đến kinh sư xin đầu hàng. Triều đình y cho, phong cho Kính Khoan chức thái uý Thông quốc công, bắt bỏ hết nguỵ Chb.XXXI,21
hiệu, tuân theo chính sóc[1] triều đình, lại cho
hết đời này đến đời khác trấn giữ một phương làm một nơi phiên trấn giúp sức triều đình mãi mãi. Kính Khoan xin tuân lệnh, triều đình tỏ ý khen ngợi.

Lời chua – *Thái Nguyên* : Tức Ninh Sóc.

Yên Quảng : Tức Yên Bang.

Thái Nguyên, Yên Quảng và Lạng Sơn : Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18, 31, 35).

Trịnh Kiều : Con Trịnh Tráng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt khoa sĩ vọng.

Triều đình nghĩ cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm, nên ngoài khoa thi đại tị, lại đặt khoa sĩ vọng. Cống sĩ nào tài năng đức vọng được dự thi. Khoa này bọn Nguyễn Nghi 27 người

(1) Chính : Tháng giêng, Sóc : Ngày mồng 1. Chính Sóc : Nghĩa là ngày mồng một tháng giêng. Thời cổ Trung Quốc, triều đại nọ thay thế triều đại kia, thì thay đổi cả chính sóc. Ví dụ nhà Hạ kiến dần, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc ; nhà Thương thay nhà Hạ, kiến sửu, lấy mồng một tháng 12 của nhà Hạ làm chính sóc ; nhà Chu thay nhà Thương, kiến tí, lấy mồng một tháng 11 của nhà Hạ làm chính sóc. Từ Hán Vũ đế trở đi theo kiến dần như nhà Hạ, lấy mồng một tháng giêng làm chính sóc (tức ngày nguyên đán nông lịch bấy giờ).
Ở Việt Nam từ hồi Bắc thuộc cho đến triều nhà Nguyễn không thấy thay đổi chính sóc mà chỉ thay đổi niên hiệu. Có những lúc, có người không phục tùng triều đình đương thời, họ tự chiếm cứ một địa phương để chống với triều đình, họ tự đặt ra niên hiệu để thông dụng ở địa bàn mà họ hoạt động, chứ không theo niên hiệu của triều đình đương thời. Ví dụ : niên hiệu Cảnh Thuỵ, Khải Lịch của Nùng Trí Cao, hoặc những niên hiệu Kiền Thống, Long Thái,... của con cháu nhà Mạc.
Chính sóc chép ở đây chỉ có nghĩa là theo niên hiệu của triều đình nhà Lê đã đặt ra mà thôi.

trúng cách, được cất nhắc trao cho quan chức cao, thấp khác nhau.

Lời chua – *Khoa sĩ vọng* : Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn thì khoa sĩ vọng cũng gọi là khoa hoành từ, chỉ có cống sĩ mới được vào thi. Đầu bài thi : hoặc thơ, phú, tụng, ca, châm, không có thể lệ nhất định. Người được trúng cách, nếu là người bổ làm quan lần đầu thì được cất nhắc chức tri huyện, nếu là người trước đã làm quan rồi, thì đều được theo với thông tư[1] của mình hiện có mà trao cho chức tự thừa, tri phủ, hiến sát phó sứ hoặc tham nghị.

Chb.**XXXI**,22

Theo "Khoa mục chí" trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú thì khoa hoành từ mới đặt từ hồi đầu triều Lê, khoa thi sĩ vọng mới đặt từ sau hồi trung hưng. Sở dĩ mở khoa thi này là để đãi ngộ những sĩ tử có danh tiếng mà bị chìm đắm không được cất nhắc. Đầu bài thi thì hoặc thơ, phú, hoặc nhận xét sự việc, hoặc văn sách, không có thể văn nhất định. Vậy chép cả ra đây để phòng khi khảo cứu.

Nguyễn Nghi : Người xã Kim Thanh, huyện Vũ Tiên.

Bính Dần, năm thứ 8 (1626). (Minh, năm Thiên Khải thứ 6).

Đinh Mão, năm thứ 9 (1627). (Minh, năm Thiên Khải thứ 7).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Tráng kèm nhà vua đi Nhật Lệ.

Trước đây, Tráng sai Công Khoa cấp tư trung Nguyễn Hữu Bản phụng sắc chỉ nhà vua đi Thuận Hoá thu tô thuế từ năm Giáp Tí (1624) trở về trước, lại đón Hy Tông Hiếu Văn hoàng đế ta đến Đông Kinh. Vương thượng (tức Hy Tông) cười bảo Hữu Bản rằng : "Việc này là phát xuất từ ý riêng họ Trịnh chứ hoàng đế là bậc nhân từ có lẽ nào lại ghét dòng dõi người công thần?" Bèn khoản đãi Hữu Bản một cách trọng hậu rồi bảo trở về. Đến nay, Tráng muốn đem quân vào xâm lược Thuận Hoá, nhưng lại e rằng không lấy lẽ gì để kể tội được. Hắn bèn

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXII tờ 12, 25 về thông tư.

lập mưu sai Lê Đại Dụng phụng sắc mệnh nhà vua vào dụ bảo về việc cho con vào chầu, và đòi nộp 30 thớt voi, 30 chiếc thuyền đi biển, để cho đủ thể lệ cống nạp triều đình nhà Minh. Vương thượng lại cười nói : "Thể lệ cống nạp triều Minh chỉ có vàng tốt và kỳ nam mà thôi, nay họ Trịnh đòi hỏi ngoài lệ ngạch, nên tôi không dám nhận mệnh lệnh. Vả lại, hiện nay tôi đương sửa sang đồ binh khí, tu bổ việc phòng bị ngoài biên cảnh, vậy để cho vài năm nữa tôi sẽ đến triều vua, cũng chưa lấy gì làm muộn". Đại Dụng đem lời nói ấy trở về báo cáo. Tráng bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Khải, Nguyễn Danh Thế làm tiên phong đem 5000 quân đóng ở Hà Trung. Tráng tự thân đem đại binh kế tiếp xuất phát. Nhân đấy Tráng kèm nhà vua cùng đi, lấy cớ là đi tuần du để xem xét phong tục ở các địa phương ; quân thuỷ, quân bộ cùng nhau đều tiến. Chb.XXXI,23

Về bên ta, Vương thượng hạ lệnh cho Tôn Thất Vệ làm tiết chế, quan văn là Nguyễn Hữu Dật giữ nhiệm vụ xem xét tình hình chiến đấu, thống lãnh quân bộ đi chống cự ; lại hạ lệnh cho hoàng tử Trung chỉ huy quân thuỷ để tiếp ứng. Quân hai bên đóng dinh lũy đối diện với nhau.

Lê Khuê, tướng bên Trịnh, đem kỵ binh (quân cưỡi ngựa) vào cướp trận địa, quân ta dùng đại bác bắn lại, quân Trịnh sợ hãi rút lui. Lúc ấy, Nguyễn Khải dàn doanh trại ở phía bắc sông Nhật Lệ. Nhân đêm, nước thuỷ triều lên, lính thuỷ của ta bắn súng để uy hiếp, quân Trịnh sợ hãi rối loạn. Chợt lúc quân của Trịnh Tráng tiếp đến, thế quân rất mạnh, quân của ta dùng voi chặn đánh, quân Trịnh tan vỡ, bị chết rất nhiều. Hữu Dật cùng Trương Phúc Gia bàn mưu với nhau : cho gián điệp nói phao lên là Trịnh Gia và Trịnh Nhạc sắp nổi loạn. Tráng nghe tin ấy, trong bụng nghi ngờ, lại vì cớ bị thua luôn mấy trận, bèn dẫn quân về. Chb.XXXI,24

Lời chua - *Cửa biển Nhật Lệ* : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Thuận Hoá : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 23, 24, 33).

Hà Trung : Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Hữu Dật : Người xã Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn.

Lê Khuê : Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm.

Trương Phúc Gia : Người xã Hoàng Vân, huyện Tống Sơn.

Cũng tháng 2 ấy, nhà vua trở về Đông Kinh.

Mậu Thìn, năm thứ 10 (1628). (Minh, Trang Liệt đế, năm Sùng Trinh thứ nhất).

Kỷ Tị, năm Đức Long thứ nhất (1629). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Đại hạn, đại xá cho trong nước.

Vì hạn hán, đổi niên hiệu và đại xá.

Dân bị đói to.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Tráng tự tiến phong làm sư phụ Thanh vương.

Canh Ngọ, năm thứ 2 (1630). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 3).

Tháng 5, mùa hạ. Đem Trịnh Thị, vợ người bác họ là Lê Trụ, vào trong cung, rồi sách lập làm hoàng hậu.

Trịnh Thị Ngọc Hành, con gái Trịnh Tráng, trước kia gả cho Cường quận công Lê Trụ là bác họ nhà vua, Trịnh Thị đã sinh được 4 con. Đến khi Trụ vì mưu làm việc bạn nghịch phải bắt giam trong ngục, Tráng bắt Ngọc Hành về, đem tiến vào cung, rồi lập làm hoàng hậu. Bọn Chb.XXXI,25

Nguyễn Thực và Nguyễn Danh Thế thường dâng sớ can, nhà vua không nghe lời.

Tháng ấy, mưa dầm.

Sau khi lập Trịnh thị, trời mưa dầm, suốt ngày đêm không thôi.

Tháng 6. Thuỷ tai lớn, nước sông tràn lên làm vỡ đê.

Nước sông Nhị tràn ngập, cửa nam kinh thành, nước chảy như trút, nhiều người chết đuối. Đê Thanh Trì vỡ, lúa thóc bị nước ngâm thối nát, nhân dân bị đói.

Lời chua – *Nhị Hà* : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Tháng 9, mùa thu. Xây dựng nhiều cung điện.

Dựng ba toà cung điện và 16 gian hành lang.

Tân Mùi, năm thứ 3 (1631). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Gió lớn.

Gió lớn nổi lên từ phương đông bắc, làm gãy cây, tốc mái nhà, thuyền ở sông phần nhiều bị đắm.

Tháng 3, Hải Dương mưa đá.

Hạt mưa rơi xuống to bằng viên đá lớn hoặc bằng đầu ngựa và súc vật phần nhiều bị thiệt hại.

Lời chua – *Hải Dương* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 24, 25, 34).

Chb.**XXI**,26

Tháng 4, mùa hạ. Ở Tây Kinh, đất nứt toạc ra.

Núi Mã Yên ở Tây Kinh bị sét đánh, đất nứt toạc đến 5 trượng.

Lời chua – *Tây Kinh* : Tức Lam Kinh, xem Lê Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 6 (Chb. XV, 33).

Núi Mã Yên : Ở phía tây nam Lam Kinh.

Giếng đá ở Thanh Trì có tiếng kêu.

Giếng đá làng Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, có tiếng kêu, nghe như tiếng trống.

Tháng 9, mùa thu. Mưa to, gió lớn.

Gió lớn ba ngày, làm gãy gốc cây, tốc mái nhà, mưa như trút nước xuống, nước sông Nhị đầy dẫy lên.

Ngày mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

Nhâm Thân, năm thứ 4 (1632). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Truy tôn hoàng khảo (bố vua) là Giản Huy đế làm Kính Tông.

Trước kia, Giản Huy đế vì việc lập mưu giết Trịnh Tùng, bị Tùng giết chết và truất đi không được phụ thờ ở thái miếu[1]. Đến nay truy tôn là Hiển nhân dụ khánh tuy phúc Huệ hoàng đế, miếu hiệu Kính Tông, phụ thờ ở thái miếu. Chb.XXXI,27

Tháng 4, mùa hạ. Bọn Lại bộ tả thị lang[2] Nguyễn Tuấn và hữu thị lang[3] Nguyễn Lại, có tội bị bãi chức.

Tuấn và Lại giữ việc kén chọn cất nhắc quan lại, hai người này ăn của đút công khai, bổ trao quan chức phần nhiều quá lạm. Thiếu uý Nguyễn Thực và thái phó Nguyễn Khải hặc tâu. hai người này đều bị bãi.

Lời chua - *Nguyễn Tuấn* : Người xã Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1613) năm Hoàng Định triều Lê Kính Tông.

(1) Xem thêm *Chính biên* tờ 17 trong cuốn này.

(2), (3) Tả hữu Thị lang : Phó của Thượng thư hàm tam phẩm tương đương với Thứ trưởng bây giờ

Nguyễn Lại : Người xã Bột Thượng, huyện Hoằng Hoá[1], đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoằng Định.

Tháng 6. Mưa to.

Mưa suốt ngày như trút nước xuống, nước sông Nhị dâng cao. Trịnh Tráng đem bọn thái uý Trịnh Kiều đi hộ đê Thanh Trì.

Quý Dậu, năm thứ 5 (1633). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 6).

Tháng giêng, mùa xuân. Núi Long Tuyền bị sụt.

Lời chua – *Núi Long Tuyền* : Ở huyện Đồng Hỉ, tỉnh Thái Nguyên.

Tháng 3. Nước sông Nhị bị cạn.

Vụng nước ở xã Yên Duyên thuộc chi lưu sông Nhị đương đêm bị cạn khô đến hơn một khắc, những nhà dân ở vùng ven sông giong đuốc bắt cá.

Lời chua – *Yên Duyên* : Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, tỉnh Hà Nội[2].

Đầm Thịnh Liệt bị khô cạn Chb.**XXX**I,28

Lời chua – *Đầm Thịnh Liệt* : Xem Kính Tông, năm Hoằng Định thứ 16 (Chb. XXX1, 12).

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Tráng xâm lấn cửa biển Nhật Lệ, quân ta đánh cho quân Trịnh bị bại.

Lúc ấy, con thứ ba của Vương thượng là Anh trấn giữ Quảng Nam, ngầm mang lòng bội bạn, viết mật thư hẹn Trịnh Tráng đem quân vào xâm lấn, hễ nghe tiếng súng nổ, Anh tức khắc làm người ứng viện ở bên trong. Trịnh Tráng tin lời, thân hành thống lãnh đại binh tiến thẳng đến cửa biển Nhật Lệ. Hi Tông Hiếu văn hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Nguyễn Vân Thắng và Nguyễn Hữu Dật đem quân chống cự. Quân hai bên

(1) Nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá.

(2) Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

dàn doanh luỹ đối diện để cầm cự với nhau. Quân Trịnh bắn súng ra hiệu, không thấy Anh đến, Tráng sinh nghi, lui quân đóng cách xa doanh luỹ để đợi hơn một tuần, quân Trịnh sinh ra trễ biếng, quân ta xông ra đánh mạnh, quân Trịnh tan vỡ bỏ chạy, chết mất quá nửa. Tráng cho Nguyễn Khắc Loát giữ Bắc Bố chính, rồi tự mình dẫn quân về.

Lời chua - *Quảng Nam* : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb. XXII, 7 - 10). Chb.**XXXI**,29

Bắc Bố Chính : Tên châu xưa, nay là hai huyện Minh Chính và Bình Chính, đều thuộc tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4. (Chb.X,39)

Giáp tuất, năm thứ 6 (1634). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 7).

Ngày mồng một, tháng 3, mùa xuân. Nhật thực.

Mùa hạ (không rõ tháng). Đại hạn.

Ất Hợi, năm Dương Hoà thứ nhất (1635). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 8).

Tháng 10, mùa đông. Thần tông Hiếu chiêu hoàng đế ta nối nghiệp[1].

Bính Tí, năm thứ 2 (1636). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 9).

Đinh Sửu, năm thứ 3 (1637). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 10).

Ngày mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Ngày 30, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Mậu Dần, năm thứ 4 (1638). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 11).

(1) Tên là Phúc Lan, cũng gọi là chúa Thượng, con thứ hai Phúc Nguyên.

Tháng ba, mùa xuân. Mạc Kính Khoan ở Cao Bằng mất, con là Kính Hoàn làm phản, Trịnh Tráng thống lãnh binh sĩ đi đánh.

Trước kia Kính Khoan đầu hàng, xin làm phiên trấn giúp sức triều đình, nhà vua y cho ; đến nay Kính Khoan mất, con là Kính Hoàn (có bản chép là Kính Vũ) không dâng lễ cống nạp theo như chức phận, lại dấy quân làm phản, tiếm xưng niên hiệu là Thuận Đức. Trịnh Tráng thống lãnh binh sĩ đi đánh ; tiên phong là Hạ quận công (*Sử cũ* chép thiếu họ tên) bị giặc bắt ; ngoài mặt trận Lâm quận công (*sử cũ* chép thiếu họ tên) tỏ vẻ sợ hãi rụt rè. Tráng chém quận Lâm, rồi ra hiệu lịnh nghiêm ngặt, đốc suất các quân sĩ bốn mặt bao vây. Gặp lúc ấy nóng bức, nhiều khí lam chướng, bèn dẫn quân về. Chb.**XXXI**,30

Kỷ Mão, năm thứ 5 (1639). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 12).

Canh Thìn, năm thứ 6 (1640). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 13).

Tân Tị, năm thứ 7 (1641). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 14).

Nhâm Ngọ, năm thứ 8 (1642). (Minh, năm Sùng Trinh thứ 15).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tráng bổ dụng các con là bọn Tạc và Lịch đi giữ quyền bính tiết chế ở tứ trấn.

Tráng lấy cớ rằng giường mối trong nước là ở chỗ xét xử việc kiện tụng cho được trôi chảy, nã bắt ngăn ngừa được bọn trộm cướp, vì thế Tráng bèn bổ dụng các con là :

- Thái bảo Tây quận công Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam ;
- Thái bảo Phù quận công Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây ;
- Quỳnh nham quận công Trịnh Lệ trấn thủ Kinh Bắc ;
- Thiếu uý Hoa quận công Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương. Lại ra lệnh cho Thái thường tự khanh[1] Phạm

(1) Chức quan đứng đầu Thái thường tự, coi việc tế tự, lễ nhạc hàm chánh ngũ phẩm.

Công Trứ, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trừng, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Bình, Hộ khoa cấp sự trung Nguyễn Nhân Trừ đều sung chức tán lý ở tứ trấn. Nhiệm vụ các viên quan kể trên là sửa chữa thay đổi chính lệnh thối nát, vỗ về yên ủi nhân dân địa phương.

Lời chua - *Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc* : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17 - 19, 25 - 28). Chb.**XXXI**,31

Phạm Công Trứ : Người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào.

Nguyễn Bình : Người xã Bồng Lai, huyện Quế Dương, Cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Trừng : Người xã Cổ Điển, huyện Thanh Trì.

Nguyễn Nhân Trứ : Người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hoá. Cả hai đều đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634) năm Đức Long triều Lê Thần Tông.

Quý Mùi, năm thứ 9 (1643). (Tháng 10 trở về sau thuộc Chân Tông, năm Phúc Thái thứ nhất. - Minh, năm Sùng Trinh thứ 16).

Tháng 3, mùa xuân. Tráng kèm nhà vua đi An Bài.

Trước đây, Tráng sai bọn Trịnh Tạc và Trịnh Lệ làm tiên phong thống lãnh, Nguyễn Quang Minh, Phạm Công Trứ và Nguyễn Danh Thọ giữ chức tham tán việc quân, kéo quân vào xâm lấn châu Nam Bố chính. Viên tướng trấn thủ của ta là Bùi Công Thắng cố sức đánh lại, bị tử trận. Quân Trịnh bèn xâm phạm cửa biển Nhật Lệ. Đến nay, Tráng thống suất đại binh tiếp tục xuất phát, Tráng kèm nhà vua đến châu Bắc Bố chính, đóng tại An Bài, sai Trịnh Đảo đánh vào doanh luỹ Trung Hoà. Binh sĩ ta phòng bị rất kiên cố, quân Trịnh đánh không thắng được. Gặp lúc ấy nóng nực lắm, quân Trịnh phần nhiều bị chết, bèn dẫn quân về.

Lời chua – *Nguyễn Quang Minh* : Người xã Văn Hà, huyện Thuỵ Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1628) năm Vĩnh Tộ.

Nguyễn Danh Thọ : Người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì.

Nam Bố Chính : Tên châu xưa, nay là Bố Trạch, Chb.**XXXI**,32 thuộc huyện Quảng Bình.

Bùi Công Thắng : Người huyện Vũ Tiên, tỉnh Nam Định[1].

An Bài : Tên xã, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Trung Hoà : Tên xã, nay là Mỹ Hoà, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua trở về kinh sư.

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua truyền ngôi cho thái tử là Duy Hựu.

Thái tử lên ngôi (tức là Chân Tông), đổi niên hiệu, đại xá, tôn nhà vua làm thái thượng hoàng, hoàng hậu Trịnh Thị làm hoàng thái hậu.

Lấy năm ấy làm năm Phúc Thái thứ nhất (1643).

(1) Nay thuộc tỉnh Thái Bình.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 32

Từ Giáp Thân, Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 2 (1644), đến Nhâm Dần, Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662), gồm 19 năm. Chb.XXXII,1

*
* *

Giáp Thân, Chân Tông Thuận hoàng đế năm Phúc Thái thứ 2 (1644). (Minh năm Sùng Trinh thứ 17. - Thanh, Thế Tổ Chương hoàng đế năm Thuận Trị thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam giao.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái bạch đi ngang trời.

Tháng 12, mùa đông. Trịnh Tạc đi đánh Cao Bằng, được thắng trận.

Mạc Kính Hoàn lén lút chiếm cứ Cao Bằng. Triều đình cử Trịnh Tạc làm thống lãnh, Dương Trí Trạch làm đốc thị, Phạm Công Trứ giữ chức tán lý việc quân, tiến quân đi đánh, được thắng trận, chém một tỳ tướng, bắt được đồ đảng giặc làm tù binh rồi dẫn quân về.

Lời chua - : *Cao Bằng*: tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc đạo Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Dương Trí Trạch: Người xã Bạt Trạc, huyện Thiên Lộc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1619) năm Hoằng Định thứ 20 triều Lê Kính Tông.

Ất Dậu, năm thứ 3 (1645). (Minh, Phúc vương Do Tung năm Hoằng Quang thứ nhất, từ tháng 6 mùa hạ trở về sau thuộc Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ nhất.- Thanh, năm Thuận Trị thứ 2).

Tháng 4, mùa hạ. Sao Huỳnh Hoặc phạm vào vị trí sao Dư Quỷ.

Trịnh Tráng phong cho con là Tạc làm thái uý Tây quốc công.

Tạc lấy danh nghĩa là phó đô tướng thái bảo Tây quận công tiến phong thái uý tả tướng tiết chế các doanh quân thuỷ, quân bộ các xứ, giữ quyền bính trong nước, tước Tây quận công, mở phủ đệ Khiêm Định. Công việc nhà nước hết thảy đều uỷ thác cho Tạc quyết đoán. Chb.XXXII,2

Tháng 5. Trịnh Lịch và Trịnh Sầm nổi loạn, bị giết chết.

Trước đây, Tráng phân phối sai các con của hắn là : Trịnh Tạc trấn thủ Sơn Nam, Trịnh Lịch trấn thủ Sơn Tây, Trịnh Sầm trấn thủ Hải Dương[1], đều gia phong tước quận công. Đến nay, Trịnh Tạc được tiến phong làm thái uý, giữ chính quyền trong nước. Lịch và Sầm mất hết hy vọng, bèn cất quân nổi loạn. Tráng sai Tạc đem quân đi đánh, bắt được Trịnh Lịch ; còn Trịnh Sầm trốn vào Ninh Giang, Tráng sai thái bảo Trịnh Trượng đuổi đến Chúc Sơn, bắt được, giải về kinh sư, Lịch và Sầm đều bị giết.

Lời phê – *Nhà người bày tôi bạn nghịch luôn luôn đẻ ra đứa con bạn nghịch. Họ Trịnh có thể nói là đời nọ thừa kế cái ác nghiệp của đời kia.*

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXI, tờ 30.

Lời chua - *Ninh Giang, Chúc Sơn* : Đều xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 26, 31).

Xá một nửa thuế năm nay cho nhân đinh trong nước.

Năm Vĩnh Tộ (1619 - 1628) trước đây, định thể lệ thuế đinh: hạng tráng đinh, người nào không đi đánh dẹp mỗi người phải nộp 3 quan 5 tiền ; hạng quân mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền ; hạng dân mỗi người phải nộp 1 quan 2 tiền 30 đồng ; sinh đồ, ti lại, xã trưởng, lão hạng, tăng đạo, giáo phường nộp 1 quan ; người tàn tật nộp 8 tiền. Số tiền thuế kể trên chia ra 10 phần, hàng năm nhà nước thu 7 phần, lưu lại cho dân 3 phần để tỏ lòng khoan hồng thương xót. Đến nay đặc ân tha cho một nửa, chỉ thu năm phần mười (5/10). Chb.XXXII,3

Bính Tuất, năm thứ 4 (1646). (Minh, Đường vương Duật Kiện năm Long Vũ thứ 2 ; từ tháng 11 mùa đông trở về sau, thuộc Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ nhất.- Thanh, năm Thuận Trị thứ 3).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Chim muông phần nhiều bị chết.

Tháng 2. Ở Kinh sư mưa đá.

Năm này lúa thóc được mùa.

Đinh Hợi, năm thứ 5 (1647). (Minh, Quế vương Do Lang năm Vĩnh Lịch thứ 2. - Thanh, năm Thuận Trị thứ 4).

Tháng 5, mùa hạ. Sứ nhà Minh sang nước ta.

Trước đây, Đường vương Duật Kiện nhà Minh lên ngôi vua ở Phúc Châu, đổi niên hiệu là Long Vũ. Nhà vua sai bọn Nguyễn Nhân Chính đi đường biển đến Phúc Châu, chúc mừng việc lên ngôi vua và xin phong tước. Khi bọn Nhân Chính đến Phúc Châu, thì Đường vương đã bị người nhà Thanh bắt, bầy tôi nhà Minh cùng nhau lập Quế vương Do

Lang lên ngôi vua, lấy đất Triệu Khánh làm nơi hành tại, đổi niên hiệu là Vĩnh Lịch. Vì thế, bọn Nhân Chính nhân tiện đường đem tờ biểu trở về bái yết Quế vương ở Triệu Khánh. Chb.**XXXII**,4

Đến nay, nhà Minh sai bọn Phan Kỳ đệ tờ sắc cáo, cùng đi với bọn Nhân Chính qua trấn Nam Quan[1] sang nước ta, sách phong thái thượng hoàng làm An Nam quốc vương.

Triệu Hữu Đào, người Long Châu nhà Minh, giết em họ của nó là Triệu Hữu Kinh, thủ lĩnh Long Châu, rồi đem gia quyến sang lẩn lút ở Cao Bằng. Con Hữu Kinh là Khải xin nước ta cứu viện. Triều đình bèn hạ lệnh cho Trịnh Lệ tiến quân đến Cao Bằng, bắt được Hữu Đào, giải về kinh sư, dụ bảo hai bên hoà thuận với nhau, rồi cho về nước.

Lời chua – *Nguyễn Nhân Chính* : người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1634), năm Đức Long triều Thần Tông.

Phúc Châu : Nay là tỉnh lỵ Phúc Kiến.

Triệu Khánh : thuộc tỉnh Quảng Đông.

Trấn Nam Quan : Phía nam giáp tỉnh Lạng Sơn.

Long Châu : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4.

Cao Bằng : Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 7, mùa thu. Sai sứ thần đi tuyển lính.

Trước đây sai quan tuyển lính, ghi lấy những người mạnh khoẻ để cho sung ngạch, người già yếu thì thải bớt đi. Đến nay, sai sứ thần chia nhau đi các xứ xét duyệt hạng dân đinh khoẻ mạnh để bổ sung vào ngạch lính. Lại hạ lệnh : dân gian không ai được mạo xưng là người có chức tước để trốn tránh việc binh lính.

---

(1) Nay là Mục Nam Quan.

Mậu Tí, năm thứ 6 (1648). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 3.- Thanh, năm Thuận Trị thứ 5). Chb.XXXII,5

Tháng 2, mùa xuân. Người họ Trịnh xâm lấn Quảng Bình. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta phụng mệnh đi đánh, đánh bại được quân họ Trịnh. Tháng 5, mùa hạ, Trịnh Tráng sai tướng là Lê Văn Hiểu chia quân giữ Hà Trung.

Trịnh Tráng sai đô đốc Tiến quận công Lê Văn Hiểu đem các quân thuỷ, quân bộ chia đường vào Nam xâm lấn, đóng đồn ở châu Nam Bố Chính. Trước hết cho quân thuỷ xâm phạm cửa biển Nhật Lệ, rồi tiến quân xâm phạm dinh Quảng Bình. Viên trấn thủ dinh Quảng Bình là Trương Phúc Phấn cùng với con là Hùng cố giữ luỹ Trường Dục, quân Trịnh cố sức đánh, không sao phá được. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta lúc ấy còn làm thế tử[1], tước phong Dũng Lễ hầu, được lệnh của Thần Tông Hiếu Chiêu hoàng đế ta giao cho đốc suất các tướng đem quân đi đánh. Tiền quân tiến đến xã An Đại, gặp quân Trịnh, liền cấp tốc đánh luôn, phá tan được, thế quân rất phấn chấn. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta đến Quảng Bình, hội họp các tướng bảo rằng : "Quân họ Trịnh tuy nhiều nhưng người đánh giỏi có ít. Nếu ta nhân lúc ban đêm dùng voi xông vào, tất nhiên bên kia mất hết khí phách mà bỏ chạy tan vỡ, bấy giờ ta đem đại binh tiến đánh, thì đánh một trận cũng có thể bắt được". Bèn sai Triều Phương (không rõ họ) thống lãnh quân thuỷ, phục sẵn ở sông Cẩm La ; chưởng cơ Nguyễn Hữu Tiến đem hơn trăm thớt voi khoẻ[2], nhân trống canh năm, xông thẳng vào doanh trại quân Trịnh, Chb.XXXII,6 rồi các quân tiếp tục tiến theo đánh úp, phá được doanh trại của Trịnh. Quân Trịnh thua to, tan vỡ bỏ chạy, gặp quân thuỷ của ta chặn ngang, quân Trịnh chết đuối không kể xiết được. Quân ta bắt được tướng bên Trịnh là Gia, Lý và Mỹ

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển XXXII, tờ 7 ở dưới.
(2) Nguyên văn chép "hùng tượng", còn có nghĩa nữa là voi đực.

(đều không rõ họ) cùng 3000 quân chúng nữa làm tù binh. Đại binh ta nhân thế thắng, đuổi quân thua, Lê Văn Hiểu chạy trốn, quân ta đuổi đến bờ sông Gianh thì trở về.

Trịnh Tráng bèn sai Lê Văn Hiểu làm tướng Tả quân, Hồng lô tự khanh Trần Ngọc Hậu làm đốc đồng, thống lãnh hơn một vạn quân đóng ở Hà Trung ; Đông quận công Lê Hữu Đức làm tướng Hữu quân, Lễ khoa cấp sự trung Vũ Lương làm đốc đồng thống lãnh một ngàn quân đóng ở Hoành Sơn ; thuộc tướng của Tả quân là Phạm Tất Toàn đóng ở châu Bắc Bố Chính. Các tướng kể trên chia quân phòng giữ.

Lời phê – *Lúc bấy giờ vua nhà Lê chỉ ngồi ôm lấy cái ngai suông. Ở đây chép là "người họ Trịnh vào xâm lấn" (Trịnh nhân lai xâm), chép như thế đã được đúng sự thật đấy.*

Lời chua – *Dinh Quảng Bình* : Lúc ấy ở xã Vũ Xá thuộc huyện Phong Lộc.

Sông Gianh : Nay ở chỗ tiếp giáp giới hai huyện Bình Chính và Bố Trạch, thuộc tỉnh Quảng Bình.

Nam Bố Chính : Xem Thần Tông, năm Dương Hoà thứ 9 (Chb. XXXI, 31).

Nhật Lệ : Cửa biển, Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

An Đại : Tên xã.

Luỹ Trường Dục : Ở xã Trường Dục.

Sông Cẩm La : Ở xã Cẩm La. Trường Dục và Cẩm La nay đều thuộc huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Bắc Bố Chính : Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXI, 29).

Hà Trung : Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXII, 7, Chb. XXI, 24). Chb.**XXXII**,7

Hoành Sơn : Tên núi, ở huyện Kỳ Anh, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Phúc Phấn : Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyễn Hữu Tiến : Người xã Vân Trai, huyện Ngọc Sơn.

Trần Ngọc Hậu : Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hoà triều Lê Thần Tông.

Vũ Lương : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta[1] nối nghiệp.

Kỷ Sửu, năm thứ 7 (1649). (Từ tháng 10 trở về sau thuộc năm Khánh Đức thứ nhất đời Lê Thần Tông.- Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 4.- Thanh, năm Thuận Trị thứ 6).

Tháng 8, mùa thu. Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi 7 năm, hưởng thọ 20 tuổi, miếu hiệu Chân Tông.

Tháng 10, mùa đông. Thái Thượng hoàng lại lên ngôi vua.

Nhà vua mất, không có con nối ngôi. Trịnh Tráng sai con là Tạc đem các quan văn võ rước Thái Thượng hoàng lại lên ngôi vua, đổi niên hiệu, kể ngay năm ấy làm năm Khánh Đức thứ nhất.

Làm lễ táng Chân Tông ở lăng Hoa Phố.

Canh Dần, Thần Tông Uyên hoàng đế năm Khánh Đức thứ 2 (1650). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 5. - Thanh, năm Thuận Trị thứ 7).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tân Mão, năm thứ 3 (1651). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 6. - Thanh, năm Thuận Trị thứ 8). Chb.XXXII,8

Tháng giêng, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương đông.

Tháng 10, mùa đông. Nhà Minh sai sứ sang phong Trịnh Tráng làm phó quốc vương.

(1) Tên là Phúc Tần, cũng gọi là chúa Hiền, con thứ hai của Phúc Lan.

Lúc ấy, Quế vương nhà Minh bị quân Thanh uy hiếp, chạy đến Nam Ninh, hạ sắc lệnh dụ bảo Trịnh Tráng cấp cho binh sĩ lương thực để giúp vào việc khôi phục. Đến nay, Quế vương sai quan đem sách thư phong Tráng làm An Nam phó Quốc vương.

Lời phê – *Một nước không bao giờ có hai ông vua. Lúc ấy nhà Minh chỉ còn một tí tro tàn, giở trò ăn xin để làm vui lòng người khác, tiện việc cho mình, mà không biết rằng như thế là hết sức giúp chúa Kiệt*(1) *làm điều dữ. Đáng khinh bỉ !*

Lời chua – *Nam Ninh* : *Đại Thanh nhất thống chí* chép : phủ Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây.

Nhâm Thìn, năm thứ 4 (1652). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 7. – Thanh, năm Thuận Trị thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Hoạn quan Hoàng Nhân Dũng mưu nổi loạn, bị giết chết.

Vì thân phận là hoạn quan, Nhân Dũng được Trịnh Tráng tin yêu, làm quan giữ chức ti lễ giám, thiếu bảo, tước quận công, lại được Trịnh Tráng cho đổi là họ Trịnh, lấy tên là Trịnh Lãm. Nhân Dũng ngày càng kiêu ngạo càn rỡ, ngầm cùng gia thuộc là Trần Nhân Liến vụng trộm nuôi người có tà thuật, mưu nổi loạn. Việc ấy bị phát giác, bọn Nhân Dũng và Nhân Liếu đều bị giết.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Tráng gia phong cho con là Tạc làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Tây Định vương.

Việc này là theo lời xin của bầy tôi trong triều. Chb.XXXII,9

(1) Tên một vua cuối cùng đời nhà Hạ ở Trung Quốc. Kiệt nổi tiếng là một tên vua bạo ngược trong các hàng vua bạo ngược. Nguyên văn chép "trợ Kiệt vi ngược". Ý nói Kiệt đã bạo ngược mà còn có người giúp hắn làm việc bạo ngược thêm.

Lời phê – *Lúc bấy giờ người làm tôi ai cũng chỉ biết có họ Trịnh, mà không biết có nhà Lê. Như thế, còn có thể coi họ là người làm tôi được nữa không ?*

Quý Tị, năm Thịnh Đức thứ nhất (1653). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 8. – Thanh, năm Thuận Trị thứ 10).

Tháng 2, mùa xuân. Sao chổi xuất hiện ở phương Đông.

Đại xá.

Đại xá cho trong nước và đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là năm Thịnh Đức thứ nhất.

Giáp Ngọ, năm thứ 2 (1654). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 9. – Thanh, năm Thuận Trị thứ 11).

Ất Mùi, năm thứ 3 (1655). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 10. – Thanh, năm Thuận Trị thứ 12).

Tháng 2, mùa xuân. Quân của họ Trịnh xâm lấn châu Nam Bố Chính.

Tháng 4, mùa hạ. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta hạ lệnh cho bọn Thuận Nghĩa hầu Nguyễn Hữu Tiến và Chiêu vũ hầu Nguyễn Hữu Dật đem quân đánh châu Bắc Bố Chính, đánh phá được quân họ Trịnh. Phạm Tất Toàn đem cả châu xin hàng. Bọn Tiến và Dật bèn tiến quân đánh doanh trại Hà Trung, tướng bên Trịnh là Lê Văn Hiểu và Lê Hữu Đức thua trận bỏ chạy.

Lê Văn Hiểu, tướng họ Trịnh, thường sai người tướng thuộc hạ là Phạm Tất Toàn cho quân sang qua sông Gianh, lấn cướp châu Nam Bố Chính. Nguyễn Hữu Dật đi tuần hành biên giới, đến dinh Bố Chính, đem sự trạng ấy trình bày. Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đem các quân qua sông Gianh đánh úp, phá tan được. Tất Toàn đem châu Bắc Bố Chính đầu hàng. Bọn Tiến và Dật bèn Chb.**XXXII**,10

dẫn quân xông thẳng đến Hoành Sơn, gặp cánh quân của Hữu Đức, lại đánh đuổi được ; nhân thế thắng, tiến quân đánh doanh trại Hà Trung. Văn Hiểu đốc quân sĩ cố đánh, nhưng không địch được, bèn cùng bọn Hữu Đức chạy về An Trường, Hữu Tiến tiến quân đến Thạch Hà ; Đặng Minh Tắc, tham đốc bên Trịnh, đến cửa quân đầu hàng. Bọn Văn Hiểu và Hữu Đức lại tiến quân đóng ở Đại Nại, chia quân ra chống cự phòng thủ.

Lời chua – *Hà Trung* : Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXXI, 24).

Hoành Sơn và sông Gianh : Đều xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXII, 6, 7).

Bắc Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Nam Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hoà thứ 9 (Chb.XXXI, 31, 32).

An Trường : Nay là tỉnh lỵ Nghệ An, ở địa phận huyện Chân Lộc[1].

Thạch Hà : Tên huyện, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đại Nại : Tên xã, ở huyện Thạch Hà.

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Tráng sai Trịnh Trượng giữ chức thống lãnh đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, mùa thu. Quân của Trịnh Trượng đóng ở Lạc Xuyên, đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến, Trịnh Trượng bị thua đau, chạy về An Trường.

Vì việc bị thua ở Hà Trung, Tráng cho triệu Lê Văn Hiểu và Lê Hữu Đức về triều. Văn Hiểu vì bị đạn lạc trúng vào chân, nên chết ở dọc đường. Tráng cho truy thu lấy cáo sắc của Văn Hiểu, rồi giáng chức Hữu Chb.XXXII,11

(1) Nay là huyện Nghi Lộc (Nghệ An).

Đức làm đô đốc thiêm sự, Trần Ngọc Hậu làm Thượng bảo tự khanh, Vũ Lương làm Công Khoa cấp tự trung, còn các tướng thuộc hạ là bọn Lê [Thì] Hiến, Trịnh Bính đều bị bãi chức.

Tráng bèn sai thái bảo Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức thống lãnh, Lại bộ tả thị lang Nguyễn Văn Trạc làm đốc thị, Lại khoa cấp tự trung Nguyễn Tính làm phó đốc thị, thống suất 18 viên tướng, đốc suất các binh sĩ đi kinh lý xứ Nghệ An. Tháng 8, bọn Trịnh Trượng tiến đến Kỳ Hoa, chia quân ra đóng đồn phòng thủ. Lũng quận công Vũ Văn Thiêm thống suất 50 chiếc thuyền chiến đóng ở cửa biển Kỳ La để chống cự với quân ta. Bọn Nguyễn Hữu Tiến hay tin này, rút quân về sông Gianh. Trịnh Trượng đến Hà Trung, nghi ngờ không dám tiến quân, rồi triệu các tướng lại hỏi mưu kế. Nguyễn Văn Trạc nói : "Bọn Hữu Tiến, Hữu Dật từ khi qua sông sang mặt Bắc đến nay, nhân thế thắng, đánh rộng ra, khí thế sắc bén càng thêm mạnh mẽ ; nay không vì cớ gì mà rút quân về, đây là họ dụ ta đấy. Bây giờ không có gì hơn là đem quân đóng ở Lạc Xuyên, quân thuỷ, quân bộ liên tiếp với nhau, rồi theo thời cơ mà thay đổi cách đối phó. Đấy là binh pháp". Trượng theo kế của Trạc, lui quân đóng ở Lạc Xuyên, rồi sai 500 quân tuần tiễu đóng ở Hà Trung.

Hữu Tiến hạ lệnh cho các quân chia ra các đạo cùng tiến, khi gặp quân tuần tiễu bên Trịnh, đánh đuổi Chb.XXXII,12 được bọn này, rồi tiến thẳng đến Lạc Xuyên.
Quân bên Trịnh bị thua, bỏ chạy. Hữu Dật đem quân thuỷ đánh cửa biển Kỳ La. Vũ Văn Thiêm phải lui về cửa biển Đan Nhai. Hữu Dật bèn tiến vào cửa biển Nam Giới. Bọn Nguyễn Hữu Sắc và Lê Sĩ Hậu nghe biết phong thanh đều chạy trốn. Bọn Hữu Tiến nhân đà thế thắng, tiến đến Bân Xá. Do đấy, 7 huyện ở phía nam sông Lam (Hà Nam) đều phụ thuộc về với ta, cũng do đấy mà nhân dân ở phía bắc sông Lam (Hà Bắc) sợ hãi nôn nao. Trịnh Trượng cùng các tướng chạy về An

Trường, chia quân ra phòng thủ. Bọn Hữu Tiến rút quân về đóng ở Lạc Xuyên.

Lời chua - *Lê [Thì] Hiến* : Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương.

Nguyễn Văn Trạc : Người xã Mai Dịch, huyện Từ Liêm, đỗ đồng tiến sĩ khoa Tân Mùi (1631) năm Đức Long thứ 3 triều Lê Thần Tông[1].

Nguyễn Tính : Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hoà thứ 6 triều Lê Thần Tông.

Cửa biển Kỳ La : Nay thuộc huyện Kỳ Anh.

Cửa biển Đan Nhai : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất[2] (Chb. XII, 20).

Cửa biển Nam Giới : Xem Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 10 (Chb. I, 12).

Bân Xá : Tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc.

Hà Nam, Hà Bắc : Ở phía nam sông Lam thuộc Nghệ An, gọi là Hà Nam, ở phía bắc sông Lam gọi là Hà Bắc.

Bảy huyện : Kỳ Hoa, Thiên Lộc, Nghi Xuân, La Sơn, Hương Sơn và Thanh Chương.

Tháng 9. Trịnh Tráng sai con là Tạc làm Thống lãnh, tiến quân vào Nghệ An, sau lại triệu về và sai bọn Đào Quang Nhiêu, Vũ Văn Thiêm đem quân trấn giữ. Chb.XXXII,13

Vì bị thua ở Lạc Xuyên, Trịnh Tráng giáng chức Trịnh Trượng làm đô đốc đồng tri, còn bọn Nguyễn Hữu Sắc đều bị bãi chức. Rồi sai Tạc giữ chức thống lãnh ; tả đô đốc Đương quận công Đào Quang Nhiêu làm đốc suất ; bồi tụng, Hộ khoa

(1) Lê Kính Tông làm vua từ Canh Tí đến Kỷ Mùi (1600 - 1619) không có năm Tân Mùi và cũng không có niên hiệu Long Đức. Nguyên văn chép "Khoa Tân Mùi năm Long Đức thứ 3 đời Kính Tông" là lầm, năm này chính là năm Đức Long thứ 3 đời Lê Thần Tông.

(2) Địa danh này, ở đây chép "Đan Nhai", ở quyển XII, tờ 20 chép "Đan Thai".

cấp sự trung Phan Hưng Tạo làm đốc thị, đem các quân tiến vào Nghệ An, đóng ở An Trường. Lại sai tả đô đốc Lũng quận công Vũ Văn Thiêm giữ chức đốc suất quân thuỷ, Lại bộ hữu thị lang Dương Hổ làm đốc thị, tiến quân đến Kỳ Hoa, để chống cự với quân ta.

Bọn Nguyễn Hữu Tiến được tin, rút quân về đóng giữ ở Hà Trung.

Được ít lâu, vì trong nước xảy ra nhiều việc, Tráng cho triệu Trịnh Tạc về, để Đào Quang Nhiêu ở lại giữ Nghệ An, thống lãnh các tướng đóng ở An Trường ; lại sai Thân Văn Quang và Mẫn Văn Liên đóng ở Tiếp Vũ, Lại Thế Thời [Thì] đóng ở Minh Lương, Hằng Khê đóng ở Bình Lãng, Vũ Văn Thiêm thống lãnh quân thủy đóng ở sông Khu Độc. Các tướng đều phòng giữ chiếu theo cảnh giới mà mình đóng quân.

Lời chua – *Tiếp Vũ, Minh Lương, Bình Lãng* : Đều tên xã, thuộc huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An(1).

Sông Khu Độc : Thuộc xã Tam Đăng, huyện Nghi Xuân(2).

Đào Quang Nhiêu : Người xã Tuyền Cam, huyện Thanh Oai. Chb.XXXII,14

Phan Hưng Tạo : Người xã Bình Lãng, huyện Thiên Lộc, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông.

Hằng Khê : Không rõ tiểu sử thế nào.

Bính Thân, năm thứ 4 (1656) (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 11. - Thanh, năm Thuận Trị thứ 13).

Tháng 12, mùa xuân. Vũ Văn Thiêm, Đào Quang Nhiêu đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Mẫn Tường và Bình Lãng. Quân bên Trịnh bị thua to. Trịnh Tráng sai con là Tuyền làm thống lãnh, trấn giữ Nghệ An.

(1) Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Bọn Hữu Tiến đem quân đánh úp Tiếp Vũ, bọn Thân Văn Quang và Mẫn Văn Liên bị thua, phải chạy. Hữu Tiến nhân thế thắng, tiến quân đến Tam Chế. Nguyễn Hữu Dật tiến quân đến Hồng Lĩnh, gặp quân tuần tiễu của bên Trịnh, bọn Hữu Tiến đánh phá được toán quân này, bèn tiến quân đến Mẫn Tường. Văn Thiêm đem quân thuỷ lên bờ sông(1), Diên Lược (sót họ), quân tiên phong [của ta] đánh luôn, Văn Thiêm lui quân giữ ở Đằng Để. Hữu Dật thúc quân đánh xông vào, bắn chết được tướng của Văn Thiêm là Tường Trung (sót họ), Văn Thiêm thua chạy. Hữu Tiến đem quân chính đạo tiến đến Minh Lương, Tống Hữu Đại đem quân thượng đạo tiến đến núi Bình Lãng, Quang Nhiêu chia quân ra chống cự, bị thua to, Quang Nhiêu bỏ doanh trại, lui về An Trường. Nguyễn Hữu Tiến bèn thu quân đóng ở Vân Cát.

Quang Nhiêu dâng biểu về triều nhận tội và xin quân cứu viện, Trịnh Tráng họp các tướng lại hỏi rằng : "Nay muốn tìm người để phó thác cho việc giữ cửa ngõ nơi phiên trấn, ai có thể đương nổi việc ấy? " Các tướng đều nói : "Thiếu bảo Ninh quận công Trịnh Tuyền đủ cả trí mưu và dũng cảm, có thể giao phó giữ binh quyền. Nếu bằng người khác hay không phải là một viên tướng trong thân thuộc thì không thể dùng được". Tráng nghe theo, bèn sai Tuyền thống lãnh các tướng, trấn giữ Nghệ An, Quang Nhiêu và Văn Thiêm đều thuộc dưới quyền của Tuyền. Chb.**XXXII**,15

Lời chua - *Trịnh Tuyền* : Con út Trịnh Tráng.

Tống Hữu Đại : Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Vân Cát : tên xã, thuộc huyện Thạch Hà(2).

Hồng Lĩnh : Tên núi, ở địa phận hai huyện Nghi Xuân và Thiên Lộc tiếp giáp nhau.

(1) Lúc ấy quân của Văn Thiêm đóng ở sông Khu Độc.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Mẫn Tường : Tên đất.

Đàng Đề : Tên xã. Cả hai đều thuộc huyện Nghi Xuân.

Tháng 5, mùa hạ. Dương Trí đánh bại được quân họ Trịnh ở cửa biển Nam Giới. Trịnh Tuyền dẫn quân đánh nhau với Tống Phúc Khang ở Đại Nại. Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra các đạo đón đánh, phá tan được quân họ Trịnh. Tuyền chạy về An Trường.

Sau khi Trịnh Tuyền đã đến quân thứ, đốc suất các quân tiến đến Thạch Hà, phân phối sai bọn Đào Quang Nhiêu và Dương Hồ quản lĩnh quân bộ đóng ở Hương Bộc và Đại Nại, bọn Xuân quận công Lê Sĩ Hậu và Bùi Sĩ Lương quản lĩnh quân thuỷ đóng ở cửa biển Nam Giới, Vũ Văn Thiêm làm đốc suất đóng ở Đan Nhai.

Chb.**XXXII**,16

Nguyễn Hữu Tiến họp các tướng ở Na Khố, sai Dương Trí và Nguyễn Văn Kiều quản lĩnh quân thuỷ, bọn Tống Phúc Khang và Phù Dương (sót họ) quản lĩnh quân bộ, chia đường tiến đánh.

Dương Trí tiến đánh ở cửa biển Nam Giới, Hữu Dật đốc suất quân bộ đánh tiếp, bắt được Xuân quận công và 30 chiếc thuyền chiến. Bọn Sĩ Hậu và Sĩ Lương đều thua chạy. Dương Trí bèn tiến quân đến sông Lam, phó tướng Văn Kiều đem quân thuỷ thẳng đến Đan Nhai, lại đánh phá tan được quân thuỷ của họ Trịnh. Văn Thiêm bỏ thuyền chạy. Trịnh Tuyền hay tin, cả sợ, lui quân đóng ở Hoạt Độ[1]. Gặp lúc ấy bọn Phúc Khang và Phù Dương dẫn quân bộ bất thình lình kéo đến Hương Bộc bao vây toán quân của Đào Quang Nhiêu, Trịnh Tuyền đốc thúc các quân đến cứu viện, Dương Hổ chỉ huy quân tiến lên phía trước. Quang Nhiêu có được quân cứu viện, bèn mở cửa thành ra đón đánh, hai cánh quân đánh khép

(1) *Đại Nam thực lục tục biên* chép : Điềm Độ.

quân của Phúc Khang ở Đại Nại. Quân của bọn Phúc Khang bị thua, lui về Hà Trung, bọn Trịnh Tuyền và Quang Nhiêu đốc suất các quân đuổi đến Tam Lộng. Hữu Tiến hay tin, bèn phân phối sai quân thuỷ dàn trận ở các bến đò thuộc phố Phù Thạch và xã Triều Khẩu, xã Việt Yên, lại sai Hoằng Tín (sót họ) quản lĩnh chiến thuyền phục sẵn ở xã Nam Ngạn để ngăn đường về của quân Trịnh.

Trịnh Tuyền dẫn quân về, sai tướng là Tào Nham và Diễn Thọ (đều sót họ) tiến quân đến Nam Ngạn đánh nhau với bọn Hữu Dật, bị thua to, chết ở mặt trận. Khi quân của Tuyền đi qua Bình Hồ, Hoàng Tín đuổi đánh, quân họ Trịnh bị chết rất nhiều. Tuyền chạy về An Trường. Chb.XXXII,17

Lời chua – *Hương Bộc, Đại Nại* : Tên 2 xã, nay thuộc huyện Thạch Hà.

Na Khố : Nay là thôn Na Kênh, thuộc huyện Cẩm Xuyên(1).

Hoạt Độ : Tên là bến đò, nay không rõ ở đâu.

Sông Lam : Nay ở tỉnh Nghệ An, nước sông này đổ ra cửa biển Đan Nhai.

Tam Lộng : Tên xã, nay thuộc huyện Cẩm Xuyên.

Triều Khẩu : Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Nguyên(2).

Phù Thạch : Tên phố.

Việt Yên, Nam Ngạn, Bình Hồ, (Bình Hồ nay đổi là Yên Hồ) : 3 xã này đều thuộc huyện La Sơn(3).

Sông Minh Lương : Ở xã Minh Lương, thuộc huyện Thiên Lộc.

Tống Phúc Khang : Người xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

(1) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay thuộc tỉnh Nghệ An.
(3) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đinh Dậu, năm thứ 5 (1657). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 12. - Thanh năm Thuận Trị thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Tráng mất.

Truy phong Nghị vương, đặt tên thuỵ là Long Tự, con là Tạc được tập phong tước.

Trịnh Tạc bắt em là Tuyền giam vào ngục, sai con của hắn là Căn giữ chức thống lãnh, để trấn thủ vỗ yên nhân dân Nghệ An.

Trước đây, thái uý Ninh quốc công Trịnh Tuyền ở Nghệ An vỗ về tướng sĩ một cách tử tế, nên đều được tướng sĩ vui lòng. Vì thế Trịnh Tạc đem lòng ngờ vực ghen ghét. Tạc bèn sai con mình là thái bảo Phú quốc công Trịnh Căn đem các tướng vào Nghệ An, hiệp đồng với Trịnh Tuyền trông nom việc quân, làm như thế là để chia xẻ bớt quyền của Tuyền. Tạc lại sai con thứ là Thái bảo Thọ quận công Trịnh Lệ, thiếu phó Vũ quận công Trịnh Đống làm đốc suất, Thái bộc tự khanh Phan Hưng Tạo, Lễ khoa cấp sự trung Trần Văn Tuyển, Hộ khoa cấp sự trung Phùng Viết Tu làm đốc thị, đều đem quân thuộc quyền mình để tiếp ứng. Các quân đều tiến qua phía nam sông Lam. Trịnh Tuyền đóng đồn ở Quảng Khuyến, Trịnh Căn đóng đồn ở Bạt Trạc đều bắt quân đào hào đắp luỹ, chia nhau phòng giữ nơi hiểm yếu. Trịnh Tuyền trong bụng băn khoăn, bèn dẫn quân về An Trường. Trịnh Căn cũng đem quân về Phù Long để rình mò nghe ngóng sự động tĩnh của Tuyền. Chb.XXXII,18

Tạc sai người trách Tuyền về tội nghe tin bố chết không về chịu tang, rồi cho triệu về kinh. Bọn Trịnh Bàn, Trương Đắc Danh, những người dưới quyền chỉ huy của Tuyền, sợ vạ lây đến mình, đều đến cửa quân Hữu Tiến xin hàng. Tuyền sợ, bèn đem binh mã của bộ phận mình nộp cho Căn. Căn nói : "Việc đã đến thế, thì bây giờ nên về khuyết đình chầu chực mệnh lệnh". Tuyền về kinh, thì sau đó bị thêu dệt thành tội

mưu làm việc bạn nghịch, rồi giam vào ngục, Tuyền bị chết. Tạc bèn cho Căn thay Tuyền thống lãnh quân sĩ để trấn thủ vỗ về dân Nghệ An ; lại cho Hoàng Nghĩa Giao làm đô đốc đồng tri, Phan Kiêm Toàn làm đốc thị.

Lời chua - *Phùng Viết Tu* : Người xã Đình Hàn, huyện Gia Lâm[1], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông. Chb.XXXII,19

Phan Kiêm Toàn : Người xã Địa Linh[2], huyện Thuỵ Nguyên, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Hoàng Nghĩa Giao : Người xã Hoàng Vân[3], huyện Kim Động.

Quảng Khuyến, Bạt Trạc : Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Thiên Lộc[4].

Phù Long : Tên xã, nay thuộc huyện Hưng Nguyên.

Tháng 6. Trịnh Căn sai các tướng đánh nhau với quân của Tống Hữu Đại ở Nam Hoa. Quân Trịnh thua chạy, đóng ở An Trường.

Trịnh Căn sai : Lê [Thì] Hiến làm tướng Trung quân, Hoàng Nghĩa Giao làm tướng Tả quân, Trịnh Thế Công làm tướng Hữu quân, chia làm 3 đạo, qua đò sông Lam, tiến đến xã Nam Hoa, đánh úp toán quân Tống Hữu Đại. Gặp lúc ấy, Phan Lân (sót họ), người xã Phúc Châu, đầu hàng với Hữu Tiến, hắn nói hết tình hình quân lính của bên Trịnh cho Hữu Tiến biết. Hữu Tiến bèn sai Hữu Đại dàn trận để đợi, lại sai Phù Dương (sót họ) dẫn quân phục sẵn ở núi đất phía tây xã Nam Hoa. Khi quân bên Trịnh qua sông Lam, lên bờ, chưa đi được vài dặm thì gặp toán quân của Hữu Đại, hai bên đánh nhau. Hữu Đại giả vờ thua chạy, bọn Lê [Thì] Hiến đuổi theo, lúc đuổi đến núi đất phía tây, thì quân Chb.XXXII,20

(1) Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay thuộc xã Thiệu Tâm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
(3) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(4) Nay là Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

mai phục của Phù Dương thình lình nổi dậy. Rồi Hữu Đại quay quân trở lại, hai toán quân hợp sức đánh mạnh, quân bên Trịnh phải chạy tan vỡ, quân ta đuổi đến trên sông. Trịnh Căn tự đem đại binh đến cứu viện : Đặng Thế Công đốc suất cánh hữu quân đón đánh, Lê Sĩ Hậu cũng đốc suất quân thuỷ tiếp ứng. Vì thế, quân của Hữu Đại phải hơi lui một chút. Quân bên Trịnh bèn lui về An Trường.

Lời chua - *Nam Hoa* : Tên xã, nay đổi là Nam Kim, thuộc huyện Thanh Chương(1).

Phúc Châu : Tên xã, nay đổi là Lộc Châu, thuộc huyện Nghi Xuân(2).

Tháng 9, mùa thu. Mưa to, gió lớn.

Lúa ở các huyện Thanh Hoa và Sơn Nam bị đổ hết.

Lời chua - *Thanh Hoa, Sơn Nam* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16 - 18, 20, 21, 25 - 27, 33, 34).

Tạc gia phong cho con là Căn làm thái phó.

Mậu Tuất, năm Vĩnh Thọ thứ nhất (1658). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 13.- Thanh, năm Thuận Trị thứ 15).

Tháng 2, mùa xuân. Đại xá cho trong nước.

Đổi niên hiệu, kể từ năm ấy là Vĩnh Thọ thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ chiếu cho trong nước, ai nộp thóc sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp lâu ngày, tiêu pha hao phí. Triều đình bèn hạ lệnh cho trong nước : ai nộp thóc, sẽ tuỳ theo số thóc nhiều hay ít mà cất nhắc làm quan cao hay thấp khác nhau.

(1) Nghệ An.
(2) Hà Tĩnh.

Tháng 12, mùa đông. Bọn Đào Quang Nhiêu, tướng bên Trịnh, đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở xã Tuần Lễ. Chb.XXXII,21

Trước đây, Hữu Tiến thống suất các quân chia ra đóng ở bờ phía nam sông Lam, đến chống nhau với quân Trịnh. Hữu Tiến sai quân qua sông, đánh vào Mĩ Dụ ; Nguyễn Hữu Tá, viên tướng giữ đồn của họ Trịnh, bị thua chạy. Lê [Thì] Hiến từ An Trường dẫn quân đến cứu viện. Quân ta lại lui về đóng ở bờ phía nam, rồi lại qua sông tiến đến xã Bạch Đường, đánh nhau với Quang Nhiêu, nhưng không thắng lợi, phải dẫn quân về, chia quân ra để phòng thủ. Đến nay, Trịnh Căn sai bọn Đào Quang Nhiêu và Đặng Thế Công chia đường sang qua sông đánh nhau với quân của Nguyễn Hữu Tiến ở Tuần Lễ, quân ta không thắng lợi.

[Sau trận này], Trịnh Tạc xét công lao người đánh thắng trận, bổ Quang Nhiêu làm phó tướng thiếu uý, mở doanh trại lấy hiệu là Tả khuông quân, còn các tước khác đều được thăng chức có người cao thấp khác nhau. Duy có đô đốc Thế Công vì chần chừ ở lại sau, không biết cứu ứng đánh tiếp, nên phải giáng chức làm đô đốc thiêm sự.

Lời chua – *Mĩ Dụ* : Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên(1).

Bạch Đường : Tên xã, nay ở huyện Lương Sơn(2).

Sông Lam : Xem năm Thịnh Đức thứ 4 (Chb. XXXII, 17).

Tuần Lễ : tên xã, ở huyện Hương Sơn.

Các địa danh trên đều thuộc tỉnh Nghệ An.

Kỷ Hợi, năm thứ 2 (1659). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 14. – Thanh, năm Thuận Trị thứ 16). Chb.XXXII,22

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Tạc tự tiến phong làm thượng sư Tây vương.

---

(1) Nghệ An.

(2) Nay là huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Công Bộ thượng thư Nguyễn Hậu cầm cờ tiết mao mang sách thư vàng đến phủ chúa tiến phong.

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu thi Đông Các.

Hồi đầu năm Hồng Đức, định phép thi Đông các.

[Người được dự thi :] Bầy tôi trong triều từ tứ phẩm trở xuống đều được dự thi.

[Đầu bài thi :] Làm một bài thơ theo luật ngũ ngôn (mỗi câu 5 chữ) 30 vần hoặc 25 vần ; bài ký, bài luận, mỗi thể đều một bài, hoặc bài ca, bài tụng, bài phú, bài châm mỗi thể đều một bài.

[Quyền lợi người trúng tuyển :] Người trúng tuyển chia làm 3 bậc, về phần được vua thưởng, ban cho, gia ân và thông tư, cũng như người đỗ tam khôi, người đỗ bậc nhất được cất lên chức đại học sĩ, bậc nhì được cất lên chức học sĩ, bậc ba được cất lên chức hiệu thư. Phép thi tuy đã định, nhưng chưa kịp cử hành.

Đến nay, nhà vua bèn triệu bầy tôi có văn học vào Đông các, thân hành ra bài thi, lấy Nguyễn Đăng Cảo đỗ bậc nhất, Hồ Sĩ Dương và Nguyễn Chiêm đỗ bậc nhì, Phạm Duy Chất và Bùi Đình Viên đỗ bậc ba. Những người trúng tuyển đều được cất nhắc giữ các chức : Đông các đại học sĩ, Đông các học sĩ và Đông các hiệu thư.

Lời chua – *Nguyễn Đăng Cảo* : Người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh[1] khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái thứ 4 triều Lê Chân Tông. Chb.XXXII,23

Hồ Sĩ Dương : Người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đỗ đồng tiến sĩ khoa *Nhâm Thìn (1652)* năm Khánh Đức thứ 4 triều Lê Thần Tông.

(1) Tức Thám hoa.

Phạm Duy Chất : Người xã Ngọ Trang, huyện Thiên Bản, đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Canh Tí năm thứ 3 (1660). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 15 – Thanh, năm Thuận Trị thứ 17).

Tháng 5, mùa hạ. Làm sổ hộ.

Hạ lệnh cho các xã trưởng khai hết các hạng dân đinh trong xã, từ 10 tuổi trở lên, tính từng hộ làm suất sổ.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Căn sai tướng qua sông đánh nhau với quân Nguyễn Hữu Dật ở Lãng Khê. Tướng bên Trịnh bị thua, bỏ chạy.

Trước đây, tướng họ Trịnh là Vân Khả (sót họ) giữ luỹ Đồng Hôn, bị quân Hữu Dật đánh bại. Trịnh Căn sai tướng khác là Miện (sót họ) thay Vân Khả cầm quân phòng thủ. Đến nay, Hữu Tiến đem đại binh qua sông Lam đánh tướng họ Trịnh là Lan (sót họ) ở Do Nha, Lan lui quân, giữ luỹ Đồng Hôn. Hữu Dật tiến quân, đánh mạnh ; Lan thua chạy. Viên tướng phòng giữ là Miện dẫn quân quanh đằng sau núi đánh tiếp. Hữu Tiến đem đại binh tiếp đến, Miện không dám chống cự, chạy về An Trường. Hữu Tiến lui về bờ phía nam sông Lam, chia quân đóng đồn phòng giữ. Chb.**XXXII**,24

Đồn luỹ Đồng Hôn bị thất thủ, Trịnh Căn lấy làm hổ thẹn muốn báo thù lại, bèn làm cầu phao để qua sông, sai đô đốc Diệu (sót họ) cầm quân, kéo qua sông Khu Độc và núi Hoành Lĩnh, tham đốc Hằng (sót họ) quản lĩnh quân thuỷ, theo sông Lãng Khê đánh úp toán quân của Hữu Tiến. Hữu Dật biết được mưu ấy, bèn sai tì tướng Trương Văn Vân đem quân mai phục ở Hoành Lĩnh, Tô Triều và Tú Minh (sót họ) đóng ở Hoành Cảng để rình đợi quân địch. Diệu dẫn quân đến Hoành Lĩnh, quân mai phục bỗng nổi dậy, quân bên Trịnh sợ hãi tan vỡ chết hại rất nhiều. Toán thủy quân của Hằng kéo ra Lãng

Khê, bọn Tô Triều tung quân ra bắn lại, Hằng bị thua to, bỏ thuyền, chạy về An Trường.

Lời chua – *Lãng Khê, Do Nha* : Tên hai xã, đều thuộc huyện Nghi Xuân

Đồng Hôn : Tên đất, thuộc huyện Hưng Nguyên.

Tháng 9. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân đóng ở Nghi Xuân.

Quân bên Trịnh và quân ta đóng đồn đối diện ở hai bên bờ sông cầm cự với nhau. Bọn Hữu Tiến tiến quân qua sông, lại đánh vào Mĩ Dụ, Trịnh Khiêm bị thua chạy, Trịnh Đường đánh nhau bị chết. Bọn Hoàng Nghĩa Giao dẫn quân đánh tiếp, quân ta phải hơi lui một chút, bèn lui quân giữ mặt nam sông Lam, đóng ở Hoa Viên.

Trịnh Căn họp các tướng hỏi mưu kế. Trần Công Bách nói : "Lận Sơn là chỗ tất phải tranh cho bằng được trước hết chiếm được Lận Sơn, thì dễ giữ được phần thắng lợi". Căn nói : "Tôi thường lên núi Dũng Quyết, nhìn nhận kỹ hình thế, vẫn lưu tâm chỗ ấy ; nay lời nói của ông, chính hợp ý tôi" . Nhân đấy Bách xin làm tiên phong, Căn y cho, liền chia quân làm hai đạo : một đạo sai Hoàng Nghĩa Giao và Phan Kiêm Toàn theo đường Âm Công, qua sông để tiến quân ; một đạo sai Lê [Thì] Hiến qua cửa biển Hội Thống theo đường làng Tả Ao để tiến quân, đều hẹn nửa đêm xuất phát. Tờ mờ sáng hôm sau, Căn tự đem đại binh lên núi Dũng Quyết xem xét việc chiến đấu. Bọn Nghĩa Giao qua sông, tiến thẳng đến núi An Lạc ; Trần Công Bách đi sâu vào để chiếm cứ Lận Sơn, gặp quân mai phục của Hữu Dật đánh bất thình lình, Công Bách cùng Đinh Đức Nhuận cố sức đánh, đều bị chết. Bọn Lê Văn Hi và Lưu Thế Canh nghe được phong thanh, rút lui bỏ chạy. Quân ta bốn mặt bao vây, thanh thế rất lừng lẫy. Căn sai bọn Trần Tiến Triều và Ngô Đình Xuân đều đem quân của mình quản lĩnh đến cứu viện, lại sai

Chb.**XXXII**,25

quân thuỷ tiến đến bờ sông để bắn. Toán quân của Hữu Tiến phải hơi lùi một chút. Bọn Lê [Thì] Hiến và Mẫn Văn Liên dẫn quân đến Tả Ao bị quân ta đánh gấp, bọn này phải thua, Văn Liên chết tại trận. Lê [Thì] Hiến lại đốc thúc quân cố đánh, tiến nhanh đến Hoa Viên. Quân ta không được thắng lợi, bèn đóng ở Nghi Xuân. Chb.XXXII,26

Lời chua - *Nghi Xuân* : Tên huyện.

Hoa Viên : Tên xã, nay là Xuân Viên(1).

Lận Sơn : Ở huyện Nghi Xuân.

Núi Dũng Quyết : Ở xã Dũng Quyết, huyện Chân Lộc(2).

Âm Công : Tên xã, ở huyện Hưng Nguyên.

Cửa biển Hội Thống : Ở xã Hội Thống.

Tả Ao(3) : Tên xã.

Núi An Lạc : Ở xã An Lạc.

Hội Thống, Tả Ao và An Lạc đều thuộc huyện Nghi Xuân

Trịnh Khiêm, Trịnh Đường : Đều con thứ Trịnh Tráng.

Trần Công Bách : Người xã Thiêm Lộc, huyện Ý Yên(4).

Tháng 11, mùa đông. Nguyễn Hữu Tiến dẫn quân về Nhật Lệ.

Trước đây, quân ta nhân thế thắng, đánh phá quân họ Trịnh, Thái Tông Hiếu Triết hoàng đế ta thân hành đem đại binh tiếp ứng, đóng hành doanh ở Phù Lộ. Nguyễn Hữu Dật từ nơi quân thứ đến yết kiến, Vương thượng hỏi về việc binh, Hữu Dật đem hết tình trạng trình bày, Vương thượng mừng lắm, đem vàng tốt và gươm quý ban cho Hữu Dật, rồi lại sai về nơi quân thứ. Hữu Tiến đem lòng ghen ghét Hữu Dật. Đến

(1) Nay là xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
(3) Nay thuộc xã Xuân Giang, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.
(4) Nam Định.

nay, đại binh của Hữu Tiến đóng ở Nghi Xuân, Hữu Dật chia quân ra đóng ở Khu Độc. Nhân lúc ấy quân sĩ Chb.XXXII,27 đóng giữ đã lâu, nhớ nhà muốn trở về, mà những quân sĩ ở Nghệ An mới ra hàng cũng nhiều người bỏ trốn, Hữu Tiến họp các tướng hỏi mưu kế. Họ đều nói : "Nay sĩ tốt ra hàng đều hai lòng, mà thế lực của họ Trịnh đương vững vàng, không chi bằng rút quân về, đợi sau này sẽ lại toan tính công việc". Chỉ có một mình Hữu Dật hăng hái muốn tiến quân, các tướng đều không đồng ý. Gặp lúc ấy, Trịnh Căn sai Lê [Thì] Hiến, Lê Sĩ Triệt, theo bờ biển, tiến quân qua xã Cương Giản ; Hoàng Nghĩa Giao, Nguyễn Năng Thiệu, theo đường bộ, tiến quân qua xã Lũng Trâu và Mạn Trường. Quân ta nhiều lần đánh nhau với quân Trịnh ở quãng hai xã An Điềm và Phù Lưu, không được thắng lợi.

Bấy giờ Hữu Tiến bèn quả quyết đặt kế hoạch rút quân về. Bề ngoài thì hạ lệnh rõ cho các tướng đều đem quân thuỷ, quân bộ chia đường cùng tiến quân, lại báo cho Hữu Dật đem quân theo sau để tiếp ứng, hẹn đêm ngày 28, cùng một lúc tiến đến An Trường, xông thẳng vào doanh trại bên Trịnh trước hết chiếm lấy các huyện ở mặt bắc sông Lam rồi sau sẽ bàn việc tiến đánh ; một mặt khác hắn dặn riêng các tướng ai nấy đều đem quân thuộc quyền cai quản của mình rút về Nam Bố Chính, chỉ không bảo cho Hữu Dật biết mà thôi. Bởi thế, các tướng nhân đêm lặng lẽ rút lui. Về phần Hữu Dật, hắn chỉnh bị binh lính sẵn sàng ngồi đợi, không thấy có tin tức động tĩnh gì. Kíp lúc dò thám biết được binh tình, thì quân bên Trịnh đã qua sông, tiến sát gần doanh trại Khu Độc. Hữu Dật nhân lúc bên địch chưa rõ tin Hữu Tiến rút quân, cũng mật hạ lệnh cho các tướng rút lui. Hắn chỉ để lại mấy chục quân nhanh nhẹn sắc bén theo hầu bên cạnh, rồi đem ra nơi rộng khoáng biểu diễn trò vui, tiếng trống nổi lên như sấm. Quân bên Trịnh nghi ngờ, không dám tiến. Bấy giờ Hữu Dật mới thư thả rút quân.

Hữu Dật về thẳng Hoành Sơn mới hội họp với toán quân Hữu Tiến. Trịnh Căn đốc suất các quân đuổi kịp, Chb.XXXII.28 quân hai bên giao chiến, chết hại rất nhiều.
Trịnh Căn lui quân 20 dặm, đóng doanh trại ở Kỳ Hoa. Còn về bên ta thì Hữu Tiến đem quân về đóng ở cửa biển Nhật Lệ, Hữu Dật đóng ở Đông Cao, chia nhau phòng giữ những nơi hiểm yếu để chống nhau với quân Trịnh. Từ đấy 7 huyện ở mặt nam sông Lam thuộc Nghệ An lại phụ thuộc về hà bắc[1].

Trịnh Căn thống lĩnh các quân tiến đến châu Bắc Bố Chính, rồi hội họp các tướng bàn việc kê khai từng hạng chiến công tâu về triều đình. Trịnh Tạc giả thác mệnh lệnh nhà vua sai Phạm Công Trứ, Thượng thư bộ Lễ, cầm cờ tiết mao, đệ sách thư bằng vàng, đến giữa nơi quân thứ, phong Trịnh Căn làm khâm sai tiết chế các dinh quân thuỷ quân bộ, kiêm giữ chính quyền, chức Thái uý tước Nghi quận công, được mở phủ Lý quốc và ban cho ấn bằng bạc ; Trịnh Đống làm thái phó, Trịnh Kiền làm thiếu phó, Lê [Thì] Hiến làm phó tướng thiếu uý, Hoàng Nghĩa Giao làm phó tướng tả đô đốc, Trần Văn Tuyển làm đô ngự sử, Nguyễn Năng Thiệu làm phó đô ngự sử, Phan Kiêm Toàn làm Lại bộ hữu thị lang, những viên tướng kể trên đều được gia phong tước quận công ; Lê Sĩ Triệt làm Hộ bộ hữu thị lang, được gia phong tước hầu. Còn bọn Lê Văn Long 26 người được thăng chức hoặc cao hoặc thấp có khác nhau.

Lời chua – *Phù Lộ* : Tên xã, nay là xã Phù Yên, thuộc huyện Bình Chính, tỉnh Quảng Bình.

Cửa biển Nhật Lệ : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb.X, 39).

Chb.XXXII.29

Cương Giản : Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân.

---

(1) Vị trí ở phía bắc sông Lam, do chúa Trịnh cai trị.

Lũng Trâu, Mạn Trường, Yên Điềm, Phù Lưu : Tên 4 xã, đều thuộc huyện Thiên Lộc.

Bảy huyện mặt nam sông Lam : Xem năm Thịnh Đức thứ 3 (Chb.XXXII, 12).

Nam Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Dương Hoà thứ 9 (Chb.XXXI, 31, 32).

Bắc Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb.XXXI, 29).

Kỳ Hoa : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb. XXXVI, 27).

Nguyễn Năng Thiệu : Người phường Hà Khẩu(1), huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Qúy Mùi (1643), năm Phúc Thái thứ nhất triều Lê Chân Tông.

Lê Sĩ Triệt: Người xã Thổ Đôi, huyện Nông Cống, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa thứ 6 triều Lê Thần Tông(2).

Tân Sửu, năm thứ 4 (1661). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 16,. - Thanh, năm Thuận Trị thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn dẫn quân về kinh đô, để Đào Quang Nhiêu ở lại làm trấn thủ Nghệ An.

Lúc ấy, bọn Nguyễn Hữu Tiến chia quân ra đóng giữ các nơi hiểm yếu, yên ủi vỗ về quân và dân, phòng bị nơi biên cảng càng thêm kiên cố. Trịnh Căn không dám hành động, bèn dẫn quân về, để Quang Nhiêu ở lại làm trấn thủ Nghệ An kiêm giữ công việc châu Bắc Bố Chính, Lê Sĩ Triệt, Hồ Sĩ Dương và Trịnh Tế làm đốc thị, quản lĩnh các tướng đóng ở Hà Trung.

Lời chua - *Bắc Bố Chính* : Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXX, 2).

(1) Nay là phố Hàng Buồm Hà Nội.
(2) Nguyên văn chép lầm là Kính Tông, đây dịch Thần Tông cho đúng niên thứ.

Hà Trung : Xem Lê Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb. XXX, 2).. Chb.XXXII,30

Trịnh Tế : Người xã Nhật Tảo, huyện Lôi Dương, đỗ đồng tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức thứ 2 triều Lê Thần Tông.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại nghi chế triều phục.

Đầu niên hiệu Cảnh Thống[1], định triều phục : Các tước công trong hoàng thân và các quan từ tam phẩm trở lên, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu tía ; tứ, ngũ phẩm : về hàng võ, dùng nón sơn trắng, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu lục ; từ lục phẩm trở xuống : về hàng võ, dùng nón sơn son, về hàng văn, dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh[2].

Từ hồi trung hưng trở về sau, Trịnh Tùng chuyên giữ chính quyền, văn võ trăm quan vào hầu phủ chúa đều dùng khăn sa mỏng và áo thâm, còn mũ áo từng cấp bậc chưa có quy chế nhất định.

Đến nay định rõ :

Mũ áo của hoàng hậu, vương tử, văn võ trăm quan dùng khi vào triều vua Lê.

Mũ ô sa, áo thanh cát của hoàng thân, vương tử, văn võ trăm quan khi vào hầu phủ chúa.

Thường phục và hành nghi đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua – Theo *Lê triều thiện chính điển lệ* thì :

– Hoàng tử, vương tử được phong quốc công :

Khi vào triều, mũ dùng mũ dương đường[3],

(1) Niên hiệu Lê Hiến Tông (1498 - 1504).
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXV, tờ 6 về chế độ mũ áo.
(3) Xem thêm "Lời chua" của *Cương mục* ở dưới.

Áo dùng màu tía, mùa xuân, mùa hạ dùng sa tàu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tàu, bổ tử dùng hình con kỳ lân, đai thắt dùng đá hoa bịt vàng ;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y[1], thắt thao kép, đeo 3 viên ngọc trang sức bằng vàng. Chb.**XXXII**,31

Khi vào triều, được 5 người theo hầu, hành nghi có : một lọng tía, một quạt vả, một cỗ kiệu vuông, yên ngựa sơn son bịt vàng ;

Áo thường phục dùng gấm thêu hình con lân, con phượng và sa, đoạn.

– Hoàng tử, vương tử được phong thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo lại được gia phong quận công :

Khi vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu[2],

Áo dùng màu tía, đai thắt bịt vàng, bổ tử của thái sư, thái phó, thái bảo dùng hình con kỳ lân, của thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo dùng con bạch trạch ;

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi đi vào triều, áo thường phục, cũng như quốc công ;

Hành nghi : một quạt vả, một lọng xanh, còn các thứ khác cũng theo như quốc công.

– Hoàng tử, vương tử được phong tả đô đốc, hữu đô đốc, lại được gia phong quận công :

Khi vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu[3],

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, đai dùng sừng tê bịt bạc ;

Khi vào hầu phủ chúa, áo mặc thắt thao kép, đeo ngọc trang sức bằng bạc ;

---

(1) Xem thêm "Lời chua" của *Cương mục* ở dưới.
(2) Xem thêm chú thích số 2 *Chính biên* quyển III, tờ 23.
(3) Xem chú thích số 2 *Chính biên* quyển III, tờ 23.

Khi vào triều, được 4 người theo hầu ;

Hành nghi : quạt, lọng, kiệu vuông, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong chức tam thái hoặc tam thiếu và gia phong quận công.

– Hoàng tử, vương tử được phong đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự và gia phong quận công :

Mũ, áo, đai lưng dùng khi vào triều, áo, mũ, thao kép dùng khi vào hầu phủ chúa cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong tả, hữu đô đốc và gia phong quận công ;

Khi đi vào triều, được ba người theo hầu ; Chb.**XXXII**,32

Hành nghi : đi ở trong thành, được một quạt vả, không có lọng xanh, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía ; đi ở ngoài thành, được thêm một lọng xanh ;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn.

– Hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu điểm, đề đốc, tham đốc, đề lãnh và gia phong quận công :

Khi vào triều, mũ áo dùng nón sơn trắng cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, thắt thao kép đeo ngọc, đeo kiếm ;

Khi vào hầu phủ chúa, mũ dùng mũ ô sa, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm;

Khi đi vào triều được 2 người theo hầu(1).

---

(1) Về tiêu chuẩn người theo hầu đối với quan chức khác, chỉ chép một lần, riêng đối với hiệu điểm, đề đốc, ... này lại chép hai lần : trên đã chép "nhập triều hậu nhị nhân" (khi vào triều được hai người theo hầu) ; dưới lại chép : "triều thị tuỳ hậu nhị nhân" (vào triều hoặc vào hầu được hai người theo hầu). Không biết có phải nguyên văn chép trúng hay có thể lệ thế nào, chưa khảo cứu được.- Về chữ "triều" và chữ "thị", theo sự trình bày ở phần mục ở trên thì "triều" để nói vào triều Lê,"thị" để nói vào hầu phủ chúa Trịnh.

Hành nghi : đi ở trong thành, được một quạt vả, màu đỏ nhạt, không có lọng xanh, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía ; đi ở ngoài thành, được thêm một dù hoặc một lọng che mưa.

Khi vào triều hoặc vào hầu được 2 người theo hầu ;

Thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô đốc thiêm sự và gia phong quận công.

- Hoàng tử, vương tử được gia phong quận công ;

Vào triều, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con hổ, thắt thao kép đeo ngọc ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo.

Áo dùng thanh cát y ;

Khi vào triều, được hai người theo hầu ;

Hành nghi : võng 3 đòn khiêng, ngoài ra như dù hoặc lọng che mưa, yên ngựa và thường phục cũng theo như hoàng tử, vương tử được phong đô hiệu kiểm và gia phong quận công.

- Hoàng tử, vương tử chưa được dự phong : Chb.**XXXII**,33

Vào hầu, dùng khăn lượt áo thâm, áo sa thâm ;

Hành nghi : võng 3 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ở ngoài thành, thêm một dù hoặc lọng che mưa, màu đỏ nhạt ;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn.

- Võ ban, chánh nhất phẩm, được gia phong quận công :

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía dùng đoạn Tàu, bổ tử dùng hình con bạch trạch, đai lưng dùng sừng tê bịt bạc ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép đeo ngọc trang sức bằng bạc ;

Khi vào triều, được 4 người theo hầu ;

Hành nghi : một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, đều dùng màu xanh, một cỗ kiệu vuông, yên ngựa sơn tía ;

Thường phục dùng gấm thêu hoặc sa, đoạn.

– Tòng nhất phẩm :

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử ;

Khi vào triều, được ba người theo hầu ;

Hành nghi : đi ngoài thành, được một dù hoặc lọng che mưa, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía ; đi ngoài thành, thêm một quạt vả dùng màu xanh ;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như chánh nhất phẩm.

– Chánh nhị phẩm và tòng nhị phẩm được gia phong quận công :

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con sư tử, đai lưng dùng đồi mồi ;

Khi vào triều, được 2 người theo hầu ;

Hành nghi : đi trong thành, được dùng một quạt vả màu xanh, võng 3 đòn khiêng, đi ngoài thành, được thêm một dù hoặc lọng che mưa ;

Áo mũ vào hầu phủ chúa và thường phục cũng theo như viên quan tòng nhất phẩm. Chb.**XXXII**,34

Chánh nhị phẩm và tòng nhị phẩm được gia phong tước hầu :

Vào triều, mũ dùng nón sơn màu trắng, cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con voi, lưng thắt thao đơn, đeo kiếm ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y, tay nâng kiếm ;

Khi vào triều, được một người theo hầu ;

Hành nghi : yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một lọng hoặc dù che mưa, sắc hồng nhạt, võng ba đòn khiêng, thường phục cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong quận công.

– Tam phẩm và tứ phẩm được phong tước hầu :

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, bố tử dùng hình con voi, thắt thao đơn, đeo kiếm;

Khi vào triều, được một người theo hầu;

Hành nghi: yên ngựa sơn màu đen

Áo mũ dùng khi vào phủ chúa và thường phục, cũng theo như viên quan nhị phẩm được gia phong tước hầu.

– Ngũ phẩm, lục phẩm và thất phẩm :

Vào triều, mũ dùng nón sơn son cài lông đỏ,

Áo dùng màu hồng, lưng đeo thao đơn, tay nâng kiếm ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y ;

Hành nghi : đi ngoài thành yên ngựa sơn màu đen ;

Thường phục dùng các thứ là lụa trở xuống.

– Văn ban, nhất phẩm :

Vào triều, dùng mũ phốc đầu,

Áo màu tía, dùng đoạn Tàu, bổ tử dùng hình con tiên hạc, đai thắt dùng sừng tê bịt bạc ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép, đeo ngọc, trang sức bằng bạc ;

Khi vào triều, được 4 người theo hầu ;

Hành nghi : một dù hoặc lọng che mưa, một quạt vả, dùng màu xanh, một cỗ kiệu vuông, yên ngựa sơn màu tía ; Chb.XXXII,35

Thường phục, dùng các thứ gấm thêu.

– Nhị phẩm và đô ngự sử hàm chánh tam phẩm :

Vào triều, mũ đều dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con tiên hạc, bổ tử của viên đô ngự sử đều dùng hình con giải trãi ;

Khi vào triều được hai người theo hầu ;

Hành nghi : một dù hoặc lọng che mưa, võng 7 đòn khiêng, yên ngựa sơn màu tía, đi ngoài thành, được thêm một quạt vả ;

Áo, mũ khi vào hầu phủ chúa và thường triều phục cũng theo như viên quan nhất phẩm.

– Tam phẩm :

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu hồng, bổ tử dùng hình con cẩm kê, đai lưng dùng đồi mồi, thắt thao kép có đeo ngọc, không trang sức bằng bạc ;

Áo mũ dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều hành nghi, thường phục cũng theo như viên quan hàm nhị phẩm.

– Tứ phẩm và các viên thị đốc, thiêm đô ngự sử hàm ngũ phẩm :

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu đỏ, bổ tử dùng hình con khổng tước, bổ tử của thiêm đô ngự sử dùng hình con giải trãi ;

Mũ áo dùng khi vào hầu phủ chúa, người theo hầu khi vào triều, vào hầu và thường phục cũng theo như viên quan hàm tam phẩm.

– Ngũ phẩm và các viên thị thư, thị chế hàm lục phẩm, viên đề hình ngự sử hàm thất phẩm :

Vào triều, mũ, áo, bổ tử và đai lưng cũng theo như viên quan hàm tứ phẩm ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo,

Áo dùng thanh cát y, thắt thao kép không đeo ngọc, mũ và bổ tử của viên đề hình ngự sử dùng hình con giải trãi ; Chb.XXXII,36

Hành nghi : võng 3 đòn khiêng, còn dù hoặc lọng che mưa và yên ngựa cũng như viên quan hàm tứ phẩm.

– Lục phẩm và viên quan đô cấp sự trung ở Lục khoa hàm chánh thất phẩm ;

– Vào triều, mũ, áo cũng như viên quan hàm ngũ phẩm, mũ dùng mũ phốc đầu, áo dùng màu xanh, bổ tử dùng hình con vân nhạn, đai lưng dùng gỗ kỳ lam hương, người theo hầu được một người, còn các thứ khác đều theo như viên quan hàm ngũ phẩm.

– Thất phẩm :

Vào triều, mũ, áo cũng theo như viên quan hàm lục phẩm, bổ tử dùng hình con bạch hạc, đai lưng dùng gỗ tốc hương,

Hành nghi : yên ngựa sơn đen, một dù hoặc lọng che mưa, còn các thứ khác đều theo như viên quan hàm lục phẩm.

– Bát phẩm + đồng tri phủ hàm thất phẩm + tri huyện, tri châu hàm tùng thất phẩm + tự ban, huấn đạo hàm cửu phẩm :

Vào triều, mũ dùng mũ phốc đầu,

Áo dùng màu xám, bổ tử dùng hình con tiêu liêu, đai lưng dùng sừng trâu bịt thau ;

Vào hầu phủ chúa, mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y, thắt thao đơn ;

Hành nghi : đi ngoài thành, dùng yên ngựa sơn đen, viên đồng tri phủ được dùng một dù hoặc lọng che mưa, màu xanh ;

Thường phục dùng các hàng the lụa thường.

– Cửu phẩm cũng theo như bát phẩm :

Vào hầu phủ chúa áo dùng thanh cát y ; không thắt thao đơn

– Nho sinh, giám sinh chầu chực làm việc:

Mũ dùng ô sa mạo, áo dùng thanh cát y;

Hành nghi : đi ngoài thành, được cưỡi ngựa, còn các thứ khác cũng theo như cửu phẩm.

– Ấn lại, lệnh sử, đề lại, thông lại : Chb.**XXXII**,37

Khi chầu chực làm việc, mũ dùng thanh cát mạo, áo dùng thanh cát y, thường phục dùng các hàng lượt, là, vài , lụa.

Mục "Lễ nghi chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép :

Mũ dương đường : Hình dạng cũng như mũ phốc đầu, duy đằng sau hơi cao, hai cánh thếp vàng.

Thanh cát y : Tục xưa dùng vải nhuộm chàm, sau nhuộm nâu, đem hồ qua đi,lấy chày nện, vò kỹ rồi phơi khô, gọi là thanh cát y.

Thanh cát mạo : Nay không khảo cứu được.

Tháng 10 nhuận, mùa đông. Trịnh Tạc kèm nhà vua đi Phù Lộ.

Vì thấy quân ta đã rút về, Trịnh Tạc bàn đem đại binh vào xâm lấn, bèn kèm nhà vua đi đến châu Bắc Bố Chính, đóng ở Phù Lộ. Trịnh Căn làm thống lãnh, Đào Quang Nhiêu làm thống suất, Lê [Thì] Hiến và Hoàng Nghĩa Giao làm đốc suất, Lê Sĩ Triệt, Trịnh Tế và Thân Tấn làm đốc thị, đem các quân sang qua sông Gianh đóng ở thôn Phúc Tự.

Nguyễn Hữu Dật, trấn thủ châu Bố Chính, đóng ở xã Phúc Lộc, đắp luỹ từ xã An Nẻo đến phường Chu Thị. Hữu Dật sai tướng thuộc hạ là Trương Văn Vân và Vân Trạch (sót họ) chia quân ra để chống cự phòng thủ. Tướng của họ Trịnh là Hoan Trung (sót họ) dẫn quân đem đủ long đình, tàn, lọng quay mặt sang phía hàng trận của Vân Trạch, hô to : "Có sắc mệnh của thiên tử, mở ngay cửa thành để đón tiếp". Vân Trạch trả lời : "Năm trước, khi quân ta rút lui về Hoành Sơn, bọn bay đuổi đánh, lúc ấy có sắc mệnh thiên tử không? Bây giờ muốn đánh thì đánh, bọn chúng bay lừa dối người ta thế nào được?" Nhân đấy Vân Trạch bắn chết được Hoan Trung, quân họ Trịnh sợ chạy. Bọn Đào Quang Nhiêu và Lê [Thì] Hiến, tướng của họ Trịnh, vội tung quân ra đánh, nhưng đánh không được, lại lui về thôn Phúc Tự. Chb.**XXXII**,38

Lời chua – *Phù Lộ* [1]: Xem năm Vĩnh Thọ thứ 3 (Chb. XXXII, 28).

Bắc Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb. XXXI, 29).

Phúc Tự : Tên thôn.

Phúc Lộc, An Nẻo : Tên 2 xã, nay đều thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chu Thị : Tên phường, nay thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Thân Tấn : Người Phương Đỗ, huyện Yên Dũng, đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652) năm Khánh Đức thứ tư triều Lê Thần Tông.

Nhâm Dần, năm Vạn Khánh thứ nhất (1662). (Minh, năm Vĩnh Lịch thứ 17.- Thanh, năm Khang Hi thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Đầm Thịnh Liệt cạn hết nước.

(1) Nay thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Lời chua – *Thịnh Liệt* : Xem Kính Tông, năm Hoằng Định thứ 16 (Chb.XXXI, 12).

Tháng 3.Nhà vua trở về kinh sư.

Lúc ấy, quân họ Trịnh đặt liên doanh ở các xã Trấn Ninh, Chính Thuỷ, hàng ngày khiêu chiến với quân ta. Trấn thủ Nguyễn Hữu Dật đốc suất dân Nam Bố Chính vào cả trong luỹ, cố sức phòng thủ không động binh. Được hơn một tháng, quân của họ Trịnh thiếu lương ăn. Nhân đêm, Trương Văn Vân lẻn ra khe Động Giản, bắn giết hơn trăm người. Trịnh Căn bỏ dinh luỹ chạy. Quân ta đuổi đến sông Gianh. Trịnh Tạc bèn kèm nhà vua trở về kinh sư. Chb.**XXXII**,39

Lời chua – *Sông Gianh* : Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb. XXXIII, 6).

Trấn Ninh, Chính Thuỷ, Động Giản : Tên 3 xã, nay đều ở huyện Phong Lộc, tỉnh Quảng Bình.

Sai Trịnh Kiền và Phùng Viết Tu quản lĩnh binh lính đi đánh Cao Bằng.

Bọn Kính Hoàn, mầm mống nhà Mạc còn sót lại, lại tụ tập quân ở Thất Tuyền. Triều đình bèn hạ lệnh cho thái uý Trịnh Kiền làm thống lĩnh, thiêm đô ngự sử Phùng Viết Tu làm đốc thị đem quân đi đánh. Đồ đảng giặc nghe tin, chạy trốn.

Lời chua – *Cao Bằng*: Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Thất Tuyền : Tức Thất Nguyên, nay là huyện Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb. II, 25).

Tháng 5, mùa hạ. Sửa nhà Thái học.

Lúc ấy, cung tường nhà Thái học, phần nhiều đổ nát, bèn hạ lệnh cho Lễ bộ thượng thư Phạm Công Trứ trông coi việc thờ tự ở Quốc Tử giám, gia công sửa chữa, quy mô rộng rãi khang trang ; lại ngày mồng một và Chb.**XXXII**,40

ngày rằm hàng tháng hội họp các học trò để tập văn bài. Từ đấy phong khí nhà nho có phần phấn khởi.

Tháng 9, mùa thu. Nhà vua có bệnh. Đại xá cho trong nước.

Nhà vua mắc bệnh ung thư, hạ chiếu đổi niên hiệu là năm Vạn Khánh thứ nhất, đại xá cho trong nước.

Lập con là Duy Củ làm Thái tử.

Lúc ấy bệnh ung thư nhà vua chưa khỏi, bèn dụ bảo Trịnh Tạc rằng : "Trước đây, trẫm thấy chưa có người thừa tự, nên đem Duy Tào, người họ khác, lập làm hoàng thái tử. Nay trẫm nghĩ đến tinh linh tổ tiên ở trên trời, nên không dám đem ngôi báu khinh thường phó thác cho người khác. Duy Củ con trưởng của trẫm, nay lên 9 tuổi, đã gần đến tuổi trưởng thành, đáng được nối nghiệp lớn". Trịnh Tạc bèn ra lệnh cho văn võ trăm quan đều vào đơn trì, đợi chờ mệnh lệnh ; nhân đấy, uỷ cho bọn Phạm Công Trứ, Lê Viết Đăng và Lê Đăng Tiến vào nơi nhà vua nằm, nhận cố mệnh[1]. Nhà vua lại dặn bảo như trước hai ba lần nữa. Tạc bèn dẫn bầy tôi tôn Duy Củ làm hoàng thái tử, truất Duy Tào làm người dân thường.

Lời chua - *Duy Tào, người họ khác* :Việc này không khảo cứu được. Chb.**XXXII**,41

Nhà vua mất.

Nhà vua ở ngôi lần trước 25 năm, sau lại ở ngôi 13 năm, hưởng thọ 56 tuổi, miếu hiệu Thần Tông.

Tháng 11, mùa đông. Thái tử Duy Củ lên ngôi vua (tức Lê Huyền Tông),

Kể từ năm sau là năm Cảnh Trị thứ nhất.

---

(1) Xem chú thích số 4, *Chính biên* quyển V, tờ 20.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 33

Từ Quý Mão, Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đến Ất Mão, Lê Gia Tông, năm Đức Nguyên thứ hai (1675), gồm 13 năm. Chb.XXXIII,1

*
* *

Quý Mão, Huyền Tông Mục hoàng đế năm Cảnh Trị thứ nhất (1663). (Thanh, năm Khang Hy thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam Giao.

Sai bọn đô đốc Trịnh Khiêm vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ để chầu chực bảo vệ nhà vua.

Bấy giờ nhà vua mới lên ngôi, còn nhỏ tuổi. Trịnh Tạc sai Trịnh Khiêm, tả đô đốc, Trạc quận công ; Hoàng Sĩ Khoa, hữu đô đốc, Phổ quận công ; Nguyễn Thụ, đô đốc đồng tri, Cường quận công ; Trịnh Doanh, đô đốc thiêm sự, Giao quận công, bốn người này vào kinh thành quản lãnh quân bốn vệ, ngày đêm chầu chực bảo vệ nhà vua.

Lời chua – *Bốn vệ* : Đều là vệ binh trong cung điện.

Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì vệ binh trong cung điện là : tỳ Thị kiệu sĩ quân 50 người, các đội trong Ty Thị cận hiệu lực, vệ Cẩm Y, tỳ Kim Ngô tả loan giá, tỳ Kim Ngô hữu loan giá, mỗi đội 40 người ; các cung Cửu Tiên tả và Cửu

Tiên hữu mỗi cung 36 người ; các đội Tả trực và Hữu trực mỗi đội 40 người ; đội Thiên Hùng số quân 30 người. Còn danh hiệu bốn vệ thế nào không rõ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ sắc lệnh khuyên răn các quan trong Ngự sử đài ; khảo xét các viên thú lệnh[1] siêng năng hoặc lười biếng. Chb.XXXIII,2

Ra sắc lệnh cho Ngự sử đài và các viên giám sát ở 13 đạo : xét hỏi đơn từ kiện tụng, phải tuân theo luật lệnh, giữ được thanh liêm cần mẫn, không được để công việc ứ đọng, không được làm trái với pháp lệnh đã định.

Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát các xứ : khảo xét các viên phủ huyện thuộc dưới quyền mình, xem người nào biết hết lòng thương yêu nuôi dưỡng dân, thi hành chính sự được công bằng, xét xử kiện tụng được hợp lý ; người nào hà khắc, tham ô, bỉ ổi, chính sự lười biếng bê trễ. Các quan hai ty đều kê tên các hạng phủ huyện ấy trình bày, để sẽ thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

Tháng 6. Bắt đầu sai sứ thần sang nhà Thanh.

Lúc ấy nhà Minh đã mất, nhà Thanh vào Yên Kinh xưng hoàng đế. Về phần nhà Lê chưa từng sai sứ thần sang thông hiếu với nhà Thanh. Năm trước, triều đình nhà Thanh cho người đem sắc thư dụ bảo và tặng cho bạc và lụa. Vì thế, mới bắt đầu sai chánh sứ Lê Hiệu, phó sứ Dương Hạo và Đồng Tồn Trạch sang nhà Thanh nộp lễ cống hàng năm, tạ ơn việc tặng bạc, lụa và cáo phó việc Lê Thần Tông mất.

Lời chua – *Lê Hiệu* : Người xã Quan Trung, huyện Đông Thành, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Tồn Trạch : Người xã Triều Dương, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1648) năm Phúc Thái.

(1) Tức viên tri phủ, tri huyện.

Dương Hạo : Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm[1], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), năm Dương Hoà triều Lê Thần Tông.

Thuỷ tai.

Nước sông Nhị tràn ngập, ruộng lúa phần nhiều bị lụt, nhất là hai phủ Khoái Châu và Thường Tín càng bị nước phá hại nhiều hơn. Chb.**XXXIII**,3

Lời chua – *Sông Nhị* : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Khoái Châu : Xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long ứng thứ 4 (Chb, V, 32).

Thường Tín : Tên phủ, thuộc Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Cấm thi hành hình luật chuộc tội.

Theo chế độ cũ, 5 luật hình[3] đều được phép chuộc tội. Đến nay hạ lệnh cho các quan xét hình ngục ở trong kinh ngoài các đạo : những phạm nhân nào không được dự vào bát nghị[4], đều phải theo hình luật đã luận tội nặng hay nhẹ mà thi hành, không được phép chuộc.

Lời chua – *Thể lệ chuộc tội* : Theo "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì danh lệ hình luật triều Tiền Lê[5] người phạm tội được nộp tiền chuộc như thế này :

– Tội phạt đánh bằng trượng được phép nộp tiền chuộc : Nếu người phạm tội là quan tam phẩm thì cứ mỗi trượng nộp chuộc 5 tiền, tứ phẩm 4 tiền, ngũ và lục phẩm 3 tiền, thất và bát phẩm 2 tiền, cửu phẩm và thứ nhân 1 tiền.

(1) Nay thuộc xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.
(3) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới. Về ngũ hình, ở đây *Cương mục* chỉ nói tội phạt trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử, còn tội phạt đánh bằng roi không thấy nói đến, có lẽ tội phạt đánh bằng roi không đặt thể lệ chuộc bằng tiền.
(4) nt.
(5) Sử thần triều Nguyễn nhận từ Lê Thái Tổ đến Lê Chiêu Tông là Tiền Lê, từ Lê Trang Tông, trở đi là Hậu Lê. Xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXIV, tờ 6.

- Tội đồ được phép nộp tiền chuộc : Phải đồ làm lính chăn voi (tượng phường binh) nộp chuộc 60 quan, phải đồ làm lính đồn điền nộp chuộc 100 quan.

- Tội lưu được phép nộp tiền chuộc : Lưu đi cận châu (1) nộp tiền chuộc 130 quan, viễn châu (2) 230 quan.

- Tội tử hình nộp tiền chuộc 330 quan.

Bát nghị (8 tiêu chuẩn được viện dẫn ra trong khi nghị tội) :

1. Nghị thân (phạm nhân là người họ thân của vua chúa).

2. Nghị cố (phạm nhân trước kia giúp vua chúa đã lâu, được vua chúa tin yêu).

3. Nghị hiền (phạm nhân là người có đức hạnh đáng làm khuôn thước).

4. Nghị năng (phạm nhân có tài năng về quân sự hoặc chính trị vượt hơn mọi người). Chb.**XXXIII**,4

5. Nghị công (phạm nhân có công đánh giặc hoặc mở mang bờ cõi trong nước).

6. Nghị quý (phạm nhân có chức tước cao).

7. Nghị cần (phạm nhân đã từng cần mẫn khó nhọc khi làm việc ở trong nước hoặc đi sứ ở nước ngoài).

8. Nghị tân (phạm nhân là dòng dõi con cháu của vua các triều trước, giữ việc tế tự ở miếu thờ các vua triều trước. Người này được vua chúa đương thời coi như người khách, không dám coi là bầy tôi, nên gọi là "tân").

Tiêu chuẩn bát nghị kể ở trên, chép trong sách *Chu Lễ*.

Tháng 7, mùa thu. Ban bố rõ giáo điều cho trong nước.

(1) Thời Lê Thái Tổ : cận châu là Nghệ An, viễn châu là Bố Chính (xem thêm Chb, XV, 10). Còn thời Lê Trung Hưng có thay đổi thế nào, chưa rõ.
(2) Nt.

Đại lược giáo điều nói : Làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua ; làm con phải giữ đạo hiếu ; anh em hoà thuận với nhau ; vợ chồng kính yêu lẫn nhau ; Chb.XXXIII.5
bè bạn giữ lòng tin thực để giúp đỡ nhau làm điều hay ; cha mẹ sửa mình để dạy bảo con ; thầy trò dùng đạo nghĩa đối đãi với nhau ; người gia trưởng trước hết tự mình giữ lễ nghĩa để dẫn đường cho người trong nhà ; con em phải tôn kính cha anh ; đàn bà không được trái đạo đối với chồng. Ở trong hương đảng thì người lớn người bé yêu kính nhau ; cùng nhau mở mang việc lợi, trừ bỏ việc hại, không được cậy mình mạnh mà lấn áp người yếu, không được bày ra kiện tụng để làm lợi riêng ; chớ chiếm đường sá làm vườn tược, chớ lấn khe cừ làm hồ ao ; cùng nhau hưởng chung mối lợi ở núi, rừng, sông, chằm ; chọn người đứng đắn ra làm người đứng đầu ở phường, trang, thôn, xã ; nghề nghiệp sinh sống cần phải chăm chỉ siêng năng ; lệ lượt hương ẩm cần phải sẻn nhặt ; chớ dựa quyền thế người khác hoặc cậy quyền thế mình mà gửi gắp việc kiện tụng ; chớ cố ý đem người già người yếu mà sinh sự để gieo vạ cho người lương thiện; cầu cống đường sá, chỗ nào hư hỏng thì tùy tiện sửa chữa bồi đắp ; người giữ việc lại điển[1] không được điên đảo sổ sách giấy tờ ; không người nào được xâm phạm phá huỷ lăng miếu, đền thờ, mộ địa ; con trai, con gái chớ làm đồng cốt theo dị đoan ; nhà có việc tang chớ nhân ngày trung nguyên[2] bày ra cúng Phật ; chớ ngạo mạn với quan trưởng ; chớ dụ dỗ người đem bán, việc dựng vợ gả chồng nên phân biệt nòi giống, chớ tính toán tiền tài ; lễ tang mà tuỳ theo cảnh nhà giàu hay nghèo, chớ sách nhiễu về việc ăn uống.

(1) Người giữ sổ sách giấy tờ, nói chung, người giữ công việc ở văn phòng các nha môn,nói riêng. Ở đây, có lẽ chỉ những người giữ sổ sách giấy tờ trong thôn trong xã như thư ký, thủ bạ, lý trưởng sau này.

(2) Ngày rằm tháng bảy âm lịch, ta thường gọi là ngày vong nhân xá tội.

Giáo điều này tất cả 47 điều, ty Thừa chính, Hiến sát các xứ và phủ, huyện, châu, mỗi nha môn phải sao một bản treo ở công đường làm việc.Ở các làng, thì xã trưởng chép vào một tấm biển treo ở trong đình, cứ ngày hương ẩm[1] hội họp già trẻ, trai gái trong làng, rồi đem giáo điều giảng đọc hiểu bảo, khiến mọi người biết mà khuyên răn để tiến lên phong tục tốt đẹp.

Lời phê - *Giáo điều không gì trước hơn là "làm bầy tôi phải hết lòng trung với vua". Khi mở sách ra đã thấy nghĩa câu ấy đứng hàng thứ nhất. Nhưng thử hỏi lúc bấy giờ đã thi hành điều ấy hay chưa*[2]*? Còn các điều khác không cần gì phải kể đến.*

Tháng 8. Hạ lệnh : phân biệt đối xử với những người nhà Thanh đến trú ngụ.

Bấy giờ người nhà Thanh phần nhiều đến trú ngụ ở dân gian, làm cho phong tục hỗn độn. Triều đình bèn hạ lệnh cho ty Thừa chính các xứ xét trong hạt mình, nếu có khách trú ngụ là người nhà Thanh thì phải tuỳ tiện đối xử, để phân biệt phong tục nước ngoài.

Tháng 10, mùa đông. Nhắc rõ lại lệnh cấm người theo tả đạo Gia tô.

Trước đây, có người Tây Dương gọi là Hoa lang di, vào ở trong nước ta đem đạo dị đoan[3] của Gia tô lừa dối dụ dỗ làm ngu muội dân chúng, những người quê mùa nông nổi phần nhiều tin mộ đạo ấy, họ lập toà giảng nghe giảng đạo, sự mê hoặc đắm đuối mỗi ngày càng sâu rộng. Trước đã hạ lệnh đuổi người truyền đạo ấy đi, nhưng còn bọn Chb.XXXIII,6

(1) Tế thần theo tiết lễ hàng năm, rồi già trẻ cùng nhau ăn uống, vị thứ chỗ ngồi phần nhiều theo tuổi.
(2) Chỉ việc Trịnh Tạc đối với vua Lê.
(3) Theo quan điểm của sử gia xưa, chỉ có đạo Khổng Mạnh là chính đạo, ngoài ra các đạo học khác đều là dị đoan, nên họ chép đạo Gia Tô là dị đạo.

tiểu nhân thấm sâu vào tập tục ấy chưa thay đổi được, nên đến nay lại hạ lệnh cấm.

Lời chua - *Tây Dương* : *Nhất thống chí* nhà Thanh chép : Năm Vạn Lịch thứ 9 (1581) triều nhà Minh, Tây Dương có Lỵ Mã Đậu[1] mới vượt biển đến vụng Hương Sơn thuộc Quảng Châu ; đến năm thứ 29 (1601) Lỵ Mã Đậu bèn vào Yên Kinh, đồ đệ của ông ta theo đến rất đông, đều tôn sùng đạo Thiên chúa, họ rất có tài về việc chế tạo và sáng tác.

Hoa Lang : Theo "Truyện ngoại quốc" trong *Minh sử*, thì Hoa lang tức là Hoà lan, cũng ở Tây Dương, tập tục đọc sai là Hoa lang. Sách *Kiến biểu bí lục* của Chử học Giá nhà Thanh chép : cuối năm Gia Tĩnh (1522-1566) triều Minh, Mã Đậu họp tập người đồng bạn đi tàu vượt biển du lịch các nước gồm 6 năm, đến nước An Nam rồi vào địa giới Quảng Đông.

Gia-tô : Theo sách *Dã Lục*[2], thì ngày tháng 3 năm Nguyên Hoà thứ nhất (1533), đời Lê Trang Tông, người Tây Dương tên là Y-nê-xu[3] lén lút đến xã Ninh Cường, xã Quần Anh huyện Nam Chân[4] và xã Trà Lũ huyện Giao Thuỷ [5], ngấm ngầm truyền giáo về tả đạo Gia Tô.

Bổ dụng Đinh Văn Tả giữ công việc đô tổng binh sứ ở xứ Yên Quảng.

Địa phận xứ Yên Quảng ở ven biển, giáp với châu Khâm nhà Thanh, thường có giặc biển quấy nhiễu, triều đình bèn sai Văn Tả trấn giữ đất này. Chb.**XXXIII**,7

Lời chua - *Yên Quảng* : Tức xứ Yên Bang xưa, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 25, 35).

---

(1) Matteo Bicci (1552 - 1610), một giáo sĩ truyền đạo Gia tô của Ý Đại Lỵ.
(2) Cũng như Dã sử, sách của tư gia ở dân gian ghi chép, khác với sách của sử quan, nên gọi là Dã Lục.
(3) *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim phiên âm "I-nê-khu", nhưng phải phiên là "I-nê-xu" mới đúng, vì chính tên là Ignatio.
(4) Nam Chân và Giao Thuỷ nay đều thuộc tỉnh NamĐịnh
(5) Nt.

Tổng binh : Hồi đầu triều Lê đặt chức tổng binh, niên hiệu Hồng Đức (1470–1497) thêm vào là đô tổng binh sứ [1]. Chức này phẩm trật chánh tam, tức là trấn thủ trong một trấn.

Tháng 11. Miễn trừ hoặc giảm nhẹ tiền quý, tiền thuế cho dân, có chỗ nhiều chỗ ít khác nhau.

Vì có có nạn thuỷ tai.

Lời chua – *Quý và thuế* : Tính từng suất đinh mà đánh thuế gọi là "quý" ; đo đạc ruộng công mà đánh thuế gọi là "thuế".

Giáp Thìn, năm thứ 2 (1664). (Thanh, năm Khang Hy thứ 3).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại điều lệ thi hội.

Từ năm Quang Hưng (1578- 1599) trở về sau khôi phục lại chế độ cũ, cứ ba năm một lần thi đại tỷ, nhưng quy chế thể thức trường thi hãy còn sơ lược. Đến nay, mới san định rõ lại từng điều, từng khoản. Việc ấn định này, từ đây trở về sau bèn giữ làm thể lệ thường hành.

Lời chua – Niên hiệu Quang Thuận năm thứ 4 (1463) đời Lê Thánh Tông bắt đầu định thể lệ ba năm một lần thi đại tỷ, sau giữ làm lệ thường.

Niên hiệu Quang Hưng năm thứ 3 (1580) đời Lê Thế Tông khôi phục lại khoa thi hội.

Theo "Khoa mục chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, năm ấy định thể lệ thi hội như sau :

---

(1) Cương mục chua lầm. Hồi đầu triều Lê, Thái Tổ chia trong nước làm 5 đạo, ở đạo đặt vệ quân, ở vệ đặt chức tổng quản (Chb, XV, 5). Năm Quang Thuận thứ 7, Thánh Tông chia trong nước làm 12 đạo, ở đạo đặt Đô ty cùng với Thừa ty, chức tổng binh đứng đầu Đô ty (Chb, XX, 8). Trong sử Cương mục có chỗ chép tắt là "tổng binh", có chỗ chép đủ là "đô tổng binh sứ" (Chb, XX, 38). Còn chức đô tổng binh sứ đặt năm Hồng Đức thứ 2 là vì lúc ấy mới khai thác đạo Quảng Nam nên cũng theo như 12 đạo mà đặt đô tổng binh sứ ở Đô ty Quảng Nam, không phải đến năm Hồng Đức mới thêm vào là đô tổng binh sứ - chữ "sứ" trong câu đô tổng binh sứ chép ở đây *Cương mục* in lầm ra chữ "thuế".

Trường thi hội đặt ở trước sân điện Giảng Võ, bốn chung quanh rào hai lần giậu kín, một lần giậu thưa, hào rãnh ở chung quanh trường đều bố trí một lượt chông chà.

Giữa trường thi làm 4 vỉ, có một ngôi nhà làm công đường của thí viện, còn viện Đồng Khảo, viện Giám khảo mỗi viện đều ở riêng một nơi. Chb.**XXXIII**,8

Các cử nhân[1] chiếu theo tên mình đã viết vào thẻ cắm ở chỗ nào thì chia nhau ngồi ở chỗ ấy mà làm bài, mỗi chỗ ngồi đều che bằng lều tre.

Các viên quan tham dự công việc trong trường thi có : một viên Đề điệu, dùng bậc đại thần trong hàng quan võ ; một viên Tri cống cử, dùng viên quan trong hàng Thượng thư hoặc Đô Ngự sử đài ; hai viên Giám thí, dùng các viên quan trong hàng Thị lang hoặc phó Thiêm đô ngự sử ; viên đóng ấn vào quyển thi dùng viên quan Thượng bảo tự khanh, viên quan này phụng lĩnh ấn ngự bảo đóng vào quyển thi và niêm phong quyển.

Văn thể dùng giọng hồn hậu tao nhã, cấm dùng lời phù phiếm, đơn bạc, hiểm hóc, trúc trắc. Kỳ thi đối sách trình bày công việc hiện thời, cần phải châm chước cho đắc thể, thích ứng với sự thực, không được làm những lời quá khoe khoang.

Việc đằng lục[2], đối đọc[3], thì các kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam dùng nho sinh và sinh đồ các phủ, chiếu theo từng kỳ một mà thay đổi nhau ; đến kỳ đệ tứ thì đều đem lại điển ở nha môn thay thế cho nho sinh, sinh đồ các phủ.

---

(1) Túc những người đã đỗ kỳ thi hương nay được vào thi hội, đáng lẽ phải chép là "hương cống" mới đúng, ở đây *Cương mục* chép "cử nhân" là sai vì triều Lê, người đỗ thi hương gọi là hương cống, đến năm Minh Mạng thứ 6 (1825) mới đổi gọi là cử nhân.

(2) Sĩ tử làm bài xong, đem quyển đệ nộp, sau khi đó, giám sinh, sinh đồ hoặc lại điển theo nguyên văn mà viết tinh tường lại, thành một quyển khác.

(3) Sau khi đã viết lại rồi, lại phải đọc quyển nguyên văn để đối chiếu với quyển viết lại cho được đúng.

Còn như những việc kiểm xét sĩ tử khi mới vào trường, đi tuần chung quanh trường để phòng gian trá, niêm phong quyển thi, soạn số hiệu quyển thi, đưa quyển thi từ viện này đến viện khác, viết tên các sĩ tử vào bảng để treo ở cửa trường và các vật dụng cung đốn, cũng đều có định thành điều khoản thứ mục.

Lời phê – *Đối sách mà phải "châm chước cho đắc thể", thế là mở ra thói a dua, chỉ vì e rằng sĩ tử làm văn lại nói động đến họ Trịnh đấy thôi. Học giỏi như Lưu Phần*(1) *mà thi khoa này tất nhiên cũng bị đánh hỏng. Còn đặt khoa cử cầu lấy nhân tài làm gì nữa?*

Tây Vương Tạc vào chầu vua không phải lạy, tờ chương tấu không phải xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua.

Tạc, vượt đẳng cấp bầy tôi, lấn uy quyền nhà vua, không kiêng nể gì. Muốn tự gia phong cho mình được điển lễ đặc biệt, trước hết Tạc yêu cầu nhà vua ban tờ chiếu cho được ưu đãi, để che tai mắt người ngoài. Từ đây trở đi, thanh kiếm thái a, họ Lê nắm đằng lưỡi, họ Trịnh nắm đằng chuôi(2), mất hết lễ nghi đường bệ(3). Chb.XXXIII,9

Lời phê – *Không phải từ đây, mà đã nảy mầm từ lâu rồi. Cũng như băng tuyết đã báo dấu hiệu ngay từ khi mới có sương.*

Lời cẩn án – *Theo lễ, thì bầy tôi không được vượt quá chế độ, người nào vượt chế độ là người ấy không còn biết đến người trên mình nữa, tội ấy không còn gì lớn hơn.*

(1) Một danh sĩ đời Đường, thời đại Văn Tông nhà Đường (827- 840). Lưu Phần đi thi, cực lực vạch mặt bọn hoạn quan chuyên quyền hại nước, quan trường sợ bọn hoạn quan, không dám lấy đỗ. Một người trong bọn thi đỗ nói : "Lưu Phần hỏng mà chúng ta đỗ, chả đáng mặt dày lắm sao?".

(2) Nguyên văn chép "thái a đảo trì", Thái a là tên một thanh kiếm sắc bén ; câu này ý nói người làm vua không biết giữ lấy quyền bính mà giao cho người khác, thì cũng như người có thanh kiếm sắc mà để người khác giữ đằng chuôi, mình giữ đằng lưỡi, tất nhiên bị hại.

(3) Đường : chỗ cao lớn tôn nghiêm, tượng trưng ngôi của vua chúa. Bệ : chỗ thấp bé, tượng trưng địa vị bầy tôi.

Nhà Lê suy yếu, chính quyền lọt vào tay Trịnh Tùng. Tùng tự gia phong cho mình lên tước vương, kể đã là lấn quyền vượt phận quá đỗi. Đến như Tạc lại giả thác mệnh lệnh của vua mà tự gia cho mình điển lễ đặc biệt : vào chầu không lạy, chương tấu không xưng tên, đặt chỗ ngồi ở bên tả chỗ ngồi của vua. Những việc ấy, Đổng Trác, Tào Tháo nhà Hán(1)*, Lưu Dụ nhà Tấn*(2) *chưa từng làm mà Tạc dám làm, Đổng Trác, Tào Tháo, Lưu Dụ chẳng qua chỉ không xưng tên trong tờ chương tấu, không đi rảo bước lúc ở triều đường và được đeo kiếm, đi giầy lên trên điện, thế mà sách* Cương mục *(của Chu Tử) còn chép đủ các tội ấy để tỏ rõ việc tiếm quyền của bọn này. Huống hồ Tạc là người hung hãn trái ngược quá chừng, tội của hắn không thể nào tha thứ được, cho nên chép ra đây để răn những kẻ không giữ đạo làm tôi.*

Tháng 4, mùa hạ. Thi khảo lại sinh đồ ở giữa bãi sa bồi sông Nhị.

Trước đây, phép thi sơ lược rộng rãi, học trò vào trường phần nhiều mang theo bài cũ. Từ năm Canh Tý đến nay, đã nhiều lần có lệnh cấm ngăn, mà người được đỗ vẫn còn nhiều hạng người mượn tay người khác làm bài hộ, vì thế mà lời bàn tán của quần chúng xôn xao sôi nổi. Đến đây, triều đình sai quan thi khảo lại những sinh đồ đã lấy đỗ trong ba khoa : Đinh Dậu, Canh Tý và Quý Mão.

Đầu bài thi : Làm một bài thơ theo luật Đường; ám tả một chương chính văn và đại chú trong tứ truyện. Chb.XXXIII,10
Người nào đỗ vẫn được giữ nguyên là sinh đồ; ngoài ra, những người không đỗ sẽ ở lại học tập ba năm và

(1) Đổng Trác, Tào Tháo đều người cuối thời Đông Hán. Dưới triều Hán Hiến đế, Trác tự xưng là Thái sư, sau khi Trác bị Vương Doãn giết, Tháo tự xưng là Thừa tướng. Trác và Tháo đã lần lượt thay đổi nhau uy hiếp Hán Hiến đế, nắm hết quyền bính trong nước.

(2) Lưu Dụ, một viên tướng quốc nhà Tấn, giết An Đế và truất Cung Đế nhà Tấn, cướp lấy ngôi vua, tức là Tống Vũ đế của Nam triều trong thời kỳ Trung Quốc chia ra Nam Bắc triều.

được miễn trừ tạp dịch ; lại thi một lần nữa, nếu người nào không đỗ sẽ cho trở về hạng dân đinh để chịu tạp dịch. Lúc ấy, những người bị đánh hỏng đến quá một nửa.

Lời chua - *Đinh Dậu* : Tức năm Thịnh Đức[1] thứ 5 (1657) đời Lê Thần Tông. *Canh Tý* : Tức năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông. *Quý Mão* : Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông.

Sinh đồ : Học trò thi hương lọt được ba kỳ gọi là sinh đồ, cũng như tú tài bây giờ.

Tháng 5. Được mùa to.

Bắt đầu ấn định phép ngũ lượng[2].

Đầu niên hiệu Thịnh Đức, triều đình ban cái thăng công bằng đồng cho hai ti[3] ở các xứ, cái thăng ấy theo khuôn thước cũ đời Hồng Đức, mỗi thăng là sáu cáp gạo. Nay Phạm Công Trứ bàn theo trong kinh sách, lấy trong ống hoàng chung chứa được 1.200 hạt thóc làm một thược, cứ 10 thược làm một cáp, 10 cáp làm một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm một hộc. Còn như cái thăng công bằng đồng ban hành trước kia, không hợp với số lượng ấn định ấy, nghĩ xin dựa theo phép ngũ lượng cho đúc lại rồi ban hành.

Lời chua - *Thịnh Đức* (1653-1657) : Niên hiệu Lê Thần Tông.

Ban hành thăng bằng đồng : Việc này *Sử cũ* không chép.

Ngũ lượng : Tức thược, cáp, thăng, đấu, hộc.

Tháng 6. Định thể lệ tiền phạt, tiền bồi thường về những án nhân mạng. Chb.XXXIII,11

Trong dân xã có người gian ác hung tợn gây ra án mạng, mà lúc ngày thường người cùng họ, cùng làng với hung thủ đã

(1) *Cương mục* chép lầm là Khánh Đức.
(2) Năm thứ dùng để đong lường.
(3) Tức Thừa Chính sứ ti và Hiến Sát sứ ti.

không biết răn bảo ngăn cấm, đến lúc xảy ra việc án mạng, lại không biết bắt hung thủ giải nộp lên quan, thì trong họ, trong xã đều phải phạt 50 quan tiền ; còn tiền đền mạng thì thu ở người can phạm, nếu người can phạm không đủ sức nộp, thì lấy tiền phạt cấp cho bên có người bị hại làm tiền tống táng.

Lời chua - *Tiền đền mạng* : "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) đời Lê Thần Tông, lệ định : Người nào đánh chết người, thì gia tài người ấy đem niêm phong tịch ký để làm tiền đền mạng, còn người can phạm ấy thì chiếu luật luận vào tử hình.

Mồng một, tháng 11, mùa đông. Nhật thực.

Ngày Kỷ Sửu, sao Chổi xuất hiện ở phương đông nam vào vị trí sao Dực và sao Chẩn, đuôi sao Chổi chỉ về phía sao Trương, dài đến 5 trượng.

Trịnh Tạc tâu nhà vua lánh ở điện khác, giảm bớt thức ăn, triệt bỏ âm nhạc; cho vời các quan văn quan võ thương lượng bàn bạc về chính trị điều hay, điều dở, triệt bỏ 13 sở tuần ti trái lệ ngạch ở đường thuỷ và đường bộ. Lòng người lấy làm vui mừng. Ít lâu sau, sao Chổi lặn.

Lời chua - *Mười ba sở tuần ti* : "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : năm ấy triệt bỏ mười ba sở tuần ti trái lệ ngạch là : Chb.XXXIII,12

1. Tuần ti Chính Đại huyện Tống Sơn,
2. Tuần ti Liên Hinh huyện Quảng Xương,
3. Tuần ti Mộ Chu huyện Bạch Hạc,
4. Tuần ti Lục Đầu huyện Thanh Lâm,
5. Tuần ti Vạn Phái huyện Thanh Lâm,
6. Tuần ti Hoàng Giang huyện Thư Trì,
7. Tuần ti Thụ Mệnh huyện Thuỵ Nguyên,

8. Tuần ti Trù Hựu huyện Bảo Lộc.

9. Tuần ti Tứ Kỳ huyện Nga Sơn,

10. Tuần ti Vân Sàng huyện Yên Khang,

11. Tuần ti Am Sài huyện Đông Quan,

12. Tuần ti Lịch Giang phủ Gia Hưng,

13. Tuần ti Tam Kỳ huyện Phượng Nhỡn.

Hạ lệnh cho phạm nhân nào trước kia trốn tránh nay tự ra thú, sẽ được giảm nhẹ hoặc tha bổng.

Lúc ấy, những tù phạm tội phần nhiều đi trốn, nên cho phép đều được tự ra thú, sẽ xét người phạm tội nặng cho giảm nhẹ, người phạm tội nhẹ được tha bổng.

Bắt đầu đặt chức quan Chưởng Phủ sự(1) và Thự Phủ sự(2) trong ngũ phủ.

Trong ngũ phủ đều đặt chức Đô đốc phủ Chưởng Phủ sự và Đô đốc phủ Thự phủ sự. Bổ dụng những người sau đây :

– Thái phó Khê quận công Trịnh Trượng giữ chức Trung quân Đô đốc phủ tả Đô đốc chưởng phủ sự ;

– Lý quận công Trịnh Đống giữ chức Đông quân Đô đốc phủ tả Đô đốc Chưởng phủ sự;

– Thiếu uý Vân quận công Trịnh Kiển giữ chức Nam quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự ;

– Hào quận công Lê (Thì) Hiến giữ chức Tây quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự ; Chb.XXXIII,13

– Thiếu phó Điện quận công Trịnh Ốc giữ chức Bắc quân Đô đốc phủ tả Đô đốc thự phủ sự.

(1) Những chức quan trong ngũ phủ thời Lê - Trịnh có nhiệm vụ bàn định các công việc ở trong phủ, tra xét những tờ khải tâu lên.

(2) - nt -

Lời chua - *Ngũ phủ* : "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Đầu năm Quang Thuận (1460-1469) đời Lê Thánh Tông, đặt chức tả đô đốc, hữu đô đốc trong ngũ phủ[1], chuyên giữ về binh chính. Hồi Lê Trung Hưng mới đặt thêm chưởng phủ sự và thự phủ sự, dùng quan đại thần có vị vọng long trọng giữ chức này. Chức này sau cùng với các chức tham tụng, bồi tụng và quyền phủ làm "ngũ phủ phủ liêu".

Đặt đủ chức thượng thư trong sáu bộ.

Hồi đầu trung hưng sắp xếp quan chức, có tên sáu bộ, nhưng chức quan thượng thư chưa được đủ số. Đến nay bổ dụng :

Tham tụng Phạm Công Trứ làm thượng thư bộ Lại,

Bồi tụng Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Hộ,

Nguyễn Năng Thiệu làm thượng thư bộ Lễ,

Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Binh,

Phan Kiêm Toàn làm thượng thư bộ Hình,

Lê Hiệu làm thượng thư bộ Công. Lại bổ dụng Lê Sĩ Triệt làm đô ngự sử trong Ngự sử đài.

Lời cẩn án - *Triều Tiền Lê*[2] *chưa đặt chức Tham tụng và Bồi tụng, sau khi trung hưng, chính quyền về tay họ Trịnh, mới đặt hai chức này để tham dự giúp đỡ chính phủ*[3]. *Thời đại Lê Thần Tông (1649-1662), Trịnh Tạc bổ dụng Phạm Công Trứ, thượng thư bộ Lễ, và Dương Trí Trạch, thượng thư bộ Lại, đều giữ chức Tham tụng. Từ đấy, tham tụng là chức đứng đầu giúp việc chính phủ mà bồi tụng là chức thứ hai.* Chb.**XXXIII**,14

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 2.
(2) Xem chú thích số 3 Chb. XXXIII, 4.
(3) Từ đây đến hết triều Lê, phàm nói "chính phủ" đều dùng nghĩa chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Lời chua – *Trần Đăng Tuyển* : Người xã Hoàng Mai, huyện Yên Dũng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), năm Dương Hoà triều Lê Thần Tông.

Phan Kiêm Toàn : Người xã Địa Linh, huyện Thuỵ Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1643), năm Phúc Thái, triều Lê Chân Tông.

Vũ Duy Chí : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An.

Định kỳ hạn sửa đắp đê điều

Cứ tháng 10 hằng năm, ti Thừa Chính các xứ sức cho các huyện thuộc hạt đi khám đê đường, xem chỗ nào cần phải sửa đắp : nếu là công trình nhỏ, thì chiếu theo xã nào mà thế nước có thể đến được sức cho dân các xã ấy tự làm công việc sửa đắp, việc sửa đắp này là do huyện trông coi thúc giục ; nếu là công trình lớn thì hạ lệnh cho quan đôn đốc. Hằng năm cứ sơ tuần[1] tháng giêng khởi công, đến trung tuần tháng ba công việc đã phải làm xong. Thể lệ này đặt làm thể lệ lâu dài.

Tháng 12. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Bọn chánh sứ Ngô Quang và phó sứ Chu Chí Viễn sang dụ bảo việc tế Lê Thần Tông.

Khánh thành điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao.

Điện vũ ở đàn Nam Giao, trước kia quy mô nhỏ hẹp, nay sai quan gia công xây dựng thêm, đến đây công việc đã hoàn thành, lại hạ lệnh cho từ thần[2] là bọn Hồ Sĩ Dương soạn văn bia để ghi công việc ấy. Chb.**XXXIII**,15

Lời cẩn án – Kiến văn tiểu lục *của Lê Quý Đôn chép : Đời Hồng Đức định quy chế về đàn Nam Giao ; điện Chiêu Sự ba gian hai chái, đông vũ và tây vũ đều bảy gian, lại có điện*

(1) Cũng như thượng tuần, hằng tháng từ mồng 1 đến mồng 10.

(2) Bầy tôi sở trường về văn từ.

canh y[1], *nhà trai cung*[2] *và nhà bếp, mở ba tầng cửa, bốn chung quanh xây tường.*

Tuỳ bút lục *của Phạm Hổ chép : nước ta có đàn Nam Giao bắt đầu từ đời nhà Lý, đến đời Lê Trung Hưng lại sửa sang xây dựng thêm.*

Nay xét "Lý Anh Tông kỷ" chép "nhà vua ngự ra cửa nam thành Đại La xem đắp đàn Viên Khưu"[3]*. Thế thì từ triều nhà Lý, nước ta đã có đàn Nam Giao, mà điện vũ trong đàn thì bắt đầu xây dựng từ năm Hồng Đức (1470-1497).*

Lời chua - *Điện Chiêu sự* : Ở phía nam thành Thăng Long về địa phận thôn Thịnh An, huyện Thọ Xương, nay nền cũ vẫn còn.

Ất Tỵ, năm thứ ba (1665). (Thanh, năm Khang Hy thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Định phép khảo công.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài khảo xét hành trạng quan lại trong kinh và ngoài các trấn, người có công, người có tội phân biệt xếp thành từng hạng từng bậc.

Về hạng quan chia ra ba bậc : người nào cần mẫn, cẩn thận, công bằng, liêm khiết, thương yêu dân Chb.XXXIII,16
chúng, chính trị bằng phẳng, kiện tụng trôi chảy, liệt vào bậc thượng khảo, người nào không những nhiễu dân về việc đòi hỏi bắt bớ, về việc khoa điều án từ, không khiếm khuyết việc công, liệt vào bậc trung khảo ; người nào tham ô bỉ ổi, kiện tụng để ứ đọng, liệt vào bậc hạ khảo.

Về hạng lại chia ra hai bậc : Người nào thanh liêm, tài cán, siêng năng, nhanh nhẹn, liệt vào bậc trung khảo ; người nào bỉ ổi, tham ô, những nhiễu, liệt vào bậc hạ khảo.

(1) Ngôi nhà để vua thay áo.
(2) Ngôi nhà để vua ở dấy trai giới. Đời xưa, trong cung vua và ở đàn tế trời đất đều có trai cung, gặp năm nào làm lễ tế nam giao hoặc bắc giao, thì trước khi tế, vua trai giới ở trai cung tại trong cung hai ngày và trai giới ở trai cung tại đàn một ngày.
(3) Xem Lý Anh Tông năm Đại Định thứ 15, *Chính biên* quyển V, tờ 6.

Hàng năm, cứ đến cuối năm, Ngự sử đài làm danh sách tâu trình để bàn định thi hành việc truất bãi hoặc cất nhắc.

Tháng 4, mùa hạ. Gia phong tước Hoằng quận công cho Nguyễn Đình Kế, phiên thần[1] ở Lạng Sơn.

Thổ tù Lạng Sơn là Bế Công Lượng và Bế Công Tế trái mệnh lệnh triều đình đã từ lâu ; Đình Kế đến trấn thủ Lạng Sơn dụ dỗ được bọn Công Lượng cam kết quy thuận, được triều đình ngợi khen. Vì thế nên có mệnh lệnh được gia phong này.

Lời chua – *Lạng Sơn* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 31).

Định rõ lại phép khám xét kiện tụng.

Hạ lệnh cho các ty khám xét kiện tụng ở trong kinh và ngoài các trấn, nếu có luận tội phạm nhân đều phải làm tờ khải trình bày : Tội nào luận vào tử hình phải đợi triều đình bàn định lại mới được thi hành ; còn hình phạt luận vào tội cắt gót, tội phạt trượng thì các quan xét kiện được tự xử đoán, nhưng không được để ứ đọng.

Lại định : 1. Thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý ; 2. Nếu việc kiện đã xử đúng lý rồi mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn rỡ, cũng đều tuỳ theo lý lẽ việc kiện lớn hay nhỏ, chức phẩm viên quan xử kiện cao hay thấp mà luận phạt người phúc khiếu càn dỡ ấy nặng nhẹ khác nhau.

Lời chua – *Thể lệ phạt tiền* : "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Năm ấy, định thể lệ phạt tiền viên quan xét đoán kiện tụng không đúng lý như thế này : Chb.**XXXIII**,17

(1) Một danh từ để gọi viên quan trấn giữ biên giới, vì biên giới, cũng giống như cái phên cái giậu để bảo vệ cho đất nước, nên gọi viên quan có bổn phận giữ biên giới là "phiên thần".

Phàm việc kiện lớn xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm, thì viên quan ấy phải phạt 100 quan ; nhị phẩm 75 quan ; tam phẩm 50 quan ; tứ phẩm 30 quan ; ngũ phẩm 25 quan, lục phẩm và thất phẩm 20 quan ; bát phẩm và cửu phẩm 15 quan.

Việc kiện nhỏ xét xử không đúng lý mà người đứng xét xử là xã trưởng hoặc quan phủ, quan huyện, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 5 quan, nếu là thừa chính sứ, hiến sát sứ, đề lãnh, trấn thủ, về trách nhiệm người nào thì người ấy phải phạt 15 quan, ngự sử 20 quan.

Việc kiện đã xét xử được đúng lý mà người đương sự còn tự ý kiện đi kiện lại một cách càn dỡ, sẽ phải phạt tiền như thế này :

Việc kiện lớn, nếu người đứng xét xử là viên quan nhất phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 100 quan ; là nhị phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 75 quan ; là tam phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 50 quan ; là tứ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 30 quan ; là ngũ phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 25 quan; là lục hoặc thất phẩm, thì người phúc khiếu bậy phải phạt 20 quan ; là bát hoặc cửu phẩm thì người phúc khiếu bậy phải phạt 15 quan.

Việc kiện nhỏ, thì người phúc khiếu bậy phải nộp phạt giảm xuống bằng một nửa số tiền nộp về kiện lớn.

Việc kiện lớn : Như những việc lập mưu giết người, ăn trộm, ăn cướp, tranh nhau ruộng đất.v.v...

Việc kiện nhỏ : Như những việc hộ[1], việc hôn[2], đánh nhau và các việc tạp tụng.v.v...

Tháng 8, mùa thu. Sách lập Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Trịnh Thị tên là Ngọc Áng, con gái thứ của Tạc. Khi nhà vua lên ngôi đón vào trong cung, đến nay lập làm hoàng hậu. Chb.XXXIII,18

(1) Như những việc tranh nhau gia tài, tranh nhau đứng thừa tự, ẩn lậu dân đinh, trốn tránh phu đài tạp dịch, thuế khoá không công bằng.v.v...

(2) Như những việc vợ chồng ly dị, đuổi người ở gửi rể để gả chồng cho con gái, vợ cả vợ lẽ tranh nhau ngôi thứ, đương có tang mà lấy vợ gả chồng, đã đi tu lại lấy vợ, v.v...

Tôn mẹ là Phạm Thị làm hoàng thái hậu.

Lời chua – *Thái hậu* : Tên là Ngọc Hậu, người xã Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương[1].

Tháng 11, mùa đông. Giáng chức các viên sau này :

- Thượng thư bộ Hộ Trần Đăng Tuyền làm tả Thị lang bộ Hộ;

- Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Năng Thiệu làm tả Thị lang bộ Lễ ;

- Tả thị lang bộ Lại Nguyễn [Tông] Phong làm hữu Thị lang bộ Lễ ;

- Đô Ngự sử Lê Sĩ Triệt làm tả Thị lang bộ Hình ;

- Phó đô Ngự sử Vũ Vinh Tiến làm Thái bộc tự khanh[2] ;

- Thiêm đô Ngự sử Trịnh [Thì] Tế làm Hồng lô tự khanh[3];

- Thượng thư bộ Hình Phan Kiêm Toàn làm hữu Thị lang bộ Hộ.

Trước đây, Công Kiêm con viên Thượng thư bộ Lại Phạm Công Trứ, do chức tham nghị được thăng thụ lên tham chính, bầy tôi trong triều cho là không xứng đáng, cùng nhau ra sức can ngăn. Tạc không bằng lòng, bèn hạ lệnh cho Phạm Công Trứ cùng Lê Hiệu hội đồng kiểm xét những sự trạng các ti đã làm từ trước. Khi kiểm xét, trích ra được việc Đăng Tuyển, Năng Thiệu, Nguyễn Phong, Sĩ Triệt, Vinh Tiến và Trịnh Tế trước kia thay nhau làm Ngự sử, khám xét ngục tụng để quá kỳ hạn ; còn Kiêm Toàn trước làm việc ở bộ Lại, cất nhắc viên

(1) Thuộc Thanh Hóa, xã Quả Nhuệ, *Toàn thư* in là Bạo Nhuệ.Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
(2) Chức quan trông coi việc giữ xe ngựa, trông coi nuôi ngựa thời Lê - Trịnh.
(3) Chức quan trông coi việc triều hội tân khách, cát hung nghi lễ ở thời Lê - Trịnh.

chức cấp dưới lên trên vượt cả thứ tự. Vì thế, những người này đều bị giáng chức.

Lời chua - *Vinh Tiến* : Người xã Phù Ủng, huyện Đường Hào, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640) năm Dương Hòa triều Lê Thần Tông.

Nguyễn Phong : Người xã Dương Trai, huyện Hương Sơn.

Trịnh Tế : Người xã Nhật Tảo, huyện Lôi Dương.

Phong và Tế đều đỗ Tiến sĩ khoa Canh Dần (1650) năm Khánh Đức triều Lê Thần Tông. Chb.XXXIII,19

Tham chính và tham nghị : Theo quan chế triều Lê trước, thì Tham chính hàm tùng tứ phẩm, tham nghị hàm tùng ngũ phẩm.

Đề cử người hiếu liêm.

Hạ chiếu cho ti Thừa chính các xứ, lựa chọn kỹ trong hạt mình, người nào có đức hiếu thảo và liêm khiết thì kê tên tâu trình, triều đình sai quan xét duyệt, sẽ tùy tài năng từng người trao cho quan chức.

Bính Ngọ, năm thứ 4 (1666). (Thanh, năm Khang Hi thứ 5).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai bọn Thái phó Trịnh Đống và Thiếu úy Lê [Thì] Hiến đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng.

Đồ đảng ác nghiệt nhà Mạc là Kính Vũ lén lút chiếm cứ Cao Bằng, làm cho dân địa phương phải cay đắng. Thông quận công Hà Sĩ Trí hiện giữ chức phiên thần ở Thái Nguyên đem quân bản thổ đi đánh, Sĩ Trí bị Kính Vũ bắt. Tin báo về triều, triều đình sai Đống giữ chức Thống lãnh, Hiến giữ chức phó Thống lãnh, Hồng lô tự khanh Trịnh [Thì] Tế và Cấp sự trung Đỗ Thiện Chính sung làm Đốc thị, đem quân tiến đánh. Kính Vũ giết Sĩ Trí để chạy trốn, quan quân bèn đốt chỗ ở của Kính Vũ, rồi dẫn quân về.

Lời chua - *Thái Nguyên* : Tức Ninh Sóc. Chb.XXXIII,20

Cao Bằng : Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc. Cả hai nơi đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XX, 19, 31, 32, 35).

Tháng hai. Bổ dụng Nguyễn Văn Thực làm Hồng lô tự khanh.

Văn Thực với Giám sát Ngự sử Lê Liêu cùng đỗ khoa sĩ vọng, hai người vốn chơi thân với nhau. Lúc ấy, Văn Thực giữ chức tham chính Thanh Hoa. Lê Liêu, vì có tang, cáo quan, ở nhà, làm nhiều việc trái phép. Văn Thực theo đúng pháp luật, tra hỏi xét đoán không chút tư vị. Tạc khen Văn Thực là người vô tư, thưởng cho 100 quan tiền và cất nhắc bổ dụng.

Lời chua - *Văn Thực* : Người xã Đại Bái, huyện Gia Định[1], đỗ Thám hoa khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Lê Liêu : Người xã Hữu Bộc, huyện Đông Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ.

Mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực.

Ngày Đinh Tỵ, tháng 8, mùa thu. Sao sa như mưa.

Tháng 11, mùa đông. Tuyên dương 13 người bầy tôi tử tiết là bọn Vũ Duệ.

Trước kia, họ Mạc tiếm quyền, giết vua, Chiêu Tông nhà Lê phải bỏ kinh thành chạy ra ngoài, bấy giờ bầy tôi nhiều người tử tiết. Nay tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị xin tuyên dương những người ấy và lựa chọn bổ dụng con cháu của họ.

Lúc ấy những người sau này được sắc phong :

Sắc phong thượng đẳng thần : Vũ Duệ, Ngô Hoán, Nguyễn Mẫn Đốc, Nguyễn Thiệu Tri, Đàm Thận Huy, Lê Tuấn Mậu, Nguyễn Duy Tường và Nguyễn Tự Cường ; Chb.XXXIII,21

(1) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Sắc phong trung đẳng thần : Lê Vô Cương, Nguyễn Hữu Nghiêm, Lại Kim Bảng, Nguyễn Thái Bạt và Nghiêm Bá Kỳ.

Những người được phong làm thần, đều cho dựng từ đường ở trong làng theo thời tiết tế tự như thể lệ tế bách thần. Con cháu của họ thì lựa chọn bổ dụng những người có đức hạnh tốt ; còn những người khác thì đều trừ dao dịch cho nhà họ.

Lời chua - *Sự trạng các bầy tôi tử tiết* : Xem Lê Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 và thứ 10 (Chb. XXVII, 8, 11, 12).

Đinh Mùi, năm thứ 5 (1667). (Thanh, năm Khang Hy thứ 6).

Tháng 3 mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Nhà Thanh sai thị độc Trình Phương Triều và Lễ bộ lang trung Trương Dịch Bôn sang sách phong nhà vua tước An Nam Quốc vương.

Tháng 5, mùa hạ. Tuyển thêm quân lính ở tứ trấn.

Lúc ấy, bàn định đi đánh Cao Bằng, bèn hạ lệnh tuyển duyệt dân đinh ở tứ trấn, chọn lấy người mạnh khoẻ bổ làm lính, để thời thường luyện tập, phòng bị việc đánh dẹp, khi đánh dẹp xong, lại cho về làm ruộng.

Lời chua - *Tứ trấn* : Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây.

Tháng 6. Vỡ đê Thanh Hoa.

Tháng 7. Mùa thu. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Nhuận, phó sứ là bọn Trịnh (Thì) Tế và Lê Vinh sang nhà Thanh nộp lễ cống hằng năm. Chb.XXXIII,22
Lại sai chánh sứ Nguyễn Quốc Trinh, phó sứ Nguyễn Công Bích sung làm sứ bộ tạ ơn.

Lời chua - ***Nguyễn Nhuận*** : Người xã Chi Nê, huyện Chương Đức, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1637) năm Dương Hoà triều Lê Thần Tông.

Quốc Trinh : Người xã Nguyệt Áng[1], huyện Thanh Trì, đỗ trạng nguyên khoa Kỷ Hợi (1659), năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Chữ "Trinh", *Sử cũ* chép là "Khôi". Tham khảo *Đăng khoa lục* chép "Quốc Trinh". Nay chép theo *Đăng khoa lục*. Dưới đây cũng chép như thế.

Lê Vinh : Người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn[2], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thân (1656), năm Thịnh Đức triều Lê Thần Tông.

Công Bích : Người xã Bất Quần, huyện Quảng Xương, đỗ bảng nhãn khoa Kỷ Hợi (1659), năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. *Đăng khoa lục* chép Văn Bích.

Tháng 9. Trịnh Tạc thống lãnh binh sĩ đi bình định Cao Bằng, Mạc Kính Vũ chạy sang nhà Thanh.

Lúc ấy, Mạc Kính Vũ lại lẩn lút chiếm cứ Cao Bằng. Tạc thân hành thống suất đại binh đi đường Lạng Sơn, hạ lệnh cho tiết chế Trịnh Căn đốc suất các tướng đi đường Thái Nguyên, bọn thái phó Trịnh Đống, thiếu uý Trịnh Kiền, Lê (Thì) Hiến, thiếu phó Trịnh Ốc, đô đốc đồng tri Đinh Văn Tả và Lê Châu làm thống lãnh, bọn thị lang Nguyễn Năng Thiệu, Lê Sĩ Triệt, Dương Hạo, Hồ Sĩ Dương, Nguyễn Văn Thực và Trương Luận Đạo làm đốc thị, chia đường cùng tiến thẳng đến Cao Bằng. Chb.**XXXIII**,23

Hay tin đại binh tiến đến, Kính Vũ trốn sang châu Tiểu Trấn Yên nhà Thanh. Quan quân đuổi theo tróc nã, bắt được họ hàng, đồ đảng, ngựa và khí giới không sao kể xiết. Những người xin hàng phục cùng người trước kia bị Mạc Kính Vũ bắt hiếp phải theo đều được khoan hồng tha bổng. Tạc yên uỷ chiêu tập dân trong châu để họ đều trở lại làm ăn như cũ.

Lời chua – *Tiểu Trấn Yên* : Tên châu. Theo *Nhất thống chí* nhà Thanh, thì Tiểu Trấn Yên tức đông Trấn Yên cũ. Nhà Minh chia làm

(1) Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Thanh Hóa.

Châu Tiểu Trấn Yên và đặt thổ (tri) châu, cho thuộc vào phủ Tư Minh ; nhà Thanh cho đổi thuộc vào phủ Trấn Yên.

Luận Đạo : Người xã Kim Hoạch, huyện Thuỵ Nguyên, tên cũ là Quang Tiền, sau đổi Luận Đạo, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), năm Dương Hoà triều Lê Thần Tông.

Mậu Thân, năm thứ 6 (1668). (Thanh, năm Khang Hy thứ 7).

Ngày Kỉ Sửu, tháng giêng, mùa xuân. Sao Thiên Bồi xuất hiện.

Sao Thiên Bồi xuất hiện ở phương Tây Bắc, dài nửa trượng, hình dáng giống sao Chổi.

Lời chua – *Thiên Bồi* : Tên một vì sao. Sách *Sử kí chính nghĩa* chép : Thiên Bồi có một tên nữa là sao Giác, phần chính sao này giống như sao khác, nhưng phần cuối tua nó thì nhọn dài 4 trượng. Sao này xuất hiện thì thiên hạ có binh tranh. Theo sách *Hán thư* thì sao Thiên Thương, Thiên Sàm, Thiên Bồi và sao Chổi hình trạng khác nhau, nhưng nếu xuất hiện thì tai hoạ cũng như nhau. *Khảo yếu* nói : Tuế tinh biến động mà thành yêu quái, thì có tên bốn vì sao kể trên. Còn như sao Thiên Bồi ở ngoài vị trí sao Tử Vi thì lại khác với sao Thiên Bồi nói ở đây.

Đại hạn.

Tháng 2. Trịnh Tạc dẫn quân về, tâu việc thắng trận ở thái miếu. Chb.**XXXIII**,24

Quân của Tạc đánh thắng trận kéo về. Tạc để Đinh Văn Tả ở lại trấn thủ châu Thất Tuyền, bổ dụng Hồng lô tự khanh Nguyễn Văn Thực làm đốc đồng. Tạc về đến kinh thành, cáo yết thái miếu dâng công thắng trận. Phàm bọn đầu sỏ họ Mạc đều xử theo pháp luật, ngoài ra, các người khác đều được tha.

Lời chua – *Thất Tuyền* : Tên châu, trước là Thất Nguyên, nay là Thất Khê, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 18 (Chb, II, 25).

Tháng 4, mùa hạ, Trịnh Tạc tự gia phong là đại nguyên soái thượng sư thái phụ Tây vương.

Nhân có công đánh được nhà Mạc, Trịnh Tạc giả thác sắc mệnh của vua tiến phong cho, nhưng thực là Tạc tự gia phong lấy.

Tháng 6. Bàn định công đánh dẹp Cao Bằng, gia phong quan tước cho bọn Đinh Văn Tả người tước cao tước thấp khác nhau.

Gia phong : Đinh Văn Tả làm tả đô đốc, Trịnh Sâm, Đặng Tiến Thự đều làm đô đốc đồng tri, Dương Hạo làm tả thị lang bộ Lại, Trương Luận Đạo làm Đông các hiệu thư, Lê Châu làm đô đốc thiêm sự, Mai Thế Khang làm tham đốc, Đào Quang Quảng và Lưu Thế Canh đều phong tước quận công. Còn những người khác đều được thăng chức hoặc cao hoặc thấp khác nhau.

Lời chua – *Tiến Thự* : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, dòng dõi Đặng Huấn, công thần trung hưng. Tiến Thự, *Sử cũ* chép Trịnh Điềm, là theo họ tên mà chúa Trịnh ban cho. Nay cải chính. Dưới đây cũng chép như thế. Chb.**XXXIII**,25

Quang Quảng : Người xã Thủy Cam, huyện Thanh Oai.

Tham đốc : Hàng võ giai, hàm tòng nhị phẩm.

Đông các hiệu thư : Hàng văn giai, hàm tòng lục phẩm.

Kỷ Dậu, năm thứ 7 (1669). (Thanh, năm Khang Hy thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta, dụ bảo vua nhà Lê đem bốn châu thuộc Cao Bằng cho Mạc Kính Vũ.

Trước đây, Mạc Kính Diệu sang đầu hàng nhà Thanh, chưa kịp nhận tước phong, Diệu đã mất, con Diệu là Kính Vũ nối nghiệp cha, tiếm xưng niên hiệu Thuận Đức, đặt tên giả

là Nguyên Thanh. Nhà Thanh trao cho chức An Nam đô thống sứ, theo như hiệu cũ mà nhà Thanh đã phong cho Đăng Dung khi trước. Đến nay, quan quân thu phục được Cao Bằng, sai Vũ Vinh Tiến làm đốc trấn để trấn trị. Kính Vũ chạy sang nhà Thanh kêu ca thảm thiết và xin cứu viện. Viên tổng đốc Lưỡng Quảng[1] đem việc này tâu bày, vua nhà Thanh nhận cho Kính Vũ đầu hàng, hạ lệnh cho dời Kính Vũ đến ở tạm tại Nam Ninh, rồi ra đặc chỉ cho nội viện thị độc Lý Tiên Căn và Binh bộ chủ sự Dương Doãn Kiệt sang nước ta dụ bảo, bắt trả lại đất Cao Bằng cho họ Mạc.

Tháng giêng, năm ấy (tức năm Kỷ Dậu 1669), sứ nhà Thanh đến Thăng Long, triều đình nhà Lê dùng lý lẽ biện bác bắt bẻ, kéo dài đến hơn 10 ngày mới tuyên bố sắc văn, rồi lại bàn cho họ Mạc được giữ một châu Thạch Lâm, nhưng Lý Tiên Căn cũng cố giữ lẽ, không nghe, thành ra giằng co đến hơn 40 ngày. Sau Tạc lấy cớ rằng "thờ nước lớn cần phải cung kính theo mệnh lệnh", mới tâu với vua gượng gạo theo lời. Triều đình bèn bỏ đất bốn châu thuộc Cao Bằng cho Kính Vũ, mà triệu Vinh Tiến về. Sau đó Vinh Tiến chết. Chb.XXXIII,26

Lời chua - *Bốn châu* : Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Sứ thần là bọn Nguyễn Quốc Trinh từ nhà Thanh trở về nước, lại định thể lệ cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống.

Trước đây, lễ tuế cống cứ 3 năm dâng một lần, phải đưa đón phiền phí. Khoảng niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619), nhà Minh chuẩn cho cứ 6 năm cùng dâng cả hai lễ cống. Đến nay, triều đình lại muốn theo như việc cũ triều Minh, sai bọn Quốc Trinh nhân đệ lễ tuế cống, vào chầu tâu vua Thanh về việc này, vua Thanh chuẩn y, bèn làm thành thể lệ.

(1) Tức Quảng Đông, Quảng Tây.

Sau bàn định công những người phụng mệnh đi sứ : Quốc Trinh thăng chức tả thị lang bộ Lễ, tước Ngọc Trì tử, Công Bích thăng hữu thị lang bộ Hình, tước Gia Xương nam ; còn Nguyễn Nhuận và Trịnh (Thì) Tế đều chết ở dọc đường, triều đình tặng cho Nhuận hàm thượng thư bộ Công, tước bá, và tặng cho Tế hàm tả thị lang bộ Công, tước tử, cấp cho ruộng của dân để sung vào việc tế tự.

Mồng một, tháng 4, mùa hạ. Nhật thực, đến hết.

Đại hạn.

Chb.XXXIII,27

Tháng 6. Bổ dụng Vũ Duy Chí làm thượng thư bộ Lễ, Trần Đăng Tuyển làm thượng thư bộ Binh, Lê Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Ba người này đều được gia phong chức tham tụng.

Duy Chí là người cẩn thận kín đáo, làm việc có tính toán, thông hiểu về công việc cai trị dân, hơn nữa lại có văn học để tô điểm thêm vào. Trịnh Tạc từ khi làm thế tử, đã để bụng thân yêu tin cẩn, nên Duy Chí được thăng dần đến thượng thư, tước Phương quận công. Đến nay Duy Chí được cùng Đăng Tuyển, Duy Hiệu vào giữ công việc trong chính phủ. Có người nói về tư cách của Duy Chí. Muốn giải thích những mối nghi ngờ, Tạc bèn làm bài "luận giải nghi" bằng cách bày tỏ hết công việc của họ Tiêu, họ Tào, họ Phòng, họ Đỗ[1] ngày trước.

Sau khi Duy Chí đã vào giữ việc trong tướng phủ, gặp tiết nguyên đán[2], trăm quan vào chầu mừng vua Lê rồi, sau đến chầu mừng ở phủ chúa Trịnh. Theo lệ, thì khi vào phủ chúa, trước hết trăm quan thay triều phục rồi sau mới vào làm lễ lạy mừng. Trịnh Tạc bắt trăm quan cứ mặc nguyên áo triều bào.

(1) Tiêu Hà và Tào Tham danh thần đời nhà Hán, Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối danh thần đời nhà Đường. Bốn người đều không do khoa mục xuất thân. Trịnh Tạc viện dẫn ra để giải thích cho những người nghi ngờ về tư cách Duy Chí, vì Duy Chí do lại điển xuất thân.

(2) Tức ngày mồng một tháng giêng âm lịch hàng năm.

Duy Chí nói : "Lễ mừng phủ chúa nên dùng áo thanh cát là đúng, không thể làm trái phép cũ được". Trịnh Tạc bèn thôi. Lúc bấy giờ người ta bảo Duy Chí có phong độ một người bầy tôi biết can ngăn.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Lê Đình Kiên làm đề đốc[1].

Đình Kiên trấn thủ Sơn Nam, làm việc liêm khiết công bằng, dập tắt được mối trộm cướp, làm cho nhân dân yên ổn, nên được cất nhắc giữ chức này.

Lời chua – *Đình Kiên* : Người Bái Trại, huyện An Định.

Đề đốc : Quan chế triều Lê, đề đốc về hàng quan võ hàm chánh nhị phẩm. Chb.**XXXIII**,28

Bọn trộm giết thổ tù Tuyên Quang là Vũ Công Đắc, triều đình bổ dụng Công Tuấn, con Công Đắc, làm đô đốc thiêm sự [2], tước Khoan quận công.

Trước kia, Gia quốc công Vũ Văn Mật đóng ở doanh An Bắc (có chỗ chép An Tây) trấn Tuyên Quang, lúc bắt đầu trung hưng, Văn Mật có công đánh nhà Mạc, được cha truyền con nối giữ trấn Tuyên Quang, đóng ở Đại Đồng ; con Văn Mật là thái phó Vũ Công Kỷ và cháu là thái bảo Vũ Đức Cung đời đời sửa lễ cống theo chức phận ; đến cháu tằng tôn (chắt) là thiếu phó Vũ Công Đắc cậy Tuyên Quang là nơi hiểm trở xa xăm, bèn bè đảng với họ Mạc, tiếm xưng tước vương, lập triều đường, nha môn giả hiệu. Triều đình cũng bao dung nhẫn nại không hỏi gì đến. Đến nay Công Đắc cùng bộ thuộc của hắn là Ma Phúc Trường có sự bất bình với nhau. Công Đắc trong bụng nghi ngờ lo sợ, vào kinh sư nộp tờ cam kết xin quy thuận. Khi đi đến tuần ty Đông Lan, đêm đến, Công Đắc bị bọn trộm giết. Người ta đều ngờ Phúc Trường lập mưu chủ sự việc này.

---

(1) Chức quan võ ở hàm chánh nhị phẩm.

(2) Chức quan võ ở hàm tòng nhị phẩm.

Được tin việc xảy ra, triều đình nghĩ tổ tiên Công Đắc là người có công, không nỡ tuyệt tình, bèn bổ dụng con hắn là Công Tuấn được nối phong tước Khoan quận công, để ở kinh sư, cấp cho dân lộc để phụng thờ tiên tổ, các con trai con gái của Công Đắc đều được triều đình vỗ về yên uỷ. Triều đình lại nhận thấy Phúc Trường không trung thành với người mà hắn phải phụng sự, nên giam vào ngục.

Lời chua – *Tuần ty Đông Lan* : Ở huyện Đông Lan, hồi triều Lê, huyện Đông Lan thuộc trấn Sơn Tây, nay đổi tên là Hùng Quan(1). Địa hạt này trước có đặt cơ sở tuần ty, nên gọi là tuần ty Đông Lan.

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Chb.XXXIII,29 Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 30, 35).

Bắt đầu thi hành thể lệ quân bình suất đinh trong sổ bộ.

Từ khi trung hưng đến nay, theo chế độ cũ, cứ 6 năm một lần lựa chọn xét duyệt dân đinh, số dân đinh thường có khi tăng, khi giảm, thuế khoá nơi nặng nơi nhẹ, không quân bình. Năm Cảnh Trị thứ hai (1664), Phạm Công Trứ giữ việc trong chính phủ, bàn định : "Việc lựa chọn xét duyệt phiền nhiễu luôn luôn, sổ hộ khi tăng khi giảm, vì thế mà bọn lại điển, bọn tổng lý nhân vin vào đấy để làm sự gian giảo, xin thi hành thể lệ bình quân". Bèn sai quan chia nhau đi đến tứ trấn cùng hai phủ Thiên Quan và Trường Yên, xét theo hiện tại xem tài sản của dân nhiều hay ít, ruộng đất các nơi tốt hay xấu, rồi quân bình số thuế về đinh suất. Đến nay sổ hộ đã làm xong, gọi tên là "bình lệ". Trong sổ ghi rõ số đinh số thuế để làm phép tắc nhất định. Sau này số đinh sinh ra cũng không tính, chết đi cũng không trừ.

Lời cẩn án – *Về điều này,* Sử cũ *chép : "Thể lệ bình bổ quý thuế ở tứ trấn đã làm xong". Nhưng tham khảo các sách đều*

(1) Bây giờ là huyện Đoan Hùng thuộc Phú Thọ.

nói : "Bình lệ là sinh ra không tính, chết đi không trừ". Như thế là chỉ nói riêng về thuế thân dung của nhân đinh mà thôi. Lúc bấy giờ, nhân đinh ở Thanh và Nghệ đã phải chịu việc sung bổ vào quân ngũ, ngoài số bổ sung quân ngũ ra, số đinh còn lại không được bao nhiêu. Còn như nhân đinh ở bốn trấn và hai phủ Thiên Quan, Trường Yên chưa từng phải chịu sự bổ sung quân ngũ, thì dân đinh hoặc có nơi tăng nơi giảm không nhất định, vì thế mà thể lệ bình quân thuế đinh chỉ thi hành ở tứ trấn và hai phủ, mà không thi hành đến Thanh Hoa và Nghệ An.

Lại tham khảo Kiến văn tiểu lục *của Lê Quý Đôn chép : "Khoảng năm Cảnh Trị (1663–1671) thi hành lệ bình quân thuế đinh suất, bãi bỏ phép 6 năm một lần làm sổ hộ và tuyên duyệt quân ngũ"*

"Quốc dụng chí" trong Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú chép : "Tính dân đinh mà đánh thuế gọi là quý, đo ruộng đất công mà đánh thuế gọi là thuế".* Chb.**XXXIII**,30

Hai chữ "bình lệ" ở điều này. Sử cũ *gọi chung là "quý thuế", như thế chưa phân biệt được quý và thuế, nên nay cải chính.*

Lời chua – *Thiên Quan* : Tên phủ, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

Trường Yên : tên phủ, Xem Lý Thái Tổ năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb. II, 11).

Canh Tuất, năm thứ 8 (1670). (Thanh, năm Khang Hy thứ 9).

Tháng 3, mùa xuân. Sao Hoả đi vào vị trí sao Nam Đẩu ; sao Kim đi vào vị trí sao Thái Vi.

Lời chua – *Sao Hoả* : Tức sao Huỳnh Hoặc.

Sao Kim : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 16 (Chb. V, 7).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Nguyễn Quốc Trinh, tả thị lang bộ Lễ, chầu chực phụ ở Kinh Diên[1].

Tháng 5. Không mưa.

Tháng 6. Sai thiếu uý là bọn Lê (Thì) Hiến đi bình định Tuyên Quang.

Lúc ấy, con trai Ma Phúc Trường, thổ tù Tuyên Quang, là Phúc Lan và em Phúc Trường là Phúc Điện tụ họp nhiều người đi cướp bóc, dân địa phương bị rối loạn. Triều đình bèn sai Lê (Thì) Hiến làm thống suất, Hồ Sĩ Dương làm đốc thị cùng bọn tham đốc Nguyễn Đức Triêm chia đường tiến đánh, bắt chém tên Phúc Lan, còn Phúc Điện chạy sang đất nhà Thanh. Bọn (Thì) Hiến yên uỷ chiêu tập nhân dân trong châu, rồi kéo quân về. Chb.**XXXIII**,31

Lời chua – *Tuyên Quang* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 30, 35).

Thống suất, đốc thị : Hai chức này chỉ đặc biệt đặt ra trong lúc hành quân đánh dẹp, khác với chức đốc suất và đốc thị đặt ở Nghệ An.

Thiếu uý : Theo quan chế triều Lê, thì thiếu uý về hàng quan võ, hàm tòng nhất phẩm.

Tân Hợi, năm thứ 9 (1671). (Thanh, năm Khang Hy thứ 10).

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong triều đều đề cử người có thể làm nổi công việc thú, lệnh[2].

Phàm người nào có văn học, có đức hạnh, biết phương pháp về đường chính trị, có thể đảm đang được công việc thú, lệnh, thì quan nhất phẩm, nhị phẩm đề cử lấy bốn người : quan tam phẩm đến ngũ phẩm đề cử lấy ba người ; quan lục phẩm

---

(1) Nơi vua chúa đọc sách.

(2) Thú : do chữ "thái thú" nói tắt một danh từ để gọi chức tri phủ. Lệnh : do chữ "lệnh doãn" nói tắt, một danh từ để gọi chức tri huyện. Ở đây chép "thủ lệnh" là nói chung cả tri phủ và tri huyện.

đến bát phẩm đề cử lấy hai người ; rồi đưa sang bộ Lại lựa chọn bổ dụng. Viên quan nào đề cử được người xứng đáng sẽ được ban thưởng ; trong những người đã được đề cử ấy, hoặc có người nào tham ô trái phép, mà viên quan đứng đề cử biết tâu bày cáo tố ngay từ trước, thì được miễn tội, nếu che giấu không tâu bày, thì viên quan đứng đề cử sẽ cùng với người mình đề cử mà làm việc tham ô trái phép cùng phải tội.

Mồng một, tháng 8. Nhật thực. Chb.**XXXIII**,32

Người nhà Thanh bắt tên Ma Phúc Điện giải giao sang nước ta, triều đình cho đem giết chết.

Tổng quản Vân Nam Bình Tây thân vương Ngô Tam Quế nhà Thanh giao cho trấn tiêu[1] du kích ở Khai Hoá là họ Tào và tri phủ là họ Lưu (đều không rõ tên) giải tên Phúc Điện cùng đồ đảng của hắn đến biên giới giao trả cho nước ta. Triều đình đem bọn này cùng với Ma Phúc Trường đều giết chết.

Lời chua - *Vân Nam* : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb, XIV, 10).

Khai Hoá : Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hoà thứ 9 (Chb, XXXIV, 21).

Ma Phúc Trường : Về việc Ma Phúc Trường giết Vũ Công Đắc, thổ tù Tuyên Quang, xem năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb, XXXIII, 28).

Tháng 10, mùa đông. Nhà vua mất.

Dâng tôn hiệu là Mục hoàng đế, miếu hiệu Huyền Tông. Nhà vua ở ngôi 9 năm, thọ 18 tuổi.

Tháng 11. Làm lễ táng ở lăng Quả Thịnh.

Lập điện Kiền Long, hằng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua - *Lăng Quả Thịnh* : Ở xã Quả Nhuệ, huyện Lôi Dương, tức là quê thái hậu Phạm Thị. Chb.**XXXIII**,33

---

(1) Chế độ nhà Thanh : binh lính người Hán đều dùng cờ màu lục. Đơn vị của binh lính này ở các tỉnh gọi là trấn tiêu, do viên tổng binh quản lãnh.

Tạc lập hoàng đệ (em vua Huyền Tông) Duy Khoái lên ngôi vua, đại xá cho trong nước.

Trước kia, lúc Thần Tông mất, con thứ của Thần tông là Duy Khoái mới 2 tuổi. Tạc nuôi dưỡng ở trong phủ. Nay Huyền Tông mất không có con nối ngôi. Tạc đem trăm quan tôn lập Duy Khoái (tức là Gia Tông). Kể từ năm sau là năm Dương Đức thứ nhất, hạ lệnh đại xá.

Nhâm Tý, Gia Tông Mỹ hoàng đế, năm Dương Đức thứ nhất (1672). (Thanh, năm Khang Hy thứ 11).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Giảm bớt số lộc điền cấp cho các công thần, duy Lê Lai là người có công lớn, số ruộng vẫn được cấp như cũ.

Trước kia, Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, bị quân nhà Minh bức bách, Lê Lai khảng khái lăn xả vào nơi hoạn nạn. Sau khi dẹp được quân Minh, đã nhiều lần Lê Lai được tặng phong tước vương và ban cho ruộng tế tự. Đến nay, giảm bớt lộc điền của các công thần, triều đình lấy cớ rằng Lê Lai là người có công lớn, nên ruộng tế tự được cấp từ trước vẫn để nguyên như cũ, giao cho cháu chắt được đời đời phụng thủ để tế tự.

Lời chua - *Việc Lê Lai chết vì nạn nước* : Xem Bình Định vương năm thứ nhất (Chb, XIII, 8).

Tháng 6, mùa hạ. Vũ Công Tuấn làm phản.

Công Tuấn nhân lúc sơ hở, bỏ trốn về Tuyên Quang, quân lính trong kinh sư đuổi theo không kịp[1]. Công Tuấn bèn cướp bóc dân trong châu, làm cho địa phương này bị rối loạn. Chb.**XXXIII**,34

Lời cẩn án : - *Sau này Công Tuấn chạy sang đất nhà Thanh, người nhà Thanh bắt trả về nước ta. Việc này chép ở*

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 28 ở trên.

năm Chính Hoà thứ 10 đời Lê Hy Tông (Chb, XXXIV, 22). Thế mà Sử cũ *lại chép lầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 là Trịnh Ốc đuổi giết được Công Tuấn*[1].

Trịnh Tạc kèm nhà vua đi châu Bắc Bố Chính. Tạc tiến quân xâm lấn đồn luỹ Trấn Ninh, bị quân ta[2] đánh lui. Tháng 12, Tạc dẫn quân về Bắc.

Lúc ấy, họ Trịnh đem đại binh vào xâm lấn : Trịnh Căn giữ chức nguyên soái quân thuỷ, Lê (Thì) Hiến giữ chức thống suất quân bộ, hai tướng này thống lãnh vài ba vạn quân chia đường cùng tiến, còn Tạc thì đi kèm xa giá nhà vua đến châu Bắc Bố Chính.

Thái Tông Hiếu triết hoàng đế ta hạ lệnh cho ông hoàng tư (hoàng tứ tử) tên là Hiệp làm nguyên soái ; đem các tướng hiệu tiến đến Quảng Bình, bọn chưởng doanh Nguyễn Hữu Dật và trấn thủ Quảng Bình Nguyễn Mỹ Đức đóng hàng lượt đồn luỹ chặn giữ ở nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh liền sang qua sông Gianh, lại bố trí một loạt thuyền chiến ở cửa biển Nhật Lệ. Thái Tông Hiếu triết hoàng đế ta thân hành thống suất đại binh tiến đến tiếp ứng cho cánh quân thống soái Hiệp, thanh thế quân lính vang dội xa gần. Tháng 11, Lê (Thì) Hiến, tướng của họ Trịnh, dẫn quân tiến sát đến luỹ Trấn Ninh, bọn Nguyễn Hữu Dật dựa vào nơi hiểm trở, chiến đấu rất hăng, luôn luôn thu được thắng lợi, quân họ Trịnh không thể chống chọi được, rút về đóng ở châu Bắc Bố Chính. Tháng 12, nhân mùa đông giá rét, Trịnh Tạc dẫn quân về, để Lê (Thì) Hiến ở lại giữ chức trấn thủ Nghệ An và Lê Sĩ Triệt giữ chức đốc đồng, đóng ở doanh Hà Trung, chia nhau đóng đồn ở các đường hiểm yếu, vạch đôi Chb.XXXIII,35

(1) Việc Trịnh Ốc sai quân đuổi giết được Vũ Công Tuấn, *Sử cũ* (tức *Toàn thư*) chép nhầm vào năm Dương Đức thứ nhất, chứ không phải chép nhầm vào năm Cảnh Trị thứ 7 như lời cẩn án của *Cương mục*.

(2) Tức quân của Nguyễn Phúc Tần.

sông Gianh làm giới hạn. Từ đây trở đi, phương Nam phương Bắc ngừng việc binh đao.

Lời chua - *Luỹ Trấn Ninh* : Ở tỉnh Quảng Bình, xem Lê Thần Tông, năm Vạn Khánh thứ nhất (Chb, XXXII, 39).

Bắc Bố Chính : Xem Lê Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb, XXXI, 29).

Sông Gianh : Xem Lê Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb, XXXII, 6).

Cửa biển Nhật Lệ : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 4 (Chb. X, 39).

Quý Sửu, năm thứ 2 (1673). (Thanh, năm Khang Hy thứ 12).

Tháng 3, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương, phó sứ Đào Công Chính, Vũ Công Đạo và Vũ Duy Hài. Hai sứ bộ này sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống và cáo phó về việc tang Huyền Tông.

Lời chua - *Mậu Tài* : Người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1646) năm Phúc Thái triều Lê Chân Tông.

Công Chính : Người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại, đỗ bảng nhãn khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông. Chb.XXXIII,36

Công Đạo và Duy Hài : Đều người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Tháng 7, mùa thu. Khởi phục[1] Phạm Công Trứ giữ công việc lục bộ và tham tán việc cơ mật.

Công Trứ làm việc ở chính phủ đã lâu, là một bậc lão thành thông suốt công việc chính trị, trước kia Công Trứ viện lẽ nhiều tuổi, cáo quan về ở nhà. Nay triều đình nghĩ ông ta là người kỳ cựu, nên lại triệu ra làm quan, giao phó cho giữ công

(1) Một viên quan đã về hưu trí, hoặc vì có gì đó mà phải về nghỉ nay lại triệu ra làm quan, gọi là khởi phục.

việc cơ mật. Công Trứ được triều đình ban ơn đãi ngộ hơn hẳn người khác.

Trịnh Tạc bắt đầu hạ lệnh cho văn thần vào ứng chực trong phủ để bàn luận công việc.

Văn thần vào hầu phủ chúa Trịnh gọi là "nhập các" bắt đầu từ đây.

Giáp Dần, năm Đức Nguyên thứ nhất (1674). (Từ tháng 10 trở về sau đổi niên hiệu là Đức Nguyên. – Thanh, năm Khang Hy thứ 13).

Tháng 5, mùa hạ. Quân lính nổi loạn, giết viên bồi tụng Nguyễn Quốc Trinh, cướp phá nhà viên tham tụng Phạm Công Trứ.

Bấy giờ ưu binh Thanh, Nghệ[1] cậy có công lao, sinh ra kiêu ngạo phóng túng. Quốc Trinh và Công Trứ bàn cách kìm hãm ức chế bớt đi, vì thế binh lính không bằng lòng. Lại gặp lúc ấy Phan Kiêm Toàn và Lê Hiệu vừa mới can tội phải giáng chức, có ý bất mãn. Hai người này nhân đà lại xúc xiểm thêm vào. Quân sĩ bèn reo hò ầm ỹ, đón đường giết Quốc Trinh, rồi đến cướp nhà Công Trứ. Công Trứ phải trốn ra ngoài mới được thoát nạn. Trịnh Tạc sợ quá, sai quan đi phủ dụ và cho tiền bạc, bấy giờ quân lính mới chịu yên tĩnh. Chb.**XXXIII**,37

Tạc vời Công Trứ vào trong phủ ban cho vàng bạc để an uỷ sau bắt giết ba người đứng đầu nổi loạn để tế Quốc Trinh, lại truy tặng Quốc Trinh chức thượng thư bộ Binh, tước Trì quận công, cho tên thuỵ là Cương trung và lục dụng con cháu.

Quốc Trinh khi làm quan ở triều, khẳng khái dám nói điều phải điều trái, nay chết ở trong tay loạn quân, nên người ta

---

(1) Binh chế về thời Lê trung hưng : quân lính lấy ở Thanh Nghệ gọi là ưu binh, lấy ở tứ trấn gọi là nhất binh ("Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú).

đều thương tiếc. Kiêm Toàn và Lê Hiệu sau cũng phải tội vì dự mưu với loạn quân.

Lời cẩn án – Sử cũ *chép : "Bồi tụng tả thị lang Nguyễn Quốc Khôi mất, (Trịnh) vương được tin cáo phó, rất lấy làm thương xót". Quốc Khôi tức là Quốc Trinh.*

Nay tham khảo các sách :

– Đăng khoa bị khảo *của Phan Huy Ôn chép : Quân tam phủ*(1) *giết Quốc Trinh, đốt và cướp nhà Phạm Công Trứ.*

– Lữ trung tạp thuyết *của Bùi (Huy) Bích, tham tụng triều cố Lê, chép : Ưu binh đuổi Phạm Công Trứ, giết Nguyễn Quốc Trinh.*

Như thế, rõ ràng là Quốc Trinh bị loạn quân giết chết.

Này, nhà Lê từ lúc trung hưng về sau, chuyên nương nhờ vào ưu binh Thanh Nghệ, tình thế đã thành ra quá lệch lạc, để đến nỗi binh sĩ kiêu ngạo phóng túng như thế. Đã thế, mà lại còn không biết buộc họ vào kỷ luật, chỉ cứ chần chừ cẩu thả, để cho tướng hiệu thì kiêu căng, binh lính thì hung hăn, rồi sau cùng phải đi đến diệt vong. Thế mà người cầm bút chép Sử lại kiêng kỵ việc xảy ra, mà chép là "Quốc Trinh mất"(2)*. Chép như thế, thật đáng cho là quái gở !*

Ngày Kỷ Hợi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày, tranh ánh sáng với mặt trời.

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Tạc tự tiến phong cho con là Trịnh Căn làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định Nam vương. Trịnh Căn tiếm xưng là phó vương.

Phàm văn thư ở phủ Trịnh vương ban ra tiếm xưng là "lệnh dụ" thần dân dâng tờ khải lên phủ Trịnh vương thì nói "cẩn khải văn" (kính cẩn dâng tờ khải để Chb.**XXXIII**,38

(1) Ưu binh Thanh Nghệ, gọi chung là "tam phủ binh", xem thêm *Chính biên* quyển XLV, tờ 32.
(2) Chữ "Trinh" này đáng lẽ phải chép là "Khôi", mới đúng với nguyên văn của *Sử cũ*.

vương soi xét). Văn thư ở phủ phó vương ban ra tiếm xưng là "lệnh chỉ" ; thần dân dâng tờ khải thì nói "cẩn khải" (kính cẩn dâng tờ khải).

Tôn mẹ là Lê Thị làm chiêu nghi.

Lê Thị, tên là Ngọc Hoàn, cung nhân của Thần tông và là sinh mẫu của nhà vua.

Lời cẩn án - *Từ đời cổ, vua chúa tôn xưng danh hiệu mẫu hậu, thì xưng là hoàng thái hậu hoặc hoàng thái phi. Còn như chiêu nghi là hiệu cung giai*(1)*, nay đem danh hiệu ấy tôn xưng mẫu hậu thì thật không ra lễ nghi gì cả. Lúc ấy chính quyền ở trong tay họ Trịnh, vua nhà Lê có cử động việc gì, cũng đều bị ngăn cản ức chế. Như thế thì việc này cũng không có gì đáng lấy làm quái lạ.*

Lời chua - *Ngọc Hoàn* : Người xã Phúc Lộc, huyện Thuỵ Nguyên(2).

Chiêu Nghi : *Cương mục tập lãm*, về "truyện ngoại thích" trong Hán thư, chép: Chiêu Nghi, ngôi thứ ngang với thừa tướng, phẩm tước ví với vua chư hầu. Nhan Sư Cổ giải nghĩa hai chữ "chiêu nghi" rằng : "Làm sáng rõ uy nghi của mình, dùng danh từ này đặt tên hiệu để tỏ ra là bậc long trọng". Theo quan chế đời Hồng Đức chép về cung giai thì chiêu nghi là một cấp bậc trong hàng cửu tần.

Tháng 10, mùa đông. Đại xá. Chb.XXXIII,39

Vì có tai biến sao Thái Bạch, nên đổi năm ấy làm năm Đức Nguyên thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Tháng 12. Bộ Lại bổ dụng viên chức trong kinh và ngoài các trấn 1. 239 người.

---

(1) Cấp bậc phi tần trong nội cung. Xem thêm *Chính biên* quyển XXIII, tờ 16, 17 về cấp bậc cửu tần.

(2) Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Bấy giờ chức quan nhũng lạm phức tạp, một lúc cất nhắc bổ dụng đến hơn ngàn người : làm quan cầu may, viên chức thừa thãi, không còn phân biệt gì cả.

Ất Mão, năm thứ 2 (1675). (Thanh, năm Khang Hy thứ 14).

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua mất.

Dâng tôn hiệu là Mỹ hoàng đế, miếu hiệu Gia Tông. Nhà vua ở ngôi 4 năm, thọ 15 tuổi.

Tháng 6. Làm lễ táng ở lăng Phúc An.

Lập điện Thiên Ninh, hàng năm theo thời tiết cúng tế.

Lời chua – *Lăng Phúc An* : ở xã Phúc Lộc, huyện Thuỵ Nguyên[1], quê của chiêu nghi Lê Thị. Phúc An có sách chép Phúc Lộc.

Tạc lập hoàng đệ Duy Hiệp lên ngôi. Đại xá.

Duy Hiệp, con thứ tư của Thần tông, do Trịnh Thị Ngọc Tấn sinh ra. Lúc Thần Tông sắp mất, trối lại Trịnh Tạc rằng : "Cung nhân là Ngọc Tấn có mang mới được 4 tháng, chưa rõ gái hay trai, xin vương hết lòng trông nom giúp đỡ". Kịp khi sinh, thân thể trạng mạo đẹp đẽ khác người ; Tạc nuôi dưỡng Chb.XXXIII,40
ở trong phủ. Nay Gia Tông mất không có con nối
ngôi, Tạc bèn cùng các đại thần tôn lập Duy Hiệp làm vua (tức là Hy Tông), kể từ năm sau làm năm Vĩnh Trị thứ nhất. Đại xá cho trong nước.

Lời chua – *Ngọc Tấn* : Theo *Ngọc phả triều Lê* thì Trịnh Thị Ngọc Tấn có sách chép Ngọc Trúc, hiệu Từ Khánh, người xã Đông Khối, huyện Gia Định, không phải tộc thuộc của họ Trịnh ở Sóc Sơn. Gia Định nay là huyện Gia Bình.

Định rõ lại chế độ về chức việc của sáu bộ.

- Bộ Lại giữ sự vụ về quan tước, phong chức, ân ban, thuyên chuyển, lựa chọn, xét công trạng, truất bãi hoặc thăng

(1) Thuộc tỉnh Thanh Hóa.

thưởng, và giữ công việc bổ sung quan lại cho khỏi khuyết ngạch, cung cấp số người làm việc ở các nha môn.

- Bộ Hộ giữ sự vụ về ruộng đất, nhân dân, kho tàng, thu phát, và giữ công việc bổng lộc, đồ cống nạp, thuế khoá, muối và sắt.

- Bộ Lễ giữ sự vụ về lễ nghi, tế tự, khánh tiết, yến tiệc, trường học, thi cử và giữ tiết mục về áo mũ, ấn tín, phù hiệu, chương tấu, biểu văn, việc sứ thần đi cống nạp, việc các quan vào chầu mừng, lại kiêm cai quản các ngành tư thiên giám, thuốc thang, bói toán, tăng lục, đạo lục, giáo phường và đồng văn nhã nhạc.

- Bộ Binh giữ sự vụ về việc binh nhung, quân cấm vệ, xe ngựa, đồ nghi trượng, khí giới, và giữ công việc biên giới, lính thú, nhà trạm, phố xá, nơi hiểm yếu và việc khẩn cấp. Chb.XXXIII,41

- Bộ Hình giữ sự vụ về luật lệnh, hình phạt án từ, ngục tụng và xét xử người phạm tội ngũ hình.

- Bộ Công giữ sự vụ về thành hào, cầu cống, đường sá, việc thổ mộc, việc thợ thuyền, và giữ việc tu sửa xây dựng, thi hành lệnh cấm về núi rừng, vườn tược và sông chằm.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng hữu đô đốc Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An kiêm giữ chức đốc suất châu Bố Chính.

Lúc ấy, đốc suất là Lê (Thì) Hiến mất, nên bổ Tiến Thự đến thay. Tiến Thự ở trấn, chính sự chuyên giữ giản dị, thanh tĩnh, nên trong hạt được yên vui.

Dùng Nguyễn Công Bích và Đào Công Chính vào chầu Kinh Diên.

Lúc ấy, nhà vua còn nhỏ tuổi lên nối ngôi, nên dùng Công Bích và Công Chính vào chầu Kinh Diên để giúp đỡ nhà vua học tập.

Tháng 12, mùa đông. Đại hạn.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 34

Từ Bính Thìn, Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676) đến Ất Dậu, Lê Hy Tông, năm Chính Hoà thứ 26 (1705), gồm ba mươi năm. Chb.XXXIV,1

*
* *

Bính Thìn, Hy Tông Chương hoàng đế, năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676). (Thanh, năm Khang Hy thứ 15).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam Giao.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho Hồ Sĩ Dương, thượng thư bộ Công, trông coi việc sửa Quốc sử.

Bọn Thân Toàn phạm tội, bị giáng chức.

Lúc ấy xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn, triều đình nhận thấy đô ngự sử Thân Toàn khảo xét công trạng không đúng sự thật, nên giáng chức Thân Toàn làm tả thị lang bộ Hộ ; còn phó đô ngự sử Vũ Duy Hài và thiêm đô ngự sử Nguyễn Viết Thứ, triều đình nhận thấy hai người này giữ chức việc ở Ngự sử đài còn ít ngày[1], nên đều nghĩ phạt. Về việc này, các quan ngoài trấn vì khi khảo xét phải liệt vào hạng cuối cùng, nên hơn mười người bị giáng chức.

---

(1) Duy Hài và Viết Thứ mới làm việc trong Ngự sử đài từ tháng 11 năm trước.

Lời chua – Theo quan chế triều cố Lê, thì đô ngự sử hàm tòng nhị phẩm, tả thị lang, hữu thị lang và phó đô ngự sử, thiêm đô ngự sử đều hàm tòng tam phẩm.

Nguyễn Viết Thứ : Người xã Sơn Đồng, huyện Đan Phượng [1], đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664), năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Sĩ Giáo và Trần Thế vinh phạm tội, bị bãi chức. Chb.XXXIV,2

Thiêm đô ngự sử Sĩ Giáo là người a dua phụ hoạ, kết bè đảng bênh vực riêng cho nhau, bị bầy tôi trong triều đàn hặc ; giám sát ngự sử Thế Vinh do triều thần bảo cử (triều bảo) thăng chức đề hình ngự sử, Thế Vinh được tin người thân sinh (bố hoặc mẹ) mất, lại ẩn giấu đi không phát tang. Bọn hàn lâm hiệu thảo Nguyễn Đức Vọng thay đổi nhau làm sớ đàn hặc là Thế Vinh không phải người biết giữ đạo hiếu. Vì thế, Sĩ Giáo và Thế Vinh đều bị bãi chức.

Lời chua – *Đề hình* : Theo quan chế triều cố Lê, thì đề hình ngự sử cùng giám sát ngự sử mười ba đạo đều hàm chánh thất phẩm, nhưng ban thứ thì đề hình đứng trên ngự sử mười ba đạo.

Hiệu thảo : Quan chức trong viện Hàn lâm. Chức trách viện Hàn lâm là : phàm tờ chiếu, tờ chế đều do viện này đứng khởi thảo. Về việc các quan trong triều đường bảo cử, mà còn có điều gì chưa được thoả đáng, thì viện này đều được phép hặc tâu để xét lại.

Triều bảo : Tức là quan trong triều đường bảo cử.

Sĩ Giáo : Người xã Mi Sơn, huyện Thanh Chương [2] , đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664), năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thế Vinh : Người xã Phong Xuyên, huyện Tiên Phong [3], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670), năm Cảnh Trị.

---

(1) Nay là xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

(2) Nay là xã Thanh Mai, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

(3) Nay thuộc xã Phú Châu, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Đức Vọng : Người xã Vịnh Cầu, huyện Đông Ngàn[1], đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Tháng 10, mùa đông. Bổ dụng Binh bộ Thượng thư Nguyễn Mậu Tài và Công bộ Thượng thư Hồ Sĩ Dương đều giữ chức Tham tụng.

Trước đây, Mậu Tài từng làm quan phó Đô ngự sử, sau vì có công phụng mạng đi sứ, được thăng Thượng thư bộ Hình. Đến nay, tham tụng Vũ Duy Chí thôi làm quan, về nghỉ, nên Mậu Tài lại được thăng Thượng thư bộ Binh, rồi cùng Sĩ Dương đều vào phủ chúa Trịnh giữ chức Tham tụng. Chb.XXXIV,3

Mồng một, tháng 12. Nhật thực.

Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

Việc kiện về nhân mạng, trộm, cướp và các việc tạp tụng như việc hộ, việc hôn[2], việc ruộng đất v.v... đều tuỳ theo thứ tự xét xử : về án nhân mạng thì trước hết do viên phủ, viên huyện khám nghiệm xét đoán, rồi hai ty Thừa chính và Hiến sát hội đồng khám lại. Về án trộm, cướp : nếu ở trong kinh thì do viên đề lãnh xét xử, nếu ở ngoài các trấn thì do viên trấn thủ xét xử.

Các việc kiện lớn, kiện nhỏ[3] đã qua các nha môn xét xử mà người đương sự chưa phục tình, nếu là việc xét xử ở huyện, ở phủ, ở ty Thừa chính hoặc ty Trấn thủ, thì việc kiện ấy phải phúc trình lên ty Hiến sát ; nếu việc xét xử ở ty Hiến sát, thì phải phúc trình lên viên Giám sát ; nếu việc xét xử ở viên Đề lãnh hoặc viên Giám sát, thì phải phúc trình lên Ngự sử đài.

---

(1) Nay thuộc xã Đồng Nguyên, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Xem chú thích ở *Chính biên* quyển XXXIII tờ 17 về việc hộ, việc hôn, và lời chua của *Cương mục* về việc kiện lớn, kiện nhỏ.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 25,26.

Thời hạn xét xử kiện : việc tạp tụng hạn trong 6 tháng, việc án nhân mạng hạn trong một năm.

Đinh Tị, năm thứ 2 (1677). (Thanh, năm Khang Hy thứ 16).

Mùa xuân. Sai Đinh Văn Tả đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ trốn sang đất nhà Thanh. Địa phương Cao Bằng hết thảy đều bình định được.

Trước đây, Kính Vũ dựa vào thanh thế triều đình nhà Thanh, lại chiếm cứ đất Cao Bằng(1). Đến khi Ngô Tam Quế làm phản ở Vân Nam, Kính Vũ theo để hiệu tiếm nguỵ của Tam Quế và giúp binh lương. Tam Quế chết, quân nhà Thanh kéo vào Quảng Tây. Vì thế, triều đình bàn nhân cơ hội này tiến quân tiễu trừ bọn Kính Vũ. Trước hết đưa thư cho Lại Tháp Lị, tướng quân nhà Thanh, kể rõ tội trạng Kính Vũ ; rồi sai Đinh Văn Tả, Nguyễn Hữu Đăng đem quân đi đánh, Thân Toàn giữ chức Thị sư, Đoàn Tuấn Hoà tham tán việc quân. Chb.XXXIV,4

Tháng 8 năm này, bọn Đinh Văn Tả đánh phá được Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ chạy sang Long Châu, đồ đảng còn lại đều tan vỡ.

Dư đảng nhà Mạc chiếm cứ Cao Bằng, kể từ Kính Dụng đến Kính Vũ, trải 3 đời, 85 năm, đến nay mới dẹp tan, triều đình nhà Lê khôi phục được hết đất Cao Bằng. Sau triều đình cho triệu Văn Tả về, dùng Đặng Công Chất thay thế và để Tuấn Hoà ở lại giữ chức tham trấn.

Văn Tả là người mạnh khoẻ, có thao lược, thường theo lệnh đi đánh dẹp, đánh đâu được đấy, là viên tướng có tiếng một thời. Con cháu sau này đời đời giữ việc binh nhung, người

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 2, 26.

ta có câu ngạn ngữ : "Hàm giang thảo tặc [1]". Câu ấy có ý nói người ở Hàm giang đánh giặc giỏi.

Lời chua - *Vân Nam, Quảng Tây* : Đều xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb.XIV, 10).

Long Châu : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb. VII, 17).

Ngô Tam Quế : *Truyện Nghịch thần* nhà Thanh chép : Tam Quế người Liêu Đông, làm quan Tổng binh nhà Minh. Khi lưu tặc[2] là Lý Tự Thành đánh phá Yên Kinh, Tam Quế đầu hàng nhà Thanh, nhà Thanh trao cho tước Bình tây vương. Năm Khang Hi thứ 6 (1667) chuyển đi trấn thủ Vân Nam ; năm thứ 12 (1673), Tam Quế cùng Ngô Ứng Lân, Ngô Quốc Quý làm phản, tự xưng là Thiên hạ đại nguyên soái ; năm thứ 17 (1678), xưng hoàng đế, tiếm quốc hiệu là Đại Chu ; sau bị bệnh chết, đồ đảng của giặc lập người cháu Tam Quế là Thế Phồn, nối nghiệp ; đến năm thứ 20 (1681) mới dẹp được. Chb.**XXXIV**,5

Hữu Đăng : Người phường Đông Các, huyện Thọ Xương, đỗ Tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông. Phường Đông Các nay là thôn Dũng Thọ[3].

Tuấn Hoà : Sau đổi là Tuấn Khoa, người xã Cự Đồng, huyện Siêu Loại, đỗ Tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hi Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ thể lệ phong thế ấm cho công thần văn võ và thể lệ miễn giao dịch cho lại điển hoặc dân đinh.

---

(1) Câu ngạn ngữ : "Đánh giặc đất Hàm, làm quan họ Đặng". Hàm tức Đinh Văn Tả ở Hàm Giang. Có thuyết nói : "Đánh giặc họ Đinh, làm quan họ Đặng". Vì Đinh Văn Tả và Đặng Đình Tướng cùng làm quan trong một thời. Đinh Văn Tả thì đời đời giữ việc binh nhung. Đặng Đình Tướng thì bố là Yên quận công Đặng Tiến Thự và anh em 5 người đồng thời làm quan to.

(2) Toán người họp nhau đi cướp phá, khi đóng ở vùng này, khi đóng ở vùng khác, gọi là "lưu tặc". Trong *Minh sử* có truyện lưu tặc.

(3) Nay là phố Hàng Bạc, Hà Nội.

Đầu niên hiệu Vĩnh Tộ[1], bầy tôi có quân công được dự phong "công thần", phần nhiều được đời đời phong ấm.

Đến nay, tham tụng Nguyễn Mậu Tài và Hồ Sĩ Dương xin giảm bớt đi, bèn định rõ lại như thế này :

Công thần khai quốc : hàng võ từ đô đốc, hàng văn từ thị lang trở lên ; công thần trung hưng : hàng võ từ đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự, hàng văn từ thị lang, ngự sử trở lên, thì con cháu đều được đời đời phong ấm.

Ngoài ra, những người nào ở trong hai ban văn, võ mà chưa được dự phong "công thần", thì về hàng võ từ tam thái, tam thiếu[2] đến đô đốc đồng tri, đô đốc thiêm sự ; về hàng văn từ tam thái, tam thiếu, thượng thư đến thị lang, con cháu được 5 đời phong ấm.

Các chức dưới thì theo thứ tự giảm dần : hàng võ, từ tứ phẩm trở xuống có quận công ; hàng văn, những người trúng trường đã từng được trao cho giữ chức tá nhị, thì các con những người này đều là quan viên tử ; nhưng nếu người nào mới được trao chức lần đầu, thì chỉ một con trai được miễn dao dịch. Chb.**XXXIV**,6

Tạp lưu cùng lại[3] thừa[4] các nha môn, chỉ được miễn dao dịch cho bản thân mình.

Sinh đồ nộp nửa suất thuế dung.

Dân đinh 50 tuổi là lão hạng, 60 tuổi là lão nhiêu, đều được miễn dao dịch.

---

(1) 1619- 1628, niên hiệu Lê Thần Tông.
(2) Thái sư, thái phó, thái bảo, thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.
(3) Người giữ văn thư giấy tờ trong một nha, như thông lại, đề lại, đạt lại v.v...
(4) Người có chức phận nhỏ : như cung thừa trong một cung, dịch thừa trong một trạm, tượng thừa trong một xưởng thợ.v.v...

Lời chua - *Công thần* : Triều Tiền Lê, khi Thái Tổ dẹp được giặc Minh, phong 227 người công thần, đấy là công thần khai quốc[1]. Triều Hậu Lê từ Trang Tông đến Thế Tông diệt được nhà Mạc, những bầy tôi có công lao được phong là công thần, đấy là công thần trung hưng. Năm Vĩnh Tộ thứ 5 (1623), Trịnh Xuân nổi loạn, xa giá Thần Tông phải chạy về Thanh Hoá, Trịnh Tráng đem tướng sĩ đánh phá Trịnh Xuân, tiến lấy lại Đông Đô, phàm bầy tôi có công theo hầu xa giá và người có công đánh dẹp cũng được dự phong là công thần được đời đời phong ấm.

Trúng trường : Hương cống thi hội lọt được ba kỳ gọi là trúng trường.

Tá nhị : Như tự thừa, trưởng sử, bình sự, lục sự.v.v... Tá nhị đều là thuộc viên ở các nha môn.

Tạp lưu : Tức các chức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh đạo phó.

Mậu Ngọ, năm thứ 3 (1678). (Thanh, năm Khang Hy thứ 17).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Ngày Nhâm Tý, tháng 5. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Tháng 7, mùa thu. Định rõ điều lệ thi hương. Chb.**XXXIV**,7

Thi hương, thi hội, cứ 3 năm mở một khoa. Khoảng niên hiệu Cảnh Trị (1663-1671), chỉ định rõ phép thi hội, còn phép thi hương vẫn còn sơ lược. Đến nay, triều đình sai bộ Lễ định lại cho được rõ ràng.

Lời chua - *Điều lệ* : *Cổ Lê thiện chính lục* chép : Năm ấy bàn định điều lệ thi hương thế này :

Ngày học trò vào trường thi, đều bắt đầu từ ngày mồng 8 tháng 8. Số học trò ứng thi : xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, xã nào ít học trò thì không bó buộc theo y số ấy.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 2.

Quan huyện, quan châu khảo xét học trò rồi chia ra hai hạng : toàn thông và thứ thông. Toàn thông là hạng học trò thi đủ được thể văn bốn kỳ, thứ thông là hạng học trò thi đủ được thể văn ba kỳ. Huyện lớn được 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người [1].

Hiệu quan khảo hạch sinh đồ đã đỗ các khoa trước trong phủ mình, người nào thông hiểu văn lý là hạng hay chữ, người nào hơi kém là hạng thứ hai, người nào trễ biếng bỏ học sẽ không được thi.

Thể thức văn bài : Bài làm cần phải dùng ý nghĩa hồn hậu đầy đủ, nếu bài nào ý nghĩa phù bạc hoặc rập theo sáo cũ sẽ bị nhất luật đánh hỏng.

Các quan được cử sung vào công việc trong trường thi :

- Trường thi ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, chức đề điệu, chức giám thí mỗi chức đều cử một viên quan đại thần trong hàng văn ban.

- Trường thi ở Phụng Thiên, chức giám thí dùng viên đô cấp sự.

Chức giám khảo và đồng khảo ở các trường kể trên : giám khảo dùng viên chức trong viện Hàn lâm hoặc các khoa, các đạo ; đồng khảo dùng các chức lang trung, viên ngoại và các viên huấn, giáo ở phủ huyện đã từng thi hội trúng được ba kỳ mà là người có văn chương, có danh dự, đức vọng sung vào. Chb.XXXIV,8

Các trường thi ở Thái Nguyên, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Lạng Sơn và Yên Quảng, chức đề điệu và giám thí dùng quan chức trong hai ty Thừa chính và Hiến sát.

Nhận diện và điểm mục : Ngày học trò vào trường thi, thì hiệu quan và xã trưởng phải đến cửa trường nhận diện học trò, để phòng việc gian trá giả mạo. Ngày hôm ấy, phàm hương cống các khoa trước mà có quan chức phải hội họp điểm mục ở cửa điện đình, sinh viên phải

---

(1) Đoạn văn này chép không được rõ lắm. Tham khảo *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 3 và "Khoa mục chí" trong Lịch triều hiến chương, thì học trò vào hạng thi đủ được thể văn bốn kỳ, sẽ được cùng với sinh đồ đã đỗ các khoa trước cùng đi thi hương. Như vậy thì số học trò của huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, là chỉ kể học trò vào hạng toàn thông mà thôi.

hội họp điểm mục ở Quốc Tử giám, để ngăn mối tệ đội quyển làm gà. Người nào vắng mặt ngày hôm ấy thì người có trách nhiệm sẽ hặc tâu để trị tội.

Trong điều lệ này, có nói cả đến chức trách các viên giữ việc tuần xước[1], thể sát[2], di phong[3], soạn hiệu[4], và mọi thứ cần dùng ở trong trường thi.

Lại tham khảo về đời cổ Lê, bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, hai xứ Thanh Hoa, Nghệ An, phủ Phụng Thiên phụ cận kinh kỳ, và Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng ở ngoại trấn, cứ đến khoa thi, mỗi xứ đều mở trường thi hương. Sau các xứ ở ngoại trấn thi phụ vào trường thi của bốn trấn.

Về việc cử các chức đề điệu và giám thí : Trường Phụng Thiên vì số học trò có ít, nên ngoại trường[5] chỉ đặt một viên giám thí ; còn các trường khác đều đặt hai viên : đề điệu và giám thí ; riêng các trường ở ngoại trấn thì dùng quan thừa chính và hiến sát giữ chức đề điệu và giám thí.

Hiệu quan : Một danh từ gọi các viên giáo dụ ở các phủ thời bấy giờ.

Đề điệu : Tức chánh chủ khảo ngày nay. Chb.XXXIV,9

Giám thí : Tức phó chủ khảo ngày nay.

Kỷ Mùi, năm thứ 4 (1679). (Thanh, năm Khang Hy thứ 18).

Tháng 2, mùa xuân. Bàn định công tướng sĩ thu phục được Cao Bằng, thăng thưởng có từng hạng khác nhau.

---

(1) Viên chức giữ việc tuần phòng chung quanh trường thi, để ngăn ngừa sự gian trá.
(2) Viên chức giữ việc khám xét lều chiếu, ống quyển, hộp tráp của học trò khi vào trường thi, để ngăn ngừa việc đem bài cũ hoặc sách vở vào trường : lại trông coi xem xét khi học trò làm bài để giữ trật tự.
(3) Viên chức thu quyển của thí sinh khi đã làm bài xong để nộp, rồi đóng vào hòm niêm phong lại.
(4) Viên chức soạn số hiệu từng quyển văn của học trò, để khỏi xảy ra sự lầm lẫn tên người nọ dán vào quyển người kia.
(5) Trong trường thi có chia ra ngoại trường và nội trường : ngoại trường là đề điệu và giám thí, nội trường là giám khảo và đồng khảo.

Thăng thưởng cho Hoàng Nghĩa Hy tước Lãng quận công ; những người có công được theo thứ tự thăng thưởng 160 người ; ngoài ra đều tính số tai giặc xẻo được[1] nhiều hay ít mà ban thưởng bằng bạc.

Lời cẩn án - *Sách* Lê sử tục biên *chép : "Bàn công đánh ở Giang Māng" (luận Giang Māng*[2] *công).* Tạp kỷ *của Cao Lãng*[3] *chép: "Bàn công đánh Mạc Nguyên Thanh" (luận thảo Mạc Nguyên Thanh công).*

Nay xét : năm trước quan quân đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, Kính Vũ tức Nguyên Thanh. Cao Bằng có Māng Giang ở cách tỉnh thành hiện nay 13 dặm về phía bắc. Thế thì Māng Giang là địa điểm mà quan quân đã đánh Mạc Nguyên Thanh, vì thế mà về sau bàn định công đánh Mạc mới dùng tên đất mà gọi tên mặt trận. Đến như việc đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng, thì Đinh Văn Tả làm đốc tướng, mà khi thưởng công lại cho Hoàng Nghĩa Hy đứng đầu. Có lẽ trận chiến thắng ở Māng Giang, Nghĩa Hy là người lập công đầu chăng? Sách Lê sử tục biên *là một bản sao, chưa phải là sách đã biên soạn xong hẳn. E rằng chỗ này còn có điều thiếu sót.*

Lời chua - *Hoàng Nghĩa Hy* : Người xã Hoàng Chb.**XXXIV**,10 Vân, huyện Kim Động [4], là con Hoàng Nghĩa Giao.

---

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXIX, tờ 25.

(2) Cùng một tên đất chép trong một đoạn văn mà trên chép "Giang Māng", dưới chép "Māng Giang", nên chưa hiểu địa danh này thế nào là đúng. Chúng tôi cứ dịch theo đúng với nguyên văn đã chép.

(3) Ở thư viện Sử học có một bộ 4 cuốn (sách chép tay) nhan đề *"Lịch triều tạp kỷ"*, chép công việc từ Lê Gia Tông đến Lê Hiển Tông. Tác giả : Ái Châu, Cổ Đằng, Nỗ Giang, Cao Tầu, lược biên, không rõ bộ sách này có đúng là *Tạp kỷ* của Cao Lãng mà *Cương mục* đã dẫn ra đây không? Về việc đánh Mạc ở Cao Bằng, sách này (quyển thứ nhất) chép "Luận Đinh Văn Tả, Nguyễn Hữu Tham (Sâm) đẳng thảo phá Mạc Nguyên Thanh công" (Bàn công đánh phá Mạc Nguyên Thanh của bọn Đinh Văn Tả và Nguyễn Hữu Tham).

(4) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hải Hưng.

Cao Bằng : Tức Bắc Bình, nguyên trước thuộc Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Tháng 10, mùa đông. Thanh Hoa bị nạn đói.

Thanh Hoa bị nước tràn ngập, hoàng trùng phá hại lúa, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình hạ lệnh xá thuế dân đinh và các thuế tuần ty, thuế bến đò, giảm bớt các sự lệ cúng tế. Lại hạ lệnh cho hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện đều phải trai giới cầu đảo.

Lời chua – *Thanh Hoa* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 20, 21, 33).

Canh Thân, năm thứ 5 (1680). (Thanh, Khang Hy năm thứ 19).

Ngày Canh Ngọ, tháng 10, mùa đông. Sao Chổi xuất hiện ở phương Tây. Hạ lệnh : ân xá ; đổi niên hiệu.

Tân Dậu, năm Chính Hoà thứ 2 (1681). (Thanh, năm Khang Hy thứ 20).

Ngày Giáp Dần, tháng 2, mùa xuân. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Chẩn.

Đại hạn, dân bị nạn đói.

Từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa, lúa mạ khô héo, nhân dân bị đói.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1682). (Thanh, năm Khang Hy thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Sai bọn Thân Toàn và Đặng Công Chất sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống, nhân tiện cáo phó về việc Huyền Tông mất và xin phong tước. Chb.XXXIV,11

Tháng 5, mùa hạ. Truy tôn Nguyễn Thị, quý phi của Thần Tông, làm Minh Thục hoàng thái hậu.

Lời chua - *Hậu*, tên là Ngọc Bạch, người xã Hoàng Đan, huyện Gia Viễn [1], là sinh mẫu Lê Chân Tông.

Ngày Mậu Dần, tháng 8, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực và sao Chẩn.

Tham tụng Nguyễn Mậu Tài bị giáng chức. Nguyễn Văn Đương được thăng hữu thị lang bộ Binh vào giữ chức bồi tụng trong phủ chúa.

Lúc ấy, Mậu Tài giữ chức tham tụng, Nguyễn Văn Đương tham chính Thanh Hoa, dâng tờ khải nói : "Chính lệnh trong một nước, phó thác ở tể tướng, chính lệnh bỏ bê trệ hay thi hành là quan hệ ở người thừa hành thiên tư hay ngay thẳng. Nay Mậu Tài ghen ghét người hiền tài, gây bè đảng riêng, kết dâu gia với viên tham tụng trước là Hồ Sĩ Dương, công việc trong triều kẻ xướng, người họa, lừa dối che lấp cả trí thông sáng của bề trên, rất không xứng đáng với chức vụ. Mấy năm gần đây, nào động đất, nào thuỷ tai, nào sao Bột, sao Chổi, nào hạn hán, hoàng trùng, những việc tai dị luôn luôn sinh ra, mà bầy tôi trong triều không ai dám vạch rõ tội lỗi của họ. Vậy xin rộng lựa chọn những người hiện tại chức xem người nào có đạo đức, độ lượng, tài năng, trí tuệ, cho giữ chức tể tướng. Có như thế, thì chức quan được người xứng đáng, nhân dân được vui vẻ làm ăn, mà có thể dần dần đem lại khí hoà của đất trời được".

Tạc biết Mậu Tài là người thuần cẩn, không có lỗi gì to. Nhưng thấy Văn Đương dám nói thẳng, Tạc có ý muốn khuyến khích mọi người, bèn giáng chức Mậu Tài làm tả thị lang bộ Hộ, cất nhắc Văn Đương làm hữu thị lang bộ Binh cho vào hầu trong phủ giữ chức bồi tụng. Chb.XXXIV,12

(1) Ninh Bình.

Văn Đương thẳng thắn không a dua, tính tình ít hoà hợp được với người khác ; ở trong triều, dám nói thẳng, không kiêng nể, sợ hãi, nên người ta khen Văn Đương là người ngay thẳng.

Lời chua - *Văn Đương* : Người xã Bồ Sao, huyện Bạch Hạc[1], đỗ Tiến sĩ khoa Tân Sửu (1661) năm Vĩnh Thọ triều Lê Thần Tông.

Trịnh Tạc mất. Con là Căn nối giữ tước vương.

Tạc chuyên nắm chính quyền 25 năm. Khi mất, truy xưng Dương Vương, tiếm hiệu là Hoàng tổ. Thế tử Căn nối nghiệp, xưng Định vương.

Căn là con trưởng của Tạc, lúc còn ít tuổi, vì có tội phải giam trong ngục, sau dùng kế quỷ quyệt được khỏi tội. Liền đó, lại được làm phó đô tướng, trấn thủ Nghệ An, rồi dần dần phong đến tiết chế, tiến phong làm nguyên soái, giữ chính quyền trong nước, tước Định nam vương. Đến nay Tạc mất, Căn bèn nối ngôi chúa.

Tháng 10, mùa đông. Lê Hải, trấn thủ Cao Bằng, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đầu hàng. Hải được thăng chức đề đốc.

Trước đây, Đặng Công Chất trấn thủ Cao Bằng, bị nha lại và dân chúng tố cáo, phải triệu về triều, triều đình bổ Lê Hải lên thay. Hải đến trấn thủ, dụ được đồ đảng họ Mạc là Nguyễn Công Hồi đem hơn một ngàn bộ thuộc đến trấn đầu hàng. Triều đình phong cho Hồi tước hiệu quận công và thăng thưởng cho Hải chức đề đốc.

Lời chua - *Lê Hải* : Có sách chép là Lê Hối, người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương,[2] là con Lê (Thì) Hiến. Chb.**XXXIV**,13

Quý Hợi, năm thứ 4 (1683). (Thanh, năm Khang Hy thứ 22).

(1) Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
(2) Đất huyện Lôi Dương cũ, nay thuộc hai huyện Thọ Xuân và Thường Xuân (Thanh Hóa).

Mùa xuân. Người nhà Thanh giao trả tù binh họ Mạc cho nước ta, nhà vua ngự ở điện Kiền Nguyên để nhận.

Tháng 6 năm trước, vua nhà Thanh hạ lệnh cho quan chức Quảng Tây giao trả tù binh gồm những người nhà Mạc là bọn Kính Liêu. Thích Dục, tuần phủ Quảng Tây, báo tin ấy cho nước ta biết. Triều đình sai phó đô ngự sử Vũ Duy Đoán và trấn thủ Lạng Sơn là hoạn quan Thân Đức Tài cùng nhau đến cửa ải nơi biên giới tiếp nhận tù binh. Lúc ấy công văn trao đổi, tên của Duy Đoán đứng dưới tên của Đức Tài. Đến nay, triều đình sai Duy Đoán và Vũ Công Đạo lại đi tiếp nhận tù binh. Lúc này, Duy Đoán đã thăng chức thượng thư và Công Đạo giữ chức đô ngự sử, nhưng Trịnh Căn muốn rằng trong công văn vẫn cứ đề tên theo thứ tự đã đề trước. Duy Đoán khảng khái nói : "Tôi tự hổ thẹn là một người chỉ làm để cho đủ vị thượng thư thôi, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng vương thượng coi "nam nha"(1) là cao quý, không ngờ bây giờ "hoàng môn"(2) lại ở trên "nam nha". Việc này tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Vũ Công Đạo cũng cố tranh luận là không nên như thế. Căn giận lắm, bèn bãi chức cả hai người này, rồi ra lệnh khác cho bồi tụng Nguyễn Quai và cấp sự trung Trần Thế Vinh, Đặng Đình Tướng cùng với Đức Tài cùng đi.

Vương Quốc Trinh, thông phán Nam Ninh, là viên quan do triều đình nhà Thanh phái uỷ, muốn giao trả tù binh ở cửa ải Thuỷ Khẩu thuộc Cao Bằng, hắn đã dựng nhà từ trước để đợi phái bộ nước ta, nhưng bọn Nguyễn Quai lấy lẽ rằng, Cao Bằng không phải là nơi giao nhận, không chịu theo. Quốc Trinh trong bụng căm giận, nhưng cũng gượng gạo đến Trấn Nam Quan ; khi đến nơi, hắn buông xổng cho lính bản thổ đánh đấm lẫn nhau, đâm Chb.**XXXIV**,14

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.
(2) Nt.

thủng cả hai lần áo cừu của Đình Tướng, rồi lại đòi nộp 5.500 lạng bạc hành lý.

Số tù binh họ Mạc mà nhà Thanh giao trả, vừa lớn vừa nhỏ là 350 người, Đức Tài kiểm điểm xét duyệt, rồi phân phối đưa đi cho được yên phận ở xen vào với dân Lạng Sơn, còn bọn Kính Liêu cả thảy 124 người thì dẫn giải về triều dâng ở dưới cửa cung khuyết. Nhà vua ngự điện Kiền Nguyên nhận tù binh, sau lại dẫn đến sân phủ chúa để chịu tội, bọn này đều được tha. Bọn Kính Liêu 3 người được triều đình trao cho quan chức, ngoài ra đều phân phối đi các nơi để được yên phận ở xen vào với dân bản xứ, hằng năm giúp đỡ cho vải và tiền.

Sau này, triều đình xét thấy Đình Tướng đưa số bạc cho Quốc Trinh nhà Thanh quá nhiều, nên Đình Tướng bị giáng chức một trật, còn Nguyễn Quai và Sĩ Vinh có bệnh không dự vào việc hội họp giao bạc cho Quốc Trinh, nên phải phạt tiền nhiều ít khác nhau.

Triều đình lại đưa thư sang nhà Thanh nói về tình trạng Quốc Trinh yêu sách và không có lễ độ, viên tổng đốc Lưỡng Quảng là Ngô Hưng Tộ sau khi xét hỏi Quốc Trinh, liền đem bản án dâng lên triều, cuối cùng Quốc Trinh bị khép vào tội trảm hậu[1], còn số bạc mà Quốc Trinh đã tham tang thì thu lấy sung công.

Lời phê - *Đã trái cả hình luật, lại quên cả sỉ nhục*[2].

Lời cẩn án - *Bang giao là lễ trọng đại mà hoạn quan được tham dự, thượng thư và ngự sử là chức quan cao quý trong triều mà hoạn quan được vượt lên trên. Thế là đem bọn sống sót sau khi bị cắt thiến đứng trên hàng quan vào bậc tấn thân*[3]. *Lời tranh luận của Duy Đoán và Công Đạo* Chb.**XXXIV**,15

(1) Một thứ hình phạt của chế độ phong kiến. Người can phạm đã bị xử vào tội đem chém, nhưng còn được đợi ít lâu để xét lại.
(2) Chỉ việc tha tội và trao quan chức cho bọn Kính Liêu.
(3) Một danh từ để gọi chung các quan vào hàng khoa mục, giữ quyền cao chức trọng trong triều.

thật là hợp với lẽ phải, thế mà Trịnh Căn lại bênh vực Đức Tài mà bãi chức bọn Duy Đoán, thì Trịnh Căn tự ý làm càn, cũng đã quá lắm !

Lúc ấy, họ Trịnh lăng loàn lấn vượt, phàm công việc đã làm, thật khó đem lẽ phải mà đo đắn được. Sở dĩ họ Trịnh còn có thể cai trị nước được, là nhờ các sĩ phu vui lòng giúp đỡ đấy thôi. Thế mà lại khinh bỏ cả thể diện quốc gia, coi thường cả phẩm giá danh sĩ, để đến nỗi sau này bọn "điêu đang"(1) lộng quyền mà quan văn quan võ trong triều phải theo chúng sai khiến, rồi cuối cùng họ Trịnh cũng phải diệt vong. Thế thì việc này chả phải đáng làm gương răn một cách sâu sắc đó sao?

Lời chua – *Thuỷ khẩu quan* : Theo sách *Quảng Tây thông chí* nhà Thanh, thì Thuỷ khẩu quan ở phía tây bắc Long Châu 95 dặm, giáp biên giới nước ta.

Trấn Nam quan : Có một tên nữa là Đại Nam quan, giáp với châu Văn Uyên tỉnh Lạng Sơn nước ta. Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hoà thứ 8 (Chb, XXVII, 35).

Nam Ninh : Theo *Nhất thống chí* nhà Thanh, thì về đời Tây Hán và Đông Hán, Nam Ninh là đất quận Uất Lâm ; từ nhà Tấn về sau, là quận Tấn Hưng ; nhà Đường, là quận Lãng Ninh thuộc châu Ung ; nhà Tống, là quận Vĩnh Ninh thuộc châu Ung ; nhà Nguyên gọi là lộ Nam Ninh ; nhà Minh đổi là châu Nam Ninh, thuộc ty Bố chánh sứ tỉnh Quảng Tây ; nhà Thanh cũng theo như nhà Minh.

Nam Nha : *Cương mục tập lãm* chép : Nhà Đường chia tể tướng làm nam ty, hoạn quan làm bắc ty, vì thế mới có danh từ "nam nha, bắc nha".

Hoàng môn : Theo "Bách quan chí" trong *Hậu hán thư*, thì chức hoàng môn lệnh một người, ăn lộc 600 thạch, giữ việc trông nom các

---

(1) Một thứ mũ của hoạn quan đội. Mũ này đằng trước có hình con ve trang sức bằng vàng. Văn ngôn, thường dùng danh từ này để nói riêng về bọn hoạn quan.

hoạn quan trong sảnh. Sách ấy lại chua rằng : Cửa cung cấm gọi là cửa vàng (hoàng thát) dùng hoạn quan trông coi, nên viên quan coi giữ cung cấm gọi là hoàng môn lệnh.

Vũ Duy Đoán : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Quai : Người xã Vân Điểm, huyện Đông Ngàn. Chb.XXXIV,16

Đặng Đình Tướng : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, Nguyễn Quai và Đình Tướng đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Thích Dục : Người Định Châu nhà Thanh, *Nhất thống chí* nhà Thanh liệt Thích Dục vào hàng quan lại có danh tiếng.

Hạ lệnh: Đề cử người có tài cán, thao lược, trí mưu, dũng cảm.

Bầy tôi về hàng quan võ đều được xét những thuộc hạ của mình xem người nào có thao lược, trí mưu, dũng cảm thì đề cử để triều đình biết. Về phần con em nhà tướng, người nào có tài năng đức độ thì tự mình được tiến cử lấy.

Tháng 9, mùa thu. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Vua nhà Thanh sai Thị độc Minh Đồ và Biên tu Tôn Trác Vinh sang sách phong và ban cho quốc ấn.

Trước đây, Ngô Tam Quế, bầy tôi bạn nghịch nhà Thanh, chiếm cứ Vân Nam, xin nhà Lê cứu viện, triều đình nhà Lê cự tuyệt sứ thần của Tam Quế. Kịp khi nhà Thanh dẹp được Tam Quế, vua Thanh tự tay viết bốn chữ "trung hiếu thủ bang"[1] ban cho vua Lê, là có ý trọng vua Lê về việc không giúp Tam Quế. Rồi vua Thanh lại sai thị độc Ô Hắc[2] và lang trung Chu Xán sang dụ bảo việc ban lễ phẩm tế Huyền Tông và Gia

(1) Bốn chữ này nghĩa là "có lòng trung thành hiếu kính để giữ nước".

(2) Chữ này nguyên văn chép và chua rằng : "đã tra *Tự điển* cùng *Bị khảo, Bố dị* đều không có, không hiểu âm là gì". Ở đây chúng tôi thấy chữ này bên tả có chữ "hắc" nêu tạm phiên là "Hắc" cho đủ tên một người để dễ đọc mà thôi. Tên này có sách chép là "Điều Sính".

Tông. Lúc ấy Trịnh Tạc đã mất rồi, nhưng chưa làm lễ táng. Trịnh Căn giả mạo quốc thư đưa đến mời sứ thần nhà Thanh viếng Trịnh Tạc, Minh Đồ bèn dùng lễ riêng phúng viếng.

Lời phê – *Nước lớn cũng không có người giỏi*[1].

Lời chua – Theo *Nhất thống chí* nhà Thanh, thì năm Khang Hy thứ 22 (1683), nhà Thanh sai quan sang nước ta sách phong, ban cho cáo mạng và đổi cho quả ấn mới đúc, quả ấn này bằng bạc mạ vàng núm ấn đúc hình con lạc đà. Lại ban cho bốn chữ "trung hiếu thủ bang" do chính tay vua Thanh viết. Chb.XXXIV,17

Xét : Năm Quang Hưng thứ 21 (1598) triều Lê Thế Tông, nhà Minh hạ chiếu phong vua Lê chức An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ, và ban cho một quả ấn bằng bạc ; năm Phúc Thái thứ 4 (1646) triều Lê Chân Tông, nhà Minh sai sứ sang phong Thần Tông (lúc này Thần Tông đã xưng thái thượng hoàng) làm An Nam quốc vương và ban cho một quả ấn bằng bạc mạ vàng.

Giáp Tý, năm thứ 5 (1684). (Thanh, năm Khang Hy thứ 23).

Tháng 4, mùa hạ. Hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian.

Trịnh Căn hạ lệnh rằng : "Thương yêu nhân dân là công việc đứng đầu trong mọi việc chính trị. Nhân dân, có người vì quan sở tại hà khắc, bọn quyền quý ức hiếp, có người vì cớ gì đó mà phải phiêu tán đi nơi khác, những hạng người ấy cần được vỗ về thương yêu mới phải". Bèn hạ lệnh cho ty Hiến sát các xứ đi tuần hành dò hỏi, đến cuối năm sẽ theo tình thật từng loại người làm tờ khải trình bày, để tìm phương pháp giúp đỡ cho họ. Lệnh này được ghi vào lệnh chỉ để thi hành.

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn ; vỡ đê sông Nhị.

---

(1) Chỉ việc Minh Đồ dùng lễ riêng phúng Trịnh Tạc.

Gió lớn, nước tràn dẫy lên, đê sông Nhị bị vỡ, lúa ruộng ở các huyện vùng Tây Bắc phần nhiều tổn hại. Chb.XXXIV,18

Lời chua - *Nhị Hà* : Có một tên nữa là sông Phú Lương. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb, II, 13).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn phong cho con thứ là Bách làm tiết chế.

Trước đây, con cả của Căn là Vĩnh đã chết, các con của Vĩnh còn bé, Bách là em Vĩnh, tuổi đã hơi lớn, nên Trịnh Căn tiến phong làm khâm sai tiết chế các doanh quân thuỷ, quân bộ, kiêm giữ quyền chính trong nước, chức Thái uý, tước Kiêm quốc công, mở phủ Lý Chính. Tiến phong như thế, là có ý dùng Trịnh Bách làm người nối nghiệp.

Trịnh Căn tự tiến phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng thánh phụ sư thịnh công nhân minh uy đức Định vương.

Trước đây, Căn đã xưng là nguyên soái Định quốc vương. Bầy tôi bàn tấn phong tước vương chỉ dùng một chữ[1]. Căn, bề ngoài, giả vờ nhún nhường không nhận thấy đã hàng mấy năm, đến nay mới nhận mệnh lệnh.

Lời phê - *Càng ngày càng quá ! Mũ và giày đảo ngược, không còn phân biệt được trên dưới nữa. Bầy tôi đều đã là tôi tớ nhà họ Trịnh cả rồi không kể làm gì. Đến như người làm vua còn cứ nhận lấy danh tiếng hão huyền ấy mà quên cả liêm sỉ, cũng đáng lấy làm quái gở ! Như thế, mà họ Trịnh vẫn không cướp ngôi vua, không hiểu vì lý do gì?*

Ất Sửu, năm thứ 6 (1685). (Thanh, năm Khang Hy thứ 24).

Tháng 8, mùa thu. Định rõ lại phép khảo công.

---

(1) Trước là Định quốc vương, sau là Định vương, có lẽ tước vương dùng một chữ to hơn tước vương hai chữ.

Trước đây, các quan trong kinh ngoài trấn, mỗi năm một lần khảo công. Khi khảo xét xong, liền thi hành ngay việc truất bãi hoặc thăng trật, người ta khổ sở vì thời hạn quá ngặt. Nay bèn định mỗi năm một lần khảo công, nhưng để đủ ba lần khảo xét mới thi hành việc truất bãi hoặc thăng trật. Phép thưởng và phạt chia ra 3 hạng thượng, trung, hạ khác nhau.

Chb.**XXXIV**,19

Lời chua - *Phép khảo công* : Theo *Lê triều thiện chính* thì điều lệ khảo công năm ấy như thế này :

Quan trong kinh, ngoài trấn, người nào 3 lần khảo đều vào thượng hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào thượng hạng, 1 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc và thưởng 20 quan tiền.

Người nào 1 lần vào thượng hạng, 2 lần vào trung hạng, được thăng chức một bậc.

Người nào 3 lần vào trung hạng, thì đợi khi đủ niên hạn giữ hiện chức, sẽ thuyên chuyển bổ dụng.

Người nào 3 lần khảo đều vào hạ hạng, phải giáng một bậc và phạt 50 quan tiền.

Người nào 2 lần vào hạ hạng, 1 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc và phạt 20 quan tiền.

Người nào 1 lần vào hạ hạng, 2 lần vào trung hạng, phải giáng một bậc.

Tháng 12, mùa đông. Động đất.

Bính Dần, năm thứ 7 (1686). (Thanh, năm Khang Hy thứ 25).

Đinh Mão, năm thứ 8 (1687). (Thanh, năm Khang Hy thứ 26).

Tháng 3, mùa xuân. Anh Tông Hiếu nghĩa hoàng đế[1] triều ta lên nối nghiệp.

Tháng 10, mùa đông. Không mưa.

Đã lâu không mưa, thóc lúa thu hoạch sút kém, giá gạo vọt cao, triều đình sai quan trong kinh đi đến các đạo xem xét hình thế ruộng đất, làm xe tát nước để tưới cho ruộng cấy lúa. Lại bàn thi hành việc ân xá.

Mậu Thìn, năm thứ 9 (1688). (Thanh, năm Khang Hy thứ 27). Chb.XXXIV,20

Tháng 2, mùa xuân. Trịnh Căn bổ dụng cháu là Bính làm tiết chế[2].

Bính là con Trịnh Vĩnh, Vĩnh là con cả Trịnh Căn, Bính đã từng được tiến phong phó đô tướng, thái phó, Tấn quốc công. Trước đây, tiết chế Trịnh Bách mất, Căn muốn lập Bính làm người thừa tự, bèn tiến phong cho Bính tiết chế các doanh quân thuỷ, quân bộ các xứ, kiêm giữ cả chính quyền, chức thái uý, tước Tấn quốc công, mở phủ Dực quốc.

Tháng 3. Cấm cáo tố ruộng ẩn lậu.

Ở dân gian, những ruộng còn ẩn lậu chưa ghi vào thể lệ nộp thuế, đều được gia ân miễn thuế. Dân xã không được tố cáo, quan tư không được nhận đơn khám xét, viên quan cai quản sở tại không được bới việc để sách nhiễu. Người nào trái lệnh sẽ bị tội.

Tháng 5, mùa hạ. Thổ ty Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm đất biên giới ở ba châu thuộc Tuyên Quang và Hưng Hoá.

Hai châu Vị Xuyên, Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang và châu Thuỷ Vĩ thuộc Hưng Hoá giáp liền với địa giới phủ Khai Hóa nhà Thanh. Lúc ấy, Vũ Công Tuấn chạy sang Vân Nam[3],

(1) Tên là Phúc Trăn, cũng gọi chúa Nghĩa, con Phúc Tần.
(2) Tiết chế : tức Tổng chỉ huy quân đội trong toàn quốc.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 33, 34.

muốn nhờ Vân Nam giúp sức. Nhân đấy thổ ty Khai Hoá bèn ăn hiếp dân, chiếm lấy đất 3 châu, đặt tuần ty ở các động ven biên giới, sách nhiễu thu thuế người buôn bán.

Lê Huyến, trấn thủ Hải Dương, được lệnh đi trấn thủ Tuyên Hưng, Huyến bèn cùng đốc đồng Đặng Đức Nhuận và Trần Thọ đưa thư sang Vân Nam biện luận rõ về việc này, một mặt Huyến lại hiểu dụ dân các động trở về với nước ta như cũ, nhưng thổ ty Vân Nam không chịu giao trả lại. Thành ra từ đây trở đi đất ở biên giới 3 châu nhiều chỗ bị mất về nhà Thanh, suốt đời nhà Lê vẫn không sao lấy lại được. Chb.XXXIV,21

Lời chua - *Vị Xuyên*[1], *Bảo Lạc* : Tên 2 châu, đều thuộc phủ Tương An, tỉnh Tuyên Quang.

Thuỷ Vĩ : Tên châu, thuộc Hưng Hoá[2], xem Trần Đế Hiện, năm Xương phù thứ 8 (Chb. XI, 1).

Các động 3 châu : Xem năm Chính Hoà thứ 2 (tờ 27 trong cuốn này).

Khai Hoá : Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Đức Nhuận : Người xã Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn [3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Trần Thọ : Người xã Điền (Trần) Trì, huyện Chí Linh [4], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Kỷ Tỵ, năm thứ 10 (1689). (Thanh, năm Khang Hy thứ 28).

Tháng 6, mùa hạ. Người nhà Thanh bắt Vũ Công Tuấn trả lại, nước ta bắt đem giết đi.

---

(1) Tên châu này về phần mục chép "Vị Xuyên", đến lời chua lại chép lầm là Vị Châu, vì "xuyên" và "châu", theo Hán văn, 2 chữ này gần giống nhau. Vị Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Giang. Bảo Lạc nay thuộc tỉnh Cao Bằng.
(2) Châu Thủy Vĩ nay thuộc tỉnh Lào Cai.
(3) Nay là xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội.
(4) Nay thuộc xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Công Tuấn, sau khi đã lẩn lút sang Vân Nam, nương dựa vào thổ ty Nùng Tiên Lai, Công Tuấn tự xưng là tiểu Giao Cương vương, ngầm cùng dư đảng họ Mạc là bọn Kính Chửu, Kính Thọ hô hào tụ tập binh lính bản thổ và người Nùng cướp bóc ở biên giới Tuyên Quang, Hưng Hoá. Trấn thủ Nguyễn Công Triều đem quân tiến đánh, không thắng được. Tiếp đó, triều đình sai đốc suất Lê Hải, đốc thị Đặng Đình Tướng đem quân tiến lên, hội họp với Công Triều để xếp đặt công việc ở địa phương này. Chb.XXXIV,22

Bọn Lê Hải nhiều lần đưa văn thư sang viên tổng đốc Vân Nam, nhưng viên phủ Khai Hoá không để đạt giúp ; sau phải dùng vải, lụa và bạc thổ giao kết một cách hậu tình với thổ ty Mông Tự là Lý Thế Bình, Thế Bình mới chuyển đạt giúp cho. Viên tổng đốc Vân Nam bèn hạ lệnh cho 3 phủ Khai Hoá, Lâm An và Quảng Nam tra xét rõ ràng, giao trả lại gái trai lớn bé hơn 120 người. Bọn Lê Hải bèn ước hẹn với phiên thần[1] là Nông Văn Cương hội họp ở trên biên cảnh, bắt Vũ Công Tuấn đem về giết đi, đồ đảng của hắn đều tan rã, bọn Lê Hải bèn kéo quân về.

Lời chua - *Mông Tự* : Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb, XII, 14).

Lâm An : Tên phủ, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh, xem Lý Thần Tông, năm Thiên Thuận thứ 3 (Chb. IV, 27).

Quảng Nam : *Nhất thống chí* nhà Thanh chép : Quảng Nam, về triều nhà Hán, là đất quận Tường Kha ; nhà Nguyên lập Quảng Nam tây lộ ; nhà Minh đặt là phủ Quảng Nam, thuộc tỉnh Vân Nam ; nhà Thanh theo như nhà Minh.

Nông Văn Cương : Thổ tù châu Bảo Lạc.

---

(1) Xem chú thích ở *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 16.

Nguyễn Công Triều : Hoạn quan, người làng Đông Lao, huyện Từ Liêm [1].

Giao Cương : Theo *Nguyên sử* thì địa thế ở phía tây bắc Giao Chỉ là từ Giao Cương kéo sang. Vì thế Công Tuấn lấy tên đất ấy làm vương hiệu của hắn.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh cho bọn Đoàn Tuấn Khoa, hữu Thị lang bộ Hình, hội đồng với nhà Thanh khám xét địa giới châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn.

Thôn Na Oa ở châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn là nơi đất đai màu mỡ rộng rãi, tiếp giáp với đất châu Tư Lăng nhà Thanh. Thổ tù Vi Đức Thắng đời đời ở đất này. Gần đây, vì biên giới phương bắc có việc, nhiều đất bỏ hoang. Nhân cơ hội ấy, Đức Thắng bèn xâm chiếm 7 thôn thuộc châu Tư Lăng, chiêu tập dân biên giới lập thành thôn trại. Thổ tù châu Tư Lăng là Vi Vinh Diệu đem việc này cáo tố với tổng đốc Quảng Tây Ngô Hưng Tộ. Vả lại, Vinh Diệu tham đất Na Oa màu mỡ, muốn lấy luôn cả đất này. Việc này triều đình đưa công văn hội đồng khám xét, đã mấy năm mà vẫn chưa giải quyết được. Chb.XXXIV,23

Sau, triều đình sai Đoàn Tuấn Khoa cùng giám sát ngự sử Lê Chí Tuân sang phủ Tứ Thành nhà Thanh hội khám. Viên quan trong quân phủ nhà Thanh là Lân Sần hỏi Đức Thắng : bên tả, bên hữu động núi gọi tên là gì? Đức Thắng không thể trả lời được, thành ra cuộc hội khám này không được việc gì. Triều đình bèn đình chỉ chức bồi tụng của Tuấn Khoa.

Đến nay, lại sai Tuấn Khoa đi hội đồng khám xét, về bên quan phái uỷ của nhà Thanh, thì phủ Tư Minh có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trần và doanh Quỳ Đạo có viên quan trong quân phủ nhà Thanh là họ Trương (Trần và

(1) Nay là xã Đông La, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Trương đều không rõ tên). Lúc ấy Tuấn Khoa giấu Đức Thắng một nơi không cho được hội kiến, mỗi khi người nhà Thanh có đòi hỏi việc gì, Đức Thắng giả vờ điếc, phải dùng người phiên dịch trả lời thay.

Khi nhận giới mốc, thì Vi Vinh Diệu chỉ một dải núi cao có con sư tử đá trắng là giới mốc của hai nước. Viên quan phái uỷ của nhà Thanh nói : "Giới mốc ở núi này, tại sao lại tranh xuống đến Na Oa? Nhà ngươi cậy là người của thiên triều[1] muốn xâm chiếm đất đai của An Nam hay sao"? Bèn quyết đoán đất Na Oa trả về châu Lộc Bình. Vinh Diệu tự nghĩ rằng đã không chiếm được Na Oa thì bỏ luôn cả bảy châu một thể. Tuấn Khoa bèn cùng người nhà Thanh lập mốc đá rồi trở về triều.

Nói về chỗ đất bảy thôn mà nước ta được nhận, đều là đất bỏ hoang rậm, không thấy bóng người, bóng khói, chỉ có thôn Na Oa là nơi đất rộng, người nhiều, thu được mối lợi khá lớn. Trịnh Căn khen về việc này, lại cho Tuấn Khoa được làm bồi tụng. Chb.XXXIV,24

Sau, thổ ty châu Tư Lăng tranh kiện mãi, triều đình lại sai bồi tụng Nguyễn Đình Hoàn cùng với Đinh Phụ Ích, đốc trấn Lạng Sơn, hội đồng khám xét. Sau đó, vì thổ tù châu Tư Lăng là Vi Thế Hoa đem 4.000 lạng bạc đến làm tin để ở đất Na Oa. Vi Phúc Kiêm tư tình ưng thuận ; Thế Hoa bèn đào hào và dựng 3 bia đá ở xã An Khoái châu Lộc Bình. Từ đấy đất Na Oa lại mất về nhà Thanh.

Lời chua - *Lộc Bình* : tức Lộc châu, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb, VII, 31).

Tư Lăng : Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb, II, 41).

(1) Chỉ triều đình nhà Thanh

Tư Minh : Xem Trần Thái Tông, năm Nguyên Phong thứ 6 (Chb, VI, 40).

Tứ Thành : Tên phủ, thuộc tỉnh Quảng Tây.

Doanh Quỳ Đạo : Ở cách châu Ninh Minh thuộc tỉnh Quảng Tây 25 dặm về phía nam.

Bảy thôn : Na Hà, Na Đấu, Na Cừ.v.v...

Nguyễn Đình Hoàn : Người xã Bái Ân, huyện Quảng Đức [1], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hoà.

Đinh Phụ Ích : Người xã Bình Trù, huyện Siêu Loại, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712)[2] năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Ngày Canh Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

Canh Ngọ, năm thứ 11 (1690). (Thanh, năm Khang Hy thứ 29). Chb.XXXIV,25

Tháng 4, mùa hạ. Sai trấn thủ Tuyên Hưng là Lê Huyến đem quân hội đồng với người nhà Thanh đánh giặc biển ở Yên Quảng, dẹp tan được.

Giặc biển Yên Quảng là Phương Vân Long và Tân Ân Sủng chiếm cứ vụng biển Vạn Ninh, tụ tập nhiều người đi cướp bóc. Trấn tướng Long Môn nhà Thanh là Diệp Thắng đưa thư sang nước ta hẹn cùng hội quân tiễu trừ bọn này. Triều đình sai Lê Huyến đem quân đến hội, bắt được Ân Sủng và đồ đảng hơn 200 người giải giao cho Diệp Thắng ở Long Môn.

Sau khi Lê Huyến đã đem quân về, Diệp Thắng mượn tiếng là chia nhau đi bắt đảng giặc còn sót lại, rồi quân hắn vào Tiên Yên và Hoành Bồ sách nhiễu cung đốn, nhân dân không sao chịu được sự khổ sở. Triều đình bèn làm văn thư

(1) Nay thuộc thị trấn Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
(2) Khoa Nhâm Thìn, Đinh Phụ Ích do chân sĩ vọng thi đỗ tiến sĩ.

nghiêm khắc bóc trần việc này đưa sang nói với viên tổng đốc Quảng Đông, Diệp Thắng bị tội xử trảm.

Lời chua - *Tuyên Hưng* : Tức Tuyên Quang và Hưng Hoá.

Yên Quảng : Tức Yên Bang. Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 29, 35).

Tiên Yên : Tên châu, hồi đầu triều Lê gọi là Tân Yên, sau đổi làm Tiên Yên, thuộc phủ Hải Đông, nay thuộc phủ Hải Ninh.

Hoành Bồ : Tên huyện, nhà Lê gọi là Hoành Phố, sau đổi Hoành Bồ, thuộc phủ Hải Đông, nay đổi thuộc phủ Sơn Định.

Vạn Ninh : Tên châu, thuộc phủ Hải Ninh, xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4 (Chb. XI, 16).

Vụng biển Vạn Ninh : Ở giáp giới châu Vạn Ninh.

Các châu, huyện kể trên đều thuộc tỉnh Quảng Yên. Chb.**XXXIV**,26

Long Môn : *Nhất thống chí* nhà Thanh chép : Long Môn ở phía Nam Khâm Châu 60 dặm, hai ngọn núi đứng sững đối nhau như luồng cửa, ở giữa có cột đá nhẵn như đá mài, bên trong có chỗ chứa nhiều nước gọi là biển nhỏ, phía tây suốt đến châu Vĩnh Yên giới phận nước ta[1]. Đây là một địa điểm sung yếu về đường biển.

Mưa đá.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, phó sứ Nguyễn Tiến Sách, Trần Thọ sang nhà Thanh nộp lễ tuế cống. Nhân tiện tâu : 1. Dư đảng họ Mạc lẩn lút ở Vân Nam, họp bè đảng cướp bóc đất biên giới thuộc Tuyên Quang, Hưng Hoá và Cao Bằng ; 2. Thổ ty ở Khai Hoá và Mông Tự xâm chiếm những thôn động ở các châu Bảo Lạc, Vị Xuyên, Thuỷ Vĩ và

(1) Xem thêm lời chua Cương mục về Triều Dương, *Chính biên* quyển II, tờ 23.

Quỳnh Nhai, xin tra xét rõ ràng cho. Nhưng triều đình nhà Thanh ỉm việc này đi, không trả lời.

Lời chua – Theo *An Nam kỷ yếu*, thì năm Khang Hy thứ 30 (1691), sứ thần nước ta là bọn Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức đem tờ tấu sang nhà Thanh nói : Bọn Mạc Kính Chửu, Mạc Kính Nghi xưng nguỵ hiệu một cách càn rỡ, trước kia chúng câu kết với Vũ Công Tuấn, người Tuyên Quang, cướp bóc các địa phương thuộc Cao Bằng, Tuyên Quang và Hưng Hoá. Lại nói về việc thổ ty nhà Thanh xâm chiếm đất nước ta, là :

– Thổ ty phủ Khai Hoá thuộc Vân Nam xâm chiếm các xã thôn : Bách Đích, Mỹ (có sách chép : "chi") Phong, Túc Lẫm, Hữu Sào, Ngọc Tỷ (có sách chép : "bôi") ở châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang ; xã, thôn các động : Đông Mông, Vô Cữu, Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên ở châu Vị Xuyên thuộc Tuyên Quang ; 28 thôn ở các động : Cam Đường, Hương Sơn, Sơn Yêu, Trình Lạn và Hoa Quán ở châu Thuỷ Vĩ thuộc Hưng Hoá. Chb.XXXIV,27

– Thổ ty Mông Tự xâm chiếm 25 thôn của động Trình Hàm (có sách chép "u") ở châu Thủy Vĩ thuộc Hưng Hóa.

– *Họ Nùng lấn* : bốn động châu Quỳnh Nhai, ba động châu Chiêu Tấn và các châu Quảng Lãng, Hoàng Nham, Hợp Phì thuộc Hưng Hoá.

Nguyễn Danh Nho : Người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng.

Nguyễn Tiến Sách : Người xã Văn Trưng, huyện Bạch Hạc. Danh Nho và Tiến Sách đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị, triều Lê Huyền Tông.

Tháng 5. Đê ở Sơn Nam bị vỡ.

Tha và giảm phú thuế cho dân có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua – *Sơn Nam* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 26, 27, 34).

Tân Mùi, năm thứ 12 (1691). (Thanh, năm Khang Hy thứ 30).

Tháng Giêng, mùa xuân. Hiển Tông Hiếu Minh hoàng đế[1], triều ta nối nghiệp.

Lại bổ dụng Vũ Công Đạo làm hữu thị lang bộ Hình.

Trước kia, Công Đạo làm đô ngự sử, vì có việc phải bãi chức về nhà[2]. Đến nay, Trịnh Căn nghĩ Công Đạo là người thẳng, nên lại bổ dụng. Chb.XXXIV,28

Mồng một, tháng 2. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Hoàng thái hậu Phạm Thị mất (không rõ ngày táng và lăng mộ ở đâu).

Lời chua - Thái hậu là sinh mẫu Huyền Tông.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho ty trấn thủ Tuyên - Hưng chiêu tập dân phiêu lưu.

Vì cớ hai châu Văn Bàn và Thuỷ Vĩ trước bị Vũ Công Tuấn xâm chiếm quấy rối.

Lời chua - *Văn Bàn* : Tên châu, thuộc phủ Quý Hoá, tỉnh Hưng Hoá[3].

Thuỷ Vĩ : Xem Trấn đế Hiện, năm Xương Phù thứ 8 (Chb. XI, I).

Khảo xét công trạng quan trong kinh, ngoài trấn, biếm chức bọn Tống Nho và Nguyễn Đăng Tuân nặng nhẹ khác nhau.

Lúc ấy, việc khảo xét công trạng rất nghiêm ngặt, người nào có thành tích về chính trị, được thăng lên trật tự cao và điều bổ đến nha môn phiền khuyết[4]; người nào công trạng liệt vào hạng thấp, phải giáng truất. Tham chính Sơn Nam Tống Nho, tham chính Thái Nguyên Nguyễn Trí Trung, phủ

(1) Tên Phúc Chu, hiệu Thiên Túng đạo nhân, con trưởng Phúc Trăn.
(2) Xem thêm tờ 13 trong cuốn này.
(3) Nay thuộc tỉnh Lào Cai.
(4) Nơi đất rộng người đông, việc binh việc lương gấp đôi nơi khác, phải bận rộn về việc bắt bớ đốc giục ; thêm vào đấy việc kiện tụng nhiều, án từ phiền phức phải bận rộn về khám hỏi xét xử. Xem thêm chú thích ở tờ 19 *Chính biên* quyển XXXV.

doãn[1] Nguyễn Đăng Tuân, giám sát Vũ Duy Dương và tư huấn Nguyễn Quang Thọ đều bị liệt vào hạng hạ khảo, nên những người này hoặc bị biếm truất, hoặc bị cách chức có khác nhau. Phạm Quang Trạch, tham chính Kinh Bắc, vì khảo xét công trạng của liêu thuộc trong ty không đúng sự thực, nên bị biếm làm đô cấp sự. Chb.XXXIV,29

Lời chua - *Tư huấn* : Theo quan chế đời cố Lê, thì tư huấn ở quán Chiêu Văn, tư huấn ở cục Tú Lâm, đều hàm bát phẩm, thuộc viện Hàn lâm.

Tống Nho : Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống[2].

Nguyễn Trí Trung : Người xã Lực Điền[3], huyện Đông An. Tống Nho và Trí Trung đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Nguyễn Đăng Tuân : Người xã Hoài Bão[4], huyện Tiên Du, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673) năm Dương Đức triều Lê Gia Tông.

Vũ Duy Dương : Người xã Thanh Thuỷ[5], huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Phạm Quang Trạch : Người xã Đông Ngạc[6], huyện Từ Liêm, đỗ bảng nhãn khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hoà.

Nguyễn Quang Thọ : Người xã Quảng Bố[7], huyện Quảng Đức, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông. Quảng Đức nay là Vĩnh Thuận.

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1692). (Thanh, năm Khang Hy thứ 31).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

---

(1) Tri phủ Phụng Thiên.
(2) Thanh Hóa.
(3) Xã Lực Điền nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(4) Nay là xã Liên Bão, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(5) Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(6) Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(7) Nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội.

Tháng 3. Ngô Sách Tuân, đốc trấn Cao Bằng, bắt được đảng giặc là bọn Mạc Kính Chư, giải về kinh, giết đi.

Trước đây, Sách Tuân, trấn thủ Cao Bằng, đánh giặc ở La thượng đàn, vì có công được thăng tham chính, sau triệu về triều, thăng thái thường tự khanh, rồi lại sai đi trấn Cao Bằng.

Lúc ấy dư đảng họ Mạc chạy sang Long Châu, ngầm câu kết với thổ ty nhà Thanh dòm dỏ biên giới. Sách Tuân sai thuộc hạ trong trấn là Bế Công Quỳnh giao kết thân mật với thổ quan Long Châu, bắt được Hán đường công của giặc là Mạc Kính Chư, đô đốc của giặc là Đinh Công Đĩnh cùng đồ đảng đưa về kinh sư giết đi. Triều đình bàn công : Sách Tuân được thăng hữu thị lang bộ Công, giám hộ là Lê Bật Huân và Nguyễn Công Ban đều được thăng giám sát ngự sử, Bế Công Quỳnh được phong tước quận công. Chb.XXXIV,30

Lời chua - *Cao Bằng* : Thuộc tỉnh Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 31, 32, 35).

La thượng đàn : Tên đất, thuộc tỉnh Cao Bằng.

Ngô Sách Tuân : Người xã Tam Sơn[1], huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Bế Công Quỳnh : Thổ ty ở Cao Bằng.

Quý Dậu, năm thứ 14 (1693). (Thanh, năm Khang Hy thứ 32).

Tháng 6, mùa hạ. Thi khảo các quan văn về từ lệnh.

Những người trúng cách về môn thi này là : Nguyễn Công Đổng, Vũ Thạnh, Hà Tông Mục và Nguyễn Hành.

Lời chua - *Nguyễn Công Đổng* : Người xã Đồng Khê[2], huyện Thanh Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

---

(1) Nay là xã Tam Sơn, huyện Tiên Sơn Bắc Ninh.
(2) Nay thuộc xã An Lâm, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Vũ Thạnh : Người phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, nguyên quán xã Đan Loan[1], huyện Đường An, đỗ thám hoa khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hoà.

Hà Tông Mục : Người xã Tinh Thạch[2], huyện Thiên Lộc.

Nguyễn Hành : Người xã Huê Cầu (nay là Xuân Cầu)[3] huyện Văn Giang. Tông Mục và Nguyễn Hành đều đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1688) năm Chính Hoà.

Chấn chỉnh lại thể văn thi các khoa trường.

Đời Hồng Đức (1470– 1497) trước, thể văn cốt trang nhã đầy đủ, lời văn trung hậu, hơi văn hùng hồn. Sau khi trung hưng, học trò câu nệ về lề lối sáo cũ, thể văn ngày càng thấp kém. Đến nay mới gia công chấn chỉnh phép thi, nhất luật dùng theo thể văn đời Hồng Đức. Chb.**XXXIV**,31

Lời chua – *Thể văn* : *Sử cũ* chép : Nhà Lê từ trung hưng trở về sau, thể văn ngày càng quê mùa :

– Thể văn chế nghĩa, chỉ làm một câu khai giảng, ngoài ra chép toàn lời tập chú trong sách, không phát minh được ý kiến gì ;

– Thể văn thơ, phú và tứ lục, đều cóp nhặt theo văn cũ, không ngại trùng kiến.

Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn chép : Thể phú về đời Hồng Đức, cách luật, âm điệu tề chỉnh, theo như thể chế đời nhà Tống.

Ngô [Thì] Sĩ nói : Thể văn đời Hồng Đức :

– Kinh nghĩa, tuỳ ý dùng chữ, cốt phát huy được ý nghĩa trong sách ;

– Tứ lục, vừa dùng sử cổ vừa dùng thời sự triều Lê ;

– Phú, hoặc dùng thể Ly tao, hoặc dùng thể Văn tuyển ;

---

(1) Nay thuộc xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

(2) Nay là thôn Tỉnh Thạch, xã Tùng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

- Thơ không câu nệ ngũ ngôn hoặc thất ngôn, đều dùng xen cả điển trong sử, trong truyện hoặc sách ngoài cùng các cảnh vật khác.

Thể văn kể trên, không phải người học hỏi rộng rãi không thể làm được.

Bắt đầu đặt chức quan kiêm quản lãnh công việc ở Quốc Tử giám.

Tham tụng Nguyễn Văn Thực làm tờ khải nói : "Nhân tài, do ở trường học mà ra. Các đời trước sở dĩ được nhiều nhân tài là vì đã sẵn có công giáo dục bồi dưỡng từ trước. Nay Quốc Tử giám nên đặt chức quan kiêm nhiệm, để cho chức vụ được long trọng. Rồi lại chọn kỹ các viên tế tửu, tư nghiệp và các viên giáo thụ, học chính đã từng chuyên nghiên cứu năm kinh, ngày thường giảng tập, khiến học trò có thể thành người tài giỏi, để giúp công việc quốc gia". Trịnh Căn nghe theo lời khải ấy. Chb.XXXIV,32

Lời chua - *Quốc Tử giám :* Xây dựng từ năm Thần Vũ thứ 2 (1070) đời Lý Thánh Tông[1], đến đời Hồng Đức nhà Lê sửa sang mở rộng ra[2]. Nhà Giám ở địa phận thôn Minh Giám, huyện Thọ Xương về phía tây nam phủ Phụng Thiên trong kinh thành. Nay là Văn Miếu Hà Nội.

Chức quan ở Quốc Tử giám : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì triều Tiền Lê đặt chức tế tửu, tư nghiệp, trực giảng, bác sĩ và giáo thụ. Chức tế tửu tất phải dùng viên đại thần kiêm lãnh, rồi lại đặt thêm chức bác sĩ năm kinh[3]. Sau khi nhà Lê trung hưng, bãi bỏ các chức kể trên, chỉ đặt tế tửu và tư nghiệp.

Giáo thụ, học chính : Theo quan chế năm Bảo Thái (1720-1728), thì Quốc tử giám có : giáo thụ, hàm chánh bát phẩm ; học chính, hàm tùng bát phẩm.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển III, tờ 30.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXIII, tờ 38.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XX, tờ 19.

Tháng 12, mùa đông. Định phép xét công trạng các lại điển.

Phép xét công trạng chia làm 4 hạng : 1. hạng liêm khiết, tài năng, 2. hạng lười biếng, 3. hạng bình thường, 4. hạng tham lam giảo quyệt. Phàm thuộc lại các nha môn trong kinh ngoài trấn, cứ 3 năm một lần khảo xét công trạng, để định việc truất bãi hoặc thăng thưởng. Phép khảo công này định làm thể lệ lâu dài.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1694). (Thanh, năm Khang Hy thứ 33).

Tháng Giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt giết 52 người dân hung ác xã Đa giá thượng.

Xã Đa giá thượng, đường núi hiểm trở hẹp hòi, lại nhiều hang hóc. Dân xã ấy lập riêng khoán ước với nhau, đặt điếm canh, hễ có người đi lại hoặc ngủ trọ, chúng nhân ban đêm đón đường giết chết, vứt xác vào trong hố mà cướp lấy của cải. Việc này đã trải hơn 20 năm, xương trắng chứa chất thành đống. Đến nay việc phát giác, triều đình sai Thạc quận công Lê Hải đi khám xét, bắt được đồ đảng 290 người, đem chém và bêu đầu 52 người hung ác đầu sỏ, còn những người khác đều đem chặt ngón tay rồi lưu đi viễn châu, xoá bỏ tên làng của xã này. Chb.XXXIV,33

Lời chua – *Đa giá thượng* : Tên xã, thuộc huyện Gia Viễn, phủ Trường Yên, xứ Thanh Hoa, nay thuộc phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 7, mùa thu. Bọn Nguyễn Danh Nho, tả thị lang bộ Lại và Ngô Sách Tuân, hữu thị lang bộ Lại, can tội, đều bị giáng chức.

Tả thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Nho lựa chọn bổ dụng các quan chức, có người nói việc tuyển bổ ấy nhũng lạm bừa bãi, phần nhiều không hợp thể lệ ; hữu thị lang Ngô Sách Tuân tư túi tuyển bổ 2 người học trò của mình. Việc này giao xuống cho bầy tôi trong triều bàn định. Giáng chức Danh Nho làm hữu thị lang bộ Hình, Sách Tuân làm tham chính Lạng Sơn. Còn Lại khoa cấp sự là Nguyễn Đình Trụ không biết đàn hặc, biện bác việc tuyển bổ ấy, nên bị giáng làm hiệu thảo. Về việc này, 24 người bị truy tước mất giấy cáo thân(1).

Ngô Sách Tuân lại tố cáo : "Lê Hy lúc làm việc ở bộ Lại, tư túi với con là Lê Thuyên và học trò là Tô Hinh, lẻn lút làm việc cầu cạnh gửi gắp". Việc này cũng giao xuống cho bầy tôi trong triều xét bàn, nhưng lời nói của Sách Tuân đều không có gì là sự thật, nên Sách Tuân lại phải giáng làm đô cấp sự. Chb.XXXIV,34

Nguyễn Đình Trụ sau khi bị giáng, nhân được rỗi việc, nên dạy bảo rèn luyện bọn hậu tiến, học trò có hàng ngàn người, nhiều người thành đạt, những người thi đỗ giáp bảng(2) trước sau hơn 70 người.

Làm sổ tu tri.

Bốn mặt địa phận ở các xã, phàm núi, sông, khe, cừ, ruộng đất, chùa, miếu, chợ, bến đò và đường sá, hết thảy đều biên chép vào sổ gọi là sổ *tu tri*.

Dân ở Sơn Nam và Hải Dương bị đói.

Triều đình phân phối các quan đi khám xét, tha tô thuế dao dịch cho dân, nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Lời chua - *Sơn Nam, Hải Dương* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 25, 26, 34).

---

(1) Bản giấy do viên quan giữ quyển tuyển bổ cấp cho người được tuyển bổ giữ làm bằng chứng cũng như văn bằng sau này.

(2) Nguyên văn chép "giáp đệ", tức những người thi đình đỗ tiến sĩ.

Ất Hợi, năm thứ 16 (1695). (Thanh, năm Khang Hy thứ 34).

Tháng Giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có hạn thuỷ tai, dân bị đói.

Thanh Hoa nước ngập, dân bị đói, triều đình cho trích một vạn quan tiền ở kho An Trường phát chẩn cho dân. Để cứu vớt dân, triều đình lại hạ lệnh cho các quan châm chước bàn định chính sách cứu đói : giảm nhẹ thuế hộ, hoãn việc xây dựng sửa chữa.

Lời chua – *Kho An Trường* : Ở xã An Trường, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Thiên, nay thuộc phủ Thiệu Hoá, lúc bắt đầu trung hưng đặt hành tại ở đây[1] nên có kho công. Chb.**XXXIV**,35

Tháng 6, mùa hạ. Không mưa.

Ngày Mậu Dần, tháng 7, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện ở phương đông.

Gia chức đô đốc cho viên trấn thủ Sơn Tây là Lê (Thì) Liêu.

Lê (Thì) Liêu ở trấn Sơn Tây, dẹp yên được trộm cướp, dập bớt được kiện tụng. Triều đình cho là xứng đáng với chức vụ, nên đặc cách gia phong chức đô đốc để biểu dương công trạng của Liêu.

Lời chua – *Lê (Thì) Liêu* : Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, là con Lê (Thì) Hiến.

Bính Tý, năm thứ 17 (1696). (Thanh, năm Khang Hy thứ 35).

Tháng 3, mùa xuân. Thi khảo bầy tôi vào hạng kỳ cựu có tài đức ở nhà Quốc học[2].

Bọn Trần Xuân Vũ 10 người được dự trúng cách.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXVIII, tờ 4.

(2) Đầu bài thi : "Ngư thuỷ long vân luận".

Tháng 7, mùa thu. Lại hạ lệnh nghiêm cấm tả đạo Gia Tô.

Đầu năm Cảnh Trị[1], đã nhiều lần ra lệnh cấm tả đạo Gia Tô, nhưng không sao cấm hẳn được. Đến nay, hạ lệnh dò la xét hỏi một cách nghiêm ngặt để trị tội, phàm nhà thờ đạo, kinh sách đạo, thảy đều phá huỷ, để trừ hết đạo dị đoan.

Nghiêm sức cho người phương bắc sang trú ngụ, nhất luật phải tuân theo phong tục nước ta.

Từ khi người nhà Thanh vào làm vua Trung Quốc, gióc tóc, mặc áo vắn, giữ y nguyên tập tục cũ Mãn Châu, Chb.XXXIV,36 lễ giáo phong tục về áo mũ đời Tống, đời Minh bị bỏ hết. Lái buôn phương bắc đi lại nước ta lâu ngày, trong nước cũng có người bắt chước. Triều đình bèn nghiêm sức :

- Các người phương bắc, người nào đã biên tên vào sổ sách nước ta, thì từ ngữ ngôn đến đồ mặc nhất luật phải theo phong tục nước ta.
- Các lái buôn phương bắc đến trú ngụ nước ta, nếu không có người quen biết hướng dẫn, không được tự tiện vào kinh thành.
- Nhân dân ở ven biên giới không được bắt chước tiếng nói và đồ mặc của người phương bắc.

Người nào trái sắc lệnh trên sẽ bị trị tội.

Tháng 8. Giáng chức tham tụng Nguyễn Quán Nho làm tả thị lang bộ Binh, liền đó lại cho làm đô ngự sử[2].

Quán Nho là người giản dị. Lúc ấy sắp thi khảo các quan trong kinh, ngoài trấn, Trịnh Căn triệu Quán Nho và Lê Hy vào phủ để nghĩ sẵn đầu bài thi, và dặn : "Chớ tiết lộ cho ngoài biết. Quán Nho ngồi chơi nói chuyện với Đặng Đình Tướng,

(1) Tức năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) đời Lê Huyền Tông. Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII tờ 6.

(2) Chức quan đứng đầu ở Ngự sử đài, hàm chánh tam phẩm.

vô tình làm hơi lộ đầu bài thi. Thái giám Ngô Phan Lân vẫn không bằng lòng với Quán Nho, đem việc này tố cáo. Trịnh Căn giận, bèn biếm chức Quán Nho. Hôm sau, bổng đô ngự sử Nguyễn Quý Đức vì có việc bị giáng chức. Trịnh Căn lại cho Quán Nho làm đô ngự sử.

Lời phê – *Việc làm của họ Trịnh, đều không đáng bàn luận làm gì. Việc này cũng như việc giáng chức Mậu Tài khi trước*[1].

Nguyễn Quý Đức và Đoàn Tuấn Khoa có tội bị giáng chức.

Con em của đô ngự sử Nguyễn Quý Đức có người nhận lễ vật đút lót của người bị kiện. Quý Đức biết chuyện, đem tang vật giải nộp và tự trình bày. Bầy tôi triều đình bàn xét, lấy cớ rằng Quý Đức xử kiện trái lẽ, mà số tang vật đem trình bày không đúng sự thật, nên Quý Đức bị giáng làm tả thị lang bộ Binh. Con của bồi tụng Đoàn Tuấn Khoa cũng nhận của đút lót, việc phát giác, Tuấn Khoa phải giáng làm đô cấp sự. Chb.XXXIV,37

Tháng 9. Lập Triều Phúc làm vua nước Ai Lao.

Triều Phúc, con cháu vua nước Ai Lao, cha hắn gặp hoạn nạn, trốn vào ở động Sơn Vị mấy năm. Nay vua Ai Lao mất, người trong nước dò hỏi, biết được chỗ ở của Triều Phúc, họ bèn cùng bọn thổ tù Cầm Đang xin với triều đình rước Triều Phúc về lập làm vua. Đặng Tiến Thự, trấn thủ Nghệ An, đem việc này tâu trình. Triều đình bèn hạ lệnh cho Tiến Thự đem quân hộ vệ đưa Triều Phúc về thành Mang Chan (Chăn) lập làm vua, bắt đời đời cống nạp theo với chức phận đã định.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV, 10). Nay ở thượng du phía tây, ven biên giới Thanh – Nghệ, các phủ người thổ ở Lạc Biên, Trấn Ninh đều gọi là Lào[2].

---

(1) Xem thêm tờ 11 trong cuốn này.

(2) *Tiền biên* quyển IV, tờ 10 chép : "Các man ở Trấn Man, Trấn Ninh và Lạc Biên, tục đều gọi là Lào. Ở đây chỉ chép Lạc Biên và Trấn Ninh không có Trấn Man. Lạc Biên trước thuộc Nghệ An, năm Minh Mệnh thứ 21 (1840) thuộc tỉnh Hà Tĩnh. Trấn Ninh đặt năm Minh Mệnh thứ 8 (1827) thuộc Nghệ An.

Động Sơn Vị : Ở huyện Hội Nguyên thuộc Nghệ An.

Thành Mang Chan (Chăn) : Tức đất Trấn Ninh. Còn như thành Viên Chăn nước Vạn Tượng thì là kinh đô của nước Vạn Tượng(1). Ở đây chép "Triều Phúc về Mang Chan (Chăn)", dưới đây lại chép "Trấn Ninh phụ thuộc làm tôi đã lâu"(2) và chép "quân thành Mang Chan (Chăn)", thì địa danh "Mang Chan (Chăn)," đều chỉ vào Trấn Ninh, mà không phải Viên Chăn của Vạn Tượng. Thế thì Trấn Ninh lại có một tên nữa là Mang Chan (Chăn). Địa danh này vì ghi chép Chb.XXXIV,38 không rõ ràng, sẽ khảo cứu sau.

Bắt đầu sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét kiện tụng.

Trước đây, các kiện tụng đã qua các nha môn xét xử, mà còn có người nào chưa phục tình, được phép khiếu tố lại ở Ngự sử đài. Lúc ấy triều đình mới sai quan khám xét kỹ lại. Sau khi việc kiện xong, chức quan ấy lại bãi bỏ đi. Đến nay, vì kiện tụng giấy tờ ngày càng phiền phức, nên sai quan văn, quan võ chia nhau khám xét. Sau này, trong phủ liêu(3) có chức thiêm sai giữ việc khám xét kiện tụng bắt đầu từ đây.

Lời cẩn án - *Việc kiện tụng mà không phân xử được xong xuôi, là do người xét kiện không công bằng chính trực. Nay vì kiện tụng nhiều, không biết tìm người công bằng chính trực để chuyên giao công việc xét xử, mà lại chia rộng trách nhiệm xét hỏi đến cả hạng vũ biền, như thế còn có thể gọi là biết thể thống cai trị được không ?*

Tháng Mười, mùa đông. Phúc hạch học trò thi hương.

---

(1) Tức thủ đô nước Lào bây giờ.
(2) Xem thêm tờ 47 trong cuốn này.
(3) Thời đại Lê - Trịnh, trong phủ chúa Trịnh có các chức : chưởng phủ sự, quyền phủ sự, thự phủ sự và tham tụng, bồi tụng, gọi là "ngũ phủ phủ liêu". Xem thêm *Chính biên* quyển XLI, tờ 11.

Khoa thi hương năm ấy, các xứ khảo xét học trò phần nhiều bừa bãi. Triều đình bèn hạ lệnh cho các quan trong viện chấm thi, khi tiến trường rồi, trước hết phúc hạch để loại bỏ bớt đi. Lúc ấy học trò ở Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Tây và phủ Phụng Thiên nhiều người bị loại. Các quan trong hai ty Thừa Chính, Hiến sát và viên phủ doãn Phụng Thiên cùng các huyện, các châu, người nào khảo hạch học trò không đúng sự thực đều bị truất bãi.

Tháng 12. Ngô Sách Tuân có tội, bị giết ; Ngô Hải vì liên can, bị bãi chức ; Phan Tự Cường được thăng chức thiêm đô.

Lúc ấy Sách Tuân giữ chức giám thí[1] trường thi Thanh Hoa. Trước khi đi Thanh Hoa, Sách Tuân đến yết kiến tham tụng Lê Hy, Lê Hy đem hình dáng giấy đóng quyển thi[2] của các con mình nói cho Sách Tuân biết. Sau đó, quyển thi của con Lê Hy không được vào hạng trúng cách. Chb.**XXXIV**,39 Sách Tuân thấy trước kia có hiềm khích với Lê Hy[3], muốn nhân dịp này gây tình nghĩa, bèn bí mật đưa quyển thi của con Lê Hy cho khảo quan[4] phê lấy đỗ. Đề điệu[5] trường thi là phó đô ngự sử Ngô Hải biết chuyện, thề với Sách Tuân sẽ giấu kín đi cho. Việc này, bị Phan Tự Cường, tham chính Thanh Hoa, phát giác ra. Triều đình giao xuống cho các quan văn, quan võ hội bàn. Sách Tuân phải luận tội giảo[6], Ngô Hải vì không biết giữ lòng chính trực, bị bãi chức ; các quan phúc khảo, giám khảo đều bị phạt, Tự Cường được thăng chức thiêm đô ngự sử[7].

---

(1) Tức phó chủ khảo.
(2) Giấy đóng quyển thi của con Lê Hy Tông dùng hạng giấy Thanh Hoa (*Lịch triều tạp kỷ* quyển I).
(3) Xem thêm tờ 33, 34 trong cuốn này.
(4) Tức các viên phúc khảo, giám khảo.
(5) Tức chánh chủ khảo.
(6) Bắt phạm nhân thắt cổ chết. Một tội nặng trong ngũ hình đời cổ.
(7) Một chức quan ở Ngự sử đài, hàm chánh ngũ phẩm.

Lời cẩn án – *Lê Hy làm tể tướng trong nước, lại gửi gắp con với viên quan giữ việc chấm thi, Sách Tuân xu nịnh riêng với người đại thần mà nhận lời ký thác, buộc vào pháp luật, thì hai người này tội cũng như nhau. Thế mà chỉ một mình Sách Tuân phải chịu tội, còn bố con Lê Hy thì không xét hỏi gì đến, như thế, còn có thể gọi là hình pháp gì nữa? Phan Tự Cường biết hặc Sách Tuân mà không một lời nào đả động đến Lê Hy, thì cùng với người nịnh hót Lê Hy cũng chẳng hơn kém nhau mấy tý. Tự Cường cũng một loại như Sách Tuân mà thôi.*

Lời chua – *Ngô Hải* : Người xã Đường Hào, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Tự Cường : Người xã La Võng[1] huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị.

Chb.**XXXIV**,40

Đinh Sửu, năm thứ 18 (1697). (Thanh, năm Khang Hy thứ 36).

Tháng Giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Nguyễn Đăng Đạo, Nguyễn Thế Bá, phó sứ Đặng Đình Tướng, Nhữ Tiến Hiền sung phái bộ nộp lễ tuế cống, nhân tiện tâu bày cả việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hoá nữa.

Lời chua – *Đăng Đạo* : Người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du, đỗ trạng nguyên[2] khoa Quý Hợi (1683) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Tiến Hiền : Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thân (1680) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

---

(1) Nay là thôn Võng La, xã Võng La, huyện Đông Anh, Hà Nội.

(2) Tức Trạng Bựu, vì xã Hoài Bão tục gọi là làng Bựu, nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bão, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyễn Thế Bá : Tên cũ là Ngô Chung, sau đổi Nguyễn Thế Bá, người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị.

Việc biên giới Tuyên Quang, Hưng Hoá : Xem năm thứ 9 ở trên (tờ 20, 21, 26, 27 trong cuốn này).

Mồng một, tháng ba. Nhật thực.

Tháng 11, mùa đông. Sách *Quốc sử thực lục*[1] đã biên soạn xong.

Năm Cảnh Trị trước[2], tham tụng Phạm Công Trứ chép nối theo Quốc sử từ Trang tông đến Thần tông, nhưng việc khắc ván gỗ chưa xong. Năm Vĩnh Trị thứ 1 Chb.XXXIV,41 (1676), Hồ Sĩ Dương trông coi việc sửa Quốc sử,
Sĩ Dương mất, triều đình lại sai Lê Hy và Nguyễn Quý Đức biên soạn sự thực trong 13 năm từ Huyền Tông đến Gia Tông, cũng gọi là *Tục biên*. Đến nay sách đã biên soạn xong, dâng nộp. Triều đình bèn cho khắc cả hai bộ sách này ban hành trong nước.

Mậu Dần, năm thứ 19 (1698). (Thanh, năm Khang Hy thứ 37).

Tháng giêng, mùa xuân. Mưa đá.

Tháng 2. Bổ dụng Lê Huyến làm trấn thủ Nghệ An.

Trước kia, Yên quận công Đặng Tiến Thự trấn thủ Nghệ An 24 năm, nơi biên cảnh không xảy ra việc gì. Tiến Thự mất, nên bổ dụng Lê Huyến trấn thủ thay. Huyến, nguyên họ tôn thất nhà Lê, là người trầm tĩnh cương nghị, có mưu mô và dũng cảm, chỉ huy binh lính rất nghiêm chỉnh. Huyến từng giữ năm trấn, đều nổi tiếng là người có tài năng.

Lời chua – *Năm trấn* : Huyến từng làm trấn thủ Hải Dương, Quảng Yên, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Nghệ An. Tên cũ là Hán Trọng, Trịnh Huyến, là lấy theo họ do nhà Trịnh đổi cho. Nay cải chính họ Lê.

---

(1) Tức bộ *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*.
(2) Tức năm Cảnh Trị thứ 3 (1665) triều Lê Huyền Tông.

Cấm đánh bạc.

Lúc ấy, trong nước không xảy ra việc gì, quan và dân phần nhiều đánh bạc bằng lối "ýtiền", ở nơi đô hội thành thị lại càng thịnh hành lắm. Triều đình bèn hạ lệnh cho viên đề lãnh dò xét. Người chứa gá và người đánh bạc đều bị phạt nặng ; số tiền phạt nhiều hay ít tuỳ theo thứ bậc phẩm trật của từng người.

Lời chua - *Ý tiền* : Theo *Hậu Hán thư* thì Lương Kỷ hay chơi ý tiền. Cách chơi ý tiền : Con bạc đặt tiền kín, rồi kiểm điểm bằng cách cứ 4 đồng là một vị[1]. Chb.**XXXIV**,42

Theo *Thiện chính lục* đời cố Lê, thì năm ấy hạ lệnh nghiêm cấm đánh bạc. Các quan : tam thái, tam thiếu[2], tả hữu đô đốc, thượng thư, đô đài ngự sử, ai chứa gá phải phạt 500 quan tiền, ai đánh bạc phải phạt 300 quan ; ngoài ra cứ theo thứ tự về phẩm trật mà giảm dần số tiền phạt. Các hạng quân và dân : ai chứa gá phải phạt 30 quan ; ai đánh bạc phải phạt 20 quan.

Tháng 4, mùa hạ. Bọn sứ thần Nguyễn Đăng Đạo từ nhà Thanh trở về nước.

Trước kia, 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên thuộc châu Vị Xuyên xứ Tuyên Quang, bị thổ ty phủ Khai Hoá nhà Thanh xâm chiếm. Trấn thủ Lê Huyến thường đem quân vào đất này, rồi đem hết tình trạng xâm chiếm tâu bày về triều đình. Trịnh Căn bàn tính việc tranh luận để lấy lại 3 động.

(1) Lời chua của nguyên văn không được rõ lắm. Tham khảo *Từ thư* (*Từ Hải,* trang 537, 598), thì "ý tiền" tục gọi "than tiền". Nguyên tắc đánh than tiền như thế này : Trong bàn đánh bạc chia thành 4 cửa : 1, 2, 3, 4. Các người đương trường được tuỳ ý lấy một số hạt gì đó (không rõ số lượng) bỏ vào trong một cái hộp đã để sẵn ở giữa bàn. Trong 4 cửa, con bạc muốn đánh cửa nào thì đặt tiền vào cửa ấy. Xong rồi, người cầm cái đổ số tiền hoặc hạt đã dựng trong hộp ra kiểm điểm, cứ lấy số 4 làm một đơn vị mà trừ đi. Khi cuối cùng, sẽ xem số lẻ còn lại bao nhiêu. Số lẻ này trúng vào cửa nào, thì người đặt tiền ở cửa ấy được. Lối đánh bạc này có lẽ là đánh phán thán. Lối đánh lú của nước ta trước kia cũng gần giống như thế. Bốn cửa trong bàn đánh lú, người ta thường gọi "yêu, lượng, tam, túc".

(2) Túc thái sư, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo.

Tham tụng Nguyễn Văn Thực xin đợi kỳ tuế cống sẽ làm một tờ phụ tấu về việc này. Năm Chính Hoà thứ 11 (1690), Nguyễn Danh Nho đã sang tâu bày, nhưng công việc không xong. Sau Nguyễn Đăng Đạo lại đem quốc thư sang xin nhà Thanh trả lại đất 3 động. Vua Thanh toan sai viên quan đại thần đi khám xét. Vương Kế Văn, tổng đốc Vân Quý, dâng sớ nói : " 3 động ấy là đất cũ của thổ mục Nùng Vạn Chung, khoảng năm Thuận Trị (1644-1661, niên hiệu Thế tổ nhà Thanh), ở Mông Tự vẫn thu lương của 3 động ấy ; năm Khang Hy thứ 5 (1666) đổi thuộc phủ Khai Hoá, trong sổ lấy tên là Đông An Lý, từ bấy đến nay, trải 30 năm đã có định ngạch". Ngay lúc ấy Thạch Văn Thạnh, tuần phủ Vân Nam, vào yết vua nhà Thanh, dâng địa đồ và nói: "3 động ấy từ đời nhà Minh đã thuộc về đất Trung Quốc, không phải đất của An Nam". Vua nhà Thanh dụ bảo bầy tôi nội các bàn luận xác đáng sẽ tâu bày. Lúc bàn luận, Đăng Đạo cố bẻ bác bàn cãi, nên việc này chưa giải quyết được. Vua nhà Thanh bèn theo lời tâu của bộ, sai làm tờ tư từ chối không nhận lời thỉnh cầu của nước ta". Chb.XXXIV,43

Sau khi Đăng Đạo về nước, triều đình đã nhiều lần làm văn thư gửi sang biện luận đòi trả lại đất 3 động, nhưng viên tuần phủ tỉnh Quảng [Tây] không đề đạt lên cho, thành ra phải bỏ việc bàn cãi đòi lại đất 3 động.

Lời cẩn án – *Năm ấy, Đăng Đạo phụng mệnh đi sứ, đem việc mất đất 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên tâu bày biện luận, bị nội các nhà Thanh bác đi. Nay tham khảo sách* An Nam kỷ yếu *chép : "Năm Khang Hy thứ 30 (tức năm Chính Hoà thứ 12), (1691), sứ thần nước ta tâu nói : Thổ ty phủ Khai hoá xâm chiếm xã, thôn 60 động về đất biên giới thuộc 3 châu Vị Xuyên, Bảo Lạc, Thuỷ Vĩ, và xâm chiếm 3 châu Quảng Lăng, Hoàng Nham và Hợp Phì". Như vậy thì số đất bị mất không phải chỉ có 3 động ở Vị Xuyên mà thôi đâu.*

Sau này, đến năm Bảo Thái thứ 9 (1728), Chb.**XXXIV**,44
người nhà Thanh trả lại đất nước ta cũng chỉ trả có : núi xưởng chì ở Vị Xuyên, núi xưởng đồng ở Tụ Long, cộng 120 dặm[1]*. Còn như những đất đã mất ở châu Bảo Lạc, châu Thuỷ Vĩ cùng 3 động Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên ở Vị Xuyên, vẫn không thấy trả lại. Xem như thế thì đất ở biên giới nước ta bị mất về nhà Thanh còn nhiều.*

Đại để, nhà Lê từ trung hưng trở về sau, giường mối vua tôi không rõ rệt, thế nước ngày một suy yếu dần, một dải đất ở thượng du phó mặc cho bọn phiên thần[2] *nối đời coi giữ, hoặc chúng đem đất công bán riêng cho người nước ngoài, hoặc chúng cùng người nước ngoài xâm cướp lẫn của nhau, triều đình chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi. Tình tệ này không phải mới xảy ra mà chứa chất đã từ lâu lắm. Đến lúc Vũ Công Tuấn bội bạn, chạy sang nhà Thanh*[3]*, thổ ty nhà Thanh bèn nhân đấy chiếm đoạt bằng cách ăn hiếp. Thế thì việc mất 3 động này có lẽ vào khoảng năm Dương Đức - Vĩnh Trị (1672-1680). Còn như Vương Kế Văn và Thạch Văn Thạnh nói : "3 động Ngưu Dương thuộc vào Trung Quốc đã lâu", chẳng qua bọn này chỉ bịa đặt lời nói vu vơ để thoả mãn được sự chiếm đoạt hàm hồ mà thôi. Lúc ấy triều đình nhà Lê chỉ một chiều vâng theo, không biết bày tỏ cương giới hai bên để biện bạch cho được chính xác, thành ra suốt đời nhà Lê, cương giới nước ta phải chìm đắm vào nước khác, không sao lấy lại được, đáng tiếc biết chừng nào !*

Lời chua - *Khai Hóa* : Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Chính Hòa thứ 9 (tờ 21 trong cuốn này).

Mông Tự : Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb, XII, 14).

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVII, tờ 3, 45.
(2) Xem chú thích ở *Chính biên* quyển XXXIII tờ 16,
(3) Xem thêm *Chính biên* XXXIII, tờ 33, 34 và tờ 20, 21 trong cuốn này.

Thạch Văn Thạnh : Người ở Phụng Thiên, nhà Thanh, năm Khang Hy thứ 33 (1694) Thạnh giữ chức tuần phủ Vân Nam.

Quảng : Tức Quảng Tây, xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 10).

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức Hoàng Công Chí làm hữu thị lang bộ Lễ, thăng chức cho Lê Hy làm thượng thư bộ Binh. Chb.XXXIV,45

Công Chí làm việc ở bộ Lại. Lúc ấy có Hồ Lại, người Nghệ An, lấy tư cách là đã làm tự thừa mãn niên hạn, được thăng chuyển làm viên ngoại lang bộ Hình. Hồ Lại là con Hồ Sĩ Dương, nghiệp sư[1] của Công Chí. Có người nói Công Chí thiên tư với Hồ Lại, Lê Hy vẫn ghét Công Chí, liền đem việc ấy tâu bày. Công Chí bèn bị giáng chức mà thăng chức cho Lê Hy.

Lê Hy là người hay nghi ngờ và giảo quyệt, nhiều người không ưa, lúc ấy có câu ngạn ngữ : "Tham tụng Lê Hy, thiên hạ sầu bi".

Lời chua – *Viên ngoại lang và tự thừa* : Theo quan chế triều cố Lê, thì viên ngoại lang trong sáu bộ, hàm tùng lục phẩm ; tự thừa trong sáu tự, hàm chánh thất phẩm.

Công Chí : Người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi [2], đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) năm Cảnh Trị triều Lê Huyền Tông.

Tháng 12, mùa đông. Vũ Thạnh, Hồng lô tự khanh, bị bãi chức.

Vũ Thạnh giữ chức nội tán (tư giảng)[3] trong phủ tiết chế Trịnh Bính. Bính thường hỏi Thạnh về việc công ở bên ngoài. Thạnh là người chất phác, ngay thẳng, liền đem việc người trong nội phủ xin xỏ gửi gắp về kiện tụng nói với Bính. Bính

(1) Một danh từ cũ dùng để gọi về thầy dạy học. Công Chí là học trò Hồ Sĩ Dương và Hồ Lại là thế huynh Công Chí.
(2) Nay là xã Thổ Hoàng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.
(3) Chức quan giữ việc giảng nghĩa sách.

đem việc ấy nói với Căn. Căn giận. Bầy tôi lại đưa đón cho hợp ý của Căn, rồi buộc Thạnh vào tội gièm pha nói xấu người trong nội phủ. Vũ Thạnh bị bãi chức.

Sau khi Vũ Thạnh đã về, dựng nhà học ở phường Hào Nam dạy học, suy tìm nghĩa lý trong kinh sách, học Chb.**XXXIV**,46
trò có người ở xa hàng ngàn dặm cũng cắp tráp
sách đến học tập. Đằng trước nhà học liền ngay với hồ Bảy Mẫu, mỗi khi đến ngày giảng tập, nhà học không đủ chỗ chứa hết, học trò thường mượn thuyền nan cặp vào bên hồ nghe lời giảng dạy.

Vũ Thạnh, tính tình khoan hoà, khéo dạy dỗ những người hậu tiến, văn chương phong nhã đầy đủ, làm khuôn thước trong một thời. Học trò của ông nhiều người đỗ cao, làm bầy tôi danh vọng. Khi ông mất, triều đình truy tặng hàm tham chính. Em là Vũ Huy, con là Vũ Huyên cùng đỗ tiến sĩ ; Bá Sưởng, cháu đã xa, là một người tiết nghĩa.

Lời chua - *Hào Nam* : Tên phường.

Bảy Mẫu : Tên hồ. Cả hai, nay đều thuộc huyện Vĩnh Thuận[1].

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1699). (Thanh, năm Khang Hy thứ 38).

Tháng 4, mùa hạ. Sai Hà Tôn Mục và Nguyễn Hành kinh lý đất biên giới Tuyên Quang.

Sầm Trì Phượng, ở châu Tiểu Trấn Yên nhà Thanh, thường đem quân xâm lấn quấy rối biên giới châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, lính phòng thủ biên giới không sao ngăn cản được. Triều đình sai bọn Tôn Mục và Nguyễn Hành đi kinh lý địa phương này. Tôn Mục bèn đưa thư cho Trì Phượng dụ bảo về lý lẽ mọi việc. Trì Phượng đưa thư trả lời lấy làm hổ thẹn, xin tạ lỗi và xin triệt hết quân đi, do đấy, dân ở biên giới được yên ở như cũ. Khi trở về triều, Trịnh Căn khen Tôn Mục

(1) Đất huyện Vĩnh Thuận cũ, nay thuộc quận Ba Đình và quận Đống Đa, Hà Nội.

và Nguyễn Hành là người có tài, cho Tôn Mục thăng tự khanh, Nguyễn Hành thăng đô cấp sự.

Sau Trì Phượng cho bộ thuộc là Diệp Chi đem ngựa đến dâng. Trịnh Căn tặng cho khá hậu rồi cho về. Chb.**XXXIV**,47

Lời chua – *Tiểu Trấn Yên* : Tên châu, xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb, XXXIII, 23).

Tuyên Quang : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 19, 30, 35).

Bảo Lạc : Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hoà thứ 9 (Chb, XXXIV ; 21).

Canh Thìn, năm thứ 21 (1700). (Thanh, năm Khang Hy thứ 39).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 6, mùa hạ. Người Man Lạc Hòn xin vào dâng lễ cống, triều đình không nhận lời.

Lạc Hòn, một bộ lạc riêng của Ai Lao, dấy quân đánh Triều Phúc ở Ai Lao, không thắng được. Triều Phúc thường dựa vào thanh thế họ Trịnh, Lạc Hòn bèn đưa thư cho đốc suất Nghệ An là Lê Huyến xin vào dâng lễ cống và xin bắt Triều Phúc đem về, để người Lào được đặt tù trưởng khác và thu tô thuế đệ nộp(1). Phủ liêu(2) hội bàn, nhận rằng Trấn Ninh phụ thuộc làm tôi triều đình đã lâu, việc cống nạp và tô thuế không thiếu thốn. Vả lại, danh vị chức phận các tù trưởng ngang nhau, triều đình không nên có lòng bênh người này bỏ người nọ. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho Lê Huyến lấy ý nghĩa dụ bảo mà từ chối lời thỉnh cầu của Lạc Hòn.

(1) Câu này nguyên văn chép : "Chỉnh tô thuế", nếu dịch đúng là "đánh tô thuế" sợ không rõ nghĩa. Chúng tôi thấy ở liền dấy có câu : "Việc cống nạp, việc tô thuế không thiếu thốn" lại tham khảo Lịch triều tập kỷ chép : "Bổ quý thuế" nghĩa là bổ sung quý và thuế bỏ thiếu từ trước, vì thế dịch : "Thu tô thuế để nộp" cho được rõ nghĩa.

(2) Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

Quân của Lạc Hòn ước hơn ba ngàn người, không có đội ngũ, phân tán ra ở các nơi để cày cấy làm ăn. Họ Chb.XXXIV,48 thấy thành Mang Chan (Chăn) có quân áo đen, ngờ là Triều Phúc được quân viện trợ, sợ lắm, mùa thu năm ấy lại xin cùng Triều Phúc giải hoà và xin dâng thớt voi. Lê Huyến dịch bức thư của họ dâng về triều. Trịnh Căn hạ lệnh an uỷ. Sau Triều Phúc lại đánh Lạc Hòn, nhưng không thắng được, bèn rút về.

Lời chua - *Lạc Hòn* : Tức phủ Lạc Biên bây giờ. Vị trí ở thượng du phía tây nam tỉnh Nghệ An. Triều Lê trước, Lạc Hòn đời đời giữ lễ cống nạp theo như chức phận. Khi nhà Lê mất, Lạc Hòn phụ thuộc về nước Tiêm. Năm Gia Long (1802-1819) bản triều, Lạc Hòn đã mấy lần cống nạp ; năm Minh Mệnh[1] đặt làm phủ Lạc Biên, thuộc Nghệ An ; sau đó lại bội bạn, trở về với nước Tiêm.

Lại tham khảo *Lê sử tục biên* chép : "Xin bắt xà bồn đem về". Bởi vì tục người Man gọi tù trưởng là "xà". Xà bồn chép đây, tức chỉ Triều Phúc.

Ai Lao : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 10).

Mang Chan (Chăn) ; Xem năm Chính Hoà thứ 17 (tờ 37 trong cuốn này).

Tân Tỵ, năm thứ 22 (1701). (Thanh, năm Khang Hy thứ 40).

Tháng 4, mùa hạ. Vi Vinh Diệu, thổ tù phủ Tư Lăng nhà Thanh, xâm lấn ruộng của dân châu Lộc Bình. Triều đình sai thổ ty Vi Phúc Vĩnh phòng bị.

Lúc ấy, lúa chiêm ở châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn đã chín, Vinh Diệu đem dân đến lấn cướp. Được tin này, triều đình bèn sai Phúc Vĩnh đốc thúc dân chúng cày cấy ở ven biên giới, trong thời kỳ lúa chín phải phòng bị nghiêm cẩn, cốt sao không để người nước ngoài vượt qua biên giới gặt tranh lúa

(1) Xem chú thích ở tờ 38 trong cuốn này.

của dân mà thôi. Không nên bạo động càn để gây hấn khích ở biên giới.

Lời chua – *Lộc Bình* [1]: Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 31). Chb.XXXIV,49

Tư Lăng : Xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 4 (Chb. II, 41).

Ngày Giáp Dần. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1702). (Thanh, năm Khang Hy thứ 41).

Tháng Giêng, mùa xuân. Thanh Hoa có nạn thuỷ tai.

Nước sông lên cao, đê Thanh Hoa bị vỡ, dân đói. Triều đình cho trích một vạn quan tiền trong kho nội phủ, chia làm hai phần : một phần chẩn cấp cho nơi nào thóc lúa bị tổn hại ; một phần chẩn cấp cho dân phu làm công việc hàn lấp khúc đê vỡ. Lại mở kho ở trấn lấy thóc phát chẩn cho dân bị đói. Miễn các ngạch thuế đinh và hộ.

Tháng 7, mùa thu. Lại bổ dụng Nguyễn Quán Nho làm thượng thư bộ Binh, vào giữ chức tham tụng trong phủ chúa.

Trước kia, Quán Nho ở ngôi tể tướng, bị Lê Hy ghen ghét, phải chuyển xuống làm quan ở Ngự sử đài 7 năm[2]. Nay Lê Hy mất, Quán Nho lại được phục hồi chức cũ.

Lúc ấy, Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa, dân đói, binh lính phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch. Binh phiên[3] bắt bớ phiền nhiễu, làm cho dân phải khổ sở. Quán Nho kiến nghị nói : "Tránh việc nặng, tìm việc nhẹ, ăn hiếp người nghèo, che chở người giàu, nhân tình phần nhiều như thế. Nay nếu nhất luật giảm ngạch lính, chỉ làm lợi Chb.XXXIV,50

(1) Nay là huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.
(2) Xem thêm tờ 34 trong cuốn này.
(3) Trước đây chúa Trịnh có đặt Thuỷ sư phiên, Hộ phiên và Binh phiên.

thêm cho chỗ khoan lương[1], nếu nhất luật triển hoãn kỳ hạn bổ sung lính, thì họ đều kêu nài là nghèo khổ. Vậy xin từ nay, xã nào có lính trốn, thì trách cứ hương mục cùng lính kinh thành đi bắt dẫn nộp ; nếu lại bỏ trốn thiếu ngạch, thì giao cho quan bản trấn đòi bắt. Nếu làng nào tình trạng thật nghèo khổ thì quan bản trấn làm công văn mật tâu bày. Còn Binh phiên cho người bắt bớ đốc thúc như trước thì nay nhất thiết cấm chỉ". Trịnh Căn nghe theo.

Quán Nho ở trong chính phủ, biết giữ đại thể, làm việc theo chính sách khoan hậu. Lúc ấy có câu ngạn ngữ : "Tham tụng Văn Hà[2], bách tính âu ca".

Lời phê – *Chưa thấy có gì là khoan hậu.*

Lời chua – *Khoan hương* : Tức dân trù phú. "Thực hoá chí" trong *Đường thư* chép : làng nào ruộng nhiều có thể cấp đủ cho người làng gọi là khoan hương ; làng nào ruộng ít gọi là hiệp hương. Dân ở hiệp hương được trao cho ruộng chỉ bằng một nửa số ruộng của dân ở khoan hương[3].

Quý Mùi, năm thứ 24 (1703). (Thanh, năm Khang Hi thứ 42).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Căn phong tằng tôn (chắt) là Cương làm tiết chế, An quốc công.

Trước kia, con cả của Trịnh Căn là Vĩnh chết sớm, Căn dùng con thứ là Bách thừa tự, Bách chết, dùng con của Vĩnh là Bính thừa tự. Bính sinh con là Cương, năm ấy 18 tuổi.

Nay Bính chết, Căn thấy mình tuổi già mà người thừa kế chưa ổn định, bèn triệu bồi tụng Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Quý Đức thưa : "Trọng trách trông coi việc nước, vỗ về quân lính, phải thuộc về người chắt trưởng (thế đích tằng tôn), xin

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.
(2) Tên làng của Nguyễn Quán Nho.
(3) Tham khảo *Từ Nguyên* (Dần tập, tờ 44) : Thời đại nhà Đường, nơi nào ruộng nhiều, người ít, gọi là khoan hương, nơi nào ruộng ít, người nhiều, gọi là hiệp hương.

định ngay danh phận, để cắt đứt sự dòm ngó". Căn lại hỏi Đặng Đình Tướng, Đình Tướng cũng thưa như lời Quý Đức. Lúc ấy ý Trịnh Căn mới cả quyết, bèn dùng Cương kế tự, làm tờ biểu tiến phong Cương làm khâm sai tiết chế các dinh quân thuỷ quân bộ kiêm giữ hết cơ quan chính quyền, chức thái uý, tước An quốc công, mở phủ Lý quốc. Chb.XXXIV,51

Đại hạn, dân bị đói.

Triều đình sai quan chia nhau đi khám xét, xá thuế dung năm nay cho Thanh Hoa ; lại trích tiền kho nội phủ chẩn cấp cho dân đói ở Kinh Kỳ.

Bắt đầu sai đề lãnh Nguyễn Đức Uyển kiêm trấn thủ Lạng Sơn.

Bắt đầu từ đây, quan trong kinh quản lĩnh ngoại trấn bằng cách không nhậm chức tại chỗ.

Giáp Thân, năm thứ 25 (1704). (Thanh, năm Khang Hy thứ 43).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Luân và Trịnh Phất định mưu giết tiết chế Cương. Trịnh Căn giết Luân và Phất ; thăng chức cho hiệu thảo Nguyễn Công Cơ làm hữu thị lang bộ Công.

Trước đây, Trịnh Bính mất, Luân và Phất tự lấy mình là con Trịnh Bách, tiết chế đã quá cố, đáng được tập phong nối nghiệp. Đến nay, Trịnh Cương do vai chắt của Căn lại được mở phủ đệ, nên Luân và Phất câu kết với bọn Đào Quang Giai làm bè đảng giúp sức định mưu cướp ngôi của Trịnh Cương. Dò biết hiện trạng việc này, hiệu thảo Nguyễn Công Cơ đem báo cáo cho Trịnh Căn biết. Căn giao bọn này xuống ngục Đình úy tra hỏi, họ đều nhận tội, nên đều bị tội theo pháp luật. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thị lang.

Lời chua - *Công Co* : Người xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hoà.

Đào Quang Giai : Người xã Thuỷ Cam, huyện Thanh Oai.

Ất Dậu, năm thứ 26 (1705). (Từ tháng 4 trở về sau thuộc năm Vĩnh Thịnh thứ nhất triều Dụ Tông. - Thanh, năm Khang Hy thứ 44). Chb.XXXIV,52

Tháng 3, nhuận, mùa xuân. Bổ dụng Đặng Đình Tướng làm đô đốc, lĩnh chức trấn thủ Sơn Nam.

Chức trấn thủ Sơn Nam, khuyết đã lâu[1], triều đình khó tìm được người xứng đáng để bổ thay. Đình Tướng lấy tư cách là người công lao, thân thích[2], có mưu cơ, tài lược, hiểu biết việc quân, nên đương làm tả thị lang giữ chức bồi tụng, đổi sang làm đô đốc ra trấn thủ Sơn Nam, tước phong Ứng quận công.

Đình Tướng giản dị, khoan hoà, nhân thứ ; nhân dân trong trấn cũng được yên vui.

Tháng 4, mùa hạ. Nhà vua hạ chiếu truyền ngôi cho thái tử Duy Đường.

Thái tử lên ngôi (tức Dụ Tông), đổi niên hiệu, đại xá.

Tha hai phần mười (2/10) thuế vụ hạ năm nay cho dân, những thuế bỏ thiếu từ năm Quý Mùi trở về trước đều được ân xá ; những dân phiêu lưu ở Thanh, Nghệ và tứ trấn được phép đến cửa khuyết tâu bày tình trạng, sẽ liệu lượng cho giảm phú thuế giao dịch.

Lời chua - *Quý Mùi* : Tức năm Chính Hoà thứ 24 (1703).

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

---

(1) Trấn thủ Sơn Nam là Lê Đình Kiên chết từ tháng 2 năm Chính Hoà thứ 25 (1704).
(2) Đình Tướng gọi Trịnh Căn bằng cậu ruột.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 35

Từ Bính Tuất, Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706) đến Tân Sửu, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 2 (1721) gồm 16 năm. Chb.XXXV,1

*
* *

Bính Tuất, Dụ Tông Hoà hoàng đế, năm Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706). (Thanh, năm Khang Hy thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 5, mùa hạ. Ai Lao sang dâng lễ cống chúa Trịnh.

Trước kia, nhân dân Mang Chan (Chăn) thuộc Ai Lao thường khổ sở vì bộ lạc Lạc Hòn xâm lấn ngược đãi, cứ phải chạy lánh không được thường trú ở một nơi nào : triều đình (nhà Lê) vẫn phải che chở cho. Khi tù trưởng Triều Phúc trở về nước, thì thành quách hào luỹ đổ nát, binh lính thuộc dưới quyền chỉ có hơn 700, khí giới dự trữ không được đầy đủ, lễ cống nạp bỏ khiếm khuyết đã lâu. Trịnh Căn sai người trách hỏi, Triều Phúc tỏ bày tình trạng, xin dâng cống nạp về lễ diên thọ và xin 3 năm dâng một lần, bỏ cho lễ cống nạp hàng năm.

Sau, Triều Phúc sai sứ đến dâng phẩm vật địa phương, xin giúp cho binh khí và xin cho kết nghĩa hôn nhân để được nương nhờ ơn nước lớn mà trấn áp sự khinh rẻ của nước ngoài. Trịnh Căn làm giấy yên uỷ. Từ đấy, Triều Phúc cống hiến

không bao giờ gián đoạn. Sau đem người tông nữ [1] họ Trịnh, lấy danh nghĩa là quận chúa họ Trịnh gả cho Triều Phúc.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb.IV,19).

Lê Thánh Tông lấy đất Lao Bồn [2] đặt phủ Trấn Ninh. Ở đây gọi là Ai Lao, có lẽ cũng là đất Trấn Ninh.

Mang Chan (Chăn) : Xem Hy Tông, năm Chính Hòa thứ 17 (Chb.XXXIV,37).

Lạc Hòn : Xem năm Chính Hoà thứ 21 (Chb XXXIV,47,48). Chb.**XXXV**,2

Lễ diên thọ : Tức lễ về đầu mùa xuân để cầu được sống lâu, lễ này cử hành trong phủ chúa Trịnh.

Việc đem tông nữ gả cho Triều Phúc : Xem năm Vĩnh Thịnh thứ 14 [3]

Quận chúa : Chế độ triều nhà Lê, con gái của hoàng tử gọi là quận chúa[4]. Lúc bấy giờ con gái của chúa Trịnh cũng tiếm xưng là quận chúa.

Đinh Hợi, năm thứ 3 (1707). (Thanh, năm Khang Hy thứ 46).

Tháng 2, mùa xuân. Định rõ lại phép khảo công.

Theo chế độ cũ : Về việc khảo công, thông tính ba lần khảo trong cả ba năm, rồi mới thi hành việc truất bãi hoặc

(1) Một danh từ để gọi chung con gái vua chúa.

(2) Nguyên văn chép : "Lao bồn địa", không rõ có phải tên đất Lao Bồn hay còn một nghĩa khác nữa. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì trong sử liệu chỉ có Bồn Man hoặc Tôn Bồn Man, không có chỗ nào là Lao Bồn cả. Bồn Man : Hồi đầu triều Lê, họ Cầm vẫn được nối đời làm tù trưởng. Dưới triều Lê Thánh Tông, Cầm Công câu kết với Lão Qua chống lại triều đình, nên năm Hồng Đức thứ 10 (1479), Thánh Tông sai tướng đem quân đánh Cầm Công, lấy đất Bồn Man đặt phủ Trấn Ninh (xem thêm *Chính biên* quyển XXIII tờ 28- 31).

(3) Từ đây cho đến hết niên kỷ Lê Dụ Tông, sử *Cương mục* không chỗ nào chép việc này. Tham khảo *Lịch triều tạp kỷ*, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14, Trịnh Cương đem người con gái tôn thất gả cho Triều Phúc, thổ tù Ai Lao. Cương hạ lệnh cho bọn nội giám (hoạn quan) Kiều Hữu Luân đem quốc thư cùng đi với sứ thần Ai Lao hộ vệ đưa người con gái ấy đến nước Ai Lao. Khi đưa đến phủ Trấn Yên (tức Trấn Ninh) phải báo ngay Phì Xà (phong tục người Man gọi tù trưởng là Phì Xà), tức Triều Phúc đem dân phu đón rước. Khi đến đầu biên giới Ai Lao, phải đợi Triều Phúc thân đến đón tiếp, sẽ hộ vệ đưa đến kinh thành Ai Lao, rồi ban cho quốc thư và tuyên truyền dụ bảo ân tín của triều đình, để lễ hôn nhân được long trọng.

(4) Cương mục chua lầm. Theo thể lệ phong ấm triều Lê, thì con gái của hoàng tử phong quận thượng chúa, con gái của hoàng thái tôn mới phong là quận chúa.

thăng thưởng. Đến nay định rõ lại : Trong ba năm, quan chức đều phải đủ ba lần khảo theo thể lệ thượng, trung, hạ, rồi sẽ cân nhắc với nhau : người nào ba lần khảo đều liệt vào thượng hạng sẽ được thăng chức 2 bậc, người nào hai lần thượng hạng, một lần trung hạng, được thăng chức một bậc, những người này đều được thưởng thêm 50 quan tiền ; người nào năm đầu vào thượng hạng, năm thứ nhì vào trung hạng, năm thứ ba vào hạ hạng, là loại trung bình, sẽ thuyên chuyển làm việc ở địa phương giản khuyết [1] ; người nào hai lần trung hạng, một lần hạ hạng, sẽ phải giáng chức một bậc ; người nào hai lần hạ hạng, một lần trung hạng, phải giáng chức hai bậc.

Lời chua - *Chế độ cũ :* Xem Hy Tông, năm Chính Hoà thứ 6 (Chb, XXXIV,19).

Định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận.

Từ lúc trung hưng đến nay, chưa định thể lệ truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận. Đến nay bàn Chb.**XXXV**,3 định : cai đội và đội trưởng chết trận, truy tặng cho hàm hiệu điểm và được cấp ruộng ; binh đinh bị chết trận, chỉ được cấp ruộng và tha dao dịch cho con của họ.

Lời cẩn án - "*Binh chế chí*" *trong* Lịch triều hiến chương *của Phan Huy Chú chép : Lê Thần Tông năm Thịnh Đức thứ 3 (1655), định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ trận vong như thế này :*

Phàm chánh đội trưởng hoặc đội trưởng các doanh các cơ, đi đánh giặc bị chết trận, thì cai đội được gia tặng hàm tả hiệu điểm và cấp cho 20 mẫu ruộng công ; chánh đội trưởng và đội trưởng được gia tặng hàm hữu hiệu điểm và cấp cho 15 mẫu ruộng công ; binh đinh được cấp 5 mẫu và miễn dao dịch cho con họ ; nếu người nào chưa có con thì cho một người cháu thân nhất được miễn dao dịch.

(1) Nơi nào ruộng đất tốt, cày cấy thuận tiện, phong tục thuần hậu, ít kiện tụng, trong hạt ít xảy ra trộm cướp, nhân dân không bị phiêu lưu. Nói tóm lại : công việc nhẹ nhàng không vất vả bận rộn như những nơi tối yếu khuyết, yếu khuyết, trung khuyết, gọi là giản khuyết. Xem thêm chú thích số 1 tờ 19 trong cuốn này.

Nay xét quan chế đời Hồng Đức (1470–1497) : Tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm hàm tòng nhị phẩm, cai đội hàm chánh tứ phẩm, đội trưởng hàm chánh ngũ phẩm. Bây giờ đem hàm tòng nhị phẩm mà tặng cho người tứ phẩm, ngũ phẩm, chả phải cũng là vượt bậc quá hay sao? Đại để nhà Lê từ trung hưng về sau, thứ tự quan chức phần nhiều đổi khác. Lại tham khảo Kiến văn tiểu lục *của Lê Quý Đôn nói : Tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm cấp bậc ở dưới thự vệ được phong tước hầu. Hai chức này chưa được dự vào triều ban. Như vậy, thì lúc bấy giờ phẩm trật hiệu điểm thuộc vào hạng thấp, cho nên thể lệ truy tặng ân tuất năm ấy, mới đem hàm hiệu điểm mà truy tặng cho cai đội trưởng. Nhưng việc này không có văn kiện rõ ràng chép trong Sử, nên tham khảo mà chép ra đây để phòng khi khảo cứu đến.*

Tháng 7, mùa thu. Định rộng niên hạn ân tuất cho dân phiêu tán

Tai hoạ hạn hán và kém đói xảy ra từ năm Quý Mùi (năm Chính Hoà thứ 24 - 1703), nhân dân phần nhiều phiêu tán, triều đình đã nhiều lần thi hành lệnh ân xá rộng rãi, nhưng nhân dân các làng xóm vẫn chưa trở về đông đủ. Nay định niên hạn : người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và dao dịch trong năm năm ; người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong ba năm. Chb.**XXXV**,4

Lại sai quan văn, quan võ chia nhau đi khám xét kiện tụng.

Lúc ấy Ngự sử đài xét hỏi kiện tụng, phần nhiều có những việc kiện còn kêu đi kêu lại. Triều đình bèn theo chế độ cũ năm Cảnh Hoà (năm thứ 17)[1], hạ lệnh cho quan văn, quan võ chia nhau đi xét hỏi. Việc này giao cho viên bồi tụng Hoàng Công Chí và đề đốc Đặng Đình Thuyên cả thảy tám người chịu trách nhiệm.

Lời chua – *Đình Thuyên* : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 38.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Căn hạ lệnh : hai ty Thừa chính và Hiến sát chọn trong số huyện lệnh thuộc dưới quyền hai ty ấy, đề cử viên nào có thể làm nổi công việc tri phủ.

Trịnh Căn nhận thấy chức trách phủ huyện Chb.**XXXV**,5
là ở chỗ thân cận với dân, thế mà bộ Lại cất nhắc
thuyên chuyển chỉ theo vào tư cách, thành ra người có tài năng kiến thức không tỏ rõ ra được ; hai ty Thừa chính và Hiến sát đối với viên huyện thuộc dưới quyền mình ngày thường đã am hiểu rõ ràng, thì sự nhận định phân tích có phần dễ. Bởi thế, mới hạ lệnh hai ty ở các xứ chọn trong số các viên huyện lệnh thuộc dưới quyền, đề cử người nào có thể giữ nổi chính chức hoặc chức tá nhị trong một phủ, thì người đứng đề cử cùng người được đề cử đều về kinh sư xét thực, sẽ cho được thuyên chuyển cất nhắc.

Lời cẩn án - *Người bàn thuật về chính trị cần phải tìm đến nguồn gốc chính trị. Ông Chu Tử nhà Tống nói : "Giám ty* (1) *là đầu mối của các viên thú, lệnh* (2) *mà triều đình là gốc rễ của giám ty". Mệnh lệnh này của Trịnh Căn hầu như biết thận trọng về việc lựa chọn chức thú, lệnh đấy. Nhưng không biết triều đình lúc bấy giờ có thật trong sạch sáng sủa không? Hai ty Thừa chính, Hiến sát có thật đều là người hiền tài lương thiện không? Lại còn việc bắt người đề cử cùng với người về kinh sư xét duyệt, như thế há chẳng phải phiền phức tế toái mà bỏ mất cả việc công à?*

Mậu Tý, năm thứ 4 (1708). (Thanh, năm Khang Hy thứ 47).

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh sửa đắp đường đê sông Nhị.

Hàng năm, nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ khuyết liệt. Triều đình bèn hạ lệnh hai ty Trấn thủ và Thừa chính đốc sức dân phu, tuỳ theo địa thế bồi đắp sửa chữa, để lợi cho nông dân.

(1) Một danh từ để gọi quan chức có quyền trông coi các viên quan phủ huyện. Ở đây chỉ Hiến sát và Thừa chính.

(2) Thú : tức thái thú, một danh từ để gọi viên tri phủ. Lệnh : tức lệnh doãn, một danh từ để gọi viên tri huyện.

Lời cẩn án – *Sông Nhị, tức sông Phú Lương, một con sông lớn ở Bắc Kì, phía đông bắc tỉnh thành Hà Nội. Con sông này phát nguyên từ sông Lô* Chb.**XXXV**,6 *thuộc Tuyên Quang và sông Thao, sông Đà thuộc Hưng Hoá*(1), *nước các ngành sông này tụ họp ở phía đông nam huyện Bạch Hạc tỉnh Sơn Tây*(2) *chảy qua Hà Nội, Hưng Yên và Nam Định rồi đổ vào các cửa biển Ba Lạt*(3), *Thái Bình và Diêm Hộ. Lại có một chi lưu là sông Hát, con sông này từ huyện Phúc Thọ tỉnh Sơn Tây đi qua huyện Đan Phượng, chảy vào địa phận phủ Lý Nhân thuộc Hà Nội*(4), *qua địa phận tỉnh Ninh Bình, rồi đổ vào các cửa biển Đại Liêu và Chính Đại.*

Nay tham khảo : "Địa lý chí" trong Minh sử *: "Phủ Lệ Giang thuộc Vân Nam có sông Lan Thương thông sang Giao Chỉ là thành sông Phú Lương ; phủ Lâm An có thác Liên Hoa tức hạ lưu sông Lan Thương và là thượng lưu sông Thao ở Giao Chỉ".* Kiến văn tiểu lục *của Lê Quý Đôn, về "Tây Nhị Hà" chép : "Sông Diệp Du có một tên nữa là Tây Nhị Hà, phát nguyên từ núi Bãi Cốc huyện Lãng Khung, hạ lưu hợp với Dạng Thuỷ huyện Thái Hoà, lại hợp với dòng sông Lan Thương, rồi đổ vào biển Nam Hải. Nước ta gọi sông Phú Lương là Nhị Hà, có lẽ lấy cớ rằng nước sông ấy dầu bắt nguồn từ sông Lan Thương nhưng vẫn là hạ lưu của Tây Nhị Hà".*

Cứ các sách đã dẫn có trên, thì sông Nhị bắt nguồn từ Tây Nhị Hà và sông Lan Thương thuộc Vân Nam chảy vào địa phận nước ta. Sông này nhiều ngọn nước giao nhau chảy vào, nên mỗi năm đến mùa hạ mùa thu thì đầy rẫy, nước chảy quá mạnh. Năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (1248) dưới triều Thái Tông nhà Trần, đắp đê Tai Vạc (Đỉnh Nhĩ đê), nhưng ngay từ thời nhà Trần(5) *đã có nạn vỡ đê. Đến thời nhà Lê, nạn vỡ đê lại càng*

---

(1) Nay sông Thao thuộc địa phận tỉnh Phú Thọ sông Đà thuộc địa phận tỉnh Hoà Bình.

(2) Huyện Bạch Hạc nay là huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc.

(3) Ba Lạt : Viết theo Hán Văn : 巴辣 Riêng về chữ "lạt 辣 " nguyên văn trong *Cương mục* chua như thế này : "Trong tự điển và Khảo dị, bổ đi đều không có chữ này ngờ là chữ "lạt 剌 " vì là cửa biển nên thêm chấm thuỷ ở bên cạnh".

(4) Địa phận phủ Lý Nhân nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(5) Xem thêm *Chính biên* quyển VI, tờ 31.

nhiều hơn, triều đình chia cho dân phải nộp tiền thuế điệu để hàng năm sửa đắp, dân phải tốn của hao công, mà một khi xảy ra nạn nước xoáy vỡ đê, dân lại bị hại không sao kể xiết.

Tháng 9. Cấm thổ tù ở các phiên trấn không được giao thiệp riêng với người quyền quý trong triều đình. Chb.XXXV.7

Lúc ấy, phụ đạo các phiên trấn phần nhiều vào kinh sư chơi, giao thiệp liên kết với người có quyền lực hoặc người giữ địa vị trọng yếu, vì thế mới hạ lệnh cấm. Nếu triều đình có tiết lễ lớn, các phụ đạo vào kinh, không được đem quá 4 người đi theo, khi lưu ở kinh sư, không được quá 20 ngày. Từ đấy, sự phân biệt người Kinh, người Thổ mới nghiêm ngặt.

Kỷ Sửu, năm thứ 5 (1709), (Thanh, năm Khang Hy thứ 48).

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Căn mất. Tằng tôn (chắt) của Căn là Cương lên nối ngôi.

Căn, chuyên giữ chính quyền 28 năm. Khi mất, truy xưng là Khang Vương tiếm hiệu là Chiêu Tổ.

Tháng 9, mùa thu. Tiết chế Cương tự gia phong làm nguyên soái tổng quốc chính, An đô vương.

Cương, giả thác mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong tước vương. Tha cho dân một nửa thuế tô năm ấy và các thuế còn thiếu lại đã lâu ; lại thăng chức cho các quan văn võ, người chức cao, người chức thấp khác nhau.

Canh Dần, năm thứ 6 (1710). (Thanh, năm Khang Hy thứ 49).

Tháng giêng, mùa xuân. Lại ban hành tỏ rõ giáo điều.

Đầu năm Vĩnh Trị (1676- 1680), triều đình đặt 6 giáo điều để khuyên răn bầy tôi và nhân dân trong kinh thành, ngoài phiên trấn : 1. Người đại thần không được cậy quyền thế ; 2. Bầy tôi về hàng võ phải siêng năng thao luyện, các viên phủ huyện không được hà khắc bạo ngược ; 3. Bầy tôi về hàng văn phải thanh liêm cần mẫn ; 4. Bầy tôi trong nội điện phải giữ lòng trung thành lương thiện ; 5. Quân sĩ phải tuân theo pháp

lệnh ; 6. Nhân dân phải dốc lòng phân biệt điều liêm, điều sỉ. Đến nay, lại ban hành sáng tỏ 6 giáo điều kể trên.

Tân Mão, năm thứ 7 (1711). (Thanh, năm Khang Hy thứ 50). Chb.XXXV,8

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê.

Trước đây, việc đốc thúc dân đắp đê, giao quyền cho viên quan ở trấn, phần nhiều chỉ làm cẩu thả cho xong việc, nên mỗi năm đến mùa nước lớn, đê lại vỡ lở, dân vùng ven sông luôn luôn bị tai hại. Đến nay mới hạ lệnh cho quan trong kinh là bọn Lê Dị Tài và Trần Công Trụ chia nhau đi đôn đốc. Công việc sửa đắp đê sau đây thêm bận rộn hơn, nhưng cũng không sao ngăn ngừa được nạn nước lụt.

Lời chua – *Dị Tài :* Người xã An Hoạch, huyện Đông An [1], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1676) năm Vĩnh Trị triều Lê Hy Tông.

Định rõ lại thể lệ quân cấp ruộng công.

Trước đây, ruộng công do các quan châu hoặc huyện quân cấp cho dân, phần nhiều sơ lược, không được công bằng. nay Trịnh Cương bàn với phủ liêu định lại :

- Niên hạn quân cấp cứ sáu năm một lần, do viên quan trưng thu chịu trách nhiệm.

- Thời hạn quân cấp ; ruộng vụ màu không được cấp sau tháng 3 ; ruộng vụ chiêm không được cấp sau tháng 9, để thích hợp với thời tiết làm ruộng của dân.

- Cách thức chia khẩu phần : các xã có ruộng công, tính số người mà quân cấp, xã nào nhiều ruộng công thì phần cấp tính theo mẫu ; xã nào ít ruộng công thì phần cấp tính theo sào, thước.

(1) Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá

- Người được hưởng phần ruộng : từ quan viên đến người quan, quả, cô, độc và phế tật [1] đều được tuỳ theo suất số mà liệu lượng cấp cho phần ruộng. Người nào đã có dân lộc, điền lộc hoặc ruộng của mình hoặc ruộng của vợ ngang với số khẩu phần quân cấp, thì không được dự phần cấp nữa.

Những ruộng ẩn lậu còn ở ngoài sổ điền vẫn được miễn thuế, cũng đem quân cấp cho dân. Ruộng công, đất bãi không được phép mua bán. Chb.**XXXV**,9

Lời chua - *Quan trung thu :* Thể lệ đời cố Lê, các phủ huyện đều đặt một viên quan trưng thu, trông coi việc thu thuế lệ và khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu.

Cấm quan viên thiện tiện lập trang trại.

Ít lâu nay, những nhà quyền quý thế hào, phần nhiều nhận ruộng đất của mình ở đâu thiện tiện lập trang trại ở đấy, rồi chiêu tập người trốn tránh, cho họ nấp bóng để vơ vét mối lợi, vì thế mà dân xã nhiều người phiêu tán.

Đến nay nghiêm cấm, người nào trái lệnh sẽ phải luận vào tội nặng. Còn những người phiêu lưu trú ngụ ở xã khác, khai khẩn nhờ vào đất hoang xã ấy, hiện đã dựng thành cơ nghiệp, thì chỗ đất khai khẩn ấy xét định cho làm thổ, để họ được yên nghiệp sinh nhai.

Trịnh Cương tự tiến phong ông là Vĩnh tước Lương mục vương, cha là Bính tước Tấn quang vương.

Cương lấy địa vị là tằng tôn (chắt) của Căn lên nối ngôi, nay Cương truy tôn tước vương cho ông và cha. Khi bàn đến điển lễ miếu thờ, có người nói nên lập miếu riêng, tham tụng Nguyễn Quý Đức nói : "Hai tước vương đều là chính tông đích trưởng[2], thờ ở cung miếu, thì thuận lý hơn". Cương theo lời bàn của Quý Đức.

(1) Quan : Đàn ông không có vợ. Quả : đàn bà không có chồng. Cô : trẻ con mồ côi. Độc : người già không có con, không thể nương tựa vào đâu được. Phế tật : một mắt bị mù, một chi thể bị hỏng.

(2) Trịnh Vĩnh, con cả Trịnh Căn. Trịnh Bính con cả Trịnh Vĩnh, đều mất sớm, xem thêm *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 50.

Lời chua – *Cung miếu* : Miếu thờ tiên tổ họ Trịnh.

Tháng 3. Bắt đầu đổi chức quan tham trấn làm lưu thủ.

Hạ lệnh triệu Trương Công Khải, tham trấn Thanh Hoa, về triều, giữ chức phó đô ngự sử. Bổ dụng hoạn quan Đoàn Hữu Toán làm lưu thủ thay. Tên quan tham trấn đổi ra lưu thủ bắt đầu từ đấy. Chb.XXXV,10

Lời chua – *Tham trấn* : Tức chức trấn thủ ở các trấn. Không rõ chức này đặt từ năm nào.

Tháng 10, mùa đông. Chỉnh đốn lại thể thức văn bài trong khoa thi hương.

Trước đây, các quan trường thi hương, nghĩ soạn đầu bài : về thể văn tứ lục chẳng qua chỉ soạn độ mươi đầu bài ; về thể phú chẳng qua độ bốn, năm đầu bài, không thay đổi gì, gọi là bản mẫu mực (sáo bản). Những người học giỏi phần nhiều làm sẵn thành văn, học trò đi thi đều đọc thuộc lòng từ trước, khi vào trường thi cứ chép theo nguyên văn ấy. Quan trường tuỳ ý phê duyệt lấy đỗ, không câu nệ gì về sự trùng kiến, cho nên những người trúng tuyển phần nhiều không phải người thực học. Vì thế khoa thi này mới hạ lệnh cho quan chấm thi tuỳ ý ra đầu đề, không được rập theo sáo cũ. Do đấy, tập tục hủ lậu về lối văn khoa cứ dần dần thay đổi.

Nhâm Thìn, năm thứ 8 (1712). (Thanh, năm Khang Hy thứ 51).

Tháng 3, mùa xuân. Lại hạ lệnh cấm tả đạo Gia tô.

Triều đình đã nhiều lần ra điều lệnh cấm tả đạo Gia tô, nhưng quan và dân sở tại tham của đút lót của họ, che giấu lẫn cho nhau, nên đạo ấy lan ra làm người ta mê hoặc mỗi ngày một sâu rộng. Vì thế, triều đình lại định điều lệ ngăn cấm : người nào biết có người theo đạo Gia tô được phép tố cáo ; người theo đạo ấy sẽ phải cắt tóc trên đỉnh đầu, thích vào mặt 4 chữ "học Hoa lang đạo" và phát 100 quan tiền để thưởng cho người tố cáo. Nhưng cũng không sao ngăn cấm được. Chb.XXXV,11

Lời chua - *Hoa Lang* : Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII,6).

Bắt đầu hạ lệnh cho các quan trấn thủ ở biên giới phải đến đóng tại trấn lỵ.

Tham tụng là bọn Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Thế Bá nói : "Chức quan trấn thủ bấy giờ, tức là chức quan trong Đô ty lúc đầu bản triều. Nơi các viên ấy đóng để làm việc cai trị đã có thành quách. Trước đây, các trấn Tuyên, Hưng, Thái, Lạng hoặc uỷ thác cho viên quan ở trấn khác kiêm quản lĩnh, hoặc bổ dụng bầy tôi thân cận để quản lĩnh, nhưng viên quan kiêm lĩnh thì ở yên tại nơi trấn, viên quan chầu chực thân cận thì quyến luyến ở kinh sư, chỉ theo tiện nghi mà khống chế bằng cách vắng mặt, việc ấy từ trước đến nay vẫn làm theo thói quen. Tuy cũng có lúc thay đổi bổ dụng quan võ, thì viên quan võ thường lấy cớ là nơi biên viễn núi rừng lam chướng, đối với binh lính không được tiện lợi. Các viên ấy không biết rằng địa thế nội trấn và ngoại trấn xa cách nhau, mà công việc ở biên giới không thể nào dự định trước được. Nếu không đóng ở trấn, ngộ chợt có biến cố xảy ra thì làm thế nào xem xét quản cố được. Lại còn việc kiện tụng : nào đòi hỏi, nào dẫn người đương sự về nha hầu xét, bọn lại dịch tính hành trình bắt dân cung đốn, làm cho dân càng phải phí tổn nặng nề. Vậy xin từ nay các quan trấn thủ ở biên giới đều phải đến lỵ sở cũng như các viên trấn thủ ở tứ trấn [1]. Về phần trấn Yên Quảng nguyên trước thuộc viên trấn thủ Hải Dương kiêm quản lĩnh, nhưng xét đấy là nơi bãi biển xa xăm, xin phải riêng viên quan có tài năng chuyên giữ trách nhiệm phòng ngự. Các trấn thủ Tuyên Quang, Lạng Sơn cũng nên nhất luật phải theo chế độ cũ" [2]. Trịnh Cương nghe theo lời trình bày ấy.

(1) Xem lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXIII, tờ 21.

(2) Câu này sử *Cương mục* chép không được rõ ràng, vì chỉ nói "theo chế độ cũ" thì không hiểu chế độ cũ thế nào. Tham khảo *Lịch triều tạp kỷ* chép : "Các quan hai ty Thừa chính, Hiến Sát ở Tuyên Quang và Lạng Sơn cũng nên bắt phải đến lỵ sở làm việc, nhất luật theo chế độ cũ". Chép như thế có phần rõ hơn.

Lời chua - *Đô ty* (1) : Đầu niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông, đặt Đô ty ở 12 thừa tuyên, trong Đô ty có các chức tổng binh và phó tổng binh, tức là chức quan trấn thủ. Sau khi trung hưng, bãi bỏ Đô ty đặt trấn thủ, lại có những tên quan : đốc trấn, lưu thủ, đốc phủ và tổng phủ, đều là chức quan giữ trách nhiệm ở trấn cả. Chb.**XXXV**,12

Tuyên : tức là Tuyên Quang - *Hưng* : tức Hưng Hoá - *Thái* : tức Thái Nguyên, xưa gọi là Ninh Sóc - *Lạng* : tức Lạng Sơn - *Yên Quảng* : xưa là Yên Bang - *Hải Dương* : xưa là Dương Tuyền. Các địa danh trên, đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,17,19,24,25,29,32,34,35).

Từ tháng 6 đến tháng 12, không mưa.

Dân bị đói to.

Hạ lệnh : Tha các tù tội nhẹ hiện đương bị giam ; hoãn thu các thứ thuế bỏ thiếu đã lâu ; giảm một nửa thuế tuần ty và bến đò, đình hoãn việc bắt phu làm việc ; sửa lễ tế các nơi thờ tự mà ít lâu nay bỏ không tế.

Quý Tỵ, năm thứ 9 (1713). (Thanh, năm Khang Hy thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Bàn định thi hành việc phát chẩn và cấp đỡ cho dân.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ, cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh. Vì thế, triều đình bàn thi hành chẩn cấp : hạ lệnh cho quan hoặc dân nộp thóc, sẽ lượng theo số thóc mà trao cho chức tước , hoặc phẩm hàm, rồi đem số thóc ấy phân phối phát chẩn cho dân nghèo. Lại trích tiền kho nội phủ phát chẩn cho dân kinh kỳ ; trích một vạn quan tiền ở kho An Trường cấp đỡ cho dân Thanh Hoa ; cân nhắc để xá tô thuế cho dân ở tứ trấn và ở Phụng Thiên, Trường Yên, nơi nhiều nơi ít khác nhau. Chb.**XXXV**,13

(1) Tức Đô tổng binh sứ ty, nói tắt.

Lời chua – *An Trường* : Xem Lê Trang Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Trường Yên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb, II, 11).

Phụng Thiên : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 20, 32, 33, 35).

Tháng 7, mùa thu. Nước lớn, vỡ đê.

Lúc ấy mưa dầm không ngớt, nước các sông tràn ngập, vỡ đê các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa, mấy vạn nhà bị nước cuốn đi mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh cho các xã dân đều chiếu theo mẫu ruộng và suất đinh trong hộ nộp tiền, để thuê người sửa đắp.

Lời chua – Theo *Tạp kỉ* của Cao Lãng, thì năm ấy triều đình hạ lệnh cho các xã dân tuỳ theo số mẫu ruộng công và tư nộp tiền để thuê người sửa đắp. Lại tính các xã dân nội vi tử và tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc, cộng 206.311 suất, liệu lượng thu mỗi suất một quan tiền, cấp phát cho dân phu, để làm việc đắp đê.

Nguyên văn trong *Tạp kỉ* chua : các xã nội vi tử 64.267 suất rưỡi, các xã ân lộc và ngụ lộc 20.038 suất rưỡi, các xã chế lộc 86.851 suất, các xã tạo lệ 8.892 suất, các xã tự sự 26.262 suất. Chb.**XXXV**,14

Tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc: Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thì năm Hồng Đức, Thánh Tông ban cấp ân tứ và phong hộ cho bầy tôi : thân vương và các quan được phong tước công, hầu, bá, tử, nam đều có ruộng thế nghiệp và số người hầu hạ (tạo lệ) ; quan văn cấp cho hộ suất tuỳ hành làm ngụ lộc, quan võ cấp cho dân xã chế lộc, đều cho phép nộp tiền để làm lương bổng hằng năm của quan văn, quan võ. Các viên quan đã trí sĩ về nhà cấp cho huệ dưỡng dân lộc (ban ơn được hưởng lộc của dân để nuôi dưỡng) gọi là ân lộc. Lại theo "chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú : Ngự sử đài và hai ty Thừa chính, Hiến sát được cấp cho thủ lê dân, để làm ngụ lộc. Quan văn, quan võ được triều đình chiếu theo chức phẩm hiện có

của từng người chuẩn cấp cho dân xã tự sự, người nhiều người ít, để cung phụng việc tế tự.

Nội vi tử : Tức dân nội tịch chính cung. Đại để, trừ những xã dân đã đem cấp làm lộc điền, lệ dịch đi rồi, còn những xã thuộc vào số hộ để phong vị việc kinh phí ở phủ thự công, gọi là nội vi tử.

Suất : Theo *Khang Hy tự điển* thì chữ "suất" là danh từ để gọi con số đếm ra. *Tự điển* lại dẫn lời chua trong *Chu lễ* : suất là tính từng suất nhân khẩu mà nộp tiền.

Lại đặt chức lưu thủ ở Tuyên Quang. Chb.**XXXV**,15

Năm Quang Thuận, chia đặt thừa tuyên hai xứ Tuyên Quang và Hưng Hoá. Lúc bắt đầu trung hưng, Vũ Văn Mật được chuyên giữ quyền khống chế Tuyên Quang, cha truyền con nối, đến đời Vũ Công Đắc ; sau con Công Đắc là Công Tuấn làm phản, triều đình dẹp yên được(1), mới sai quan đến giữ địa phương này mà thuộc quyền thống trị của trấn thủ Hưng Hoá.

Đến nay mới đặt chức lưu thủ riêng của từng trấn. Bổ dụng hoạn quan Trần Công Tôn trấn thủ Hưng Hoá, Phạm Gia Vương trấn thủ Tuyên Quang, Hưng Hoá và Tuyên Quang, lại chia ra hai trấn bắt đầu từ đây.

Lời chua – *Tuyên Quang, Hưng Hoá* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI,16,19, 30, 31, 35).

Giáp Ngọ, năm thứ 10 (1714). (Thanh năm Khang Hy thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Văn Đình Nhâm (Nhậm), lưu thủ Yên Quảng, đánh giặc biển, dẹp yên được.

Bọn giặc biển ở Yên Quảng nhiều lần cướp bóc dân ở biên giới một cánh bạo ngược. Lưu thủ Văn Đình Nhâm và đốc đồng Đinh Phụ Ích đem quân lùng bắt, chiêu dụ được đảng này 300 người ra hàng, bắt sống và giết chết được hơn 70 người, hết thảy toán giặc này đều dẹp yên được.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXX, 9, 10, 28 ; XXXIII, 28 ; XXXIV, 21, 22.

Lời chua - *Đình Nhâm (Nhậm)* : Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn.(1)

Bồn Man đến cống nạp. Chb.**XXXV**,16

Lời chua - *Bồn Man* : Ở thượng du phía tây Nghệ An, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb.XVIII,8). Nay xét : Lê Thánh Tông đã lấy đất Bồn Man đặt làm Trấn Ninh rồi (2), thế mà nay lại chép : "Bồn Man đến cống nạp". *Sử cũ* chép thiếu sót sơ lược, như thế rất nhiều , hãy chép ở đây, sẽ khảo cứu sau.

Tháng 6, mùa hạ, không mưa.

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiến phong đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư, An vương.

Trịnh Cương bái yết nhà thái miếu, rồi vào chầu nhà vua ở điện Vạn Thọ.

Trước đây, những ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng chúa Trịnh cùng trăm quan chầu vua ở điện Vạn Thọ. Nhưng sau họ Trịnh vượt quyền lấn át, nên mồng một, ngày rằm hàng tháng chỉ có trăm quan triều yết mà thôi. Đến nay, vì vừa mới tấn phong, nhân đấy Cương đến bái yết nhà thái miếu, rồi vào chầu vua một lần đầu. Sau đấy lại bỏ.

Ất Mùi, năm thứ 11 (1715). (Thanh, năm Khang Hy thứ 54).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ : Hộ bộ tả thị lang Nguyễn Công Cơ và thái bốc tự khanh Lê Anh Tuấn ; phó sứ Thượng bảo tự khanh Đinh Nho Hoàn và Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Mậu Áng sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống. Đến năm sau, bọn Công Cơ trở về nước, phụng chỉ dụ của vua nhà Thanh nói : Phẩm vật tuế cống, lư hương và bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc, từ sau được theo số lượng đã định mà thay thế làm thành vàng đĩnh, bạc đĩnh rồi giao quan chức tỉnh Chb.**XXXV**,17

(1) Đất huyện Hương Sơn cũ, nay thuộc hai huyện Hương Sơn và Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Xem Chb XXIII, tờ 29- 31.

Quảng Tây thu nhận lưu trữ, còn ngà voi và tê giác đều được miễn, người tuỳ hành cũng liệu lượng giảm bớt.

Lời chua – *Phẩm vật cống nạp* : Theo lời trình bày trong sách *Việt thuật* của Hoàng Sơn Mẫn nhà Thanh chép : "Năm Quý Mão, niên hiệu Khang Hy (1663), nước An Nam sai sứ thần sang cống nạp. Lễ cống có : 4 bộ lư hương và bình hoa bằng vàng, tất cả nặng 209 lạng ; 12 chiếc chậu bằng bạc tất cả nặng 691 lạng ; 20 bộ tê giác và 20 chiếc ngà voi". Nay đem đối chiếu niên thứ của hai nước, thì năm Quý Mão niên hiệu Khang Hy, ngang với năm Cảnh Trị thứ nhất triều Lê Huyền Tông.

Theo tập *Bang giao* triều cố Lê, thì năm Bính Thân, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 12, tức năm Khang Hy thứ 55 (1716) triều Thanh, quan chức tỉnh Quảng Tây tư sang nước ta nói : "Bộ Lễ tâu (vua nhà Thanh) rằng : Quốc vương An Nam sai bồi thần là bọn Nguyễn Công Cơ dâng lễ tuế cống hai lần. Sau được chỉ dụ (vua Thanh) nói : An Nam dâng lễ cống như lư hương bằng vàng, bình hoa bằng vàng, chậu bằng bạc và tê giác, ngà voi, xét ra đường sá xa xăm, vận tải khó nhọc. Vậy từ sau được thay thế làm thành vàng đĩnh, bạc đĩnh, rồi giao cho ty Bố chính tỉnh Quảng Tây lưu trữ vào kho. Lại vâng chỉ dụ cho miễn việc dâng tiến tê giác và ngà voi. Còn việc dâng biểu văn quan hệ về điển lễ lớn, nghĩ cho châm chước liệu lượng rút bớt số quan viên và chức dịch phải tới kinh đô" (1).

Lê Anh Tuấn : Người xã Thanh Mai(2), huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1694) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Nguyễn Mậu Áng : Tên cũ là Mậu Thịnh, người xã Kim Sơn (3), huyện Gia Lâm đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hoà. Chb.**XXXV**,18

(1) Năm Cảnh Trị thứ nhất, triều đình nhà Lê mới bắt đầu sai sứ thần là bọn Lê Hiệu, Dương Hạo và Đồng Tổn Trạch sang giao hảo với triều đình nhà Thanh, việc này sử *Cương mục* và sách *Việt thuật* cũng chép như nhau. Còn lễ cống, thì ngoài phẩm vật đã chép trong sử Cương mục, sách Việt thuật còn cho ta biết những phẩm vật này : 60 cân trầm hương, 148 cân tốc hương, 30 cân giáng chân hương, 50 kiện bạch truật hương, 8.000 nén hương đen và 200 tấm lụa thổ màu trắng. Nay trong chiếu chỉ của vua nhà Thanh chỉ nói miễn cho tê giác và ngà voi. Vậy thì còn những phẩm vật nói trên không rõ có được miễn hay không, mà trong chiếu chỉ không thấy nói đến. Sách Việt thuật lại còn cho ta biết : lúc ấy nhà Thanh vừa nhận lễ cống của vua Lê lại vừa nhận lễ cống của Mạc Kính Diệu ở Cao Bằng nữa.

(2) Nay thuộc xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

(3) Nay thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Đinh Nho Hoàn: Người An ấp[1], huyện Hương Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hoà.

Bổ dụng Nguyễn Mại làm trấn thủ Sơn Tây.

Lúc ấy, Đặng Đình Sở giữ trấn Sơn Tây, thi hành chính trị một cách lỏng lẻo trễ tràng, thành ra trộm giặc các nơi nổi dậy, dân bị tai hại. Đình Sở can tội, giáng chức. Triều đình mới bổ dụng phó đô ngự sử Nguyễn Mại lấy chức thấp làm nhiệm vụ trấn thủ Sơn Tây. Khi Mại đến trấn lỵ, thi hành chính lệnh nghiêm chỉnh, sáng suốt, bèn được lãnh chức chánh trấn thủ.

Mại là người có sức mạnh, có trí lực, giỏi về việc cưỡi ngựa, bắn tên. Trước kia, Mại giữ công việc ở Lễ phiên, một hôm, đương bàn công việc ở phủ chúa, có con voi xổng chạy vào, mọi người đều sợ hãi bỏ chạy, duy chỉ có Mại tinh thần khí sắc không thay đổi, vẫn trình bày công việc như thường. Trịnh Cương nhận xét cho là có thể dùng Mại giữ chức quan to được, sai giữ quân thuỷ, sau được cất nhắc làm đốc trấn Cao Bằng. Đến nay lại bổ đi trấn thủ Sơn Tây. Mại ở trấn, hiệu lệnh gì đã ban bố là bắt phải tuân hành, điều cấm gì đã ấn định là bắt phải thôi hẳn, vì thế mà bọn trộm giặc phải ẩn nấp một nơi không dám hành động. Mại nổi tiếng là người có tài về chính trị.

Lời chua - *Sơn Tây* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18,27,34).

Nguyễn Mại : Người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh[2], đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Nghệ An phát sinh chứng dịch.

Triều đình hạ lệnh cho hai ty Thừa chính và Hiến sát lập đàn tràng ở nơi sạch sẽ, hội đồng bách thần trong hạt để cầu đảo.

Tháng 4, mùa hạ. Thái hậu Nguyễn Thị mất Chb.**XXXV**,19 **(không rõ lăng táng ở đâu).**

(1) Nay thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Tỉnh Hải Dương.

Lời chua – *Thái hậu* : Tên huý là Ngọc Đệ, người xã Trùng (Xung) Quán [1], huyện Đông Ngàn[2] sinh ra Dụ Tông.

Tháng 5. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Dùng việc trưng thu các khoản đủ hay thiếu, nhiều hay ít, công việc đối với dân có thương yêu hay hà khắc, cả hai việc ấy tính lẫn với nhau, chia ra hạng hơn hạng kém để định việc thưởng phạt. Lệ định cứ 3 năm một lần khảo công.

Tháng 12, mùa đông. Bổ dụng Nguyễn Công Hãng làm đốc trấn Cao Bằng.

Lúc ấy có tên Uyên Hợp, người ở một châu thuộc Cao Bằng, tự xưng là Mạc Trạch con cháu họ Mạc. Hắn buông lời để mê hoặc nhân dân trong châu, định mưu nổi loạn, nhưng việc bị lộ, không hành động được. Vì việc ấy, triều đình nhận ra rằng Lê Đắc Thuần, đốc trấn Cao Bằng, xử trí trái phương pháp, nên triệu Khắc Thuần về kinh. Phủ liêu chọn mấy người có thể bổ thay, nhưng đều không được chúa Trịnh chuẩn y. Cao Bằng vốn là nơi yếu khuyết [3], Trịnh Cương muốn dành chỗ ấy để đãi Công Hãng. Công Hãng nói : Muốn được ở bên

(1) Trùng Quán : nay thuộc xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Đất huyện Đông Ngàn cũ, nay thuộc các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh), Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn (Hà Nội).

(3) Thời đại phong kiến chia địa phương nhiều việc hoặc ít việc để bổ quan, họ định 4 tiêu chuẩn là : xung, phiền, bì, nan.

a. Xung : Địa phương gần kinh kỳ, nhiều việc sai phái ; - Thuyền bè, xe cộ tụ họp, nhân vật phức tạp, thường sinh sự đánh nhau và trộm cắp ; - Ven biển ven rừng, nhiều chỗ hiểm trở, trộm giặc thường lẩn lút cướp bóc của dân ; - Địa giới tiếp giáp trấn khác hoặc bộ lạc người Man, trộm cướp bất thần vượt qua biên cảnh để quấy rối ; Địa phận có đường cái, nhiều cầu cống, thường phải chuyển đệ giấy tờ và tài sản công ; - Địa phận có đê công, phải khẩn cầu để phòng trong khi mưa nhiều, nước lũ.

b. Phiền : Đất rộng, người nhiều, việc binh lượng nhiều hơn hạt khác ; phải khó nhọc về việc bắt bớ thúc giục ; - Kiện tụng nhiều, phải bận rộn về việc tra hỏi và án từ.

c. Bì : Đất nhiều sỏi đất hoặc chua mặn, cày cấy tốn công, hoa lợi được ít ; - Đất nhiều nơi khô rắn hoặc trũng thấp, động có mưa, nắng, hoa mầu đã bị tổn hại, do đấy mà thuế khoá khó thu được đầy đủ.

d. Nan : Dân nhiều người du thủ du thực, thường sinh trộm cướp ; - Dân nhiều người điêu toa, lại dịch nhiều người giảo quyệt, xui nguyên giục bị, chia thành bè đảng, làm hại lẫn nhau, để đến nỗi sinh nhiều án mạng ; - Bọn hào cường tạ sự đục khoét, để đến nỗi binh trốn, thuế thiếu, phải bận rộn về sự bắt bớ mà vẫn không được đủ ngạch.

Địa phương nào có cả bốn tiêu chuẩn kể trên, gọi là tốt yếu khuyết : có ba trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là yếu khuyết ; có hai trong bốn tiêu chuẩn ấy gọi là trung khuyết : có một hoặc không có tiêu chuẩn nào gọi là giản khuyết (*Đại nam hội điển sự lệ* quyển XIII, tờ 7, 8).

tả bên hữu nhà chúa. Công Hãng nhiều lần từ chối không được Trịnh Cương ưng thuận bèn nhận mệnh lệnh. Cương cho phép Công Hãng được tuỳ tiện thi hành mọi việc ở Cao Bằng.

Lời phê - *Lúc ấy chính quyền do họ Trịnh giữ, quan lại đã không biết có nhà Lê nữa, thì ở đấy nói rõ "phủ liêu", như thế là đúng.*

Lời chua - *Lê Khắc Thuần* : Người xã Phù Minh, huyện Hoằng Hoá [1] đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Nguyễn Công Hãng : Người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn [2], đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Bính Thân, năm thứ 12 (1716). (Thanh, năm Khang Hy thứ 55).

Tháng 4, mùa hạ. Thái Thượng hoàng mất.

Dâng tôn thụy là Chương hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông. Thượng Hoàng ở ngôi vua 30 năm, sau khi truyền ngôi, ở điện Kiền Thọ 12 năm, hưởng thọ 54 tuổi. Chb.**XXXV**,20

Làm lễ táng ở Phú Lăng.

Lời chua - *Lăng* : ở xã Phú Lâm, huyện Đông Sơn, thuộc Thanh Hoá.

Tháng 6. Bắt đầu định phép chia đều thuế khoá và tạp dịch.

Từ lúc thi hành phép bình lệ [3], thuế khoá và tạp dịch chuyên trách cứ nhân đinh phải chịu, phần nhiều đem việc gánh vác đổ dồn về một bên. Nên nay bàn định : Dùng khoa điều để phân phối cho đinh và điền cùng chịu. Phàm có công việc hoặc đóng góp, thì nhân đinh và điền mẫu mỗi bên đều phải chịu một phần, để cho việc thuế khoá và lực dịch được đều nhau.

(1) Tỉnh Thanh Hoá.
(2) Nay thuộc xã Phù Chẩn, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII,tờ 29.

Đinh Dậu năm thứ 13 (1717). (Thanh, năm Khang Hy thứ 56).

Tháng 10, mùa đông. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa là Phan Thị.

Phan Thị, vợ bé Đinh Nho Hoàn. Nho Hoàn sang sứ Trung Quốc, bị chết ở dọc đường. Sau khi đem quan tài về chôn, Phan Thị tự thắt cổ để chết theo . Việc này tâu lên, triều đình sai quân cấp cho ruộng thờ tự, tặng phong Á thận phu nhân, lập từ đường để thờ và ban cho biển vàng[1] đề hai chữ "tiết phụ" treo ở cửa nhà Phan Thị để biểu dương.

Lời chua – *Phan Thị :* Tên là Viên, người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên.[2]

Tháng 12. Định thể lệ hạn chế số người làm ở trường khai mỏ tại các trấn.

Lúc ấy, các mỏ vàng, bạc, đồng, thiếc ở các trấn phần nhiều mộ người nhà Thanh khai quật để lấy, phu mỏ quần tụ mỗi ngày một nhiều. Triều đình e rằng sẽ sinh sự biến động, bèn định thể lệ : số phu mỗi mỏ, nhiều nhất 300 người, thứ đến 200 người và ít là 100 người, không mỏ nào được dùng quá số đã định. Từ đấy, số phu làm ở trường xưởng khai mỏ mới có hạn chế. Chb.**XXXV**,21

Lời chua – *Trường xưởng khai mỏ* : "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Mối lợi trường xưởng khai mỏ phần nhiều ở các hạt Tuyên, Hưng, Thái, Lạng.

Tuyên Quang : Xưởng đồng Tụ Long, xưởng bạc Nam Xương và Long Sinh.

– *Hưng Hoá* : Xưởng đồng Trình Lạn và Ngọc Uyển.

– *Thái Nguyên* : Xưởng đồng Sàng Mộc, Yên Hân, Liêm Tuyền, Tống Tinh và Vụ Nông, xưởng vàng Kim Mã và Tam Lộng, xưởng chì Côn Minh.

– *Lạng Sơn* : Xưởng đồng Hoài Viễn.

---

(1) Xem chú thích ở *Chính biên"* quyển XIX, tờ 12.

(2) Tỉnh Nghệ An

Nay xét : các xưởng, đều từ năm Cảnh Hưng (1740-1786), trở về sau, vì nhân có việc gì đó mới ghi chép thành văn, ngoài ra còn nhiều xưởng bỏ sót.

Vậy hãy chép ra đây, sẽ khảo cứu sau.

Mậu Tuất, năm thứ 14 (1718). (Thanh, năm Khang Hy thứ 57).

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Năm ấy, nhà vua mới xin nhà Thanh phong tước .

Sứ bộ có : chánh sứ, Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Công Hãng ; phó sứ, Phụng Thiên phủ doãn Nguyễn Chb.**XXXV**,22
Bá Tôn (Tông). Các viên quan kể trên sang nhà
Thanh báo cáo việc Hy Tông mất và xin phong tước. Khi các viên quan ấy trở về, vua nhà Thanh chuẩn định : Cứ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc theo như thể lệ ; nhân viên đi sứ, được cử 3 sứ thần và 20 hành nhân. Việc này định làm thể lệ lâu dài.

Lời cẩn án -*Cáo phó là để trọng việc lâm chung của ông vua trước ; cầu phong là để trọng việc bắt đầu lên ngôi của ông vua sau. Nghĩ lễ bang giao không còn việc gì trọng đại hơn việc ấy. Hy Tông mất đã 3 năm mới cáo phó, Dụ Tông lên ngôi 14 năm mới xin phong. Sao lại khinh thường quá như thế?*

Lúc ấy, chính quyền do họ Trịnh giữ. Dụ Tông đã lên ngôi vua hàng năm sai sứ sang Trung Quốc vẫn xưng tên huý là Hy Tông, thế thì Dụ Tông dầu được lập làm vua cũng như chưa lập. Đến nay, Hy Tông mất đã đoạn tang rồi, bấy giờ mới nhân việc tuế cống mà cáo phó, mà cầu phong. Việc lớn về vua trước mất đi và vua sau lên ngôi còn làm lạo thảo như thế, thì các việc khác không cần nói đến làm gì.

Lời chua - Thể lệ 6 năm hai lễ cống cùng dâng một lúc : Xem Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 7 (Chb.XXXIII,26).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Cương tự tiện đặt lục phiên.

Nguyên trước, phủ chúa Trịnh đặt 3 phiên là : Binh phiên, Hộ phiên và Thuỷ sư phiên. Đến nay đặt thêm Lại phiên, Lễ

phiên, Hình phiên, Công phiên cùng với Binh phiên, Hộ phiên đã đặt từ trước gọi là lục phiên. Lại xếp các hiệu Chb.XXXV,23 trưng thu chia làm lục cung, phàm sổ sách về thuế tô, thuế dung thuộc cung nào, thì các quan trong lục phiên theo chức phận của mình chia nhau quản lĩnh ; chính lệnh về tài sản, thuế khoá và binh lính, dân đinh ở các trấn đều thuộc về lục cung. Trịnh Cương hạ lệnh cho quan văn thuộc phủ Chúa quản trị từng phiên, nội giám và liêu thuộc về hàng văn sung làm chức phó thiêm, trong lục phiên có 60 người lại điển thuộc hạ. Từ đây, chính quyền trong nước về hết lục phiên, mà lục bộ (1) và lục tự (2) chỉ đặt cho đủ vị mà thôi.

Lời chua –Lục cung : Theo "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) đặt lục cung :

1. Tả trung cung : có các hiệu tả giáp, tả ất.
2. Hữu trung cung : có các hiệu hữu giáp, hữu ất.
3. Đông cung : có các hiệu đông giáp, đông ất.
4. Nam cung : có các hiệu nam giáp, nam ất.
5. Đoài cung : có các hiệu đoài giáp, đoài ất.
6. Bắc cung : có các hiệu bắc giáp, bắc ất.

Thuế khoá ở bốn phương nộp vào, tuỳ theo nhiệm vụ của từng hiệu mà trưng thu hoặc cấp phát, của cải và thuế khoá không có việc gì liên quan đến bộ Hộ như trước nữa. Tình tệ này, đến lúc hết đời nhà Lê cũng không thể nào thay đổi được.

Định rõ lại thể lệ trình bày công việc của Hiến Ty và Ngự sử đài.

Ty Hiến sát có trình bày việc gì hoặc đàn hặc tội lỗi người nào thì làm giấy niêm phong cẩn thận nộp lên quan ngự sử. Quan ngự sử có dâng phong sự (3), thì đệ nộp cả văn thư mà

(1) Lại bộ, Hộ bộ, Lễ bộ, Binh bộ, Hình bộ và Công bộ.
(2) Đại lý tự, Thái thường tự, Quang lộc tự, Thái bộc tự, Hồng lô tự và Thượng bảo tự.
(3) Một danh từ để gọi những văn thư tấu sớ dâng lên triều đình, vì e có sự tiết lộ, nên khi dâng nộp, bỏ văn thư tấu sớ vào một cái bao rồi gói kín lại, gọi là phong sự.

Hiến ty đã nộp ở đài để triều đình biết. Việc đệ nộp văn thư này mỗi năm hai kỳ vào mùa đông và mùa hạ. Duy việc ác đảng, việc bạn nghịch đương phát giác, không bắt buộc theo kỳ hạn này.

Lời phê - Trình bày công việc mà cũng có kỳ hạn, thật đáng khinh bỉ.

Tháng 10, mùa đông. Định rõ lệnh cấm uống rượu.

Lúc ấy phong tục ở dân gian đắm đuối về chè rượu, họ thường giả thác vào lệ làng, quần tụ nhau uống rượu thả cửa, liên miên không có hạn độ nào. Vì thế mới định điều lệ ngăn cấm : Ở nhà tư, nếu có việc tế tự, việc vui mừng, việc ma chay ; ở dân xã, nếu có việc tế thần cầu phước, dùng rượu đều có hạn định. Ngoài ra, người nào không có duyên cớ gì mà tụ họp, hoặc ở hàng chợ họp nhau uống rượu, sẽ bắt giải lên quan trị tội, người đứng cáo tố sẽ được thưởng. Quan địa phương nếu không xem xét cấm ngăn sẽ bị luận vào tội theo tình riêng dung túng. Chb.**XXXV**,24

Kỷ Hợi, năm thứ 15 (1719). (Thanh, năm Khang Hy thứ 58).

Tháng 3, mùa xuân. Bãi bỏ công việc sửa chùa Phúc Long.

Trịnh Cương bắt dân 3 huyện Gia Định, Lang Tài và Quế Dương sửa chùa Phúc Long từ năm Giáp Ngọ (1714) đến nay gồm 6 năm. Có người nói việc ấy làm nhọc công sức của dân. Cương bèn bãi bỏ.

Lời chua - *Chùa Phúc Long :* Ở xã Lãng Ngâm, huyện Gia Định[1] do Trịnh Tráng làm từ năm Phúc Thái thứ 6 (1648) đời Lê Chân Tông. Khoảng năm Vĩnh Thịnh sửa lại. Nay chùa ấy đã bỏ, nhưng nền cũ vẫn còn. Chữ "Phúc" (phúc đức) long" có sách chép "Phúc (bụng) long".

Gia Định : [2] Nay là Gia Bình, xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ nhất (Chb. XXV,21).

(1) Nay là xã Lãng Ngâm, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Lang Tài[1] Tên huyện, thuộc phủ Thuận An, tỉnh Bắc Ninh, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII,6).

Quế Dương [2] : Tên huyện, đặt từ đời nhà Lê, nay thuộc phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Định phép khảo công đối với viên quan ở trấn ty.

Trịnh Cương lấy cớ rằng, viên quan ở Trấn ty được giữ độc quyền khống chế địa điện trong một phương, Chb.**XXXV**,25 khó có người làm xứng đáng được chức vụ.
Cương muốn khảo xét tra cứu kỹ càng để thi hành việc giáng truất hoặc cất nhắc, bèn định ra 5 điều : 1. Cấm phòng chế ngự giặc cướp ; 2. Khám xét tra hỏi bọn gian phi ; 3. Sửa đắp đê điều đường sá ; 4. Dò hỏi xem xét nơi quan ải ; 5. Bắt lính. Mỗi năm cứ đến cuối năm thi hành việc khảo công. Ngự sử đài chia công trạng của Trấn ty ra 3 bậc : thượng trung và hạ, để tỏ rõ người hơn người kém.

Việc khảo công đối với các viên đề lãnh bốn cửa thành trong kinh kỳ cũng theo như thế.

Cương lại nhận thấy Cao Bằng là ngoại trấn, việc khảo công nên giản lược một chút, bèn định ra 4 điều : 1. Cấm phong ; 2. Trạm đệ công văn ; 3. Khám xét tra hỏi bọn gian phi ; 4. Trưng thu thuế khoá. Cứ cuối năm khảo công cũng theo thể lệ khảo công viên quan ở Trấn ty.

Lời chua - *Trấn ty* : Tức Đô ty các xứ, xem năm Vĩnh Thịnh thứ 8, tờ 12 trong cuốn này.

Đề lãnh : Viên quan giữ chức tuần phòng cảnh sát trong kinh thành, nhiệm vụ cũng như Trấn ty.

Ngày Ất Tỵ, tháng 7, mùa thu. Mặt trăng phạm vào sao Thái Bạch.

Tháng 11, mùa đông. Đo đạc ruộng ở dân gian.

(1) Nay là một phần của huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay là một phần của huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Trịnh Cương hạ lệnh nói : "Thương dân thì cần phải thi hành nhân chính, muốn thi hành nhân chính thì cần phải chia đều thuế khoá và dao dịch. Chế độ cũ làm phiền nhiễu dân đinh về việc duyệt tuyển, triều trước rất chán ghét, nên mới lập ra phép "bình lệ" : Số người đến tuổi ghi tên vào sổ cũng không tính, số người hao hụt đi cũng không miễn trừ. Phép ấy thi hành đến nay đã hơn 50 năm rồi. Trong thời gian ấy, số hộ khẩu ở dân hoặc thêm ra hoặc hụt đi không nhất định, mà nguyên ngạch vẫn theo như cũ, vì thế mà dân đinh phải gánh vác quá nặng, rồi dần dà đi đến lưu tán. Chb.**XXXV**,26

"Nhân đấy, đã họp bầy tôi trong triều bàn luận, tính kỹ phương pháp cứu vớt lấy dân. Mọi người đều nói : nay ruộng trong nước không kể ruộng công hay tư, đều thi hành việc khám xét đo đạc, rồi liệu lượng chia bổ ngạch thuế, để cho người giàu người nghèo giúp đỡ lẫn nhau, nặng nhẹ gánh vác đều với nhau, định làm phép tắc thường hành mãi mãi. Đấy đều là theo thời mà cứu chữa sự tệ hại, không phải là sinh ý thay đổi đâu".

Vì thế, Trịnh Cương hạ lệnh cho các viên phủ, huyện và hai ty Thừa Chính, Hiến sát chia nhau đi đo đạc ruộng ở dân gian.

Lời chua - *Chế độ cũ* : năm Thuận Thiên thứ nhất (1428), Lê Thái Tổ hạ lệnh cho các phủ huyện làm sổ hộ và tuyển đinh tráng [1].

- Năm Hồng Đức thứ nhất (1470), Thánh Tông định phép : 3 năm một lần làm sổ hộ, gọi là tiểu điển, 6 năm một lần gọi là đại điển, xã sở tại dựng trường duyệt tuyển, triều đình sai quan đến duyệt dân đinh, chia ra hạng tráng, hạng binh, hạng quân, hạng dân, hạng lão, hạng cố và hạng cùng, chọn lấy người mạnh khoẻ sung vào quân ngũ [2].

- Năm Vĩnh Thọ thứ 3 (1660). Thần Tông hạ chiếu làm sổ hộ : Dân đinh từ 10 tuổi trở lên, tính theo từng hộ ghi tên vào sổ [3].

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 13.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XIX, tờ 29.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXII, tờ 23.

– Năm Cảnh Trị thứ 2 (1664), triều Huyền Tông, tham tụng Phạm Công Trứ kiến nghị : Xin hạ lệnh làm sổ hộ, đến năm thứ 7, phép bình lệ hoàn thành [1].

Tháng 12. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Nhà Thanh sai Nội các điển bạ Đặng Đình Triết và Hàn lâm viện biên tu Thành Văn sang sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương, ban cho phẩm phục nhất phẩm và dụ bảo việc ban phẩm vật tế Hy Tông.

Lúc bọn Đình Triết mới đến, yêu cầu khi nhận sách phong nhà vua làm lễ 3 lần quỳ 9 lần vái (tam quỳ, cửu khấu lễ), nhưng triều đình lấy lẽ rằng theo lễ nghi trong nước, làm lễ 5 lạy 3 vái (ngũ bái, tam khấu). Việc này tranh luận ba bốn lần, Đình Triết mới miễn cưỡng nghe theo. Triều đình lại tiễn chân trọng hậu bằng bạc lạng, sứ bộ đều không nhận. Khi Đình Triết về Trung Quốc, nói nước ta cảnh thổ bình yên, lễ độ đáng để cho người ngoài quan chiêm. Vua nhà Thanh lấy làm khen ngợi. Đến khi bọn tả thị lang Hồ Phi Tích sang tạ ơn, vua nhà Thanh ban cho có phần hậu hơn lần trước. Chb.XXXV,27

Canh Tý, năm Bảo Thái thứ nhất (1720). (Thanh, năm Khang Hy thứ 59).

Tháng 4, mùa hạ. Khảo xét công trạng 10 năm của các quan văn, quan võ.

Bọn Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Lê (Thì) Liêu và Đặng Đình Lân gồm 14 người dự hạng thượng khảo, được thăng thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua – *Đình Lân :* Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Tháng 5. Trịnh Cương tự gia phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, Uy nhân minh công thánh đức An vương.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm thế tử.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXII, tờ 29.

Lời chua – *Chữ "Giang"* : *Lê sử tục biên* chép "Khương". Nay tham khảo *Ngọc phả* triều cố Lê và các sách khác, đổi là"Giang". Từ đây trở xuống cũng chép là "Giang" cả.

Khôi phục quan chế đời Hồng Đức. Chb.**XXXV**,28

Quan chế đời Hồng Đức, cấp bậc rõ ràng, sau khi trung hưng phần nhiều có thay đổi. Đến nay, hạ lệnh : Phàm cất nhắc trao chức cho các quan, nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì không câu nệ .

Lời cẩn án – Kiến văn tiểu lục *của Lê Quý Đôn chép : "Quan chế đời Hồng Đức : Đặt thái sư, thái uý, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu uý, thiếu bảo làm chức trọng yếu trong hàng đại thần. Còn văn ban từ chánh nhất phẩm đến cửu phẩm, võ ban từ chánh nhất phẩm đến tòng lục phẩm, thì cứ theo thứ tự mà thăng dần.* Chb.**XXXV**,29

"Sau khi trung hưng, đặt đại tư đồ, đại tư mã, đại tư không, và tam thái, tam thiếu(1) *làm chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong. Còn văn ban : thì phó đô (ngự sử) đứng dưới tả thị lang ; thừa chỉ, Đông các đại học sĩ, tế tửu, thiêm đô (ngự sử) và thị độc đứng dưới hữu thị lang ; võ ban : thì đô chỉ huy sứ, đồng tri và thiêm sự là phẩm trật thấp nhất. Đại khái quan chế đời trung hưng không giống với quan chế đã xếp đặt từ đời Hồng Đức. Đến năm Bảo Thái thứ nhất (1720), khôi phục quan chế cũ, về cấp bậc, phẩm trật, cất nhắc, trao chức nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức. Duy các chức trọng yếu trong hàng đại thần được gia phong thì theo thể lệ đời trung hưng".*

Nay xét quan chế đời Hồng Đức (2) *: Chánh nhất phẩm : Thái sư, thái uý, thái phó, thái bảo, đấy là các chức trọng yếu*

---

(1) Trên chép : Thái sư, thái uý, thái phó, thái bảo và thiếu sư, thiếu uý, thiếu phó, thiếu bảo, thế là 4 chức "thái" và 4 chức "thiếu" ở đây lại chép "tam thái, tam thiếu". Vậy có một chức nào đó trong các chức kể trên không liệt vào danh từ "tam thái, tam thiếu". Theo sự nghiên cứu của chúng tôi, thì đời cổ Trung Quốc : thái sư, thái phó, thái bảo gọi là "tam công", thiếu sư, thiếu phó, thiếu bảo gọi là "tam cô". Triều Lê không dùng danh từ "tam công, tam cô" mà gọi là "tam thái, tam thiếu". Lại phần dưới (tờ 29) trong lời cẩn án này chép : "Thái tử tam thái và thái tử thái uý, tam thiếu và thiếu uý". Như vậy, đủ rõ thái uý không đứng trong "tam thái" và thiếu uý không đứng trong "tam thiếu".

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXII, tờ 15 –24 về quan chế đời Hồng Đức.

trong hàng đại thần, các chức ấy dầu là hàng văn hay hàng võ cũng đều theo như thế. Các chức dưới sắp xếp như thế này :

Về hàng văn : Tòng nhất phẩm : thái tử tam thái (1) *và thái tử thái uý ; Chánh nhị : tam thiếu và thiếu uý ; Tòng nhị : thượng thư sáu bộ ; Chánh tam : Đô ngự sử đài ; Tòng tam : tả thị lang, hữu thị lang và thừa chính sứ ; Chánh tứ : thừa chỉ và phó đô ngự sử ; Tòng tứ : Đông các đại học sĩ, Quốc tử giám tế tửu ; Chánh ngũ : thị độc, thiêm đô ngự sử, dưới nữa đến cửu phẩm ; là các chức huấn đạo, chủ bạ và xiển giáo trong ty tăng lục hoặc đạo lục...*

Về hàng võ : Tòng nhất phẩm : tả đô đốc, hữu đô đốc ; Chánh nhị : đô hiệu điểm, đô đốc đồng tri ; Tòng nhị : tả hiệu điểm, hữu hiệu điểm và tham đốc ; Chánh tam : đô chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ ; Tòng tam : chỉ huy đồng tri, chỉ huy sứ ; dưới nữa đến thất phẩm : là các chức phó đô uý, phó vệ uý..

Quan chế đời Hồng Đức như đã trình bày ở Chb.**XXXV**,30 *trên, phẩm trật cấp bậc rõ ràng, thuyên chuyển cất nhắc có thứ tự. Còn như quan chế đời Bảo Thái, dầu nói rằng nhất luật theo đời Hồng Đức, nhưng lúc ấy quyền bính về phủ chúa Trịnh, danh nghĩa chức phận đã không phân minh, thì cấp bậc trật tự còn làm thế nào mà nhất định được? Ví dụ : Gia phong quan tước cho các chức trọng yếu đã không phù hợp với quan chế sắp xếp dưới đời Hồng Đức, trong quan chức đời Bảo Thái ấy, về văn giai có : tham tụng, bồi tụng và tri phiên, phó thiêm ở sáu phiên, về võ giai có : đô tướng, phó đô tướng, thụ phủ, quyền phủ, quan ngoài các trấn có : đốc suất, đốc đồng, tổng phủ, lưu thủ, không thể nói hết được. Danh hiệu các chức đặt thêm ra hơn trước khá nhiều. Còn như nói rằng "nhất luật theo quan chế đời Hồng Đức" chẳng qua chỉ nói đại khái về cấp bậc, phẩm trật thuyên chuyển cất nhắc mà thôi.*

(1) Tức thái tử thái sư, thái tử thái phó, thái tử thái bảo.

Bổ dụng : Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ và Lê Anh Tuấn cùng giữ chức tham tụng.

Từ lúc trung hưng trở về sau, các công việc phần nhiều cẩu thả đơn giản. Công Hãng giữ chính quyền, bàn định muốn thay đổi hết thảy. Trịnh Cương càng đem lòng uỷ thác tin dùng.

Một đêm, giọt nước đồng hồ (1) mới bắt đầu trống canh năm (2), Cương sai nội giám (3) triệu Công Hãng và Anh Tuấn vào trong phủ bàn định công việc. Lúc ấy hai người này còn ngủ chưa dậy, Cương ngồi để đợi. Khi bọn Công Hãng vào, Cương cười nói : "Vừa rồi ta cảnh giác trong giấc ngủ, từ đời xưa có bao giờ như thế không? " Bọn Công Hãng tạ lỗi nói : Chúa thượng lo nghĩ siêng năng mọi việc, tài trí chúng tôi kém cỏi tầm thường không có thể theo kịp được. Đến như việc giục giã răn bảo bầy tôi, cảnh giác trong lúc đêm khuya, thì việc này từ đời trước đến nay chưa bao giờ có". Cương bèn bảo hai người ngồi, cho uống nước trà, ung dung hỏi han mọi việc, ngày đã muộn hai người mới ra về.

Định nghi thức về áo mặc.

Chb.**XXXV**,31

Trước đây, quan lại, quân và dân, đồ mặc thường thông dụng thanh cát y (4), đội khăn chữ đinh (5). Đến nay, tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn thay đổi lại : Phàm ngày thường vào triều vua, vào hầu chúa và người chấp sự thừa hành lễ nghi, áo mặc đều có thể thức, không ai được dùng vượt quá cấp bậc.

Nhân đấy, Công Hãng cùng chưởng phủ Trịnh Quán xin Cương khi tiếp kiến bầy tôi nên mặc áo sắc vàng. Cương bảo bọn này : "Ta nối giữ cơ nghiệp chúa, giúp rập nhà vua. Về sự tôn kính nhà vua, ta luôn luôn để trong bụng. Sắc vàng là đồ

(1) Đời cổ chia một ngày một đêm ra 100 khắc. Muốn biết thì giờ, họ dùng một cái hồ bằng đồng, đáy hồ khoan một lỗ nhỏ, giữa hồ đựng một cái cây nhỏ có ghi 100 khắc để làm tiêu chí. Đem nước đổ đầy vào hồ, nước trong hồ sẽ theo lỗ nhỏ mà rỏ dần đi từng giọt, nước rỏ bớt dần đi, thì số ghi ở cái cây dựng giữa cái hồ cũng lộ dần ra. Trông vào số ghi đã lộ ra ấy sẽ biết lúc ấy là giờ gì (tý hay sửu...).
(2) Phỏng vào quãng cuối 3 giờ.
(3) Túc hoạn quan.
(4) Xem lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXII, tờ 37.
(5) Xem lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển VIII, tờ 38.

mặc của thiên tử, ta đâu dám dùng. Nay phủ liêu từ quan tứ phẩm trở lên dùng áo sa hoặc đoạn, thì về phần ta chỉ nên dùng sắc tía để phân biệt mà thôi.

Lời phê – *Gọi Trịnh Cương bằng "chúa thượng", xin Trịnh Cương mặc áo sắc vàng, thì Công Hãng là tên phạm tội đầu sỏ. Còn như Cương cũng theo thói cũ xưng là "sư phụ" mà còn nhún nhường không mặc áo sắc vàng. Cái cách giả trá khéo léo của Cương cũng giống hệt như Tào Tháo nhường trả ba huyện* (1). *Cương toan lừa dối ai?*

Lời chua – *Áo mặc* : *Lê sử tục biên* chua : Hoàng thân và vương thân, áo mặc : mùa xuân, mùa hạ mặc sa tàu, mùa thu, mùa đông mặc đoạn tàu, đều màu trầm hương. Khăn : mùa xuân, mùa hạ dùng mã vĩ, mùa thu, mùa đông mặc đoạn huyền.

Quan văn, quan võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, áo mặc : mùa xuân, mùa hạ dùng sa tầu, mùa thu, mùa đông dùng đoạn tầu, đều màu huyền. Khăn : quan văn dùng khăn nhiều trao (trùng diệp), quan võ dùng khăn một trao (đơn diệp). Áo và khăn của quan tứ phẩm cũng như thế, duy dùng sa và đoạn nam.

Nội giám, khăn : dùng bình đính, sau đổi làm lục lăng.

Các quan văn, võ và nội giám, phàm viên nào chấp sự thì khi hành lễ và khi làm việc đều dùng áo thanh cát, mũ sa đen. Vào hầu phủ chúa Trịnh cũng thế. Chb.**XXXV**,32

Ân xá.

Lúc ấy có tai biến về các vì sao, Tư thiên giám xin đổi niên hiệu. Triều đình bèn lấy tháng 8 năm ấy làm năm Bảo Thái thứ nhất, xá hai phần mười thuế vụ hạ năm nay ; quan viên nếu có ai vô ý sai lầm phạm lỗi hoặc bị oan uổng chìm đắm, đều được cất nhắc bổ dụng.

Mồng một, tháng 7, mùa thu. Nhật thực.

(1) Một nhân vật nổi tiếng thời Tam quốc. Tháo làm thừa tướng nhà Hán, nhưng choán hết quyền bính và uy hiếp Hán đế. Tháo được ăn lộc bốn vạn hộ của bốn huyện. Tháo nói : "Tôi không có tài đức gì xứng đáng với bổng lộc đã được phong, xin trả lại ba huyện". (*Thông giám tập lãm* quyển XXVII,tờ 8).

Định ân lộc cho các quan văn, quan võ nghỉ việc quan về nhà.

Bàn định : các quan văn, quan võ vào hàng triều ban và nội giám, người nào được nghỉ việc quan về nhà, sẽ cấp cho dân lộc có người nhiều người ít khác nhau.

Lời chua – *ân lộc* : *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn chép : "Thể lệ cấp ân lộc cho các quan nghỉ việc về nhà. *Sử cũ* không chép. Đầu năm Bảo Thái mới định thể lệ huệ dưỡng : Nhất phẩm trở lên, dân lộc 4,5 xã, sử tiền 400 quan, nhị phẩm 2, 3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan ; tam phẩm 1,2 xã, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan ; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan, ngũ phẩm một xã, sử tiền 100 quan (quan văn quan võ cùng như nhau). Chb.**XXXV**,33

Sử tiền : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb,XXI,2).

Tháng 8. Ban bố giáo điều cho trong kinh và ngoài các trấn.

Đại lược giáo điều nói : "Học trò siêng năng về nghề nghiệp, học hành, trước hết giảng giải cho sáng tỏ những điều lễ, nghĩa, trung, tín. Làm người phải giữ vững luân thường, người đồng tông một họ hoặc người tình thân bên họ ngoại không được kết hôn lẫn lộn với nhau. Quan và dân lễ nghi cách biệt không được ngạo mạn khinh nhờn. Đồ mặc đồ dùng ở dân gian không nên lấn vượt. Chớ quen với tập tục xấu mà đua nhau phao phí về cỗ bàn. Chớ mê hoặc dị đoan mà theo nhau chơi bời trễ biếng. Việc lễ bái cầu đảo phải có tiết độ theo mức trung bình, để tỏ phong tục sẻn nhặt. Gặp nhà có tang phải thương xót lẫn nhau, làm cho phong hoá của dân ngày một thuần hậu". Giáo điều ban bố gồm 10 điều.

Lời phê – *Vẫn làm văn từ hão huyền.*

Tháng 10, mùa đông. Bắt đầu phát đầu bài thi hương cho bốn trấn. Thêm ngạch lấy đỗ cho trường thi Sơn Nam.

Theo chế độ cũ, trường thi hương ở các trấn đều do quan trường ra đầu bài. Nay Trịnh Cương lấy cớ rằng việc quyết

định khoa danh của học trò là ở 2 kỳ đệ tam và đệ tứ, bèn hạ lệnh cho bầy tôi có văn học nghĩ soạn đầu bài thi ở trong phủ, rồi cho chạy trạm phân phát cho các trường. Còn hai trường thi Thanh và Nghệ vì địa thế xa, nên vẫn theo chế độ cũ. Cương lại nhận thấy trường Sơn Nam số học trò đi thi so với khoa trước bội hơn, nên cho thêm ngạch lấy đỗ : Hương cống trước 60 người nay thêm 20 người nữa, sinh đồ trước 600 người, nay thêm 200 người nữa. Việc này định thành thể lệ.

Tháng 11. Bắt đầu đánh thuế đồng và vỏ quế. Chb.**XXXV**,34

Trước đây, các sản vật : vỏ quế, muối và đồng, dân gian không được phép bán riêng. Năm Vĩnh Thịnh thứ 11 (1715) đình hoãn lệnh cấm này, đến năm thứ 13 (1717) lại hạ lệnh : Đồng đỏ không được bán ra nước ngoài, nay bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng kiến nghị : đồng và quế là sản vật của nhà nước, trước đây cho phép dân được mua bán riêng, như thế thì mối lợi về cả người buôn bán, mà không giúp ích gì cho việc tiêu dùng chung. Vì thế, mới định phép đánh thuế : Triều đình cử viên quan trông coi việc này, phàm người nào buôn đồng hoặc bóc vỏ quế, khi đi khi về đều phải có giấy tờ khám nghiệm để làm bằng chứng. Nếu trao đổi cho khách buôn nước ngoài, phải đợi lệnh chỉ của chúa mới được cấp phát giấy tờ ; nếu mua bán ở trong nước, thì xin giấy viên giám đương[1] cấp phát để làm bằng chứng. Cấm vận chở lén lút hoặc làm sự vụng trộm.

Tân Sửu, năm thứ 2 (1721) (Thanh, năm Khang Hy thứ 60).

Tháng giêng, mùa xuân. Bãi bỏ hình luật chặt ngón tay.

Theo luật quốc triều (triều Lê), pháp luật thường hành có 5 hình danh. Gần đây hình phạt chặt ngón tay, dùng phép quá nặng. Bèn hạ lệnh : Những phạm nhân bị luận vào tội chặt ngón tay rồi đày (lưu) đi một nơi, nay đều giảm xuống làm tội

(1) Một danh từ để gọi chức quan đặt tạm thời. Ở đây chỉ viên quan giữ việc trông coi, về đồng và quế (Xem thêm lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXVII, tờ 27).

đồ cư tác [1], niên hạn định theo tội phạm nặng hay nhẹ : phạm nhân phải luận vào tội chặt 2 tay và lưu đi viễn châu, nay đổi làm tội đồ cư tác chung thân ; phạm nhân phải luận vào tội chặt một tay và lưu đi ngoại châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 12 năm ; phạm nhân phải luận vào tội chặt 2 ngón tay và lưu đi cận châu, nay đổi làm tội đồ cư tác 6 năm. Những người phạm tội trộm, cướp không theo thể lệ này. Chb.XXXV,35

Lời chua - *Năm hình danh (ngũ hình)* : "Hình luật chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép về danh lệ hình pháp triều cố Lê :

- Tội đánh bằng roi có 5 bậc : từ 10 roi đến 50 roi.

- Tội đánh bằng trượng có 5 bậc : từ 60 trượng đến 100 trượng.

- Tội đồ có 3 bậc : đồ làm người phục dịch công việc nặng nhọc (đồ dịch đình), đồ làm lính chăn voi, đồ làm lính đồn điền.

- Tội lưu có 3 bậc : lưu đi cận châu, lưu đi ngoại châu, lưu đi viễn châu [2].

- Tội xử tử có 3 bậc : xử bằng thắt cổ hoặc chém đầu, xử bằng bêu đầu, xử bằng tùng xẻo (lăng, trì).

Năm hình danh trên đều dựa theo hình luật triều Minh, triều Thanh (Trung Quốc) rồi châm chước để thi hành.

Tháng 5, mùa hạ. Động đất.

Không mưa.

Đã lâu không mưa, giá gạo cao vọt, bèn hạ lệnh cho quan và dân : người nào nộp tiền hoặc thóc sẽ được thăng bổ quan chức, để lấy tiền thóc phát chẩn cho dân.

Lúc ấy dân trong kinh kỳ dùng lời đồn phao làm cho nhau nghi ngờ sợ hãi, họ tranh nhau vận chuyển của cải, dắt díu gia quyến về làng, người trước người sau lũ lượt kéo ra cửa thành.

(1) Phạm nhân phải giữ ở chỗ bị đày theo thời hạn đã định trong án văn và phải làm mọi việc nặng nhọc.

(2) Xem thêm lời chua cận châu, viễn châu và ngoại châu , *Chính biên* quyển XV, tờ 10.

Triều đình phải hạ lệnh cho viên đề lãnh cấm trấp nghiêm ngặt, mãi sau mới yên được.

Tháng 8, mùa thu. Định phép học võ và thi võ.

Lúc ấy, nhân thái bình đã lâu , việc binh bị có phần biếng nhác. Triều đình bèn sắp xếp nơi học tập việc võ, đặt chức giáo thụ để dạy bảo. Con cháu công thần và con cháu bầy tôi đều cho vào nhà võ học, để học tập chiến lược trong *Võ Kinh* và các môn võ nghệ. Hàng tháng thi tiểu tập, bốn tháng trọng [1], thi đại tập ; mùa xuân mùa thu tập môn võ nghệ, mùa đông, mùa hạ giảng bàn *Võ Kinh*. Viên giáo thụ đề cử người nào trúng tuyển sẽ được bổ dụng. Lại chuẩn định 3 năm một lần thi võ, phàm dân đinh ai có tài trí hơn người cũng được dự thi. Phép thi : trước hết hỏi sơ lược về đại nghĩa trong sách Tôn tử [2], người nào thông hiểu nghĩa sách sẽ được vào thi khảo về võ nghệ : 1. Cưỡi ngựa múa đâu mâu ; 2. Đấu kiếm, lăn khiên ; 3. Múa siêu đao ; kỳ trót thi về phương pháp mưu mẹo việc binh. Ai trúng cách sẽ được dẫn vào sân phủ chúa thi phúc hạch, rồi tuỳ tài cao thấp theo thứ tự bổ dụng. Chb.**XXXV**,36

Định rõ quy chế việc học và phép thi khảo.

Trường Quốc học : dùng tế tửu và tư nghiệp giữ chức quan giảng dạy. Con cháu các công thần văn, võ đều được vào học cùng với các học trò khác. Mỗi tháng có một kỳ tiểu tập, thi khảo học trò đã được vào học, việc này do giáo thụ và học chính quản lĩnh ; bốn tháng trọng có một kỳ đại tập, thi khảo các học sinh và hương cống, việc này do viên quan ở Quốc tử giám chịu trách nhiệm. Người nào thi bốn kỳ [3] đều trúng tuyển, thì viên quan ở Quốc tử giám đứng bảo cử, bộ Lại sẽ theo thứ tự cất nhắc bổ dụng.

(1) Tháng 2 : trọng xuân ; tháng 5 : trọng hạ ; tháng 8 : trọng thu ; tháng 11 : trọng đông
(2) Một bộ sách gồm 13 thiên do Tôn Võ người thời Xuân Thu biên soạn.
(3) Chữ này *Cương mục* in lầm : "nội khoá" đúng ra phải là "tứ khoá" nghĩa là 4 kỳ thi : trọng xuân, trọng hạ, trọng thu và trọng đông.

Trường hương học : Viện hiệu quan [1] chuyên giữ việc dạy bảo sinh đồ và đồng sinh [2] có tài trí trong phủ mình. Mỗi năm, hai kỳ thi khảo. Người nào trúng 8 kỳ thi khảo, nếu người ấy là sinh đồ sẽ được miễn các kỳ thi khảo hằng năm, nếu là đồng sinh sẽ được đi thi hương : huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người, trước hết do viên huyện phúc khảo, chọn lấy người trội nhất gọi là "toát vưu"; sau do viên phủ và hai ty Thừa chính Hiến sát phúc khảo lại để định từng hạng : người nào nghĩa lý về văn bài có phần trội hơn gọi là hạng "sảo thông", người nào có phần kém một chút gọi là hạng "thứ thông". Sau khi đã chia từng hạng rồi, nếu có người nào chưa vừa ý, được phép tự mình khiếu tố so sánh, để ấn định người hơn, người kém. Chb.**XXXV**,37

Lời chua - *Viên quan ở Quốc tử giám :* Xem Lê Hi Tông năm Chính Hoà thứ 14 (Chb.XXXIV,32).

Tháng 10, mùa đông. Bàn định phép thuế khoá và lực dịch.

Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn chấp chính [3] bàn định về thuế khoá và lực dịch. Cương nói : "Ta thấy chế độ các đời trước thu lấy của cải ở dân thường không giống nhau, nhưng chỉ có ba thứ thuế : tô dung và điệu [4] là đúng hơn cả. Nay về tô ruộng và sổ đinh đương bàn luận để định cách thay đổi, thì về phần thuế điệu dịch cũng nên thương lượng để thi hành một thể. Ngoài ba thứ thuế ấy ra, những dao dịch khác và thuế khoá vụn vặt, nhất luật đều ngừng lại hoặc bớt đi. Đời cổ, định sự chi dùng trong nước, thì cân nhắc số thu vào để trù tính số chi ra, nhưng bây giờ nên trước hết tính số chi ra, rồi sau sẽ định số cho dân phải nộp. Các ông đều nên suy xét cho chín rồi trình bày từng điều mục, để theo thứ tự thi hành".

Lời phê - *Chỉ nghe thấy nói, chưa thấy thực hành.*

(1) Xem lời chua của *Cương mục, Chính* biên quyển XXXIV, tờ 8.
(2) Người học trò nào được đi thi hương, mà chưa vào học ở trường hương học, gọi chung là đồng sinh.
(3) Một danh từ để gọi các viên quan quyền cao chức trọng đời phong kiến như tể tướng, thừa tướng... Viên quan này có nhiệm vụ bàn định thi hành mọi việc chính trị trong nước, nên gọi là chấp chính. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.
(4) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVI, tờ 10,11, về phần mục có giải nghĩa ba thứ thuế tô, dung và điệu của Trịnh Cương.

Giảm bớt các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện ở các trấn ngoài biên giới.

Trịnh Cương hạ lệnh nói : Nhà Đường, nhà Ngu, ngoài số quan ở chín châu [1], chỉ đặt 5 viên quan trưởng ; nhà Thành Chu, viên quan giữ cương vực đều đặt một chức giám. Như vậy đủ biết, muốn cho công việc được chỉnh đốn, không phải ở chỗ đặt nhiều chức quan. Chb.XXXV,38

Nay dân ở biên giới bị phiêu tán, làng xóm tiêu điều, nếu không giảm bớt số viên chức đi, thì sự cung cấp về bổng lộc, sự phiền nhiễu về đưa đón làm thế nào cho đủ được? Vậy các quan trong hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ huyện ở các trấn Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Lạng Sơn đều tạm bớt đi, công việc của các viên quan ấy giao cả cho ty Trấn thủ nhận giữ. Duy hai ty Thừa chính, Hiến sát và phủ Phú Bình cùng 7 huyện Tư Nông, Động Hỷ, Bình Tuyền, Phổ Yên, Phú Lương, Đại Từ, Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, địa thế liền với nội trấn[2] không thể ví như nơi biên viễn khác được, viên chức ở các nơi ấy vẫn phải đến lỵ sở giữ chức phận như cũ. Ngoài ra, châu Vũ Nhai, huyện Định Hoá thuộc phủ Phú Bình, và phủ Thông Hoá, huyện Cảm Hoá, châu Bạch Thông đều là những địa điểm ở xa, khí hậu phần nhiều lam chướng, đều theo lệnh đình bãi.

Lời chua - *Năm viên quan trưởng* :Thiên "Ích tắc" trong sách *Thượng thư* chép : "Chín châu, mỗi châu có 12 viên quan đứng đầu các nước chư hầu [3], ngoài ra bốn mặt của chín châu liền với bốn biển, đều đặt 5 quan trưởng".

---

(1) Theo truyền thuyết : Đường Nghiêu (2357- 2258 tr.C.N), Ngu Thuấn (2255- 2208 tr.C.N) hai ông vua đời thượng cổ Trung Quốc, lúc ấy chia trong nước làm chín châu là : Ký, Duyện, Thanh, Tù, Ứng, Dự, Lương, Kính, Dương.

(2) Tức bốn trấn giáp kinh kỳ Thăng Long. Lúc này vị trí Thái Nguyên giáp trấn Kinh Bắc và Sơn Tây.

(3) Nguyên văn chép : "Châu thập hữu nhị sư". Câu này có 2 giải nghĩa :
- Theo Khổng Dĩnh Đạt, thì 2.500 người là một sư, mỗi châu 12 sư, tức 3 vạn người, số người này dùng vào việc trị thuỷ của vua Hạ Vũ.
- Theo Trịnh Huyền, thì cứ một trăm nước có một chức sư. Sư là chức quan đứng đầu các nước chư hầu, để giúp vua Nghiêu cai trị thiên hạ.
Ở đây Trịnh Cương hạ lệnh giảm bớt quan chức, mà lời chua của *Cương mục* dẫn câu này để giải nghĩa, thì *Cương mục* cũng theo như thuyết của Trịnh Huyền. Vì thế chúng tôi dịch là "mỗi châu có 12 chức sư đứng đầu các nước chư hầu" cho hợp với nghĩa của *Cương mục*.

Để làm sáng tỏ đoạn văn đã dẫn ở trên "*Tập truyện*" họ Thái[1] giải nghĩa như thế này : "Bên ngoài chín châu liền với bốn biển, mỗi phương đều đặt 5 người để làm chức quan trưởng".

Chb.**XXXV**,39

Một chức giám : Sách *Chu Lễ* chép về chức phận quan đại tư mã. "Đặt quan mục, lập quan giám, để trông nom giữ gìn công việc trong nước".

Để làm sáng tỏ thế nào là chức quan giám, Lâm Thị Y [2] giải nghĩa : "Giám là viên quan trưởng trong một thuộc, hoặc viên quan suý trong một liên".

Thái Nguyên : Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng : Nguyên trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hoá và Lạng Sơn : đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 19,30–32,35).

Phủ Phú Bình : [3] đặt từ triều Lê.

Tư Nông, Đại Từ [4] : Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh, triều Lê vẫn theo như thế.

Động Hỷ : [5] Hồi đầu triều Lê gọi là Đồng Hỷ, sau đổi là Động Hỷ.

Bình Tuyền : [6] Nhà Minh gọi Bình Nguyên , nhà Lê đổi Bình Tuyền ; bây giờ là Bình Xuyên.

Phổ Yên : [7] Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb.XXX,6).

Phú Lương : [8] Nhà Lý gọi là phủ Phú Lương ; thuộc Minh gọi là huyện ; nhà Lê vẫn theo như thế.

Văn Lãng [9] : Đặt từ triều Lê.

---

(1) Tức Thái Trừng cũng gọi là Thái Trầm, học trò của Chu Hy. Thái là một nhà đạo học đời Tống làm "tập truyện" sách *Thượng thư.*

(2) Chưa khảo cứu được tiểu sử.

(3) Nay gồm các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Bình, Phổ Yên, (Thái Nguyên) và một phần huyện Tam Đảo (Vĩnh Phúc).

(4) Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(5) Nt.

(6) Nay là một phần huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

(7) Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(8) Nt. (9) Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn

(9) Nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Vũ Nhai[1] : Tức Vạn Nhai, xem Lý Thái Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb.II,43).

Định Hoá : [2] Thuộc Minh là huyện Tuyên Hoá, hồi đầu triều Lê là châu Tuyên Hoá, sau đổi Định Hoá ; bây giờ là Định Châu.

Phủ Thông Hoá : [3] đặt từ triều Lê.

Huyện Cảm Hoá : [4] Nguyên đặt từ hồi thuộc Minh ; nhà Lê vẫn theo như thế.

Châu Bạch Thông : [5] Tức Vĩnh Thông.

Định Hoá, Bạch Thông và Cảm Hoá : Đều xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Vũ thứ nhất (Chb.III,11).

Bắt đầu bổ dụng bồi tụng Đinh Phụ Ích giữ chức đốc trấn Lạng Sơn.

Trước đây, viên quan ở Trấn ty các xứ, chuyên bổ dụng quan võ. Đến nay bổ dụng Phụ Ích làm đốc trấn. Quan văn giữ chức đốc trấn bắt đầu từ đây.

Tháng 12. Định rõ lại ngạch lính.

Trịnh Cương hạ lệnh nói : Triều ta lúc bắt đầu mở nước, sắp xếp ngạch lính, đặt từng vệ, từng sở, lựa chọn dân đinh để bổ sung vào quân ngũ. Từ lúc trung hưng, dùng binh lính Thanh Nghệ diệt hết giặc Mạc, khôi phục được đất nước, rồi giữ luôn binh lính ấy đóng ở kinh đô để đủ số lính chầu chực và bảo vệ hoàng thành ; còn binh lính ở bốn trấn, chỉ giữ có ngạch không, lúc có việc mới bắt tập họp để phân phối, xong việc lại cho trở về làm ruộng. Mới đây vì luôn mấy năm bị kém đói, số đinh giảm sút, quan trên phải hằng ngày truy tầm bắt lính, dân gian phải khổ sở về việc thay thế. Nay muốn khôi phục chế độ xưa, theo như quy chế đã sẵn có, châm chước thêm bớt cho được công bằng, cốt làm cho dân hai xứ được yên vui về việc đỡ phải gánh vác binh lính, mà dân bốn trấn cùng theo một sự điều khiển như thân người Chb.**XXXV**,40

(1) Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(2) Nay thuộc tỉnh Thái Nguyên.

(3) Nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng) và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

(4) Nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

(5) Nay gồm các huyện Ba Bể (Cao Bằng) và Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

sai khiến cánh tay. Muốn như thế, thì ngay bây giờ phải định thể lệ, rồi theo thứ tự mà thi hành : ở hai xứ, nơi nào phải chịu lính quá nặng nay được giảm bớt đi ; ở bốn trấn, nơi nào có ruộng công nay phải tuyển tráng đinh sung vào đội ngũ, cấp ruộng công cho họ để làm lương ăn, nơi nào không có ruộng công thì châm chước theo với ngạch cũ, mà liệu lượng cho về làm ruộng.

Trịnh Cương bèn ra lệnh : Tuyển lính ở bốn trấn, cứ 5 suất đinh lấy một người, ghi tên lệ thuộc vào sổ quân. Cương lại nhận thấy trước kia tuyển lính ở Thanh Nghệ cứ 3 suất đinh lấy một tên lính, nay hạ lệnh quan địa phương tra xét số hộ, số khẩu nơi nào tăng lên, nơi nào sút kém, chia ra từng hạng, khi tuyển lính đều được theo điển lệ khoan hồng, định lệ 5 suất đinh lấy một người lính. Những lính được dẫn tuyển phải kén người mạnh khoẻ và là nhà vật lực.

Lời cẩn án - *Binh lính cần dùng để bảo vệ nước, trong nước, không thể một ngày mà không có binh lính được,* Chb.**XXXV**,41 *chỉ cốt người trên xếp đặt cho có phương pháp, quản trị cho được đúng đường lối mà thôi. Chế độ "lương quân" triều nhà Hán* (1)*, chế độ "phủ vệ" triều nhà Đường* (2) *đều là làm cho quân trong kinh sư, quân ngoài biên trấn liên hệ với nhau, người mạnh, người yếu chống đỡ lẫn cho nhau, mà không xảy ra mối lo nặng nhẹ thiên lệch. Triều Hậu Lê chuyên lấy lính ở Thanh Nghệ, nuôi dưỡng lính thì cấp cho ruộng công, ưu đãi lính thì thưởng cho chức sắc ; lúc ấy tuy có kén lính ở bốn trấn , cũng chỉ có ngạch lính hão huyền mà thôi. Vì thế mà làm cho lính Thanh Nghệ sinh kiêu căng, không thể nào ngăn cấm được. Sự thế đến như vậy, đấy là lẽ tất nhiên.*

Lời chua –*Ngạch lính* : "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Hồi đầu triều Lê, Thái Tổ chia quân Thiết đột làm trung, tiền, hậu, tả, hữu đều có chức hành quân tổng quản ; lại đặt 14 vệ Thiết đột,

(1) Hán Văn đế theo kế của Triều Thổ chia quân ngũ làm 2 hạng : một hạng chuyên đánh giữ ở đường rừng núi hiểm trở, một hạng chuyên đánh giữ ở nơi đồng bằng, hai hạng quân lính này thường phối hợp với nhau để ngăn cản rợ Hung nô xâm lấn.

(2) Nhà Đường chia trong nước làm 634 phủ, quân lính ở phủ đều lệ thuộc vào các vệ : Tả vệ và Hữu vệ, mỗi vệ quản lĩnh quân lính 60 phủ, còn các vệ khác quản lĩnh quân lính từ 50 đến 40 phủ.

số lính cộng 25 vạn. Sau khi bình định được cả nước, cho 15 vạn về làm ruộng[1] chỉ để lại 10 vạn, ghi tên lệ thuộc vào sổ binh lính. Lại đặt vệ quân ở 5 đạo là các đạo : Đông, Tây, Nam, Bắc và Hải Tây [2]. Đến hồi trung hưng đánh nhà Mạc, số lính chỉ có hơn 5 vạn 6 ngàn người.

Bắt đầu thi hành phép đánh thuế muối.

Thể lệ đánh thuế định như sau :

Đặt chức giám đương [3] trông coi. Phàm dân miền biển người nấu muối gọi là "táo đinh", người buôn muối gọi là "diêm hộ", đều được miễn thuế khoá và dao dịch. Số muối đã nấu ra sẽ liệu lượng đánh thuế hai phần mười làm muối công. Người diêm hộ phải có chứng chỉ của viên giám đương mới được vào trường xưởng mua muối ; trước mua muối công, sau mới đến muối của táo đinh. Việc mua hoặc bán đều phải có giấy tờ làm bằng cứ. Chb.**XXXV**,42

Lời cẩn án - *Muối là thứ ăn cần thiết của dân, cũng như rau đậu, lúa, gạo, không thể một ngày nào thiếu được. Dân vùng ven biển, một nửa ở vào nơi đồng chua nước mặn, ruộng đất có thể cày cấy không được bao nhiêu, hàng ngày nhờ để sinh sống chỉ trông vào mối lợi muối mắm mà thôi. Nay lại đặt phép đánh thuế, nào là phân biệt ra hạng diêm hộ và táo đinh, nào là phiền nhiễu về chứng chỉ của giám đương và giấy tờ mua bán. Làm như thế, thì dân vùng ven biển còn trông nhờ vào đâu được nữa? Lúc ấy, đặt ra của ải bến đò, thuế đánh đã nặng, nay thi hành việc đánh thuế muối lại cướp mất mối lợi của dân. Chính sách này đều là theo trí thuật cũ rích của Tang Hoằng Dương và Khổng Cận* [4].

Hạ lệnh cho bầy tôi nho học sung chức giảng dụ hoàng tử.

(1) Theo *Chính biên* quyển XV, tờ 19, thì số quân trong lúc đánh giặc Minh tất cả 35 vạn, sau khi trong nước đã bình định, cho 25 vạn về làm ruộng ; số quân ấy so với số quân chép ở đây có phần chênh lệch. Ở trên (quyển XV) chép theo số quân ghi trong *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên ; ở đây, chép theo số quân ghi trong "Binh chế chí" *(Lịch triều hiến chương)* của Phan Huy Chú, không rõ sách nào chép đúng.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 5.

(3) Xem chú thích số 1, tờ 34 trong cuốn này.

(4) Hai người này đều giữ chức đại nông thừa, dưới triều Hán Vũ Đế (140- 89 tr.C.N) đều trông coi việc muối và sắt ở trong nước.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 36

Từ Nhâm Dần, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) đến Đinh Mùi, năm Bảo Thái thứ 8 (1727), gồm 6 năm. Chb.XXXVI,1

*

* *

Nhâm Dần, năm thứ 3 (1722). (Thanh, năm Khang Hy thứ 61).

Tháng giêng, mùa xuân. Định thể lệ phong ấm cho công thần và quan văn, quan võ.

Lúc ấy, việc phong thế ấm cho công thần đời khai quốc và đời trung hưng, phần nhiều người giả mạo hoặc lạm dụng ; thể lệ phong ấm cho con cháu quan văn, quan võ, cấp bậc chưa rõ ràng. Tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn xin chấn chỉnh lại. Triều đình bèn chuẩn định :

- Công thần khai quốc, thế thứ quá xa, nay cho một người chi trưởng được đời đời thừa ấm.

- Lúc trung hưng đánh nhà Mạc và khoảng năm Thận Đức, Hoằng Định (1600-1618) tiến quân khôi phục Đông Đô, các công thần được dự vào hạng có công lao xét theo đẳng đệ, thế thứ hơi gần, nay cho con cháu đời đời đều được thừa ấm.

- Đến như các bầy tôi văn võ không ở vào đời khai quốc và đời trung hưng, mà người nào vì có công trạng được dự vào hạng công thần, nay đều theo phẩm tước cao thấp mà chuẩn cho con cháu được thừa ấm hoặc năm đời, hoặc bốn đời, hoặc ba đời, cho có phân biệt.

- Ngoài ra, các quan từ nhị phẩm trở lên, nghị cho con và cháu được làm quan viên tử, quan viên tôn, và cho một người chắt trưởng (trưởng tằng tôn) làm quan viên tôn nữa ; quan tam phẩm, tứ phẩm, nghị cho con và cháu làm quan viên tử, quan viên tôn ; quan ngũ phẩm, lục phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử và một người cháu trưởng làm quan viên tôn, còn các người cháu khác chỉ được miễn trừ sai dịch ; quan thất phẩm, bát phẩm, nghị cho các con được làm quan viên tử ; người mới được trao cho quan chức cùng cửu phẩm và tạp lưu [1] chỉ cho một con trai được miễn trừ. Chb.XXXVI,2

Lời chua – *Công thần đời khai quốc và đời trung hưng* : Xem Lê Hy Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb, XXXIV, 6).

Công thần năm Thận Đức – Hoàng Định : Sử cũ chép, Lê Kính Tông năm Thận Đức thứ nhất (1600), Phan Văn Ngạn làm phản, xa giá nhà vua chạy về Thanh Hoa ; năm Hoằng Định thứ 2 (1601), quan quân đánh lấy lại Đông Đô. Trong thời gian ấy người bầy tôi nào có hai công trạng : theo loan giá về Thanh Hoa và tiến quân đánh bọn phản nghịch, được ban cho danh hiệu "công thần", thì con cháu đều được phong tước và tập ấm.

Bắt đầu hạ lệnh cho các quân nhân người nào có học thức, được dự thi hương.

Hạ lệnh : Các hạng binh lính, người nào có học thức, khi gặp khoa thi hương được nộp đơn xin thi đợi xét, nếu xét quả là người thông hiểu nghĩa lý văn chương, sẽ được phép cùng với học trò ứng thí ; nếu gặp khoa thi võ và kỳ thi viết chữ, tính toán, cũng được phép thi khảo ở ngay kinh đô.

Tháng 3. Sai bọn Nguyễn Thành Lý, lưu thủ trấn Hưng Hoá, đi kinh lý châu Chiêu Tấn.

Trước đây, Đèo Mỹ Lâm, thổ tù châu Chiêu Tấn thuộc Hưng Hoá, chiếm cứ Lai Châu, đánh phá châu Quỳnh Nhai, dân ở biên giới phần nhiều bị đốt phá cướp bóc. Triều đình sai Nguyễn Công Chính và Bùi Sĩ Tiêm đem quân tiến lên, được phép tuỳ tiện tiễu trừ hoặc yên uỷ. Khi quân tiến đến Mai Châu,

(1) Tức tăng chánh, tăng phó, đạo chánh, đạo phó.

Công Chính mất, quân lính quay trở về. Đến đây, Đèo Mỹ Ngọc cùng bộ lạc của hắn đánh lẫn nhau. Triều đình sai Thành Lý tiến quân bình định bọn này. Người mẹ Mỹ Ngọc đem bạc và đoạn đến dâng xin cho Mỹ Ngọc đến trước cửa quân chịu tội ; sau Mỹ Ngọc lại dựa vào sự viện trợ của huyện Kiến Thuỷ nhà Thanh, chần chừ không quả quyết. Quan quân tiến sát đến cảnh thổ. Mỹ Ngọc đem dân trong động trốn xa, quan quân đuổi theo không kịp. Thành Lý bèn dẫn quân về. Triều đình lấy cớ rằng Mỹ Ngọc là tù trưởng người Man ở ngoài cương vực, vì Chb.**XXXVI**,3
hiềm thù riêng[1] đánh lẫn nhau, nay sợ tội trốn
tránh, bèn hạ lệnh chiêu tập vỗ về. Khi tập hợp được đảng này rồi, triều đình đều buông tha cho về.

Lời chua - *Chiêu Tấn châu* [2], *Lai Châu* [3] *và Quỳnh Nhai châu*[4] : thuộc phủ An Tây.

Mai Châu [5] : thuộc phủ Gia Hưng.

Các châu kể trên, nay đều thuộc tỉnh Hưng Hoá [6].

Kiến Thuỷ : Tên huyện, thuộc tỉnh Vân Nam nhà Thanh.

Sĩ Tiêm : Người xã Kinh Lũ [7], huyện Đông Quan, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Định phép bảo cử các quan văn, quan võ.

Các quan : từ tam phẩm trở lên do lệnh chỉ đặc biệt bổ dụng ; từ tứ phẩm trở xuống nếu có khuyết ngạch, thì mỗi năm một kỳ giao cho các quan trong đô đường bảo cử, rồi xin lệnh chỉ xét định. Quan võ từ nhất phẩm đến tùng ngũ phẩm 91 người, quan văn từ nhất phẩm đến tùng ngũ phẩm 52 người, từ lục phẩm trở xuống, số viên chức không bó Chb.**XXXVI**,4
buộc theo hạn định.

Lời phê - *Quá rộng rãi.*

---

(1) Nguyên văn chép "lợi hám 利憾". Tham khảo *Lịch triều tạp kỷ* chép "tư hám 私憾" có phần đúng hơn. Ở đây dịch theo *Lịch triều tạp kỷ*.
(2) Nay gồm 2 huyện Phong Thổ và Sìn Hồ (Lai Châu).
(3) Nay tương đương với đất thị xã Lai Châu và huyện Mường Tè (Lai Châu).
(4) Nay thuộc tỉnh Sơn La.
(5) Nay thuộc tỉnh Hoà Bình.
(6) Chiêu Tấn châu là Lai Châu : nay thuộc tỉnh Lai Châu, Quỳnh Nhai Châu : nay thuộc tỉnh Sơn La, Mai Châu : nay thuộc tỉnh Hoà Bình.
(7) Nay thuộc xã Đông Kinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Định thể lệ tặng phong và ban tiền tuất cho quan văn, quan võ.

Phàm tặng phong, ban tiền tuất và tiền về việc thờ tự cho các quan, đều chuẩn cấp theo chức phẩm hiện có.

Lời chua – *Tặng phong* : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú : Phàm tặng phong, chiếu theo với chức phẩm hiện có, đều được tặng phong lên một bậc. Ví dụ : hàm tòng phẩm được tặng hàm chánh phẩm v. v...

Tiền tuất : Chánh nhất phẩm, sử tiền [1] 500 quan.

Tiền về việc thờ tự (tự sự tiền) : Chánh nhất phẩm được 3 xã, sử tiền 200 quan. Các viên quan ở dưới, số tiền đều giảm dần, có nhiều ít khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Cương hạ lệnh cho bọn Trịnh Quán giải tán binh quyền.

Lúc ấy các thân thuộc họ Trịnh nhiều người giữ binh quyền. Trịnh Cương ngại rằng giữ binh quyền trọng đại quá, e sẽ sinh biến cố khác chăng. Chb.**XXXVI**,5
Cương bèn hạ lệnh rằng : "Đấng vương giả sáng tỏ đức mình, thân yêu người thân thuộc, là có ý muốn mở rộng lời giao ước của tông thống mà làm cho sổ sách tộc thuộc được nhiều người ; nhưng nếu không nghĩ cách để vun trồng mà bảo toàn cho tộc thuộc cũng không phải là đạo thân yêu. Nhà ta tôn phò nhà hoàng đế, xây dựng cơ nghiệp tước vương, con cháu đều giữ binh quyền trọng đại, việc ấy đời sau noi theo đời trước, thành ra thói quen, cho nên thế lực ngang nhau, ngờ vực lẫn nhau mà sinh hấn khích, rồi đến nảy ra câu ca dao "đẩu túc"[2], làm thành bài thơ "đậu ky" [3], duyên cớ này ta

(1) Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm *Chính biên* quyển XXI, tờ 2.

(2) Hán Văn Đế cùng Hoài Nam vương Trường đều là con Hán Cao Tổ, Văn đế bắt tội Hoài Nam vương Trường đày đi nơi xa, Trường nhịn ăn rồi chết. Lúc ấy dân gian làm câu ca dao : "Nhất xích bố, thượng khả phùng, nhất đẩu túc, thượng khả thung, huynh đệ nhị nhân bất tương dung !" Ý nói : một thước vải, một đấu thóc, là số rất ít, còn có thể may thành áo, giã thành gạo để anh em cùng mặc, cùng ăn với nhau, thế mà người làm vua trong một nước, có hai anh em mà không bao dung được nhau.

(3) Tào Phi và Tào Thực đều là con Tào Tháo, khi Phi làm vua, muốn giết Thực, bắt Thực đi bảy bước làm xong bài thơ, nếu không xong sẽ xử theo pháp luật. Thực liền ứng khẩu đọc bốn câu : "Chử đậu nhiên đậu ky, đậu tại phủ trung khấp, bản thị động căn sinh, tương tiên hà thái cấp !", nghĩa là : dùng dây đậu nấu hạt đậu, hạt đậu khóc ở trong nồi. Khóc rằng : vốn cùng một gốc sinh ra, sao lại nung nấu nhau cấp bách như thế ?

đã biết được sâu sắc [1], nên chỉ nghĩ mưu kế làm cho được lâu dài. Vậy các ông nên thể theo ý ấy, đều giải tán binh quyền trọng đại, chơi bời thỏa thích ở nơi phủ đệ, giữ tước vị, hưởng bổng lộc, để cùng nhau vui sướng trong đời thái bình. Ta tưởng yêu đương thân thuộc, hoà thuận họ hàng, không còn gì thu xếp khéo hơn thế cả !" Bọn Trịnh Quán lạy tạ, xin giải tán binh quyền.

Lời phê - *Được đằng này thì hỏng đằng kia, về sau tất nhiên phải mòn mỏi yếu đuối.*

Trịnh Cương bắt đầu đặt sáu quân doanh.

Lúc bắt đầu trung hưng, quân doanh đại lược dựa theo chế độ cũ, đặt chức đô đốc ở ngũ phủ, chuyên dùng binh lính Thanh Nghệ chầu chực bảo vệ. Đến nay, lựa chọn đinh tráng ở bốn trấn và binh lính mới chọn ở Thanh Nghệ, phân phối cho lệ thuộc ngạch quân, bèn đặt sáu quân doanh là : Trung Dực, Trung Oai, Trung Thắng, Trung Khuông, Trung Nhuệ và Trung Tiệp, mỗi doanh 800 người, bổ dụng bọn Gia quận công Đặng Đình Lân và Thiêm quận công Trương Nhưng, cả thảy 6 người chia nhau thống lãnh.

Lời chua - *Ngũ phủ quân* : Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466), Thánh Tông đặt Ngũ phủ quân :

- Trung quân phủ quản lãnh Thanh Hoa và Nghệ An ;

- Đông quân phủ quản lãnh Hải Dương và An Bang ;

- Nam quân phủ quản lãnh Sơn Nam, Thuận Hoá và Quảng Nam[2] ;

- Tây quân phủ quản lãnh Tam Giang và Hưng Hóa ;

---

(1) Câu này có ý ám chỉ việc Trịnh Cối, Trịnh Tùng đem quân đánh lẫn nhau ; việc Trịnh Xuân lập mưu giết Trịnh Tùng, việc Trịnh Lịch, Trịnh Sầm nổi loạn ; việc Trịnh Tạc giết Trịnh Toàn và việc Trịnh Luân, Trịnh Phất lập mưu giết Trịnh Cương v. v...

(2) Ở đây *Cương mục* cũng như *Lịch triều hiến chương* đều chép lầm. Theo *Chính biên* quyển XX, tờ 2, chép : "Thiên Trường (tức Sơn Nam chép ở đây) và Thuận Hoá thuộc Nam quân phủ", không có Quảng Nam. Vì đến năm Hồng Đức thứ 2 (1471), Thánh Tông mới lấy đất Chiêm Thành đặt đạo Quảng Nam, thì năm Quang Thuận thứ 7 (1466) làm gì đã có đạo Quảng Nam mà bảo là thuộc Nam quân phủ.

- Bắc quân phủ quản lãnh Kinh Bắc và Lạng Sơn.

Trong quân đặt chức đô đốc, mỗi phủ đều có tả đô đốc và hữu đô đốc, phân phối binh lính các xứ cho lệ thuộc vào các phủ, còn hai xứ Thái Nguyên và Tuyên Quang thì lệ thuộc vào quận Chb.**XXXVI**,6 Phụng Trực.

Từ năm Thận Đức - Hoằng Định (1600 - 1618) về sau, đặt binh chế : các hiệu quân đóng ở kinh thành giữ việc chầu chực hộ vệ chuyên dùng quân ở ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung, Tĩnh Gia thuộc Thanh Hoa và quân bốn phủ Đức Quang, Diễn Châu, Anh Đô, Hà Hoa thuộc Nghệ An. Còn quân hai phủ Trường Yên, Thiên Quan và tứ trấn thì chỉ lấy người nào tình nguyện cùng người nào có thể đóng ở trại quân được mới cho lệ thuộc vào đội ngũ. Ngoài ra chỉ để cho có ngạch lính, lúc có việc thì triệu tập, khi xong việc lại cho giải tán về làng.

Trương Nhưng : Người xã Như Kinh [1], huyện Gia Lâm.

Được mùa to.

Lúc ấy, lúa vụ mùa đã chín, Trịnh Cương đi ra phía tây kinh thành xem dân gặt lúa, rồi ban cho trâu và rượu, lại làm một bài từ về "phong niên" [2] để ghi nhớ. Phủ liêu là bọn Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng chúc mừng về năm được mùa. Trong lời chúc mừng bọn Quán và Hãng hết sức ca tụng công đức chúa Trịnh.

Lời phê - *Chả khác gì bầy tôi nhà Hán tán tụng Vương Mãng.* [3]

Miễn thuế tô cho ruộng tư của quan viên người nhiều người ít khác nhau.

Lúc ấy, ruộng tư của dân gian đã có lệnh khám đạc để đánh thuế tô, quan viên nào có ruộng, cũng phải tính mẫu nộp tô không khác gì dân thường. Triều đình bèn hạ lệnh, tuỳ theo

(1) Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Theo *Lịch triều tạp kỷ* thì bài từ "phong niên", Trịnh Cương làm theo điệu "Kiều dương cách".
(3) Là một viên thừa tướng cuối đời Tây Hán, Vương Mãng uy hiếp vua, choán hết quyền bính trong nước. Lúc ấy, thị tộc Việt thường đem dâng vua Hán một chim trĩ trắng, hai chim trĩ đen, bầy tôi nhà Hán là bọn thái sư Khổng Quang, tư đồ Mã Cung ca tụng công đức Vương Mãng có thể sánh được với Chu Công Đán nhà Chu.

phẩm trật hiện có của các quan cao hay thấp mà miễn cho thuế tô ruộng ; viên quan nhất phẩm, Chb.**XXXVI**,7
nhị phẩm được miễn 50 mẫu, từ tam phẩm đến cửu phẩm, thì số ruộng được miễn tô cứ theo phẩm trật mà bớt dần mỗi trật 5 mẫu, để cho phân biệt[1].

Bắt đầu cấp khẩu phần ruộng công cho binh lính tứ trấn.

Trước đây ruộng công ở tứ trấn chỉ cấp cho ưu binh Thanh Nghệ. Đến nay mới tuyển lính tứ trấn, nên dân xã nào có ruộng công, thì liệu lượng cấp khẩu phần cho lính có hạng nhiều hạng ít khác nhau.

Lời chua - *Ruộng khẩu phần* : Theo *Tạp kỷ* của Cao Lãng, năm ấy cấp khẩu phần ruộng công cho lính tứ trấn, liệu lượng cấp theo các cơ đội :

- Lính theo châu chực (tuỳ thị binh) và lính chèo thuyền lành nghề (thiện trạo binh) được cấp : Ruộng một mùa mỗi người 7 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng mầu mỡ mỗi người 6 mẫu.

- Lính sử dụng thuyền để chiến đấu (thuyền binh) ở cơ đội các doanh, được cấp : Ruộng một mùa mỗi người 6 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng mầu mỡ mỗi người 5 mẫu.

- Lính theo hầu (tuỳ hậu binh) ở cơ đội các doanh được cấp : Ruộng một mùa mỗi người 5 mẫu, ruộng hai mùa và ruộng mầu mỡ mỗi người 4 mẫu.

Còn các ruộng khác đều phải nộp theo ngạch thuế tô bằng tiền hoặc bằng thóc. Việc này đặt làm phép tắc nhất định.

---

(1) Tham khảo *Lịch triều tạp kỷ* thì số ruộng tư của các quan được miễn tô, khác với số ruộng mà *Cương mục* đã chép ở trên :
Các quan nhất nhị phẩm được miễn tô 25 mẫu ; tam, tứ phẩm 20 mẫu ; ngũ, lục phẩm 15 mẫu ; thất, bát phẩm 10 mẫu ; cửu phẩm 5 mẫu. Viên quan nào số ruộng hiện có quá với số được miễn tô, thì số ruộng quá lệ định ấy phải nộp tô bằng tiền ; viên quan nào số ruộng hiện có không kịp với số được miễn, thì được triều đình theo phẩm trật và số ruộng viên ấy hiện có mà miễn tô, còn lại bao nhiêu thì ban cho tiền ; viên quan đã nghỉ việc về nhà và viên quan giữ công việc nhàn tản, được miễn tô bằng nửa số ruộng đã trình bày ở trên.

Quý Mão, năm thứ tư (1723). (Thanh, Thế Tông, năm Ung Chính thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Định lại giới mốc châu, huyện.

Bản đồ cũ trong nước gồm 13 đạo, xét ra các xã dân thuộc về các phủ, huyện, cũng có nơi xa nơi gần không đều nhau. Năm ấy, làm sổ hộ, bèn hạ lệnh : tuỳ hình thế từng địa phương đổi lại cho lệ thuộc vào 13 thừa tuyên theo như chế độ cũ đời Hồng Đức. Chb.**XXXVI**,8

Duy đổi lại : đem hai phủ Trường Yên và Thiên Quan trước thuộc Sơn Nam nay cho thuộc vào Thanh Hoa ; về trấn Sơn Tây, thì đem phần huyện Bất Bạt trước thuộc phủ Đà Dương nay cho lệ thuộc vào phủ Quảng Oai ; phần huyện Tam Nông nay cho lệ thuộc vào phủ Lâm Thao. Còn các xã, thôn khác phần nhiều thay đổi cho lệ thuộc vào các châu, huyện...

Lời chua – *Mười ba thừa tuyên* : Xem Lê Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 21 (Chb, XXIV, 10, 11).

Thanh Hoa : Tức Thanh Hoá. Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb, XXI, 16, 21, 22, 23).

Trường Yên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.II,11).

Thiên Quan : Xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb.XIII, 25).

Quảng Oai, Lâm Thao : Tên hai phủ, nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây[1].

Tam Nông : Nay thuộc tỉnh Hưng Hoá [2].

Thiệu Thiên : Nay là Thiệu Hoá.

Thanh Đô : Nay là Thọ Xuân. Cả hai đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Bắt đầu cấp ruộng cho các trường học.

Trước đây, đã đặt trường học, nhưng chưa cấp học điền. Nay bàn định : Trường quốc học, cấp cho 60 mẫu ; trường

(1) Lâm Thao nay thuộc tỉnh Phú Thọ.
(2) Tam Nông nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

hương học : phủ lớn, cấp cho 20 mẫu, phủ vừa, 18 mẫu, phủ nhỏ, 16 mẫu, để lấy hoa lợi ruộng ấy chi dùng vào dầu đèn.

Tháng 5, mùa hạ. Bắt đầu thi hành phép đánh thuế : tô, dung và điệu. Chb.XXXVI,9

Trịnh Cương hạ lệnh rằng : "Đời Tam Đại [1] ngày trước, đặt chế độ thu lấy của cải ở dân, hoặc theo phép cũ, hoặc đổi phép mới, không giống nhau, đấy là theo tình thế mà cứu chữa những điều tệ hại, nên phải như thế.

"Quốc triều (triều Lê) mở nước dựng nghiệp, định lệ 3 năm một lần làm sổ hộ [2], ruộng công nộp tiền hoặc thóc có ruộng nhiều ruộng ít khác nhau, ruộng tư cũng có lúc đánh thuế. Đến lúc bắt đầu trung hưng vẫn noi theo phép cũ, sau mới đổi làm phép "bình lệ"[3]. Phép đặt lâu ngày, sinh ra tệ hại : thuế ngoại ngạch linh tinh và khoa điều sai phái nặng gấp hai thuế chính cung, thành ra dân chúng mỗi ngày càng cùng quẫn, người bỏ trốn, người thiếu thuế mỗi ngày một nhiều. Xét rộng đến điển lệ đời xưa, chỉ có phép tô, dung và điệu của nhà Đường là hay hơn cả. Việc này đem bàn luận đã được sự hợp ý của nhiều người. Vậy cho theo thứ tự thi hành. Đại để là theo thời đặt phép đúng, để thích hợp với phương pháp cai trị, mà cũng là kính mong học được tấm lòng của tổ tiên mà thôi".

Lúc ấy, Trịnh Cương đang hăng hái lo toan việc trị nước, tham tụng Nguyễn Công Hãng ngày đêm mưu tính, nên những chế độ về việc binh, việc dân, việc tài sản và thuế khoá, phần nhiều được xây dựng xếp đặt.

- Phép tô : Theo chế độ cũ thì ruộng công mỗi mẫu đồng niên nộp tiền có nhiều ít khác nhau : từ hạng nộp một quan đến hạng nộp 8 tiền, 6 tiền. Nay ấn định : các ruộng công mỗi mẫu nộp 8 tiền. Số 8 tiền này chia làm 3 phần, hạng ruộng hai mùa (nhị thục điền) nộp hai phần ba bằng thóc ; hạng ruộng một mùa (nhất thục điền) nộp một phần ba bằng thóc. Đất

(1) Tức nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu đời thượng cổ Trung Quốc.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 13.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 29.

bãi công theo chỗ hiện cày cấy được chia làm hai bậc, mỗi mẫu nộp một quan hai tiền. Bãi nào có trồng dâu thì thuế tô bãi ấy một nửa nộp bằng tơ, bãi nào không trồng dâu thì nộp thay bằng tiền. Chb.XXXVI,10

Ruộng tư, trước không đánh thuế, nay định ruộng tư chia ra hạng hai mùa và hạng một mùa nộp thuế khác nhau : Ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp 2 tiền.

- Phép dung : Theo chế độ cũ, thuế thân mỗi suất đinh đồng niên tuỳ theo từng hạng để nộp tiền, từ 1 quan đến 1 quan 8 tiền. Nay định : mỗi suất đinh nộp 1 quan 2 tiền, sinh đồ, lão hạng và hoàng đinh nộp một nửa số tiền thuế ấy.

- Phép điệu : Theo chế độ cũ, hàng năm các việc bài, biểu, từ tự, điện, miếu, đê đường, cầu cống, kho tàng và trường thi v. v... đều tính theo suất đinh, để tuỳ tiện chia nhau đóng góp đệ nộp, phần nhiều thu quá lệ ngạch, vả lại thắng thúc bắt bớ lung tung, dân không sao chịu được sự phiền nhiễu. Nay định : mỗi suất đinh mùa hạ và mùa đông nộp 6 tiền ; quan trên dùng tiền ấy, đóng góp thay cho dân, gọi là tiền thuế điệu.

Lại định tiền thuế dung, thuế điệu ở cửa đình và giáo phường : tiền cửa đình lấy xã lớn, xã vừa và xã nhỏ làm định mức. Giáo phường ở tứ trấn chỉ nộp tiền thuế dung, giáo phường ở Thanh, Nghệ chỉ nộp tiền thuế điệu. Đem so sánh, thì thuế giáo phường ở Nghệ An bằng năm phần mười thuế giáo phường ở tứ trấn, Thanh Hoa lại càng nhẹ hơn.

Lời chua – *Nhị thục* : Hạng ruộng tốt, một năm cấy lúa được hai mùa.

Nhất thục : Hạng ruộng xấu, một năm cấy lúa được một mùa.

Nộp thóc một phần ba hoặc hai phần ba : Ý nói đem số 8 tiền thuế mà đồng niên mỗi mẫu ruộng công phải nộp chia làm ba phần đều nhau, ruộng hai mùa phải nộp hai phần bằng thóc, một phần bằng tiền, ruộng một mùa phải nộp một phần bằng thóc, hai phần bằng tiền.

Đất bãi công chia ra hai hạng : Ý nói bãi công nào có thể cày cấy được là bãi đã thành thổ, thì chia ra từng hạng để đánh thuế. Chb.**XXXVI**,11

Bãi nào có trồng dâu thì một nửa nộp bằng tơ : Ý nói thuế tô đất bãi, mỗi mẫu 1 quan 2 tiền, bãi nào có trồng dâu, thì 6 tiền nộp bằng tiền, còn 6 tiền nữa thì trị giá tơ mà nộp bằng tơ.

Lão hạng và hoàng đinh : Dân đinh đến 50 tuổi gọi là lão hạng, từ 17 đến 19 tuổi gọi là hoàng đinh.

Bài, biểu : Theo "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì hằng năm, phàm gặp các lễ tiết chính đán (1), đoan dương (2), vạn thọ (3), khánh thọ, diên thọ (4) v. v... Ở nha môn các triều đều có bài, có biểu kính dâng lễ vật ; ở các nha môn khác cũng có đặt yến tiệc, hát xướng.

Từ tự : Ý nói đàn tràng tế tự, như tế giao, tế xã tắc, tế đinh, tế tiên nông, tế gió mưa v. v...

Điện, miếu : Ý nói các lễ tiết giỗ ở thái miếu nhà Lê và cung miếu họ Trịnh.

Trước kia hàng năm phàm gặp các lễ tiết kể trên cùng các công việc như sửa đắp đê đường, cầu cống, sửa sang hoặc xây dựng kho tàng hoặc trường thi v. v... đều ra lệnh cho quan ở trấn và nha môn các phủ huyện, tuỳ theo số đinh ở các xã nhiều hay ít, chia nhau thu nộp, để cung ứng vào các lễ tiết và công việc ấy. Đến nay đổi làm phép điệu.

Tiền cửa đình : Xã lớn (5) đồng niên nộp 6 quan sử tiền (6), xã vừa(7), nộp 4 quan, xã nhỏ(8) nộp 2 quan, để đủ dùng vào việc chi phát cho các nhạc công trong giáo phường. Chb.**XXXVI**,12

Đặt thêm sở tuần ty ở các trấn.

---

(1) Mồng một tháng giêng âm lịch hàng năm.
(2) Mồng 5 tháng 5 hàng năm.
(3) Sinh nhật của vua chúa.
(4) Đều là những lễ chúc mừng vua chúa sống lâu.
(5) (7), (8) Xã nào trên 300 suất đinh là xã lớn, trên 100 suất đinh là xã vừa, dưới 100 suất đinh là xã nhỏ.
(6) Mỗi tiền 36 đồng, xem thêm Chính biên quyển XXI, tờ 2.

Nội trấn và ngoại trấn đều đặt thêm một sở tuần ty, phàm người buôn bán qua lại tuỳ theo thuyền bề lớn hay nhỏ, chở hàng nặng hay nhẹ, để liệu lượng đánh thuế một phần bốn mươi (1/40) so với hàng đã chở.

Lời chua - *Tuần ty* : Theo "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Bảo Thái thứ 4 triều Lê Dụ Tông, các sở tuần ty cũ và mới có : tuần ty Ngã Ngung ở Thanh Hoa, tuần ty Khả Lưu ở Nghệ An, tuần ty Trình Xá ở Sơn Tây, tuần ty Cân Dinh ở Kinh Bắc, tuần ty Quán Tuần ở Hưng Hoá, tuần ty Tam Kỳ ở Tuyên Quang, tuần ty Thành Tuần ở Lạng Sơn, tuần ty Suất Tuần ở Yên Quảng, và hai tuần ty ở Cao Bằng và Thái Nguyên. Còn tuần ty ở Sơn Nam và Hải Dương bỏ sót không chép. Tên xã và huyện ở chỗ đặt các tuần ty đều không được rõ. Vậy hãy ghi ra đây để phòng khi khảo cứu.

Tháng 8, mùa thu. Trịnh Cương hạ lệnh cho phủ liêu chia nhau khám xét kiện tụng.

Lúc ấy giấy tờ về việc kiện tụng mỗi ngày một nhiều, Trịnh Cương bèn sai phủ liêu chia nhau xét hỏi. Dựng nhà trạm lớn ở ngoài cửa phủ chúa để làm nơi hỏi kiện.

Ngày Giáp Ngọ, tháng 9. Sao Chổi xuất hiện ở vị trí sao Nữ.

Lời chua - Theo "Thiên văn chí" trong *Tấn thư*, Chb.**XXXVI**,13 thì sao Nữ có bốn chòm sao ở phía đông sao Thiên Kỷ.

Tháng 10, mùa đông. Phát sinh hoàng trùng.

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ là Phạm Khiêm Ích sang mừng việc Thanh Thế Tông lên ngôi ; phó sứ là bọn Nguyễn Huy Nhuận và Phạm Đình Kính sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn việc nhà Thanh ban cho lụa hoa.

Lời chua - *Phạm Khiêm Ích* : Người xã Bảo Triện [1], huyện Gia Định, đỗ thám hoa khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê

(1) Nay thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Dụ Tông. Khiêm Ích nguyên trước họ Nguyễn, cháu Nguyễn Mậu Tài, nay theo về họ bố nuôi là họ Phạm.

Nguyễn Huy Nhuận : Người xã Phú Thị [1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1703) năm Chính hòa triều Lê Hy Tông.

Phạm Đình Kính : Người xã Vĩnh Lại [2], huyện Thiên Bản, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Giáp Thìn, năm thứ 5 (1724). (Thanh, năm Ung Chính thứ 2).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Cương tạm quyền thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao.

Theo chế độ cũ, đầu mùa xuân tế trời, nhà vua thân hành đến đàn Nam Giao làm lễ ; chúa Trịnh cùng trăm quan đều dự vào bồi tế. Năm này, vì nhà vua đau chân nên Trịnh Cương tạm quyền thay vua vào tế. Vì lòng mong muốn quá cao, phụ thần [3] xin Trịnh Cương theo như nghi lễ mà nhà vua thân vào tế, nhưng Cương không dám nhận, sai đặt vị đứng tế ở sân điện Chiêu Sư, rồi Cương thắp hương lạy thay nhà vua mà thôi.

Tháng 2. Lại sai binh lính Thái Nguyên đi thú thủ Cao Bằng. Chb.**XXXVI**,14

Trước đây, lính thổ ở Thái Nguyên hàng năm luân chuyển nhau đi thú thủ Cao Bằng, đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) vì nơi biên cảnh không xảy ra việc gì, nên bãi bỏ việc lính thú. Đến nay theo lời xin của Nguyễn Trù, đốc trấn Cao Bằng, nên lại hạ lệnh cho phiên thần [4] Thái Nguyên đem quân bản thổ luân chuyển đi thú, định lệ cứ mỗi năm một lần thay đổi.

Lời chua - *Thái Nguyên* : Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng : Tức Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, Thái Nguyên và Cao Bằng đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

---

(1) Nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(2) Nay thuộc xã Vĩnh Hảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
(3) Một danh từ để gọi chung các viên quan to trong triều. Ở đây có ý chỉ bọn phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.
(4) Bầy tôi ở phiên trấn, các viên quan này có trách nhiệm giữ biên giới để bảo vệ kinh kỳ.

Nguyễn Trù : Người phường Đông Tác huyện Thọ Xương, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông. Trù là người học hỏi rộng rãi, thường sửa định, chú giải các sách *Sách học đề cương* và *Quần hiền phú* v. v. ... lưu hành ở đời.

Mở đường sông ở Thanh và Nghệ.

Hạ lệnh cho ty trấn thủ Thanh Hoa và Nghệ An đi khám xét các sông trong hạt, chỗ nào nông cạn, chỗ nào ủng tắc, thì tuỳ theo trượng thước nông hoặc sâu, trù tính định ra công việc phải làm, rồi lấy dân xã tiếp cận sung vào làm việc, để cho đường thuỷ được lưu thông, dân những xã này sẽ được trừ tiền thuế điệu.

Giảm tô và thuế cho dân Thanh Hoa, Nghệ An và dân trong kinh kỳ có nơi nhiều, nơi ít khác nhau.

Thanh Hoa là nơi "thang mộc" (1), Nghệ An là dân hưởng ứng theo việc nghĩa (2), kinh kỳ liền sát dưới xa giá của vua chúa. Những nơi này phàm tô và thuế đều được rộng cho giảm nhẹ : ở Thanh và Nghệ duy tiền thuế điệu là theo Chb.**XXXVI**,15 thể lệ tứ trấn, tô ruộng được giảm một nửa. Thuế thân dung được miễn hết ; ở kinh kỳ thuế tô, thuế dung và thuế điệu đều liệu lượng giảm bớt có khác với tứ trấn.

Lời chua – *Giảm tô và thuế* : Theo *Tạp kỷ* của Cao Lãng, thì năm ấy, Trịnh Cương hạ lệnh : Hai xứ Thanh và Nghệ ; về thân dung của đinh suất, nhất luật rộng cho được miễn hết ; tô ruộng công và tư đều được giảm một nửa so với tô ruộng ở tứ trấn, ruộng công miễn nộp thóc ; tiền thuế điệu theo thể lệ ở tứ trấn. Phàm các việc khởi công làm điện phủ, cung miếu, cầu cống và đào sông ngòi v.v... trước vẫn dùng dân hai xứ ấy để cung ứng vào công việc hai xứ, nay trừ dân tạo lệ (3) đã đem cấp cho các bầy tôi có công hoặc thân thích vua chúa, theo thể lệ được miễn đi rồi, ngoài ra thu mỗi suất đinh 6 tiền, để cung ứng vào việc chi dùng phí tổn. Đến như ruộng công trong kinh kỳ, mỗi

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển V tờ 41. Chữ "thang mộc" ở đây có ý dùng nghĩa bóng là nơi phát tích của nhà Lê.
(2) Lúc Lê Trang Tông khởi binh đánh Mạc Đăng Dung, dân đinh ở Nghệ An hưởng ứng theo việc khởi nghĩa trước tiên.
(3) Xem lời chua của *Cương mục* quyển XXXV, tờ 14 về dân tạo lệ.

mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 6 tiền, miễn phải nộp thóc, ruộng tư, mỗi mẫu chuẩn định cho nộp thuế tô 2 tiền, thuế thân dung, mỗi suất đinh 8 tiền ; thuế điệu, mỗi suất đinh 4 tiền. Người đinh nào đã chịu thuế dung, thuế điệu, ở quê quán mình rồi, đều được miễn ; các hạng thổ ở phố, mỗi năm mỗi thước phải nộp tiền 10đồng. Việc này giữ làm thể lệ thường hành. Chb.**XXXVI**,16

Tháng 4 nhuận, mùa hạ. Giáng chức : Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, làm tả thị lang bộ Lại ; Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, làm hữu thị lang bộ Lễ.

Lúc ấy, người huyện Đường Hào [1] vì việc kiện phải luận vào tội đồ, người ấy mổ bụng để kêu oan. Việc này giao xuống cho bầy tôi được tham dự xét hỏi, thì quả nhiên người ấy lý thẳng. Xét ra, Trương Công Khải, thượng thư bộ Hình, và Hồ Phi Tích, tả thị lang bộ Lại, trước kia giữ chức ở Ngự sử đài không biết làm cho tỏ lẽ phải, nên hai người này đều bị tội, phải giáng chức.

Lời chua *Trương Công Khải* : Người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu (1685) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Hồ Phi Tích : Người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Đôi, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hoà.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thi bác cử, nhà vua đến xét duyệt.

Lúc ấy mới đặt khoa thi võ, lấy 4 năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi ở bản trấn, gọi là "sở cử", 4 năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi hội ở kinh đô gọi là "bác cử". Năm này, Trịnh Cương rước nhà vua thân đến xét duyệt. Lấy đỗ bọn Nguyễn Công Tự 11 người. Từ đây về sau cứ 3 năm một lần thi, chúa Trịnh tự chuyên quyền xét duyệt.

Lời chua – *Sở cử và bác cử* : Theo *Lê sử tục biên* thì phép thi "sở cử" như thế này : Chb.**XXXVI**,17

(1) Nay thuộc huyện Mỹ Văn tỉnh Hưng Yên.

Trước hết hỏi sơ lược về *Võ kinh*, sau đó, kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, luôn ba kỳ thi về võ nghệ. Người nào trúng cách, là viên sinh ; quan viên tử, quan viên tôn trúng cách, là biền sinh. Lại thi về phương pháp mưu lược việc binh. Người nào trúng ngay được kỳ này, gọi là học sinh ; quan viên tử, quan viên tôn trúng được, gọi là biền sinh hợp thức.

Phép thi "bác cử" như thế này :

Kỳ đệ nhất, hỏi sơ lược về ý nghĩa bảy bộ sách binh thư ; kỳ đệ nhị, thi võ nghệ ; kỳ đệ tam, hỏi sơ lược một bài văn sách. Người nào trúng tuyển được vào thi ở sân phủ Chúa, kỳ này người nào hợp cách được làm tạo sĩ. Nếu người nào trong hai kỳ đệ nhất, đệ nhị thi võ nghệ được tinh thông thành thạo, mà kỳ đệ tam bài văn sách không được hợp cách, thì chọn lấy người trội nhất gọi là tao toát, được cùng tạo sĩ bổ dụng như nhau.

Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thì năm Bảo Thái thứ 5 (1724) đặt trường thi bác cử ở sở Thịnh Quang. Kỳ đệ nhất, hỏi mười câu về ý nghĩa trong bảy bộ sách binh thư ; kỳ đệ nhị, thi hai tao võ nghệ : trước hết thi cưỡi ngựa múa đầu mâu, sau thi đấu siêu đao, lăn lá chắn và múa gươm giáo, căn cứ vào sự so đọ được hay thua để định người hơn người kém, sau đó lại xét duyệt người nào có khí sắc hùng dũng được thăng lên một bậc, người nào kém phải tụt xuống một bậc ; kỳ đệ tam, thi văn sách hỏi cách thao luyện và phương lược về phép bày trận để đánh kẻ địch, giữ thành trì. Lấy 11 người đỗ tạo sĩ xuất thân, trong số ấy có Văn Đình Dận và Hoàng Nghĩa Bá, sau này đều là viên tướng nổi tiếng. Khoa này định thứ tự cho tạo sĩ mới được trao quan chức lần đầu như thế này : người đỗ vào hạng ưu phân, tru trung được chánh lục phẩm, người đỗ trung hạng và thứ trung được tòng lục phẩm, người thứ thủ được chánh thất phẩm. Về điển lệ ban ân cho tạo sĩ cũng như tiến sĩ.

Chb.**XXXVI**,18

Theo *Lữ trung tạp thuyết* của Bùi (Huy) Bích, thì khoa thi võ đặt ra, tệ hại lại càng quá. Đầu năm Hồng Đức triều Lê Thánh Tông thường xét duyệt võ nghệ, người trúng cách được bổ sung làm tuấn sĩ. Sau khi trung hưng, định thời kỳ xét duyệt ở trong phủ chúa, chọn người có phương pháp mưu lược và người có quân công ở các cơ hiệu,

rồi liệu lượng tài năng để bổ dụng. Đến giữa năm Bảo Thái mới đặt hai khoa sơ cử và bác cử, sau dần dà đi đến chỗ gian lận xảo trá, người ta nhân bám vào đấy mà làm thành cái" chợ buôn bán thi cử".

Viên sinh : Cũng như người đỗ sinh đồ khoa thi hương.

Biền sinh : Cũng như người đỗ nho sinh khoa thi hương.

Học sinh : Cũng như hương cống.

Biền sinh hợp thức : Cũng như nho sinh trúng thức khoa thi hội.

Bảy bộ sách : Tức *Lục thao tam lược* của Thái Công (1), *Binh pháp* của Hoàng Thạch Công (2), Tôn Tử (3), Ngô Tử (4), Tư Mã (5) và *vấn đáp* của Uất Liêu Tử (6), Lý Vệ Công (7).

Xét duyệt khí sắc hùng mạnh : Dùng một cái dùi đồng, ngoài bọc rạ, đánh vào đỉnh đầu 3 lần, nếu người nào mắt không chớp, thân không rung động, là người ấy được.

Nguyễn Công Tự : Có sách chép Phạm Công Tự, người xã Cự Khánh, huyện Đông Sơn.

Đình Dận : Người xã Lạc Phổ, huyện Hương Sơn.

Nghĩa Bá : Người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động.

Tiếp tục việc làm sổ hộ.

Trước đây, lệ định 3 năm một lần làm sổ hộ, lần trước đã làm từ năm Nhâm Dần (1722) đến năm sắp tới là Ất Tị (1725) nhằm đúng vào năm phải kế tiếp sửa lại sổ hộ, do đấy ấn định quy chế : Phàm các hạng nhân đinh, có người nào mới đến tuổi hoặc người nào chết đi, thì

Chb.**XXXVI**,19

(1) Tức Thái Công Vọng, tên chính là Khương Thượng, một viên tướng giúp Chu Vũ Vương đánh chúa Trụ nhà Thương. Khương Thượng làm 6 quyển binh thư nhan đề là Lục thao : văn thao, võ thao, long thao, hổ thao, báo thao và khuyển thao.
(2) Hoàng Thạch Công làm 3 quyển binh thư.
(3) Tức Tôn Vũ, người thời Xuân Thu, làm binh thư gồm 13 thiên nhan đề : *Tôn Tử thập tam thiên*
(4) Tức Ngô Khởi, người thời Chiến quốc, làm binh thư nhan đề : Ngô Tử, gồm 6 thiên.
(5) Tức Tư Mã Nhương Thư, người thời Xuân Thu. Sách binh thư nhan đề Tư mã pháp, trước kia chép là do Tư Mã Nhương Thư biên soạn.
(6) Người thời Chiến quốc, là học trò Quỷcốc tử. Sách của Uất Liêu Tử nói về việc dụng binh gồm 5 quyển, 24 thiên
(7) Tức Lý Tĩnh, người thời nhà Đường, Lý Tĩnh cùng Đường Thái Tông bàn luận việc binh, sau người ta chép thành sách, gồm 3 quyển, nhan đề *Lý Vệ Công vấn đối.*

lần lượt kê khai họ tên những người ấy, để căn cứ vào đấy mà truy xét đối chiếu. Phép này đến năm Vĩnh Khánh (1729-1731) lại bỏ.

Tháng 12. Không mưa.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, hạ lệnh đình chỉ công việc xây dựng, tha thuế bỏ thiếu cho các xứ : dân xã nào còn thiếu thuế vụ đông năm Tân Sửu (năm Bảo Thái thứ 2) và vụ hạ năm Nhâm Dần (năm Bảo Thái thứ 3), trước kia đã từng định kỳ hạn phải nộp mà chưa thể nộp được, nay nhất luật đều được tha.

Đo đất bãi ven sông, cấp cho dân sở tại.

Đất bãi ven sông, khi bồi khi lở không nhất định. Chỗ nào được sa bồi thì dân chỗ ấy ăn may nhận làm của mình, chỗ nào bị sụt lở, thì dân chỗ ấy mất mối lợi, do đấy tranh nhau nhận đất, sinh ra khiếu khống liên miên. Bèn hạ lệnh cho quan sở tại theo số mẫu ruộng và đất bãi bị lở nhiều hay ít của từng dân xã, khám xét rõ ràng, rồi liệu lượng cấp đất cho.

Lời chua - Theo lời chua trong *Tạp kỷ* của Cao Lãng, thì lúc ấy hạ lệnh cho viên huyện theo thể lệ làm sổ hộ, cứ 3 năm một kỳ khám đo đất bãi. Phàm dân xã nào chỉ có đất bãi không có ruộng ở trong đê mà đất bãi bị sụt lở đến một phần ba, và xã nào có đất bãi lại có ruộng ở trong đê mà đất bãi bị sụt lở đến hai phần ba, thì lấy đất phù sa ở đối ngạn bên kia sông, liệu lượng chiếu theo ngạch cũ và đinh suất xã ấy mà cấp. Chỗ đất bị sụt lở được trừ cho ngạch thuế cũ, còn chỗ đất mới được cấp đợi khi cày cấy thành thổ sẽ bắt đầu đánh thuế. Chb.**XXXVI**,20

Định thuế thổ sản.

Lúc ấy thuế tô và dung đã định xong, còn các thổ sản thì tuỳ theo thổ nghi của từng nơi, định giá để đánh thuế, sẽ chuẩn trừ cho thuế tô, thuế dung có thứ nhiều thứ ít khác nhau.

Lời chua - *Thổ sản* : Theo "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì thổ sản có các loại : kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ và đồ ăn thức dùng, thập vật v.v... Sách ấy lại chua rằng : loài kim

như bạc, đồng, sắt và chì ; loài mộc như gỗ tứ thiết, gỗ hồng sắc ; loài thuỷ như cá và nước mắm ; loài hoả như than gỗ, than đá ; loài thổ như son và diêm tiêu. Đồ ăn thức dùng như rượu, mật, dầu và sơn. Thập vật như các hạng giấy và chiếu trơn v.v... Chb.**XXXVI**,21

Ất Tị, năm thứ 6 (1725). (Thanh, năm Ung Chính thứ 3).

Tháng tư, mùa hạ. Túc Tông Hiếu Ninh hoàng đế (1) **ta nối nghiệp.**

Tháng 6. Xá các thuế còn bỏ thiếu.

Lúc ấy dân gian điêu tàn xơ xác, thuế tô, dung và điệu phần nhiều bỏ thiếu. Bèn phân biệt ra các hạng nghèo khổ và lưu tán, liệu lượng thi hành lệnh hoãn thu hoặc ân xá. Lại lấy cớ rằng thóc lúa các huyện ở Hải Dương bị hao tổn vì nước mặn tràn ngập, nên lượng tha thuế nộp bằng tiền hay bằng thóc về vụ hạ năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Tháng tám, mùa thu. Đổi tên sông Hát làm sông Vân Bảo, sông Tô Lịch làm sông Địa Bảo.

Hai con sông Hát và Tô Lịch là chi lưu của sông Nhị. Sở dĩ đổi tên làm Vân Bảo và Địa Bảo là lấy cớ rằng để cho đối với tên sông Thiên Đức và Nguyệt Đức.

Lời chua – *Sông Hát* : Tức cửa sông Hát, xem Bình Định vương năm thứ 9 (Chb. XIII, 31).

Sông Tô Lịch : Xem thuộc Đường, Mục Tông, năm Trường Khánh thứ 4 (Tb. IV, 31).

Sông Thiên Đức : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb. II, 11).

Sông Nguyệt Đức : Sông này có hai chi phái : một chi từ xã Ngọc Long, huyện Tư Nông thuộc Thái Nguyên, chảy qua hai huyện Hiệp Hoà và Đa Phúc ; một chi từ xã Đam Xuyên, huyện Yên Lãng thuộc Sơn Tây(2), chảy qua hai huyện Kim Anh và Đa Phúc, rồi hợp dòng ở

(1) Tức Phúc Chú, con cả của Phúc Chu, tự xưng là Đình quốc công, hiệu Vân Tuyền đạo nhân.
(2) Nay thuộc huyện Mê Linh tỉnh Vĩnh Phúc.

địa phận xã Hương La huyện Yên Phong làm thành ngã ba sông, chảy qua huyện Quế Dương, rồi đổ vào sông Lục Đầu. Chb.XXXVI,22

Sông Nhị : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II, 13).

Tháng 10, mùa đông. Sai bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng làm khuyến nông sứ(1).

Lúc ấy, mới sửa định sổ điền, dân sở tại phần nhiều tranh nhau địa giới, đã lâu không giải quyết được. Bèn sai phủ liêu là Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Trương Nhiêu, Đặng Đình Gián và nội giám là bọn Đỗ Bá Phẩm, Nguyễn Khuê làm khuyến nông sứ, chia nhau đi tuần hành 4 đạo, xem xét địa thế rộng hay hẹp, xa hay gần, nhân dân nhiều hay ít, rồi tuỳ theo sự tiện nghi mà phân xử, để nhân dân các xã đều được yên ổn với nhau. Lại xem xét rõ địa thế bắt dân đắp đê đắp đập, để theo thời tiết lấy nước vào ruộng hoặc tháo nước ta sông, phòng bị việc hạn hán hoặc ngập lụt ; xét kỹ chỗ tốt chỗ xấu, chia ruộng ra làm ba bậc để định ngạch thuế. Lại thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian, bàn định thi hành chính sách hợp thời để cứu vớt dân.

Lời chua *Bốn đạo* : Theo *Tạp kỷ* của Cao Lãng, thì quan khuyến nông chia ra đi 4 đạo như sau : Một đạo về địa phận 6 phủ thuộc xứ Sơn Nam, một đạo về địa phận xứ Sơn Tây và kiêm cả địa phận phủ Ứng Thiên ; một đạo về địa phận xứ Kinh Bắc và kiêm cả địa phận phủ Thường Tín ; một đạo về địa phận xứ Hải Dương và kiêm cả địa phận phủ Khoái Châu. Chb.XXXVI,23

Trương Nhiêu : Người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm

Đình Gián : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức.

Kiểm soát dân đinh bỏ làng trốn tránh.

(1) Chức quan trông coi về nông nghiệp có nhiệm vụ động viên khuyến khích dân chúng chú trọng về nghề nông. Chức này ở hàm tòng cửu phẩm, được đặt từ thời Thánh Tông nhà Lê. Nhưng ở đây dùng toàn quan đại thần cấp tham tụng (như Thủ tướng) để làm khuyến nông sứ chắc là đi kinh lý địa phương.

Lúc ấy, làm lại sổ đinh, dân đinh nhiều người trốn tránh. Bọn Công Hãng xin chiếu theo sổ đinh truy nã, rồi xét xem người nào mạnh khoẻ cho sung vào quân ngũ, người nào gầy yếu cho sung vào phu dịch. Ai biết được người trốn tránh mà cáo tố với quan sẽ được ban thưởng. Nhân dân phần nhiều bị khổ sở.

Tháng 11. Định rõ lại phẩm phục quan văn, quan võ.

Trước đây đã định kích thước hình dạng áo khăn thường phục. Đến nay định rõ lại phẩm phục trăm quan : Phàm mũ đai dùng trong lúc đại triều ở cung điện vua Lê và chầu chực ở phủ chúa Trịnh, đến hành nghi, thường phục, đồ dùng đều có cấp bậc khác nhau.

Lời chua - *Phẩm phục* : Lê triều cố điển chép :

Triều phục : Từ quan nhất phẩm đến tam phẩm dùng màu hồng ; tứ phẩm, ngũ phẩm dùng màu lục, lục phẩm trở xuống dùng màu xanh.

Mũ : Hoàng thân và vương thân mũ trang sức bằng vàng ; quan nhất phẩm đến tam phẩm đội mũ phốc đầu [1] trang sức bằng bạc ; tứ phẩm và ngũ phẩm, về hàng võ đội nón sơn trắng, về hàng văn, đội mũ phốc đầu trang sức bằng thau ; từ lục phẩm trở xuống về hàng võ, đội nón sơn son, về hàng văn, đội mũ phốc đầu không trang sức ; viên quan giữ việc hình pháp đội mũ giải trãi [2]. Chb.XXXVI,24

Đai lưng : Hoàng thân và vương thân đai lưng trang sức bằng vàng ; quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng sừng con hoa tê, trang sức bằng bạc, bọc lụa đỏ, quan tam phẩm dùng đồi mồi, trang sức bằng bạc ; đai lưng của đô ngự sử cũng như đai của viên quan hàm nhị phẩm ; viên quan tứ phẩm, ngũ phẩm về hàng võ, đai thắt dùng màu tía ; về hàng văn, dùng đồi mồi viền thau, bọc đoạn thâm ; từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ đai thắt dùng màu xanh, về hàng văn dùng gỗ tốc hương viền thau, bọc đoạn thâm.

---

(1) Xem chú thích số 2 *Chính biên* quyển III tờ 23

(2) Giải trãi. Tên một giống thú rừng, có một sừng thẳng ở giữa trán, theo truyện cổ thì giống thú này có đặc tính phân biệt được người tà người chính, đời cổ dùng giống thú này để húc đánh người gian tà, nham hiểm, nên đời Hán theo hình cái sừng giải trãi mà chế mũ của các viên quan giữ về hình pháp, gọi là mũ giải trãi. Có ý để tượng trưng cho sự ngay thẳng.

Bổ tử : Quan nhất phẩm, nhị phẩm, về hàng văn, dùng hình con tiên hạc ; về hàng võ, dùng hình con bạch trạch ; tam phẩm, về hàng võ, dùng hình con sư tử, về hàng văn, dùng hình con cẩm kê ; tứ phẩm, về hàng võ, dùng hình con hổ, về hàng văn, dùng hình con công ; ngũ phẩm, về hàng võ, dùng hình con báo, về hàng văn, dùng hình con vân nhạn ; từ lục phẩm trở xuống, về hàng võ, dùng hình con voi, về hàng văn, dùng hình con bạch nhàn ; viên quan giữ việc hình pháp dùng hình con giải trãi.

Các quan vào hầu phủ chúa Trịnh : quan văn, quan võ dùng mũ sa màu thâm, mặc áo thanh cát y [1], thắt thao kép xâu hạt ngọc. Tuỳ theo phẩm trật cao hay thấp mà dùng phẩm phục khác nhau.

Thường phục : Quan nhất phẩm, nhị phẩm dùng các hàng gấm hoa ; từ tam phẩm đến ngũ phẩm dùng các hàng gấm đoạn ; từ lục phẩm trở xuống dùng các hàng là lượt ; dân gian dùng the, là, vải, lụa hàng tre.

Võng và kiệu : Quan nhất phẩm, nhị phẩm kiệu bảy đòn khiêng, từ tam phẩm đến ngũ phẩm, kiệu ba đòn khiêng ; từ lục phẩm trở xuống, võng ba đòn khiêng, đòn khiêng dài dùng hình thẳng ; thứ dân, đòn khiêng võng dùng bằng tre.

Đồ dùng : Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mâm sơn son, bát và chén dùng đồ Trung Quốc bịt bạc ; tứ phẩm, ngũ phẩm, bát và chén bịt thau ; từ lục phẩm trở xuống, mâm sơn màu tía, bát và chén dùng đồ Trung Quốc không bịt ; dân gian, bát và chén dùng đồ của ta. Chb.**XXXVI**,25

Trịnh Cương hạ lệnh cho nhân dân được phép ca tụng hoặc chê bai việc tốt việc xấu của viên quan giữ việc cai trị dân.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng làm tờ khải nói : "Các quan giữ việc cai trị dân, nhân phẩm không giống nhau, họ tự xử

(1) Xem lời chua của *Cương mục chính biên* quyển XXXII, tờ 37.

trong mình có người liêm khiết, người tham ô, thi hành chính sự có điều tốt điều xấu, nếu không phân biệt người hay người dở, thì làm thế nào nêu được sự khuyên răn ? Mà nếu không căn cứ vào lòng dân thì làm thế nào biết được người hay người dở ? Vậy nên cho phép dân sở tại yết bảng ghi chép những lời ca tụng hoặc chê bai, để xem cho biết viên quan nào tốt, viên quan nào xấu. Làm như thế, khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa cho thành người liêm khiết siêng năng. Nhưng, những điều yết lên bảng tất phải xuất phát từ lẽ công bằng, cả hạt đều cùng một giọng. Nếu người nào yêu ghét theo ý riêng mình, sinh ra khen chê càn bậy, thì người ấy sẽ có tội".

Lời phê – *Chưa chắc đã được như thế*[1], *chỉ sinh nhiều việc mà thôi.*

Trịnh Cương dùng Nguyễn Công Hãng giữ chức bảo phó cho con hắn là Giang, lại cho Công Hãng được mở doanh Trung Nhuệ.

Bính Ngọ, năm thứ 7 (1726). (Thanh, năm Ung Chính thứ 4).

Tháng giêng, mùa xuân. Bọn Phạm Khiêm Ích từ bên nhà Thanh trở về nước.

Trước đây, bọn Khiêm Ích sung sứ bộ sang nhà Thanh, khi đến Yên Kinh, vua nhà Thanh cho triệu vào yết kiến ở điện Kiền Thanh, yên uỷ thăm hỏi, rồi chính tay vua viết bốn chữ "Nhật nam thế tộ"[2] đặc ân ban cho. Năm ấy, viên quan thái sử[3] tâu lên vua nhà Thanh là mặt trời mặt trăng hợp bích, năm vì sao liên châu. Nhân đấy, bọn Khiêm Ích dâng thơ chúc mừng ; vua nhà Thanh ngợi khen và dụ bảo, lấy cớ rằng quốc vương[4] yêu chuộng văn học, tôn trọng đạo Nho, nên thưởng cho ba bộ sách.

---

(1) Ý nói chưa chắc đã khiến người ta biết kiêng kỵ răn sợ, mài giũa thành người liêm khiết, siêng năng.

(2) Bốn chữ này ý nói : hết đời này qua đời khác giữ ngôi báu ở phương Nam.

(3) Viên quan giữ việc suy tính thiên văn, làm lịch.

(4) Chỉ vua nhà Lê lúc bấy giờ.

Sau này bàn luận công trạng phụng mạng đi sứ, thăng Khiêm Ích chức tả thị lang bộ Hộ, tước Thuật quận công ; Nguyễn Huy Nhuận chức tả thị lang bộ Hình, tước Triệu quận công ; Phạm Đình Kính chức hữu thị lang bộ Binh, tước Lại khê hầu. Chb.XXXVI,26

Lời chua – *Ba bộ sách* : I. Bội văn vận phủ, 2. Uyên giám loại hàm, 3. Cổ văn uyên giám.

Lại tham khảo "Lịch chí" trong *Tân Đường thư* chép : Căn bản làm lịch, phải suy tính năm thượng nguyên, vì năm nào nhằm đúng năm thượng nguyên thì mặt trời, mặt trăng hợp bích, năm vì sao như liên châu. Sách *Ngũ đại sử* chép : viên quan giữ về thiên văn suy xét, nhằm tiết đông chí, lúc nửa đêm ngày mồng một thuộc năm Giáp Tí, hễ thấy mặt trời, mặt trăng và năm vì sao đều hội họp ở Tý, thì năm ấy là thượng nguyên.

Tháng 2. Cử hành lễ duyệt binh một cách trọng thể.

Trước đây, bọn Công Hãng bàn : Việc lựa chọn binh lính đã thành ngạch nhất định. Nên hạ lệnh cho các lính mới tuyển ở tứ trấn và phủ Trường Yên, định vào đầu tháng giêng năm nay đến kinh thành để luyện tập thao diễn. Đến nay cử hành lễ duyệt binh trọng thể, có tế cờ đạo, xong rồi lại cho về làm ruộng.

Lúc ấy, lính mới tuyển ở các trấn tập hợp đến hơn vạn người, chúa Trịnh thấy hàng ngũ binh lính tề chỉnh, nên ban thưởng cho có nhiều ít khác nhau. Từ đây về sau, mỗi năm cứ tháng trọng xuân cử hành lễ đại duyệt. Việc này đặt thành thể lệ nhất định. Chb.XXXVI,27

Lời chua – *Cờ đạo* : Theo *Hội điển* nhà Minh, thì cờ đạo liệt vào hàng được thờ tự. Khi nào thiên tử thân hành đi đánh dẹp hoặc sai tướng đem quân đi đánh, thì trước tế cờ đạo rồi sau mới xuất hành.

Thể lệ triều cố Lê : Hàng năm, chọn ngày tốt trong tháng hai, chúa Trịnh thống suất quan quân các doanh, trang bị đầy đủ nhung phục và khí giới, đặt đàn tràng cáo tế ở lầu Ngũ Long, chiếu theo phương hướng, mở cờ, bắn súng, làm chấn động dung nghi quân lính, gọi là tế cờ.

Nghệ An bị nạn đói.

Ở Nghệ An, giá gạo thình lình cao vọt. Bèn hạ lệnh cho Trấn ty phát thóc trong kho Vĩnh khố chẩn cấp cho dân ; những lính đã tuyển ở hai huyện Kỳ Hoa và Thạch Hà hiện đóng ở trấn đồn, mỗi người lính được cấp thóc 40 bát quan.

Lời chua *Vĩnh khố* : Ở địa phận hai xã Vĩnh Yên và An Trường thuộc huyện Chân Lộc.

Kỳ Hoa : Nay là huyện Kỳ Anh. Kỳ Hoa và Thạch Hà đều thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Đời cố Lê, ty Trấn thủ xứ Nghệ An ở địa phận xã An Trường huyện Chân Lộc ; hai ty Thừa chính và Hiến sát ở địa phận xã Triều Khẩu, huyện Hưng Nguyên ; lưu đồn ở địa phận xã Hà Trung, huyện Hà Hoa.

Tháng 6, mùa hạ. Bổ dụng những người tiến triều [1] là bọn Nguyễn Công Đĩnh làm giám sát ngự sử. Chb.**XXXVI**,28

Lúc đầu trung hưng, bổ dụng người làm quan, không theo tư cách, cũng không phân biệt môn phái và cấp bậc, như : Vũ Duy Chí lấy tư cách là duyện lại xuất thân mà làm đến thượng thư [2], Trần Đăng Doanh và Vũ Phương Trượng chưa được vào hạng tiến triều đã thăng ngay đến thị lang, hoặc tự khanh. Khoảng năm Vĩnh Trị - Chính Hoà (1676-1704), bầy tôi ở phủ đệ chúa Trịnh, trong đó cũng có người được vào hạng tiến triều, vì lúc ấy triều đình còn chưa căn cứ vào tư cách để phân biệt người làm quan đúng đường hoặc làm quan tắt, sự phân biệt cao thấp chỉ trông vào chức tước phẩm trật của người hiện được triều đình trao cho mà thôi. Đầu năm Bảo Thái, mới định thể lệ văn thuộc tốn phẩm.[3] Đến nay, cất nhắc những người vào hạng tiến triều là Nguyễn Công Đĩnh, Nguyễn Khắc Trung và Vũ Danh Quán đều thăng làm ngự sử. Những người này tuy vào bậc được mặc áo màu hồng, đeo ngọc, nhưng bọn sĩ phu cũng không cho là bậc danh dự quang vinh.

(1) Đều xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII tờ 27.
(3) Xem thêm lời chua *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 6.

Lời chua – *Tiến triều* : Theo quan chế triều cố Lê, phàm người nào vào hạng giám sinh trúng thức, chỉ được bổ tri huyện, sau thăng đến chức hữu tham nghị là cùng ; nếu có người nào vào hạng trúng thường[1] mà có công trạng rõ rệt, lại được bầy tôi trong triều hiệp đồng bào cử, thì cho được cất nhắc bổ dụng cũng như người đỗ tiến sĩ. Hạng người này được thăng đến chức tham chính hoặc thị lang trong sáu bộ trở lên. Những người ấy gọi là tiến triều.

Tốn phẩm : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, đầu năm Bảo Thái định thể lệ : Những văn thuộc tiến triều, thì đặc chỉ bắt phải tốn phẩm. Nghĩa là về việc phong ấm và cất nhắc đều kém người đỗ tiến sĩ hai bậc.

Văn thuộc : Một danh từ để gọi gia thần trong phủ chúa Trịnh.

Phương Trương : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, em Vũ Duy Chí.

Đăng Doanh : Người xã An Lạc, huyện Đông Thành.

Khắc Trung : Có sách chép : Khắc Dụng.

Tháng 8, mùa thu. Bắt đầu đặt chức tuần thủ ở các trấn.

Bổ dụng trung uý Nguyễn Khắc Xứng làm tuần thủ trấn Sơn Nam. Còn các trấn Sơn Tây, Kinh Bắc và Hải Dương thì đều chọn một viên quan võ, người nào có thể làm nổi công việc để bổ dụng. Chức tuần thủ lệ thuộc vào trấn ty, phân phối đi tuần địa điểm trọng yếu và kiểm chế trộm cướp trong hạt. Chức tuần thủ được đặt ra bắt đầu từ đây. Chb.**XXXVI**,29

Lời chua – *Trung uý* : Quan chế triều Lê, trung uý thuộc về võ giai, hàm chánh ngũ phẩm. Nguyên văn chép : "Diên xưởng".

Sai Vũ Đình Ân. Đông các hiện thư, hội đồng với người nhà Thanh lập giới mốc ở núi Xưởng Chi[2].

Trước đây, đất biên giới hai châu Vị Xuyên và Thuỷ Vĩ bị thổ ty phủ Khai Hoá nhà Thanh xâm chiếm gồm 120 dặm. Năm Ung Chính thứ ba (1725), Cao Kỳ Trác, tổng đốc Vân

(1) Xem thêm lời chua *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 6.

(2) Nguyên văn chép : "Diên xưởng".

Nam nhà Thanh, lại tâu với vua Thanh là cương giới An Nam có chỗ xâm lấn vào biên cảnh cũ của nội địa [1], Chb.XXXVI,30 xin thi hành việc tra xét rõ ràng. Việc này triều đình nhà Lê đã đưa thư sang biện bạch ; Khổng Dục Tuân, tổng đốc Quảng Tây, tâu bày để đạt giúp, được vua nhà Thanh y cho. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Hồ Phi Tích và Vũ Công Tể hội đồng với viên quan phái uỷ của nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn đi đến nơi khám xét, hai bên vẫn giằng co nhau không giải quyết được. Đến nay có tờ dụ của vua nhà Thanh đưa sang, triều đình bèn sai Đình Ân đi hội đồng lập giới mốc ở dưới núi Xưởng Chì. Đất nước ta được nhà Thanh trả lại 80 dặm, còn 40dặm là chỗ có xưởng đồng [2], vẫn còn bị chìm đắm vào phủ Khai Hoá.

Lời chua - *Việc phủ Khai Hoá xâm chiếm đất* : Xem Lê Hy Tông, năm Chính Hoà thứ 9 (Chb, XXXIV, 20-21).

Đình Ân : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1712) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Công Tể : Người xã Hải Bối, huyện Yên Lãng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh.

Định rõ lại thể lệ phong tặng và phong ấm.

Phàm quan văn, quan võ, viên quan nào được triều đình phong tặng hoặc phong ấm cho cha mẹ, vợ con, nếu viên quan ấy có tước thì theo tước để phong, nếu không có tước thì theo chức quan. Việc này là theo lời xin của Trịnh Quán và Nguyễn Công Hãng.

Tháng 10, mùa đông. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi Phụng Thiên.

Theo ngạch cũ, số lấy đỗ ở trường thi hương phủ Phụng Thiên, về hạng đỗ tam trường [3] trước lấy hơn một trăm

(1) Vị trí cương giới của nhà Thanh lúc bấy giờ.
(2) Nguyên văn chép : "Đồng xưởng". Có lẽ lúc bấy giờ những địa điểm này có trường xưởng khai mỏ chì, mỏ đồng.
(3) Túc sinh đồ.

người, nay tăng lên trong 150 người, về hạng đỗ tứ trường [1] trước lấy hơn 10 người, này tăng lên trong 20 người. Số này định làm thể lệ lâu dài.

Giảm nhẹ phú thuế cho trấn Cao Bằng.

Đầu năm Vĩnh Thịnh, định thêm phép đánh thuế ở Cao Bằng, thuế khoá và dao dịch phiền phức nặng nề, đã nhiều lần bầy tôi phiên trấn về kinh bày tỏ sự đau khổ chồng chất của dân. Do đấy, triều đình hạ lệnh giảm bớt các sở tuần ty và các thuế phụ như thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả [2] và vải thổ, v. v... Từ đấy, dân ở bốn châu [3], mới dần dần được yên nghỉ. Chb.XXXVI,31

Lời chua *Thuế ở trấn Cao Bằng* : Theo *Tạp kỷ* của Cao Lãng, thì các tuần ty ở Cao Bằng như Na Lữ, Án Lại, Khê Lực và Thẩm Toán 4 sở, nay đều triệt bỏ.

Thể lệ cũ, các thuế phụ như thế này :

- Thuế đánh vào đầu trâu, phàm người nào giết thịt trâu bò, thì tính từng đầu con vật mà nộp thuế.

- Thuế hồng quả, trước kia hàng năm phải dâng nộp 65 gánh. Hai thứ thuế này, nay đều được miễn.

- Thuế vải hoa của người Thổ, trước kia hàng năm phải dâng nộp 57 tấm, nay cũng giảm bớt, chỉ phải nộp ở trấn 20 tấm, còn thì chuẩn cho nộp bằng sử tiền, mỗi tấm 8 quan.

Tháng 11. Thi lại những người đã đỗ hương cống ở lầu Ngũ Long. Nguyễn Công Cơ được thăng chức thiếu bảo.

Lúc ấy, việc thi cử phần nhiều những lạm, con em nhà quyền thế được đỗ hương cống, ít người có tài thực học. Nguyễn Công Cơ nói về việc này, nên có lệnh phải thi lại, kết

(1) Tức hương cống. Đến triều nhà Nguyễn, năm Minh Mạng thứ 6 (1825) đổi sinh đồ làm tú tài, hương cống làm cử nhân

(2) Không rõ thứ quả gì, trong *Hậu Lê* tạp kỷ chỉ chép là quả, không có chữ "hồng". Có thuyết nói" tức quả hồng". Họ viện chứng là vùng Cao Lạng sản giống hồng rất ngon. Nhưng vì nguyên văn không chép "thị tỉ", mà chép "hồng quả", nên chúng tôi không dám dịch là "quả hồng", xin tồn nghi.

(3) Tức các châu Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Uyên, nay đều thuộc tỉnh Cao Bằng.

quả đánh hỏng 28 người, trong số ấy có : con trai tham tụng Lê Anh Tuấn, con trai Huân quận công Đặng Đình Gián, con nuôi Nội giám thiếu bảo Đỗ Bá Phẩm cùng cống sĩ ở các xứ. Những người này phải giao xuống pháp đình xét hỏi để trị tội nặng. Triều đình nhận thấy Công Cơ là người nói thẳng, nên cho thăng chức thiếu bảo.

Thanh Hoa bị nạn đói.

Chb.**XXXVI**,32

Triều đình bỏ ra 4 vạn quan tiền ở trong kho, giao cho bồi tụng Nguyễn Hiệu đi phát chẩn cho dân.

Lời chua *Nguyễn Hiệu* : Người xã Lan Khê, huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700) năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông.

Đinh Mùi năm thứ 8 (1727). (Thanh, năm Ung Chính thứ 5).

Tháng 5, mùa hạ. Bổ dụng thiếu bảo Nguyễn Công Cơ giữ chức thự phủ sự.

Công Cơ là người thẳng thắn, sáng suốt, nói năng quả cảm. Công Hãng có ý ghét, ở trong chính phủ, Công Cơ thường bị đè nén, xin đổi sang Võ Giai, bèn điều bổ giữ chức thự phủ sự.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Cương lập Duy Phường, con thứ nhà vua (hoàng thứ tử) làm thái tử.

Trước kia, con trưởng nhà vua là Duy Tường 28 tuổi, ra ở ngôi Đông Cung [1] đã hơn 10 năm, Duy Phường là em 19 tuổi, do Trịnh Thị sinh ra. Trịnh Cương có ý muốn bỏ người này lập người khác nhưng khó tìm được lời lẽ gì để nói ; Cương cùng bọn tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn luận về việc phong chức ban tước cho các hoàng thân một cách phân biệt hơn, bèn trao cho Duy Tường tước quận công, hàm chức tứ phẩm, và lập Duy Phường làm thái tử.

Lời cẩn án - *Duy Tường, con trưởng của Dụ Tông, ra ở ngôi Đông Cung hơn 10năm, danh vị thái tử đã ấn định rồi, thì nước là nước của thái tử Duy Tường, sao Trịnh Cương được phép bỏ Duy Tường mà lập Duy Phường? Về việc này,* Sử cũ *chép : "Duy*

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển III, tờ 21.

Phường, do chính cung sinh ra". Chính cung tức là con gái chúa Trịnh. Như thế chẳng qua họ Trịnh lập người con của con gái mình để cho người mẹ được quý hiển, lại mượn Chb.**XXXVI**,33 *tiếng danh vị để thoả mãn bụng riêng đấy thôi.*

Trịnh Cương muốn chuyên quyền bỏ người này lập người khác, mới quanh co làm ra lời bàn phong quan, ban tước. Chưa bao lâu nữa Cương ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Phường, bề ngoài giả thác ra tiếng truyền ngôi, mà bề trong thì làm cái kế ăn cướp ngôi vua cho cháu ngoại. Cương coi việc xếp đặt ngôi vua như người đánh cờ, cả đến bầy tôi bấy giờ cũng phụ hoạ với hắn, thế mà người làm sử lại chép quanh co để che tội lỗi cho hắn. Lòng người đắm đuối, nghĩa lớn diệt vong, đến thế là cùng cực, đáng than thở biết chừng nào !

Tháng 10, mùa đông. Bỏ thứ thuế ngoài lệ ngạch.

Lúc ấy tô, dung và điệu đã có ngạch thuế nhất định, mà người thừa hành vẫn sách nhiễu theo thói cũ, tệ hại không thể kể xiết ! Bèn hạ lệnh : các hạng thuế ngoài lệ ngạch và các thổ sản đã đánh giá chuẩn cho nộp vào tiền thuế dung rồi, nay nhất luật tha cho ; duy thuế tô, dung và điệu vẫn phải nộp tiền theo như thể lệ.

Lập phép lựa chọn và mộ lính nhất binh.

Phép lựa chọn lính : Chiếu theo số đinh hiện tại, cứ mười người giữ lại một người làm việc, còn thì thải cho về làng, định rõ lệnh cấm về việc bắt bớ đòi hỏi phiền nhiễu. Chb.**XXXVI**,34
Phép mộ lính : phàm người nào thân thể sức vóc khoẻ mạnh, tình nguyện đi lính, thì được phép nộp đơn, đợi lệnh xét duyệt, sẽ sung bổ vào đội ngũ, cấp cho ruộng công để làm lương ăn.

Lời chua – *Nhất binh* : Một danh hiệu để gọi lính tứ trấn lúc bấy giờ.

Trịnh Cương phong cho con là Giang làm tiết chế, tước Uy quận công, mở phủ Điện quốc.

Sau khi tiến phong cho con làm tiết chế, Cương tự soạn bài văn, tiếm xưng là "bảo huấn" để ban cho Giang.

Tháng 11. Trịnh Cương tự ý dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi.

Khi tuổi đã về già, Trịnh Cương đi tuần du không có tiết độ. Nhiều lần sai bọn hoạn quan chia nhau đi sửa dựng các chùa ở núi Độc Tôn và Tây Thiên để phòng bị khi đi du ngoạn. Cổ Bi là một địa điểm nổi tiếng ở vùng Kinh Bắc, tiếp giáp với xã Như Kinh, mà Như Kinh là quê hương Trương thái phi, mẹ đẻ Trịnh Cương, nên Cương thường tuần du đến xã ấy. Vì mê hoặc về thuyết phong thuỷ, Cương muốn dời phủ đệ đến ở đất này, bầy tôi hắn lại nhiều người a dua phụ hoạ. Hắn bèn sai xây dựng phủ đệ mới, công việc làm một tháng đã hoàn thành, đặt tên là phủ Kim Thành. Nhân đấy, bọn đại tư đồ Trịnh Quán và thiếu phó Nguyễn Công Hãng được thăng thưởng chức tước có người cao người thấp khác nhau.

Lời chua - *Phong thuỷ* : Sách *Táng kinh* của Quách Phác chép : Chỗ đất nào được thuỷ khí là đất tốt nhất, chỗ nào giữ được phong khí là đất tốt thứ hai.

Cổ Bi và Như Kinh(1) : Tên 2 xã, đều thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc.

Núi Độc Tôn : Ở địa phận xã Cát Nê, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Chùa Tây Thiên : Ở xã Sơn Đình, huyện Tam Dương. Cả hai nơi đều thuộc sơn phận Tam Đảo.

(1) Cổ Bi nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Như Kinh nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hưng Yên.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 37

Từ Mậu Thân, Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (1728) đến Ất Mão, Lê Thuần Tông, năm Long Đức thứ 4 (1735), gồm 8 năm. Chb.XXXVII,1

*
* *

Mậu Thân, năm [Bảo Thái] thứ 9 (1728). (Thanh, năm Ung Chính thứ 6).

Tháng 3, mùa xuân. Dân bị nạn đói.

Thanh, Nghệ và tứ trấn nhiều lần trải qua lụt lớn và gió bão, nhân dân bị đói. Triều đình bỏ ra sáu vạn quan tiền trong kho nội phủ, sai các quan trong tam ti chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Lời chua – *Tam ti* : Tức ti Trấn thủ, ti Thừa chính sứ và ti Hiến sát sứ.

Bổ dụng : Tạ Đăng Huân, tả thị lang bộ Lễ, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử giám, Nguyễn Trù, hữu thị lang bộ Hình, kiêm giữ chức Tư nghiệp.

Lúc ấy, đặt viên quan kiêm giữ công việc ở Quốc Tử giám[(1)] để cho chức trách được long trọng. Triều đình hạ lệnh

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIV, tờ 31.

các viên ấy giữ việc : mùa xuân, mùa hạ khảo xét phương pháp mưu lược về việc binh của quan võ ; mùa thu, mùa đông khảo xét việc thảo thiện từ chương, mệnh lệnh của quan văn. Việc này dùng làm việc thường hành trong hằng năm.

Tham tụng Nguyễn Công Hãng nhận thấy thể văn kinh nghĩa chỉ rập theo khuôn sáo cũ, không có chút nào tinh tuý anh hoa. Còn thể văn bát cổ của nhà Thanh, để ý suy nghĩ đẻ ra nghĩa mới, nếu dùng để thi học trò có thể thu hút được người có tài lỗi lạc. Công Hãng muốn biến đổi thể văn, nên thường dẫn quan văn vào Quốc tử giám luyện tập thể văn ấy, để mài giũa lấy nhiều sĩ tử, học trò có ý oán trách. Sau bàn định kỳ thi kinh nghĩa trong khoa thi hương, thi hội sẽ đổi dùng thể văn bát cổ. Nhưng vì Công Hãng bị mất ngôi tham tụng[1], nên việc này chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Lời chua – *Đăng Huân* : Người xã Đại Bằng (Phùng) huyện Đan Phượng, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1700), năm Chính Hoà triều Lê Hy Tông. Chb.**XXXVII**,2

Tế tửu và Tư nghiệp : Quan chế đời Bảo Thái, Quốc Tử giám tế tửu, hàm tòng tứ phẩm, Quốc Tử Giám tư nghiệp, hàm tòng ngũ phẩm.

Tháng 4, mùa hạ. Ai Lao sai sứ thần sang thông hiếu với chúa Trịnh.

Họ Trịnh, cứ đến đầu mùa xuân làm lễ cầu đảo tuổi thọ, lễ ấy chúa Trịnh tiếm xưng là tiết diên thọ[2], sứ thần Ai Lao không đến chúc mừng. Trịnh Cương làm thư yên uỷ dụ bảo, nay Ai Lao sai sứ thần đến dâng lễ cống, ngoài thể lệ thường, số voi và thổ nghi đều cống nộp gấp đôi lần trước. Khi sứ thần đến cống và khi trở về nước, việc cung đốn và thức ăn thức mặc đều ban cấp theo cách thức hậu đãi, để họ được vui lòng.

---

(1) Sau đây 5 năm, Công Hãng bị truất ra làm Thừa chính sứ ở Tuyên Quang, rồi bị Trịnh Giang giết.

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXV, tờ 1,2.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt Vương năm thứ 2 (Tb. IV, 9, 10). Nhận xét : Ai Lao chép ở đây, có lẽ là Bồn Man, nhưng vì biên chép không rõ, nên nay hãy ghi lại.

Định rõ lại phép thu tô ruộng.

Trước đây, phép tô : về ruộng công nhất luật chuẩn cho thu mỗi mẫu 8 tiền, rồi căn cứ vào ruộng một mùa hoặc hai mùa mà định mấy phần nộp bằng thóc khác nhau ; về ruộng tư và đất bãi thì chia ra hai bậc mà cho nộp bằng tiền. Đến nay sai quan thân hành đi khám, xét xem ruộng nào tốt, ruộng nào xấu, chia làm ba bậc để định bậc cao hạ về việc đánh thuế tô. Đại khái phép đánh thuế này nặng hơn phép cũ.

Lời phê – *Sáng đổi tối thay, rất không hợp với chính thể. Pháp lệnh lúc bấy giờ phần nhiều giống như thế cả.* Chb.**XXXVII**,3

Lời chua – *Phép tô :* Xem năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9,10).

Ba bậc tô ruộng : Theo *Tạp kỷ* của Cao Lãng thì về phần ruộng công : hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô một quan cổ tiền[1], trong số này hai phần ba nộp bằng thóc ; hạng ruộng nhị đẳng mỗi mẫu thuế tô 8 tiền cổ tiền, trong số này nộp một nửa bằng thóc ; hạng ruộng tam đẳng mỗi mẫu nộp tô 6 tiền cổ tiền, trong số này một phần ba nộp bằng thóc. Về phần ruộng tư : hạng ruộng nhất đẳng mỗi mẫu thuế tô 3 tiền cổ tiền, hạng ruộng nhị đẳng và tam đẳng mỗi mẫu thuế tô 2 tiền cổ tiền.

Quân cấp ruộng và đất cho binh lính đã tuyển được.

Trước đây, binh lính tuyển ở tứ trấn đã cấp cho khẩu phần ruộng công. Đến nay định rõ đẳng hạng về tô ruộng, nên lại hạ lệnh đem ruộng và đất bãi cùng cân nhắc để quân cấp cho binh lính tuyển được : đất bãi cùng ruộng vào hạng nhất đẳng

(1) Mỗi tiền 60 đồng, xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXI, tờ 2.

thì mỗi người lính được 5 mẫu, nếu là ruộng vào hạng nhị đẳng hoặc tam đẳng thì mỗi người được 6 mẫu hoặc 7 mẫu.

Nhà Thanh trả lại xưởng đồng Tụ Long.

Trước đây, nước ta cùng nhà Thanh lập giới mốc hai bên ở núi Xưởng Chì (Diên Xưởng), còn núi Tụ Long của nước ta vẫn bị mất về nhà Thanh[1], Chb.XXXVII,4 thổ ti nhà Thanh đặt quan ải để đánh thuế. Đất ở biên giới nước ta bị mất 40 dặm, triều đình đã nhiều lần làm văn thư tâu bày biện bạch việc này, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo quan địa phương bàn luận riêng về việc lập giới mốc, một mặt hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, tổng đốc Vân - Quý (Vân Nam, Quý Châu), khám xét lại. Nhĩ Thái lại nghe theo lời viên quan phái uỷ của nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn, rồi hắn tâu với vua nhà Thanh là nước ta xâm chiếm đất của phủ Khai Hoá, không chịu giao trả, vua nhà Thanh hạ sắc văn dụ bảo nước ta phải theo lời trả lại. Nhĩ Thái làm tờ tư cho chạy trạm đến địa đầu biên giới Tuyên Quang, nhưng Hoàng Văn Phác (có sách chép : Văn Lâu), thổ mục giữ quan ải, dùng lời lẽ kháng cự, không chịu tiếp nhận tờ tư, kéo dài đến 5,6 ngày. Nhĩ Thái ngờ nước ta có mưu kế gì khác chăng, hắn lập tức tư sang tỉnh Quảng Tây chia địa điểm phòng bị nơi biên giới. Một mặt hắn lại đem việc này tâu về triều đình nhà Thanh và xin điều động binh mã 3 tỉnh để phòng bị biên giới, nhưng vua nhà Thanh không y cho. Liền đó, vua nhà Thanh sai bọn Hàng Dịch Lộc[2], tả đô ngự sử, và Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, đi thẳng sang nước ta tuyên bố chiếu chỉ để hiểu dụ, nhân đấy xem xét sự động tĩnh. Khi bọn Dịch Lộc ra đi chưa đến nước ta, thì ngay lúc ấy, quốc thư nước ta đưa sang nhà Thanh từ trước

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXV, tờ 29,30.

(2) Nguyên văn chép Hàng Dịch Lộc. Tham khảo chú thích số 1 và 6 ở *Chính biên* tờ 5 và 6 sau đây.

chợt đến Yên Kinh, trong quốc thư giãi bày "lòng thành thờ nước lớn, sợ mệnh trời", vua nhà Thanh xem quốc thư, rất lấy làm vui lòng và khen ngợi, lập tức sai viết sắc văn khác, lại giao cho bọn Dịch Lộc đưa sang nước ta tuyên bố dụ bảo, trong sắc văn nói về việc tra ra đất xưởng đồng 40 dặm, nay giao trả cả lại.

Lúc ấy, biên giới phương bắc cảnh giới nghiêm ngặt, nên bên nước ta trong kinh ngoài trấn có ý nghi ngờ sợ hãi, nhưng Trịnh Cương quyết đoán, cho rằng, có lý nào không hấn khích gì mà lại sinh sự được, bèn nghiêm sức cho quan lại giữ biên giới, không được hành động càn rỡ.

Tháng 6, Dịch Lộc đến Đông Đô, quả nhiên giao trả lại đất cũ nước ta, lại lập giới mốc ở sông Đổ Chú.

Về nghi lễ tiếp nhận sắc văn của vua nhà Thanh, Dịch Lộc lại yêu cầu cử hành nghi lễ ba lần quỳ chín lần vái[1], triều đình cũng miễn cưỡng nghe theo.

Sau đó, sai tả thị lang bộ binh Nguyễn Huy Nhuận và tế tửu Nguyễn Công Thái đi lên Tuyên Quang nhận đất và lập giới mốc. Thổ ti phủ Khai Hoá muốn ăn chặn lấy các sách ở Bảo Sơn, nên chỉ láo chỗ khác là sông Đổ Chú. Công Thái biết là gian trá, liền xông pha lặn lội những nơi lam chướng hiểm trở, đi trải qua các xưởng bạc, xưởng đồng, nhận ra đúng chỗ sông Đổ Chú, bèn dựng bia ở nơi giáp giới. Từ đấy việc cương giới hai bên mới ấn định. Chb.**XXXVII**,5

Lời phê - *Đạo làm bầy tôi phải như thế*[2].

Lời chua - *Núi Tụ Long* : Ở địa phận xã Tụ Long, châu Vị Xuyên[3], nay chia đặt lại, nên núi ấy thuộc huyện Vĩnh Tuy. Khoáng

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXV, tờ 27.
(2) Lời phê này có ý khen Nguyễn Công Thái chịu khó lặn lội tìm được đúng chỗ sông Đổ Chú.
(3) Thuộc tỉnh Hà Giang.

sản trong núi có đá nam châm và đồng đỏ, lại có chỗ lẫn ngân sa nữa, nên cũng gọi là xưởng bạc.

Sách *Nhất thống chí* nhà Thanh chép : "Năm Ung Chính thứ 6 (1728), tổng đốc Vân Nam xin tra xét rõ địa giới nước An Nam, phụng chỉ dụ đặc ân cho nước An Nam 40 dặm đất. Bèn lấy sông Đổ Chú ở vịnh Bạch Mã làm giới mốc".

Sách *Đông hoa lục* của Tưởng Lương Kỳ(1) chép : "Tháng 4, năm Ung Chính thứ 3 (1725), tổng đốc Cao Kỳ Trác tâu : cương giới nước An Nam có 120 dặm thuộc cảnh thổ cũ của nội địa(2), nước ấy dâng sớ biện bạch, bèn hạ lệnh cho Ngạc Nhĩ Thái, là đốc thần tiếp nhậm(3) khám xét lại cho được chính xác, rồi giao trả lại 80 dặm ở dưới núi Xưởng Chì (Diên Xưởng). Quốc vương nước ấy lại dâng sớ biện bạch, nên tháng 9, năm thứ 5 (1727), triều đình sai Nhậm Lan Chi, nội các học sĩ, cùng với bọn Hàng Dịch Lộc(4), tả đô ngự sử, đi dụ bảo. Khi chưa đến nơi, thì quốc vương dâng tờ biểu tạ ơn, triều đình lại đem 40 dặm đất mà Nhĩ Thái tra ra được trả lại cho quốc vương, và làm sắc dụ giao bọn Hàng Dịch Lộc(5) đem sang tuyên đọc. Đại lược sắc văn nói : Trẫm thống trị thiên hạ, phàm những nước đã liệt vào phiên phong(6) thì dầu một thước đất không chỗ nào là không phải đất đai do trẫm chủ tể, can chi phải so đọ 40 dặm đất nhỏ bé ấy làm gì? Mới đây, Ngạc Nhĩ Thái đem bản tâu của quốc vương(7) tiến trình, lời lẽ ý tứ trong bản tâu tỏ lòng cung kính, trẫm rất vui lòng khen ngợi. Vả lại, 40 dặm đất ấy nếu thuộc vào Vân Nam

Chb.**XXXVII**,6

(1) Tác giả sách *Đông Hoa lục*, chính tên là Tưởng Lương Ký (*Từ Hải* trang 678). Ở đây *Cương mục* chép lầm là Kỳ.
(2) Tức đất của nhà Thanh lúc bấy giờ.
(3) Danh từ gọi viên quan tổng đốc mới kế tiếp đến nhậm chức thay viên quan trước.
(4) Nguyên văn chép : Hãng Dịch Lục } Tham khảo với chú thích số 1
(5) Nguyên văn chép : Khảng Dịch Lộc } Chính biên tờ 5 ở trên.
Cùng một tên người chép trong một đoạn văn, mà 3 chỗ chép khác nhau, không rõ họ và tên viên này thế nào là đúng. Ở đây chúng tôi đều phiên "Hàng Dịch Lộc", theo như họ và tên chép trước tiên trong đoạn văn này cho được thống nhất.
(6) Một danh từ gọi chung các nước chư hầu do triều đình Trung quốc lúc bấy giờ phong cho. Ý nói vua chư hầu có nhiệm vụ giữ đất đai do thiên tử Trung Quốc phong cho, để làm như phên giậu bảo vệ nước của thiên tử.
(7) Những chữ "quốc vương" chép ở đoạn này đều chỉ vua Lê lúc bấy giờ.

thì là nội địa của trẫm, nếu thuộc vào An Nam thì vẫn là ngoại phiên của trẫm, không có một chút gì phân biệt cả. Vậy chuẩn cho đem đất ấy ban thưởng quốc vương được đời đời giữ lấy".

Bia đá : Nay ở địa phận xã Tụ Long, huyện Vĩnh Tuy. Hai bờ phía nam phía bắc sông Đổ Chú đều có bia đá :

Văn bia ở bờ phía nam [do bọn Nguyễn Huy Nhuận dựng, lời văn như thế này] :

"Giới mốc châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang, nước An Nam, lấy sông Đổ Chú làm căn cứ.

"Ngày 18, tháng 9, năm Ung Chính thứ 6 (1728). Chúng ta là : Nguyễn Huy Nhuận, tả thị lang bộ Binh, và Nguyên Công Thái, tế tửu Quốc Tử giám, được triều đình uỷ sai, vâng theo chỉ dụ, lập bia đá này".

Văn bia ở bờ phía bắc [do bọn Ngô Sĩ Côn dựng, lời văn như thế này] :

"Khai Dương[1] ở xa tận một góc trời, tiếp giáp với đất đai Giao Chỉ. Tra trong sách vở ghi chép lại, thì giới mốc chỗ đất này phải ở vào sông Đổ Chú cách phủ trị Khai Hoá 240 dặm về phía nam. Chỉ vì về sau giới mốc lẫn lộn, viên quan do triều đình phái ủy khám xét tâu xin lập giới mốc ở núi Xưởng Chỉ (Diên Xưởng sơn). Hoàng thượng ta[2] ân uy rộng khắp phương xa, nghĩ Giao Chỉ đời đời giữ đạo cung kính thuận theo, cả ban cho dụ chỉ, lại đem 40 dặm đất tra xét ra được, để trả lại cho. Chb.**XXXVII**,7

"Bọn Sĩ Côn chúng tôi, tuân theo tờ hịch của bộ viện quan tổng đốc Vân Quý (Vân Nam, Quý Châu) ủy thác, nên ngày mồng 7 tháng 9, chúng tôi hội đồng với bọn Nguyễn Huy Nhuận, viên quan phái uỷ của nước Giao Chỉ, công đồng bàn định, lấy con sông nhỏ ở phía nam vịnh Bạch Mã làm giới mốc. Chỗ này tức chỗ mà trong tờ tâu của quốc vương gọi là sông Đổ Chú đấy.

---

(1) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.
(2) Tức vua Thế Tông (Ung Chính) nhà Thanh.

"Vậy chúng tôi tuân theo dụ chỉ, lập nhà bia giới mốc ở phía bắc sông. Từ đây biên cương bền vững lâu dài, ức muôn năm được đội ơn không bao giờ mai một.

"Ngày 18, tháng 9, năm Ung Chính thứ 6.

"Chúng tôi là : Ngô Sĩ Côn, giữ chức tri phủ Khai Hoá và Vương Vô Đảng, giữ chức du kích trung doanh trấn Khai Hoá, kính dựng bia đá này".

Khai Dương : Vì xưởng đồng ở phía nam phủ Khai Hoá, nên gọi là Khai Dương.

Công Thái : Người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Thanh Hoa và Nghệ An không mưa. Chb.XXXVII,8

Sai quan chia nhau đi tuần hành xem xét, rộng tha tiền thuế điệu cho dân.

Tháng 10, mùa đông. Được mùa lớn.

Lời phê - *Vừa mới chép" không mưa", liền đấy lại chép "được mùa". Có lý nào như thế không ?*

Kỷ Dậu, năm thứ 10 (1729). (Từ tháng 4 trở về sau là năm Vĩnh Khánh thứ nhất đời Đế Duy Phường. - Thanh, năm Ung Chính thứ 7).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Cương bắt ép nhà vua truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.

Duy Phường, cháu ngoại Trịnh Cương, lập làm Thái tử[1], muốn để nối ngôi. Lúc ấy nhà vua lui ra ở điện Kiền Thọ, để truyền ngôi cho Duy Phường. Đấy là sợ chúa Trịnh bức bách.

Thái tử lên ngôi vua (tức Đế Duy Phường), đổi niên hiệu, ân xá cho trong nuớc.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVI, tờ 32.

Xá những thuế còn bỏ thiếu từ năm Đinh Mùi (1727) trở về trước và xá hai phần mười thuế vụ hạ năm này.

Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Nước sông Nhị tràn ngập, đường đê nhiều chỗ bị vỡ. Triều đình sai bọn Hồ Phi Tích đào sông Nghĩa Trụ để cho thuỷ thế lưu thông. Một mặt mở kho thóc Vị Hoàng chẩn cấp cho dân bị thuỷ tai. Những ruộng cấy lúa mùa, bị ngập lụt được cấp cho thóc giống. Lại sai quan khuyến nông chia ra từng đạo đi khám xét, chia dân lưu vong làm 4 hạng, bàn định thi hành việc cứu vớt. Chb.**XXXVII**,9

Lời chua – *Bốn hạng dân :* Theo *Lê sử tục biên*, thì lúc ấy chia dân lưu vong làm 4 hạng : hạng thứ nhất : những dân phiêu lưu mất tích ; hạng thứ hai : những dân nhiều người phiêu tán, chỉ còn một hai suất ; hạng thứ ba : những dân nghèo khổ sắp phải phiêu tán ; hạng thứ tư : những dân chưa phải phiêu tán, chưa phải nghèo khổ, nhưng đã có khe kẽ khác xảy ra tệ hại.

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II, 13).

Sông Nghĩa Trụ : Ở địa phận các xã Lê Xá, Phú Thị, Nông Vụ và Cổ Bi thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, nước ở ruộng bốn xã trên đổ ra, khi chảy đến địa phận xã Xuân Cầu thì hợp làm một dòng, rồi chia thành 3 chi : một chi chảy qua địa giới huyện Đường Hào tỉnh Hải Dương làm thành sông Đạo Khê chảy suốt ra cửa biển Thái Bình ; một chi từ sông Đạo Khê chảy qua địa phận huyện Cẩm Giàng làm thành sông Vân Đậu chảy vào sông Hàm Giang rồi đổ vào biển ; một chi về phía nam chảy vào địa giới huyện Đông An làm thành con sông nhỏ Đông Xá hợp vào với sông Nhị.

Vị Hoàng : Tên xã, thuộc huyện Mỹ Lộc. Lúc ấy đặt kho thóc ở đây, nay là tỉnh lỵ Nam Định.

Trịnh Cương lại sửa phủ đệ mới ở Cổ Bi.

Lúc ấy nước sông lên to, đê Cự Linh bị vỡ, nước tràn vào Cổ Bi, nhà cửa bị nước cuốn đi và đổ nát. Cương sai hoạn quan đốc suất quân và dân sửa chữa đường sá, để phòng bị lúc đi du ngoạn. Nông dân bị thuỷ tai, không sao kể xiết sự đau khổ. Chb.XXXVII,10

Lời chua - *Đê Cự Linh* : Ở địa phận xã Cự Linh, huyện Gia Lâm.

Tháng 10, mùa đông. Tôn mẹ là Trịnh Thị làm hoàng thái hậu, sách phong chính phi Trịnh Thị làm hoàng hậu.

Mưa dầm từ tháng 9 đến tháng này không ngớt.

Trịnh Cương mất, con là Giang nối ngôi.

Sau khi ở Phật Tích trở về, Trịnh Cương lại đi Như Kinh, khi đi giữa đường, mắc bệnh rồi chết ngay, phải bí mật đưa về phủ, mới phát tang.

Cương chuyên quyền gồm 22 năm, khi mất, truy xưng Nhân Vương, tiếm hiệu là Hi Tổ.

Trịnh Giang, con cả của Cương. Trước kia, Giang làm thế tử, viên bảo phó của Giang là Nguyễn Công Hãng[1], mật khải với Cương rằng : Giang là người ngu tối ươn hèn, không thể gánh vác được công việc. Cương chần chừ chưa quyết định. Gặp lúc Cương mất, Giang bèn nối ngôi. Sau Công Hãng cũng vì việc ấy mà bị tai vạ[2].

Lời chua - *Phật Tích* : Tên núi ở địa phận huyện Tiên Du, trên núi có ngôi chùa.

Tháng 11. Đình chỉ việc xây dựng cung điện. Chb.XXXVII,11

Sai sứ thần sang nhà Thanh.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVI, tờ 25.

(2) Xem thêm tờ 27 trong cuốn này.

Chánh sứ Đinh Phụ Ích, phó sứ là bọn Đoàn Bá Dong và Quản Danh Dương sang dâng lễ tuế cống và tạ ơn vua nhà Thanh ban cho bức ngự thư[1] cùng việc trả lại xưởng đồng Tụ Long. Lại phụ tâu vua nhà Thanh chuẩn định nghi lễ tiếp nhận tờ chiếu chỉ, tờ sách phong và thể thức hai nước trao đổi văn thư với nhau.

Lời chua - *Bá Dong* : Người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm.

Danh Dương : Người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang. - Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Canh Tuất. Đế Duy Phường năm Vĩnh Khánh thứ 2 (1730). (Thanh, năm Ung Chính thứ 8).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam giao.

Tháng 2. Bỏ bớt tuần ti ở cửa ải và bến đò.

Trước đây, trong kinh kỳ và tứ trấn đều đặt sở tuần sát để đề phòng bọn gian trá, nhưng việc tra hỏi sách nhiễu của sở tuần sát lại làm tai hại cho dân. Vì thế mới bàn định bỏ bớt hai sở tuần sát ở trong kinh kỳ và huyện Thanh Trì ; ở tứ trấn chỉ đặt hai sở tuần sát, còn sở tuần sát ở Lãnh Trì thuộc Sơn Nam và sở tuần sát Thuần Mỹ thuộc Hải Dương cùng các sở mới đặt đều triệt bỏ đi.

Lời chua - *Lãnh Trì :* Tức ngã ba sông ở huyện Nam Xang, thuộc Sơn Nam, nay thuộc Hà Nội[2].

Tuần ti Thuần Mĩ : Ở xã Mi Động, huyện Thanh Miện, thuộc Hải Dương.

Giảm bớt thuế tô, thuế điệu ở tứ trấn và Thanh, Nghệ, có nơi nhiều nơi ít khác nhau. Chb.**XXXVII**,12

(1) Bức thư chính tay vua viết ra. Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVI, tờ 25.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

Từ lúc trung hưng đến nay, ruộng công phải nộp thuế, ruộng tư được miễn trừ. Khoảng năm Bảo Thái (1720 – 1728), Nguyễn Công Hãng thay đổi chế độ, mới bắt ruộng phải theo từng hạng để nộp tô, lại thi hành phép đánh thuế điệu, nào làm sổ dân đinh, nào định ngạch thuế tô, kỳ cho không một hộ nào được thoát, không thước đất nào bỏ rơi, tìm bắt đinh trốn tránh, tra xét ruộng ẩn lậu, khắc nghiệt quá chừng, nhân dân phần nhiều cho là không tiện. Đến nay, Công Hãng bàn sửa đổi lại. Hãng nói : Thi hành phép điệu, chú ý muốn cho dân được tiện lợi, nhưng vì sự chi ra thu vào phiền phức, bọn lại điển nhân đấy làm gian. Vậy xin hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm ở tứ trấn và phủ Trường Yên chiếu theo đường đê cũ, liệu lượng tuỳ tiện bắt dân các hộ sửa đắp, sẽ miễn cho tiền thuế điệu. Lại giảm bớt thuế tô cho ruộng tư : hạng ruộng nhất đẳng và nhị đẳng nộp theo ngạch cũ, còn hạng tam đẳng được giảm nhẹ, chỉ thu mỗi mẫu một tiền. Thanh Hoa và Nghệ An không có đường đê cũng miễn cho tiền thuế điệu, hạng chính đinh được giảm bớt một nửa, hạng hoàng đinh và hạng lão thì nhất luật miễn trừ. Trịnh Giang y theo. Từ đây, phép thuế tô, thuế điệu đặt ra từ năm Bảo Thái mới thay đổi lại.

Lời chua – *Ngạch cũ thuế điền* : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (tờ 3 trong cuốn này).

Tiền thuế điệu : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 9 – 11).

Thanh Hoa : Tức Thanh Hoá bây giờ.

Nghệ An : Tức Hoan Châu xưa. – Cả hai đều xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15,16,20 – 23,33).

Tháng 4, mùa hạ, Giang tự tiến phong là nguyên soái, thống quốc chính, Uy Nam vương.

Sau khi đã tiến phong rồi, Giang tôn bà tổ mẫu của hắn là Trương Thị làm thái tôn thái phi, mẹ đẻ là Vũ Thị làm thái phi.

Lời chua - *Trương Thị :* Người xã Như Kinh[1], huyện Gia Lâm, là vợ Trịnh Bính, sinh ra Trịnh Cương.

Vũ Thị : Người xã Mi Thữ, huyện Đường Yên[2], là vợ Trịnh Cương.

Nước lên. Vỡ đê Mạn Trù.

Về việc sửa đắp đê, trước đây uỷ thác cho viên quan ở trấn, công việc làm phần nhiều không chu đáo, nên từ năm Bảo Thái thứ 7 (1726), triều đình tự xuất tiền công trong kho để làm, và giao cho quan võ và nội giám chia nhau đôn đốc công việc sửa đắp, nhưng bọn này lại đều làm những việc : phần thì đục khoét thợ thổ đấu làm thuê, phần thì mưu toan để lấy số tiền công còn thừa lại, thành ra công việc làm không được vững bền chắc chắn. Năm nay nước sông Nhị tràn ngập, đê ở Mạn Trù châu bị vỡ, lúa mạ của 8, 9 huyện đều bị tai hại.

Lời chua - *Mạn Trù* : Tên xã, có cái bãi ở phần sông Thiên Mạc, tức hạ lưu sông Nhị, địa phận xã này thuộc Sơn Nam, nay thuộc tổng Đông Kết, huyện Đông An[3], tỉnh Hưng Yên.

Định lại niên hạn làm sổ đinh. Chb.**XXXVII**,14

Trước kia. Nguyễn Công Hãng bàn cứ ba năm một lần kế tiếp sửa lại sổ đinh. Đến nay định lại: Cứ 12 năm là một hạn, kể bắt đầu sửa lại sổ từ năm Giáp Thìn (1724), cấm hết việc hàm hồ tố cáo ẩn lậu. Thể thức làm sổ, nhất luật dựa theo thể thức làm sổ năm Canh Tí, chỉ cốt để phòng bị việc tra cứu số

(1) Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay thuộc tỉnh Hưng Yên.
(3) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

dân đinh tăng hay giảm mà thôi. Bỏ phép 3 năm một lần kế tiếp sửa lại.

Lời chua – *Thể thức sổ đinh :* Theo "Quốc dụng chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Canh Tí niên hiệu Vĩnh Thọ thứ 3 (1660) triều Lê Thần Tông làm sổ hộ, các xã lần lượt kê khai dân đinh từ 10 tuổi trở lên, rồi chép thành 6 bản sổ : lưu ở xã một bản, nộp ở nha môn huyện một bản, nộp ở Thừa Ti, Hộ Bộ, Hộ Khoa và Khải Bản[1] đều một bản. Còn thuế thân dung vẫn theo như lệ ngạch cũ, không thêm, không bớt.

Kế tiếp làm sổ đinh : Xem năm Giáp Thìn, niên hiệu Bảo Thái thứ 5 triều Lê Dụ Tông (Chb. XXXVI, 19).

Mồng một, tháng 6. Nhật thực.

Bổ dụng Nguyễn Minh Châu trấn thủ Nghệ An, Đặng Đình Lân trấn thủ Sơn Nam.

Giang là người hay nghi kỵ, hắn lấy cớ rằng các viên trấn thủ trị nhậm ở trấn lâu ngày, được lòng quân và dân, e sẽ sinh ra việc biến động, bèn đổi Nguyễn Minh Châu, Chb.XXXVII,15 hiện trấn thủ Kinh Bắc, đi trấn thủ Nghệ An, đại tư mã Đặng Đình Lân đi trấn thủ Sơn Nam. Những viên trấn thủ khác ở các xứ, phần nhiều thay đổi.

Tăng tiền thuế dung, thuế điệu những hộ bỏ làng đi trú ngụ (khách hộ) và bọn tạp lưu.

Trịnh Giang muốn biết số tài chính, thuế khoá chi thu thừa thiếu thế nào, bèn sai Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích hội đồng viên chức trong lục phiên để kiểm điểm tra xét việc chi dùng của lục cung. Phủ liêu nói : "Dân nghèo phiêu lưu, ngày càng khốn khổ tiều tụy. Vậy những thuế bỏ thiếu chồng chất từ các năm trước, nay nên liệu lượng rộng cho giảm bớt. Vả

(1) Tức quyển sổ có đính tờ khải dâng lên phủ chúa.

lại, hiện nay : 1. những hộ thực người trong làng thì khốn đốn không có cách gì chống đỡ, mà những hộ trú ngụ thì nhà cửa vững vàng, họ lại được lấy cớ là người trú ngụ mà trốn tránh dao dịch ; 2. những hộ thực người ở trong làng số đinh rất ít, mà bọn tạp lưu thì của cải đầy đủ, họ lại được lấy của ấy quyên nộp cho nhà nước để được miễn trừ. Vậy xin nay không kể hộ nào là thực người trong làng, hộ nào là người trú ngụ, cứ tính từng hộ để thu thuế dung, về hạng tạp lưu thì cứ hai tên gánh chịu một hộ. Đợi khi dân phiêu lưu trở về, sẽ y theo ngạch thuế cũ mà miễn xá cho hai hạng kể trên". Trịnh Giang y theo, bèn hạ lệnh tăng thuế dung, thuế điệu hạng tạp lưu và hạng trú ngụ.

Lời chua - *Lục phiên, lục cung :* Xem Lê Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tạp lưu : Xem Lê Hi Tông, năm Vĩnh Trị thứ 2 (Chb. XXXIV, 7).

Sai bọn Nguyễn Công Hãng đi chiêu tập dân phiêu tán. Chb.XXXVII,16

Từ khi Nguyễn Công Hãng thay đổi phép tắc, chỉ chăm làm những việc phiền phức tế toái, nhân dân phần nhiều phiêu tán, có đến 527 làng. Phủ liêu lại bàn luận cách chiêu tập, dùng bọn Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn 12 người làm chiêu tập sứ, đi tuần hành các quận ấp, xem xét sự lợi hại của dân và nghĩ cách xử trí giúp dân. Lại ấn định niên hạn : làng nào dân lưu tán y kỳ hạn trở về được đông đủ, sẽ được hậu thưởng, làng nào đã hết kỳ hạn mà dân lưu tán chưa trở về yên nghiệp làm ăn, sẽ bị phạt nặng.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Giang sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm.

Sửa chữa xây dựng hai ngôi chùa này, công việc phiền phức nặng nề, phải dỡ lấy gỗ ở phủ Cổ Bi thả xuống sông chở xuôi để cung cấp vào việc xây dựng. Lại hạ lệnh cho dân ba huyện

Đông Triều, Thuỷ Đường và Chí Linh phải gánh vác công việc này, sẽ miễn cho một năm số tiền góp về đê đường và bưu đình.

Về sau, lại bắt dân khơi đường sông để việc vận tải được lưu thông, dân phải kéo gỗ, xe đá, thường có hàng vạn người làm, ngày đêm không được nghỉ ngơi.

Lời chua – *Chùa Quỳnh Lâm :* Ở dưới chân núi Quỳnh Lâm thuộc xã Hà Lôi, huyện Đông Triều[1], Hải Dương, do thầy chùa Minh Không thời nhà Lý dựng lên. Ở đây có viện Quỳnh Lâm, am Bích Động.

Chùa Sùng Nghiêm : Ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh[2], Hải Dương.

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngối, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 28).

Huyện Thuỷ Đường : Nay thuộc Hải Dương [3].

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28). Chb.**XXXVII**,17

Bưu đình : Tức nhà trạm. Nhan Sư Cổ nói : "Đó là chỗ nghỉ đỗ của người giữ việc chuyển đệ văn thư". Tức nhà trạm bây giờ. Thời cố Lê, về tiền nhà trạm, thì liệu lượng bổ cho dân các xã góp, để mượn phu làm việc chuyển đệ văn thư.

Tân Hợi, năm thứ 3 (1731). (Thanh, năm Ung Chính thứ 9).

Tháng giêng, mùa xuân. Thái thượng hoàng mất.

Dâng tôn hiệu là Hoà hoàng đế, miếu hiệu Dụ Tông.

Từ khi lui ra ở điện Kiền Thọ, thượng hoàng thường uất ức không vui. Đến nay mất. Thượng hoàng ở ngôi 25 năm, nhường ngôi 2 năm, hưởng thọ 52 tuổi.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh
(2) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(3) Nay là huyện Thụy Nguyên, T.P Hải Phòng.

Làm lễ táng ở lăng Cổ Đô.

Lời chua - *Lăng* : Ở xã Cổ Đô, huyện Đông Sơn, Thanh Hoá, sau dời đi táng ở lăng Kim Thạch, huyện Lôi Dương(1).

Tháng 2. Triệt bỏ các trường xưởng mới đặt ở Thanh Hoa.

Lấy cớ rằng Thanh Hoa là đất sáng lập cơ nghiệp đế vương, không nên đào xẻ núi đồi, e hại địa mạch. Vì thế, phàm trường xưởng mới đặt đều triệt bỏ hết.

Mồng một, tháng 6, mùa hạ. Nhật thực. Chb.**XXXVII**,18

Bùi Sĩ Tiêm, Thái thường tự khanh, bị bãi chức.

Vì có tai biến nhật thực, Trịnh Giang hạ lệnh cho bầy tôi bày tỏ những điều thiết thực cốt yếu. Sĩ Tiêm trình bày 10 điều : Đầu tiên nói về việc truyền ngôi vua, lời lẽ rất thống thiết chu chí.

Đại lược nói : "Nhà nước từ trung hưng đến nay, trong khoảng hai trăm năm, các chúa trước tôn phò nhà vua, sở dĩ làm cho anh hùng hào kiệt vui vẻ tới lui mà thống trị được đất đai trong nước, là chỉ nhờ ở truyền thống trung hiếu có thể giữ vững căn bản không thể nào lay chuyển được mà thôi. Vì thế nên nhà vua nhà chúa không khác gì bánh xe và thân xe nương dựa lẫn nhau, cột nhà và kèo nhà cùng nhau chống đỡ, chỉ có thể một lòng một dạ giúp đỡ nhau, mà không thể dửng dưng mặc ai béo mặc ai gầy như người Tần người Việt coi nhau được.

"Gần đây, về việc truyền nhường ngôi báu, mặc dầu cũng noi theo khuôn phép cũ, nhưng không rõ có quả thật xuất phát từ tiên đế mỏi mệt về công việc mà thật lòng phó thác hay không? Tôi thường thấy lúc tiên đế trị vì, khí sắc bực tức bất bình thổ lộ ra trong câu văn hoặc lời nói. Những điều ấy tai

(1) Đất huyện Lôi Dương nay thuộc Thọ Xuân và huyện Thường Xuân tỉnh Thanh Hóa.

mắt thần dân trong nước, có thể nào giấu giếm mãi được. Vì thế, mà từ đầu mùa hè năm Kỷ Dậu[1] đến nay, trời ra tai, đất biến động, nào nước lớn, nào nắng lâu, luôn luôn hiện ra điềm xấu, điềm dữ. Có lẽ anh linh trời đất tổ tông răn bảo một cách rõ ràng đấy. Chb.**XXXVII**,19

"Tôi cúi xin vương thượng nghĩ đến công cũ của tiền vương đã vun đắp, nối theo chí cũ của tiền vương vẫn tôn phò nhà vua, gặp việc phải cần quả quyết thi hành, chớ mê hoặc lời bọn tiểu nhân bảo thủ nghi kỵ, biết điều nghĩa, nên mạnh dạn quyết đoán, đừng câu nệ vào câu văn "ba năm không thay đổi việc làm của cha[2]", làm việc lớn thông đạt được quyền nghi, chấn chỉnh đạo thường muôn đời không thay đổi, để mà chặn được ngọn sóng muốn làm vỡ đê, để mà kéo lại mặt trời khi sắp lặn. Tóm lại, đấy là dốc lòng tôn phò nhà vua để làm cho tiêu tan tai biến".

Sĩ Tiêm lại nói : "Văn chương là một món để thu hút sĩ phu, là một thứ để tô điểm nhà nước. Văn thể triều ta, bắt đầu chấn chỉnh từ thời Thiệu Bình[3], phát huy đầy đủ từ thời Hồng Đức [4] ; đến trung gian, một lần thay đổi mà thành ra thể văn rập theo các sách cũ, lại một lần thay đổi nữa mà thành ra thể văn tầm chương trích cú ; hơn nữa, coi khinh sách của thánh nhân là dấu vết cũ rích, sử sách về cổ đại là cỏ rác vãi rơi. Sĩ tử trong một thời, bỏ sách kinh[5], sách truyện[6] mà nghiên cứu sách ngoài để cầu được đỗ cao, đến như những

(1) Sĩ Tiêm nhắc lại năm tháng mà Trịnh Giang đã bắt ép Dụ Tông truyền ngôi cho thái tử Duy Phường.
(2) Lời nói của Khổng Tử, chép trong thiên Học Nhi sách *Luận ngữ*. Ý nói : Sau khi cha mất, mà trong 3 năm người con không thay đổi công việc của cha thì người ấy có thể gọi là người con có hiếu.
(3) Thiệu Bình (1434- 1439), một niên hiệu của Lê Thái Tông.
(4) Hồng Đức (1470- 1497), một niên hiệu của Lê Thánh Tông.
(5) Túc Ngũ kinh : *Mao thi, Thượng thư, Chu dịch, Lễ ký* và *Xuân thu*.
(6) Túc Tứ thư: *Luận ngữ, Mạnh tử, Đại học* và *Trung dung*.

lời nói về việc cứu thời thế nguy nan, sửa chữa việc tệ hại, thì không một câu nào có thể dùng được cả.

"Tôi xin vương thượng dốc lòng tôn sùng đạo học chính thống, chấn hưng phong thái nhà nho. Phàm những tập văn do hậu nho viết ra như : các sách *Ngốc trai, Đề cương* và *Trường sách*, nhất thiết cấm chỉ. Đầu bài thi về kỳ văn sách, nên bỏ bớt điều mục, mà cần những điều thiết thực cốt yếu, văn cổ thì hỏi đại lược việc phải việc trái để biết sức học của học trò ; văn kim thì hỏi những sự việc về chính trị, để xét trí mưu sáng tạo của học trò. Như thế thì không thể văn nào là không xuất phát từ lẽ chính đáng. Tóm lại, đấy là chấn chỉnh văn thể để mài giũa hiền tài". Chb.**XXXVII**,20

Còn tám điều nữa, Sĩ Tiêm đều thiết tha chỉ trích những sự tệ hại lúc bấy giờ, vì thế bị bọn quyền quý trong triều ghét bỏ. Khi bức thư ấy đệ vào phủ, Trịnh Giang giận lắm, tước hết quan chức của Sĩ Tiêm và đuổi về quê hương.

Sĩ Tiêm là người khảng khái, trọng nghĩa khí, hay nói thẳng, vì việc trình bày mười điều xúc phạm vào những điều kiêng kỵ, nên bị tước mất quan chức. Về nhà một thời gian lâu thì mất. Đầu năm Cảnh Hưng, triều đình nghĩ Sĩ Tiêm trung trực, nên truy tặng hàm tham chính, tước Trung tiết hầu, cấp cho ruộng cúng tế để biểu dương.

Lời phê(1) – *Chim phượng hoàng hót lúc mặt trời mới mọc.*

Lời phê(2) – *Đoạn văn này không rõ Bùi Sĩ Tiêm muốn nói gì. Phải chăng vì bó buộc về lời văn mà làm tối nghĩa sự việc định nói ?*

---

(1) Chỉ câu Sĩ Tiêm nói : Có quả thật Dụ Tông bị mỏi mệt mà thực lòng phó thác ngôi vua cho Duy Phường hay không. – Lời phê có ý nói trong thời vua Lê chúa Trịnh mà dám nói câu này thật là hiếm có, không khác gì chim phượng hoàng hót lúc mặt trời mới mọc.

(2) Chỉ đoạn cuối của lời điều trần thứ nhất, từ câu tôi cúi xin vương thượng... đến câu kéo lại mặt trời sắp lặn.

Lời chua – *Ngọc trai thập khoa sách lược* : Do Lưu Định Chi nhà Minh biên soạn.

Sách học đề cương : Do Chúc Nghiêu nhà Nguyên biên soạn.

Tứ đạo trường sách : Không rõ họ tên tác giả.

Mồng một, tháng 12, mùa đông. Nhật thực.

Định lại phép thi bác cử.

Các viên giữ chính quyền trong phủ chúa bàn luận, nhận thấy việc lựa chọn tài can thành[1], trước hết phải căn cứ vào kỹ năng và sức mạnh. Khoa thi trước đây, kỳ đầu hỏi về nghĩa sách võ kinh để thải bớt người kém, thì người có kỹ năng và sức mạnh có khi bị bỏ rơi. Bèn định : kỳ đệ nhất thi bắn cung, múa siêu đao ; kỳ đệ nhị thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên, mỗi người đều thi một tao ; kỳ đệ tam thi văn sách, hỏi sơ lược về ý nghĩa 7 bộ sách *binh thư*, để xem sức học, rồi hỏi kỹ về phương pháp mưu lược việc binh, để xem tài cán. Điều lệ khảo thí đều ấn định rõ ràng. Sau đó lại nhận thấy rằng khoa thi bác cử lấy đỗ có hạn định, có khi còn bỏ sót nhân tài, bèn phỏng theo thể lệ khoa thi hoành từ về bên văn, đặt thêm khoa hoành tuyển, để khảo thí võ nghệ, người nào có tài năng sẽ được biểu dương và cất nhắc bổ dụng.

Chb.**XXXVII**,21

Lời chua – *Phép thi* : Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thì năm Vĩnh Khánh thứ 3 (1731), định lại phép thi võ :

– Kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao, đều chia ra ba bậc.

– Kỳ đệ nhị, thi múa siêu đao, múa kiếm, cưỡi ngựa múa đâu mâu và thi bắn cung, môn bắn cung lại chia ra cưỡi ngựa bắn tên và chạy bộ bắn tên. Các môn kể trên mỗi người đều thi một tao. Lần lượt thi

(1) Can có nghĩa là lá chắn. Thành là một bức thành. Cổ nhân thường dùng danh từ "can thành" để tượng trưng người võ thần có sức mạnh, ví như lá chắn để ngăn lại mũi tên, như bực thành để bảo vệ đất nước.

như thế này : Về cưỡi ngựa bắn tên, thì dựng ba cái đích, mỗi cái đích cách nhau một trăm bộ, người ứng thí cưỡi ngựa buông cương cho ngựa phi, bắn 3 phát tên, người nào được 2 mũi tên trúng đích là hạng ưu, được một mũi tên trúng đích là hạng thứ. Thể lệ chạy bộ bắn tên đại lược cũng giống như thế. Thi bắn cung rồi, thứ nhì thi múa siêu đao, lăn khiên, thứ ba thi múa kiếm múa giáo, thứ tư đi bộ múa đâu mâu, sau cùng cưỡi ngựa múa đâu mâu. Người nào võ nghệ tinh thông lão luyện là hạng hơn nhất.

- Kỳ đệ tam thi một bài văn sách.

Khoa hoành tuyển : Không rõ phép thi thế nào.

Nhâm Tí, năm thứ 4 (1732). (Từ tháng 8 trở về sau, thuộc niên hiệu Long Đức thứ nhất triều Lê Thuần Tông. - Thanh, năm Ung Chính thứ 10).

Tháng giêng, mùa xuân. Mua và tìm kiếm sách cũ còn sót lại.

Phàm sách vở cổ, thơ văn cổ cùng văn bài về việc thi cử của nước ta, không câu nệ văn chương nông cạn, quê mùa, đều được phép đem dâng nộp, sẽ liệu giá mà thưởng cấp cho.

Đình bãi việc thu các thuế thổ sản. Chb.XXXVII,22

Thuế thổ sản lúc bấy giờ dân gian phần nhiều bỏ thiếu, Trịnh Giang hạ lệnh trưng thu, giao cho phủ liêu bàn định ; phủ liêu nhận thấy : Từ trước các loại có giúp ích vào đồ dùng nhà binh như diêm tiêu, thanh sắt, ván đóng thuyền và bơi chèo chưa đẽo thành khí (trạo phác), mới gọi là thổ sản. Ngoài ra cũng có một vài thứ như cá, muối là những vật nhỏ mọn sản sinh ở núi ở chằm, dân có thể dễ tìm kiếm để nộp được. Mới từ năm Giáp Thìn (1724) có lệnh xét khắp dân gian, hễ thấy ai có nghề nghiệp gì cũng căn cứ vào đấy mà đánh thuế, bèn đi đến chỗ : có người vì phải nộp thuế sơn sống mà đẵn cả cây sơn ; vì phải nộp thuế vải lụa mà huỷ bỏ khung cửi ; thu thuế gỗ, thuế nứa mà người ta vứt bỏ cả búa rìu ; thu

thuế cá, thuế tôm mà người ta cất giấu cả vó lưới, đánh thuế mật đỏ mà không ai trồng mía ; đánh thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Thành ra làng xóm tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chồng chất, do đấy mà tài dụng trong nước phải thiếu thốn. Nay nên chỉnh đốn thay đổi tệ trước, phàm các thuế thổ sản đều hạ lệnh đình bãi, duy người nào tình nguyện mới cho phép mà thôi. Trịnh Giang y theo. Từ đây, nhân dân cho là có phần tiện lợi.

Lời chua - *Trạo Phác :* Tức bơi chèo chưa đẽo thành khí.

Giáp Thìn : Dụ Tông năm Bảo Thái thứ 5 (1724) định thuế thổ sản.

Bàn định tôn sùng kinh học.

Phủ liêu bàn định rằng : Sách vở thánh hiền là ông tổ văn chương. Gần đây theo lối học thuộc lòng : người đọc sách *Kinh*, sách *Truyện* chuyên sưu tầm tiểu chú mà phần nhiều bỏ sót chính văn ; người đọc sách *Sử* thì thiệp liệt sách ngoài mà quên mất *Cương mục*. Học thuật thô sơ mỗ mãng. Cần phải gia công chấn chỉnh để thay đổi tập tục của sĩ phu. Bèn sức rõ cho các học trò : hết thảy phải học thuộc chính văn sách *Kinh*, sách *Truyện*, ngoài ra, về phần tập chú, thiểu chú, thì chọn bài nào tinh tuý sẽ đọc. Đến như sách *Tả truyện* và *Thông giám Cương mục*, cần phải thuộc kỹ. Chấn chỉnh lại như thế, để học trò biết phương hướng mà theo. Nhưng tập tục đã lâu, chung quy vẫn không thể thay đổi được. Chb.XXXVII,23

Tháng 3. Giang tự ý sáng chế lễ nhạc dùng trong phủ đường.

Lúc ấy, nhân lâu ngày được bình yên, nên Trịnh Giang muốn làm cho lễ nhạc được sáng tỏ để tô điểm đời thái bình. Bèn hạ lệnh cho bầy tôi giữ chính quyền trong phủ bàn định lễ nhạc : Xem xét trong sách *Hội điển*, tham khảo rộng đến

sách *Tam tài đồ hội* và *Lễ nhạc chí* của triều nhà Minh, nhà Thanh, rồi châm chước để thi hành. Khi bàn định xong, ngày chúa Trịnh ra coi chầu, phường nhạc sắp hàng ở phủ đường, cửa phủ đường bên tả va bên hữu đã mở, thì bắt đầu cử nhạc, các quan văn quan võ lạy xong, lúc ấy tiếng nhạc sẽ ngừng. Phàm khi chúa đi tuần du hoặc xuất phát quân lính, thì bắn ba tiếng súng, buổi trưa lúc đi nghỉ, ban đêm lúc đi nằm cũng theo quy tắc như thế ; khi ra đi thì có cờ lệnh, phường nhạc chia nhau đi trước dẫn đường.

Tháng 4, mùa hạ. Sai sứ thần sang nhà Thanh.

Chánh sứ Phạm Công Dong, phó sứ Ngô Đình Thạc sang để báo cáo việc Dụ Tông mất và xin nhà Thanh phong tước cho vua mới lên ngôi. Chb.**XXXVII**,24

Lời chua - *Công Dong :* Người xã Đông Ngạc[1], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1706) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 5. Biếm chức Tô Thế Huy, tả thị lang bộ Lễ, làm thừa chính sứ ở Yên Quảng.

Giang cùng các đại thần ngầm bàn định bỏ vua này lập vua khác. Lúc ấy, Thế Huy giữ việc ở Kinh Diên, họ bèn vu cho Thế Huy là làm bầy tôi giảng dụ vua mà chỉ dựa dẫm phụ hoạ, không biết giúp đỡ vua về mặt đạo đức, nên biếm chức Thế Huy.

Tháng 8, mùa thu. Sao Hoả Tinh phạm vào vị trí sao Nam Đẩu ; sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Lời chua - *Hoả tinh :* Tức sao Huỳnh Hoặc ở phương nam.

Nam Đẩu : Theo "Thiên văn chí" trong *Tấn Thư*, thì 6 chòm sao Nam Đẩu, gọi là sao Thiên Miếu. Sao này tượng trưng ngôi của thừa

(1) Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

tướng và thái tể, giữ việc khen thưởng người hiền tài, tiến dùng người sĩ phu, trao cho tước lộc. Lại giữ về việc binh nhung. – Ánh sáng của hai vì sao tiếp giáp với nhau gọi là phạm.

Thái Bạch : Tức sao Kim Tinh ở phương tây. Tấn Chước nhận rằng sao Thái Bạch là hình tượng thượng công và tướng quân. Theo lẽ thường, hễ mặt trời mọc thì sao Thái Bạch lặn. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày là đi dọc bầu trời. "Thiên văn chí" trong *Tiền Hán thư* nói : Nếu trái thời tiết mùa hạ hại đến hoả khí, thì sao Huỳnh Hoặc xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Huỳnh Hoặc xuất hiện thì có việc binh nhung lớn; trái thời tiết mùa thu hại đến kim khí, thì sao Thái Bạch xuất hiện để tỏ việc trừng phạt. Sao Thái Bạch đi dọc bầu trời là giường mối rối loạn. Chb.XXXVII,25

Trịnh Giang truất thái hậu Trịnh Thị làm quận quân.

Thái hậu tên là Ngọc Trang, sinh mẫu của nhà vua.

Trịnh Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công ; lập Duy Tường, con trưởng của Dụ Tông lên ngôi vua, đổi niên hiệu, đại xá cho trong nước.

Trước đây, Giang muốn thi hành việc bỏ vua này lập vua khác, để ra oai với thần hạ, bèn mượn việc khác vu cho nhà vua, rồi bắt ép nhà vua ra ở cung riêng. Những thứ cung đốn cho vua dùng thảy đều xén bớt đi ; lại truất thái hậu làm quận quân. Đến nay, Giang truất nhà vua làm Hôn Đức công, dời đến ở một ngôi nhà ở bên ngoài.

Lúc ấy, Giang bắt dẫn 12 người con của Dụ Tông vào phủ đường để xem mặt, Duy Tường là con trưởng, đáng được lập làm vua. Giang sai viên quan có trách nhiệm hộ vệ Duy Tường đến ở cung Thọ Phúc. Ngày Bính Tí, làm lễ cáo Thái Miếu, ngày Canh Thìn, lên ngôi vua (tức Thuần Tông). Đổi niên hiệu là Long Đức, đại xá cho trong nước : tha những thuế bỏ thiếu ; tha những tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chồng chất ; viên quan nào vì lầm lỡ mà bị truất bãi đã lâu, đều cho xét lại rồi bổ dụng.

Lời cẩn án - *Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, cũng như Vương Mãng, Đổng Trác nhà Hán*(1). *Có người nói : "Đế Duy Phường là con của người khác". Câu nói ấy chẳng qua kẻ bè đảng với họ Trịnh bịa ra để gỡ tội cho Giang mà thôi. Tra trong* Ngọc Phả *nhà Lê nói : "Duy Phường là con của Dụ Tông".* Thế hệ nhà Lê *nói : "Giang vu cho nhà vua thông gian với vợ Trịnh Cương mà phế truất đi".* Ngọc Phả *và* Thế Hệ *đều chép rành rành như thế, có thể dùng làm chứng cớ. Thế mà người tục biên* Lê sử *lại nói rằng : "[Nhà vua hoang dâm càn rỡ không kiêng kỵ gì", nhưng họ không nêu rõ được sự việc. Chép như thế là hồ đồ, họ theo ý riêng mình mà múa mép câu văn, toan đem việc ấy để buộc tội Duy Phường. Tội Trịnh Giang phải trừng trị không tha thứ được mà người tục biên* Lê sử *chép như thế, thì còn có thể gọi được là bộ sử đáng tin không ?* Chb.**XXXVII**,26

Lại còn việc này nữa : Duy Tường là con trưởng, Cương phế truất đi mà lập Duy Phường ; Duy Phường đã lên ngôi vua rồi, Giang lại phế truất đi mà lập Duy Tường. Sử cũ *chép về việc truất bỏ Duy Phường thì nói : "Lễ số gia ân đều xén bớt" ; về việc lập Duy Tường thì nói : "Dẫn hoàng tử vào trong phủ để xem mặt". Vua tôi là nghĩa lớn, bỏ vua này lập vua kia là việc lớn. Lúc ấy, mũ và giày lộn ngược như thế, cũng có phải tội lỗi chỉ tại một mình họ Trịnh đâu !*

Lời chua - *Cố Lê thế hệ* chép : Vĩnh Khánh đế(2) ở ngôi được 3 năm, chúa Trịnh Giang vu cho là tư thông với vợ Trịnh Nhân vương(3), bèn truất ngôi vua mà giáng phong làm Hôn Đức công.

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, thượng sư, Uy vương.

---

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 9.
(2) Túc Duy Phường.
(3) Túc Trịnh Cương, bố Trịnh Giang.

Bổ dụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây, Hiệu giữ chức tả tư giảng của Trịnh Giang, từng thăng đến thị lang và được cho tước Nông quận công, rồi được thăng chức đô ngự sử. Đến lúc Giang nối giữ ngôi chúa, Hiệu lại được Giang tin dùng hơn trước , thăng chức thượng thư bộ Binh, gia phong hàm thiếu bảo, dựng doanh Trung tiếp. Sau đó, đổi sang bộ Lễ, gia phong hàm thiếu phó, vào phủ chúa giữ chức tham tụng. Chb.XXXVII,27

Tháng 10, mùa đông. Giáng chức : tham tụng Lê Anh Tuấn làm đốc trấn Lạng Sơn, Nguyễn Công Hãng làm thừa chính sứ Tuyên Quang.

Tháng 11, Giang giết Nguyễn Công Hãng.

Công Hãng dùng tài biện bác, vào giữ công việc trong phủ chúa, quả quyết tự thi thố tài năng của mình, rất được Trịnh Cương tin yêu uỷ nhiệm, nhưng bị nhiều người oán ghét.

Từ lúc Giang làm thế tử, Giang đã giận Công Hãng không muốn lập mình[1], người ở bên cạnh Giang lại thêu dệt thêm những điều sở đoản của Công Hãng. Họ nói với Giang là : "Công Hãng và bọn Lê Anh Tuấn, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm cùng kết thành bè đảng. Vả lại, Công Hãng mưu tính việc chôn cất hài cốt tiên tổ ở một kiểu đất to, có ý hi vọng toan làm việc quá phận định". Giang bèn cho Công Hãng ra giữ chức ở Tuyên Quang. Sau đó bắt ép phải tự tử.

Lời phê – *Tự mình làm điều ác nghiệt, thì không thể nào tránh khỏi tai vạ.*

---

(1) Xem thêm tờ 10 trong cuốn này.

Lời chua - Trước đây Công Hãng chôn cất mồ mả tiên tổ ở núi Mộc Hoàn. Vì thế, người nói với Trịnh Giang đem việc này vu vạ cho Công Hãng.

Mộc Hoàn : Tên núi, ở địa giới huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh.

Bãi bỏ phép đánh thuế muối.

Trước kia, Nguyễn Công Hãng đặt phép, mỗi khi người diêm hộ nhận chứng chỉ để buôn muối, đều phải có lễ vật trọng hậu để nộp cho viên giám đương và tiến dâng phủ chúa, mà giá muối công lại cao. Muốn đền bồi vào sự phí tổn, người diêm hộ đều phải trông vào chợ búa, vì thế mà những hàng bán muối đều tăng giá muối lên, có khi một đấu muối trị giá đến một tiền. Việc muối ăn ở dân gian ngày thêm khó khăn. Đến nay bãi bỏ phép ấy. Chb.XXXVII,28

Lời chua - *Giám đương* : Tên viên quan đặt tạm thời, để trông nom ở trường xưởng muối. Phàm diêm hộ buôn bán muối, đều phải lĩnh chứng chỉ ở viên giám đương, sau mới được đem muối đi bán. Việc lĩnh chứng chỉ tất phải có tiền hoặc lễ vật nộp viên giám đương và tiến dâng phủ chúa Trịnh.

Lửa ở dưới đất bốc cháy tại bến Bát Tràng.

Quán chứa khách trọ tại Bát Tràng có người khách chợt vứt cái que có lửa vào cái lỗ hổng ở dưới đất, lúc bắt đầu bốc lên ngọn lửa sắc xanh, rồi sau bốc lên lửa đỏ sáng rực, đến hơn một tháng mới tắt. Người kiến thức đoán là điềm binh lửa.

Lời chua - *Bát Tràng*[1] : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb. X, 3, 4).

Quý Sửu, Thuần Tông Giản hoàng đế năm Long Đức thứ 2 (1733). (Thanh, năm Ung Chính thứ 11).

(1) Nay thuộc xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Tháng 2. Miễn việc bắt lính trốn ở tứ trấn, bãi bỏ việc mộ lính. Chb.XXXVII,29

Trước đây, vì cớ đinh tráng bị hao hụt, nên số lính ở tứ trấn được giảm bớt. Đến nay lại bàn tuyển bổ. Tham tụng Nguyễn Hiệu nói : "Binh lính, cốt ở chỗ giá ngự được đúng đường, không ở chỗ nhiều người, nếu chỉ tăng thêm số hão, thì việc nuôi lính phải phí tổn nhiều , chỉ làm cho dân đau khổ. Nay số ngạch nhất binh[1] đã gấp đôi ngày trước, trừ số giảm đi chỉ độ mấy ngàn người, trong sổ binh lính cũng không có gì là kém thiếu. Vả lại, số lính đã giảm, thì tô ruộng thu vào sẽ giúp ích việc chi dùng trong nước, mà dân nghèo nhờ đấy để sinh nhai. Vậy xin những nơi nào trước kia đã được giảm trừ nay vẫn cho xá miễn". Trịnh Giang theo lời. Giang lại lấy cớ việc mộ lính trong khoảng năm Bảo Thái (1720-1728) toàn là người bơ vơ nơi đầu đường quán chợ, mà số ruộng cấp cho lại nhiều , nên hết thảy bãi bỏ.

Lời chua - *Tứ trấn* : Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 5 (Chb. XXXIII, 21).

Tháng 3. Xá hai tháng thuế về quan ải và bến sông cho Thanh Hoa.

Lúc ấy, Thanh Hoa giá gạo lên cao. Trấn thủ Nguyễn Thọ Trường làm tờ khải xin : Phàm người vận chở thóc gạo được cho miễn hai tháng thuế, để việc buôn bán được lưu thông, đồ dùng của dân được tiện lợi. Trịnh Giang y theo.

Lời chua - *Thanh Hoa* : Tức Thanh Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 23).

Tháng 8, mùa thu. Bãi chức tri Công phiên Vũ Công Trấn.

---

(1) Danh hiệu gọi lính tứ trấn, khác với "ưu binh", danh hiệu gọi lính Thanh-Nghệ.

Công Trấn vốn là người cứng rắn, ngay thẳng ; làm quan giữ đúng phép, không a dua bọn quyền quý. Nay vì khám xét kiện trái ý chúa Trịnh, bị bãi chức về nhà.

Bãi bỏ chức quan Hà đạo.

Trước kia đặt chức quan Hà đạo, hội đồng đi khám xét đất bãi bồi ở các lộ, để tăng hoặc giảm thuế tô. Nay lấy cớ rằng đất bãi ở sông khi bồi khi lở còn phải một thời gian lâu, mà người giữ việc khám xét hàng năm đi bắt bớ đốc thúc, lại thêm nhiễu dân, bèn bàn bỏ bớt đi. Phàm đất bãi ở hạt nào, giao cho viên phủ, viên huyện hạt ấy thân đi khám xét, rồi đem đủ sự thực dâng lên phủ chúa. Chb.XXXVII,30

Giáp Dần, năm thứ 3 (1734). (Thanh, năm Ung Chính thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Ban phát *Ngũ kinh đại toàn*[1] cho học quan các xứ.

Trước đây, sai quan hiệu đính kiểm duyệt năm kinh theo bản khắc văn của Trung Quốc, rồi khắc thành sách ; nay sách đã in xong, ban bố cho trong nước, để theo đấy mà dạy bảo học trò, cấm mua sách của Trung Quốc. Lại sai bọn Nguyễn Hiệu và Phạm Khiêm Ích chia nhau khắc các bản ***Tứ thư, Chư sử, Thi lâm*** và ***Tự vị*** ban hành trong nước.

Lời chua - *Việc sai quan hiệu đính kiểm duyệt :* Chép ở năm Vĩnh Khánh thứ 3(?).

Quách Công Thi, thổ tù ở Thanh Hoa, làm phản. Hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Thọ Trường nã bắt.

---

(1) Sách in toàn văn đã chép trong năm kinh (*Thi, Thư, Dịch, Lễ* và *Xuân thu*) gọi chung là "*Ngũ kinh đại toàn*". Khác với sách do Bùi Huy Bích chép rút đi, mà học trò sau đây gọi là sách "*Quan hành*".

Quách Công Thi ở Lạc Thổ, hô hào tụ họp nhiều người đi cướp bóc. Thọ Trường không thể khống chế được, bèn làm tờ khải bày tỏ việc này. Triều đình bàn định, lấy lẽ rằng chức phận của Thọ Trường là ở chỗ cầm phòng khống chế kẻ trái phép, nên hạ lệnh cho Thọ Trường nã bắt Công Thi.

Lời chua – *Lạc Thổ*[1] : Tên huyện, thuộc phủ Thiên Quan. Thời nhà Lê, Lạc Thổ thuộc trấn Thanh Hoa ; nay đổi tên Lạc Yên, thuộc tỉnh Ninh Bình.

Công Thi : Một phiên thần, được đời đời giữ chức tù trưởng ở Lạc Thổ.

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cấm dùng đồ vật hoa mĩ.

Lấy cớ rằng tập tục ở dân gian, mỗi ngày đi dần đến xa xỉ, bèn hạ lệnh : quan viên, quân lính và dân thứ, đồ đạc thường dùng không được chạm khắc hình chữ, trang sức hoa mĩ ; người thợ không được đua nhau chế tạo thứ lạ, thứ khéo. Chb.**XXXVII**,31

Tháng 7, mùa thu. Giáng chức tham tụng Nguyễn Hiệu làm thượng thư bộ Hình. Liền đó, lại cho phục chức.

Lúc ấy, phát sinh việc bè đảng, Trịnh Giang quả quyết trừng trị buộc tội. Giang ghét người hoạn quan là Vân quận công Đỗ Bá Phẩm, đã truất chức Bá Phẩm xuống làm tuần thủ ở Yên Quảng, lại muốn giết đi. Việc này Giang riêng cho Nguyễn Hiệu được định bàn. Hiệu để hoãn lại. Giang không nghe, bắt ép Bá Phẩm phải tự tử. Vì thế, Nguyễn Hiệu đương giữ chức thượng thư bộ Lễ, phải giáng chức làm thượng thư bộ Hình. Nhưng không bao lâu, Nguyễn Hiệu được thăng làm thượng thư bộ Lại và được vào phủ chúa giữ chức tham tụng như cũ.

---

(1) Nay là huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Biên soạn sách *Quốc triều hội điển*.

Điển lễ cũ đời trung hưng chỉ chép ở tập *Thiện chính*, từ trước đến nay chưa làm thành sách. Bèn hạ lệnh biên soạn sách *Quốc triều hội điển*, nhưng cũng vẫn không làm xong.

Tháng 10, mùa đông. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Xuân Sơn, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ, và Lý Học Dụ, Binh khoa cấp sự trung, sang sách phong và dụ bảo việc ban lễ tế Dụ Tông. Chb.**XXXVII**,32

Giang tự tiến phong làm đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư thái phụ, thông đức anh nghị thánh công Uy vương.

Giang giết Lê Anh Tuấn, đốc trấn Lạng Sơn.

Anh Tuấn là người nổi tiếng về văn học, tính trầm tiềm cẩn mật, cùng Nguyễn Công Hãng đều giữ việc trong phủ chúa. Đến tuổi già, Anh Tuấn có ý lộng quyền, Giang không bằng lòng đã lâu, giáng chức đi trấn thủ Lạng Sơn. Gặp lúc ấy có người nói, trước kia, Anh Tuấn giữ việc trong phủ, cùng bọn Công Hãng định mưu bỏ người lập người khác. Giang bèn giết đi.

Ất Mão, năm thứ 4 (1735). (Từ tháng 5 trở về sau là năm Vĩnh Hựu thứ nhất triều Ý Tông. – Thanh, năm Ung Chính thứ 13).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai Nguyễn Hiệu đi khám dân lưu tán ở Sơn Nam.

Sơn Nam từ khi trải qua nạn thuỷ tai, nhân dân nhiều người phiêu tán. Bèn sai Nguyễn Hiệu đi khám điểm số dân đinh từng nhà, tuỳ theo số dân nhiều hay ít, giảm bớt số hộ khẩu.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch phạm vào vị trí sao Hoả.

Nhà vua mất.

Dâng tôn hiệu là Giản hoàng đế, miếu hiệu Thuần Tông. Nhà vua ở ngôi bốn năm hưởng thọ 37 tuổi. Chb.**XXXVII**,33

Táng ở lăng Bình Ngô.

Lời chua - *Lăng* : Ở thôn Bình Ngô, huyện Thuỵ Nguyên, tỉnh Thanh Hoá.

Giang lập Duy Thận, em nhà vua (hoàng đệ), lên ngôi, đổi niên hiệu, đại xá.

Duy Thận, con thứ mười một của Dụ Tông và là em Thuần Tông. Lúc ấy Duy Thận 17 tuổi, kém Duy Diêu, con cả nhà vua (hoàng trưởng tử) 2 tuổi. Nhưng Trịnh Giang e rằng Duy Diêu tuổi đã trưởng thành, và nhận thấy Duy Thận là cháu ngoại bà thái phi Vũ Thị[1], trước kia vẫn nuôi nấng ở trong phủ, thân cận yêu đương có phần dễ kiềm chế. Giang mới nói thác ra rằng diện mạo Duy Thận giống như tiên đế, nên quyết ý lập làm vua. Bầy tôi không ai dám nói gì cả. Ngày Giáp Ngọ, làm lễ cáo Thái miếu, ngày Bính Thân, lên ngôi vua (tức Ý Tông), đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu, tha hai phần mười về thuế tô, thuế dung năm này cho dân.

Lời chua - *Duy Thận* : *Ngọc phả* nhà Lê chép là Duy Chấn.

Mồng một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

Đại nguyên soái Uy vương là Giang giết Đế Duy Phường.

Giang đã truất ngôi Duy Phường, nay bắt thắt cổ giết đi. Đến năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mới làm lễ chiêu hồn, táng ở xã Kim Lũ[2], huyện Thanh Trì. Chb.**XXXVII**,34

Lời cẩn án - *Bạo nghịch giết vua là tội đại ác. Thế mà người tục biên* Lê sử *chép : "Hôn Đức công sau bị hại". Có lẽ họ chép lời văn nhẹ nhàng như thế, để ẩn giấu tội cho Trịnh Giang. Nay theo* Ngọc phả *nhà Lê, cải chính lại.*

---

(1) Vợ Trịnh Cương và là bà của Trịnh Giang.

(2) Tục gọi là làng Lủ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 38

Từ Bính Thìn, Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) đến Canh Thân, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), gồm 5 năm. Chb.**XXXVIII**,1

*
* *

Bính Thìn, Ý Tông Huy hoàng đế năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). (Thanh, Cao Tông, năm Càn Long thứ nhất).

Tháng giêng, mùa xuân. Tế Nam Giao.

Giang dựng chùa Hồ Thiên và Hương Hải.

Trịnh Giang thích chơi bời, cung quán chùa chiền xây dựng kế tiếp. Hắn dựng chùa Hồ Thiên, bắt dân các huyện Giáp Sơn, Thuỷ Đường, Đông Triều, Kim Thành và dân xứ Thanh Hoa làm công việc này. Từ đường, phủ đệ ở các làng ngoại thích như Tử Dương và Mi Thữ được xây dựng cực kỳ nguy nga đẹp đẽ. Những người xưng là nội sứ (bầy tôi hầu hạ trong cung cấm) toả ra bốn phương bắt lấy vật liệu, vì bọn này ức hiếp hà khắc, nên người làm ruộng, người đi buôn mất hết nghề nghiệp. Nhân dân đi dần đến chỗ không thể chịu nổi.

Lời chua – *Chùa Hồ Thiên* : Ở huyện Bảo Lộc[1], trấn Kinh Bắc, đỉnh núi có am Hồ Thiên.

---

(1) Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Chùa Hương Hải : Ở xã Phụ Vệ, huyện Chí Linh[1].

Giáp Sơn : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb. XX, 27).

Kim Thành[2] *:* Tên huyện, xem thuộc Tấn, Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V, 22).

Thuỷ Đường[3] *:* Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Đông Triều[4] *:* Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Thanh Hoa : Vì xứ Thanh có rừng lim và đá xanh, nên bắt cả xứ này phải phục dịch công việc xây dựng. Chb.**XXXVIII**,2

Từ Dương : Tên xã, thuộc huyện Đông Yên[5], tỉnh Hưng Yên.

Mi Thữ : Tên xã, thuộc huyện Đường Hào[6], tỉnh Hải Dương.

Làng ngoại thích (Thích lý) : Vợ Trịnh Cương là Vũ Thị, người xã Mi Thữ, nguyên quán xã Từ Dương.

Giang tự tiến phong cho em là Doanh tiết chế quân thuỷ, quân bộ các xứ, chức thái uý, tước Ân quốc công, mở phủ Lượng quốc.

Doanh, con thứ Trịnh Cương, 17 tuổi. Giang tiến phong chức tước cho Doanh để tạm giữ chính quyền. Mỗi tháng ba lần, Doanh tiếp kiến trăm quan ở trạch các, để nghe trình bày công việc.

Tháng 5, mùa hạ. Giang giết Trương Nhưng, đốc suất Nghệ An ; bổ Nguyễn Minh Châu thay giữ công việc ở trấn.

Trương Nhưng, em ruột Trương thái phi[7]. Nhưng dầu là người có công và ngoại thích, mà lúc nào cũng ôn hoà giản dị,

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(2) - nt -
(3) Nay là huyện Thủy Nguyên, T.P. Hải Phòng.
(4) Nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.
(5) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(6) Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(7) Vợ Trịnh Bính, mẹ Trịnh Cương và là bà Trịnh Giang. Giang gọi Trương Nhưng bằng ông cậu.

giao du với ai không làm cho người ta trái ý. Trịnh Giang có tính hay nghi kỵ, Giang ngờ Trương Nhưng phụ hoạ bè đảng với đại thần, hoạn quan Hoàng Công Phụ lại gièm pha vào. Vì thế, Giang mật sai Dật trung hầu (hoạn quan, không rõ tên) giả nói là có lệnh chỉ bí mật, bắt Trương Nhưng thắt cổ giết đi, dùng Minh Châu thay giữ công việc trấn Nghệ An. Sau đó, Giang lại toan dùng kế để giết Minh Châu, nhưng Minh Châu biết chuyện, nên việc ấy mới thôi.

Giang tự thi tiến sĩ ở phủ đường, lấy Trịnh Tuệ đỗ trạng nguyên.

Theo chế độ cũ, cử nhân(1) thi hội ở bộ Lễ được trúng cách, lại vào thi đình. Thể lệ thi đình : Chính thiên tử thân hành ra bài văn sách, rồi lấy đỗ và cho truyền lô xướng danh từng người được đỗ, cứ 3 năm mở một khoa. Thi đình là điển lễ long trọng trong việc tân hưng(2). Chb.XXXVIII,3

Nhưng một hồi lâu, chiếu nhất của khoa thi nam cung vẫn còn trống chỗ(3). Khoa này Trịnh Giang nghe lời nội giám Hoàng Công Phụ cho triệu sĩ tử vào thi ở phủ đường, cất nhắc Trịnh Tuệ đỗ cập đệ đệ nhất danh, còn các sĩ tử khác đỗ cập đệ và xuất thân có người cao người thấp khác nhau.

Tuệ, người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, thuộc Thanh Hoa, là tộc thuộc họ Trịnh. Tuệ vẫn có tiếng hay chữ, nhưng vì việc thi này, nên người ta bàn tán chê bai.

---

(1) Chữ "củ nhân" này *Cương mục* chép không đúng, đáng lẽ phải chép là hương cống. Vì học trò đỗ khoa thi hương, triều nhà Lê gọi là hương cống, đến triều nhà Nguyễn mới đổi gọi là cử nhân.

(2) Đời cổ, học trò học tập ở trường hương học 3 năm thành tài, quan địa phương sẽ xét về đức hạnh và văn nghệ, chọn lấy người hiền tài tiến lên triều đình. Trước khi sĩ tử vào triều, quan địa phương tiếp đãi như người khách quý. Vì thế gọi là "tân hưng". Sau người ta dùng danh từ "tân hưng" nói về khoa thi để chọn lấy nhân tài.

(3) Nguyên văn chép "nam cung đệ nhất danh hư tịch cửu hĩ". Đời cổ thi hội thi đình cũng gọi là "nam cung thí". Câu trên, ý nói : Lâu nay thi đình không có ai đỗ trạng.

Bãi bỏ binh lính mới tuyển.

Khoảng giữa năm Bảo Thái, kén thêm binh lính, lương thực cấp phát mỗi ngày một nhiều, Trịnh Giang bèn sai các quan tham khảo sổ sách binh lính, nếu ngạch cũ có lính, thì được lưu lại cho lệ thuộc vào các vệ ; ngoài ra, đều cho trở về hàng ngũ của dân.

Tháng 6. Định bổng lộc hằng năm cho quan văn, quan võ.

Quan văn được cấp cho tuỳ hành dân hộ, quan võ được cấp cho chế độ dân xã. Quan văn thì tuỳ theo khoa bảng đỗ cao hay thấp, quan võ thì tuỳ theo quản lãnh binh lính nhiều hay ít, để cấp phát. Các viên quan ấy được hằng năm thu tiền làm bổng lộc có người nhiều ít khác nhau.

Lời chua – *Bổng lộc hằng năm* : Theo *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, thì chế độ ban cho bổng lộc như thế này :

Đầu năm Hồng Đức, lấy phẩm trật về cấp bậc cao hay thấp để định bổng lộc hằng năm nhiều hay ít.

Sau khi trung hưng, về phần quan văn thì trông vào khoa bảng đỗ cao hay thấp mà cấp cho tuỳ hành dân hộ ; về phần quan võ thì trông vào quản lãnh binh lính nhiều hay ít mà cấp cho chế lộc dân xã : Chb.**XXXVIII**,4

Quan văn : Nếu xuất thân là tiến sĩ, được cấp tuỳ hành dân xã 15 người ; hoàng giáp 40 người ; thám hoa 45 người ; bảng nhãn 50 người ; trạng nguyên 55 người. Cho phép nộp tiền, mỗi người một năm nộp 3 quan, để làm ngụ lộc cho các quan văn ; những người đã nộp tiền được miễn tiền thuế dung.

Quan võ : Nếu quản lãnh nội binh, như các đội thị hậu, nội nhưng, thì tiền chế lộc mỗi người nộp 3 quan 6 tiền ; quản lãnh ngoại binh như cơ đội các doanh, thì mỗi người hoặc nộp 2 quan hoặc nộp 1 quan không giống nhau, cũng trông vào số binh lính mà các viên ấy quản lãnh nhiều hay ít để định số tiền nộp nhiều hay ít khác nhau.

Sử cũ lại chép : Khoa thi đông các, viên quan nào trúng cách thứ nhất được cấp 30 người ; trúng cách thứ hai được cấp 25 người ; trúng cách thứ ba được cấp 20 người.

"Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú chép : Sau khi trung hưng, trong sổ binh lính có các đội thị hậu, thuỷ binh, bộ binh và đội nội nhưng, đều là Thanh Nghệ ưu binh.

Phát sinh dịch tễ lớn.

Liệu lượng giảm bớt ngạch cũ về binh và hộ.

Giang hạ lệnh : Quan và dân, nếu ai nộp tiền sẽ được thăng chức hoặc bổ làm quan. Chb.XXXVIII,5

Quan và dân đều cho phép nộp tiền, sẽ được cất nhắc trao cho chức phẩm : Các viên quan trong triều ban từ lục phẩm trở xuống, ai nộp 600 quan tiền sẽ được thăng chức một bậc ; nhân dân, ai nộp 2.800 quan được bổ thụ tri phủ, nộp 1.800 quan được bổ thụ tri huyện.

Lúc ấy, Giang chơi bời, xa xỉ phóng túng, của cải ngày một hao mòn, bán quan mua tước, không việc gì hắn không làm. Vì thế mà sau này sinh ra hoạ loạn.

Đinh Tị, năm thứ 3 (1737). (Thanh,năm Càn Long thứ 2).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 2. Giang bổ dụng chỉ huy sứ Nguyễn Minh Kiên và Nguyễn Đình Lý làm thị lang.

Giang, ngày càng tối tăm mê hoặc, xếp đặt công việc lẫn lộn sai lầm. Hắn bổ hai viên quan ở võ ban là : Minh Kiên làm tả thị lang bộ Hình ; Đình Lý làm hữu thị lang bộ Lễ. Minh Kiên và Đình Lý đều không có học thức, lấy tư cách quan võ, nhảy vọt lên phẩm trật cao quý trong hàng văn giai, người ta ai cũng chê cười. Sau đó, Minh Kiên lại trở về võ ban.

Lời chua – *Chỉ huy sứ* : Theo quan chế triều cố Lê, thì chỉ huy sứ hàm tòng tam phẩm về võ ban.

Giang đúc tượng Phật lớn ở chùa Quỳnh Lâm, hạ lệnh cho trăm quan tính theo phẩm trật để nộp đồng.

Tháng 9, mùa thu. Ở Sơn Tây và Thái Nguyên trộm cướp nổi dậy. Sai bọn Nguyễn Bá Lân, đốc đồng Sơn Nam đi đánh, phá tan được. Chb.XXXVIII,6

Nguyễn Dương Hưng, người thầy chùa, tụ họp đồ đảng trong núi Tam Đảo, lừa dối dụ dỗ những người ngu tối quê mùa, xưng ngụy hiệu, đặt quan thuộc, bọn bất đắc chí nơi đồng nội phần nhiều núp bóng hắn, quân chúng của hắn có đến vài ngàn người. Bèn sai Bá Lân giữ chức giám quân cùng bọn Nguyễn Lịch, Nguyễn Trọng Côn chia đường tiến đánh, dẹp yên được.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, dân không hiểu biết việc binh, chợt nghe có tin báo nguy cấp, thì người xa người gần đều nghi ngờ lo sợ, người trong kinh đô dắt díu nhau ra ngoài thành, dân sở tại thì đào hố chôn giấu của cải, sắp sẵn lương khô làm thức ăn. Nếu sớm tối mà giặc kéo đến, thì dân không có chí khí gì bền vững cả.

Vì bọn trộm cướp ở các xứ nổi lên như ong, trạm báo tin không được nhanh chóng, bèn hạ lệnh cho các lộ Sơn Tây và Thanh Hoa đều đặt đồn hoả hiệu ở trên đỉnh núi, bắt dân sở tại ngày đêm canh giữ, nếu có sự nguy cấp thì đốt lửa để thông báo về triều.

Lời chua – *Núi Tam Đảo* : Ở địa giới huyện Tam Dương[1], thuộc Sơn Tây, xem Lê Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 7 (Chb. XVIII, 18).

(1) Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bá Lân : Người xã Cổ Đô[1], huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Mậu Ngọ, năm thứ 4 (1738). (Thanh, năm Càn Long thứ 3).

Tháng 4, mùa hạ. Thế tông Hiếu vũ hoàng đế[2] ta nối nghiệp.

Chb.XXXVIII,7

Tháng 12, mùa đông. Họ tôn thất là bọn Duy Mật và Duy Chúc dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Mật, Duy Chúc và Duy Quy bực về nỗi họ Lê mất quyền bính, Trịnh Giang bạo nghịch giết vua, họ bèn cùng quan trong triều là bọn Phạm Công Thế, Vũ Thước và thuộc hiệu là Lại Thế Tế bàn mưu đốt kinh thành, nhưng không xong. Vì sợ công việc bị lộ, nên Duy Quy chạy đi Cẩm Thuỷ, Duy Mật và Duy Chúc chạy đi Nghi Dương, được thổ hào là bọn Ngô Hưng Tạo hộ tống vượt biển vào Thanh Hoa. Giang sai binh lính đuổi theo không kịp. Bọn Vũ Thước bị bắt, đem giam trong ngục rồi giết đi. Duy Chúc và Duy Quy sau bị bệnh chết, Duy Mật bèn chiếm cứ mặt thượng du vùng tây nam.

Lúc ấy Phạm Công Thế đương giữ chức Đông các hiệu thư, theo Duy Mật dấy quân, đánh nhau bị bại trận và bị bắt. Bầy tôi trong triều trách Công Thế rằng : "Nhà ngươi là người trong khoa giáp làm sao lại đi theo bọn phản nghịch?". Công Thế cười nói : "Danh phận không sáng tỏ đã lâu rồi, còn phân biệt thế nào là thuận với nghịch được nữa? ". Rồi, vươn cổ chịu chém, không một chút nào khuất phục nao núng.

Lời cẩn án - *Nhà Lê không giữ được giường mối, họ Trịnh bạo nghịch giết vua, trong lúc ấy há không xuất hiện người trung thần nghĩa sĩ hiểu tỏ danh phận thuận nghịch hay sao? Chỉ vì chợt mới nổi lên lại bị dập tắt ngay, chung quy không làm nên công việc gì cả. Thế mà người cầm bút chép sử đem ẩn giấu sự*

(1) Nay là xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.
(2) Tên là Phúc Khoát, con cả Phúc Chú.

thực đi, chép ngay là "làm phản", bèn làm cho cái nghĩa đánh giặc bị lu mờ. Duy Mật là người chí thân của vua Lê, đau xót về nỗi nhà Lê không ngóc dậy được, nên đem thân ở xa mãi nơi núi rừng quyết chí đánh giặc. Việc Duy Mật làm có thể gọi là danh chính ngôn thuận, không thể ví như bọn giặc cỏ được. Dầu rằng, lòng trời không giúp nhà Lê, việc của Duy Mật không được thành công, nhưng nói về nghĩa lớn vua tôi thì không bao giờ có thể mai một. Vì vậy, xin kính cẩn bắt chước lối chép Cương mục *[của Chu Tử], mà chép đứng sững lên là "dấy quân" (khởi binh) để đính chính lại.* Chb.**XXXVIII**,8

Lời chua - *Duy Mật, Duy Quy* : Đều là con Dụ Tông.

Duy Chúc : Con Hi Tông.

Cẩm Thuỷ (1): Tên huyện, nguyên trước là Cử Long man, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 8 (Chb. I, 34, 35).

Nghi Dương (2): Tên huyện, đặt từ năm Hồng Đức nhà Lê, thuộc phủ Kinh Môn, Hải Dương, nay thuộc phủ Kiến Thuỵ.

Lại Thế Tế : Người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn(3), là dòng dõi công thần Thế Vinh.

Công Thế : Người xã Hoàng Xá, huyện Đông Quan(4), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Kỷ Mùi, năm thứ 5 (1739). (Thanh, năm Càn Long thứ 4).

Tháng 3, mùa xuân. Bắt đầu đặt đồn luỹ ở châu Bạch Thông.

Lê Đình Tính, lưu thủ Thái Nguyên, làm tờ khải nói : "Châu Bạch Thông và huyện Cảm Hoá tiếp giáp với địa giới Lạng Sơn, Cao Bằng và Bảo Lạc(5), trước kia không có đồn

(1) Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.
(2) Nay là huyện Kiến Thụy, T.P. Hải Phòng.
(3) Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
(4) Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(5) Châu Bảo Lạc thuộc Tuyên Quang, xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXI, tờ 35.

ải, những dân ngoài giáo hoá triều đình thường tự do đi lại. Tôi trộm e rằng, nếu việc phòng bị nơi biên cảnh Chb.XXXVIII,9 không nghiêm, thì không thể khống chế được bọn giặc cướp táo bạo, rồi sẽ đi đến chỗ giặc cướp lan tràn. Vậy xin đặt đồn ải ở những đường hiểm yếu, bắt phiên thần phái lính canh giữ, để biên cảnh được vững vàng" Trịnh Giang theo lời.

Lời chua - *Châu Bạch Thông, huyện Cảm Hoá*[1] : Xem Lý Thái Tông, năm Thiên cảm thánh vũ thứ nhất (Chb. III, 11).

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Giang bắt đầu đặt giám ban.

Theo chế độ cũ, các quan chỉ có hai ban văn và võ. Đến nay bọn hoạn quan lộng quyền, Giang mới đặt thêm giám ban. Hạ lệnh : ai thi khảo trúng cách sẽ được trao cho quan chức. Các quan lấy thế làm hổ thẹn, nhưng không ai dám nói. Đến đầu năm Cảnh Hưng mới bãi bỏ việc đặt giám ban.

Giang sai quan tính toán tài sản tiêu dùng.

Lúc ấy, điều động binh lính, việc chi dùng không được kế tiếp. Phủ liêu làm tờ khải nói : "Của cải là việc cần kíp của nhà nước. Đời cổ cân nhắc số thu vào mà tính số chi ra. Gần đây, chi ra thu vào không cân nhắc cho có tiết độ, đến hết năm cũng không kê cứu khám xét gì cả. Nay nên chọn kỹ lấy người bầy tôi tin cẩn[2], cùng với Hộ phiên tính toán số thu vào và chi ra, để xét xem thiếu đủ thế nào sẽ tuỳ tiện châm chước ứng cấp". Trịnh Giang theo lời.

Bàn luận thi hành sáu điều để xử trí phiên trấn ngoài biên giới. Chb.XXXVIII,10

Phủ liêu bàn luận : Các trấn Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hoá, cũng như cái phên cái giậu

(1) Nay là huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).

(2) Nguyên văn chép : "Tín thần", tức bọn hoạn quan. Xem thêm lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXIX, tờ 14.

của nhà nước, nên tuỳ tình thế mà xử trí, để nơi biên cảnh được yên :

1. Phụ đạo trong hàng phiên thần phần nhiều cầu cạnh để quản lãnh quân và dân. Nay nên giao cho viên quan ở trấn xét chọn, nếu người nào xứng đáng sẽ trao cho chức trách ấy.

2. Các trường mỏ, nên theo chế độ cũ, hạ lệnh cho phụ đạo quản cố trông coi, để lính mỏ[1] có thống thuộc.

3. Người Nùng áo xanh đều nên có phương pháp khu xử.

4. Gỗ lạt ở thượng lưu, có hạng người thường mua bằng lối đặt tiền trước, hoặc lối cho vay tiền, như thế có hại cho dân, tệ tục ấy nên trừ bỏ đi.

5. Các sở tuần ti thiện tiện đặt chi nhánh để thu thuế người buôn bán một cách ngang trái, cần phải nghiêm cấm để tỏ rõ lòng khoan hồng đối với lái buôn.

6. Các trấn bị điêu tàn, nên tha cho những thuế còn thiếu, để yên ủi dân ngoài biên giới.

Giang cho thi hành bốn điều, còn hai điều phiên thần (điều 1) và trường mỏ (điều 2) vẫn để như cũ.

Lời chua - *Thái Nguyên :* Tức Ninh Sóc.

Cao Bằng : Trước thuộc Ninh Sóc.

Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hoá : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 19, 30, 31, 32, 35).

Người Nùng áo xanh : Có 7 họ, đều mặc áo chàm, nên gọi là người Nùng áo xanh, xem Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 13 (Chb. XLI, 16).

Tháng 6. Lại kén lính ở tứ trấn mà trước kia đã thải về.

(1) Nguyên văn chép là "khoáng binh".

Giang hạ lệnh kén thêm lính ở tứ trấn mà trước đã thải về cùng lính nhất binh ở Trường Yên, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để sung vào việc canh phòng và nã bắt. Phủ liêu bàn luận : Núi rừng ở nơi biên viễn, đảng trộm tụ họp ; tứ trấn ở trong nội địa cũng nhiều nơi phát sinh trộm cắp. Nhân dân sở tại tự giữ lấy làng xóm cũng không xong, hơi có biến động một chút, tất sinh ra sợ hãi rối loạn. Từ năm Nhâm Dần tuyển lính, số quân tuy tăng lên, nhưng cũng chẳng giúp ích gì cho công việc thiết thực, hơn nữa đem ruộng công cấp cho lính, thành ra nông dân không có gì để sinh nhai. Năm Bính Thìn, xá miễn binh lính, dân đã dần dà được yên ổn làm ăn. Nay nếu lại cứ chiểu theo số ruộng để tuyển lính, thì ruộng công đã đem quân cấp rồi, do đấy khẩu phần các quân lính sẽ giảm bớt đi, mà không khỏi có sự phiền nhiễu về thay đổi phần ruộng. Vậy không gì bằng cứ theo như cũ cho thải về là tiện hơn cả. Giang không nghe, thành ra sau này tệ hại không sao kể xiết. Chb.XXXVIII,11

Lời chua - *Nhâm Dần* : Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (1722) kén thêm lính ở tứ trấn và Thanh, Nghệ (Chb. XXXVI, 5).

Bính Thìn : Năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) thải lính mới tuyển cho về làm ruộng (tờ 3 trong cuốn này).

Bắt đầu đổi tên chức "trấn thủ" và "lưu thủ" ở các trấn gọi là "đốc phủ".

Danh hiệu "đốc phủ" bắt đầu từ đây. Duy ở Lạng Sơn gọi là "tổng phủ", ở Nghệ An vẫn gọi là "đốc suất".

Tha tô thuế.

Lúc ấy, trộm cướp nổi lên mỗi ngày một nhiều, dân gian náo động, mới bàn định thi hành ân xá rộng rãi để phủ dụ dân. Bèn hạ lệnh : Khắp trong nước, thuế vụ hạ năm nay, về phần thuế tô và dung đều được xá cho hai phần mười ; Thanh và Nghệ về tiền nhà trạm và tiền cửa Chb.XXXVIII,12

đình ; tứ trấn và ngoại trấn về tiền nộp để chuộc tội còn bỏ thiếu chưa nộp ; đều được miễn xá.

Mộ lính ở các trấn.

Hạ lệnh : dân đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, có người nào am tường lão luyện về nghề thuỷ thủ và người thân thể sức vóc khoẻ mạnh, tình nguyện làm lính, đều được phép ứng tuyển để bổ sung vào đội ngũ. Lại hạ lệnh cho 5 huyện Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, An Định, Lôi Dương và Nông Cống thuộc Thanh Hoa, theo ngạch cũ, cứ 5 suất đinh lấy một người làm lính, nay đều kén thêm một người lính nữa.

Lời chua - ***Thanh Hoa*** : Tức Thanh Hoá. Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 15, 16, 20, 21, 33).

Bổ Trịnh Tuệ làm thượng thư bộ Hình, vào phủ đường giữ chức tham tụng.

Tuệ nóng sốt về đường làm quan, nhờ được Công Phụ tiến cử, thi đỗ không đầy vài năm, lấy địa vị thượng thư vào đứng đầu các quan trong phủ chúa. Sau khi đã được giữ chính quyền, Tuệ cùng bọn hoạn quan, kẻ trong, người ngoài, xướng hoạ với nhau. Một lũ tiểu nhân không còn kiêng kỵ sợ hãi gì cả : chính lệnh phiền nhiễu tế toái, thưởng phạt lầm lẫn rối ren. Từ đấy trong nước mới sinh ra nhiều việc.

Tháng 8, mùa thu. Giáng chức : Phạm Khiêm Ích, thượng thư bộ Lại, hiện giữ chức tham tụng, làm đốc phủ Thanh Hoa ; Cao Huy Trạc, thượng thư bộ Hộ, hiện giữ chức bồi tụng, làm đốc đồng. Chb.XXXVIII,13

Sau khi trung hưng, ở các trấn, dùng một viên quan võ làm trấn thủ để kiểm chế trộm cướp, và dùng một viên quan văn làm đốc đồng để khám hỏi các việc kiện về trộm cướp ; hai chức quan này cũng thuộc về Trấn ti, đều dùng viên quan từ

ngũ phẩm, lục phẩm trở xuống cùng quan trong triều mới được cất nhắc để bổ dụng.

Giữa niên hiệu Long Đức (1732- 1735), các con chúa Trịnh ra giữ công việc ở trấn, cũng có khi dùng viên đại thần để bàn tán giúp công việc nơi biên khổn, nhưng sau lại bãi bỏ ; duy Nghệ An là nơi biên trấn trọng yếu, nên về quan văn thì dùng chức tả thị lang hoặc hữu thị lang làm đốc thị, quyền ngang với đốc suất. Chức đốc thị và phó đốc thị, lúc nào cần đặt mới chọn người để bổ nhiệm, không câu nệ về quân chức phẩm trật. Đến nay dùng thượng thư giữ chức đốc phủ, đốc đồng, nên trong kinh, ngoài trấn, không ai không lấy làm hãi hùng kỳ dị.

Lời chua – *Đốc đồng, đốc thị :* Hai chức này bắt đầu đặt từ lúc nhà Lê trung hưng. Nghệ An là phiên trấn trọng yếu, nên đặc biệt đặt chức đốc thị.

Tháng 9. Giang giả thác mệnh lệnh xưng là An Nam thượng vương.

Giang vượt phận tiếm quyền, không kiêng kỵ sợ hãi gì, tự tiến xưng là Bác Đạt mậu hoà tuy du dụ nghĩa Trịnh vương.

Lúc ấy Giang đương chơi ở xã Quế Trạo[1] vùng Kinh Bắc, là quê hương hoạn quan Hoàng Công Phụ. Giang xây dựng phủ đệ để ở, hắn bí mật sai Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán từ kinh sư chạy trạm lên, phụng đệ sắc văn và ấn tỉ, nói giả thác ra rằng sứ thần nhà Thanh sang nước ta, phong cho Giang làm An Nam thượng vương. Chb.XXXVIII,14

Lời phê – *Không cướp ngôi vua thì thôi, còn muốn làm gì chả được, cần gì mà phải nói giả dối. Điên cuồng ! Đáng chê cười !*

(1) Nay thuộc huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Lời chua - *Trịnh Giang :* Sau đổi hiệu : Toàn vương, lại đổi : Thuận Vương.

Trác Luân : Người xã Bình Lao, huyện Cẩm Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Văn Hoán : Người xã Từ Ô[1], huyện Thanh Miện, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Quế Trạo : Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc.

Tháng 12, mùa đông. Lập phép đoàn kết.

Phép đoàn kết như thế này :

Mỗi xã, cứ 10 dân đinh thì lấy 2 người, bắt tự sắm lấy đồ binh khí, đặt điếm canh để canh giữ ; cứ 4, 5 xã hoặc 6, 7 xã địa thế tiếp giáp nhau kết hợp làm một đoàn ; chọn một người chức dịch ở trấn hoặc lại điển ở huyện làm trưởng đoàn. Gặp có sự nguy cấp thì người trưởng đoàn đốc suất dân đinh theo tình thế mà chống chọi đánh dẹp ; nếu không đủ sức, thì cấp tốc báo ngay đoàn khác tiếp viện đối phó.

Vì lập phép này, nên ở dân gian đâu đâu cũng có binh khí. Bọn gian nhân sự sợ hở, tụ họp nhau đi cướp bóc ngày càng quá tệ. Sau thay đổi lại, chọn người có địa vị danh vọng sung vào việc quản lãnh trông coi, lại dùng quan chức trong triều đi phủ dụ. Nhưng không bao lâu, phép này lại bãi bỏ, những đồ binh khí đã chế ra đem nộp lên quan.

Xã Ninh Xá thuộc Hải Dương nghĩa binh nổi dậy[2].

Từ ngày làm việc bạo nghịch giết vua, Trịnh Giang lấn quyền càn giỡ mỗi ngày một quá, dâm dục chơi bời không còn có mức độ nào cả, sau mắc chứng bệnh kinh quỷ[3], sợ sấm sét. Bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ đánh lừa, chúng đào đất

(1) Nay là thôn Từ Ô, xã Tân Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

(2) Nguyên văn chép : "Hải Dương, Ninh Xá binh khởi". Chữ "binh" chép ở đây, không phải binh lính, mà là nhân dân, nên chúng tôi dịch là "nghĩa binh", cho phân biệt với binh lính của vua chúa lúc bấy giờ, và hợp với lời cẩn án của *Cương mục* ở dưới.

(3) Chứng bệnh tâm thần bất định, hoảng hốt không thường, hay sinh sợ hãi.

làm cung Thưởng Trì dưới hầm cho Giang ở, từ đấy Giang không bước chân ra ngoài, Công Phụ cùng đồ đảng của hắn chuyên chính lộng quyền, các quan đại thần kế tiếp nhau người bị giết, người bị phạt, người nào cũng nơm nớp lo sợ không tự bảo toàn được thân mình, chính sự trái ngược, thuế khoá nặng nề, lòng dân mong sao cho chóng nổi lên loạn lạc. Chb.**XXXVIII**,15

Lúc ấy, về mặt Hải Dương, có bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá, Vũ Trác Oánh ở Mộ Trạch ; về mặt Sơn Nam, có Hoàng Công Chất ; đảng lớn phe nhỏ, hết chỗ này đến chỗ khác, thúc giục nhau phiến động, chỗ nào cũng tự dấy quân, tự xưng danh hiệu : Nguyễn Tuyển xưng hiệu Minh Chủ, Trác Oánh xưng hiệu Minh Công, họ hội họp nhau ở xã Ninh Xá, đều mượn tiếng "phò Lê". Dân ở vùng đông vùng nam, người đeo bừa, người vác gậy đi theo, chỗ nhiều có đến hơn vạn, chỗ nhỏ cũng hàng ngàn hàng trăm, họ quấy rối cướp bóc làng xóm, vây đánh các ấp các thành, triều đình không thể nào ngăn cấm được.

Lời cẩn án - *Theo "phàm lệ" chép sách* Cương mục *(của Chu Tử):*

- Người nào vì việc nghĩa mà dấy quân thì chép "khởi binh", như các nước chư hầu thời nhà Tần và Lưu Sùng(1) *thời nhà Hán v.v...*

- Người nào dấy quân tuy không phải vì việc nghĩa, nhưng người mà cùng họ đối địch, lại không có phép được gọi họ là giặc cướp, thì chép là "binh khởi", như các châu huyện và Phàn Sùng(2) *cuối thời Vương Mãng v.v...*

---

(1) Cuối thời Tây Hán, Vương Mãng làm thừa tướng, uy hiếp vua nhà Hán, choán hết quyền bính, bỏ vua này lập vua khác, lập mưu để cướp ngôi vua. Lưu Sùng, họ tôn thất nhà Hán, dấy quân đánh Vương Mãng, nhưng không thắng được.

(2) Sau khi Vương Mãng đã cướp ngôi vua nhà Hán, Phàn Sùng, người đất Lang Da, họp dân chúng hơn vạn người, đánh Vương Mãng. Phàn Sùng sợ quân của mình lẫn lộn với quân của Mãng, bèn cho quân bôi lông mi bằng màu đỏ để dễ phân biệt. Lúc ấy người ta gọi là "quân xích mi".

Cuối thời nhà Lê, Trịnh Giang tự làm việc bạo nghịch giết vua, bọn Nguyễn Tuyển và Trác Oánh nhân lòng dân oán giận, mượn danh nghĩa, nhân kẽ hở mà nổi lên, tuy việc họ làm không thoát khỏi hành vi của giặc cướp, nhưng Chb.**XXXVIII**,16 *đều là để đối địch với Trịnh Giang. Thế mà người tục biên* Lê sử *lại chép họ là "giặc". Người ấy không biết rằng hoạ loạn do Giang gây ra, Giang chính là giặc nhà Lê, thì người đối địch lại với Giang có thể nào bị coi là "giặc" được? Tại sao người tục biên* Lê sử *lại đem chữ "giặc" mà Chu Tử không gán ghép cho bọn Lưu Sùng, Phàn Sùng để gán ghép cho bọn Tuyển, Cừ, Trác Oánh? Vì thế nay đổi lại, chép là "binh khởi". Chép như thế, ngõ hầu hợp được nghĩa lệ chép* Cương mục *của Chu Tử.*

Lời chua - *Ninh Xá :* Tên xã, sau đổi là Ngô Đồng, thuộc huyện Chí Linh[1], phủ Nam Sách, Hải Dương.

Mộ Trạch [2]*:* Tên xã, thuộc huyện Đường An, phủ Bình Giang.

Cung Thưởng Trì : Có sách chép : Tiên cung, ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, tức chỗ nền cũ cung Thưởng Xuân triều nhà Lý.

Theo *Vũ trung tuỳ bút lục* của Phạm [Đình] Hổ, thì Giang là người loạn dâm, thông gian với vợ lẽ của bố là Kỳ viên phi Đặng Thị, Vũ thái phi biết chuyện, bắt ép ĐặngThị phải tự tử.

Một hôm, bất thình lình Giang bị sét đánh, gần chết, nhân đấy mắc chứng bệnh kinh quý, hễ nghe có tiếng sấm là sợ hãi mất cả hồn vía. Bọn hoạn quan nói dối rằng : đấy là vì dâm dục nên bị ác báo, bây giờ chỉ có cách đào lỗ xuống đất làm nhà mà ở để tránh sấm sét, họa ra có thể thoát tai nạn. Giang bèn dựng cung Thưởng Trì để ở, không dám ra ngoài nữa.

Đặng Thị : Người xã Trà Đồng, huyện Tiên Du, vợ lẽ yêu của Trịnh Cương, hiệu là Kỳ viên phi.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(2) Nay thuộc xã Tân Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Canh Thân, năm thứ 6 (1740). (Từ tháng 5 trở về sau thuộc năm Cảnh Hưng thứ nhất đời Lê Hiển Tông. - Thanh, năm Càn Long thứ 5). Chb.XXXVIII,17

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh tự tiến phong nguyên soái, tổng quốc chính, Minh Đô vương. Tôn Giang làm thái thượng vương.

Doanh là người sáng suốt, quả quyết, có tài văn võ, từ khi mở phủ Lượng Quốc, tạm giữ chính quyền, được lòng người gắn bó đã lâu, nhưng bị Hoàng Công Phụ ghét, xén bớt mất quyền, nên mọi việc, Doanh không dám một mình tự quyết đoán.

Trịnh thái phi là Vũ Thị[1] cho triệu Nguyễn Quý Cảnh, bồi tụng giữ chức hữu tư giảng, vào phủ, bảo Quý Cảnh khuyên Trịnh Doanh đứng ra thay Trịnh Giang để trừ hoạn nạn trong cung phủ. Lúc ấy Quý Cảnh đương có trọng tang ở nhà, bèn ngầm biên tên hương binh[2], dự chia thành từng bộ phận, rồi nhân lúc nhàn rỗi nói với Doanh, Doanh khóc và ngăn cản đi. Quý Cảnh đem việc ấy nói với bồi tụng Nguyễn Công Thái và thân thần là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn, cùng tán thành cả.

Trước đây, Nguyễn Tuyển vùng vẫy ở mặt đông nam, tin nguy cấp hàng ngày đưa về, Thực quận công (sót họ tên), đảng của Công Phụ, trước đã đem quân đóng ở Thanh Lâm để đánh phá tiễu trừ nhưng không sao thắng được. Công Phụ nhận thấy ngày trước Nguyễn Tuyển đã ở trong nhà hắn, nên hắn muốn thân hành đi phủ dụ, dẹp yên Nguyễn Tuyển, lập lấy công to, để hiếp chế triều đình. Nhân đây Quý Cảnh cố sức khuyên.

(1) Vợ Trịnh Cương và là mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh.

(2) Trước đây, chúa Trịnh đặt phép hương binh doàn kết, sau bãi bỏ đi, rồi hạ lệnh cho đốc phủ các trấn lựa chọn luyện tập hương binh, để phòng khi có dùng vào việc đánh dẹp. Hương binh được cấp cho lương ăn và khí giới.

Công Phụ bèn đem binh lính trong bản bộ của mình sang đò qua sông, lúc ấy trong hoàng thành bỏ trống rỗng.

Bọn Quý Cảnh phân phối hương binh sung vào việc bảo vệ kinh thành, rồi bàn định dùng ngày khai bảo[1], hội họp trăm quan, phò lập Trịnh Doanh lên nối ngôi giữ quốc chính. Doanh nhún nhường từ chối không dám đương. Chb.XXXVIII,18 Quý Cảnh e rằng nếu để chậm sẽ sinh biến cố khác, bèn đem việc này tâu lên nhà vua. Nhà vua sai người dụ bảo hai ba lần, Trịnh Doanh không từ chối nữa.

Chiều hôm ấy, Quý Cảnh cùng Công Thái, Trương Khuông vào chầu nhà vua, nhưng hôm ấy chưa làm lễ mở bảo tỉ, bọn Quý Cảnh nhân mật hẹn với Tào Thái hầu (sót họ tên) giữ chức ở Tư Lễ giám rằng, sáng mai, xin chỉ dụ của vua để in bảo tỉ vào sắc văn.

Sáng hôm sau, Doanh đến phủ đường, bọn Quý Cảnh và Trương Khuông theo sau hộ vệ. Lúc ấy, chỉ có tướng sĩ thân quân ở trong vệ Tứ Nghiêm và Tứ Kính đều đeo gươm, cắp súng. Một lúc sau, Tào Thái hầu đưa sắc văn và dụ chỉ đến. Công Thái xướng lên rằng "có sắc mạng [của thiên tử]". Doanh quỳ xuống, tiếp nhận. Phan Lai hầu (sót họ tên), một tên nội giám, đứng bên cạnh, tức giận trách móc, bị Trương Khuông lôi ra giam vào ngục.

Công Thái lại khuyên, nhưng Trịnh Doanh còn chần chừ chưa quả quyết. Trương Khuông và Đình Hoàn liền phò Trịnh Doanh lên bảo tọa, bọn Quý Cảnh đứng hầu chung quanh, nội giám Giáp Nguyễn Khoa lên lầu nổi hiệu trống, tuyên triệu

(1) Chế độ dời phong kiến, hàng năm cứ đến hạ tuần tháng chạp dùng một ngày nào đó làm lễ hạp tỉ của vua chúa, hoặc hạp ấn của các quan, nghĩa là bỏ ấn tín vào một cái hộp khoá lại và niêm phong cẩn thận, bắt đầu từ ngày ấy, mọi công việc quan đều nghỉ cả. Đến đầu tháng giêng năm sau sẽ dùng một ngày nào đó làm lễ khai bảo tỉ của vua chúa và ấn tín của các quan, lúc ấy mới vắt đầu làm việc.

trăm quan. Các hoạn quan bảo vệ ở cung Thưởng Trì nghe tin biến động, đem binh lính đến. Hương binh của Quý Cảnh đánh nhau với bọn này đều giết hết. Trăm quan cùng đem nhau đến lạy mừng.

Sau khi Doanh đã lên nối ngôi rồi, tôn Giang làm thái thượng vương. Sai tụng quan tuyên bố lời dụ ở phủ đường :

1. Khôi phục lại hai ban văn vũ theo chế độ cũ, để triều đình được nghiêm trọng ;

2. Ba năm xét công trạng các quan một lần, để phân biệt người tốt, người xấu ;

3. Lục dụng người không mắc tội mà phải giáng truất, để cất nhắc người có tài mà bị chìm đắm ;

4. Nghiêm ngặt đối với những đơn xin chức tước hoặc bảo toàn tính mệnh, để con đường làm quan được Chb.XXXVIII,19 trong sạch ;

5. Tăng thêm khẩu phần ruộng, để binh lính đủ lương ăn ;

6. Rộng xá thuế tô, thuế dung, để cứu chữa sự đau khổ cho dân ;

7. Đình chỉ tất cả công việc xây dựng, để sức lực của dân được thư thả ;

8. Triệt bỏ các sở tuần ti, bến đò đặt trái phép, để tỏ rõ chính thể khoan hồng ;

9. Cấm chỉ sự ức hiếp và lối đặt tiền trước để mua hàng ;

10. Định lệnh thưởng và phạt tướng sĩ có công hoặc có tội, ra ân rộng rãi cho quân sĩ đã chết vẫn được hưởng miễn trừ ;

11. Định rõ việc khiếu tố các viên quan cai quản làm việc hà khắc nhũng lạm ;

12. Đê đường, giao cho viên quan ở trấn đốc thúc sửa đắp, để việc làm ruộng được thuận tiện ;

13. Tiền tài của cải giao về bộ Hộ giữ gìn quản trị, để việc chi dùng trong nước được đầy đủ ;

14. Các việc kiện tụng, cấm dâng tờ khải khiếu tố càn rỡ ;

15. Miễn tô ruộng cho hai xứ Thanh và Nghệ.

Lời dụ gồm 15 điều, trong kinh ngoài trấn rất lấy làm vui vẻ.

Bàn luận công bày tôi giúp rập : cho Vũ Tất Thận được chữ hiệu "công thần", mũ và đai lưng được trang sức bằng vàng, theo thể lệ mũ và đai của vương thân ; phong Nguyễn Công Thái, Nguyễn Quý Cảnh làm công thần suy trung và dực vận[1] còn những người khác đều được thăng thưởng người cao người thấp khác nhau.

Sau đó, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Hoàn đem quân bảo vệ cung Thưởng Trì, bắt giết đồ đảng thân tín của Hoàng Công Phụ. Công Phụ còn đóng quân ở Văn Giang, hay tin, hắn cùng hơn mười người thủ hạ bỏ trốn ; Thực quận công ở Thanh Lâm cũng trốn. Do đấy, cung cấm trong phủ đường được nghiêm chỉnh, yên tĩnh.

Lúc ấy, Trịnh Giang hoang dâm càn rỡ, bọn hoạn quan chuyên quyền, mọi việc đều ngang trái rối loạn, trộm giặc nổi dậy khắp nơi, trong kinh ngoài trấn nôn nao lo sợ, họ ngờ rằng sớm tối sẽ xảy ra sự bất trắc. Thế mà bọn Quý Cảnh, trong nhờ có Vũ Thị, trên giả thác sắc mệnh vua Lê, bèn phò Trịnh Doanh nắm lấy chính quyền, xoay xở xếp đặt trong khoảng chốc lát, mà lòng người được yên ổn. Sau khi công việc đã xong xuôi, Trịnh Doanh hạ lệnh cho Quý Cảnh vào túc trực trong phủ đường, sớm tối bàn định công việc. Lúc bấy giờ, sở dĩ cởi được mối rối loạn

Chb.**XXXVIII**,20

(1) Quan chế triều Lê có 24 bậc để đặc ân vinh phong cho bầy tôi có công. "Suy trung", và "dực vận" là hai bậc đứng đầu trong 24 bậc. Xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXII, tờ 26.

một cách thư nhàn, trấn áp họa loạn được yên ổn, Quý Cảnh thật là người có công.

Trịnh Doanh lại bàn định thi hành chính sách khoan hồng :

- Phàm quan hoặc quân để mất đồ vật công chưa đền, nếu là do sự bảo quản không cẩn thận (thất quản) thì nay được miễn tội ; nếu nhân việc ấy mà luận tội phạt phải bồi thường thì nay cho được khất lại.

- Trả lại chức tước cho bầy tôi đã mất, là Lê Anh Tuấn, Đỗ Bá Phẩm và Nguyễn Thọ Trường.

- Bầy tôi can tội lây mà phải giáng truất, nay đều được tẩy rửa tội lỗi và lại được vào chầu chực, như bọn Đào Hoàng Thực, Vũ Công Trấn, Lê Trọng Thứ, Lê Vĩ, Trần Lê Lân, Đỗ Huy Kỳ và Trần Hiền.

- Con cháu bầy tôi có công đời trước, nay bị chìm đắm trong dân gian và hàng ngũ quân lính đều xét theo tài năng rồi bổ dụng. Do đấy, người có tài mà bị chìm đắm không ai là không có lòng phấn khởi.

Lời chua - *Tứ Nghiêm, Tứ Kính* : Theo " Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Nghiêm mỗi đội 100 người ; các đội tả, hữu, tiền, hậu trong vệ Tứ Kính mỗi đội 52 người, đều là binh lính trong Lượng Quốc phủ[1] họ Trịnh,

Quý Cảnh : Người xã Thiên Mỗ[2], huyện Từ Liêm, là cháu Quý Đức, con Quý Ân, do chân tiến triều[3] giữ chức hữu tư giảng, QuýCảnh và Công Thái cùng giữ chức bồi tụng trong phủ chúa Trịnh.

Trương Khuông : Người xã Như Kinh[4], huyện Gia Lâm, là ngoại thích của chúa Trịnh.

(1) Tên phủ đệ của Trịnh Doanh khi làm tiết chế.
(2) Nay là xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, Hà Nội.
(3) Xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXVI, tờ 28.
(4) Nay thuộc xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Đình Hoàn : Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Hoa[1], nối đời làm tướng võ.

Giáp Nguyễn Khoa : Nội giám (hoạn quan), người xã Thiết Thượng[2], huyện Yên Dũng.

Thục quận công . Gia phả họ Đặng chép "Thực trung hầu", tước hiệu hoạn quan.

Thất quản : Ý nói người có bổn phận bảo quản mà lơ là về việc coi giữ.

Đào Hoàng Thục : Người xã Thượng Trì[3], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1697) năm Chính Hoà triều Lê Chb.XXXVIII,21 Hi Tông.

Vũ Công Trấn : Người xã Đôn Thư[4], huyện Thanh Oai.

Lê Trọng Thứ : Người xã Diên Hà[5], tỉnh Hưng Yên. – Công Trấn và Trọng Thứ đều đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Lê Vĩ : Người xã Hoà Bình, huyện Văn Giang[6], đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Lê Lân : Người xã Tam Lộng, huyện Lôi Dương.

Huy Kỳ : Người xã Thử Cốc, huyện Thuỵ Nguyên[7] – Lê Lân và Huy Kỳ đều đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trần Hiền : Người xã Vân Canh[8], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Chế thẻ bài "hoả tốc"[9]

(1) Nay là huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay là thôn Thiết Thượng thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
(3) Nay thuộc xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.
(4) Nay thuộc xã Kim Thư, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.
(5) Nay là xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.
(6) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(7) Nay thuộc tỉnh Thanh Hoa.
(8) Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.
(9) Đời cổ khi có việc chinh chiến, giấy tờ về việc bắt nộp lương, nộp lính phát đi khắp nơi. Vì thế, họ mới dùng một phiến gỗ nhỏ hình chữ nhật, chiều ngang, chiều dọc đã có kích thước nhất định, trên mặt phiến gỗ ấy sơn bằng phấn trắng, gọi là "thẻ bài". Thẻ bài nha

Lúc ấy dùng binh lính đi đánh dẹp, vũ hịch[1] phát ra tứ tung, bèn chế cái thẻ bài để phòng bị dùng trong khi khẩn cấp.

Tuyển thêm ưu binh.

Từ lúc trung hưng trở về sau, huyện lấy lính ở Thanh, Nghệ sung vào việc bảo vệ, gọi là "ưu binh". Về ngạch lính : cứ 3 suất đinh lấy một lính. Năm Bảo Thái thứ 2 (1721) định lại chế độ binh lính, cứ 5 suất đinh lấy một lính. Đến nay tuyển thêm lính, lại theo ngạch cũ 3 suất đinh lấy một Chb.XXXVIII,22 lính. Người nào đã tuyển được thì phân phối đưa đi luyện tập, sau dẫn vào phủ đường thi khảo, rồi bổ thuộc vào các đội ngũ.

Lại hạ lệnh : cấm các quan ở trấn nã bắt lính trốn và sách nhiễu ; cấm thu tiền vọng của binh lính ở trong kinh ngoài trấn vượt quá thể lệ ; binh lính theo đi đánh giặc ở các đạo, người nào biết đem hết sức ra giết giặc, sẽ được ban thưởng. Việc này, cho ghi chép lại để làm mệnh lệnh nhất định.

Lời chua - *Tiền vọng* : Tức tiền khao vọng. Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) triều Ý Tông, định thể lệ tiền vọng như thế này :

Phàm binh lính ở Thanh, Nghệ mới tuyển được, phải nộp ở đội ngũ của mình mỗi tên lính cổ tiền[2] một quan năm tiền.

Binh lính ở ngoài các trấn tuyển vào đội thị hậu, phải nộp binh tiền[3] ở xã mình ba quan (nạp tại bản xã binh tiền tam quán). Ngoài ra các khoản khác đều đình bãi.

---

môn nào có dấu hiệu riêng của nha môn ấy. Gặp việc cần cấp, thì viết công việc phải làm vào mặt thẻ bài (việc xong rồi, người có trách nhiệm thu lấy thẻ bài lau sạch chữ đi). Khi giao thẻ bài cho người nào đo nhận đi làm công việc thì trên đầu thẻ bài lại cắm thêm một cái lông cánh chim, để tỏ ra rằng, phải thi hành một cách nhanh như bay, nên gọi là "vũ hịch". Thẻ bài "hoả tốc" chép ở đây, chắc cũng chế theo thể thức ấy. Đầu thế kỷ thứ XX, một số nha môn vẫn còn dùng thẻ bài ấy, nhưng không phải là "vũ hịch" hoặc "vũ thư".

(1) - nt-

(2) Mỗi tiền 60 đồng, xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXI, tờ 2.

(3) Tham khảo mục tiền vọng ở "binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* (sách chép tay) chép : "cổ tiền".

Hạ lệnh : Người nào dâng vật liệu dùng về việc binh, sẽ được ban thưởng.

Lúc ấy các đạo đánh dẹp, binh khí phần nhiều dùng thứ thuốc bắt lửa. Vì thế, mới hạ lệnh cho các phiên mục ở ngoại trấn(1), dâng nộp o diên, diêm tiêu, lưu hoàng, sẽ miễn cho việc đánh thuế mỏ và miễn tiền thuế dung, thuế điệu của dân đinh trong khu vực mà người phiên mục ấy cai quản. Nếu phiên mục nào muốn làm quan, sẽ cân nhắc số vật liệu đã dâng nhiều hay ít để trao cho quan chức. Những khách buôn ở các cửa hàng trong kinh kỳ và phố Lai Triều, nếu người nào tình nguyện dâng nộp để xin thưởng chức sắc, sẽ thưởng cho theo như thể lệ người nộp thóc hoặc nộp tiền ; nếu người nào không muốn lấy chức sắc thì trả lại bằng tiền ; người nào ẩn giấu sẽ phải tội.

Lời chua – *Lai Triều* : Tên phố, tức phố Hiến, thuộc trấn Sơn Nam thời nhà Lê. Nay là tỉnh lỵ Hưng Yên.

Sai bọn Trịnh Kính đi kinh lý vùng Sơn Nam.

Sơn Nam địa thế rộng rãi, bọn Hoàng Công Chất thường cướp phá luôn, chúng ra vào không nhất định, một mình đốc lãnh Hoàng Kim Trảo không thể chống cự được. Triều đình bèn sai quan quân chia làm ba đạo tiến đi càn quét : Cao quận công Trịnh Kính tiến theo thượng đạo ven núi ; Trình quận công Hoàng Công Kỳ tiến theo tả đạo ven sông ; Nhạc Thọ hầu Phạm Trần Tông tiến theo hữu đạo ven sông, cho phép các tướng đều được tuỳ tiện thi hành mọi việc. Sau đó, triệu Trịnh Kính về, dùng Trần Tông quản lãnh thay quân của Trịnh Kính ; ít lâu sau lại cho Khoản Trung hầu Nguyễn Trọng Cảnh thay Trần Tông, đóng đồn chống cự về mặt các huyện Thượng Nguyên ; lại sai đốc trấn Vũ Tá Liễn và viên quan giữ việc phủ dụ là Đỗ Doãn Thành hội họp quân lính đón đánh ở Đông An, nhưng không thắng được. Chb.XXXVIII,23

(1) Tức các trấn Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn và Hưng Hoá.

Lời chua - *Thượng Nguyên :* Tên huyện. Xưa gọi Thượng Hiền ; sau khi nhà Lê trung hưng đổi là Thượng Nguyên, thuộc trấn Sơn Nam ; nay thuộc phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

Đông An : Tên huyện. Hồi thuộc Minh gọi là Đông Kết ; nhà Lê đổi là Đông An, thuộc trấn Sơn Nam ; nay thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Công Kỳ : Hoạn quan, người xã Trình Xá, huyện Thần Khê[1].

Tá Liễn : Tạo sĩ, người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà[2].

Sai bọn Trần Đình Miên và Nguyễn Bá Lân đi kinh lý trấn Sơn Tây.

Lúc ấy, quân của Duy Mật tràn ra Sơn Tây, các huyện Phúc Lộc, Tiên Phong đều bị cướp phá nhũng nhiễu. Bèn bổ dụng Đình Miên giữ chức đốc lãnh Sơn Tây, đem quân đi đánh. Sau đó, lại sai bồi tụng Nguyễn Bá Lân đem quân và voi tiến lên, vừa đánh dẹp vừa phủ dụ. Bá Lân chiêu tập hương binh ba huyện thượng du đi bình định, bắt được nhiều người. Quân của Duy Mật lui về thượng đạo.

Lời chua - *Phúc Lộc :* Tên huyện, nhà Lê gọi Phúc Lộc ; nay đổi Phúc Thọ[3]. Chb.**XXXVIII**,24

Tiên Phong : Tên huyện, hồi đầu triều Lê gọi Tân Phong ; sau khi trung hưng đổi Tiên Phong. - Hai huyện này nay đều thuộc phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây.

Biểu dương những người tiết nghĩa là bọn Hoàng Sĩ Châu và Nguyễn Hưng Vượng.

Lưu tặc[4] đánh phá châu Thu Vật. Hoàng Sĩ Châu, tường sinh xã Đại Đồng, bị bắt ; giặc khảo đả, Sĩ Châu không khuất phục, dùng dao tự xử. Viên lưu thủ Văn Đình Dận đem sự

(1) Nay thuộc huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(2) Tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây.
(4) Những người tụ tập nhau đi đánh phá các nơi, nay đánh nơi này, mai đánh nơi khác, không nhất định chỗ nào, quan niệm phong kiến gọi họ là "lưu tặc".

trạng này tâu bày, bèn truy tặng cho hàm tri huyện và tha dao dịch cho nhà Sĩ Châu. Ở huyện Hoa Khê, tri huyện Nguyễn Hưng Vượng và huyện thừa Phạm Danh Linh đều chết về tay giặc. Ở Sơn Dương, một người dân là Dư Khắc Cung đánh nhau với giặc ở nơi đường ngõ, bị chết. Những người kể trên đều được tặng phong và ban cho tiền tuất. Vợ (sót họ tên) viên quan tiến triều Nguyễn Đình Kính bị khảo đả, không chịu khuất phục, cùng với con trai đều chết. Ban cho tấm biển đề ba chữ "trung tiết môn".

Lời chua - *Thu Vật* [1]: Nay đổi là Thu Châu. Xem Lê Thái Tông, năm Đại Bảo thứ nhất (Chb. XVII,20).

Hoa Khê [2]: Tên huyện, nay đổi Cẩm Khê, thuộc phủ Lâm Thao.

Sơn Dương[3] : tên huyện. Đời nhà Lê, huyện này Chb.**XXXVIII**,25 thuộc phủ Đoan Hùng, sau bỏ ; năm Gia Long thứ 6 (1807) bản triều mới đặt chức tri huyện. - Hoa Khê và Sơn Dương nay đều thuộc tỉnh Sơn Tây.

Đại Đồng : Tên xã, thuộc Thu Châu, tỉnh Tuyên Quang[4].

Đình Dận : Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn[5], đỗ tạo sĩ.

Tường sinh : Chế độ nhà Lê trước kia, người thi hương trúng ba kỳ, gọi là tường sinh.

Bọn Vũ Đình Dung, giặc Ngân Già, uy hiếp Chân Ninh. Bọn đốc lãnh Hoàng Kim Trảo đánh nhau với giặc, thua trận, bị chết.

Bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn và Tú Cao ở Ngân Già thuộc Sơn Nam, liên kết binh sĩ, uy hiếp phố Chân Ninh, thanh thế rất lừng lẫy. Đốc lãnh Hoàng Kim Trảo chống cự

(1) Nay là huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.
(2) Nay là huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ.
(3) Nay là huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
(4) Nay thuộc tỉnh Yên Bái.
(5) Thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

lại. Kim Trảo cùng tướng hiệu thuộc dưới quyền hắn là bọn Nguyễn Thế Siêu, Trần Danh Quán bại trận, đều bị giết.

Lời chua - *Ngân Già :* Tên xã, thuộc huyện Nam Chân(1), trấn Sơn Nam.

Chân Ninh : Tên phố, ở huyện Nam Chân, nay chia đặt lại, thuộc huyện Chân Ninh(2).

Kim Trảo : Người xã Đan Dương Hạ, huyện Bạch Hạc(3), đỗ tạo sĩ.

Tú Cao : Tên một người giặc, sót họ.

Tháng 2. Toản Cơ, thổ tù ở phiên trấn Lạng Sơn, làm phản, đánh phá Đoàn Thành. Tổng phủ Ngô Đình Thạc bị chết.

Đình Thạc lấy tư cách thượng thư bộ Hộ, tham tụng, ra trấn thủ Lạng Sơn mới được vài tháng. Toản Cơ làm phản, vây Đoàn Thành, trong thành không có binh lính. Có người khuyên Đình Thạc bỏ chạy, may ra được thoát. Đình Thạc nói : "Chức phận của ta là ở chỗ giữ lấy đất của triều đình, ta phải sống chết với thành này, toan chạy đi đâu? " Rồi bị sa vào tay giặc. Đình Thạc giữ tiết tháo, không khuất phục, để chết. Sau được truy tặng hàm thiếu bảo.

Lời chua - *Toản Cơ* (sót họ) : Tên một thổ tù ở phiên trấn.

Đoàn Thành : Thành trấn Lạng Sơn. Chb.XXXVIII,26

Bổ dụng Vũ Công Tể, Nguyễn Quý Cảnh và Nguyễn Công Thái làm tham tụng.

Công Tể từng làm quan bồi tụng, ra trấn thủ Cao Bằng, sau lại triệu về. Vì là người văn học, nên Công Tể được trọng đãi. Lúc ấy, Trịnh Doanh mới lập, mọi việc chính sự đổi mới,

(1) Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
(2) Nt
(3) Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

nên hạ lệnh cho Công Tể cùng Quý Cảnh, Công Thái cùng vào phủ đường giữ công việc chính trị.

Nguyễn Trọng Uông, thống lãnh Bắc đạo, đánh nhau với Nguyễn Tuyển ở xã Bình Ngô, thua trận, bị chết. Triều đình bổ dụng con hắn là Đức Thân lên thay cầm quân.

Trọng Uông là người khoẻ mạnh, quả cảm, chiến đấu giỏi, thường một mình một ngựa xông pha trong trận giặc. Đến nay gặp Nguyễn Tuyển, Trọng Uông đem hết sức lực chiến đấu gay go. Nguyễn Hữu Nhuận, thuộc tướng của Uông, bỏ chạy trước, cả một đội quân phải kinh sợ, tan vỡ ; hiệu quân theo sau của bọn Đặng Đình Sắt, Phạm Hữu Tá đều bỏ chạy. Giặc đem hết quân bao vây, Trọng Uông kiệt sức, bèn bị hại. Trịnh Doanh rất thương, truy tặng hàm thái bảo, tước quận công. Doanh nhận thấy Đức Thân, con Trọng Uông, là người có tài làm tướng, bèn hạ lệnh cho cầm quân thay. Lại giết bọn Nguyễn Hữu Nhuận và Đặng Đình Sắt, đày (tội lưu) Phạm Hữu Tá đi viễn châu.

Lời chua – *Trọng Uông :* Người xã Quế Ổ, huyện Quế Dương, đỗ tạo sĩ.

Hữu Tá : Người xã An Thường, huyện Đông Ngàn, đỗ tạo sĩ.

Bình Ngô : Tên xã, thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Chb.**XXXVIII**,27

Tháng 3. Bãi bỏ mọi việc xây dựng.

Việc xây dựng các chùa quán Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Hoa Long, Tử Trầm và Tây Phương đều bãi bỏ hết, những ruộng đất trước kia chiếm làm chùa quán, nay trả lại dân.

Lời chua – *Chùa Quỳnh Lâm :* xem Tương Dực đế năm Hồng Thuận thứ 8 (Chb. XXVI, 26).

Chùa Hồ Thiên : Xem năm Vĩnh Hựu thứ 2 (Chb. XXXVIII, 1).

Chùa Hoa Long : Ở thôn Việt Trì, huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây[1].

Chùa Tử Trầm : Ở huyện Yên Sơn tỉnh Sơn Tây[2], có hang đá.

Chùa Tây Phương : Ở huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây[3].

Hạ lệnh : Đề cử người có tài cán mưu lược và lựa xét bổ dụng con cháu bầy tôi có công.

Phàm người nào có phương pháp, mưu lược, biết võ, khoẻ mạnh, có thể dùng vào việc cầm quân, cùng người nào có thuật đặc biệt, có mưu kỳ lạ, đều không phải câu nệ về tư cách phẩm trật, hết thảy được đề cử tên từng người để triều đình biết, sẽ tuỳ theo tài năng bổ dụng. Sau lại hạ lệnh : con cháu bầy tôi có công được vào kinh đô để lựa chọn, người nào có sức mạnh, chiến đấu khoẻ, sẽ cấp cho lương bổng, rồi cho theo đi quân thứ chịu sự điều khiển.

Vũ Tá Lý, chinh tây đại tướng quân, đánh nhau với giặc Tế và Bồng ở An Lạc. Bắt được bọn giặc này.

Tên Tế, giặc ở Sơn Tây, và tên Bồng ở Bình Ngô, đều nổi tiếng là giặc tinh quái hung tợn. Thể quận công Tá Lý đón đánh ở An Lạc, bắt được bọn này. Chb.**XXXVIII**,28
Trịnh Doanh ban cho Tá Lý cờ, kiếm và ấn, để tuyên dương công trạng.

Nguyễn Danh Phương, dư đảng của tên Tế, chiếm cứ núi Tam Đảo, nhân địa thế hiểm trở làm thành luỹ, chiêu mộ binh lính, vơ vét lương ăn, chứa khí giới, họp đồ đảng, ẩn náu nơi núi rừng. Nhiều lần Danh Phương xin hàng để hoãn binh, Trịnh Doanh biết mưu giả trá, đem việc ấy bàn với bầy tôi. Doanh cho rằng "sự thế đánh dẹp cần phải biết việc hoà hoãn,

(1) Nay thuộc tỉnh Phú Thọ.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tây.
(3) Nt

việc khẩn cấp mà định kế đánh trước, đánh sau. Danh Phương chẳng qua chỉ là tên giặc tự giữ một xó mà thôi. Còn như vùng đông nam là nơi đẻ ra của cải thuế khoá của quốc gia ; nay vùng này bị Hữu Cầu và Công Chất liên kết với nhau, hàng ngày đốt phá cướp bóc thả cửa, vậy bây giờ trước hết phải quét sạch vùng đông nam, để gỡ mối lo nguy cấp cho dân. Sau khi đã bình định được hai tên giặc này rồi, lúc ấy sẽ quay cờ kéo lên mặt tây, thì Danh Phương dầu giảo quyệt đến đâu cũng không thể lọt lưới của ta được". Bèn hạ lệnh cho trấn thủ Sơn Tây nhận lời cho Phương hàng, liệu lượng lưu quan quân ở lại đóng đồn phòng ngự. Còn bao nhiêu binh sĩ đều đổ dồn hết về đạo đông nam, để góp sức đánh dẹp càn quét. Chb.XXXVIII,29

Lời chua - *Tế, Bồng, Cầu, Chất :* Tên bốn người giặc.

An Lạc [1]*:* Tên huyện, nay thuộc phủ Vĩnh Tường, tỉnh Sơn Tây.

Danh Phương : Tức Danh Ngũ, người huyện An Lạc.

Tá Lý : Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà.

Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ làm Thống lãnh chinh tây đại tướng quân.

Lời phê - *Trịnh Doanh cũng không phải người có tri thức.*

Tháng 4, mùa hạ. Thải bớt lính đã ứng mộ.

Trước đây các đạo đánh dẹp, số binh lính ít ỏi, bèn hạ lệnh chiêu mộ người mạnh khoẻ, gọi là "chí nguyện binh". Sau đó, số ứng mộ khá nhiều, ở lẫn lộn cả trong kinh kỳ, rồi theo nhau làm việc gian tham, trộm cắp. Vì thế mới hạ lệnh sa thải, chọn lấy người có tên trong sổ cũ, sẽ do quan cấp lương cho ; tướng hiệu không được dẫn họ vào trong thành trú ngụ lẫn ở nhà cửa của quân và dân, ai trái lệnh sẽ phải tội.

(1) Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hạ lệnh : Người nào nộp tiền hoặc thóc, sẽ được trao cho quan chức.

Bắt đầu bàn định quân cấp ruộng, sau chưa kịp thi hành đã bãi bỏ.

Trịnh Doanh say sưa phép tỉnh điền[1] đời cổ, muốn cho người nghèo người giàu đều nhau, để thuế khoá và lực dịch được quân bình. Các quan chấp chính trong phủ đường bàn rằng : "từ đời Tam Đại[2] trở về sau, chế độ ruộng đất bỏ đổ nát, không sổ sách nào có thể làm bằng chứng Chb.XXXVIII,30 được. Các đời vua quốc triều [triều Lê] cũng chưa có đời nào thi hành. Vả lại, hiện nay sổ đinh, sổ điền ở các trấn cũng có chỗ tăng lên, chỗ hụt đi, trộm giặc ở quận huyện chưa dẹp yên được. Nếu phân phối người đi khám xét đo đạc, chỉ thêm phiền nhiễu cho dân, người nghèo chưa chắc đã trở về sum họp, mà người giàu sẽ sinh lòng nghi ngờ trở ngại. Vậy muốn thi hành phép này phải đợi khi thái bình rồi sẽ bàn định". Vì thế nên việc này nửa chừng lại thôi.

Tháng 5. Nguyễn Đăng Hiển, viên tướng chỉ huy đạo quân thuỷ, đón đánh bại được Nguyễn Tuyển ở huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc.

Nguyễn Tuyển đem quân qua sông, xâm phạm các huyện Phú Xuyên và Thượng Phúc. Đăng Hiển đem quân tiến đánh, Tuyển bị thua, bỏ chạy. Bọn đốc lãnh Trương Khuông và Lê Công Chiêm đem quân đi đón đánh, nhưng không kịp.

(1) Chế độ ruộng đất nhà Chu (1121- 250 tr.c.n), lấy thửa đất 900 mẫu làm một dặm, vạch ra thành 9 khu, mỗi khu 100 mẫu. Khu giữa là ruộng công của vua, còn 8 khu chung quanh chỉ chia cho mỗi gia đình một khu làm ruộng tư. 8 gia đình được chia ruộng này phải góp sức lại để cày cấy ruộng công cho vua, mà ruộng tư của mình không phải nộp thuế. Cách chia ruộng ấy theo hình chữ "tỉnh" (), nên gọi "tỉnh điền".

(2) Túc nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu, đời thượng cổ Trung Quốc.

Lời chua - *Phú Xuyên :* Tên huyện, năm Hồng Đức nhà Lê gọi Phù Vân ; năm Quang Thiệu gọi Phú Nguyên ; nhà Mạc đổi Phú Xuyên ; Lê trung hưng vẫn theo như nhà Mạc, thuộc phủ Thường Tín, xứ Sơn Nam ; nay thuộc tỉnh Hà Nội[1]. Chb.**XXXVIII**,31

Thượng Phúc : Tên huyện, xem Lê Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 9).

Kén thêm lính thuỷ.

Hạ lưu vùng đông nam, có nhiều giặc ở sông biển. Bèn hạ lệnh chọn thêm lính ở các huyện ven sông thuộc Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc, cứ 5 suất đinh lấy một người, phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ lính thuỷ và cấp cho thuyền công, mỗi thuyền 10 người, lại cho ưu binh Thanh, Nghệ xen lẫn vào, để thao diễn luyện tập, phòng bị khi điều khiển đến.

Doanh ép nhà vua truyền ngôi cho Duy Diêu (tức Hiển Tông), con trưởng của Thuần Tông. Tôn nhà vua làm thái thượng hoàng.

Duy Diêu, râu rồng, mắt phượng, là con trưởng Thuần Tông và là cháu nhà vua [Ý Tông Duy Thận][2]. Duy Diêu lấy địa vị người con trưởng, đáng được lập làm vua từ trước. Nhưng vì chú ruột là Duy Mật[3] dấy quân, nên Trịnh Giang truất đi, đã lâu vẫn bị giam cấm. Trịnh Doanh mật sai người dời Duy Diêu đến ở nhà Bình quận công Vũ Tất Thận. Trước đây, Tất Thận chưa biết việc này. Một đêm, nằm mộng thấy một người "kẻ cả" đến nhà, cờ quạt âm nhạc, hệt như nghi trượng thái bình thiên tử. Sáng hôm sau, thấy Duy Diêu đến. Tất Thận bèn đem việc này nói với Doanh. Doanh muốn nhờ vào phúc đức Duy Diêu, mới cùng các đại thần bàn định tôn lập làm vua và xin nhà vua nhường ngôi cho

(1) Bây giờ thuộc tỉnh Hà Tây.
(2) Duy Tường (Thuần Tông), Duy Thận (Ý Tông) và Duy Mật đều con Dụ Tông. Duy Diêu (Hiển Tông), con trưởng của Thuần Tông, nên gọi Duy Thận và Duy Mật bằng chú ruột.
(3) Xem chú thích 2 trang 1728.

Duy Diêu. Trong tờ chiếu truyền ngôi của Ý Tông có câu nói : "Nghĩ bọn ngoan ngu còn quấy rối chốn biên cương, nên muốn cho kinh kỳ được yên, bốn biển được tĩnh ; theo lẽ chính đáng nên suy tôn người đích trưởng, cốt là để kính trọng tông thống, thuận theo lòng dân". Tờ chiếu ban ra, lòng người rất vui vẻ. Chb.**XXXVIII**,32

Thượng hoàng sau khi nhường ngôi, ở điện Kiền Thọ, số dân xã cung phụng[1] chuẩn cho được lấy một phần ba trong số chính phần.

Lúc ấy, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên dấy quân lâu ngày, thanh thế trở nên lừng lẫy, cho thúc giục dân chúng quạt mạnh ngọn lửa chiến tranh ở quãng các phủ Từ, Thuận, Hồng, Sách, đi đến đâu dân ở đấy hưởng ứng theo. Cừ chiếm cứ Đỗ Lâm thuộc Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn thuộc Chí Linh, đồn luỹ liên tiếp nhau, mỗi người đều có hàng vài vạn quân. Nhiều lần các tướng đánh phá càn quét, nhưng không thắng được.

Trịnh Doanh muốn mở cuộc hiểu dụ để chia rẽ đảng của họ. Doanh bèn hạ lệnh rằng : "Nhà nước, dùng lễ độ đối đãi sĩ phu, dùng nhân nghĩa nuôi dưỡng dân chúng ; mở rộng sự vui lòng giáo dục như lời ca tụng trong thơ Thanh nga[2], làm yên dịu sự kêu ca thảm thương như lời thổ lộ trong thơ Hồng nhạn[3].

Thế mà trước đây bọn giặc ở Chí Linh can phạm danh phận, thành ra dân một góc vùng đông bắc, riêng bị chúng ức hiếp dỗ dành. Là học trò, được triều đình giáo dục thành tài

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXX, tờ 27.

(2) Nguyên văn chép : "Hoằng lạc dục ư thanh nga ; thiếp ai minh ư hồng nhạn". Thanh nga và Hồng nhạn, hai thi tập chép trong thiên Tiểu nhã sách *Mao thi*. Đại ý thơ Thanh Nga nói : người nhân tài được nhà nước giáo dục bồi dưỡng cho, cũng như cỏ thanh nga được sinh ở nơi có nước (theo nghĩa trong đại tự của lời tựa sách Mao thi). Thơ Hồng nhạn nói : dân phải phiêu tán không khác gì tiếng kêu thảm thương của chim hồng nhạn lạc đàn, nay được trở về yên nghiệp làm ăn, cũng như chim về tổ.

(3) Nt.

mà vì chúng phơi gan, dâng sức ; là người dân, được triều đình cho vui chơi yên nghỉ mà vì chúng xông vào giáo mác, nước sôi. Trong những người ấy, cũng có người mong thoát được sự liên luỵ đến gia đình ; cũng có người muốn đỡ được sự xâm lăng ngay trước mắt. Tuy rằng cúi đầu mà theo gượng, nhưng há có phải trong bụng mê muội mà quên mất đường trở lại đâu? Vậy nay nếu biết bỏ đường nghịch, theo đường thuận, vứt binh khí, về đầu hàng, sẽ nhất luật đều cho cùng nhau đổi mới, hoặc người nào có thể đái tội lập công cũng sẽ được tha tội lỗi, ban ân thưởng. Khuyên mọi người đều nên tính toán cho kỹ, nhận rõ cái lẽ hướng chỗ sáng, bỏ chỗ tối".

Lời cẩn án – *Nói về nhà Lê, từ khi Trịnh Tùng bạo nghịch giết vua*(1) *đến nay đã sáu đời*(2)*, chúng rập theo hành động cũ, bắt chước thói xấu của nhau, đối với vua Lê, việc gì chúng cũng lấn vượt. Đem đại nghĩa kinh Xuân Thu (Khổng Tử) mà xét, tất nhiên phải choảng cho chúng những nhát búa rìu. Trịnh Doanh biết rước lập Hiển Tông, muốn nương nhờ vào phúc đức, thế mà lại tác phúc tác oai, tự nắm lấy quyền bính trong nước, rồi một lần truyền ngôi nữa, con là Trịnh Sâm bắt chước, lăng loàn áp bức vua Lê ngày càng tệ hơn. Câu sấm ngữ "Lê bại Trịnh vong"*(3) *chung quy không thuốc nào cứu chữa được. Thế thì những kẻ giả thác danh nghĩa chả đáng nên lấy đấy làm gương răn đó sao ?* Chb.**XXXVIII**,33

Lời chua – *Điện Kiền Thọ :* Theo *Ngọc phả triều cố Lê* thì điện Kiền Thọ ở phía tả hồ sen, đông cung.

Từ, Thuận : Tên hai phủ Từ Sơn và Thuận An, thuộc Kinh Bắc.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXI, tờ 17.
(2) Bình An vương Trịnh Tùng, Thanh Đô vương Trịnh Tráng, Tây Vương Trịnh Tạc, Định Nam vương Trịnh Căn, An Đô vương Trịnh Cương, Uy Nam Vương Trịnh Giang.
(3) Tương truyền cuối đời Lê- Trịnh có câu sấm : "Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong". nghĩa là nhà Lê còn thì nhà Trịnh còn, nhà Lê bại thì nhà Trịnh cũng mất.

Sách : Tức Nam Sách. Xem ngang với Tấn, Tế Vương, năm Khai Vận thứ 2 (Tb. V 22).

Hồng : Tức Hồng Châu. Xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb. V, 14).

Sao Thái Bạch đi ngang trời .

Tháng 6 (sót ngày). Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ ánh sáng (lậu minh).

Lời chua - Chữ "*lậu*" nghĩa là lộ rõ ra. Chữ "lậu minh" chép ở đây có lẽ nói mặt trăng xuất hiện ban ngày mà lộ rõ ánh sáng, tranh sức sáng với mặt trời.

Kén hương binh(1).

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, không đủ lính để điều khiển. Bèn hạ lệnh kén hương binh, cứ năm đinh lấy một người, chia thành đội ngũ luyện tập, để sau này sẽ trưng dụng điều khiển.

Định thể lệ thờ tự ở Võ Miếu.

Vị chính giữa : thờ Võ Thành vương Thái công Vọng, còn từ Tôn Võ Tử, Quản Tử trở xuống 18 người phân phối thờ ở hai bên đông vũ và tây vũ. Trần Hưng Đạo đại vương Quốc Tuấn được thờ theo vào Võ Miếu. Lại dựng miếu riêng thờ Quan Công nhà Hán. Hàng năm, mùa xuân, mùa thu 2 kỳ tế, đều dùng ngày mậu vào thượng tuần. Cấp cho mỗi miếu một ấp dân hộ, để cung phụng việc thờ tự. Chb.XXXVIII,34

Hạ lệnh cho các tướng hiệu cấm quân lính bắt bớ cướp bóc ; nếu có bắt được sổ sách thư từ đều đem đốt hết.

Hạ lệnh cho các tướng : khi hành quân qua quận ấp, phải sẵn lòng vỗ về yên ủi trăm họ. Cấm hết : quân sĩ hà khắc, nhũng nhiễu dân địa phương ; bọn hào cường ức hiếp người nghèo yếu.

(1) Xem chú thích số 2, tờ 17 trong cuốn này.

Lúc ấy, bọn trộm cướp hoành hành, nhân dân nhiều người bị uy hiếp phải theo, chúng đem biên tên thành sổ sách. Bèn hạ lệnh các đạo đi dẹp giặc, nếu có bắt được giấy tờ sổ sách của giặc đều đốt đi hết, rồi tuyên truyền hiểu bảo cho mọi người biết, để người giáo giở được yên tâm.

Hạ lệnh thu nhặt hết chuông khánh ở các chùa thờ Phật.

Lúc ấy, dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều. Có người nói nên quyền nghỉ xếp đặt để giúp việc cần dùng trong quân. Bèn hạ lệnh : biên thu lấy chuông khánh các chùa thờ Phật, đem nộp. Lại hạ lệnh cho phiên thần và thổ dân ở ngoại trấn nộp đồng hoặc chì, sẽ đều tuỳ theo số nộp được nhiều hay ít mà cất nhắc trao cho quan chức.

Định phép thông dụng tiền và bạc.

Khoảng năm Long Đức - Vĩnh Hựu (1732-1740), sự chi tiêu trong nước chuyên dùng bằng tiền, giá bạc hơi hạ. Đến lúc dùng quân đánh dẹp, phần nhiều đem bạc cấp lương cho lính, bọn nhà buôn lại càng giảm giá bạc xuống, thành ra sự ăn tiêu của binh lính gặp khó khăn. Bèn hạ lệnh viên quan giữ chức trách định giá chợ, cho phép tiền và bạc đều được thông dụng. Ở chợ đặt chức thị trưởng, phân biệt bạc thực bạc giả để mua bán. Do đấy giá cao hạ được thăng bằng, mà bọn phú thương không thể vơ vét mối lợi được. Chb.XXXVIII,35

Nguyễn Tuyển đánh phá huyện Đường Yên, bọn Vũ Tất Thận chống cự lại, nhưng không thắng được.

Hai đại tướng Bính quận công Vũ Tất Thận và Trình quận công Hoàng Công Kỳ đem quân đến xã Yên Nhân, ngần ngại không dám tiến. Nguyễn Tuyển bèn đốt phủ đệ và từ đường Mi Thữ, rồi tung quân ra cướp phá ồ ạt, thành ra dân ở vùng này làng xóm bị tiêu điều, biến dần ra rừng rậm.

Lời chua - *Đường Yên :* Tên huyện, đời nhà Lê, huyện này thuộc phủ Thượng Hồng, Hải Dương ; nay phủ Bình Giang kiêm lý.

Yên Nhân :[1] Tên xã, thuộc huyện Đường Hào.

Phủ dệ từ đường Mi Thữ : Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 2 (tờ 1 và 2 trong cuốn này).

Tháng 7 nhuận, mùa thu. Bọn thống lãnh Hoàng Nghĩa Bá đánh bại được Nguyễn Tuyển ở Phao Sơn.

Ban thưởng cho Nghĩa Bá thẻ bài bằng vàng, để tuyên dương công trạng. Còn bọn tán lý Nguyễn Thế Khải, hiệp đồng Trần Cảnh và thuộc tướng Trịnh Khải đều được ban thưởng cao thấp khác nhau.

Lời chua - *Phao Sơn :* Tên núi, ở xã Phao Sơn, huyện Chí Linh, thuộc Hải Dương. Trước mặt xã này là sông Lục Đầu.

Nghĩa Bá : Người xã Hoàng Vân[2], huyện Kim Động, đỗ tạo sĩ.

Thế Khải : Người xã Nhân Lý, huyện Thanh Lâm[3], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu. Chb.**XXXVIII**,36

Trần Cảnh : Người xã Điền Trì, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Doanh đem đại quân đánh giặc Ngân Già, bình định được.

Quân ở vùng đông nam nổi dậy, đốt phá cướp bóc châu huyện, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá thế lực đương hăng, mà bọn giặc Ngân Già Vũ Đình Dung lại càng tinh quái hung tợn : Chỗ ở của bọn này không có tường lũy gì, chỉ dựa vào nơi bùn lầy làm hiểm trở, đồ đảng thì nanh ác mạnh tợn, không sợ chết. Gặp quan quân, chúng liền vác dao xông vào chém bừa bãi, các tướng nhiều lần bị thua.

(1) Tục gọi làng Bần, nay thuộc thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay thuộc huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(3) Nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Bấy giờ Trịnh Doanh hạ lệnh : Bình định xong mặt nam, liền tiếp tục chuyển quân hướng về mặt đông. Bèn sai quan đi ngựa loan báo cho các huyện ấp biết trước : Quân trẩy đến đâu, nhân dân đấy cứ việc ở yên không phải sợ hãi ; người bị giặc bắt hiếp phải theo nay nếu về đầu hàng sẽ không phải tội ; quan lại vẫn được trở về giữ chức việc như cũ ; nhân dân được phép chiểu nhận điền sản của mình. Lại đặt chức hành quân phỏng sát[1], cấm chỉ việc bắt người, cướp của. Vì thế, quan quân đến đâu, phụ lão ở đấy đón đường vui mừng nghinh tiếp, có người tình nguyện nộp của cải để giúp cho quân ; có người xin hội họp quân theo đi đánh giặc. Trịnh Chb.XXXVIII,37
Doanh đóng quân ở bến Mộc Hoàn, sắm sửa khí giới, tập trận thuỷ chiến, oai phong quân sĩ rất hăng hái, thanh thế lẫy lừng.

Trịnh Doanh bàn rằng : "Ninh Xá[2] chưa thể phá ngay được, bây giờ không gì bằng trước hết đánh tan được giặc Ngân Già để cắt đứt sự cứu viện của đảng giặc". Doanh bèn dẫn quân xuống mặt nam. Tháng 11, quân tiến đến đóng tại xã Vũ Điện, sau kéo đến Hiến Doanh, chia các tướng thành từng bộ phận, hẹn ngày đều tiến quân : sáng sớm xuất phát từ Hiến Doanh, chiều đến sông Vị Hoàng, sáng sớm hôm sau đến Lạc Đạo. Bọn Đình Dung đem hết quân ra đánh để kháng cự. Doanh sai các tướng là bọn Đinh Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn, Vũ Tất Thận và Trương Khuông đốc suất quân các doanh ra đánh. Trương Khuông đem quân cánh tả tiến sát đến chỗ đồi cỏ rậm rạp, phục binh của giặc thình lình Chb.XXXVIII,38
nổi dậy, giết một tì tướng của Khuông. Trịnh Doanh nổi giận, thúc voi tiến lên, chỉ huy các quân góp sức lại đánh một trận lớn. Địa điểm này, bốn mặt bùn lầy, ai cũng cho rằng đại binh không thể vào được. Ngày hôm ấy, ruộng

(1) Chức quan có nhiệm vụ dò la xem xét trong khi hành quân.
(2) Tức Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ.

bùn lầy tự nhiên khô ráo, chỉ hơi ướt chân ngựa, quân chúng đều lấy làm kinh dị, họ chạy nhảy tranh nhau phấn đấu. Đình Hoàn đem quân bắn tập hậu vào quân của giặc, nhân đấy buông lửa đốt ấp trại, khói bốc đầy trời, quân giặc bèn tan vỡ tứ tung, quan quân nhân đà thắng, cùng nhau đánh kẹp lại : thây giặc chết nằm chồng chất nhau. Bắt chém tướng suý cầm đầu của giặc, bình định được giặc Ngân Già, xoá bỏ xã hiệu cũ đổi gọi là Lai Cách. Trịnh Doanh ban cho bọn Đình Hoàn thẻ bài bằng vàng và 200 lạng bạc ; sai Trịnh Tự Thành săn bắt đảng giặc còn sót lại ; yên ủi vỗ về nhân dân, để cho họ đều trở về yên nghiệp làm ăn.

Trước kia, khi đại quân trẩy xuống mặt nam, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá cùng đồ đảng là Trần Diệu, nhân lúc sơ hở, tiến thẳng quân sát bến Bồ Đề, trong kinh thành không có quân, lòng người rất lo sợ. Lúc ấy, thái phi Vũ Thị ở trong cung điều khiển bọn Trịnh Đạc chiểu theo địa thế giữ bốn cửa thành ; lại phân phối sai quan văn là bọn Phạm Kinh Vĩ, Nguyễn Bá Quýnh đem hết dân cư ngoài thành ra bến sông bố trí hàng ngũ, để làm nghi binh, đề lãnh Đặng Đình Mật đem quân trong cơ của mình sang qua sông, đánh Nguyễn Tuyển, Đình Mật bị bại, quay về.

Trước đây, Diệu quận công Trần Cảnh cùng thống lãnh Bằng Thọ hầu (sót họ tên) đóng quân ở Lang Tài, được tin nguy cấp, liền đem quân đi vội đến làng Phù Lưu và Đình Bảng, theo đánh mặt sau của giặc. Dận quận công Đặng Đình Miên, trấn thủ Sơn Tây, đem quân đi đêm vào hộ vệ kinh thành, trước hết hắn sai con là Đình Trí do đường xã Thuỵ Hương huyện Từ Liêm sang đò tắt ở bờ phía bắc Gia Lâm, tung quân đánh úp. Vì thế, giặc bèn mất hết nhuệ khí, phải dẫn quân đi.

Lúc Trịnh Doanh mới dẹp được giặc Ngân Già, chợt được tin báo ở kinh thành đưa đến, Doanh hạ lệnh cho các đạo quân

phải tinh sương đi mau trở về để cứu nơi căn bản. Khi đạo quân kéo về đến xã Kim Lan, thì giặc đã trốn chạy xa rồi, kinh sư vẫn được yên ổn.

Lời phê – *Vũ Thị cũng là một người anh kiệt trong phái phụ nữ, cho nên mới có thể mấy lần định được kế mưu lớn*[1].

Lời chua – *Bến Mộc Hoàn :* Tức hạ lưu sông Nhị, thuộc địa phận xã Mộc Hoàn, huyện Phú Xuyên, trấn Sơn Nam, vì thế nên gọi tên bến Mộc Hoàn..

Vũ Điện : Tên xã, thuộc huyện Nam Xang, trấn Sơn Nam. – Cả hai, nay đều thuộc tỉnh Hà Nội[2].

Hiến Doanh : Vì là lỵ sở của ti Hiến Sát sứ trấn Sơn Nam hồi cố Lê, nên gọi tên như vậy, nay thuộc xã Nễ Châu, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên[3].

Sông Vị Hoàng : Ở xã Vị Hoàng, tỉnh Nam Định.

Lạc Đạo : Tên xã, thuộc huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

Phù Lưu và Đình Bảng[4] *:* Tên 2 xã, đều thuộc huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Chb.**XXXVIII**,39

Gia Lâm : Tên huyện, ở phía bắc sông Nhị, thuộc phủ Thuận An.

Kim Lan : Tên xã, nay đổi Kim Quan, thuộc huyện Gia Lâm.

Văn Giai : Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng.

Trần Diệu : Người xã Vân Canh[5], huyện Từ Liêm.

Kinh Vĩ : Người xã Thượng Hào, huyện Thanh Chương, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

---

(1) Vũ Thị : Vợ Trịnh Cương, mẹ Trịnh Giang và Trịnh Doanh. Lời phê này có ý khen Vũ Thị lần trước chủ trương việc lập Trịnh Doanh thay Trịnh Giang và lần này điều khiển các tướng bảo vệ kinh thành.
(2) Mộc Hoàn nay thuộc huyện Duy Tiên, Mộc Hoàn và Vũ Điện nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.
(3) Tức phố Hiến.
(4) Nay đều thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(5) Nay là xã Vân Canh, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Bá Quỳnh : Người xã Hoa Lâm (nay đổi Xuân Lâm) huyện Nam Đường, đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Bổ dụng Trương Nghiêm giữ chức trung uý(1).

Trước kia, Trương Nghiêm thuộc cơ Hữu Nhuệ, lệ thuộc vào Tây đạo, vì có công đánh giặc, nên từ hàng tiểu tốt được cất nhắc bổ dụng chức này.

Lúc này, cần dùng lấy nhân tài, nên Đinh Văn Thản, Đinh Văn Phục chiêu tập được ở trong hàng ngũ của giặc, Hoàng Phùng Cơ thu nhận được ở trong hàng ngũ kẻ cướp, đều được tẩy rửa tội lỗi, phân biệt bổ dụng ; Trương Nghiêm và Nguyễn Phan đều xuất thân từ hàng ngũ tiểu tốt. Sau này, Nguyễn Phan và Hoàng Phùng Cơ đều thành viên tướng có danh tiếng.

Lời chua - *Trương Nghiêm :* Người xã Đồng Môn, huyện Thạch Hà.

Văn Thản và Văn Phục : Đều người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng, dòng dõi Đinh Văn Tả.

Phùng Cơ : Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Phan : Người xã Hà Dương, huyện Hoằng Hoá. Chb.**XXXVIII**,40

Sao Thái Bạch đi vào khu vực sao Thái Vi.

Mặt trăng đi vào khu vực sao Thái Vi, gần Đế tinh.

Lời chua - *Thái Vi :* Bầu trời có ba khu vực, một là khu vực Thái Vi, trong khu vực này có sao Ngũ Đế. *Cương mục tập lãm* chép : Khu vực cung Thái Vi, có mười ngôi sao, ở địa phận sao Dực, sao Chẩn. Khu vực này là cung thiên tử, toà ngũ đế.

(1) Một chức quan võ nằm trong tam ty 12 vệ, hàm tòng ngũ phẩm.

Năm ấy, mặt trăng đi vào khu vực Thái Vi, cho nên gần với Đế Tinh. Sách *Tục biên* chép lầm là đi vào khu vực sao Thái Tuế. Nay đổi lại.

Mặt trăng xuất hiện ban ngày, lộ rõ ánh sáng.

Tháng 12. Trần Viêm, đốc đồng trấn Sơn Tây, đánh quân của Nguyễn Tuyển ở Khoái Châu, không thắng được, Viêm bị chết trận.

Lúc ấy, quân của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ cướp phá các lộ Hồng Châu, Khoái Châu. Viêm lấy chức phận là đốc đồng đi phủ dụ Khoái Châu, bèn đem hương binh đi tiễu bắt, chợt gặp giặc ở địa phận xã Đồng Lạc và Canh Hoạch, vì bên nhiều bên ít không địch nổi, Viêm bị chết tại trận. Đoàn Vinh Kiêm, giám sinh, người đồng quận với Viêm cùng vài chục người làng đều bị chết theo. Triều đình biết việc này, bèn truy tặng Trần Viêm hàm Đông các đại học sĩ, tước Hải Thọ bá, cấp cho 15 mẫu ruộng để thờ tự.

Lời chua - *Trần Viêm* : Người xã Hải Thiên[1], huyện Tiên Lữ, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Đồng Lạc, Canh Hoạch : Tên 2 xã, thuộc huyện Tiên Lữ.

Chb.**XXXVIII**,41

(1) Bây giờ là Hải Yến, tục gọi là Hới, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Làng này nổi tiếng về nghề làm quạt và dệt chiếu.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 39

Từ Tân Dậu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741) đến Quý Hợi, năm Cảnh Hưng thứ 4 (1743), gồm ba năm. Chb.XXXIX,1

*
* *

Tân dậu, Hiển Tông Vĩnh hoàng đế, năm Cảnh Hưng thứ 2 (1741). (Thanh, năm Càn Long thứ 6).
Tháng giêng, mùa xuân. Tế nam giao.

Lời chua – *Nghi lễ tế nam giao* : Xem Kính Tông, năm Thận Đức thứ nhất (Chb.XXXI, 2).

Bắt đầu chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ. Sơn Nam cùng Sơn Tây và Kinh Bắc đều đặt chức chưởng đốc.

Trịnh Doanh nhận thấy trộm cướp vẫy vùng ở Hải Dương, lòng người lo sợ ; muốn giữ vững phiên trấn bảo vệ kinh kỳ, lấy uy quyền để trấn áp giặc cướp, bèn chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ, hạ lệnh cho Trịnh Trụ, Ngô Đình Oánh, Trương Nhiêu và Nguyễn Đức Huy chia nhau làm chưởng đốc ; lại sai Nguyễn Quý Cảnh và Phạm Nguyễn Bảng chưởng đốc Sơn Tây ; Nguyễn Huy Nhuận và Trần Đình Cẩm (có sách chép : Miên) chưởng đốc Kinh Bắc. Các viên quan kể trên đều giữ công việc quân và dân thuộc hạt mình. Nhân đấy, Doanh hạ lệnh cho các viên quan kể trên làm công việc :

ngừa trộm cướp ;

- Cấm quan lại hà khắc, bạo hoạnh, tướng sĩ cướp bóc của dân ;

- Dân chúng có người nào biết tập hợp nhau, đốc suất nhau hết sức đánh giặc theo với chính nghĩa, thì các quan kê tên người ấy tâu bày.

Chb.XXXIX,2

Lời chua – *Ngô Đình Oánh* : tên cũ là Đình Chất, người xã Tả Thanh Oai[1], huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa tân sửu (1721) năm Bảo Thái triều Lê Dụ Tông.

Trương Nhiêu : Người xã Như Kinh[2], huyện Gia Lâm, là em Trương Thị, tổ mẫu (bà) Trịnh Doanh.

Nguyễn Đức Huy : Tên cũ là Hoành, người xã Nguyễn Xá, huyện Thuỵ Nguyên[3], đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) năm Bảo Thái.

Chưởng Đốc : Tên quan, nhân có việc mới đặt, không phải tên quan nhất định.

Sơn Nam thượng lộ, Sơn Nam hạ lộ, Sơn Tây, Kinh Bắc : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 25, 28, 34, 35).

Khôi phục chế độ cũ về khoa thi hương.

Lúc nhà Lê mới trung hưng, thể lệ thi hương thế này : Ở xã khảo hạch học trò, lấy số người trúng tuyển đệ lên huyện, xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người, căn cứ vào xã lớn, xã nhỏ làm định hạn. Ở huyện thi khảo lại, chọn lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học

(1) Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Nay là thôn Như Kinh, xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(3) Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

trò thi đủ thể văn bốn kỳ, thứ hai là hạng thi đủ thể văn ba kỳ. Đến khi vào thi hương, thì kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, chỉ cốt lấy những người làm được đủ quyển, không ai bị đánh hỏng ; đến kỳ đệ tứ mới có sự lấy người giỏi, bỏ người kém. Vì thế, người có văn học ít khi bị bỏ rơi. Đến quãng giữa đời trung hưng, đổi làm hạng sảo thông, quyển văn thi ba kỳ trước[1], không kỳ hạng sảo thông hoặc thứ thông đều một loạt đưa quan trường xét duyệt, thành ra người có văn học phần nhiều bị sàng sảy, đến kỳ đệ tứ không mấy người được dự thi. Đến nay bàn khôi phục lại chế độ cũ, tuy về phần con em nhà quyền thế, không khỏi không có sự lấy đỗ quá lạm, nhưng sĩ tử có thực học, người nào cũng được dự thi kỳ đối sách cả.

Lời cẩn án -*Nhà Lê từ sau khi trung hưng, dưới triều Hi Tông năm Vĩnh Trị thứ 2 (1677), định thể lệ thi hương : Hễ năm nào đến khoa thi, thì các xã trưởng (do người có văn học hoặc sinh đồ đứng làm) ở phủ, ở châu và ở huyện khảo hạch học trò trong xã mình, lấy số người có thông hiểu nghĩa lý văn chương đệ lên huyện, số học trò đều theo hạn định xã lớn, xã nhỏ và xã vừa. Huyện khảo hạch lấy người nào thông hiểu nghĩa lý văn chương liệt vào hạng học trò thi đủ thể văn bốn kỳ, huyện lớn 20 người, huyện vừa 15 người, huyện nhỏ 10 người, còn người thông hiểu vừa thì liệt vào hạng học trò làm đủ thể văn ba kỳ. Đến ngày vào trường thi, thì hạng học trò làm đủ thể văn bốn kỳ được vào thi chung với nho sinh và sinh đồ đã đỗ các khoa trước, (quan viên tử thi trúng được ba kỳ gọi là nho sinh, thường dân thi trúng được ba kỳ gọi là sinh đồ), những quyển thi xếp riêng để đưa quan trường xét duyệt ; vì thế, người có văn học ít bị bỏ rơi.* Chb.XXXIX,3

Đến năm Bảo Thái thứ 2 (1721) dưới triều Dụ Tông, bỏ thể lệ khảo hạch ở xã, hạ lệnh thay đổi, cho huyện khảo hạch hai

(1) Tức kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam.

lần : lần khảo thứ nhất, làm bài thơ và một vài câu văn sách, hoặc làm bài thơ, bài phú ; lần sau, làm một bài văn sách. Thể lệ lấy người trúng tuyển : huyện lớn 200 người, huyện vừa 150 người, huyện nhỏ 100 người. Người nào thông hiểu luật làm thơ đều được sung tuyển, nhưng lọc lấy những người trội hơn, kê riêng ra một sổ, nộp ti Thừa chính ở trấn.

Ti Thừa chính cùng ti Hiến sát hội đồng thi khảo : Trước hết thi một bài thơ(1), *hoặc bài thơ "Tuyệt cú"*(2), *ba bốn câu về thể phú*(3) *cùng một hai câu văn sách ; sau thi một bài văn sách. Người nào trúng luôn được gọi là sảo thông, người nào chỉ trúng kỳ khảo ở huyện gọi là thứ thông. Số trúng tuyển có chia ra hạng sảo thông và thứ thông. Nếu người thứ thông nào chưa phục tình, được phép vạch rõ đích danh người sảo thông, và tình nguyện cùng người ấy so đọ, để định người hơn, người kém.* Chb.**XXXIX**,4

Đến khoa thi, thi ba kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam, không kể bài thi của sảo thông hay thứ thông, đều một loạt đưa quan trường xét duyệt. Người vào hạng sảo thông mà được dự trúng ba kỳ, gọi là "sảo thông sinh đồ", chỉ có "sảo thông sinh đồ" mới được vào thi kỳ đệ tứ. Nếu người "sảo thông" nào khi thi không trúng được ba kỳ, sẽ mất cả "sảo thông". Còn người vào hạng "thứ thông" mà dự trúng ba kỳ chỉ được là "sinh đồ", mà không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, những sinh đồ này lại do hiệu quan ở phủ (tức viên quan giữ chức giáo dụ ở phủ) khảo lại một lần nữa, đầu đề thi dùng một bài văn sách, gọi là "thi khảo người hay chữ". Người nào dự trúng mới được cùng hạng "sảo thông sinh đồ" vào thi đối sách kỳ đệ tứ. Vì thế, học trò tranh nhau nhận "sảo thông" là hạng hơn.

---

(1) Thông thường mỗi bài thơ 8 câu, bài nào chỉ có 4 câu gọi là tuyệt cú.

(2) Nt.

(3) Nguyên văn chép : "Phú tam tứ liên". Hai vế đối với nhau gọi là một "liên". Thông thường thể phú dầu đặt câu dài hay vắn, nhưng phải đối nhau.

Đến nay, bàn định khôi phục chế độ "tứ trường" đời Vĩnh Trị mà bãi bỏ chế độ "sảo thông". Do đấy, con em nhà quyền thế nào cậy thế lực, nào dùng tiền tài, thành ra số trúng tuyển nhũng lạm có đến một nửa. Triều định biết tai hại ấy, nên không bao lâu lại bãi bỏ chế độ "tứ trường", mà khôi phục chế độ "sảo thông" đời Bảo Thái. Đến năm thứ 11 (1750)(1)*, theo lời bàn của tể thần*(2) *Đỗ Thế Giai, thay đổi phép thi, ở huyện khảo hạch hai lần, lấy số người trúng tuyển, huyện lớn 70 người, huyện vừa 60 người, huyện nhỏ 30 người. Người nào được trúng tuyển gọi là "cử tri". Ngoài ra, con trai từ 10 tuổi trở lên, được phép nộp tiền "thông kinh" mỗi người 3 quan, rồi nộp đơn ứng thí, được miễn khảo hạch. Thi hành việc này, chỉ cốt thu được nhiều tiền, mà không đếm xỉa đến người có học hay không học. Dầu bọn đồ tể, lái buôn cùng trẻ con 3,4 tuổi, khi đi thi, không câu nệ mượn người làm gà hoặc đem sách vở vào trường, hễ ai có tên ở kỳ đệ tam tức là hạng "sinh đồ", chỉ có một điều là không được vào thi kỳ đệ tứ. Đến khoa sau, trong số người này, nếu người nào thực có học lực, cũng chiếu theo thể lệ "khảo thi người hay chữ" ở phủ, được vào trường thi đối sách. Tệ hại thi cử đến thế là cùng. Chép cả ra đây, để ghi lại sự thay đổi phép thi cử trong một thời đại.*

Chb.XXXIX,5

Bọn Đặng Đình Luận, đốc lãnh trấn Hải Dương, đánh Nguyễn Tuyển ở Đông Triều, bọn này bị Nguyễn Tuyển bắt.

Thanh thế Nguyễn Tuyển rất lừng lẫy. Triều đình sai Đặng Đình Luận làm đốc lãnh thượng đạo Hải Dương, Trần Trọng Liêu và Nhữ Trọng Thai giữ chức hiệp đồng, đem quân đi đánh. Bọn này tiến quân đóng ở Đông Triều. Tuyển sai người xin hàng, Đình Luận tin lời, không phòng bị. Đêm đến, Tuyển đánh úp doanh trại. Đình Luận,

Chb.XXXIX,6

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XLI, tờ 2.

(2) Một danh từ đời phong kiến, dùng để gọi chung các viên quan quyền cao chức trọng. Ở đây chỉ phủ liêu trong phủ chúa Trịnh.

Trọng Liêu và Trọng Thai đều bị bắt, Tuyển cho ở riêng một chỗ. Sau này Tuyển bị thua, bọn Đình Luận trốn về, đều bị lột hết quan chức và tước phẩm.

Lời chua – *Đặng Đình Luận* : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức(1), là con Gia quận công Đặng Đình Lân.

Trần Trọng Liêu : Người xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc(2), đỗ tiến sĩ khoa quý sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông.

Nhữ Trọng Thai : Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An(3), đỗ thám hoa khoa quý sửu (1733) năm Long Đức.

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb.XII, 25).

Đong thóc ở Sơn Nam và Nghệ An.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp đến nay, dân phải khổ sở về đói kém, chỉ có Sơn Nam và Nghệ An hàng năm được mùa, nhà giàu phần nhiều chứa thóc. Triều đình bèn hạ lệnh đong thóc ở Sơn Nam 150 vạn bát quan, ở Nghệ An 200 vạn bát quan, cứ 50 bát quan thóc trị giá một quan tiền, nhà giàu lấy làm đau đớn.

Lời chua – *Bát quan* : Bảy cáp là một bát, mỗi bát đếm được 84.000 hạt thóc.

Tháng 2. Hoàng Nghĩa Bá, thống lãnh trấn Hải Dương, đánh phá tan được bọn Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ. Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết.

Hoàng Nghĩa Bá đem quân tiến đánh, phá tan được các đồn giặc ở Phao Sơn và Ninh Xá. Chb.**XXXIX**,7
Nguyễn Tuyển chạy, rồi chết. Nhân đấy, Nghĩa Bá tiến đánh bọn Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ ở Gia Phúc, được thắng trận. Lại tập hợp quân thuỷ đuổi theo càn quét ở sông Bạch Đằng,

(1) Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
(3) Nay thuộc Hải Dương

đảng giặc bị tan tác. Trác Oánh không biết chết ở đâu, còn Nguyễn Cừ lẩn lút đến Lạng Sơn. Nhân đấy Nghĩa Bá xin kéo quân về.

Trương Khuông, đốc trấn Hải Dương, đánh nhau với giặc tên là Kình : Khuông bị bại trận ; Nhữ Đình Toản, hiệp mưu, bị Kình bắt được. Nhân đấy, Đình Toản dụ Kình đầu hàng.

Trước kia Kình (sót họ) theo anh em Nguyễn Tuyển. Tuyển dùng làm tướng bộ thuộc. Đến khi Tuyển bị thua, Kình bèn tập hợp đồ đảng còn sót lại cướp bóc ở quãng Cẩm Giàng, Chí Linh, quân chúng có vài trăm người. Đốc trấn Trương Khuông cùng Đình Toản đem quân đuổi theo tróc nã. Bọn Khuông đánh nhau với Kình ở xã La Mát, bị bại trận. Nhữ Đình Toản, hiệp mưu, bị Kình bắt được. Kình vẫn kính trọng thanh danh Đình Toản, dùng lễ tân khách để đối đãi. Nhân gặp cơ hội, Đình Toản đem sự hoạ phúc dụ dỗ, Kình bèn đến cửa quân đầu hàng.

Lời chua - *Nhữ Đình Toản* : Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa bính thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cẩm Giàng : Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 5).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28). Chb.XXXIX,8

La Mát : Tên xã, thuộc huyện Đường Hào[1].

Ưu binh nổi loạn, phá huỷ nhà tham tụng Nguyễn Quý Cảnh.

Là một bầy tôi cũ ở tiềm để[2] Trịnh Doanh, Quý Cảnh rất được Trịnh Doanh thân yêu tin dùng. Lúc ấy, trong nước nhiều việc nguy cấp, ưu binh phải đi đánh dẹp luôn ; triều đình dùng

(1) Sau đổi là Mỹ Hào. Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

(2) Một danh từ để gọi chung phủ đệ của hoàng tử, vương tử, trong khi những người này chưa vào cung điện lên ngôi vua chúa.

quan tước để thưởng công, tử chức thập trưởng trở lên đều ban cho sắc mệnh. Vì thế, ưu binh càng kiêu ngạo, những người không được dự vào hạng quân công, lại xin tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm. Quý Cảnh lấy cớ là trái thể lệ, bác bỏ lời xin của ưu binh. Bọn này , nổi giận, sỉ nhục Quý Cảnh rằng :"Hương cống lên đến địa vị thượng thư, thì thể lệ nào?". Rồi họ bèn cùng đem nhau đến phá nhà, lùng tìm Quý Cảnh để giết, nhưng Quý Cảnh đã đi vội vào hầu trong phủ từ trước, nên được thoát nạn. Trịnh Doanh giữ Quý Cảnh ở trong phủ, rồi tra hỏi và bắt giết người cầm đầu việc nổi loạn. Còn những người khác, đều bắt buộc vào khuôn phép và cấm đoán nghiêm ngặt. Nhưng ưu binh kiêu ngạo, hung hãn đã thành thói quen, chung quy không thể nào kiềm chế được.

Lời chua – *Ưu binh* : Lính tuyển ở Thanh, Nghệ gọi là ưu binh.

Tính xã để liệu lượng trao cho chức phẩm : Ý nói lương bổng của ưu binh, có lệ ban cấp cho xã dân, hoặc một xã, hoặc hai xã không đều nhau ; nay xin chiếu theo số xã dân đã được cấp nhiều hay ít mà liệu lượng trao cho quan chức phẩm trật cao thấp khác nhau.

Tháng 3. Dân Hải Dương bị đói, trích thóc ra để phát chẩn. Chb.XXXIX,9

Năm ấy, dân Hải Dương bị nạn đói. Triều đình hạ lệnh trích số thóc đong ở Sơn Nam lấy 10 vạn bát quan phát chẩn cho dân nghèo. Sau lại hạ lệnh ban bố 4 điều răn bảo trong kinh và ngoài các trấn.

Lời chua – *Bốn điều* : 1. Các thuyền buôn thóc gạo được thông hành mua bán, miễn cho việc nộp thuế ; 2. Miễn tiền lễ tạ, tiền khám xét cho dân nghèo bị kiện ; 3. Tôi tớ những nhà quyền quý không được thiện tiện đến nhà dân ; 4. Không có chỉ bài cấp phát không được trái phép bắt dân làm việc chuyển đệ văn thư.

Đặt chức Tuần thủ ở bốn đạo thuộc Hải Dương.

Vì Hải Dương đã được bình định, nên chia làm bốn đạo : Thượng Hồng, Hạ Hồng, An Lão và Đông Triều, mỗi đạo đặt một chức tuần thủ để chiếu theo địa phận vỗ về dân chúng. Bổ dụng Nhữ Đình Toản, Vũ Khâm Lân, Phạm Đình Trọng và Vũ Phương Đề đều giữ chức hiệp đồng.

Lời chua - *Vũ Khâm Lân* : Người xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, đỗ tiến sĩ khoa đinh mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Phạm Đình Trọng : Người xã Khinh Dao, huyện Giáp Sơn[1], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Vũ Phương Đề : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu.

An Lão : Tên huyện, thuộc Hải Dương[2].

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngối, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Chb.**XXXIX**,10

Tháng 5, mùa hạ. Lê Lệ, đốc lãnh Sơn Tây, và Nguyễn Quai, hiệp đồng Tuyên Quang, đánh phá được Nguyễn Diên.

Trước kia, Diên cùng với chú hắn là bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi loạn. Khi Tuyển và Cừ bị bại, Diên tập hợp đồ đảng, quấy nhiễu cướp bóc vùng Sơn Tây. Trịnh Doanh hạ lệnh cho Lê Lệ đốc lãnh các đạo quân đi đánh, cả phá được Diên ở An Lạc. Diên lại sai đồ đảng đem binh thuyền theo thuận dòng sông xuôi xuống, hẹn đến ngày 13 tháng 6 qua bến đò Cốc. Nguyễn Quai, Hiệp đồng đạo Tuyên Quang, đánh úp, thuyền của Diên bị đắm hết.

Trước đây, Quai hỏi tù binh, biết được mưu kế của Diên, nhân đấy, Quai tuyển quân lính nhanh nhẹn, mang cờ đen, đội nón nan, giống như quân trang của Diên, rồi sai bọn này dùng thuyền đi trước. Quả nhiên Diên dẫn quân đến, trông thấy

(1) Sau thuộc huyện Kinh Môn, Hải Dương.
(2) Nay thuộc T.P. Hải Phòng.

toán quân giả hiệu của Quai tưởng là quân mình kéo đến, thành ra không phòng bị gì cả. Lúc ấy, Quai thình lình đến đánh, Diên hoang mang sợ hãi bỏ chạy, quân nhu và khí giới vứt bỏ đi hầu hết.

Lời chua – *Lê Lệ* : Người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương, dòng dõi Lê(Thì) Hiến.

Nguyễn Quai : Người xã Phúc Khê, huyện Hưng Nhân, đỗ tiến sĩ khoa tân sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

An Lạc : Tên huyện, thuộc tỉnh Sơn Tây(1).

Bến Cốc : Bến sông thuộc xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc, Sơn Tây(2).

Bắt đầu cấp liêm điền cho các quan về hàng văn. Chb.XXXIX,11

Từ sau khi trung hưng, về phần quan văn, triều đình chiểu theo phẩm trật cấp cho tùy binh có người nhiều người ít khác nhau : viên quan nhất phẩm được cấp 24 người, từ viên quan nhị phẩm đến ngũ phẩm, cứ mỗi phẩm trật rút dần đi 4 người, các viên quan ấy được thu tiền cố dịch(3) để làm bổng lộc. Đến nay, vì số hộ khẩu hao hụt, nên đều cấp thay bằng lộc điền : Viên quan nhất phẩm được cấp 50 mẫu, từ viên quan nhị phẩm đến bát phẩm mỗi phẩm trật rút dần đi 5 mẫu. Việc này giao cho Hộ phiên tuỳ theo sự thuận tiện của từng người mà cấp ruộng, gọi là "liêm điền".

Kén thêm binh lính ở Thanh Hoa.

Lấy thêm lính ở Thanh Hoa, đặt làm bốn đội trấn tiền, trấn hậu, trấn tả và trấn hữu, mỗi đội 300 người, để canh giữ phủ An Trường.

---

(1) Nay là huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.
(2) Nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
(3) Nguyên văn chép "cố tiền", có lẽ người tuỳ binh nộp tiền cho viên quan được ph ần cấp, để thay thế công việc mà tuỳ binh phải phục dịch cho viên quan ấy.

Lúc bắt đầu trung hưng, thể lệ lấy lính ở Thanh Hoa và Nghệ An, cứ 3 suất đinh lấy một người. Năm nhâm dần (1722), (năm Bảo Thái thứ 3 triều Dụ Tông), định lại, cứ 5 suất đinh lấy một người. Đến nay lại chọn 6 suất đinh lấy một người, mà không kể số lính đương tại ngũ. Như vậy, thực ra là 3 suất đinh lấy một người. Chb.XXXIX,12

Lời chua - *An Trường* : Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

Hạ lệnh : Nhân dân, người nào chuyển vận thóc đi bán hoặc nộp thóc, sẽ được bổ làm quan.

Lúc ấy, dân vùng đông bắc hàng năm bị đói, triều đình hạ lệnh trích gạo công nấu cơm, cháo để phát chẩn cho dân. Lại mộ dân ở xứ khác, người nào có thể chuyển vận thóc đến bán hoặc nộp thóc ở nơi sở tại của mình, những người ấy đều được triều đình cân nhắc để ban cho quan chức.

Tháng 6. Bọn (phụ) đạo là Thoan ở sách Đông Quang làm phản. Văn Đình Dận, lưu thủ trấn Tuyên Quang, tiến đánh, dẹp yên được.

Mùa xuân năm trước, bọn đạo Thoan và đạo Thiều ở sách Đông Quang nổi loạn, cướp bóc nhũng nhiễu, châu huyện không thể kháng cự được, giặc bèn đánh, phá xã Đại Đồng. Đến nay, lưu thủ là Văn Đình Dận tiến đánh, phá tan được, đồ đảng của giặc tan vỡ, đất nơi biên giới hết thảy đều được bình định.

Lời chua - *Đông Quang* : tên sách, thuộc huyện Trấn Yên, Hưng Hoá.

Thoan và Thiều : tên hai người.

Đạo : Tức phụ đạo, tên quan của thổ tù.

Đại Đồng : Trấn lỵ, Tuyên Quang, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 5 (Chb. XXVII, 2).

Tháng 7, mùa thu. Định điều lệ về quân chính.

Lúc ấy, binh lính phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, viên quan ở trấn thúc giục bắt bớ, làm phiền nhiễu dân. Triều đình bàn định : Cho phép chọn mỗi xã một người làm thủ dịch, xã nào hàng năm không khuyết ngạch lính, sẽ được thưởng ; xã nào trong 10 năm hoàn toàn không có lính trốn , không thiếu ngạch lính, thì đều được tuỳ theo hạn định xã lớn hoặc nhỏ mà ban thưởng cho : xã lớn trao cho chức thiên hộ, xã vừa chức phó thiên hộ, xã nhỏ chức bá hộ.

Các binh lính đã đem phân phối vào đội ngũ rồi, mà bỏ trốn, thì do viên quan cai quản trách cứ tróc nã, Chb.XXXIX,13
người lính trốn sẽ phải phạt 60 trượng, nếu trốn
lần thứ hai sẽ phải luận vào tội đồ ; nếu lại cố ý trốn mới giao viên quan ở trấn tróc nã đích thân và bắt cả người chứa chấp lính trốn đều đem trị tội. Đến như khi theo đi đánh dẹp mà mướn người đi thay, hoặc bỏ trốn, hoặc khi ra trận mà ẩn núp trốn tránh ở một nơi, đều phải theo luật luận tội.

Bổ dụng tham tụng Nguyễn Quý Cảnh làm công việc bộ Lại.

Từ khi ưu binh nổi loạn[1], Quý Cảnh giả thác có bệnh, xin từ chức, về ở nhà riêng, nhưng trên văn thư của chính phủ, Quý Cảnh vẫn ký tên như cũ. Đến nay lại có sắc mệnh này.

Tha tội cho Trịnh Tuệ và dùng làm tế tửu ở Quốc tử giám.

Trước kia, Tuệ giữ chức thượng thư và tham tụng. Khi Trịnh Doanh nối ngôi, nhận thấy Tuệ vào bè đảng với Công Phụ, nên bắt giam vào ngục. Đến nay triều đình bàn luận, cho rằng Tuệ ở trong sổ tộc thuộc họ Trịnh, có lẽ không dự biết mưu phản nghịch, nên phân biệt xét rõ để lục dụng. Vì thế, Tuệ lại được bổ dùng.

---

(1) Xem thêm việc ưu binh nổi loạn, tờ 8 trong cuốn này.

Lại hạ lệnh cho bộ Hộ trông nom tài chính và thuế khoá. Nhưng chưa được bao lâu lại bãi bỏ.

Chb.**XXXIX**,14

Khoảng niên hiệu Hồng Đức, chia đặt sáu bộ[1], việc chi thu về tài chính và thuế khoá đều quan hệ ở bộ Hộ. Sau khi trung hưng, phủ chúa Trịnh đặt sáu phiên, thu hết quyền của sáu bộ. Riêng về Hộ phiên chuyên nắm giữ tài chính và thuế khoá. Kỳ hạn tính toán sổ sách, hoặc 10 năm, hoặc 50 năm, vì để lâu ngày, nên bọn lại điển giảo hoạt vin vào đấy để làm việc gian trá. Đến nay, bầy tôi bàn luận xin khôi phục chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời, bèn bổ dụng Lê Hữu Kiều giữ công việc bộ Hộ. Từ đấy tài chính mới có thống thuộc. Nhưng quyền lớn lọt vào tay bọn tín thần đã lâu, bộ Hộ cũng chỉ biết được con số hão mà thôi. Vì thế không bao lâu lại bãi bỏ.

Lời phê – *Họ Trịnh gian ngoan lấn quyền, sợ người ngoài toan tính đến thân, cho nên phần nhiều dùng hoạn quan làm tai mắt, mà quên bẵng đi rằng cái tệ hoạn quan, cuối cùng sẽ đi đến chỗ nhiều việc, không thể ngăn cản được. Như thế là vì lòng riêng thì sinh ra mù quáng.*

Lời chua – *Lê Hữu Kiều* : Người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1718), năm Vĩnh Thịnh triều Dụ Tông.

Sáu phiên : Quan thuộc trong phủ chúa Trịnh, xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb. XXXV, 22, 23).

Tín thần : Tức nội giám (hoạn quan).

Trịnh Doanh phong cho chú là Trịnh Đạc tước Doãn Trung công.

Trước kia, Trịnh Doanh đi đánh giặc Ngân Già, người chú của Doanh là đại tư đồ quận công Trịnh Đạc ở nhà giữ kinh thành, đến nay bàn việc phong thưởng, bèn gia phong cho Đạc tước Doãn Trung công.

---

(1) Thánh Tông chia đặt sáu bộ từ năm Quang Thuận thứ 7 (*Chính biên* quyển XX tờ 6), không phải đặt vào năm Hồng Đức như lời dẫn của *Cương mục*.

Đặt chức nông quan ở tứ trấn.

Mỗi trấn đặt một viên đại sứ và một viên phó sứ, chuyên giữ công việc đồng ruộng, thân hành đi khuyên bảo nông dân. Lại đặt khuyến nông lại để khuyên dân hết sức làm ruộng, tuỳ theo sự tiện nghi mà giúp đỡ dân. Hàng năm, cứ tháng trọng đông[1], sai người đi xem xét dò hỏi, xem nơi nào ruộng nương bỏ hoang hoặc khai khẩn, thức ăn của dân đầy đủ hay thiếu thốn, để định việc cất nhắc hoặc truất bãi các quan chức địa phương. Lại bàn định việc đồn điền, có 3 sở đồn điền dùng lính kinh kỳ cày cấy, 7 sở dùng lính tứ trấn, 9 sở dùng lính biên trấn ; ngoài ra, tuỳ theo sở tại nơi đồn ải chia làm 14 sở nữa, gồm 33 sở đồn điền. Những lính trước đóng ở đồn nào, nay đều giữ lại ở đồn ấy để tiện việc cày cấy. Từ đấy, binh lính đều biết làm ruộng, lương thực của quân không đến nỗi quá cùng quẫn. Chb.XXXIX,15

Hoàng Nghĩa Bá mất.

Nghĩa Bá vốn là người mạnh bạo, quả cảm, nhiều lần lập được chiến công, là một viên tướng nổi tiếng thời bấy giờ. Đến nay mất, đặt tên thuỵ là Trung Liệt, gia phong công thần.

Phạm Đình Trọng, hiệp đồng đạo Đông Triều, bắt được Nguyễn Cừ ở núi Ngoạ Vân, đóng cũi đưa về kinh sư giết chết.

Trước đây, Cừ cùng Tuyển đứng đầu làm việc bạn nghịch, đồ đảng vây cánh rất nhiều. Cừ chiếm cứ Gia Phúc, Tuyển chiếm cứ Phao Sơn, hai bên làm thanh thế viện trợ lẫn nhau. Đến khi Tuyển bị bại, thế lực của Cừ mỗi ngày một cô đơn, từ lúc bị thua trận ở Gia Phúc và Bạch Đằng[2], bè đảng tan tác bỏ đi. Vì đến bước đường cùng, Cừ trốn lên Lạng Sơn, nương

(1) Tức tháng 11 âm lịch.
(2) Xem thêm tờ 7 trong cuốn này.

nhờ thổ phỉ là Toản Cơ (sót họ). Đến nay, lại định mưu trở về vùng Đông, khi đi đến Đông Triều, hết lương ăn, Chb.XXXIX,16 quân chúng tan tác. Cừ cùng con lẻn đến núp ở nhà dân dưới núi Ngoạ Vân. Hiệp đồng Phạm Đình Trọng và tuần thủ Nguyễn Thự bí mật dò la bắt được, đóng cũi đưa về kinh sư giết đi. Vì có công, Đình Trọng được thăng chức tả thị lang bộ Công, Nguyễn Thự thăng chức tổng binh đồng tri.

Lời chua - *Sông Bạch Đằng* : Xem thuộc Tấn, Cao Tổ, năm Thiên Phúc thứ 2 (Tb. V, 19).

Gia Phúc : Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng Khánh thứ nhất (Chb. XII, 25).

Lạng Sơn : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 35).

Núi Ngoạ Vân : Có một tên nữa là núi Yên Tử, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 6 (Chb. VI, 18).

Hạ lệnh : Từ quan tam phẩm trở lên đều đề cử một người có thể làm nổi công việc ở phủ, ở châu và ở huyện.

Tháng 8. Dân bị đói to. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Lúc ấy, luôn luôn xảy ra kém đói, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình bèn hạ lệnh lấy thóc trong kho chia ra phát chẩn cho dân phiêu tán ở tứ trấn ; trong kinh kỳ cũng cứ 10 ngày phát chẩn một lần.

Từ cuối năm Vĩnh Hựu, trộm giặc các nơi nổi dậy, vùng Hải Dương càng nhiều hơn, dân gian bỏ cả cấy Chb.XXXIX,17 cày, các thứ tích trữ ở làng xóm hầu như hết sạch ; chỉ có vùng Sơn Nam còn hơi khá một chút. Dân phiêu tán dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa no. Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói

chồng chất lên nhau ; số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại độ năm ba hộ mà thôi.

Tháng 9. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật đánh úp và phá được Lê Duy Mật ở Sơn Tây. Duy Mật rút quân giữ ở Ngọc Lâu.

Trước kia, Duy Mật bỏ trốn ra ngoài, cùng với chú là Duy Chúc ở đầu nguồn thuộc Thanh Hoa, quân chúng suy tôn Duy Chúc làm minh chủ(1). Chưa bao lâu, Duy Chúc mất, Duy Mật bèn thống lãnh quân chúng, rồi do đường An Hoá, Phụng Hoá thuộc Thiên Quan, vượt qua Mĩ Lương và Minh Nghĩa, kéo ra quãng sông Đà, sông Thao. Trịnh Doanh sai Đặng Đình Mật, thống lãnh đạo Thanh Hoa, đốc suất cả quân các đạo An Sơn, Mĩ Lương và Chương Đức tiến đánh. Đình Mật nhân lúc không ngờ, đương đêm tiến quân sát đến đồn luỹ của Duy Mật, phá vỡ được ba trùng luỹ cùng vài chục sở đóng quân. Duy Mật rút quân giữ huyện Văn Lãng thuộc Thái Nguyên, sau lại trở về Thanh Hoa dựng doanh luỹ ở xã Ngọc Lâu, xưng hiệu là Thiên Nam đế tử.

Việc sai tướng đi đánh trận này, Trịnh Doanh thấy Đình Mật là con nhà thế thần, vừa thân thích, vừa có công. Muốn đãi ngộ Đình Mật hơn các tướng khác, bèn cho triệu đến trao cho thanh kiếm vàng và ban cho cờ tiết mao cùng phủ việt(2) của tướng quân. Một mặt khác, chọn ngày làm lễ bái yết cung miếu(3), rồi mới sai đi đánh. Từ trước đến nay, triều đình sai tướng đem quân đi đánh dẹp, chưa bao giờ cử hành lễ này, Đình Mật cũng lấy làm cảm động phấn khởi, tự hết sức cố gắng, nên mỗi lần đi đánh đều lập được chiến công. Chb.XXXIX,18

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXV tờ 33.
(2) Xem chú thích số 1, quyển XXX, tờ 27.
(3) Xem lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXVI, tờ 11.

Lời chua – *Đặng Đình Mật* : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức, con Huân quận công Đình Gián và là cháu Ứng quận công Đình Tướng.

Thiên Quan : Xem Bình Định vương, năm thứ 9 (Chb. XIII, 25).

An Hoá : Tên huyện, thuộc Ninh Bình.

Phụng Hoá : Tên huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb. XXVI, 1, 2).

An Sơn : Tức Ninh Sơn, xem Chiêu Thông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Mĩ Lương : Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Minh Nghĩa : Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Văn Lãng : Tên huyện, thuộc Thái Nguyên.

Xã Ngọc Lâu : Thuộc huyện Thạch Thành, Thanh Hoa.

Đà và Thao : Hai con sông này ở địa phận hai tỉnh Hưng Hoá và Sơn Tây.

Tháng 10, mùa đông. Sai Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh và Vũ Công Tể làm chiêu phủ sứ các lộ.

Bọn Quý Cảnh chia nhau đi các lộ, khuyên dân làm ruộng, trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán, mộ người làm ruộng, khai khẩn đất bỏ hoang, tìm bắt trộm cướp.

Lúc ấy, làng xóm tiêu điều tan tác, tính theo số xã thì nhân dân phiêu tán nhiều nhất có đến 1.730 làng, phiêu tán vừa có đến 1.961 làng.

Biểu dương dân trung nghĩa huyện Đại An và Nam Chân.

Trước kia, giặc Ngân Già nổi lên, đi đến đâu là ở đấy đổ vỡ, chỉ có các tổng An Giang, Hải Liêu thuộc huyện Đại An và Phương Để, Thần Lộ thuộc huyện Nam Chân hết sức đánh nhau và chống cự với địch, lại Chb.**XXXIX**,19

có công theo quan quân đi đánh giặc. Đến nay giặc đã dẹp yên, triều đình hạ lệnh ban cho biển ngạch "trung nghĩa" để biểu dương.

Lời chua - *Đại An và Nam Chân* : Tên hai huyện, xem Thánh tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 18).

Tháng 11. Khởi phục[1] Trần Danh Ninh làm công việc Lễ phiên, vào phủ chúa giữ chức bồi tụng.

Trước đây, Danh Ninh xuất thân khoa bảng, giữ chức Hàn Lâm thị độc. Lúc ấy, gặp có tang mẹ, về ở nhà, Trương Khuông tiến cử là có thể dùng Danh Ninh giữ công việc trọng đại. Vì thế, Trịnh Doanh hạ lệnh cho bỏ tình riêng để ra làm quan.

Lời chua - *Trần Danh Ninh* : Người xã Bảo Triện, huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa tân sửu, năm Vĩnh Khánh[2].

Ân xá.

Lúc ấy, vì tai dị và mất mùa, kém đói, triều đình bèn hạ chiếu tha thuế tô, thuế dung cho các lộ ; triệt bỏ những sở tuần ty trái lệ ngạch; cấm tố cáo xằng, bắt bớ bậy những người trước theo giặc mà nay đã theo lệnh trở về. Tờ chiếu ân xá gồm 5 điều.

Nhâm Tuất, năm thứ 3 (1742). (Thanh, năm Càn Long thứ 7). Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho chưởng phủ Vũ Tất Thận và tham tụng Nguyễn Quý Cảnh chia nhau quản lãnh hương binh ở các huyện gần kinh kỳ.

Vì chưa dẹp yên được bọn giặc cướp, các quân lính phải phân phối đi đánh phá càn quét, trong kinh vắng bóng binh lính. Các quan giữ chính quyền trong phủ chúa xin tạm kén

(1) Người đương làm quan, nhưng vì lý do gì đó về ở nhà, sau lại triệu ra cho làm quan, gọi là khởi phục.

(2) Vĩnh Khánh là niên hiệu Đế Duy Phường (1729-1731) chỉ có năm tân hợi, không có tân sửu. Tân sửu thuộc niên hiệu Bảo Thái (1721) triều Dụ Tông. Vì *Cương mục* chép sai, nên không rõ Danh Ninh đỗ năm nào.

dân các huyện gần kinh kỳ, cứ 5 suất đinh kén lấy một người làm hương binh, tha dao dịch cho họ, duyệt tập theo như phép của lính chính thức. Bèn hạ lệnh cho Tất Thận và Quý Cảnh chia nhau quản lãnh, phân phối hương binh đóng ở ngoài kinh thành, để phòng bị việc bất trắc xảy ra. Chb.XXXIX,20

Nguyễn Đăng Hiển, tướng thuỷ đạo, đuổi bắt và giết được Toàn Cơ ở Hoành Bồ.

Cuối năm Vĩnh Hựu, thổ tù Toàn Cơ (sót họ) nổi loạn, đánh phá Đoàn Thành, đốc trấn Ngô Đình Thạc bị giết. Khi Trịnh Doanh nối ngôi, hạ lệnh cho Nguyễn Đăng Hiển, tướng thuỷ đạo, tiến quân đánh phá ; Toàn Cơ thua, chạy ra Yên Quảng. Đến nay, đuổi bắt được ở Hoành Bồ, chém chết.

Lời chua - *Hoành Bồ* : Xem Hi Tông, năm Chính Hoà thứ 11 (Chb. XXXIV, 25).

Đoàn Thành : Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 26).

Dân Thanh Hoa bị nạn đói. Triều đình bỏ thóc ra để phát chẩn.

Năm ấy, dân Thanh Hoa bị nạn đói, một uyển gạo trị giá một tiền. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong tam ti[1] ở bản trấn, trích lấy 15 vạn bát quan thóc, chia nhau đi phát chẩn cho dân.

Tháng 2. Bổ dụng Nguyễn Ngọc Huyễn làm hữu thị lang bộ Hộ giữ chức bồi tụng.

Trước kia, Ngọc Huyễn làm đốc trấn Cao Bằng 7 năm, có tài về việc vỗ về dân chúng, chống cự giặc cướp, nên dân nơi biên giới được yên ổn làm ăn, Trịnh Chb.XXXIX,21

(1) Tức ti Trấn thủ, ti Thừa chính và ti Hiến sát.

Doanh rất trọng, phong cho tước hầu. Đến nay triệu về triều, bèn vào làm quan trong chính phủ.

Lời chua – *Nguyễn Ngọc Huyến* : người xã Bột Thái, huyện Hoằng Hoá[1], đỗ tiến sĩ khoa tân sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Sai bọn Lê Hữu Kiều, bồi tụng, dò la tìm hỏi tình hình ở các đạo thuộc Thanh Hoa và Nghệ An.

Trịnh Doanh bổ dụng Hữu Kiều giữ chức lưu thủ ở Thanh Hoa. Sau hạ lệnh cho Hữu Kiều cùng Hà Huân xét hỏi công việc và tình trạng trong hạt : Quan lại người hay, kẻ dở ; dân gian đau đớn khổ sở ; quan quân các đạo đánh dẹp, chống cự ; tuần ti ở đường thuỷ và đường bộ. Lại hạ lệnh cho Đỗ Huy Kỳ đi dò la tìm hỏi tình hình ở Nghệ An.

Lời chua – *Hà Huân* : Người xã Kim Vực, huyện An Định, đỗ bảng nhãn khoa giáp thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 3. Trịnh Doanh tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương. Đặt cái ống để nhận đơn bí mật tố cáo, sau lại bãi bỏ.

Lúc mới được lập làm chúa, Trịnh Doanh phong là nguyên soái, MinhĐô vương. Đến nay giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư, Minh vương.

Doanh hăng hái lưu ý xét hỏi công việc, đặt cái ống bằng đồng ở cửa phủ, hạ lệnh cho người có việc hoặc người bị oan ức làm tờ tố cáo bỏ vào trong ống, cứ 5 ngày người có trách nhiệm đem ống ấy tiến trình.

Lúc ấy, sĩ phu, dân chúng bí mật trình bày việc tham tang và nhũng nhiễu của quan lại ; nhưng khi xét nghiệm ra, phần nhiều không đúng sự thực, Chb.**XXXIX**,22

(1) Nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Doanh dần dần sinh ra chán nản. Lê Trọng Thứ, tả chính ngôn, làm tờ khải nói : "Bây giờ lòng người không được như đời cổ, sự yêu ghét chưa chắc đã hết thảy được công bằng. Nếu muốn phân biệt rõ người hay kẻ dở thì nên cho các quan trình bày đầy đủ bằng lời nói, rồi thử thách công việc xem có đúng với lời nói không, xét sự thực, tìm công trạng, chứ không nên mở cửa cáo tố bí mật, chỉ làm thêm lòng gian trá về việc bới móc lẫn nhau, bè đảng với nhau mà thôi". Trịnh Doanh khen ngợi lời khải của Trọng Thứ, lập tức bãi bỏ cái ống đồng.

Tháng 4, mùa hạ. Bỏ bớt ti Hiến sát sứ ở các lộ Tuyên Quang, Hưng Hoá và Yên Quảng.

Lúc ấy lấy cớ rằng dân ở ngoại trấn xơ xác, ít kiện tụng, nên bỏ bớt ti Hiến sát đi. Đem quan chức và công việc ở ti ấy lệ thuộc vào ti Trấn thủ.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống lần lượt theo thứ tự vào phủ trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho quan tam phẩm trở xuống, mỗi ngày lần lượt theo thứ tự triệu hai người vào phủ, để hỏi về chính sự và cơ nghi về việc quân, việc nước. Lại hạ lệnh khảo xét quan văn quan võ về thành hiệu của công việc đã làm, để phòng bị sự lựa chọn bổ dụng.

Tháng 5. Mặt trời có quầng.

Người xem thiên văn đoán là tượng trưng bầy tôi lấn quyền vua, được trăm họ thân yêu quy phụ. Trịnh Doanh kính lễ để tế.

Định rõ thể lệ cất nhắc quan trong kinh, ngoài trấn.

Phàm cất nhắc trao chức cho quan trong kinh, ngoài trấn, căn cứ vào những điều lệ sau nay để phân biệt khác nhau : Trúng trường khoa thi hội ; Khảo trúng đầu bài do vua nghĩ soạn ; - Tư cách về lâu năm và khó nhọc ; - Nơi làm quan là nơi nhiều việc (phiền) hay ít việc Chb.XXXIX,23

(giản). Vì thế, những người cầu may mà được quân công, không được cất nhắc trao cho quan chức thực thụ.

Lời chua – *Trúng trường* : Ý nói người dự thi hội được trúng kỳ đệ tam đến ba, bốn, năm, sáu khoa.

Trúng khảo : Ý nói người được trúng cách trong các khoa thi sĩ vọng, hoành từ và ứng chế.

Phiền, giản : Ý nói phủ hoặc huyện có nơi thái phiền, nơi giản khuyết(1).

Tháng 6. Sai Nhữ Đình Toản xét hỏi sự trạng ở Sơn Nam hạ lộ.

Trước đây, ở Sơn Nam hạ lộ, mỗi huyện đều đặt một chức phủ dụ, bổ dụng bọn Phạm Hữu Du nhận lĩnh chức này, để hiệp đồng với viên đồn ngự sứ vỗ về chiêu tập dân địa phương, phòng bị ngăn cấm giặc cướp. Đến nay, triều đình được tin bọn này hà khắc, nhũng nhiễu nhân dân, nhân đấy, sai Đình Toản đi dò xét.

Lời chua – *Phạm Hữu Du* : Người xã Quán Các, huyện Giao Thuỷ, đỗ tiến sĩ khoa giáp thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Tháng 7, mùa thu. Đặt chức quan xét rõ hình ngục còn nghi ngờ.

Hạ lệnh cho tham tụng Nguyễn Ngọc Huyến, đô ngự sử Ngô Đình Oánh, mỗi năm cứ bốn tháng quý(2) phân xử những hình ngục oan uổng cho được hợp lý.

Dân bị đói. Giảm bớt lễ cúng tế thường, đình hoãn việc xét hỏi tạp tụng. Chb.XXXIX,24

Vì năm mất mùa, dân bị đói, sự chi dùng trong nước không đủ, nên hạ lệnh giảm bớt năm phần mười về các lễ tế ở điện và miếu tại Thanh Hoa. Lại lấy cớ rằng viên quan giữ trách

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXV, tờ 19.
(2) Quý xuân : tháng 3 âm lịch ; quý hạ : tháng 6 ; quý thu : tháng 7 ; quý đông:tháng 12.

nhiệm bắt bớ khám xét làm phiền nhiễu dân, bèn ra sắc lệnh : Các việc kiện, chỉ có án nhân mạng, án trộm cướp, hoặc ngang ngược ức hiếp về ruộng đất và đánh nhau, mới được nhận đơn khám xét, ngoài ra hết thảy các việc kiện khác đều đình hoãn.

Tháng 8. Sai Đỗ Huy Kỳ và Phạm Doãn Vĩ chia nhau kén lính Thanh và Nghệ.

Lê Hữu Kiều, lưu thủ Thanh Hoa, dâng tờ khải nói : "Thanh Hoa và Nghệ An mất mùa dân bị đói, số binh lính bỏ trốn và khuyết ngạch nhiều đến hơn vạn người, bọn quản suất bắt bớ thúc giục rất là phiền nhiễu cho dân ; nếu có tìm bắt được, không phải người gian dối cũng là người nghèo khổ, vì thế mà vừa đưa đến doanh trại lại bỏ trốn ngay. Nay không gì bằng chọn lấy viên quan thổ trước, uỷ thác cho thân đi thăm hỏi tình trạng dân, rồi tuỳ tiện nghi mà đốc thúc lựa chọn, như thế là tiện hơn cả". Trịnh Doanh theo lời. Vì thế, hạ lệnh cho Huy Kỳ đi Thanh Hoa, Doãn Vĩ đi Nghệ An, chia nhau tuyển lính.

Lời chua - *Thanh và Nghệ* : Tên hai trấn , xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 16, 17, 20-23, 33).

Đỗ Huy Kỳ : Người Thanh Hoa.

Phạm Doãn Vĩ : Người xã Thổ Hào, huyện Thanh Chương, Nghệ An , đỗ tiến sĩ khoa giáp thìn (1724) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Vũ Công Tể mất.

Công Tể sở trường về văn học, có mưu mô, tài trí, gặp lúc việc quân việc nước bề bộn, biết tuỳ theo đường lối điều khiển xếp đặt. Trịnh Doanh rất làm trọng, bèn cất nhắc lên làm quan ở chính phủ, giao phó cho giữ việc then chốt trong nước. Công Tể lại hay tiến cử người, dầu người có một tài nghệ, cũng khen ngợi cất nhắc không bao giờ bỏ sót. Vì thế, người ta cũng vui lòng làm việc. Chb.XXXIX,25

Trước kia, giặc Sơn Tây là Nguyễn Danh Phương, thanh thế ngày càng lừng lẫy, triều đình bàn muốn chiêu an, chỉ một Công Tể cho là không được, nhất quyết chủ trương đánh phá tiễu trừ. Về sau, quả như lời đã dự liệu của Công Tể. Đến nay mất, truy tặng hàm thiếu bảo.

Tháng 10, mùa đông. Đặt vệ binh ở tứ trấn.

Hồi đầu triều Lê, binh lính ở tứ trấn đều đặt các vệ, các sở. Đến lúc trung hưng, chuyên dùng lính Thanh, Nghệ làm ưu binh, còn lính ở tứ trấn chỉ giữ có ngạch hão mà thôi. Khoảng năm Bảo Thái (1720-1728), Nguyễn Chb.XXXIX,26
Công Hãng làm tướng lại tuyển lính tứ trấn,
phân phối bổ vào đội ngũ, chưa bao lâu Công Hãng mất chức, phép ấy bèn bãi bỏ. Đến nay, vì phải dùng lính đi đánh dẹp, không đủ lính để điều động sai phái, bèn tuyển dân tứ trấn, cứ năm suất đinh lấy một người, được số lính 11.465 người, phỏng theo phép phủ vệ nhà Đường(1), chia làm 20 vệ, ở vệ đặt chức tuần phủ và tuần thủ, chọn viên quan có tài cán mưu mô về hàng văn và hàng võ mỗi hàng một người để giữ các chức ấy, còn thuộc viên về hàng văn, hàng võ thì giữ chức phó nhị. Mỗi vệ đều chia thành hai phiên, hàng tháng thay đổi nhau để thường trực. Bình thường cứ cho một nửa số lính về nhà làm ruộng, người nào ở trong quân ngũ, quan sẽ cấp cho lương ăn hàng tháng. Lúc có việc phải tập hợp để điều động, thì sự sai phái đều tuỳ theo viên quan mà binh lính thuộc quyền (các tuỳ sở lệ sai bát), xong việc lại trả về vệ cũ.

Trước đây, bọn Đào Hoàng Thực giữ chính quyền trong phủ chúa bàn thi hành 3 điều : 1. phép phủ binh ; 2. thu thêm tô ruộng ; 3. lại thu tiền thuế điệu. Trịnh Doanh lấy cớ rằng việc binh là cần cấp hơn cả, cho nên thi hành trước.

(1) Xem chú thích số 2 *Chính biên* quyển XXXV, tờ 41.

Lời chua - *Sở lệ sai bát* : Ý nói lúc có việc mà binh lính phải ra trận đánh dẹp, hoặc thuộc quyền viên thống lãnh, hoặc thuộc quyền viên đốc lãnh, tuỳ theo công việc mà viên quan ấy sai phái.

Đặng Đình Mật đánh bại được Lê Duy Mật ở xã Thịnh Mĩ.

Trước kia, Duy Mật nhiều lần bị Đình Mật đánh bại, phải chạy đến Nghệ An, chiếm cứ động Cổ Nam, sau lại vội vàng đi Thanh Hoa, ra huyện Lôi Dương, phá đồn Bái Thượng, định mưu qua đò Lương Giang để về An Trường. Đinh Mật cùng bọn Hà Huân, Nguyễn Nghiễm tiến quân, gặp ở xã Thịnh Mĩ, đánh bại được Duy Mật, Duy Mật chạy đến châu Lang Chánh.

Sau này bàn thưởng công, Đình Mật được thăng làm tham đốc, vẫn giữ chức thống lãnh, mà sai Nguyễn Ngọc Huyến hiệp lực, để cùng toan tính việc đánh Duy Mật.

Lời chua - *Nguyễn Nghiễm* : Người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, đỗ tiến sĩ khoa tân hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Thịnh Mĩ và Bái Thượng : Tên hai xã, đều thuộc huyện Lôi Dương.

Lang Chánh : Tên châu : Xem năm thứ 28 (Chb. XLIII, 14).

Động Cổ Nam : Thuộc châu Quan Hoá, ở chỗ giáp giới hai tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An. Chb.XXXIX,27

Lương Giang : Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 2,(Chb.XI,9).(1)

Tháng 12. Bắt đầu thu thêm tiền tô ruộng.

Từ năm Bảo Thái trở về trước, duy ruộng công phải chịu tô, còn ruộng tư không phải chịu. Đến lúc Nguyễn Công Hãng giữ chính quyền, mới bàn đánh thuế theo từng hạng ruộng,

(1) Lương Giang tức Ngu Giang, một chi lưu của sông Mã, ở địa giới huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

chia ra 3 hạng : nhất đẳng, nhị đẳng và tam đẳng. Đến nay, vì việc chi dùng trong nước không đủ, bầy tôi trong phủ chúa xin tạm thời bổ thêm "tiền gia tô", mỗi mẫu đều nộp 30 đồng, thu vào hai mùa đông và hạ. Về sau, việc này bèn thành thể lệ nhất định.

Lời chua - *Đánh thuế theo từng hạng ruộng* : Ruộng nhất đẳng mỗi mẫu 3 tiền, ruộng nhị đẳng mỗi mẫu 2 tiền, ruộng tam đẳng mỗi mẫu 1 tiền.

Quý Hợi, năm thứ 4 (1743). (Thanh, năm Càn Long thứ 8). Tháng giêng, mùa xuân, khôi phục phép đánh thuế điệu đời Bảo Thái (1720-1729).

Theo chế độ cũ, các việc chi phí về bài, biểu, tế, khoán, đều chiểu theo từng hộ thu tiền(1).

Bài là ngày sinh của vua chúa, ngày mồng một tháng giêng (âm lịch) hàng năm, các nha môn làm lễ bái vọng ;

Biểu là phẩm vật nghi lễ dâng tờ biểu chúc mừng vua chúa. Phàm gặp những tiết lệ kể trên, các nha môn đều có hát xướng, yến tiệc.

Tế là tế ở cung miếu(2) vào các tiết tứ quý(3) ; tế đinh(4) ở quốc học và quận học ; tế bách thần vào tiết mùa xuân ; tế ma quỷ không có người cúng tế(5). Chb.**XXXIX**,28

Khoán là các việc đê, đường, cầu, cống, kho tàng, trường thi v.v...

---

(1) Xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXVI, tờ 11.

(2) Theo lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXV tờ 9 và quyển XXXVI tờ 11, thì cung miếu là miếu thờ tiên tổ họ Trịnh. Nhưng theo chú thích của cuốn *Lê sử bổ* (sách chép tay, không có tên tác giả, cuốn sách này chỉ chép công việc đời Lê Cảnh Hưng), thì cung miếu là miếu thờ Lê Thái Tổ, và đem các vị tiên tổ họ Trịnh cùng mấy người công thần nữa dự vào phối hưởng.

(3) Xem chú thích số 2 tờ 23 trong cuốn này.

(4) Tế Khổng Tử và tiên hiền , tiên nho. Vì tế vào ngày "đinh" trong tháng trọng xuân và trọng thu, nên gọi "tế đinh".

(5) Nguyên văn chép "lệ tế". Chữ "lệ"có nhiều nghĩa : Tật dịch ma quỷ, điềm dữ v.v... Ở đây chúng tôi dịch theo chú thích trong cuốn *Lê sử bổ* đã dẫn ở trên.

Những lễ tiết và công việc về bài, biểu, tế, khoán đều chia bổ về đinh suất, mỗi năm hoặc 2 quan, hoặc 3 quan, không có ngạch nhất định, gọi là "tiền hộ phân".

Tiền *bài* và *biểu* thuộc về hai ti Thừa chính và Hiến sát ; tiền tế thuộc về phủ huyện ; tiền khoán thuộc về ti Trấn thủ. Còn việc thu nộp thì giao cho nha lại các huyện. Đến khoảng năm Bảo Thái, triều đình chán ghét về sự phiền phức vụn vặt, bèn đổi lại mà định làm phép điệu. Theo phép này, mỗi suất định hàng năm nộp 6 tiền, phỏng theo ý nghĩa "mướn người làm việc" của đời cổ. Khi gặp việc chi tiêu về bài, biểu, tế, khoán, đều lấy tiền ở người có trách nhiệm giữ tiền. Nhưng sau vì kho tàng không đủ tiền, thành ra cầu cống, đường sá phần nhiều bỏ huỷ hoại, vì thế lại bàn thu "tiền hộ phân". Rồi sau đó, nào bắt bớ, thúc giục, nào thu tiền, nộp tiền, tệ hại nảy ra hàng trăm mánh khoé. Trịnh Doanh biết tình tệ ấy, nên năm trước, hạ lệnh cho bầy tôi đem việc thu số tiền này cùng bàn luận chung với chính sách binh lính và phép đánh tô ruộng, đến nay mới thi hành.

Tháng 2. Bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc, hoạn quan, giữ chức đốc lãnh lính kỳ đạo.

Ngũ Phúc do hoạn quan xuất thân, là người có mưu kế. Trước kia hắn do chức tả thiếu giám, sung giữ chức nội sai trong Hình phiên. Vì thấy triều đình đương dùng quân đánh dẹp, bèn dâng 12 điều về binh pháp, Trịnh Doanh cho đem thi hành. Nhân đấy, sai thống lãnh kỳ binh đạo Hải Dương, cùng với viên thống tướng chánh đạo là Hoàng Công Kỳ hội đồng tiễu trừ Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn.

Lúc Ngũ Phúc mới được nghe mệnh lệnh, rất lấy làm lo, vì từ trước chưa từng đi chiến trận bao giờ. Có người khách khuyên : "Nên vay một vạn quan tiền công, để mộ lấy những tay tráng sĩ". Ngũ Phúc nói : "Nay vay tiền công, một ngày kia bắt phải nộp trả, thì Chb.XXXIX,29

lấy tiền đâu mà trả được?". Khách nói : "Tục ngữ có câu "Tướng vô tài, sĩ bất lai", nghĩa là người làm tướng mà không có của, thì không bao giờ dũng sĩ tìm đến. Nếu ông thật lòng theo kế của tôi, thì những tráng sĩ đều hết sức với ông, quyết chiến thắng được địch, từ đấy sẽ được vừa sang vừa giàu, có lo gì cái món tiền vạn quan? Nếu nhỡ ra vấp váp đến chỗ không thể nói được, thì còn ai trách cứ món nợ ấy vào đâu được nữa?" Ngũ Phúc cho là phải, bèn theo lời. Do đấy về sau Ngũ Phúc nhờ vào sức sĩ tốt, lập được chiến công, là viên tướng nổi tiếng trong một đời.

Lời chua – *Ngũ Phúc* : Người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng.

Thổ phỉ ở Cần Dinh đánh phá Đoàn Thành, đốc trấn Vũ Tá Vịnh và đốc đồng Trần Công Hân đánh nhau với thổ phỉ, bị chết. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính khôi phục được Đoàn Thành.

Lạng Sơn giáp giới Kinh Bắc, núi non thung lũng hiểm trở, thổ phỉ (sót họ tên) Cần Dinh hô hào nhau tụ tập trong hang núi, rồi đem đồ đảng bao vây Đoàn Thành. Tá Vịnh đem sự nguy cấp báo cáo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Trần Đình Cẩm, trấn thủ Kinh Bắc, đến cứu viện. Đình Cẩm không chịu tiến quân, lấy cớ rằng còn phải hội họp quân để tiễu trừ giặc biển. Vì thế, Bọn Tá Vịnh kiệt sức, Đoàn Thành vỡ, bọn này đều bị hại. Phiên mục là Nguyễn Đình Sính đem thổ binh đánh giặc, giặc thua chạy, bèn khôi phục được Đoàn Thành.

Lời chua – *Trần Công Hân* : Người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại[1], đỗ tiến sĩ khoa quý sửu (1733) năm Long Đức triều Lê Thuần Tông. Chb.**XXXIX**,30

Nguyễn Đình Sính : Phiên mục Lạng Sơn.

---

(1) Nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương), xã Cổ Am thuộc huyện Vĩnh Bảo

Xã Cần Dinh : Thuộc huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh[1].

Đoàn Thành : Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6. (Chb. XXXVIII,26).

Giặc biển : Hữu Cầu hô hào dân chúng tụ họp ở Đồ Sơn, cướp phá miền ven biển, nên gọi "giặc biển".

Tháng 3. Tha thuế tuần ti ở các lộ.

Lúc ấy, các sở tuần ti đánh thuế phiền nhiễu nặng nề, việc buôn bán phải sút kém dần đi. Trịnh Doanh muốn bỏ việc đánh thuế. Các quan trong chính phủ nói : "Thuế tuần ti đã có ngạch nhất định, nay chỉ nên ngăn cấm việc hà lạm sách nhiễu mà thôi". Trịnh Doanh nói : "Chính sách của vương giả ngày trước, chỗ họp chợ ở nơi quan ải chỉ xét hỏi người lạ mặt mà không đánh thuế. Nay, sau khi binh lửa, đồ ăn thức dùng của dân thiếu thốn, muốn được đủ dùng, chỉ nhờ vào sự buôn bán vận chuyển nơi có đến nơi không mà thôi, nên thực sự gia ơn, không nên chỉ làm việc hạ lệnh răn bảo". Bèn bãi bỏ thuế tuần ti năm ấy cho các lộ.

Lời chua – *Tuần ti các lộ* : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb. XXXVI, 12).

Hạ lệnh cho quan trong kinh, ngoài trấn đều dâng tờ thực phong[2] trình bày công việc.

Hạ lệnh quan võ từ tam phẩm trở lên đều đề cử một người có tài trí, mưu mô, mạnh dạn, quả cảm.

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ chế độ bổ quan văn giữ chức tuần phủ ở các vệ. Chb.**XXXIX**,31

Trước kia, tuyển lính tứ trấn, chia ra các vệ, mỗi vệ đặt quan văn giữ chức tuần phủ, quan võ giữ chức tuần thủ, mỗi chức một người, để thống suất binh lính. Đến nay, tham tụng Lê Hữu Kiều nói : "Vệ binh mới đặt, kỷ luật còn

(1) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXV, tờ 23.

thô lỗ, xin chỉ đặt một quan võ giữ chức tuần thủ, để thời thường thao luyện diễn tập binh lính, mà bỏ việc bổ quan văn giữ chức tuần phủ đi". Trịnh Doanh theo lời.

Ánh sáng sao Hoả phạm vào vị trí sao Thái Vi.

Bãi chức tham tụng của Nguyễn Công Thái, cho ra trấn thủ Sơn Nam.

Trước đây, Công Thái trấn thủ ở Thanh Hoa, được triệu về giữ chức trong chính phủ. Công Thái cùng bọn Đỗ Thế Giai, Đàm Xuân Vực không hợp ý nhau. Gặp lúc ấy, bọn Hoàng Văn Chất, giặc cỏ ở Sơn Nam, thanh thế đương mạnh tợn, bọn Thế Giai muốn hãm hại Công Thái, bèn nói với Trịnh Doanh là Công Thái có thể đương nổi sứ mạng trấn thủ Sơn Nam. Vì thế, mới có lệnh này.

Lời chua – ***Đỗ Thế Giai*** : Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ hương cống, vào hạng quan tiến triều[1].

Đàm Xuân Vực : Hoạn quan, người xã Tương Trúc, huyện Thanh Trì.

Hoàng Văn Chất : Có một tên nữa là Công Thư, người huyện Thư Trì, tỉnh Nam Định[2], có thuyết nói : người xã Vân Hoàng, huyện Phú Xuyên.

Tháng 6. Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng Hải Dương, cướp huyện Thanh Hà. Hoàng Công Kỳ cùng Hoàng Ngũ Phúc đánh phá được.

Trước đây, Nguyễn Cừ đã bị bại, đồ đảng của hắn là Nguyễn Hữu Cầu lại hô hào tụ họp nhau lén lút chiếm cứ Đồ Sơn, rồi sai đồ đảng cướp bóc xã Lão Phong. Trịnh Bảng, đốc lãnh thuỷ đạo, đem quân và thuyền tiến đánh. Bên giặc đem ra hơn mười chiếc thuyền, khi thấy quan quân, giả vờ chạy trốn, Bảng đuổi theo đến cửa biển Giai Môn, giặc rút lui vào bến Cát Bạc. Gặp lúc Chb.**XXXIX**,32

(1) Xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXVI, tờ 28.
(2) Nay huyện Thư Trì hợp với huyện Vũ Tiên thành huyện Vũ Thư thuộc tỉnh Thái Bình.

ấy thuỷ triều cuồn cuộn giấy lên, gió thổi mạnh, thuyền của quan quân cao lớn, chèo chở không thuận lợi, bèn đỗ ở bờ biển phía đông. Giặc nhân cơ hội ấy, đem hơn trăm chiếc thuyền nhanh nhẹn tiến ra đánh phá : quan quân tan vỡ. Trịnh Bảng trong mình trúng hơn mười vết thương, bị giặc bắt, Bảng chửi mắng không ngớt mồm, rồi chết.

Từ đấy, thanh thế Hữu Cầu ngày càng lừng lẫy, tự xưng là Đông Đạo tổng quốc bảo dân đại tướng quân, chiếm cứ ven biển Đồ Sơn và Vân Đồn làm nơi kiên cố.

Trịnh Doanh sai Hoàng Công Kỳ thống lãnh đạo bộ binh ở Hải Dương, Trần Cảnh thống lãnh đạo thuỷ binh ; lúc ra đi, Trịnh Doanh thân hành trao cho mưu kế phương pháp. Sau đó, sai Công Kỳ thống suất số quân thuộc dưới quyền Trần Cảnh và các đạo quân của đốc lãnh Vũ Tá Liễn, gồm binh thuyền của 29 cơ, nghiêm hạn nhật kỳ tiến quân càn quét. Công Kỳ dâng tờ khải nói : "Giặc nương vào núi, dựa vào biển làm nơi kiên cố ; vả lại nước biển khi lên khi xuống không nhất định, muốn phá Đồ Sơn, không tranh chiếm địa lợi trước là không được, mà muốn tranh chiếm địa lợi, cần phải dùng thuỷ binh. Vậy xin giữ quân thuỷ của đội Tứ Trạch lại để phòng bị việc điều khiển". Trịnh Doanh y cho. Công Kỳ cùng tướng thuỷ đạo là Nguyễn Đăng Hiển, góp sức nhau cùng càn quét, Hữu Cầu đánh nhau, bị bại trận, chạy trốn ra bãi biển, nhưng bọn Công Kỳ không lập tức đuổi bắt, Đăng Hiển lại tự dẫn đại binh về kinh sư. Chb.**XXXIX**,33

Hữu Cầu biết Yên Quảng sơ hở yếu ớt, lại trở về chiếm cứ Đồ Sơn, thường ra cướp phá vùng đông nam, thế lực mạnh dần, không ai có thể chống cự được. Đến nay đem quân cướp huyện Thanh Hà. Công Kỳ bị vây đã hàng tuần, bèn sai người vượt ra ngoài vòng vây, về triều cáo cấp. Quân cứu viện chưa kịp đến, thì Hoàng Ngũ Phúc, đốc lãnh lính kỳ đạo, thúc quân

đến cứu. Khi quân của Ngũ Phúc đến huyện Vĩnh Lại, bị giặc chẹn lại. không tiến lên được.

Về phía Công Kỳ, thì tán lý Vũ Khâm Lân bày mưu rằng : "Quân ở kinh sư chưa thể đến ngay, nếu cứ ngồi để đợi viện binh, thì làm thế nào có thể kịp được? Nay giặc đánh nhau với binh lính kỳ đạo, chúng tất dồn quân về mặt trước, nếu ta tranh cướp lấy mặt sau mà đem quân ra, hai đạo quân hợp sức lại để đánh, thì thế nào cũng phá được quân địch". Công Kỳ nghe theo kế ấy, bèn nhân đêm kéo ra cửa sông Ngư Đại, gặp quân giặc có ít, đánh thắng được, rồi hợp sức phá nhổ kè, tiến ra sông Ngư Đại, kéo về đóng ở sông Tranh, hội hợp với Hoàng Ngũ Phúc tiến đánh, phá tan được địch.

Lời chua – *Bảng* : Người trong tộc thuộc họ Trịnh.

Đồ Sơn : Tên xã, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 3 (Chb. XXVI, 11).

Lão Phong : Tên xã

– *Giai Môn* : Tên cửa biển Chb.XXXIX,34

– *Cát Bạc* : Tên bến. Cả ba đều thuộc huyện Nghi Dương(1), tỉnh Hải Dương.

Sông Ngư Đại : Ở xã Ngư Đại, huyện Thanh Hà(2).

Sông Tranh : Ở địa phận xã Tranh Xuyên, huyện Vĩnh Lại(3).

Vân Đồn : Tên châu.

Thanh Hà và Vĩnh Lại : Tên hai huyện, đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb.XXX, 14).

Tháng 8, mùa thu. Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi hương.

Từ đầu năm Cảnh Hưng, luôn mấy năm binh lửa và mất mùa, khoa thi hương phải hoãn, đến nay lại cử hành. Triều đình hạ lệnh thêm ngạch lấy đỗ cống sĩ.

(1) Nay là huyện Kiến Thụy, T.P Hải Phòng.
(2) Nay huyện Thanh Hà, thuộc tỉnh Hải Dương.
(3) Huyện Vĩnh Lại nay là huyện Vĩnh Bảo (Hải Phòng) và huyện Ninh Giang (Hải Dương).

Lúc ấy, sĩ tử vào thi trường Nghệ An, đến kỳ đệ tam, người bất đắc chí đốt phá vi trong trường thi. Sau tra ra người cầm đầu đem giết, rồi cho thi lại kỳ đệ tứ.

Tháng 11. mùa đông. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện, hình dài hơn một trượng, hai tuần mới lặn.

Sai Đinh Văn Giai và Nguyễn Đình Hoàn hội quân tiễu trừ giặc cỏ.

Từ khi Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển nổi loạn, các huyện bị tàn phá luôn, bọn cường bạo tập họp nhau đi theo giặc cướp bóc tứ tung. Một dải phía bắc sông, làng xóm tan tác phiêu lưu, cỏ mọc ngập mắt. Đến khi Cừ và Tuyển bị bại, đồ đảng còn sót lại đều hô hào nhau tụ tập thành từng toán một, toán lớn vài ngàn người, toán nhỏ cũng không kém năm, sáu trăm người, đến đâu cướp bóc đấy, lấp ló ở nơi đồng nội sông chằm, không sao biết được tung tích. Lúc ấy người ta gọi là "giặc cỏ". Hoàng Văn Chất, một tay kiệt hiệt nhất.

Chb.**XXXIX**,35

Bọn thống lãnh là Trương Nhiêu và Lê Đoan Khải chia quân ra đuổi bắt, nhưng quân giặc chợt tan, chợt lại tụ họp, không thể dập tắt được. Vì nhiều lần bị quan quân đánh phá, chúng dâng thư xin hàng. Theo lời bàn luận của bày tôi, thì đều không muốn chiêu an, chỉ có Nguyễn Đình Hoàn và Trần Huy Mật cố sức chủ trương cho chúng đầu hàng. Trịnh Doanh cũng chán nản việc dùng quân đánh dẹp, nhân đấy trao cho chúng được quan tước và cho chiếu theo từng địa điểm mà cai quản lấy. Nhưng bọn Văn Chất nắm lấy quân chúng, không chịu giải tán. Bầy tôi trong chính phủ xin nghiêm hạn bắt chúng phải đến cửa khuyết đình. Bọn Văn Chất lại làm phản, chiếm cứ Khoái Châu, đến đâu đốt phá, cướp bóc đấy. Trịnh

Doanh hạ lệnh giao trách nhiệm cho Đình Hoàn thống lãnh quân đạo đông nam, Trần Huy Mật làm tán lý, cùng trấn thủ Đinh Văn Giai, nghiêm hạn nhật kỳ hội đồng càn quét. Sau đó, Văn Giai cùng Đình Hoàn phá tan được bọn Văn Chất ở Đỗ Xá. Gặp lúc ấy nước sông Nhị lên cao, Đình Hoàn xin khơi nước sông cho đổ giội vào quân của Văn Chất. Trịnh Doanh không y cho, vì lấy cớ rằng làm như thế sẽ hại lây đến huyện lân cận.

Đình Hoàn tự nhận mình có chuyên trách khống chế mặt nam, thiện tiện tự ý càn bắt dân phu theo đi đánh giặc, làm náo động cả dân địa phương. Nghe được tin này, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm ngặt trách phạt Đình Hoàn và bãi đi ngay. Sau cho triệu Văn Giai về trình bày công việc quân cơ ngay trước mặt, rồi lại sai đến quân thứ. Nhưng giặc cỏ tung hoành bạo ngược càng ngày càng dữ, dân vùng Hải Dương, Kinh Bắc không ngày nào được yên.

Lời chua – *Nguyễn Đình Hoàn* : Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An.

Lê Đoan Khải : Không rõ tiểu sử.

Chb.**XXXIX**,36

Khoái Châu : Tên phủ, xem Lý Cao Tông, năm Trị Bình Long Ứng thứ 4 (Chb. V, 32).

Nhị Hà : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 13).

Đỗ Xá : Tên xã, thuộc huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 40

Từ Giáp Tí, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (1744) đến Kỷ Tị, năm Cảnh Hưng thứ 10 (1749), gồm sáu năm. Chb.XL.1

*
* *

GiápTí, năm (Cảnh Hưng) thứ 5 (1744). (Thanh, năm Càn Long thứ 9).

Tháng 2, mùa xuân. Có con cá lớn vào sông Cái.

Con cá, đầu như đầu voi, mình dài hơn 4 trượng, từ cửa biển Thần Phù vào cửa sông, rồi theo sông Châu Kiều ngược dòng bơi lên, đến miếu thờ tại khúc sông Thuần Lương, ở đấy 3 ngày, rồi lại bơi ra biển.

Lời chua – ***Cửa biển Thần Phù*** : Tức cửa biển Thần Đầu, xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 40).

Sông Châu Kiều : Ở địa phận xã Châu Cầu, huyện Kim Bảng.

Miếu Thuần Lương : Ở xã Hương Lâm, huyện Phú Xuyên. Cả hai đều thuộc Hà Nội[1].

---

(1) Xã Châu Cầu nay thuộc tỉnh lỵ Hà Nam, huyện Kim Bảng nay thuộc tỉnh Hà Nam ; huyện Phú Xuyên nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Tháng 3. Bổ dụng hoạn quan Hoàng Công Kỳ giữ chức trấn thủ Sơn Nam, kiêm thống lãnh mặt đông nam ; triệu Nguyễn Công Thái về, lại vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước đây Công Thái ra trấn thủ Sơn Nam, có tài về việc vỗ về dân, chống giặc cướp, vì thế mà bọn giặc cỏ Hoàng Công Chất không dám quá hung ngược, dân địa phương tạm được yên ổn. Trịnh Doanh nghĩ công lao của Công Thái, cho triệu về kinh, bổ dụng Công Kỳ đến thay.

Bắt đầu cấp thái ấp cho bầy tôi trong chính phủ. Chb.XL,2

Cấp thái ấp cho tham tụng Đào Hoàng Thực và Nguyễn Công Thái, mỗi người 2 xã, gọi là ngụ lộc. Việc này sau thành thể lệ.

Lời chua – *Ngụ lộc* : theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì tham tụng được 2 xã, tiền 200 quan.

Sổ thuế tô, thuế dung ở lục cung đã làm xong.

Hồi đầu triều Lê, tài chính thuế khoá đều do bộ Hộ giữ, khoảng năm Vĩnh Thịnh (1705-1719) mới đặt chức quan lục cung, chia nhau thu các thuế lệ nội trấn và ngoại trấn. Sau vì lâu năm, sổ sách mục nát, Trịnh Doanh lại hạ lệnh cho sửa lại. Đến nay sổ ấy đã làm xong, dâng nộp. Phàm tiền tài, thóc gạo và thổ sản về thuế tô, thuế dung ở tứ trấn và phủ Trường Yên đều có số ngạch nhất định.

Lời chua – *Lục cung* : Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb.XXXV, 22, 23).

Phủ Trường Yên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.II, 11).

Nội trấn, ngoại trấn : Nội trấn là bốn trấn Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương và Sơn Tây. Ngoại trấn là Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

Tháng 5, mùa hạ. Bổ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Cao Bằng. Chb.XL,3

Trước kia, họ Mạc bị quan quân tiến đánh, dắt díu gia quyến chạy sang trú ngụ ở Quảng Tây. Đến nay, mầm mống còn sót lại, nhân thấy trong nước có việc nguy cấp, bèn tụ tập quân chúng xâm phạm vào biên giới. Triều đình đã mấy lần sai quân đi đánh dẹp, bọn Đặng Công Diễn và Nguyễn Đình Bá cũng có phen đánh được, nhưng vì làm trái phương pháp vỗ yên dân, chống cự giặc, nên dân man sau lại hưởng ứng với giặc, thế giặc lại mạnh to lên. Chúng đi lại vùng Hưng Hoá, Thái Nguyên, Cao Bằng, Tuyên Quang làm lòng người náo động. Lê Hữu Kiều xin chọn bầy tôi nho học đi yên uỷ vỗ về dân chúng. Vì thế, bèn cho Thế Chuẩn đi giữ chức này.

Lời chua - *Mai Thế Chuẩn* : Người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn(1), đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường. Sau đổi sang chức quan võ làm hữu hiệu điểm quyền phủ sự.

Đặng Công Diễn : Người xã Phù Đổng(2), huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Bá : Người xã Bình Dân(3), huyện Đông An. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa đinh mùi (1727) năm Bảo Thái triều Dụ Tông.

Mầm mống sót của họ Mạc : Gọi là "Giặc răng vàng" (sót tên). Năm ấy cướp phá Cao Bằng, đốc trấn Nguyễn Đình Bá đem quân tiến đánh, cả phá được giặc.

Cao Bằng : Tức Bắc Bình, trước thuộc Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hoàng Ngũ Phúc vây Nguyễn Hữu Cầu ở Đồ Sơn. Hữu Cầu đi gấp đến Kinh Bắc, đánh chiếm được trấn thành. Chb.XL,4

(1) Naylà xã Nga Thạch huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
(2) Nay là thôn Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(3) Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

Trước kia, Ngũ Phúc đánh Hữu Cầu ở Đồ Sơn, không thắng nổi, tì tướng là Trịnh Bá Khâm bị chết tại trận. Đến nay Ngũ Phúc lại tiến quân bao vây, Hữu Cầu phá vòng vây để ra, đi gấp đường đến Kinh Bắc, chiếm cứ sông Thọ Xương, đắp luỹ ở hai bên bờ sông để giữ, từ Quế Nham đến Khê Kiều đều cắm kè bằng gỗ, bày la liệt hơn vài trăm thuyền chiến, đồn luỹ liên lạc. Trấn thủ Trần Đình Cẩm tiến quân từ Thiết Sơn đến Trai Thị, bị giặc đánh bại, tất cả quân lính đều tan vỡ . Đình Cẩm lui giữ Thị Cầu, giặc nhân thế thắng đuổi đánh, Đình Cẩm lại bị thua, giặc đuổi theo, bèn chiếm được trấn thành Kinh Bắc, tung lửa đốt doanh trại, Đình Cẩm cùng đốc đồng Vũ Phương Đề bỏ ấn tín chạy. Nửa đêm tin báo đến kinh, trong kinh thành nhốn nháo kinh sợ. Triều đình sai vệ binh chia nhau đóng ở trường tập bắn (xạ trường) và xã Vân Canh, xã Nhân Mục, cầu Yên Quyết (Cầu Giấy cũ) để phòng bị. Ngũ Phúc được tin Kinh Bắc thất thủ, bèn dẫn quân tiến đến đóng ở Vũ Giàng.

Lời chua - *Sông Thọ Xương* : Ở xã Thọ Xương, huyện Bảo Lộc[1], hạ lưu thông với sông Lục Đầu.

Xã Quế Nham : Thuộc huyện Yên Thế[2].

Xã Thiết Sơn : Thuộc huyện Yên Dũng[3].

Trai Thị : Ở xã An Ninh, huyện Yên Dũng.

Xã Thị Cầu : Thuộc huyện Vũ Giàng[4]. **Chb.XL,5**

Những địa điểm trên, nay đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xã Vân Canh : Thuộc huyện Từ Liêm.

---

(1) Tên huyện xuất hiện từ thời Trần, thuộc lộ Bắc Giang. Thời Thành Thái huyện đổi thành Phất Lộc. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(2) Tên huyện xuất hiện từ thời Lê, thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(3) Tên huyện xuất hiện từ thời Lê (thời Trần là Cổ Dũng), thuộc phủ Lạng Giang. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(4) Nguyên là đất Vũ Ninh. Từ Lê Trung Hưng gọi là Vũ Giàng.Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xã Nhân Mục : Thuộc huyện Thanh Trì.

Trường tập bắn (xạ trường) : Ở trại Giảng Võ, huyện Thọ Xương[1].

Cầu Yên Quyết : Ở địa phận xã Yên Quyết,[2] huyện Từ Liêm.

Các địa điểm trên, nay đều thuộc Hà nội.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng Ngũ Phúc và Trương Khuông thu phục được thành Kinh Bắc.

Ngũ Phúc tiến quân đến Võ Giàng, Trịnh Doanh sai người quở trách rằng : "Bọn ngươi đi đánh dẹp hơn một năm, tiến sát đến Đồ Sơn đã năm sáu tháng mà phòng bị sơ ngỏ, để đứa giặc hung hãn dời khỏi được sào huyệt ; rồi lại đến 7,8 ngày sau mới đuổi theo, để cho đồ đảng của giặc xâm phạm một cách đột ngột, làm kinh sợ náo động cả lòng người. Như thế có xứng đáng với phận sự người tướng giữ ngoài biên trấn không ? Nhà ngươi phải cố nghĩ tự mình hết sức để chuộc tội lỗi trước". Ngũ Phúc dâng tờ khải nói : "Hữu Cầu, sau khi bị thua, phải trốn tránh, quân đã ít mà lại phân tán, thì cái thế đánh phá được chúng tưởng cũng dễ dàng. Nếu được quân sử dụng bằng voi giúp uy thế, tôi sẽ ngầm lùa voi xông ra đánh trận, làm cho chúng mặt trước mặt sau không cứu ứng lẫn được nhau, thì có thể bảo đảm được tất thắng. Vả lại, ý định của chúng chẳng qua chỉ muốn liên kết với bọn giặc cỏ, tiến quân quấy rối sông Nhị mà thôi. Nay tôi đóng ở Võ Giàng, nếu chúng muốn đem hết quân tiến lên mặt trước, lại sợ tôi đánh chặn ở mặt sau, cho nên chẳng qua chỉ liều chết cố thủ, không làm gì được".

Trịnh Doanh nhận được báo cáo của Ngũ Phúc, mừng lắm, bấy giờ lòng người mới được yên. Doanh lập tức sai Cổn quận công Trương Khuông cùng Ngũ Chb.XL.6

(1) Nay thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

(2) Xã Yên Quyết nay là phường Yên Hòa thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cầu Yên Quyết sau gọi là Cầu Giấy.

Phúc họp quân tiến đánh, Hữu Cầu thua chạy, bèn thu phục được trấn thành. Nhân đấy, hạ lệnh cho các tướng chia làm 5 đạo đuổi đánh ; Trương Khuông theo đường Yên Dũng đánh mặt trước, Nguyễn Trọng Thân đánh phía tả mặt trước, mà sai Vũ Tá Liễn đánh phía hữu mặt sau, Lê Lệ đánh phía tả mặt sau, Hoàng Ngũ Phúc chặn ngang dòng sông để phòng bị giặc chạy trốn. Những người giám quân thì đều dùng bọn đại thần thân tín của họ Trịnh.

Trận này, cả thảy năm đạo quân, có 10 đại tướng, 64 liệt hiệu, binh lính hơn 12.700 người. Trong số này chỉ có đạo quân của Lê Lệ đi đến đâu không đụng chạm tơ hào của dân. Dân Yên Thế xin dâng gạo một vạn[1] để làm lương cho lính. Trịnh Doanh đặc biệt khen ngợi, đem số gạo dâng ấy thưởng cho quân sĩ.

Lời chua - *Nguyễn Trọng Thân* : Sau đổi Trọng Điển, người xã Quế Ổ[2], là con Nguyễn Trọng Uông.

Tháng 8. Dân chúng ở Hải Dương đến cửa khuyết xin triều đình xuất quân tiễu trừ giặc. Nhưng không được trả lời.

Lúc ấy giặc cỏ ở Hải Dương thấy triều đình đương bận việc đánh dẹp mặt bắc, nhân cơ hội sơ hở, bèn quấy rối cướp bóc các lộ Hồng Châu, Khoái Châu, đi đến đâu vơ vét nhẫn nhụi đến đấy. Bắt được nhân dân, chúng đặt ra từng đẳng hạng để sách nhiễu phải chuộc, chúng treo người lên cần tre, đổ nước vào mũi, làm đủ mọi sự ác ngược, hoặc bỏ hạt thóc vào trong mắt rồi khâu lại, hoặc trong nhà giam có rắn, rết và địa để làm cho người ta phải khổ sở, thậm chí lấy giáo xiên trẻ con, dùng lửa thiêu phụ nữ, rất là thảm khốc. Dân sở tại kéo đến cửa khuyết kêu về việc nguy cấp, xin Chb.XL,7

(1) Nguyên văn chép " hiến mễ nhất vạn", không rõ là một vạn bát hay hộc, chưa khảo cứu được.

(2) Nay thuộc xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

triều đình sai tướng đem quân đến để cứu vớt lấy dân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng giặc ở mặt bắc đương kịch liệt, chưa có thì giờ ngó tới mặt đông được, rồi bỏ im tờ sớ ấy đi, không trả lời cho dân biết.

Lời phê - *Như thế, sao gọi là cha mẹ dân được?*

Tháng 10, mùa đông. Nước sông Bồ Đề trở màu đỏ ; nước sông Lễ chảy ngược dòng 3 ngày.

Sông Bồ Đề và sông Ninh Giang, nước đỏ như son ; nước sông Lễ chảy ngược dòng 3 ngày.

Lời chua - *Sông Bồ Đề* : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II,13).

Sông Lễ : Xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 17 (Chb. VI, 32).

Tên Tương, tướng giặc, cướp huyện Yên Sơn. Thống lãnh Đặng Đình Quỳnh bỏ binh lính, chạy trốn. Triều đình sai Trịnh Đạc tiến đánh, phá được giặc Tương.

Trước đây, tên Tương chiếm cứ xã Vĩnh Đồng, huyện Mĩ Lương, thường lấp ló ở quãng huyện Yên Sơn và Thạch Thất, triều đình không để ý đến. Đến nay Trịnh Doanh sai tổng binh đồng tri Đặng Đình Quỳnh làm thống lãnh, hiệu thư Phạm Gia Ninh làm tán lý, đem quân đi đánh. Đình Quỳnh xuất thân là con nhà chỉ biết ăn trắng mặc trơn, không biết mưu mô làm tướng, vì lấy quận chúa (con gái chúa Trịnh gọi quận chúa), bống trở nên sang. Khi phụng mạng đi đánh giặc, Quỳnh dắt cả quận chúa và tì thiếp cùng đi, đóng ở xã Sơn Lộ huyện Yên Sơn, dùng chợ làm đồn đóng quân, không xếp đặt điếm canh phòng gì cả. Gia Ninh cũng vào trú ở nhà dân. Khi giặc kéo đến xã Tiên Lữ, Gia Ninh được tin, đến chỗ Đình Quỳnh, thì Quỳnh đã dắt quận chúa và tì thiếp trốn đi từ trước rồi. Giặc ập đến bao vây, Chb.XL,8

Gia Ninh sa vào tay giặc, bị chết. Trịnh Doanh lại sai đại tư đồ Doãn Trung công Trịnh Đạc làm thống lãnh đi đánh. Tương bỏ trốn.

Vì cớ lấy quận chúa, nên Đình Quỳnh chỉ phải luận vào tội bãi chức. Việc này tướng sĩ không ai không bực tức.

Lời chua - ***Đặng Đình Quỳnh*** : Người xã Lương Xá[1], huyện Chương Đức.

Phạm Gia Ninh : Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm[2], đỗ tiến sĩ khoa tân hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Xã Vĩnh Đồng : Thuộc huyện Mĩ Lương[3], tỉnh Sơn Tây.

Tiên Lữ và Sơn Lộ : Tên 2 xã, thuộc huyện Yên Sơn[4], tỉnh Sơn Tây.

Thạch Thất : Tên huyện, thuộc Sơn Tây.

Tháng 11. Trương Khuông đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Ngọc Lâm, bị bại trận, Đinh Văn Giai lại bị bại trận ở Xương Giang, đều cho triệu về ; bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc làm thống lãnh Bắc Đạo, trấn thủ Kinh Bắc, kiêm trấn thủ Hải Dương.

Chb.XL,9

Trương Khuông cùng Ngũ Phúc, Vũ Tá Liến hẹn nhau cùng đánh khép Hữu Cầu lại. Khuông tự đem quân bản bộ đánh mặt trước, dùng tướng bộ thuộc là Trịnh Phương, làm tiên phong. Hữu Cầu giữ nơi hiểm trở, đặt quân mai phục, bề ngoài phô trương quân gầy còm để làm ra sức yếu. Trương Khuông nhân thế sắc bén liều lĩnh tiến quân. Hữu Cầu giả vờ thua, bỏ đồn chạy, dử quân Trương Khuông vào trong chỗ hiểm trở. Tướng sĩ của Khuông bám nhau như xâu cá để tiến quân. Thình lình quân mai phục nổi dậy, Hữu Cầu thống suất hạng sĩ tốt liều chết ùa ra đánh, quân của Khuông thua to.

(1) Nay là Chi Lăng, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
(2) Thuộc Hà Nội.
(3) Nay thuộc huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và Lương Sơn (Hòa Bình).
(4) Đất huyện Yên Sơn, nay thuộc huyện Phúc Thọ và huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Quan quân ở bốn đạo không phải đánh mà tự vỡ, thế giặc lại lớn lên, đài phong hoả[1] báo thông về đến sông Nhị. Trịnh Doanh viết thư nghiêm khắc quở trách Trương Khuông và triệu về, bèn bổ dụng Đinh Văn Giai làm thống lãnh thượng tướng quân, kiêm đốc suất quân bốn đạo, bồi tụng Ngô Đình Oánh làm tán lý, đem quân đi đánh.

Lúc ấy thế lực Hữu Cầu lừng lẫy, những giặc cướp khác nhân lúc sơ hở đều nổi dậy, bọn Hoà Dưỡng, Đàn Kiệt, Đoan Nhật (sót họ) tụ tập ở xã Bình Ngô, giao ước cùng dấy quân để đón tiếp Hữu Cầu, làm náo động cả nhân dân ở mặt bắc sông Cái.

Chb.XL,10

Khi Văn Giai đã đến nơi, đóng quân lại, không tiến lên, nhiều người lấy làm nghi ngờ. Nhân đấy Hữu Cầu đặt mưu kế, đêm đến sai người khiêng một cái kiệu không về, một lát lại đi ra, Hữu Cầu bèn giả vờ mừng rỡ, nói dối bọn thủ hạ rằng : "Văn Giai đã ước hẹn xin hàng, nhưng nếu đến đầu hàng một cách rõ ràng, sợ liên luỵ đến gia quyến, nên bí mật hẹn khi ra trận bị bắt, để che lấp miệng người ngoài. Nay mai giao chiến, các ngươi cứ theo hướng của ta chỉ huy mà bắt lấy hắn, thì lo gì không bình định được thiện hạ". Đồ đảng của Hữu Cầu tin lời. Kịp khi giao chiến, binh lính đã sắp thành hàng, quân của giặc tranh nhau nhằm chỗ voi có hiệu cờ của Văn Giai mà xông pha tiến vào không ai là không một mình địch nổi trăm người. Toán quân của Văn Giai đổ ngã linh tinh. Giặc xúm quanh chân voi leo lên như đàn kiến. Văn Giai khí sắc không thay đổi, dùng phi thương chém bên tả, chém bên hữu, giết được giặc rất nhiều. Hai con hắn ở mặt trận sau la thét to mà tiến lên, quân giặc hơi lùi, bèn thu thập sĩ tốt còn

(1) Trước đây, chúa Trịnh cho đặt đài phong hoả ở trên các đỉnh núi, để báo tin nguy cấp. Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVIII tờ 6.

sót lại kéo về doanh trại. Được tin báo, Trịnh Doanh giận lắm, nghiêm khắc quở trách.

Sau đó, giặc vây doanh trại Thị Cầu. Ngũ Phúc chia ra ba cánh để tiến quân : Ngũ Phúc tự mình đem quân bản bộ đánh mặt trước, Đàm Xuân Vực đánh mặt tả, Nguyễn Danh Lệ đánh mặt hữu. Hữu Cầu bị thua, qua sông để chạy, bèn giải được vây. Trịnh Doanh lại triệu Văn Giai về, bổ dụng Ngũ Phúc làm thống lãnh đạo Kinh Bắc, sau lại sai kiêm trấn thủ Hải Dương và cho Phạm Đình Trọng làm hiệp trấn Hải Dương. Còn Đinh Văn Giai và Ngô Đình Oánh khi về đến triều, đều bị giáng chức ba trật.

Lời chua – *Ngọc Lâm* : Tên xã, thuộc huyện Yên Dũng(1).

Bình Ngô : Tên xã, thuộc huyện Gia Bình(2). Cả hai đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Xương Giang : Thuộc huyện Bảo Lộc(3), tỉnh Bắc Ninh. Chb.XL,11

Nguyễn Danh Phương, giặc vùng Sơn Tây, cướp phá Bạch Hạc. Văn Đình Ức đem quân bao vây, sau ra đóng ở xã Nghĩa Yên. Danh Phương vượt vòng vây ra, chạy về xã Thanh Lãnh.

Trước kia, Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển xướng xuất việc nổi loạn, Danh Phương cũng thúc giục dân chúng nổi bùng lên, số quân có hơn vạn, chiếm cứ Việt Trì, đến nay lấn cướp Bạch Hạc. Văn Đình Ức, đốc suất Sơn Tây, đem vệ binh ở kinh đến bao vây, bọn hào mục bản thổ đem quân đến họp hàng vài vạn người, thanh thế quân lính rất hùng mạnh. Sau đó, Đình Ức lại ra đóng ở xã Nghĩa Yên, Danh Phương bèn nhân ban đêm vượt vòng vây ra, lui về xã Thanh Lãnh.

---

(1), (3) Nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.

(2) Tên huyện xuất hiện từ năm 1820 (thời Lê là Gia Định). Nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Lúc ấy, các huyện vùng Sơn Tây phần nhiều khổ sở vì Danh Phương quấy nhiễu cướp bóc, đều muốn góp sức tiễu trừ, mà Đình Ức không chịu đánh gấp, để cho tên giặc Phương được vượt vây thoát thân. Từ đấy hắn bố trí đồn luỹ, chiếm cứ nơi hiểm yếu, để kháng cự triều đình. Đó, đều do sự lầm lẫn ở trận này cả.

Lời chua – *Văn Đình Ức* : Người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Nghĩa Yên : Tên xã, thuộc huyện Bạch Hạc(1), tỉnh Sơn Tây.

Thanh Lãnh : Tên xã, thuộc huyện Bình Xuyên(2), tỉnh Thái Nguyên.

Việt Trì : Tên thôn, thuộc xã Bạch Hạc, huyện Bạch Hạc.

Nguyễn Danh Phương : Người xã Tiên Sơn(3), huyện An Lạc.

Ất Sửu, năm thứ 6 (1745). (Thanh, năm Càn Long thứ 10). Tháng giêng, mùa xuân. Giặc họ Mạc đánh chiếm Thái Nguyên. Lưu thủ Văn Đình Ức cùng thống lãnh Hoàng Ngũ Phúc đem quân tiến đánh, phá được giặc, thu phục lại trấn thành.

Trước kia, mầm mống họ Mạc (sót tên) nhân trong nước xảy ra việc nguy cấp, chúng từ Long Châu lẻn về, họp tập bè đảng, quấy rối cướp bóc. Lê Hữu Kiều, trấn thủ Vũ Nhai, vì có bệnh, xin về, Thái Nguyên bèn bị giặc Mạc đánh chiếm.

Trịnh Doanh bổ Đình Ức làm trấn thủ để thay Hữu Kiều. Đình Ức sang đò Dã Giang hội họp với quân của Hoàng Ngũ Phúc, rồi theo đường xã Úc Kỳ đến thẳng Thái Nguyên, đánh phá, mầm mống họ Mạc bỏ trốn, bèn khôi phục được trấn thành. Chb.XL,12

(1) Nay là huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc.

(2) Nay thuộc huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

(3) Nay thuộc xã Hợp Thịnh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đình Ức là con Đình Dận, một người trẻ tuổi nhất trong các hàng tướng tá, đã có sức mạnh, lại nhiều trí mưu, cho nên đi đánh giặc nhiều lần lập được chiến công, danh tiếng ngang với Nguyễn Phan.

Lời phê – Cũng chỉ có danh tiếng hão[1].

Lời chua – Vũ Nhai : Châu Vạn Nhai xưa, xem Lý Thánh Tông, năm Thông Thuỵ thứ 5 (Chb. II, 42, 43).

Úc Kỳ : Tên xã, thuộc huyện Tư Nông[2], tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang : Ở xã Trung Dã, huyện Thiên Phúc.

Giặc Mạc vây Cao Bằng. Đốc đồng Trần Danh Lâm dẹp yên được. Phong cho Danh Lâm tước Tụ nhạc hầu.

Trước đây, mầm mống họ Mạc vây Cao Bằng hơn 2 tháng. Trong thành hết lương, đốc đồng Trần Danh Lâm vỗ về sĩ tốt, hết sức chống giữ, lại tuỳ tiện trích bạc công mộ người đưa thư đến các thổ quan ở phủ Trấn Yên, Long Châu và Bằng Tường nhà Thanh, dùng đồ thưởng trọng hậu đút cho bọn này, hẹn ứng phó giúp về mặt ngoài. Vì thế, ai cũng vui vẻ giúp sức : Họ bắt, giữ vợ con giặc, chặn đường hái củi, lấy nước và tải lương. Giặc thấy thế, sợ hãi, phải rút lui. Danh Lâm lại đuổi đánh, phá tan được. Bốn châu thảy đều bình định. Lại chiêu tập yên uỷ dân phiêu tán, cho họ trở về yên nghiệp làm ăn. Tin thắng trận tâu về triều, Danh Lâm được thăng chức hai bậc, phong tước hầu.

Lời chua – *Trần Danh Lâm* : Người xã Bảo Triệu, huyện Gia Định[3], đỗ đồng tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731), năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Trấn Yên : Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 21).

---

(1) Chỉ Văn Đình Ức.

(2) Nay thuộc huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(3) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

Long Châu : Xem Trần Thánh Tông, năm Bảo Phù thứ 4 (Chb.VII, 17).

Bằng Tường: Xem Hồ Hán Thương, năm Khai Đại thứ 4 (Chb.XII, 14).

Bốn châu : Tức Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang.

Tháng 2. Phong cho Ma Thế Lộc, bầy tôi phiên trấn Thái Nguyên, được tước quận công.

Từ khi nơi biên giới bùng nổ việc binh nhung, bầy tôi ở phiên trấn nhiều người hết sức đánh dẹp, Thế Lộc là người có công lao nhất. Lưu thủ Văn Đình Ức xin gia ân khen thưởng để khuyến khích, cho nên có mệnh lệnh này.

Khởi phục Hà Huân và Nhữ Đình Toản cùng vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trước kia, Hà Huân làm đốc đồng trấn Sơn Nam, vì tội uống rượu, bị bãi chức ; Nhữ Đình Toản giữ chức tán lý việc quân, không có công trạng gì, khi thua trận, Toản bị giặc bắt[1]. Hai người này bị truất bỏ đã lâu. Đến nay, Trịnh Doanh muốn cất nhắc những người bị chìm đắm, lấy cớ rằng hai người này vốn có danh vọng được nhiều người mến phục, nhân đấy mới cất nhắc bổ dụng, cho cùng Trịnh Ngô Dụng, tả thị lang bộ Lại, cùng được tham dự công việc chính phủ. Trịnh Doanh thường triệu hai người vào phủ hỏi chính sách lớn về việc quân việc nước, họ trình bày phần nhiều hợp ý Trịnh Doanh.

Lời chua -*Trịnh Ngô Dụng* : Người xã Vân Truỳ, huyện Hiệp Hoà[2], đỗ tiến sĩ khoa tân sửu (1721) năm Bảo Thái triều Dụ Tông. Chb.**XL**,14

Tháng 4, mùa Hạ. Trịnh Doanh bổ dụng Dương Công Chú và Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giảng cho con là Trịnh Sâm.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 7.
(2) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Năm ấy, Trịnh Doanh cho con trưởng là Sâm ra ở ngôi thế tử, bèn bổ dụng phủ doãn Dương Công Chú và cấp sự trung Nguyễn Hoàn giữ chức tả hữu tư giảng.

Lời chua – *Dương Công Chú* : Người xã Lạc Đạo[1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa tân hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Nguyễn Hoàn : Người xã Hương Khê, huyện Nông Cống[2], đỗ tiến sĩ khoa quý hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

Ban hiệu quốc lão cho Đào Hoàng Thực.

Hoàng Thực thi đỗ từ khoảng năm Chính Hoà (1681-1704), trước vì có lỗi bị khiển trách sau lại được khởi phục. Hoàng Thực nhiều lần giúp công việc nơi biên giới, bèn được tham dự chính sự lớn, những lời đã trình bày góp lại có đến vài trăm, đều là thiết thực và hợp ý chúa. Trịnh Doanh thường khen Hoàng Thực là hạng Nguỵ Trưng, Lý Giáng[3]. Đến nay vì tuổi già xin từ chức, chỉ lấy địa vị quốc lão giữ việc chầu chực. Doanh y cho.

Lời cẩn án – *Hoàng Thực ra làm quan từ năm Chính Hoà, trải thờ bốn đời vua, lúc ấy họ Trịnh chuyên quyền, vua Lê như người phụ thuộc, mà không thấy có bức thư nào để khuyên can, không có kế sách nào để sửa chữa cho được đúng đắn, chỉ sau khi vào giữ việc trong chính phủ, những lời kiến nghị tâu bày của Hoàng Thực đại để đều là việc bắt thêm lính, tăng thêm thuế, chẳng những không ích lợi, mà hại cũng theo sau. Sách cũ nói : "những lời trình bày góp lại có đến vài trăm" chẳng qua cũng giống như thế cả. Còn như tìm ở Hoàng Thực lấy tờ sớ "xin tôn phò nhà vua" như Bùi* Chb.XL,15

(1) Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Thuộc tỉnh Thanh Hóa.
(3) Nguỵ Trưng, một tể tướng triều Đường Thái Tông ; Lý Giáng, một tể tướng triều Đường Hiến Tông. Hai người này đều hay can ngăn thẳng thắn, nổi tiếng là danh tướng đời nhà Đường.

Sĩ Tiêm[1], *lời nói "mặc triều phục trái lệ" như Vũ Duy Chí*[2], *thì e rằng hai người kia mười phần, Hoàng Thực không được lấy một, Nguỵ Trưng, Lý Giáng có phải hạng người như thế đâu? Trịnh Doanh khen Hoàng Thực là hạng Nguỵ Trưng, Lý Giáng cũng không khác gì Tào Tháo khen Tuân Úc là Tử Phòng*[3].

Lời chua - *Vũ Duy Chí* : Người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, làm Thượng Thư bộ Lại, gặp tiết nguyên đán, Trịnh Tạc sai trăm quan mặc triều phục vào phủ lạy mừng. Duy Chí can là làm như thế không hợp lệ.

Tháng 7, mùa thu. Trịnh Doanh gia phong cho cậu là Vũ TấtThận làm đại tư đồ, cho đổi họ tên là Trịnh Ấo.

Doanh nhận thấy Tất Thận, một người cậu ruột rất thân[4], nên ban cho họ và tên, để tỏ ra yêu quý khác thường. Sau lại sai quản lãnh chức hữu tông chánh trong Tông Nhân phủ, để xét duyệt con cháu công thần trong các chi phái họ Trịnh, xem người nào đáng dùng được thì xin lệnh chỉ của chúa Trịnh rồi phân biệt cất nhắc. Chb.XL,16

Tháng 8. Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng đánh phá được Nguyễn Hữu Cầu ở thành Xương Giang. Bổ dụng Phạm Đình Trọng làm hiệp thống lãnh đạo đông bắc.

Hữu Cầu bị bọn Ngũ Phúc đánh bại, nhân đêm chạy trốn, sai đồ đảng là tên Thông (sót họ) đem hạng thuyền nhanh nhẹ chở các đồ quý trọng, thuận theo dòng nước để về vùng đông. Quan quân lại đón đánh, bắt được rất nhiều. Tên Thông bỏ thuyền chạy. Hữu Cầu lại ra Yên Quảng, chiếm cứ Hạc Động,

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVII, tờ 18,19.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXII, tờ 27.
(3) Tuân Úc là người có tài, khi mới đến yết kiến Tào Tháo, Úc cùng Tháo bàn luận, Tháo thích lắm, nói "Người này là Tử Phòng của ta".Ở chỗ này, *Cương mục* có in hai chữ "ngụ điểm".
(4) Vũ Tất Thận, em ruột Vũ Thị, vợ Trịnh Cương.

nhờ vào biển để làm kiên cố, thường dùng hạng thuyền nhanh nhẹ cướp bóc vùng đông nam. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đem các tướng đi đánh, chém được bọn tên Thông hơn 10 người, quân nhu và ngựa chiến hết thảy đều bị quan quân bắt được.

Thông là người nhanh nhẹn, mạnh khoẻ, có trí mưu, Hữu Cầu dựa vào Thông là người ruột thịt, nay Thông bị chết, thế lực Hữu Cầu thành ra cô đơn, chạy trốn lẩn lút, chỗ ở không nhất định, những người phục tòng cũng tan tác dần, sau cùng đều bị bắt. Như thế là phần nhiều nhờ ở công của Đình Trọng và Ngũ Phúc.

Lời chua : *Hạc Động* : Ở huyện Nghiêu Phong, tỉnh Quảng Yên.

Thành Xương Giang : Xem Bình Định Vương năm thứ 2 (Chb. XIII, 12).

Tháng 12, mùa đông. Khôi phục lại chế độ phong tặng và phong ấm đời Hồng Đức.

Hồi đầu niên hiệu Hồng Đức, các quan về văn giai và võ giai, người nào được tước công, tước hầu, tước bá thì được triều đình phong cho ông bà, cha mẹ và con cháu ; người nào chưa có tước thì theo phẩm trật để phong, từ nhất phẩm đến tứ phẩm, có đẳng cấp khác nhau. Sau khi trung hưng, bầy tôi về hàng võ cùng nội giám (hoạn quan), người nào làm quan đến nhất phẩm, nhị phẩm đều được dự phong tước, nên mới định lại : nhất phẩm, nhị phẩm thì theo tước để phong ; tam phẩm, tứ phẩm thì theo chức để phong. Đến nay, bầy tôi trong chính phủ bàn luận xin : tước công, tước hầu, tước bá, người nào do đặc ân trao cho, sẽ được phép theo tước để phong tặng và phong ấm, ngoài ra đều theo như chế độ cũ. Trịnh Doanh theo lời. Chb.XL,17

Lời chua – *Thể lệ tặng, ấm* : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8[1] (Chb. XXIII, 17, 19).

(1) Nguyên văn chép lầm : "Hồng Đức nhị niên" (năm Hồng Đức thứ hai).

Nhất phẩm, nhị phẩm theo tước : Như bản thân viên quan là tước công hoặc tước hầu, tước bá thì phong tặng và phong ấm cho ông bà, cha mẹ, vợ con và cháu đích tôn của viên quan ấy, vẫn theo thể lệ dùng tước như đời Hồng Đức.

Tam phẩm, tứ phẩm theo chức : Như bản thân viên quan là tam phẩm hoặc tứ phẩm thì phong tặng cho cha mẹ, nếu viên quan ấy về hàng võ thì phẩm trật của cha mẹ kém phẩm trật của viên quan ấy một bậc, về hàng văn thì kém hai bậc, còn như con cháu, thì chỉ cho làm hạng quan viên tử, quan viên tôn.

Hoàng Công Kỳ, trấn thủ Sơn Nam, bị giặc bắt.

Công Kỳ do hoạn quan xuất thân, nhưng cũng có chút tài cán mưu mô, đã mấy lần lập được chiến công, các quân sĩ đều nương dựa làm vững chắc. Khi trấn thủ Sơn Nam, Công Kỳ tiễu trừ được giặc cỏ, nên dân nhờ đấy được yên ổn. Nhưng Kỳ vốn có tính khinh địch. Lúc ấy vì doanh luỹ mới xây đắp, Kỳ cưỡi voi đi xem xét, trù tính, lính theo hầu có độ vài mươi người. Quân mai phục của bọn Hoàng Công Chất, giặc ở Khoái Châu kéo đến đánh úp, bắt được. Công Kỳ không chịu khuất phục, bị chết. Chb.XL,18

Bính Dần, năm thứ 7 (1746). (Thanh, năm Càn Long thứ 11).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Định rõ thể lệ tra hỏi khám xét kiện tụng.

Lúc ấy, người làm quan không có lương bổng thường xuyên, bổng lộc phải trông vào kiện tụng. Những việc tra khám, luận tội, hoặc giam giữ người can phạm, hoặc quan dưới đệ án văn lên quan trên, quan trên bác bỏ lời xét án của quan dưới, phần nhiều làm không hợp lý. Văn thư trong triều đường chính phủ, việc kiện tụng chiếm đến một nửa. Viên quan có trách nhiệm phải ứng phó luôn ngày không lúc nào rỗi, rất là đáng chán. Đến nay, hạ rõ cấm lệnh, việc gì không cấp bách,

không tổn hại thì không được cáo tố, phát giác. Lệnh cấm này cốt mong để ngăn bớt kiện tụng, nhưng tập tục đã thành thói quen, chung quy không thể thay đổi được. Rồi thậm chí có việc giết người, làm hại người, nếu sự chủ không phát giác, thì quan dầu có biết cũng không bắt tội vào đâu được.

Vũ Khâm Lân, hữu thị lang bộ Lại, giữ việc chấm thi, nhân đấy, ra đầu bài hỏi : "Người làm quan, thấy có kẻ giết người giữa ban ngày, nhưng khổ chủ được của đút rồi ỉm đi không cáo tố, nếu xét theo luật để trị tội hung thủ thì trái thể lệ, nếu ngồi nhìn không tra xét thì bỏ phép luật. Như vậy thì nên làm thế nào cho hợp lệ?" Câu hỏi này là có ý chỉ trích lúc bấy giờ uốn nắn công việc sai lầm có phần thái quá. Nhưng sau đấy, Khâm Lân được giữ công việc trong chính phủ cũng không thể nào thay đổi được. Chb.XL,19

Phong Nguyễn Hữu Cầu tước Hương Nghĩa hầu, rồi cho triệu về triều, nhưng Hữu Cầu không đến.

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh dồn, vì thua luôn, nên thế lực mòn mỏi. Nhân sai đồ đảng tên là Hựu đem nhiều bạc đút lót cho người quyền thần là Đỗ Thế Giai và nội giám Nguyễn Phương Đĩnh, để xin đầu hàng. Trịnh Doanh y cho, hạ lệnh cho Hữu Cầu cùng đảng giặc là bọn Hoàng Phùng Cơ đều được phép rửa hết tội trước, ban cho hiệu là Ninh Đông tướng quân và phong tước Hương Nghĩa hầu, còn tướng hiệu của Cầu đều được thăng làm quan, lại ban thưởng rất hậu, rồi hạ lệnh triệu về kinh sư. Nhưng thực ra Hữu Cầu không có ý đầu hàng, hắn thường lấy cớ bị Đình Trọng ngăn đón để tố cáo về triều. Trịnh Doanh sai thiêm tri Nguyễn Phi Sảng đem lệnh chỉ đến phủ dụ và triệu về, mặt khác dụ bảo Đình Trọng hoãn lại đừng đánh Hữu Cầu vội.

Trước kia, Hữu Cầu nhiều lần bị Đình Trọng đánh bại, bèn đào mả mẹ Đình Trọng quẳng xuống sông, Đình Trọng khóc

lóc tố cáo với Trịnh Doanh, thề quyết chí giết Hữu Cầu, Doanh rất khen chí khí Đình Trọng. Nay Phi Sảng đem dụ chỉ đến, Đình Trọng nói : "Người làm tướng ở ngoài chiến trường, có khi không chịu nhận mệnh lệnh của vua. Tôi với Hữu Cầu không cùng đội trời chung, tôi đã từng nói ở trước chúa thượng. Nay ông tự nhận mệnh lệnh đi chiêu hàng, tôi tự nhận mệnh lệnh đi giết giặc, nếu gặp thế có thể đánh được giặc, thì tôi cũng không vì cớ ông đến chiêu hàng mà ngần ngại". Phi Sảng cùng bạn bè nghe câu nói ấy đều sợ thất sắc, nhân từ giã ra đi. Phi Sảng đến Quân doanh Hữu Cầu, bày tỏ dụ chỉ của chúa Trịnh, lại đem câu nói của Đình Trọng bảo cho Hữu Cầu biết. Câu chuyện chưa nói dứt lời thì Đình Trọng ập đến đánh úp. Hữu Cầu sai người dẫn Phi Sảng theo đường tắt trở về, rồi ra đánh nhau, Đình Trọng đánh cho Hữu Cầu đại bại, Cầu phải bỏ trốn.

Trước kia, Đình Trọng nhận mệnh lệnh đi đánh giặc, chiêu mộ các người mạnh khoẻ ở Thanh Hà, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại và Thượng Hồng làm nghĩa binh, đặt hiệu riêng là bốn cơ Thanh, Kỳ, Hồng, Vĩnh, mà dùng hai người thủ hạ để quản lãnh. Đến nay, Thế Giai gièm pha nói : "Đình Trọng cầm quân ở ngoài, đặt bộ ngũ riêng, chẳng khỏi không có ý khác". Trịnh Doanh biết Đình Trọng là người tự nguyện một lòng trung thành, nên bỏ lời Thế Giai đi, không hỏi, lại đặc chỉ ban cho bài thơ để yên uỷ Đình Trọng. Chb.XL,20

Lời chua - *Hoàng Phùng Cơ* : Người xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc[1].

Thanh Hà, Vĩnh Lại và Tứ Kỳ : Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Thượng Hồng : Tức Hồng Châu xưa, xem thuộc Đường, Chiêu Tuyên đế, năm Thiên Hựu thứ 3 (Tb.V,14).

---

(1) Huyện Bạch Hạc, nay là huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tháng 6, mùa hạ. Định thuế muối, đặt quan Giám tri diêm đạo.

Phép đánh thuế muối như thế này :

Mỗi bếp nộp thuế 40 hộc muối, mỗi hộc nộp Chb.XL,21
tiền 180 đồng (tức 3 tiền bây giờ), thu về mùa đông và mùa hạ, trữ vào kho công sở tại. Lại đặt chức quan Giám tri diêm đạo, dùng bọn Phạm Doãn Vĩ và Vũ Khâm Lân chia nhau trông nom các đạo Thanh Hoa và Nghệ An, duy Sơn Nam thuộc về Hộ phiên trông nom. Sau đó, Lê Trọng Thứ , tả chính ngôn nói : " Đã có thuế ruộng, lại bổ thuế gia tô, nay lại đánh thuế cả bếp nấu muối, một hạng ruộng chịu ba thứ thuế, thì dân sẽ gánh vác thế nào nổi được?" Trịnh Doanh theo lời, hạ lệnh miễn thuế ruộng muối.

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho các quan trong chính phủ bảo cử người giữ chức Thừa chính ti ở các trấn.

Trịnh Doanh bảo các quan trong chính phủ rằng : "Thừa chính sứ ti là giường mối của phủ huyện, quan hệ đến sự vui mừng đau khổ của dân. Vậy từ nay nếu chức quan trong ty Thừa chính sứ có khuyết ngạch, thì cho phép các ngươi bảo cử, cần chọn được người xứng đáng".

Tháng 10, mùa đông. Định lại thuế điền trang ở Thanh Hoa.

Từ khi dụng binh đánh dẹp đến nay, đồng ruộng ở Thanh Hoa bỏ hoang rậm, thuế tô nộp vào kho phần nhiều kém ngạch cũ. Bèn hạ lệnh cho viên quan cai trị ở An Trường, khám xét sự thực, bổ thuế có từng hạng khác nhau.

Bổ dụng Vũ Khâm Lân làm công việc tham tụng.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho các quan trong chính phủ rằng : "Điều tín là của quý trong nước, ta ngày đêm Chb.XL,22
kính cẩn lo sợ, mong sao được đến trị an, thế mà

chưa quét sạch bụi cát nơi biên cảnh, chưa chữa khỏi bệnh đau khổ của dân, chỉ vì không giữ được điều tín mà thôi. Vậy từ nay, phàm những việc thăng quan , phong tước, thưởng công, phạt tội và việc quân cơ, dân chính, đều cho phép bầy tôi tham dự cơ mật bàn luận xác đáng, kỹ lưỡng chín chắn, rồi sẽ thi hành. Nếu người nào còn dám quen thói cũ giữ lòng riêng, thì dẫu là người thân hay người quý, hết thảy đều luận tội theo như pháp luật. Lại đem bảy điều sức rõ cho viên quan đề lãnh thi hành, để trong kinh kỳ được trang nghiêm sáng sủa".

Lời chua - *Bảy điều* : Cấm trong nhà dung túng cho bọn gian tế trú ngụ ; cấm lính tuần hành trong thành làm sự càn bậy nhốn nháo ; khách buôn bán không được ngủ đêm ở trong thành ; tám cửa thành khi mở khi đóng phải có giờ giấc. Còn các điều khác không khảo cứu được.

Đề lãnh : Tên quan.

Thi người tinh thông thuật số, bổ làm quan.

Phàm người nào có thể tinh thạo thuật số về thiên văn, tin gió, lục nhâm, thái ất, bói toán, bấm độn, nếu thi khảo được trúng sẽ bổ làm quan.

Đinh Mão, năm thứ 8 (1747). (Thanh, năm Càn Long thứ 12).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm dùng thủ đoạn ngang ngược bắt dân phu theo đi đánh giặc.

Lúc ấy, tướng sĩ đi đánh giặc, có nhiều người tạ sự, dùng thủ đoạn ngang ngược để bắt dân phu, gọi là đánh giặc theo nghĩa vụ (nghĩa chiến), sự nhũng nhiễu không kể xiết, cho nên hạ lệnh cấm.

Tháng 6, mùa hạ. Lạc Hòn lại đến cống nạp.

Năm trước, Lạc Hòn cùng Cao Châu đến cống, nay lại sai sứ thần đến cống và xin định 3 Chb.XL,23

năm một lần cống voi khoẻ[1] theo thể lệ Trấn Ninh và Cao Châu. Ngoài ra, thổ sản như sừng tê, vải hoa, chiêng đồng, sáp vàng, tuỳ theo có thứ gì cống thứ ấy, không phải lễ cống thường xuyên. Sau đó, lại dâng voi trắng, nhưng triều đình không nhận.

Lời chua – *Trấn Ninh* : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Lạc Hòn : Xem Hi Tông, năm Chính Hòa thứ 21 (Chb.XXXIV, 48).

Cao Châu : Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb.XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Ánh sáng sao Thái Bạch phạm vào sao Nam Đẩu.

Tháng 9. Định phép khảo công bằng việc trưng thu.

Viên quan có trách nhiệm trông nom việc thu thuế tuần ti, thuế bến đò, thuế muối, thuế quế và thuế tô của dân, triều đình hạ lệnh cứ cuối năm thi hành việc khảo công. Thể lệ khảo công nhằm vào sự thế khó hay dễ, tài lực đầy đủ hay hao hụt, định ra 3 bậc : Trong mười phần người nào đạt được chín phần là thượng khoá, được sáu phần trở lên là trung khoá, năm phần trở xuống là hạ khoá. Thượng khoá được thăng một trật, hạ khoá phải giáng một trật, còn trung khoá thì miễn xét.

Trịnh Doanh cho đặt chuông và mõ ở cái điếm cửa phủ đường.

Trịnh Doanh đương hăng hái về công việc chính trị, hạ lệnh đặt chuông và mõ ở cái điếm về cửa phía tả phủ đường. Có người nào trình bày công việc hiện thời và người nào có tài nghệ mà tự mình tiến cử, thì đánh chuông ; người nào bị bọn quyền quý ức hiếp và người nào có Chb.XL,24

(1) Nguyên văn chép : hùng tượng, còn nghĩa nữa là voi dực.

sự oan uổng chưa được bày tỏ, thì đánh mõ. Những người này đều phải làm đủ giấy tờ niêm phong kín. Lại phiên lập tức dâng lên để chúa biết.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục phép thi hương đời Bảo Thái (1720 – 1728).

Từ năm Tân Dậu (năm Cảnh Hưng thứ 2) (1741), khôi phục lại phép thi "tứ trường", thành ra người cậy thần thế, người dùng tiền tài, số người trúng tuyển nhũng lạm đến một nửa. Đến nay, bầy tôi trong chính phủ bàn luận, cho rằng từ khi mở ra lối thi "tứ trường" nhà quyền thế lấn át, áp bức học trò nghèo. Đem so sánh các phép thi, thì phép thi "sảo thông" còn tốt hơn phép thi "tứ trường" này. Xin bỏ phép thi "tứ trường", phục lại phép thi "sảo thông". Bèn hạ lệnh theo phép thi đời Bảo Thái(1).

Thi phúc khảo cống sĩ.

Lúc ấy phép thi buông xổng, trễ tràng, người ít học mà là họ ngoại của nhà quyền thế, phần nhiều trúng tuyển nhũng lạm. Trịnh Doanh biết chuyện, hạ lệnh cho thi khảo lại ở Trung Sa. Các quan bàn luận, lấy cớ rằng, gặp lúc binh lửa, học trò bị thất học, nên lựa chọn một cách khoan hồng. Trịnh Doanh theo lời, mười phần chỉ thải đi hai ba phần thôi. Nguyễn Kỳ được đỗ đầu.

Lời chua – *Nguyễn Kỳ* : Người xã An Lão(2), huyện Bình Lục, đến khoa Mậu Thìn năm Cảnh Hưng thứ 9 (1748), Kỳ đỗ tiến sĩ.

Trung Sa : Ở bờ phía nam sông Nhị, Hà Nội.

Mậu thìn, Cảnh Hưng năm thứ 9 (1748). (Thanh, năm Càn Long thứ 13). Chb.XL,25

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 3,4 về thể lệ thi hương triều Lê trung hưng và lối thi "sảo thông".

(2) Nay thuộc xã An Lão, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Xếp đặt lại vệ binh đổi làm cơ, đội.

Trước đây, phân phối vệ binh lệ thuộc vào các vệ, người đứng cai quản phần nhiều đem binh lính sung làm việc riêng, hoặc tha cho về mà bắt nộp tiền cỏ ngựa ; về phần binh lính thì thường mướn người nghèo yếu đi thay. Kỷ luật lỏng lẻo, nói về thực dụng không có ích gì. Triều đình bèn hạ lệnh cho vệ binh đều lệ thuộc vào trấn, chia đặt từng cơ, từng đội, cứ 200 người làm một cơ, cho phép một nửa ở quân ngũ, một nửa về làm ruộng, thay đổi lẫn nhau. Người nào ở quân ngũ thì hàng tháng cấp cho 6 tiền làm lương ăn, chọn lấy người khoẻ cho thao luyện diễn tập ; sau lại cấp bội cho số lương, lúc có việc phải đi đánh dẹp thì cấp thêm cho cùng một hạng với ưu binh. Do đấy phép vệ binh bèn bãi bỏ.

Hạ lệnh : Trăm quan quyên nộp tiền thóc, sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng, dùng quân đánh dẹp phải tiêu phí nhiều, bèn hạ lệnh quan văn, quan võ và những nội giám, tạp lưu, ai nộp tiền hoặc thóc sẽ trao cho chức phẩm cao thấp khác nhau.

Tháng 8, mùa thu. Sai đại thần là bọn Lê Hữu Kiều chia nhau giữ nơi xung yếu ở kinh thành.

Lúc ấy, giặc cỏ ở Sơn Nam chưa dẹp yên, mà bất thần giặc ở Sơn Tây lại tràn xuống. Nhân đấy, hạ lệnh cho Chb.XL,26
bọn Lê Hữu Kiều, Hà Huân, Vũ Khâm Lân và Ngô Đình Oánh chia nhau giữ nơi xung yếu, ngày đêm tuần hành xem xét, dự định mưu kế ngăn ngừa chống chọi. Bầy tôi trong chính phủ lại dâng kế phòng thủ, đại lược xin trồng tre, trồng cây để hàng rào ở doanh trại được vững bền ; đặt tám cửa thành để xét hỏi người ra vào ; chọn đinh tráng ở phường, ở trại và vệ binh gần kinh kỳ để sung vào việc tuần cảnh ;

thượng lưu và hạ lưu phường Nhật Chiêu đều đặt đồn canh giữ ; trong thành thì chia đặt các phòng cho quân sĩ. Trịnh Doanh theo lời, vì thế chia trong kinh kỳ làm 36 khu, gồm làm 9 điện, mỗi điện 4 khu, đặt một người làm điện chánh. Sau đó, sai bọn nội giám Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Đình Huấn chia nhau đi các huyện chung quanh kinh kỳ chọn đinh tráng, đặt đồn luỹ, để phòng bị giặc cướp bao vây.

Lời chua - *Nguyễn Đình Huấn* : Người xã Yên Thường[1], huyện Đông Ngàn.

Nhật Chiêu : Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb.XXV, 36).

Đặt tả pháp ti và hữu pháp ti.

Bắt đầu đặt tả pháp ti và hữu pháp ti, bổ dụng tham tụng Hà Huân và phó đô ngự sử Vũ Công Trấn nhận giữ, để được tuỳ việc chống cãi, đàn hặc tội lỗi, phát hiện sai lầm, uốn nắn việc lệch lạc cho được ngay thẳng.

Trần Cảnh xin nghỉ việc quan. Trịnh Doanh y cho.

Cảnh giữ chức tham tụng, vì tuổi già, xin thôi làm quan, được thăng chức thượng thư bộ Hình. Con cả của Trần Cảnh là Tiến mới thi đỗ, cũng vinh quy ngày hôm ấy. Đời bấy giờ khen là vinh hiển. Chb.XL,27

Tháng 9, mưa to, nước sông tràn ngập, thóc lúa bị thối nát.

Tháng 9 nhuận. Nguyễn Hữu Cầu xâm phạm Sơn Nam. Sai Phạm Đình Trọng đi đánh.

Hữu Cầu đã xin hàng, nhưng vẫn cướp bóc không thôi. Trịnh Doanh sai hiệu lý Nguyễn Thế Khải vào trại quân Hữu Cầu dụ bảo triệt bỏ quân lính đi, Hữu Cầu không nhận mệnh lệnh. Sau đó, Hữu Cầu giao thông với giặc là tên Lân (sót họ), lẻn lút đến Duyên Hà đánh úp Sơn Nam, nhưng không thắng

(1) Nay là thôn Yên Thường, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

được. Đến nay, lại hợp sức với bọn giặc cỏ, tiến quân sát đến Sơn Nam. Trấn tướng Vũ Tá Sắt đánh nhau với Hữu Cầu, không được thắng lợi. Trịnh Doanh nhận thấy Hữu Cầu vốn sợ Đình Trọng, nên sai Đình Trọng đi đánh.

Doanh lại dụ bảo Ngũ Phúc rằng : Hạ lộ Sơn Nam, nhân dân đông đúc, sản vật phong phú, tức là đất Quan Trung(1) Hà Nội(2) của nước nhà đấy. Nay đảng giặc đóng đầy cả ở đấy, thế đương nguy cấp. Nếu Sơn Đông tạm được bình định, thì nhà ngươi nên cùng Đình Trọng hợp sức tiến quân càn quét, để giữ lấy đất Quan Trung, Hà Nội ấy.

Lời chua – *Vũ Tá Sắt* : Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà(3).

Duyên Hà : Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 16 (Chb.XXX, 6).

Nguyễn Hữu Cầu xâm phạm sông Bồ Đề. Phạm Đình Trọng đuổi đánh, Hữu Cầu thua chạy. Chb.XL,28

Hữu Cầu bị Đình Trọng đánh bại ở Cẩm Giàng, nhân đấy, hắn bàn với đồ đảng rằng : "Ta mới bị thua, tin thắng trận đưa về, tất nhiên ở kinh sư không phòng bị, ta đem quân đánh úp, thế nào cũng thắng được". Hắn bèn nhân ban đêm đi gấp đường, hẹn trống canh năm đến bến Bồ Đề, lẻn cho quân sang sông, nhưng khi đến bến, thì trời đã sáng rồi. Trịnh Doanh tự làm tướng, chống cự ở bến sông phía Nam. Đình Trọng được tin, đem hết quân lính đuổi theo, lại đánh thắng được, Hữu Cầu bỏ trốn.

Trước kia, năm Canh Thân và Tân Dậu (1740-1741) liền hai năm mất mùa, kém đói, vùng Hải Dương lại kém đói hơn cả. Hữu Cầu cướp thuyền buôn lấy được thóc gạo, bèn đem

(1) Đất tỉnh Thiểm Tây bây giờ, có tên riêng gọi là Quan Trung.
(2) Những đất ở phía bắc sông Hoàng Hà trước kia gọi chung là Hà Nội. Quan Trung và Hà Nội của Trung Quốc là hai nơi đất rộng, người nhiều, sản vật phong phú, nên Trịnh Doanh đem ví với Sơn Nam hạ nước ta.
(3) Nay thuộc xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

chia cho dân ; nhờ đấy nhiều người được cứu sống. Hữu Cầu lại đưa đẩy bằng mưu mô xảo quyệt, sai khiến bằng uy quyền võ lực, nhân dân người bị uy hiếp, người bị dụ dỗ, thành ra lâu ngày tự nhiên tín phục, cho nên Hữu Cầu tuy thường bị thua đau, chỉ một thân thoát nạn, nhưng hễ giơ tay hô một tiếng, thì chốc lát lại sum họp như mây, vì thế mà có thể tung hoành ở mặt đông bắc, làm tên giặc kiệt hiệt trong một đời.

Sai hoạn quan Đàm Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc.

Trấn Kinh Bắc thế giặc lan tràn, phó tướng Nguyễn Trọng Thân xin cho thêm quân. Các quan trong chính phủ lấy cớ rằng Kinh Bắc là thành luỹ của kinh sư, thế mà mặt đông có giặc Hoàng Công Chất, mặt tây có giặc Nguyễn Danh Phương, hơn nữa ở Phương Nhãn và Bảo Lộc dân tình nhốn nháo nổi dậy, ba mặt có giặc xông pha như thế, cần phải phòng bị ngay. Nay vùng đông nam sự thế đã được tạm thư, nên chuyên giao cho Đình Trọng liệu lý vùng này, mà rút Ngũ Phúc và Xuân Vực về, để chuyển lên đánh vùng bắc. Trịnh Doanh bèn sai Xuân Vực trấn thủ Kinh Bắc, để làm thanh thế rộng ra đến tây bắc. Lại hạ lệnh cho Xuân Vực cùng bọn đô đốc Bùi Thế Đạt ứng tiếp lẫn cho nhau. Chb.XL,29

Lời chua - *Bùi Thế Đạt* : Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành(1).

Phương Nhãn : Tức Long Nhãn, xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Bảo Lộc(2) : Tên huyện, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sai Đinh Văn Giai trấn thủ Sơn Tây.

Trước đây, giặc ở Sơn Tây, đánh cướp Sơn Đông, Trịnh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc đem quân tuần hành Sơn Tây. Đến nay triệu về, bổ dụng Văn Giai thay làm trấn thủ. Dụ bảo

(1) Đất huyện Đông Thành, nay thuộc huyện Yên Thành và huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
(2) Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

rằng : "Sơn Tây là phên giậu của nước nhà, thế mà mặt bắc gần Danh Phương, mặt nam liền với Tương và Mật, thế giặc tràn lan, lòng người lo sợ. Vậy cho phép nhà người ở đấy được tuỳ tiện làm việc, để ta đỡ lo nghĩ về mặt tây". Tuy thế, nhưng Văn Giai tự giữ uy danh vị vọng của mình, gặp giặc nhiều khi cứ chễnh mảng không đánh. Vì thế, Danh Phương càng quấy rối cướp bóc dữ, dân vùng Sơn Tây phần nhiều bị cay đắng.

Hoãn tô ruộng tư cho Thanh Hoa và Nghệ An.

Kỷ Tị, năm thứ 10 (1749), (Thanh, năm Càn Long thứ 14). Chb.XL,30

Tháng giêng, mùa xuân. Miễn tiền thuế điệu và thuế thiếu các năm trước cho dân ở gần kinh kỳ.

Lúc ấy triều đình thu lương, bắt lính, làm phiến nhiễu luôn, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên, Quốc Oai và Thuận An ở gần kinh kỳ, dân rất khổ về sự cung đốn, nên đặc ân miễn xá cho.

Lời chua - *Thường Tín* : Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb. XXXIII, 3).

Quốc Oai : Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5 (Chb.X, 16).

Ứng Thiên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb.II, 18).

Thuận An : Xem Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ 12 (Chb.X, 4).

Tháng 3. Có thuỷ tai lớn.

Nước tràn ngập, đê bị vỡ. Triều đình hạ lệnh tạm bắt dân phu bồi đắp, hoãn thu tiền gia tô.

Lê Duy Mật đem quân ra Sơn Nam. Triều đình sai Văn Đình Ức và Mai Thế Chuẩn chống cự.

Duy Mật đem quân ra xã Kính Lão, đến huyện Hoài An, giặc Tương (sót họ) cũng đem hết quân tụ họp ở Kiệt Sơn, làm

thanh thế xa rộng. Trịnh Doanh thấy Sơn Nam gần với khu vực kinh kỳ, bèn sai bọn đô đốc Văn Đình Ức và hiệu điểm Mai Thế Chuẩn chia quân chiểu theo địa thế phòng ngự, mà sai Lân trung hầu (tên là Lân, sót họ) nhân đồn luỹ của Duy Mật để sơ hở, đem quân xông lên đánh phá làm cho Ngọc Lâu bị rối loạn. Chb.XL,31

Lời chua - *Kính Lão và Kiệt Sơn* : Đều tên xã, thuộc huyện Mĩ Lương[1], tỉnh Sơn Tây.

Hoài An : Tên huyện, xem Chiêu Tông năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 9).

Ngọc Lâu : Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Tháng 5, mùa hạ. Định rõ cách thức thưởng công.

Theo chế độ cũ về việc thưởng công : người có công nhỏ thưởng cho vàng lụa, công lớn phong cho tước hoặc ruộng đất. Gần đây, chuyên dùng quan tước thưởng công, rồi đi dần đến chỗ quá lạm. Lại theo chế độ cũ : hai ban văn và võ từ tam phẩm đến nhất phẩm, thứ tự xếp đặt cho thăng chức, đều gần giống nhau. Đến quãng năm Bảo Thái triều Dụ Tông, mới đem thứ tự về cấp bậc của ban võ rút bớt đi, thành ra so với ban văn (văn ban 27 bậc, võ ban 17 bậc) thì bên thăng chậm, bên thăng chóng khác nhau, cho nên bầy tôi về võ ban đều nhảy vọt lên phẩm trật cao, những viên quan quản lãnh binh lính phần nhiều được phong tước hầu, tước bá. Đến nay bàn định cách thức thưởng công, dùng kim bài hoặc ngân bài làm hạn định thăng chức. Về võ giai từ quan tam phẩm trở lên, thứ tự về cấp bậc cũng như văn ban, còn việc trao tước thì do đặc ân của chúa ban cho. Từ đây, đổi dần được tệ cũ.

Lời chua - *Kim bài và ngân bài* : Điều lệ định cách thức thưởng công triều Cảnh Hưng đời cố Lê, mỗi một chiếc kim bài chuẩn cho thăng

(1) Đất huyện Mỹ Lương, nay thuộc huyện Chương Mĩ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).

chứa ba bậc ; ngân bài hạng lớn và hạng trung đều chuẩn cho thăng chức một bậc.

Tháng 6. Tuyển đinh tráng Sơn Nam. Chb.**XL**,32

Lúc ấy, vì có việc đánh dẹp, nên các quan trong chính phủ bàn định bắt thêm lính để tăng thêm thế lực quân đội. Bèn hạ lệnh cho bọn Vũ Tá Quán tuyển lấy tráng đinh ở các huyện Nam Xang, Phú Xuyên và Thượng Phúc sung vào quân ngũ, miễn cho thuế đinh suất, bắt phải tự sắm lấy khí giới để thao luyện diễn tập, hẹn khi nào dẹp yên được giặc sẽ tha cho về.

Lời chua – *Vũ Tá Quán* : Người xã Hà Hoàng [1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Nam Xang : Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb.XXVIII, 15).

Phú Xuyên : Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb.XXXVIII, 30).

Thượng Phúc : Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Sửa, đắp thành bằng đất ở thành Đại Độ.

Lúc ấy, trong nước nhiều nơi nguy cấp, Trịnh Doanh có chí luôn luôn mặc áo giáp, sẵn sàng ra mặt trận. Nhân bảo với tả hữu rằng : "Kinh sư là cội gốc cả nước, cung miếu của triều đình, dinh thự của trăm quan đều ở đấy, thế mà đường ngõ bốn mặt đi lại thông đồng, thành luỹ không thể trông cậy được. Nay nơi biên cảnh có giặc, nếu một ngày kia lục sư [2] xuất phát, thì không thể không liệu lượng để lại một số binh lính để chống giặc và giữ kinh thành, mà nếu số quân giữ thành chống giặc để lại nhiều thì số quân đánh dẹp ở mặt trận ít đi, cho nên việc xếp đặt nơi hiểm để giữ quốc đô, từ đời cổ điển đến nay, bao giờ cũng thế. Nước Việt ta từ triều nhà Lý dựng kinh đô ở đây, đã từng đắp thành Đại Chb.**XL**,33

(1) Nay thuộc xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Lục sư cũng như lục quân. Binh chế đời cổ mỗi quân là 12.500 người, thiên tử có lục quân, vua chư hầu thì có tam quân hoặc nhị quân. ở đây Trịnh Doanh dùng chữ "lục sư" để tỏ ra mình cũng là thiên tử, nên có số quân như vậy.

La, nay có thể nhân vào thành ấy mà sửa đắp lại, để sau này, nếu có việc ở mặt ngoài, thì không phải lo nghĩ đến mặt trong nữa, như thế chả phải là kế mưu rất tốt : chỉ khó nhọc một lần mà được yên nghỉ mãi mãi đó ru?". Doanh bèn hạ lệnh : Xem xét địa thế trong kinh kỳ, liệu lượng công trình đắp đất, số dân phu phải làm ; rồi bắt dân các huyện chung quanh kinh kỳ góp sức sửa đắp. Khi đắp xong, mở tám cửa, mỗi cửa đặt hai ô tả và hữu, phân phối binh lính canh giữ để phòng bị lúc yên ổn, lúc nguy cấp.

Lời chua - *Đại Độ* : Tức thành Đại La, nay ngoài tỉnh thành Hà Nội, bốn chung quanh vẫn còn luỹ đất.

Khởi phục Trần Cảnh vào phủ chúa giữ chức tham tụng.

Trần Cảnh nói : "Nay bắt đinh tráng đắp thành đất, dùng sức dân đã nặng, mà người thừa hành lại làm phiền nhiễu, thêm mất lòng dân, triều đình tuy có lòng thương yêu, nhưng đối với dân như thế, tôi e rằng không giữ được điều tín nghĩa. Vậy xin sức rõ cho viên quan có trách nhiệm nghiêm cấm bọn sai dịch và thời thường xét hỏi, để thi hành việc thưởng phạt". Trịnh Doanh theo lời.

Tháng 10, mùa đông. Hội họp các đạo quân ở Bồ Đề.

Lúc ấy bọn Nguyễn Hữu Cầu, giặc vùng đông nam, cướp bóc không thôi, các đạo quân cầm cự với giặc đã lâu ngày mà chưa sao dẹp yên ngay được. Trịnh Doanh muốn tự đi thân chinh, bầy tôi đều có can ngăn. Doanh bèn hội họp quan quân ba đạo ở bờ phía bắc sông Bồ Đề, hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc vẫn kiêm chức thống lãnh, Phạm Đình Trọng vẫn giữ chức hiệp thống lãnh đem quân đi đánh. Bọn Ngũ Phúc đã từng nhiều năm đi đánh dẹp, biết rõ được địa thế, địch tình, đến nay họ xem xét thời cơ chặn đánh, nhiều lần thắng trận, đồ đảng của giặc phần nhiều đến cửa quân đầu hàng, nên dần dần có cái thế làm cỏ được giặc. Chb.XL,34

Nguyễn Danh Phương cướp huyện Tiên Phong. Triều đình sai Nguyễn Phan đem quân đi đánh.

Danh Phương từ Bạch Hạc đến cướp xã Cổ Đô huyện Tiên Phong, thanh thế rất lừng lẫy. Hiệp trấn Sơn Tây là Hà Huân dâng thư cáo cấp. Trịnh Doanh hạ lệnh cho cai cơ Nguyễn Phan và phó đốc thị Bùi Trọng Huyến đi đánh, trấn thủ Đinh Văn Giai thì xem xét thời cơ, tìm phương pháp ứng tiếp.

Lời chua – *Bùi Trọng Huyến* : Người xã Tiên Mộc, huyện Nông Cống[1], đỗ tiến sĩ khoa kỷ mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông.

Cổ Đô[2] : Tên xã, thuộc huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây.

(1) Thuộc tỉnh Thanh Hóa.
(2) Nay là thôn Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 41

Từ Canh Ngọ, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750) đến Bính Tí, năm Cảnh Hưng thứ 17 (1756), gồm 7 năm. Chb. XLI,1

*
* *

Canh Ngọ, năm Cảnh Hưng thứ 11 (1750). (Thanh, năm Càn Long thứ 15).
Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh : Ban bố 12 điều hiểu thị trong kinh, ngoài trấn.

Trịnh Doanh hạ lệnh, đại lược nói : Thưởng người làm lành, phạt người làm dữ, là quyền lớn của vua chúa ngự trị trên đời. Ít lâu nay, vì chốn biên cương xảy ra nhiều việc, phải đánh dẹp mấy năm liền, nên dùng quan chức để thưởng người có công, dùng tài năng mà tha cho tội lỗi, thành ra chức tước và đồ khí dụng dần đến tiếm lạm, tệ tục ấy mỗi ngày một tăng lên. Nay cần phải chấn chỉnh lại, để cùng với sự việc đổi mới. Vậy ban bố 12 điều hiểu thị trong kinh, ngoài trấn.

Lời chua – *12 điều :*

1. Viên đại thần vào hạng thân thích, hạng có công, tâu bày công việc, làm tờ niêm phong kín dâng nộp.

2. Viên chưởng phủ và tham tụng tuỳ từng việc mà dâng điều hay, ngăn điều dở.

3. Viên thống lĩnh các đạo quân phải xếp đặt công việc kỹ càng cho hợp lẽ phải.

4. Viên ngự sử khi đàn hặc đứng đối diện với hàng nghi trượng.

5. Cấm nhà quyền thế ức hiếp người khác.

6. Viên thiêm sai khámXét kiện tụng phải theo lẽ công bằng.

7. Viên nội sai chi ra thu vào [1] phải rõ ràng cẩn thận.

8. Trăm quan phải kính cẩn làm đầy đủ chức phận.

9. Binh lính phải có kỷ luật, không được sinh lòng kiêu căng, lười biếng.

10. Dân phải theo lệnh trên, các hào mục trong làng không được quấy nhiễu dân

11. Cấm sở tuần ti đánh thuế trái phép. Chb. **XLI**, 2

12. Răn cấm lại dịch tiết lộ việc quan hoặc lười biếng bỏ việc.

Tháng 8, mùa thu. Lại thi hành phép ấm tử đời Bảo Thái.

Hồi đầu niên hiệu Bảo Thái [2], chuẩn định : con quan văn, quan võ vào học ở Quốc Tử Giám, nếu là con quan nhị phẩm, sẽ trao cho chức tự thừa, nếu là con quan tam phẩm sẽ trao cho chức tư vụ ; khi mãn niên hạn sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ, nhưng sau, người được trao cho chức tư vụ đã mãn niên hạn, chỉ được thăng chức tự thừa. Đến nay lại thi hành phép cũ.

Tháng 11, mùa đông. Bắt đầu thu "tiền thông kinh".

---

(1) Nguyên văn chép : "Xuất nạp tường thận". Riêng hai chữ "xuất nạp"còn có nghĩa là ban bố mệnh lệnh của vua ra ngoài hoặc đệ tấu sớ ở ngoài dâng nộp lên vua.

(2) Tức năm Bảo Thái thứ 3 (1722), một niên hiệu triều Dụ Tông, xem thêm *Chính biên* quyển XLI tờ 23

Lúc bắt đầu trung hưng, số tiền do sinh đồ nộp đều cấp làm món tiền chi phí của hiệu quan trong huyện. Năm Bảo Thái thi hành việc đánh thuế điệu, khoản trường khoán trông vào tiền công, nên tiền minh kinh cũng nộp vào quan, để chi cấp cho sự cung đốn, sự cần dùng về công việc trường thi. Đến nay, vì dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, tài dụng trong nước không đủ. Năm nào gặp khoa thi hương, thì hạ lệnh cho mỗi người nộp ba quan tiền, sẽ miễn phải khảo hạch và đều cho đi thi, gọi là "tiền thông kinh" (đổi chữ "minh" làm chữ "thông", có lẽ tránh hiệu Minh vương của Trịnh Doanh). Đấy là theo lời bàn của Đỗ Thế Giai, một viên quan giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh.

Do đấy, người làm ruộng, người buôn bán, người đồ tể đều hớn hở nộp quyển đi thi. Ngày vào trường thi, học trò dày xéo lên nhau đến nỗi có người chết. Trong trường thi thì kẻ mang sách, kẻ mướn người làm gà, hành động thả cửa, quan trường cùng người gian trá làm như họp chợ. Phép thi như thế, thối nát quá chừng.

Lời phê – *Chính sự đổ nát không còn gì nữa.*

Lời chua – *Hiệu quan* : Viên giáo dụ ở phủ hoặc huyện. Chb.**XLI**,3

Tháng 12, Trịnh Doanh tự đốc suất đại quân đi đánh Nguyễn Danh Phương.

Danh Phương hiệu là Canh Ngọ, lại một hiệu nữa là Ngũ Thập, làm giặc ở vùng Sơn Tây. Khoảng đầu năm Vĩnh Hựu, giặc ở Sơn Tây là Tế và Bồng nổi loạn, khi Tế và Bồng bị hại, Danh Phương tập hợp quân chúng còn sót lại được vài vạn người, chiếm cứ xã Thanh Lãnh và thôn Việt Trì, lại chiếm cứ núi Độc Tôn thuộc huyện Tam Dương. Sau khi thua trận ở Bạch Hạc, Danh Phương chỉ dựa vào nơi hiểm trở để cướp bóc vặt, không dám khinh thường đem quân ra. Đến lúc Hoàng Phùng Cơ đầu hàng, được triều đình sẵn lòng vỗ về

yên uỷ, Danh Phương thấy thế, cũng có ý muốn xin hàng. Hắn bèn dùng lễ vật rất hậu bí mật đút lót cho vợ chúa Trịnh là Nguyễn Thị (người xã Thịnh Mĩ, huyện Lôi Dương) và hoạn quan Đàm Xuân Vực, Xuân Vực giúp hắn dâng tờ biểu đầu hàng, Trịnh Doanh y cho. Nhưng khi triệu vào triều thì Danh Phương không nhận mệnh lệnh, lại làm phản, chiếm cứ núi Ngọc Bội làm sào huyệt, tự xưng là Thuận Thiên Khải Vận đại nhân, lập cung điện, đặt quan thuộc, cờ quạt, xe cộ và đồ dùng, tiếm lạm sánh với nghi vệ thiên tử. Nơi hắn ở gọi là đại đồn, sau đến đồn Hương Canh gọi là trung đồn, Úc Kỳ gọi là ngoại đồn, còn các đồn lẻ, luỹ riêng lại nhiều gấp hai. Quân đóng ở đâu đều làm ruộng, chứa thóc, làm kế cố giữ. Lại tự tiện giữ mối lợi về chè, sơn, tre, gỗ ở miền thương du và xưởng mỏ ở Tuyên Quang, do đó mà thóc gạo của báu chứa cao như núi. Hắn chia quân chặn giữ nơi hiểm yếu để kháng cự với quan quân. Triều đình nhiều lần sai quân đi đánh, thì hắn chở của để đút lót quan quân. Các tướng cũng hám lợi, cứ dung túng cho giặc để bảo toàn lấy thân. Vì thế nên thế giặc ngày càng vững vàng. Hơn 10 năm trời, Danh Phương nghiễm nhiên là một nước đối địch với triều đình. Chb.**XLI**,4

Lúc ấy, quan quân các đạo hội họp càn quét, bắt được em hắn là Văn Bì và Văn Quảng, thình lình hắn đem quân ập đến bao vây xã Thanh Lãnh, quan quân hầu bị nguy khốn, liền thả Văn Bì và Văn Quảng để trả lại, hắn mới giải vây kéo quân đi, Ấy hắn kiệt hiệt đến như thế. Các huyện thuộc phủ Tam Đái, Lâm Thao và Đà Dương đều bị Danh Phương chiếm cứ, đi đến đâu cướp bóc, chém giết nhẫn nhụi, dân vùng phía tây bị thiệt hại rất tàn khốc.

Đến nay Trịnh Doanh tự đốc suất đại binh đi đánh, bèn hạ lệnh cho Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai định 37 điều quân lệnh, chia binh sĩ làm bốn đạo quân, bổ dụng Hoàng Ngũ

Phúc tạm trông coi việc quân, Nguyễn Nghiễm làm tán lý, Đoàn Chú làm hiệp đồng, hẹn ngày xuất phát.

Lời chua - *Đoàn Chú* : Người xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh, đỗ hoàng giáp khoa bính thìn[1], năm Cảnh Hưng.

Núi Ngọc Bội : Ở địa giới hai huyện Tam Dương thuộc Sơn Tây và Bình Xuyên thuộc Thái Nguyên[2].

Thanh Lãnh : Tên xã.

Việt Trì : Tên thôn. Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 5. (Chb. XL, 11)

Núi Độc Tôn : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8 (Chb.XXXVI, 34).

Ức Kỳ : Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 6 (Chb. XL, 12). Chb. **XLI**,5

Hương Canh : Tên xã, thuộc huyện Yên Lãng,[3] tỉnh Sơn Tây.

Tam Đái : Xem ngang với Tống Thái Tổ, năm Kiến Đức thứ 4 (Tb.V, 29).

Lâm Thao : Xem An Dương Vương năm thứ 37 (Tb.I, 13)[4].

Phủ Đà Dương : Tức Đà Giang, thuộc Sơn Tây, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18).

Tân Mùi, năm thứ 12 (1751). (Thanh, năm Càn Long thứ 16). Tháng giêng, mùa xuân. Phạm Đình Trọng bắt được Nguyễn Hữu Cầu ở Nghệ An.

---

(1) Về niên kỷ Lê Hiển Tông, *Cương mục* chép đến đây mới là Canh Ngọ năm thứ 11. Thế mà lại chua Đoàn Chú đỗ hoàng giáp khoa Bính Thìn. Nay tính từ Canh Thân năm Cảnh Hưng thứ nhất (1740) đến năm Canh Ngọ (1750), trong vòng 11 năm ấy chỉ có năm Mậu Thìn (1748), còn Bính Thìn là năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736). Tham khảo *Lê sử* bổ (sách chép tay, không có tên tác giả) thì Đoàn Chú đỗ khoa Bính Dần năm Cảnh Hưng thứ 7 (1746). Vì sự sai nhau như thế, nên chưa rõ Đoàn Chú đỗ khoa nào.

(2) Hai huyện Tam Dương và Bình Xuyên nay hợp nhất thành huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

(3) Huyện Yên Lãng nay thuộc Vĩnh Phúc.

(4) *Cương mục* chua lầm, Phủ Lâm Thao mà *Cương mục* chua ở *Tiền biên* quyển I tờ 13 là Lâm Thao thuộc tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc. Còn Lâm Thao chép ở đây là Lâm Thao nước ta, hiện nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Hữu Cầu lúc còn nhỏ là hạng đầu trộm, sau theo Nguyễn Cừ, tướng giặc Ninh Xá, Cừ gả con gái cho. Khi Cừ bị hại, Hữu Cầu lại hô hào tụ họp đồ đảng cướp bóc. Lúc ấy, Nguyễn Danh Phương chiếm cứ Sơn Tây, Nguyễn Diên chiếm cứ Nghệ An, Hoàng Công Chất chiếm cứ Khoái Châu, Lê Duy Mật chiếm cứ Ngọc Lâu, người nào cũng nắm trong tay vài ba vạn quân, riêng Hữu Cầu là kiệt hiệt hơn cả. Hữu Cầu lại là người mạnh khoẻ, nhanh nhẹn, chiến đấu hăng, trí mưu quỷ quyệt trăm đường, nhiều lần bị mấy vòng vây, chỉ một mình ngựa vượt vây xông ra, rồi vài hôm hôm sau lại có quân chúng hàng vạn. Khi ra trận, một mình cưỡi ngựa, cầm siêu đao, đi lại như bay, quân sĩ không ai là không sợ hãi chạy giạt, đến các tướng cũng phải tránh uy phong của hắn, chỉ một mình Đình Trọng thề quyết chí giết cho bằng được, nên triều đình vững lòng dựa vào Đình Trọng. Đình Trọng cầm quân có kỷ luật, hễ trận nào Hữu Cầu gặp Đình Trọng liền bị thua. Các tướng lúc bấy giờ, Hữu Cầu chỉ sợ có Đình Trọng mà thôi. Chb.**XLI**,6

Từ khi bị thua trận Bồ Đề, Hữu Cầu hợp lực với Hoàng Công Chất, đánh phá cướp bóc các huyện Thần Khê, Thanh Quan. Đình Trọng cùng Ngũ Phúc đốc suất binh sĩ đi đánh, sang đò Hoàng Giang, qua huyện Nam Xang, đến huyện Bình Lục, đánh nhau với Hữu Cầu ở các sông Mã Não và Hương Nhi, quân giặc bị thua to. Lại đuổi đến xã Quang Dực và Lộng Khê, đánh luôn mấy trận đều phá tan được, đảng giặc bị tan tác. Công Chất chạy vào Thanh Hoa, Hữu Cầu cũng trốn vào Nghệ An nương nhờ Nguyễn Diên. Diên giúp cho binh lính, lương thực, Hữu Cầu nương thân ở Hương Lãm.

Ít lâu sau, Đình Trọng đem đại binh đuổi theo đến nơi, quân của Hữu Cầu bèn tan vỡ. Hữu Cầu bị khốn quẫn bức bách, liền vượt ra biển, toan quay về đông. Vì gặp gió bão thình lình nổi lên, Hữu Cầu bèn cùng mấy chục thủ hạ lên

bộ, tranh cướp lấy đường mà chạy, ẩn trốn trong núi Hoàng Mai, bị Phạm Đình Sĩ, thuộc tướng của Đình Trọng, bắt được, liền đóng cũi đưa về quân thứ Trịnh Doanh.

Lời chua – *Phạm Đình Sĩ* : Người xã Bác Trạch, huyện Chân Định[1].

Hoàng Giang : Ở địa phận xã Vị Hoàng, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định.

Nam Xang : Xem Lê Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3. (Chb. XXVIII, 15)

Bình Lục : Tên huyện, thuộc Hà Nội[2].

Mã Não và Hương Nhi : Tên hai xã, thuộc huyên Bình Lục.

Quang Dục : Tên xã, thuộc huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương Chb.**XLI**,7

Lộng Khê : Tên xã, thuộc huyện Phụ Dực tỉnh Nam Định[3].

Hương Lãm : Tên xã, thuộc huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An.[4]

Hoàng Mai : Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Tháng 2, Nguyễn Phan đánh Nguyễn Danh Phương ở núi Ngọc Bội, Danh Phương bị thua to và bị bắt. Bình Định được vùng Sơn Tây.

Trước đây, Danh Phương dựa vào địa thế hiểm trở, cố giữ để ngăn trở quan quân, lại coi thường các tướng, tưởng đại binh không thế nào đến được. Trịnh Doanh đi đường Thái Nguyên, lừa lúc không ngờ, đương đêm, đánh úp đồn Úc Kỳ, phá vỡ được, lại tiến quân sát đến đồn Hương Canh. Giặc đem hết quân ra chống cự, đạn bay như mưa. Quan quân không sao tiến lên được. Lúc ấy trong hàng các tướng, chỉ có Nguyễn Phan vốn

(1) Nay là xã Văn Trường, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

(2) Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(3) Nay thuộc xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(4) Đất huyện Nam Đường, nay thuộc huyện Anh Sơn và huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

gọi là một viên tướng vô địch. Trịnh Doanh đem thanh kiếm trao cho Phan và nói : " Nếu không phá được đồn này, lập tức phải xử theo quân pháp". Phan đem quân tiến lên, cởi chiến bào, nhảy xuống ngựa, đánh nhau dưới đất. Phan ngoảnh lại bảo thủ hạ rằng : "Các quân sĩ đã ghi tên trong sổ quân lệnh, tự phải giữ phép quân. Bọn người đều là tôi tớ của ta, nay chính là lúc ta bỏ mình đền ơn nước, mà cũng chính là ngày các ngươi đền ơn ta. Vậy những ai có cha mẹ già, con bé, không nỡ dứt mối tình riêng, thì đều cho lui ra, còn thì đều nên cùng ta quyết liều chết để báo ơn nước, không nên sống uổng cái thân mày râu !". Mọi người nghe lời Phan nói, không ai chịu lùi. Phan tự xông lên trước quân sĩ, cố sức đánh, phá tan được. Danh Phương thu nhặt số quân còn sót lại lui giữ đại đồn Ngọc Bội. Đồn Ngọc Bội là sào huyệt của giặc, thế núi cao vót hiểm trở, giặc đã lấp cửa ngõ các đường tắt từ trước, bố trí một loạt súng ở trên núi để cố thủ. Trịnh Doanh lại sai Phan tiến đánh, Phan sai mọi người đều cầm gươm mác, người nào cũng được phép tự ý đánh chém, lại hẹn, hễ nghe tiếng súng thì nằm phục xuống, bằng không thì trèo đá mà vượt lên. Phan đem mọi người tiến lên trước, tam quân kế tiếp theo sau, quân sĩ tiến lên núi trông như đàn kiến. Quân giặc đổ vỡ tan tành, Danh Phương lủi vào núi Độc Tôn. Quan quân lại đuổi theo đánh phá tan vỡ. Danh Phương cùng đồ đảng đốt doanh luỹ, rồi nhân đêm chạy trốn. Quan quân đuổi theo, bắt được Danh Phương ở xã Tĩnh Luyện, huyện Lập Thạch. Chb. XLI,8

Sau khi Danh Phương bị bắt, thì cái cũi nhốt Nguyễn Hữu Cầu chợt giải đến quân thứ. Trịnh Doanh bèn mở tiệc lớn ở quân thứ Xuân Hi để khao tướng sĩ. Trong khi yến ẩm, Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu, tam quân xúm quanh lại xem, tiếng vui mừng nổi lên như sấm, bèn kéo quân về kinh sư.

Trận này, từ lúc đem quân sang qua sông đến lúc thắng trận kéo về, chỉ có 43 ngày. Khi về kinh sư, đến cửa khuyết dâng công thắng trận, bèn làm lễ dâng tù binh ở Thái Miếu. Hữu Cầu lập mưu vượt ngục, bị lộ chuyện, liền đem giết cả với Danh Phương.

Lời phê(1) - *Lời nói đáng kính đáng sợ như lúc còn sống, ngàn đời sau này còn có thể làm cho người ta cảm động phấn khởi. Thế mà trong sử bảo Nguyễn Phan cùng Văn Đình Ức danh tiếng ngang nhau*(2)*, nói như thế khác nào đem viên ngọc giả trộn lẫn với viên ngọc thật.*

Lời phê(3) - *Một việc vui sướng ngàn đời. Nếu không có Trịnh Doanh, thì việc này cũng rất khó khăn.*

Lời chua - *Núi Độc Tôn* : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8. (chb, XXXVI, 34)

Xuân Hi: Tên xã, thuộc huyện Kim Anh,(4) tỉnh Bắc Ninh.

Tỉnh Luyện : Tên xã, thuộc huyện Lập Thạch,(5) tỉnh Sơn Tây.

Sai Nguyễn Quai và Dương Công Chú đi dụ bảo, yên uỷ dân các lộ Tây Bắc và Thái Nguyên. Chb. XLI,9

Bọn Nguyễn Quai bái từ ra đi, Trịnh Doanh bảo : "Dân gặp giặc cướp làm cay đắng đã lâu, nay nên để ý hỏi han yên uỷ, các người đi đến đâu cần tuyên truyền đức ý triều đình và đề đạt tình hình người dưới ; những việc ăn uống đưa đón, nhất thiết chớ làm phiền đến dân". Bèn ban cho 300 quan tiền hành lý.

(1) Chỉ lời Nguyễn Phan bảo thủ hạ.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XL, tờ 12.
(3) Chỉ việc Trịnh Doanh sai Hữu Cầu thổi sáo, Danh Phương rót rượu trong bữa tiệc khao quân.
(4) Trước là huyện Kim Hoa sau đổi là Kim Anh. Nay là huyện Sóc Sơn (Hà Nội) và một số xã thuộc huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc).
(5) Nay thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.

Lời chua – *Tây* : Tức Sơn Tây. *Bắc* : Tức Bắc Ninh. *Thái Nguyên* : Tức Ninh Sóc. Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10.(Chb, XXI, 18, 19, 27, 28, 31, 32, 34, 35)

Hạ lệnh cho Trịnh Tuệ và Lê Sĩ Bàng khám hỏi kiện tụng.

Lúc ấy, Trịnh Tuệ giữ chức thừa chính trấn Sơn Nam, Sĩ Bàng giữ chức tham chính trấn Kinh Bắc. Trịnh Doanh hạ đặc chỉ triệu về kinh, rồi sai chầu chực ở điếm cửa tả, khám xét mọi việc kiện tụng.

Lời chua – *Lê Sĩ Bàng* : Người xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc[1], đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) năm Vĩnh Hựu triều Lê Ý Tông.

Tháng 3. Thi lại cống sĩ mới đỗ ở lầu Ngũ Long.

Từ lúc có thể lệ nộp tiền để đi thi, học trò quen thói đua nhau chạy chọt, quan trường lại coi thường kỷ luật, làm sự gửi gắp công khai, người thi đỗ phần nhiều không phải thực học, vì thế lời bàn tán bên ngoài rất là xôn xao. Trịnh Doanh nổi giận, bèn bắt thi lại, đánh hỏng hơn 200 người ; quan trường đều bị biếm chức hoặc bãi chức, duy Vũ Công Trấn, giữ chức đề điệu trường thi Kinh Bắc, được miễn nghị. Chb. **XLI**,10

Lúc thi lại, Trần Danh Ninh giữ chức chủ khảo, Ngô Đình Oánh và Trần Huy Mật vào hầu chúa Trịnh để ra đầu bài.

Nói về thi cử thời đầu triều Lê, văn chương quý mạnh mẽ, hồn hậu, đầu bài cũng cần những điều đại thể và cốt yếu. Đến khoảng năm Thiệu Bình (1434-1439), Hồng Đức (1470-1497), về đầu bài kinh nghĩa không bó buộc phải ra ở chương nào, thiên nào ; về đầu bài tứ lục và thơ, phú không cần hết thảy phải ra ở sách Kinh hoặc sách Sử ; về đầu bài văn sách không dùng những điển hiểm bí lờ mờ. Ví dụ như những đầu bài sau đây :

(1) Nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Bài kinh nghĩa "doanh doanh thanh dăng chỉ vu phàn"[1];

Bài chế "mệnh Lê Niệm vi bình chương"[2];

Bài biểu "Chiêm Thành cống tượng".

Thơ phú thì có khi dùng điển sách ngoài để ra đầu bài như : bài "độ nghĩ kiều"[3], bài "nghiễn trì ngưu"[4], bài "ngư phủ nhập đào nguyên"[5], v.v... Những bài này không phải người có sức học dồi dào phong phú, sâu rộng, thông hoạt, không thể làm được ; văn sách cũng thế.

Từ lúc trung hưng trở về sau, thay đổi thể văn, một lần thay đổi thì dùng lối rập theo sáo cũ là quý, lại một lần thay đổi nữa thì dùng lối lựa từng lời, gọt từng câu là hay, thành ra thể văn ngày đi đến bạc nhược. Khoảng năm Chính Hoà (1680-1704) bàn khôi phục lại thể văn đời Hồng Đức, Vũ Thạnh và Ngô Vi Thực kế tiếp nhau đứng ra chấn chỉnh, nhưng chung quy cũng không sao bỏ được lối văn trước.

Đến nay, thi lại, bọn Ngô Đình Oánh ra đầu bài văn sách, lại chia ra hỏi về nhiều mục, Nhữ Đình Toản Chb. **XLI**,11
không ưa, bèn xin chỉ chuẩn ấn định : Văn sách
về cổ văn thì hỏi đại lược việc phải việc trái ; về kim văn thì

(1) Một câu trong thơ "thanh dáng", thiên tiểu nhã, sách *Mao thi*. Nghĩa đen câu này là "con nhặng xanh kêu vo ve dỗ ở cái phên". Ý nói giống nhặng xanh thường làm cho thứ trinh sạch thành bẩn thỉu, để ví với bọn tiểu nhân hay gièm pha người, làm cho người tốt hoá ra xấu.

(2) Lê Niệm là một viên quan triều nhà Lê, từng làm quan triều Thái Tông, Nhân Tông và Thánh Tông, Thánh Tông phong Lê Niệm giữ chức bình chương quân quốc trọng sự.

(3) "Bắc cầu cho kiến bò qua". Đầu đề này dùng điển trong *Tống sử*. Nhà Tống Giao có tổ kiến, một hôm mưa to, kiến trong tổ bò ra, bị nước ngập, không có lối đi, Tống Giao dùng cành tra bắc cầu cho kiến bò qua.

(4) "Hình con trâu trong cái nghiên mài mực". Đầu đề này chưa rõ dùng điển ở sách nào. Tham khảo *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, có bài "nghiễn trung ngưu", không rõ có phải đầu đề này dùng điển ấy hay điển nào? .

(5) "Ông thuyền chài vào nguồn đào". Đầu đề này dùng điển của Đào Tiềm đời Tấn. Đào Tiềm có làm bài "đào hoa nguyên ký" nói về việc người thuyền chài ở Vũ Lăng vào rừng hoa đào, được gặp người đi lánh loạn từ đời nhà Tần. Lần sau người thuyền chài ấy lại tìm vào, thì không nhận được đường nữa.

hỏi công việc hiện thời. Thi hương, thi hội và thi đình đều theo thể văn đời Hồng Đức. Trịnh Doanh y theo.

Lời chua - *Ngô Vi Thục* : Người xã Tả Thanh Oai[1], huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi (1691) năm Chính Hoà triều Hi Tông.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 6. Chấn chỉnh chức trách các quan giữ việc chính trị.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước gần được bình định, cần phải chấn chỉnh chức trách các viên quan giữ việc chính trị, bèn hạ lệnh cho tham tụng Nhữ Đình Toản châm chước điển lệ các triều, xếp đặt quan chức phẩm trật thành từng loại, gọi là "Tấn thân thực lục". Lại ban hành 9 điều nói rõ chức trách công việc các quan trong kinh, ngoài trấn :

1. Giúp đỡ vua làm cho bụng nghĩ của vua được ngay thẳng.

2. Phân biệt, kén chọn quan lại.

3. Bàn định chính sách đối với dân.

4. Định kỷ luật quân ngũ.

5. Xếp đặt việc chi dùng trong nước.

6. Sáng tỏ về thể lệ kiện tụng.

7. Bàn định việc tính toán chi thu.

8. Việc thưởng, việc phạt phải cho đúng lẽ.

9. Hiệu lệnh phải tin thật.

Chín điều trên này răn bảo các quan giữ việc trong chính phủ, để tuỳ tài từng người mà trao cho chức việc, phân biệt bổ dụng các chức quan.

Nói về quan chế triều nhà Lê, từ lúc trung hưng thay đổi phép tắc :

---

(1) Nay là xã Tả Thanh Oai thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Các quan đại thần trong chính phủ, thì xếp đặt chức chưởng phủ và thự phủ đứng đầu về võ giai, gọi là "ngũ phủ", tham tụng đứng đầu về văn giai, gọi là "phủ liêu". Các chức này đều là chức vị tể tướng, dưới đến bồi tụng và quyền phủ cùng được dự bàn chính sự. Còn liêu thuộc là thiêm sai, tuỳ sai theo làm công việc thăm hỏi, thì bổ dụng cả quan văn lẫn quan võ, duy quan văn giữ chức trong lục phiên, phụng lệnh làm việc văn thư ; Chb. XLI,12

Bầy tôi thân cận là nội sai tiểu ti, giữ công việc truyền đạt mệnh lệnh vua ra ngoài và nhận tờ sớ biểu của bên ngoài dâng nộp lên vua ;

Các quan trong lục bộ nắm giữ đại cương của lục phiên ;

Các quan trong lục khoa đàn hặc sự sai trái của lục bộ ;

Các quan khanh trong lục tự đều giữ chức vụ của mình.

Ngự sử đài làm giường mối cho 13 đạo và các ti Đề Lãnh, Phủ Doãn trong kinh kỳ. Chức đề hình giám sát thuộc vào Ngự sử đài.

Quan ngoài các trấn thì đặt ba ti Trấn thủ, Thừa chính và Hiến sát : ti Trấn thủ giữ việc cầm phòng trộm cướp ; ti Thừa chính làm tiêu biểu cho các quan phủ, châu và huyện noi theo ; ti Hiến sát giữ việc đàn hặc quan lại trái phép từ Trấn Ti trở xuống và bọn quyền quí, cường hào, lại giữ việc xét hỏi các kiện tụng. Ba ti này đều thống thuộc vào Ngự sử đài.

Lại có Tông nhân phủ, Quốc Tử Giám, Kinh Diên, Sử Quán, Hàn Lâm, Đông Các, Tư Lễ, Tư Thiên Giám và Lệnh Sử, các nha môn này đều có quan giữ từng công việc.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, phép tắc kỷ cương dần dần buông lỏng, trăm quan phần nhiều trễ tràng, đến nay đều chấn chỉnh lại, làm cho chế độ cũ được sáng tỏ, để các quan trong kinh ngoài trấn đều răm rắp tuân theo giữ chức phận

của mình. Tuy thế, nhưng tham tụng, bồi tụng là gia thần của phủ chúa, thượng thư, thị lang là vị hão của triều đình ; lục phiên nắm hết quyền của lục bộ, lục khoa không có trách nhiệm phong bác[1]. Còn lục tự, thông chính, dụ đức và thứ tử thì đều là chức quan nhàn tản, không giữ công việc theo với chức phận. Tên quan và sự thực lầm lẫn rối loạn, người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời chua – *Ngũ phủ và phủ liêu* : Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2 (Chb.XXXIII, 13). Chb. **XLI**,13

Lục bộ và lục khoa : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 6 và thứ 7 (Chb.XIX, 31; XX, 6)[2].

Lục tự : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú thì Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 7[3] đặt lục tự, là Thượng Bảo, Quang Lộc, Hồng Lô, Thái Thường, Thái Bộc và Đại Lý, mỗi tự có đặt quan khanh (trật chánh ngũ phẩm) và thiếu khanh (trật chánh lục phẩm), là chức cơ vụ về hàng quan trong kinh (giữ chức việc gì nay không khảo cứu được).

Ty Thông chính sứ (trật tòng tứ phẩm) : Giữ việc tuyên truyền ơn đức của người trên mà để đạt tình hình của người dưới.

Dụ đức : Chức quan ở đông cung, có Tả Dụ đức và Hữu Dụ đức (trật tòng tam phẩm) giữ việc hầu thái tử để bàn tán dẫn dụ nghĩa sách.

Thứ tử : Cũng là chức quan ở đông cung (trật tòng tam phẩm). Chức này mới đặt thêm từ năm Bảo Thái thứ 2 (1721) triều Dụ Tông, để giữ các việc tán lý và lễ nghi. Lúc ấy chính quyền thuộc về phủ chúa Trịnh, công việc then chốt trong triều đình đều về tay gia thần ở lục

(1) Theo chế độ xưa, chiếu chỉ của vua ban ra, có điều gì không hợp lý, thì viên quan có trách nhiệm được niêm phong để hoàn mà xin cải chính lại.
(2) Nguyên văn chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".
(3) Xem *Chính biên* quyển XX tờ 6. Ở đây chép lầm là "Hồng Đức nhị niên".

phiên, mà danh vị quan ở đông cung thường dùng "các thần"[1] để kiêm lãnh, còn chức quan đều đặt có ngạch suông cho đủ vị mà thôi.

Mười ba đạo : Thanh Hoa, Nghệ An, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Yên Quảng và Cao Bằng.

Bắt đầu đặt hiệu Bình Đông và Bình Tây.

Theo chế độ cũ, việc tô thuế giao cho viên quan có trách nhiệm đốc thu, phần nhiều sách nhiễu thu quá lệ ngạch, dân có phần bị khổ sở. Đến nay, vì các lộ Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam nhiều năm bị binh lửa, dân phiêu tán mới trở về, nên chưa đặt quan thu thuế ở các lộ ấy, bèn đặt hai hiệu Bình Đông và Bình Tây ở kinh sư, sai quan thu thuế, mà dân được tự đem thuế đến nộp. Sau lại lấy cớ rằng dân lưu tán ở Thái Nguyên mới trở về tụ tập, viên quan có trách nhiệm đốc thu một cách hà khắc những nhiễu, nên cũng hạ lệnh đặt hiệu theo thể lệ chung. Cho phép dân được tự đem thuế đến nộp. Các viên quan thuộc về lục cung, phải chiểu theo hàng ngày mà biên thu, ai để chậm trễ sẽ phải tội. Chb. **XLI**,14

Lời chua - *Hiệu Bình Đông* : Sơn Nam và Hải Dương thuộc về hiệu này.

Hiệu Bình Tây : Sơn Tây và Kinh Bắc thuộc về hiệu này.

Quan chức trong lục cung : Xem Dụ Tông, năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (Chb.XXXV, 22, 23).

Lại ban bố rõ giáo điều đời Cảnh Trị[2].

Năm Cảnh Trị thứ nhất (1663), Phạm Công Trứ giữ công việc trong chính phủ, phụng mệnh làm giáo điều gồm 47 mục,

(1) Danh từ "các thần", triều nhà Nguyễn thường dùng để chỉ những viên quan trong nội các. Thời đại Lê Trịnh chưa đặt nội các, chữ "các thần" chép ở đây là chỉ những viên quan trong phủ liêu. Các thần kiêm giữ chức quan ở đông cung, như tham tụng Nguyễn Công Hãng làm sư phó Trịnh Giang, tham tụng Nguyễn Công Thái là sư phó Trịnh Sâm, v.v...

(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 4,5.

mỗi xã đặt một viên quan, cứ ngày đầu năm và ngày xã điền đem giáo điều đọc cho dân nghe. Từ khi trong nước nhiều việc, bỏ trễ nải không nhắc đến. Đến nay hạ lệnh cho sức rõ lại, nhưng nhân dân có ý lơ là, coi như việc không đáng để ý đến.

Lời chua – *Ngày xã điền* : Tiết lập xuân, ngày "mậu" thứ năm là ngày xuân xã ; tiết lập thu, ngày "mậu" thứ năm là ngày thu xã. Ngày xã, tế ông tổ sinh ra việc làm ruộng.

Chb. **XLI**,15

Nhâm Thân, năm thứ 13 (1752). (Thanh, năm Càn Long thứ 17).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh triệu tham tụng đại thần hàng ngày vào phủ bàn luận công việc.
Sai bọn Vũ Công Trấn và Đỗ Duy Kỳ chiêu tập phủ dụ dân các lộ Tây và Nam.

Lúc nổi ra việc binh lửa, dân ở các nơi bị điêu tàn, các huyện Chương Đức, Mĩ Lương, Yên Sơn và Thạch Thất bị phiêu tán nhiều hơn cả. Triều đình bèn sai sứ thần chia nhau đi yên uỷ chiêu tập nhân dân.

Lời chua – *Chương Đức và Thạch Thất* : Tên hai huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 4,9).

Yên Sơn : Tức Ninh Sơn, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb.XXVI, 43).

Mĩ Lương : Tên huyện, xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 8 (Chb. XXIX, 14).

Bọn Đàm Xuân Vực đánh giặc là tên Tương ở Sơn Tây, phá tan được.

Trước đây, Tương cùng Lê Duy Mật chiếm cứ xã Ngọc Lâu và Vĩnh Đồng, khi nào quan quân kéo đến thì chúng tan tác chạy ngay, khi quan quân đi Chb. **XLI**,16

rồi, chúng lại cướp bóc tứ tung. Đến nay, bọn Xuân Vực và Nguyễn Nghiễm đánh phá được. Tương thua trận, rồi chết, Duy Mật trốn biệt. Trịnh Doanh rất khen ngợi bọn Xuân Vực, sai Nguyễn Hoàn đến quân thứ, tuyên dương yên uỷ tướng sĩ, thưởng cho 20 lạng bạc và 2000 quan tiền.

Lời chua - *Ngọc Lâu* : Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb. XXXIX, 18).

Vĩnh Đồng : Tên xã, xem năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb.XL, 8).

Tháng 5, mùa hạ. Núi Tản Viên sụt.

Núi sụt, chiều dài hơn 300 trượng.

Lời chua - *Núi Tản Viên* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7. (Chb. I, 34).

Tháng 7, mùa thu. Định thể lệ đánh thuế bảy tộc người Nùng ở Tuyên Quang.

Người Nùng đồng niên mỗi suất nộp 6 tiền, bảy tộc, mỗi nhà 7 quan. Lại bảy tộc có lệ đánh thuế nóc nhà hiện tại (kiến ốc chinh thuế) cứ 3 năm nộp một kỳ, mỗi nhà hai lạng bạc.

Lời chua - ***Bảy tộc người Nùng*** : Sơn Trang bạch tộc, Sơn Trang hắc tộc, Sơn Tử bạch tộc, Sơn Tử hắc tộc, Đại Tiểu bản tộc, Bát Tiên tộc và Cao Lan tộc.

Mồng một, tháng 10, mùa đông. Nhật thực.

QuýDậu, năm thứ 14 (1753). (Thanh, năm Càn Long thứ 18).

Tháng giêng, mùa xuân. Giảm số đinh cho phủ Kinh Môn và Nam Sách thuộc Hải Dương.

Số đinh ở hai phủ Kinh Môn và Nam Sách cứ 5 phần được giảm một phần. Sau đấy, vì Xuân Vực về kinh nói dân ở Thanh Hoa đau khổ, lại hạ lệnh cho ti Thừa Chính khám xét số hộ, sẽ tuỳ nghi cho giảm.

Lời chua - *Kinh Môn* : Tên phủ, thuộc Hải Dương.

Nam Sách (chính sách) : Tức Nam Sách (sổ sách), xem ngang với Tấn, Tề Vương, năm Khai Vận thứ 2. (Tb. V, 21)

Tháng 3. Địa phận huyện Gia Viễn và Yên Mô trời mưa nước đen.

Lời chua – *Gia Viễn và Yên Mô* : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ hai (Chb. XXVI, 2).

Bàn định về việc đồn điền.

Các lộ vùng Đông, Nam từng bị binh lửa, ruộng đất phần nhiều bỏ hoang. Trước đây đã hạ lệnh cho quan sở tại đặt thêm lính đồn điền để khai khẩn[1]. Đến nay bàn định lấy quân lính đi đánh giặc đã được rút về, phân phối đi cày cấy ở các lộ, tích trữ thóc lúa, để việc phòng bị nơi biên giới được đầy đủ.

Bổ dụng Mai Thế Chuẩn làm đốc trấn Lạng Sơn.

Thế Chuẩn đắp rộng thêm thành Lạng Sơn, chu vi 577 trượng.

Khởi phục Nguyễn Công Thái giữ chức tham tụng.

Trước đây, Công Thái lại về kinh giữ chức trong chính phủ[2], bọn Đỗ Thế Giai lại càng ghét. Công Thái nhân lấy cớ tuổi già xin thôi việc. Đến nay Trần Cảnh bị bãi, Trịnh Doanh lại khởi phục Công Thái để bổ dụng. Công Thái xin bỏ thể lệ nộp "tiền thông kinh" khoa thi hương, Trịnh Doanh y theo. Sau lại hạ lệnh cho kiêm giữ công việc ở Quốc Tử Giám. Chb. XLI,18

Tháng 4, mùa hạ. Mưa đá ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 14,15.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 31, và XL tờ 1.

Mưa đá dữ dội ở địa phận huyện Yên Sơn và Thạch Thất thuộc Sơn Tây, thóc lúa bị tổn hại mất nhiều. Triều đình hạ lệnh liệu lượng giảm thuế điền.

Lời chua - *Yên Sơn* : Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 4 (Chb. XXVI, 43).

Thạch Thất : Tên huyện, xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb. XXVII, 4).

Tháng 6, hạn hán. Hạ lệnh bầy tôi văn võ đều dâng tờ khải niêm phong trình bày mọi việc.

Cho lính tứ trấn về nhà làm ruộng.

Trước đây, dùng quân đánh dẹp, triều đình chọn lấy dân tứ trấn sung làm vệ binh, sau lại phân phối cho lệ thuộc về bản trấn(1). Đến nay, triều đình lấy cớ rằng trong nước đã gần được bình định, nên đều cho về làm ruộng, duy hàng năm làm lễ tế cờ, thì các binh lính ấy đến trấn để thao luyện diễn tập trong hạn 5 ngày, rồi lại cho về. Sau lại vì mấy năm bị mất mùa luôn, nên cũng bãi bỏ cả.

Miễn thuế thuỷ sản ở các đạo.

Thuế thuỷ sản ở các đạo phần nhiều không phải ngạch cũ, hoặc có hạng thuế chỉ đặt lạm trong nhất thời, Chb. XLI,19
sau bèn thành lệ, hoặc có nơi sản vật không phải
là hạng có thường xuyên, mà quan sở tại nhất khái đốc thúc thu thuế, làm cho dân đau khổ không sao kể xiết ! Triều đình biết tình tệ ấy, nên hạ lệnh tha cho.

Tháng 7, mùa thu. Trấn Ninh đến dâng sản vật địa phương.

Lời chua - *Trấn Ninh* : Xưa gọi là Bồn Man, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb. XXIII, 30, 31).

Định phép đánh thuế vỏ quế.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 25,26 và XL tờ 25.

Hạ lệnh cho Đô ti[1] hai trấn Thanh Hoa và Nghệ An trông coi, lấy tiền công chia cấp cho thổ tù, thuê người đi tìm bóc quế, số vỏ quế bóc được, đem nộp viên giám đương[2] cân và thu nhận.

Bãi bỏ trường đúc tiền ở các trấn.

Triều đình lấy cớ rằng các trấn đúc tiền phần nhiều quá lạm, lại mỏng mảnh, nên hạ lệnh bãi bỏ, duy trong kinh kỳ vẫn để hai trường đúc ở Nhật Chiêu và Cầu Giền, giao cho viên đại thần trông coi việc này.

Lời chua - *Cầu Giền* : Ở địa phận phường Bạch Mai, huyện Thọ Xương[3].

Nhật Chiêu : Xem Uy Mục đế, năm Đoan Khánh thứ 5 (Chb. XXV, 37).

Tháng 10, mùa đông. Gió to, nước dấy lên.

Ba xứ Đông, Nam và Bắc gió thổi mạnh, nước dấy lên, thóc lúa bị mất, nhân dân bị đói. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô, còn đồn điền do lính các cơ các đội cày cấy, bàn định rộng ơn miễn cho.

Lời chua - *Tiền gia tô* : Xem năm Cảnh Hưng thứ 3. (Chb. XXXIX, 27) Chb. **XLI**,20

Ba xứ : Tức Hải Dương, Sơn Nam và Kinh Bắc.

Hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo làm tờ khải niêm phong trình bày công việc.

Trịnh Doanh hạ lệnh cho Ngự sử đài và ti Hiến sát các đạo rằng : "Gần đây những người trình bày công việc phần nhiều

(1) Tức Đô tổng binh sứ ti, nói tắt, trong Đô ti có các chức tổng binh và phó tổng binh đặt từ năm Quang Thuận triều Lê Thánh Tông. Đến đời Lê trung hưng đã bỏ đi mà đặt là trấn thủ, hoặc trấn đốc, lưu thủ, v.v... (xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXV tờ 12). Vậy Đô ti chép ở đây có những chức quan gì và giữ nhiệm vụ gì, chưa khảo cứu được.

(2) Xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXVII, tờ 27.

(3) Nay thuộc quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (ở cuối phố Huế đầu phố Bạch Mai)

chỉ trích ra những việc nhỏ nhặt, còn đến việc quan lại tham nhũng, chính sự thiếu sót cùng tình trạng u ẩn ở dân gian thì đều bỏ qua không nói đến. Như thế sao gọi là xứng chức được? Nay trong nước mới bình yên, dân lưu tán mới họp tập lại, ở dân gian tất có nhiều nỗi oan uổng uất ức, các viên quan đều nên dâng phong thư cẩn mật, trong thư cần phải nói thiết thực đúng lẽ, để có thể thi hành". Doanh lại hạ lệnh cho Phạm Đình Trọng, đốc suất Nghệ An, trình bày việc cốt yếu về thay đổi điều tệ hại, để cứu dân ở trong hạt. Nhân đấy, Đình Trọng trình bày bốn việc, Doanh đều y theo.

Lời chua – *Bốn việc* : 1. Đốc thúc bắt lính trốn làm phiền phí cho dân ; 2. Thu tiền phạt chuộc tội thêm làm nhiễu dân ; 3. Con cháu công thần đã được miễn cả mọi khoản mà dân vẫn phải chịu khống ; 4. Thợ đóng thuyền ở các xã, để cho ở lại doanh luỹ bản trấn, miễn cho việc về kinh sư hoặc phải đi trấn khác.

Miễn cả các khoản, dân phải chịu khống : Nhà Lê từ năm Cảnh Trị (1663–1671) trở về sau, định lại phép tuyển duyệt dân đinh, người sinh ra không tính, chết đi không trừ, cho nên con cháu nhà công thần đều được trừ cả các khoản, mà số hộ thì dân vẫn phải khống thụ. Chb. **XLI**,21

Tháng 12. Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm thế tử.

Các viên quan giữ chính quyền trong phủ nhiều lần xin dự bị lập thế tử, Trịnh Doanh theo lời, bèn tâu nhà vua xin làm đủ nghi lễ sách lập, bổ dụng Nguyễn Công Thái giữ chức sư phó để dạy Trịnh Sâm.

Giáp Tuất, năm thứ 15 (1754). (Thanh, năm Càn Long thứ 19).

Tháng giêng, mùa xuân. Ân tuất những tù bị giam.

Hạ lệnh cho bọn Vũ Công Trấn và Nguyễn Quai xem xét trong nhà ngục, phát chẩn cho tù bị đói, bị thiếu, người nào can tội nhẹ thì xét xử ngay và phân phối đi các nơi.

Phạm Đình Trọng, thượng thư bộ Binh, thái tử thái bảo, tước Hải quận công, giữ chức đốc suất xứ Nghệ An, mất.

Đình Trọng có tài cán trí mưu, sau khi thi đỗ, liền tham dự vào cơ mưu việc binh, vì có công đánh dẹp, nên từ chức hiệu thảo (chánh thất phẩm) thăng lên chức thị lang (chánh tam phẩm). Đến nay, lấy địa vị là thượng thư bộ Binh, Hải quận công, sung làm đốc suất xứ Nghệ An. Khi mất, thọ 40 tuổi, truy tặng hàm thái bảo.

Đình Trọng cầm quân đánh giặc, từng thống lãnh quân các đạo, đi đến đâu giặc liền tan vỡ. Nói về công đánh dẹp, Đình Trọng là người chiếm giải nhất. Chb. **XLI**,22
Trịnh Doanh viết lối "phi bạch"(1) bốn chữ "văn võ toàn tài" ban cho, lại cho biển ngạch khắc chữ "đồng hưu công thần"(2), phong cho thái ấp vài ngàn hộ.

Đình Trọng là một viên tướng có nho học, giữ vị vọng quan trọng, dầu ở nơi biên trấn mà sĩ phu không ai là không tưởng mến nghi phong thái độ.

Khảo xét công trạng các quan.

Hạ lệnh cho bọn Hoàng Ngũ Phúc, Trịnh Tân và Nguyễn Đình Thạch khảo xét hàng quan võ ; bọn Nguyễn Huy Nhuận, Nguyễn Vĩ và Vũ Công Trấn khảo xét hàng quan văn : phân biệt rõ ràng theo thứ tự đẳng cấp, thay đổi nhau xét đi xét lại, bàn luận cho hợp ý, rồi sẽ xin chúa quyết định.

Lời chua - *Nguyễn Đình Thạch :* Con Nguyễn Đình Đống, em Nguyễn Đình Hoàn, người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh, đỗ tạo sĩ.

Đặt quan khuyến nông ở các lộ.

---

(1) Một lối viết khác lối viết thường, lấy bút kẻ từng đường nhỏ ở cạnh các nét chữ, còn trong nên từng nét thì vẫn để trắng.

(2) Bốn chữ này ý nói : người công thần được cùng nước cùng hưởng phúc lành.

Trước đây, triều đình lấy cớ rằng ruộng ở các lộ phần nhiều bỏ hoang, nên hạ lệnh quan sở tại cùng người đầu hàng chia nhau cày cấy. Có nhiều người lĩnh canh khai khẩn, về sau, nào nhận tranh, nào xâm chiếm, không thể nào xét rõ được. Đến nay trong nước gần được bình định, dân phiêu tán lần lượt trở về, bèn đem hết ruộng ấy trả lại cho dân, hạ lệnh cho quan đại thần giữ chức khuyến nông, chia nhau đi đốc suất, định lại cõi mốc, xét xử kiện tụng, quân bình mua bán. Duy ruộng công cùng ruộng người phạm tội, ruộng thừa đã tịch thu sung công thì tự quan cày cấy ; những người đầu hàng cũng chuẩn cho trở về quê quán, giao trả lại điền sản. Lại tô thuế ở các đạo còn bỏ thiếu chồng chất từ năm Nhâm Tuất (1742) đến năm nay gồm 13 năm, đều được miễn. Chb. XLI,23

Dân Cao Bằng bị đói. Triều đình xuất bạc trong kho để phát chẩn.

Dân Cao Bằng bị đói, hạ lệnh xuất 300 lạng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân. Nhân đấy, hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét đúng sự thực về số dân trong hạt mà thổ tù hiện cai quản và số hộ khẩu bị lưu tán.

Tháng 3. Định phép tuyển bổ cất nhắc ở bộ Lại.

Các quan trong bộ Lại là bọn Nguyễn Vĩ và Dương Công Chú nói : "Từ trước đến nay phép tuyển bổ quan lại, khi theo cũ, khi đổi mới, không giống nhau. Vậy xin từ nay, những ấm tử của quan văn quan võ vào hàng nhất , nhị phẩm, lúc mới trao cho quan chức và lúc được thăng, nhất luật theo lệ định năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái. Các chức chánh hoặc tòng, đều xét thực chiểu theo tư cách và quân công, rồi trao cho giữ chức quan văn ở nội điện nhà vua hoặc phủ chúa ; người nào thi hội dự trúng ba kỳ thì chuẩn thực trao cho chức

tri huyện. Việc khảo xét công trạng các quan trong kinh, ngoài trấn đều định hạn 6 năm". Trịnh Doanh y theo.

Lời chua - *Lệ định năm Bảo Thái* : Con quan văn, quan võ vào học ở Quốc Tử Giám, người nào được viên quan trong giám bảo cử, nếu là con viên quan nhị phẩm sẽ được trao cho chức tự thừa (chánh thất phẩm), nếu là con viên quan tam phẩm sẽ được trao cho chức tư vụ (tòng thất phẩm), làm việc đủ niên hạn, sẽ được thăng chức viên ngoại hoặc tri phủ.

Chb. XLI,24

Tháng 6, mùa hạ. Nhà vua ra sông Nhị duyệt binh.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng trong nước mới bình yên, bắt các quân lính phô trương sức mạnh, mời nhà vua ngự ra xét duyệt, trăm quan làm lễ chầu mừng. Bèn hạ lệnh cho thuỷ binh bày hàng chiến thuyền ở giữa sông, dung nghi quân sĩ rất tề chỉnh, bơi chèo ngược dòng nước, thuyền phóng đi như bay. Nhà vua rất bằng lòng, gần tối, xa giá trở về cung.

Lời chua - *Nhị Hà* : Tức sông Phú Lương, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb.II, 13).

Nước sông dấy lên, đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ.

Đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ, dân cư và ruộng lúa phần nhiều bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho ti Hiến sát khám xét thực trạng dâng tâu, bàn định thi hành phát chẩn cứu đói.

Lời chua - *Bộ Đầu*[1] : Tên xã, thuộc huyện Thượng Phúc, Hà Nội.

Võng Xuyên : Tên xã, thuộc huyện Phúc Thọ, Sơn Tây.

Tháng 9, mùa thu. Lại cấm tả đạo Hoà Lan.

Trước kia, vào khoảng năm Nguyên Hoà (1533-1548) đời Lê Trang Tông, Y-Nê-Xu, người Tây Dương, mới đem đạo

(1) Nay là thôn Bộ Đầu, xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

ấy vào miền ven biển, thuộc huyện Giao Thuỷ, huyện Nam Chân, lén lút truyền giáo, gọi là " đạo Thiên Chúa" cũng gọi là " Thập tự giáo". Giáo lý này dùng thiên đường địa ngục để phân biệt báo ứng về điều thiện, điều ác, cũng gần giống đạo Phật, có thêm vào thuyết xưng tội, rửa tội nữa. Họ ngày đêm dụ dỗ, lừa dối, những người ngu xuẩn quê mùa bị họ làm mê hoặc đắm đuối, dầu có lệnh cấm, chết cũng không bỏ. Khoảng năm Cảnh Trị (1663-1671)) và Chính Hoà (1680-1704), triều đình đã nhiều lần ra cấm lệnh rõ ràng, nhưng vì lòng dân bị che lấp đã lâu, rút cục không thay đổi được. Đến nay lại bàn cấm đoán nghiêm ngặt hơn, nhưng cũng không thể nào ngăn cấm được. Chb. XLI,25

Lời chua - *Tả đạo Hoà Lan* : Tức tả đạo Hoa Lang, xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb.XXXIII,5,6).

Tháng 12, mùa đông. Lại thu thuế tô, dung và điệu ở các trấn vùng biên giới.

Trước đây các trấn vùng biên giới, vì dân bị điêu tàn, nên được miễn đánh thuế. Đến nay, lại bàn định trưng thu, thuế lệ kém một nửa phần thuế ở tứ trấn.

Lời chua - ***Phép đánh thuế tô, dung và điệu*** : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4. (Chb. XXXVI, 9, 12)

Tứ trấn : Xem năm Cảnh Hưng thứ 5. (Chb. XL, 2)

Ất Hợi, năm thứ 15 (1755). (Thanh, năm Càn Long thứ 20).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Doanh tự gia phong là thượng sư thượng phụ Anh Đoán văn trị võ công Minh Vương.

Trước đây, Doanh phong là đại nguyên soái, tổng quốc chính, thượng sư Minh Vương, nay vì công danh ngày càng lừng lẫy, muốn nhà vua gia phong vương hiệu đặc biệt. Bề ngoài Doanh làm ra nhún nhường, Chb. XLI,26

nhưng bầy tôi vẫn cố xin mãi. Đến nay, nhà vua sai tham tụng Nguyễn Công Thái đem bảo sách phong Doanh làm thượng sư thượng phụ anh đoán văn trị võ công Minh Vương.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi.

Lúc ấy, đã lâu không mưa, Trịnh Doanh xin nhà vua đặt đàn tràng cầu đảo ở trong cung. Nhân đấy, cho hoãn : Tiền thuế còn bỏ thiếu do hiệu Bình Đông, Bình Tây nhận thu ; việc kiện tụng ở các nha môn thuộc trong kinh, ngoài trấn ; lính trốn ở hai xứ Thanh và Nghệ. Lại hạ lệnh giảm thuế tô ruộng công, ruộng tư cho Nghệ An ; ở tứ trấn, nơi nào còn thiếu tiền gia tô đều được miễn. Sau đó, hạ lệnh cho trăm quan nói thẳng những điều thiếu sót lầm lẫn.

Lời chua – ***Hiệu Bình Đông và Bình Tây*** : Xem năm Cảnh Hưng thứ 12 (tờ 14 trong cuốn này).

Tháng 5. Trấn Ninh đến dâng lễ cống.

Bức thư dâng lễ cống của man Trấn Ninh không xưng họ tên gì cả. Trong thư xin cho 6 năm một lần dâng lễ cống, và xin cấm chỉ sứ thần Ai Lao không được đi qua cảnh thổ của Trấn Ninh. Triều thần bàn luận, cho rằng phong tục người Man như thế, không nên quở trách quá, vì thế chỉ hỏi vặn sứ thần Trấn Ninh ngay trước mặt, dặn về bảo cho Bồn Xà biết : Từ sau cứ 3 năm một lần dâng lễ cống, trong thư dâng lễ cống phải viết đủ họ tên người tù trưởng của Man ; còn đường sứ thần đi nhất định y theo việc cũ. Chb. **XLI**,27

Lời chua – *Ai Lao* : Tên nước. Xem Triệu Việt vương năm thứ 2. (Tb. IV, 9– 10)

Bồn Xà : danh hiệu của tù trưởng người Man.

Tháng 10, mùa đông. Lại định rõ lệnh đắp đê.

Phàm việc đê đường : nếu là công trình nhỏ thì bắt dân bồi đắp khi việc làm ruộng đã được thư nhàn ; nếu là công trình lớn thì trừ cho dân tiền thuế điệu.

Tháng 11. Đặt ti thưởng công, sau lại bãi bỏ.

Từ năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) (1735-1739), giặc cướp nổi lên như ong, những người theo đi đánh dẹp phần nhiều trao cho quân công một cách quá lạm và ban thưởng một cách cầu may, danh phận và khí dụng rối ren lẫn lộn, bèn đặt ti thưởng công để tra xét lại. Sau vì Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai cố sức ngăn trở, nên việc này lại bãi bỏ.

Tháng 12. Trịnh Doanh tự dựng cung miếu ở Cổ Bi.

Trịnh Doanh có ý muốn thiên đô, bèn hạ lệnh sửa sang xây dựng cung miếu ở Cổ Bi, nhân đấy Doanh đến xem.

Lời chua - *Cổ Bi* [1]: Tên xã xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 8. (Chb. XXXVI, 34)

Bắt đầu chế áo cổn, mũ miện thờ ở Văn Miếu.

Nguyễn Huy Nhuận, viên quan giữ việc trong chính phủ, dâng lời nói : "Đấng thánh nhân là ông thầy của đế vương muôn đời, thế mà từ trước đến nay phẩm phục thờ ở Văn Miếu vẫn dùng mũ áo quan tư khấu[2], như thế không phải tỏ lòng tôn sùng". Bèn hạ lệnh đổi dùng phẩm phục áo cổn, mũ miện. Dùng phẩm phục đế vương thờ ở Văn Miếu, bắt đầu từ đây. Chb. **XLI**,28

Bính Tí, năm thứ 17 (1756). (Thanh, năm Càn Long thứ 21).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

---

(1) Nay là xã Cổ Bi huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(2) Quan chế nhà Chu, tư khấu là một chức quan trong hàng lục khanh, giữ việc hình ngục. Thời Xuân- Thu, nhiều nước có đặt chức quan này. Khổng Tử từng giữ chức tư khấu dưới triều Định Công nước Lỗ.

Trước kia, đường đi cống của Ai Lão, theo đường Trấn Ninh đi suốt đến Nghệ An, dân Trấn Ninh thường bị sứ thần Ai Lao hà hiếp quấy nhiễu, bọn Bồn Xà lấy làm khổ sở. Đến nay, Bồn Xà sai người cáo tố với triều đình, xin phái quan quân hộ tống, kiềm chế sứ thần Ai Lao, để khỏi bị họ làm khổ. Trịnh Doanh chuẩn y, cho rút bớt số phu trạm đệ, và sức răn bảo sứ thần Ai Lao không được quấy rối Trấn Ninh.

Tháng 3. Hạ lệnh cho Giáp Nguyễn Khoa, hoạn qoan, trông nom việc thu tô của dân.

Trước đây, tiền gia tô, tiền thuế điệu ở các trấn, giao cho các quan trong lục phiên trông coi thu nhận. Sau phần nhiều theo nhau ăn xén, ăn bớt, kịp lúc tính toán số sách, lại che giấu cho nhau để làm gian. Về phần dân, cũng lại được từ mình đem thuế đến nộp, không bị người nào đốc thúc, nên bỏ thiếu rất nhiều. Trịnh Doanh lấy làm chán ghét, bèn thay đổi lại, sai hoạn quan Giáp Nguyễn Khoa đứng trông nom việc thu thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Sai bọn Lê Quý Đôn đi dò la xét hỏi quan lại các lộ miền tây – nam.

Quý Đôn dâng biểu nói : các quan ở phủ huyện, có bọn Nguyễn Duy Thuần thanh liêm, cần mẫn, bọn Trịnh Thụ tham nhũng, thối nát, gồm 13 người, hoặc thăng hoặc truất khác nhau. Chb.XLI,29

Lời chua – *Lê Quý Đôn* : Người xã Duyên Hà[1], huyện Duyên Hà, là con Lê Trọng Thứ. Quý Đôn lúc còn bé có tiếng là thần đồng, đỗ bảng nhãn khoa Nhâm Thân (1752) năm Cảnh Hưng.

Bãi chức tham tụng Nguyễn Công Thái.

Công Thái tính tình thẳng thắn, chân phương, đối với đồng liêu thường có điều hợp ý, có điều trái ý nhau, nhưng không bao giờ chịu uốn mình theo bạn. Sau khi lại vào phủ chúa giữ

(1) Nay thuộc xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

chức tham tụng, Trịnh Doanh đãi ngộ Công Thái bằng lễ độ đối với bậc cố lão, nên bị Đỗ Thế Giai không ưa. Công Thái để công việc chính trị đọng lại bề bộn, thường bị Trịnh Doanh vặn hỏi quở trách, bèn tự tỏ bày là già yếu, cố xin từ chức. Trịnh Doanh miễn cưỡng theo lời.

Trịnh Doanh bắt đầu hạ lệnh dẫn người được tuyển bổ vào yết kiến trong phủ.

Chb. XLI,30

Hạ lệnh cho bộ Lại, khi tuyển bổ cất nhắc người nào phải dẫn người được tuyển ấy vào phủ đường yết kiến, để đương đường hỏi về công việc chính trị, người nào có tài năng mới trao cho quan chức. Việc này định làm phép thường hành. Doanh lại thân hành thi cống sĩ ở phủ đình, lấy đỗ bọn Ngô [Thì] Sĩ 48 người. Trong số ấy, sau này có 12 người đỗ tiến sĩ và 3 người đỗ khoa thi hoành từ. Người ta khen khoa ấy tuyển được nhân tài xứng đáng.

Lời chua - *Ngô [Thì] Sĩ* : Người làng Tả Thanh Oai,(1) huyện Thanh Oai, khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng thứ 27 sau đây Thì Sĩ đỗ tiến sĩ.

Tháng 5. Bổ dụng tham tụng Nguyễn Huy Nhuận kiêm trông coi công việc Quốc Tử Giám.

Thăng chức cho Nguyễn Bá Lân làm thiêm đô ngự sử, vào chầu phủ chúa, giữ chức bồi tụng, kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Bá Lân là người có văn học, chất phác, thẳng thắn, mạnh dạn dám nói. Trịnh Doanh thường hỏi về chính sách dẹp giặc yên dân, lời nói của Bá Lân phần nhiều hợp ý, bèn thăng làm thiêm đô, vào chầu giữ chức bồi tụng. Doanh bảo Bá Lân rằng : "Nhà ngươi nên cố hết lòng hết sức, không điều gì biết

(1) Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

mà không nói, cho xứng đáng với chức trách". Rồi lại cho cùng Nhữ Đình Toản kiêm giữ chức tế tửu ở Quốc Tử Giám.

Tháng 7, mùa thu. Định kỳ hạn thu tiền gia tô và tiền thuế điệu.

Tiền gia tô và thuế điệu ở các trấn, do viên quan ở lục cung đứng thu. Thuế mùa xuân nộp vào tháng hai, thuế mùa thu nộp vào tháng bảy, đều theo thể lệ đã chuẩn định của hiệu Bình Đông và Bình Tây, nếu để quá hạn sẽ giao viên quan ở trấn trách cứ trưng thu.

Tháng 10, mùa đông. Ở Nghệ An mưa to, nước dấy lên. Chb. XLI,31

Nghệ An nước ngập, lúa bị mất. Viên quan trong ti Hiến sát không đem việc này tâu bày, Trịnh Doanh ra lệnh vặn hỏi quở trách. Nhân đấy hạ lệnh : từ nay phàm trong hạt có tai biến hoặc giặc cướp, đều phải tâu bày để triều đình biết, không được giấu giếm.

Tháng 12 nhuận. Ai Lao xin hội binh đánh Trấn Ninh. Hạ chiếu dụ bảo hoà giải.

Ai Lao dâng tờ biểu nói : Trấn Ninh ngăn trở đường đi dâng lễ cống, nếu triều đình cho quân đến, thì họ sẽ xin đem quân hội đồng đánh phá. Vả lại, trong nước có hai thớt voi trắng, xin phái quan đến chọn lấy một và xin đem đồ quý báu trong nước dâng nộp một thể. Trịnh Doanh cùng bầy tôi bàn luận, cho rằng, tính tình người Man tráo trở, không thể tin được, trong bụng họ chỉ muốn làm cho hả giận với Trấn Ninh đấy thôi, có lẽ nào ta lại nhân mối lợi mà động lòng tham, bèn làm văn thư dụ bảo hoà giải. Lại dụ bảo thêm rằng : "Lễ cống hàng năm đã có lệ thường ; còn như đồ quý báu xin dâng thì cho phép giữ lấy làm của báu trong nước ; voi trắng thì được tự chọn để dâng nộp, không cần phái người đến làm gì". Một

mặt khác, triều đình lại sai người đến dụ bảo Trấn Ninh nên hoà hiệp với Ai Lao, không nên gây hấn khích.

Cho phép bầy tôi về hàng võ người nào có quân công vẫn được cấp dân lộc.

Trịnh Doanh bảo thị thần rằng : Trước đây, trong nước có việc nguy cấp, bầy tôi nhiều người phải khó nhọc, nhân đấy mà được thái ấp về quân công ; Chb. XLI,32
nay dầu được thái bình, những người có quân công cũng nên được lưu ý nghĩ đến. Gần đây, nghe nói bộ Lại bổ dụng, phần nhiều lựa lọc bỏ đi, rồi lại bàn xén bớt cả dân lộc. Như thế không phải đạo đối đãi bầy tôi có công. Vậy từ nay bổ dụng, cất nhắc, không được hạn chế và bỏ đi, bầy tôi về hàng võ người nào có quân công vẫn cấp cho dân lộc.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 42

Từ Đinh Sửu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757) đến Bính Tuất, năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), gồm mười năm

Chb. XLII,1

*
* *

Đinh Sửu, năm Cảnh Hưng thứ 18 (1757). (Thanh, năm Càn Long thứ 22).

Tháng giêng, mùa xuân. Cấm chơi bời và cờ bạc.

Trịnh Doanh hạ lệnh rằng : Dân có nghề nghiệp nhất định, thì sự vật lạ không thể cám dỗ thay đổi được ý chí ; trong nước không có người dân phóng túng chơi bời, thì phong tục tự nhiên thuần hậu. Vậy nếu xét thấy có người nào không theo về nghề nghiệp tứ dân[1], tính tình hung hãn, chơi bời cờ bạc, thì quan sở tại trình bày đàn hặc để trị tội.

Tháng 2. Thi hội các cống sĩ, cho bọn Bùi Đình Dự đỗ tiến sĩ xuất thân và đồng tiến sĩ xuất thân, cao thấp khác nhau.

Từ khoa Quý Hợi (1623) năm Vĩnh Tộ (niên hiệu Lê Kính Tông) trở về sau, cống sĩ vào thi đình không ai bị đánh hỏng. Khoa này thi hội, có Nguyễn Khiêm Hanh, người thôn Nhân

(1) Tức sĩ, nông, công, thương.

Nội, được dự hạng trúng cách, đến khi thi đình, can tội mang sách vào trường thi nên bị đánh hỏng.

Lời chua - *Bùi Đình Dụ* : Người xã Nãi Sơn, huyện Nghi Dương[1].

Nhân Nội : Tên thôn, thuộc huyện Thọ Xương[2], Hà Nội .

Tháng 3. Bãi bỏ việc binh lính làm đồn điền.

Hạ lệnh cho quan trong kinh chia nhau đi khám đồn điền, tuỳ theo ruộng tốt, ruộng xấu định ngạch thuế, rồi giao cho sở tại cày cấy nộp thuế, còn binh lính trước kia làm đồn điền nay đều cho rút về. Chb. XLII,2

Tháng 6, mùa hạ. Hạ lệnh đề cử người có văn học, đức hạnh và thành tích chính trị mà hiện bị chìm đắm, thì các quan kể tên tâu lên để triều đình biết.

Tháng 7, mùa thu. Có thuỷ tai lớn.

Tháng 8. Lại mở khoa Hoành từ.

Lấy bọn Ngô Tưởng Đạo 8 người trúng cách, đều được cất nhắc giữ chức quan trong kinh, ngoài trấn.

Lời chua - *Ngô Tưởng Đạo* : Người Tả Thanh Oai[3], huyện Thanh Oai, là em Ngô Thì Sĩ.

Khoa Hoành từ : Phép thi khoa này xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XXI, 8, 9).

Tháng 10, mùa đông. Vùng Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch.

Các huyện thuộc Sơn Tây bị đói to, phát sinh chứng dịch, dân cư mười phần chỉ còn một hai phần.

(1) Nay là huyện Kiến Thụy, T.P. Hải Phòng.
(2) Đất huyện Thọ Xương cũ, nay thuộc các quận Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Hà Nội).
(3) Nay là thôn Tả Thanh Oai thuộc xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Lời chua – *Sơn Tây* : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18, 27, 34).

Tháng 12. Quả núi ở Thái Nguyên bị lở, nước mưa dẫy lên.

Quả núi ở châu Bạch Thông thuộc Thái Nguyên bị lở hơn 20 chỗ, nước dẫy lên làm ngập lụt, người, súc vật, và thóc lúa phần nhiều tổn hại.

Lời chua – *Thái Nguyên*. Tức Ninh Sóc, xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35)

Bạch Thông : Tên châu, nay thuộc Thái Nguyên[1] Chb.**XLII**,3

Mậu Dần, năm thứ 19 (1758). (Thanh, năm Càn Long thứ 23).

Tháng 2, mùa xuân. Nghiêm định rõ thể lệ phúc khiếu về việc kiện tụng.

Theo thể lệ cũ, các việc kiện tụng lên đến lục bộ và Ngự sử đài xét là kết thúc, nếu người nào còn có sự oan uổng, mới được làm tờ khải trình bày đầy đủ kêu xin xét lại, nhưng sau nhiều người trái thể lệ, tố cáo vượt cả thứ tự, nên nay hạ lệnh cấm rõ. Tuy thế, nhưng nhân dân quen thói khinh thường lệ luật, mà bổng lộc quan văn lại trông nhờ vào kiện tụng, nên chung quy không thể nào cấm chỉ được.

Cấm sở tuần ti hà khắc nhũng nhiễu người buôn bán.

Trước kia, thuế sở tuần ti đã có ngạch nhất định, gần đây, các tuần ti đặt thêm chi nhánh, thu lạm trái thể lệ. Đến nay hạ sức lệnh : mỗi tuần ti chỉ được một chi chính và một chi nhánh, không được đặt chi sở bừa bãi sách nhiễu thuyền buôn. Về phân sở tuần sát ở từng trấn, cũng chỉ được phép đặt ở bốn phía giáp giới của trấn mình mỗi nơi một sở, để xét hỏi những thứ đã có lệnh cấm và người nói tiếng nước khác mặc y phục nước khác; không được mượn cớ để quấy nhiễu người buôn bán qua lại.

---

(1) Nay thuộc Bắc Cạn

Tháng 6, mùa hạ. Trịnh Doanh phong cho người ngoại thích là Vũ Tất Thận làm đại tư đồ, Bính trung công ; Nguyễn Mậu Du làm đại tư đồ, Luân trung công.

Lời chua – *Nguyễn Mậu Du* : Người xã Thịnh Mĩ, huyện Lôi Dương[1], là bố của Trịnh phi Nguyễn Thị.

Hạ lệnh cho viên quan khám xét hình ngục, không được để đọng việc ngục tụng. Chb. XLII,4

Hạ lệnh : việc xét lại người tù phạm trọng tội, viên quan giữ việc khám xét không được để chậm trễ.

Tháng 8, mùa thu. Từ mùa hạ đến tháng này không mưa. Triều đình hạ lệnh miễn tiền gia tô.

Năm ấy, từ mùa hạ đến mùa thu không mưa, lúa mạ khô héo, giá gạo vọt cao. Triều đình hạ lệnh : miễn tiền gia tô và tiền chuộc tội còn bỏ thiếu từ lâu ; triệt bỏ sở tuần ti nhánh ở các lộ, bắt tuần ti thu thuế chiếu theo thể lệ, ti Hiến sát thời thường xét hỏi. Lệnh này thi hành chưa được bao lâu, thì Đỗ Thế Giai lấy cớ rằng số thuế thu vào thiếu đi mất nhiều, xin vẫn theo như cũ, do đấy chi nhánh tuần ti nhất luật lại theo cũ.

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Doanh phong cho con là Sâm làm tiết chế thuỷ bộ chư quân, chức thái uý, tước Tĩnh quốc công. Chb. XLII,5

Sau khi Sâm được tiến phong, mở phủ Lượng Quốc, hết thảy công việc nhà nước đều giao cho Sâm quyết định. Nguyễn Hoàn, viên quan giữ việc giảng nghĩa sách cho Sâm, làm 10 bài châm dâng lên, Sâm đều thu nạp : 1. Bụng nghĩ phải ngay thẳng ; 2. Học hỏi phải rộng khắp ; 3. Tề chỉnh việc chính trị trong nước ; 4. Phòng ngừa việc đối với người thân cận ; 5. Thống nhất căn bản chính sự ; 6. Cẩn thận việc

(1) Đất huyện Lôi Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân và huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

sai phái, cất nhắc ; 7. Mở rộng việc thu nhận những lời khuyên can ; 8. Giữ phép tắc đã sẵn có ; 9. Hiệu lệnh phải cho tin thực ; 10. Việc nào đáng rộng rãi hay đáng nghiêm ngặt, nên suy xét kỹ càng.

Bãi bỏ vệ binh ở Trường An.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), ở Trường An cứ 5 suất đinh kén lấy một người làm lính, đến cuối năm Vĩnh Hựu (niên hiệu Lê Ý Tông) kén thêm, cứ ba suất đinh lấy một người, theo như thể lệ lấy lính ở Thanh, Nghệ ; sau lại lấy riêng vệ binh đặt làm các đội Trung và Hùng[1]. Đến nay nhận thấy có phần quá nặng, nên hạ lệnh hết thảy đều cho về.

Lời chua - ***Trường An***[2] : Tên phủ, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất.(Chb. II, 11)

Kỷ Mão, năm thứ 20 (1759). (Thanh, năm Càn Long thứ 24).

Tháng 2, mùa xuân. Thanh Hoa và Nghệ An bị nạn đói.

Thanh Hoa và huyện Đông Thành, huyện Quỳnh Lưu thuộc Nghệ An bị đói to. Hạ lệnh cho Hà Huân đi ngay đến nơi thăm hỏi xem xét, hiệp đồng với viên quan ở trấn, tạm lấy tiền thông kinh và mộ nhà giàu nộp của, sẽ tuỳ phương tiện phát chẩn cho dân. Còn dân phiêu lưu ở hai xứ này nếu có người nào đến kiếm ăn ở tứ trấn, sẽ đem tiền gạo chẩn cấp cho.

Lời chua - *Thanh Hoa và Nghệ An* : Đều xem Lê Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10.(Chb. XXI, 16, 17, 20- 23, 33)

Đông Thành và Quỳnh Lưu : Tên hai huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

(1) Tham khảo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú : "Các doanh đội Trung Hùng và Hùng Trung" (Trung Hùng, Hùng Trung đẳng doanh đội). Ở đây có lẽ *Cương mục* chép tắt : Trung, tức Trung Hùng ; Hùng, tức Hùng Trung.

(2) Nay là huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tháng 5, mùa hạ. Sao đổi ngôi, đường đi từ phía tây bắc, ở khoảng không trung có tiếng vang.

Tháng 6. Hạn hán.

Ban bố cách thức chế xe nước, bắt dân y theo cách thức ấy chế tạo để lấy nước tưới vào ruộng. Lại phát thóc công chẩn cấp cho dân. Hạ lệnh cho nội trấn và ngoại trấn đều đình hoãn khám xét ngục tụng. Chb. XLII,6

Tháng 6 nhuận. Thượng hoàng mất, táng ở lăng Phù Lê.

Sau khi đã truyền ngôi, thượng hoàng ở điện Kiền Thọ, đến nay mất, dâng tôn thuỵ là Huy hoàng đế, miếu hiệu Ý Tông. Thượng hoàng ở ngôi 6 năm, nhường ngôi 20 năm, hưởng thọ 41 tuổi. Bầy tôi giữ việc bàn nghi lễ tâu xin nhà vua cử hành lễ tang 3 năm, nhà vua nói : "Trẫm là con trưởng của tiên đế lên nối ngôi, không phải làm con người khác, khi nào trẫm dám nhận hai tông thống (nhị bản)?" Sau bèn cử hành lễ để tang một năm.

Lời chua – *Lăng Phù Lê* : Ở xã Phù Lê, huyện Thuỵ Nguyên, Thanh Hoá. Xã Phù Lê nay đổi Phù Nguyên[1].

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Các lộ có hoàng trùng. Triều đình hạ lệnh cho quan trong ba ti[2] lập đàn lễ bái để tống tiễn.

Canh Thìn, năm thứ 21 (1760). (Thanh, năm Càn Long thứ 25).

Tháng hai, mùa xuân. Miễn thuế diêm tiêu cho hai trấn Tuyên và Hưng.

Lời chua – ***Tuyên*** : Tức trấn Tuyên Quang. *Hưng* : Tức trấn Hưng Hoá. Cả hai đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 19, 30, 31)

(1) Nay là thôn Phù Nguyên, xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hoá.
(2) Túc Trấn ti, Thừa ti và Hiến ti.

Tháng 3. Khởi phục Lê Trọng Thứ giữ chức tả chính ngôn.

Trọng Thứ là người chất phác, bộc trực, dám nói thẳng thắn, là một chỗ dựa vững chắc của triều đình. Mùa thu năm trước, Trọng Doanh vẫn có ý quyến luyến mãi, nên lại có lệnh triệu vào chầu giữ chức bồi tụng kiêm tả chính ngôn. Nhữ Đình Toản nói : "Phủ liêu giữ việc chính trị, Ngự sở đài giữ việc can ngăn, mỗi người đều có nhiệm vụ phải làm, nếu nay đem Trọng Thứ đặt vào công việc chính phủ, thì sự lầm lỗi ở triều đình lấy ai sửa chữa cho đúng đắn được?" Vì thế mới không bổ vào giữ việc ở phủ liêu mà phong cho chức này. Chb.**XLII**,7

Tháng 4, mùa hạ. Trịnh Doanh đi Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, khảo sát quan lại.

Trịnh Doanh muốn khảo sát quan lại, để cho chính trị đổi mới. Nhân đi đến trấn Sơn Nam, tế vọng thần núi sông, sai dẫn các quan trong hai ti Thừa chính và Hiến sát vào yết kiến, xét hặc phủ huyện và hiệu quan[1] trong hạt, xem người hay người dở để định việc truất bãi hoặc cất nhắc. Lại hạ lệnh cho phủ huyện xét hỏi trong hạt mình : người nào có văn học, đức hạnh tài năng, nghệ thuật đáng nên bổ dụng ; người nào là hạng kỳ cựu, lão thành, hiếu hạnh, tiết nghĩa, đáng được tuyên dương, cùng những việc mở mang mối lợi, trừ bỏ mối hại cho dân, đều cho phép phủ huyện được trình bày sự thực. Trịnh Doanh thấy Hoàng Ngũ Phúc ở trấn Sơn Nam, biết cách yên dân, dẹp giặc, bèn ban cho bốn chữ "phiên tuyên lương hàn"[2] để khen thưởng một cách đặc biệt.

---

(1) Viên quan giữ việc dạy học ở phủ huyện. Xem thêm lời chua của *Cương mục, Chính biên* quyển XXXIV, tờ 8.

(2) Bốn chữ này dùng điển ở thơ "Tung cao" thiên Đại Nhã trong sách *Mao Thi*. Ý nói : một viên quan đại thần rất tốt : về võ công thì là cột trụ của nhà nước ; về chính trị thì tuyên dương ơn đức của triều đình.

Lời chua – *Sơn Nam* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 17, 18, 25, 27, 34).

Mồng một, tháng 5. Nhật thực.

Bổ dụng Đinh Văn Thản giữ chức Lưu thủ trấn Hưng Hoá. Chb.XLII,8

Lúc ấy, tên Thành (sót họ), giặc rừng núi ở Hưng Hoá, tụ họp quần chúng cướp bóc, tràn vào biên cảnh phương bắc, thổ quan nhà thanh không thể khống chế nổi. Viên Tổng đốc Vân Nam đưa công văn sang nước ta hội quân để săn bắt. Triều đình bèn hạ lệnh cho Văn Thản đi trấn thủ Hưng Hoá, hẹn ngày hội đồng với quân nhà Thanh đi tiễu bắt.

Lời chua – *Vân Nam* : Xem Bình Định vương năm thứ 10. (chb. XIV, 10)

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp thóc sẽ trao cho quan chức.

Năm ấy hơi được mùa, triều đình hạ lệnh : người nào có thể nộp thóc được 6 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri phủ ở phủ thái phiền[1], người nào nộp được 4 vạn bát quan, sẽ trao cho chức tri huyện ở huyện thái phiền, ngoài ra đều trao chức cao thấp khác nhau.

Lời phê – *Phủ huyện là người tiêu biểu của dân, triều đình giao phó cho cai trị hàng trăm dặm đất, trách nhiệm không nhỏ. Thế mà lại cho người nộp của để làm quan ở phủ huyện, vậy thì coi việc vui mừng việc đau khổ của dân, chẳng phải cũng quá khinh thường lắm ư ?*

Tháng 8 mưa dầm.

Tháng 9. Thanh Hoa bị thuỷ tai.

---

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXV, tờ 19

Vì dân Thanh Hoa phải khổ sở về nước lụt, triều đình hạ lệnh cho tam ti : để ý thăm hỏi vỗ về nhân dân ; hoãn việc nã bắt, đốc thúc, đưa đón. Nguyễn Phương Đĩnh, lưu thủ, dâng tờ biểu giãi bày công việc cứu đói. Trịnh Doanh đều chuẩn y.

Lời chua - *Thanh Hoa* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 16, 20, 21, 33)

Tân Tị, năm thứ 22 (1761). (Thanh, năm Càn Long thứ 26).

Tháng 2, mùa xuân. Đặt sở Tuy Viễn. Chb. XLII,9

Lúc ấy, dân Man (không rõ tên người Man) xin phụ thuộc vào nước ta, triều đình hạ lệnh đặt sở Tuy Viễn ở Sơn Nam, lấy đất bãi xã Yên Lệnh và Nễ Độ trích cấp cho người Man cày cấy, cư trú ; giao viên quan ở trấn thu nhận và vỗ về họ.

Lời chua - *Yên Lệnh* : Tên xã, thuộc huyện Phú Xuyên(1).

Nễ Độ : Tên xã, thuộc huyện Nam Xang(2).

Tháng 3. Không mưa.

Hạ lệnh các nha môn giữ việc khám kiện, phải theo đúng kỳ hạn xét xử kết án. Người tù bị tội lưu hiện giam ở nhà ngục cửa Đông, nay cho giảm nhẹ và phát vãng đến chỗ bị đày (đồ), để việc ngục tụng không ứ đọng.

Lời chua - *Nhà ngục cửa Đông* : Ý nói người bị tù đồ hiện giam cầm ở nhà ngục cửa Đông.

Phong thêm thái ấp cho bầy tôi có công.

Trịnh Doanh nghĩ đến công lao bày tôi giúp đỡ phò lập lên ngôi chúa, bèn phong thêm thái ấp cho họ, có người nhiều người ít khác nhau. Những người được phong là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Đình Hoàn,

(1) Tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

Giáp Nguyễn Khoa, Vũ Đình Trác, Trương Khuông, Trịnh Trụ, Đinh Văn Giai và Nguyễn Công Thái, gồm 10 người.

Lời chua – *Đạc và Trụ* : Đều là thân thuộc họ Trịnh.

Giáp Nguyễn Khoa : Hoạn quan, người xã Thiết Thượng(1), huyện Yên Dũng.

Vũ Đình Trác : Hoạn quan, người xã Tiên Cầu(2), huyện Kim Động. Chb. **XLII,10**

Tháng 5, mùa hạ. Hạ lệnh cho Lê Đình Châu, hoạn quan, hội đồng đánh Hoàng Văn Chất ở Hưng Hoá, được thắng trận.

Trước đây, giặc cỏ là Hoàng Văn Chất chạy vào Thanh Hoa, sau lại lẩn lút ở Hưng Hoá, liên kết với giặc núi là tên Thành. Trấn thủ Đinh Văn Thản đem quân tiến đánh, nhưng Thản nuông giặc không đánh, lại giam hãm quân sĩ ở nơi nước độc, nhiều người nhiễm chướng khí, sốt rét rồi chết. Thản bị triều đình vặn hỏi quở trách nhiều lần, vì thế hắn lo sợ mà chết. Để làm cho nhục nhã sau khi đã chết, triều đình hạ chiếu truy lột hết quan tước và đánh vào áo quan. Rồi hạ lệnh cho đốc chiến Lê Đình Châu và tham mưu Nguyễn Quốc Khuê hội đồng với Phan Cảnh, đốc đồng Tuyên Quang, đi đánh phá. Nhân lúc ấy nước to, tên Thành xông ra vòng vây để chạy, bị bắt đưa về kinh sư chém chết. Còn Văn Chất chạy đến động Mãnh Thiên. Từ đấy trấn Hưng Hoá được bình định. Sau Phan Cảnh mắc bệnh chết, triều đình truy tặng hàm hữu thị lang bộ Hình, tước bá.

Lời chua – *Nguyễn Quốc Khuê* : Người xã Hoàng Liệt(3), huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Cảnh : người xã Lai Thạch, huyện La Sơn(4), đỗ thám hoa khoa Quý Hợi (1743) năm Cảnh Hưng.

(1) Nay là thôn Thiết Thượng, xã Nghĩa Trang, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
(2) Nay là thôn Tiên Cầu, xã Hiệp Cường, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.
(3) Nay là xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội
(4) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Lê Đình Châu : Người xã Liên Hồ, huyện Ngọc Sơn(1).

Động Mãnh Thiên : Ở giáp giới phía bắc châu Ninh Biên, Hưng Hoá. Chb. XLII,11

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán.

Hạ lệnh cho ti Thừa chính và ti Hiến sát các nơi xét hỏi công việc nên làm để mở mang điều lợi, trừ bỏ điều hại ở dân, rồi làm tờ tâu niêm phong dâng lên để triều đình biết.

Cho Lê Lai, công thần khai quốc, được thờ theo ở miếu Quan Công.

Trước kia, Lê Lai theo Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, đem thân để chết thay vua. Sau khi bình định được đất nước, Thái Tổ truy tặng Lê Lai là khai quốc công thần(2). Năm Dương Đức thứ nhất (1672) triều Gia Tông, ban cho 100 mẫu tự điền và cho người cháu lâu đời giữ việc thờ tự(3). Đến nay bàn định, cho thờ theo ở miếu Quan Công, để biểu dương tấm lòng trinh trung.

Tháng 10, mùa đông. Khí trời ấm áp.

Sau tiết lập đông, mà khí trời nóng ấm khác thường. Triều đình hạ lệnh cho bọn Nhữ Đình Toản giữ việc trong chính phủ khảo xét quan lại, việc thưởng việc phạt phải nghiêm minh, để được lòng trời nghĩ lại.

Tháng 11. Sứ thần nhà Thanh sang nước ta.

Trước kia, nhà vua sai bọn Trần Huy Mật và Lê Quý Đôn sang nhà Thanh dâng lễ tuế cống và báo cáo việc Ý Tông mất. Đến nay nhà Thanh sai bọn Đức Bảo, hàn lâm thị độc, và Cố Nhữ Tu, đại lý thiếu khanh, đệ Chb. XLII,12

(1) Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XV, tờ 25,26.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 33.

sách văn sang phong nhà vua làm An Nam quốc vương và dụ bảo việc ban lễ tế Ý Tông.

Lúc ấy, nhân trong nước thái bình, Trịnh Doanh muốn phô trương nhân tài nước ta đông đúc, phần nhiều sai bầy tôi văn học như bọn Ngô Thì Sĩ giao thiệp ứng đối về việc giấy tờ. Bọn Thì Sĩ là người học hỏi sâu rộng, nên sứ thần nhà Thanh rất ngợi khen kính trọng.

Tháng 12. Trịnh Giang mất.

Giang (trước tên là Khương) nhường chính quyền cho Doanh. Đến nay mất, hưởng thọ 51 tuổi, truy tôn là Thuận Vương, tiếm xưng hiệu là Dụ Tổ.

Nhâm Ngọ, năm thứ 23 (1762). (Thanh, năm Càn Long thứ 27).

Tháng giêng, mùa xuân. Đặt chức giám đốc trường đúc tiền.

Bắt đầu đặt quan trông coi đôn đốc trường đúc tiền ở Nhật Chiêu, Cầu Giền và các trường đúc ở Sơn Tây, Thái Nguyên, bắt các trường đúc đều có ghi dấu khác nhau, để đề phòng việc đúc tiền quá lạm hoặc mỏng mảnh.

Tháng 4, mùa hạ. Nhữ Đình Toản, thượng thư bộ Hộ, đổi sang giữ chức hữu hiệu điểm.

Đình Toản nhiều lần xin đổi sang võ ban. Đến nay, đổi bổ giữ chức hữu hiệu điểm, hạ lệnh cho cai quản đội Nghiêm Hữu trong Nội Hậu.

Lời chua – *Hữu hiệu điểm* : Theo " Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, hồi đầu triều Lê đặt chức điện tiến đô điểm kiểm, trật chánh nhị phẩm ; khoảng niên hiệu Hồng Đức (1470–1497) dưới triều Thánh Tông, đặt thêm chức tả, hữu điểm kiểm ; sau khi trung hưng, vì tránh tên huý Trịnh Kiểm, nên đổi làm tả, hữu hiệu điểm. Chức này cùng các chức thượng thư ở lục bộ, đều trật tòng nhị phẩm, giữ việc quản lãnh quân cấm vệ. Chb. **XLII**,13

Đội Nghiêm Hữu : Là thân quân chầu chực.

Phát sinh nhiều bệnh dịch.

Năm ấy, khí trời nóng nực dữ dội, nhân dân nhiều người bị bệnh dịch. Triều đình hạ lệnh cho quan các lộ lập đàn cầu đảo.

Tháng 5. Thi viết chữ và tính toán.

Chế độ cũ, khoa thi viết chữ và tính toán không nhất định, hoặc 10 năm hoặc 15 năm một lần mở khoa thi. Ai viết chữ tốt thì thi 3 lối chữ : lối viết chữ lớn, lối viết chữ nhỏ và lối viết chữ lệnh (ý nói lối chữ viết tờ chiếu, tờ sắc) ; người ứng thí phải viết một bài thơ Đường luật. Ai tính toán thạo thì hỏi các phép bình phân và sai phân. Khoảng niên hiệu Chính Hoà[1] bàn định 12 năm một lần thi ; khoảng niên hiệu Long Đức[2] định lại 6 năm một lần thi, nhưng sau vì nhiều việc, nên chưa mở khoa thi lần nào. Đến nay bàn định cứ 12 năm thi một lần, việc này giữ làm thể thức thường hành.

Khoa thi này, về thi viết chữ , lấy 978 người trúng cách, về thi tính toán lấy 120 người trúng cách. Lại hạ lệnh thải bớt hạng lại điển thừa ở các nha môn trong kinh, ngoài trấn, để nha môn nhiều việc và nha môn ít việc được quân bình. Chb. XLII,14

Tháng 6. Liệu lượng kén lính Thanh Hoa và Nghệ An.

Binh lính 2 xứ Thanh, Nghệ phần nhiều bỏ trốn và thiếu ngạch lính. Trịnh Doanh lấy cớ rằng số dân nơi nhiều nơi ít không đều nhau, bèn hạ lệnh tuỳ theo số suất đinh mà kén chọn lấy lính, sai quan khám xét lựa chọn : người nào thân thể sức vóc cao lớn thì tuyển vào làm lính thị hậu, ngoài ra điền sung vào các cơ, các đội. Lại hạ lệnh cho lính ở kinh thành

(1) 1680-1704. Một niên hiệu triều Lê Hi Tông.
(2) 1732-1734. Một niên hiệu triều Đế Duy Phường.

chọn trong hàng ngũ bầu ra mỗi tổng một người cán đương, nếu có lính tổng nào khuyết, thì người cán đương tổng ấy nhận giấy tờ quan trên cấp cho đem về dân chọn người sung bổ. Còn việc viên quan bản trấn thúc giục nã bắt và việc viên quan cai quản sai người bắt bớ thì nay đều nhất thiết cấm chỉ.

Định rõ thuế muối ở Sơn Nam.

Hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét thực số ruộng muối ở bãi biển để đánh thuế, cứ 50 mẫu làm một bếp, thuế đồng niên mỗi bếp 30 quan tiền.

Khởi phục Hà Huân giữ công việc ở Quốc Tử giám.

Hà Huân là người học hỏi rộng khắp, mùa xuân năm trước, lấy tư cách là thượng thư bộ Binh, viện thể lệ, thôi làm việc, về nhà. Đến nay, vì chấn chỉnh thể văn, nên khởi phục bổ dụng. Triều đình hạ lệnh cho Hà Huân sức rõ mẫu mực thể văn cho học quan dạy bảo học trò, để đào tạo lấy nhân tài. Chb. **XLII**,15

Tháng 7, mùa thu. Khai mỏ đồng, mỏ bạc, mỏ gang và diêm tiêu ở các lộ.

Hạ lệnh cho các trấn Sơn Tây, Thái Nguyên và Hưng Hoá khai lấy các mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ gang và mỏ diêm tiêu ở xã Thượng Dã, xã Tiên Nông và động Trình Lạn, đều định hạn 3 năm sẽ đánh thuế.

Lời chua – *Trình Lạn* : Tên động, thuộc châu Thuỷ Vĩ[1], trấn Hưng Hoá.

Thượng Dã : Tên xã, trấn lỵ Thái Nguyên.

Tiên Nông : Tên xã, thuộc huyện Tam Nông, Sơn Tây[2].

Tháng 8. Định rõ lại điều lệ khám xét kiện tụng.

(1) Thuỷ Vĩ nay thuộc Lào Cai.
(2) Huyện Tam Nông nay thuộc tỉnh Phú Thọ.

Hạ lệnh cho Ngự Sử đài chuyển sức các nha môn khám xét kiện tụng ở trong kinh, ngoài trấn, đại ý cốt để cấm kiện gian, cấm kiện việc này dắt dây đến việc khác, răn thói kéo dài để việc hình ngục ứ đọng, tiền tạ và tiền phạt phải được công bằng. Ngự sử đài tham khảo châm chước thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua - *Tiền tạ, tiền phạt* : Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ 2. (Chb. XXXII, 11)

Tháng 9, Sửa nhà Quốc Tử giám.

Tháng 10, mùa đông. Đặt Bí thư các .

Bổ dụng Nguyễn Bá Lân và Lê Quý Đôn sung làm học sĩ trong Bí thư các, để duyệt kỹ sách vở, chọn người có văn học là bọn Ngô Thì Sĩ sung giữ chức chính tự trong các.

Quý Mùi, năm thứ 24 (1763). (Thanh, năm Càn Long thứ 28).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Doanh về trấn Thanh Hoa.

Trịnh Doanh từ kinh thành về Thanh Hoa, để sửa sang tô điểm các thắng cảnh non nước ở núi Dục Thuý và động Bích Đào. Dân phải phục dịch phiền phí khó nhọc. Hạ lệnh tha một năm thuế cho 6 huyện sở tại là Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, Tống Sơn, Nga Sơn và Thuần Lộc. Chb. **XLII**,16

Lời chua - *Gia Viễn* : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb.XXVI, 2)(1).

Yên Mô : Xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb.XXVI, 2).

Yên Khang(2) : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 8 (Chb.VIII, 2).

Tống Sơn(3) *và Nga Sơn* : Tên hai huyện, xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb.XXVII, 28).

(1) Nguyên văn in lầm là Thánh Tông "Hồng Đức nhị niên".
(2) Nay là huyện Yên Khánh. Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khánh, đều thuộc tỉnh Ninh Bình.
(3) Nay là huyện Hà Trung. Nga Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Thuần Lộc : Tức Hậu Lộc, tên huyện, thuộc Thanh Hoá.

Núi Dục Thuý : Ở phía tây bắc tỉnh thành Ninh Bình, nay đổi tên là núi Hộ Thành.

Động Bích Đào : Ở xã Đam Khê, huyện Yên Mô, trong núi có động, nên gọi tên là động Bích Đào. Có một tên nữa là hang Từ Thức.

Tháng 5, mùa hạ. Văn Đình Ức, đốc suất trấn Nghệ An, can tội, bị bãi chức. Bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trấn Nghệ An.

Đình Ức ở trong trấn, bòn rút của dân, chính lệnh hà khắc những nhiễu, bị dân thuộc hạ cáo tố. Lúc Lê Duy Mật đánh úp phủ Trấn Ninh và Cao Châu, Lư Cầm (tù trưởng Trấn Ninh) cho người báo cáo tình hình nguy cấp, Đình Ức bắt giữ sứ giả của Lư Cầm, mà không đem việc ấy tâu ngay để triều đình biết. Đến lúc Duy Mật chia đường cướp phủ Quỳ và phủ Trà, lòng dân xôn xao lo sợ. Viên án trấn là Vũ Tá Đoan nhiều lần xin triều đình chọn viên tướng khác giữ nơi biên khổn. Vì thế, Đình Ức phạm tội dối trên lừa dưới, phải luận vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh lấy cớ rằng Đình Ức là người có công, nên chỉ lột hết quan chức, cho về làm dân. Rồi bổ dụng Bùi Thế Đạt tạm giữ công việc trong trấn, sau hạ lệnh cho kiêm giữ chức đốc suất, được tuỳ tiện xếp đặt công việc. Thế Đạt giãi bày 5 điều về công việc mấu chốt, Trịnh Doanh đều chuẩn y cho thi hành. Doanh lại lấy cớ rằng đất Nghệ An là nơi xa xăm, bèn hạ lệnh cho Thế Đạt dò xét quan lại trong hạt, người nào những nhiễu tàn tệ thì hặc tâu, sẽ thi hành cách trừng phạt, làm cho trong sạch chính trị trong hàng quan lại. Chb. XLII,17

Lời chua – *Năm điều* : 1. Xin phái thêm binh lính kinh thành để tiện việc điều khiển ; 2. Xin chọn kỹ viên quan cai quản binh lính ; 3. Xin định kế hoạch của triều đình, rồi trao cho phương pháp mưu mô

đánh và giữ ; 4. Xin tải thóc công chứa sẵn ở kho, để lương thực ở biên giới được đầy đủ ; 5. Đúc súng.

Vũ Tá Đoan : Người xã Hà Hoàng[1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Trấn Ninh : Tên phủ, xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10. (Chb. XXIII, 30, 31)

Cao Châu : Tức Trịnh Cao, xem Bình Định Vương năm thứ 2. (Chb. XIII, 9)

Quỳ : Tức Quỳ Châu. *Trà* : Tức Trà Long. Đều xem Bình Định Vương năm thứ 7. (Chb. XIII, 20)

Tháng 6. Khởi phục Đỗ Thế Giai giữ chức thự phủ sự.

Thế Giai do hương cống xuất thân, thờ Trịnh Doanh từ khi ở Lượng Phủ, rất thân với bọn nội giám Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực, nên Nguyễn Công Thái ghét lắm. Thế Giai nhiều lần xin nghỉ việc để giữ vững lòng yêu đương của chúa. Hắn ở nhà riêng tại làng Đông Ngạc, nếu trong triều có việc gì, Trịnh Doanh liền cho sứ thần đến hỏi. Đến nay, Ngũ Phúc xin lại dùng Thế Giai, nên Trịnh Doanh cho khởi phục. Chb. **XLII**,18

Thế Giai xin : lấp hẳn con đường xin xỏ cầu may, để căn bản chính trị được trong sạch ; việc thưởng việc phạt phải nghiêm minh, để kỷ cương trong triều được chỉnh đốn ; nghiêm sức cho trăm quan, để mọi người làm hết chức trách ; cẩn thận lựa chọn trăm quan, để phép tắc quan lại được ngay thẳng : cân nhắc việc ban phát, để tài dụng trong nước được đầy đủ. Phàm những việc Thế Giai tâu bày, bọn Hoàng Ngũ Phúc lại cùng tán thành, nên không việc gì Trịnh Doanh không tin theo.

(1) Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Lúc ấy, nội giám Lê Đình Viên và Nguyễn Đình Xuân đều là con nuôi Xuân Vực, rất được Trịnh Doanh thân yêu, phàm có ai nhờ cậy gửi gắmkhông việc gì không được như ý. Thế Giai muốn ức chế bọn quyền thần để lập lấy uy thế, bèn tra ra việc ghi chép và truyền lệnh trái lệ[1], xử bọn Đình Viên vào tử hình, nhưng Trịnh Doanh tha cho và bắt trở về làm dân. Nguyễn Phan, Nguyễn Đình Khoan tư túi thiếu hơn một vạn quan tiền công, rồi thậm thụt cầu cạnh bọn Đình Viên nũng nịu cầu xin cho được tha, nay đều bị giáng chức. Từ đây, quyền bính lớn trong nước lại lọt về tay Thế Giai.

Lời chua – *Nguyễn Đình Khoan* : Người huyện Văn Giang, đỗ tạo sĩ.

Đông Ngạc :[2] Tên xã, thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội .

Hạ lệnh cho trăm quan đều được đề cử người mà mình biết là xứng đáng. Chb. XLII,19

Hạ lệnh : quan nhị phẩm trở lên đề cử 2 người, quan tam phẩm trở xuống đề cử một người, rồi kê đệ tên những người được đề cử để triều đình biết. Những người ấy phải là người có thể giữ được chức việc trong kinh, ngoài trấn và người có thể cai quản được binh lính.

Tháng 7, mùa thu. Bùi Trọng Huyến, hàn lâm thừa chỉ, vì phạm tội, bị bãi chức.

(1) Nguyên văn chép"biên truyền phi lệ". Theo chế độ phong kiến, bổn phận bọn nội giám, ngoài việc hầu hạ vua chúa hàng ngày, còn có mấy việc nữa : một là ghi chép ngày giờ mà vua chúa đến với phi tần, để phòng khi có phi tần nào sinh đẻ, thì đối chiếu vào sổ nội giám đã ghi chép mà kê cứu ; hai là theo lệnh vua chúa truyền cho phi tần đến hầu. Theo *Lê sử bổ*, trong phủ Trịnh Sâm (con trưởng Trịnh Doanh) bấy giờ có hai người phi tần tên gần giống nhau ; một là Ngọc Khoan và một là Ngọc Hoan. Một hôm, Sâm sai nội giám truyền lệnh triệu Ngọc Khoan, nhưng nội giám cố ý làm sai lạc đi mà truyền lệnh cho Ngọc Hoan. Khi Sâm thấy Ngọc Hoan, có ý không bằng lòng, nhưng đã triệu đến cũng gượng chung chăn gối, sau Ngọc Hoan sinh con là Trịnh Tông, tức Đoan Nam Vương sau này. Có lẽ bọn nội giám Lê Đình Viên đã ghi chép và truyền lệnh về việc trong cung cấm trái thể lệ như thế, nên Thế Giai mới tra ra mà luận vào tội tử hình.

(2) Tục gọi làng Vẽ, nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Trọng Huyến giữ chức đề điệu trường thi Nghệ An, ẩn giấu hơn một ngàn quan tiền thông kinh do học trò tục nạp. Bị viên quan củ sát phát giác, Trọng Huyến phải bãi chức và thu gấp đôi số tiền mà hắn đã tham tang nộp vào kho công.

Tháng 9. Bỏ bớt số viên thuộc trong sáu bộ.

Lúc ấy, thuộc viên ở các bộ thừa nhiều người. Triều đình bèn chuẩn định : các chức lang trung, viên ngoại, tư vụ trong mỗi bộ và chức chiếu khám trong Ngự sử đài đều đặt một người, còn ra, đổi bổ giữ chức khác. Lại hạ lệnh cho bộ Lại chiếu theo thể lệ cũ : lang trung và viên ngoại thì dùng văn thuộc, tư vụ thì dùng ấm tử, người nào không hợp thể lệ này đều bổ sang chức khác.

Lời chua - *Văn thuộc* : Quan chế triều cố Lê, văn thuộc là chức quan văn thuộc phủ chúa Trịnh, chức này có phẩm trật từ chánh lục phẩm đến tòng cửu phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Giảm bớt ti Thừa chính và số quan phủ huyện ở trấn Yên Quảng. Chb. XLII,20

Bầy tôi trong triều đình bàn luận cho rằng trấn Yên Quảng số đinh ít, công việc ít, nên bỏ bớt ti Thừa chính và số quan ở phủ huyện, việc binh việc dân và kiện tụng cho lệ thuộc vào ti Trấn thủ.

Lời chua - *Yên Quảng* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 19, 29, 35)

Giáp Thân, năm thứ 25 (1764). (Thanh, năm Càn Long thứ 29).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập con là Duy Vĩ làm hoàng thái tử.

Duy Vĩ, con trưởng của nhà vua, sáng suốt, chăm học, Trịnh Doanh rất kính trọng . Đến nay lập làm thái tử.

Tháng 6, mùa hạ. Hạn hán, cầu đảo, mưa.

Hạ lệnh cho ba ti ở các trấn hết lòng cầu đảo, qua ngày hôm sau, mưa to.

Cấm những người gièm pha bới xấu người khác.

Lúc ấy, bọn Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực bè đảng nâng đỡ lẫn nhau, vì thế, người ngoài bàn tán xôn xao. Ngũ Phúc xin Trịnh Doanh đặt lệnh cấm nghiêm ngặt để khoá miệng mọi người, nhưng cũng không sao cấm chỉ được.

Lời phê – *Dùng nhiều hoạn quan, không thể không suy yếu. Tài của Doanh không đền bồi được lỗi của Doanh.*

Tháng 7, mùa thu. Sơn Tây và Hưng Hoá đánh giặc tên là Thai, bắt được, giết chết. Chb. XLII,21

Giặc tên là Thai (sót họ) tụ họp nhiều người nổi loạn. Triều đình sai các quan trấn Sơn Tây và Hưng Hoá hội đồng tiễu nã, bắt được tên Thai và đồ đảng 159 người, đều luận tội tử hình. Trịnh Doanh thương tình, sai xét lại, nhiều người được khoan hồng tha cho.

Lại hạ lệnh cấm khách buôn phương Bắc không được ở lẫn với dân.

Trước đây, khách buôn phương Bắc đến buôn bán, chỉ cho trú ngụ ở châu Vân Đồn, châu Vạn Ninh thuộc Yên Quảng và xã Cần Hải, Hội Thống, Triều Khẩu thuộc Nghệ An, không được ở lẫn với dân. Lúc ấy, dân ở châu Vạn Ninh nhiều người phiêu tán, nên cũng có khách buôn nhân tiện chiếm ở trú ngụ ngay chỗ đất bỏ không, lại có nhiều người mở phố xá ở Vĩnh Đại và Triều Khẩu. Vì thế, mới hạ lệnh cho quan ở trấn sức sở tại dẫn đưa ra ngoài cảnh thổ, xếp đặt cho họ ở riêng ra như trước.

Lời chua – *Châu Vân Đồn*[1] : Xem Lý Anh Tông, năm Đại Định thứ 10. (Chb IV, 43)

(1) Nay là huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Châu Vạn Ninh [1]: Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 4. (Chb. XI, 16)

Xã Cần Hải : thuộc huyện Quỳnh Lưu[2].

Hội Thống : Tên xã, thuộc huyện Nghi Xuân[3].

Vĩnh Đại : Tên xã, thuộc huyện La Sơn[4].

Triều Khẩu : Tên xã, thuộc huyện Hưng Nguyên - Chb. **XLII**,22
Đều thuộc Nghệ An.

Đặt chức quan trưng phủ ở các phủ.

Trịnh Doanh lấy cớ rằng tiền thuế điệu, tiền vệ suất, tiền đất bãi, tiền cửa đình, tiền giáo phường và tiền nộp chuộc tội còn thiếu lại, chia nhau thu nhận làm phiền nhiễu dân, bèn hạ lệnh mỗi phủ đều đặt chức quan trưng phủ, dùng quan trong kinh và người hào mục ở trấn sung bổ vào chức này, giữ cả các việc trưng thu và chiêu tập yên uỷ dân ; lại sai viên quan trong ti Hiến sát thời thường xét hỏi.

Lời chua - *Tiền thuế điệu, đất bãi, cửa đình* và *giáo phường* : Đều xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4. (Chb. XXXVI, 10- 12)

Tiền vệ suất : Nghĩa là lính các vệ lúc không có việc về nhà làm ruộng, theo thể lệ nộp 1 quan 2 tiền thuế dung, lúc có việc gọi ra lính mới được miễn.

Bổ dụng hoạn quan Đàm Xuân Vực giữ chức thống suất Thanh và Nghệ.

Trước đây, Duy Mật chạy trốn ra ngoài, mạo xưng mệnh lệnh vua Ý Tông, chế tạo riêng bảo tỉ và cờ, kiếm, dụ dỗ khắp các tù mục ở Thanh Hoa giúp cho lính thổ, lén lút chiếm cứ miền thượng du, làm tờ hịch kể tội ác họ Trịnh. Trịnh Doanh

(1) Nay là huyện Hải Ninh, tỉnh Quảng Ninh.
(2) Tỉnh Nghệ An.
(3) Tỉnh Hà Tĩnh.
(4) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

sai quân đi đánh, mấy năm chưa dẹp yên được. Đến nay, Duy Mật đánh úp Trấn Ninh, bắt giam Bồn Xà là Lư Cầm Hương, rồi ngay ở động Trình Quang, Duy Mật đặt làm nội phủ và ngoại phủ, bốn mặt ngoài phủ chia ra đặt 16 đồn ải, có luỹ vững, hào sâu, có nơi đứng cao để nhòm ngó, có điếm canh ở đường xa, phòng bị cẩn thận, chặt chẽ. Duy Mật đem quân đánh chiếm những kẻ không thần phục, khống chế các người Lào, cả đến các động ven biên giới Hưng Hoá, phía đông từ Lạc Hòn, Cao Châu, phía bắc đến 7 tổng phủ Quỳ, phủ Trà, đều bị Duy Mật thống thuộc sai khiến. Nhân đây, Duy Mật chia quân tràn xuống địa đầu Thanh Hoa, vì thế, dân nơi biên giới náo động. Triều đình bèn hạ lệnh cho Đàm Xuân Vực làm thống suất hai xứ, phàm cơ mưu đánh dẹp, tiễu nã, và việc thưởng công, phạt tội, phong quan, bãi chức, Xuân Vực đều được tuỳ tiện xử trí. Chb. XLII,23

Lời chua – *Động Trình Quang* : Thuộc phủ Trấn Ninh.

Lạc Hòn : Tên đất của người Man, xem Hi Tông, năm Chính Hoà thứ 21. (Chb. XXXIV, 48)

Cao Châu : Tức Trịnh Cao, xem Bình Đình vương năm thứ 2. (Chb. XIII, 9)

Quỳ và Trà : Xem Bình Định vương năm thứ 7. (Chb. XIII. 20)

Định rõ thể lệ thuyên chuyển, cất nhắc và bảo cử.

Chuẩn định thể lệ thuyên chuyển cất nhắc và bảo cử những ấm tử của quan tam phẩm trở lên : Con quan nhất phẩm ngang với người thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam (hội thí tam trường tứ trúng) ; con quan nhị phẩm ngang với người lọt được ba kỳ đệ tam ; con quan tam phẩm ngang với người lọt được hai kỳ đệ tam ; người trúng cách khoa thi hoành từ ngang với người lọt ba kỳ ; người được thượng khảo ngang với người lọt hai kỳ ; người trúng cách về ngự đề ngang với người trúng cách một kỳ. Nếu có những Chb. XLII,24

người lý lịch và sự trạng giống nhau, thì phải trông vào khoa trường đỗ trước hay đỗ sau và giữ chức quan nơi nhiều việc hay ít việc, rồi châm chước liệu lượng xét cho thoả đáng. Còn về lý lịch, thưởng phạt và công tội, đều phải theo sự thực khai rõ ; người nào ẩn giấu, khi việc phát giác sẽ phải luận tội nặng. Ngoài ra đều tham khảo châm chước với thể lệ cũ để thi hành.

Lời chua - *Hội thí tam trường tứ trúng* : Nghĩa là Hương cống đi thi hội đến bốn khoa, đều lọt được kỳ đệ tam, nên gọi là "tam trường tứ trúng".

Tam trúng, nhị trúng : Cũng phỏng theo ý nghĩa trên đây. Những hương cống thi hội được tứ trúng, tam trúng hoặc nhị trúng, nếu khi nào có khuyết chức quan ở phủ, ở huyện ở châu và chức quan dạy học ở phủ, thì xét xem người nào đã thi lọt được kỳ đệ tam nhiều hay ít mà cất nhắc trao chức khác nhau. Còn như thể lệ về ấm tử của quan nhất phẩm, nếu có tuyển bổ thì ngang hàng với hương cống thi hội bốn khoa đều lọt được kỳ đệ tam, ngoài ra cứ theo thể lệ ấy mà suy ra.

Hoành từ : Nghĩa là người thi khoa hoành từ được trúng cách.

Thượng khảo : Người được dự hạng nhất trong khi xét công trạng.

Ngự đề : Người được trúng cách trong khi thi bài chế do vua ra đầu đề.

Tháng 12, mùa đông. Lại thu nửa tiền thuế gia tô.

Lúc ấy vì Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh lâu ngày, có việc dùng quân đánh dẹp, bèn hạ lệnh thu một nửa thuế gia tô theo ngạch cũ. Lệnh chỉ nói : "Có ruộng thì có tô, là lẽ thường xưa nay. Nhà nước thu lấy của dân, đều có ngạch thuế nhất định. Trước kia, nơi biên giới, nên ngoài số thuế chính ngạch, quyền tạm bổ riêng thuế gia tô[1], để giúp chi dùng vào việc binh. Từ khi việc binh tạm thư, đã

Chb. **XLII**,25

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX, tờ 27.

nhiều lần rộng tha cho[1]; nay có việc điều khiển lính đi đánh dẹp, chi dùng khá nhiều, cần phải liệu lượng thu một nửa và nộp cả vào mùa xuân để tiện cho việc thu nộp".

Ất Dậu, năm thứ 26 (1765). (Thanh, năm Càn Long thứ 30).

Ngày Ất Tị, tháng giêng, mùa xuân. Sét đánh cột cửa tả.

Tháng 2. Thay đổi phép thi hương, lại thu tiền thông kinh.

Trước đây, Thế Giai giữ công việc trong chính phủ, lấy cớ rằng dùng quân đánh dẹp, chi phí mất nhiều, phàm gặp khoa thi hương, hạ lệnh cho nộp tiền thông kinh, sẽ được miễn khảo hạch ; kịp lúc Công Thái giữ việc trong chính phủ xin bãi bỏ thể lệ này. Đến nay, Thế Giai lại được khởi phục bổ dụng, bèn thay đổi phép thi : huyện lớn lấy 70 người, huyện vừa 50 người, huyện nhỏ 40 người, người nào khảo hạch không trúng, theo thể lệ nộp tiền thông kinh, cũng được vào thi.

Tháng 3. Hạn hán, phát sinh chứng dịch.

Lại hạ lệnh cấm binh đinh không được thay thế riêng cho nhau.

Theo chế độ cũ, binh đinh ở Thanh, Nghệ và tứ trấn, khi đến tuổi thành đinh (18 tuổi là thành đinh) thì tòng quân, 60 tuổi được miễn. Ít lâu nay, ở dân gian hoặc người bốn, năm mươi tuổi, hoặc người năm, sáu mươi tuổi, thường thay thế riêng cho nhau, viên cai quản binh lính và cơ đội phần nhiều cẩu thả theo tình riêng, thành ra quá nửa số quân không am hiểu kỷ luật. Đàm Xuân Vực, đốc suất Thanh Hoa, dâng tờ khải nói xin theo thể lệ cũ, Trịnh Doanh chuẩn y, bèn lại hạ lệnh cấm rõ : từ nay người binh đinh nào chưa đến 60 tuổi, không được thay thế riêng.

Chb. **XLII**,26

(1) Xem thêm *Chính biên* XLII, tờ 4.

Trịnh Doanh tự ý dựng hữu miếu.

Trước kia, Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước, lấy cớ rằng tiên tổ và tiên khảo truy xưng Lương Mục vương là Vĩnh và Tấn Quang vương là Bính, đều chưa từng chính thức nối ngôi chúa, có ý muốn lập hữu miếu để thờ, sau vì Nguyễn Quý Đức nói mà thôi đi[1], đến nay lại lập hữu miếu, công việc xây dựng suốt 8 tháng chưa xong. Tham tụng Nguyễn Nghiễm và bồi tụng Trần Danh Lâm cho rằng lễ nghi là theo lẽ phải, trước kia, chúa Nhân Vương (tức Trịnh Cương) là thế đích thừa trọng, cho nên không lẽ lại suy tôn người sinh ra mình một cách long trọng, mà tạm thời thờ riêng. Sau bầy tôi trong triều bàn luận, lấy cớ rằng ông cháu cha con một huyết mạch nối tiếp nhau, cùng thờ cả ở miếu ông thuỷ tổ, là hợp lẽ phải. Vả lại, việc thờ tự này, đến nay đã trải qua vài mươi năm, tinh thần tiên tổ tụ họp cả trong một nhà không bao giờ gián cách, nay một lúc lại lập miếu riêng, thì không những mắt thấy tai nghe có phần nghi ngại, mà đối với tình và lễ đều chưa được thoả đáng, xin bãi bỏ công việc xây dựng hữu miếu. Trịnh Doanh không theo lời.

Lời chua - *Lương Mục Vương là Vĩnh* : Con trưởng của Trịnh Căn.

Tấn Quang vương là Bính : Con trưởng của Lương Mục vương Vĩnh và là cha Trịnh Cương - Vĩnh và Bính đều mất sớm chưa chính thức nối ngôi chúa.

Tháng 6, mùa hạ. Lê Quý Đôn, tham chính Hải Dương bị bãi. Chb. **XLII**,27

Từ khi sang sứ nhà Thanh trở về nước, rồi bổ làm tham chính Hải Dương, Quý Đôn tự giãi bày chín tội, nhưng thực ra

(1) Đoạn văn này có lẽ *Cương mục* chép lầm, chữ "Trịnh Doanh" chép ở câu đầu đoạn này, phải chép là "Trịnh Cương" mới đúng. Vì việc này Nguyễn Quý Đức trình bày với Trịnh Cương (Chb. XXXV.9). Còn Trịnh Doanh mới lên ngôi chúa năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mà Nguyễn Quý Đức đã chết từ năm Vĩnh Thịnh thứ 16 (1720) rồi, còn đâu mà nói với Trịnh Doanh nữa.

là tự kể công lao của mình. Trong lời giãi bày lại nói : "Tôi đem cái thân sống sót ở muôn dặm trở về nước, mà nay xiêu giạt nơi giang hồ, xin cho tôi được về quê quán". Trịnh Doanh không bằng lòng, nhưng vẫn y cho.

Quý Đôn nổi tiếng về văn học, vì phải bổ ra làm quan ở ngoài, nên bất đắc chí, lời nói có giọng oán hờn, đại để cũng như tờ biểu tự trách mình của Bộc Cố Hoài Ân, nên người có kiến thức lấy làm chê cười.

Lời phê – *Học rộng thì có làm gì, chỉ đủ để giúp cho lòng tư của mình, như hạng Vương An Thạch*(1). *Sở dĩ đến như thế, cũng do kiến thức lệch lạc mà ra.*

Lời chua – *Quý Đôn tự giãi bày chín tội* : Như nói, tôi không đoái thương đến mẹ già, đem thân theo tiên vương ở nơi hành tại để mộ quân đánh giặc. Đấy là tôi phạm một tội không trung với nước. Dấn mình vào nơi hàng trận, là vì trong chí muốn cho nước nhà được yên. Đấy là tôi phạm hai tội không trung với nước. Còn ra không khảo cứu được.

Bài biểu tự trách mình của Bộc Cố Hoài Ân : Đời vua Đại Tông nhà Đường, Hoài Ân tự nghĩ mình có công to, mà bị người ta gây sự hãm hại, có ý bực tức oán hờn, bèn dâng tờ biểu tự trách mình có sáu tội : 1. Trước kia, bộ lạc Đồng La làm phản loạn, tôi vì tiên đế mà quét sạch giặc giã ở Hà Khúc ; 2. Con trai tôi là Phân sa vào tay giặc, khi trốn ra trở về, tôi bắt đem chém, để hiệu lệnh quân sĩ ; 3. Hai con gái tôi vì trong nước hoà thân với Hồi Hột mà đem gả ở nơi xa ; 4. Tôi cùng con trai là Dương dốc hết tính mạng vào việc nước ; 5. Đất Hà Bắc mới quy thuận triều đình, tôi vỗ về yên uỷ để cho người giáo giở được yên lòng ; 6. Tôi dụ dỗ Hồi Hột, để chúng đem quân đến cứu nạn nước. Tôi chịu sáu tội kể trên, thật đáng muôn vàn tội chết. Chb. **XLII**,28

(1) Một viên tể tướng dưới triều Tống Thần Tông.

Tháng 7, mùa thu. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế[1] ta nối nghiệp.

Tháng8. Bổ dụng Nguyễn Đình Huấn, hoạn quan, giữ chức tham đốc.

Đình Huấn làm đề lãnh bốn cửa thành, trong kinh kỳ được nghiêm chỉnh yên tĩnh, Trịnh Doanh nhận thấy là người có tài, nên trao cho giữ chức này.

Lời chua - *Tham đốc* : Theo "Chức quan chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì tham đốc thuộc về hàng võ, trật chánh nhị phẩm.

Tháng 10, mùa đông. Cấm người quý thích ngang ngược nhiễu dân.

Lúc ấy, bọn quý thích phần nhiều trái thể lệ, thiện tiện đánh thuế tuần ti, thuế xưởng mỏ và thuế thổ sản ở ngoại trấn, đi đến đâu cũng nhũng nhiễu, làm khổ cho dân. Triều đình nghe biết việc này, hạ lệnh cho ti Trấn thủ tra xét bắt giải, người nào không có giấy tờ quan cấp sẽ trị tội.

Tháng 12. Phạm Huy Cơ phạm tội, bắt giam vào ngục. Chb. **XLII**,29

Huy Cơ giữ chức hiến sát sứ trấn Sơn Nam, vì ăn hối lộ, việc phát giác, triều đình hạ lệnh bắt giam vào ngục.

Bính Tuất, năm thứ 27 (1766).(Thanh, năm Càn Long thứ 31).

Tháng 5, mùa hạ. Sao Thái Bạch đi ngang bầu trời.

Đêm, sao đổi ngôi suốt bầu trời.

Tháng 6. Mưa dầm. Hạt Kinh Bắc nước sông dấy lên, vỡ đê.

Các huyện hạt Kinh Bắc vỡ đê, ruộng nương nhà cửa bị ngập lụt. Triều đình hạ lệnh cho quan trong kinh thành đi hộ

(1) Tên là Phúc Thuần, hiệu là Khánh Húc đạo nhân, con thứ 16 của Phúc Khoát.

đê. Lại đình hoãn khám xét kiện tụng. Nơi bị đê vỡ làm tổn hại đều được liệu lượng phát chẩn.

Lúc ấy, Trịnh Doanh giữ chính quyền trong nước đã lâu, bầy tôi xin gia phong tôn hiệu, Doanh nhún nhường không nhận, và bảo bọn này rằng : "Mới đây trời mưa quá nhiều, làm cho dân tai hại, như thế, phải chăng chính lệnh triều đình có điều khiếm khuyết? Ta chưa nghe thấy các ngươi có lời dâng điều hay, bỏ điều dở, mà chỉ vội vàng xin tiến tôn hiệu. Việc ấy bây giờ có hợp thời đâu? Các ngươi không nên nói lại nữa"

Tháng 9, mùa thu. Ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm.

Lời chua – Theo "Thiên văn chí" trong *Tấn thư*, thì sao Tâm có ba chòm sao, là chính vị sao Thiên Vương : Chòm sao giữa gọi là minh đường, tượng trưng vị thiên tử, chòm sao đằng trước là thái tử, chòm sao đằng sau là thứ tử. – bóng sáng hai vì sao giao nhau hoặc lấn vào nhau gọi là phạm. *Tiền Hán thư* chép : Chb. **XLII**,30

Năm Dương sóc[1] thứ nhất, ánh sáng mặt trăng phạm vào sao Tâm. Người xem thiên văn đoán rằng : "Trong nước có sự lo buồn như có đại tang".

Bãi bỏ việc cấp thêm ruộng khẩu phần cho lính tứ trấn.

Lúc ấy, triều đình bàn định, lấy cớ rằng, thái bình lâu ngày, nhất binh ở tứ trấn không phải sai phái tạp dịch, không nên rộng cho cấp ruộng vượt ra ngoài lệ ngạch. Vì thế hết thảy khẩu phần của lính đều hạ lệnh cho viên trưng phủ thu thuế.

Tháng 10, mùa đông. Có vì sao lớn hình như cái đấu, bay ngang suốt trời.

Tháng 12. Phạm Gia Huệ phạm tội, bị bãi chức.

(1) Một niên hiệu của Hán Thành Đế (24- 20 Tr.C.Ng).

Gia Huệ là người bẻm mép, a dua phụ hoạ với bọn quyền thế, được dắt díu lên làm quan, thăng đến chức tri Công Phiên, phụng mạng đi thu thuế phủ Bắc Hà, thu lạm của dân hơn hai ngàn quan tiền. Viên quan thái phỏng là Nguyễn Phùng Thời đem việc này tâu bày, gặp lúc ấy dân phủ Bắc Hà họp nhau ở cửa khuyết để tố cáo. Triều đình lập tức hạ lệnh lấy tiền trong kho công trả lại cho dân và giao việc này cho viên quan có trách nhiệm bàn định, Gia Huệ phải luận tội đồ. Nhưng Trịnh Doanh còn có lòng thương, chỉ bắt phải bãi chức.

Lời chua - *Nguyễn Phùng Thời* : Người xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) năm Vĩnh Thịnh triều Lê Dụ Tông.

Phạm Gia Huệ : Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm.

Bắc Hà : Tên phủ, thuộc Kinh Bắc.

Ở Kinh Bắc động đất.

Giặc nổi lên ở Sơn Tây, Hưng Hoá. Bọn trấn tướng Nguyễn Địch Bàn đi đánh, dẹp yên được. Chb. XLII,31

Giặc (sót họ tên) ở thượng du vùng Sơn Tây tự xưng hiệu là Thuận Nghĩa, tụ họp quân chúng đi cướp bóc. Triều đình hạ lệnh cho bọn trấn tướng là Nguyễn Địch Bàn và Hoàng Phùng Cơ hội đồng với nhau đi tiễu nã, phá tan được bọn giặc này.

Lời chua - *Nguyễn Địch Bàn* : Người xã Vụ Cầu, huyện Thanh Ba[2], đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây và Hưng Hoá : Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18, 19, 27, 30, 34, 35).

(1) Nay thuộc tỉnh Nghệ An.
(2) Tỉnh Phú Thọ.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 43

Từ Đinh Hợi, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767) đến Tân Mão, năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771), gồm 5 năm. Chb. XLIII,1

*
* *

Đinh Hợi, năm [Cảnh Hưng] thứ 28 (1767).(Thanh, năm Càn Long thứ 32).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Núi ở Thanh Hoa bị lở. Huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu động đất.

Lời chua - *Thanh Hoa* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16, 20, 21, 33).

Đông Thành và Quỳnh Lưu[1] : Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Sai bọn Nguyễn Đình Huấn và Ngô [Thì] Sĩ đi xếp đặt công việc ở Thái Nguyên. Bọn này chưa đi đến nơi, mà trở về.

Trước đây, các xưởng mỏ ở thượng du và vỏ quế ở núi rừng đều giao cho người Nùng ở Hoá Vi nước ta khai khẩn và bóc lấy. Từ khi trường xưởng mở ra nhiều, viên quan giám đương

(1) Đông Thành và Quỳnh Lưu, nay đều thuộc tỉnh Nghệ An.

phần nhiều tập họp người nhà Thanh khai lấy. Do đấy, người làm thuê trong mỗi xưởng kể đến hàng vạn, phu mỏ, nhà lò tụ tập thành từng đàn, trong số ấy phần nhiều là người Triều Châu và Thiều Châu, tính tình hung hãn, hay đánh nhau ; mỗi khi tranh nhau cửa lò, liền nổi quân để đánh lẫn nhau, người nào chết thì vứt xuống hố. Triều đình coi họ là hạng người ngoài giáo hoá, nên chỉ cốt thu đủ thuế mà thôi, ngoài ra không hỏi gì đến cả.

Chb. **XLIII**,2

Lúc ấy, [Thì] Sĩ giữ chức đốc đồng ở Thái Nguyên, bèn viện dẫn lời trình bày của Bùi Sĩ Tiêm, và nói : "Thổ sản ở núi rừng, để giúp cho việc cần dùng trong nước, thế mà nộp vào thuế khoá nhà nước, mười phần không được một phần. Vả lại, những nơi hiểm yếu ở hang động núi khe trong nước, hết thảy bị người nước ngoài thông tỏ và nương náu. Đấy là một điều không nên. Địa mạch nước ta, Thái Nguyên ở về mạn thượng du, bọn kia cứ thấy chỗ nào có khí sắc loài kim là họ khai quật, chở đất ra ngoài cửa lò, chứa thành trăm ngàn đống ở nơi đất bằng, trong lò có thể chứa được hàng trăm người, như thế thì thương tổn địa mạch biết là chừng nào ! Đấy là hai điều không nên. Người nhà Thanh lấy được bạc, liền đem về nước họ, thì của ấy không phải là của nước ta nữa. Đấy là ba điều không nên.

"Tôi thấy nhà Thanh có định thể lệ : "Nhân dân ở nội địa Trung Quốc, nếu người nào không có giấy "thân chiếu" do quan cấp cho, không được đi ra nước ngoài". Vậy xin đưa công văn sang cho quan chức hai tỉnh Quảng, tra xét xem người nào không có giấy cấp "thân chiếu" thì nhất luật bắt phải về nước. Còn những hộ chịu thuế ở trường xưởng thì vẫn lấy người Nùng Hoá Vi nước ta sung vào. Nếu người nhà Thanh người nào không có giấy cấp "thân chiếu" mà tình nguyện ở lại, thì cho phép để tóc và thay đổi y phục, biên tên vào sổ hộ nước ta, để cắt đứt mối tranh giành". Trịnh Doanh theo lời.

Sau tiếp được công văn của hai tỉnh Quảng trả lời, cũng không nhận là có cấp giấy cho người nào cả. Vì thế, triều đình hạ lệnh cho [Thì] Sĩ và Đình Huấn đem binh lính 17 cơ đội đến ngay xưởng Tống Tinh, tuỳ tiện yên uỷ hoặc tiễu nã. Bọn [Thì] Sĩ đi đến Dã Giang, gặp lúc Trịnh Doanh mất, nên trở về, thành ra việc này bèn thôi.

Lời chua - *Xưởng Tống Tinh* : Ở châu Bạch Thông, tỉnh Thái Nguyên.

Dã Giang : Ở địa phận các xã Thượng Dã, Trung Dã và Hạ Dã thuộc phủ Thiên Phúc, tỉnh Bắc Ninh. Chb. **XLIII**,3

Triều Châu và Thiều Châu : Đều thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

Thái Nguyên : Tức Ninh Sóc, xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI, 19, 31, 32, 35).

Hoá Vi (có sách chép là Hoá Thường) : Nay không khảo cứu được.

Trịnh Doanh mất, con là Sâm tự lập làm nguyên soái Tĩnh Đô vương.

Lúc mất Doanh 48 tuổi, truy tôn là Ân vương, tiếm hiệu là Nghị Tổ. Sau khi Sâm đã nối ngôi, giả xưng mệnh lệnh của nhà vua, tiến phong làm nguyên soái, tổng quốc chính, Tĩnh Đô vương. Lại phong mẹ đẻ là Hoa Dung Nguyễn thị làm thái phi.

Lời chua - *Nguyễn thị* : Người xã Linh Đường[1], huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Nội là con gái Nguyễn Đình Tư và là vợ Trịnh Doanh.

Tháng 2. Ở kinh sư động đất.

Giặc cướp nổi dậy ở Kinh Bắc. Dẹp yên được.

(1) Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bọn giặc cướp ở Kinh Bắc đều nổi dậy. Nguyễn Gia Kiên, trấn thủ, tâu về triều. Triều đình sai Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Điển đem quân đi đánh, dẹp yên được. Bèn để Trọng Điển ở lại đóng đồn phòng thủ, ngăn chặn đường hiểm yếu mặt đông bắc.

Lời chua - *Nguyễn Gia Kiên* : Người xã Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại[1].

Kinh Bắc : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18, 19, 28, 35). Chb. **XLIII,4**

Tháng 4, mùa hạ. Ánh sáng sao Thái Bạch và sao Huỳnh Hoặc giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tỉnh.

Hai vì sao Thái Bạch và Huỳnh Hoặc ánh sáng giao tiếp với nhau ở dã phận sao Tỉnh.

Quân của Lê Duy Mật tràn ra Hương Sơn. Trịnh Sâm sai bọn Bùi Thế Đạt đi đánh, Duy Mật rút quân chạy.

Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, hay tin Trịnh Doanh mất, nhân đấy bèn sai đồ đảng đem lính và voi tràn xuống địa phận huyện Hương Sơn và Thanh Chương ; dân ở biên giới nôn nao rối loạn. Viên đồn thủ là Hà Lãm đem quân đi đánh, bị thua chạy. Tin báo về triều, Trịnh Sâm sai Nguyễn Nghiễm làm hiệp đốc suất cùng Bùi Thế Đạt đem các quân đi đánh. Duy Mật rút quân chạy. Sau Trịnh Sâm triệu bọn Nguyễn Nghiễm về triều.

Trịnh Sâm nhận thấy rằng, nếu không diệt trừ được Duy Mật, chung quy vẫn làm ngăn trở cho vùng Hoan, Ái[2], bèn dụ hỏi Thế Đạt về hình thế đóng quân của Duy Mật và kế hoạch tiến quân, tải lương. Thế Đạt đem hết tình trạng Duy Mật bày tỏ ở triều đường, và nói : "Có 3 con đường có thể tiến

(1) Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Tức Thanh và Nghệ.

quân vào Trấn Ninh được ; đường chính là con đường Trà Lân, có đường thuỷ, có thể vận lương, quân đi được yên ổn thuận tiện". Trịnh Sâm bèn hạ lệnh Chb. XLIII,5 bắt lấy thuyền đi biển của Thanh và Nghệ, dự tải thóc công chứa ở kho Vĩnh Doanh và Sa Nam, để phòng bị cấp phát cho quân. Một mặt, sai thêm Lê Đình Châu thống suất bọn Trịnh Phương, Nguyễn Trọng Điển và Nguyễn Đình Đống đem 5 ngàn quân, lệ thuộc sự chỉ huy của Thế Đạt, theo đi đánh giặc. Trịnh Sâm lại lấy cớ là xứ Thanh Hoa gần liền phủ Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho lưu thủ Nguyễn Đình Diễn chia quân đóng đồn phòng ngự, chặn giữ nơi xung yếu.

Lời chua - *Nguyễn Đình Diễn* : Hoạn quan, người xã Nội Duệ[1], huyện Tiên Du.

Nguyễn Đình Đống : Người xã Hương Duệ, huyện Kỳ Anh[2].

Vĩnh Doanh : Trấn lỵ Nghệ An.

Sa Nam[3] : Tên xã, thuộc huyện Nam Đường.

Hương Sơn : Tức Đỗ Gia, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb.XIII, 21).

Thanh Chương : Tức Thổ Du, xem Bình Định vương năm thứ 8 (Chb.XIII, 22).

Trịnh Sâm phong chức tước cho bầy tôi văn, võ, có từng cấp bậc cao thấp khác nhau.

Phong cho Hoàng Ngũ Phúc tước nhất tự công[4], gia phong dực vận đồng đức công thần ; Nguyễn Nghiễm làm thiếu phó, phong tước quận công ; Nguyễn Hoàn làm tả thị

(1) Nay là xã Nội Duệ, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Nay là thị trấn Nam Đàn thuộc huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(4) Quan chế triều Lê, phong tước công cho bầy tôi có công, dùng tên phủ hoặc tên huyện làm hiệu để phong, nhưng chỉ dùng một chữ. Ví dụ : Tuyên quốc công, tức là dùng chữ "Tuyên", tên gọi của phủ Tuyên Quang ; Sùng quận công, tức là dùng chữ "Sùng", tên gọi của huyện Sùng An (*Chính biên*, quyển XXII, tờ 14).

lang bộ Công, phong tước hầu ; ngoài ra, trăm quan đều được thăng một bậc. Lại nhận thấy tả tư giảng Dương Công Chú có công hầu giảng nghĩa sách, nên tặng chức thiếu bảo, gia phong tước công.

Ân xá.

Trịnh Sâm mới nối ngôi, muốn ra ơn cho trong nước để nhân dân vui lòng. Lúc ấy, mưa dầm mãi không tạnh, bèn hạ lệnh : miễn thuế tô, thuế dung năm nay cho hai xứ Thanh và Nghệ ; miễn năm phần mười (5/10) thuế gia tô cho tứ trấn, miễn hai phần mười (2/10) thuế tô, dung và điệu cho ngoại trấn ; lại tha tiền thuế thiếu từ các năm trước và tiền chuộc tội. Chb. XLIII,6

Sâm tặng phong tước Triệu Khánh công cho ông ngoại là Nguyễn Đình Tư.

Đình Tư, người xã Linh Đường(1), huyện Thanh Trì, trước đây, giữ chức thị giảng trong phủ Trịnh Doanh. Đình Tư là bố Nguyễn thái phi, mẹ đẻ Trịnh Sâm. Đến nay truy tặng, Sâm hạ lệnh lập từ đường để thờ ở kinh sư.

Lời chua – *Thanh Trì* : Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên ứng chính bình thứ 14 (Chb.VI, 26).

Ngày Quý Mùi, tháng 6. Sao Thái Bạch xuất hiện giữa ban ngày.

Định lại ngạch thuế 4 châu ở Cao Bằng.

Trước đây, Mai Danh Tông, giữ chức đốc đồng ở trấn Cao Bằng, thuế dung tăng lên nhiều hơn ngạch cũ, dân không thể nộp được. Đến nay thu những thuế còn thiếu lại, nhân dân đem nhau đến trấn khiếu tố. Đốc trấn Nguyễn Trọng Hoành

(1) Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

đem việc này tâu về triều. Triều đình bèn hạ lệnh theo sổ thuế năm Nhâm Dần (1722) đời Bảo Thái cải chính lại.

Lời chua - *Mai Danh Tông* : Người xã Cao Lãm, huyện Sơn Minh[1], đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731) năm Vĩnh Khánh triều Đế Duy Phường.

Nguyễn Trọng Hoành : Người xã Bột Thái[2], huyện Hoằng Hoá, con Nguyễn Ngọc Huyễn, đỗ hương cống, là hạng tiến triều[3]. Chb. **XLIII**,7

Cao Bằng : Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 19, 20, 32, 35).

Phong tước trật cho bọn Hà Công Ứng, thổ tù trấn Hưng Hoá.

Giặc cỏ Hoàng Văn Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên thường nhũng nhiễu cướp bóc vùng thượng du trấn Hưng Hoá, nhiều người phụ theo, chỉ có bọn Công Ứng họp tập thống suất dân chúng chống giặc, bảo toàn được các sách[4] trong châu. Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, tâu bày công của họ về triều. Triều đình bàn định ban thưởng để biểu dương công trạng, bèn phong cho Công Ứng tước Mai ngạn hầu, Đinh Công Hồ tước Sùng nham bá, lại sai quan đến tuyên dương và yên ủy, các người phiên mục đều được thăng trật.

Lời chua - ***Đống Mãnh Thiên*** : Xem năm Cảnh Hưng thứ 22 (Chb.XLII, 11).

Hưng Hóa và Sơn Tây : Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (chb.XXI, 18, 19, 27, 30, 31, 34, 35).

---

(1) Nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
(3) Viên quan không do tiến sĩ xuất thân, nhưng được bầy tôi trong triều bảo cử, cũng được bổ dụng như hàng tiến sĩ, gọi là tiến triều. Xem thêm *Chính biên*, quyển XXXVI, tờ 28.
(4) Một đơn vị hành chính nhỏ ở miền thượng du, cũng như trại, xóm ở miền xuôi.

Định rõ thể lệ kiện tụng, về việc người đương sự kêu xin xét lại.

Phàm các việc kiện, nếu lần trước xét xử mà người đương sự chưa phục tình, cho phép đến ngày chúa ra coi chầu được đệ đơn kêu lại. Nếu tình trạng quả tai hại, thì cho phép xét lại ; nếu xét lại còn vẫn chưa tỏ rõ được lý lẽ, thì cho phép người đương sự đánh mõ[1] tâu bày. Đơn kiện nào khiếu tố vượt thứ tự, sẽ bị bác bỏ.

Tháng 7, mùa thu. Không mưa.

Tháng này, mấy tuần không có mưa, Trịnh Sâm thân hành cầu đảo ở lầu Kính Thiên, hạ lệnh các quan trong kinh ngoài trấn dâng tờ khải niêm phong trình bày công việc. Nguyễn Bá Lân dâng tờ khải nói: "Chính sự vua chúa, thông cảm với trời. Nay vương thượng mới cầm quyền, nên chuộng điều khoan hậu, vậy xin : lục dụng Lê Quý Đôn và Phan Cẩn để nâng đỡ người bị oan ức lâu ngày; rộng gia ơn về việc chuộc tội, cứu vớt dân xiêu lưu, để dân khỏi đau khổ. Như thế, may ra có thể thu phục được lòng người, và báo đáp được tội lỗi mà trời quở trách". Trịnh Sâm cho là phải, bèn khởi phục Lê Quý Đôn giữ chức Thị thư (Chánh lục phẩm, Phan Cẩn giữ chức Cấp sự trung (Tòng bát phẩm). Sau lại hạ lệnh : Viên trưng phủ ở các phủ đều tâu bày tình trạng nghèo đói phiêu tán và đau khổ của dân trong hạt; viên quan trong Ty Hiến sát sứ đi khám xét ruộng bỏ hoang không cày cấy ở dân gian và dò hỏi sự tệ hại uất ức của dân sở tại, rồi tâu bày để triều đình biết. Một mặt liệu lượng tha thuế tô cho những nơi bị thiệt hại từ bốn phần trở lên. Lúc ấy, về chính tô và gia tô được tha tiền hơn 1 vạn 4 ngàn quan, thóc hơn 3 ngàn sọt. Chb. XLIII,8

(1) Năm Cảnh Hưng thứ 8 (1747), Trịnh Doanh đặt cái chuông và cái mõ ở ngoài cửa phủ đường, để cho ai muốn bày tỏ công việc hiện thời thì đánh chuông ; ai có điều oan ức chưa được xét rõ lý lẽ thì đánh mõ tâu bày.

Những thuế bỏ thiếu từ năm Kỉ Mão (1759) trở về trước, đều được tha cả.

Tháng 8. Mưa.

Có sao đổi ngôi dài hơn một trượng, ánh sáng suốt trời, tiếng vang như sấm.

Tháng 9. Định lại thể lệ khám đê điều.

Đường đê và cửa cống ở các lộ, mỗi năm cứ đến tháng trọng thu (tháng 8 âm lịch) viên quan ở huyện đi khám lần đầu, rồi đem tình hình trình lên ti Thừa chính ở trấn ; tháng quý thu (tháng 9 âm lịch) ti Thừa chính ở trấn đi khám, trình lên quan chính đường ; tháng trọng đông (tháng 11 âm lịch) các quan chia nhau đi khám lại, rồi sẽ khởi công. Chb.XLIII,9

Ánh sáng mặt trăng lấn vào chòm trung tinh sao Tâm.

Viên quan trong Tư Thiên giám nói : Trung tinh là Đế tinh, ánh sáng mặt trăng lấn vào chòm trung tinh là triệu chứng người bầy tôi lăng loàn lấn quyền.

Tháng 9 nhuận. Em của Sâm là Lệ định mưu giết Sâm. Việc bại lộ, Lệ bị bắt giam vào ngục. Giết đồ đảng của hắn là Phạm Huy Cơ.

Lệ là người sáng suốt, có cơ mưu và trí khôn. Lúc Trịnh Doanh còn sống, Lệ thường có chí ăn cướp ngôi con trưởng. Trước kia hắn theo học Huy Cơ. Huy Cơ vì có tội phải giam, mang lòng oán giận, bèn ngầm xui Lệ làm sự trái phép, dựng bè đảng vây cánh, dắt Dương Trọng Khiêm và Nguyễn Huy Bá làm gia khách, bí mật hẹn nhau định đến ngày 24 tháng này sẽ khởi sự. Nhưng bọn Trọng Khiêm lại sợ rằng việc không thành, sẽ bị vạ lây, bèn lén lút đem công việc đến cáo tố với nội giám Phạm Huy Đĩnh, Huy Đĩnh đem báo cáo với Sâm. Sâm lập tức hạ lệnh cho bầy tôi hội họp tra tấn. Huy Cơ tự

biết không thể nào thoát nạn, tự ra nhận tội, phải luận vào tội xử trảm, còn Lệ thì bị bắt giam vào ngục.

Trọng Khiêm, trước kia, bị khiển trách và bãi chức, đến nay khen thưởng là người có công, nên trả lại cho chức cũ và được thăng hai bậc ; Huy Bá được thăng năm bậc. Đoàn Nguyễn Thục, thiêm đô ngự sử, dâng nói : "Bọn Huy Cơ âm mưu làm sự trái phép, may mà việc ấy bại lộ, làm cho kẻ có tội mất hết mưu gian và phải phục tội, đấy thật là phúc của nước nhà. Nhưng Trọng Khiêm bị truất bãi đã lâu, nếu biết đóng cửa nghĩ tội lỗi mình đừng giao du với tân khách, thì mưu làm việc không lành từ đâu mà đến tai hắn được ? Thế mà lại giao thông với Huy Cơ là người bị giam cấm, ra vào nhà Trịnh Lệ là nơi đáng phải nghi ngờ : Hắn quanh quẩn ở giữa hai người này, giúp mưu mô của Huy Cơ, làm thêm tội ác của Trịnh Lệ, rồi bấy giờ mới phát giác, để lập lấy công mình. Nếu đứng về mặt tư tưởng mà nghiêm khắc buộc tội, thì Trọng Khiêm cũng dính líu vào tội cùng giúp đỡ kẻ ác nghịch. Vả lại, Huy Bá vốn là bọn hào hiệp, mới dự biết được việc này, liền theo đấy mà tố cáo phát giác, thì Huy Bá được nhận phần thưởng là hợp lý. Còn như Trọng Khiêm là người có tội phải bãi truất, thế mà lại tham giàu sang trước mắt, coi Trịnh Lệ như của quý để buôn bán, coi Huy Cơ như đồ vật để đánh bạc, làm lan thêm cái ác nghịch của chúng để may ra mình vớ lấy một chức quan, dụng tâm của Trọng Khiêm kể ra cũng quá nham hiểm ! Đem công và tội mà nhân trừ lẫn với nhau, thì Trọng Khiêm không đáng thưởng cho thăng cấp". Trịnh Sâm khen và nhận lời khải của Nguyễn Thục, bèn hạ lệnh tước bỏ cấp bậc đã cho Trọng Khiêm được thăng, chỉ cho được khôi phục chức cũ ; thưởng cho Nguyễn Thục 30 lạng bạc. Chb. XLIII,10

Lời phê – *Họ Trịnh không giữ đạo làm tôi, cho nên trong nhà, bố con anh em thường thường mưu hại lẫn nhau như thế.*

Bản thân mình không ngay thẳng, mà muốn bắt người khác phải ngay thẳng, có lẽ cũng khó khăn đấy.

Lời chua - *Dương Trọng Khiêm* : Có một tên nữa là Trọng Tế, người xã Lạc Đạo[1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Huy Bá : Người xã Phú Thị[2], huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Phạm Huy Đỉnh : Người xã Cao Mỗ[3], huyện Thần Khê. Chb. XLIII,11

Trịnh Sâm định phép xét dùng người trong họ tôn thất.

Hạ lệnh cho viên quan giữ công việc phủ tôn nhân, xét kỹ xem người nào có thể cai trị nhân dân, xử trí công việc, thì đưa sang bộ Lại cất nhắc, nhưng mỗi năm không được quá 5 người. Bầy tôi có công hiện được trao cho thực chức, nếu người nào trái thể lệ đều cách bỏ đi hết. Từ đấy, tệ tập cầu may mà được làm quan và mạo nhận công trạng, dần dần được thay đổi.

Hợp lại hoặc bỏ bớt một số phủ huyện.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng nhân dân trong nước điêu tàn hao hụt, nếu đặt nhiều quan chức chỉ phiền nhiễu cho dân, nghĩ thay đổi tệ tập ấy, bèn bàn định thi hành việc hợp lại hoặc bỏ bớt gồm 4 phủ, 29 châu, huyện. Những phủ và châu huyện này đều cho phủ huyện tiếp cận tuỳ tiện kiêm lý.

Lời chua - *Số phủ huyện hợp lại hoặc bỏ bớt* :

- Thanh Hoá 2 phủ, 4 huyện : Phủ Tĩnh Gia kiêm lý phủ Thanh Đô (nay đổi Thọ Xuân) ; phủ Hà Trung kiêm lý phủ Thiên Quan (nay đổi Nho Quan, thuộc tỉnh Ninh Bình) ; huyện Vĩnh Phúc (nay đổi Vĩnh Lộc) kiêm lý huyện Thạch Thành ; huyện Cẩm Thuỷ kiêm lý huyện

(1) Nay là xã Lạc Đạo, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay là xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(3) Nay là thôn Cao Mỗ, xã Chương Dương, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Quảng Bình (nay đổi Quảng Tế) ; huyện Phụng Hoá kiêm lý huyện Lạc Thổ (nay đổi Lạc Hoá) và An Hoá.

- Nghệ An một phủ, một huyện : Phủ Anh Đô (nay đổi Anh Sơn) kiêm lý phủ Diễn Châu ; huyện Nghi Xuân kiêm lý huyện Chân Phúc, (nay đổi Chân Lộc).

- Sơn Tây một phủ, 6 huyện : Phủ Lâm Thao kiêm lý phủ Đoan Hùng ; huyện Đông Lan (nay đổi Hùng Quan) kiêm lý huyện Tây Lan (nay đổi Tây Quan)[1]. huyện Bất Bạt kiêm lý huyện Minh Nghĩa (nay đổi Tùng Thiện) ; huyện Thạch Thất kiêm lý huyện Mỹ Lương[2]; huyện Hạ Hoa (nay đổi Hạ Hoà) kiêm lý huyện Hoa Khê (nay đổi Cẩm Khê[3]; huyện Tam Dương[4] kiêm lý huyện Sơn Dương[5] và Đương Đạo (nay đổi Đăng Đạo).

- Sơn Nam 7 huyện : Huyện Sơn Minh kiêm lý huyện Hoài An ; huyện Kim Động kiêm lý huyện Thiên Thi[6] ; huyện Phù Dung (nay đổi Phù Cừ) kiêm lý huyện Tiên Lữ [7] ; Chb. **XLIII,12** huyện Thanh Liêm kiêm lý huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên kiêm lý huyện Bình Lục [8] ; huyện Vọng Doanh (nay đổi Phong Doanh) kiêm lý huyện Ý Yên ; huyện Mỹ Lộc kiêm lý huyện Thượng Nguyên.

- Kinh Bắc 4 huyện : Huyện Hữu Lũng kiêm lý huyện Yên Thế[9], huyện Gia Định (nay đổi Gia Bình) kiêm lý huyện Lang Tài, huyện Bảo Lộc kiêm lý huyện Lục Ngạn [10] ; huyện Võ Giàng kiêm lý huyện Quế Dương.

---

(1) Các huyện Lâm Thao, Đoan Hùng, Hạ Hoà, Cẩm Khê nay đều thuộc tỉnh Phú Thọ.
(2) Nay gồm huyện Chương Mỹ (Hà Tây) và huyện Lương Sơn (Hòa Bình).
(3) Nt (1)
(4) Huyện Tam Dương nay hợp với huyện Bình Xuyên thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
(5) Huyện Sơn Dương nay thuộc tỉnh Tuyên Quang.
(6) Thiên Thi, nay là Ân Thi. Các huyện Kim Động, Ân Thi, Phù Cừ, Tiên Lữ, nay đều thuộc tỉnh Hưng Yên.
(7) Nt.
(8) Các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng, Duy Tiên, Bình Lục, nay đều thuộc tỉnh Hà Nam.
(9) Hữu Lũng, Yên Thế và Lục Ngạn, nay đều thuộc tỉnh Bắc Giang.
(10) Nt.

- Hải Dương 3 huyện : huyện Gia Phúc (nay đổi Gia Lộc) kiêm lý huyện Thanh Miện ; huyện Thanh Lâm kiêm lý huyện Chí Linh ; huyện Thuỷ Đường kiêm lý huyện An Lão.

- Thái Nguyên 4 huyện, châu : Huyện Đại Từ kiêm lý huyện Phú Lương ; huyện Phổ Yên kiêm lý huyện Bình Tuyền (nay đổi Bình Xuyên) [1] ; huyện Đồng Hỉ kiêm lý châu Vũ Nhai (Lê gọi là châu, nay đổi làm huyện) ; châu Định Bắc (nay đổi Định Châu) kiêm lý châu Văn Lãng (Lê gọi là châu, nay đổi là huyện).

Hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm giữ công việc ở Quốc Tử Giám, Vũ Miên kiêm giữ chức Tế tửu. Lê Quý Đôn và Phan Lê Phiên giữ chức tư nghiệp. Chb. XLIII,13

Trịnh Sâm bảo bầy tôi rằng : "Trường học là nơi giáo dục nhân tài. Đế vương đời xưa không ai không cho việc học là việc trước nhất. Nước nhà ta, các bậc thánh vương nối tiếp trị vì, phép giáo dục rất đầy đủ, chọn người hiền, dùng người đức hạnh, thu được khá nhiều nhân tài. Ít lâu nay, thể văn dần dần biến đổi, học trò đục gọt tô điểm câu văn đã thành thói quen. Nay cần nghĩ cách thay đổi tệ cũ, khen thưởng bồi dưỡng cho học trò trở thành người giỏi, để thu lấy công hiệu được nhiều người có tài". Sâm bèn hạ lệnh cho tế tửu và tư nghiệp, hàng ngày đến nhà Thái Học, hội họp học trò giảng bàn sách Kinh, sách Sử ; mỗi tháng cứ ngày mồng một và ngày rằm tập văn ; mỗi năm cứ 4 tháng trọng[2] thi khảo xét duyệt, nhất thiết theo như phép thi. Trong số học trò có người nào học hỏi trội hơn, văn chương sâu rộng quán xuyến, thì kê tên tâu lên triều đình biết để cất nhắc trao cho quan chức. Ở ngoài các trấn thì do viên đề đốc học chính trong ti Thừa chính và hiệu quan (viên quan giữ chức dạy học ở phủ) cứ 4 tháng trọng, thi khảo học trò, theo như phép thi khảo ở trường Quốc Học. Về phần

(1) Bình Xuyên nay hợp nhất với huyện Tam Dương thành huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.
(2) Tức là trọng xuân (tháng 2), trọng hạ (tháng 5), trọng thu (tháng 8) và trọng đông (tháng 11).

hiệu quan, thì xét theo sự chăm chỉ hoặc trễ biếng để cho thăng chức hoặc truất bãi. Do đấy phong thái học trò được phấn chấn dần.

Lời chua – *Vũ Miên* : Người xã Xuân Quan, huyện Lang Tài[1], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Phan Lê Phiên : Người xã Đông Ngạc[2], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1757) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Hoàng Văn Chất cướp Hưng Hoá, sau lại cướp Thanh Hoa. Triều đình sai bọn Trịnh Phương, Nguyễn Trọng Điển hội đồng với Nguyễn Đình Diễn đem quân đi đánh.

Hoàng Văn Chất quấy nhiễu cướp bóc các châu Mai, châu Mộc thuộc Hưng Hoá ; sau đấy chia quân đi cướp các động, các sách Quan Gia, Cổ Lũng, Thiết Úng, Ái Chử và Bất Một thuộc Thanh Hoa ; rồi lại lập mưu đánh úp huyện Phụng Hoá, định nhân đấy chiếm cứ châu Lang Chính để nhòm ngó An Trường. Quân chúng của hắn gồm hai vạn người. Văn thư cáo cấp ở hai trấn cùng một lúc về đến triều đình. Trịnh Sâm bèn hạ lệnh cho thiếu phó Phương Nghĩa hầu Trịnh Phương đem binh lính bản bộ đến Hưng Hoá, Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Điển đem binh lính bản bộ đến Thanh Hoa, theo quyền viên trấn thủ Nguyễn Đình Diễn, hội hợp binh sĩ tiến hành. Văn Chất liền chạy trốn. Chb. **XLIII**,14

Lời chua – *Trịnh Phương* : Tộc thuộc của họ Trịnh.

Hưng Hoá và Thanh Hoa : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 18, 19, 20, 21, 30, 31, 33, 35).

Mai Châu : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 3 (Chb.XXXVI, 3).

Mộc Châu : Xem Bình Định vương năm thứ 10 (Chb. XIV, 15).

---

(1) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay là xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Quan Gia : Tên Châu, thuộc phủ Thọ Xuân.

Cổ Lũng và Thiết Ứng : Đều tên sách, thuộc huyện Cẩm Thuỷ,

Ái Chử : Tên động, thuộc châu Quan Gia.

Bất Một : Tên động, thuộc châu Lang Chánh.

Phụng Hoá : Tên huyện, xem Tương Dực đế, năm Hồng Thuận thứ 2 (Chb.XXVI,1, 2).

Lang Chánh : Tên châu, thuộc phủ Thọ Xuân, Thanh Hoá.

An Trường : Tên xã, xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb.XXVIII, 4).

Trịnh Sâm đổi bổ Nguyễn Gia Dung làm tả thị lang bộ công.

Vợ Gia Dung, là Nguyễn thị, làm nhũ mẫu Trịnh Sâm, vì Nguyễn thị có công nuôi nấng, nên lúc Trịnh Sâm mới nối ngôi, Gia Dung đương giữ chức trông coi Hình phiên được thăng ngay lên thái tử thiếu bảo, tước quận công. Đến nay, Gia Dung xin nhận chức kém xuống hai trật mà cho đổi sung văn ban. Trịnh Sâm chuẩn y. Chb. **XLIII**,15

Lời chua - *Thái tử thiếu bảo* : Theo quan chức chí triều cố Lê, thái tử thái bảo hàm tòng nhị phẩm, thị lang hàm tòng tam phẩm.

Mậu Tí, năm thứ 29 (1768).(Thanh, năm Càn Long thứ 33).

Tháng giêng, mùa xuân. Sai hoạn quan Nguyễn Đình Huấn làm thống lĩnh các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hoá, đem quân đi đánh Thanh Châu.

Hoàng Văn Chất lén lút chiếm cứ động Mãnh Thiên, nhân địa thế hiểm trở để cướp bóc, chiếm lấy đất 10 châu. Lúc ấy triều đình cũng chán về việc dụng binh, không để ý đến. Văn Chất bèn cướp Hưng Hoá, sau lại cướp Thanh Hoa. Quan quân chia đường tiến đánh, không sao thắng được. Đến nay, Hoàng Phùng Cơ, lưu thủ Sơn Tây, xin cùng với quân các đạo

hội đồng càn quét, Trịnh Sâm chuẩn y, bèn bổ dụng Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Hải Dương, sung làm hiệp thống lãnh, Phan Lê Phiên làm tán lý, Nguyễn Xuân Huyên làm hiệp đồng, cùng với chánh thống lãnh Nguyễn Đình Huấn hội hợp quân các đạo để tiến đánh.

Lời chua - *Thanh Châu* : Xưa gọi Mường Thanh, nay là đất châu Ninh Biên, thuộc Hưng Hoá[1]. Chb. **XLIII,16**

Mười Châu : Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Ninh Biên, Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Tuyền, Khiêm Châu và Tuy Phụ. Nay 4 châu Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai, Lai Châu và Ninh Biên thuộc Hưng Hoá ; 2 châu Quảng Lăng và Hoàng Nham thuộc Vân Nam [Trung Quốc] ; còn 4 châu Hợp Phì, Lễ Tuyền, Tuy Phụ và Khiêm Châu không khảo cứu được.

Tháng 3. Sâm phong hiệu quốc sư cho thầy học là Nguyễn Hoàn.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng Phủ, Hoàn chầu chực giảng nghĩa sách, vẫn được Sâm tri ngộ. Đến nay, Hoàn dâng bộ sách Tiềm long thực lục[2], Sâm càng có lòng kính yêu. Theo chế độ cũ, viên quan giảng nghĩa sách trong phủ chúa, chưa có hiệu là quốc sư, nay Sâm hạ lệnh dùng hiệu quốc sư để gọi Nguyễn Hoàn.

Hạ chiếu tìm bộ *Thiên Nam dư hạ lục*.

Trước kia, về niên hiệu Hồng Đức[3] Thánh Tông hạ lệnh cho bầy tôi nho học là bọn Thân Nhân Trung, Đỗ Nhuận soạn định tập sách Chức quan chế bản triều (triều Lê) và điều lệ về điển chương, gồm 100 quyển, đặt tên sách là *Thiên Nam dư hạ lục*[4]. Đến nay, sách ấy tan tác mất nhiều, nên hạ chiếu

(1) Nay thuộc tỉnh Lai Châu.
(2) Sách chép sự việc khi Trịnh Sâm chưa lên ngôi.
(3) Sách *Thiên nam dư hạ lục* biên soạn năm Hồng Đức thứ 14. Xem thêm *Chính biên* quyển XXIII, tờ 40.
(4) Nt.

tìm kiếm. Lúc ấy, Ngô [Thì] Sĩ, hiến sát sứ Thanh Hoa, đem dâng sách ấy, triều đình hạ lệnh thưởng cho 30 lạng bạc.

Tháng 5, mùa hạ. Cấm thiện tiện bắt dân sở tại chạy trạm chuyển đệ văn thư. Chb. XLIII,17

Lúc ấy, những nơi trạm đệ văn thư, phần nhiều có sự thiện tiện bắt dân phu phải phục dịch, làm náo động cả nhân dân ở ven đường. Bèn hạ lệnh từ sau phải theo phép trạm đệ. Nếu văn thư trong kinh phát ra thì dùng lính trong kinh chuyển đệ, văn thư ngoài trấn phát ra thì dùng lính ở trấn chuyển đệ, không được bắt dân sở tại một cách ngang trái.

Lời chua - *Phép trạm đệ* : Mỗi trạm có 10 lính trạm, một phó hiệu và hai đôi ngựa, phàm công văn đi lại chuyển đệ, từ Nghệ An qua Thanh Hoa, Sơn Nam đến kinh sư, từ kinh sư chuyển sang Kinh Bắc đến Lạng Sơn.

Hạn hán. Dân bị đói to.

Nghệ An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ, một trăm đồng tiền không đủ một bữa ăn no. Trịnh Sâm lấy làm lo, triệu bầy tôi bàn định chính sách cứu đói : hạ lệnh cho quan trấn Nghệ An hiểu bảo dân trong hạt, ai nộp thóc sẽ được trao cho quan chức, để lấy số thóc ấy phát chẩn cho dân nghèo ; ti Hiến sát các trấn dò hỏi sự đau khổ ở dân gian, cấm các tuần ti và bến đò đánh thuế ngang trái. Do đấy, việc buôn bán trao đổi không đình trệ, giá gạo dần dần giảm xuống. Lại hạ lệnh cho nhà giàu ở Thanh Hoa nộp thóc, đem chứa ở kho Nghệ An, sẽ liệu lượng phong cho quan chức có từng cấp bậc. Chb. XLIII,18

Tháng 6. Đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho dân Cao Châu bị phiêu tán.

Các động ở Cao Châu bị Duy Mật khống chế, dân bản thổ phiêu tán đi nơi khác, cùng đem nhau quy phụ với triều đình.

Bèn hạ chiếu đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho họ cày cấy.

Lời chua – *Hương Sơn* : Tức Đỗ Gia, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 21).

Cao Châu : Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb.XIII, 9).

Tháng 7, mùa thu. Bên mặt trời có quầng như hình mặt trời.

Bổ dụng Phan Lê Phiên làm đốc trấn Cao Bằng.

Trước đây, bàn hội họp binh sĩ đi đánh mặt tây[1], dùng Lê Phiên làm tán lý. Gặp lúc ấy, Nguyễn Trọng Hoành, đốc trấn Cao Bằng, vì bòn rút của dân làm của riêng mình, bị dân trong châu cáo tố, bèn hạ lệnh bổ Lê Phiên làm đốc trấn. Trọng Hoành không được yên tâm, việc cớ có bệnh, xin từ chức. Nhân đấy, bổ Trọng Hoành giữ chức tán lý mà dùng Lê Phiên thay làm đốc trấn Cao Bằng.

Đặt vệ binh ở Cao Bằng.

Mỗi châu đặt một vệ binh, mỗi vệ hai hiệu, châm chước theo phép vệ sở đặt ở ngoại trấn[2] từ năm Quang Thuận trước. Việc này là theo lời nói của Phan Lê Phiên. Chb. **XLIII,19**

Lời chua – *Phép vệ sở* : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 8 (Chb.XX, 2).

Sửa quán Trấn Võ.

Lời chua – *Quán Trấn Võ*[3] : Nay ở xã Thuỵ Chương, huyện Vĩnh Thuận ngoài cửa tây bắc tỉnh thành Hà Nội .

---

(1) Tức Hoàng Công Chất, xem thêm tờ 15 trong cuốn này.
(2) Tức Yên Quảng, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.
(3) Ở góc phố Quan Thánh và đường Thanh Niên, nhìn ra Hồ Tây, thuộc quận Ba Đình, Hà Nội.

Tháng 8. Ánh sáng mặt trăng giao tiếp với ánh sáng Tuế Tinh.

Khởi phục Đoàn Nguyễn Thục giữ chức giám quân các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây và Hưng Hoá.

Nguyễn Thục vì có tang mẹ về nhà, triều đình đã hai lần khởi phục làm thiêm đô ngự sử, đều cố từ chối. Gặp lúc ấy triều đình sai quân đi đánh Thanh Châu, nhân đấy, Nguyễn Thục xin tòng quân, vì thế mới có lệnh khởi phục ấy.

Tháng 10, mùa đông. Khôi phục lại số lấy đỗ ở trường thi Sơn Nam.

Theo thể lệ cũ, số lấy đỗ ở trường thi Sơn Nam : kỳ đệ tam lấy đỗ 1.000 người kì đệ tứ lấy 100 người. Khoảng niên hiệu Chính Hoà[1], vì học trò làm náo động trong trường thi, nên số lấy đỗ theo ngạch cũ bị rút bớt đi. Đến nay, học trò trong trấn lại nhờ nội giám Phạm Huy Đĩnh trình bày xin giúp, Trịnh Sâm chuẩn y, hạ lệnh cho khôi phục lại ngạch cũ.

Chb. **XLIII**,20

Lời chua - *Rút bớt ngạch cũ* : Số lấy đỗ kỳ đệ tam kém ngạch cũ 200 người, kỳ đệ tứ kém ngạch cũ 20 người.

Bọn Dương Sử, quan chấm trường thi Nghệ An, vì có tội bị giáng chức.

Khoa thi Hương năm ấy, vì có người nói trường thi Nghệ An lấy tên Nguyễn Ky đỗ là quá lạm. Triều đình hạ lệnh thi lại, quả nhiên tên Ky không làm nổi bài, bỏ quyển giấy trắng. Bọn Dương Sử và Nguyễn Duy Thức giữ chức chấm thi trong thi viện, đều vì cớ lấy đỗ hoặc đánh hỏng không tinh tường, phải tội giáng chức.

---

(1) Chính Hoà (1680 - 1704), một niên hiệu triều Lê Hi Tông.

Lời chua – *Dương Sử* : Người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Duy Thức : Người xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Kỷ Sửu, năm thứ 30 (1769).(Thanh, năm Càn Long thứ 34).

Tháng giêng, mùa xuân. Thống lãnh Đoàn Nguyễn Thục kéo quân vào Thanh Châu, bình định được động Mãnh Thiên.

Trước đây, Nguyễn Đình Huấn vâng lệnh đi đánh giặc Hoàng Công Chất, khi kéo quân đến Cổ Pháp, Chb. XLIII,21 chần chừ không tiến quân, nhiều lần Trịnh Sâm sai người thúc giục, Đình Huấn bèn tiến quân đóng ở Việt Sơn, bắt dân cung cấp lương thực, dân đều trốn tránh, lùng bắt không được người nào, ngờ có quân mai phục, trong bụng càng sợ hãi, bèn bàn kế rút quân về. Bọn Phạm Ngô Cầu cũng phụ hoạ với lời bàn của Đình Huấn, tán lý Vũ Huy Đĩnh không sao quyết đoán được, chỉ có giám quân Đoàn Nguyễn Thục cố tranh cãi, cho là không nên rút quân.

Bọn Đình Huấn liền cho người phi ngựa đệ tờ khải nói : "Trong quân lương ăn không được kế tiếp, tiến thoái đều khó. Vả lại quân sĩ nhiều người mắc bệnh, xin cho thuốc thang cứu chữa" Lúc ấy, Nguyễn Thục cũng làm tờ khải trình bày theo, nói rõ là Đình Huấn hiệu lệnh không thống nhất ; khinh rẻ lấn át tướng hiệu : buông lỏng cho quân lính đi cướp bóc ; chần chừ không chịu tiến quân ; tất cả mười việc.

Đương đêm, Trịnh Sâm nhận được tờ khải của Đình Huấn, đã có ý không bằng lòng, cho triệu các quan trong chính phủ vào bàn định, nghiêm khắc quở trách Đình Huấn. Tiếp đó lại thấy tờ khải của Nguyễn Thục, Trịnh Sâm nổi giận nói : "Ta vẫn biết Đình Huấn không thể dùng được, nay quả nhiên như thế". Lập tức hạ lệnh triệu Đình Huấn về, mà bổ Nguyễn Thục kiêm giữ chức thống lãnh các đạo Sơn Tây, cầm quân thay

Đình Huấn, lại đổi bổ Vũ Huy Đĩnh giữ chức giám quân, Nguyễn Trọng Hoành giữ chức tán lý.

Lúc ấy, nghịch Chất đã mất, con là Công Toản tự xưng là quốc công, thống suất đồ đảng vẫn chiếm cứ khu đất này. Nguyễn Thục, sau khi đã thay làm tướng, quyết kế tiến đánh, cầm gươm ra lệnh cho tướng sĩ rằng : "Nếu người nào không theo mệnh lệnh, sẽ trông vào thanh kiếm này". Tướng sĩ không ai là không run sợ. Nguyễn Thục bèn tiến quân vào Thanh Châu, quân trẩy đến đâu không xâm phạm tơ hào gì của dân cả. Công Toản giữ ở Thẩm Cô để kháng cự lại, các nơi xung yếu đều có đặt quân mai phục. Nguyễn Thục sai toán quân nhanh nhẹn sắc bén tiến lên trước đánh úp, tiếp đó sai toán quân mạnh khoẻ theo đường tắt hợp sức cùng đánh, phá tan được quân địch. Công Toản chạy sang Vân Nam. Nguyễn Thục vào chiếm lấy thành, sai quan quân chia đường truy nã, bắt được quân nhu, khí giới và thóc lúa tích trữ không sao kể xiết, bèn san phẳng cả thành, rồi kéo quân trở về. Chb.XLIII,22

Sau bàn công đánh dẹp : Nguyễn Thục tuy có công tiến đánh, nhưng sau khi hạ được thành, không lập tức đuổi theo, để nghịch Toản chạy thoát được, nên chỉ được thăng hai bậc, trao cho chức tự khanh ; Đình Huấn vì nhút nhát rút lui nên phải giáng chức và tước mất lộc binh dân. Còn các người khác đều căn cứ vào công hoặc tội, mà cho thăng chức hoặc truất giáng có từng bậc khác nhau.

Định thuế đất bãi.

Hạ lệnh cho quan trong ba ty ở các trấn đi khám thực, xem đất bãi nào hiện trồng được lúa, dâu, khoai, đậu, để định ngạch thuế.

Tháng 2. Miễn tô thuế năm nay cho trấn Hưng Hoá

Nguyễn Thục lấy cớ rằng động Mãnh Thiên mới được bình định, nhân trình bày cách khu xử hơn mười việc. Chb. XLIII,23 Đại lược nói : "Dân trong châu sau khi qua loạn lạc, số người xơ xác hao hụt, thị tộc người Man, người Nùng áo xanh phần nhiều nay đây mai đó theo tục di cư của họ, tù trưởng ở phiên trấn buông lỏng kỷ luật, lúc phụ thuộc vào nhà Thanh, lúc theo về nước Lào, không nhất định thuộc về nước nào cả. Vậy xin bàn luận rộng ơn thương dân, định lại điều lệ, để cho dân mười châu được biên tên vào sổ hộ khẩu nước ta mãi mãi". Trịnh Sâm hạ lệnh hết thảy các việc đều cho thi hành. Vì thế, hạ chiếu tha thuế tô năm nay cho các châu thuộc Hưng Hoá cùng người Nùng, các người Man ở sơn trang ; lại tha những thuế còn thiếu ; cấm hẳn việc thiện tiện mua phẩm vật ; tha tội cho các tù trưởng và vẫn được làm thổ tù ; binh lính bản thổ ở các châu thì liệu lượng suất số chia thành từng hiệu để đều tự giữ lấy đất đai. Một mặt, hạ lệnh cho viên quan ở trấn nghiêm cấm thổ tù không được theo thói cũ đánh cướp lẫn nhau, không được theo ý riêng nối ngôi tù trưởng, không được thiện tiện giết hại thổ dân trong hạt. Lại cấm dân các châu Lai Châu, Luân Châu, Chiêu Tấn và Quỳnh Nhai không được bắt chước mặc kiểu áo người nhà Thanh và nộp tô thuế riêng biệt.

Tháng 3. Sâm truất ngôi hoàng thái tử Duy Vĩ, rồi bắt giam vào ngục.

Thái tử lúc còn nhỏ, thông minh, nhanh nhẹn, xem rộng sách Kinh, sách Sử, đối với sĩ phu rất có lễ độ ; thần dân không ai là không mến yêu thái độ, dung nghi. Trịnh Doanh rất trọng tài của thái tử, nên đem con gái trưởng là Tiên Dung quận chúa gả cho. Thái tử vẫn bực tức về nỗi nhà Lê mất quyền bính, khảng khái có chí thu nắm lấy quyền cương. Trịnh Sâm lúc lớn lên làm thế tử, đối với thái tử, hắn vẫn ghen ghét về địa vị tài năng. Một hôm, thái tử và Sâm cùng ở phủ đường

được chúa Trịnh ban cho ăn cơm và bảo cùng ngồi một mâm, lúc ấy vợ Trịnh Doanh là Nguyễn Thị ngăn đi và nói : "Thế tử với thái tử có danh phận vua tôi, lẽ nào được ngồi cùng mâm? nên phân biệt ngồi làm hai chiếu". Sâm đổi nét mặt, bước ra về, nói với người ngoài rằng : "Ta với Duy Vĩ hai người, phải một chết một sống, quyết không song song cùng đứng với nhau được".

Kịp khi Sâm nối ngôi, bàn vụng với hoạn quan Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh định mưu truất thái tử, nhưng không có lẽ gì buộc tội, bèn vu cho thái tử tư thông với người phủ thiếp của Trịnh Doanh, rồi đem tội trạng ấy tâu bày với nhà vua bắt thái tử giam vào ngục. Chb. **XLIII**,24

Trước đây, trong giếng Tam Sơn ở sau cung điện, bỗng nhiên có tiếng như sấm, thái tử e rằng tất xảy ra tai nạn, nói để nhà vua biết ; nhà vua thường cầu đảo cho thái tử được thoát nạn. Đến nay, thái tử biết tin tai nạn phát sinh, vào ở tẩm điện của nhà vua. Huy Đĩnh trước hết vào tìm khắp trong đông cung, nhưng không thấy, bèn vào thẳng điện đình kể tội trạng thái tử và nói với nhà vua rằng : "Tôi nghe biết thái tử ẩn nấp trong tẩm điện của bệ hạ, xin bắt giao cho tôi". Nhà vua ôm mãi lấy thái tử, không nỡ ly biệt. Huy Đĩnh cứ quỳ mãi ở dưới sân. Thái tử tự nghĩ không thể nào thoát nạn được, vừa khóc vừa lạy trước mặt nhà vua, rồi rảo chân bước ra chịu trói. Khi đưa về phủ chúa Trịnh, Huy Đĩnh bắt thái tử trút mũ ra để nhận tội, thái tử không chịu, nói : "Bỏ vua này, lập vua khác, bạo nghịch giết vua, là việc làm đã quen của nhà bay, chứ ta có tội gì đâu ? Việc này đã có sử xanh chép để ngàn đời !" Trịnh Sâm giả thác mệnh lệnh của nhà vua, truất thái tử làm thứ nhân, rồi giam vào ngục.

Lời phê – *Một việc vô cùng thê thảm, đau đớn đến ngàn đời. đọc Sử đến đây làm cho lỗ mũi người ta phải chua xót ! Việc*

này cùng với việc phá tường để bắt Phục hậu[1] *cùng một cảnh đáng đau lòng. Lại đáng giận lúc ấy khanh tướng đầy triều đình, mà không một người nào dám nói, chỉ có Nguyễn Lệ vì liên can mới phải tử tiết*[2] *mà thôi, như thế có thể nói trong triều lúc bấy giờ không có người nào ra gì cả. Đến cả Nguyễn thị là mẹ Trịnh Sâm cũng không nói một lời để giải cứu, thế thì bụng dạ Nguyễn thị ra thế nào ? Thà rằng trước kia đừng phân biệt chỗ ngồi lại còn hơn*[3]*. Đem so sánh với Vũ thị* [4] *thì Nguyễn thị còn kém nhiều lắm.*

Lời chua – *Giếng Tam Sơn* :Nay ở sau điện Long Thiên thuộc tỉnh thành Hà Nội.

Nguyễn thị, vợ Trịnh Doanh : Người xã Thịnh Mĩ, huyện Lôi Dương, mẹ đẻ của Tiên Dung quận chúa.

Tháng 4, mùa hạ. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Tháng 5. Sao Thiên Cẩu xuất hiện, ánh sáng suốt bầu trời, có tiếng như sấm.

Lời chua – Mục "Thiên văn chí" trong *Tiền Hán thư* chép rằng : Sao Thiên Cẩu hình dáng giống sao lớn đổi ngôi. Mạnh Khanh nói : Sao Thiên Cẩu có đuôi, bên cạnh có hình cái chổi, bên dưới có hình con chó, sao này cũng là tinh khí của sao Thái Bạch. Người xem thiên văn nói là triệu chứng phá quân, giết tướng. Chó lại là giống vật biết giữ nhà và chống kẻ gian. Chb. **XLIII**,25

Kén vệ binh ở bốn trấn.

---

(1) Cuối đời Tây Hán, Tào Tháo làm thừa tướng, uy quyền át cả vua. Phục hoàng hậu, vợ Hán Hiến đế, lập mưu giết Tháo, việc bị lộ, Tháo sai Hoa Hâm đem quân vào cung để bắt. Phục hậu đóng cửa lại rồi núp ở bức tường trong cung, Hoa Hâm phá cửa, đạp đổ tường lôi ra. Phục hậu bảo Hiến đế rằng : "Chả thể sống được để trông thấy nhau đâu !" Hiến đế nói : "Tính mạng của tôi cũng chưa biết sống chết lúc nào đây !" (*Tư trị thông giám* quyển LXVII, tờ 2134).

(2) Xem thêm tờ 37 trong cuốn này.

(3) Chỉ việc Nguyễn thị không cho Trịnh Sâm được ngồi chung chiếu với Duy Vĩ.

(4) Xem thêm chú thích số 1 *Chính biên* quyển XXXVIII, tờ 38.

Vì sắp dụng binh đánh Trấn Ninh, bèn hạ lệnh cho viên quan có trách nhiệm chiểu theo sổ ngạch lính năm Canh Thân (năm Cảnh Hưng thứ nhất, 1740) kén chọn lính để bổ sung, sẽ phân phối cho lệ thuộc vào đội ngũ, để phòng bị khi trưng dụng xuất quân.

Tháng 7, mùa thu. Sao Chổi xuất hiện.

Sao Chổi xuất hiện dài suốt bầu trời, đường đi chỉ về phương tây nam, 42 ngày mới lặn.

Tháng 8. Trịnh Sâm tự tiến phong làm thượng sư Tĩnh vương.

Sâm giả thác mệnh lệnh nhà vua, tự tiến phong làm đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư Tĩnh vương.

Lập Duy Cận làm hoàng thái tử.

Duy Cận là con thứ tư của nhà vua. Sau khi Duy Vĩ đã bị truất, Duy Cận ra vào phủ chúa Trịnh, tôn thờ mẹ Trịnh Sâm là thái phi Nguyễn thị rất kính cẩn, Sâm tâu nhà vua xin lập làm hoàng thái tử.

Thanh Hoa có thuỷ tai lớn, đê Tây Hồ ở Lam Kinh bị vỡ. Chb. XLIII,26

Sâm sai tướng là bọn Bùi Thế Đạt đi đánh Trấn Ninh.

Trước kia, Duy Mật thì thọt ra vào vùng Sơn Tây và Thanh Hoa, sau vào Trấn Ninh, chiếm cứ thành Trình Quang, dần dần số người đông, của cải nhiều, kiêm tính các người Lào ở châu Quỳ, châu Trà, châu Cao, châu Hợp bắt họ phải phục dịch lệ thuộc vào mình, thế lực có phần cường thịnh. Trịnh Doanh nhiều lần sai quân đi đánh, nhưng vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, không thể nào đánh được. Lúc Trịnh Sâm mới lên ngôi, sai Nguyễn Mậu Dĩnh, tham nghị Nghệ An, đem sắc thư đi dụ, nhưng không được vào thành, phải trở về. Đến nay quyết kế dùng quân đánh dẹp. Trước hết đem việc ấy bảo rõ

cho binh lính biết, rồi sai Bùi Thế Đạt làm thống lãnh Nghệ An, Nguyễn Phan làm chánh đốc lãnh Thanh Hoa, Hoàng Đình Thể làm đốc lãnh Hưng Hoá, điều động binh mã ba đạo đi đánh Trấn Ninh.

Lời chua - ***Hoàng Đình Thể*** : Người xã Hà Thượng, huyện Hậu Lộc[1], đỗ tạo sĩ.

Sơn Tây, Thanh Hoa, Nghệ An, Hưng Hoá : Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16, 18, 19, 20 -23, 27, 28, 30, 33, 35).

Quỳ Châu và Trà Châu : Đều xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb.XIII, 17, 20, 21).

Cao Châu : Tức Trịnh Cao, xem Bình Định vương năm thứ 2 (Chb.XIII, 9).

Quy Hợp : Xem Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb.XVIII, 8).

Phủ Trấn Ninh : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 10 (Chb.XXIII, 30, 31). .

Thành Trình Quang : Thuộc phủ Trấn Ninh.

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản giữ chức tả, hữu tư giảng để dạy con là Khải (có một tên nữa là Tông). Chb. XLIII,27

Lời chua - *Lý Trần Thản* : Người xã Lê Xá, huyện Duy Tiên[2], đỗ tiến sĩ khoa kỷ sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Tháng 12. Xã An Lệnh mưa ra máu.

Lời chua - *An Lệnh* : Tên xã, xem năm thứ 22 ở trên (Chb. XLII,9).

Sét đánh núi Bia đá thuộc Phú Yên, sắc đá thay đổi hết.

Quãng núi Bia đá thuộc Phú Yên bị sét đánh, đá sắc đen đổi hết thành sắc trắng, đứng xa trông bia đá đứng sững hình

(1) Tỉnh Thanh Hóa
(2) Tỉnh Hà Nam.

như vôi trắng. Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta sai quan cầu đảo.

Lời chua - *Núi Bia đá* : Ở phía đông huyện Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên. Thế núi tròn và nhọn, đá đỉnh núi đứng sững, sắc đen. Tương truyền Thánh Tông nhà Lê vào nam đánh Chiêm Thành, mở đất đến đây. Trên vách đá cheo leo ở đỉnh núi, nhà vua sai mài sườn núi khắc chữ vào đá để làm chỗ chia giới mốc với Chiêm Thành, cho nên gọi tên là núi Bia đá.

Canh Dần, năm thứ 31 (1770).(Thanh, năm Càn Long thứ 35).

Tháng giêng, mùa xuân. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan tiến quân đánh phá được Lê Duy Mật ở gò cao thành Trình Quang. Duy Mật tự gieo mình vào đống lửa chết. Hạt Trấn Ninh được bình định. Chb. XLIII,28

Duy Mật giữ lấy chỗ gò cao thành Trình Quang, dựa vào hang hốc núi non làm kiên cố. Được tin quân ba đạo kéo vào, hắn muốn cố chết giữ vững lấy thành, rồi cho toán quân lưu động lẻn ra đón đường chặn đánh làm cho quan quân mỏi mệt. Thế Đạt và Nguyễn Phan đốc suất quân hai đạo Thanh, Nghệ, bám sát sườn núi tiến vào, đánh phá ở các xứ Trình Ban và Bạn Xung, nhiều lần được thắng trận, nhân đấy tiến sát đến ngoài gò cao thành Trình Quang, chia ra đặt doanh trại. Duy Mật cho quân đóng yên một nơi không hành động, hai viên tướng chưa biết thực hư thế nào không dám cho quân tiến thẳng vào. Gặp lúc ấy, Hoàng Ngũ Phúc chiêu dụ được mẹ tên Lại Thế Thiều là viên tướng của Duy Mật, Ngũ Phúc sai mụ này viết thư dụ dỗ Thế Thiều để làm nội ứng. Thế Thiều là con rể Duy Mật, khi nhận được thư của mẹ, bèn nhị tâm với Duy Mật, hắn ngầm khuyên đồ đảng là Lê Văn Bản mở cửa thành ngoài cho quan quân tiến vào. Khi quan quân đã vào, bèn bắc thang trèo lên bắn vào trong thành, tiếng súng suốt ngày đêm không ngớt. Duy Mật tự biết rằng đã vỡ lở ngay từ

trong nhà rồi, liền tụ tập vợ con, rồi tung lửa đốt để tự chết cháy.

Bọn Thế Đạt vào thành, thu thập được khí giới, ngựa, voi và vàng lụa kể cả hàng vạn. Dùng thổ tù là Lư Cầm Uẩn, Lư Cầm Khâm làm chánh xà và phó xà[1] để giữ đất ấy. Trấn Ninh hết thảy đều bình định được.

Sau bàn luận công đánh dẹp, gia phong Bùi Thế Đạt làm đại tư đồ, Nguyễn Phan làm thái tể, Hoàng Đình Thể làm thiếu bảo ; còn tán lý, tham mưu, giám quân và tướng hiệu đều thăng thưởng có từng cấp bậc khác nhau. Chb. XLIII,29

Trước đây bàn định việc dùng quân đánh Trấn Ninh, các quan trong ngoài đều cho là khó, vì chỗ ấy vừa hiểm trở vừa xa xăm, chỉ một mình Trịnh Sâm đoán trước là tất thắng, cho nên mưu mô đánh dẹp đều do Sâm vạch ra, thành thử cuối cùng mới có thể thu được toàn thắng. Nhưng cũng về việc thắng trận này mà mới sinh ra lòng thích đánh dẹp, khinh thường việc dùng binh lính.

Lời chua - *Lại Thế Thiều* : Người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, con cháu công thần Lại Thế Cường.

Lê Văn Bản : Người xã Xuân Dương, huyện Yên Khánh.

Động Trình Ban : Thuộc châu Mai Sơn, Hưng Hoá.

Động Bạn Xung : Thuộc phủ Trấn Ninh, Nghệ An.

Tháng 3. Bãi binh lính tứ trấn về làm ruộng.

Vì cớ đã bình định được Trấn Ninh.

Mồng một, tháng 5, mùa hạ. Nhật thực.

Tháng 7, mùa thu. Kén lính Thanh, Nghệ.

---

(1) Xà túc xà bồn hoặc bồn xà nói tắt, tục dân Man gọi người tù trưởng là xà. Xem thêm lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XXXIV, tờ 48.

Lúc bắt đầu trung hưng, ngạch lính hai xứ Thanh, Nghệ, cứ ba suất đinh lấy một người, khoảng năm Bảo Thái giảm nhẹ đi, cứ năm suất đinh lấy một người[1], sau lại cứ ba suất đinh lấy một[2]. Tiếp đó hàng năm số hộ khẩu nơi tăng nơi giảm không nhất định, viên quan có trách nhiệm cứ theo định ngạch để bắt lính sung bổ, nặng nhẹ không đều, rồi sinh ra sự đòi lính bỏ trốn, bắt lính còn thiếu số, không ngày nào yên. Dân gian bị điêu tàn, không có người để điền thế, số quân trong sổ mỗi ngày một hao hụt. Các quan giữ công việc trong chính phủ xin phái quan đi khám xét tình thực để lấy lính sung bổ một cách công bình. Triều đình bèn sai Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, khám xét bổ sung binh lính trong hạt mình cai quản ; quan trong kinh là Lê Quý Đôn, Đoàn Nguyễn Thục đi khám xét để bổ sung lính Thanh Hoa. Chb. **XLIII**,30

Tháng 10, mùa đông, Trịnh Sâm tự gia phong làm thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Sâm tự nhận là công đức ngày càng lừng lẫy, bèn giả thác mệnh lệnh nhà vua tự tiến phong là đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư thượng phụ, duệ đoán văn công võ đức Tĩnh vương.

Tháng 12, Định phép đánh thuế tơ và muối.

Theo chế độ cũ, hiệu tả giáp, tả ất (thuộc tả trung cung) giữ về việc tơ, thu thuế tơ để cung cấp vào việc may nhung phục, mà không đánh thuế đất bãi ; thuế muối thì không căn cứ vào số ruộng, chỉ thu thuế những bếp hiệu nấu muối. Sau, tơ sống để tích luỹ lâu ngày, mục nát không sao dùng được, mà dân gian bỏ thiếu cũng nhiều ; về các hộ nấu muối thì nhà giàu nhà nghèo không đều, họ đem tình tệ riêng tố khổ lẫn nhau ; lại có khi một thửa ruộng mà hai lần thu thuế muối, táo

(1) Thi hành năm Bảo Thái thứ 2 (1721), xem thêm *Chính biên* quyển XXXV, tờ 40.
(2) Thi hành năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), xem thêm *Chính biên* quyển XXXVIII, tờ 22.

đinh không sao chịu nổi sự nặng nề, viên trưng phủ (tên quan) sớm tối thúc giục mà mười phần không thu được một phần. Đến nay, bàn xá hết số còn bỏ thiếu lâu ngày của hai hạng thuế ấy. Từ nay, về thuế tơ thì cho chiết nạp theo số dật, diêm hộ thì căn cứ vào số ruộng hiện làm muối để thu thuế. Hộ phiên không đánh thuế thổ sản nữa. Chb. XLIII,31

Lời chua – *Số dật* : Sách *Mạnh tử tập chú* chép mỗi dật 24 lạng. Trịnh Khang Thành nói mỗi dật 30 lạng. Lại *Sử ký* chép từ nhà Hán trở về trước dùng dật để định bản vị loài kim, từ nhà Hán trở về sau dùng cân để định bản vị loài kim, mỗi dật 24 lạng, mỗi cân 16 lạng.

Thuế tơ : Tơ trắng mỗi dật nộp thuế 5 tiền ; tơ vàng mỗi dật nộp thuế 3 tiền 20 đồng.

Thuế muối : Ruộng muối công mỗi mẫu nộp 8 tiền ; ruộng muối ở ngoại đê mỗi mẫu nộp kém đi 2 tiền ; ruộng muối tư mỗi mẫu nộp 3 tiền.

Tân Mão, năm thứ 32 (1771).(Thanh, năm Càn Long thứ 36).

Tháng giêng, mùa xuân. Định phép thay đổi cho các viên phủ, huyện đã mãn hạn khảo công.

Định phép ; các viên phủ, huyện tại chức đủ 6 năm là một kỳ hạn.

Lại hạ lệnh : Những phủ hoặc huyện trước kia cho kiêm lý, nay lại chia ra cai trị như cũ.

Trước đây, các phủ, huyện hoặc hợp lại hoặc giảm bớt đi, mà cho các phủ huyện tiếp cận kiêm lý[1]. Dân gian cho đó là việc mới đặt ra có ý không thích. Các quan trong chính phủ bàn định, lấy cớ rằng gần đến khoa thi hương, nên chiếu theo vị trí các phủ huyện đã chia đặt từ trước để tiện việc khảo hạch học trò. Trịnh Chb. XLIII,32

(1) Xem thêm tờ 11, 12 trong cuốn này.

Sâm y cho ; duy các châu, huyện ven núi thuộc ngoại trấn vẫn cho kiêm lý.

Tháng 3. Thổ quan châu Tư Lăng nhà Thanh trả lại đất châu Lộc Bình.

Lúc ấy, dân thổ châu Tư Lăng, tranh chiếm địa giới xã Tĩnh Gia thuộc châu Lộc Bình. Triều đình hạ lệnh cho Phạm Đồng Viện, đốc đồng Lạng Sơn, sai người đi phân giải. Quan châu Lộc Bình bèn trả lại đất ấy, sau đó lại đem dâng ngựa để tạ lỗi.

Lời chua - *Phạm Đồng Viện* : Người xã La Đôi, huyện Thanh Lâm[1], đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Tỉnh Gia : Tên xã, thuộc châu Lộc Bình, Lạng Sơn.

Châu Tư Lăng : Thuộc tỉnh Quảng Tây, nhà Thanh.

Trịnh Sâm cho dời trấn lỵ Thanh Hoa đến xã An Lãng.

Sâm lấy cớ rằng phủ An Trường là nơi cối gốc, mà địa phận An Lãng tiếp giáp với An Trường, nên hạ lệnh dựng lỵ sở của trấn Thanh Hoa ở đây để cai trị.

Lời chua - ***Phủ An Trường*** : Xem Trung Tông, năm Thuận Bình thứ 5 (Chb. XXVIII, 4).

An Lãng : Tên xã, thuộc huyện Thuỵ Nguyên, tỉnh Thanh Hoa.

Các huyện Kim Động, Nam Xang và Hoài An mưa ra đất.

Lời chua - *Kim Động* : Tên huyện, thuộc tỉnh Hưng Yên.

Nam Xang : Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 3 (Chb.XXVIII, 15).

Hoài An : Xem Chiêu Tông, năm Quang Thiệu thứ 7 (Chb.XXVII, 9). Chb. **XLIII**,33

Tháng 4, mùa hạ. Nước Nam Chưởng sang cống nạp.

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.

Nam Chưởng là một bộ lạc của Nam Chiếu xưa, từ nhà Minh trở về trước gọi là Đại Man, đến nhà Thanh mới phong làm một nước. Đất nước này phía đông nam giáp Hưng Hoá, phía tây qua Nam Giang đến Tiêm La, phía bắc qua Mường Lự thông sang Vân Nam. Từ trước, nước này chưa cống nạp nước ta, đến nay mới thông hiếu.

Lời chua - *Nam Chưởng* : Theo *Thông giám tập lãm* thì Nam Chưởng tức Man Lão Qua xưa, phía đông nam tiếp giáp địa giới nước ta.

Khảo duyệt các quan phủ và huyện.

Bọn Nguyễn Nghiễm, giữ chính quyền trong phủ chúa Trịnh, dâng tờ khải nói : "Chức trách thú lệnh rất là gần dân, nếu không dùng được người tốt, thì dân sẽ bị tai hại. Ít lâu nay bộ Lại cất nhắc bổ dụng, chỉ dựa vào tư cách, vào năm tháng làm việc và công lao, không xem xét người ấy tốt hay xấu ; đến việc trao chức cho các viên tá nhị lại càng bừa bãi rối ren, do đấy mà quan lại làm việc chưa được trong sạch. Vậy từ nay xin khảo duyệt kỹ lưỡng hơn, chỉ cốt chọn lấy người nào tư cách và đường xuất thân cùng xứng đáng, lời nói và việc làm đều có thể thu dụng được, rồi định rõ kỳ hạn nhất tề họp tập để xét thực, bấy giờ sẽ cho đi nhận chức". Trịnh Sâm y cho. Từ đấy phàm có cất nhắc bổ dụng các viên phủ, huyện, trước hết bộ Lại sát hạch, rồi đệ lên quan chính đường xét duyệt lại, mới cho đi nhận chức. Việc cất nhắc bổ dụng có phần cẩn thận được đôi chút. Chb. XLIII,34

Tháng 6. Dựng chùa Tiên Tích ở ngoài cửa Đại Hưng.

Lời chua - *Chùa Tiên Tích* : Nay ở thôn Nam Ngư, tổng Vĩnh Xương, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Nội[1].

Mồng một, tháng 9, mùa thu. Nhật thực.

(1) Hiện nay chùa Tiên Tích hãy còn, ở gần ga Hàng Cỏ, đường Lê Duẩn Hà Nội.

Bổ dụng Lê Quý Đôn làm tả thị lang bộ Công, quyền giữ chức đô ngự sử.

Trước kia, Quý Đôn làm phó đô ngự sử, thường dùng số bạc đút lót trong khi xét kiện để dâng chúa Trịnh, bèn được thăng chức Hữu thị lang bộ Hộ. Đến nay, nhân khi khám xét hạt Thanh Hoa trở về, lại dâng hơn một ngàn lạng bạc đã ăn của đút, nên do chức hữu thị lang bộ Hộ thăng lên chức này.

Quý Đôn lại trình bày bốn việc : 1.Cống sĩ thi hội trúng được kỳ đệ tam phần nhiều xin lạm sắc nội hoàng gia ơn, nhảy qua tư cách trao chức vượt bậc. Xin xét thực, bắt trở về bậc cũ ; 2. Hiến sát phó sứ và tham nghị là người có chuyên trách ở một địa phương, thế mà ít lâu nay những bọn cầu may để làm quan phần nhiều không do các quan trong triều đường bảo cử, chỉ lén lút cầu cạnh để được dự vào sự bổ dụng. Xin thu hồi lệnh trước, mà cho các quan trong triều đường bảo cử theo như lệ cũ ; 3. Đất bãi ở các lộ xin phái các quan chia nhau đi khám lại ; 4. Những dân xã ở các lộ, trước đây phụng mệnh được miễn trừ, gần đây vì chép lại sổ sách, rồi sinh ra sự thay đổi thêm bớt gian trá. Xin sai tín thần[1] xét thực để chỉnh đốn lại cho được đúng". Trịnh Sâm cho là phải lẽ cả, lập tức hạ lệnh thi hành. Chb. XLIII,35

Lời phê - *Chỉ có tiếng mà không có thực, thì trước kia tự trình bày tội lỗi của mình, chẳng qua cũng chỉ vì nóng ruột muốn nhảy lên quan to mà thôi*[2].

Lời chua - *Nội hoàng* : Ý nói sắc mệnh của trăm quan, nếu do nội điện vua Lê cấp phát thì giấy viết sắc dùng giấy màu vàng, nếu do phủ chúa Trịnh cấp phát thì dùng giấy lệnh trắng, cho nên sắc ở nội điện gọi là nội hoàng.

(1) Tức hoạn quan.

(2) Chỉ việc Lê Quý Đôn có tiếng là người thông minh, dỗ đến bảng nhãn, mà lấy bạc đút lót của dân dâng chúa Trịnh. Xem thêm *Chính biên* quyển XLII, tờ 27.

Thể lệ triều đường bảo cử : Trước đây các chức hiến sát phó sứ và tham nghị có thể lệ phải do các quan triều đường bảo cử. Từ khi Phạm Bá Ưng, hiến sát sứ Nghệ An, vì hà khắc nhũng nhiễu bị bãi chức, Trịnh Sâm bèn hạ lệnh từ đấy các quan triều đường không được bảo cử.

Dân xã được miễn trừ : Dân ở các xã, hoặc có người vì trung nghĩa, hoặc có người am hiểu công việc làm thợ ở các cục, được miễn trừ đi lính và dao dịch.

Tháng 11, mùa đông. Ngô [Thì] Sĩ, tham chính Nghệ An, vì có tội, bị bãi chức.

Trước đây, Trịnh Sâm nối ngôi, người ta phao truyền câu sấm, nói Hoàng Ngũ Phúc có ý mưu toan làm sự trái phép. Sâm lấy làm ngờ.

Lúc ấy, Nguyễn Lệnh Tân nhà ở Tây Hồ, một hôm, triều sĩ hội họp rồi bơi thuyền cùng vịnh thơ với nhau. Bài thơ của Ngô [Thì] Sĩ có câu "Tình vũ cánh nghi chu"(1), câu này ý nói về phong cảnh trong hồ, sau có người đổi ra là "Thảo mộc khủng phi Chu"(2), rồi đề đạt bài thơ ấy lên Trịnh Sâm. Trong phủ Trịnh Sâm lại thường nhận được thư nặc danh, xưng là triều sĩ dâng biểu, nói cần phải đề phòng Ngũ Phúc, bên ngoài người ta nói sai đi rằng "triều sĩ" tức là "Ngô Sĩ". Do đấy, Ngũ Phúc để tâm căm giận. Gặp lúc ấy, học trò trường Nghệ An khiếu tố về việc hai ti [Thừa chính và Hiến sát] khảo hạch không công bằng, vì thế triều đình bàn luận bãi chức Ngô Sĩ. Nhân đấy Ngũ Phúc luận tội thêm vào bốn chữ "hoàn dân thụ dịch"(3). Từ trước đến Chb. **XLIII**,36

(1) Câu này ý nói phong cảnh Hồ Tây, dù trời nắng hay mưa, lúc nào cũng đáng bơi thuyền để thưởng ngoạn.

(2) Câu này nghĩa đen : e rằng cỏ cây không phải của nhà Chu nữa. Chữ "thảo mộc" dùng nghĩa rộng là giang sơn đất nước, là nhân dân. Chữ "chu" câu trên là "cái thuyền", cùng một âm với chữ "chu" câu dưới là "nhà Chu" (một triều đại cổ Trung Quốc). Vì trong câu thơ có chữ "chu", nên người hiếu sự mới xuyên tạc ra chữ "Chu" là "nhà Chu" để nói bóng về nhà Trịnh.

(3) Trở về dân hạng chịu dao dịch.

nay, hạng văn thần phạm tội công, chưa có ai đến phải bãi chức, [nay Thì Sĩ phải bãi chức], nên người ta đều ghét Ngũ Phúc là người nham hiểm độc ác.

Lời chua - *Nguyễn Lệnh Tân* : Người xã Phù Nguyên[1], huyện Thuỵ Nguyên, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1763) năm Cảnh Hưng.

Tây Hồ : Có một tên nữa là Lãng Bạc. Xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18 (Tb.II, 11).

Tháng 12. Sâm giết thái tử cũ là Duy Vĩ và điện tiền hiệu điểm Nguyễn Lệ.

Sau khi thái tử đã bị giam, Sâm muốn giết đi, nhưng chưa tìm được chỗ sơ hở. Đến nay, Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Huy Đĩnh nhờ người khác tố cáo vu ra rằng "bọn Trần Trọng Lâm và Nguyễn Hữu Kỳ cùng với bọn gia khách của thái tử là cống sĩ Vũ Bá Xưởng và tự thừa Lương Giản định mưu dấy quân, để cướp lấy thái tử ra khỏi ngục". Rồi Huy Đĩnh đem việc ấy nói cho Sâm biết. Sâm hạ lệnh bắt đem trị tội. Lương Giản trốn. Bá Xưởng bị bắt, tra tấn nghiêm ngặt, lời cung của Bá Xưởng liên can cả đến Nguyễn Lệ. Lệ nói : "Thái tử là người sẽ nối ngôi vua sau này của một nước, nay không có tội gì mà bị giam cầm nhục nhã, thì định mưu cướp lấy thái tử đem ra là một việc nghĩa, nhưng thực tình tôi không được dự biết việc ấy. Nay nếu bức bách về sự khảo tả mà thú phục xằng, thì không phải là người có dũng khí, việc không mà nói có, thì không phải là người có nghĩa. Vả lại, việc này bảo là Lệ này tự định mưu, hoạ chăng còn có lý, chứ thái tử ở trong nhà giam, đến vợ con cũng không được ra vào, thì Lệ này từ đâu để yết kiến thái tử mà cùng nhau mưu tính được ? Bây giờ chỉ có việc chết mà thôi, chứ Lệ này chả biết nói gì cả !" Nguyễn Lệ bị khảo đả, nát hết da thịt mà vẫn Chb. **XLIII**,37

(1) Nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

không thay đổi lời khai. Huy Đĩnh tự dựng thành bản án dâng lên. Sâm sai Huy Đĩnh thắt cổ giết thái tử, lại giết cả bọn Nguyễn Lệ và Bá Xưởng nữa. Sau hạ lệnh thu lấy sắc mệnh của Trần thị là hoàng hậu đã mất và là mẹ đẻ thái tử ; các con thái tử là Khiêm, Trù và Chi đều bắt đem giam cấm ở ngục Đề Lãnh.

Lời chua - *Duy Khiêm* : Sau đổi là Duy Kỳ, tức Mẫn đế [Chiêu thống].

Duy Trù và Duy Chi : Sau đều bị giặc Tây Sơn giết.

Nguyễn Lệ : Người xã Thận Vi(1), huyện Thượng Nguyên.

Vũ Bá Xưởng : Người ở Đan Luân, huyện Đường An(2).

Lương Giản : Người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn(3).

Điện tiền hiệu điểm : Giữ việc quản lãnh cấm quân trong cung Thái tử.

(1) Thận Vi: nay là xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
(2) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(3) Nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 44

Từ Nhân Thìn, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 33 (1772) đến Bính Thân, năm Cảnh Hưng thứ 37 (1776), gồm 5 năm. Chb. XLIV,1

*
* *

Nhâm Thìn, năm [Cảnh Hưng] thứ 33 (1772).(Thanh, năm Càn Long thứ 37).

Tháng giêng, mùa xuân. Nước Ai Lao đến cống nạp.

Lời chua – *Ai Lao* : Xem Triệu Việt vương năm thứ 2 (Tb.IV, 9, 10).

Mồng một, tháng 3. Nhật thực

Khởi phục Nguyễn Nghiễm lại vào chầu giữ chức tham tụng.

Mùa đông năm trước, Nguyễn Nghiễm lấy địa vị thượng thư bộ Hộ, giữ chức tham tụng, viện lệ thôi làm quan. Triều đình hạ chiếu cho thăng chức đại tư đồ, sai quan hộ vệ đưa về tận làng. Nay Trịnh Sâm nhận thấy Nghiễm là người có tài, bèn khởi phục bổ dụng.

Sai Lê Quý Đôn đi dò hỏi tình trạng dân Lạng Sơn.

Vũ Trần Thiệu đến cửa Nam Quan chờ nhận mệnh lệnh [Nhà Thanh], khi trở về triều, nói hạt Lạng Sơn dân gian bị đau khổ. Triều đình bèn hạ lệnh cho Lê Quý Đôn đi xét hỏi.

Nhân đấy, Quý Đôn trình bày tình trạng hà khắc nhũng nhiễu của viên đốc trấn Lê Doãn Thân. Doãn Thân phạm tội, bị bãi chức.

Lời chua - *Trần Thiệu* : Nguyên tên là Trần Tự, người phường Đại Lợi, huyện Thọ Xương[1], đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739) năm Vĩnh Hựu triều Ý Tông. Chb. **XLIV**,2

Doãn Thân : Người xã Đại Mão, huyện Siêu Loại[2], đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748) năm Cảnh Hưng.

Lạng Sơn : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 19, 31, 35).

Tháng 5, mùa hạ. Bãi bỏ lệnh cấm nhân dân biên trấn tàng trữ binh khí.

Chế độ cũ, cấm dân gian tàng trữ binh khí riêng. Đến nay, Hoàng Đình Thể, lưu thủ trấn Hưng Hoá dâng nói : "Đất nơi biên viễn, binh lính do ở nông dân mà ra. Vả lại, binh khí do dân chế tạo, họ đều tự dùng để chống giữ, nay nhất luật cấm chỉ, e rằng bọn giặc cướp sẽ nhân chỗ sơ hở mà cướp bóc, thì không có gì phòng bị được". Vì thế, các ngoại trấn nơi biên viễn, đều bãi bỏ lệnh cấm trước. Duy trấn Yên Quảng vẫn theo lệnh cấm như các nội trấn.

Lời chua - *Lệnh cấm tàng trữ binh khí* : Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10, cấm nhân dân trong nước tàng trữ binh khí (Chb.XXI, 14).

Tháng 6. Trần Huy Mật, thượng thư bộ Lại, bị giáng chức làm thượng thư bộ Công.

Huy Mật chầu chực ở Kinh Diên, được nhà vua quý trọng, đem công chúa gả cho con hắn tên là Hựu, nhưng Trịnh Sâm có ý ghét.

(1) Tỉnh Thanh Hóa.
(2) Nay là huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trước đây sắc mệnh nội hoàng ban ơn nhiều đến hơn ngàn người. Lê Quý Đôn nhân nói về việc này, Sâm bèn sai Quý Đôn cùng Nguyễn Đình Huấn tra xét, rồi lấy cớ là Huy Mật không biết sửa chữa công việc cho được đúng đắn, nên Huy Mật can tội bị giáng chức.

Lời cẩn án - *Quan chế triều cố Lê, các quan trong kinh, về hàng đô ngự sử và tả thị lang, nếu người nào tại chức lâu năm mà có tư cách, đức vọng và chính trị, thì được thăng chức thượng thư trong ba bộ : bộ Binh, bộ Hình hoặc bộ Công, rồi chuyển lên thượng thư ba bộ : bộ Lại, bộ Hộ hoặc bộ Lễ. Phẩm trật thượng thư trong sáu bộ đều tòng nhị phẩm, nhưng về chế độ bổng lộc thì thượng thư bộ Công lại kém một bậc, bổng lộc được cấp theo trật chánh tam phẩm (tòng nhị phẩm bổng lộc cả năm 62 quan, chánh tam phẩm bổng lộc cả năm 56 quan). Vì thế, từ bộ Lại chuyển sang bộ Công gọi là giáng chức.* Chb. **XLIV**,3

Lời chua - *Nội hoàng* : Xem năm thứ 32 ở trên (Chb.XLIII, 35).

Tháng 7, mùa thu. Mặt trời có quầng hiện ra ba vòng, sắc xanh, trắng và đỏ.

Tháng 9. Sao Thái Bạch xuất hiện ban ngày.

Quý Tị, năm thứ 34 (1773).(Thanh, năm Càn Long thứ 38).

Tháng 3, mùa xuân. Bổ dụng Nguyễn Lệ, phó đô ngự sử, sung làm đồn điền sứ ở phủ Trường An.

Phủ Trường An, ruộng biển mỗi ngày một mở mang, chất đất màu mỡ ưa cấy lúa. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ xem xét địa thế, đắp đê ngăn nước mặn, mộ dân làm đồn điền nộp thóc. Nhân đấy, dựng kho ở Dục Thuý để chứa.

Lời chua - *Trường An* : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận thiên thứ nhất (Chb.II, 11). Chb. **XLIV**,4

Núi Dục Thuý : Xem năm thứ 24 ở trên (Chb.XLII, 16).

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán, có người bị chết nắng.

Tháng này hạn hán dữ dội, đầm hồ đều khô cạn, người đi đường có người bị chết nắng. Sâm hạ lệnh cho bầy tôi bàn luận tìm xét những chính trị thiếu sót ; miễn cho dân tiền thuế gia tô, xá những thuế còn để thiếu lâu ngày, bãi việc xây dựng, xét hình ngục ; lại hạ lệnh cho các trấn ti trình bày sự đau khổ của dân. Qua ngày hôm sau mưa to như dội nước xuống. Sau đó ban bố bảy điều nghiêm cấm trong kinh và ngoài trấn : 1. Lính đồn không được đánh thuế người buôn bán ; 2. Nhân dân không được tố cáo ruộng ẩn lậu ; 3. Người cai quản không được đòi hỏi khám xét kiện tụng ; 4. Nhà quyền thế không được chiếm bậy ruộng của dân ; 5. Án nhân mạng không được hoà giải riêng với nhau ; 6. Đê đường không khuyết liệt, đất bãi không bồi ra hoặc lở đi thì không được nhất luật khám xét đo đạc ; 7. Chợ và bến đò, nếu chỗ nào trước kia không có thể lệ thu thuế, không được đánh thuế trái phép. Bảy điều trên này là theo lời tâu bày của các trấn ti.

Bổ dụng hoạn quan Phạm Huy Đĩnh giữ chức phủ sự, Lê Quý Đôn vào chầu giữ chức bồi tụng.

Trước kia, Trịnh Sâm ở Lượng phủ, Huy Đĩnh rất được Sâm yêu, Quý Đôn lén lút giao kết chặt chẽ, Huy Đĩnh dắt díu Quý Đôn cùng làm việc, Quý Đôn lại càng thân mật với Huy Đĩnh. Phàm những việc dùng để xén bớt ức chế nội điện,[1] không việc gì không làm, nên người ta đều sợ khí thế quyền lực của Quý Đôn. Chb.**XLIV**,5

Chế độ hồi đầu triều Lê : hằng tháng, ngày mồng một và ngày rằm, cử hành lễ thường triều, trăm quan chiếu theo ban thứ vào chầu bái yết. Từ khi Trịnh Sâm chuyên giữ quyền chính trong nước, hạ lệnh cho phủ liêu và Ngự sử đài, cứ ngày

(1) Chỉ triều đình vua Lê lúc bấy giờ.

mồng một hàng tháng vào phủ chúa bàn định công việc, gọi là "nhập các". Đến lúc Quý Đôn được vào giữ chính quyền trong phủ chúa, hễ đến ngày mồng một, ngày rằm, các quan văn, võ thường thoái thác có bệnh cáo nghỉ, nên lễ thường triều chỉ có hoàng tử cùng bầy tôi nội điện vào chầu bái yết mà thôi, còn các quan không ai đến cả.

Hạ lệnh xét những người giả mạo nhận lạm quân công.

Từ năm Vĩnh Hựu (1735 - 1739) dùng quân đánh dẹp đến nay, nhân dân nhiều người mạo nhận quân công, được vượt bậc trao cho chức quan cao quý, thành ra ở dân gian số chức sắc ngang với số bạch đinh, người thật người giả rối loạn không phân biệt được, tệ tập gian trá dần dần lan rộng. Triều đình nhiều lần bàn định hạn chế bớt đi, nhưng chưa thể thi hành được. Đến nay, hạ lệnh tra xét kỹ càng để chỉnh lý lại, những người có quân công thì căn cứ vào quan tịch cấp trả lại văn bằng, ngoài ra, người nhân sự cầu may mạo nhận cáo sắc đều thu lại tiêu huỷ. Trong số người được cấp văn bằng, mười phần chỉ còn lại hai ba phần.

Tháng 5. Khởi phục Nguyễn Bá Lân giữ công việc bộ Lễ.

Trước kia, Bá Lân vì già yếu, xin từ chức, Trịnh Sâm nhận thấy Bá Lân là bầy tôi cũ từ triều trước, am hiểu tinh tường về điển lệ cũ, nên cho vẫn ở nhà tại kinh thành để phòng khi cần hỏi han đến. Nay lại khởi phục bổ dụng.

Định rõ lệnh cấm đúc tiền vụng trộm. Chb. **XLIV**,6

Người nào tố cáo người đúc tiền trộm, mà xét ra là sự thực sẽ được thưởng chức hai tư.

Làm lại sổ hộ tịch.

Trịnh Sâm nhận thấy trong nước đã đi đến thái bình, số hộ khẩu ngày thêm nảy nở, muốn xét thực số đinh để sửa đổi lại ngạch đinh trong sổ, Quý Đôn lại ra sức tán thành. Sâm

bèn hạ lệnh các đại thần bàn định phép làm sổ. Sâm nói : "Nhà nước lúc bắt đầu trung hưng, chiếu theo phép cũ, ba năm một lần làm sổ hộ ; năm Cảnh Trị, mới lập ra phép bình lệ[1] không tính số đinh tăng lên hay sút đi, phép ấy thi hành hơn 50 năm, phần nhiều sai suyễn ; năm Bảo Thái tiếp tục làm sổ[2] cũng chỉ dựa theo ngạch cũ, rồi sau không kế tiếp sửa lại, đến nay lại đã hơn 50 năm rồi. Bây giờ nên cân nhắc phép đời trước, châm chước việc ngày nay, tham khảo mọi mặt định thành điều lệ, xét thực số nhân đinh, sửa đổi lại sổ hộ, cho phép dân được tự liệu lượng nhân khẩu mà chịu số hộ, để cho đủ ngạch trong sổ". Vì thế, hạ lệnh cho Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Phương Đĩnh và Lê Quý Đôn giữ công việc này. Nhưng Nguyễn Nghiễm và Phương Đĩnh chỉ làm cho đủ chức vị mà thôi, mọi công việc đều do Quý Đôn chủ trương hết. Quý Đôn kê cứu tra xét quá nghiêm khắc, nhân dân đều nghiến răng căm hờn, họ làm thư nặc danh dán ở cửa phủ chúa Trịnh xin bãi bỏ Quý Đôn đi mà dùng Ngũ Phúc, lời lẽ trong thư rất là khích thiết. Nhân đấy, Trịnh Sâm thay đổi mệnh lệnh, cho Ngũ Phúc cùng Quý Đôn đều giữ công việc đôn đốc làm sổ. Ngũ Phúc xin thi hành theo điều lệ đời Cảnh Trị, đại để có nơi tăng, có nơi giảm, có nơi bình bổ vẫn như cũ. Số dân đinh hơi kém với ngạch đinh năm Bảo Thái, dân cũng cho là thuận tiện. Chb. **XLIV**,7

Quý Đôn lại cùng Phạm Huy Đĩnh tra xét vùng ven biển thuộc lộ Sơn Nam hạ, trích ra được hơn chín ngàn mẫu ruộng lậu thuế, đều đăng ký vào ngạch thuế bắt phải chịu tô. Nhân dân phần nhiều ta oán.

Lời chua – *Sổ hộ* : Phép tuyển duyệt đời cố Lê, từ khoảng năm Hồng Đức (Lê Thánh Tông) đến Vĩnh Thọ (Lê Thần Tông) kế tiếp làm sổ hộ, ba năm một lần tiểu tạo, sáu năm một lần đại tu, triều đình phái

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIII, tờ 29.
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVI, tờ19.

quan đi duyệt tuyển dân đinh, hạ lệnh cho các xã thôn kê khai hộ chính đinh và hộ trú ngụ, chia ra các hạng tráng, hạng quân, hạng lão, hạng cố (người không có sản nghiệp, phải đi làm thuê), hạng cùng (đàn ông không có vợ, đàn bà goá chồng, trẻ mồ côi, người trơ trọi một mình, những người này không nương tựa vào đâu được) ; còn hạng lão nhiêu, đốc tật, biệt tinh (người được miễn trừ dao dịch) và phiêu lưu thì để ngoài sổ ; dân đinh đến tuổi trưởng thành thì biên tên vào sổ ; người ngụ cư thì biên vào sổ phụ. Mỗi xã làm 4 bản sổ : một bản dâng lên triều đình, một bản nộp bộ Hộ, một bản đệ ti Thừa chính ở trấn và một bản đệ nộp ở huyện. Phàm những việc đánh thuế, tuyển lính đều kê cứu vào sổ này. Đến khoảng năm Cảnh Trị (Lê Huyền Tông) triều đình thấy việc duyệt tuyển phiền phức, có ý chán nản, mới sai các quan chia nhau đi khám thực, thông tính nhân đinh điền sản các xã rồi liệu lượng quân bổ suất số, lập làm phép "bình lệ", từ sau người sinh ra không tính, người chết đi không trừ. Chb. **XLIV**,8

Nghiêm định rõ điều luật lính trốn.

Binh lính hai xứ Thanh Nghệ phần nhiều bỏ trốn, thiếu ngạch, bèn sai quan đi tra xét nã bắt. Trịnh Sâm hạ lệnh cho quân và dân hai xứ, đại lược nói : "Triều trước rộng tha dao dịch thuế khoá cho hai xứ, để nộp lính sung vào việc binh nhung, làm nanh vuốt của nước. Thế mà ít lâu nay, những người đã có tên thuộc vào sổ lính phần nhiều bỏ trốn, những xã còn thiếu ngạch lính trong sổ ít có xã chịu bổ sung, dân ngang ngạnh trốn tránh cẩu thả, tập thành thói quen ! Nay uỷ cho viên đại thần giữ việc đốc thúc các quan ở trấn tra xét nã bắt, xã nào có lính trốn thiếu ngạch, đều phải chọn dân đinh để ứng tuyển. Nếu người nào dám gian trá, quyết không dung tha". Vì thế hạ lệnh cho viên quan giữ việc binh khai rõ thực số lính trong bộ thuộc của mình, nghiêm định rõ điều luật lính trốn, người nào che giấu sẽ xử theo tội nặng.

Tháng 7, mùa thu. Thuỷ tai lớn, vỡ đê Đông Trạch.

Nước lớn, vỡ đê Đông Trạch, các lộ Thường Tín, Ứng Thiên và Lỵ Nhân, hơn một ngàn nhà bị nước cuốn tan nát, thóc lúa bị ngập lụt.

Lời chua - *Đông Trạch*(1) : Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

Ứng Thiên : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 5 (Chb.II, 18).

Thường Tín : Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb.XXXIII, 3).

Lỵ Nhân : Tức Lợi Nhân, xem Lý Nhân Tông, năm Thiên phù duệ vũ thứ 6 (Chb. IV, 14). Chb. **XLIV**,9

Tháng 8, mùa thu. Hạ lệnh cho dân nộp của sẽ trao cho quan chức.

Lúc ấy, đê điều vỡ lở, việc sửa đắp đều khó nhọc, vừa phí tổn. Bầy tôi bàn định, cho rằng : "Công việc phiền phức trọng đại, tất phải lấy của lấy sức ở dân, nhưng muốn lấy, cần phải có đạo lý. Vậy nay nên dùng chức tước để chiêu mộ lấy của ở người giàu thì người giàu không tiếc của, dùng tiền của để chiêu mộ lấy sức ở người nghèo, thì người nghèo không tiếc sức, của cải sức lực đều đầy đủ, mới có thể hoàn thành công việc được". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh lấy của nhà giàu nộp vào để mộ dân đắp đê.

Tháng 9. Miễn một nửa thuế gia tô sang năm cho các lộ vùng Tây, vùng Nam và vùng Bắc.

Lời chua - *Thuế gia tô* : Xem năm Cảnh Hưng thứ 3 (Chb.XXXIX, 27).

Tháng 10, mùa đông. Lại hạ lệnh cấm tả đạo Hòa Lan.

Hạn định trong hai tháng người theo đạo Hoà Lan phải thay đổi hết tập tục cũ, người nào trái lệnh sẽ có tội. Về phần xã dân, nếu người nào cố ý dung túng sẽ bị tội lây, người nào cáo tố được sự thực sẽ tha dao dịch cho con cháu.

(1) Nay là thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Lời chua - *Tả đạo Hoà Lan* : Tức Hoa Lang. Xem Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (Chb.XXXIII, 5, 6).

Giáp Ngọ, năm thứ 35 (1774).(Thanh, năm Càn Long thứ 39).

Tháng giêng, mùa xuân. Ở kinh sư động đất.

Tháng 2. Nghệ An bị đói to. Chb. **XLIV**,10

Dân Nghệ An nhiều người chết đói. Triều đình hạ lệnh cho các quan giữ chính quyền bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp : giữ lại số tiền do nhà giàu trong trấn ấy đệ nộp để phát chẩn cho dân ; tha các thuế tuần ti trong hạt để việc buôn bán được lưu thông ; khoan dung việc đốc thúc bắt lính trốn ; đình hoãn việc bắt xét các kiện tụng. Lại hạ lệnh cho ti Hiến sát dò hỏi tỉ mỉ về sự đau khổ của dân, rồi trình bày để triều đình rõ. Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má hão mà thôi.

Tháng 5, mùa hạ. Trịnh Sâm sai tướng là Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng, đem quân các đạo vào xâm lấn trong Nam.

Từ khi đã bình định được Hưng Hoá(1) và Trấn Ninh(2), Trịnh Sâm quen mui thắng trận, thích lập chiến công, mong làm việc trái với bổn phận. Hắn được tin Thuận Hoá ta có quyền thần là Trương Phúc Loan chuyên quyền, càn rỡ, hà khắc, bạo ngược, bị dân oán ghét ; lại có bọn Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn nổi loạn tại Quy Nhơn, hắn muốn nhân sự sơ hở để thu lấy lợi lớn. Gặp lúc ấy, Bùi Thế Đạt, trấn thủ Nghệ An, cho trạm chạy văn thư về triều nói hiện trạng Thuận Hoá có thể đánh lấy được, Hoàng Ngũ Phúc và Nguyễn Nghiễm đều tán thành việc này. Trịnh Sâm bèn quyết chí đánh.

Bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc vì tuổi già nghỉ việc về nhà, Sâm liền khởi phục ra làm đại tướng, mà bổ dụng Phan Lê Phiên

(1) Địa bàn hoạt động của Hoàng Văn Chất.
(2) Địa bàn hoạt động của Lê Duy Mật.

và Uông Sĩ Điển giữ chức tuỳ quân tham biện, Đoàn Nguyễn Thục giữ chức đốc thị Nghệ An, thống lãnh tướng sĩ 33 doanh cùng quân thuỷ, quân bộ các đạo Thanh, Nghệ, vùng đông nam, số quân gồm ba vạn, tiến thẳng vào Nghệ An. Bọn Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Thể đều thuộc quyền chỉ huy của Ngũ Phúc. Một mặt hạ lệnh cho Nguyễn Lệ và Hoàng Đình Bảo lệ thuộc theo sự điều khiển. Sâm lại nhận thấy vùng Thuận Hoá luôn mấy năm mất mùa đói kém, lương ăn của lính không thể dựa vào dân được, bèn trù tính phải tải lương, chia đặt ba trường sở lương thực : Trường sở Sơn Nam đặt ở Mỹ Lộc, dùng bọn Nguyễn Đình Diễn quản lĩnh việc chi tiền, bắt tứ trấn đong thóc trong hạt giã thành gạo, hợp với số lượng chứa trong kho, rồi theo đường thuỷ tải vào Nghệ An ; trường sở Nghệ An đặt ở Hà Trung, dùng bọn Đoàn Nguyễn Thục quản lãnh, bắt mua thóc gạo nhà giàu trong hạt, hợp với số lương của trường sở Sơn Nam, rồi tuỳ tiện hoặc theo đường thuỷ hoặc theo đường bộ tải vào Quảng Bình ; trường sở Quảng Bình đặt ở Đông Hải, sai bọn Ngô Dao giữ việc vận tải cả số lương, dự bị xếp đặt điều khiển để cung cấp lương thực cho binh lính. Chb.**XLIV**,11

Khi Ngũ Phúc đã hành quân, Sâm lại tự tay viết thư đưa cho, trong thư nói : "Ông đến Nghệ An, nên tuỳ cơ mà trù tính định liệu, trước hết đưa thư cho các tướng giữ biên giới, nói thác ra rằng : "Việc hành quân này chỉ cốt phòng bị giặc Tây Sơn chạy trốn". Nói như thế để thăm dò tình hình của họ. Nếu họ đã bình định được giặc Tây Sơn, thì lại đưa thư để đạt ý chí rồi dẫn quân về, đừng làm cho họ sinh nghi, lại gây hấn khích ở nơi biên giới".

Lời chua – *Sĩ Điển* : Có một tên nữa là Sĩ Lãng, người xã Vũ Nghị, huyện Thanh Quan[1], đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766), năm Cảnh Hưng.

---

(1) Nay là một phần của huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đình Bảo : Có một tên nữa là Tố Lý, cháu Hoàng Ngũ Phúc, người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh(1). Chb. **XLIV**,12

Ba mươi ba doanh : Nay không khảo cứu được.

Thuận Hoá, Sơn Nam, Mỹ Lộc, Nghệ An và Hà Trung : Đều xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI 17 - 18, 21 - 24, 33).

Quảng Bình : Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb.XXXII, 6).

Đông Hải : Xem năm thứ 39 ở dưới (Chb.XLV, 10).

Tháng 6. Định thuế mỏ đồng Tụ Long.

Trước đây, mỏ đồng Tụ Long bị người phủ Khai Hoá xâm chiếm, khoảng năm Bảo Thái, (1720 - 1728) người nhà Thanh mới trả lại đất ấy. Đến nay định ngạch thuế, mỗi năm thu đồng đỏ một vạn cân.

Lời chua - *Việc người nhà Thanh trả đất* : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb.XXXVII. 3, 4).

Tụ Long (thịnh) : Tức Tụ Long (rồng), xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb.XXXVII, 5).

Phủ Khai Hoá : Thuộc địa giới tỉnh Vân Nam nhà Thanh, tiếp giáp với châu Vị Xuyên nước ta.

Tháng 7, mùa thu. Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Huấn châm chước định thể lệ cấp tiền thóc cho các quân trong kinh, ngoài trấn.

Binh chế lúc bắt đầu trung hưng, vì lính thị hậu, thì nhưng nhất, kiệu nhất là hơn cả ; thứ đến nội nhưng, nội kiệu ; lại thứ nữa đến tứ nhưng, tứ kiện, tứ nội bộ, tứ nội thuỷ; các đội : khuông, dực, chấn, thắng và các thuyền siêu, tuyển, ưu trạch, đều là thân quân.

(1) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Về chế độ nuôi quân, thì nhưng nhất và kiệu nhất hàng năm mỗi người được tiền khẩu phần 15 quan ; từ nội nhưng trở xuống sẽ bớt dần từ một quan đến tám quan là cùng. Ngoài ra, thuyền đội các doanh các cơ và lính tứ trấn là ngoại binh, mỗi người được 7 quan, cấp bằng thóc thì lấy tiền làm tiêu chuẩn. Cứ sáu tiền lấy một sọt thóc, mỗi sọt thóc định lệ là 70 bát quan đồng, đều chiểu theo số phải chịu mà liệu lượng cấp cho lính lấy ở dân. Chb. **XLIV**,13

Về việc chia cấp, thì khẩu phần của thân binh được cấp đều là dân xã trù phú, họ bắt ức dân đong nặng, mỗi sọt thường đến hơn 100 bát, còn ngoại binh thì lệ định cấp tiền đã ít, lại phần nhiều được cấp vào dân xơ xác bần cùng, hoặc có xã không thể nào nộp được. Vì thế nên thân binh thường thừa ăn, mà ngoại binh thì khổ sở thiếu thốn.

Đến nay, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Huấn và Phạm Huy Đĩnh chiếu theo ngạch lính và số đinh, bớt chỗ nhiều, thêm cho chỗ ít, châm chước cân nhắc, san sẻ lại, cốt làm cho được quân bình, nhưng cũng không thể nào thay đổi hết tệ cũ.

Lời cẩn án – *Binh chế đời cố Lê như thế này :*

– *Vệ sĩ binh ở nội điện (có ti thị kiệu, vệ cẩm y, các đội kim ngô và tả hữu loan giá ti, các đội tả hữu trực và đội thiên hùng).*

– *Các đội bộ binh thị hậu (có đội nhưng nhất, đội nội nhưng, các đội tứ nhưng, các đội tứ nội bộ, các đội tứ nội khuông, tứ nội dực, tứ chấn và tứ thắng, các cơ tứ thị trung, tứ thị nội, cơ thiên hùng, cơ trung hùng, đội thiện bảo, các đội tứ trung mã, tứ nội mã).* Chb. **XLIV**,14

– *Các đội thuyền thuỷ binh thị hậu (có thuyền kiệu nhất, thuyền nội kiệu, các thuyền tứ kiệu, các thuyền tứ nội thuỷ, các thuyền siêu nhất, tuyển nhất ưu nhất, trạch nhất, các thuyền tứ siêu, tứ tuyển, tứ ưu, tứ trạch, thuyền trung hậu, thuyền cận hậu, các cơ vệ tả và vệ hữu).*

Trên đây đều là thân quân thị hậu.

- Các doanh, cơ, đội ngoại binh (có các cơ tả tượng, hữu tượng, tiền tượng, hậu tượng, các đội tứ trung tượng, tứ nội tượng, các doanh trung khuông, trung tiệp, trung thắng, trung dũng, trung hùng, trung nhuệ và trung dực, các cơ tả khuông, hữu khuông, tiền khuông và hậu khuông, các cơ tả dực, hữu dực, tiền dực và hậu dực, các cơ tả nhuệ, hữu nhuệ, tiền nhuệ, hậu nhuệ, tả thắng, hữu thắng, tiền thắng, hậu thắng, tả tiệp, hữu tiệp, tiền tiệp, hậu tiệp, tả hùng, hữu hùng, tiền hùng, hậu hùng, các đội khuông tả, thắng tả, thắng hữu, dũng tả, khuông hậu, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu, các cơ thiện tả thiện hữu và tiền hoà quân doanh, tả hoà quân doanh).

- Thuyền đội ngoại binh (có các đội tiền nhất, hậu nhất, tiền trung, hậu trung, tiền nội, hậu nội thuỷ, các đội phấn trung, thiện trung, tương trung, đẳng trung, Chb. **XLIV**,15
các đội phấn tiểu, thiên tiểu, tương tiểu, đẳng tiểu, các thuyền tả, hữu tiền, hậu và thập hàng, các đội tả dũng, hữu dũng, tiền dũng, hậu dũng).

Các cơ đội Thanh Hoa (có cơ nội trấn, cơ trấn nội, cơ nhất hùng, các đội tả trấn, hữu trấn, tiền trấn, hậu trấn các đội tứ hùng, cơ hùng trung).

- Các đội phủ An Trường (có các đội kiên nhất, kiên nhì, kiên tam, kiên tứ và kiên ngũ).

- Các cơ đội xứ Nghệ An (có quân doanh ninh trấn, các cơ tả trấn, hữu trấn, tả ninh, hữu ninh, tiền ninh, hậu ninh, các đội ninh tả, ninh hữu, ninh tiền, ninh hậu, các đội tứ hãn, các đội nhuệ tả, nhuệ hữu).

- Các cơ đội châu Bố Chính (có cơ trung kiên, cơ trung chính, cơ trung bố, các đội tả chính, hữu chính, tiền kiên, hậu kiên, tả bố, hữu bố, đội tuần hải, các đội ninh nhất, ninh nhì, các đội nội tả, nội hữu, cơ trung trấn, cơ nhất tượng).

Trên đây đều là ngoại binh.

Tổng cộng 413 doanh, cơ, đội, thuyền.

Chế lộc nuôi lính. *Nhưng nhất, kiệu nhất, hàng năm khẩu phần tiền mỗi người 15 quan, thêm 6 tiền ; nội nhưng, nội kiệu mỗi người 14 quan, thêm 6 tiền : tứ kiệu, tứ nội thuỷ, tứ nội bộ mỗi người 13 quan, thêm 6 tiền. Còn về khuông, dực, chấn, thắng, siêu, tuyển, ưu, trạch thì đều theo thứ tự bớt dần đến 8 quan là cùng. Ngoài ra, các doanh cơ, đội ngoại binh cùng các cơ đội châu Bố Chính hàng năm mỗi người được khẩu phần tiền 7 quan*(1). *Số tiền này do Hộ phiên thống kê, rồi chia về dân xã cấp khẩu phần cho lính. Đội nhưng nhất và thuyền kiệu nhất được 5 xã, đội tứ nhưng được 4 xã, đội tứ nội bộ được 3 xã, khuông và dực được 6 xã, chấn và thắng được 4 xã, cơ thiên hùng được 9 xã, cơ trung hùng được 10 xã, thuyền tứ kiệu được 4 xã, thuyền tứ nội thuỷ được 4 xã, các thuyền siêu, tuyển, trạch, ưu đều được 4 xã, thuyền trung hậu được 1 xã, thuyền cận hậu được 4 xã, vệ tả và vệ hữu được 10 xã. Ngoài ra các đội thuộc các doanh, cơ ngoại binh được từ 10 xã, 9 xã đến 2 xã, 1 xã không đều nhau.* Chb. **XLIV**,16

Trên đây là binh chế sau khi trung hưng, chép ở Lịch triều hiến chương *đại lược như thế, còn mỗi dân xã phải chịu tiền hoặc thóc bao nhiêu, chia cấp cho thực số binh đinh bao nhiêu và lần này sửa định lại để châm chước cấp phát thế nào, không khảo cứu được, vậy hãy chép ở đây để phòng lúc tham khảo đến.*

Mồng một, tháng 8. Nhật thực.

Định thể lệ thuế phủ Trà Lân. Chb. **XLIV**,17

---

(1) Nguyên văn chép "tiền thất dăng". Chữ "dăng" có lẽ in lầm, vì chữ này không có nghĩa dùng làm đơn vị về tiền dược. Chúng tôi thấy ở trên số tiền cấp cho thân binh nhiều nhất là 15 quan, rồi rút dần đến 8 quan là cùng, thì số tiền cấp cho ngoại binh phải là 7 quan, nên dịch là "tiền 7 quan".

Ngạch thuế cũ của bốn huyện thuộc phủ Trà Lân mỗi năm phải nộp 190 lạng vàng và 500 cân diêm tiêu. Từ lúc Lê Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, thuế khoá đã lâu không nộp ; khi dẹp được Duy Mật rồi, chiêu tập được nhân dân trở về, đến nay liệu lượng ấn định thể lệ thuế khoá, mười phần chỉ thu hai phần.

Lời chua - *Trà Lân* : Tức Trà Long, xem Bình Định vương năm thứ 7 (Chb. XIII, 17).

Bốn huyện : Tức Kỳ Sơn, Hội Ninh (nay đổi Hội Nguyên), Vĩnh Khang (nay đổi Vĩnh Hoà) và Tương Dương.

Trong sông Kỳ Hoa có hòn đá lớn tự nhiên dời đi nơi khác.

Hòn đá lớn từ trong sông dời lên núi Cấp Dẫn, đi qua đến đâu đều có dấu vết đến đấy.

Lời chua -*Kỳ Hoa* : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb.XXXVI, 27).

Cấp Dẫn : Tên xã, thuộc huyện Kỳ Anh, tỉnh Nghệ An[1].

Nay xét trên núi Cấp Dẫn, có một hòn đá trắng lớn, nằm đè lên trên đá đen, có thể chứa được vài mươi người ngồi. Tương truyền hòn đá này từ trong sông dời lên. Lúc bấy giờ có viên tự thừa (sót họ tên) người trong xã làm bài ký rằng : "Cấp Dẫn chi thạch, chúng hắc độc bạch, tự ti đăng cao, thư từ bất bách, thuỵ gia ? dị gia ? ký chi vi tích " (Đá trên núi Cấp Dẫn, các hòn khác đều sắc đen, chỉ có một hòn sắc trắng, hòn đá trắng này từ chỗ thấp dời lên chỗ cao, dời đi thư thả không cấp bách, thế là điềm lành hay điềm dữ ? Vậy chép lại để làm ghi tích).

Tháng 10, mùa đông. Quân lính Hoàng Ngũ Phúc qua sông Gianh, tiến sát đến doanh luỹ Trấn Ninh. Chb. XLIV,18

(1) Nay Kỳ Anh thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Quân lính của Ngũ Phúc đóng ở xã Hà Trung, bề ngoài mượn tiếng là đem quân giúp [Đường Trong] giết giặc, mà bề trong thì sai người lẻn lút liên kết với người biền lại[1] giữ biên giới của ta, rồi nhân đêm đem quân lẻn qua đò sông Gianh, sáng sớm hôm sau quân sĩ đều lên bờ, đóng ở xã Cao Lao. Tôn Thất Tiệp, trấn thủ doanh Bố Chính, sai cai đội là Quý Lộc (sót họ) và câu kê là Kiêm Long (sót họ) đến khao quân để làm cách hoãn binh. Ngũ Phúc sai người bí mật giao thiệp với hai người này. Kiêm Long nói : "Đường không đi thì không đến, chuông không đánh thì không kêu". Ngũ Phúc hiểu ý, bèn tiến quân, sai bọn Hoàng Đình Thể, tướng cầm quân ở một đạo khác, lẻn đem quân tiến sát đến doanh luỹ Trấn Ninh. Do đấy cai đội mã quân là bọn Hoàng Văn Bật và Lê Thập Thí, tự làm người ứng tiếp bên trong, mở cửa đồn ra hàng. Quân sĩ của Ngũ Phúc vừa đánh trống vừa reo hò tiến vào. Tướng giữ đồn là Tống Hữu Trường bỏ chạy. Đồn luỹ Trấn Ninh có tiếng là hiểm trở thiên nhiên, sau khi Ngũ Phúc đã kéo quân vào, bèn san phẳng lũy ấy.

Trịnh Sâm thấy Ngũ Phúc đem đạo quân trơ trọi một mình đi vào quá sâu, e sẽ xảy ra sự bất trắc, bèn quyết kế thân đi tuần hành nơi biên giới để làm thanh thế viện trợ cho Ngũ Phúc ; dùng bọn Nguyễn Đình Thạch, Nguyễn Hoàn, Nguyễn Đình Huấn và Lê Quý Đôn ở lại trấn thủ kinh thành, rồi chia binh sĩ làm bốn đạo quân : bổ dụng Phạm Huy Đĩnh làm tiền tướng quân, Trương Khuông làm hậu tướng quân, Nguyễn Nghiễm và Lê Đình Châu làm tả tướng quân và hữu tướng quân, còn Trịnh Sâm tự thống suất đại binh ở giữa để tiếp ứng. Tháng 11, Sâm tiến quân đến Nghệ An, đóng ở Hà Trung. Chb. XLIV,19

(1) Một danh từ thời phong kiến dùng để gọi quan lại bậc thấp về hàng võ.

Tháng 12, sau khi đã vào Trấn Ninh, nhân đấy Ngũ Phúc tiến quân đóng ở xã Hồ Xá, làm tờ hịch kể tội trạng Phúc Loan lấn quyền, bưng bít người trên, và nói : việc hành quân này chỉ cốt trước hết trừ khử một Phúc Loan, sau nữa tiễu trừ bọn giặc kiệt hiệt, thực không có ý gì khác cả. Các tướng [Đường Trong] là bọn Nguyễn Cửu Pháp cùng nhau lập mưu bắt Phúc Loan đưa nộp quân doanh Ngũ Phúc. Ngũ Phúc bắt được Phúc Loan, mừng lắm, bèn hạ lệnh cho quân cuốn cờ, im trống, kéo lẻn đến huyện Đăng Xương, lại đưa thư nói : Giặc Tây Sơn chưa tiễu trừ xong, xin hội quân ở Phú Xuân để ứng tiếp.

[Đường trong] lúc ấy Tôn Thất Tiệp làm thống binh, quản lãnh thuộc hạ là bọn cai đội Đặng (sót họ) đem quân chống cự, chưởng cơ Nguyễn Văn Chính đem các quân thuỷ, quân bộ hội ở sông Bái Đáp. Ngũ Phúc mật sai bọn Hoàng Đình Thể và Hoàng Nghĩa Phác do đường núi sang qua ghềnh Trầm và ghềnh Ma, rồi mặt trước mặt sau đánh khép lại. Văn Chính cố sức đánh, bị chết trận, các quân đều tan vỡ.

Lời phê(1) - *Bên trong, nếu không có bầy tôi lộng quyền, quan lại gian trá, thì bên địch dầu hiểm giảo ngàn phần cũng không làm gì được. Việc này đáng đau đớn tức giận đến ngàn đời !*

Lời chua - *Cửu Pháp* : Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là con công thần Nguyễn Cửu Thế.

Văn Chính : Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, nhập tịch ở Thừa Thiên, là con quận công Nguyễn Văn Phú. Đầu năm Gia Long, truy tặng tả quân Đô đốc quận công, được xếp vào hàng thờ ở miếu Hiển trung trung tiết công thần.

Nghĩa Phác : Người xã Hoàng Vân(2), huyện Kim Động.

---

(1) Chỉ việc Kiêm Long bí mật giao thiệp với người của Ngũ Phúc và ngỏ ý bảo họ tiến quân.
(2) Nay là thôn Hoàng Vân, xã Đồng Tiến, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.

Trấn Ninh : Nay là Trường thành Nhật Lệ, ở huyện Phong Lộc[1], trên từ núi Đâu Mâu, dưới đến cửa biển Nhật Lệ. Chb. **XLIV**,20

Sông Gianh (Linh Giang) : Xem Chân Tông, năm Phúc Thái thứ 6 (Chb.XXXII, 6).

Xã Cao Lao : Thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Hà Trung : Xem Thần Tông, năm Vĩnh Tộ thứ 9 (Chb.XXXI, 24).

Xã Hồ Xá : Thuộc huyện Minh Linh, tỉnh Quảng Trị.

Huyện Đăng Xương : Thuộc tỉnh Quảng Trị.

Hai ghềnh Trầm và Ma : Ở địa phận xã Cổ Bi, huyện Quảng Điền.

Sông Bái Đáp : Nay là sông Phú Lễ, ở địa phận xã Phú Lễ, huyện Quảng Điền.

Ất Mùi, năm thứ 36 (1775).(Thanh, năm Càn Long thứ 40).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bồi tụng Nguyễn Hoàn quyền tạm làm lễ tế nam giao.

Hàng năm tế nam giao, nhà vua thân đến hành lễ. Đến nay, vì Trịnh Sâm đi quân thứ chưa về, nên hạ lệnh cho Nguyễn Hoàn quyền tạm tế thay.

Sâm bổ dụng Hoàng Ngũ Phúc lãnh chức Đại Trấn phủ.

Sâm ở Hà Trung, sai Nguyễn Quỳnh đem cho Ngũ Phúc 100 lạng vàng và viết thư dặn bảo rằng : "Nay đã bình được Thuận Hoá rồi, còn Quảng Nam cũng nên lần lượt bình định nốt. Việc này, nếu không phải tay nguyên lão, không ai có thể đương nổi trách nhiệm. Vậy phàm điều khiển các việc, vỗ về hay đánh dẹp, đều cho phép được tuỳ tiện thi hành". Lại ban cho tướng sĩ 5 ngàn lạng bạc. Bèn để Ngũ Phúc ở lại giữ chức Đại Trấn phủ. Sâm dẫn quân về. Chb. **XLIV**,21

(1) Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

Lời chua – *Nguyễn Quỳnh* : Người xã Lai Thạch, huyện La Sơn[1], đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772), năm Cảnh Hưng.

Thuận Hoá : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 17, 23, 24, 33, 34).

Tha tô thuế cho trấn Thuận Hoá.

Trịnh Sâm sai sứ thần dụ bảo nhân dân Thuận Hoá : Tha cho tô thuế ; đình hoãn việc bắt phu tráng và nộp quân phu ; cho phép kỳ lão hào mục ở dân gian đều được giãi bày điều lợi hại về tình trạng của dân cùng đem cơ mưu về quân sự nên đánh nên giữ thế nào tâu lên để triều đình rõ.

Bổ dụng Nguyễn Lệ giữ chức tham lãnh xứ Nghệ An.

Lệ là người có văn học, thêm vào đấy lại biết mánh khoé khôn khéo. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng phủ, Lệ rất được Sâm yêu, lúc Sâm đã lên nối ngôi, cất nhắc Lệ cùng với cha là Nghiễm cũng giữ công việc trong chính phủ. Lệ thường sắp xếp cảnh giả ở vườn, ở sân của họ Trịnh, lại trang điểm cho hầu gái vào chầu để chúa Trịnh vui thích. Đến nay giữ chức Tham lãnh, bèn hạ lệnh cho mua vét hết thóc nhà giàu để cung cấp lương quân lính. Theo chế độ cũ, người đã giữ chức Tham lãnh, thì không bao lâu sẽ thăng lên giữ chức Đốc suất. Sau khi Lệ đã được mệnh lên giữ chức, thủ hạ của hắn cậy thế làm càn, bị nhiều người oán. Trịnh Sâm nghe biết tình tệ ấy, cho triệu về triều, giáng chức ba bậc.

Tháng 2. Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp xứ Quảng Nam. Chb.**XLIV**,22

Tiên tổ Văn Nhạc, người huyện Hưng Nguyên, xứ Nghệ An, khoảng năm Thịnh Đức (niên hiệu Lê Thần Tông) (1653 – 1657) bị quan quân ta[2] bắt được đem về, cho ở tại

(1) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

(2) Tức chúa Nguyễn, Đường Trong.

huyện Tuy Viễn thuộc phủ Hoài Nhân, kế tiếp vài đời, đến Nguyễn Nhạc được giữ chức Biện lại ở tuần Vân Đồn. Vì đánh bạc tiêu mất tiền công, Nhạc bèn trốn vào Tây Sơn làm trộm cướp, những người vô lại và người nghèo đói phần nhiều phụ theo, vì thế thủ hạ có đến vài ngàn người. Nhạc cùng em là Văn Huệ, Văn Lữ chia nhau quản lãnh, rồi đi đánh cướp đồn ấp, viên tướng giữ trấn không sao kiềm chế được.

Văn Nhạc là người nhiều cơ mưu trí tuệ. Một hôm, tự ngồi vào trong cũi, rồi sai đồ đảng luân chuyển báo đi rằng : "Bắt được Văn Nhạc đem giải nộp trấn doanh". Viên tướng giữ trấn không ngờ là sự trí trá, bèn mở cửa doanh thu nhận. Đêm hôm ấy, đồ đảng của Nhạc lén đến ngoài thành, Nhạc liền phá cũi mà ra, mở toang cửa thành, đốt doanh trại, giết tướng giữ trấn, bèn chiếm cứ thành Quy Nhơn. Hào mục bản thổ đua nhau nổi dậy hưởng ứng với Nhạc, thế giặc càng ngày càng bùng lên. Đến nay, Nhạc sai đồ đảng là Tập Đình (tên người nhà Thanh) đem quân theo đường biển vào cửa biển Đại Chiêm, Nhạc đem quân đi tắt ra nguồn[1] Thu Bồn, đến cướp Quảng Nam. Bọn Nguyễn Cửu Du, tướng giữ Quảng Nam, bị thua trận. Lúc ấy, xa giá Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế ta chạy vào Gia Định, lập Mục Vương làm thái tử xưng là đông cung[2] ở lại trấn phủ Quảng Nam, đóng ở xã Câu Đê, để chống cự lại. Văn Nhạc định mưu dựa vào danh nghĩa để lừa dối dân chúng, bèn sai bọn Lý Tài (người nhà Thanh) rước đông cung về Hội An.

Chb. **XLIV**,23

Hoàng Ngũ Phúc bèn vượt núi Hải Vân, từ đồn Trung Sơn và xã Câu Đê tiến quân. Văn Nhạc phân phối sai Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, đón đánh quân của Ngũ Phúc ở Cẩm Sa. Quân của Tập Đình đều người Quảng

(1) Nguyên văn chép là "Nguyên". Theo *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn thì trên thượng du gọi "nguyên" cũng như hạ huyện gọi "tổng".

(2) Tên là Dương, cháu Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần.

Đông, đầu đội vải đỏ, cổ đeo giấy vàng, giấy bạc, tay cầm lá chắn bằng mây và siêu đao lớn, cởi trần xông pha đánh chém, thế rất mạnh tợn. Đội tiền quân của Ngũ Phúc không thể địch được, tước Quế Vũ bá (sót họ tên), nha hiệu của Ngũ Phúc, bị chết tại trận. Bấy giờ thuộc tướng là Hoàng Đình Thể, Hoàng Phùng Cơ đem kỵ binh nhanh nhẹn vào phá trận, Ngũ Phúc lùa quân ồ ạt tiến đánh. Tập Đình thua chạy. Văn Nhạc và Lý Tài lui quân giữ ở Bản Tân.

Lời chua - *Cửu Du* : Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là con Nguyễn Cửu Phá. Khoảng năm Minh Mệnh (1820 - 1840) truy tặng : Kiệt Tiết công thần tả quân đô thống chưởng phủ sự, Thăng Bình (trước là Thăng Hoa) quận công, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung Tiết.

Đồn Trung Sơn, xã Câu Đê, xã Cẩm Sa : Đều thuộc huyện Hoà Vinh.

Nguồn Thu Bồn : Nay thuộc huyện Quế Sơn(1).

Cửa biển Đại Chiêm, phố Hội An : Thuộc huyện Diên Phước(2). Các huyện kể trên, đều thuộc tỉnh Quảng Nam. Chb. **XLIV**,24

Núi Hải Vân : Ở chỗ giáp giới hai huyện Phú Lộc và Hoà Vinh, phía nam gọi là Hải Vân quan, lại gọi là "thiên hạ đệ nhất hùng quan", phía bắc gọi là Hải Sơn quan, đấy là chỗ giáp giới Thừa Thiên và Quảng Nam.

Bản Tân : Ở chỗ giáp giới hai huyện Hà Đông thuộc tỉnh Quảng Nam và Bình Sơn thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Thành QuyNhơn : Tức thành Đồ Bàn xưa, ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định, nền cũ vẫn còn.

Tháng 5, mùa hạ. Hoàng thái hậu Đào thị mất.

---

(1) Nay thuộc tỉnh Quảng Nam.
(2) Huyện này sau sápnhập vào phủ Điện Bàn. Nay là huyện Điện Bàn thuộc tỉnh Quảng Nam.

Thái hậu người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang, tên thuỵ là Nhu Thận.

Đặt hiệu quân tứ trấn.

Từ lúc Nguyễn Cừ, Nguyễn Tuyển đứng đầu nổi loạn, rồi bọn Hữu Cầu, Danh Phương kế tiếp nổi lên, triều đình bắt kén lính ở tứ trấn, cứ năm suất đinh lấy một lính đặt làm vệ binh. Sau khi đã dẹp được bọn giặc cướp, đều bãi đi, cho về làm ruộng ; lúc đi đánh Trấn Ninh lại bắt ra lính, đánh dẹp xong lại cho về. Đến lúc Trịnh Sâm đem quân vào Hà Trung, lại chiểu theo ngạch cũ bắt lính để bảo vệ kinh thành. Đến nay, vì ít công việc, nên bãi đi cho về, rồi bàn định thi hành phép kén chọn, chiểu theo trong sổ hộ, cứ mười suất đinh lấy một người, phân phối đặt thành hiệu quân : Sơn Nam hiệu thập phấn, Kinh Bắc hiệu ngũ uy, Sơn Tây hiệu ngũ chấn, Hải Dương hiệu nhất dũng và nhị kiên, tất cả 23 cơ. Lúc trong nước có việc sẽ bắt ra lính, miễn cho tiền thuế dung, lúc không có việc sẽ cho về, lại thu tiền dao dịch theo từng hạng. Phép này, có lẽ phỏng theo phép phủ binh đời nhà Đường[1].

Chb. **XLIV**,25

Sâm phong cho Nguyễn Hoàn tước Hoàn quận công.

Lúc Trịnh Sâm làm thế tử, Nguyễn Hoàn sung chức Tư giảng. Sâm thường viết bỡn mấy chữ "Thượng thư, quốc sư, Hoàn quận công" đưa cho Hoàn. Đến nay Hoàn đem những chữ ấy dâng lên, Sâm bèn ban cho tước này.

Khởi phục Ngô [Thì] Sĩ giữ chức hiệu lý trong[2] viện Hàn Lâm.

Sĩ nổi tiếng về văn học. Lúc Trịnh Sâm ở Lượng phủ, tư giảng Nguyễn Hoàn tiến cử Sĩ giữ công việc tuỳ giảng. Một

(1) Xem chú thích số 2, *Chính biên* quyển XXXV, tờ 41.

(2) Một chức quannhỏ ở Hàn lâm viện, hàm chánh thất phẩm. Có nhiệm vụ kiểm soát chỉnh lý lại những văn từ trong chiếu, chỉ.

hôm. Sâm sai làm bài phú lấy đầu đề là "Phượng hoàng danh", rồi Sâm thân hành phê duyệt. Sâm yêu văn từ rộng rãi. Khi Sâm đã nối ngôi, Sĩ được bổ giữ chức hiến sát sứ Thanh Hoa, sau lại thăng chức tham chính Nghệ An. Vì thiên tư về việc khảo hạch học trò, nên bị bãi chức(1). Lúc Sĩ làm quan ở Thanh Nghệ, đi đến đâu đều có thơ đề vịnh. Khi hành quân vào nam, Sâm thấy thơ, rất trọng tài của Sĩ. Cho nên nay từ chỗ bị bãi về nhà được khởi phục ra làm quan.

Lời chua - *Phượng hoàng danh* : Chép ở "Hán tuyên đế kỷ" trong sách *Thiếu Vì*.

Hạ lệnh cho bọn Nguyễn Hoàn trông coi việc biên soạn Quốc sử. Chb. **XLIV**,26

Quốc sử, từ Hi Tông năm Vĩnh Trị trở về sau chưa biên chép thành sách. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho bọn Ngô [Thì] Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tốn và Nguyễn Sá cùng biên soạn, mà bổ dụng bọn bồi tụng Nguyễn Hoàn, Lê Quý Đôn và phó đô ngự sử Vũ Miên quản lãnh công việc.

Lời chua - *Phạm Nguyễn Du* : Còn một tên nữa là Vĩ Khiêm, người xã Đặng Điền, huyện Chân Lộc, sau đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) năm Cảnh Hưng thứ 40.

Ninh Tốn : Người xã Côi Trì, huyện Yên Mô, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) năm Cảnh Hưng thứ 39. Sau này, Ninh Tốn thờ nhà Tây Sơn, làm quan Thị trung đãi chiếu, Binh bộ thượng thư.

Nguyễn Sá : Con Nguyễn Hoàn, người xã Hương Khê, huyện Nông Cống.

Nguyễn Văn Nhạc xin hàng. Hoàng Ngũ Phúc dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiền phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn.

---

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XLIII, tờ 36.

Từ sau khi thua trận ở Cẩm Sa, đồ đảng của Văn Nhạc phần nhiều ly tán. Lại được tin Kinh quận công Tống Phúc Hợp, lưu thủ doanh Long Hồ, từ trong Nam thống lãnh binh sĩ tiến ra càn quét Phú Yên, Nhạc sợ lắm. Lúc ấy, quân của Ngũ Phúc tiến đến đóng ở Châu Ổ. Nhạc bèn sai thuộc hạ là bọn Phan Văn Tuế đem vàng lụa đến xin hàng và xin làm tiền khu. Ngũ Phúc tin lời, nhân dâng biểu xin cho Văn Nhạc làm tiền phong tướng quân, giữ chức hiệu trưởng Tây Sơn. Rồi sai người gia khách giữ công việc thư ký là Nguyễn Hữu Chỉnh đem sắc, ấn, cờ và kiếm ban cho Văn Nhạc. Chb. **XLIV**,27

Lời chua -*Phúc Hợp* : Người huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hoá, là dòng dõi công thần Tống Phúc Trị. Đầu năm Gia Long, được liệt vào hàng thờ ở miếu Trung tiết công thần ; năm Minh Mệnh truy phong trung đẳng thần, thờ ở miếu Hội đồng.

Hữu Chỉnh : Người xã Đông Hải, huyện Chân Lộc[1].

Châu Ổ[2] : Ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi...

Tháng 8, mùa thu. Gió lớn, nước sông dấy lên.

Sâm tự tôn phong mẹ là Nguyễn thị làm quốc mẫu.

Từ khi ở Hà Trung trở về kinh, Trịnh Sâm lăng loàn áp bức vua Lê càng quá. Đến nay yêu cầu nhà vua sách phong cho mẹ hắn là Nguyễn Thị làm quốc mẫu.

Tháng 10, mùa đông. Mở khoa thi hội các cống sĩ. Cho bọn Ngô Thế Trị và Phan Huy Ích 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân ; xử tội Đinh [Thì] Trung đày đi viễn châu ; giam Lê Quý Kiệt vào ngục.

Quý Kiệt, con Quý Đôn. Kỳ đệ tứ khoa thi này, Quý Kiệt cùng Đinh [Thì] Trung đổi quyển cho nhau để làm bài. Việc

(1) Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
(2) Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

bị lộ, Đinh [Thì] Trung phải tội lưu đi Yên Quảng, Quý Kiệt phải trở về làm dân. Đinh [Thì] Trung nhân phát giác bức thư riêng của Quý Kiệt và cáo tố là do Quý Đôn chủ sự. Trịnh Sâm lấy cớ Quý Đôn là bậc đại thần, bỏ đi không xét, mà luận thêm tội Quý Kiệt, bắt giam cấm ở ngục cửa Đông. Chb. **XLIV**,28

Lời phê - *Hai người cùng một tội mà xử phạt khác nhau, sao gọi là công bằng thoả đáng được ? Xét hành trạng của Quý Đôn, không có một điều gì đáng khen.*

Lời chua - *Thế Trị* : Người xã Hội Phụ, huyện Đông Ngàn.

Phan Huy Ích : Con Phan Cận, người xã Thu Hoạch(1), huyện Thiên Lộc, sau thờ Tây Sơn, làm quan đến thượng thư bộ Lễ.

Đinh [Thì] Trung : Người xã Ngọc Bôi, huyện Đông Sơn(2).

Tháng 12. Trịnh Sâm triệu Hoàng Ngũ Phúc về Kinh, bổ dụng bọn Bùi Thế Đạt vào thay.

Ngũ Phúc đóng quân ở Châu Ổ lâu ngày, lúc ấy phát sinh bệnh dịch, quân sĩ nhiều người chết, bèn bí mật trù tính rút quân về. Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Lệnh Tân đều muốn lưu quân ở Quảng Nam, đặt quan trấn giữ. Ngũ Phúc không theo lời cho người chạy thư về triều xin về Thuận Hoá, để Quảng Nam đấy rồi sẽ tính sau. Trịnh Sâm y cho. Do đấy, hai phủ Thăng Bình và Điện Bàn lại bị Văn Nhạc chiếm cứ. Sau, vì Ngũ Phúc có bệnh phải triệu về triều, bèn sai Bùi Thế Đạt và Nguyễn Đình Đống trấn giữ thay, mà dùng bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển và Nguyễn Lệnh Tân giúp việc. Sau đó, bổ dụng Lê Quý Đôn và Nguyễn Mậu Dĩnh giữ chức Hiệp đồng, xếp đặt công việc trong quân, cho phép cứ 10 ngày một lần đề đạt tình hình về triều. Lại bổ dụng Ngô Chb. **XLIV**,29

(1) Nay là xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Tỉnh Thanh Hóa.

Phúc Oánh giữ chức lưu thủ đồn Động Hải, Phan Cận giữ chức Hiệp Đồng.

Lời chua – *Ngô Phúc Oánh* : Người xã Trảo Nha[1], huyện Thạch Hà.

Phan Cận : Có một tên nữa là Huy Áng.

Châu Ổ[2] : Xem trên (tờ số 27 ở trên).

Thăng Bình và Điện Bàn : Tên hai phủ, thuộc tỉnh Quảng Nam.

Bính Thân, năm thứ 37 (1776).(Thanh, năm Càn Long thứ 41).

Tháng giêng, mùa xuân. Trịnh Sâm quyền tạm cử hành lễ tế nam giao.

Vì nhà vua chưa hết tang thái hậu, nên Trịnh Sâm thay nhà vua cử hành lễ tế nam giao. Ngày hôm ấy, các quan văn võ lạy mừng ở phủ đường, Sâm ban cho 300 quan tiền.

Xá tô cho ruộng ở ven biển.

Vì mùa thu năm trước, gió bão quá mạnh, nước biển lên cao, các ven biển về vùng Sơn Nam, Hải Dương và Yên Quảng, ruộng lúa bị ngập nát. Ty Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày, bèn hạ lệnh xá tô ruộng năm nay có nơi nhiều nơi ít khác nhau.

Mở trường đúc tiền ở Thuận Hoá.

Triều đình hạ lệnh mở trường ở phía hữu trấn doanh, đem súng đồng, khí dụng và tiền tệ đã bắt được mà không thể dùng được đúc hơn ba vạn quan tiền "Cảnh Hưng thuận bảo". Lại mộ người khai mỏ vàng ở núi đất xã Nam Phố, công việc làm vài tháng, không lấy được vàng bèn thôi.

Lời chua – *Xã Nam Phố* : Thuộc huyện Phú Vinh phủ Thừa Thiên.

---

(1) Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay là thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Thuận Hoá : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 17, 23, 24, 33, 34). Chb. **XLIV**,30

Rút bớt điền lộc.

Hồi đầu quốc triều (triều Lê), thế nghiệp điền lộc đều có quy chế nhất định. Sau khi trung hưng, bổng lộc hoặc thưởng cấp đều lấy ở kho công, ít khi dùng ruộng công để cấp. Từ năm Bảo Thái (niên hiệu Dụ Tông), Long Đức (niên hiệu Thần Tông) đến nay, việc ban cho mỗi ngày một nhiều, còn như tự sự, huệ lộc, sứ lộc, ngụ lộc và bách công ngụ lộc đều cấp bằng ruộng, có khi cấp phát quá lạm, cho nên một nửa thuế ruộng thuộc về tư gia, mà kho công không có của thừa để tích trữ. Bầy tôi trong triều bàn định, cho rằng việc điều động quân lính chi phí khá nhiều, cần nên giảm bớt việc cấp phát. Bởi thế, những điền lộc nào không hợp với quy chế đều bớt hết đi, còn điền lộc nào vẫn được cấp thì cấp thay bằng tiền công, mỗi mẫu mỗi năm cấp cho hai quan.

Lời chua - *Thế nghiệp điền lộc* : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 8 (Chb. XXIII, 20 - 25).

Tự sự : Phàm bầy tôi trong họ tôn thất và quan văn quan võ từ tam phẩm trở lên, có công tham dự vào việc bàn định mưu kế, giữ yên biên giới, và các chức thị giảng, thị nhũ[1], phụng sứ, trấn thủ, thống lãnh cùng người chẳng may bị chết khi chiến trận, những người này được đặc ân ban cho tự điền : nhất phẩm 3 xã, tiền 120 quan ; tòng nhất phẩm 3 xã, tiền 108 quan ; chánh và tòng nhị phẩm 2 xã ; chánh và tòng tam phẩm 1 xã, mỗi trật đều bớt dần đi 12 quan. Các quan văn quan võ và nội giám từ ngũ phẩm trở lên, không có công lao như đã kể ở trên, mà được dự vào ngũ phủ phủ liêu cùng nội sai phủ liêu, tri phiên và phó thiêm cũng ban cho tự điền có từng bậc khác nhau : nhất phẩm 60 quan ; nhị phẩm 50 quan ; xuống đến ngũ phẩm, mỗi trật đều bớt dần đi 10 quan. Chb. **XLIV**,31

(1) Hầu hạ và cho con vua chúa bú.

Huệ lộc : Các hoàng thân và hàng nhất, nhị phẩm đều được cấp một xã, tiền 60 quan, gạo 150 bát ; tam phẩm một xã, tiền 40 quan, gạo 100 bát. Quan viên thôi việc về, từ nhất phẩm trở lên (chánh và tòng nhất phẩm cũng thế) được cấp dân lộc 4, 5 xã, sử tiền 400 quan (mỗi quan 6 tiền, gọi là sử tiền, 400 quan sử tiền, tức 240 quan thực tiền bây giờ, dưới đây cũng thế) ; nhị phẩm, dân lộc 2, 3 xã, sử tiền 300 quan hoặc 250 quan ; tam phẩm, dân lộc 1, 2 xã, sử tiền 200 quan hoặc 150 quan ; tứ phẩm 1 xã, sử tiền 150 quan ; ngũ phẩm 1 xã, sử tiền 100 quan. Còn gạo không có số nhất định.

Sứ lộc : Chánh sứ 1 xã, tiền 120 quan, gạo 300 bát ; phó sứ 1 xã, tiền 100 quan, gạo 250 bát. Chb. **XLIV**,32

Ngụ lộc : Tham tụng 2 xã, tiền 200 quan, gạo 350 bát ; bồi tụng 1 xã, tiền 100 quan, gạo 300 bát ; tả tư giảng 1 xã, tiền 60 quan, gạo 300 bát ; hữu tư giảng 1 xã, tiền 40 quan, gạo 250 bát.

Việc cấp phát kể trên đều chuẩn theo số tiền, số gạo mà cấp thay cho điền lộc như thế nào cùng bách công ngụ lộc, chưa khảo cứu được.

Lời phê – *Cấp phát rất rối ren nhũng lạm, mà chung quy thực số bổng lộc rất ít, cho nên lấy tiền kiện tụng rất nhiều. Xếp đặt chính trị, không hợp thể thống.*

Lạc Hòn đến cống nạp.

Man Lạc Hòn đã lâu bỏ việc cống nạp. Đến nay sai bầy tôi là bọn Thiêu (Thiều) Mang Khoa đem voi đực và sản vật địa phương nhờ viên quan châu Quy Hợp xin cho vào chầu ở kinh sư. Triều đình y cho.

Lời chua – *Lạc Hòn :* Tên Man, xem Hi Tông, năm Chính Hoà thứ 21 (Chb. XXXIV, 48).

Châu Quy Hợp : Xem Nhân Tông, năm Thái Hòa thứ 6 (Chb. XVIII,8).

Hạ lệnh cho lục bộ tiếp tục biên soạn *Hội điển*.

Đầu niên hiệu Long Đức[1], hạ lệnh chia cho các bộ thuộc tập hợp các tài liệu về chính sự lịch triều, rồi chia ra từng môn loại, biên soạn thành sách, nhan đề là *Quốc triều hội điển*[2]. Đến nay lại hạ lệnh chiểu theo niên thứ tiếp tục biên soạn. Chb. **XLIV**,33

Tháng 3. Mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang.

Hạ lệnh cho các trấn mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang, mỗi người được nhận 5 mẫu ruộng, nhà nước cấp cho ngưu canh, điền khí và 15 quan tiền[3], mỗi năm thu thóc 250...[4], dựng kho ở sở tại để chứa số thóc ấy.

Tháng 6, mùa hạ. Bãi bỏ thể lệ ti Hiến sát các lộ hàng năm đi dò hỏi tình trạng ở dân gian.

Theo thể lệ cũ, ti Hiến sát các trấn cứ đến cuối năm, đi khắp trong hạt, xét hỏi tình trạng đau khổ của dân, rồi đem sự thực mật tâu để triều đình biết. Nhưng, về sau, quan không thân hành đi, chỉ phái nha lại đến từng làng, sinh sự hạch sách làm phiền nhiễu dân, mà những lời tâu bày đều là việc tầm thường cả, thành ra chưa đề đạt được tình trạng của dân mà lại tăng thêm cái tệ nha lại nhũng nhiễu. Đến nay, hạ lệnh : Ti Hiến sát vẫn ở lỵ sở, cho phép dân đem tình trạng giãi bày, không được phái lại dịch về làng như trước nữa.

Tháng 7, mùa thu. Hạn hán. Dân bị nạn đói.

Lúc ấy, mất mùa, dân bị đói, giá gạo cao, mà ruộng chiêm thì khô nẻ, công việc làm ruộng không được tiện lợi. Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin Chb. **XLIV**,34

(1) Niên hiệu Lê Thuần Tông (1732 - 1734).
(2) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVII, tờ 31.
(3) Nguyên văn chép "cấp canh ngưu, điền khí tiền thập ngũ quan" cũng có nghĩa nữa là ngưu canh, điền khí, trị giá tiền 15 quan.
(4) Nguyên văn chép : "nhị bách ngũ thập thiên", nếu dịch đúng là hai trăm năm mươi ngàn thì không có nghĩa gì cả. Chữ "thiên" chắc là chữ "đấu" hoặc chữ "lộc" mà in lầm, chưa khảo cứu được.

làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họ họp nhau ăn cắp, ăn trộm[1], nhân dân không được yên nghiệp làm ăn.

Tháng 8. Sâm bổ dụng Phạm Ngô Cầu giữ chức trấn phủ.

Trịnh Sâm lấy cớ rằng Quảng Nam chưa bình định được, mà lòng dân Thuận Hoá lại chưa thoả thuận phục tùng, hơn nữa Bùi Thế Đạt ở trấn không thi thố được việc gì cả, bèn triệu bọn Thế Đạt, Quý Đôn và Lê Phiên về, còn các cơ, các đội trong 13 quân hiệu hiện đóng ở đấy cũng nhất luật cho triệu về, mà sai Tạo quận công Phạm Ngô Cầu, trấn thủ Sơn Nam, lãnh chức trấn phủ Thuận Hoá thay Bùi Thế Đạt, cho phép Ngô Cầu được tuỳ tiện thi hành mọi công việc, để bọn Nguyễn Mậu Dĩnh và Nguyễn Lệnh Tân ở lại giúp việc, đổi sai binh lính 10 doanh, cơ, đội đến thú thủ. Lại sai Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, đi dụ bảo và ban tiền bạc cho tướng sĩ có từng đẳng hạng khác nhau.

Tháng 10, mùa đông. Hạ lệnh : nếu ai có giấy tờ niêm phong tâu bày việc mật, viên quan có trách nhiệm phải lập tức đề đạt, theo như thể lệ cũ.

Thể lệ cũ ở công đường chính phủ treo một quả chuông, phàm người nào có tình trạng u ẩn hoặc có điều oan ức mà muốn giãi bày, thì được phép làm giấy tờ niêm phong cẩn mật, rồi đánh chuông dâng nộp, viên quan trong Lại phiên nhận phong thư ấy lập tức dâng nộp để chúa rõ. Gần đây, công việc trình bày phần nhiều phù phiếm càn rỡ, không thiết thực, mà viên quan có trách nhiệm cũng để chậm trễ hoặc nhãng quên đi, nên dầu có người bị oan uổng uất ức cũng ít khi được tự đề đạt lên trên được. Vì thế, nay bàn định đổi hẳn tình tệ ấy, nếu người nào để chậm trễ sẽ có tội.

(1) Nguyên văn chép : "Quý giả vọng môn dung tá vô sở thụ, tương tự thân thiết". Chúng tôi ngờ chữ "quý" là chữ "bần" mà in sai đi, vì theo Hán văn, thì chữ "quý" và chữ "bần" tự dạng gần giống nhau, nếu là chữ "bần" thì nghĩa cả đoạn văn này có phần xuôi hơn. Nhưng vì không có tài liệu khác để tham khảo, nên vẫn dịch theo nguyên văn.

Bỏ bớt ti Thừa chính sứ và quan châu, quan huyện ở trấn Thái Nguyên.

Trước kia, các trấn đều đặt ba ti (ti Trấn thủ, ti Thừa Chính và ti Hiến sát), chia nhau làm các công việc. Nay Trịnh Sâm nhận thấy trấn Thái Nguyên nhân dân ít, công việc đơn giản, vả lại đất ấy ở nơi biên viễn, nhiều rừng núi, bèn hạ lệnh bỏ bớt ti Thừa chính, công việc ti này giao về ti Trấn thủ nhận giữ. Sau đó, đô ngự sử Lê Quý Đôn lại xin đem sáu huyện châu thuộc trấn này là Thông Hoá, Cảm Hóa, Bạch Thông, Văn Lãng, Vũ Nhai và Đại Từ cùng bỏ bớt đi. Trịnh Sâm theo lời. Chb. **XLIV**,35

Lời chua - *Thông Hoá* : Tên phủ, thuộc trấn Thái Nguyên(1).

Cảm Hoá(2) : Tên huyện, xem Lý Thái Tông, năm Thiên Cảm Thánh Võ thứ nhất (Chb.III, 11).

Văn Lãng : Xem năm Cảnh Hưng thứ 2 (Chb.XXXIX, 18).

Vũ Nhai và Đại Từ : Đều xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 17 (Chb.XXX, 7).

Châu Bạch Thông(3) : Xem Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 22 (Chb.XXX, 29).

Tháng 11. Không mưa. Hạ chiếu trưng cầu lời nói trung trực.

Tháng 12. Vì hạn hán, hạ chiếu tha các tiền thuế còn bỏ thiếu và tiền thuế điệu ; đình hoãn mọi công việc thổ mộc.

Lúc ấy, đã lâu không mưa. Sâm cầu đảo ở chùa Báo Thiên, nhân đấy tha cho các lộ những tiền thuế còn bỏ thiếu từ năm

(1) Đất phủ Thông Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn, Ba Bể (Cao Bằng) và Na Rì, Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).
(2) Đất huyện Cảm Hóa, nay gồm các huyện Ngân Sơn (Cao Bằng) và Na Rì (Bắc Cạn).
(3) Thuộc phủ Thông Hóa. Nay gồm huyện Ba Bể (Cao Bằng) và huyện Bạch Thông, Chợ Đồn (Bắc Cạn).

Mậu Tí (1767) đến năm Nhâm Thìn (1771) ; lại tha tiền thuế diệu sang năm cho dân ở ven đường, đình hoãn mọi công việc đắp đê và đào sông.

Lời chua – *Chùa Báo Thiên* : Xem Lý Thần Tông, năm Thiên chương bảo tự thứ 5 (Chb.IV, 32). Chb. **XLIV**,36

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 45

Từ Đinh Dậu, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 38 (1777) đến Nhâm Dần, năm Cảnh Hưng thứ 43 (1782), gồm 6 năm. Chb. XLV,1

*

* *

Đinh Dậu, năm [Cảnh Hưng] thứ 38 (1777).(Thanh, năm Càn Long thứ 42).

Tháng giêng, mùa xuân. Hạ lệnh cho bọn Lê Quý Đôn xét định ngạch tô thuế của binh và dân ở Thuận Hóa.

Các quan trong chính phủ nói : "Triều đình lấy được Thuận Hóa đã ba năm nay rồi, nay nên liệu lượng bổ tô thuế cho binh và dân, chép thành sổ sách ngạch thuế". Trịnh Sâm nhận thấy bọn Lê Quý Đôn, Phan Lê Phiên và Uông Sĩ Điển đều ở Thuận Hoá về kinh, biết rõ được tình thế đất đai và tình trạng dân gian ở đấy, bèn hạ lệnh cho bọn này chiếu theo ngạch ruộng đất và binh, dân mà tra cứu, rồi xét định chia bổ. Đại lược việc xét định này, về số tô giảm hai phần mười, về số binh giảm một phần ba. Nhân đây, giao cho trấn phủ Phạm Ngô Cầu châm chước thi hành. Chb. XLV,2

Lời chua - *Thuận Hoá* : Có hai phủ, tám huyện và một châu, chia ra lệ thuộc như sau : 5 huyện Hương Trà, Phú Vinh, Quảng Điền, Hải Lăng và Đăng Xương thuộc phủ Triệu Phong ; 3 huyện Phong Lộc

(trước là Khang Lộc), Lệ Thủy Minh Linh và châu Nam Bố Chính thuộc phủ Quảng Bình ; nhân số các hạng có 126.857 người, ruộng đất công và tư có 265.507 mẫu, trong số này trừ rừng núi, tha ma, vườn tược, nhà ở, đầm ao, đất công, đất chùa và những đất khô rắn phải bỏ hoang, còn thực số cày cấy 153.181 mẫu.

Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Văn Nhạc giữ chức trấn thủ tuyên uý đại sứ ở Quảng Nam.

Sau khi đã chiếm cứ Quảng Nam, Văn Nhạc sai bộ thuộc là Đỗ Phú Tuấn xin với Trịnh Sâm để được trấn thủ địa phương này. Lúc ấy, Trịnh Sâm ngại về việc dụng binh, nhân đấy, chuẩn y cho. Văn Nhạc bèn sắm sửa binh khí, tích trữ lương thực, chặn lấp nơi hiểm yếu, phòng giữ nơi quan ải, tiến dần lên thế thịnh vượng hùng cường. Nguyễn Lệnh Tân, phó đốc thị, muốn trừ diệt sớm đi, nhưng bị Phạm Ngô Cầu ngăn cản. Lệnh Tân bèn làm tờ khải mật trình bày với Sâm rằng "Ngô Cầu là người nhút nhát, không có kế mưu, nếu giao phó trong tay Ngô Cầu, tất nhiên Thuận Quảng sẽ bị mất. Xin bãi Ngô Cầu đi mà phái uỷ viên tướng khác, ngõ hầu mới có thể giữ được Thuận Quảng". Trịnh Sâm cho Ngô Cầu là người trầm tĩnh cẩn trọng, không cho lời Lệnh Tân nói là đúng. Sau đó, Sâm cho triệu Lệnh Tân về, bổ đi quyền chức tham chính trấn Sơn Tây. Từ đấy, Văn Nhạc được thể vùng vẫy, cướp phá các địa phương Phú Yên và Bình Thuận, thế lực của Văn Nhạc không ai có thể kìm chế được. Chb. XLV,2

Lời chua - *Quảng Nam*(1) : Xem Thánh Tông, năm Hồng Đức thứ 2 (Chb.XXII, 7 - 10). Chb. XLV,3

Phú Yên(2) : Địa vực của thị tộc Việt Thường xưa ; đời nhà Tần, là huyện Lâm Ấp ; đời nhà Hán, thuộc đất huyện Tượng Lâm ; nhà Tuỳ đổi làm quận ; nhà Đường đổi làm châu ; sau là đất Chiêm Thành ; nhà

(1) Nay là tỉnh Quảng Nam.
(2) Nay là tỉnh Phú Yên.

Lê đặt là huyện Tuy Viễn ; khoảng năm Gia Long đổi là trấn ; nay là tỉnh Phú Yên.

Bình Thuận[1] : Xưa là một nước ở ngoài biên giới về phía nam ; sau là đất Chiêm Thành ; đời nhà Lê, vẫn là nước Chiêm Thành ; khoảng năm Gia Long đặt làm trấn ; nay là tỉnh Bình Thuận.

Tháng 4, mùa hạ. Nghệ An bị nạn đói ; triều đình phát chẩn cho dân.

Luôn mấy năm, trấn Nghệ An mất mùa đói kém, thây chết đói nối liền với nhau. Ti Hiến sát đem tình trạng ấy tâu bày. Triều đình bèn hạ lệnh cho bọn Nguyễn Đình Diễn và Ngô Phúc Lâm trích 15.000 quan tiền và 15 vạn bát quan thóc trong kho, chia ra phát chẩn. Nguyễn Lệ lại trình bày 4 điều về chính sách cứu đói : 1. Dời dân đói đến Thanh Hoa khai khẩn ruộng đất ; 2. Mở cửa biển cho các thuyền buôn vận tải ; 3. Mở đường châu Quy Hợp cho phép dân được thông hành buôn bán ; 4. Cho phép thuyền buôn chở gạo đến trao đổi và được miễn thuế. Trịnh Sâm đều thu nhận.

Lời chua - *Ngô Phúc Lâm* : Người xã Trảo Nha[2], huyện Thạch Hà, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Châu Quy Hợp[3] : Xem Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb.XVIII, 8).

Hợp hai châu Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính làm một, cho lệ thuộc vào Nghệ An.

Trước kia, Bắc Bố Chính thuộc Nghệ An, Nam Bố Chính thuộc Thuận Hoá. Đến nay bầy tôi bàn hợp lại làm một, đều cho lệ thuộc vào Hà Hoa, trấn Nghệ An. Trịnh Sâm y cho. Chb. **XLV**,4

Lời chua - *Nam Bố Chính*[4] : Xem Thần Tông, năm Dương Hoà thứ 9 (Chb.XXXI, 31).

---

(1) Nay là tỉnh Bình Thuận.
(2) Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Nay là huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
(4) Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.

Bắc Bố Chính[1] : Xem Thần Tông, năm Đức Long thứ 5 (Chb.XXXI, 29).

Phủ Hà Hoa[2] : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 3 (Chb.X, 37).

Tháng 5. Tha thuế còn thiếu và tiền thuế điệu năm nay cho các lộ.

Trịnh Sâm nhận thấy Thuận Hoá đã được yên, Quảng Nam lại quy thuận, bèn hạ lệnh miễn các thuế thổ sản còn bỏ thiếu từ năm Ất Mùi (1775) trở về trước cho Thanh Hoa và Nghệ An ; miễn tiền thuế điệu năm nay cho tứ trấn. Nếu người nào đã nộp rồi, sẽ được phép tính trừ vào thuế vụ xuân sang năm. Lại thưởng tiền cho các quân lính trong kinh, ngoài trấn có nhiều ít khác nhau.

Lời chua – *Thưởng tiền cho các quân lính* : Thân binh, mỗi người được thưởng 1 quan 2 tiền ; ngoài ra, phàm binh lính nào có cầm binh khí được thưởng 1 quan, binh lính không cầm binh khí đều được thưởng 6 tiền.

Tiền thuế điệu : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4 (Chb.XXXVI, 10).

Tháng 6. Bổ dụng Hoàng Đình Bảo giữ chức trấn thủ Nghệ An, Bùi Huy Bích giữ chức đốc đồng.

Đình Bảo là cháu Hoàng Ngũ Phúc, đỗ hương tiến[3], lại dỗ tạo sĩ, Trịnh Doanh gả con gái cho, uy quyền ngày càng to lớn. Người hiếu sự lúc bấy giờ làm con dao, có chữ "thảo nhất điền bát"[4]. Lại một việc nữa : Tên cũ của Đình Bảo là Đăng Bảo, người ta phần nhiều bàn tán về chữ đặt tên này[5], vì thế, đổi là Tố Lý, sau mới đổi là Đình Bảo. Chb. **XLV**,5

(1) Nay thuộc tỉnh Quảng Bình.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Tức hương cống triều Lê và sau này triều Nguyễn đổi là cử nhân.
(4) Xem lời chua của *Cương mục* ở dưới.
(5) Có lẽ họ cho rằng tên "Đăng Bảo" tức là đăng bảo vị (lên ngôi báu), nên họ mới bàn tán.

Lúc Hoàng Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, xin cho Đình Bảo được lệ thuộc quyền mình để đi theo. Đình Bảo thông hiểu chút ít binh pháp, đánh trận nhiều lần lập được chiến công, nên được các tướng sợ phục. Sau khi Ngũ Phúc mất, Trịnh Sâm bổ dụng Đình Bảo giữ chức quyền phủ sự, thay Ngũ Phúc quản lĩnh binh lính bản bộ. Đến nay, vì Nghệ An hàng năm bị đói, giặc cướp có nơi hô hào tụ họp, Trịnh Sâm toan thử dùng tài Đình Bảo. Gặp lũ ấy, Phạm Ngô Cầu, trấn phủ Thuận Hoá, cho trạm chạy thư về triều nói : "Nguyễn Văn Nhạc, giặc Tây Sơn, cướp bóc quấy rối mặt Nam, cần phải phòng bị". Sâm bèn hạ lệnh cho Đình Bảo thay Hoàng Đình Thể làm trấn thủ và Bùi Huy Bích giúp việc, mà sai Đình Thể đốc suất binh lính 5 cơ, đội đóng ở Bố Chính, để làm thanh thế viện trợ cho Ngô Cầu.

Lời chua - *Bùi Huy Bích* : Người xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Thảo nhất điền bát : Lúc ấy có thư nặc danh nói "Thảo nhất điền bát[1] giả sấm thuyết dĩ nhiễm nguyên[2]; thỉ nhất dương quần[3], phiến đồng dao nhi lộng xuẩn[4]". Thảo nhất điền bát là chữ "hoàng" Thỉ nhất : ý nói Đình Bảo tuổi hợi ; dương quần : ý nói Sâm và con là Khải đều tuổi Mùi.

Mở trường thi hương ở Thuận Hóa. Chb. **XLV**,6

(1) Bốn chữ "thảo, nhất, điền, bát", dem chắp liền lại với nhau, thành một chữ "hoàng" tức là họ của Đình Bảo.

(2) Ý nói : mượn lời sấm để mong làm việc trái với bổn phận. Trong câu này có hai chữ "nhiễm nguyên", tác giả dùng điển trong sách *Tả truyện*. Thời Xuân thu, Trịnh Linh công sai nhà bếp nấu thịt ba ba, cho Triệu đại phu là Tử Công vào, nhưng không cho ăn, Tử Công giận lắm, thò tay vào vạc lấy miếng thịt ba ba ăn rồi hằm hằm đi ra, sau Trịnh Linh công bị Tử Công giết. Vì thế người ta dùng danh từ "nhiễm chi" hoặc "nhiễm nguyên", để nói về người muốn chấm mút thứ gì mà bổn phận mình không được hưởng thụ.

(3) Câu này có chữ "thỉ" là con lợn và "dương" là con dê. Theo thuyết nhà thuật số thì 12 hàng chi đều có cầm tinh một con vật, ví dụ người đẻ năm Tí tức cầm tinh con chuột, đẻ năm Sửu tức cầm tinh con trâu, v.v.. Ở đây vì Đình Bảo tuổi Hợi nên tác giả dùng chữ "thỉ nhất" ; hai bố con Sâm và Khải đều tuổi Mùi nên dùng chữ "dương quần".

(4) Ý nói : Thổi phồng lời đồng dao mà làm việc xuẩn động.

Trước đây, triều đình hạ lệnh dò tìm những người hiền tài ẩn dật còn sót lại ở Thuận Hoá, để cân nhắc tài năng bổ dụng. Đến nay hạ lệnh cho viên quan trấn phủ chiếu theo điều lệ thi hương, trước hết khảo hạch học trò, kê thành sổ sách dâng nộp, triều đình lại chọn quan trong kinh phụng mệnh sung vào giữ công việc trường thi. Sau đó, Ngô Cầu dâng nói : "Thuận Quảng trải qua binh lửa lâu ngày, việc học tập của học trò bỏ gián đoạn, nên chưa thấy có người nào xin thi hạch. Vậy xin làm phép quyền nghi, đều tuỳ theo sức học của học trò, hễ ai có thể thông được bài thơ, bài phú và hiểu biết công việc hiện thời, thì được tham dự tập hợp để thi khảo, sẽ cân nhắc lấy người trúng cách, để cổ vũ chí khí của sĩ phu". Trịnh Sâm theo lời, bèn hạ lệnh cho Trấn ti thi khảo một lần, đầu đề dùng thơ phú và văn sách, rồi chọn lấy người trội hơn làm hương cống, người thứ nhì là sinh đồ, để thu dùng những sĩ tử văn học.

Tháng 9, mùa thu. Bổ dụng Hoàng Đình Thể giữ chức đốc lãnh ở Thuận Hóa.

Trước đây, Đình Thể đóng đồn ở Bố Chính, gặp lúc ấy giặc cướp ở huyện Khang Lộc và Lệ Thuỷ nổi dậy, đường sá đi lại bị ngăn trở. Ngô Phúc Oánh, lưu thủ ở Động Hải, đem việc nguy cấp ấy báo cáo về triều. Triều đình hạ lệnh cho Đình Thể đi đánh, hai huyện này lại được bình định. Vì thế nên bổ dụng Đình Thể giữ chức này, rồi sai Hoàng Thúc Nhị đem cờ tiết, sắc văn và ấn tín đến quân thứ ban cho Đình Thể.

Lời chua – *Hoàng Thúc Nhị* : Người xã An Đồng huyện La Sơn(1), đỗ hương cống. Chb. **XLV**,7

Khang Lộc (2): Xem Anh Tông, năm Chính Trị thứ 14 (Chb.XXVIII, 30).

Lệ Thuỷ(3) : Tên huyện, thuộc tỉnh Quảng Bình.

(1) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay là huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.
(3) Nay là huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Tháng 12, mùa đông. Sai bọn Vũ Trần Thiệu, tả thị lang bộ Lại, sang nhà Thanh.

Trịnh Sâm có chí toan cướp ngôi vua. Năm ấy nhân gặp kỳ tuế cống, Sâm làm tờ biểu mật tâu với triều đình nhà Thanh, nói : "Nhà Lê không có người con cháu nào hiền tài", rồi căn dặn Trần Thiệu đem việc ấy vào tâu với vua nhà Thanh. Lại sai nội giám (sót họ tên) cùng đi để dâng của đút và xin phong tước. Khi đi đến hồ Động Đình, Trần Thiệu giả vờ có bệnh, đương đêm đem tờ biểu đốt trước mặt sứ bộ, rồi uống thuốc tự tử. Sau đây, truy tặng cho Trần Thiệu hàm thượng thư.

Lời phê - *Chim hạc đứng giữa đàn gà, thực là hiếm có*[1].

Mậu Tuất, năm thứ 39 (1778).(Thanh năm Càn Long thứ 43).

Tháng 2, mùa xuân. Phong cho Hoàng Đình Bảo tước Huy quận công.

Trước đây, Hoàng Đình Bảo vâng lệnh đến trấn thủ Nghệ An, gặp lúc ấy giặc cướp (sót họ tên) ở hai huyện Đông Thành và Quỳnh Lưu nổi dậy, quấy nhiễu cướp bóc huyện bên cạnh. Ngô Đình Hoành, trấn thủ Thanh Hoa, muốn hội họp binh lính hai xứ để đánh phá tiễu trừ. Đình Bảo sai người ngăn lại và bảo chớ có động binh. Nhân đấy, Đình Bảo lập mưu săn bắt được, đồ đảng của giặc còn sót lại bị tan tác, vì thế trong hạt được yên. Đến nay bàn định thưởng cho tước quận công. Đình Bảo lại xin quyền tạm lấy thóc công, tính hạ giá để bán cho dân nghèo, đợi đến mùa lúa chín, sẽ nộp trả lại. Trịnh Sâm y cho.

Lời chua - *Đông Thành và Quỳnh Lưu*[2] : Tên hai huyện, xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb.XLII, 5). Chb. **XLV**,8

(1) Ý nói, lúc ấy bầy tôi nhà Lê đều là hạng tầm thường, không khác gì đàn gà, chỉ Vũ Trần Thiệu là người có khí tiết khác thường. Ví như chim hạc.

(2) Nay đều thuộc tỉnhNghệ An.

Tháng 4, mùa hạ. Hạn hán. Hạ chiếu cầu người trình bày lời trung trực.

Lúc ấy, luôn mấy năm hạn hán, kém đói, Trịnh Sâm hạ lệnh cho bầy tôi và sĩ thứ nói thẳng những điều thiếu sót, sai lầm. Lê Thế Toại, tham nghị cũ ở xứ Thanh Hoa dâng tờ khải, đại lược nói : "Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn dụng tâm quanh co, bỉ ổi, mong muốn càn rỡ những điều quá hạn định của mình : nào lập mưu cho con ăn cắp bài văn thi ở trong trường, nào vụng trộm chiếm nơi cấm địa. Ông Mạnh tử nói : "Quan sát con ngươi của từng người, thì người gian người ngay, không thể nào giấu giếm được". Con ngươi của Lê Quý Đôn lúc nào cũng đưa đẩy lia lịa, nếu dùng người này giữ chức cao cả tất nhiên làm tai hại cho nhân dân. Kiều Nhạc hầu Nguyễn Lệ từ khi được dự vào chính phủ đến nay, chưa nghe mở mang được điều gì có lợi, trừ bỏ được việc gì có hại, chỉ chuyên dùng mánh khóe khéo léo để mê hoặc lòng vua chúa ; vừa mới bổ ra giữ chức tham đốc xứ Nghệ, mà quá nửa số nhân dân bị phiêu lưu[1]. Vậy xin : Nghiêm ngặt trị tội Quý Đôn và Nguyễn Lệ, để tạ tội với mọi người trong nước, thì tự nhiên được trời mưa". Tờ khảo này không được Trịnh Sâm trả lời.

Lời chua - *Lập mưu cho con ăn cắp văn thi ở trong trường* : Kỳ đệ tứ khoá thi Hội năm Ất Mùi (1775), Quý Đôn nhờ Đinh [Thì] Trung làm bài cho con mình là Quý Kiệt[2].

Vụng trộm chiếm nơi cấm địa : Quý Đôn táng trộm mả tổ ở cấm địa tại sơn phận Tản Viên.

Làm lễ an táng Nhu thận hoàng thái hậu.

Trước kia, thái hậu mất[3], vì Trịnh Sâm đang mắc bận về việc dụng binh, nên việc an táng bị ngăn trở ; lúc Chb. **XLV**,9

(1) Xem thêm *Chính biên* cuốn XLIV, tờ 21.
(2) Xem thêm *Chính biên* cuốn XLIV, tờ 27, 28.
(3) Xem thêm *Chính biên* quyển XLIV, tờ 24.

đoạn tang cũng chưa táng được. Đến nay, mới làm lễ an táng ở xã Dịch Vọng gần kinh kỳ.

Lời chua - *Xã Dịch Vọng* : thuộc huyện Từ Liêm, Hà Nội[1].

Tháng 6 nhuận. Dân bị đói to.

Từ lúc dùng quân đánh dẹp trở đi, triều đình mua vét thóc gạo ở tứ trấn và Thanh Nghệ, vận tải vào đồn Động Hải. Thóc gạo khô ướt không đều, thành ra mục nát không thể ăn được, vứt bỏ đi đến quá nửa. Những thứ tích trữ ở dân gian hầu như nhẵn nhụi. Thêm vào đấy luôn mấy năm hạn hán mất mùa, giá gạo cao vọt, một chén nhỏ gạo trị giá một tiền, đầy đường những thây chết đói. Triều đình bèn lập đàn tràng cầu đảo ở kinh thành ; dựng quán tế sinh ở thôn Ái Mộ : nấu cơm cháo chia ra phát chẩn ; người có bệnh thì cấp cho thuốc thang. Lại hạ lệnh cho các trấn khuyên nhủ dân sở tại người giàu, người nghèo giúp đỡ lẫn nhau ; cấm nhân dân đóng cửa không bán thóc gạo. Tuy thế, những kẻ trên người dưới che đậy lẫn nhau, mệnh lệnh của triều đình cũng chỉ thi hành một cách cẩu thả trên giấy tờ suông thôi. Chỉ có Hoàng Đình Bảo, trấn thủ Nghệ An, hạ lệnh kê tên những người nghèo trong hạt thành một danh sách, bắt người có quyền thế vật lực nhận lĩnh về, uỷ thác sự chu cấp cho họ, hoặc chiếu theo nhân khẩu để cấp phát thực tiễn. Nhờ thế mà nhiều người được toàn hoạt.

Lời chua - *Đồn Động Hải* : Thuộc huyện Lệ Thuỷ, tỉnh Quảng Bình. Chb. **XLV**,10

Thôn Ái Mộ[2] : Thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Tháng 7, mùa thu. Giặc biển vùng đông nam nổi dậy. Triều đình sai bọn Nguyễn Phan, Hoàng Phùng Cơ và Hoàng Đình Bảo chia quân ra từng đạo đi tiễu bắt.

(1) Tục gọi làng Vòng. Nay là phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
(2) Nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Lúc ấy, luôn mấy năm bị mất mùa đói kém, nhân dân họp nhau làm giặc cướp : bọn Thục Toại (sót họ), người Yên Quảng, Nguyễn Kim Phẩm và Trần Xuân Trạch, người Sơn Nam, hô hào tụ họp có hàng vạn người, đánh phá Yên Quảng, viên án trấn là Đặng Đình Viện bị giặc bắt. Nguyễn Địch Bàn, trấn thủ Hải Dương, chần chừ không dám tiến quân. Trịnh Sâm bổ dụng Nguyễn Đăng Đàn giữ chức án trấn Yên Quảng thay cho Đình Viện. Đăng Đàn đóng quân cố sức giữ thành, giặc không thể nào phá được, chúng bèn vượt ra biển cướp cùng Sơn Nam, qua cửa Lác Hải đến Giao Thuỷ. Trấn thủ Ngô Đình Hoành đánh bại được bọn này, chúng bèn lui quân đóng ở sông Ngô Đồng. Đình Hoành đem hết quân ra đuổi theo, khi quân sĩ mới đến được một nửa, giặc liền quay lại đánh, Đình Hoành bị thua to, chỉ chạy thoát được một mình. Giặc nhân thế thắng, kéo đến xã Thận Vi, chia quân cướp phá. Vì thế dân sở tại bị rối loạn.

Trịnh Sâm hỏi bầy tôi, ai có thể làm tướng đi đánh giặc được. Nội Giám Thân Xuân Thự xin đi. Sâm bèn bổ Xuân Thự giữ chức đốc lãnh quân thuỷ đạo, cho tri Lại phiên Mai Thế Uông làm giám quân kiêm chức tán lý ; lại hạ lệnh thái tể Nguyễn Phan và đại tư không Hoàng Phùng Cơ giữ chức đốc lãnh tả hữu bộ quân, được phép tuỳ cơ hội hoặc càn quét hoặc chiêu dụ. Chb.**XLV**,11

Trước đây, Xuân Thự bắt được tên quân của giặc đầu hàng, nói giặc có thể chiêu hàng được, vì thế Xuân Thự mới hăng hái xin đi. Khi đến quân thứ, thấy giặc không có chí xin hàng, mà lại càng cướp hơn trước, Xuân Thự bèn thu quân lại, không dám đến. Giặc định đánh úp Hiến doanh. Trịnh Sâm được tin, liền hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm hiệp đốc lãnh thủy đạo, đem quân dốc sức đánh giặc. Tự Quyền cùng bọn Nguyễn Phan tiến quân đến xã Thận Vi, đánh giặc phá

tan được. Giặc lui ra ngoài biển, đóng đồn liên kết với nhau, đón cướp các nơi, khi ẩn khi hiện không nhất định.

Lúc ấy, tay đầu sỏ trong đám giặc có nhiều người là thuộc tướng của Hoàng Ngũ Phúc, chúng cho rằng Hoàng Đình Bảo cùng Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc và Nguyễn Lệ ở Sơn Tây đều chia bè phái, chúng ngờ Đình Bảo ở Nghệ An tất có mưu toan làm việc trái phép, bèn sai người lén lút tới nơi, suy tôn Đình Bảo làm minh chủ(1). Đình Bảo viết thư trả lời chúng, rồi liền đem bức thư của giặc kèm với thư của mình làm tờ khải trình bày đầy đủ về triều. Trịnh Sâm cho là người trung thành, bèn bổ Đình Bảo làm thống lãnh, đem châu sư(2) trấn Nghệ An tiến ra càn quét. Giặc nghe tin Đình Bảo kéo quân đến, đều tự chạy trốn. Lê Quý Đôn lại sai người chiêu dụ, đảng giặc là Thục Toại xin hàng. Giặc biển hết thảy đều bình định được.

Sau trị tội những người thua trận nhút nhát rút lui : Ngô Đình Hoành phải tội lưu đi viễn châu, Nguyễn Địch Bàn phải lột chức tước, Thân Xuân Thự phải giáng xuống năm bậc. Còn bọn Nguyễn Phan, Phùng Cơ và tướng tá khác đều được thăng thưởng có đẳng hạng khác nhau. Chb. **XLV**,12

Lời chua – *Mai Thế Uông* : Do chân hương cống được tiến triều, là con Thế Chuẩn, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn(3).

Đặng Đình Viện : Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức(4).

Trịnh Tự Quyền : Người xã Phù Lỗ(5), huyện Kim Anh.

Nguyễn Kim Phẩm : Người huyện Thượng Nguyên.

---

(1) Xem chú thích số 1 *Chính biên* quyển XXV, tờ 33.
(2) Binh lính sử dụng thuyền, đánh nhau ở sông, biển.
(3) Nay là xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.
(4) Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
(5) Nay là xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, Hà Nội.

Trần Xuân Trạch : Người huyện Nam Chân. Kim Phẩm và Xuân Trạch sau này đều vào Gia Định, theo việc nghĩa, được trao chức tả chi chưởng cơ và hữu chi chưởng cơ, bị chết tại trận, khoảng năm Gia Long đều truy tặng chưởng doanh quận công, liệt vào hàng thờ ở miếu Công Thần.

Hiến Doanh : Xem Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb.XXXVIII, 39).

Cửa biển Lác Hải : Ở giáp giới địa phận hai huyện Giao Thuỷ và Chân Định.(1)

Thận Vi(2) : Tên xã, thuộc huyện Thượng Nguyên.

Sông Ngô Đồng : Ở địa giới huyện Giao Thủy. Các địa điểm trên đều thuộc tỉnh Nam Định.

Trịnh Sâm tự ý thi những người đã được đề cử.

Sâm tự cậy tài cán, cho rằng trong thiên hạ không việc gì không thể làm được, trăm quan không người nào không thể giá ngự được. Trước kia, Sâm định điều lệ văn tuyển, võ tuyển : Ở ngoài các trấn thì do Thừa chính và Hiến sát dò hỏi những người có đức hạnh, học thuật, không câu nệ người ấy đã làm quan hay chưa, đều được đề cử những người mà mình biết là xứng đáng, mỗi năm cứ tháng trọng thu(3) dâng danh sách lên chính phủ ; ở trong kinh thì các quan về văn ban đều có quyền bảo cử. Triều đình hạ lệnh cho các quan trong chính phủ xét duyệt, chọn lấy người trội hơn vào phủ đường yết kiến, nếu người nào ở trước mặt chúa mà ứng đối được hợp ý, lập tức thăng bổ giữ chức phó thiêm ở lục phiên và các chức tham nghị, hiến phó, không bó buộc về tư cách. Còn người trội vừa sẽ đưa sang bộ Lại kén chọn, bổ giữ các chức ở lục bộ, lục tự hoặc phủ, huyện, gọi là văn tuyển. Chb. **XLV**,13

(1) Nay Giao Thủy thuộc Nam Định. Chân Định thuộc Thái Bình.
(2) Nay là xã Bách Thuận thuộc huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
(3) Tháng 8 âm lịch.

Các quan về võ ban đề cử người có phương pháp, mưu mô, tài năng, nghệ thuật đã từng theo đi đánh trận. Những người này cũng do các quan trong chính phủ xét tài năng, phẩm hạnh, xếp thành thứ tự, rồi dẫn vào phủ đường để so đọ, võ nghệ người nào trội hơn thì được thăng chức bổ dụng, người trội vừa sẽ bổ dụng sau, gọi là võ tuyển.

Đến nay, Sâm hạ lệnh triệu những người được đề cử về văn tuyển là bọn Nguyễn Danh Hiến 14 người vào phủ đường thi khảo ngay trước mặt, rồi bổ giữ chức ngoài các trấn.

Lời chua - *Nguyễn Danh Hiến* : Người xã Xuân Cầu[1], huyện Văn Giang.

Tháng 11, mùa đông. Bổ dụng Hoàng Đình Bảo làm thự phủ sự, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt.

Trước kia, Đình Bảo trấn thủ Nghệ An, dẹp giặc cướp, ngăn kiện tụng, rất được lòng dân. Liêu thuộc ở dưới trướng hắn có các hạng tả, hữu tham quân và tòng sự. Vì thế, trong kinh ngoài trấn phao đồn ầm lên rằng "Đình Bảo có ý mưu toan làm việc trái phép". Trịnh Sâm bí mật bàn mưu với tín thần[2] là Nguyễn Phương Đĩnh và Nguyễn Lệ để giết Đình Bảo. Vợ Đình Bảo là quận chúa[3], vẫn a dua Đặngthị, vợ Trịnh Sâm, ngày đêm ra vào trong phủ, Đặng thị đem việc ấy nói cho biết. Đình Bảo không được yên tâm, bèn làm tờ khải xin về triều, Sâm y cho. Chb. **XLV**,14

Đình Bảo cho rằng Đặng thị tuy được chúa cưng yêu, nhưng Cán (Con Đặng thị) còn bé, mà Khải đã trưởng thành, nếu phụ họa với Đặng thị e rằng không phải kế vững vàng lâu dài. Sau khi đã vào phủ yết kiến rồi, Đình Bảo sắm đủ 100

(1) Nay thuộc xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(2) Tức hoạn quan.
(3) Con gái Trịnh Doanh.

lạng vàng, 10 cây đoạn gấm, làm lễ trình diện, đến yết kiến Trịnh Khải. Khải từ chối, không cho vào yết kiến, lại nói riêng với người hầu hạ rằng : "Thằng giặc ấy sao không ở trấn Nghệ An để làm phản, lại vội vàng về triều? Một ngày kia ta sẽ tịch thu gia sản nó, ta thèm dùng lễ chí kiến của nó làm gì? " Đình Bảo nghe được câu ấy, sợ lắm, tự suy nghĩ là mình không được Trịnh Khải bao dung, bèn quả quyết phụ hoạ với Đặng thị, ngầm chủ trương mưu kế bỏ người này lập người khác, Đặng thị cũng hết sức giúp đỡ Đình Bảo, và biện bạch là Đình Bảo bị vu oan, lại cho là Đình Bảo có thể dùng giữ việc trọng đại được. Trịnh Sâm tin lời. Do đấy, Đình Bảo được vào giữ chức trong chính phủ, mở quân doanh Trung Nhuệ, lãnh chức trấn thủ Sơn Nam bằng cách vắng mặt. Quyền thế Đình Bảo làm nghiêng lệch cả trong kinh, ngoài trấn. Bọn quản binh và trấn thủ đều là môn hạ, chỉ có Nguyễn Lệ ở Sơn Tây và Nguyễn Khắc Tuân ở Kinh Bắc cùng Đình Bảo vẫn ngầm có ý đánh đổ nhau, đè bẹp nhau, gây ra tình thế bè đảng.

Lời phê – *Họ Trịnh dùng nhiều quan thị, hơn cả nhà Hán, nhà Đường ; bầy tôi lại đều giữ lòng riêng, gây bè đảng, thế mà Trịnh Sâm tin dùng. Như thế, không bại vong sao được?*

Lời chua – *Sơn Nam, Nghệ An, Sơn Tây, Kinh Bắc* : Đều xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10 (Chb.XXI, 16 – 18, 21 – 23, 26 – 28).

Kỷ Hợi, năm thứ 40 (1779).(Thanh, năm Càn Long thứ 44).

Tháng 3, mùa xuân. Trịnh Sâm hạ lệnh cho Phủ doãn và Hiến sát sứ đi tuần hành xét hỏi các nha môn và những người quyền thế về việc ức hiếp nhũng nhiễu nhân dân. Chb. XLV,15

Sâm lấy cớ rằng, trong nước được thái bình lâu ngày, lệnh cấm có phần lỏng lẻo, các nha môn hoặc có người trái phép

làm càn, bèn hạ lệnh cho viên Phủ doãn ở Phụng Thiên đi tuần hành trong kinh kỳ, viên quan trong ti Hiến sát các trấn đi tuần hành trong địa hạt mình, để tra xét xem có việc giả lệnh, sai phái, dùng mạo ấn tín và các tình hình về việc sai bắt, nhũng nhiễu, lăng loàn ức hiếp hay không. Nếu có, thì không cần đợi người cáo tố, lập tức bắt để trị tội. Nếu viên quan nào vì sợ hãi, vì tránh tiếng mà yểm lưu đi, khi việc phát giác, sẽ đều tuỳ theo tội nặng hay nhẹ mà giáng chức hoặc bãi chức. Tuy thế, nhưng bên trong thì Đặng thị, bên ngoài thì Hoàng Đình Bảo, trong ngoài câu kết với nhau. Phàm nhà quyền thế phần nhiều dính dáng là môn hạ của hai nhà kia, nếu họ có việc gì đến cửa quan, thì viên quan giữ trách nhiệm chỉ nhìn nhau rồi ngậm miệng đùn đẩy lẫn cho nhau mà thôi.

Lời chua – *Đặng Thị Huệ* : Người xã Phù Đổng[1], huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

Tháng 6, mùa hạ. Định rõ lại quy chế việc dạy học.

Hạ lệnh cho Quốc Tử giám và Đề đốc Học chính các xứ dạy bảo học trò, trước hết cần có sự thực về việc làm rồi sau mới đến văn chương. Chia học trò ra làm hai hạng ghi vào sổ nhà trường, hàng ngày đến trường nghe giảng dậy. Viên quan giữ việc dạy học lại bất thần hỏi han, để khuyến khích sự siêng năng của họ. Các học trò đã ghi tên trong sổ, mà thật là người có học lực, đức hạnh, tài năng, phẩm giá, thì các quan đệ danh sách lên triều đình biết, để phòng sự phân biệt bổ dụng.

Lời chua – *Đề đốc Học chính* : Viên quan tham chính ở các xứ kiêm giữ chức Đề đốc Học chính. Chb. **XLV**,16

Chia học trò làm hai hạng : Nho sinh trung thức và giám sinh là một hạng ; nho sinh và sinh đồ là một hạng.

(1) Nay là thôn Phù Đổng, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Tháng 7, mùa thu. Thổ tù Hoàng Văn Đồng lại làm phản, xưng hiệu là Tân vương. Triều đình sai bọn Nguyễn Lệ và Nguyễn Phan đi đánh, Văn Đồng lại xin hàng.

Văn Đồng lấy danh nghĩa là thổ tù được cha truyền con nối quản thủ mỏ Tụ Long, thu nộp thuế đồng. Lúc ấy, viên quan coi Hộ phiên là Lê Quý Đôn và viên xuất nạp là Chu Xuân Hán xét Văn Đồng về tội thiếu thuế, tống giam khổ sở không cho về, bắt phải nộp bạc hối lộ đến 3.000 lạng. Văn Đồng đút lót cho người giữ ngục được thoát ra ; về nhà, dấy quân làm phản, nhân lúc sơ hở, kéo quân xông thẳng vào phố Tam Kỳ. Trấn thủ là Nghi Trung hầu (sót họ tên) đóng cửa thành, chống giữ. Triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ đem quân cứu viện Tuyên Quang. Khi quân Nguyễn Lệ kéo đến, Văn Đồng rút lui, chạy trốn. Lại sai người dụ bảo Văn Đồng đầu hàng. Nhân đấy, Văn Đồng cáo tố rõ tình trạng sách nhiễu của Quý Đôn và Xuân Hán. Lệ đem việc này tâu về triều, bọn Quý Đôn đều can tội, phải giáng chức.

Văn Đồng lại trở về chiếm cứ Tụ Long, lẻn lút tụ tập đồ đảng còn sót lại làm kế cố thủ. Gặp Chb. **XLV**,17 lúc giặc biển vùng Đông Nam nhao nhao nổi dậy, Văn Đồng lại càng vùng vẫy mạnh hơn, tự xưng hiệu là Tân vương. Đến nay, triều đình hạ lệnh cho Nguyễn Lệ, trấn thủ Sơn Tây, giữ chức thống lãnh các đạo quân Tuyên - Cao - Lạng và thái tể Nguyễn Phan giữ chức hiệp thống lãnh, chia đường tiến đánh. Văn Đồng đem hết quân giữ nơi hiểm yếu. Lệ sai em là Điền Nhạc hầu Nguyễn Điều đi nhờ đường phủ Khai Hóa, xông thẳng đến sào huyệt Văn Đồng, đánh phá tan được. Văn Đồng trốn biệt, quan quân đuổi theo không kịp, san phẳng hết thành luỹ rồi kéo quân về. Sau này, Văn Đồng lại xin đầu hàng, được triều đình tha tội cho.

Lời chua - *Chu Xuân Hán* : Hoạn quan, người huyện Chương Đức[1], Hà Nội.

Phố Tam Kỳ : Ở huyện Hàm Yên, Tuyên Quang.

Xã Tụ Long : Thuộc huyện Vị Xuyên[2], Tuyên Quang, xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 9 (Chb.XXXVII, 5).

Phủ Khai Hóa : Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb.XLIV, 11).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm tự ý mở thịnh khoa[3] thi hương, thi hội.

Sâm tự nhận công đức ngày càng lừng lẫy, hạ lệnh mở thịnh khoa thi hương, thi hội: thi hương vào tháng 10, thi hội vào tháng 11.

Theo chế độ cũ, về việc thi đình, nhà vua thân hành ra sách văn thi cống sĩ ở sân rồng, người nào trúng cách thì cho truyền lô và yết tên vào bảng vàng. Khoa này, Trịnh Sâm cho người trúng cách cũng theo chế độ cũ, trước hết vào thi đình, nhưng văn bài không đưa nhà vua phê duyệt. Đến hôm sau, lại hạ lệnh đến thi ở phủ đường, rồi căn cứ vào bài đối sách tại phủ đường để định sự đỗ cao, đỗ thấp. Ban cho Lê Huy Trâm và Phạm Nguyễn Du hai người đỗ đồng xuất thân, bọn Phạm Quý Thích 13 người đỗ đồng xuất thân, cao thấp khác nhau. Rồi tâu xin nhà vua ra sắc lệnh cho đem bảng vàng treo ở ngoài cửa nhà Thái Học. Việc này sau thành thể lệ thường hành. Chb. **XLV**,18

(1) Nay là Chương Mỹ, thuộc tỉnh Hà Tây.
(2) Nay thuộc tỉnh Hà Giang.
(3) Tham khảo *Lê sử bổ* (sách chép tay, không có tên tác giả) thì thịnh khoa tức là ân khoa (chế độ thi cử thời phong kiến, khoa thi hương, thi hội đã có từng năm nhất định, nhưng năm nào vua chúa có sự vui mừng gì đó, thì gia ân mở thêm một khoa gọi là ân khoa). Trước kia chúa Trịnh định mở ân khoa, nhưng chưa quả quyết cử hành, nay Trịnh Sâm tự mở khoa thi gọi là thịnh khoa ; như thế là Trịnh Sâm có ý xâm lấn cả ân điển về thi cử của vua nhà Lê.

Lời chua – *Lê Huy Trâm* : Người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai[1].

Phạm Quý Thích : Người xã Lương Đường, huyện Đường An[2], làm quan đến chức thiêm tri Công phiên. Đến khoảng năm Gia Long, được trao cho hàm thị trung học sĩ lãnh chức Đốc học phủ Hoài Đức.

Canh Tí, năm thứ 41 (1780).(Thanh, năm Càn Long thứ 45).

Tháng giêng, mùa xuân. Bắt đầu đánh thuế tô ruộng tư ở Thanh Nghệ.

Trước kia, hai xứ Thanh và Nghệ không có thuế ruộng tư. Đến nay bàn định : ruộng hai mùa mỗi mẫu nộp 1 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu nộp 36 đồng, giao xã trưởng sở tại chiếu theo từng hạng ruộng thu tiền tô, cấp làm lương ăn cho binh đinh trong xã. Còn ruộng tư của binh đinh vẫn được miễn thuế.

Tháng 4, mùa hạ. Định lại phép thi võ cử.

Khoa thi võ cử mới đặt từ năm Bảo Thái (1720 - 1728), lấy bốn năm Tí, Ngọ, Mão, Dậu làm khoa thi sở cử, bốn năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi làm khoa thi bác cử. Cứ ba năm mở một khoa, đại lược dựa theo thể lệ thi hương, thi hội về bên văn. Đến năm Vĩnh Khánh (1729 - 1731) đổi ra thi ba kỳ : trước hết thi giương cung, múa siêu đao, sau thi bắn cung, múa kiếm và cưỡi ngựa múa đâu mâu, sau nữa thì văn sách hỏi bảy bộ sách trong Võ Kinh và một bài về phương pháp mưu mẹo việc binh. Người nào ba kỳ đều trúng cách, là tạo sĩ. Nếu có người nào kỳ đệ tam không trúng cách, mà kỹ thuật và sức lực được liệt vào hạng trội hơn, thì mỗi khoa chọn lấy hơn mười người, cho được bổ dụng cũng như tạo sĩ. Về phép thi sở cử cũng giống như bác cử[3].

Chb. **XLV**,19

(1) Tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là thôn Lương Ngọc, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
(3) Xem thêm *Chính biên*, quyển XXVII, tờ 20, 21.

Đến nay định lại, phép thi chia làm bốn kỳ : kỳ đệ nhất, thi giương cung, múa siêu đao ; kỳ đệ nhị, khảo xét việc so đọ về môn đi bộ bắn cung, bắn súng ; kỳ đệ tam, trước hết thi vừa phi ngựa vừa bắn, sau khảo các môn đi bộ đấu siêu đao, lăn khiên, cưỡi ngựa múa đâu mâu và kiếm trường. Viên quan giữ việc khảo sát phải xét kỹ về các phép đánh, đâm, tiến, lui, che đỡ cùng khí sắc và sức vóc hăng hái hay suy kém, mạnh hay yếu, để định người hơn, người kém ; kỳ đệ tứ, làm một bài văn sách. Phép thi võ sửa lại như thế, lại càng kỹ lưỡng hơn trước.

Lời chua - *Phép thi sở cử và bác cử* : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 5 (Chb. XXXVI, 18).

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm truất bỏ ngôi của con trưởng là Khải và bắt giam giữ.

Khải, là con Dương thị, một phi tần trong phủ chúa. Theo thể lệ cũ, con chúa cứ đến 7 tuổi, cho ra ở nhà riêng để học, nếu là con trưởng thì đến 13 tuổi cho mở phủ đệ và được phong làm thế tử. Nhưng Sâm cho rằng Khải (tên cũ là Tông) không phải do vợ cả sinh ra, nên không yêu quý, dùng Nguyễn Phương Đĩnh, hoạn quan, làm bảo phó của Khải. Lúc Khải đã 9 tuổi mới cho đi học, dùng Nguyễn Lệ và Lý Trần Thản làm tả tư giảng và hữu tư giảng. Chưa được bao lâu, Trần Thản mất, Nguyễn Lệ cũng ra trấn thủ Sơn Tây, chỉ sai Khải đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, theo thời tiết vào phủ đường triều yết mà thôi. Viên quan trong Ngự sử là Nguyễn Thưởng và Vũ Huy Đĩnh trước sau nhiều lần xin với Sâm về việc lập thế tử, đều bị giáng chức. Sau vì Đặng Thị Huệ, một thị nữ được yêu nuông, sinh con là Cán, Sâm rất yêu quý, sách phong Đặng thị làm Tuyên Phi. Đặng thị tự gây dựng lấy bè đảng cho vây cánh được dày dặn, bên ngoài nương nhờ Hoàng Đình Bảo làm viện trợ, ngầm có trí cướp ngôi thế tử cho Cán. Khải không được yên tâm. Lúc Sâm có bệnh, nhiều

Chb. **XLV**,20

lần Khải đến cửa tẩm thất để vào chầu thăm hỏi, thường bị quân giữ cửa ngăn cản, không được vào.

Ngoài phủ đường có lời phao đồn là Sâm bị bệnh nặng. Khải bàn mưu với gia thần là Đàm Xuân Thụ và bọn đầy tớ nhỏ là Thế và Thẩm (hai người đều sót họ) rằng : "Vương thượng mắc bệnh mà ta không được vào chầu, nếu xảy ra biến cố như việc tên Cao, tên Tư đã làm ngày trước[1], thì toan tính thế nào?" Bọn Xuân Thụ xin bí mật chứa sẵn binh khí, chiêu mộ dũng sĩ, nếu một ngày kia trong phủ đường có sự không lành, thì đóng cửa thành lại, giết Đình Bảo, bắt giam Đặng thị, rồi phi báo cho quan hai trấn[2], đem quân vào hộ vệ, thì ngôi chúa có thể vững vàng được. Khải cho lời bàn ấy là đúng, bèn vay ngầm của nội thị Chu Xuân Hán 1.000 lạng bạc, để nuôi dũng sĩ và sắm khí giới. Nguyễn Lệ, trấn thủ Sơn Tây, từng giữ chức tư giảng cho Khải, Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc, là con nuôi Nguyễn Phương Đĩnh, cùng Khải vốn có tình thân mật, nay đều cho mật báo, để họ sẵn sàng dự bị. Chb. **XLV**,21

Ngô [Thì] Nhậm[3], đốc đồng Kinh Bắc, trước kia, giữ việc hàng ngày giảng nghĩa sách cho Khải, rất được Khải thân yêu kính trọng. Hà Như Sơn, một tên đày tớ nhỏ, là học trò [Thì] Nhậm, hiện làm người giữ sách cho Khải. Như Sơn biết được việc này, đem nói với Nhậm. Nguyễn Huy Bá, cấp sự trung, là người giảo hoạt thâm hiểm, vì tội tham tang, bị bãi chức. Bá cho con dâu vào làm thị tỳ hầu hạ Đặng thị, lại sai người thân tín cầu cạnh làm môn hạ Nguyễn Khắc Tuân, nhân dò biết việc

(1) Thời đại Tần Thuỷ Hoàng, Triệu Cao giữ chức lang trung lệnh, Lý Tư giữ chức tả thừa tướng. Khi Thuỷ Hoàng đi tuần du, đem người con nhỏ được cưng chiều là Hồ Hợi đi theo, rồi Thuỷ Hoàng bị bệnh mất ở Sa Khâu, Triệu Cao bàn với Lý Tư lập Hồ Hợi làm vua mà phế truất thái tử là Phù Tô (*Tăng bình lịch sử cương mục* bổ, quyển IV, tờ 5).

(2) Túc trấn Sơn Tây và Kinh Bắc.

(3) Nguyên văn chép là "Ngô Nhâm" vì sử thần triều Nguyễn tránh tên huý Tự Đức, nên bỏ chữ "Thì" đi và đổi chữ "Nhậm" làm chữ "Nhâm". Ở đây chúng tôi dịch đúng tên là "Ngô Thì Nhậm".

này, bèn vào phủ tố cáo với Đặng thị. [Thì] Nhậm định tự mình phụ hoạ với Đặng thị, bèn cùng Huy Bá hợp mưu cáo tố là Khải lén lút câu kết với hai viên trấn thủ, mưu toan làm việc trái phép. Sâm giận lắm, cho triệu Đình Bảo vào phủ bảo về việc này, ý Sâm muốn phê phó giao xuống để trị tội ngay. Đình Bảo can rằng : " Khải dám làm việc to lớn này, chính do viên quan hai trấn ở Tây và Bắc chủ mưu, nay họ đều cầm quân ở ngoài nếu trị tội một cách vội vàng, e sẽ xảy ra biến cố khác. Vậy chi bằng trước hết triệu hai viên trấn thủ ấy về triều, rồi sau sẽ dần dà phát giác sự trạng để trị tội". Sâm nhận là phải, bèn hạ lệnh triệu Nguyễn Lệ, trấn thủ Sơn Tây. Khi Lệ về đến nơi, Sâm yên ủy có phần hơn trước. Cách mấy hôm sau, mật bắt được bè đảng của Lệ ; nhân đấy lại cho triệu Nguyễn Khắc Tuân, trấn thủ Kinh Bắc. Khi Tuân đã về, bắt giam lại cùng với Nguyễn Lệ và Nguyễn Phương Đĩnh, rồi sai Ngô [Thì] Nhậm cùng hoạn quan là Phạm Huy Thức tham dự việc tra hỏi. Gặp lúc ấy, [Thì] Nhậm vì cha mất, từ chức về, nên đổi sai Lê Quý Đôn tra hỏi lại, bọn Xuân Thụ, Thế và Thẩm nhận hết tội lỗi. Sâm bèn truất Khải xuống làm con út (quý tử), giam ở nội phủ. Bọn Xuân Thụ đều bị giết. Nguyễn Lệ và Nguyễn Khắc Tuân bị giam vào ngục. Phương Đĩnh vì nuôi dưỡng Trịnh Khải không thành công trạng gì, nên bị lột hết chức tước đuổi về làng. Khắc Tuân và Chu Xuân Hán đều uống thuốc độc chết.

Chb. **XLV**,22

Trịnh Khải đã bị phế, ở ngôi nhà ba gian, ăn uống ra vào không được tự do, người ta đều lo ngại cho Khải, nhưng không người nào dám nói. Lúc ấy có viên tri châu cũ là Lê Vĩ, dâng thư biện bạch cho Khải là bị tội oan, nhưng không được Trịnh Sâm xét đến.

Trước kia, Ngô [Thì] Nhậm sắp phát giác tội của Khải, đem việc ấy bàn với cha là Ngô [Thì] Sĩ, Sĩ cố sức can ngăn, đến nỗi phải đem cái chết để thề bồi với con, nhưng chung quy

Nhậm vẫn không theo. Kịp khi nghe tin Nhậm đã phát giác việc ấy, Sĩ buồn bực, bèn uống thuốc độc tự tử. Về phần Nhậm, vì có công phát giác, được thăng hữu thị lang bộ Công. Lúc ấy người ta có câu rằng : "Sát tứ phụ nhi thị lang", nghĩa là giết 4 người cha để mà làm thị lang. Câu ấy là có ý khinh bỉ Thì Nhậm đó.

Lời chua - *Ngô [Thì] Nhậm* : Người làng Tả Thanh Oai(1), huyện Thanh Oai, là con Ngô [Thì] Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau thờ nhà Tây Sơn, làm quan thượng thư bộ Binh ; đến năm Gia Long thứ nhất, bị đánh bằng trượng cho đến chết.

Tứ phụ : Ý nói Ngô [Thì] Sĩ là thân phụ, thế tử Khải là quân phụ ; Khắc Tuân và Xuân Hán là phụ chấp (bạn của bố). (Xuất xứ ở sách *Cố Lê nhất thống chí*). Có thuyết nói : Nguyễn Lệ, Phương Đĩnh và Khắc Tuân đều là phụ chấp của Nhậm, nên gọi là tứ phụ. Chb. **XLV**,23

Lê Vĩ : Người xã Nhân Mục(2), huyện Thanh Trì, đỗ hương cống.

Tháng 11, mùa đông. Người thổ nhà Thanh chiếm đất sáu châu ở phủ An Tây.

Mười châu ở phủ An Tây thuộc Hưng Hoá, tiếp giáp với đất đai Vân Nam. Từ khi Hoàng Văn Chất lẻn lút chiếm cứ Thanh Châu, thổ tù sợ khí thế ác ngược của Chất, nên có khi họ xin phụ thuộc ngang tắt sang phương bắc. Không những thế, mà thổ dân nhà Thanh cũng phần nhiều vượt tràn sang chiếm đất các châu ấy để ở, thành ra Quảng Lăng và Khiêm Châu bị huyện Kiến Thuỷ thuộc phủ Khai Hoá chiếm cứ. Triều đình nhiều lần tư giấy biện bạch, chưa được nhà Thanh trả lời. Đến nay, bầy tôi giữ trấn Hưng Hoá lại báo cáo về triều là "Bốn châu Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền đều bị huyện Kiến Thuỷ xâm chiếm. Họ cứ thu thuế theo nóc

(1) Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Tức làng Mọc, nay thuộc quận Thanh Xuân, Hà Nội.

nhà hiện có". Sâm họp bầy tôi trong triều làm văn thư gửi sang viên quan ở Vân Quý (Vân Nam - Quý Châu) biện bạch để cương giới hai bên được đúng. Nhưng sau đó, vì Sâm bị bệnh mất, việc ấy bèn thôi. Từ đấy, đất đai sáu châu, suốt thời nhà Lê không sao khôi phục lại được.

Lời chua - *Phủ An Tây*(1) : Thuộc Hưng Hoá.

Thanh Châu(2) : Nay là châu Ninh Biên.

Mười châu : Đều xem năm Cảnh Hưng thứ 29 (Chb.XLIII, 16).

Phủ Khai Hoá : Thuộc tỉnh Vân Nam, xem năm Cảnh Hưng thứ 35 (Chb.XLIV, 11).

Sáu châu : Tức Quảng Lăng, Khiêm Châu, Hoàng Nham, Tuy Phụ, Hợp Phì và Lễ Tuyền.

Tân Sửu, năm thứ 42 (1781).(Thanh, năm Càn Long thứ 46).

Tháng 10, mùa đông. Trịnh Sâm lập người con bé là Cán làm thế tử. Chb. XLV,24

Cán mắc bệnh từ khi còn phải bế ẵm, chân tay và thân thể gầy mòn, thuốc thang điều trị mấy năm vẫn không khỏi. Từ khi Khải bị tội, bệnh của Cán ngày một bớt dần, chẩn đậu lại thuận, Sâm lấy làm vui vẻ. Bầy tôi trong kinh, ngoài trấn chúc mừng, đều khuyên Sâm nên sớm lập làm người nối nghiệp, để thống nhất lòng người, Sâm theo lời. Mẹ Sâm là Trịnh thái phi Nguyễn Thị nói với Sâm rằng : "Khải với Cán đều là cháu của già này, nhưng già nghĩ cháu Khải đã trưởng thành, mà cháu Cán còn nhỏ tuổi lại quặt quẹo luôn, già mong vương thượng coi tôn miếu xã tắc làm trọng hơn, hãy để trống ngôi kế tự, ngõ hầu Khải có lòng răn chừa ; nếu không thế, thì đợi khi Cán đến tuổi trưởng thành cũng chưa có gì là muộn". Sâm nói : "Việc lớn nhà nước, chỉ cốt phó thác được người xứng đáng,

(1) Nay thuộc tỉnh Lai Châu.
(2) Nay là huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu.

nếu bệnh của Cán vẫn không khỏi, thì thà rằng lập Bồng, để trả lại cơ nghiệp cho ngành cả của nhà bác, chứ không đành lòng phó thác cho đứa con bất hiếu làm gì !" Vì thế thái phi không nói lại nữa. Sâm bèn tâu nhà vua xin lập Cán làm thế tử, lúc ấy Cán mới 5 tuổi. Sâm dùng Huy quận công Hoàng Đình Bảo làm a bảo để nuôi dưỡng giúp đỡ Cán. Sâm mắc bệnh trĩ, ở nhà kín không ra ngoài. Đặng thị ở trong cung xếp đặt công việc, bè đảng đều giữ địa vị trọng yếu, mà Cán lại là người thơ ấu nối nghiệp, nên người ta đều có lòng lo ngại.

Lời chua – *Ngành cả của nhà bác* : Xét Trịnh Giang là con trưởng Trịnh Cương, khoảng năm Vĩnh Hựu (1735 – 1739) Giang có bệnh, em là Trịnh Doanh tạm giữ chính quyền, rồi Trịnh Doanh tự lập làm chúa[1], nhân đấy truyền ngôi cho con là Sâm. Trịnh Bồng, con Trịnh Giang, tức là người anh con nhà bác của Trịnh Sâm, nên gọi là ngành cả nhà bác (bá thị chính hệ). Chb. **XLV**,25

Nhâm Dần, năm thứ 43 (1782).(Thanh, năm Càn Long thứ 47).

Tháng 4, mùa hạ. Động đất.

Lúc ấy, động đất ở kinh sư và vùng Tây Nam. Trịnh Sâm hạ lệnh cho phủ liêu nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi. Bồi tụng Bùi Huy Bích dâng tờ khải có đoạn nói : "Tôi cúi mong vương thượng đem lòng sáng suốt tự xét trong mình, tìm rộng đến lời dạy bảo của đời cổ, như trong sách Luận ngữ đã dạy "quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử"[2]. Vương thượng nên thung dung bồi dưỡng trong lòng rộng xa mà thân mật, để đón rước lấy khí trung hoà của đất trời, làm cho trời đất có triệu chứng hiện ra mà không có tai biến phản ứng lại, thì hay lắm". Sâm đọc đi đọc lại hai, ba lần, rồi tủm tỉm cười, nói :

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XXXVIII, tờ 17 - 19.

(2) Ý nói : Ông vua giữ hết đạo làm vua, bầy tôi giữ hết đạo làm tôi, cha giữ hết đạo làm cha, con giữ hết đạo làm con. Câu của Khổng tử trả lời Tề Cảnh Công, chép trong thiên "Nhan Uyên" sách *Luận ngữ*.

"Câu nói "quân thần phụ tử" của Huy Bích là có ý khuyên can ta đây". Sâm trù trừ suy nghĩ hồi lâu, nhưng cũng không thể thay đổi được.

Tháng 6. Vũ Miên mất.

Miên bị bệnh nặng, Trịnh Sâm sai trung sứ đến nhà riêng, hỏi những điều mà Miên muốn nói. Miên tự tay viết tờ khải nói : "Quý Tử[1] vì huyết khí chưa vững vàng, bị bọn tiểu nhân làm mê hoặc, đến nỗi phạm tội nặng nề ; thế tử[2] khi trưởng thành nối ngôi trị vì, đấy là phúc muôn năm của tôn miếu xã tắc ; vạn nhất mà biến cố xảy ra bất thường, thì hoạ hoạn sẽ không thể lường được. Việc này tôi vẫn áy náy lo thầm, đến chết cũng không nhắm mắt được. Lại xin vương thượng cắt đứt tình yêu nơi chăn gối, mà định thứ tự con lớn con trẻ cho được đúng đắn, thì may mắn cho thiên hạ lắm". Đến đây, Vũ Miên đương làm tả thị lang bộ Binh giữ chức bồi tụng thì mất, được truy tặng hàm thượng thư, đặt tên thuỵ là Ôn Cẩn. Chb. **XLV**,26

Tháng 9, mùa thu. Trịnh Sâm mất.

Từ mấy năm trở lại đây, bệnh cũ của Sâm luôn luôn phát sinh, rất sợ nắng gió, thường ở trong cung sâu kín, ban ngày cũng phải đốt nến, nếu không phải ngày đại triều hội, không bao giờ ra ngoài. Đến nay bệnh thêm nguy kịch, Đặng thị ngày đêm ở bên cạnh ; về hàng đại thần, chỉ có bọn Đình Bảo, Danh Thuỳ và Đình Châu mấy người được ra vào mà thôi. Đặng thị nói với Sâm rằng : "Thiếp nhờ ơn vương thượng yêu đương quyến luyến bội phần, nay trăm tội đổ lên đầu thiếp, không biết một ngày kia mẹ con thiếp sẽ gửi thân vào nơi nào?". Sâm

(1) Chỉ Trịnh Khải, vì Khải bị truất làm con út (quý tử).

(2) Chỉ Trịnh Cán - Đoạn văn này *Cương mục* chép không rõ, tham khảo *Lê sử bổ* chép : "Thế tử tuổi thơ ấu, lại mắc bệnh. Vậy xin vương thượng giữ gìn tôn thế. Khi trăm tuổi về già, trưởng tử đã trưởng thành lên nối nghiệp, đấy là một sự may cho xã tắc tôn miếu". Chép như thế có phần rõ hơn.

an ủi nói : "Danh vị thái tử đã ấn định rồi, sau này nước là nước của thế tử, còn phải lo lắng gì nữa?". Sâm lại quay bảo Đình Bảo rằng : "Nhà ngươi cố sức bảo hộ thế tử để yên lòng ta". Đình Bảo thưa rằng : "Tôi đâu dám chẳng hết lòng, cùng lắm thì đem cái chết để báo ơn chúa. Nhưng xin ngay bây giờ cho thế tử nối ngôi và sách phong chính cung Tuyên Phi cùng tham dự xét đoán công việc chính trị, để có mệnh lệnh sẵn sàng". Sâm nói : "Nhà ngươi nói đúng, nhà ngươi cần phải giúp sức". Đình Bảo nói : "Nhận lời trối trăng lại để giúp việc chính trị, tôi không dám đảm đang một mình, Trịnh Kiều, người rất thân trong họ nhà chúa ; Nguyễn Hoàn, bậc sư bảo đại thần ; Lê Đình Châu và Phan Lê Phiên đều ở trong chính phủ vẫn có danh dự đức vọng ; Trần Xuân Huy và Tạ Danh Thuỳ đều là a bảo tín thần. Xin cho các viên ấy cùng tôi vâng chịu cố mệnh"[1]. Sâm y cho, bèn sai Lê Phiên viết tờ cố mệnh, Nhữ Công Điền viết chế sách về Tuyên phi Đặng thị. Khi viết xong, Đình Bảo để trong tay áo, vào phủ đường, xin Sâm phê chữ. Lúc ấy bệnh Sâm đã gần tắt thở, bèn cho triệu bọn Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn vào nhận cố mệnh. Khi bọn Kiều vào, Sâm vừa khóc vừa nói : "Tiểu tử này mắc bệnh không sống được nữa. Nay thế tử Cán nối ngôi, rất mong thúc phụ và sư thần[2] cùng lòng giúp rập, vượt qua trong buổi khó khăn". Đình Bảo nhân lấy tờ thư trong tay áo ra dâng trình, Sâm xua tay gạt đi. Đình Bảo nói : "Thư cố mệnh còn chưa ghi tên (tức tên của thế tử), xin cho vương thân là Trịnh Kiều ghi tên thay". Sâm gật đầu. Kiều ghi tên [thế tử] xong, liền dâng trình, thì Sâm đã nhắm mắt rồi, không biết gì nữa. Lúc mất, Sâm 41 tuổi.

Chb. **XLV**,27

(1) Xem chú thích số 4, *Chính biên* quyển V, tờ 20.

(2) Nguyễn Hoàn đối với Sâm, nói về tình thầy trò, thì Hoàn là thầy dạy Sâm học, Sâm đã phong cho Hoàn là quốc sư ; nói về nghĩa vua tôi, thì Hoàn là bầy tôi của Sâm. Vì thế nên gọi là sư thần.

Đình Bảo đem thư cố mệnh và chế sách của Tuyên phi giao cho Danh Thuỳ truyền đi các nơi và đệ ra chính phủ, rồi tâu xin nhà vua : lập Cán làm Điện Đô vương ; Tuyên phi Đặng thị cùng tham dự xét đoán công việc chính trị ; truy tôn Sâm làm Thịnh vương. Lúc ấy, Cán còn nhỏ tuổi lại có bệnh, lòng người nôn nao lo sợ, trong triều đình, nơi thôn dã ai cũng biết hoạ loạn xảy ra chỉ trong khoảng sớm tối. Đình Bảo một mình chuyên nắm chính quyền trong nước, hắn vẫn giữ thái độ thản nhiên không để ý gì cả. Còn bọn Trịnh Kiều và Nguyễn Hoàn sáu người chỉ làm cho đủ ngạch viên chức mà thôi. Chb. **XLV**,28

Lời phê - *Sở dĩ đến nỗi thế, đều do ác báo !*

Lời chua - *Trịnh Kiều* : Con thứ năm của Trịnh Cương, tức là chú ruột Trịnh Sâm.

Nhữ Công Điền : Người xã Hoạch Trạch, huyện Đường Yên(1), con Nhữ Đình Toản, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Trần Xuân Huy : Hoạn quan, người xã Khoái Lạc, huyện Thiên Bản(2).

Tạ Danh Thuỳ : Hoạn quan, người xã Khương Thượng, huyện Yên Mô(3).

Tháng 10, mùa đông. Binh lính tam phủ nổi loạn, truất Trịnh Cán, lập Trịnh Khải.

Sau khi Cán đã lập làm chúa, Đặng thị bắt Khải ra ở nhà tả xuyên, giam giữ cấm đoán rất nghiêm ngặt. Dương thị, mẹ Khải, e rằng Khải không tự bảo toàn được tính mạng, bèn sai người đến kêu xin Đình Bảo thương tình. Đình Bảo khóc nói : " Đình Bảo này thờ tiên vương, rất được đội ơn yêu dấu

(1) Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
(2) Nay là Vụ Bản, tỉnh Nam Định.
(3) Nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

Quý tử[1] là con của tiên vương ta, nếu ta dám có lòng nào, sẽ bị trời tru đất diệt". Từ đây, việc giam giữ áp chế được nới rộng một chút, nhân đấy, gia thần của Khải dần dần được ra vào chỗ Khải bị giam.

Cán tuy được lập làm chúa, nhưng lòng người không ủng hộ, lại vì Đình Bảo bè đảng phụ hoạ với Đặng thị, nên ai cũng ghét. Họ quần tụ ở đầu đường xó chợ bàn tán : có người nói Đình Bảo mưu toan làm việc trái phép ; có người nói tân vương bị bệnh nặng, Đình Bảo tư thông với Đặng thị, lập mưu để giết quý tử(1). Lời ngoa truyền phao đi khắp mọi nơi, không sao ngăn cấm được. Chb. **XLV**,29

Dự Vũ, bầy tôi cũ của Khải, lẻn vào chỗ các quân sĩ uống rượu, nói vụng với quân sĩ rằng : "Thế tử của tiên vương không tội trạng gì, chỉ vì Đặng thị là người đàn bà ác nghiệt, làm mê hoặc tiên vương để cướp lấy ngôi cho con ; Đình Bảo vốn có chí làm phản, hắn lợi dụng tân vương còn thơ ấu để áp chế, nên phụ hoạ với Đặng thị để thành cái kế cướp ngôi. Nay tân vương bị bệnh nguy kịch, tất nhiên xảy ra hoạ loạn. Các quân sĩ đều là người cũ ở nơi thang mộc[2], làm nanh vuốt của nước, vốn giữ lòng trung nghĩa, nếu một bụng tôn phò, yên định được nhà chúa, thì tên tuổi sẽ chép trong thư đỏ, khoán sắt[3], công ấy còn gì lớn hơn?" Quân sĩ đều tức bực cảm khích, họ ước hẹn nhau hội họp riêng ở chùa Khán Sơn, bí mật mưu tính thi hành công việc, nhưng chỉ ngại về uy quyền thế lực của Đình Bảo, bàn tính chưa nghĩ ra mưu mẹo gì. Lúc ấy, trong chỗ các quân ngồi, có Nguyễn Bằng, quân lại trong đội Tiệp Bảo, một mình mạnh dạn nói : "Các quân sĩ nếu định một lòng làm việc này, thì chẳng qua cứ đợi xong lễ tế điện buổi sáng,

(1) Chỉ Trịnh Khải.
(2) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXVI, tờ 15.
(3) Nguyên văn chép "đan thư thiết khoán" : Văn thư viết bằng son, khoán ước chế bằng sắt, đời cổ dùng ban cho bầy tôi có công, để truyền cho con cháu được miễn tội.

trong phủ đường nổi hiệu ba hồi trống, chúng mình sấn đến lôi nó ra quật cho ngã xuống, thế là xong việc, có gì là khó khăn? " Mọi người đều mừng, bèn cử Nguyễn Bằng làm người đứng đầu, cùng nhau uống máu ăn thề, bàn tính không dự định nhật kỳ, chỉ hẹn nhau hễ nghe tiếng trống trong phủ đường, thì nhất tề khởi sự.

Mưu mô bí mật đã định xong. Lúc ấy có viên ngoại lang Bùi Bật Trực biết chuyện, bèn đem việc này bảo cho Nguyễn Trọng Chiểu, là con Nguyễn Trọng Viêm biết, để Trọng Chiểu dự vào cuộc hội họp, mà hắn tự đứng giới thiệu, để mong lập công. Nhân đấy, Bật Trực bảo các quân sĩ rằng :"Việc này quan hệ rất to, cần phải nhờ quốc cữu (tức Nguyễn Trọng Viêm, em Trịnh thái phi) tâu lên thái phi rõ. Vạn nhất mà Đình Bảo biết chuyện, thì cứ nói là có mệnh lệnh bí mật của thái phi, rồi cử sự một cách minh bạch, như thế là hơn". Quân sĩ theo lời, họ bèn sai Bật Trực đem việc này đến nói kín với Trọng Viêm, Trọng Viêm lại đem nói với Nguyễn Hoàn. Hoàn muốn theo như việc cũ của Trịnh Doanh, xin hạ lệnh cho Khải tạm giữ chính quyền, để yên lòng quân sĩ. Trọng Viêm vào tâu thái phi Nguyễn thị, thái phi sai người nói với Đình Bảo. Đình Bảo nói : "Tiên vương có hai người con, nếu tân vương vì bệnh không khỏi, thì ngôi báu tự nhiên thuộc về quý tử. Còn như việc cho quý tử tạm giữ chính quyền tức là đi dần đến chỗ cướp ngôi đấy. Tôi vâng nhận lời phó thác của tiên vương trối lại, việc ấy tôi không dám vâng theo mệnh lệnh". Trọng Viêm e rằng việc này mà tiết lộ, mình sẽ bị vạ lây, bàn mưu với Nguyễn Hoàn. Hoàn nói : "Việc đã như thế, để mặc các quân sĩ muốn làm thế nào thì làm". Trong kinh thành huyên truyền ầm lên rằng :"Tất nhiên quân sĩ gây ra sự biến loạn". Duy Đình Bảo vẫn yên nhiên, không biết gì cả.

Chb. **XLV**,30

Sáng ngày 24 tháng ấy, Nguyễn Bằng đi tắt lên trên lầu phủ đường, đánh trống, các quân sĩ họp tập đông đủ, tuốt trần mũi gươm, ồ ạt xông tràn vào. Chb. **XLV**,31 Đình Bảo tay cầm kiếm, ngồi trên lưng voi, ngăn giữ cửa phủ để đánh chặn lại, quân sĩ tranh nhau dùng gạch đá ném chết, em Đình Bảo là Khanh Vũ hầu Hoàng Lương cũng bị loạn quân giết. Quân sĩ bèn đem nhau đến sở giam, phò Trịnh Khải ra ngồi phủ đường, rồi lấy chỉ dụ của Nguyễn thái phi tâu xin mệnh lệnh nhà vua lập Khải làm nguyên soái Đoan Nam vương, truất Cán làm Cung quốc công. Sau đó, Cán bị bệnh chết.

Quân sĩ hoành hành cướp bóc, phàm tộc thuộc hai nhà họ Đặng, họ Hoàng và những nhà trước kia phát giác việc Trịnh Khải , họ cướp phá hầu hết. Kinh thành rối loạn, mấy hôm sau mới được yên ổn.

Quân sĩ cậy công cứ đòi ban thưởng mãi, bèn bàn định : phong Nguyễn Bằng làm suy trung dực vận công thần phong cho tước hầu ; 30 người nhóm cuộc hội bàn đầu tiên là bọn quân lại Nguyễn Trù được đặc biệt thăng thưởng ; còn các quân thuỷ, quân bộ ở trong kinh ngoài trấn đều được thăng chức một bậc, và đều được ban thưởng tiền bạc có người nhiều người ít khác nhau. Lại rộng cấp cho mỗi người một đạo "không đầu sắc", cho phép họ được nhường cho thân thuộc, để tỏ ra việc đền công một cách phi thường. Từ đấy, kiêu binh ngày càng càn rỡ, viên quan cai quản không thể nào thống trị khống chế được, chỉ ràng buộc lỏng lẻo mà thôi.

Lời phê – *Cuối đời Lê Trịnh, cái tệ kiêu binh lại hơn đời Ngũ Đại*[1], *sở dĩ đến như thế đều là do danh nghĩa chức phận không rõ ràng. Thế mới biết xây dựng một nước mà không dùng lễ nghĩa, thì làm thế nào mà không loạn vong !*

---

(1) Tức 5 triều : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu ở Trung Quốc (907 - 960).

Lời chua – *Nguyễn Trọng Viêm* : Người xã Linh Đường[1], huyện Thanh Trì.

Bùi Bật Trực : Người xã An Đông, huyện La Sơn[2], đỗ hương cống.

Nguyễn Bằng : Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường[3].

Nguyễn Trù : Người xã Phật Kệ, huyện Nam Đường.

Quân lại : Cũng như người thư lại trong các đội quân bây giờ.

Binh lính tam phủ : Theo "Binh chế chí" trong *Lịch triều hiến chương* của Phan Huy Chú, thì từ năm Thận Đức, Hoằng Định (1600 – 1618) trở về sau, định chế độ quân lính : Các quân lính đóng ở kinh thành để chầu chực bảo vệ, chuyên dùng lính ba phủ thuộc Thanh Hoa[4] và 12 huyện thuộc Nghệ An[5]. Có lẽ vì thế nên Thanh Nghệ ưu binh gọi chung là Tam phủ. Chb.**XLV**,32

Đội Tiệp bảo : Tức thân binh hầu hạ.

Không đầu sắc lệnh : Như các chức Tri sự, Phó sở, Thiên hộ, Bá hộ, chỉ viết có sắc lệnh, còn họ tên người được sắc lệnh ấy vẫn để trống.

Chùa Khán Sơn : ở trên núi Khán Sơn, trong thành Thăng Long, chùa ấy nay đã bỏ.

Tháng 11. Trên không trung có tiếng vang như sấm.

Ngày rằm tháng ấy, không có mây mưa, mà trên không trung có một tiếng vang lớn kinh thiên động địa, hơn một khắc mới thôi.

Nguyễn Hữu Chỉnh, Quản lãnh cơ Tiên ninh trấn Nghệ An, trốn đi đầu hàng Tây Sơn.

---

(1) Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(2) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

(3) Nay là huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

(4) Tức ba phủ Thiệu Thiên, Hà Trung và Tĩnh Gia.

(5) Tức sáu huyện : Thiên Lộc, La Sơn, Chân Phúc, Thanh Chương, Hương Sơn, Nghi Xuân, thuộc phủ Đức Quang ; hai huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu thuộc phủ Diễn Châu ; hai huyện Hưng Nguyên, Nam Đường thuộc phủ Anh Đô, hai huyện Thạch Hà, Kỳ Hoa thuộc phủ Hà Hoa.

Hữu Chỉnh, lúc trẻ tuổi đỗ Hương tiến, là người hào phóng không bó buộc vào khuôn phép. Du lịch kinh sư, Hữu Chỉnh vào yết kiến Hoàng Ngũ Phúc. Ngũ Phúc khen là có tài khác thường, dùng làm gia khách. Khi Ngũ Phúc vào xâm lấn trong Nam, cho Hữu Chỉnh đi theo quân thứ, giữ công việc thư ký, rồi sai đến Tây Sơn khuyên Văn Nhạc quy thuận với triều đình, được Văn Nhạc kính trọng. Sau theo Hoàng Đình Bảo đánh giặc biển có công, đổi bổ sang quản lãnh đội Tuần hải, rồi chuyển bổ quản lãnh cơ Tiền ninh thuộc trấn Nghệ An. Chb. **XLV**,33

Đến nay, binh lính trong kinh thành nổi loạn, môn hạ của Hữu Chỉnh là Hoàng Viết Tuyển từ Sơn Nam vượt biển vào báo cho Hữu Chỉnh biết việc ấy. Chb. **XLV**,34
Hữu Chỉnh bàn với Trấn thủ Vũ Tá Dao. Tá Dao, là em rể Đình Bảo, hỏi Chỉnh: "Bây giờ bàn tính thế nào?" Hữu Chỉnh nói: "Trấn Nghệ An này giáp giới Thuận Hóa, mà Hoàng Đình Thể, phó tướng Phú Xuân, Khôi Thọ, đồn tướng Động Hải, đều là thuộc tướng của tiên công[1] ta, cùng ta có tình nghĩa đồng châu[2]. Nay tướng công nên viết mật thư bảo Đình Thể, để Đình Thể dùng kế giết viên đại tướng đi mà chiếm lấy thành, thì tất nhiên Khôi Thọ sẽ đem Động Hải hưởng ứng về ta. Về phần ta, thì tướng công chiếm lấy trấn Nghệ An này, cùng họ gắn bó như môi với răng, rồi chặn lấp con đường Hoàng Mai, đóng trọng binh ở Quỳnh Lưu, làm kế cố thủ. Còn việc phòng thủ mặt biển, tôi tự xin đảm đang. Nếu tướng công làm được như thế, không những thoát khỏi hoạ hoạn mà tất

(1) Chỉ Hoàng Ngũ Phúc.

(2) Ý nói tình nghĩa bạn bè tâm đầu ý hợp, thời đại Tam Quốc. Lý Ứng và Quách Thái nổi tiếng ở kinh sư, hai người kết bạn thân với nhau. Khi Lý Ứng thôi làm quan về nhà, bạn bè ra sông tiễn biệt có hàng ngàn người. Lý Ứng chỉ cùng Quách Thái đi chung một con thuyền mà về. Vì thế, sau này người ta dùng chữ "đồng châu" để nói về tình bạn bè chí thiết.

có công lao phi thường". Tá Dao nói: "Ta không thể làm việc ấy được, xin nghĩ kế thứ hai". Hữu Chỉnh nói: "Trừ kế ấy ra, chỉ còn cách bỏ trấn này mà đi thôi". Tá Dao nói: "Đi đâu bây giờ ?" Hữu Chỉnh lại nói: :Thiên hạ có hàng vạn nước, lo gì không có chỗ nương thân ? Nếu còn trù trừ một chút, thì đạo quân phái đi bắt, sẽ kéo đến ngay bây giờ đấy". Tá Dao còn ngẫm nghĩ chưa quả quyết đường nào. Hữu Chỉnh bèn về nhà, cùng Hoàng Viết Tuyển dắt díu gia quyến vượt biển chạy vào Quy Nhơn, đầu hàng Văn Nhạc. Văn Nhạc được Hữu Chỉnh mừng lắm, đãi làm bậc thượng khách. Hữu Chỉnh đem tình hình trong nước báo cáo cho giặc biết, rồi hắn chuyên tâm rình chỗ sơ hở để toan tính việc báo thù cũ. Hắn khuyên Văn Nhạc chứa lương thực, sắm khí giới, kén chọn khuyến khích tướng súy, giáo dục luyện tập sĩ tốt, để mưu tính việc lấy Thuận Hóa.

Lời chua - *Vũ Tá Dao*: Người xã Hà Hoàng[1], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Hoàng Viết Tuyển: Người xã Vạn Phần, huyện Đông Thành[2].

Quy Nhơn: Nay là tỉnh Bình Định, xem năm thứ 36 ở trên (Chb. XLIV, 24).

Tháng 12. Quận công Trịnh Kiều, tham tụng Phan Lê Phiên và tri Lại phiên Nhữ Công Điền đều bị bãi chức.

Trước kia, Trịnh Sâm bị bệnh nặng, cho con là Cán nối ngôi, sai bọn Phan Lê Phiên viết thư cố mệnh của Trịnh Sâm và chế sách về Tuyên phi Đặng thị. Khi thư cố mệnh đã viết xong, Sâm không thể phê chữ ["cán"] vào thư được nữa, sai Trịnh Kiều viết thay. Đến nay, Trịnh Khải đưa thư cố mệnh ấy ra, trong thư có chữ thái phi Nguyễn thị phê rằng "Không

(1) Nay là thôn Hạ Hoàng, xã Thạch Hạ, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
(2) Nay thuộc tỉnh Nghệ An.

phải chữ chính tay tiên vương viết, không lấy gì làm bằng cứ, giao xuống cho chính phủ bàn luận". Thiêm sai Phạm Nguyễn Du làm lời luận "quốc thị"[1] đại lược nói : "Việc lập Điện đô vương và hạ lệnh cho Tuyên phi cùng xét đoán việc nước, đều là lời trối trăng lầm lẫn trong lúc Thịnh vương sắp mất, không thể coi là chính đáng được. Nay thái phi lấy địa vị người mẹ thay đổi việc làm của con, rất hợp sự lý đúng đắn. Xin truy xét tội bầy tôi phụ họa, làm sáng tỏ nghiêm chỉnh điển hình trong nước". Vì thế, bọn Trịnh Kiều đều can tội thiện tiện ra mệnh lệnh, bị bãi chức. Lại truất Đặng thị làm thứ nhân, sau Đặng thị uống thuốc chết. Chb. **XLV**,35

(1) Cũng như quốc kế.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 46

Từ Quý Mão, Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 44 (1783), đến Bính Ngọ, năm Cảnh Hưng thứ 47 (1786), gồm 4 năm. Chb. XLVI,1

*
* *

Quý Mão, năm thứ 44 (1783). (Thanh, năm Càn Long thứ 48).

Tháng giêng, mùa xuân. Lập cháu trưởng là Duy Khiêm làm hoàng thái tôn, truất Duy Cận làm Sùng nhượng công.

Thái tôn (cháu trưởng), con trưởng của Duy Vỹ, thái tử đã mất. Lúc thái tử bị nạn, thái tôn mới 6 tuổi, cùng với em là Duy Trù và Duy Chi đều bị bắt giam. Đến lúc binh lính tam phủ nổi loạn, họ đem nhau rước thái tôn về nội điện, lòng người đều chú ý trông mong.

Trước đây, Duy Cận được lập làm hoàng thái tử, chính là do Trịnh thái phi Nguyễn thị tán thành(1). Đến nay thấy thái tôn trở về, Nguyễn thị sợ Duy Cận mất ngôi thái tử, bèn sai hoạn quan là Liêm Tăng (sót họ) đến bắt ép thái tôn sang chầu, để toan bí mật giết đi. Thái tôn từ chối không được, sa nước mắt khóc mà ra đi ; khi đi đường bị quân tuần sát ngăn lại. Vì thế các quân lính dức lác ầm ĩ, yêu cầu tra cứu cho ra người lập mưu làm hại Thái

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XLIII, tờ 25.

tôn, họ lùng tìm Liêm Tăng không được, ngờ là Duy Cận chủ mưu. Lúc ấy, Duy Cận đương chầu Trịnh thái phi, nghi trượng để ngoài cửa phủ đường, quân sĩ liền đập phá tan nát. Duy Cận sợ, phải thay đổi quần áo đi lẻn về cung.

Trịnh Khải biết việc này là do thái phi gây ra, nhân dụ dỗ quân sĩ chớ làm huyên náo, rồi lập tức hạ lệnh cho bầy tôi trong triều xin nhà vua lập Duy Khiêm làm hoàng thái tôn. Lúc ấy Duy Khiêm 18 tuổi. Lại bắt Duy Cận làm tờ biểu nhường ngôi thái tử. Duy Cận bị truất làm Sùng nhượng công. Chb. **XLVI**,2

Tháng 2. Núi Tản Viên nứt toạc ra.

Chỗ nứt, sâu hơn 20 trượng.

Lời chua – *Núi Tản Viên* : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 7. (Chb. I, 34)

Tháng 6, mùa hạ. Sông Thiên đức cạn hết nước.

Lời chua – *Sông Thiên Đức* : Ở giáp giới địa phận hai huyện Đông Ngàn và Gia Lâm, thuộc Bắc Ninh, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất. (Chb. II, 11)

Tháng 7, mùa thu, Trịnh Khải khởi phục Nguyễn Lệ giữ chức thượng thư bộ Lại làm công việc tham tụng, bổ dụng cậu là Dương Khuông giữ chức quyền phủ sự.

Nguyễn Lệ, trước làm tư giảng của Khải, sau ra trấn thủ Sơn Tây ; Dương Khuông là em thái phi Dương thị. Trước kia, Lệ bị Ngô (Thì) Nhậm cáo tố, cũng bị bắt giam[1]. Sau khi Khải đã nối ngôi, hạ lệnh cho khôi phục triều ban. Đến nay, Lệ cùng Khuông cùng vào giữ công việc trong chính phủ, hai người này đều không có tài cán đức vọng, mà lại hay tự cậy mình là người tài năng, nên người có kiến thức đều lấy làm lo ngại.

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XLV, tờ 21, 22.

Lời chua - *Dương Khuông* : Người xã Phong Phú[1] huyện Thạch Hà. Chb. **XLVI**,3

Tháng 12, mùa đông. Đổi trao cho Hồ Sĩ Đống giữ chức tham đốc quyền phủ sự.

Trước kia, Sĩ Đống vì có tang cha cáo quan về nhà. Trịnh Khải cho được khởi phục, sai đi xem xét công việc biên giới vùng Thuận Hoá, Quảng Nam. Sau đó triệu về, cho đổi bổ sang võ giai, giữ chức quyền phủ sự.

Lời chua - *Tham đốc* : Thuộc về võ ban, hàm tòng nhị phẩm.

Giáp Thìn, năm thứ 45 (1784). (Thanh, năm Càn Long thứ 49).

Tháng giêng nhuận, mùa xuân. Binh lính tam phủ lại nổi loạn giết Nguyễn Triêm.

Từ khi bọn Nguyễn Lệ được giữ công việc trong chính phủ, ngày đêm mưu tính, chú ý về việc ức chế kiêu binh. Lúc ấy bỗng có 4 quân sĩ giả xưng đồng đội, Chb. **XLVI**,4 vay ức tiền của hiệu buôn ở phố Đông Hà, bị anh em trong bản đội phát giác. Bọn Nguyễn Lệ hạ lệnh lập tức xử trảm. Quân sĩ đều tức giận là giết người một cách quá đáng, nhưng đã trót phát giác rồi, chỉ phải cúi đầu nghe lệnh. Bọn Nguyễn Lệ thấy thế, cho là uy quyền của mình đã được vững vàng, bảo với nhau rằng : "Từ đây ta có thể cứ giữ pháp luật mà thi hành". Bấy giờ có tri huyện Mai Doãn Khuê muốn cầu công với họ Trịnh, bèn bảo kín với Nguyễn Lệ rằng : "Bọn các ông nghĩ kiêu binh có thể dẹp yên, nhưng không biết rằng họa hoạn xảy ra sẽ không thể nào nói xiết được. Tôi nghe họ nói xôn xao là : hoàng tự tôn do bọn họ rước về, nay hoàng thượng đương trong lúc mỏi mệt về sự siêng năng, mà tự tôn thì tuổi và đức đều đã trưởng thành, họ đương dự định tâu xin thi hành việc truyền ngôi, làm cho ngôi vua, ngôi chúa đều do tay quân

(1) Nay thuộc xã Thạch Phú, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

sĩ quyết định, để tạo thêm công lao phi thường của họ. Trong bọn quân sĩ có người không được như ý sinh ra trách oán, lại muốn tôn phò nhà vua giữ quyền nhất thống, để giành lấy quyền bính nhà chúa. Nếu kế ấy mà họ thi hành được, tôi sợ rằng các ông sẽ không có đất để nương thân !". Nguyễn Lệ lập tức đem lời nói ấy báo cáo về Trịnh Khải. Khải sai Doãn Khuê trích từng người trong quân sĩ mà phát giác, nhân đấy Doãn Khuê cáo tố vu cho Nguyễn Siêu là cháu ngoại của Tứ xuyên hầu Phan Lê Phiên có dự vào mưu ấy, khi giao xuống tra cứu thì không có tang chứng gì, nhưng Khải vẫn cho là tố cáo đúng, rồi phong cho Doãn Khuê tước bá, quản lãnh đội quân thị hậu và làm giảng quan của hoàng tự tôn, cho ở nội điện để tiện dò xét.

Đến nay, quân sĩ có người cậy công rước hoàng tự tôn về, xin ban phong cho cha mẹ, họ đem nhau vào sân điện tâu bày để xin phong, nhà vua sai triệu vào nội điện, tuyên bố chỉ dụ yên uỷ. Lúc ấy có người chạy đến báo cho Trịnh Khải biết, Khải lập tức triệu Nguyễn Lệ và Dương Khuông vào bảo rằng : "Mưu kế của kiêu binh tôn phò nhà vua không thể dập tắt được, nay chúng đương tụ họp ở nội điện, làm thế nào bây giờ? " Nguyễn Lệ xin phái quân đến bắt mà giết đi. Khải lập tức hạ lệnh cho Nguyễn Triêm, thủ hiệu đội Nhưng Nhất, đi bắt. Nguyễn Triêm bước ra cửa phủ đường rút thanh kiếm, liếc lưỡi kiếm, và nói : "Sắc bén thay lưỡi kiếm ! Chém đầu kiêu binh thì ngọt xoét đây". Triêm bèn dẫn quân đến bao vây trên nội điện, bắt được 7 người, giao xuống tra hỏi. Bầy tôi bàn luận, cho rằng, nếu giết hết thì gây ra biến loạn, mà nếu không giết thì không làm thế nào răn cấm được. Ý họ muốn giết một vài người đầu sỏ đảng ác, để ức chế bớt lòng kiêu ngạo của quân sĩ đi. Duy có Dương Khuông quả quyết nói : "Không cần phải hỏi sự trạng làm gì, chỉ một việc quen mui tụ hội không chừa là phải chém đầu. Chúng cậy nhiều người mà sinh kiêu ngạo không thể giết hết được, nhưng

Chb. **XLVI**,5

hễ có tên nào phạm tội thì không tha. Ví như một nắm đũa cứng không thể bẻ cả được, cứ rút tỉa lấy một vài cái mà bẻ, lâu ngày tự khắc phải hết". Bèn chiểu theo điều luật "vượt vào hoàng thành", đem chém tất cả.

Vì thế, quân sĩ tức giận, cùng tụ họp bàn định rằng : "Ngày nay mà có được triều đình này đều do công sức chúng ta, thế mà họ không lấy làm ơn, lại lấy làm oán. Nếu cái kế "bẻ đũa" của họ mà thi hành được, thì chúng ta sẽ không còn mống nào sống sót !" Họ hẹn nhau, ngày hôm sau sẽ khởi sự. Ngày rằm tháng ấy, quân sĩ đem nhau vây nhà bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông cốt bắt giết hai người này. Khuông và Triêm đều trốn vào phủ chúa Trịnh, Lệ ăn mặc giả dạng theo đường tắt chạy lên Sơn Tây. Quân sĩ tranh nhau phá huỷ nhà cửa bọn này, rồi reo hò ầm ĩ vác siêu đao đi thẳng vào trong phủ lùng xét bọn Khuông và Triêm. Trịnh Khải cùng Dương Thị đem tiền bạc ra để chuộc tính mạng cho Khuông. Quân sĩ lại lùng bắt Triêm, Trịnh Khải bất đắc dĩ bảo Triêm ra, quân sĩ lấy gạch đá đánh chết. Chb. **XLVI**,6

Sau đó bãi chức bọn Nguyễn Lệ và Dương Khuông.

Từ đấy, quyền bính về tay quân sĩ, chúng uy hiếp áp bức bọn quan lại, động một tý là doạ sẽ phá nhà, giết chết. Thậm chí đến việc thay đổi tướng tá văn ban, võ ban cũng đều do miệng quân sĩ nói ra mới xong, công việc trong nước không thể xoay xở thế nào được.

Lời phê – *Lúc này là thế giới nào, ngàn đời chưa từng nghe có việc như thế ! Câu nói "Chính danh"*(1) *của thánh nhân thật đáng tin là không phải lời nói vu khoát.*

Lời chua – *Mai Doãn Khuê* : Người xã An Đồng, huyện La Sơn(2), Nghệ An, làm tri huyện Đông Thành.

(1) Câu nói của Khổng Tử, chép trong thiên "Tử Lộ", sách *Luận ngữ* ý nói danh phận của từng người phải cho đúng mức.

(2) Nay là huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyễn Triêm : Người xã Phú Đa[1], huyện Tiên Phong, đỗ tạo sĩ.

Tháng 2. Các trấn định mưu dấy quân giết kiêu binh, nhưng không hành động được.

Nguyễn Lệ đến Sơn Tây, cùng em là trấn thủ Nguyễn Điều bàn mưu kế để giết kiêu binh. Điều bảo Lệ rằng : "Nay dân ở tứ trấn oán kiêu binh đến tận xương tuỷ, nếu nay lấy danh nghĩa là dấy quân giết kiêu binh, thì chỉ hô lên một tiếng, không chỗ nào là không hưởng ứng. Địa phận trấn này ở miền thượng du, trước kia anh trấn giữ ở đây lại kiêm trấn thủ Hưng Hoá, thổ tù đều là thuộc hạ cũ của anh ; hơn nữa Hoàng Văn Đồng, phiên mục Tuyên Quang, giàu mạnh nhất nước, năm trước anh đã đi chiêu dụ, vốn được lòng hắn, nay đưa một lá thư hiệu triệu, có lẽ hắn theo lệnh ngay ; Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Nam là viên tướng bách chiến ; Trương Tuân ở Kinh Bắc và Trịnh Tự Quyền ở Hải Dương đều là tướng có mưu trí, nay lấy mệnh lệnh của chúa bí mật truyền bảo để họ chiêu mộ nghĩa sĩ, cố giữ doanh trại trong trấn, theo sự điều khiển của anh. Địa vị của anh là một viên tể tướng kiêm chức sư phó, nay chỉ huy các trấn để gỡ hoạn nạn cho nước, ai dám là người không theo? ta sẽ giao ước với họ cùng nhau khởi sự trong một ngày, kéo quân vào thành giết tên đầu sỏ của đảng kiêu binh mà buộc chúng vào kỷ luật, việc ấy tưởng chả khó khăn gì". Lệ nói : "Chú nói đúng, nhưng hiện nay chúa ở trong tay kiêu binh, ném chuột, có lẽ nào không ngại va chạm đến đồ vật hay sao?"[2]. Điều nói : "Việc ấy rất dễ, bây giờ nên sai người trình bày với chúa, mật báo cho Hoàng Phùng Cơ đem châu sư đến bến Thanh Trì, nói phao là đi tuần tiễu mặt sông, rồi ngầm dùng chiếc thuyền nhỏ để đón chúa, chúa ăn mặc giả dạng xuống thuyền, thuận dòng

Chb. **XLVI**,7

(1) Nay là thôn Phú Đa, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

(2) Câu này lấy điển trong *Hán thư*, ý nói : Chuột đến gần đồ vật quý, muốn ném chuột lại ngại vỡ đồ vật. Ở đây đem chuột ví với kiêu binh và đem đồ vật ví với Trịnh Khải.

xuôi về Hiến doanh đóng hành tại ở đấy. Bấy giờ các doanh trấn sẽ khởi sự, thì không quản ngại gì cả". Lệ lập tức làm tờ mật khải báo cáo Trịnh Khải. Khải theo lời, mật hẹn Hoàng Phùng Cơ đúng ngày 28 tháng giêng nhuận đem thuyền đón tiếp ; ngày mồng một tháng 2, các trấn sẽ đem đại binh vào kinh thành, giết hết kiêu binh. Trong bọn quân sĩ có người biết được mưu ấy, họ bèn chia nhau ngày đêm canh giữ phủ chúa Trịnh rất nghiêm ngặt, Trịnh Khải không sao đi được. Vì thế, các trấn cũng bãi binh.

Từ đấy, quân sĩ mỗi khi ra ngoài kéo từng đàn hàng trăm hàng ngàn người, tung hoành nơi thôn xóm, tự ý cướp bóc thả cửa. Quân sĩ nào đi đường một mình, thường bị dân quê đón đường giết chết. Quân và dân coi nhau không khác gì giặc cướp thù hằn.

Lời chua - *Nguyễn Điều* : Em Nguyễn Lệ, con Nguyễn Nghiễm.

Trương Tuân : Người xã Như Kinh[1], huyện Gia Lâm. Chb. **XLVI**,8

Thanh Trì : Tức Long Đàm, xem Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng chính bình thứ 14. (Chb. VI, 26).

Hiến doanh : Xem Ý tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb.XXXVIII, 39).

Tháng 4, mùa hạ. Bổ dụng Bùi Huy Bích quyền làm công việc tham tụng (hành tham tụng) ; bọn Trương Đăng Quỹ và Trần Công Xán cùng giữ chức bồi tụng.

Quân sĩ tam phủ kiêu ngạo ngang ngược ngày một quá, mỗi khi chính phủ có xếp đặt việc gì, họ họp nhau chê bai bàn tán, quan văn, tướng võ chỉ chịu bó tay. Huy Bích điều chỉnh thu xếp một cách thư thả, êm dịu, nên tình hình quân sĩ được tạm ổn định. Nhưng tình thế vỡ lở, chung quy không thể nào hàn gắn được.

(1) Nay là xã Như Quỳnh, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.

Lời chua – *Trương Đăng Quỹ* : Người xã Thanh Nê[1], huyện Chân Định, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Trần Công Xán (Tên cũ là Công Thước) : Người xã Yên Vĩ[2], huyện Đông An, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772) năm Cảnh Hưng.

Tháng 10, mùa đông. Nước ở hồ Tây sục sôi.

Đêm mồng một tháng ấy, nước ở hồ Tây sục sôi, tiếng kêu như sấm, sáng hôm sau cá tôm chết hết, mùi tanh kinh người.

Lúc ấy, tai biến hiện ra luôn : cây cối trong phủ chúa Trịnh, ngày đêm đàn quạ vừa bay, vừa kêu ; trước cửa phủ thành tự biết là điều không hay. Chb. **XLVI**,9

Lời chua – *Tây Hồ* : Có một tên nữa là Lãng Bạc, xem thuộc Hán, năm Kiến Vũ thứ 18. (Tb. II, 11)

Ất Tỵ, năm thứ 46 (1785). (Thanh, năm Càn Long thứ 50).

Tháng 3, mùa xuân. Bầy tôi dâng tôn hiệu.

Dâng tôn hiệu nhà vua là : Uyên ý khâm cung nhân từ đức thọ hoàng đế.

Từ ngày Trịnh Sâm chuyên giữ chính quyền trong nước, nghi lễ sóc vọng bỏ đã lâu ngày. Nay Huy Bích mới vào giữ việc trong chính phủ, bàn định tôn phò nhà vua để thu phục lòng người, bèn dâng tờ khải xin với chúa Trịnh : 1. Trăm quan dâng huy hiệu lên nhà vua ; 2. Ngày mồng một và ngày rằm, các quan vào chầu mừng theo chế độ cũ.

Lời phê – *Than ôi, cũng đã muộn rồi, còn làm gì được nữa ! Thế mà còn nhận danh hiệu hão, thật là tối thời cơ.*

Đầm Thịnh Liệt nước đỏ.

Lời chua – *Thịnh Liệt* [3]: Tên xã, thuộc huyện Thanh Trì.

(1) Nay là thôn Thanh Lê, xã Tán Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.
(2) Nay là xã An Vỹ, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(3) Nay là xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Tháng 4, mùa hạ. Mưa dầm. Hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng những điều thiếu sót lầm lỗi.

Lúc ấy, mưa mãi không thôi. Trịnh Khải hạ lệnh cho bầy tôi và thứ dân nói thẳng điều hay, điều dở. Phạm Nguyễn Du, Đông các đại học sĩ dâng tờ khải, đại lược nói : "Tôi trộm nghĩ việc cần kíp hiện nay có 4 tiết mục, mà chủ chốt thì căn bản chỉ ở trong lòng :

1. Đối với quân sĩ : Ít lâu nay chính lệnh về quân ngũ đổ nát, lỏng lẻo. Vậy xin kê cứu điển lệ các triều trước tham khảo với việc tiện lợi ngày nay, chép thành một tập quân chính. Đại yếu như lúc ngày thường theo hầu xa giá, lúc có việc sai phái đi làm, lúc ở quân ngũ thao luyện diễn tập, lúc đến dân gian đốc thúc việc quân, đều có điều lệ, rồi dịch ra quốc âm, thời thường gia công dạy bảo, dùng phép tắc để tề chỉnh quân sĩ. Như thế ngõ hầu chính lệnh trong quân ngũ mới có thể nghiêm trang, mà tai hại ở dân mới có thể trừ khử được. Chb. **XLVI**,10

2. Đối với quan chức : Nhà nước đặt quan, trong kinh có Ngự sử đài, bên ngoài có ty Trấn thủ, ty Thừa chính, ty Hiến sát cho đến phủ và huyện, đều có chức phận phải làm : Ba ty chia nhau xét việc kiện tụng quân và dân, gần đây điều lệ ngày một thêm nhiều, bọn điêu toa dựa vào điều lệ mà xét xử một cách gượng ép, có khi một việc kiện mà chia ra cáo tố ở hai ty, dân bất đắc dĩ kêu cả lên ngự sử, ngự sử lại không cứ lý thu đạo[1], chỉ dung túng người dưới theo ý riêng làm việc thiên tư, tiếng gọi là chiếu theo điều lệ, mà thực là trái với điều lệ. Vậy xin tập hợp rộng rãi huấn lệnh đã có sẵn của các triều,

(1) Nguyên văn chép : "Ngự sử hựu bất cứ lý thu đạo, dung tuận hành tư". Trong câu này có chữ "thu đạo", nghĩa rất khó hiểu. Một thuyết nói "thu đơn giao cho đạo xét"; một thuyết cắt nghĩa cả năm chữ là "không theo đạo lý". Hai thuyết này chúng tôi thấy đều chưa ổn, nên phiên âm theo nguyên văn, xin độc giả chỉ giáo.

chép thành một cuốn sách quan phương[1], ban bố cho các nha môn. Đại để việc kiện tụng trong một đạo từ huyện đến ty Thừa chính thuộc về Ngự sử, còn ty Trấn thủ chỉ cai trị bọn trộm cướp, ty Hiến sát chỉ cai trị bọn quyền quý và chỉ đàn hặc bọn quan lại. Mỗi năm tra khám bao nhiêu việc kiện tụng, làm thành danh sách trình Ngự sử đài chuyển đệ lên chính phủ. Ngoài ra, những phép tắc về sửa chữa bản thân, điều khiển lại dịch, cai trị nhân dân, tôn thờ người trên, việc nào cũng rõ ràng đầy đủ, để người thừa hành chức vụ ghi nhớ không quên, mà thi thố ra công việc chính trị. Về việc khảo xét công trạng, thì mỗi năm xét một lần gọi là tiểu khảo, để đôn đốc thúc giục ; ba năm xét một lần gọi là đại khảo, để thi hành việc thăng thưởng hoặc truất bãi. Có như thế thì phép tắc trong quan trường mới có thể ngay thẳng được. Chb. **XLVI**,11

3. Đối với dân : Hiện nay tập tục bạc bẽo, nói càn nói gở xâm phạm đến người trên, tuyên truyền lời vu vơ, làm mê hoặc dân chúng. Vậy xin tham khảo điển lệ đời trước và các triều, chép thành một tập dân chính, từ phép tắc hiếu thảo với cha mẹ, hoà thuận với anh em, kính mến người trên, yêu thương người dưới, cho đến nghi tiết cư xử, động tác, mỗi việc cần làm đầy đủ thành từng điều mục, rồi ban xuống cho ty Thừa chính, cho các dân xã sở tại được tuỳ tiện chọn bầu mỗi xã một hai người hương trưởng, hàng năm cứ lấy những ngày kỳ phước[2], ngày xã điền[3], họp dân lại đem phép ấy ra đọc mà dạy bảo khuyên răn. Nếu có người nào không theo lời dạy, thì kê tội lỗi trình bày lên quan, tội nhẹ thì xét xử ngay, tội nặng thì xét nghĩ rồi đệ hồ sơ lên quan trên. Nếu có người hiếu thảo, đức hạnh, tiết phụ, nghĩa phụ, thì phải đem sự việc để đạt rõ ràng

(1) Cuốn sách chép về lễ phép mà người làm quan phải tuân theo.
(2) Ngày tế thần để cầu cho dân làng được phúc lành. Lễ này, xưa kia thường cử hành về mùa xuân.
(3) Xem lời chua của *Cương mục Chính biên* quyển XLI tờ 15.

để biểu dương họ, làm cho dân biết mà khuyên làm điều lành. Có như thế, thì pháp lệnh mới có thể thi hành được.

4. Đối với sĩ tử : Nhà nước có trường quốc học để dạy hương cống, có trường phủ học để dạy sinh đồ.
Đến trung gian mở nhiều đường ngang tắt cầu may, đặt ra phép "tam quán sinh đồ"(1), lấy đỗ nhũng lạm, đến nỗi có người hương cống mà chưa thông nghĩa lý câu văn ; vừa đỗ hương cống xong, liền ngấp nghé để chực làm quan, không được làm quan thì lui về làm đơn từ hoặc làm nha lại, hạng hương cống như thế, chiếm đến gần một nửa sĩ số trong cả nước ; hạng sinh đồ lại còn kém hơn. Đến như hạng học trò mới học cũng không có người tiêu biểu để làm thầy. Vậy xin bớt số học quan ở các phủ huyện hợp lại làm một đạo, ở đạo có điện đại thành, có nhà giảng học, có nhà đôn đốc học nghiệp và có nhà chứa sách ; các viên quan đề cử thì dùng quan văn vào hạng đại khoa mà có học lực, phẩm hạnh, đạo nghĩa để bổ ở mỗi đạo một người ; viên quan này chuyên dạy hương cống, sinh đồ trong bản đạo và người mới học mà tình nguyện ở nhà trường học tập. Còn các viên trực giảng, trợ giáo trong nhà quốc học thì nên chọn kỹ bậc văn thần, cấp cho bổng lộc hậu thêm. Phàm hương cống, sinh đồ các đạo, người nào có thể về kinh học tập đều cho phép được vào học ở Quốc tử giám. Do đấy, hạ đặc lệnh ban bố khoa điều, dạy cho biết lễ nghĩa, mà phân biệt ra từng hạng. Phép này trước hết ở nhà Quốc học, rồi thi hành đến các đạo. Nếu có viên quan nào không làm tròn chức vụ, thì ngự sử cùng ty Hiến sát bản đạo đàn hặc. Có như thế, ngõ hầu xây dựng được nền giáo dục, mà mới có hạng sĩ tử cao quý để đáp ứng với sự cầu hiền của triều đình.

Chb. **XLVI**,12

(1) Người nào nộp 3 quan tiền sẽ được gọi là sinh đồ. Xem thêm *Chính biên* quyển XXXIX tờ 5 và XLI tờ 2.

Nhưng, mọi việc trong thiên hạ cốt gốc là ở tâm tư, chưa có bao giờ tâm tư không ngay thẳng, mà lại có thể thi thố mọi việc được. Thế thì việc sửa chữa tâm tư lại là cốt gốc của mọi việc. Tôi trộm thấy vương thượng từ khi thân giữ chính quyền đến nay, một lòng tôn phò nhà vua, nào là kính thượng hoàng, nào là dâng tôn hiệu, đứng về mặt danh phận, vẫn biết rằng đã được chấn chỉnh mà nâng cao lên. Tôi càng mong từ nay lễ thường triều ngày sóc, ngày vọng[1], vương thượng thân hành dẫn đại thần thân cận và có công cùng trăm quan văn võ chiểu theo điển lệ triều trước, thân ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng của hoàng thượng để nhận lễ thường triều của bách quan, làm cho sáu quân trông thấy, bốn biển biết tin, đều hiểu rõ đức tốt về việc tôn phò nhà vua của vương thượng, thì tự nhiên mọi người phát sinh lòng lành và kính cẩn, đối với danh phận run sợ mà không dám xâm phạm, tiêu tan được lòng lấn vượt áp bức, sum họp lại tình chia rẽ lìa tan. Đấy là ý nghĩa thứ nhất đem một tâm tư để quan sát mọi tâm tư vậy". Chb. **XLVI**,13

Tờ khải của Phạm Nguyễn Du không được chúa Trịnh trả lời. Ít lâu sau, cho ra giữ chức đốc đồng ở Nghệ An.

Lời phê[2] – *Đều là văn từ chiếu lệ mà thôi. Chú một nước lại có hai vua à?*

Lời chua – *Đông các đại học sĩ* : Phẩm trật chánh tứ.

Sửa nhà thái học.

Lúc ấy, trong nước nhiều biến cố, nhà học bỏ đổ nát. Bùi Huy Bích muốn xây dựng nền văn học để giữ vững lòng người, bèn xin cố sức sửa sang tu bổ. Huy Bích lại thường đến nhà Giám giảng bàn sách vở, luyện tập văn bài, khen thưởng

(1) Ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng theo âm lịch.
(2) Chỉ việc xin chúa Trịnh ngồi giường ngự ở phía tả ngai rồng để nhận lễ thường triều.

khuyến khích người nho học hiền tài, ức chế người cầu may thi đỗ. Vì thế, lúc ấy nhiều người ngợi khen. Chb. XLVI,14

Tháng 9, mùa thu. Phát sinh hoàng trùng.

Hoàng trùng đầy cả đồng nội, lúa mạ bị tổn hại hết.

Ở Yên Quảng, giặc biển nổi dậy.

Thiêm Liên (sót họ), người Yên Quảng, hô hào tụ tập dân chúng ở ngoài biển, có vài trăm chiếc thuyền ; tên Sơn (sót họ) người huyện Thần Khê, đem đồ đảng theo về với Thiêm Liên, thanh thế của giặc bùng dần mãi lên. Vì thế, dân ven biển vùng đông nam bị rối loạn.

Lời chua - *Huyện Thần Khê* : Đời Lê, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Hưng Yên(1).

Yên Quảng(2) : Xem Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 16, 19, 29, 30, 35).

Bính Ngọ, năm thứ 47 (1786). (Thanh, năm Càn Long thứ 51).

Mồng một, tháng giêng, mùa xuân. Nhật thực.

Tháng 3. Dân bị nạn đói.

Tháng này, giá gạo cao vọt, dân trong kinh kỳ và tứ trấn bị đói to, thây chết nằm liền nhau. Trịnh Khải hạ lệnh chiêu mộ nhân dân, ai nộp của sẽ trao cho quan chức, nhưng không ai hưởng ứng. Bèn dùng sắc lệnh bắt ức nhà giàu để lấy tiền chia ra phát chẩn.

Tháng 5, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ đem quân vào cướp phá. Đồn tướng Hoàng Nghĩa Hồ, phó tướng Hoàng Đình Thể, tỳ tướng Vũ Tá Kiên và đốc thị Nguyễn Trọng Đang đều bị chết trong chiến trận ; Phạm Ngô Cầu mở cửa thành ra hàng. Chb. XLVI,15

(1) Sau là huyện Tiên Hưng. Nay Tiên Hưng hợp nhất với huyện Đông Quan thành huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(2) Tương đương với tỉnh Quảng Ninh ngày nay.

Trước đây, Văn Nhạc chiếm cứ Quảng Nam, sai người xin hàng và xin trấn thủ đất ấy. Trịnh Sâm thấy chỗ ấy vừa hiểm trở, vừa xa xăm, vả lại cũng ngại về việc dụng binh, nhân đấy mới trao cho Văn Nhạc trấn giữ. Sau đó, Văn Nhạc xưng là Thiên vương đặt nguỵ hiệu là Thái Đức, triều đình nghe biết việc này cũng bỏ qua không hỏi đến. Trấn phủ Phạm Ngô Cầu là người tham lam nhút nhát, tham tụng Hồ Sĩ Đống từ Thuận Hoá về kinh, đã nhiều lần xin bổ viên tướng khác thay cho Ngô Cầu, nhưng việc này sau cũng im đi. Chb. **XLVI**,16

Ngô Cầu chuyên làm việc buôn bán, không sắm sửa khí giới phòng bị lương thực, quân và dân đều chán nản khinh thường. Nhân đấy, Văn Nhạc phong cho em là Văn Huệ làm Long nhương tướng quân, chỉ huy các quân thuỷ, quân bộ, Vũ Văn Nhậm[1] đem tả quân, Nguyễn Hữu Chỉnh đem hữu quân, chia đường cùng tiến, qua đèo Hải Vân. Tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ ra đánh, bị chết. Nhân thế thắng, quân của Nguyễn Huệ xông thẳng đến Thuận Hoá. Lúc ấy, Ngô Cầu đương đặt đàn chay lớn, chợt nghe tin giặc kéo đến, lúng túng, không biết thi thố cách nào. Trước đây, vì bức thư ly gián của Hữu Chỉnh, nên Ngô Cầu và phó tướng Hoàng Đình Thể vẫn nhị tâm với nhau, sĩ tốt sinh ra nghi ngờ lười biếng, không ai có lòng chiến đấu. Gặp lúc ấy nước thuỷ triều lên mạnh, giặc bèn cho châu sư[2] ồ ạt tiến sát đến dưới thành. Hoàng Đình Thể, một mình đem quân bản bộ đón đánh, thuốc súng và đạn đều hết. Ngô Cầu đóng cửa thành không cứu viện. Đình Thể cùng hai người con (một người là Đình Vị, còn một không rõ tên) và tì tướng là Vũ Tá Kiên dựa vào thành luỹ để bày trận, đem hết sức lực chiến đấu hăng hái ; hai người con phóng ngựa

(1) Nguyên văn chép "Sĩ" và chua rằng : "Vì tránh tên huý nên đổi đi. Ở đây chúng tôi phiên âm rõ là "Nhậm". Dưới đây cũng đều phiên âm như thế.

(2) Tên một binh chủng, sử dụng bằng thuyền.

ra trận giết giặc, ngựa bị què, bèn đánh lối bộ chiến, bị trọng thương, chết tại mặt trận. Đình Thể cùng Tá Kiên đều chết. Văn Huệ lùa quân ồ ạt tiến lên. Ngô Cầu mở cửa thành xe quan tài[1] ra hàng, đốc thị Nguyễn Trọng Đang chết ở trong đám loạn quan. Giặc tung quân vào thành, chém giết thả cửa, hơn vài vạn tướng sĩ đóng ở đồn, chỉ còn được vài trăm người qua sông trở về Bắc Hà mà thôi. Do đấy tướng đóng ở các đồn Cát Doanh và Động Hải nghe được phong thanh đều chạy trốn.

Lời chua - *Hoàng Nghĩa Hồ* : Người thôn Hoàng Nghĩa, huyện Hưng Nguyên[2], tỉnh Nghệ An, đỗ tạo sĩ.

Vũ Tá Kiên : Người xã Hà Hoàng[3], huyện Thạch Hà, đỗ tạo sĩ.

Nguyễn Trọng Đang : Người xã Trung Cần[4], huyện Thanh chương, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) năm Cảnh Hưng.

Cát Doanh : Ở địa phận xã Ái Tử[5], huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Động Hải : Xem năm Cảnh Hưng thứ 39 (Chb.XLV, 10).

Tháng 6. Nguyễn Văn Huệ cướp phá Vị Hoàng. Bọn Trịnh Tự Quyền và Đinh Tích Nhưỡng bị thua, bỏ chạy.

Văn Huệ hội họp các tướng, bàn định lại cho quân tu sửa trường luỹ Động Hải, vẫn giữ địa giới cũ ở La Hà. Nguyễn Hữu Chỉnh dâng lời nói : "Tướng công đánh một trận được đại thắng, uy danh chấn động cả thiên hạ. Đường lối dụng binh, một là thời, hai là thế, ba là cơ hội, nếu có thể dựa vào ba điều ấy, thì đánh đâu mà không được. Nay ở Bắc Hà, quân lính thì kiêu ngạo, tướng suý thì lười biếng, triều đình lại không có kỷ cương gì. Tướng công Chb. **XLVI**,17

(1) Có ý xin ra để chịu chết.
(2) Nay là huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
(3) Nay là thôn Hạ Hoàng, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
(4) Nay là thôn Trung Cần, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(5) Nay thuộc huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

mang uy thanh ấy, nhân lúc bên kia đã đổ nát, nếu thực biết dùng danh nghĩa "phò Lê, diệt Trịnh" thì thiên hạ ai mà không hưởng ứng? Đấy là cơ hội và thời, thế đều không thể để nhỡ được". Văn Huệ cho là phải, bèn nói giả thác là mệnh lệnh của Văn Nhạc, rồi dùng Hữu Chỉnh làm tiền phong thuỷ quân, trước hết kéo quân ra cửa biển Việt Hải, vào cửa biển Đại An, kéo thẳng đến Vị Hoàng chiếm lấy kho lương. Văn Huệ tự thống suất đại binh, theo đường thuỷ, đường bộ tiếp tục xuất phát. Tướng giữ trấn Nghệ An và Thanh Hoá là bọn Bùi Thế Toại và Tạ Danh Thuỳ nghe được phong thanh, đều bỏ thành trốn. Hữu Chỉnh kéo quân đến Vị Hoàng, binh lính trong đồn trông thấy, sợ hãi, tan vỡ. Thóc lúa trong kho có hàng trăm vạn đều vào tay giặc. Văn Huệ tiếp tục kéo quân đến chiếm cứ lấy đất này.

Trước đây, được tin báo về tình hình của giặc, bầy tôi bàn định, đều nói : "Thuận Hoá vốn không phải đất đai của triều đình, trước kia tốn bao nhiêu công của mới lấy được, chung quy cũng chẳng ích lợi gì. Bây giờ chỉ nên bàn luận tìm cách đóng quân ở Nghệ An theo như việc cũ mà thôi". Vì thế, Trịnh Khải hạ lệnh cho Trịnh Tự Quyền làm thống tướng, đem hiệu quan và quân lính 27 cơ tiến ngay vào giữ lấy đầu địa giới Nghệ An để chống cự. Tự Quyền nhận được mệnh lệnh đã hơn 10 ngày mà vẫn chưa thu xếp hành trang xong, còn quân sĩ thì chần chừ không có ý muốn đi, lại muốn thay đổi thống tướng khác. Kịp lúc Tự Quyền đem quân dời khỏi thành mới được 30 dặm, thì quân giặc đã đến Vị Hoàng rồi. Trịnh Khải lại hạ lệnh khác cho Tự Quyền vẫn đem các quân bản bộ tiến đến chống cự ở Kim Động, một mặt phi sức cho Đỗ Thế Dận, trấn thủ Sơn Nam, lập tức đem quân bộ tiến đến đóng ở bờ sông Phù Sa, rồi sai Đinh Tích Nhưỡng đốc lãnh các quân thuỷ đạo tiến thẳng đến giữ ở cửa Luộc. Các tướng hội họp binh lính đón đánh.

Chb. **XLVI**,18

Chợt có thuyền của giặc đương đêm từ hạ lưu nhân chiều gió tiến thẳng lên, thế rất sắc bén. Tích Nhưỡng liền sai các quân bày "trận chữ nhất" (-) chắn ngang sông, đạn súng và tên nỏ cùng một lúc bắn ra, trông xa thấy một chiếc thuyền giặc tan vỡ rồi bị đắm, còn các thuyền khác cứ nối nhau tiến lên không ngừng, mà trong thuyền vẫn im lặng không có tiếng người. Trong lúc hoảng hốt sợ hãi thì trời đã sáng rõ, mới biết những người chân sào đều người bù nhìn cả. Lúc ấy, thuốc súng và đạn của quan quân đều hết, đại đội châu sư của giặc vừa đánh trống vừa hò reo tiến lên, thanh thế kinh thiên động địa. Giặc lại dùng toán quân nhanh nhẹn sắc bén xông thẳng vào hàng ngũ quân Thế Dận, đem ống phun lửa loạn xạ, quân của Thế Dận kinh sợ tan vỡ. Toán quân của Đinh Tích Nhưỡng la ó om sòm, tranh nhau bỏ thuyền chạy. Toán quân của Trịnh Tự Quyền nghe tin, cũng sợ hãi rối loạn rồi tự tan vỡ. Giặc bèn đánh phá được trấn Sơn Nam, rồi đưa tờ hịch đi các lộ, bày tỏ danh nghĩa "diệt Trịnh, phò Lê".

Lời phê – *Lúc ấy triều đình đã hết sức rối ren đổ nát, giặc đã nhòm biết kẽ tóc chân tơ rồi, tiến thẳng quân mà đánh lấy có khó khăn gì.*

Lời chua – *Đinh Tích Nhưỡng* : Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng[1], dòng dõi Đinh Văn Tả.

Bùi Thế Toại : Người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành[2], con Bùi Thế Đạt, đỗ tạo sĩ.

Đỗ Thế Dận : Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm[3].(Chb. XLVI, 19). Chb. **XLVI**,19

Cửa Việt Hải : Xem Thái Tông, năm Thiệu Bình thứ nhất (Chb. XVI, 8).

(1) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(2) Nay là huyện Yên Thành và Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
(3) Hà Nội.

Cửa sông Luộc : Thuộc huyện Nam Xang, chỗ giáp giới hai huyện Tiên Lữ và Hưng Nhân tỉnh Hưng Yên[1].

Vị Hoàng : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9). Nay là tỉnh thành Nam Định.

Sông Phù Sa : thuộc địa phận xã Phù Sa, huyện Đông An[2], tỉnh Hưng Yên. Khúc sông này là hạ lưu sông Nhị.

Nguyễn Văn Huệ xâm phạm đến Thăng Long. Hai viên Thiên tướng[3], quân thuỷ là : Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiền ưu, Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiền trạch cùng Mai Thế Pháp, thuộc tướng bộ binh, ra đánh đều bị chết tại trận. Trịnh Khải đánh nhau với giặc ở bến Tây Luông (long), thua, chạy, bị bắt, Khải tự sát. Lý Trần Quán, Thiêm tri Lại phiên, chết theo.

Sau khi trấn Sơn Nam đã bị phá, kinh thành Thăng Long rất sợ hãi, quan và quân đều lo toan việc chạy trốn, không có chí chiến đấu, mọi người bàn luận phân vân, không định được kế mưu đánh hay giữ. Nguyễn Lệ từ Nghệ An về kinh, khuyên Trịnh Khải : "Sai tướng giữ kinh thành, mà rước nhà vua chạy lên Sơn Tây, để lo tính công việc sau này. Nếu đánh nhau với giặc, thì kiêu binh không thể dùng được, việc nước thành ra hỏng mất". Khải toan theo lời Nguyễn Lệ. Kiêu binh họp nhau lại dức lác ầm ĩ, cho là Nguyễn Lệ dắt giặc vào kinh thành, toan giết Lệ, Lệ chạy lên Sơn Tây.

Khải cho là tham tụng Bùi Huy Bích giữ công việc trong chính phủ không có công trạng gì ; đến nay lại không có mưu mô gì cứu chữa được tình thế, trong bụng có ý chán ghét, bèn cho Huy Bích ra đốc chiến, mà triệu Trần Công Xán (tên cũ là Công Thước) vào phủ, bí mật Chb. **XLVI**,20

(1) Huyện Hưng Nhân nay thuộc tỉnh Thái Bình.
(2) Nay là huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(3) Danh hiệu để gọi viên tướng giữ một bộ phận nhỏ, cũng như tì tướng, khác với đại tướng, thống tướng.

bàn định mưu kế đánh giặc hoặc tránh giặc. Công Xán nói : "Giặc đem đạo quân trơ trọi đi sâu vào đất ta, điều ấy binh gia lấy làm kiêng kỵ. Nay nên dử chúng vào gần, rồi đánh một trận giết cho nhẵn nhụi. Còn như kinh sư là nơi cối rễ, không thể lìa bỏ mà đi xa được. Nếu tình thế quá ngặt nghèo, không thể làm thế nào được, thì cũng nên đánh một trận quyết liệt cuối cùng". Khải nhận là phải, bèn triệu Hoàng Phùng Cơ ở Sơn Tây về, sai làm tiền bộ.

Phùng Cơ cùng 8 người con (4 người là Thụ, Bồi, Truyền và Tình, còn không rõ tên) dẫn quân lính bản bộ đóng ở hồ Vạn Xuân ; đội quân Tứ thị thuỷ dàn thuyền ở sông Thuý Ái. Khải đem hết quân trong thành, bày trận ở bến Tây Luông (long). Lúc ấy, gió đông nam thổi mạnh, thuyền của giặc nhân chiều gió, kéo ập đến. Về phía chúa Trịnh, thì quân thuỷ tan vỡ trước. Hai viên thiên tướng là Nguyễn Trọng Yên, quản lãnh đội Tiền Ưu và Ngô Cảnh Hoàn, quản lãnh đội Tiền Trạch, cầm ngang siêu đao, đứng ở mũi thuyền, chống cự, bị chết. Giặc bèn kéo lên bộ. Toán quân của Phùng Cơ không kịp dàn thành hàng ngũ, bỏ chạy tan vỡ tứ tung. Thuộc tướng là Mai Thế Pháp phi ngựa lên đón đánh, giết được hơn 10 tên giặc. Bị giặc vây sát, Thế Pháp tự nhảy xuống sông ; chỉ còn một mình Phùng Cơ cùng 8 người con dẫn vài chục thủ hạ cố sức chiến đấu. Thủ hạ và 6 người con đều bị giặc giết, Phùng Cơ cùng 2 người con cướp lấy đường mà chạy. Quân lính của giặc tiến đến bến Tây Luông (long). Khải mặc nhung phục, ngồi trên bành voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ nhìn nhau, không ai chịu tiến lên. Giặc tung quân ra chém giết, quan quân tan vỡ lung tung. Khải quay voi trở về thành, đến cửa Tuyên Võ, trông thấy ngoài phủ đã cắm hàng loạt cờ của giặc, bèn dẫn hơn trăm tượng

Chb. **XLVI**,21

binh[1], hướng theo đường Sơn Tây chạy trốn. Bầy tôi, người thì bỏ trốn, người thì tan chạy, cũng không một người nào biết đến chúa cả.

Khi Trịnh Khải chạy đến xã Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, quân sĩ tan tác hết. Lý Trần Quán, thiêm sai giữ công việc Lại phiên, trước đây vâng đem tờ hịch đi chiêu mộ nghĩa binh, chợt ở đấy, Trịnh Khải cùng Trần Quán gặp nhau. Trần Quán nói dối người học trò của mình là Nguyễn Trang rằng : "Đây là quan tham tụng họ Bùi đi lánh nạn đến đây, anh khá hộ vệ đưa ngài đi qua địa giới huyện này". Trong bụng Trang biết đấy là chúa Trịnh, bèn cùng đồ đảng là Nguyễn Ba bắt giải nộp doanh trại giặc. Trần Quán được tin, vội vàng chạy đến, vừa lạy vừa khóc, nói : "Làm lầm lỡ chúa đến thế này là tội ở tôi". Nhân đem nghĩa lớn dụ bảo Trang, Trang nói : "Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu mình", bèn giải Trịnh Khải đi. Khải dùng dao cắt cổ tự tử. Trang đem thi thể Khải nộp cho giặc. Văn Huệ sai sắm đủ áo quan khâm liệm tống táng ; bổ dụng Trang làm trấn thủ Sơn Tây, phong là Tráng liệt hầu.

Trần Quán về nhà bảo với học trò rằng : "Ta là bầy tôi mà làm lầm lỡ chúa, tội ta đáng chết. Nếu không chết thì không giãi tỏ lòng này với trời đất được". Chb. **XLVI**,22
Bèn sai người đào huyệt, đặt sẵn áo quan, Trần Quán mặc đủ mũ áo, tự nằm vào áo quan, cho vùi đất đi để chết.

Trước đây, Văn Huệ từ Vị Hoàng ngược dòng sông, kéo quân ra Bắc, quân thuỷ đạo của Đinh Tích Nhưỡng tan vỡ, Trịnh Khải được tin, hạ lệnh hết thảy thuỷ quân ra đóng ở sông Thuý Ái để chống cự. Cảnh Hoàn vì là con nhà tướng, được giữ chức thiên tướng, lúc sắp ra đi, người em họ là Cảnh Trường hỏi về cái cớ đánh giặc, Hoàn nói : "Nhà ta

(1) Tên một binh chủng lúc bấy giờ, sử dụng bằng voi.

đời đời đội ơn nước, nay giặc kéo đến, ta chỉ có đánh giặc mà thôi, ngoài ra không biết gì hết". Hoàn bèn ra đi, bày thế trận để đợi giặc. Một lát, thuyền của giặc tiến sát đến nơi, sĩ tốt tan vỡ và bỏ chạy, Cảnh Hoàn cùng hai con cố sức đánh giặc, đều bị chết. Được tin Cảnh Hoàn chết, cả nhà thương xót kêu gào, chỉ có Phan Thị Thuấn, vợ lẽ cưng yêu của Cảnh Hoàn, là người có nhan sắc, ngoài 20 tuổi, chưa sinh nở gì, vẫn nói cười tự nhiên, hàng ngày kiểm điểm tư trang và may áo cưới, có người chê cười, Phan Thị cũng không biện bạch gì cả. Gần bách nhật, thị nói với người trong họ để mời nhà sư làm chay cho Hoàn. Khi tan đàn chay, thị bèn ăn mặc lộng lẫy bước xuống thuyền, rồi quay lại bảo người trong họ rằng : "Công việc của thiếp xong rồi, từ đây thiếp xin chết theo tướng quân, hài cốt tướng quân không được mai táng, xin các ông hiểu thấu lòng thiếp, đừng mai táng cho thiếp làm gì". Thị bèn sai người chèo thuyền đến chỗ Cảnh Hoàn chết, rồi tự gieo mình xuống sông. Người đứng xem ở hai bên bờ sông không ai là không hãi hùng kinh dị. Sau con Cảnh Hoàn đem hài cốt thị về táng ở đồng làng. Khoảng năm Chiêu Thống truy xét đến những người tiết nghĩa, để cho phong tặng và tên thuỵ, Cảnh Hoàn và Phan Thị đều được dự phong. Triều đình hạ lệnh cho dân sở tại lập đền thờ. Đến bản triều năm Tự Đức thứ 12 (1859), vâng sắc lệnh ban cho chữ : "Lê triều tiết liệt phu nhân Phan thị chi từ". (Đền thờ Phan Thị, người đàn bà tiết liệt triều nhà Lê), dựng bia ở phía đông đền ấy.

Chb. **XLVI**,23

Lời phê – *Lúc này, sao kiêu binh không lo tính để lập công*[1].

Lời phê – *Từ trước đến nay, trong nước mà có quyền thần chuyên chính, thì không đầy vài đời liền cướp lấy ngôi, chưa từng có bao giờ lại như nhà Lê, nhà Trịnh hai bên cứ song song từ trước đến sau như thế. Việc này cũng là việc lạ ngàn đời ! Có*

(1) Chỉ việc Nguyễn Lệ nói kiêu binh không thể dùng được.

lẽ kẻ kia[1] *hiện trông thấy nhà Mạc không thể giữ ngôi vua được dài lâu, nên rất lấy làm răn sợ. Tuy chưa xưng tôn hiệu là vua, mà quyền bính hiệu lệnh trong nước đều thu hết vào trong tay mình, như thế cũng đã mãn nguyện rồi, lại còn mong muốn gì nữa? Đây là trí mưu khôn khéo, nghĩ ngợi sâu xa không thể nào giấu giếm được. Đến như thế tục thường truyền câu "Thờ phật ăn oản" cũng không ngoài sự xét đoán về thâm tâm họ Trịnh như thế.*

Lời phê – *Người trước để lại ác nghiệt quá nhiều, làm cho Khải phải chịu sự liên luỵ mà thôi, nhưng Khải cũng là người khảng khái không có gì đáng hổ thẹn*[2].

Lời chua – *Lý Trần Quán* : Người xã Vân Canh[3], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất (1766) năm Cảnh Hưng.

Nguyễn Trọng Yên : Có sách chép là Trọng Diệu, người xã Linh Đường[4], huyện Thanh Trì.

Ngô Cảnh Hoàn : Có sách chép là Phúc Hoàn, người xã Trảo Nha[5], huyện Thạch Hà.

Mai Thế Pháp : Có sách chép là Thế Dương, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn[6].

Nguyễn Trang : Người xã Hạ Lôi[7], huyện Yên Lãng.

Nguyễn Ba : Có một tên nữa là Na, người xã Vân Điểm, huyện Đông Ngàn[8].

---

(1) Chỉ họ Trịnh.
(2) Chỉ việc Trịnh Khải lấy dao cắt cổ tự tử sau khi bị bắt.
(3) Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.
(4) Nay là thôn Linh Đàm, xã Hoàng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(5) Nay là xã Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.
(6) Nay thuộc xã Nga Thạch huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá.
(7) Nay là thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, Huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.
(8) Đất huyện Đông Ngàn nay gồm các huyện Tiên Sơn (Bắc Ninh) và Gia Lâm, Đông Anh, Sóc Sơn (Hà Nội).

Bến đò Thuý Ái : Ở địa phận bãi Thuý Ái[1], huyện Thanh Trì.

Bến Tây Luông : Ở địa phận thôn Hậu Lâu, huyện Thọ Xương[2].

Hồ Vạn Xuân : Có một tên nữa là đầm Vạn Phúc, ở địa phận xã Vạn Phúc[3], huyện Thanh Trì.

Đền thờ Phan phu nhân: Nay ở xã Thuý Ái[4], huyện Thanh Trì.

Tháng 7, mùa thu. Nhà vua ngự điện Kinh Thiên, nhận sổ sách quân và dân.

Trước đây, Văn Huệ đánh được Vị Hoàng, liền làm tờ mật tấu tỏ ý tôn phò. Lại sai tì tướng đem một cánh quân đi trước, đợi khi nào đại quân kéo đến Thăng Long, thì viên tì tướng ấy đem quân vào bảo vệ cung điện nhà vua. Chb.**XLVI**,24

Bấy giờ nhà vua đương có bệnh, các hoàng tử hầu hạ nâng giấc ở trong nội điện, thấy ngoài cung điện có lính và voi, ngờ là giặc kéo đến uy hiếp, liền vực nhà vua dậy toan lánh đi chỗ khác. Chợt lúc ấy, viên tì tướng đệ dâng bản tâu, trước hết bày tỏ lễ ý xin thăm hỏi sức khoẻ nhà vua, sau nữa xin định ngày sẽ vào triều bái yết. Nhà vua nhận được tờ tấu, mới yên tâm.

Hôm sau, Văn Huệ triều yết ở điện Vạn Thọ, nhà vua sai người mời vào, đặt một giường khác ở bên cạnh giường vua ngự để Văn Huệ ngồi. Văn Huệ rụt rè không dám ngồi, nhà vua ép mãi, Văn Huệ mới ngồi ghé vào cạnh chiếu. Huệ tâu nói : "Tôi vốn người dân áo vải ở Tây Sơn, nhân thời cơ nổi dậy, tuy cơm áo triều đình không được bệ hạ ban cho, nhưng tôi ở nơi rừng rậm xa xăm, lâu nay vẫn kính mến thánh đức, ngày nay được thấy thiên nhan, mới đủ giãi bày tấm lòng thành thực. Vì họ Trịnh lăng loàn áp bức, không giữ đạo làm tôi, cho nên hoàng thiên mượn tay tôi đánh diệt họ Trịnh, để tỏ rõ uy quyền của bệ hạ, may mà được đến thành công đều do ở phúc

(1) Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(2) Nay là phố Nguyễn Trung Trực, có đình Tây Luông.

(3) Nay là xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

(4) Nay là thôn Thúy Lĩnh, xã Lĩnh Nam, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

đức của bệ hạ cả. Tôi chỉ mong thánh thể yên lành mạnh khoẻ, ngự ngôi vua, trị thiên hạ, để kẻ bầy tôi nơi xa xăm được đội phúc đức". Nhân đấy, Văn Huệ bày tỏ ý nghĩa tôn phò. Nhà vua bội phần an uỷ.

Lúc ấy bầy tôi đều đã trốn tránh, chỉ còn vài người chầu chực trong nội điện ra ứng tiếp mà thôi. Nhân đấy, Nguyễn Hữu Chỉnh xin nhà vua hạ chiếu tuyên triệu bọn Phan Lê Phiên, Uông Sĩ Điển, Trần Công Xán và bầy tôi hơn mươi người, sau họ lục tục trở về, còn thì đều trốn tránh không chịu ra cả. Chb. **XLVI**,25

Trước đây, họ Trịnh chuyên giữ chính quyền trong nước, một người dân, một tấc đất, đều không do quyền triều đình. Nay Văn Huệ đã vào triều yết, bèn xin định ngày cử hành nghi lễ đại triều, dâng sổ sách binh và dân để tỏ rõ ý nghĩa nhà vua nhất thống và Nguyễn Huệ tôn phò. Đến nay, nhà vua cố gượng dậy, ra ngự điện Kính Thiên nhận lễ, rồi ban hành chiếu thư về việc nhất thống để bá cáo cho trong kinh, ngoài trấn biết. Lại sách phong Văn Huệ làm nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công. Sau khi Văn Huệ nhận sách phong, bèn nói riêng với Hữu Chỉnh rằng : "Ta cầm vài vạn quân, đánh một trận mà bình định được Bắc Hà, một tấc đất, một người dân, đều là của ta, nếu muốn xưng đế hay xưng vương việc gì mà ta không làm được ? Còn như sắc mệnh nguyên soái quốc công đối với ta có hơn kém gì ? Bầy tôi Bắc Hà lại muốn dùng danh vị hão để lung lạc ta hay sao? Đừng tưởng ta là người mọi rợ được chức tước ấy bèn lấy làm vinh dự đâu !" Hữu Chỉnh biết ý Văn Huệ không mãn nguyện, bèn bí mật khuyên nhà vua đem công chúa Ngọc Hân gả cho, Văn Huệ rất bằng lòng.

Lời phê :*"Chống hùm cửa trước, rước sói cửa sau"*(1), *ôi, cũng nguy hiểm lắm ! Trịnh Doanh lập Hiển Tông để nương nhờ*

(1) Ý nói đuổi được họ Trịnh đi, thì Tây Sơn lại tiến đến.

vào phúc đức, mà Hiển Tông từ trước đến sau, nhất thiết việc gì cũng do ở người khác. Nhiều lần gặp tai hoạ bất trắc xảy ra, chỉ vì không vướng vít với thất tình mà được trọn đời an toàn, cũng là may mà thôi.

Ngày Mậu Ngọ. Nhà vua mất. Hoàng thái tôn (cháu trưởng của nhà vua) Duy Khiêm lên ngôi, đổi tên là Duy Kỳ.

Trước đây, nhà vua bị bệnh. Văn Huệ xin dùng ngày rằm tháng 7 này, nhà vua ra ngự chính điện để nhận lễ chầu mừng về việc nhất thống, nhà vua cố gượng dậy ra coi chầu. Hôm sau, bệnh quá nguy kịch, sai triệu Văn Huệ, Văn Huệ nói : "Nay mai tôi sẽ trở về Nam, không dám can dự vào công việc nhà nước. Vả lại, trong quãng vua trước vua sau kế tiếp, tôi e sẽ bị người đời nghi ngờ". Văn Huệ bèn từ chối không vào. Ngày 17, Mậu Ngọ, nhà vua mất tại điện Vạn Thọ, ở ngôi 47 năm, hưởng thọ 70 tuổi. Chb. **XLVI**,26

Nhà vua là người nhân từ, trầm tĩnh. Lúc về già, gặp Trịnh Sâm áp bức, cũng chỉ ngậm miệng mà nhịn. Đến nay Tây Sơn tôn phò, nhà vua ngoài mặt tuy mừng mà trong bụng vẫn lấy làm lo. Khi bệnh nguy kịch, cho triệu hoàng thái tôn đến bảo rằng : "Ta chỉ sớm tối sẽ trút bỏ gánh nặng, bây giờ lo lắng việc nước là ở mình cháu, cháu phải nghĩ lấy". Thái tôn vừa lạy vừa khóc xin nhận mệnh lệnh. Nhà vua lại nói : "Binh lính xứ khác còn đóng ở đây, về việc truyền nối ngôi vua là việc trọng đại, cần phải thương lượng bàn bạc với nguyên soái[1], chớ nên làm tắt". Nói xong thì mất. Văn Huệ nhân hỏi công chúa về việc các hoàng tử, công chúa rất khen Duy Cận là người tốt. Văn Huệ muốn bàn luận lại về việc lập người nối ngôi, triều đình lo sợ, không biết làm thế nào được, các người trong họ tôn thất đều trách móc công chúa làm hại mưu kế lớn của xã tắc. Công chúa sợ, trở về xin với Văn Huệ, Văn Huệ

(1) Chỉ Nguyễn Văn Huệ.

nhận lời, bèn phò thái tôn lên ngôi hoàng đế, đổi tên là Duy Kỳ, kể bắt đầu từ sang năm là năm Chiêu Thống thứ nhất.

Tháng 8. Làm lễ an táng ở lăng Bàn Thạch.

Ngày 25 tháng trước, rước tử cung[1] (vua Hiển Tông) do đường thuỷ về táng tại Thanh Hoa. Văn Huệ mặc áo tang, thân hành đến nơi đình tạm ở bến sông để lạy đưa, lại sai bầy tôi là nội tán Trần Văn Kỷ và hữu quân Nguyễn Hữu Chỉnh mặc áo trắng hộ vệ chầu chực. Đến nay an táng ở lăng Bàn Thạch. Chb. **XLVI**,27

Lời chua - *Trần Văn Kỷ* : Người xã Vân Trình, huyện Phong Điền[2].

Lăng Bàn Thạch : Ở huyện Lôi Dương, tỉnh Thanh Hoá.

Nguyễn Văn Nhạc đến Thăng Long, đem Văn Huệ về Nam. Nguyễn Hữu Chỉnh chạy theo về Nghệ An.

Trước kia, Nguyễn Văn Nhạc sai Văn Huệ đánh Thuận Hoá, chưa có ý định tiến ra Bắc Hà. Sau khi Văn Huệ đã lấy được Thuận Hoá, đưa thư về nói tiến thẳng quân ra để lấy Thăng Long. Văn Nhạc nhận được thư, không bằng lòng, sai người ngăn lại, nhưng không kịp. Đến lúc Văn Huệ đã lấy được Thăng Long, Văn Nhạc biết tin, sợ lắm. Nhạc cho là vội vàng đem quân vào sâu như thế tất nhiên khó giữ được lâu. Hơn nữa Văn Nhạc nhận thấy Văn Huệ vốn là người giảo hoạt hung tợn, nếu đắc chí, tất nhiên sẽ giữ lấy một nước để tự lo toan, rồi dần dà khó mà kiềm chế được. Vì thế, Văn Nhạc lập tức đem 500 tên lính thân cận đi vội ra thẳng Thuận Hoá, kén thêm binh tráng, rồi đi gấp đường ra Bắc, để làm đạo quân tiếp ứng, mà thực ra lại là để xem xét kiềm chế Văn Huệ.

(1) Tức quan tài của vua chúa. Xem thêm chú thích số 1, Chính *biên quyển* VIII tờ 9.
(2) Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Khi Văn Nhạc đã đến Thăng Long, nhà vua[1] đem trăm quan thân hành đón tiếp ở ngoài cửa Nam Giao. Văn Nhạc thúc quân rảo bước đi nhanh, mà sai người xin nhà vua về cung và đính ước ngày hôm khác sẽ cùng nhau hội kiến. Chb. **XLVI**,28

Lúc ấy, tướng sĩ Tây Sơn đóng lâu ở ngoài Bắc, nghĩ muốn trở về ; tả quân Vũ Văn Nhậm cũng ghét Hữu Chỉnh lộng quyền khua múa, nhân đấy, Văn Nhậm bới xấu Hữu Chỉnh với Văn Huệ rằng : "Kẻ kia[2] lấy thân phận người tôi trốn tránh mà về đầu hàng với ta, trong bụng chỉ muốn được hả lòng với nước cũ, nên nhờ uy lực của ta để thành công. Nay nếu ta lại giam hãm mấy vạn người ở đây, để làm vây cánh cho nó, thì thật là dại dột quá chừng ! Vả lại, hắn thường nói : "Nhân tài Bắc Hà chỉ có một mình hắn". Thế thì không chi bằng ta bỏ hắn ở đây mà về Nam. Hiện nay người Bắc Hà oán ghét hắn ghi sâu vào xương tuỷ, ta mượn tay họ để giết hắn đi, khi hắn chết rồi, thì ta lấy Bắc Hà lại là minh bạch chính đáng". Văn Huệ cho là phải, bèn có ý bỏ Hữu Chỉnh. Chợt lúc ấy, Văn Nhạc đến Thăng Long, ngày đêm bí mật bàn tính để rút quân về. Hữu Chỉnh không biết gì về việc ấy cả.

Sau đó vài ngày, Văn Nhạc sai người xin với nhà vua cùng nhau hội kiến. Nhà vua xin cắt đất để khao quân. Văn Nhạc nói : "Tôi tức giận về nỗi họ Trịnh uy hiếp áp chế, nên đứng ra làm việc tôn phò. Nếu đất đai không phải của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không để, nhưng nếu là đất đai của nhà Lê, thì một tấc tôi cũng không lấy". Lại ước hẹn đời đời làm láng giềng giao hiếu với nhau. Nhà vua tin là phải, xin Văn Nhạc ở lại ít lâu để giúp đỡ, Văn Nhạc giả vờ nhận lời, sai Hữu Chỉnh chọn ngày lành cử hành đủ nghi lễ bái yết Thái Miếu. Hữu Chỉnh cũng nghĩ Chb. **XLVI**,29

(1) Tức Lê Chiêu Thống.
(2) Chỉ Nguyễn Hữu Chỉnh.

là Văn Nhạc chưa trở về Nam. Đêm 17 tháng này, giọt nước đồng hồ[1] xuống đến trống canh ba, Văn Nhạc, Văn Huệ sai người vào từ biệt với nhà vua, rồi bí mật ban phát ám hiệu, ngay đêm hôm ấy quân thuỷ, quân bộ nhất luật rút đi, của cải trong kho tàng đều bị vơ vét nhẵn. Đến sáng, Hữu Chỉnh mới biết, vội vàng, không biết thi thố thế nào, bèn cùng vài chục thủ hạ cướp lấy một chiếc thuyền buôn đi theo đuôi giặc. Người đô thành tranh nhau dùng gạch ngói để ném, Hữu Chỉnh tự tay đâm vài người mới được thoát thân. Khi theo đến Nghệ An, Hữu Chỉnh vào yết kiến Văn Nhạc. Văn Nhạc dùng lời khéo léo yên uỷ dụ dỗ, rồi sai cùng với viên thủ tướng đóng giữ ở đấy là Nguyễn Duệ cùng nhau, giữ châu thành này, tích trữ lương thực, luyện tập binh lính, để đợi một ngày khác sẽ dùng đến, mà Văn Nhạc tự dẫn quân về Quy Nhơn.

Sau khi quân giặc đã rút đi, nhà vua lập tức triệu bầy tôi trong triều bàn luận rằng : "Giặc để lại cho ta một nước trống rỗng, nếu có sự nguy cấp, thì chống đỡ bằng cách nào? " Bèn viết thư triệu hết những người thế gia và bầy tôi cũ dấy quân vào bảo vệ hoàng thành. Vì thế, hào mục các nơi chiếm giữ châu quận, chiêu tập binh mã, đều mượn danh nghĩa "bảo vệ". Những hạng vô lại đánh giết lẫn nhau, trong nước thành ra rối loạn.

Lời chua - *Thăng Long* : Tức Thành Đại La xưa, xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ nhất (Chb.II, 10).

Quy Nhơn : Xem năm Cảnh Hưng thứ 36 (Chb.XLIV, 24).

Nghệ An : Xem Thánh Tông năm Quang Thuận thứ 10 (Chb. XXI. 16, 17, 21, 22, 33).

Bọn Lê Hân, Lê Đình Hoán ở Nghệ An, họp dân chúng đón đánh Nguyễn Văn Nhạc, nhưng không thắng được.

(1) Xem chú thích số 1, *Chính biên* quyển XXXV tờ 30.

Chb.**XLVI**,30

Quân của Nguyễn Văn Nhạc về đến Nghệ An. Lúc ấy có Lê Hân, trước kia quản lãnh cơ Hữu Thắng, và Lê Đình Hoan, trước kia quản lãnh cơ Hữu Oai, chiêu mộ họp tập binh phu xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường, đón đường chẹn nơi hiểm yếu, đánh chặn ngang ở núi Đại Huệ. Giặc tung quân tràn lên núi để đi qua, dân binh thua to, bị giặc giết hết, mười phần chết đến tám, chín phần. Lại có Nguyễn Như Tiến, người xã Gia Hộ, huyện Đông Thành, tụ họp dân chúng đón đánh ở cầu Tiên Lý, không thắng được, Như Tiến bị chết. Nguyễn Tài, người xã Hà Hoàng, tự cắp dao găm, phục trong bụi ở đường núi Kỳ Hoa, định mưu giết giặc ; toán quân đi trước của giặc thoáng trông thấy, liền tụm giáo đâm xỉa vào, Tài giấu mình chạy vượt ra, giặc đuổi theo không kịp. Tài lại cùng người anh là Tần ra vào địa phận huyện Kỳ Hoa, huyện Thạch Hà, gặp quân canh giữ của giặc mà đi lẻ loi, họ liền giết chết, trước sau giết được hơn mươi người, giặc cùng răn bảo nhau xa lánh. Sau Tài đánh nhau với giặc ở đồn Quy Hợp, bị trúng đạn chết ; Tần cũng bị chết tại trận.

Lời chua – *Lê Hán* : Người xã Nộn Liễu, huyện Nam Đường sau theo Mẫn Đế (Chiêu Thống) chạy sang phương Bắc.

Lê Đình Hoán : Người xã Lâm Thịnh, huyện Nam Đường, sau Tây Sơn nhiều lần cho triệu, nhưng không ra, rồi chết ở nhà.

Nguyễn Tài và Nguyễn Tần : Người xã Hà Hoàng, huyện Thạch Hà. Sau đây, đến năm Gia Long thứ nhất (1802), được biểu dương và xét đến con của hai người này đều cho làm cai đội miễn trừ thân thuế.

Xã Nộn Liễu : Thuộc huyện Nam Đường.

Chb.**XLVI**,31

Xã Hà Hoàng : Thuộc huyện Thạch Hà.

Xã Gia Hộ : Nay thuộc huyện An Thành.

Núi Đại Huệ : ở địa phận xã Sa Nam, huyện Nam Đường.

Đồn Quỳ Hợp : Xem Nhân Tông, năm Thái Hoà thứ 6 (Chb. XVIII,8).

Nam Đường : Tên huyện, thuộc tỉnh Nghệ An.

Đông Thành : Xem năm Cảnh Hưng thứ 20 (Chb. XLII, 5).

Kỳ Hoa : Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 7 (Chb.XXXVI.27).

Thạch Hà : Xem Lê Đại Hành, năm Ứng Thiên thứ 12 (Chb. I, 38).

Tháng 9. Trịnh Bồng tự lập làm nguyên soái Yến Đô vương.

Trước đây, Trịnh Khải bị thất bại rồi, thân thuộc là Trịnh Bồng lánh đến ở huyện Chương Đức, Trịnh Lệ lánh đến ở huyện Văn Giang, đều tự ý lẻn lút chiêu tập binh mã, để đợi cơ hội sơ hở (sẽ nổi lên). Gặp lúc quân Tây Sơn rút về, Trịnh Lệ bèn cùng người ngoại thích là Trương Tuân đem quân qua đò Thanh Trì, đến cung Tây Luông, Dương Trọng Khiêm, thiêm đô ngự sử, cũng đem hương binh đến họp, cùng nhau ủng hộ Trịnh Lệ vào phủ đường họ Trịnh, đương đêm, đánh trống trên lầu hội họp trăm quan để lập Trịnh Lệ lên nối ngôi chúa, nhưng vì vội vàng, nên các quan không ai đến cả. Nhà vua được tin, hạ chiếu vặn hỏi Trọng Khiêm về cớ không xin mệnh lệnh. Trọng Khiêm xé tờ chiếu trước mặt sứ giả, rồi cùng Trịnh Lệ định mưu muốn họp tập quân chúng làm sự biến động. Gặp lúc ấy, Trịnh Bồng dâng tờ biểu xin về chầu, lời lẽ rất nhũn nhặn uyển chuyển, nhà vua bèn hạ chiếu chỉ triệu Trịnh Bồng. Bầy tôi trong triều thấy công việc của bọn Trọng Khiêm làm không thuận theo lẽ phải, nên đều bỏ Trịnh Lệ mà về với Trịnh Bồng. Khi Trịnh Bồng về đến cầu Nhân Mục, Trịnh Lệ sai Trương Tuân và Trọng Khiêm đem quân chống cự. Chb. **XLVI**,32

Lúc còn sinh thời Trịnh Sâm, Trọng Khiêm đã phát giác việc Trịnh Lệ mưu làm phản[1], nay sợ bị Trịnh Lệ quở trách,

(1) Xem thêm *Chính biên* quyển XLIII, tờ 9, 10.

bèn ngầm sai gia tướng là Nguyễn Mậu Nễ đón đường xin đầu hàng về với Bồng. Việc này Trương Tuân không biết gì cả. Khi Trịnh Bồng đi gần đến kinh thành, Trương Tuân thấy phía đường đằng trước đều là quân của Trọng Khiêm, nên quân của Trương Tuân bèn đổ vỡ lung tung. Tuân liền ủng hộ Trịnh Lệ chạy lên vùng bắc. Còn Trọng Khiêm lại e rằng không được nhà vua bao dung, nên không dám cùng Trịnh Bồng đều vào hoàng thành, cũng chạy lên Kinh Bắc.

Sau khi Bồng đã vào yết kiến, nhà vua yên uỷ bội phần, muốn ban phong tước công và hậu cấp bổng lộc, mà không cho tham dự chính quyền. Bồng bèn họp quân đóng ở phủ đường họ Trịnh, dần dần chống lại với nhà vua. Triều thần e rằng khó có thể ức chế được, bèn bàn luận tâu xin nhà vua dựa theo tước vị lúc mới phong Trịnh Tráng (mà phong cho Bồng). Ý nhà vua không muốn phong như thế. Bồng lại vin vào việc tấn phong cũ. Nhà vua bèn sắc phong Bồng làm tiết chế thuỷ bộ chư quân, bình chương quân quốc trọng sự, thái uý, Côn quốc công, cấp cho 3.000 tên lính, 5.000 mẫu ruộng và 200 xã dân lộc, để phụng giữ việc tế tự nhà họ Trịnh. Hạ lệnh đem sắc thư ấy ban bố cho cả cả nước.

Lúc ấy, Đinh Tích Nhưỡng từ Hải Dương về kinh, muốn viện lệ phong tước vương cho Trịnh Bồng để tâng công với họ Trịnh. Triều thần cũng sợ thanh thế Tích Nhưỡng, nhân đấy, họ lại cùng nhau xin phong vương cho Trịnh Bồng. Nhà vua không chuẩn y, dụ bảo hai ba lần ở ngay trước mặt. Tích Nhưỡng cố xin mãi. Nhà vua nói : "Trước kia cơ nghiệp nhà ta giữa chừng đổ nát, chính quyền do trong tay họ Trịnh, việc tế tự thì về quả nhân[1]. Đấy là một thời kỳ. Nhưng nay lòng trời chán ghét hoạ loạn, phó thác quyền bính cho một mình ta. Một nước hai vua, có lẽ nào cứ

Chb. **XLVI**,33

(1) Nghĩa đen chữ "quả nhân" là người ít đức. Vua chúa đời cổ dùng danh từ này để nói khiêm tốn.

giữ làm thể lệ được ?" Cách mấy hôm sau, Tích Nhưỡng dàn quân ở cửa điện, rồi tự vào sân điện Vạn Thọ, lạy phục xuống đất cố xin, nhà vua cũng không y cho. Hoàng thân và các đại thần sợ sinh ra biến loạn, vừa khóc vừa kêu xin. Tích Nhưỡng lại cùng triều thần làm tờ biểu xin phong tước vương cho Trịnh Bồng mà chính quyền thì do nhà vua giữ. Nhà vua bất đắc dĩ y theo, bèn sai Nguyễn Du đem tờ sắc phong cho Bồng làm nguyên soái, tổng quốc chính, Yến đô vương.

Trịnh Bồng nhu nhược, lười biếng, không biết tự lập, chính sự đều xuất phát từ tay Tích Nhưỡng, bọn tiểu nhân đua nhau ton hót phụ hoạ. Ngay giữa ban ngày, thủ hạ ra sức cướp bóc dân cư gần kinh thành, không có hiệu lệnh ngăn cấm. Mọi người đều cho là không còn hy vọng gì cả. Về phần nhà vua cũng phòng bị nghiêm ngặt, rồi bí mật hạ tờ chiếu cho trong nước làm việc cần vương. Được tin Hữu Chỉnh chiếm cứ Nghệ An, nhà vua bèn sai viên quan văn chức là Bùi Dương Lịch làm chiêu dụ sứ các phủ Đức Quang và Hà Hoa, lẻn đi chiêu dụ và dò xét tình hình.

Lời phê : - *Sự thế đã cùng quẫn quá chừng, mà còn a dua phụ hoạ. Thái độ của tiểu nhân gớm thật ! rất đáng sợ mà lại rất đáng ghét*[1] *!*

Lời chua - *Nguyễn Du* : Người xã Văn Xá, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) năm Cảnh Hưng.

Bùi Dương Lịch : Người xã An Đồng, huyện La Sơn. Khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất sau đây, Dương Lịch đỗ tiến sĩ. Chb. **XLVI**,34

Xã Nhân Mục : Thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội[2].

Đức Quang : Nay là phủ Đức Thọ, thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

---

(1) Chỉ việc Đinh Tích Nhưỡng viện lệ để xin phong vương cho Trịnh Bồng.
(2) Tục gọi làng Mọc. Nay là phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Hà Hoa : Xem Trần Duệ Tông, năm Long Khánh thứ 2 (Chb. X,35)

Trịnh Tráng : Lúc mới được phong là tiết chế thuỷ bộ chư doanh, kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, thái uý, Thanh quốc công. Chb. **XLVI**,35

Truy tặng quan tước cho bọn Lý Trần Quán có đẳng cấp khác nhau.

Nhà vua hạ lệnh truy tặng Lý Trần Quán hàm thượng thư bộ Binh, cho tên thuỵ là Toàn Trung, Hoàng Đình Thể hàm thái tể, cho tên thuỵ là Hoàn Nghĩa, gia phong làm phúc thần. Còn bọn Nguyễn Trọng Đang, Vũ Tá Kiên và Ngô Cảnh Hoàn đều phong tặng có đẳng cấp khác nhau. Lại giết người dân bạo nghịch là Nguyễn Trang, bắt đem phanh thây để tế ở trước mồ Trịnh Khải.

Đổi định lại tên quan.

Nhà vua muốn cải cách tệ cũ : Đổi tham tụng làm bình chương sự ; bồi tụng làm tham tri chính sự ; thiêm sai làm thiêm thư Xu mật viện sự ; chưởng phủ, thự phủ, quyền phủ làm sự đường. Thay đổi như thế để thu lấy quyền bính họ Trịnh. Mọi người bàn luận, chưa sao quyết định được. Còn Tích Nhưỡng thì đã trót xin nhà vua nắm chính quyền, nên không dám đem việc chính quyền thuộc về phủ họ Trịnh để thỉnh thác nữa.

Gặp lúc ấy, Hoàng Phùng Cơ từ Sơn Tây vào bảo vệ kinh thành, Tích Nhưỡng bí mật câu kết với Phùng Cơ, rồi tâu nói : "Nhà vua cùng phủ chúa gắn bó với nhau như thân thể con người. Nay mới định tên quan, cũng nên giữ lại một ít danh hiệu cũ. Vậy xin : bình chương kiêm tham tụng ; tham tri kiêm bồi tụng ; thiêm thư kiêm thiêm sai ; chưởng phủ, thự phủ, quyền phủ kiêm gia ngũ quân đô đốc ; nghị sự đường vẫn đặt ở ngoài cửa phủ đường. Sắp xếp như vậy để cho quen thuộc với tai mắt thần dân trong nước. Về chính trị, phàm có bàn

luận việc gì, thì trước hết làm tờ khải trình chúa Trịnh, rồi sau tâu bày đầy đủ để xin nghị định quyết đoán. Như thế sẽ không trái với điển chương cũ". Nhà vua xem tờ biểu, giận lắm, nói : "Các ngươi dùng văn từ hão huyền để lừa dối trẫm, cần gì còn phải xin lại nữa?". Phùng Cơ đem trăm quan phục mãi ở sân điện đình, không đứng dậy. Nhà vua biết rằng bọn Phùng Cơ đều không thể trông cậy được, bèn nhận lời tâu. Do đấy, Trịnh Bồng mới thân giữ chính quyền, bổ dụng Hoàng Phùng Cơ làm trung quân tả đô đốc chưởng phủ sự, Đinh Tích Nhưỡng làm đông quân hữu đô đốc thự phủ sự, Phan Lê Phiên làm bình chương sự. Bùi Huy Bích và Phan Cận làm đồng bình chương sự kiêm giữ chức tham tụng, bọn Ngô Trọng Khuê và Ninh Tốn làm tham tri chính sự kiêm giữ chức bồi tụng. Phàm liêu thuộc trong phủ chúa hết thảy vẫn giữ như cũ. Phan Lê Phiên và Bùi Huy Bích cố từ chối không nhận chức. Chb. **XLVI**,36

Trịnh Bồng lại sai người triệu Dương Trọng Khiêm ở Gia Lâm, Bồng bảo Trọng Khiêm rằng : "Nhà ngươi lúc mới vào kinh thành, liền lấy việc phò lập nhà chúa làm điều trước nhất, dầu việc ấy không thành công, mà khí thế nhà chúa lại phấn khởi lên được, đấy là công sức nhà ngươi. Nay việc nước rối ren, nhà ngươi nên về ngay để cùng giúp sức". Ngay ngày hôm ấy, Trọng Khiêm về đến kinh thành, Trịnh Bồng cho Trọng Khiêm giữ bộ Hộ coi công việc tài chính, thuế khoá.

Từ đấy, chính quyền trong nước lại về tay họ Trịnh, nhà vua rất tức giận, mọi việc đều giằng co hạn chế, trong triều rối beng, không biết thế nào là chuẩn định.

Lời chua – *Tả, hữu điếm* : Trước kia Trịnh Cương đặt tả điếm và hữu điếm ở ngoài cửa phủ đường, để làm chỗ trăm quan tra khám kiện tụng. Xem Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 4. (Chb. XXXVI, 12, 13)

Tháng 11, mùa đông. Trịnh Bồng làm phản, đem quân vây hoàng thành. Nhà vua triệu Nguyễn Hữu Chỉnh vào bảo vệ. Trịnh Bồng chạy sang Kinh Bắc.

Dương Trọng Khiêm sợ rằng nhà vua sẽ báo lại sự tức giận trước kia, bèn khuyên Trịnh Bồng đem quân vây chặt lấy hoàng thành, bắt giết người triều thần nào theo về với nhà vua, rồi bàn định lập vua khác. Trịnh Bồng theo lời, liền bí mật sai Nguyễn Mậu Nễ và Bùi Nhuận nhân đêm đem quân xâm phạm vào cung khuyết. Được tin biến động, Chb. XLVI,37 nhà vua lập tức cho triệu hoàng thân đem quân lính đã mộ được, phân phối bố trí để phòng bị chống cự. Đề lãnh Hoàng Phùng Cơ vốn không ăn cánh với Trọng Khiêm, vả lại nhà riêng ở trong hoàng thành, Phùng Cơ sợ rằng, nếu trong nội điện có xảy ra tai biến, sẽ đều phải mang tiếng xấu, liền đem quân bản bộ đuổi đánh. Mậu Nễ không dám tiến, vẫy quân rút lui. Nhà vua giận lắm, được tin Nguyễn Hữu Chỉnh mộ lính để vào bảo vệ, bèn ngầm thân viết thư để triệu Hữu Chỉnh.

Trước kia, Hữu Chỉnh theo Văn Nhạc trở về, rồi lưu lại ở Nghệ An, bèn nói thác ra rằng nhận được chỉ dụ bí mật của nhà vua, chiêu mộ binh dõng, ngày đêm luyện tập. Những hào mục sở tại nhiều người ghét Hữu Chỉnh, nhân đấy, họ ngầm suy tôn viên trấn thủ cũ là Bùi Thế Toại làm người đứng đầu, tụ tập quần chúng, rình lúc sơ hở, sẽ toan tính việc đánh Hữu Chỉnh.

Đến nay, Hữu Chỉnh nhận được mật chỉ, lập tức tung tờ hịch truyền ra các nơi, lấy danh nghĩa là tôn phò nhà Lê. Vì thế xa gần đều hưởng ứng, trong khoảng mười ngày, mộ được hơn vạn lính, đặt hiệu quân là Tứ đột và Tứ thành, bèn hội họp đông đủ tướng sĩ, hẹn ngày xuất phát.

Bùi Thế Toại đón đánh Hữu Chỉnh ở Hoa Lâm, Thế Toại bị thua, bỏ chạy. Trịnh Bồng sai Lê Trung Nghĩa, đốc trấn

Thanh Hoa, và Phan Huy Ích, đốc thị, đem quân ra đánh. Quân hai bên gặp nhau ở xã Ngọc Giáp, huyện Ngọc Sơn, Trung Nghĩa đánh nhau, bị chết. Huy Ích bị bắt. Hữu Chỉnh vẫn coi thường Huy Ích, nên không thèm giết, mà mang đi theo, rồi thúc quân ồ ạt tiến lên.

Tin báo đến kinh thành. Đinh Tích Nhưỡng sợ lắm, từ biệt Trịnh Bồng để về Hải Dương mộ quân, Bồng bèn cho Dương Trọng Khiêm giữ chức lưu thủ Thanh Hoa, đem quân chống cự. Khi Trọng Khiêm đi đến Bình Vọng, được tin Hữu Chỉnh đã sang qua sông Thanh Quyết, sợ hãi, vội chạy lên vùng Bắc. Sau khi Tích Nhưỡng đã ra đi, nhà vua bí mật dụ bảo hào mục bản thổ đánh bắt. Tích Nhưỡng bị thua, rút về Chb. **XLVI**,38
Hàm Giang để tự thủ. Hoàng Phùng Cơ lâm vào
thế trơ trọi một mình, nên bỏ Trịnh Bồng mà chạy về Sơn Tây. Quân của Hữu Chỉnh kéo đến Thăng Long, Trịnh Bồng qua sông sang Kinh Bắc, chạy đến xã Dương Xá, sau lại dời đến xã Quế Ổ.

Trước đây Trịnh Bồng cùng nhà vua tranh nắm chính quyền, có người nói với Bồng rằng : "Hữu Chỉnh ở Nghệ An, thế lực dần dà trở thành to mạnh, nên nhân ngay lúc này lòng người đương phấn khởi, thân cầm đại quân đi đánh, hễ diệt được Hữu Chỉnh, lấy lại Nghệ An thì có thể lập được công nghiệp trung hưng. Lúc ấy thành công trở về, quyền lớn quốc gia còn lọt vào tay ai được? Nay trong bụng không nghĩ đến giặc, mà hàng ngày chỉ nghĩ việc tranh quyền, vạn nhất Hữu Chỉnh lại kéo đến, sẽ lấy gì để mà chống cự? Trịnh Bồng không nghe lời, thành ra cuối cùng phải bại vong.

Hữu Chỉnh đến kinh thành, tướng của hắn là Hoàng Viết Tuyển cũng đem thuỷ quân đến, thanh thế binh lính rất lừng lẫy. Nhà vua ngự ra cung Tây Luông, thân hành duyệt binh,

nhân đấy, hạ lệnh cho dẫn vào trong thành, phân phối bố trí nơi đóng quân.

Lời chua - *Lê Trung Nghĩa* : Hoạn quan, có một tên nữa là Mãn, người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn(1).

Phan Huy Ích : Người xã Thu Hoạch(2), huyện Thiên Lộc, là con Phan Cận, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) năm Cảnh Hưng. Sau này, Huy Ích thờ nhà Tây Sơn, làm quan Thượng thư bộ Lễ.

Nguyễn Mậu Nể : Người xã Kim Sơn(3), huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Hoa Lâm : Tên xã, nay đổi là Nho Lâm, thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

Chb. **XLVI**,39

Ngọc Giáp : Tên xã, thuộc huyện Ngọc Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Dương Xá : Tên xã(4), thuộc huyện Siêu Loại.

Quế Ổ : Tên xã, thuộc huyện Quế Dương(5) - Dương Xá và Quế Ổ đều thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Sông Thanh Quyết : Thuộc địa phận xã Thanh Quyết, huyện Gia Viễn.

Tháng 12, Bổ dụng Nguyễn Hữu Chỉnh là Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công.

Hữu Chỉnh vào chầu, nhà vua dụ bảo rằng : "Hiện nay giúp trẫm dẹp loạn, để đi đến thái bình, chỉ trông cậy vào nhà ngươi", bèn bổ giữ chức Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, phong tước Bằng trung công ; con là Nguyễn Hữu Du và thân thuộc là Nguyễn Khuê đều cầm quân, được phong

(1) Tỉnh Thanh Hóa.
(2) Nay xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.
(3) Nay là thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(4) Nay là xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(5) Nay là huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

tước hầu ; tướng bộ thuộc là bọn Hoàng Viết Tuyển đều được thăng chức có từng đẳng cấp khác nhau.

Lời chua – *Nguyễn Khuê* : Người xã Đặng Xá, huyện Chân Lộc[1] ; là anh rể Hữu Chỉnh, khoa Đinh Mùi (1787) năm Chiêu Thống thứ nhất sau đấy, Nguyễn Khuê đỗ Tiến sĩ.

(1) Nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

CHÍNH BIÊN

QUYỂN THỨ 47

Từ Đinh Mùi, năm Chiêu Thống thứ 1 (1787) đến Kỷ Dậu, năm Chiêu Thống thứ 3 (1789) đời Lê Mẫn Đế, gồm ba năm. Chb. XLVII,1

*
* *

Đinh Mùi, Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ 1 (1787). (Thanh, năm Càn Long thứ 52).

Tháng giêng, mùa xuân. Làm lễ tế giao.

Theo thể lệ cũ, khi tế giao, xa giá nhà vua từ cửa Đại Hưng đi ra. Mở, đóng cửa này, do viên phủ doãn phủ Phụng Thiên giữ chìa khoá.

Bấy giờ Nguyễn Bá Lan làm phủ doãn, theo ngự giá, nhưng đi sau. Kịp khi nhà vua về cung [phải chờ chìa khóa] hồi lâu không vào được. Triều thần muốn trị tội Bá Lan, nhưng nhà vua đặc cách tha cho.

Lời chua – *Nguyễn Bá Lan* : Người Cổ Linh[1], huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Truy tôn hoàng khảo là cố thái tử[2] làm Hựu Tông hoàng đế, tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

Tháng 2. Dùng Phan Lê Phiên làm bình chương sự ; Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Điển và Trần Công Xán làm đồng

(1) Nay là xã Long Biên, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(2) Tức thái tử Lê Duy Vĩ.

bình chương sự ; Phạm Đình Dữ và Nguyễn Huy Trạc làm tham tri chính sự ; Nguyễn Đình Giản làm phó đô ngự sử.

Nguyễn Hữu Chỉnh, sau khi đắc chí, dần dần tự mãn và kiêu căng. Nhà vua cho rằng vận nước đang gặp bước gian nan, nên đối với những việc bổ nhiệm quan chức và sắp đặt chính sự, phần nhiều cũng chiều theo ý cầu xin của Chỉnh.

Bọn Lê Phiên vì là chỗ ngày thường vốn thân thiết với Chỉnh, còn Sĩ Điển thì, trước kia, đầu hàng, nộp cho Chỉnh quả ấn Binh bộ mà mình quản lĩnh, Chb. **XLVII**,2 vì vậy cũng được Chỉnh tin. Bấy giờ những người trên đây đều được tham dự chính quyền quan trọng là do ý muốn cất đặt của Chỉnh cả.

Trước kia, Nguyễn Đình Giản nói với Trịnh Bồng, cực lực vạch trần Hữu Chỉnh về tội rước ngoại binh đến lật đổ nước nhà. Rồi Đình Giản thề rằng không chịu cùng sống với Chỉnh, xin trở về Thanh Hoa mộ quân để diệt thù cho nước. Dư luận tỏ ý khen lòng hăng hái của Đình Giản, nhưng Trịnh Bồng không cho phép. Đến đây Chỉnh sợ không được người nước dung thứ, nên muốn dùng Đình Giản để thu phục lòng người, bèn sai mời Đình Giản bằng những lời lẽ rất khiêm tốn nhũn nhặn. Đình Giản nhận lời mời, vào kinh, được trao cho chức này.

Từ đây, uy quyền quá lừng lẫy, Chỉnh kéo bà con bè đảng, cất đặt chia giữ các chức ở trong kinh đô và ngoài các trấn, việc gì cũng tự Chỉnh chuyên quyền quyết định cả. Chỉnh lại mở phủ cho con là Hữu Du ở tại phía đông dinh mình, bắt chước như lối chúa Trịnh xưa cho thế tử ra ở phủ riêng. Chỉnh kiêu ngạo lấn lướt, làm cho nhà vua dần dần phát chán.

Nhà vua bí mật bàn với bọn nội hàn Ngô Vi Quý : định vời Chỉnh vào hầu nơi tiện điện[1], bàn việc, rồi nhân dịp, đánh

(1) Chỗ điện riêng dành cho nhà vua cư trú và nghỉ ngơi trong lúc thường.

thuốc độc để giết đi. Một hôm, Vũ Trinh vào ra mắt, được nhà vua cho biết về việc này. Trinh cả sợ, nói : "Ai bày chước này cho bệ hạ thế? Tôi trộm lấy làm nguy đấy ! Vì nay cường địch đang bức bách lăng loàn, những tin báo động ở nơi biên cương còn đang dồn dập gấp rút, triều đình chưa được hòa thuận, lòng người chưa được yên. Đáng lý ra bệ hạ nên dựa vào Chỉnh, dùng làm nanh vuốt, chứ sao lại bắt bóng dè chừng, chưa thấy hình tích lộ liễu, đã chực vội giết cường thần. Muôn một những kẻ dưới quyền của Chỉnh nổi lên gây biến thì xã tắc sẽ ra sao?" Nhà vua bừng tỉnh và thôi làm việc đã định. Chb. **XLVII**,3

Chỉnh mong manh biết chuyện, từ đó, luôn bỏ cả lễ triều yết nhà vua, buông thả cho những kẻ môn hạ muốn làm gì thì làm. Hào kiệt bốn phương do đó thất vọng. Đâu cũng nhộn nhạo nổi dậy, chẳng ai là không nêu cao danh nghĩa giết Nguyễn Hữu Chỉnh, nối lại dòng họ chúa Trịnh.

Lời phê - *Tình thế đã đến thế này, còn cứ nương tựa vào Chỉnh là thằng giặc tráo trở, lật lọng, khác nào chất củi lên giàn lửa thì còn phút nào được yên ! Nhưng, các bầy tôi nhà Lê bấy giờ không còn một ai là đáng nương cậy, ấy cũng đáng thẹn lắm lắm.*

Lời chua - *Nguyễn Huy Trạc* : Người Đan Nhiễm[1], huyện Văn Giang.

Nguyễn Đình Giản : Người Vĩnh Trị[2], huyện Hoằng Hoá. Cả hai đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769) niên hiệu Cảnh Hưng.

Phạm Đình Dũ : Người Kim Đôi[3], huyện Vũ Giàng, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) niên hiệu Cảnh Hưng.

Ngô Vi Quý : Người Tả Thanh Oai[4], huyện Thanh Oai.

(1) Nay thuộc xã Văn Phúc, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(2) Nay là thôn Vĩnh Trị, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá.
(3) Nay là thôn Kim Đôi, xã Kim Chân, huyện Quế Võ, Bắc Ninh.
(4) Nay là thôn Tả Thanh Oai, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Vũ Trinh : Người Xuân Quan[1], huyện Lang Tài, Quý và Trinh đều đỗ hương cống.

Tháng 3. Lại mở chế khoa.

Nguyễn Hữu Chỉnh tâu xin nhà vua phỏng theo lối thi sĩ tử bằng mười khoa do Tư Mã Quang đời Tống đã đặt, đặc cách mở chế khoa, sai triều thần từ tam phẩm trở lên ai nấy được đề cử người mình biết rõ, rồi cho vào cả sân rồng, làm bài đối sách. Bấy giờ có đến vài trăm người ứng thí. Nhà vua ban cho Trần Bá Lãm và Nguyễn Gia Cát được đỗ chế khoa xuất thân, ân điển cũng ngang như tiến sĩ. Lại cất nhắc Nguyễn Huy Túc và Nhữ Công Vũ lên bậc tiến triều, còn thì đều bổ chức viên ngoại lang, tri châu hay tri huyện. Thế là những người có tài học đều được cất dùng. Chb. **XLVII**,4

Bấy giờ nhà vua rất yêu chuộng văn học : cứ sáu ngày một lần cho giảng sách ở tòa Kinh Diên và một ngày một lần cho giảng sách ở viện Nội Hàn. Cung phụng Bùi Dương Lịch lại càng được vua yêu, ưu đãi hơn cả. Nhà vua thường vời Dương Lịch vào trong nội, giảng giải nghĩa sách và bàn luận văn chương không hề trễ nải.

Lời chua – *Trần Bá Lãm* : Người Vân Canh[2], huyện Từ Liêm.

Nguyễn Gia Cát : Người Xuân Cầu[3], huyện Văn Giang.

Nguyễn Huy Túc : Người Kim Lũ[4], huyện Thanh Trì.

Nhữ Công Vũ : Người Hoạch Trạch, huyện Đường An[5].

Lối thi sĩ tử bằng mười khoa : Theo *Cương mục tục biên* [Trung Quốc] thì năm Nguyên Hựu thứ I (1086) đời Tống Triết Tông, Tư Mã Quang xin đặt mười khoa để kén nho sĩ.

(1) Nay thuộc xã Lâm Thao, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay là xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.
(3) Nay là thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
(4) Tục gọi làng Lủ, nay thuộc xã Đại Kim, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(5) Nay thuộc huyện Bình Giang, tỉnh Hưng Yên.

1. Có nết, có nghĩa một cách thuần tuý và vững vàng, đáng làm thầy, nêu gương mẫu.

2. Có tiết tháo, chân phương, ngay thẳng, có thể giữ việc dâng lời can ngăn.

3. Có mưu trí và sức khoẻ hơn người, có thể dùng làm tướng soái.

4. Thông minh, công bằng, ngay thẳng, có thể làm việc giám ty[1].

5. Tinh thông học thuật kinh sử, có thể dùng vào việc hầu vua giảng sách, đọc văn.

6. Học nhiều, biết rộng, có thể dùng làm cố vấn.

7. Văn chương vừa điển nhã, vừa đẹp đẽ, có thể làm việc trứ thuật.

8. Khéo xét xử hình ngục và kiện tụng, hết sức công bằng, tìm được sự thực.

9. Có tài về việc làm tài chính và phú thuế, khiến cho công và tư đều được tiện lợi.

10. Có kinh nghiệm, lão luyện về luật lệ và pháp lệnh, có thể xét đoán việc luận tội.

Mười điều trên đây đều được vua Tống ban chiếu nghe theo.

Lời phê - *Người Tống phần nhiều háo danh, không có sự thực. Sao lại bắt chước?*

Thu vét đồ đồng ở đền chùa các lộ để đúc tiền.

Kho tàng rỗng tuếch, không đủ tiếp tế đều đều mọi sự cần dùng cho việc quân. Các mỏ đồng ở thượng du lại bị thổ ty cản trở, thành thử không thu nộp được như trước. Hữu Chỉnh tâu xin thu vét hết tượng đồng ở đền chùa các lộ đem về kinh đô để đúc tiền "Chiêu Thống thông bảo". Chb. **XLVII**,5

(1) Một chức quan ở các lộ đời Tống : làm chuyển vận sứ kiêm giữ cả việc giám sát về tư pháp.

Tháng tư, mùa hạ. Nguyễn Văn Nhạc xưng đế[1] ở Quy Nhơn.

Nguyễn Văn Nhạc, sau khi từ Thăng Long về[2], tự xưng là hoàng đế, đóng ở Quy Nhơn, phong em là Văn Huệ làm Bắc bình vương, đóng ở Thuận Hoá, giữ từ Quảng Nam trở ra Bắc ; Văn Lữ làm Đông định vương, giữ Gia Định.

Lời chua – *Quy Nhơn* : Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 36. (Chb. XLIV, 24)

Thuận Hoá : Xem Lê Thánh Tông, năm Quang Thuận thứ 10. (Chb. XXI, 17, 23, 24)

Gia Định : Đất Thuỷ Chân Lạp xưa.

Nguyễn Văn Huệ sai tướng là Vũ Văn Nhậm đóng giữ Nghệ An.

Trước kia, Văn Nhạc về Nam, để tướng là Nguyễn Duệ ở lại trấn giữ Nghệ An. Kịp khi Văn Huệ có hiềm khích với Văn Nhạc, dùng binh lực đánh lẫn nhau, Duệ tự cho mình là tướng cũ của Văn Nhạc, e bị Văn Huệ làm hại, nên ngầm câu kết với cựu tham nghị Nguyễn Đình Viện, sai lén tư thông với Hữu Chỉnh, hẹn cùng nhau chung sức để đánh Văn Huệ, sau khi công việc xong xuôi, sẽ giao trả Nghệ An (cho Hữu Chỉnh), mãi mãi kết tình láng giềng thân thiện với nhau. Chb. **XLVII**,6

Đình Viện đến cửa cung khuyết, nói ý đó với Hữu Chỉnh. Hữu Chỉnh chần chừ không trả lời.

Duệ sợ mưu ấy tiết lộ, bèn dặn Đình Viện đóng giữ Nghệ An, còn mình thì đi đường tắt trốn về với Văn Nhạc.

(1) Nguyễn Văn Nhạc xưng vương, đặt niên hiệu là Thái Đức từ năm 1778, đến năm 1787 này mới xưng là Hoàng đế.

(2) Văn Nhạc ra Thăng Long năm Bính Ngọ (1786), đem Văn Huệ cùng về Nam (xem Chb. XLV, 27, 29).

Nguyễn Thuyên, bộ tướng của Duệ, ở Sa Nam, không theo Duệ, trở đánh Đình Viện. Viện cô thế, cùng các con là Ngọc Liễn, Ngọc Triệu, Ngọc Chấn và rể là Thiều Tôn Hiệp đều chiến đấu mà chết.

Văn Huệ thôi vây Văn Nhạc, rồi từ Quy Nhơn kéo quân về, sai người vời Hữu Chỉnh, nhưng Chỉnh từ chối không đến, lấy cớ rằng bốn trấn chưa yên. Văn Huệ cả giận, sai Vũ Văn Nhậm tiết chế các quân thuỷ và bộ, kéo ra đóng giữ Nghệ An : mộ binh lính, thu lương thực để tính việc lấy Bắc Hà.

Lời chua - *Nguyễn Đình Viện* : Người Mỹ Dụ, huyện Hưng Nguyên(1) đỗ hương cống.

Nguyễn Ngọc Liên : Đỗ hương cống, con Nguyễn Đình Viện.

Sa Nam : Tên xã, thuộc huyện Nam Đường(2), tỉnh Nghệ An.

Sai bọn hoàng thân đại tông chánh Duy Hiên, đồng bình chương sự Trần Công Xán và Hộ khoa cấp sự trung Ngô Nho đi sứ Tây Sơn.

Trước kia, Văn Huệ và Văn Nhạc dấy quân đánh nhau, nhà vua muốn nhân kẽ hở đó, thu phục lấy Nghệ An. Hữu Chỉnh vì cớ vợ con đều bị Văn Huệ giữ lại, nên chuyển ý chủ hoà. Nhà vua bèn sai sứ đem thư vào nói với Văn Huệ : Nghệ An là đất căn bản của sự nghiệp trung hưng, phần nhiều tướng mạnh binh ròng đều ra từ đó. Nếu một sớm bỗng gạt ra ngoài mà bỏ đi thì cố nhiên là điều không nỡ làm. Vậy nên yêu cầu Văn Huệ trả lại đất Nghệ An ấy. Triều đình bàn việc lựa người làm sứ giả, nhưng khó có ai. Chb. **XLVII**,7

Trần Công Xán, trước kia, là thầy học của Chỉnh. Khi Văn Huệ đến Thăng Long, Chỉnh đã dẫn Công Xán đến yết kiến,

(1) Thuộc tỉnh Nghệ An.
(2) Nam Đường sau đổi Nam Đàn.

khi nói chuyện, được Văn Huệ rất vừa ý. Đến đây, Công Xán cương quyết xin đi. Ngô Nho được cử đi cùng. Khi đến nơi, Văn Huệ xem thư, cả giận, hỏi đi vặn lại mãi, cuối cùng Công Xán vẫn không chịu khuất. Văn Huệ bèn giam bọn Duy Hiên và Công Xán vào ngục, sau đó ra lệnh cho trầm hà rồi báo cáo là khi sứ bộ quay về, thuyền đắm, chết đuối.

Lời chua – *Duy Hiên* : Con thứ sáu của Lê Ý Tông và là ông chú (tụng tổ thúc) của nhà vua.

Ngô Nho : Người Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên[1], đỗ tiến sĩ khoa Ất Tỵ (1785) niên hiệu Cảnh Hưng.

Mồng 1, tháng 5. Nhật thực. Ban ngày sầm tối lại.

Chiều hôm ấy, có nhật thực, đang ban ngày mà sầm tối lại, tinh tú xuất hiện.

Dương Trọng Khiêm bị giết.

Trước kia, Trọng Khiêm từ Bình Vọng chạy đi Lạc Đạo, cùng với cháu là Dương Vân và môn sinh là Nguyễn Mậu Nễ mộ quân ở Gia Lâm, đắp luỹ từ Như Kinh đến Phú Thị, chia quân đóng giữ. Trọng Khiêm lại truyền hịch đi các huyện hẹn nhau cùng khôi phục cơ nghiệp chúa Trịnh. Hữu Chỉnh sai tướng là bọn Hoàng Viết Tuyển đi đánh. Viết Tuyển lùa quân rầm rộ tiến lên, bốn mặt cùng bắn vào quân Trọng Khiêm. Bị bại trận, Trọng Khiêm đang đêm lẩn trốn, bị dân xã Ngọc Xá ở ấp bên cạnh bắt được, giải đến kinh đô. Nhà vua hạ chiếu kể tội Trọng Khiêm, đại lược nói : "Làm tôi mà phản vua, thì suốt vòng trời đất không đâu dong tha được ; tội danh nó là giặc, thì người trong nước ai cũng có quyền giết đi". Rồi sai bắt Trọng Khiêm làm tù binh đem dâng ở nhà thái học, giết chết.

Chb. **XLVII**,8

(1) Nay thuộc Hà Tây.

Lời chua - *Lạc Đạo, Như Kinh, Phú Thị* : Đều là tên xã, thuộc huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh[1].

Ngọc Xá : Tên xã, nay đổi Yên Xá, thuộc huyện Cẩm Giàng[2].

Tháng 7, mùa thu. Tôn miếu hiệu vua Hiển Tông.

Tôn đặt tên thuỵ hoàng tổ khảo[3] là Vĩnh hoàng đế, miếu hiệu là Hiển Tông. Có người nói : nên đợi đến lúc đem thờ vào thái miếu, bấy giờ hãy đặt miếu hiệu. Phan Lê Phiên nói : "Việc nước bây giờ chưa biết còn sẽ chuyển biến ra sao. Chính nhằm lúc này nên hãy cứ đặt miếu hiệu tiên đế cho được ổn định đi thôi". Do đấy sự bàn đặt miếu hiệu mới được quyết định, tâu xin nhà vua đứng làm.

Lời phê - *Lời (của Phan Lê Phiên) rất đau đớn tha thiết !*

Tháng Tám. Nguyễn Hữu Chỉnh đánh nhau với Hoàng Phùng Cơ ở xã Đại Phùng : bắt được Phùng Cơ, giết chết.

Phùng Cơ ở Sơn Tây, mưu toan cất quân vào bảo vệ kinh thành, bèn truyền hịch đi các lộ Quảng, Quốc, nêu rõ danh nghĩa dấy quân để giết Hữu Chỉnh. Chb. **XLVII**,9

Hữu Chỉnh sai tướng là Nguyễn Duật đón đánh ở xã Đại Phùng, còn mình thì quản đốc đại quân đi tiếp chiến. Phùng Cơ giao phong với Nguyễn Duật. Duật kéo quân rút lui. Con Phùng Cơ, là Gia, khuyên Phùng Cơ nên nhân đà thắng lợi, ruổi thẳng đến kinh thành ; nhưng Phùng Cơ không nghe, nói : "Việc bắt Hữu Chỉnh, ta coi cũng như bắt một con nít thôi. Hãy tạm nghỉ, rồi đuổi cũng chưa muộn nào". Duật chạy được nửa đường, ngoái nhìn không thấy quân Phùng Cơ đuổi theo, liền thu quân, dàn thành trận thế mà tiến lên trước. Quân Phùng Cơ đương ăn, không kịp trở tay,

(1) Lạc Đạo, Như Kinh : nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên.
Phú Thị : nay thuộc xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(2) Thuộc tỉnh Hải Dương.
(3) Hiển Tông là ông nội đã qua đời của Lê Chiêu Thống, nên gọi là "hoàng tổ khảo".

đã tan chạy. Phùng Cơ cùng với con trai, trơ trọi trên mình voi, cố sức chiến đấu, bị quân của Duật bao vây khắp bốn mặt. Hữu Chỉnh lại ập đến, phất cờ thúc quân Thiết đột bắn tập trung vào Phùng Cơ. Từ trên bành voi nhào xuống, Phùng Cơ bị bắt và điệu về kinh đô. Khi sắp đem chém, nhà vua cho rằng Phùng Cơ, trước kia, có công đánh lui Mậu Nễ, nên cho Phùng Cơ được uống thuốc độc chết.

Lời phê – *Hoàng Phùng Cơ cũng là đồ tráo trở đó thôi, sao gọi là danh tướng*(1) *được?*

Lời chua – *Nguyễn Duật* : Người Nộn Liễu(2), huyện Nam Đường.

Đại Phùng(3) : Tên xã, thuộc huyện Đan Phượng.

Quảng : Tức phủ Quảng Oai. Xem Lý Huệ Tông, năm Kiến Gia thứ 8. (Chb. V, 38, 39).

Quốc : Tức phủ Quốc Oai. Xem Trần Dụ Tông, năm Đại Trị thứ 5. (Chb. X, 16).

Sai hoàng đệ là Duy Trù đánh Trịnh Bồng ở Đông Quan : Bồng chạy trốn.

Trước đây, Bồng chạy đi Quế Ổ, cùng với bọn cựu tướng Nguyễn Trọng Mại là chỗ ngoại thích, chia đồn cố giữ. Lại sai thuộc tướng là Đắc Vũ (không rõ họ) giữ luỹ Đông Hồ để làm bình phong che đỡ. Chb. XLVII,10

Hữu Chỉnh sai bọn Nguyễn Như Thái đi đánh : Bồng bị thua, chạy đi Hải Dương. Đinh Tích Nhưỡng đưa Bồng lên làm bung xung, lại mộ quân ở miền ven biển như Hoa Phong, Vân Đồn và Đồ Sơn, được đến vài vạn người và hơn trăm chiếc thuyền, tiến đóng ở Bác Trạch thuộc Sơn Nam.

Trước kia, tình thế Trịnh Bồng ngày một cùng quẫn, có gửi thư cho bình chương Trương Đăng Quỹ : xin đến cửa

(1) Tự Đức có ý nhắc lại để mỉa mai ở chỗ trên chép Hoàng Phùng Cơ là "danh tướng" (Xem Chb. XXXVIII, 40).
(2) Nay thuộc xã Nam Anh và xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(3) Nay là thôn Đại Phùng, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây.

cung khuyết để tạ tội. Đăng Quỹ đưa ý đó tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Đăng Quỹ làm đạo nghinh sứ để đi đón Bồng. Bấy giờ Lân Dương hầu Phạm Đình Thiện cũng mưu tính đón Bồng để hiệu triệu hào mục, dấy quân đánh Hữu Chỉnh : thuyền bè san sát, ngược dòng sông tiến lên. Đăng Quỹ không đi đón được, phải quay về. Bồng lại sai người bí mật đem thư vào kinh đô, dặn bầy tôi cũ là Bùi Nhuận làm nội ứng. Việc này lộ liễu. Hữu Chỉnh tâu xin nhà vua cho giết Nhuận và sai Hoàng Viết Tuyển, trấn thủ Sơn Nam, đem nhiều quân và thuyền chiến đi đánh.

Khi Viết Tuyển kéo đến sông Ngô Đồng, thì Đình Thiện và Tích Nhưỡng đem các thuyền biển ra nghênh chiến. Gặp bấy giờ có gió đông nam thổi lộng, bọn Đình Thiện đổ bộ, muốn nhân chiều gió xuôi để giao chiến, nhưng quân lính đều ô hợp, không có tinh thần chiến đấu. Khi đã lên cạn, quân lính tranh cướp lấy đường mà chạy, do đó quân đều tan vỡ. Viết Tuyển nhân đó đánh bại được địch ; Tích Nhưỡng chỉ chạy được thoát thân.

Đình Thiện đem Bồng chạy đi Đông Quan. Hào mục ở đó là Trần Mạnh Khuông họp quân lại để tiếp ứng Bồng, rồi đem Bồng vào đóng đồn ở Bái Hạ, đắp luỹ, đào hào, làm kế liều chết cố giữ. Bọn Viết Tuyển đi đánh vài tháng không hạ được. Tình thế trong quân Viết Tuyển hơi nao núng. Chb. XLVII,11

Đến đây, nhà vua bàn với Hữu Chỉnh : "Nay ta diệt trừ nạn lớn, dẹp yên được cả những bọn tiếm loạn, riêng còn Mạnh Khuông chiếm giữ thành luỹ trơ trọi để làm ngang ngạnh. Các trấn tướng khác đều nhìn vào đó mà cân nhắc hơn kém đấy. Nếu chưa phá được huyện Đông Quan thì không lấy gì để khống chế và thu phục được thiên hạ".

Nhà vua bèn sai hoàng đệ Duy Trù đem thân quân cấm vệ đi đốc chiến và dùng nội hàn Bùi Dương Lịch làm tham tán việc quân.

Bọn Viết Tuyển hay tin Duy Trù sắp đến, e công lao sẽ không về mình, bèn cùng Nguyễn Như Thái hợp quân đánh kẹp lại. Bọn Viết Tuyển trèo luỹ kéo lên : Mạnh Khuông phải chạy đi Tứ Kỳ. Viết Tuyển tung quân ra đốt và cướp, làm cho một dải ven sông huyện Đông Quan trở thành đất trọc.

Bồng chạy đi Yên Quảng, rồi nhờ đậu ở Lạng Sơn. Bị thổ dân xua đuổi, Bồng trốn về Hữu Lũng, sau không rõ chung cục ra sao.

Lời chua - *Nguyễn Trọng Mại* : Người Quế Ổ, huyện Quế Dương[1], là dòng dõi Nguyễn Trọng Thân.

Phạm Đình Thiện : Người Bắc Trạch, huyện Chân Định, là dòng dõi Phạm Đình Sĩ ; về sau, theo nhà vua chạy sang Thanh, ở lại Yên Kinh[2] 18 năm mới về, rồi bị bệnh, chết ở nhà.

Mạnh Khuông : Người Đông Quan, huyện Đông Quan[3].

Nguyễn Như Thái : Người Thượng Xá, huyện Chân Lộc[4], là con cháu sau của Cương quốc công Nguyễn Xí.

Quế Ổ [5]: Tên xã, thuộc huyện Quế Dương, tỉnh Bắc Ninh. Chb. **XLVII**,12

Đông Hồ[6] : Tên xã, thuộc huyện Siêu Loại, tỉnh Bắc Ninh.

Sông Ngô Đồng : Ở xã Ngô Đồng, huyện Đông Quan.

Tổng Vân Đồn : Thuộc huyện Nghiêu Phong[7].

Ấp Bái Hạ : Thuộc huyện Thanh Quan[8].

---

(1) Nay huyện Quế Dương hợp nhất huyện Võ Giàng thành huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.
(3) Nay là xã Đông Quang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(4) Nay là xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
(5) Nay là thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, BắcNinh .
(6) Nay là thôn Đông Hồ, xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
(7) Nay thuộc huyện Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
(8) Nay là một phần huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Hoa Phong : Tức Nghiêu Phong[1], tên huyện, thuộc phủ Sơn Định.

Đông Quan [2] : Tên huyện, thuộc phủ Thái Bình.

Hữu Lũng[3] : Tức Cổ Lũng, tên huyện. Xem Trần Thuận Tông, năm Quang Thái thứ 10. (Chb. XI, 31)

Tứ Kỳ : Tên huyện. Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19. (chb. XXX, 14)

Tháng 10, mùa đông. Lưu Tiệp, đốc trấn Cao Bằng, giết đốc đồng Nguyễn Hàn và tiêu diệt cả nhà Nguyễn Hàn.

Trước kia, Nguyễn Hàn nhận lãnh mật chỉ của nhà vua, chiêu dụ những người phiên mục ở trấn Cao Bằng. Lưu Tiệp lại vâng mệnh lệnh Trịnh Bồng, mộ sẵn quân lính, đợi để cử sự. Do đấy, trong một trấn chia làm hai đảng, coi nhau như thù địch. Tiệp ngầm sai kẻ phiên thuộc giả vờ làm phản, về bè với Nguyễn Hàn, còn mình thì đem binh chúng vây đánh doanh trại của Hàn. Hàn sai chạy ngựa trạm đem thư cấp báo với triều đình về những biến cố đã xảy. Tiệp cũng tâu trình rằng Nguyễn Hàn làm phản. Triều đình bàn xin nhà vua dùng xu viện[4] Nguyễn Đình Tố và Nguyễn Huy Túc lên thay quản lãnh sự vụ trong trấn, và gọi bọn Tiệp về triều. Nhưng khi Tố chưa đến trấn Cao Bằng thì Hàn đã bị Tiệp giết chết, cả nhà Hàn đều bị hại. Sau đó, Tiệp đến kinh đô, gặp lúc đang loạn, nên việc này bỏ qua, không xét hỏi đến. Chb. **XLVII**,13

Lời chua - *Lưu Tiệp* : người Nguyệt Áng[5], huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1772), niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Hàn : Người Phú Thị, thuộc Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779), niên hiệu Cảnh Hưng.

(1) Nay là huyện Cát Hải, T.P Hải Phòng.
(2) Nay là một phần huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
(3) Nay là Hữu Lũng thuộc tỉnh Lạng Sơn.
(4) Chức quan ở viện Xu mật.
(5) Nay là thôn Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Nguyễn Đình Tố : Là con Đình Bá, người xã Bình Dân[1], huyện Đông Yên. Đình Tố đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Sửu (1769), niên hiệu Cảnh Hưng.

Tháng 11. Vũ Văn Nhậm cướp Thanh Hoa. Nhà vua sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân đi chống cự ở sông Thanh Quyết. Quân Hữu Chỉnh tan vỡ, chạy.

Khi Văn Nhậm mới đến Nghệ An, mọi người bàn luận, cho rằng Văn Nhậm đem cánh cô quân vụt đến, ta nên gấp rút điều động số quân quan trọng, quyết đánh với Nhậm. Vả lại, cuộc thành hay bại là quan hệ ở một chuyến này. Ta đừng để cho địch lấy được Nghệ An rồi địch dựa vào đó mà mộ lấy quân lính, thu lấy lương thực, gây nuôi thế lực cho địch. Nguyễn Như Thái cũng cương quyết xin đi. Hữu Chỉnh lòng riêng vẫn sợ Văn Nhậm, lại vì vợ con hãy còn ở lại bên địch, nên muốn xuê xoa liệu chiều để đi đến chỗ nghị hoà, nhưng còn do dự, chưa quyết định.

Bấy giờ Văn Huệ lại sai tướng là bọn Ngô Văn Sở hiệp sức với Vũ Văn Nhậm cùng ra cướp Bắc Hà. Văn Nhậm khi qua Thổ Sơn, Nguyễn Duật, trấn thủ Thanh Hoa, không dám chiến đấu để chống cự, phải lui giữ sông Trinh Sơn. Văn Nhậm tiến quân đóng ở bờ phía nam : trước hết hãy sai Văn Sở đo đường sơn cước, lén qua sông Tất Mã, đánh úp phía sau quân của Duật : Duật bại trận, bị chết. Văn Nhậm thừa thắng, qua đèo Ba Dội, thẳng tiến đến bến đò Gián[2].

Hữu Chỉnh bèn ra hết quân tinh nhuệ ở bản đạo, lại điều bát hơn hai vạn quân ở các đạo khác, sai Nguyễn Như Thái làm tướng cai quản. Như Thái sai tướng khác giữ bến đò Gián, còn chính mình thì tự kéo đại quân đo đường tắt, đổ ra bến Nghệ, đánh úp vào phía sau giặc. Bấy giờ Như Thái gặp tướng giặc là Quỳnh (không rõ họ) ở

Chb. **XLVII**,14

(1) Nay là thôn Bình Dân, xã Tân Dân, huyện Châu Giang, tỉnh Hưng Yên.
(2) Hán văn là Gián khẩu độ. Nay thuộc Ninh Bình.

Điềm Xá, cùng nhau giao chiến, Như Thái bị đại bại, phải chạy đi Sơn Miêng, sau bị giặc bắt được, giết chết. Giặc bèn tiến đến sông Thanh Quyết.

Tin quân báo đến, kinh thành sợ hãi quá. Hữu Chỉnh vội vàng, bối rối, xin xuất quân để chống cự. Nhà vua ngự ở trong điện, trao cờ tiết mao và cây phủ việt cho Chỉnh và dụ bảo Chỉnh rằng : "Khanh đi chuyến này là quan hệ đến sự an nguy của xã tắc. Khanh gắng sớm lập được công lớn để yên ủi lòng trẫm". Hữu Chỉnh thưa : "Văn Nhậm không phải là tay địch thủ với thần. Thần chỉ xin đứng đốc chiến, sai một tì tướng đi hạ Văn Nhậm cũng đủ rồi".

Bấy giờ mới điều bát hết quân lính Thăng Long và tướng các đạo khác đều đặt thuộc quyền Nguyễn Hữu Chỉnh, tất cả hơn 30.000 người, đóng ở bờ bên bắc sông Thanh Quyết, đắp luỹ ven sông để làm kế cố thủ. Lại sai Hữu Du đem hơn 50 chiếc chiến thuyền chở hết các chiến cụ như đại pháo và hoả khí đỗ ở cửa sông đối diện với giặc chỉ cách một con sông. Hữu Du dựa vào ven bờ, đỗ thuyền, không hề phòng bị một chút nào cả. Quân giặc, ban đêm, ngầm bơi sang, dùng thừng chão dài buộc thuyền (của quân Hữu Du) kéo qua bờ phía nam : mọi người trong thuyền sợ hãi chực trốn, nhưng không biết xoay xở ra sao. Họ tranh nhau nhảy xuống nước để chạy trốn. Bao nhiêu đại pháo trong thuyền đều bị giặc tước được cả. Chb. **XLVII**,15

Hữu Chỉnh bàn với các tướng, lui giữ Châu Cầu (kiều). Nửa đêm, nổi trống thu quân. Các quân hoảng sợ một cách vô cớ, do đấy đổ vỡ tan tành, tranh nhau chạy trốn, giẫy đạp lẫn nhau. Khí giới nghi trượng quăng bỏ đầy đường. Hữu Chỉnh và Hữu Du chỉ kịp đem vài trăm quân chạy về Thăng Long.

Lời chua - *Sông Thanh Quyết* : Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47. (Chb. XLVI, 39)

Thổ Sơn : Thuộc xã Văn Trai, huyện Ngọc Sơn.

Sông Trinh Sơn : Ở địa phận xã Trinh Sơn, huyện Mỹ Hoá.

Sông Tất Mã : Phần sông tiếp giáp ba huyện Thuỵ Nguyên, An Định và Vĩnh Lộc. Những huyện trên đây đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

Đèo Ba Dội (Tam Điệp sơn) : ở chỗ giáp giới Thanh Hoá và Ninh Bình.

Bến Gián (gián khẩu độ) : ở địa phận xã Gián Khẩu.

Xã Điềm Xá : Thuộc huyện Gia Viễn.

Bến Nghệ : Ở trại Nghệ, xã Đại Hữu, huyện Gia Viễn. Những địa điểm trên đều thuộc tỉnh Ninh Bình.

Châu Cầu (kiều) : Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5. (Chb. XL, 1)

Tháng 12. Nhà vua chạy đi Kinh Bắc. Vũ Văn Nhậm vào giữ thành Thăng Long.

Tin quân Hữu Chỉnh tan vỡ vừa báo đến, thì nhà vua bàn muốn đi về phía tây : do đường thượng đạo rút vào Thanh Hoa, giữ lấy chỗ hiểm yếu để toan tính việc khôi phục.

Nửa đêm, Hữu Chỉnh từ Thanh Quyết về. Nhà vua sai vời đến mấy lần, nhưng Hữu Chỉnh không đến, chỉ bí mật uỷ thác cho tham tri chính sự Nguyễn Khuê vào tâu mời nhà vua đi sang Kinh Bắc và nói : "Nguyễn Cảnh Thước ở Kinh Bắc là người hùng mạnh và có mưu lược, đáng tin cậy, ta hãy giữ lấy Kinh Bắc làm thế thủ, vì tại đó có thành bền vững, có sông Cái ngăn cách. Rồi kịp kêu gọi lấy quân Cần vương thì có thể bắt thông khí mạch với các xứ : trên từ Thái Nguyên, Sơn Tây, dưới đến Hải Dương và Sơn Nam, chẳng bao lâu đại binh có thể tập hợp lại, rồi sau ta sẽ liệu thời cơ mà hành động, bấy giờ mới có thời kỳ hưng phục được". Nhà vua nghe theo. Chb. **XLVII**,16

Sớm hôm sau, nhà vua sai hoàng đệ Duy Trù hộ tống hoàng thái hậu, hoàng phi, nguyên tử[1] và cung tần đi trước. Khi sắp ra đi, nhà vua có đến nhà tẩm miếu, khóc, lạy. Bấy giờ các bầy tôi thị vệ đều lén tản đi. Nhà vua lo sợ, không biết tính chước ra sao. Thị thần Bùi Dương Lịch rảo bước đến trước, tâu rằng : "Hữu Chỉnh dẫu thua trận, vỡ quân, nhưng thủ hạ còn nhiều, người ta còn biết sợ. Vậy xin nhà vua truyền chỉ dụ, sang bên nhà Chỉnh, ép Chỉnh đi theo hộ giá, rồi lâm thời sẽ kêu gọi mọi người, chắc rằng còn chưa đến nỗi đơn chiếc trơ trọi". Nhà vua cho là phải. Dương Lịch lại sai người đứng ở sân rồng, lớn tiếng tuyên lời chỉ dụ ; thị vệ bấy giờ mới lại dần dần nhóm lại.

Nhà vua cùng bọn nội thần là Nguyễn Quốc Đống và Nguyễn Khải đi đến nhà Hữu Chỉnh. Chỉnh vội vàng khóc lạy, đón ngự giá, đặt chiếc giao ỷ ở chính gian giữa trong nhà. Nhà vua vào, dụ bảo Chỉnh đi theo hộ giá. Chỉnh nhân đó sai Hữu Du đi trước hầu xa giá. Giây lát, Chỉnh thu lượm được vài nghìn quân đã tan tác, hộ vệ nhà vua qua sông, sang Bắc. Chb. **XLVII**,17

Lúc chiều tà, giặc vào chiếm cứ thành (Thăng Long), tung quân cướp bóc thả cửa : thành thị phố xá hết sạch sành sanh.

Lời chua - *Nguyễn Quốc Đống* : Người xã Tỳ Bà, huyện Lang Tài[2], là anh của hoàng phi[3].

Nguyễn Khải : Người xã Hương Mặc, huyện Kỳ Anh[4].

Nguyễn Cảnh Thước, trấn thủ Kinh Bắc, làm phản. Nhà vua chạy đi Yên Dũng. Tri huyện Nguyễn Thảng và thổ hào Dương Đình Tuấn đem quân và dân đến hộ giá. Nhà vua bèn đi Yên Thế[5].

(1) Con cả của Lê Chiêu Thống.
(2) Nay là thôn Tỳ Bà, xã Phú Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(3) Tên là Nguyễn Thị Kim.
(4) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(5) Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

Nhà vua đến Kinh Bắc. Trấn thủ Nguyễn Cảnh Thước, trước đó, đã bí mật đầu hàng giặc ; đến nay, đóng cửa thành, cáo bệnh, không ra đón tiếp. Nhà vua và Hữu Chỉnh bối rối, vội qua đò sông Nguyệt Đức[1]. Đi theo nhà vua chỉ còn 6, 7 người văn thần là bọn Nguyễn Đình Giản, Phạm Đình Dữ, Chu Doãn Lệ, Trương Đăng Quý và Vũ Trinh mà thôi. Cảnh Thước tung thủ hạ ra chặn đường, cướp bóc những kẻ đi theo ngự giá. Chúng lại đuổi theo để tước áo bào nhà vua. Nhà vua rớt nước mắt, phải cởi ra, trao áo cho chúng. Khi nhà vua qua huyện Yên Dũng, Nguyễn Thảng, tri huyện huyện ấy, tuổi đã 60, đem binh chúng hộ giá, xin giữ sông Xương Giang làm căn cứ bền vững, lại xin giết Cảnh Thước và giữ lấy Kinh Bắc để toan tính công cuộc khôi phục. Nhà vua khen là hăng hái, phong Thảng làm Lại khoa cấp sự trung. Liền đó, sai hoàng đệ Duy Chi đem thị thần Lê Quýnh và tôn thất tất cả hơn 30 người rước thái hậu và nguyên tử đi Cao Bằng, vẫn cứ nắm quyền thống trị hai trấn Cao Bằng và Thái Nguyên, tụ tập vỗ về các phiên thần để thúc đẩy họ cố gắng trổ sức làm việc cần vương. Chb.**XLVII**,18

Nhà vua tiến đóng Yên Thế. Dương Đình Tuấn, thổ hào Mục Sơn, đem quân và dân đi lạy đón nhà vua ở bên đường. Trước kia, Đình Tuấn là tay hào phú, nổi lên làm trùm sỏ một lộ Lạng Giang ; những kẻ trốn tránh đều dựa vào Đình Tuấn và lấy đó làm tổ ẩn núp. Triều đình bỏ qua, không xét hỏi. Đến đây, có chiếu chỉ cần vương, Đình Tuấn lấy làm cảm kích, vâng mệnh lệnh đến trước để bảo vệ, được nhà vua đặc cách phong là Bình khấu tướng quân để khen thưởng.

Lời chua – *Chu Doãn Lệ* : Người làng Dục Tú[2], huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778) niên hiện Cảnh Hưng.

---

(1) Tức sông Cà Lồ.

(2) Nay là thôn Dục Tú, xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Nguyễn Thảng : Người làng Gia Thuỵ[1], huyện Gia Lâm, đỗ hương cống.

Lê Quýnh : Người làng Đại Mão[2], huyện Siêu Loại , là con Lê Doãn Giản, sau theo Mẫn Đế chạy sang nhà Thanh 18 năm, Quýnh giữ được nguyên vẹn đầu tóc mà về nước, rồi chết ở nhà.

Dương Đình Tuấn : Người làng Dương Lâm[3], huyện Yên Thế, nhiều lần cự chiến với giặc Tây Sơn, sau nhân bị bệnh, chết.

Nguyễn Cảnh Thước : Người Đô Lương, huyện Nam Đường[4], là dòng dõi Tấn Quốc công Nguyễn Cảnh Mô.

Sông Nguyệt Đức [5]: Ở giữa hai huyện Vũ Giàng và Việt Yên. Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 6. (Chb. XXXVI, 21, 22).

Xương Giang : Có tên nữa là sông Thọ Xương hoặc sông Nhật Đức, ở giữa hai huyện Yên Dũng và Bảo Lộc, dưới thông với sông Bạch Đằng rồi đổ ra biển. Chb. **XLVII**,19

Lạng Giang : Tức châu Lạng Giang xưa. Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11. (Chb. I, 14)

Yên Dũng, Yên Thế : Tên hai huyện, đều thuộc tỉnh Bắc[6].

Mục Sơn [7]: Tên xã, thuộc huyện Yên Thế.

Giặc xâm phạm xã Mục Sơn. Nhà vua tự cầm quân để chống cự lại, nhưng bị thua. Nguyễn Hữu Chỉnh bị giặc bắt và giết chết.

Nhà vua đóng ở Mục Sơn. Nguyễn Văn Hoà, bộ tướng của giặc, đuổi kịp. Nhà vua, để cổ võ các tướng sĩ, thân chinh cầm quân, ra cự chiến. Nhưng rồi theo lời các bầy tôi can ngăn, nhà vua kìm ngựa đứng ở sau mặt trận, sai Bùi Dương Lịch và Nguyễn Thảng tiến lên trước để đốc chiến. Dương Đình Tuấn

(1) Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(2) Nay là thôn Đại Mão, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
(3) Nay là thôn Dương Lâm, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
(4) Nay thuộc tỉnh Nghệ An.
(5) Sông Cà Lồ.
(6) Nay hai huyện này đều thuộc tỉnh Bắc Giang.
(7) Nay là thôn Mục Sơn, xã Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

giữ ở bên tả núi, Nguyễn Hữu Chỉnh giữ ở bên hữu núi, quân giặc dàn trận tại cánh đồng ở giữa. Đình Tuấn xuống núi để xung kích. Văn Hoà bí mật chia một toán quân cho đi vòng ra phía sau núi, đánh úp : quân Hữu Chỉnh rối loạn, tự tan vỡ ; Đình Tuấn thua chạy, hai con (không rõ tên) của Đình Tuấn đều chết ở trận. Hữu Du cố sức chiến đấu, giết được hơn mươi người rồi chết tại trận. Thị sư[1] Nguyễn Khuê cũng chết ở trong vòng loạn quân. Hữu Chỉnh thua chạy, bị giặc bắt được vì ngựa què. Đình Tuấn thu lượm các quân còn sót lại, hộ vệ nhà vua chạy đi sơn trại Bảo Lộc. Các bầy tôi khác đều tan tác, không biết nhà vua ở đâu.

Văn Hoà điệu Hữu Chỉnh về Thăng Long. Văn Nhậm kể tội Hữu Chỉnh là kẻ bất trung, sai xé xác Hữu Chỉnh ở cửa thành để rao cho mọi người biết. Chb. **XLVII**,20

Lời phê – *Hữu Chỉnh chết theo nạn nước, còn hơn các người họ Trịnh nhiều lắm.*

Nguyễn Viết Khang đánh bại quân giặc ở Lục Giang, rồi tiến vây tướng giặc tên là Quỳnh ở Hiến Doanh, nhưng không hạ được. Sau đó, Viết Khang rút quân về Vị Hoàng.

Sau khi Hữu Chỉnh đã thua, thuộc tướng là Hoàng Viết Tuyển vì có vợ con đều để làm con tin ở nơi giặc, nên cứ đóng quân yên một chỗ, không nhúc nhích, định tâm đợi Văn Huệ đến, sẽ xin đầu hàng.

Nguyễn Viết Khang, trấn thủ Yên Quảng, được tin Thăng Long thất thủ, bèn đem chu sư đến Sơn Nam hội với Viết Tuyển, tôn Viết Tuyển làm thống soái, họp quân lại để đánh giặc. Viết Tuyển chần chừ, không quả quyết. Viết Khang rút gươm, gào khóc, nói : "Kinh thành thì thất thủ, vua cha thì lặn lội trong đám bụi trần : ấy là lỗi ai ? Hiện nay, dưới quyền

(1) Một chức võ quan có nhiệm vụ trông coi quân lính đánh trận.

tướng quân, những người bộ hạ đều có lòng hăng hái, vậy không đánh còn đợi gì?" Tướng tá của Viết Tuyển cũng hầm hầm trừng mắt nhìn. Bất đắc dĩ, Viết Tuyển bèn cùng Viết Khang kéo quân từ Vị Hoàng đến cửa Luộc (Lục Giang).

Bấy giờ, tướng giặc, tên là Quỳnh, đóng giữ Hiến Doanh, được tin bọn Viết Tuyển sắp kéo đến, bèn đem cả hơn 200 chiếc vừa chiến thuyền vừa thương thuyền đã tước được, lùa hết bộ binh xuống thuyền để nghênh chiến. Bọn Viết Tuyển chia thuyền biển làm mười hàng, đầu thuyền đặt khẩu pháo lớn luân chuyển lần lượt cùng bắn ra, phá hoại luôn được hơn mười chiếc thuyền địch. Giặc cố sức đánh, không chịu lui. Viết Khang nhân chiều gió thuận, buồm giương căng, thẳng xông sang phía thuyền địch. Thuyền địch nhỏ, đều chìm đắm, quân địch đổ vỡ tan tành, bỏ hết thuyền bè và khí giới, nhào xuống nước lẩn trốn. Quỳnh chỉ kịp chạy được thoát thân, chạy về Hiến Doanh, đóng cửa luỹ, cố thủ. Chb. **XLVII**,21

Bọn Viết Tuyển chia quân ra đánh. Thanh thế quân sĩ rất lừng lẫy. Ở Sơn Nam nhiều hào kiệt đều hưởng ứng và dân chúng đều cung đốn tiền của, lương thực để giúp vào việc quân.

Văn Nhậm được tin Quỳnh thua, kéo đại binh ở Thăng Long đến cứu viện, đắp thêm luỹ ở đê sông Nhị, hồ Bán Nguyệt, vạn[1] Xích đằng để phòng thủ. Viết Tuyển vây đánh mãi không hạ được.

Có người khuyên Viết Tuyển : "Giặc từ sau khi thua trận ở sông Luộc (Lục Giang), thuyền bè mất sạch ; chúng ta riêng nắm được thế thuận lợi ở trong sông lớn. Bây giờ, chi bằng ta để một tướng ở lại đây để kìm chân giặc Quỳnh khiến chính hắn phải tự lo lấy việc phòng thủ. Còn tướng quân thì thân

(1) Làng dân chài ở nơi sông nước.

hành đem đại đội chu sư, tiến lên chiếm giữ bờ phía Bắc bên thành Thăng Long, cắt lấy nửa đất trung nguyên. Như thế thì các hào kiệt vùng đông bắc tự nhiên đều hưởng ứng, đất đai trong mấy trấn có thể không đánh mà bình định được. Bấy giờ mới đón rước thiên tử[1], kiến lập triều đình, có thể làm xong việc lớn. Nếu tướng quân chỉ ngồi giữ Sơn Nam, đánh vào chỗ chắc của địch, uổng phí ngày giờ, làm hao sức quân, tốn kém tiền của : thế là tự mình thắt bó sức mình lại, chứ không phải là kế hay đâu".

Viết Tuyển không cho những lời nói đó là phải, lại tăng thêm quân để đánh Quỳnh. Quỳnh đóng cửa luỹ, cố thủ. Đánh đến vài tháng, Viết Tuyển không hạ được. Chb. **XLVII**,22

Gặp bấy giờ Văn Nhậm sai một tướng khác từ Thăng Long, do đường bộ Châu Cầu đi tắt xuống Vị Hoàng để vây vòng lấy phía sau Viết Tuyển. Lại sai Chiêu viễn tướng quân Nguyễn Dũng đem quân từ Hải Dương đánh chiếm lấy các phủ Thái Bình, Tiên Hưng. Viết Tuyển sợ rằng một khi đường bộ nếu mất vào tay địch, thì thủy quân khó lòng giữ vững một mình. Viết Tuyển bèn rút quân về Vị Hoàng, cầm cự với địch.

Lời chua - *Nguyễn Viết Khang* : Người Phúc Thọ[2], huyện Chân Lộc.

Nguyễn Dũng : Người Đan Giáp, huyện Thanh Miện[3].

Sông Luộc (Lục Giang) : Xem năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 19).

Hiến Doanh : Xem Lê Ý Tông năm Vĩnh Hựu[4] thứ 6 (Chb. XXXLVIII, 39).

---

(1) Chỉ Lê Chiêu Thống.
(2) Nay là xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.
(3) Nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
(4) *Cương mục* in lầm là Vĩnh Trị.

Đê sông Nhị, hồ Bán nguyệt, vạn Xích đằng : Đều ở huyện Kim Động thuộc tỉnh Hưng Yên.

Vị Hoàng : Xem Lê Dụ Tông, năm Bảo Thái thứ 10 (Chb. XXXVII, 9).

Mậu Thân, năm thứ 2 (1788). (Thanh, năm Càn Long thứ 53).

Tháng giêng, mùa xuân. Nhà vua ở huyện Gia Định.

Nhà vua từ sau trận thua ở Mục Sơn, lẩn quất đóng ở sơn trại Bảo Lộc. Dương Đình Tuấn đem binh chúng đi theo hộ giá, lại lùa dân phu Yên Dũng giữ sông Nguyệt Đức(1). Vũ Văn Nhậm tiến quân đi đánh và phá tan được, bắt được em Đình Tuấn, là Lung, nhưng không giết, sai đem thư đi chiêu dụ Đình Tuấn. "Tự hoàng(2) là do nhà ta(3) lập lên, nay bị Hữu Chỉnh đem đi cùng chạy. Tự hoàng bèn sinh lòng ngờ vực mê man mà không biết quay lại. Nếu bây giờ Tự hoàng biết ăn năn, quay lại trước, thì còn có thể chữa lại lối cũ ; bằng chẳng thế, ta sẽ kiếm một người khác làm giám quốc, đứng chủ việc thờ cúng, thì Tự hoàng không còn có ngày quay xa giá về được nữa và các người cũng sẽ như cây rừng mắc vạ lây(4) đấy". Văn Nhậm lại trách cứ Đình Tuấn phải đem nhà vua nộp cho mình. Chb. **XLVII**,23

Biết được việc này, nhà vua sợ Đình Tuấn nhị tâm, bèn sai bọn Phạm Đình Dữ và Trương Đăng Quỹ ai nấy trở về quê mình chiêu mộ binh lính còn nhà vua thì cùng Nguyễn Đình Giản lén đi huyện Gia Định. Bấy giờ chỉ có Nội hàn viện là bọn Vũ Trinh, Ngô Chí và Trần Danh Án mấy người đi theo ngự giá mà thôi.

(1) Sông Cà Lồ.
(2) Chỉ Lê Chiêu Thống.
(3) Chỉ nhà Tây Sơn.
(4) Nguyên văn là "diên lâm chi hoạ", do chữ trong sử *Nam Bắc triều* : "Sở quốc vong viên, hoạ diên lâm mộc", nghĩa là nước Sở mất vượn, vạ lây đến cây trong rừng. Đây ý nói nếu Đình Tuấn để Chiêu Thống trốn mất thì sẽ bị tai vạ hình phạt nguy đến thân !

Lời chua - *Ngô Chí* : Con Ngô (Thì) Sĩ, người Tả Thanh Oai[1], huyện Thanh Oai.

Trần Danh Án : Người Bảo Triện[2], huyện Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787), niên hiệu Chiêu Thống.

Gia Định[3] : Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

Bảo Lộc [4]: Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 9[5] (Chb. XL, 29).

Yên Dũng : Xem Lê Chiêu Thống năm thứ 1 (Chb. XLVII, 19).

Tháng 2. Nhà vua đi Chí Linh. Thổ hào các xứ đông bắc là bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú dấy quân cần vương.

Bấy giờ nhà vua ở huyện Gia Định, rồi lại dời xa giá đi Chí Linh. Các thổ hào ở các đạo đông bắc, như bọn Trần Quang Châu ở Gia Định, Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú ở Chí Linh, Vũ Dung ở Tứ Kỳ, Nguyễn Thế Hiến và Nguyễn Hữu Tế ở Thanh Hà cùng với Vũ Trí Hanh ở Phượng Nhãn đều đem nghĩa binh đón tiếp ngự giá đóng ở Thanh Hà, chia đồn đóng quân để phòng thủ. Nhà vua sai Vũ Chiêu làm tuyên dụ sứ đi vỗ về, yên ủi họ. Chb. **XLVII**,24

Giặc đánh Thanh Hà, lại chia quân đánh Gia Định và Phượng Nhãn để cắt đứt đường viện trợ của Quang Châu và Trí Hanh. Thế Hiến và Trí Hanh cố sức chiến đấu, đều chết trận.

Giặc vây huyện Gia Định, Quang Châu đem quân cảm tử xông ra đánh, cả phá được địch. Giặc sợ, phải rút, nhưng còn chia quân đóng giữ Phao Sơn ; mặt khác lại điều động quân

(1) Nay là xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(2) Nay thuộc xã Nhân Thắng, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(3) Nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Giang.
(4) Nay là huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
(5) *Cương mục* in lầm là năm thứ 10.

thuỷ từ sông Lục Đầu đổ xuống, nương tựa lẫn nhau với quân trên bộ để làm cái chước quyết định đánh được. Xuân Tú nhân ban đêm, đem vài chục chiếc thuyền chài chở đồ dẫn hoả, lén đến gần quân giặc, vừa đánh trống vừa hò reo, phóng hoả : quân giặc hoảng sợ, chạy tán loạn.

Các đạo nghĩa binh bấy giờ chỉ có Quang Châu được kể là đánh khoẻ hơn cả. Nhà vua thường khen Quang Châu rằng : "Hăng hái thay, thực xứng đáng là ông tướng". Nhân đó, ban tước cho Quang Châu là Định vũ hầu.

Lời chua - *Trần Quang Châu* : Người Phù Than(1), huyện Gia Bình, sau đánh nhau với giặc Tây Sơn, bị bắt, không chịu khuất phục, chết. Năm Gia Long thứ 1 (1802) lục dụng con của Quang Châu làm hạng viên tử.

Hoàng Xuân Tú : Người Kiệt Đặc, huyện Chí Linh(2), đỗ hương cống, khoảng niên Gia Long (1802-1819), làm đến tham hiệp Kinh Bắc.

Trần Đỉnh : Người Điền Trì, huyện Chí Linh, là con Trần Tiến. Chb. **XLVII**,25

Nguyễn Thế Hiến : Người Cập Thượng, huyện Thanh Hà(3).

Nguyễn Hữu Tế : Người Tiền Liệt, huyện Thanh Hà.

Vũ Trí Hanh : Người Đan Hội(4), huyện Phượng Nhãn.

Vũ Chiêu : Con Vũ Miên.

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb.VII, 28).

Tứ Kỳ, Thanh Hà : Đều xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 19 (Chb. XXX, 14).

Gia Định : Tên huyện, tức Gia Bình. Xem Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (Chb. III, 34).

---

(1) Nay là thôn Phù Than, xã Cao Đức, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Tỉnh Hải Dương.
(3) Nay thuộc tỉnh Hải Dương.
(4) Nay là thôn Đan Hội, xã Đan Hội, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Phượng Nhãn : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Phao Sơn : Tên xã, thuộc Chí Linh. Xem Lê Ý Tông, năm Vĩnh Hựu thứ 6 (Chb. XXXVIII, 36).

Sông Lục Đầu : Có tên nữa là sông Bình Than, ở huyện Chí Linh thuộc Hải Dương chỗ giáp giới với các huyện Phượng Nhãn, Yên Dũng[1], Quế Dương và Gia Bình thuộc Bắc Ninh.

Hoàng thân Duy Trọng và Duy Phác dấy quân ở Thanh Hoa.

Bọn Duy Trọng về Thanh Hoa, dấy binh, được phiên tù[2] là quận Bằng (không rõ tên, họ) và thổ hào là Nhâm Vũ (không rõ họ) đều hưởng ứng. Tên Tương (không rõ họ), đô đốc giặc, đem quân đến bao vây và bức bách. Trọng giao chiến và chém được Tương, rồi sai sứ giả đi đường tắt đến chỗ hành tại[3] để báo nhà vua biết tin thắng trận.

Lời chua - *Duy Trọng và Duy Phác* : Đều là con Lê Ý Tông, sau không biết chung cục ra sao.

Đinh Tích Nhưỡng làm phản, đem quân bức bách ngự giá. Nghĩa dân là bọn Trần Đĩnh và Hoàng Xuân Tú đánh phá được Tích Nhưỡng. Chb. XLVII,26

Trước kia, Tích Nhưỡng theo Trịnh Bồng nổi loạn, từ sau trận thua ở Ngô Đồng, trốn về Đông Triều. Đến đây, được tin nhà vua ở Chí Linh, Tích Nhưỡng bèn sai đồ đảng là Trần Liên đầu hàng giặc, đưa giặc đến bao vây và bức bách nhà vua ở hành tại, định mưu bắt cóc ngự giá. Nhà vua xuống chiếu ôn tồn dụ bảo, nhưng chúng không chịu lui, cứ vây và đánh đến hơn một tháng. Nghĩa dân Hải Dương là Trần Đĩnh và Hoàng

(1) Phượng Nhãn và Yên Dũng nay thuộc Bắc Giang.
(2) Tù trưởng ở biên giới.
(3) Nơi nhà vua ở khi đi tuần du (theo ý nghĩa trang trọng lúc bình thì). Thực tế ở đây thì là ở chỗ lánh nạn của Lê Chiêu Thống.

Xuân Tú đốc suất hương binh[1] nhân kẽ sơ hở, ập đến đánh úp, chém được các em Đinh Tích Nhưỡng là bọn Đinh Vũ Sầm, Đinh Vũ Kính ; Tích Nhưỡng chỉ kịp chạy được thoát thân.

Do đấy, vòng vây mới phá được.

Lời phê - *Tấm lòng trung nghĩa là gốc từ tính trời mà ra, chú không cứ là người đó có làm quan, hưởng lộc hay không. Lắm kẻ quyền cao chức trọng, lúc thường thì gian tham hà lạm, lúc có biến cố thì tráo trở phản trắc : thế là không bằng loài chim muông, còn đếm xỉa làm gì nữa !*

Lời chua - *Ngô Đồng* : Tên xã. Xem Lê Mẫn Đế, năm Chiêu Thống thứ 1[2] (Chb. XLVII, 12).

Đông Triều : Xem Trần Đế Ngỗi, năm Hưng khánh thứ 1 (Chb. XII, 25).

Chí Linh : Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 4 (Chb. VII, 28).

Nhà vua đi Thuỷ Đường.

Quân giặc ngày càng bức bách. Bọn Trần Quang Châu và Hoàng Xuân Tú ngày đêm chống cự và chiến đấu. Trí Hanh và Hữu Tế đều chiến đấu mà chết. Nhà vua bèn dời xa giá đi Thuỷ Đường.

Nhà vua đi Vị Hoàng để uý lạo quân sĩ. Chb. **XLVII**,27

Bấy giờ nhà vua long đong, hết xuống Đông lại sang Bắc, đến đâu cũng được hào kiệt và nghĩa binh ở đó theo như về chợ, nhưng những người theo đó đều là các con em nơi hương thôn, không quen chiến đấu trận mạc, hễ gặp giặc thì liền thua. Được tin Viết Tuyển ở Sơn Nam, thanh thế lừng lẫy, nhà vua muốn đi đến để nương nhờ Viết Tuyển. Gặp lúc ấy Viết Tuyển cho người ruổi ngựa đến tâu xin nhà vua đi uý lạo quân

(1) Như dân quân.
(2) *Cương mục* in lầm là Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 39.

sĩ để tác động tinh thần của họ, nhà vua bèn từ Thuỷ Đường vượt biển đi Chân Định. Viết Tuyển thân hành đi đón và yết kiến. Nhà vua vỗ về yên ủi càng hơn, rồi tiến đóng ở Vị Hoàng.

Bấy giờ Đinh Nhạn Hành cũng đem quân đến hội. Viết Tuyển mời nhà vua ở lại trong quân. Nhà vua hạ chiếu khen ngợi và uý lạo các quân sĩ, cho những nghĩa binh đã đi hộ tống ngự giá đều trở về chỗ cũ của họ, tiếp ứng với bọn Trần Đình để toan tính đánh lấy Hải Dương.

Lời chua – *Đinh Nhạ Hành* : Người Hàm Giang thuộc huyện Cẩm Giàng, là dòng dõi thái phó Đinh Văn Phục ; sau theo nhà vua chạy sang nhà Thanh, bị bệnh, chết ở Yên Kinh[1].

Thuỷ Đường[2] : Xem Đế Duy Phường, năm Vĩnh Khánh thứ 2 (Chb. XXXVII, 16).

Chân Định[3] : Xem Lê Thế Tông, năm Quang Hưng thứ 16 (Chb. XXX,6).

Hoàng đệ Duy Chi dấy quân ở Định Châu : Thái Nguyên và Tuyên Quang đều hưởng ứng.

Khi giặc Tây Sơn đánh phá Thăng Long, Duy Chi chạy đi Định Châu, cùng với phiên thần là Ma Thế Cố thu lượm và tụ tập dân chúng trong châu, đắp luỹ để phòng thủ. Duy Chi lại ước hẹn kết hợp với các phiên mục ở Tuyên Quang và Bảo Lạc, dần dần chiêu mộ quân lính thượng du vùng Thái Nguyên để tăng cường thêm thế lực. Tướng giặc là Uyển (không rõ họ) đến đánh nhưng không hạ được, rồi phải rút quân về. Chb. **XLVII**,28

Hoàng thân là quận Hải (không rõ tên), trước kia, trấn giữ Thái Nguyên, kịp khi Thăng Long thất thủ, lén ẩn ở vùng Tư

(1) Nay là Bắc Kinh, Trung Quốc.
(2) Nay là huyện Thủy Nguyên, T.P. Hải Phòng.
(3) Nay là huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Nông và Đồng Hỷ, bí mật chiêu dụ các thổ hào dấy quân, đánh nhau với giặc. Thua trận, bị bắt, quận Hải tử tiết.

Lời chua - *Tư Nông* : Tức Tây Nông. Xem Lý Thái Tông, năm Kiến phù hữu đạo thứ 1 (Chb. II, 44).

Đồng Hỷ : Tên huyện, thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Định Châu : Thuộc tỉnh Thái Nguyên.

Châu Bảo Lạc : Xem Lý Nhân Tông, năm Anh Vũ chiêu thắng thứ 9 (Chb. III, 45).

Tháng 4, mùa hạ. Nguyễn Văn Huệ vào thành Thăng Long, giết Vũ Văn Nhậm, dùng Ngô Văn Sở lên thay quản lãnh binh chúng.

Trước kia, Văn Huệ sai Văn Nhậm ra cướp Bắc Hà, nhưng trong lòng vẫn rất ngờ vực, nên sai Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân làm tham tán để chia xẻ quyền bính. Văn Huệ bí mật dặn Văn Sở : "Văn Nhậm là con rể của vua anh[1]. Ta với vua anh có hiềm khích nhau. Văn Nhậm tất không yên lòng. Chuyến đi này, Văn Nhậm cầm nắm trong tay binh quyền quan trọng, vào sâu trong nước người ta, thì sự biến sau này không thể liệu trước được. Điều ta lo lắng không phải nhằm ở Bắc Hà, mà chỉ nhằm ở Văn Nhậm thôi. Ngươi nên dò xét từ chỗ kín nhiệm, có gì thì mau mau báo cho ta biết". Kịp khi Văn Nhậm nhân đà thắng lợi, ruổi dài ra Bắc, vào Thăng Long, bắt được Hữu Chỉnh, tự cho rằng oai vũ đủ khuất phục được người ta, không còn kiêng nể sợ hãi gì cả. Văn Nhậm làm nhiều việc trái phép : tự đúc ấn chương, chuyên quyền trong việc cất đặt sắp xếp. Văn Sở vốn có hiềm khích với Văn Nhậm, liền viết thư bí mật vu cáo Văn Nhậm về tội làm phản. Chb. XLVII,29

(1) Chỉ vua Thái Đức Nguyễn Văn Nhạc.

Văn Huệ bèn chính mình đốc suất thân binh ruổi ra Thăng Long. Văn Nhậm ra đón. Văn Huệ vỗ về yên ủi bằng lời ôn tồn, rồi sai đem ngựa đang cưỡi và lọng đang che nhường cho Văn Nhậm. Khi đã vào đến trong thành, Văn Huệ sai người trói Văn Nhậm ngay ở trước sân. Tra khảo, xét hỏi tuy không có chứng cớ thực sự nhưng Văn Huệ vẫn nói một cách quyết đoán rằng : "Không cần nói nhiều. Mày có tài trội hơn ta thì không phải là người mà ta dùng được". Văn Huệ liền sai đem chém, rồi dùng Văn Sở làm đại tư mã, thay thế quản lãnh binh chúng, kiêm trấn phủ thành Thăng Long.

Nhà vua lại đi Kinh Bắc.

Trước kia, nhà vua đi Vị Hoàng, là dựa vào Viết Tuyển. Đến đây, tướng giặc, Ngô Văn Sở, đem binh từ Thăng Long xuôi dòng sông, xuống đánh. Viết Tuyển đem chu sư đón đánh ở cửa sông Hoàng Giang. Khi quân hai bên đương giao chiến, thì Văn Sở trói cha và vợ của Viết Tuyển bêu ra đầu thuyền cho biết. Viết Tuyển trông thấy, vật vã kêu khóc, không dám chiến đấu với Văn Sở nữa, rồi rút quân về sông Vị Hoàng. Chb. XLVII,30

Nhà vua được tin Viết Tuyển thua trận, hối hả dời thuyền lui đóng ở Quần Anh. Chiều tối, Viết Tuyển cũng đem chu sư tiếp đến. Đêm đó, gió to, bão lớn, trời tối mịt mờ, thuyền bè lênh đênh xiêu giạt, lạc lõng lẫn nhau. Thuyền ngự trôi vào Thiết Giáp cảng ở Thanh Hoa. Viết Khang, không rõ chung cục ra sao. Viết Tuyển cũng giạt vào cửa Cần Hải, sau ra Thăng Long, đầu hàng giặc bị giặc giết chết.

Bấy giờ quân sĩ tan tác bốn ngả. Thanh Hoa đã bị giặc chiếm cứ rồi. Nhà vua bất đắc dĩ lại từ Thanh Hoa do đường bộ quay ra huyện Kim Bảng thuộc Sơn Nam[1], rồi đi Kinh Bắc, đóng ở Lạng Giang.

(1) Nay Kim Bảng thuộc tỉnh Hà Nam

Lời chua - *Hoàng Giang* : Nay thuộc huyện Nam Xang.

Quần Anh : Tên xã, thuộc huyện Nam Chân[1], tỉnh Nam Định.

Thiết Giáp : Tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoa.

Cần Hải : Tên xã, thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Phủ Lạng Giang : Xem Đinh Đế Toàn, năm Thái Bình thứ 11 (Chb.I, 14).

Tháng 5. Nguyễn Văn Huệ triệu tập các cựu thần văn võ nhà Lê, ép bảo họ khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Tham tri chính sự Nguyễn Huy Trạc tử tiết. Văn Huệ liền sai Sùng Nhượng công Lê Duy Cận đứng giám quốc, rồi kéo quân về Nam. Chb. XLVII,31

Văn Huệ sai người lùng hết các bầy tôi văn võ, cưỡng ép họ đến cửa cung khuyết để cùng đứng tên vào tờ biểu khuyên mời Văn Huệ lên ngôi vua. Huy Trạc bị bắt đến Ngự sử đài, không chịu ký tên vào tờ biểu ấy, đêm đến, uống thuốc độc tự tử. Việc này do đó cũng đình chỉ.

Văn Huệ ở lại vài ngày, bèn sai Duy Cận đứng giám quốc, giữ việc thờ cúng [tôn miếu nhà Lê], còn mình thì rút quân về Nam.

Văn Huệ dùng Ngô [Thì] Nhậm[2] làm Lại bộ tả thị lang, Phan Huy Ích làm Hình bộ tả thị lang ; lại dùng Nguyễn Thế Lịch, Ninh Tốn, Nguyễn Du[3] và Nguyễn Bá Lan làm Hàn lâm trực học sĩ, để ở lại cùng làm việc với Ngô Văn Sở.

Bọn Nguyễn Hoàn và Phan Lê Phiên ra thú, được Văn Huệ cho giữ nguyên quan hàm đã có mà về điền viên.

Chỉ có mấy người này đi ẩn không chịu ra :

– Phạm Trọng Huyến, đồng Xu mật viện sự.

(1) Nay là huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
(2) *Cương mục* vì kiêng tên Tự Đức, chép là Ngô Nhâm.
(3) Nguyễn Du này là người Văn Xá, huyện Thanh Oai (Hà Đông), khác với Nguyễn Du tác giả truyện Kiều.

– Phạm Quý Thích, thiêm sai tri Công phiên.

– Nguyễn Đình Tứ, đô cấp sự trung.

– Nguyễn Đăng Vận, giám sát ngự sử.

– Lê Trọng Dĩnh, cấp sự trung.

– Đỗ Lệnh Thiện, tiến sĩ.

– Lê Huy Thân và Nguyễn Huy Đào, tự thừa.

Lời chua - *Phạm Trọng Huyến* : Người Dũng Quyết[1] huyện Ý Yên, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1778), niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đình Tứ : Người Bảo Từ huyện Chương Đức[2], đỗ tiến sĩ khoa Ất Tị (1785), niên hiệu Cảnh Hưng.

Nguyễn Đăng Vận : Người Hoài Bão,[3] huyện Tiên Du. Chb. **XLVII**,32

Lê Trọng Dĩnh : Người Đa Sĩ, huyện Thanh Oai[4].

Đỗ Lệnh Thiện : Người Nhân Mục[5] huyện Thanh Trì - Đăng Vận Trọng Dĩnh và Lệnh Thiện đều đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1787), niên hiệu Chiêu Thống.

Lê Huy Thân : Người Bối Khê[6], huyện Thanh Oai.

Nguyễn Huy Đào : Người Gia Thuỵ[7], huyện Gia Lâm - Huy Thân và Huy Đào đều đỗ hương cống.

Nguyễn Thế Lịch : Người Yên Lũng[8], huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775), niên hiệu Cảnh Hưng, sau theo nguỵ Tây (Tây Sơn) làm quan đến Lại Bộ thượng thư.

---

(1) Nay là thôn Dũng Quyết, xã Yên Phú, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định .
(2) Nay là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây.
(3) Nay là thôn Hoài Bão, xã Liên Bão, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(4) Tỉnh Hà Tây.
(5) Tức làng Mọc, nay là đất các phường Thượng Đình, Thanh Xuân Bắc và Nhân Chính, quận Thanh Xuân, T.P. Hà Nội.
(6) Nay là thôn Bối Khê, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.
(7) Nay là thôn Gia Thụy, xã Gia Thụy, huyện Gia Lâm, Hà Nội.
(8) Nay là thôn Yên Lũng, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

Tháng 7, mùa thu. Hoàng thái hậu sang nhà Thanh xin quân cứu viện.

Trước kia, thái hậu đến Cao Bằng, các phiên tù đều đem quân đi phòng thủ, chẹn đánh. Phiên mục Bế Nguyễn Trù dẫn tướng giặc là bọn Cúc, Hoán đến đánh úp trấn doanh. Bọn đốc đồng Nguyễn Huy Túc, phiên thần Địch quận công Hoàng Ích Hiểu, tụng thần Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống bảo vệ thái hậu và nguyên tử do cửa ải Thuỷ khẩu chạy sang Long Châu nhà Thanh. Quan châu là Trần Tốt đem việc này đề đạt lên tổng đốc và tuần phủ.

Lưỡng Quảng[1] tổng đốc Tôn Sĩ Nghị và Quảng Tây tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh hội họp ở Nam Ninh. Thái hậu đưa nguyên tử đến yết kiến ở trong sân, gào khóc xin cứu viện. Bọn Sĩ Nghị tâu với vua Thanh rằng Tự hoàng nhà Lê đương phải bôn ba, đối với đại nghĩa, ta nên cứu viện. Vả lại, An Nam là đất cũ của Trung Quốc, sau khi khôi phục nhà Lê, ta nhân đó, đặt lính thú để đóng giữ. Thế là vừa làm cho nhà Lê được tồn tại, vừa chiếm lấy được An Nam : thật là làm một chuyến mà được hai lợi.

Vua Thanh nghe theo ý kiến của bọn Sĩ Nghị, bèn chính tay viết tờ chiếu, trong có nói : Chb. **XLVII**,33

"Trẫm sẽ giãi tỏ nghĩa cả với thiên hạ, nâng đỡ cương thường ở thuộc quốc. Mọi việc về Nam Giao đều phó thác cho khanh cả đấy".

Sĩ Nghị nhận được tờ chiếu ấy, bèn mưu tính làm một chuyến to : điều động quân lính bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu, ấn định nhật kỳ kéo sang cứu viện. Trước hết tung ra vài trăm tờ hịch để tuyên bố cho gần

(1) Quảng Đông và Quảng Tây.

xa đều biết ; lại sai Lê Quýnh và Nguyễn Quốc Đống đem tờ trát bí mật, đi đường tắt, về tâu với nhà vua.

Lời phê [1] – *Chính mình đã có lòng không ngay thẳng thì giúp cho người ta ngay thẳng thế nào được !*

Sai bọn Lê Duy Đản và Trần Danh Án sang nhà Thanh.

Bọn Lê Quýnh chưa về tới Lạng Sơn thì các thổ mục ở Yên Quảng đã bắt được tờ hịch (của Tôn Sĩ Nghị), nên trước đã sai người ruổi ngựa đến tâu nhà vua biết. Nhà vua sai Nguyễn Đình đi lên để thăm hỏi dò la. Khi bọn Quýnh về đến Kinh Bắc, vào yết kiến, dâng tờ trát bí mật lên nhà vua. Bấy giờ nhà vua mới biết rõ việc này, bèn sai tham tri chính sự Lê Duy Đản và Hàn lâm hiệu thảo Trần Danh Án vâng mạng lệnh đem tờ bẩm, đi đường tắt, lên đón quân nhà Thanh.

Tháng 10, mùa đông. Tôn Sĩ Nghị, tổng đốc Lưỡng Quảng nhà Thanh, đem quân sang cứu viện. Tướng giặc, Ngô Văn Sở, bỏ thành Thăng Long, chạy. Nhà vua lại vào kinh thành.

Khi Sĩ Nghị vâng mạng vua Thanh, sắp ra quân, thì bọn Duy Đản vừa sang đến nơi, Sĩ Nghị mời vào hội kiến, rất mừng, bèn truyền cho các đạo quân đồng thời cùng tiến :

– Đề tổng Vân, Quý[2], họ Ô, từ Tuyên Quang tràn vào ;

– Tri phủ Điền Châu, Sầm Nghi Đống từ Cao Bằng kéo xuống; Chb. XLVII,34

– Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh do đường lớn từ Trấn Nam quan[3] xuất phát.

Tướng giặc, Phan Khải Đức, trấn thủ Lạng Sơn, đem cả trấn thành đầu hàng quân Thanh. Sĩ Nghị tiến đến Kinh Bắc[4].

(1) Chỉ việc vua nhà Thanh định tâm lợi dụng danh nghĩa cứu Lê để mưu chiếm lấy Việt Nam.
(2) Vân Nam và Quý Châu.
(3) Nay đổi là Mục Nam quan.
(4) Gồm cả Bắc Giang và Bắc Ninh ngày nay.

Văn Sở sai tướng chẹn giữ bến đò Xương Giang[1]. Lại sai nội hầu Phan Văn Lân đem hơn vạn quân tinh nhuệ ở Thăng Long lên đóng ở Thị Cầu.

Sau khi phá vỡ luôn được mấy cánh quân của Tây Sơn, quân Thanh tiến lên chiếm đóng núi Tam Tằng. Văn Lân, nhân đang đêm, xông pha rét lạnh, lén vượt sông Nguyệt Đức[2], vây doanh trại Tôn Sĩ Nghị. Nhưng trận thế của Sĩ Nghị vững chắc, không lay chuyển, đồng thời súng hoả sang của quân Thanh lại cùng bắn ra : giặc không đến gần được. Trương Sĩ Long, tiên phong quân Thanh, xung phong giết giặc. Cung tên của hai cánh quân tả dực và hữu dực nhà Thanh lại bắn châu vào : quân giặc bị chết vô kể. Trước đó, Sĩ Nghị ra quân kỳ[3], do phía thượng lưu, vượt qua sông, đánh úp doanh trại Thị Cầu. Trông thấy trong trại bốc lửa, giặc cả sợ, phải vượt luỹ mà chạy. Quân Thanh thừa thắng, ruổi dài, cả phá được giặc.

Văn Lân chạy về Thăng Long. Sĩ Nghị tiến đến bờ phía Bắc sông Nhị.

Văn Sở và Ngô (Thì) Nhậm bàn nhau, cho rằng Thăng Long quyết không thể giữ được, bèn thu thập số quân còn lại, chạy vào Thanh Hoa, đóng đồn thuỷ ở hải phận Biện Sơn, còn quân bộ thì chẹn ở đèo Ba Dội (Tam Điệp sơn) để phòng thủ cho vững chắc, rồi cho người phi ngựa đem thư về cáo cấp với Văn Huệ.

Bấy giờ nhà vua từ Phượng Nhãn đi Gia Lâm, sắm đủ trâu bò và rượu để khao quân Thanh. Ngày hôm sau, nhà vua vào kinh đô. Chb. XLVII,35

(1) Tức sông Thương.
(2) Sông Cà Lồ.
(3) Lối đánh bất ngờ, cho quân xuất kỳ bất ý, đột kích vào đối phương.

Sĩ Nghị làm cầu phao ở bến Bồ Đề để chuyển quân sang sông, đặt màn tướng[1] ở cung Tây Long[2] bên bờ sông, bổ đồn, đóng trại : thế lực rất vững mạnh.

Lời chua – *Phan Khải Đức* : Người An Ấp, huyện Hương Sơn.

Trấn Nam quan : Xem Lê Trang Tông, năm Nguyên Hoà thứ 8 (Chb. XXVII, 35).

Xương Giang, Thị Cầu : Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 5 (Chb. XL, 4, 10).

Nhị Hà : Tức Phú Lương Giang. Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 2 (Chb. II, 15).

Núi Tam Tàng : Ở huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh[3].

Phượng Nhãn[4] : Tức Long Nhãn. Xem Trần Nhân Tông, năm Thiệu Bảo thứ 6 (Chb. VII, 32, 33).

Gia Lâm : Xem Trần Nhân Tông, năm Trùng Hưng thứ 1 (Chb. VII, 34).

Tháng 11. Nhà Thanh sách phong nhà vua làm An Nam quốc vương.

Trước kia, Sĩ Nghị xuất quân, vua Thanh giao cho sách văn và ấn chương, rồi dụ bảo Nghị khi đã khôi phục được kinh đô thì phong ngay cho Lê Tự Tôn làm An Nam quốc vương để giàng buộc lấy lòng người. Đến đây, Nghị tuyên bố mệnh lệnh, chọn ngày làm lễ sách phong. Nhà vua khóc lóc cho rằng lăng tẩm[5] còn sa vào trong phạm vi của giặc, chính mình chưa được đến tận nơi để bái yết, vậy xin Chb. **XLVII**,36

(1) Chỗ viên tướng đóng, có màn vây trướng che, ở doanh trại tạm trú trong khi hành quân, theo lối xưa. Đây chỉ nơi Sĩ Nghị đóng.
(2) Tục gọi Tây Luông.
(3) Yên Dũng nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(4) Đất Phượng Nhãn, đời Trần là Long Nhãn, Phượng Sơn. Đầu đời Lê nhập thành Phường Nhỡn. Nay thuộc tỉnh Bắc Giang.
(5) Chỉ các lăng miếu của các vua Lê ở Thanh Hoá.

hãy tạm hoãn lại ít lâu. Nghị trả lời : "Những lời tự quân nói đó thực ra là từ chối chí tình, nhưng hoàng đế[1] đã có mệnh lệnh rồi, không thể chần chừ để lâu được. Vậy há nên vì tình riêng mà nhàm lời xin hoãn lại?". Nhà vua bất đắc dĩ phải nhận làm lễ chịu phong. Trong bài sách phong có câu : "Phi thập hữu nhất đạo chí đề phong, nguyên phi lợi phù thổ địa - Tố bách ngũ thập niên chi chức cống, năng bất niệm kỳ tổ tông? " Nghĩa là "đối với sự mở bờ cõi gồm mười một đạo, vốn không phải vì ta có lợi tâm muốn chiếm lấy đất đai ; suốt từ một trăm năm mươi năm lại đây, (nhà Lê) lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao lại không nghĩ đến tổ tông của tự tôn được". Nhà vua cảm động và tin tưởng một cách sâu sắc vào những lời đó.

Luận công những người đi theo hộ giá, cho thăng chức có cao thấp khác nhau. Trị tội những kẻ đầu hàng giặc.

Nhà vua đã khôi phục được nước, bèn hạ lệnh thăng chức cho bầy tôi đi hộ giá :

- Phạm Đình Dữ lên bình chương sự, thượng thư bộ Lại.
- Lê Duy Đản và Vũ Trinh lên tham tri chính sự.
- Nguyễn Đình Giản lên thượng thư bộ Binh, tri Xu mật viện sự.
- Nguyễn Duy Hiệp và Chu Doãn Lệ lên đồng tri Xu mật viện sự.
- Trần Danh Án, lên phó đô ngự sử.
- Lê Quýnh lên Trung quân đô đốc, tước Trường phái hầu. Ngoài ra đều được thăng chức có cao thấp khác nhau.

Liền đó nhà vua sai trị tội những người hàng giặc :

(1) Chỉ Càn Long, vua nhà Thanh.

– Ngô (Thì) Nhậm và Phan Huy Ích đều truất về làm dân.

– Nguyễn Hoãn bị bãi mất tước Quận công.

– Phan Lê Phiên bị giáng xuống Đông Các học sĩ.

– Mai Thế Uông bị giáng xuống Tư huấn.

Phạm Như Tuy, trấn thủ Tuyên Quang, và Dương Bành, phò mã, đều bị bắt và giết chết, vì trước kia, khi giặc kéo đến, Tuy đầu hàng trước tiên, lại bắt hoàng đệ Duy Trù đưa cho giặc để giặc làm hại ; còn Bành thì đưa quân giặc đuổi theo bức bách ngự giá.

Bấy giờ Ngô Tưởng Đào, Hiến sát phó sứ Kinh Bắc, vì có công giúp giập nhà vua, cũng được bổ dụng, nhưng Tưởng Đào lấy cớ mình già, từ chối, không nhận chức, có dâng sớ nói : "Vận trời đang gian truân, không ngờ bây giờ lại được trông thấy ánh sáng của trời và mặt trời, đó thực là phúc vô cùng của xã tắc. Nhưng việc binh cốt phải lanh lẹn chớp nhoáng, nếu cơ hội có thể nắm lấy để làm thì cần gì cứ phải một mực đưa vào ngoại binh, động một tý thì chậm trễ đến hàng tuần. Hiện nay, quân cần vương các lộ, ai chẳng muốn sẵn sàng liều chết để chiến đấu? Bây giờ quân giặc đã rút lui thì ta nên đem đại quân đuổi theo ngay khiến cho quân giặc điên cuồng không rảnh để tính toán mưu đồ gì cả. Thế là làm như sấm vang không kịp bịt tai. Hai xứ Thanh, Nghệ nghe biết tin ấy, chắc cũng sẽ hưởng ứng cả. Văn Huệ xa cách ở phía nam Hoành Sơn, bọn Văn Sở lâm vào thế cô, không có cứu viện, tình thế bị ngăn cách, đường đất không thông đồng. Như vậy không quá mười ngày chúng sẽ có thể bị bắt đấy. Một khi vây cánh của Văn Huệ bị cắt rồi thì có thể lần lượt quét sạch sào huyệt của hắn nữa. Cái cơ dấy nghiệp trung hưng chính là ở đó. ta không nên bỏ lỡ". Chb. XLVII,37

Nhà vua cùng bọn Đình Giản trao đổi bàn luận, ai nấy đều cho là phải. Nhà vua sai Lê Quýnh đến nói với Sĩ Nghị, nhưng Sĩ Nghị cho là không nên.

Bấy giờ hào kiệt bốn phương đua nhau trổ sức để làm việc, nhưng nhà vua chỉ chủ yếu dựa vào người Thanh.
Khi chia ban quan chức, nhà vua chỉ trao cho các Chb. XLVII,38
bầy tôi đi theo hộ giá và theo hầu ở hành tại, còn cựu thần và hào kiệt đều không được bổ dùng. Các bầy tôi cũng không ai nói đến việc ra quân để phục thù. Trong kinh và ngoài các trấn thảy đều chán nản và rời rạc. Cái cơ thành hay bại chỉ một mục tuỳ theo người Thanh mà thôi. Thế là việc nước không thể xoay sở được nữa.

Lời phê - *Không dựa vào sức quân Thanh, e cũng chưa dễ dàng đâu. "Nói thì dễ, làm thì khó" : xưa nay cùng chung một bệnh ấy.*

Lời chua - *Phạm Như Tuy* : Người Phúc Dương, huyện Hương Sơn, đỗ tạo sĩ.

Dương Bành : Người Phong Phú, huyện Thạch Hà.

Hoành Sơn : Phía nam giáp giới với huyện Bình Chánh thuộc Quảng Bình, phía Bắc giáp giới với huyện Kỳ Anh thuộc Nghệ An.

Phong hoàng đệ Duy Chi làm Dực vũ công.

Duy Chi từ Định Châu đem các phiên thần ở Cao Bằng và Thái Nguyên vào chầu. Nhà vua ban khen, nên có mệnh lệnh phong cho tước công ấy.

Sai các quan văn võ chia nhau liệu lý việc lương thực.

Bấy giờ luôn năm mất mùa, đói kém, nhất là năm này lại càng quá lắm. Quân lính nhà Thanh đóng ở kinh thành rông rỡ cướp bóc ; dân chúng lại càng chán ghét. Triều đình đốc thúc lương quân, các châu và các huyện đều không cung ứng. Nhà vua bèn sai các quan chia nhau làm việc này. Dân chúng

có người đến nỗi phải khóc lóc mà dâng nộp. Đường tiếp tế lương thực cho quân Thanh thì xa, nên bao nhiêu lương và tiền mà triều đình thu được của dân đều đem cung đốn cho họ hết sạch. Còn vài vạn người vừa nghĩa binh các đạo vừa ưu binh Thanh Nghệ thì đều lòng không dạ trống đi theo việc binh nhung. Lòng người do đấy lại càng chia rẽ tan tác.

Lời phê – *Ý trời đã bỏ qua, lòng người đã ly tán, sự thế đã hỏng từ lâu rồi. Có gì đáng trách?* Chb. **XLVII**,39

Hoàng thái hậu từ nhà Thanh về đến nước nhà.

Nhà vua có tính hẹp hòi, khắc nghiệt. Trong họ tôn thất có người phụ nữ lấy tướng giặc, đang có mang, cũng bị nhà vua sai mổ bụng chết. Lại sai chặt chân ba người hoàng thúc, quăng ra chợ cung (chợ ở trong cung)(1). Lòng người dần dần ngờ vực, không nhất trí.

Khi về đến Thăng Long, thái hậu nghe biết những việc làm ngang ngược của nhà vua, chỉ thưởng hay phạt theo một chiều bằng tình cảm riêng mình yêu hay ghét, bà nổi giận, nói : "Trải bao cay đắng, ta mới cầu xin được quân cứu viện sang đây, nước nhà phỏng chừng chịu được bao phen phá hoại bằng cách đền ơn báo oán thế này ! Thôi diệt vong đến nơi rồi !" Rồi bà gào khóc, không chịu vào cung. Bầy tôi theo hầu, là Nguyễn Huy Túc, phải khuyên giải mãi, thái hậu mới thôi.

Lời phê – *Hiền thay, bà mẹ này ! Thật không thẹn với Thân Bao Tư xưa*(2).

Dùng Nguyễn Huy Túc làm Binh bộ thị lang, đồng bình chương sự.

---

(1) Lời chua của sử *Cương mục*.

(2) Người nước Sở dời Xuân Thu, Bao Tư khóc suốt bảy ngày ở sân nhà Tần để xin quân cứu viện, được người Tần giúp đánh giặc Ngô cho Sở khôi phục được nước.

Nhà vua cho rằng Huy Túc có công đi theo hộ giá thái hậu, nên cất nhắc lên làm chức này.

Nguyễn Văn Huệ tự xưng là hoàng đế, lại rầm rộ đem quân ra cướp Bắc Hà.

Tin báo của Văn Sở đưa đến, nói quá ghê gớm về thanh thế của quân nhà Thanh. Văn Huệ cười mà rằng : "Việc gì mà cuống quít lên vậy ? Chúng nó chỉ tự đến để đi tới chỗ chết thôi. Ta hãy lên ngôi, làm cho danh nghĩa được quang minh chính đại để giàng buộc lấy lòng người trong Nam và ngoài Bắc trước đã, rồi sẽ ra bắt sống chúng nó cũng chưa muộn nào !" Văn Huệ bèn chọn ngày tốt, tiếm làm lễ tế trời ở Bân Sơn, rồi xưng hoàng đế, đổi niên hiệu Thái Đức[1] năm thứ 11 làm niên hiệu Quang Trung năm thứ nhất (1788). Chb.**XLVII**,40

Ngay ngày hôm ấy, Văn Huệ lùa hết tướng sĩ ở tế đàn vượt sông ra Bắc. Khi qua Nghệ An và Thanh Hoa, lấy thêm quân lính đến 8 vạn người, bèn tạm đóng quân ở Thọ Hạc, trước hãy sai người ruổi ngựa đưa thư đến Sĩ Nghị để xin đầu hàng. Lời lẽ trong thư rất là nhũn nhặn, khiêm tốn.

Lời chua – *Bân Sơn* : Ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà.

Thọ Hạc : Thuộc huyện Đông Sơn, nay là địa phận tỉnh Thanh Hoá.

Kỷ Dậu, năm thứ 3 (1789). (Thanh, năm Càn Long thứ 54).

Mồng 1, tháng giêng, mùa xuân. Hai mặt trời cùng đấu nhau.

Quân nhà Thanh đánh nhau với Nguyễn Văn Huệ ở địa phận hai huyện Thượng Phúc và Thanh Trì, bị thua : bọn đề đốc Hứa Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long, tả dực

(1) Thái Đức (1778-1788), niên hiệu của Nguyễn Văn Nhạc, vua đầu triều Tây Sơn.

Thượng Duy Thăng và tri phủ Điền châu Sầm Nghi Đống đều chết trận ; Tôn Sĩ Nghị phải chạy về Quảng Tây.

Sĩ Nghị từ khi qua cửa ải, đến đâu được đấy, có ý khinh địch. Lấy được Thăng Long rồi, Sĩ Nghị tự cho rằng thế là xong việc. Những hào kiệt ở các trấn đi ứng nghĩa đều đua nhau đến cửa quân xin Sĩ Nghị tiến binh, nhưng đều bị bỏ qua, không được hỏi đến. Kịp khi được thủ chiếu của vua Thanh ra lệnh cho Sĩ Nghị phải khôi phục hết đất đai cho Lê vương, mới được rút quân về, Sĩ Nghị bấy giờ mới tính đến mưu kế tiến hành.

Đến đây, quân Văn Huệ kéo đến đèo Ba Dội (Tam Điệp Sơn), nhà vua được tin, lấy làm lo sợ, hỏi Sĩ Nghị về mưu kế, Sĩ Nghị nói : "Ta cứ lấy thế thong thả để chờ đợi ứng phó với kẻ đang nhọc nhằn, cần chi phải hấp tấp đánh vội". Thế rồi Sĩ Nghị dương dương tự đắc, không để ý đến nữa. Chb. XLVII,41

Giặc ruổi dài ra Bắc, không có lấy một người hay một quân kỵ nào chống lại cả. Khi giặc đã đến Sơn Nam, Sĩ Nghị sai đề đốc Hứa Thế Hanh đem quân tứ dực đi trước, chia đóng ở Hà Hồi và Ngọc Hồi để chống cự lại.

Ngày 4, tháng giêng ấy, quân lưu động của giặc đến trước, hễ đánh trận nào thì thua luôn trận ấy. Sĩ Nghị rất coi khinh.

Hồi trống canh năm sớm hôm sau. Văn Huệ xắn tay áo đứng dậy, đốc thúc bản bộ lùa quân rầm rộ tiến lên. Chính Văn Huệ tự mình đốc chiến, cho hơn trăm voi khoẻ đi trước. Tờ mờ sáng, quân Thanh lùa toán quân kỵ tinh nhuệ ồ ạt tiến. Chợt thấy bầy voi, ngựa quân Thanh đều sợ hãi, hí lên, tế chạy, lồng lộn quay về, chà đạp lẫn nhau. Giặc lại lùa voi xông đến : quân Thanh, trong cơn gấp rút, không cứu nhau được, ai nấy rút vào trong luỹ để cố thủ. Bốn mặt đồn luỹ quân Thanh đều cắm chông sắt, súng và tên bắn ra như mưa. Giặc dùng những

bó rơm to lớn để che đỡ mà lăn xả vào, rồi quân tinh nhuệ tiến theo sau. Kẻ trước ngã, người sau nối, thảy đều trổ sức liều chết mà chiến đấu. Các luỹ quân Thanh đồng thời tan vỡ và quân Thanh đều chạy. Giặc đuổi đến đồn Nam Đồng, thừa thắng, ập lại giết chết. Quân Thanh bị chết và bị thương đến quá nửa. Thế Hanh, tiên phong Trương Sĩ Long và tả dực Thượng Duy Thăng đều chết trận. Sầm Nghi Đống đóng đồn ở Loa Sơn (tục gọi Đống Đa), bị một tướng khác của giặc đánh. Quân cứu không có, Nghi Đống phải tự thắt cổ chết. Toán thân binh của Nghi Đống cũng tự ải chết theo đến vài trăm người.

Bấy giờ, đương ở nơi màn tướng, thình lình được tin quân giặc đã bức bách gần Thăng Long. Sĩ Nghị không biết xoay sở ra sao, bèn nhổ đồn luỹ, vượt qua sông, chạy. Cầu gãy, người bị chết vô kể.

Lời phê - *Triều vua Càn Long là thời rất cường thịnh, thế mà uỷ nhiệm không được người giỏi (nên mới hỏng việc). "Quân đã kiêu rồng thì tất bại trận".* Chb. XLVII,42
Lời cổ ngữ nói thật không sai. Nhưng cũng vì vận nhà Lê đã hết, khó cứu vớt được, âu cũng bởi trời.

Lời chua - *Xã Hà Hồi*(1) : Thuộc huyện Thượng Phúc.

Xã Ngọc Hồi (2): Thuộc huyện Thanh Trì.

Trại Nam Đồng : Thuộc huyện Vĩnh Thuận. Các đất trên đây đều thuộc Hà Nội(3).

Nhà vua chạy sang nhà Thanh. Bầy tôi là bọn Nguyễn Viết Triệu 25 người đi theo. Nhà Lê mất.

(1) Nay thuộc xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.
(2) Nay là thôn Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội.
(3) Nam Đồng hiện nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội.

Bấy giờ nhà vua đang hội kiến với Sĩ Nghị ở nơi màn tướng[1], có tám người theo hầu là Hoàng Ích Hiểu, Nguyễn Quốc Đống, Lê Hân, Phạm Như Tùng, Nguyễn Viết Triệu, Phạm Đình Thiện, Lê Văn Trương và Lê Quý Thích[2], thì chợt được tin bại trận đưa đến, Sĩ Nghị rút chạy. Nhà vua cũng cưỡi ngựa cùng đi với Sĩ Nghị lên phía Bắc. Riêng Viết Triệu cầm cương ngựa đi theo nhà vua. Nhà vua sai bọn Hoàng Ích Hiểu gấp về nội điện, hộ vệ thái hậu và nguyên tử vượt qua sông. Hoàng đệ Duy Chi hộ vệ bọn hoàng phi và cung tần đến bến sông, thì cầu gãy, không qua sông được, phải hướng về phía tây mà chạy trốn.

Nhà vua đến trấn Nam Quan. Các bầy tôi đi theo cũng lục tục đến. Nhà vua từ tạ với Sĩ Nghị rằng : "Tôi không giữ nổi xã tắc, tự biết sỉ nhục là phải phiền ngài đem quân sang cứu. Tôi lấy làm cảm kích vô cùng. Nay ngài lại bỏ tôi mà đi, tôi không dám lại nhàm làm phiền ngài nữa. Tôi xin trở về nước, lặt lượm quân và dân để toan tính cử sự sau này". Sĩ Nghị nói : "Đã tâu xin thêm quân rồi. Chẳng bao lâu, đại quân sẽ đến". Nhân đó Sĩ Nghị mời nhà vua vào yên nghỉ trong thành Quế Lâm. Nhà vua theo lời. Chb. **XLVII**,43

Rồi đó, vua Thanh sai các thần[3] Phúc Khang An làm tổng đốc Lưỡng Quảng, đề đốc binh mã chín tỉnh, liệu lý công việc An Nam.

Tháng 2, Khang An đến mạc phủ Thái Bình thuộc Quảng Tây. Văn Huệ sai bầy tôi là Ngô (Thì) Nhậm lén sang nhà Thanh để xin đầu hàng và tạ tội. Lại đem nhiều vàng lót cho Khang An, nài xin Khang An dàn xếp cho. Khang An đã được nhiều của lót, lại lấy làm may rằng nếu thôi việc dấy quân thì được ung dung vô sự, bèn tâu xin vua Thanh nên nhân đó cho

(1) Xem chú giải số 3 ở Chb. XLVII, 35.
(2) Đừng lẫn với Phạm Quý Thích, hiệu là Lập Trai.
(3) Bầy tôi trong nội các phong kiến.

Văn Huệ được thông hiểu, đừng gây hấn ở ngoài biên giới nữa. Vua Thanh y theo.

Bấy giờ các bầy tôi tòng vong đã lần lượt kéo đến :

– Hoàng thúc Lê Duy Án từ cửa ải Đồng Du đi sang :

– Bọn Đinh Nhạ Hành và Đinh Lệnh Dận hơn mười người từ trấn Long Môn thuộc Khâm Châu đi sang ;

– Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Hạo và Phan Khải Đức[1] từ trấn Nam Quan đi sang ;

– Bọn Bế Nguyễn Cung và Bế Nguyễn Doãn từ ải Cao Bằng đi sang.

Khang An bèn dùng Đinh Nhạ Hành làm thủ bị ở Toàn Châu, Phan Khải Đức làm đô ty ở Liễu Châu, còn mọi người khác đều tuỳ chỗ mà cho đi cư trú yên phận. Riêng bọn Lê Duy Án, Trần Huy Lâm, Lê Doãn và Lê Hạo thì bị đưa vào thành Quế Lâm theo ở tại chỗ nhà vua.

Tháng 4. Khang An về đến Quế Lâm, nói thác ra rằng trời hè đang nắng nóng, hãy tạm nghỉ việc quân, đợi sang mùa thu, sẽ lại điều khiển. Khang An lại lừa gạt nhà vua rằng : "Thời kỳ xuất quân không xa đâu. Tự vương[2] sẽ phải chính mình thống suất các thuộc tướng đi trước dẫn đường. Có điều là đồ mặc của An Nam vốn bị Tây Sơn coi khinh. Việc hành binh cốt phải trí trá. Chi bằng Tự vương hãy tạm gióc tóc, thay đổi đồ mặc để đánh lạc tai mắt quân giặc trong khi hành binh. Đợi khi đã khôi phục được nước rồi, bấy giờ sẽ lại giữ theo lề thói bản quốc như cũ". Nhà vua không dè bị gạt, cũng gắng gượng làm theo. Phàm người nước ta trước hay sau đã sang bên Thanh bấy giờ đều bị Khang An

Chb.**XLVII**,44

(1) Phan Khải Đức trước làm trấn thủ Lạng sơn, đầu hàng giặc Thanh ngay từ lúc bọn Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh kéo sang xâm lược (xem Chb. XLVII, 34).

(2) Chỉ Lê Chiêu Thống.

bắt gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Rồi Khang An liền mật tâu với vua Thanh rằng Lê Tự vương tình nguyện ở yên bên Trung Quốc, không có ý muốn xin quân cứu viện nữa. Vậy xin tiếp nhận sứ giả Tây Sơn.

Các thần Hoà Thân ngấm ngầm ở trong ủng hộ cho kiến nghị ấy của Khang An, cố sức khuyên vua Thanh nên bãi binh. Vua Thanh cho lời tâu ấy là phải, bèn ra sắc mệnh phong Văn Huệ làm An Nam quốc vương, rồi triệu nhà vua và các bầy tôi trước sau theo sang tòng vong đều cho phép lục tục vào cả Yên Kinh[1]. Khang An lại gọi bọn Lê Quýnh, Lê Doãn Trị, Trịnh Hiến và Lý Gia Du vài mươi người đến Quảng Tây dụ bảo gióc tóc và thay đổi đồ mặc. Bọn Lê Quýnh đáp lại rằng : "Được ơn vời đến đây, chúng tôi chưa được nghe ngài dạy bảo rõ ràng gì cả, thế mà nay chỉ bắt chúng tôi gióc tóc thì há phải là ý muốn ban đầu của bọn Quýnh này chạy vạy hàng hai, ba ngàn dặm sang đây để nhận lãnh lệnh truyền ấy đâu? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc chúng tôi không thể gióc được". Khang An giận, cho đưa luôn cả bọn Quýnh lên Yên Kinh.

Bọn Quýnh đi đến Sơn Đông thì vừa gặp vua Thanh đi tuần du ở phía đông. Vua Thanh triệu bọn Quýnh vào yết kiến, dụ bảo rằng : "Chúa nhà các ngươi đã tình nguyện yên phận ở lại Trung Quốc rồi, các ngươi đã một niềm theo vua thì khá lập tức gióc tóc và thay đổi lối ăn mặc để đợi lựa chọn bổ dùng". Lê Quýnh từ tạ mà rằng : "Muôn dặm đi tòng vong, chúng tôi xin được giữ theo quốc tục để vào yết kiến quốc vương một chút đã, rồi sau sẽ xin vâng theo chỉ dụ gióc tóc cũng chưa muộn". Vua Thanh khen, nói : "Thật là trung thần của họ Lê". Nhưng vẫn cho đưa bọn Quýnh vào Yên Kinh. Về sau, vì không chịu gióc tóc, Lê

Chb. XLVII,45

(1) Nay là Bắc Kinh.

Quýnh bị khép vào tội chống mệnh lệnh vua Thanh, bị giam ở ngục Bắc Sở thuộc ty Thận Hình.

Tháng giêng, mùa xuân, năm Canh Tuất (Thanh, năm Càn Long thứ 55)[1] nhà vua từ Quảng Tây lên Yên Kinh. Đinh Nhạ Hành và các bầy tôi khác liền đó cũng đều được vời đến. Ở lại Yên Kinh được vài ngày, thì thấy Kim Giản, đô thống Nhương Hoàng Kỳ, vâng chiếu chỉ vua Thanh, ban cho nhà vua bộ mũ áo tam phẩm và được cha truyền con nối chức tá lãnh. Nhà vua biết sự đã rồi, không làm sao được, đành phải gắng gượng nhận lãnh. Kịp khi vua Thanh đi tuần du phía đông đã quay về, lại dùng Phan Khải Đức làm kiêu kỵ hiệu, Đinh Nhạ Hành và Phạm Đình Thiện làm lãnh thôi ; còn mọi người khác đều được cấp cho lương tháng 3 lạng bạc và một thạch gạo.

Nhà vua căm giận vì bị người Thanh lừa gạt, bèn cùng các bầy tôi là bọn Phạm Như Tùng, Hoàng Ích Hiểu, Lê Hân, Nguyễn Quốc Đống, Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Lê Văn Trương, Lê Tùng và Lê Thức mười người uống máu ăn thề, làm bài biểu định đưa lên vua Thanh để xin quân cứu viện, nếu không được thì xin được đất hai châu Tuyên Quang và Thái Nguyên để quay về giữ việc thờ cúng tổ tiên, hay là cùng nhau lén về Gia Định, nương nhờ triều ta[2] để dần dà toan tính việc khôi phục, chứ quyết không chịu sống thừa ở đất Bắc. Chb. XLVII,46

Vua tôi bàn nhau cứ phủ phục ở sân rồng mà khẩn khoản yêu cầu ; nếu có xảy ra sự gì bất trắc thì sống chết cũng liều.

Trước hết, các bầy tôi đến chỗ ở của Kim Giản báo cho Kim Giản biết. Kim Giản mời họ vào để yên ủi và nói : "Hãy

(1) Tức là năm 1790.
(2) Chỉ triều Nguyễn.

tạm lui về quán trọ, đợi sẽ thương lượng sau". Kim Giản bèn mưu bàn với Hoà Thân : phân tán vua tôi mỗi người một ngả.

Tháng 4, mùa hạ, năm Tân Hợi (Thanh, năm Càn Long thứ 56)(1), nhà Thanh cho đem :

- Hoàng Ích Hiểu đi Y-lê(2).
- Lê Hân đi Phụng Thiên(3).
- Phạm Như Tùng đi Hắc Long Giang(4);
- Nguyễn Quốc Đống đi Cát Lâm(5);
- Bọn Nguyễn Viết Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Nguyễn Hùng Trung, Đàm Thận Xưởng và Lê Văn Trương đi Nhiệt Hà(6) và Trương Gia Khẩu(7).

Riêng Phạm Đình Thiện và Đinh Nhạ Hành vẫn cho ở lại Yên Kinh để hầu hạ và hộ vệ nhà vua.

Do sự lo buồn căm phẫn nung nấu trong lòng, nhà vua từ lúc hãy còn mờ sáng, đã vội ruổi ngựa vào nhà Kim Giản, muốn vì các bầy tôi mà kể khổ. Bấy giờ Kim Giản đang hầu vua Thanh ở vườn Viên Minh. Nhà vua kịp phi ngựa vào cổng vườn. Tên canh vườn sợ(8) [động đến tai vua Thanh], bèn giằng lấy ngựa, dìu nhà vua lên xe. Người hầu ngựa (mã đồng) là Nguyễn Văn Quyên níu lấy cương ngựa, kêu lên rằng : "Chúng bay vô lễ ! Dám làm nhục quốc vương ta". Văn Quyên liền lấy gạch ở trong sân ném tên canh vườn. Tên này bèn kéo đàn kéo lũ đến đánh. Văn Quyên

Chb. **XLVII**,47

(1) Tức là năm 1791.
(2) Một trọng trấn ở phía Tây Trung Quốc.
(3) Tức tỉnh Liêu Ninh ở Đông Bắc Trung Quốc.
(4) Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.
(5) Một tỉnh ở Đông Bắc Trung Quốc.
(6) Một tỉnh ở phía Đông Bắc bộ Trung Quốc.
(7) Trương Gia Khẩu nay là đất huyện Vạn Toàn thuộc tỉnh Sát Cáp Nhĩ, Trung Quốc.
(8) *Cương mục* chỉ chép là "thủ viên giả khủng", nhưng không nói rõ "tên canh vườn sợ" gì.... Đây chúng tôi dựa vào *Lê quý dật sự* mà chua thêm trong hai ngoặc đơn cho sáng nghĩa, vì theo sách đó, thì Chiêu Thống đến vườn, phục xuống đất, kêu lớn...

bị đánh đến gần chết, rồi lại phải đưa đến ty Thận Hình. Hơn một tháng sau, Văn Quyên mới được phép trở về doanh trại, rồi vì những thương tật ấy, bị bệnh mà chết.

Tháng 5, mùa hạ, năm Nhâm Tý (Thanh, năm Càn Long thứ 57)[1], nguyên tử qua đời[2]. Nhà vua, do đó, se mình. Ngày Ất Tỵ (ngày 16) tháng 10, mùa đông, năm Quý Sửu (Thanh, năm Càn Long thứ 58)[3], nhà vua bệnh kịch, cho vời bọn Duy Khang, Đình Thiện và Nhạ Hành đến, trối trăng : "Gặp lúc vận nhà không may, ta không biết liều chết giữ lấy xã tắc, phải nhờ đậu quê người đất khách để mưu tính việc khôi phục, chẳng dè bị người lừa gạt đến nỗi phải uất hận đến thế này, thật là ở vào tình thế không biết xoay sở ra sao được ! Một ngày kia, bọn các ngươi nếu có ai về được nước nhà thì nên đem nắm xương tàn của ta về táng để tỏ ý nghĩa quay đầu về núi". Các bầy tôi khóc lạy, xin vâng theo mệnh lệnh. Đoạn, nhà vua tắt nghỉ[4].

Vua Thanh sai táng vua Lê bằng nghi lễ công tước ở chỗ Tướng đài oa ngoài cửa Đông trực môn, cho con nuôi vua Lê là Lê Duy Khang được thế lập chức tá lãnh.

Các bầy tôi đều để trở theo lễ đã quy định, thay phiên nhau đến thủ hộ tại nơi phần mộ nhà vua.

Viết Triệu ở Nhiệt Hà được tin cáo phó, bèn đặt bài vị nhà vua tại chỗ mình ở, lạy, khóc rất thảm thiết. Nhân đó, Viết Triệu bị bệnh rồi chết.

Tháng 11, mùa đông, năm Kỷ Mùi (Thanh, năm Gia Khánh thứ 4)[5], thái hậu cũng vì lo buồn mà chết.

(1) Tức năm 1792.
(2) Chết vì bệnh dậu mùa.
(3) Tức năm 1793.
(4) Thọ 28 tuổi.
(5) Tức là năm 1799.

Năm ấy[1], vua Thanh sai thả bọn Lê Quýnh ra khỏi ngục, từ đầu tóc đến ăn mặc đều được để cho tuỳ tiện[2].

Năm Nhâm Tuất (1802), niên hiệu Gia Long thứ 1 triều ta[3]. (Thanh, năm Gia Khánh thứ 7). Thế tổ Cao hoàng đế ta[4] diệt được Tây Sơn, thống nhất bờ cõi, sai sứ sang thông hiếu với nhà Thanh. Nhân đó các bầy tôi nhà Lê dâng biểu xin trở về nước nhà. Chb. XLVII,48

Năm Giáp Tý (1804), niên hiệu Gia Long thứ 3 (Thanh, năm Gia Khánh thứ 9), vua Thanh cho phép đưa linh cữu vua Lê, thái hậu và nguyên tử về nước. Tháng 2, mở quan ván ra, thì thấy : vua Lê, da thịt đều tiêu cả, chỉ riêng có quả tim vẫn không nát, hãy còn rớm máu tươi đỏ như lúc sống. Ai trông thấy cũng phải xót xa, kinh ngạc.

Tháng 8, đến Trấn Nam quan. Tháng 9, về đến thành Thăng Long (hoàng phi Nguyễn Thị, trước đây lánh loạn, ngầm ẩn náu ở vùng Kinh Bắc ; đến bấy giờ, đi đón quan tài vua Lê, hộ tống chầu hầu cho về đến Thăng Long thì uống thuốc độc tự tử).

Tháng 11. Táng nhà vua ở lăng Bàn thạch (cho Viết Triệu và Văn Quyên phụ táng).

Tháng 2, năm Giáp Thân (1884), niên hiệu Kiến Phúc thứ 1 (Thanh, năm Quang Tự thứ 10), truy đặt tên thuỵ cho nhà vua là Mẫn hoàng đế. (Trước đây, nhà vua chạy sang nhà Thanh, người nước ta gọi nhà vua là Xuất đế, hay là Chiêu thống đế, còn bài vị thờ trong miếu nhà Lê ở thôn Kiều Đại thuộc tỉnh Thanh thì đề là Nghị hoàng đế. Tên thuỵ này có lẽ là do các bầy tôi tòng vong đặt riêng cho chăng. Dực Tông Anh hoàng đế (Tự Đức) ta có lời phê [về Lê Mẫn Đế] để bảo

(1) Kỷ Mùi, 1799.
(2) Nghĩa là bọn Lê Quýnh cứ việc để tóc và mặc quốc phục, không bị cưỡng ép theo kiểu người Mãn Thanh.
(3) Triều Nguyễn.
(4) Tức là Gia Long mà sử thần triều Nguyễn tôn xưng.

cho mọi người biết, đại lược nói : "Nhà vua bị người ta lừa gạt, bị giám buộc ở quê người đất khách, đến nỗi lo buồn phẫn uất, ôm hận mà chết, thân dẫu chết, nhưng tâm không chết, kể cũng đáng thương ! Vậy nên truy đặt tên thuỵ là Mẫn đế". Việc này đã được giao xuống cho đình thần bàn luận ; đến đây truy đặt tên thuỵ như thế, là tuân theo mệnh lệnh đã ra sẵn từ trước. Trong bài sách văn đặt tên thuỵ có câu : "Cơ đích nhị tam thần bộc, phú Trung lộ hề hồ vi ! Thê trì nhất thập dư niên, khống đại bang nhi thuỳ cực !" Và "Mỹ thường giả mệnh, nan vi phục hạ chỉ Thiếu Khang ; Bất tử kỳ tâm, vô quý tuận Minh chi Trang Liệt"(1).

Nhà Lê trên đây từ Thái Tổ, Mậu Tuất, năm thứ 1 (1418)(2) đến Chiêu Tông, năm Bính Tuất, Quang Thiệu thứ 11 (1526) cộng 9 đời vua gồm 109 năm. Phụ vào đó, Mạc Đăng Dung 3 năm, Đăng Doanh 3 năm, Hậu Lê từ Trang Tông, năm Quý Tỵ, Nguyên Hoà thứ 1 (1533) đến Mẫn Đế năm Kỷ Dậu, Chiêu Thống thứ 3 (1789), cộng 16 đời vua, gồm 257 năm, tổng cộng tất cả là 372 năm. Chb. **XLVII**,49

Lời phê I - *Nhà Lê từ Thái Tổ sáng lập cơ nghiệp, truyền nối chưa được mấy đời, chỉ có Thánh Tông được kể là rất thịnh trị, còn mấy vua khác đều mờ tối, ươn hèn, không đáng đếm xỉa. Từ khi trung hưng về sau, chính quyền về cả trong tay họ Trịnh, nhà Lê chỉ còn tiếng suông. Lúc khai sáng thì chính đại và gian nan như vậy, đến sau truyền ngôi thì rối ren còi cõm*

(1) Ý nói : Về phần vài ba người bầy tôi tòng vong theo hầu cương ngựa cho Chiêu Thống, họ có cái đau buồn như thơ "Thúc vị" trong Bội phong *Kinh Thi* đã tả cái cảnh quá dỗi suy vi của Lê hầu trong cơn mất nước, phải kiều ngụ ở nước Vệ, làm cho bầy tôi phải khổ sở nhục nhã trong cảnh giãi móc dầm sương. Về phần Chiêu Thống, nhà vua nhờ dậu ở bên nhà Thanh đến hơn 10 năm, kêu cầu với nước lớn, nhưng nào có đi đến đâu. Thật đúng như thơ "Tái trì" (Dung phong, *Kinh Thi*) đã than phiền. Và : "Mệnh trời xoay vần bất thường, Lê Chiêu Thống khó làm như Thiếu Khang mà khôi phục được nhà Hạ. Nhưng trái tim không chết, thật chẳng thẹn với Trang Liệt đã chết theo nhà Minh.

(2) Đây là tính từ năm Lê Lợi bắt đầu khởi nghĩa, xưng Bình Định vương ; nếu kể từ năm lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thuận Thiên thì từ năm 1428.

như kia, không biết việc báo ứng ra thế nào nhỉ ? Hay là quy mô lập quốc còn có chỗ chưa được tốt chăng? Nhưng nhà Lê truyền đời được lâu dài, vượt hẳn nhà Lý, nhà Trần trước thì là do công đức của Thái Tổ mà được thế chăng?

Lời phê II[1] - *Nào đâu là "giãi tỏ nghĩa cả" như lời đã nói nữa ! Hoặc giả vua Càn Long vì già nua lẫn cẫn, bị bọn gian thần phỉnh gạt*[2] *hay là chỉ vì háo danh mà không có sự thực chăng ?*

Lời phê III[3] - *Nghìn năm hãy còn chua xót !*

Lời cẩn án - *Nhà Lê từ Thái Tổ (1428-1433) khởi nghĩa Lam Sơn, phá giặc Minh, kiến thiết đất nước, cảm hoá được kẻ hung tàn, bãi bỏ được hình phạt giết chóc*[4]*, rộng cứu sinh dân, công đức cao dày như trời đất, sánh với những triều đại từ Lý, Trần về trước, thật chưa đời nào có được như vậy. Truyền vài đời đến Thánh Tông (1460-1497) : ở trong nước thì sửa sang văn trị, đối với ngoài thì lừng lẫy võ công ; rực rỡ hiển hách làm cho sự nghiệp đời trước được sáng tỏ thêm. Kể cũng gọi là thịnh trị đấy.*

Từ đời Uy Mục (1505-1509) trở về sau diễn mãi những trò tranh cướp giết hại lẫn nhau, vận nhà Lê, do đó, giữa vời suy đồi. Họ Mạc nhân dịp, tiếm lấn bề trên. Mà nhờ được ý trời chưa thay đổi, Triệu Tổ Tĩnh hoàng đế[5] *ta đứng đầu xướng xuất khởi nghĩa, đón Trang Tông (1533-1548) mà lập làm vua : chính thống lại được tỏ sáng, kỷ cương lại được đứng đắn, công*

(1) Chỉ việc Thanh Càn Long tuyên bố trong bài thủ chiếu là sẽ "dãi tỏ nghĩa cả với thiên hạ" (Xem Chb. XLVII, 33 (nhưng thực tế, theo Tự Đức, thì là bất chính : vì một mặt lừa gạt Lê Chiêu Thống bằng cách bảo đổi trang phục theo người Mãn Thanh rồi giữ chịt ở lại Trung Quốc ; một mặt khác, tiếp nạp sứ giả và thừa nhận nhà Tây Sơn.

(2) Chỉ bọn Khang An và Hoà Thân.

(3) Chỉ việc Chiêu Thống chết còn ôm hận đến nỗi trái tim còn đỏ, không tiêu tan.

(4) Nguyên văn là "thắng tàn, khử sát" (chữ trong thiên "Tử Lộ" sách *Luận ngữ*), ý nói Lê Thái Tổ khéo trị nước, có chính sự tốt để giáo dục kẻ tàn bạo khiến cho bỏ được điều ác và đưa dân đến chỗ lương thiện, không phải dùng đến hình phạt giết người.

(5) Nguyễn Kim, tổ triều Nguyễn.

nghiệp trung hưng lừng lẫy rực rỡ hàng nghìn đời. Họ Trịnh dựa vào cơ đồ đã gần thành tựu, chuyên nắm quyền bính trong nước, vua Lê chỉ giữ có chiếc ngai suông, không ai dám nói sao cả. May thay, danh phận hãy còn, cả nước cùng tôn vua Lê làm cộng chủ(1). *Khoảng niên hiệu Chính Hoà (1680-1705), Vĩnh Thịnh (1705-1719), bốn phương vô sự, trong nước hơi yên ; thế cũng là cuộc thịnh vượng trong một thời như đời vua Thiếu Khang nhà Hạ.*

Hiển Tông (1740-1786), sau khi bị giam cầm, vào nối nghiệp lớn, biết kín đáo giữ mình, thuận lựa theo chiều biến cố, ung dung lặng lẽ, không thi thố gì, Chb. **XLVII**,50 *làm cho Trịnh Sâm dẫu ngạo nghễ, càn bậy rông rỡ, lấm lép đến đâu cũng không dám giở hết mọi ngón độc ác, nên Hiển Tông mới ở ngôi được hơn 40 năm.*

Họ Trịnh vô đạo, bị trời tước đoạt mất quyền soi xét : hấn khích nổi ở trong nhà, quân sĩ sinh ra kiêu rông ngang ngược. Giặc Chỉnh nhân dịp, dẫn quân ngoài đến phá hoại nước nhà. Thế là Trịnh mất rồi Lê cũng đổ theo.

Kể từ khi nhà Lê suy yếu, tự mình không phấn chấn lên được, họ Trịnh đời này qua đời khác làm mãi những sự hung bạo, nhiều lần rông rỡ lấn hiếp, nhưng cuối cùng vẫn không dám chiếm lấy [ngôi vua] mà vơ làm của mình, để nhà Lê còn được truyền đời lâu dài đến hơn 200 năm, có lẽ cũng vì ở trong Nam, các Thánh vương triều ta(2) *gây dựng cơ sở, nêu cao nhân nghĩa, tiếng tăm thiêng liêng thấm khắp mọi nơi, có đủ có để làm tiêu tan tấm lòng ngấp nghé của họ Trịnh, nên Trịnh mới sợ mà không dám làm đó thôi.*

Mẫn Đế (1787-1789) gặp lúc thời vận không may, mà bọn người giúp rập lại không có tài như những tay phò tá ở những

(1) Ý nói chúa Trịnh ngoài Bắc, chúa Nguyễn trong Nam tuy cát cứ đất nước, nhưng cả hai đều theo niên hiệu nhà Lê, coi vua nhà Lê như vua chung cả nước.

(2) Chỉ các chúa Nguyễn cát cứ ở Nam Hà.

đời trung hưng xưa, cho nên dẫu muốn không bị diệt vong phỏng có được chăng? Nhưng, trong một thời bôn ba, vua thì nêu được nghĩa cả, tôi thì giữ được trung trinh, lòng thành khẩn làm cho người nhà Thanh phải cảm động, rạng rỡ sử sách, nếu không phải là do tổ tông nhân hậu lập quốc, ơn đức lưu truyền sao được đến thế?

Lời chua - *Hoàng Ích Hiếu* : Người Phong Nẫm, châu Thượng Lang(1).

Phạm Như Tùng : Người An Lão(2), huyện Thư Trì. Chb. **XLVII**,51

Nguyễn Viết Triệu : Người Thanh Thuỷ(3), huyện Nam Đường.

Lê Văn Trương : Người Nghĩa Động(4), huyện Nam Đường.

Lê Hạo : Người An Ấp, huyện Hương Sơn(5).

Lê Quý Thích : Người Động Bàng, huyện An Định(6).

Đinh Lệnh Dận : Người Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng(7).

Trần Huy Lâm : Người Nam Trực, huyện Nam Chân(8).

Lê Doãn : Người Đồng Trạch(9), huyện Quỳnh Côi.

Bế Nguyễn Cung, Bế Nguyễn Doãn : Bầy tôi biên giới ở Cao Bằng.

Lê Doãn Trị : Người Đại Mão(10), huyện Siêu Loại, là em Lê Quýnh..

Trịnh Hiến : Người Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc(11), khoảng năm Gia Long (1802-1819), làm quan đến tham tri bộ Binh.

Nguyễn Đình Miên : Người Hương Ngạnh, huyện Từ Liêm.

(1) Nay là huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
(2) Nay là thôn An Lão, xã Song An, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
(3) Nay là xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(4) Nay là thôn Nghĩa Động, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
(5) Nay thuộc tỉnh Hà Tĩnh.
(6) Nay là phần lớn huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa.
(7) Nay thuộc, tỉnh Hải Dương.
(8) Nay thuộc huyện Nam Trực, tỉnh NamĐịnh.
(9) Nay thuộc xã Quỳnh Lưu, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
(10) Nay thuộc xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
(11) Nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Lê Tùng : Người Tây Tựu[1], huyện Từ Liêm.

Lê Thúc : Người Đáp Cầu, huyện Hoằng Hoá[2].

Nguyễn Hùng Trung : Người Bình An[3], huyện Thư Trì.

Đàm Thận Xưởng : Người Hương Mặc[4], huyện Đông Ngàn.

Lý Gia Du : Người Thuỵ Lôi[5], huyện Kim Bảng, khoảng năm Gia Long, làm quan đến thị trung học sĩ, rồi được trao chức cai bạ ở Quảng Đức doanh.

Nguyễn Văn Quyên : Người Bố Vệ, huyện Đông Sơn[6].

Hoàng phi Nguyễn thị : Tên là Kim, người Tì Bà[7], huyện Lang Tài.

Lăng Bàn Thạch : Xem Lê Hiển Tông, năm Cảnh Hưng thứ 47 (Chb. XLVI, 27).

Thăng Long : Xem Lý Thái Tổ, năm Thuận Thiên thứ 1 (Chb.II, 11).

Dịch xong ngày 28 tháng 3 năm 1960.

(1) Tục gọi làng Đăm.
(2) Nay là huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
(3) Nay thuộc xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.
(4) Nay là thôn Hương Mạc, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(5) Nay là xã Thúy Ái, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
(6) Nay là huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
(7) Nay là thôn Tì Bà, xã Phúc Hòa, huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh.

SÁCH DẪN

Lời dẫn: Phần sách dẫn này, gồm hai phần:

1. *Sách dẫn A* gồm tên đất - tên người - tên tác phẩm như các sách dẫn thông thường.

2. *Sách dẫn B* gồm 73 chủ đề xếp theo thứ tự a, b, c,... vần quốc ngữ tên các chủ đề.

Nội dung chỉ dẫn tìm tài liệu theo thứ tự số quyển, số tờ trong bản gốc chữ Hán được ghi lại trong bản dịch, nghĩa là theo thứ tự niên đại cho dễ tìm.

Bản sách dẫn này có dùng những chữ số La Mã và số Ả Rập khác nhau để tiện phân biệt. Thí dụ: Tb, II, 12. Số II là số quyển, còn số 12 là số tờ (mỗi tờ gồm 2 trang) của nguyên văn bản Cương mục chữ Hán. Chuyển sang bản dịch, số này được ghi riêng ở góc bên phải, giữa một khung vuông trắng ngỏ. Thấy Tb, II, 12, ta tìm ngay được Tiền biên, quyển II, tờ 12.

Các tên sách đều in chữ ngả. Còn tên hiệu, sẽ có biểu đối chiếu riêng phụ sau.

SÁCH DẪN A
TÊN ĐẤT - TÊN NGƯỜI - TÊN TÁC PHẨM

A

A BÁT XÍCH: Chb. VII, 1, 3, 7

A Lạp: Chb. VII, 40

A Lâm: Tb. II, 5

A LÝ: Chb. VII, 31

A LÝ HÔI: Chb. IX, 2

A NAN: Chb. IX, 15

A THAI: Chb. VII, 29; VIII, 3, 8

A THÍCH: Chb. VII, 29, 40

Ả NÙNG: Chb. II, 44

Ả TRẦN: Chb. VIII, 14

ÁC LAI: Chb. X, 10

Ai Lao: Chb. III, 12; 13; 26-27; V, 10; 22; VIII, 14, 22, 23, 25, 38; IX, 33, 34, 35, 37, 46; XIII, 9, 10, 14, 15, 16; XIV, 15; XV, 9, 29, 30; XVI, 12, 17, 22, 23; XVIII, 18, 20, 21; XX, 16, 17, 18; XXI, 1; XXII, 5, 6, 35; XXVII, 20, 25, 26, 29, 40, 41; XXVIII, 14, 18; XXIX, 13; XXXIV, 37, 47; XXXV, 1; XXXVII, 2; XLI, 26, 27, 28, 31; XLIV, 1; Tb. IV, 9;

AI VƯƠNG: X. Kiến Đức

Ải Lưu (cửa ải): Chb. XIV, 18, 20

Ái: Chb. XIII, 2

Ái Châu: Chb.I, 10, 15, 24; II, I. 12, 33, 39; III, 6; VI, 23, 33; VII, 39; X, 37; XII, 1, 2, 11; XIII, 2; XIV, 7; XVIII, 27; XXI, 20, 22; XXVII, 24; XXVIII, 26, 27; XLIII, 4; Tb. I, 20; II, 12; III, 33; IV, 18, 19, 22, 28; V, 18

Ái Chử: Chb. XLIII, 14

Ái Mộ: Chb. XLV, 9, 10

Ái Tử: Chb. XXVIII, 12, 31; XLVI, 16

Ái Tử (sông): Chb. XII, 39

Am Sài: Chb. XXXIII, 12

Âm Công: Chb. XXXII, 25, 26

AN: X. TRẦN AN:

An : X. Yên

An (Yên) Duyên: Chb. V, 37, 38

AN Ấp: Chb. XXXV, 18; XLVII, 35, 51

An Bác: Chb. XXX, 8, 24

An Bài: Chb. XXI, 13; XXXI, 31

An Bang : Chb. II, 23-24; IV, 43; VI, 17; VII, 31; X, 30; XIII, 32, 33; XV, 5; XVI, 17; XVII, 9; XVIII, 2; XX, 2, 3, 8, 20, 21, 27-30, 34; XXI, 2, 16, 19, 29, 35; XXII, 29, 30, 32; XXIV, 10, 11; XXV, 8, 36; XXXIII, 7; XXXVI, 5; Tb. I, 4; IV, 19

An Bang (động): Chb. XVII, 17, 18 Tb. I, 4 ; IV, 19

An Bắc: Chb. XXXIII, 28

An Bình: Chb. XXVII, 2

An Bình (Trung Quốc): Chb. XVII, 17, 24, 25; XVIII, 30, 31

An Bình châu: Chb. XXI, 3

An Châu: Chb. IX, 30; XX, 19

An Cựu: Chb. XLVII, 40

An Dân: Chb. III, 10-11

An Dũng: Chb. VII, 16

An Dương: Chb. XXI, 17; XXVIII, 14

AN DƯƠNG VƯƠNG: Tb. I, 8-18; Tng. 4; Dch. II, 9; Phl. 2, 3, 4

An Dưỡng : Chb. VI, 17

An Đại : Chb. XXXII, 5, 6

An Để (làng) : Chb. V, 22

An Điểm: Chb. XXXII, 27, 29

An Định : Chb. I, 20; XVIII, 34; XIX, 7; XX, 22, XXI, 16, 37; XXVI, 26; XXXIII, 27; XXXVIII, 12; XXXIX, 21, 51; XLVII, 15; Tb. II, 5

An Định (huyện): Chb. XXVII, 22, 23, 24, 25; XXIX, 3

An Định (núi): Chb. XXVIII, 5, 6, 27; XXIX, 6, 8, 17; XXX, 21

An Đồng: Chb. XLV, 7, 31; XLVI, 6, 34

An Giang: Chb. XXXIX, 18

An Hang: Chb. VIII, 17, 18 Chb. XXXIII, 12

An Hánh: Chb. VIII, 18, 23; IX, 1 Chb. XXXIV, 33

An Hoa phường: Chb. VI, 3; VIII, 39 Chb. XXVI, 22

An Hoá: Chb. XXI, 18 Chb. XXXIX, 17, 18; XLIII, 11

An Hoạch: Chb. XLVI, 38 Chb. XXXIII, 22

An Hưng: Chb. VI, 18; VIII, 6

AN KỲ: Chb. VI, 17

An Lạc: Chb. XXI, 18 Chb. XXXII, 25, 26; XXXVIII, 28, 29 Chb. XXXIX, 10; XL, 11; Tb. V, 30

An Lãng: Chb. XXXIV, 40

An Lãng: (xã): Chb. XLIII, 32

An Lão: Chb. XXI, 17, 25; XXVII, 17; XXXIX, 9; XL, 24; XLIII, 12; XLVII, 51

AN LÃO (tướng Minh): Chb. XV, 27

An Lệnh: Chb. XLIII, 27

AN LỖ UY: Chb. IX, 2

An Mô: Chb. IX, 47

An Nam: Chb. IX, 9; XII, 20; XIV, 24; XVI, 24; XVII, 30; XIX, 1; XXII, 29; XXIII, 33; XXIV, 7, 8; XXXIII, 6; XXXIV, 23, 43; XXXV, 17; XXXVI, 29; XXXVII, 5, 6 ; XLVII, 32, 33, 35, 43, 44 Tb. II, 4; III, 21, 30; IV, 18, 22, 23, 25, 33, 36;

An Nam (Lĩnh Nam): Tb. V, 1, 2, 5, 10

An Nam chí: Chb. I, 23, 36; II, 17; III, 41; X, 52

An Nam chí nguyên: Chb. VI, 22, 36; IX, 47; Tb. I, 2, 13, 16; II, 28

An Nam đô hộ phủ: Chb. V, 12; XXI, 32

An Nam đô thống sứ: Chb. XXXIII, 25; XXXIV, 17

An Nam đô thống sứ ti: Chb. XXVII, 36, 37, 39; XXX, 26

An Nam kỷ yếu: Chb. XXXIV, 26, 43; Tb. IV, 26, 27, 28, 31, 38; V, 4, 10, 13, 15, 16, 17

An Nam quản: Tb. IV, 14

An Nam quốc: Chb. V, 12–13

An Nam quốc vương: Chb. XXXII, 4; XXXIII, 21; XXXIV, 17; XXXV, 17, 26; XLII, 12; XLVII, 35, 44

An Nam tức sự: Chb. VI, 22

AN NAM TƯỚNG QUÂN : Tb. III, 10

An Nẻo: Chb. XXXII, 37, 38

An Nhân: Chb. VI, 7 ; XXII, 9

An Ninh : Chb. VIII, 18

An Phú: Chb. XVIII, 12, 18

An Quảng : Tb. II, 5

An Quốc : X. Trần An Quốc

AN QUỐC THIẾU QUÝ: Tb. I, 30

An Sơn: Chb. XXVII, 22, 23 Chb. XXXIX, 17, 18

An Sinh Vương : X. Trần Liễn

An Tây: Chb. XLV, 23 Chb. XX, 17; XXI, 19; XXIII, 28, 29; XXVII, 15; XXXVI, 3

An Thành: Chb. XXI, 11; XLVI, 31

An Thuận : Tb. IV, 19

An Thường: Chb. XXXVIII, 27

An Tiêm: Chb. XXI, 26

An Trường: Chb. XXXII, 10, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, 23, 24, 27; XXXIV, 34; XXXV, 13; XXXVI, 27; XXXIX, 11, 26; XL, 21; XLIII, 14, 32; XLIV, 15

An Trường (tràng): Chb. XXVIII, 4, 13, 16, 17, 22, 23, 25, 26; XXIX, 4, 16; XXXI, 5

An Viễn hầu: X. LIỄU THĂNG

An Việt (cửa biển): X. Việt An

An Xá: Chb. XLVII, 8

Ấn Động: Chb. II, 3

Ấn Lại: Chb. XXXVI, 31

ANH (con Phúc Nguyên): Chb. XXXI, 28

Anh Đô: Chb. XLIII, 11 Chb. XXI, 17, 33; XXXVI, 6

Anh Hoa hiếu-trị thi tập: Chb. XXI, 12

Anh Hoàng : Chb. VIII, 20

Anh Sơn: Chb. II, 2 Chb. XII, 21; XXI, 33; XXIX, 5, 6; XLIII, 11

ANH TÊ : Tb. I, 28, 29

Anh Tông (Lê): Chb. XXVIII, 7

Anh Tông kỷ: Chb. XXVIII, 7-35; XXIX, 1-5

ANH VŨ : Chb. XXI, 26

Anh Vũ Chiêu thắng: Chb. III, 37-44

Âm Động : Chb. XX, 20

Âm nhạc: X.S.D.B, XIV, 1

Ân Long : Tb. IV, 19

ÂU CƠ: Tb. I, 1, 2

ÂU ĐẠI NHẬM : Tb. I, 10

Âu Lạc : Tnb. 3; I, 8

Âu Lạc : Tb. II, 2

ÁO LỖ XÍCH : Chb. VIII, 1, 2, 7, 8

B

BA AN QUÂN : X. NGUYỄN THỦ TIỆP

Ba Dội (Tam điệp): Chb. XLVII, 13, 14, 34, 40

Ba Đông: Chb. XXIX, 3

Ba La (cầu) (Tam La kiều): Chb. XIII, 28, 30, 31

Ba La (quán): Chb. XIII, 31

Ba Lạt: Chb. XXXV, 5

Ba Lẫm: Chb. XIII, 13, 14; XIV, 29

Ba Tây : Tb. III, 11

Ba Thái : Chb. XXII, 3

Ba Thục : Tb. I, 3, 4

Bà Hoà (sông): Chb. I, 20

Bà Hoà (trại): Chb. III, 9, 10

Bá Châu : Tb. I, 34

BÁ ĐẠI : Chb. IV, 41

BÁ LỖ : Dch. I, 1

BÁ NHAI (LÊ): Chb. XVIII, 26

BÁ THUYÊN : Chb. XXV, 33; XXVI, 2

Bác Bạch : Tb. V, 5, 12

Bác La : Tb. II, 4

Bác Nam : Tb. IV, 9

Bác Như: Chb. IV, 36, 37

Bác Trạch: Chb. XLI, 6; XLVII, 10, 11

Bạc Châu : Tb. V, 7

Bạc thị gia phả: Chb. XVII, 1

Bách Đích: Chb. XXXIV, 27

Bách Việt : Tb. I, 1, 11; II, 16

Bách Việt tiên hiền chí: Tb. I, 34; II, 3, 28

Bạch Đằng: Chb. XXXIX, 7, 15, 16; XLVII, 19

Bạch Đằng Giang : Chb. I, 17, 25, 26, V, 19-20; Tb. V, 18, 19

Bạch Đường: Chb. XXXII, 21

Bạch Hạc : Chb. VII, 4, X, 38, 39, XI, 36; XXI, 18; XXVIII, 14, XXX, 2; XXXIII, 12, 25, 27, 40; XXXIV, 12, 27; XXXV, 5; XXXIX, 10; XL, 10, 11, 20, 34, XLI, 3; Tb. I, 1, 2; V, 29

Bạch Hạc (sông) : Chb. XII, 9, 13

Bạch hổ thông: Chb. XXVII, 14

BẠCH KHUÊ: Chb. XVIII, 10, 11

Bạch Mã: Chb. XXXVII, 5, 7

Bạch Mai: Chb. XXV, 36; XXIX, 29; XLI, 19

Bạch Thạch (núi): Chb. XXVIII, 5, 6

Bạch Thông: Chb. IV, 37; XXI, 19; XXX, 29; XXXV, 38; XXXVIII, 8; XLII, 2, 3; XLIII, 2; XLIV, 35

Bạch Thông châu: Chb. III, 11

Bài Lẫm : Chb. XXI, 2

Bài Sa đôi: Chb. XIII, 31

Bãi Cốc (núi): Chb. XXXV, 6

Bái (làng): Chb. XXIX, 30

Bái Ân: Chb. XXXIV, 24

Bái Đáp: Chb. XLIV, 19, 20

Bái Đô: Chb. XIV, 9

Bái Hạ: Chb. XLVII, 11, 12

Bái Thượng: Chb. XXXIX, 26, 27

Bái Trại: Chb. XXXIII, 27

Bái Trang: Chb. XXVII, 41

BAN : Chb. XIX, 2, 3

Ban Động : Chb. XXIII, 32, 35

Bàn: Chb. XIV, 15

BÀN CỔ : Tng. 3

Bàn Hải (núi): Chb. I, 23

BÀN LA TRÀ DUYỆT : Chb. XXI, 38; XXII, 29

Bàn Thạch (lăng): Chb. XLVII, 26, 27, 48, 51

Bản Đạt lang: Chb. XII, 3

Bản Giang : Chb. XXII, 3

Bản kỷ : Chb. XXIII, 28

Bản kỷ thực lục: X. *Đại Việt bản kỷ thực lục*

Bản kỷ thực lục (của NGÔ SĨ LIÊN: Chb. XIII, 31

Bản Tân: Chb. XLIV, 23, 24

Bán Nguyệt (hồ): Chb. XLVII, 21, 22

Bạn Xung: Chb. XLIII, 28, 29

BANG CƠ (LÊ): Chb. XVII, 21, 23; XVIII, 8

Bang giao bị lãm: Chb. XVII, 24, 27

Bang giao tập: Chb. XXXV, 17

BẢNG: Chb. XXVI, 41

BÀNH ĐẠO TƯỜNG: Chb. XII, 42

BAO TƯ: Chb. XII, 24

BÀO HI THỊ : Tng. 3

Bảo Châu: Chb. XXVI, 40, 41, 42

Bảo Đà : Chb. XXV, 35; XXVI, 1, 30 Tb. V, 29

Bảo Định: Chb. XXX, 1

Bảo Định bá: X. LƯƠNG MINH:

Bảo Hoà điện dư bút: Chb. XIII, 5

Bảo Khánh: Chb. XXVI, 28

Bảo Lạc: Chb. III, 44-45; XVIII, 12, 13; XXVIII, 26, 28; XXXIV, 20, 21, 26; 27, 43, 46; XXXVIII, 8; XLVII, 28

Bảo Lạc châu: Chb. XX, 20, 21; XXI, 19, 35

Bảo Lộc: Chb. XIII, 12; XXXIII, 12; XXXVIII, 2; XXXIX, 30; XL, 4, 10, 29; XLIII, 12; XLVII, 19, 22, 23

BẢO LỘC KÊ: Chb. VIII, 45

BẢO LƯƠNG: Chb. V, 29-30

Bảo Ninh: Chb. III, 10-11

Bảo Phù: Chb. VII, 15-20

Bảo Quang (điện): Chb. XXIV, 21

Bảo Sơn: Chb. XXXVII, 5

Bảo Thái: Chb. XXXV, 27 - 42; XXXVI, 1-34; XXXVII, 1-8; XXXIX, 3, 5, 11, 25, 27, 28; XL, 24, 31. XLI, 2, 23, XLIII, 6, 29, XLIV, 6, 7, 12, 30

Bảo Thái (làng): Chb. I, 4

Bảo Triện: Chb. XXXIX, 19; XL, 13; XLVII, 23

BẢO TRUNG: Chb. XXIX, 27

BẢO TỪ: Chb. IX, 15, 16, 18; X, 9; XLVII, 31

Bảo Vực: Chb. XLIV, 24

Báo Thiên : Chb. XXXIV, 30

Báo Thiên (chùa) : Chb. XLIV, 35, 36

Báo Thiên phường : Chb. IV, 32

Bạo Dương : Chb. XXIII, 36

Bạo Động (đất) : Chb. XVI, 23, 24

Bát bá tức phụ: Chb. XI, 13; XXIII, 29, 33, 34, 35

Bát Quế : Tb. I, 12

Bát Tiên tộc: Chb. XLI, 16

Bát Tràng: Chb. X, 3; XXXVII, 27

Bạt Trạc: Chb. XXXII, 11, 18, 19

Bắc Bình: Chb. XX, 19, 20, 23, 28, 36; XXI, 10, 32, 34 ; XXV, 15; XXXII, 1, 4, 39; XXXIII, 19 ; XL, 3.

Bắc Bố Chính: Chb. XXI, 24, 34; XXXI, 28, 31; XXXII, 6,

9, 10, 28, 29, 37, 38; XXXIII, 34, 35; XLV, 3, 4

Bắc Đái : Tb. II, 5

Bắc Đạo: Chb. XIII, 32; XV, 5, 6; XVI, 4, 13; XVIII, 20, 21; XXI, 6, 28, 32

Bắc Giang : Chb. VI, 2, 12, 22, 39; VII, 16, 32, 35; X, 15, 33, 36, 45; XI, 11, 18, 28, 37; XII, 10, 12, 17, 20; XIII, 24, 26, 32; XIV, 18, 20; XV, 5, 6 ; XIX, 4, XX, 2, 3, 8, 35; XXI, 16, 28; XXVI, 10; XXVII, 4, 11 Tb. I, 15; II, 12

Bắc Giang : Xem thêm Kinh Bắc

Bắc Hà: Chb. XLVI, 17, 25, 28; XLVII, 6, 29

Bắc Hà (phủ): Chb. XLII, 30

Bắc Hà phủ: Chb. XXI, 19, 35

Bắc Kỳ : Tb. I, 20

Bắc Kỳ tạp biên: Chb. XVII, 23; XXIII, 27

Bắc Ninh: Chb. I, 27, II, 2; III, 31, 34; 46; IV, 18; VI, 13; VII, 31, 33, 34; VIII, 3; X, 20, 31, 48; XII, 44; XIII, 12, 35; XIV, 4; XVIII, 15; XXI, 29, 35; XXV, 2, 19, 21; XXVI, 27, 39; XXVII, 6; XXXV, 24; XXXVII, 9; XXXVIII, 27, 39; XXXIX, 30; XL, 4, 10, 29; XLI, 8; XLIII, 2; XLIV, 12; XLV, 10, 15; XLVI, 2, 39; XLVII, 8, 12, 25, 35. Tb. I, 4 ; II, 7 ; IV, 32 ; V, 19, 30.

Bắc Ninh: Xem thêm Kinh Bắc

Bắc Ninh tỉnh chí: X: Bắc Ninh tỉnh sách:

Bắc Ninh tỉnh sách: Chb. XIII, 12; XIV, 4

Bắc Thành: Chb. XXI, 21, 26, 28, 30, 31, 32, 33

Bắc Thần : Chb. XXVI, 28

Bắc Thuận xã : Tb. IV, 16

Băng Hồ ngọc hức tập: Chb. XIII, 5

Băng Hồ thi tập: Chb. XI, 2

Băng Sơn: Chb. VI, 23

Bằng Tường: Chb. VI, 24; XII, 13; XXII, 35; XXIII, 32; XXVII, 31, 35; XXX, 19; XL, 12, 13;

Bân Sơn: Chb. XLVII, 39, 40

Bân Xá: Chb. XXXII, 12

Bất Bạt: Chb. I, 34; III, 32; XXI, 18, XXIV, 34; XXVI, 13; XXXVI, 8; XLIII, 12

Bất Căng (động): Chb. XIII, 17

Bất Một: Chb. XLIII, 14

Bất Quần: Chb. XXXIII, 22

BỀ MI THUẾ: Chb. I, 19

BẾ CÔNG LƯỢNG: Chb. XXXIII, 16

BẾ CÔNG QUỲNH: Chb. XXXIV, 29, 30

BẾ CÔNG TẾ: Chb. XXXIII, 16

BẾ KHẮC THIỆU: Chb. XV, 27, 28

BẾ NGUYỄN CUNG: Chb. XLVII, 43, 51

BẾ NGUYỄN DOÃN: Chb. XLVII, 43, 51

BẾ NGUYỄN TRÙ: Chb. XLVII, 32

BẾ THUẤN: Chb. XIII, 11

BÌ LA HẠP : Tb. IV, 35, 36

BÍ CAI: Chb. XVII, 27, 29, 30, 31

BÍ ĐIỀN: Chb. XXI, 38

Bí thư khố: Chb. XXIII, 39

Bia Đá (núi): Chb. XLIII, 27

Bích Câu phường: Chb. XXVI, 28

Bích Dụ: Chb. XIX, 15

Bích Đào: Chb. XLII, 16

Bích Động: Chb. XXXVII, 16

BIÊN VĨNH (sứ Minh): Chb. XVIII, 27

Biến Khả: Chb. XII, 45

Biện : Tb. V, 1

Biện (cửa biển): Chb. II, 15

Biện Dinh: Chb. XXVIII, 24

Biện Lĩnh: Chb. XXVIII, 6

Biện Sơn : Chb. XLVII, 34 Tb. V, 30

Biện Thượng: Chb. XXVIII, 4, 6, 24

Binh gia yếu lược: Chb. XIII, 5

Binh Hồ: Chb. XII, 38

Binh Hợp huyện: Chb. V, 36

Bình : Tb. I, 26

BÌNH (ông Mạc Đăng Dung) : Chb. XXI, 25

Bình An: Chb. XLVII, 51

Bình Cách (xã): Chb. XII, 28

Bình Chính: Chb. XXI, 34; XXXI, 29, 32; XXXII, 6, 28; XLVII, 38 Tb. IV, 16

Bình Chính (chánh): Chb. III, 29; X, 39, 51

Bình Dân: Chb. XL, 3; XLVII, 13

Bình Đạo : Tb. IV, 19

Bình Định : Chb. X, 41; XXII, 9; XLIV, 24; XLV, 34; Tb. I, 5; III, 21; IV, 16

BÌNH ĐỊNH VƯƠNG:X.LÊLỢI

Bình Định vương ký: Chb. XIII, 1-36; XIV, 1-29

Bình Giang : Chb. XXXVIII, 16, 35; Tb. I, 15, 16; V, 14

Bình Giang phủ: Chb. XXI, 25, 34

Bình Hà: Chb. XX, 27, XXIV, 20; XXV, 2, 25

Bình Hoà: Chb. XXII, 5; XXIX, 11

Bình Hồ : Chb. XII, 38.

Bình Hổ: Chb. XXXII, 17

Bình Khang: Chb. XXII, 5

Bình Kiều : Phl. 3; Tb. V, 27, 29

Bình Lãng: Chb. XXVII, 13; XXXII, 13, 14

Bình Lãng (làng): Chb. V, 22

Bình Lao: Chb. XXXVIII, 14

Bình Lăng: Chb. XXV, 15

Bình Lâm: Chb. II, 17

Bình Lỗ (sông): Chb. VIII, 36; XVIII, 14, 15

Bình Lỗ (thành): Chb. VIII, 31, 36

Bình Lục: Chb. XVII, 26; XXI, 13, 17; XXIX, 31; XL, 24; XLI, 6; XLIII, 12

Bình Lương: Chb. XXVIII, 18

Bình Ngô: Chb. XXV, 21; XL, 9

Bình Ngô (thôn): Chb. XXXVII, 33; XXXVIII, 26-28

Bình Ngô đại cáo: Chb. XIV, 27, 29

Bình Nguyên : Chb. II, 18, 41; XVII, 28

BÌNH NGUYÊN QUÂN : X.TƯ THÀNH (LÊ)

BÌNH NGUYÊN vương : Xem Tư Thành: Chb. XXI

Bình Sơn : Chb. XXI, 3, 7; XLIV, 24, 27;

Bình Tây : Tb. IV, 19

Bình Than: Chb. VII, 26, 28, 30; XI, 12; XII, 15, 16, 24, 25, 31, 32; XIII, 11, 12; XVIII, 14, 15; XXI, 15; XLVII, 25

Bình Than giang : Tb. I, 16

Bình Thuận : Chb. XXII, 4, 5 ; XLV, 2, 3

Bình Trù: Chb. XXXIV, 24

Bình Tuyền: Chb. XXI, 19, 35; XXXV, 38; XLIII, 12

Bình Văn : Tb. I, 3, 5

Bình Vọng: Chb. XLVI, 37; XLVII, 7

Bình Xuyên: Chb. XXI, 35; XXXV, 39; XL, 11; XLI, 4; XLIII, 12

Bô Cô: Chb. XII, 27, 28

BÔ LA ÁT: Chb. I, 22

Bô Sa Phá Tham Tốt: Chb. XVIII, 22

BÔ TRI TRÌ: Chb. XXII, 3, 4

Bồ: X. Lý Bồ

Bồ Cô: Chb. XII, 28

Bồ Cứ (núi): Chb. XIII, 20

Bồ Đằng: Chb. XV, 21, 22

Bồ Đằng (núi): Chb. XIII, 20, 21

BỒ ĐỀ: Chb. XVI, 8, 9; XVII, 30; XXV, 36; XXVI, 26, 27, 29, 34, 39, 40, 42; XXVII, 9; XXIX, 4, 33; XXX, 26

Bồ Đề : Chb. XL, 7, 28, 33 ; XLI, 6 ; XLVII, 35

Bồ Đề (bến đò): Chb. XXXVIII, 38

Bồ Đề (dinh): Chb. XIII, 36; XIV, 3, 4, 25

Bồ Đề (quân doanh): Chb. XV, 7, 8, 27, 28

BỒ KIÊN: Chb. VIII, 1

Bồ Liệp (núi): Chb. XIII, 18, 20

Bồ Sao: Chb. XXXIV, 12

Bổ Đà (một viện ở Sài Sơn): Chb. XXIV, 41

Bổ đinh: Chb. IV, 35; 37

BỐ BÀ MA: Chb. VII, 24

BỐ CÁI : Tb. IV, 26

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG X. PHÙNG HƯNG :

Bố Chinh: Chb. XXI, 23

Bố Chính: Chb. XX, 25, XXI, 17, 23; XXVIII, 25

Bố Chính : Chb. XLIV, 15, 18 ; XLV, 5, 6

Bố Chính (chánh): Chb. II, 21-22; 46; III, 29, 34; IV, 4; VI, 39; VII, 18; XII, 27; XIII, 23, 24, 33

Bố Chính (châu): Chb. XV, 10

Bố Chính (cửa biển): Chb. XII, 26, 27

Bố Chính châu: Chb. III, 29

Bố Chính doanh: Chb. XXXII, 9

BỐ ĐỂ: Chb. IX, 46; X, 5

BỐ ĐIỀN: Chb. V, 29

BỐ GIA LA: Chb. VI, 35

Bố Hải khẩu: Tb. V, 27, 29 ; II, 42

BỐ KHA : Chb. II, 46

Bố lệnh : Chb. II, 22; 46

Bố Sơn : Tb. II, 4

Bố Trạch: Chb. III, 29; X, 15; XII, 27; XXI, 34; XXXI, 32; XXXII, 6, 38

Bố Trạch : Chb. XLIV, 20

BỐ TRÌ : Chb. V, 29

Bố Vệ : Chb. XIX, 7 ; XVIII, 9 ; XXVIII, 7

Bố Vệ : Chb. XLVII, 51

Bố Vệ (lăng): Chb. XXIX, 3, XXXI, 17

BỘ CHẤT : Tb. III, 1, 5

Bộ Đầu : Chb. XLI, 24

BỘ LĨNH : X. ĐINH BỘ LĨNH

BỐC LONG : Tb. II, 26

BỐC THAN THIẾP MỘC NHI: Chb. VII, 24

BỘC CỐ HOÀI ÂN : Chb. XLII, 27.

Bộc Độ: Chb. XXVII, 5

Bôi Bồn: Chb. IX, 34

Bồi (con Hoàng Phùng Cơ) : Chb. XLVI, 20

Bối Khê: Chb. XXIV, 8

Bối Khê : Chb. XLV, 18 ; XLVII, 32

Bối Khê (làng): Chb. XVII, 22

Bội văn vận phủ: Chb. XXXVI, 26

Bôn Đà Lãng : Tb. II, 13

Bồn Man: Chb. XVI, 12, 32; XVIII, 2, 3, 8, 29; XIX, 13,

26; XXI, 15; XXIII, 28-30 ; XLI, 19

Bông Sơn : Chb. XXVIII, 6

BỒNG: Chb. XXXVIII, 28; XLI, 3

Bồng Hải: Chb. XX, 38

Bồng Lai: Chb. XXIV, 20; XXXI, 31

Bồng Sơn: Chb. XXII, 7, 9

Bổng: Chb. IX, 34

Bổng Luật: Chb. XXVIII, 26

BỘT LÂN (Minh): Chb. XXI, 3

Bột-thái : Chb. XXXIX, 21 ; XLIII, 6

Bột Thượng: Chb. XXXI, 27

BÙI BÁ KỲ: Chb. XII, 24, 25, 34

BÙI BÁ NGANG: Chb. X, 43

BÙI BẬT TRỰC : Chb. XLV, 29, 31

BÙI BỊ: Chb. XIII, 24, 26, 29, 30

BÙI BÍCH: Chb. XIV, 16; XXXIII, 37

BÙI CẦM HỔ: Chb. XVI, 6, 12, 13; XVII, 8, 10, 11, 17; XVIII, 16

BÙI CÔNG THẮNG: Chb. XXXI, 31

BÙI DƯƠNG LỊCH : Chb. XLVI, 33, 34 ; XlVII, 4, 11, 16, 19

BÙI ĐÌNH DỰ : Chb. XLII, 1

BÙI ĐÌNH VIÊN: Chb. XXXII, 22

BÙI ĐOAN GIÁO: Chb. XXV, 1, 2

BÙI ĐÔ: Chb. V, 26-27

BÙI HANH: Chb. XVI, 8, 32; XVII, 25; XVIII, 10, 20, 21

BÙI HẤP: Chb. X, 43

BÙI HUY BÍCH : Chb. XLV, 4, 5, 25 ; XLVI, 8, 9, 13, 20, 35, 36.

BÙI HỰU: Chb. XIX, 23

BÙI KHÂM: Chb. VI, 20

BÙI KHOAN: Chb. X, 18

Bùi Khổng: Chb. XXVIII, 5

BÙI KIÊN: Chb. XXV, 1

BÙI MỘ: Chb. VIII, 42

BÙI MỘC ĐẠC: Chb. VIII, 41; IX, 23

BÙI MỘNG HOA: Chb. XI, 17

BÙI NGUYÊN DỰ: Tb. IV, 35

BÙI NHUẬN : Chb. XLVI, 36 ; XLVII, 10.

BÙI NỘT NGÔN: Chb. XII, 34

BÙI PHÓNG: Chb. VII, 10

BÙI PHỔ: Chb. XXIV, 18

BÙI QUỐC KHÁI: Chb. V, 22

BÙI SĨ LÂM: Chb. XXXI, 9, 17, 18, 20

BÙI SĨ LƯƠNG: Chb. XXXII, 15, 16

BÙI SĨ TIÊM: Chb. XXXVI, 2, 3; XXXVII, 16, 17 ; XL, 15 ; XLIII, 2.

BÙI SƠN: Chb. XXIII, 4

BÙI TÁ HÁN: Chb. XXVII, 12; XXVIII, 21

BÙI THÁI : Tb. IV, 27, 29

BÙI THẾ ĐẠT : Chb. XI, 29 ; XLII, 16, 17 ; XLIII, 4, 5, 26, 27, 28, 30 ; XLIV, 10, 18, 34 ; XLVI, 18.

BÙI THẾ TOẠI : Chb. XLVI, 17, 18, 37.

BÙI THỊ. (mẹ Mạc Mậu Hợp): Chb. XXXI, 4, 6

BÙI TRỌNG HUYỄN : Chb. XL, 34 ; XLII, 19.

BÙI UYÊN : Tb. I, 14

BÙI Ư ĐÀI : Chb. XIII, 33; XIV, 7 ; XVI, 13, 14 ; XVII, 6, 7

BÙI ỨNG ĐẨU : Chb. XI, 37; XII, 22

BÙI ƯỚC : Chd. 3

BÙI VĂN DỰ : Chd. 5

BÙI VĂN KHUÊ: Chb. XXIX, 27, 29, 30, 31; XXX, 5, 18, 23; XXXI, 2, 3

BÙI VIẾT LƯƠNG: Chb. XXII, 27

Bút Cương (sông): Chb. XXVIII, 28

C

Cam Đường: Chb. XXXIV, 27

Cam Lâm : Tb. IV, 26; V, 18: X. Đương Lâm

Cam Lâm (xã): Chb. I, 11

Cam Lễ: Tb. III, 4

Cam Lộ: Chb. XXII, 6

Cảm Hoá: Chb. III, 10-11. IV, 37; 38; XXI, 19; XXXV, 29; XXXVIII, 8 ; XLIV, 35.

Can Lộc: Chb. XVI, 6

Càn Hải khẩu (cửa biển) x. Kiền Hải khẩu:

Càn Long : Chb, XXXIX, 1-28 ; XL, 1-30 ; XLI, 1-28 ; XLII, 1-29 ; XLIII, 1-31 ; XLIV, 1-29 ; XLV, 1-25 ; XLVI, 1-14 ; XLVII, 1-40.

CANH NGỌ : Chb. XLI, 3,

Canh Hoạch: Chb. XXVIII, 3; XXXI, 5; XXXVIII, 41

Canh Y điện: Chb. XXIII, 39

CẢNH (TRẦN THÁI TÔNG): x. Trần Cảnh

Cảnh Châu: Chb. I, 28

CẢNH HẤP: Chb. XXVIII, 33, 34

Cảnh-hưng : Chb, XXXIX, 1-36 ; XL, 1-34 ; XLI, 1-32 ; XLII, 1-31; XLIII, 1-37 ; XLIV, 1-36; XLV, 1-35 ; XLVI, 1-39.

Cảnh Lăng: Chb. XXVII, 43

Cảnh Lịch: Chb. XXVII, 42; XXVIII, 1-4

Cảnh Thống : Chb. XXIV, 23,

26-42; XXV, 1 - 14, 21; XXVI,4; XXXII, 30

Cảnh Thuần: Chb. XXIII, 31

Cảnh Thuỵ (Lê): Chb. II, 1-8

Cảnh Thuỵ (Nùng Trí Cao) : Chb. III, 13

Cảnh Trị: Chb. XXXII, 41; XXXIII, 1-33; XXXIV, 7; XLI, 14, 21, 25 ; XLIV, 6, 7 ;

CAO : Chb. XLV, 20 Tb. I, 26

CAO X. TRẦN CAO

CAO BẢO: Tb. III, 19

CAO BẢO TỰ: Chb. I, 6

Cao Bằng : Chb. II, 45; IV, 41; XX, 19, 21, 24, 36; XXI, 10, 19, 32, 35; XXV, 15; XXX, 27; XXXI, 4, 14, 19, 20, 29; XXXII, 1, 4, 39 ; XXXIII, 19, 21, 22, 25; XXXIV, 3, 4, 5, 9, 13, 26, 29; XXXV, 18, 19, 38; XXXVI, 12, 30, 31; XXXVIII, 8, 10; XXXIX, 20 ; Tb. I, 4; III, 28

CAO BIỀN : Chb. XI, 27; Tb. I, 13; IV, 36; V, 3, 5-13

Cao Bình X. Cao Bằng:

Cao Bộ: Chb. XIII, 28, 30, 31

CAO CẢNH CHIẾU: Chb. XII, 11

Cao Châu: Chb. XL, 23; XLII, 16, 17, 23; XLIII, 18, 26

CAO CHÍNH BÌNH : Tb. IV, 24, 26

Cao Cương: Chb. XXI, 9

CAO DOÃN CUNG : Chb. XVIII, 19

CAO DƯƠNG THỊ : Tng. 4

CAO ĐẾ: Chb. VIII, 34

CAO HÙNG TRƯNG: Chb. I, 23; II, 17; III, 41; VI, 22, 36; IX, 47; X, 52; Tb. I, 2, 13, 16; II, 28

CAO HUY TRẠC: Chb. XXXVIII, 13

Cao Hưng : Tb. II, 28

CAO KỲ TRÁC: Chb. XXXVI, 29 ; XXXVII, 5

Cao Lãm: Chb. XLIII, 6

Cao Lan tộc: Chb. XLI, 16

Cao Lãng tập kỷ: Chb. XXXIV, 9 ; XXXVI, 7, 14, 31

Cao Lao: Chb. XLIV, 18, 20

CAO LIỆT: Chb. XVII, 11

Cao Lương : Tb. II, 5; III, 8

Cao Man : Tb. I, 4; IV, 39; X. Chân Lạp

Cao Mật (xã): Chb. XI, 35

CAO MÔ: Chb. XVIII, 9

Cao Mố: Chb. XLIII, 11

Cao Môn: Chb. XXI, 8

CAO NGỰ: Chb. XIV, 5

CAO SĨ LIÊM : Tb. IV, 16, 17

Cao Sơn : Tb. IV, 19

CAO SÙNG VĂN : Tb. V, 1

CAO SƯ ĐẶNG: Chb. XVI, 11, 12

CAO TÂM : Tb. V, 13

CAO THÔNG : Tb.I, 17
Cao Thượng : Tb. II, 8
Cao Vọng (núi): Chb. XII, 18
Cao Xá (làng): Chb. V, 26-27
Cao Yếu : Tb. II, 4
CẢO NƯƠNG : Tb. IV, 12
Cát Bạc: Chb. XXXIX, 32, 33
Cát Chậu: Chb. XXIII, 31
Cát Doanh: Chb. XLVI, 16
CÁT ĐẠI: Chb. VIII, 21
Cát Lâm: Chb. XLVII, 46
Cát Miệt : Tb. IV, 39.
X. Chân Lạp
Cát Nê: Chb. XXXVI, 34
Cầm (họ) : Chb. XXIII, 30, 31
CẦM BÀNH: Chb. XIII, 18, 19, 20
CẦM CÔNG: Chb. XXII, 6; XXIII, 28, 30
CẦM ĐANG: Chb. XXXIV, 37
CẦM ĐÔNG: Chb. XXIII, 30
CẦM ĐỒNG: Chb. XX, 16, 17
CẦM LA: Chb. XX, 17
Cầm Lư thị: Chb. XVIII, 8
Cầm Man: Chb. XVII, 18
CẦM QUÝ: Chb. XIII, 21, 22, 34; XVI, 32, 33
Cầm thị: Chb. XVIII, 18, 29
Cẩm Chương: Chb. XXXII, 23; XXXIV, 40
CẨM CÔNG: Chb. XVIII, 29
Cẩm Điền bộ : Tb. IV, 36
Cẩm Giàng: Chb. V, 22; XXI, 17; XXIII, 4; XXVI, 17; XXVII, 4, 6, 9, 13, XXX, 2; XXXIV, 27; XXXVII, 9; XXXVIII, 14, 39, 40; XXXIX, 7; XL, 28; XLVI, 18; XLVII, 8, 27, 51
Cẩm Khê : Chb. XII, 46; XLIII, 12; XXI, 34; XXXVIII, 25; Tb. V, 30
Cẩm La (sông): Chb. XXXII, 5, 6
Cẩm Sa: Chb. XLIV, 23, 26
Cẩm Thuỷ: Chb. XIII, 15; XXI, 16; XXVII, 24, 25, 38, XXVIII, 28, XXIX, 8; XXXVIII, 7, XLIII, 12, 14
Cẩm Xuyên: Chb. XXI, 11; XXXII, 12, 17
Cấm Khê : Tb. II, 11
CẦN TU TỰ: Chb. VIII, 35
Cần Chính điện: Chb. XX, 10, 11
Cần Dinh: Chb. XXXIX, 29, 30; XXXVI, 12
Cần Hải: Chb. XLII, 21; XLVII, 30
Cần Đức điện: Chb. XIX, 33; XXVI, 3
Cấp Dẫn: Chb. XLIV, 17
CẤP TRƯỜNG NHỤ: Chb. XVI, 14
Cập Thượng: Chb. XLVII, 25
Câu Chiêm (trại): Chb. IX, 5
Câu Đê: Chb. XLIV, 23

Câu Lộng sách: Chb. XX, 16
Cầu Dừa: Chb. XXIX, 19
Cầu Giấy: Chb. XL, 4
Cầu Giền: Chb. XXIX, 27 ; XLI, 19; XLII, 12
Cầu Lậu : Tb. II, 5
Cấy Chấy: Chb. XII, 46
CHA DIỆP: Chb. VII, 21
Chà Bà : Tb. IV, 23, 24
Chà Bàn: Chb. XII, 3; XVII, 29, 30
Chà bàn (thành): Chb. X, 39, 40
Chà Bàn thành : Tb. III, 21; IV, 15
CHÀNG ĐỒNG: Chb. XVII, 21
Chàng Long (sông): Chb. VIII, 25
Chân Cầu: Chb. XXV, 34, 35
Chân Đăng (châu): Chb. XI, 29
Chân Đăng châu: Chb. III, 28, 37
Chân định : Chb. IX, 31; XIX, 18; XXX, 5; XLI, 6; XLV, 12; XLVI, 8; XLVII, 11, 27; Tb. I, 23, 24
Chân Lạp : Chb. II, 15, 36, 46; III, 21, 24; 38, 39; IV, 8, 20, 21, 23, 29, 30, 31, 32 ; Tb, IV, 21, 22, 38, 39.
Chân Lộc : Chb. XII, 20; XXI, 33; XXV, 21; XXVIII, 9, 21; XXXII, 10, 26; XXXVI, 27; XLIII, 11; XLIV, 26, 27; XLVI, 39; XLVII, 11-22; Tb. II, 11
Chân Nguyên (điện): Chb. XXV, 19, 23
Chân Ninh : Chb. XXVIII, 10; XXXVIII, 25
Chân Phúc: Chb. XLIII, 11; XXI, 16, 33; XXV, 20, 21
Chân Tông: Chb. XXXIV, 17
Chân Tông (Lê): Chb. XXXI, 32
Chân Tông kỷ: Chb. XXXII, 1-7;

Châu Cầu: Chb. XL, 1
Châu Cốc sơn : Tb. V, 19
Châu Giang: Chb. XIII, 26
Châu Giáp (sông): Chb. II, 2
Châu Kiều: Chb. XL, 1; XLVII, 15, 22
Châu Lục : Tb. II, 8; IV, 19
Châu Nhai: Tb. I, 12; II, 3, 6
Châu Ổ: Chb. XLIV, 26, 27, 28, 29
Châu Quan: Tb. III, 6, 8
CHẾ A NAN: Chb. IX, 41; X, 3
CHẾ BÌ LA BÚT: Chb. V, 6; 7
CHẾ BỒ ĐÀI: Chb. VIII, 43
CHẾ BỒNG NGA: Chb. X, 39, 40, 46, 51; XI, 11, 12, 14, 43
CHẾ CAI: Chb. I, 30
CHẾ CHÍ: Chb. IX, 4, 5, 6, 14

CHẾ CỦ: Chb. III, 28, 34; IV, 4
CHẾ CỮU: Chb. XVII, 30
CHẾ ĐA DA: Chb. VIII, 45
CHẾ ĐÀ A BÀ NIÊM: Chb. IX, 4, 5
CHẾ ĐÔNG: Chb. I, 30
CHẾ MA NA: Chb. IV, 4, 5
CHẾ MA NÔ ĐÃ NAN: Chb. XI, 14, 43; XII, 19
CHẾ MẠN: Chb. XXV, 32
CHẾ MÂN: Chb. VIII, 43, 45; IX, 4
CHẾ MỖ: Chb. X, 3, 4, 5
CHẾ NĂNG: Chb. VII, 21; IX, 14
CHẾ THẤT NAN: Chb. XI, 42
Chi Châu: Chb. XXI, 30 ; Tb. IV, 18, 19, 20
Chi Hậu Diệu, x. Diệu (chi Hậu):
Chi La: Chb. XII, 29, 30
Chi lăng (cửa ải): Chb. VII, 31; XII, 11; XIV, 17, 18, 19, 20
Chi Lăng xã: Chb. I, 17, 18
Chi Linh: Chb. XV, 21, 22; XVII, 22; XVIII, 33
Chi Long: Chb. XVIII, 27
Chi Long (cửa ải): Chb. II, 1
Chi Long (cửa biển): Chb. XXVIII, 24, 25
Chi Long (sông): Chb. I, 17, 18
Chi Nê: Chb. XXV, 25; XXVII, 8, 17; XXXIII, 22
Chi Nga: Chb. II, 1
Chi ngãi (xã): Chb. XI, 2
Chi Ngại (xã): Chb. XVII, 22
Chi Phong: Chb. XXIX, 28
Chí Linh: Chb. III, 45; VII, 10, 27; VIII, 3, 6; IX, 2; X, 9, 21, 28, 29; XI, 2, 41; XII, 14, 44, 45; XIII, 35; XIV, 20, 22, 25; XX, 11, 12; XXI, 17; XXV, 26; XXVI, 34; XXVIII, 14; XXIX, 33; XXX, 1, 2; XXXIII, 2; XXXVII, 16; XXXVIII, 2, 32, 36; XXXIX, 7; XLIII, 12; XLVII, 23, 24, 25, 26
Chí Linh (núi): Chb. XIII, 3, 8, 15, 16
Chí Linh sơn phú (của Nguyễn Trãi): Chb. XIII, 20
Chiêm Chiêu (trại): Chb. IX, 29
Chiêm động: Chb. X, 20; XI, 42; XII, 1, 3, 43; XXII, 7
Chiêm Đức (sông): Chb. II, 11
Chiêm Thành: Chb. II, 11-12, 19-20, 22, 24, 27, 28, 30, 33 ; II, 21-22, 45, 46 ; III, 10, 12, 14, 21, 24, 28-29, 30, 34, 38, 39 ; IV, 1, 3, 4, 5, 6, 9, 27, 29, 30, 31 ; V, 6, 12, 13, 19, 29, 39 VI, 7, 35; VII, 21, 24, 26-31; 35; 42, VIII, 38, 39, 40, 41, 43, 45; IX, 4, 5, 8, 14, 22, 24, 25, 28, 34, 35, 41, 46; X, 3, 4, 5, 14, 16, 19, 20, 21, 30, 38, 39, 41,

44, 46, 47, 49; XI, 2, 3, 8, 9, 41; XII, 1, 2, 3, 4, 19, 40, 43; XIV, 6; XV, 26; XVI, 8, 9, 18, 19; XVII, 27-31; XVIII, 13, 15, 22; XX, 14, 15; XXI, 23, 37, 38, 39; XXII, 1, 4, 5, 7, 8, 27, 28; XXIII, 3-4, 40; XXIV, 6; XXV, 3, 30; XXVI, 26; XXVII, 26; XLIII, 27; XLV, 2, 3; Tb. I, 3, 5, II, 5; III, 20-22, 26, 28, IV, 38, 39

Chiên Đàn: Chb. XI, 42

Chiển Dương: Chb XXXIII, 2

Chiết Đông: Tb. IV, 39

Chiết Giang: Chb. X, 31

CHIÊU ĐẾ: Chb. XI, 19

CHIÊU HUÂN CÔNG : X. NGUYỄN CÔNG DUẨN

Chiêu Lăng: Chb. XXIV, 28

Chiêu Minh vương: X. TRẦN QUANG KHẢI:

CHIÊU NGHĨA HẦU: X. Phụ Minh

CHIÊU NỘI: Chb. XXIII, 31

Chiêu Sự điện: Chb. XXXI, 1, 2; XXXIII, 14, 15; XXXVI, 14

Chiêu Tấn: Chb. XXI, 19; XXVIII, 16; XXXIV, 27; XXXVI, 2, 3; XLIII, 16, 23

Chiêu Thống: Chb. XLVI, 23, 26, 34, 39; XLVII, 1-51

CHIÊU TÔNG: Chb. XXV, 33 ; XXXIII, 20; XLVII, 48 ;

CHIÊU TÔNG (Lê): Chb. XXVII, 25, 29, 30

Chiêu Tông kỷ: Chb. XXVI, 34-43; XXVII, 1-13

CHIÊU QUỐC vương : X. ÍCH TẮC

CHIÊU THÀNH vương : Chb, VII, 39

CHIÊU THÁNH hoàng hậu : X, PHẬT KIM.

CHIÊU TỪ hoàng thái hậu ; Chb, X, 13, 29.

Chiêu Văn quán: Chb. XXIII, 5, 6

CHIÊU VĂN vương : X. TRẦN NHẬT DUẬT

CHIÊU VƯƠNG: X. Trần Lý

CHIÊU VƯƠNG (người Trung Quốc) : Chb, VIII 34, 36.

Chiếu Bạch (núi): Chb. VI, 32

Chiếu Bạch cảng: Chb. XXI, 10

Chính Đại: Chb. XXIX, 20; XXXIII, 12

Chính Đại (cửa biển): Chb. I, 40; XXXV, 6

Chính Đức: Chb. XXV, 22-27; XXVI, 1-42; XXVII, 1

Chính Hoà: Chb. XL, 14; XLI, 10, 25; XLII, 13; XLIII, 19; XLVIII, 49

Chính Long Bảo Ứng: Chb. V, 12-15

Chính Thành (thôn): Chb. X, 41

Chính Thuỷ: Chb. XXXII, 39

Chính Trị: Chb. XXVIII, 10-30; XXX, 21
CHÍNH TRUNG: Chb. XXVIII, 1, 2
Chính tự thông: Chb. IV, 28
Chợ Ông (Ông thị): Chb. XXVIII, 6
CHU ÁI: Chb. IV, 37
CHU AN: Chb. X, 28
CHU BÁC LÃM: Chb. VI, 45
CHU BẬT: Chb. XVI, 19
CHU BỈNH KHUÊ: Chb. XI, 16
CHU BỈNH TRUNG: Chb. XII, 11
CHU BỘ: Chb. IX, 15
CHU CHÍ VIỄN: Chb. XXXIII, 14
CHU CỔ ĐẠO: Tb. V, 9
CHU CÔNG: Chb. I, 9; II, 27; III, 30; V, 9; VI, 36; XI, 18, 19
Chu Diên: Chb. XXI, 27 Tb. I, 3, 4, 20; II, 5, 10; III, 22; IV, 8, 19, 25
CHU DOÃN LỆ: Chb. XLVII, 17, 18, 36
CHU ĐẠT: Tb. II, 22
CHU ĐỨC ĐẠI: Chb. XXI, 13
CHU HINH: Chb. VI, 39
CHU HOẢN: Chb. XXIV, 18
CHU HUÂN: Chb. XXIV, 18
CHU KHỨ PHI: Chb. V, 40 ; Tb. I, 11, 14
CHU KIỆT: Chb. XIII, 19
Chu lễ: Chb. XXXIII, 3
Chu Lư: Tb. II, 5
CHU NĂNG: Chb. XII, 12, 13
Chu Ngô (đồn) : Tb. III, 26, 28
Chu Ngô (huyện) : Tb. I, 20; II, 5;
CHU NGUNG: Tb. II, 23, 24
CHU NHAI: Tb. IV, 36, 38
CHU PHÙ: Tb. II, 29, 30, 31
Chu Quan: Chb. XXV, 26, 27
CHU QUANG TRỨ: Chb. XXVIII, 4
CHU TÁO: Tb. I, 22, 23
CHU THÁI: Tb. V, 26
CHU THÀNH VƯƠNG: Tng. 4
Chu Thị: Chb. XXXII, 37, 38
CHU THÚC MINH: Tb. V, 7
CHU TOÀN DỤC: Tb. V, 13
CHU TUẤN: Tb. II, 23, 24
CHU TỬ: Chb. XI, 18; Tng. 3; Dch. I, 1, 2,; II, 10; Phl. 1; Tnb. 1
Chu Tước: Chb. XXVII, 18; XXVI, 27, 28
CHU VĂN: Chb. XXV, 24
CHU VĂN TRINH: Chb. XIII, 5. xem thêm CHU AN
CHU XẤN: Chb. XXXIV, 16
CHU XUÂN HÁN: Chb. XLV, 16, 17, 20, 22
CHU XUÂN NIÊN: Tb. IV, 23

CHU XƯỞNG: Tb. II, 16, 30
Chủ Sơn (làng): Chb. XIII, 1, 2; XV, 4
Chúc Động: Chb. XIII, 28, 31
CHÚC LƯƠNG: Tb. II, 19, 21, 22
CHÚC NGHIÊU: Chb. XXXVII, 20
Chúc Sơn: Chb. XIX, 18; XXXII, 2
Chúc Sơn (xã): Chb. XIII, 31
CHUNG QUÂN: Tb. I, 30
CHỬ ĐỒNG TỬ: Tb. IV, 6
Chử gia châu: Chb. X, 20
CHỬ HỌC GIÁ: Chb. XXXIII, 6
CHỬ KHẢI: Chb. XXVI, 38, 40
CHỬ PHONG: Chb. XXIII, 4
CHƯƠNG: Chb. VII, 40
CHƯƠNG ANH: Chb. IV, 29
CHƯƠNG DÂN: Tb. III, 23
CHƯƠNG DĨNH: Chb. II, 34
Chương Dương: Chb. VII, 40, 41
Chương Dương độ: Tb. V, 23
Chương Đức: Chb. VI, 30; XI, 11; XIII, 31; XVII, 26; XVIII, 28; XIX, 18, 20, 23; XX, 9; XXI, 9, 17; XXV, 25; XXVII, 8, 9, 17; XXIX, 10, 19; XXXIII, 22; XXXIV, 16; XXXIX, 6, 17, 18; XL, 8; XLI, 15; XLV, 12, 17; XLVI, 31; XLVII, 31
CHƯƠNG HOÀI THÁI TỬ HIỀN: Tb. II, 11
Chương Nghĩa: Chb. XXVIII, 12
Chương Thánh Gia Khánh: Chb. III, 23-25
CHƯƠNG TĨNH vương : X. NGUYÊN HI
CHƯƠNG XƯỞNG: Chb. XV, 29; XVI, 19, 24
con Hy tông TRUNG : Chb. XXXI, 23
con Nguyễn Kim UÔNG: Chb. XXVII, 41; XXVIII, 11
Cổ Am: Chb. XXXIX, 30
Cổ Bi: Chb. XXXVI, 34; XXXVII, 9, 16; XLI, 27; XLIV, 20
Cổ Đan: Chb. XXVIII, 9
Cổ Đằng: Chb. V, 25; XI, 11 ; XXVIII, 20
Cổ Điển: Chb. XXXI, 31
Cổ Đô: Chb. XXV, 2; XXXVII, 16; XXXVIII, 6; XL, 34
Cổ Hoằng (giáp): Chb. V, 24-25
CỔ LAI: Chb. XXIV, 6, 7
Cổ Lãm: Chb. I, 27
Cổ Lãm (xã): Chb. XIII, 28, 31
Cổ Lan: Chb. IX, 48
Cổ Liễu: Chb. VIII, 13
Cổ Linh: Chb. XLVII, 1
Cổ Loa: Tb. I, 9, 16; V, 20
Cổ Lộng: Chb. XV, 1
Cổ Lộng (thành): Chb. XII, 28; XIV, 5, 20, 25

Cổ Lũng: Chb. XXVII, 38, XXVIII, 28

Cổ Lũng (huyện): Chb. XI, 31; XLVII, 12

Cổ Lũng (sách): Chb. XLIII, 14

Cổ Lũng (tổng): Chb. XIII, 15

Cổ luỹ: Chb. X, 5; XI, 42; XII, 1, 3, 43 ; XVII, 29, 30; XXII, 3, 4, 5, 8

Cổ Nam (động): Chb. XXXIX, 26, 27

Cổ Phạm: Chb. XXVIII, 3

Cổ Pháp: Chb. II, 6, 7, 8–9; 11; 21; XVI, 33; XXVI, 10, 37; XLIII, 20

Cổ pháp (châu): Chb. VII, 34; X, 30, 52; XII, 44

Cổ Pháp (xã): Chb. XII, 9

Cổ Pháp châu: Chb. II, 10–11

Cổ Sâm: Chb. XXI, 29; XXVII, 33, 35

Cổ Sâm động: Tb. II, 13

Cổ Sở (bến đò): Chb. XIII, 27, 28, 31

Cổ Thành: Tb. III, 11

Cổ Trai: Chb. XXV, 25; XXVII, 14, 15, 21

Cổ văn uyên giám: Chb. XXXVI, 26

Cổ vật, X.S.D.B, XIV, 3:

Cổ vô: Chb. XI, 8

CỐ BÍ: Tb. III, 17

CỐ DUNG: Tb. III, 11

CỐ HƯNG TỔ: Chb. XIV, 16

Cố Lê dã lục: Chb. XV, 13

CỐ NHỮ TU: Chb. XLII, 12

CỐ THAM: Tb. III, 17

CỐ THỌ: Tb. III, 17

CỐ TỔ VŨ: Tb. IV, 5, 32

CỐ VIÊM VÕ: Tb. IV, 24

Cốc Tân: Chb. XXXIX, 10

Cốc Ứng Thái: Chb. XII, 39

Côi Huyện: Chb. XIV, 27, 28, 29

Côi Trì: Chb. XX, 38

Cối Kê: Tb. I, 28; II, 23, 24, 25; III, 5

CÔN CÔ: Chb.XVI, 17, 18

Côn Luân: Tb. IV, 23, 24

Côn Luân quan: Chb. III, 17, 19, 35, 37

Côn Luân thành: Tb. I, 9

Côn Minh: Chb. XXXV, 21

Côn Sơn: Chb. XVII, 22

công chúa HUỆ CHÂN: Chb. IX, 31

Công nghiệp diễn chí : Chb. XXVII, 40

CÔNG PHỤ: Chb. XXXIX, 13

CÔNG UẨN: Chb. I; X. Lý Công Uẩn

Cống Động: Chb. IV, 13

Cống Mọc (Nhân Mục kiều) : Chb. XIII, 28

Cống Xuyên: Chb. XXV, 11, 12

CỐT NGẠI NGỘT LANG: Chb. VIII, 35, 37

Cơ cừu lục: Chb. XIII, 4

Cơ La (cửa biển): Chb. V, 29

Cơ Lê: Chb. XII, 18, 19, 20

Cơ Xá (phường): Chb. VII, 7

Cơ Xá phường: Chb. IV, 6

Cù Giang: Chb., XXIX, 25, 26

CÙ MÔNG: Chb. XXII, 8

CÙ LẠC : Tb. I, 29-32

CÙ THỊ: Tb. I, 32

CÚC: Chb. XLVII, 32

Cúc Đường di thảo: Chb. XIII, 5

CỤC MÔNG (Ai Lao): Chb. XXVI, 5

CUNG (con Trần Cao): Chb. XXVI, 26, 34

Cung Châu: Chb. III, 16; 19

CUNG CHÍNH vương : X. SƯ HIỀN

Cung Đế: Chb. XXVII, 29, 30; Tng. 7

CUNG ĐỊNH vương : X. PHỦ

CUNG HOÀNG: Phl. 7.

CUNG TÍN vương : X. THIÊN TRẠCH

CUNG TĨNH vương : X. NGUYÊN TRÁC

Cung Từ hoàng thái hậu: Chb. XIX, 8. X. PHẠM THỊ TRẦN

CUNG TỨC vương : X. DỤC

CUNG TUYÊN vương : X. CẢNH

Cung Vương : Chb. XIX, 5, 20 ; XXIII, 3, X. Hấp

Cư Liên châu: Chb. III, 28

CƯ ÔNG: Tb. II, 2, 3

Cư Phong: Tb. I, 20; II, 5, 12, 22, 23

Cử Long: Chb. I, 34-35; 39; 40

Cử Long man: Chb. XXXVIII, 8

Cự Đồng: Chb. XXXIV, 5

Cự Linh: Chb. XXXVII, 9, 10

Cửa Cờn: Chb. XX, 37

Cửa Lác: Chb. XLV, 10, 12

Cửa Luộc: Chb. XLVI, 18, 19; XLVII, 20-20

Cửa sông Gián: Chb. XXXI, 6

Cửa Thuận (Thuận An tấn): Chb. XX, 25

Cửa Thừa Thiên: Chb. XIX, 16

Cưới xin, X.S.D.B, XX, 2:

Cương Giản: Chb. XXXII, 27, 28

Cương mục: Chb. I, 13; III, 20

Cương mục (CHU TỬ): Dch. I, 2,; II, 10; Tng. 3, 5; Phl. 1, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14; Tb. II, 16; IV, 1, 3; V, 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 18

Cương Mục tập lãm: Chb. XXXIII, 38; XXXIV, 15; Tb. II, 19

Cương mục tiền biên (KIM LÝ

TƯỜNG): Dch. II, 10; Phl. 1, 7; Tb. I, 6

Cương Mục tục biên: Chb. VI, 16, 43; VII, 28; VIII, 8; XLVII, 4

Cương Mục tục biên (Trung Quốc): Chb. I, 6, 14, 29; III, 16, 18, 36, 39, 41, 44; IV, 17

CƯƠNG NƯƠNG: Chb. XVII, 18

CUNG TỪ QUỐC THÁI MẪU : X. Phạm Thị Trần

CỪU LOAN: Chb. XXVII, 27, 28, 30, 31

Cửu Chân: Chb. X, 36, 37; XII, 1, 2; Tb. I, 3, 5, 19, 20; II, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 12, 19, 20, 21, 22, 30; III, 1, 5, 8, 9, 10, 11, 13, 14, 17, 21, 22, 23, 24, 25, 26; IV, 9, 18, 19

Cửu Chân bộ: Chb. XXI, 20, 21

Cửu Đức: Tb. I, 3, 5; III, 14, 15, 22; IV, 2, 19

Cửu Đức quận: Chb. XXI, 21

Cửu Giang: Tb. II, 15, 22

Cửu kinh: Chb. I, 43

Cửu Liên châu: Chb. V, 37, 38

Cựu Toạ (cửa biển): Chb. XXII, 1, 3

D

Da Châu: Chb. XXVII, 21-24; XXVIII, 26

Dã Giang: Chb. XL, 12; XLIII, 2

Dã Năng động: Tb. IV, 9, 11

DÃ TƯỢNG: Chb. VII, 32; VIII, 32

Dạ Lang: Tb. I, 33, 34; II, 2

Dạ Trạch: Tnb. 3; Tb. IV, 6

DẠ TRẠCH VƯƠNG: X. TRIỆU QUANG PHỤC:

Dạng Thuỷ: Chb. XXXV, 6

DANH NGỮ: Chb. XXXVIII, 29

Danh tiết lục: Chb. III, 34, 43; IV, 25

DAO (con Mạc Đĩnh Chi): Chb. XXV, 25

DAO (con Phạm Quỳnh): Chb. XXVIII, 2

DAO (ĐÈO): Chb. XVIII, 1

Dâm Đàm: Tb. II, 11

Dâm Đàm (hồ): Chb. III, 25; IV, 1-2

Di Hậu lục: Chb. VII, 16; XIII, 4

Di luân (xã): Chb. X, 39

Di Phong: Tb. II, 12

Dĩ Lý (cửa biển): Chb. X, 13

Dị Nậu: Chb. XXIX, 10; XXVI, 39

Dị Sử: Chb. XXV, 17

DỊCH TẾ DÂN: Chb. X, 21

Dịch Vọng: Chb. XXVI, 32; XXVII, 7 ; XLV, 9

Diêm Châu: Tb. IV, 40

Diêm Hộ (cửa biển): Chb. XXXV, 5

DIÊM NGUYÊN PHỤC: Chb. X, 24

DIÊM THUỶ HẦU: Tb. II, 9

Diêm Trường: Chb. XXVIII, 31

Diên Châu: Chb. II, 15, 25; IV, 3-4; V, 26-27, Tb. II, 10; Tb. IV, 20

Diên Hà : Chb. XL, 27; XLI, 29

Diên Hựu: Chb. VI, 32

DIÊN LƯỢC: Chb. XXXII, 14

Diên Ninh: Chb. XIX, 5, 8, 12, 27; XX, 9; XVIII, 28-35

Diên Phúc: Chb. XXII, 8 ; XLIV, 24

Diên Phúc (huyện): Tb. IV, 16

Diên Phúc (phước): Chb. I, 28

Diên Thành: Chb. XXIX, 9-14

Diên Uẩn (làng): Chb. II, 4, 6

Diên Xưởng sơn: Chb. XXXIV, 43

Diễn Châu: Chb. VI, 10, 23; VII, 12; VIII, 17; IX, 46, 47, 48; X, 31, 36; XI, 3, 19, 27, 28; XII, 20, 26, 27; XIII, 22, 23, 35; XIV, 2, 8; XX, 16, 22; XXIX, 5, 6; XXXVI, 6 ; XLIII, 11, Tb. IV, 18, 20, 22

Diễn Châu (phủ): Chb. XII, 1, 2

Diễn Thuỷ: Chb. XXI, 22

Diến Điện (Miến Điện): Tb. IV, 24

DIỆP CHI: Chb. XXXIV, 46

Diệp Du (sông): Chb. XXXV, 6

DIỆP THẮNG: Chb. XXXIV, 25

DIỆP THỨC NGHÊ: Chb. VII, 16

DIỆP ỨNG: Chb. XXIV, 7

Diêu Châu: Tb. IV, 35

DIỆU (chi hậu) : Chb. I, 39

Dĩnh Xuyên: Tb. II, 29

DO LANG (Minh): Chb. XXXII, 3

Do Lễ (sông): Chb. XXIX, 18, 19

Do Linh: Chb. III, 29; XXI, 34

Do Nha: Chb. XXXII, 23

DO VU : Chb. VIII, 34

DOÃN: Chb. VI, 39

DOÃN ANH KHÁI: Chb. IV, 27

DOÃN BANG HIẾN: Chb. IX, 20

DOÃN ĐỊNH: Chb. IX, 42

DOÃN HOÀNH TẤN: Chb. XXIII, 33

DOÃN MẬU KHÔI: Chb. XXV, 24

DOÃN TỬ TƯ: Chb. V, 12

DOÁN TỰU : Tb. II, 20

DOANH (Tĩnh Lượng công): Chb. XXV, 34

DONG (Thông Vương) : Chb. XXV, 14

DU CHI BÀ LAM: Chb. IX, 3

Du La: Chb. XXVI, 22

Du Phác (động): Chb. XXII, 6

Du Thôn: Chb. IX, 9, 10, 20

Du Trường: Chb. XXVIII, 14, 20

Du Xuyên (cửa biển) : Chb. XXVIII, 24

DỤ QUẦN: Chb. XVI, 23

Dụ Tông: Chb. XXXIV, 52; XXXIX, 3; XL, 31

Dụ Tông kỷ: Chb. XXXV, 1 - 42; XXXVI, 1- 34

DUẬT KIỆN (Minh): Chb. XXXII, 3

Dục Thuý: Chb. XLII, 16; XLIV, 3, 4

Dục Tú: Chb. XLVII, 18

Duệ Tông (Nguyễn) : Chb. XLII, 28; XLIV, 23

Duệ Vũ đại vương :X. PHẠM THẾ CĂNG

Dung (Lĩnh Nam) : Tb. V, 1

Dũng Quyết : Chb. XXXII, 25, 26 ; XLVII, 31

Dũng Thọ: Chb. XXXIV, 5

DUY BANG: Chb. XXVIII, 7

DUY CẨN: Chb. XLVII, 30, 31

DUY CẬN : Chb. XLIII, 25 ; XLVI, 1, 2, 26

DUY CHẤN: Chb. XXXVII, 33

DUY CHI: Chb. XLIII, 37; XLVI, 1; XLVII, 18, 27, 38, 42

DUY CHÚC: Chb. XXXIX, 17; XXXVIII, 7

Duy Cử: Chb. XXXII, 40, 41

DUY DIÊU: Chb. XXXVII, 33; XXXVIII, 31

DUY ĐÁM: Chb. XXIX, 1

DUY ĐƯỜNG: Chb. XXXIV, 52

DUY HÀN: Chb. XXVIII, 21

DUY HIÊN: Chb. XLVII, 6, 7

DUY HIỆP: Chb. XXXIII, 39

DUY HỰU : Chb. XXXI, 32

DUY KHIÊM: Chb. XLIII, 37; XLVI, 1, 25

DUY KHOÁI: Chb. XXXIII, 33

DUY KỲ: Chb. XXXI, 17; XLIII, 37; XLVI, 25, 26

DUY MẬT: Chb. XXXVIII, 7, 24, 31

DUY PHÁC: Chb. XLVII, 25

DUY PHƯỜNG : Chb. XXXVI, 32; XXXVII, 8, 33

DUY QUY: Chb. XXXVIII, 7

DUY TÀO: Chb. XXXII, 40, 41

DUY TÂN: Chb. XXX, 29

DUY THẬN: Chb. XXXVII, 33

Duy Tiên: Chb. I, 23; XVI, 29; XXI, 17; XLIII, 12, 27

DUY TRÌ: Chb. XXX, 29

DUY TRỌNG: Chb. XLVII, 25

DUY TRÙ: Chb. XLIII, 37; XLVI, 1; XLVII, 9, 11, 16, 36

DUY TƯỜNG: Chb. XXXVI, 32; XXXVII, 24, 25

DUY VĨ: Chb. XLII, 20; XLIII, 23, 25, 36; XLVI, 1

Duy Xuyên: Chb. XX, 1, 8, 9

Duyên Hà: Chb. XXI, 18, 27; XXX, 5; XXXVIII, 21

Duyện: Tb. II, 19

DUYỆT: Chb. VIII, 33, 36

Dư Diêu: Tb. III, 5

Dư Dụ: Chb. XXVI, 30

Dư địa chí : Chb. II, 45 ; III, 47 ; VIII, 36 ; XX, 14, 17

Dư địa chí NGUYỄN TRÃI: Tb. I, 4; II, 7

Dư địa đồ: Chb. XX, 25

DƯ KHẮC CUNG: Chb. XXXVIII, 24

Dư Phát: Tb. I, 20; II, 5

DƯ THIỆN : Tb. I, 28

DƯ TĨNH : Chb. III, 16; 24

DƯ TỒN CỔ : Tb. V, 11

DỰ : Tb. II, 19

DỰ: X. THÚC DỰ

Dự Chương: Tb. I, 28, 33

DỰ NHƯỢNG: Chb. VIII, 34

DỰ VŨ: Chb. XLV, 29

Dựng Tú: Chb. XXIV, 18

Dương: Tb. II, 20

DƯƠNG AN DƯỠNG: Chb. VII, 3, 8

DƯƠNG ANH NHỊ: Chb. IV, 19, 29, 31

DƯƠNG BÀN: Chb. XI, 1

DƯƠNG BANG BẢN: Chb. XXVI, 2

DƯƠNG BÀNH : Chb. XLVII, 36, 38

DƯƠNG BẢO TÀI : Chb. III, 24

DƯƠNG BỘC: Tb. I, 32, 33; II, 1, 2

DƯƠNG BỘT: Chb. XII, 2

DƯƠNG CÁT LỢI: Tb. V, 21, 22

DƯƠNG CHÂM: Chb. VI, 44

DƯƠNG CHẤP NHẤT: Chb. XXVII, 24, 25, 39, 41

Dương Châu: Chb. VIII, 8; XXI, 30; Tb. IV, 28

DƯƠNG CHƯƠNG: Chb. XI, 7

DƯƠNG CÔNG CHÚ: Chb. XL, 14; XLI, 9; XLIII, 5

DƯƠNG CUNG: Chb. XIII, 11, 12

DƯƠNG DIÊN NGHỆ: Chb, 1; Tb. V, 16, 17, 18 ;

DƯƠNG DOÃN KIỆT: Chb. XXXIII, 25

DƯƠNG ĐIỀN: Chb. III, 16

DƯƠNG ĐÌNH TUẤN: Chb. XLVII, 17, 18, 19, 22, 23

Dương Đức: Chb. XXXIII, 33-36; XLII, 11

DƯƠNG ĐỨC GIẢN: Chb. XXV, 30

DƯƠNG HẢI: Chb. XX, 21, 22, 27; XXI, 8

DƯƠNG HẠO: Chb. XXXIII, 2, 22, 24

Dương Hòa: Chb. XXXI, 29-32

DƯƠNG HOÁN: X. LÝ DƯƠNG HOÁN:

DƯƠNG HỒ: Chb. XXXII, 13, 15, 16

DƯƠNG KHUÔNG: Chb. XLVI, 2-6

DƯƠNG KHƯƠNG: Chb. X, 22

DƯƠNG KIM BIỂU: Chb. XXVII,4

Dương Kinh: Chb. XXI, 25; XXVII, 15

DƯƠNG LÂM: Chb. XLVII, 18

DƯƠNG LIỄU: Chb. X, 27; XXXI, 18

DƯƠNG MINH PHONG : Chb. XXI, 13

DƯƠNG MỖI : Xem DƯƠNG HẢI

DƯƠNG MỤC : Chb. IV, 37

DƯƠNG NGANG : Chb. XI, 12, 14

DƯƠNG NHẬT LỄ : Chb. VII, 4; X, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 30, 32

DƯƠNG NHƯ CHÂU: Chb. XX, 1; XXI, 5

DƯƠNG Ổ: Chb. IV, 23

DƯƠNG PHIẾU: Tb. IV, 4

Dương Quang: Chb. XXI, 39, 40

DƯƠNG QUỐC MINH: Chb. XIX, 18

DƯƠNG QUY SƠN: Chb. XI, 18

DƯƠNG SÀN: Tb. IV, 8

DƯƠNG SĨ KỲ: Chb. XIV, 24

Dương Sơn trại: Chb. IV, 41

DƯƠNG SỬ: Chb. XLIII, 20

DƯƠNG TAM KHA: Phl. IV; Tb. V, 21, 22, 23, 25, 26, 27

DƯƠNG TẮC: Tb. III, 11, 12, 13

DƯƠNG TẬP TƯ: Tb. V, 8

DƯƠNG THÁI NHẤT: Chb. XIV, 1

DƯƠNG THANH: Tb. IV, 29

DƯƠNG THẮNG KIM : Chb. XVIII, 12

DƯƠNG THẦN PHI (mẹ NGHI DÂN) : Chb. XVII, 21; XVIII, 34

DƯƠNG THẬN: Tb. IV, 10; V, 3

DƯƠNG THỊ (mẹ Trịnh Khải): Chb. XLV, 19, 28; XLVI, 2, 5

DƯƠNG TIẾN LỘC: Chb. I, 24

DƯƠNG TĨNH: Chb. XXV, 11

DƯƠNG TÔN THUỴ: Chb. IX, 22

Dương Trai: Chb. XXXIII, 19

DƯƠNG TRÍ: Chb. XXXII, 15, 16

DƯƠNG TRÍ TRẠCH: Chb. XXXII, 1; XXXIII, 14

DƯƠNG TRỌNG KHIÊM: Chb. XLIII, 9, 10; XLVI, 31, 32, 36, 37; XLVII, 7, 8

DƯƠNG TRỌNG TẾ: Chb. XLIII, 10

DƯƠNG TRỰC NGUYÊN: Chb. XXIV, 18, 24; XXV, 3, 11, 24, 34; XXVI, 17, 18

Dương Tuyền: Tb. I, 3, 4, 20; IV, 19

Dương Tuyền bộ: Chb. XXI, 24

DƯƠNG TƯ HÚC: Tb. IV, 21, 22

DƯƠNG TƯ TẤN: Tb. V, 3

DƯƠNG TỰ MINH: Chb. IV, 38-39, 40, 41; V, 2-4

DƯƠNG VÂN: Chb. XLVII, 7

DƯƠNG VINH: Chb. XIV, 24

Dương Vũ trại: Chb. XXIX, 20

Dương Xá: Chb. XLVI, 38, 39

DƯỠNG (Tư vương): Chb. XXV, 14

Dưỡng Chân: Chb. XXVI, 26

Dưỡng Lợi (châu): Chb. IX, 9

DƯỢNG ĐẾ : Chb. IX, 27

Đ

Đa Bang (thành): Chb. XII, 9, 14

Đa Bút: Chb. XXIX, 17

Đa Cái (cảng): Chb. I, 35, 36

Đa Căng: Chb. XIII, 16, 17, 18

Đa Cương: X.Long Hưng

Đa Cương (làng): Chb. XII, 30

Đa Giá thượng: Chb. XXXIV, 32, 33

ĐA LA THANH: Chb. IX, 4

Đa Lang: Chb. XVII, 29, 30

Đa Lộc: Chb. XXVII, 22, 23; XXXI, 7

Đa Lôi: Chb. XIII, 21, 22

Đa mi (làng) : Chb VI, 23

Đa Ngưu: Chb. XXV, 33

Đa Phúc: Chb. XXI, 35; XXXVI, 21, 22

Đa Sĩ: Chb. XXV, 24; XLVII, 32

ĐA THUỶ: Chb. XXII, 4

Đa Vân: Tb. IV, 19

Đà (sông): Chb. XXXIX, 17, 18; XLI, 5

Đà Bắc châu: Chb. III, 48

Đà Diễn giang: Tb. II, 14

Đà Dương: Chb. XXI, 18; XXXVI, 8

Đà Giang: Chb. V, 5, 22, 38, 39; IX, 28; X, 25, 26; XI, 27, 28, 29, 35, 36; XIII, 24, 25; XVIII, 6, 7

Đà Giang (trấn): Chb. XIV, 15

Đà Giang đạo: Chb. II, 41; XXI, 27, 30

Đã Bồng: Chb. VIII, 44

ĐÁI LƯƠNG: Tb. III, 3

Đại Ác: Tb. IV, 13; X. Đại Nha

Đại Ác (cửa biển): Chb. III, 8-9

Đại An: Chb. III, 8-9; XXI, 18; Tb. IV, 13

Đại An (cửa biển): Chb. X, 30, 42; XII, 15, 16; XXXI, 3; XLVI, 17

Đại An (huyện): Chb. XXXIX, 18, 19

Đại Ấp (cửa biển): Chb. XXII, 3

Đại Bái: Chb. XXXIII, 20

Đại Bàng: Chb. VII, 37; VIII, 4

Đại Bảo: Chb. XIX, 15; XVII, 19-24

Đại Bảo (sông): Chb. XXXVI, 21

ĐẠI CA DIẾP: Chb. IX, 19

Đại Chiêm: Chb. XXII, 3, 4, 5, 7

Đại Chiêm (cửa biển): Chb. XLIV, 22

Đại Chính: Chb. XXVII, 21, 31

Đại Cồ Việt: Chb. I, 1

Đại Côn Luân: Tb. IV, 24

Đại Dữu lĩnh: Tb. I, 33

Đại Đê (làng): Chb. I, 8

Đại Điền: Chb. XX, 27; XXV, 2

Đại Đinh: Chb. XXVI, 33

Đại Định: Chb. IV, 35; V, 11

Đại Đô (thành): Chb. XL, 32, 33

Đại Đồng: Chb. XXVII, 1, 2; XXVIII, 13; XXIX, 4; XXX, 9, 10, 23; XXXI, 8; XXXVIII, 24; XXXIX, 12

Đại Hoàng: Chb. I, 1, 2, 4; V, 7, 26, 27, 29, 30, 43; X, 44

Đại Hoàng giang: Chb. I, 37

Đại Huệ (núi): Chb. XLVI, 31

Đại Hưng: Chb. XXVI, 32, 38; XLIII, 34; XLVII, 1

Đại Hưng môn: Chb. XXIV, 15, 25

Đại Hữu: Chb. XLVII, 15

Đại Hữu (sông): Chb. I, 37

Đại Hữu lệ: Chb. XIX, 24

Đại Khánh: Chb. IX, 10, 21

Đại La thành: Chb. II, 9, 10; III, 40; VI, 9; XI, 26, 27; XL, 32, 33; XXIII, 4; XXIX, 19, 27, 28; XXVI, 35; XXXIII, 15; XLVI, 29; Tb. II, 11; IV, 28; V, 10, 11, 12

Đại Lạc: Chb. XXV, 33; XXVI, 2

Đại Lai (xã): Chb. XVII, 23

Đại Lại: Chb. XXVIII, 5, 6

Đại Lại (núi): Chb. IX, 5, 32; XII, 1

Đại Lại (sông): Chb. XII, 18

Đại Lại giang: Chb. X, 25, 26; XI, 31

Đại Lan: Chb. XIX, 15; XVII, 26

Đại Lễ: Tb. IV, 36

Đại Lịch quốc: Chb. III, 2-3

Đại Liễn: Chb. XXVI, 10

Đại Liêu (cửa biển): Chb. XXXV, 6

Đại Lợi: Chb. XLIV, 2

Đại Lý: Chb. III, 17, 19; IV, 1-2, 36; VI, 41, 42; VIII, 37

Đại Man: Chb. XLIII, 33; XXI, 19

Đại Man châu: Chb. XXX, 28

Đại Mang: Chb. VII, 40

Đại Mão: Chb. XLIV, 2; XLVII, 18, 51

Đại Minh hội điển: Chb. XIII, 6, 7

Đại Nại: Chb. XXXII, 10, 15, 16

Đại Nam quan: Chb. XXXIV, 15

Đại Nam Quốc: Chb. III, 13

Đại Ngu (quốc hiệu đời Hồ): Chb. XI, 36

Đại Nguyên Lịch: Chb. II, 23

Đại Nha: Tb. IV, 12, 13

Đại Nha (cửa biển): Chb. I, 11-12,X, 30, 42; XII, 16; Tb. IV, 13,;

Đại Phùng: Chb. XLVII, 9

Đại tạng kinh: Chb. I, 43; II, 39; VIII, 30

Đại Tần: Chb. XX, 17 Tb. IV, 9

Đại Than: Chb. X, 47

Đại Thanh nhất thống chí: Chb. II, 45; XIII, 12, 20; XIX, 1; XX, 20 ; XXI, 3; XXIII, 29; XXVII, 34; XXXII, 8; XXXIII, 6, 23; XXXIV, 15, 16, 22; XXXVII, 5; Tb. I, 13; II, 13, 15

Đại Thành điện: Chb. XXIII, 38

Đại thắng minh hoàng đế: Chb. I, 3

Đại Thiên hành hoá: X. LÊ LỢI:

Đại thống lịch: Chb. XXVII, 36, 38

Đại Tiểu tộc: Chb. XLI, 16

Đại tiểu trường sa: Chb. III, 8-9

Đại Trị: Chb. X, 12, 23

Đại Từ: Chb. XXI, 19; XXX, 7; XXXI, 14; XXXV, 38; XLIII, 12; XLIV, 35

Đại Từ (huyện): Chb. XIII, 23

Đại Vân (núi): Chb. I, 20

Đại Việt: Chb. III, 20; XIV, 27; XV, 7

Đại Việt bản kỷ thực lục: Chb. XVI, 17, 21

Đại Việt sử ký: Chb. VII, 14; XIII, 5; XXIII, 28; Tng. 7

Đại Việt thông giám: Chb. XXV, 11

Đại Việt thông sử: Chb. XIX, 4, 7, 8, 13, 21; XXI, 4; XXIV, 42; XXV, 3

Đại vương BẢO NINH : Chb. X, 36, 37

Đại vương CHIÊU MINH : X. Quang Khải

Đãi Lậu viện: Chb. XXIV, 25

Đãi Nãi (giáp): Chb. II, 33

Đam Châu: Chb. I, 22; VII, 1 ; Tb. II, 6; IV, 10. X. Đam Nhĩ

Đam Khê: Chb. XLII, 16; XXX, 18

Đam Nhĩ: Tb. I, 12; II, 3, 6; IV, 40

Đàm : Tb. V, 1

ĐÀM CỬ: Chb. XXVI, 33, 39, 40 ; XXVII, 3

ĐÀM DĨ MÔNG: Chb. V, 2, 26, 29, 30, 31, 34, 35

Đàm Gia : Chb. I, 2

Đàm Gia (bến đò): Chb. XXIX, 30

Đàm Giang: Chb. XXIX, 30

ĐÀM HỮU LƯỢNG: Chb. IV, 40-41

ĐÀM KHẮC NHƯỢNG : Chb. XXVII, 6

ĐÀM PHỤNG: Chb. V, 25

ĐÀM THÀ HUY: Chb. XXIV, 18

ĐÀM THẬN HUY: Chb. XXVI, 1, 2, 35 ; XXVII, 4, 5, 12, 16; XXXIII, 20

ĐÀM THẬN XƯỞNG : Chb. XLVII, 46, 51

ĐÀM TOÁI TRẠNG: Chb. II, 31, 39-40

ĐÀM TRUNG: Chb. XIV, 10 ; Tb. II, 5

ĐÀM VĂN LỄ: Chb. XXIII, 40, 41; XXIV, 6, 28; XXV, 1, 18, 20

ĐÀM VĂN THÔNG: Chb. XXI, 9

ĐÀM VĂN TIẾT: Chb. XXIX, 33

ĐÀM XUÂN THỤ: Chb. XLV, 20, 22

ĐÀM XUÂN VỰC: Chb. XXXIX, 31; XL, 10, 28, 29; XLI, 3, 15, 17; XLII, 18, 20, 22, 23, 25

Đạm Thuỷ: Chb. XI, 34

Đạm Xuyên: Chb. XXXVI, 22; XXXVIII, 20

Đan Ba: Chb. VIII, 8; XIII, 11, 12

Đan Dĩ: Chb. VIII, 7, 8; XIII, 12

Đan Dương: Tb. III, 14

Đan Điền: Chb. XXI, 17, 33

Đan Giáp: Chb. XLVII, 22

Đan Hội: Chb. XLVII, 25

Đan Loan: Chb. XXXIV, 30

Đan Luân: Chb. XLIII, 37

Đan Nê: Chb. XXIX, 8

Đan Nê xã: Chb. I, 20

Đan Nhai (cửa biển) : Chb. XXVIII, 9 ; XXXII, 11, 12, 16, 17

Đan Nhiễm : Chb. XLVII, 3

Đan Phượng : Chb. XVIII, 19 ; XXI, 18 ; XXXI, 18 ; XXXIV, 1 ; XXXV, 6 ; XLVII, 9

Đan Thai (cửa biển) : Chb. XII, 19, 20

Đàn Ấo sách : Chb. I, 2
ĐÀN HÒA CHI : Tb. II, 21, 27, 28
ĐÀN KIỆT : Chb. XL, 9
Đàn Viên xã : Tb. V, 29
Đăng Châu : Tb. II, 5
ĐÀO BIỂU : Chb. XIX, 6 ; XXII, 34 ; XVIII, 34, 35
ĐÀO CAM MỘC : Chb. II, 5, 8, 18
ĐÀO CẦN: Chb. I, 26
Đào Cốc (làng): Chb. XVIII, 33
ĐÀO CÔNG CHÍNH: Chb. XXXIII, 35, 41
ĐÀO CÔNG SOẠN: Chb. XIII, 36; XV, 25; XVI, 33; XVII, 2, 12; XVIII, 1, 20, 30
ĐÀO CƠ: Tb. III, 14, 17
ĐÀO CỬ: Chb. XXIII, 40, 41
ĐÀO DIỄN: Chb. VI, 30
ĐÀO ĐƯỜNG THỊ: Tng. 4
Đào Giang: Tb. IV, 9. X. Dã Năng
ĐÀO HOÀNG : Tb. III, 12, 13, 14-17
ĐÀO HOÀNG THỰC: Chb. XXXIX, 26; XL, 2, 14; XXXVIII, 20
ĐÀO KHẢN: Tb. III, 17, 18, 19
ĐÀO KHÁNH VĂN: Chb. II, 13
ĐÀO KHUNG: Chb. VII, 19
ĐÀO LỰC ĐINH: Chb. X, 36
ĐÀO NGUYÊN: Chb. III, 40-41
ĐÀO PHU HOẠN: Chb. XXIII, 32
ĐÀO PHỤC LỄ: Chb. XX, 23
ĐÀO PHƯỢNG NGHI : Chb. XXVII, 27
ĐÀO QUANG GIAI: Chb. XXXIV, 51
ĐÀO QUANG NHIÊU: Chb. XXXII, 13, 14, 15, 16, 21, 29, 37, 38
ĐÀO QUANG QUẢNG: Chb. XXXIII, 24
ĐÀO SƯ TÍCH: Chb. X, 35, 48; XI, 18
ĐÀO TỀ LƯỢNG: Tb. IV, 25
ĐÀO THẠC PHỤ: Chb. II, 21
ĐÀO THẾ QUANG: Chb. VII, 17
Đào Thị: Chb. XLIV, 24
ĐÀO THUẤN CỬ: Chb. XXI, 8
ĐÀO THỤC: Tb. III, 17
ĐÀO TIÊU: Chb. VII, 16
ĐÀO TOÀN BÂN: Chb. X, 48
ĐÀO TUY: Tb. III, 17
ĐÀO TUYẾN: Chb. XX, 9
ĐÀO TỬ KỲ: Chb. VIII, 21
ĐÀO TƯỢNG: Tb. III, 13
ĐÀO UY: Tb. III, 17
ĐÀO VĂN ĐÍCH: Chb. X, 21
ĐÀO VIỆN: Chb. XXI, 3
Đảo Mã pha: Chb. XIV, 19, 21, 22
ĐẠO CHƯỞNG: Chb. XVII, 1

ĐẠO ĐỒNG: Chb. XXII, 6
Đạo Khê: Chb. XXXVII, 9
ĐẠO LỄ: Chb. XVII, 1
ĐẠO LUẬN: Chb. XVI, 9, 10
ĐẠO MIỆN: Chb. XVI, 22
ĐẠO MỘNG: Chb. XVII, 21
ĐẠO NHỊ: Chb. XXII, 6
ĐẠO QUỴ: Chb. XVII, 1
ĐẠO SỰ: Chb. XXII, 6
ĐẠO TÁI: X. TRẦN ĐẠO TÁI
ĐẠO THANG: Chb. XVII, 1
ĐẠO THÀNH: Chb. XVI, 9, 10
ĐẠO THIỀU: Chb. XXXIX, 12
ĐẠO THOAN: Chb. XXXIX, 12
Đạo Tú: Chb. XXVII, 17
ĐẠO XA: Chb. XVII, 1
Đáp Cầu: Chb. XLVII, 51
Đáy (sông): Chb. XI, 36
ĐẮC VŨ: Chb. XLVII, 10
Đặc Ma đạo: Chb. III, 17, 19
ĐĂNG BẢO: Chb. XLV, 5
Đăng Châu: Chb. III, 10–11; VI, 41; XXI, 30
ĐĂNG DOANH: Chb. XLVII, 48
Đăng Đạo: Chb. XLIII, 12
Đăng Để: Chb. XXXII, 14, 15
Đăng khoa bị khảo: Chb. XXXIII, 37
Đăng khoa lục: Chb. XV, 28 ; XXVII, 8 ; XXXIII, 32
Đăng Xương : Chb. I, 28 ; XVI, 8 ; XXI, 34 ; XXVIII, 12, 30 ; XLIV, 19, 20 ; XLV, 1 ; XLVI, 16
Đằng Châu: Chb. I, 39; III, 16, 19; V, 31, 32; Tb. III, 15; V, 28, 30
Đằng Đạm: Tb. IV, 35
ĐẰNG TỐN CHI: Tb. III, 22
ĐẶNG: Chb. XLIV, 19
ĐẶNG CÔNG CHẤT: Chb. XXXIV, 4, 10, 13
ĐẶNG CÔNG DIỄN: Chb. XL, 3
ĐẶNG DẬT: Tb. III, 22
ĐẶNG DIỄN: Chb. VI, 12
ĐẶNG DU: Chb. VII, 42
ĐẶNG DUNG: Chb. XII, 29, 31, 35, 36, 37, 39, 41
ĐẶNG ĐẮC: Chb. XVII, 6, 7
ĐẶNG ĐIỂM: Chb. XXXIII, 25
Đặng Điển: Chb. XLIV, 26; XLVI, 39
ĐẶNG ĐÌNH GIÁN: Chb. XXXVI, 22, 31
ĐẶNG ĐÌNH LÂN: Chb. XXXIX, 6; XXXVII, 14, 15; XXXV, 27; XXXVI, 5
ĐẶNG ĐÌNH LUẬN: Chb. XXXIX, 5, 6
ĐẶNG ĐÌNH MẬT: Chb. XXXVIII, 38 ; XXXIX, 17, 18, 26
ĐẶNG ĐÌNH MIÊN: Chb. XXXVIII, 38

ĐẶNG ĐÌNH QUỲNH: Chb. XL, 7, 8
ĐẶNG ĐÌNH SẮT : Chb. XXXVIII, 27
ĐẶNG ĐÌNH SỞ: Chb. XXXV, 18
ĐẶNG ĐÌNH THUYÊN: Chb. XXXV, 4
ĐẶNG ĐÌNH TRIẾT: Chb. XXXV, 26, 27
ĐẶNG ĐÌNH TUÂN: Chd. 4
ĐẶNG ĐÌNH TƯỚNG: Chb. XXXIV, 13, 14, 16, 36, 40, 50, 52
ĐẶNG ĐÌNH VIỆN: Chb. XLV, 10, 12
ĐẶNG ĐỊNH : Chb. XXVIII, 13, 15
ĐẶNG ĐỨC MINH: Tb. I, 14
ĐẶNG HUẤN: Chb. XXXIII, 23, 25, 27, 29 ; XXIX, 10
ĐẶNG HUYỀN QUANG: Chb. I, 4
ĐẶNG KẾ: Chb. VII, 9
ĐẶNG LONG: Chb. VIII, 14
ĐẶNG LỘ: Chb. IX, 40
ĐẶNG MA LA: Chb. VI, 30
ĐẶNG MINH TẮC: Chb. XXXII, 10
ĐẶNG NGHIÊM: Chb. V, 22
ĐẶNG NHỮ LÂM: Chb. VIII, 30
ĐẶNG NHƯỢNG: Tb. II, 8
ĐẶNG QUỐC LANG: Tng. 7; Chd. 1
ĐẶNG TÁN: Chb. XXV, 17
ĐẶNG TẢO: Chb. IX, 17
ĐẶNG TẤT: Chb. XI, 16; XII, 19, 26, 27, 28, 29, 42, 43
ĐẶNG THẾ CÔNG : Chb. XXXII, 20, 21
ĐẶNG THẾ TÀI: Chb. XXXI, 19
ĐẶNG THẾ TƯ: Chb. III, 27
ĐẶNG THỊ (mẹ Lê Hoàn): Chb. I, 14
ĐẶNG THỊ HUỆ: Chb. XLV, 13, 14, 15, 20, 21, 25, 26, 27, 28, 29, 34, 35
ĐẶNG THIỆN : Chb. XX, 25
ĐẶNG THỤC GIÁO : Chb. XXI, 8
ĐẶNG TIẾN THỰ: Chb. XXXIII, 24, 25, 41; XXXIV, 37, 41
ĐẶNG TRẦN CHUYÊN: Chd. 1
ĐẶNG TUÂN: Tb. III, 9, 10
ĐẶNG VĂN KIỀU: Chd. 2
ĐẶNG XUÂN: Chb. XXV, 25
Đâu Mâu (núi): Chb. XLIV, 20
ĐẦU LÊ: Tb. III, 21
ĐÈO BẢN NHÃ LAN CHƯỞNG (người Lão Qua): Chb. XXIII, 34
ĐÈO CÁT HÃN: Chb. XV, 29, 30; XVI, 21

ĐÈO MẠNH VƯỢNG: Chb. XV, 30; XVI, 21; XVIII, 1

ĐÈO MĨ LÂM: Chb. XXXVI, 2

ĐÈO MĨ NGỌC: Chb. XXXVI, 3

Đê Tai Vạc: Chb. XXXV, 6

ĐỀ BÀ ĐÀI (Chiêm Thành): Chb. XXIV, 7

Để Định: Chb. III, 45; XXI, 35

Để Giang (sông Đáy): Chb. XIII, 14

Để Giang huyện: Chb. IV, 24

Đế Duy Phường: Chb. XXXVII, 11

Đế Duy Phường kỷ: Chb. XXXVII, 11-24

ĐẾ HUYỀN: Tng. 6; Phl. 6

ĐẾ LAI: Tb. I, 2

ĐẾ MINH: Tb. I, 1

ĐẾ NGHI: Tb. I, 1

ĐẾ NGỖI: X. TRẦN NGỖI:

Địa Cận (núi): Chb. X, 17

Địa Linh: Chb. XXXII, 19; XXXIII, 14

Địa Lý: Chb. I, 27, 28; III, 29, 34; IV, 4; IX, 5; X, 15, 37; XIV, 7; XXI, 23

Đích Cảng: Chb. XXI, 11

ĐỊCH THANH: Chb. III, 16-17

Điểm Xá: Chb. XXIX, 30; XLVII, 14, 15

ĐIỂM: Chb. XIV, 15

Điển Châu: Chb. XLVII, 34

ĐIỀN GIÁP: Tb. I, 34

Điển Nam: Chb. XXV, 27

Điển quốc: Tb. I, 34

Điển tái kí (DƯƠNG THẬN) Tb. IV, 10 ; V, 3

Điển Trì: Chb. XLVII, 25; XXXIV, 21; XXXVIII, 36

Điển Triệt (hồ): Tb. IV, 5

Điện Bàn: Chb. XLIV, 28, 29; XXI, 17; XXII, 8, 9; Tb. I, 4

Điện Biên: Chb. XXIII, 29

ĐIÊU (ĐÈO) CÁT HÃN : Chb. XIV, 17

Điêu Diêu: Chb. XIII, 35; XIV, 4, 5, 8

Điếu Ngư (thành): Chb. VIII, 34, 37

Đinh: Chb. XIV, 27

ĐINH BANG BẢN: Chb. XVI, 6

ĐINH BÀNG ĐỨC: Chb. X, 1

ĐINH BẠT TUỴ: Chb. XXVIII, 4

Đinh Biên châu: Chb. II, 44-45

ĐINH BỒ CƯƠNG: Chb. XXI, 8

ĐINH BỘ LĨNH: Chb. I, 1; V, 27; Tng. 5; Dch. I, 5; II, 10; Phl. 4, 5, 7; Tb. V, 23, 24, 27, 31, 32

ĐINH CẢNH AN: Chb. XVII, 7

ĐINH CÔNG: Chb. XXVII, 26; XXVIII, 5

ĐINH CÔNG ĐÍNH: Chb. XXXIV, 30

ĐINH CÔNG HỒ: Chb. XLIII, 7

ĐINH CÔNG TRỨ: Chb. I, 1

ĐINH CỦNG VIÊN: Chb. VII, 12, 28, 33, 44; VIII, 10, 18, 22

ĐINH CƯỜNG: Chb. XXIV, 20

ĐINH ĐẠI TRUNG: Chb. XI, 38, 42

Đinh đế Toàn kỷ: Chb. I, 10–12

ĐINH ĐỨC NHUẬN: Chb. XXXII, 25

ĐINH KHẢ: Chb. V, 26–27

ĐINH KIẾN: Tb. IV, 20, 28

ĐINH LAN: Chb. XIX, 22

ĐINH LỄ: Chb. XIII, 3, 19, 22, 24, 25, 27, 28, 30; XIV, 1, 8, 9

ĐINH LỆNH DẬN: Chb. XLVII, 43, 51

ĐINH LIỄN: Chb. I, 4, 29 Tb. V, 24, 31

ĐINH LIỆT: Chb. XIII, 19; XIV, 9, 18; XX, 28, XXI, 10, 39, 40

ĐINH LỘC: Chb. III, 2

ĐINH LƯU: Chb. XXIV, 20

ĐINH MÔNG: Chb. XXVI, 40

ĐINH NGÔ THƯƠNG: Chb. II, 31

ĐINH NHẠ HÀNH: Chb. XLVII, 27, 43, 45, 46, 47

ĐINH NHÂN PHỦ: Chb. XX, 37

ĐINH NHO ĐIỀN: Chd. 4

ĐINH NHO HOÀN: Chb. XXXV, 16, 18, 20

ĐINH PHỤ ÍCH: Chb. XXXIV, 24; XXXV, 15, 39; XXXVII, 11

Đinh Sơn: Chb. II, 1

ĐINH THẮNG: Chb. XVII, 13

ĐINH [Thì] TRUNG: Chb. XLIV, 27, 28; XLV; 8

ĐINH THUẬN: Chb. XXV, 24

ĐINH THÚC THÔNG: Chb. XXI, 40

ĐINH THỪA CHÍNH: Chb. I, 24–25

ĐINH TÍCH NHƯỠNG: Chb. XLVI, 16, 18, 22, 32, 33, 35, 37, 38; XLVII, 10, 26

ĐINH TIÊN HOÀNG: Chb. XXIII, 28; XXVI, 11

ĐINH TIÊN HOÀNG: X. ĐINH BỘ LĨNH:

Đinh Tiên Hoàng đế kỷ: Chb. I, 1, 9

ĐINH TOÀN: Chb. I, 7, 8, 12, 14, 16, 18, 19, 28, 34

ĐINH TRINH: Chb. XXV, 24

ĐINH VĂN GIAI: Chb. XXXVIII,

37; XXXIX, 34, 35; XL, 8, 9, 10, 29, 34; XLII, 9

ĐINH VĂN PHỤC: Chb. XLVII, 27; XXXVIII, 39

ĐINH VĂN TẢ: Chb. XXXIII, 6, 22, 24; XXXIV, 3, 4, 5, 9; XLVI, 18

ĐINH VĂN THẢN: Chb. XLII, 8, 10

ĐINH VĂN THÁN: Chb. XXXVIII, 39

ĐINH VŨ KÍNH: Chb. XLVII, 26

ĐINH VŨ SẦM: Chb. XLVII, 26

Đình Bảng: Chb. X, 15, 16; XXXVIII, 38

ĐÌNH GIÁN: Chb. XXXIX, 18

Đình Hàn: Chb. XXXII, 19

ĐÌNH TRÍ: Chb. XXXVIII, 38

ĐÌNH TƯỚNG: Chb. XXXIX, 18

Đính (tên làng): Chb. XXIX, 30

ĐÍNH NGẠN: Chb. XXVIII, 33

Định Bắc: Chb. XLIII, 12

Định Biên: Chb. II, 45

Định Châu: Chb. III, 11; IV, 38; XXXIV, 16; XXXV, 39; XLIII, 12; XLVII, 27, 28, 38

Định Chu: Tb. II, 5

Định Công: Chb. XXVI, 24

ĐỊNH CÔNG: X. Lữ Đại:

Định Hoá: Chb. XXI, 19; XXXV, 38

Định Hoá châu: Chb. IV, 38

Định Nguyên châu: Chb. II, 36, 37

Định Phiên trại: Chb. II, 12

Định Phiên vương LONG TUNG: X. LÊ LONG TUNG:

Đoan Châu: Chb. III, 16, 19

Đoan Hùng: Chb. XI, 29; XVIII, 18; XXI, 18; XXXVIII, 25; XLIII, 12

Đoan Khang cung: Chb. XXV, 28

Đoan Khánh: Chb. XXV, 17 - 35

Đoan Khê: Tb. II, 4

Đoan Lễ xã: Tb. V, 19

Đoan Môn lâu: Chb. XXXI, 16

ĐOAN NHẬT: Chb. XL, 9

Đoan Thái: Chb. XXIX, 15 - 17

Đoan Vĩ: Chb. XXIX, 30, 31

ĐOÀN BÁ DONG: Chb. XXXVII, 11

ĐOÀN BỒNG: Chb. XII, 18, 21

ĐOÀN CHÍ: Tb. II, 10, 11

ĐOÀN CHÚ: Chb. XLI, 4

ĐOÀN DANH CHẤN: Chb. XXXVIII, 25

ĐOÀN HỮU TOÁN: Chb. XXXV, 10

Đoàn Lâm: Chb. XIX, 23; XXIX, 33

ĐOÀN NGUYỄN THỤC: Chb. XLIII, 9, 10, 19-22, 30; XLIV, 10, 11

ĐOÀN NHỮ HÀI: Chb. VIII, 27, 28, 40, 42, 44; IX, 5, 35, 36

ĐOÀN SĨ TẮC: Tb. IV, 35

Đoàn Thành: Chb. XXXVIII, 26; XXXIX, 20, 29, 30

ĐOÀN THẾ NÙNG: Chb. XXV, 1

ĐOÀN THƯỢNG: Chb. V. 35-36, 43; VI, 2, 7, 8

ĐOÀN TU THIỆN: Tb. IV, 38; V, 8, 9

ĐOÀN TUẤN HOÀ: Chb. XXXIV, 5

ĐOÀN TUẤN KHOA: Chb. XXXIV, 22, 23, 24, 36, 37

ĐOÀN TỬ TRINH: Chb. IX, 32

ĐOÀN VINH KIÊM: Chb. XXXVIII, 41

ĐOÀN XUÂN LÔI: Chb. XI, 18

Đô Bàng: Tb. I, 20; II, 5

ĐÔ BẢO: X. PHÙNG HÃI:

ĐÔ DƯƠNG: Tb. II, 12

ĐÔ KÊ: Tb. II, 1, 3

Đô Kim: Chb. II, 18, 24, 41

Đô Long lĩnh: Tb. IV, 14

Đô Long sơn: Tb. IV, 14

Đô Lương: Chb. XLVII, 18

ĐÔ NINH: Chb. XXX, 5

ĐÔ QUÂN : Tb. V, 22

Đồ Bàn: Chb. XLIV, 24

Đồ bàn: X. Chà Bàn:

ĐỒ BẤT MỘT: Chb. XIX, 14

ĐỒ DUNG : Chb. XXIV, 8

ĐỒ NGẠN GIÃ: Tb. V, 22

Đồ Sơn: Chb. XXVI, 11; XXXIX, 30, 32, 33; XL, 3, 4, 5; XLVII, 10

ĐỒ THƯ: Tb. I, 10

Đồ Chú (sông): Chb. XXXVII, 4-7

ĐỖ AN DI: Chb. V, 11, 18, 21, 24

ĐỖ ANH HÀN: Tb. IV, 26, 27, 28

ĐỖ ANH TRIỆT: Chb. V, 34

ĐỖ ANH VŨ: Chb. IV, 34-35, 37-38, 42; V, 1-4, 9, 10

ĐỖ BÁ PHẨM: Chb. XXXVI, 22, 31; XXXVII, 27, 31

ĐỖ BÍ: Chb. XIII. 3, 24, 25, 28; XIV, 6; XIX, 12, 13

ĐỖ CẢNH THẠC: Tb. V, 21, 22, 27, 28

ĐỖ CỐI: Chb. XII, 32

ĐỖ DÃ KHA: Chb. X, 43, 46

ĐỖ DUY TRUNG: Chb. XII, 45, 46

ĐỖ ĐẠI: Chb. XVII, 14

Đỗ Động: Chb. I, 2, 27, 33 Tb. V, 27, 28, 29

Đỗ Động giang: Chb. I, 2; II, 36 ; Tb. V, 29

Đỗ Gia: Chb. XLIII, 5, 18

Đỗ Gia (huyện): Chb. XIII, 19, 21

ĐỖ HÀNH: Chb. VIII, 7, 12
ĐỖ HOẰNG: Tb. III, 17, 18, 19
ĐỖ HOẰNG VĂN: Tb. III, 25, 26
ĐỖ HUY KỲ: Chb. XXXVIII, 20; XXXIX, 21, 24; XLI, 15
ĐỖ HƯNG: Chb. II, 45
ĐỖ HỰU: Tb. II, 13
ĐỖ KHÁNH: Chb. IV, 28
ĐỖ KHẮC CHUNG: Chb. VII, 22, 33, 34; VIII, 10, 12, 26, 40, 43, 45; IX, 12, 23, 25, 26, 28; X, 11
ĐỖ KHOAN: Chb. II, 38
Đỗ Lâm: Chb. XXXVIII, 32
ĐỖ LỄ: Chb. X, 39, 40
ĐỖ LỆNH THIỆN: Chb. XLVII, 31, 32
ĐỖ MÃN: Chb. XI, 37, 41, 42; XII, 3, 16, 17, 18
ĐỖ MỤC: Tb. II, 8
ĐỖ NAM: Chb. XX, 22
ĐỖ NGUYÊN: Tb. III, 22
ĐỖ NGUYÊN THÁC: Chb. XI, 38; XII, 3
ĐỖ NHẠC: Chb. XXVI, 14, 15, 16, 25, 32, 40, 42
ĐỖ NHÂN: Chb. XXV, 1, 2, 26
ĐỖ NHÂN GIÁM: Chb. XII, 17
ĐỖ NHUẬN: Chb. XV, 2; XXI, 12, 39; XXIII, 40, 41; XXIV, 17; XLIII, 16
ĐỖ NHƯ HÙNG: Chb. XV, 12
ĐỖ ÔN NHUẬN: Chb. XXVII, 29
ĐỖ PHÚ TUẤN: Chb. XLV, 2
ĐỖ QUÂN: X. PHÙNG HƯNG:
ĐỖ QUỐC KẾ: Chb. VII, 20
ĐỖ QUỐC TẢ: Chb. VII, 9
ĐỖ TẤN: Tb. III, 18
ĐỖ THANH: Chb. V, 29
ĐỖ THẾ DẬN: Chb. XLVI, 18
ĐỖ THẾ GIAI: Chb. XXXIX, 5, 31; XL, 19, 20, XLI, 2, 4, 18, 27, 29; XLII, 4, 17, 18, 25
ĐỖ THÍCH: Chb. I, 8
ĐỖ THIÊN NHỮ: Chb. VII, 22; VIII, 10, 11; IX, 8, 36, 37
ĐỖ THIỆN CHÍNH: Chb. XXXIII, 19
ĐỖ THỦ CHỪNG: Tb. IV, 39, 40
ĐỖ THUẦN THỨ: Chb. XXIV, 18
ĐỖ TỈNH: Chb. XI, 26
ĐỖ TỒN THÀNH: Tb. IV, 38, 40
ĐỖ TỔNG: Chb. XXVII, 20, 21
ĐỖ TUỆ ĐỘ: Tb. III, 23, 24
ĐỖ TUỆ KỲ: Tb. III, 23
ĐỖ TỬ BÌNH: Chb. IX, 47; X, 13, 16, 17, 20, 32, 39, 41, 44, 46, 47
ĐỖ TỬ MÃN: Chb. XI, 7
ĐỖ TỬ QUY: Chb. XXII, 4
ĐỖ TỬ TRỪNG: Chb. XI, 16

ĐỖ UÔNG: Chb. XXIX, 33; XXX, 15, 18, 19

ĐỖ VIÊN: Tb. III, 21, 22, 23

Đỗ Xá: Chb. XXXIX, 35, 36

Độ liêu: Chb. XVI, 6

ĐỐC : Chb. XXVII, 16

ĐỐC TĂNG ĐẠT: Tb. III, 27

ĐỐC TÍN (em Mạc Đăng Dung) : Chb. XXV, 25

Độc Nhĩ sơn : Tb. V, 30

Độc sử phương dư kỷ yếu : Chb. II, 17, 43 ; III, 3

Độc sử phương dư kỷ yếu CỐ TỔ VŨ: Tb. IV, 5, 32

Độc Tôn (núi) : Chb. XXXVI, 34 ; XLI, 3, 4, 8

Đội sơn : Chb. I, 23

Đội Sơn xã : Chb. I, 23

Đôn Thư : Chb, XXXVIII, 21

ĐÔN TỪ : Chb. X, 32, 33

ĐỒN: Chb. XIX, 2, 3

Đốn Sơn: Chb. XI, 34, 43

Đông An: Chb. VI, 42; VII, 39; X, 20; XXI, 18, 27; XXV, 16; XXXIV, 29; XXXVII, 9, 13; XXXVIII, 2, 23 ; XLVI, 8, 19; XLVII, 13

Đông An Lý: Chb. XXXIV, 42

Đông Bộ Đầu: Chb. V, 33; VI, 41, 42, 43; VII, 30, 33; XIII, 29, 31

Đông Cao: Chb. XXV, 25; XXXII, 28

Đông Chinh vương LỰC: Chb. II, 20

Đông Cổ (sông): Chb. XXIX, 7, 8

Đông Cứu (làng): Chb. III, 34

Đông Cứu sơn: Tb. V, 8

Đông Dư: Chb. XXXI, 19

Đông Đạo: Chb. XIII, 32, 33; XIV, 7; XV, 5; XVI, 20; XVII, 9; XVIII, 1, 2, 27; XXI, 25, 29; XXIV, 10

Đông Đô: Chb. II, 10; XI, 29, 35, 36; XII, 14, 19, 27, 28; XIII, 10, 17, 23, 24, 25, 29, 32, 35; XIV, 1, 16, 17; XV, 5, 7, 19, 25, 26; XXI, 32; XXVI, 10 ; XXXIV, 6; XXXVII, 4

Đông Đô lộ: Chb. XI, 28, 29

Đông Hà: Chb. XXVI, 3, 13; XXVII, 6, 11, 13, 14; XLVI, 3

Đông Hà phường: Chb. XXVI, 32, 35

Đông Hải: Chb. XVII, 9; XLIV, 27

Đông Hoa: Chb. XXV, 9, 34

Đông Hoa môn: Chb. XX, 2; XXIII, 36

Đông Hồ: Chb. XLVII, 10, 12; Tb. I, 16

Đông Kết: Chb. X, 35; XXXVII, 13; XXXVIII, 23

Đông Khê: Chb. XXXIV, 30

Đông Khối: Chb. XVIII, 20; XX, 16; XXXIII, 40

Đông Kinh: Chb. II, 10; XV, 23, 26; XVI, 2, 3, 6, 7, 22, 31; XVIII, 2, 29; XX, 13; XXI, 32; XXV, 33; XXVI, 10, 31, 32; XXVIII, 1, 3; XXXI, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 20, 22, 24

Đông Kinh mộng hoa lục: Chb. VI, 34

Đông Lan: Chb. XXI, 18, 35; XXX, 10; XXXIII, 28; XLIII, 12

Đông Lao: Chb. XXXIV, 22

Đông Lý: Chb. XVIII, 34; XX, 23; XXIX, 6

Đông Mân: Tb. I, 26

Đông Môn ngục: Chb. XLII, 9; XLIV, 28

Đông Mông: Chb. XXXIV, 27

Đông Ngạc: Chb. XVIII, 29; XXVI, 13; XXXIV, 29; XXXVII, 23; XXXIX, 31; XL, 8; XLII, 18, 30; XLIII, 13; XLVI, 19

Đông Ngàn: Chb. I, 27; II, 11, 21; III, 31; VI, 13, 33; X, 30, 31, 51, 52; XVI, 33 ; XXI, 18; XXIII, 36, 41; XXIV, 26; XXV, 18, 19, 21; XXVI, 10, 37; XXVII, 3, 4, 5, 6, 12, 13, 21; XXX, 10; XXXI, 14; XXXII, 23; XXXIV, 2, 16, 21, 40; XXXVIII, 39; XL, 26, XLIV, 28; XLVI, 2, 23; XLVII, 18, 51;

Đông Ngàn (sông): Chb. II, 11

Đông Ngạn (ngàn) giang: Tb. I, 16

Đông Ninh: Chb. XXVI, 3

ĐÔNG PHƯƠNG SÓC: Chb. VIII, 44

Đông Quan: Chb. II, 10; IX, 48; XXI, 18; XXIII, 33; XXXIII, 12; XXXVIII, 8 ; XLVII, 9-12;

Đông Quan (thành): Chb. XII, 28, 41, 44; XIII, 9, 10, 11, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 29, 30, 35, 36; XIV, 1, 2, 9, 17, 20; XV, 1, 2, 7

Đông Quang: Chb. XXXIX, 12

Đông Quận: Tb. II, 26

Đông Sơn: Chb. VI, 30, 32; VII, 16; X, 19, 44, 50; XI, 37; XVIII, 2, 9; XXVII, 24; XXVIII, 3, 6, 7, 27; XXIX, 3, 6; XXX, 30; XXXIII, 20, 22; XXXVII, 17; XLIV, 28; XLVI, 38; XLVII, 40, 51

Đông Sơn huyện: Chb. XIX, 7; XXI, 10, 16

Đông Tân: Chb. V, 33; XIII, 12; XVI, 31; XXXI, 17

Đông tây dương khảo: Chb. I, 25

Đông Thành: Chb. V, 27; XI, 3; XXI, 16, 17; XXV, 25; XXVIII, 24; XXXIII, 2 ; XL, 29; XLII, 5; XLIII, 1; XLV, 7, 8, 34;

XLVI, 6, 18, 30, 31, 39; Tb. I, 19

Đông Thiên Trúc: Tb. IV, 21

Đông Trạch: Chb. XLIV, 8

Đông Triều: Chb. VI, 18, VIII, 18; IX, 17; X, 11, 23, 35; XI, 22, 34; XII, 24, 25, 44; XXI, 17, 25; XXVI, 26, 37; XXVIII, 14; XXX, 1; XXXVII, 16; XXXVIII, 1 ; XXXIX, 5, 6, 9, 15, 16; XLVII, 26

Đông Trực (cửa): Chb. XLVII, 47

Đông Xá: Chb. XXXVII, 9

Đông Yên: Chb. XL, 3

Đồng Bàng: Chb. XLVII, 51

Đồng Cô (núi): Chb. I, 20; II, 30

Đồng Cổ (núi): Chb. XXXI, 15

Đồng Du: Chb. XLVII, 43

ĐỒNG ĐÀO (nữ quan): Chb. XXI, 13

Đồng Đăng: Chb. XI, 23

Đồng Đăng (xã): Chb. XII, 14

ĐỒNG HÀNG: Chb. XXIX, 33

ĐỒNG HANH PHÁT: Chb. XVIII, 5, 10, 12

Đồng Hỉ: Chb. XXI, 19; XXXV, 39; XLIII, 12; XLVII, 28

Đồng Hoà (xã): Chb. I, 20

Đồng Hoà cảng: Chb. XXI, 10

Đồng Hôn: Chb. XXXII, 23, 24

Đồng La: Chb. XLII, 27

Đồng Lạc: Chb. XXXVIII, 41

ĐỒNG LỢI: Chb. V, 3-4; XXVI, 26

ĐỒNG MẶC: Chb. XII, 32

Đồng Môn: Chb. XXXVIII, 40

ĐỒNG NGUYÊN: Tb. III, 11, 12, 13

Đồng Quan: Chb. I, 8

Đồng Thái: Tb. IV, 19

ĐỒNG THỨC: Chb. XI, 40; XII, 18

ĐỒNG TỒN TRẠCH: Chb. XXXIII, 2

Đồng Trạch: Chb. XLVII, 51

Đồng Xuân huyện: Chb. XXII, 8, 9

Đồng Xưởng Sơn: Chb. XXXIV, 43

Đống châu: Chb. XVI, 4

Đống Đa: Chb. XLVII, 41

Động Bàng: Chb. XIX, 7; XXI, 37; XXVI, 26; XXVII, 22, 23

Động đất, X.S.D.B, XXI, 3:

Động Đình: Chb. XLV, 7 Tng. 4

Động Đình Hồ: Tb. I, 3, 4

Động Giản: Chb. XXXII, 39

Động Hải: Chb. XXIV, 26; XLIV, 11, 12; XLV, 6, 9, 10, 33; XLVI, 16

Động Hải (xã): Chb. X, 39

Động Hỉ: Chb. XXXI, 27; XXXV, 38

Động Thiên công chúa: (con gái

Lý Thánh Tông): Chb. III, 25-26

ĐỨC BẢO: Chb. XLII, 12

Đức Châu: Chb. XXI, 21

Đức Giang: Chb. XIX, 4

Đức Nguyên: Chb. XXXIII, 39-41

Đức Quang: Chb. XXI, 16; XXXVI, 6; XLVI, 33, 34

ĐỨC THÂN: Chb. XXXVIII, 26, 27

Đức Thọ: Chb. XLVI, 34; Tb. IV, 23

ĐỨC VIỆP: Chb. VII, 19; VIII, 2, 15, 43

Đương An: Chb. XXI, 17; XXIV, 30

ĐƯƠNG CÔN THẰNG: Tb. III, 20

ĐƯƠNG CÔN THUẦN : X. ĐƯƠNG CÔN THẰNG:

ĐƯƠNG ĐẠO: Chb. II, 42; XXI, 18

Đường: Chb. XIV, 27

Đường (triều): Chb. XVII, 17

Đường, Nguyễn: Tb. V, 23

Đường An: Chb. IX, 30; XIV, 24; XXXII, 7; XXXIII, 14, 36; XXXIV, 16, 30, 40; XXXVII, 2; XXXVIII, 16, 35; XXXIX, 6, 7, 9; XL, 15; XLIII, 37; XLV, 18, 28; XLVII, 4

ĐƯỜNG BẢO TRINH: Chb. XIV, 6

Đường chí: Tb. II, 14

ĐƯỜNG DỰ VƯƠNG ĐẤN: Phl. 7

Đường Đại Tông: Chb. XLII, 27

Đường địa lý chí: Tb. I, 1; II, 8; IV, 10, 19; V, 8

Đường Hào: Chb. I, 27; VI, 7, 39; VIII, 16; IX, 17; XXI, 17; XXV, 17, 24; XXVII, 6, 17; XXXIII, 18; XXXIV, 40; XXXVII, 9; XXXVIII, 18, 35; XXXIX, 8, 14

Đường Lâm: Tb. II, 8; IV, 19, 25, 26; V, 18, 27. X. Cam Lâm

Đường Minh: Tb. III, 5, 8

ĐƯỜNG MÔNG: Tb. I, 34

Đường Nang: Chb. XXIX, 11

ĐƯỜNG NGHĨA: Chb. XIII, 4

ĐƯỜNG NGHIÊU: Tng. 3

ĐƯỜNG NGỘT NGẠT: Chb. VII, 26

ĐƯỜNG THÁI TÔNG: Chb. IX, 43

ĐƯỜNG THUẬN TÔNG: Phl. 6

Đường thư: Chb. XV, 22; Tb. II, 8; V, 4, 6

Đường thư, Địa lý chí: Chb. II, 18, 43; V, 1

Đường thư liệt nữ truyện: Tb. IV, 25

Đường thư Nam Man truyện: Tb. IV, 24, 30; V, 9

Đường Yên: Chb. XXV, 25; XXVI, 11; XXVII, 14, 16, 17

E

em Lê Chiêu tông XUÂN: Chb. XXVII, 4, 5, 9, 10, 14, 15

G

GIA (con Hoàng Phùng Cơ): Chb. XLVII, 9

GIA (tướng của Trịnh Tráng): Chb. XXXII, 6

Gia Binh: Chb. XVII, 23

Gia Bình: Chb. III, 34; X, 48; XII, 20; XXI, 35; XXV, 21; XXX, 10; XXXIII, 40; XXXV, 24; XXXVIII, 27; XXXIX, 19; XL, 10; XLIII, 12; XLVII, 23, 24, 25

Gia Bình huyện: Tb. V, 8

GIA CÁT ĐỊA: Tb. III, 21

GIA CÁT LƯỢNG: Chb. XI, 19

Gia Dụ (Nguyễn): Chb. XXVII, 40, 41; XXVIII, 11, 22, 30, 31, 32; XXIX, 4; XXX, 4, 22, 23; XXXI, 3, 5

Gia Để: Chb. XIX, 5

Gia Định: Chb. XI, 37; XX, 16; XXI, 18, 35; XXV, 16, 21; XXXIII, 20, 40; XXXV, 24; XL, 13; XLIII, 12; XLIV, 23; XLV, 12; XLVII, 5, 22, 23, 24, 25, 46

Gia Định (huyện): Chb. III, 34; XVII, 22, 23; XVIII, 20

Gia Hộ: Chb. XLVI, 30, 31

Gia Hưng: Chb. XIII, 24, 25, 32; XIV, 15; XV, 5; XVII, 1, 20; XVIII, 6, 7; XIX, 5; XX, 16, 19; XXI, 19, 31; XXIII, 29; XXXIII, 12; XXXVI, 3

Gia Hưng phủ: Chb. II, 41

Gia Khánh: Chb. XLVII, 48

Gia Lâm: Chb. III, 11; VII, 33; IX, 6; XII, 44; XIII, 35; XIV, 4; XXI, 18; XXIV, 8; XXV, 2; XXVI, 10, 26, 27, 38, 39, 41, 42 ; XXVII, 3, 4, 6 ; XXIX, 26 ; XXXI, 19, 20 ; XXXII, 7, 19 ; XXXIII, 2, 35 ; XXXXVI, 6, 23, 34 ; XXXVII, 9, 14 ; XXXVIII, 20, 38, 39 ; XXXIX, 1 ; XL, 14 ; XLIII, 10, 20 ; XLIV, 23 ; XLV, 12 ; XLVII, 5, 22-25, 46

Gia Lâm châu : Tb. V, 8

Gia Long : Chb. XXVII, 20 ; XLV, 12, 18, 22, XLVI, 30 ; XLVII, 24, 47, 48, 51

Gia Lộc : Chb. XVII, 26 ; XXI, 34 ; XXVII, 4 ; XXIX, 3, 33 ; XLIII, 12

Gia Miêu : Chb. XXV, 33

Gia Miêu ngoại trang : Chb. XIX, 4 ; XXIV, 24 ; XXVI, 33 ; XXXI, 24

Gia Ninh : Tb. II, 8 ; IV, 4, 19

Gia Phúc : Chb. XXI, 17, 34;

XXVII, 4, 9; XXX, 5; XXXIII, 32; XXXIX, 7, 15, 16, XLIII, 12

Gia Thái: Chb. XXIX, 1-8

Gia Thuỵ: Chb. XLVII, 18, 32

Gia Tĩnh: Chb. XXVII, 28, 33; XXXIII, 6

Gia Tông: Chb. XXXII, 16; XXXIII, 33; XLII, 11

Gia Tông kỷ: Chb. XXXIII, 33-41

Gia Viễn: Chb. I, 2, 37; IV, 31; XXI, 18, 40; XXVI, 1; XXVIII, 20; XXIX, 28, 30; XXXIV, 33; XLI, 17; XLII, 16; XLVI, 39; XLVII, 15; Tb. V, 24

Gia Vương: X. TƯ THÀNH

GIẢ MẠNH KIÊN: Tb. II, 24, 28

GIẢ THỰC: Chb.I, 13

GIẢ XƯƠNG: Tb. II, 19

Giai Môn: Chb. XXXIX, 32, 33

Giai Tuân (phường): Chb. VII, 14

GIẢI HỆ: Tb. III, 13

GIẢN ĐỊNH: Tng. 6

Giản Định vương: X. TRẦN NGỖI:

GIẢN HOÀNG: X. TRẦN ĐẾ HIỆN

Gián (bến đò): Chb. XLVII, 13-15

Gián Khẩu (xã): Chb. XLVII, 15

Giang Biểu (tên xã): Chb. XXIX, 9

Giang Cao: Chb. XXIX, 25

Giang Châu: Tb. III, 31

GIANG CỰ VỌNG: Chb.I, 16

GIANG DU: Tb. III, 24

GIANG HẠO: Chb. XII, 32

Giang Hoài: Chb. VIII, 1

Giang Khẩu (phường): Chb. X, 27

Giang Lăng: Chb. VII, 20, VIII, 21

Giang Lưu Ba: Tb. IV, 24

Giang Nam: Chb.IV, 13

Giang Tả: Chb. X, 21

Giang Tây: Chb. VII, 43; VIII, 1

GIANG VĂN DỤ: Chb. XXVII, 9

Giảng Võ điện: Chb. XXXIII, 7

Giảng Võ trại: Chb. XXVI, 31

Giảng Vũ (trại): Chb. XL, 5

Giảng Vũ điện: Chb. XXIII, 37

Giao Châu: Chb. XII, 20, 28, 35; XIII, 17, 20; XIV, 24; XXI, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32; Tb. I, 12, 14, 32; II, 4, 13, 24, 28, 29, 30, 31; III, 1, 3, 5, 9, 10, 11, 14, 17, 19, 20, 22, 23, 26, 27, 29, 31, 32, 33, 35; IV, 1, 6, 16, 18, 19, 22, 35, 38; V, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 19, 31

Giao Châu ký (TĂNG CỔN)): Tb. II, 12; V, 13

Giao Châu phủ: Chb. XIII, 26

Giao Châu phủ chí (TRIỆU XƯƠNG): Tb. IV, 27

Giao Chỉ: Chb. XII, 7, 20, 32, 33, 34, 36; XIII, 4; XVII, 17; XX, 17; XXI, 24, 25, 27, 28, 29, 30, 31, 32; XXXV, 6; XXXVII, 7; Tng. 4; Tb. I, 2, 3, 4, 5, 6, 9, 12, 19, 20, 34; II, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 15, 16, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30; III, 1, 3, 9, 10, 11, 12, 16, 21, 22, 23, 25, 41, 42; IV, 10, 12, 16, 18, 19, 23, 35; V, 3, 12, 15, 31

Giao chỉ di biên: Chb. I, 23; III, 23, 44

Giao Cương: Chb. XXXIV, 21

GIAO LONG: Tb. III, 24

Giao Nễ mộ Bàn Thoa: Chb. XVIII, 15

Giao, Quảng: Tb. I, 12

Giao Quảng ký: Tb. I, 9

Giao Thuỷ: Chb. VI, 44; XII, 16; XXI, 18; XXVIII, 9, 10; XXXIII, 6; XLV, 10, 12

Giao tự đại lễ: Chb. XX, 14

GIÁO HOÁ: Chb. IX, 19

GIÁP (Hạ Lại tướng quân): Tb. I, 33

Giáp (hiệp) Sơn (huyện): Chb. X, 7

Giáp (hiệp)- Sơn: Chb. VII, 22; IX, 11, 43, 46

Giáp [Hiệp] Sơn: Chb. XII, 4; XIII, 11, 12

Giáp [Hiệp] Thạch tập: Chb. XIII, 5

GIÁP NGUYỄN KHOA: Chb. XXXIII, 18 ; XLI, 28; XLII, 9, 10

Giáp Sơn: Chb. XX, 37; XXI, 17; XXVI, 37; XXVIII, 14; XXXVII, 1; XXXIX, 9

GIÁP TRƯNG: Chb. XVII, 24; XXII, 27

GIẶC KHIÊM: Chb. XIII, 12

Giới Hiên thi tập: Chb. X, 8; XIII, 5

GIỚI HIÊN tiên sinh : X. NGUYỄN TRUNG NGẠN

H

HÀ AN LƯỢC: Chb. XVII, 1, 2

Hà Bắc (Trung Quốc): Chb. XLII, 28

HÀ BỔNG: Chb. VI, 42

HÀ CẢNH ĐẠO: Chb. XXVII, 17

HÀ CÔNG CHÂN: Chb. XXVI, 32

HÀ CÔNG ỨNG: Chb. XLIII, 7

HÀ DI: Tb. I, 34

HÀ DI KHÁNH: Chb. III, 43

HÀ DUY NHAM: Chb. VIII, 18

Hà Dương: Chb. XXXVIII, 40

HÀ ĐẶC: Chb. VII, 40, 41

Hà Đông: Chb. XLIV, 24

Hà Đông huyện: Chb. XXII, 3, 7, 8, 9

Hà Động: X. Hà Man động:

HÀ ĐỨC LÂN: Chb. XI, 28, 29, 33, 34

Hà Hoa: Chb. X, 36; XVII, 29; XXI, 17, 33; XXXVI, 6, 27; XLV, 4, XLVI, 33, 34

Hà Hoa (cửa biển): Chb. X, 35

Hà Hoàng: Chb. XXXVIII, 23, 29; XL, 27, 32; XLII, 17; XLV, 34; XLVI, 16, 31

Hà Hồi: Chb. XLVII, 41, 42

HÀ HUÂN: Chb. XXXIX, 21, 26; XL, 13, 26, 34; XLII, 5, 14

Hà Khẩu: Chb. XXXII, 29

HÀ KHUẤT: Chb. VI, 40

Hà Khúc (Trung Quốc): Chb. XLII, 27

HÀ LAI: Chb. XVII, 20

HÀ LÃM: Chb. XLIII, 4

Hà Lật: Chb. XIV, 6; XV, 12; XVIII, 1, 2, 5, 8, 9

HÀ LIỄN: Chb. XV, 4

HÀ LỘ: Chb. XXV, 24

Hà Lôi: Chb. XXVI, 26; XXXVII, 16

Hà Man động: Chb. I, 33

Hà Não (vũng biển): Chb. III, 10

HÀ NGHIỄM: Chb. XXII, 34, 35

HÀ NHƯ SƠN: Chb. XLV, 21

Hà Nội: Chb. I, 23; II, 10; III, 22; IV, 6; VI, 26; VII, 41; VIII, 39; IX, 6; X, 17, 30; XII, 16; XIII, 26, 31; XIV, 9; XV, 13; XX, 13, 27, 28, 33, 34, 35; XXIV, 19; XXV, 22, 35; XXVI, 2, 4, 14, 22, 23, 24, 28, 31, 33; XXIX, 17, 20, 31; XXX, 10; XXXIII, 3; XXXV, 5, 6; XXXVII, 11; XXXVIII, 30, 39; XL, 1, 5, 24, 33; XLI, 6, 24; XLII, 1, 18; XLIII, 3, 19, 24, 34; XLV, 9, 17; XLVI, 34; XLVII, 42; Tb. I, 4, 13; II, 7, 11; IV, 31; V, 30

Hà Nội (Trung Quốc): Chb. XL, 27

Hà Nội sách: Chb. II, 10; IV; 14

HÀ PHI CHUẨN: Chb. XXVI, 37; XXVII, 4, 5, 11

HÀ PHỦ: Chb. XV, 4; XVII, 2, 26; XVIII, 19

HÀ SĨ TRÍ: Chb. XXXIII, 19

HÀ TẤT NĂNG: Chb. VIII, 12

Hà Tây: Tb. II, 31

Hà Thanh: Chb. XXI, 33

HÀ THIỆN LÃM: Chb. II, 33

HÀ THỌ LỘC: Chb. XXIX, 3, 18, 24; XXX, 3

HÀ THỌ TƯỜNG: Chb. XXVII, 38; XXVIII, 8

HÀ THỤ: Chb. II, 38

Hà Thượng: Chb. XLIII, 26

Hà Tĩnh: Chb. I, 38; III, 9; X, 35, 37; XII, 19, 30; XXXI, 24; XXXII, 10; XXXVI, 27; XXXVII, 7; XLVI, 34; Tb. I, 5; III, 15; IV, 23

Hà Tĩnh tỉnh: Chb. XXI, 23, 33

HÀ TÔN MỤC: Chb. XXXIV, 30, 46

HÀ TRẤC TUẤN: Chb.II, 16, 18

Hà Trung: Chb. XIII, 9; XXI, 16, 20; XXVI, 31, 33, 37; XXVII, 8, 22, 37, 41; XXVIII, 8, 24, 25, 27, 28; XXIX, 10; XXXI, 23; XXXII, 5, 6, 9, 10, 12, 13. 16, 19; XXXIII, 35; XXXVI, 6, 27; XLIII, 12; XLIV, 11, 12, 18, 19, 20, 24

HÀ TỬ CÔNG: Chb. X, 36

HÀ VĂN TRINH: Chb.II, 43

HÀ VƯỢNG: Chb. XIV, 2

Hà Xá: Chb. XXX, 17

Hạ Cảng: Chb. IV, 43

Hạ Dà : Chb. XLIII, 3

Hạ Dương: Tb. II, 26

HẠ HẦU TƯ: Tb. V, 6, 7

Hạ Hoa: Chb. XXI, 18, 34; XXX, 10; XLIII, 12

Hạ Hoà: Chb. XXI, 34; XLIII, 12

Hạ Hồng: Chb. XIII, 10, 12, 24, 32; XV, 5; XXI, 17, 25, 34; XXX, 5; XXXIX, 9; Tb. V, 14

Hạ Lang: Chb. III, 3; Chb. XXXIII, 26 ; XL, 13

Hạ Lang châu: Chb. XXI, 3, 20, 35

Hạ Liêu: Tb. IV, 24

Hạ Lôi: Chb. XLVI, 21

Hạ Mỗ: Tb. IV, 12

Hạ Nông: Chb. IV, 35, 37

HẠ PHƯƠNG: Tb. II, 22, 23

Hạ Tư Lang: Chb. XVII, 17, 18, 24; XVIII, 30, 31

Hạ Tư lãng: Chb. III, 3

Hạ Yên Quyết: Chb. XXX, 10

Hạc Động: Chb. XL, 16

Hạc Thác: Chb. II, 16, 17

Hải Ấp : Chb. VI, 3

Hải Dương: Chb. I, 27; VI, 8, 18; VII, 10, 22, 26, 38; VIII, 3, 18; IX, 2, 30, 46; X, 7; XI, 2, 34; XII, 4, 45; XIII, 12; XX, 37; XXI, 16, 17, 24, 25, 26, 28, 29, 34; XXII, 32; XXIV, 10, 11, 29, 31, 32; XXV, 26; XXVI, 11, 26, 33, 37, 40; XXVII, 4, 15, 37; XXVIII, 1; XXIX, 13, 31; XXX, 1, 5, 9, 12, 14, 21, 22; XXXI, 4, 8, 25, 30; XXXII, 2; XXXIV, 20, 34; XXXVI, 5, 12, 23, 29; XXXVII, 9, 11, 16; XXXVIII, 2, 8, 14–16, 35, 36; XXXIX, 1, 5, 6, 7, 9, 16,

28, 32, 34, 35; XL, 2, 6, 8, 10, 28; XLI, 6, 13, 14, 16, 17, 20; XLII, 27; XLIII, 12, 15; XLIV, 25, 29; XLV, 10; XLVI, 6, 37; XLVII, 11, 16, 22, 25, 26, 27; Tb. I, 4; V, 5, 14, 19, 22

Hải Đông: Chb. II, 23; IV, 43; VI, 23; VII, 30, 32, 38; X, 18; XI, 30; XII, 37; XXI, 19, 25, 29; XXXIV, 25

Hải Đông phủ: Tb. IV, 23

Hải Lăng: Chb. I, 28; XXI, 17; XXVIII, 30; XLV, 1; Tb. I, 4; III, 5

Hải Lịch: Chb. XXI, 12

Hải Liêu: Chb. XXXIX, 18

Hải Môn: Tb. V, 3, 5, 6, 7, 9

Hải Môn trấn: Chb. XXI, 24

Hải Ninh: Chb. XI, 16; XXI, 29; XXVII, 35; XXXIV, 25

Hải Sơn (cửa ải): Chb. XLIV, 24

Hải Tây (đạo): Chb. X, 47

Hải Tây đạo: Chb. XV, 5, 6 ; XVII, 24, 29 ; XXI, 20, 22, 23

Hải Thiên : Chb. XXXVIII, 41

Hải Trào : Chb. XXIII, 36

Hải Trì : Chb. XXIII. 37

Hải Triều : Chb. XXVI, 41

Hải Triều (sông) : Chb. XI, 9, 11, 12

Hải Triều (trào) : Chb. XVII, 23

Hải Vân (cửa ải) : Chb, XLIV, 24,

Hải Vân (núi) : Chb. XLIV, 23, 24 ; XLVI, 15

Hải Yến cảng : Chb, XXI, 10

Hàm Đan : Tb. I, 29

Hàm Giang : Chb, XXX, 2, 3 ; XXXVIII, 39, 40 ; XLVI, 18, 38 ; XLVII, 27, 51

Hàm Hoan : Tb. I, 20 ; H, 5

Hàm Hoan huyện : Chb. XXI, 21

Hàm Tử quan: Chb. VII, 28, 39; IX, 32; XII, 16, 17, 30, 31

Hàm Yên: Chb. XLV, 17

Hám Nam: Chb. VIII, 2

HÁM NHÂN: Tb. II, 16

HÀN AN QUỐC: Tb. I, 28

HÀN DŨ: Chb. VII, 26; XI, 18

HÀN QUAN: Chb. XII, 10, 36

HÀN THIÊN THU: Tb. I, 32, 33

HÀN THUYÊN: X. NGUYỄN THUYÊN

HÀN TÍN: Chb. X, 40

HÀN TỬ TÂY: Chb. XI, 7

HÀN ƯỚC: Tb. IV, 33

Hán: Chb. XIV, 27

Hán (triều): Chb. XVII, 17

HÁN CAO TỔ: Chb. XVI, 3

Hán Dương: Chb. VIII, 19; X, 21
HÁN ĐÌNH: Chb. XX, 13
Hán thư: Chb. I, 37; Tb. II, 25
Hán thư âm nghĩa: Chb. XIX, 1
HÁN THƯƠNG: X. HỒ HÁN THƯƠNG:
Hán Trung: Tb. II, 9
HÁN VĂN ĐẾ: Chb. XVI, 3
Hán Vương THIỆU HƯNG: X. THIỆU HƯNG:
Hạn hán : (nắng), X.S.D.B, 53
HÀNG DỊCH LỘC: Chb. XXXVII, 4-6
HẠNG LANG Chb. I, 7, 8
Hành Dương: Tb. III, 8, 9
Hành quân vương LONG ĐỀ X. LÊ LONG ĐỀ: Chb. I
Hành quân vương MINH ĐỀ X. LÊ LONG ĐỀ:
HẠNH: Chb. XXVI, 28, 34
Hào: Chb. VI, 10
Hào Kiệt (làng): Chb. XIII, 26
Hào Nam (phố): Chb. XXXIV, 46
HẠO: Chb. XIX, 5 X. TRẦN HẠO
HOÀI VĂN HẦU: X. TRẦN QUỐC TOẢN
Hát Giang: Chb. XI, 11; XIII, 26, 31; XXIX, 17, 26, 31; XXXI, 6; XXXV, 6; XXXVI, 21
Hát Môn: Tb. II, 14
Hát Môn (xã): Chb. XIII, 31
Hắc Bạch: Chb. XII, 3, 4
HẮC ĐẾ: X. MAI THÚC LOAN:
Hắc La La: Chb. XXV, 26, 27
Hắc Long: Chb. XLVII, 46
HẰNG (TƯỚNG CỬA TRỊNH CĂN): Chb. XXXII, 24
HẰNG KHÊ: Chb. XXXII, 13
Hân Thành: Tb. IV, 19
HẤP: X. TRẦN HẤP
HẦU CẢNH: Tb. IV, 9
HẦU NHÂN BẢO: Chb. I, 12, 14, 16-17
Hậu Hán Bách quan chí: Tb. II, 16
Hậu Hán Độc hạnh truyện: Tb. II, 15
Hậu Hán Quận quốc chí: Tb. II, 4, 32
Hậu Hán thư: Chb. XI, 25; XXXIV, 15 ; Tb. II, 8, 15, 19, 22, 24; V, 9
Hậu Hán thư Tây nam di truyện: Tb. II, 24
Hậu Lâu (thôn): Chb. XLVI, 23
Hậu Lê: Chb. XXXIV, 6
Hậu Lê dã lục: Chb. XXII, 5
Hậu Lộc: Chb. X, 26; XXI, 10, 33; XXVI, 37; XXVIII, 14; XXIX, 8; XLII, 16; XLIII, 26
Hi Giang: Chb. XXII, 7, 8
Hi Tông: Chb. XXXIII, 40;

XXXV, 20; XXXIX, 3; XLIV, 26

Hi Tông Hiếu văn hoàng đế: Chb. XXXI, 22

Hi Tông kỷ: Chb. XXXIV, 1-52

HỊCH: Chb. XXVII, 15

HỊCH (bố Mạc Đăng Dung): Chb. XXV, 25

HIÊN VIÊN: Tnb. 4

HIỀN (hoạn quan): Chb. XXI, 14

HIỂN HOÀNG: X. TRẦN LIỄU

Hiển Khánh: Chb. X, 27

Hiển Khánh huyện: Chb. IV, 7

Hiển Khánh vương: (cha LÝ THÁI TỔ: Chb. II, 6, 7

Hiển Tông: Chb. XXXVIII, 31 ; XLVII, 8, 49

Hiển Tông Hiếu Minh hoàng đế : Chb. XXXIV, 27.

Hiển Tông kỷ: Chb. XXXIX, 1-36; XL, 1-34; XLI, 1-32; XLII, 1-31; XLIII, 1-37; XLIV, 1-36; XLV, 1-35; XLVI, 1-39

HIỂN TRINH thần phi Chb. I, 34

HIỂN TỪ hoàng thái hậu : Chb. VI, 31

HIẾN: X. TRẦN HIẾN

Hiến Doanh: Chb. XXXVIII, 37; XLV, 11, 12; XLVI, 7, 8; XLVII, 20, 21, 22

Hiến Tông: Chb. XXIV, 23; XXV, 15, 24

Hiến Tông (Lê) kỷ: Chb. XXIV, 26-42

Hiến Tông (Minh): Chb. XXIV, 6

Hiến Tông kỷ: Chb. XXV, 1-14

HIỆP (CON CHÚA NGUYỄN): Chb. XXXIII, 34

Hiệp Hoa: Chb. XXI, 19

Hiệp Hòa: Chb. XXXVI, 21

Hiếu Cổ (xã): Chb. XII, 28

HIẾU HOÀNG: X. TRẦN KHÂM

Hiếu Tông: Chb. XXIV, 6

HIẾU TRUNG VƯƠNG X. CHẾ CHÍ

HIẾU TÚC HẦU : X. Lý Tất Kiến

HIỆU KHẢ: Chb. IX, 28

HIỆU THUẬT VƯƠNG X. CHẾ CHÍ

Hình luật: Chb. XIII, 4

Hình thư: Chb. III, 4-5; IX, 41; XIII, 4

Hoa: Chb. XII, 42, 43

Hoa Anh: Chb. XXII, 3, 5

Hoa Châu: Chb. XI, 42; XXII, 8

Hoa Dung Nguyễn Thị: Chb. XLIII, 3, 23, 25

Hoa Đình (sông): Chb. XXIX, 17

Hoa Khê: Chb. XXI, 18, 34; XLIII, 12; Tb. V, 30

Hoa Khuê: Chb. XXXVIII, 24

Hoa Kiều (Huê Cầu): Chb. XXIV, 8

Hoa Lang: Chb. XLIV, 9

Hoa Lang di: Chb. XXXIII, 5

Hoa Lăng: Chb. XXV, 19, 20, 29

Hoa Lâm: Chb. VI, 12; XXVII, 22; XXXIV, 21; XXXVIII, 39; XLII, 30; XLVI, 37; 38

Hoa Long: Chb. XXXVIII, 27

Hoa Lư: Tb. V, 23, 24, 25, 31.; Chb. I, 4; Tnb. 3; Tb. V

Hoa Lư động: Chb. I, 2, 3, 37; Tb. V, 24, 25

Hoa Lư thành: Chb. II, 9, 10

Hoa Nhạc lăng: Chb. XXX, 30

Hoa Phong: Chb. XXI, 19, 35 ; XLVII, 10, 12

Hoa Phố: Chb. XXXII, 7

Hoa Quán: Chb. XXXIV, 27

Hoa Thanh: Tb. IV, 18, 19

Hoa Viên: Chb. XXXII, 24, 25, 26

Hoà Bình: Chb. XXXVIII, 21

HOÀ DƯỠNG: Chb. XL, 9

Hoà Lan: Chb. XXXIII, 6; XLI, 24, 25; XLIV, 9

HOÀ THÂN: Chb. XLVII, 44, 46

Hoà Vinh: Chb. I, 28; XXII, 8; XLIV, 23, 24

Hỏa Xá: Chb. XXII, 5

Hoá Châu: Chb. I, 28; VIII, 44; X, 4, 5, 7, 16, 18, 19, 21, 38, 39; XI, 15; XII, 19, 37, 38; XV, 26; XVI, 8, 9, 18; XVII, 27, 29; XX, 25' XXI, 15, 23, 37, 38; XXII, 7, 27

Hoá Long (động): Chb. XVII, 17, 18

Hoá Vi: Chb. XLIII, 1, 2, 3

Hoạch Trạch: Chb. XXXIV, 40; XXXIX, 6, 7; XLV, 28; XLVII, 4

Hoài An: Chb. XI, 11; XXI, 17; XXVI, 2; XXVII, 9; XXVIII, 18; XL, 30, 31; XLIII, 12, 32, 33

Hoài Bão: Chb. XXXII, 22; XXXIV, 29, 40; XLVII, 32

HOÀI ĐẠO VƯƠNG X. NGUYỄN NỘN.

Hoài Đức: Chb. XIII, 31; XXI, 27, 33, 35; XXVI, 4, 14, 22, 28, 29, 31, 33; XXVII, 11; XLV, 18

HOÀI ĐỨC VƯƠNG: X. TRẦN BÀ LIỆT

Hoài Hoan: Tb. I, 3, 5, 20; IV, 19, 20

Hoài Nhân: Chb. XXII, 5, 7, 8, 9; XXIV, 31; XLIV, 22

Hoài Viễn: Chb. XXXV, 21

Hoài Viễn dịch: Chb. III, 10-11

HOÀI VƯƠNG: X. TRẦN LIỄU

Hoan Châu: Chb. I, 1, 24, 35, 36; II, 2, 3, 12, 35, 40; V, 1;

VII, 39; X, 36; XX, 37; XXI, 21, 22; XLIII, 4; Tb. III, 15; IV, 15, 18, 19, 21, 28, 29

Hoan Châu nam giới: Chb. II, 12-13

Hoan Đường: Chb. II, 2

HOAN TRUNG: Chb. XXXII, 37, 38

Hoàn Giang (sông): Chb. II, 2

Hoàn Hậu: Chb. XXXII, 23

HOÀN LÂN: Tb. III, 3

HOÀN PHÁT: Tb. III, 3

HOÀN TRẠCH: Chb. VIII, 30

HOÀN TRỊ: Tb. III, 3, 4

HOÀN VƯƠNG: X. Lâm Ấp:

Hoàn Vương quốc: Tb. III, 21; IV, 29

HOẢN: Chb. XLVII, 32

HOÀNG BÁ HUẤN: Chd. 5

HOÀNG CÔNG CHẤT: Chb. XXXVIII, 15, 23, 28

Hoàng (thứ tử) THẨM: Chb. V, 33

HOÀNG ÂN VINH: Chb. II, 17

HOÀNG BÍNH: Chb. VI, 39

Hoàng Chanh động: Tb. IV, 30

Hoàng Châu: Chb. XXI, 29

HOÀNG CHÍ THỨC: Chd. 5

Hoàng Chung (làng): Chb. XVII, 25

HOÀNG CÔNG CHÍ: Chb. XXXIV, 45; XXXV, 4

HOÀNG CÔNG DOÃN: Chd. 2

HOÀNG CÔNG KỲ: Chb. XXXVIII, 23, 29, 35 ; XXXIX, 28, 31, 32; XL, 1, 17, 18

HOÀNG CÔNG PHỤ: Chb. XXXVIII, 2, 3, 12, 13, 15, 17,

HOÀNG CÔNG TOẢN: Chb. XLIII, 21, 22

HOÀNG CỰ ĐÀ: Chb. VI, 43

HOÀNG DỤNG TÂN: Chd. 3

HOÀNG DUY NHẠC: Chb. XXVI, 38, 39, 43; XXVII, 4

HOÀNG ĐÌNH ÁI: Chb. XXVIII, 13, 15, 25, 27; XXIX, 3, 6, 8, 11, 12, 18, 24, 27; XXX, 1, 2, 3, 8, 15, 19, 23, 26, 27; XXXI, 8

HOÀNG ĐÌNH BẢO: Chb. XLIV, 11; XLV, 4, 5, 7, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 20, 21, 25, 26-28, 29, 30, 32, 33

HOÀNG ĐÌNH PHÙNG: Chb. XXXI, 14

HOÀNG ĐÌNH THỂ: Chb. XLIII, 26, 28; XLIV, 2, 11, 18, 19, 23; XLV, 5, 6, 33; XLVI, 14, 15, 16, 34

HOÀNG ĐÌNH VỊ: Chb. XLVI, 15

Hoàng Động: X. Hoàng Chanh động:

HOÀNG ĐỨC LƯƠNG: Chb. XXIV, 6

HOÀNG GIÁN: Chb. XVIII, 34

Hoàng Giang: Chb. VI, 23, 43, 44; XI, 9, 11; XII, 15, 16, 29; XIII, 10, 12, 26; XXI, 26; XXX, 5; XXXI, 3, 4, 7, 8; XXXIII, 12 XLI, 6; XLVII, 29, 30

Hoàng hậu CHIÊU THÁNH: X. Phật Kim

Hoàng hậu GIA TỪ: Chb. X, 34, 48

Hoàng Hoa (chợ): Chb. XXVI, 30, 31

HOÀNG HOAN: Chb. VI, 30

HOÀNG HỘC: Chb. IX, 15, 16

HOÀNG HỐI KHANH : Chb. XI, 16, 39, 40 ; XII, 6, 7, 9, 18, 19

HOÀNG ÍCH HIỂU : Chb. XLVII, 32, 42, 45, 46, 51

HOÀNG KHÁNH : Chb. IX, 6, 20 ; XII, 5

HOÀNG KHÁNH TẬP : Chb. I, 35, 36

HOÀNG KIM TRẢO : Chb, XXXVIII, 23, 25

HOÀNG KÝ : Chb. XV, 4

HOÀNG LỆNH ĐỨC : Chb. I, 31

HOÀNG LIỄN : Chb. XX, 17

HOÀNG LƯƠNG : Chb, XLV, 30

HOÀNG LƯU : Chd. 5

Hoàng Mai : Chb, XIV, 9 ; XXXI, 18, 26; XXXIII, 14, 16; XLI, 7; XLV, 33

HOÀNG NGHỆ: Chb. VIII, 8

Hoàng Nghĩa : Chb. XLVI, 16.

HOÀNG NGHĨA BÁ: Chb. XXXVI, 18; XXXVIII, 36 ; XXXIX, 6, 7, 15

HOÀNG NGHĨA GIAO: Chb. XXXII, 18, 19, 20, 24, 25, 27, 28, 37; XXXIV, 9

HOÀNG NGHĨA HI: Chb. XXXIV, 9

HOÀNG NGHĨA HIỀN: Chb. V, 11

HOÀNG NGHĨA HỒ: Chb. XLVI, 14-16

HOÀNG NGHĨA PHÁC: Chb. XLIV, 19

HOÀNG NGŨ PHÚC: Chb. XXXIX, 28, 29, 31, 33; XL, 3, 5, 6, 8, 10, 11, 12, 16, 27, 29, 33, 34; XLI, 4, 6, 22, 27; XLII, 7, 17, 18, 20; XLIII, 5, 23, 28, 36; XLIV, 6, 10, 11, 12, 18, 19, 20, 26, 27, 28; XLV, 4, 5, 11, 32

HOÀNG NGUYÊN Ý: Chb. XVI, 3, 4

HOÀNG NHẠC: Chb. XXV, 24

Hoàng Nham: Chb. XXI, 19, 31; XXVIII, 16; XXXIV, 27, 43 ; XLIII, 16; XLV, 23

HOÀNG NHÂN DŨNG: Chb. XXXII, 8

HOÀNG NHÂN THIÊM: Chb. XXII, 34, 35; XXIII, 1

Hoàng Phố: Tb. I, 33

HOÀNG PHÚC: Chb. XII, 20, 23, 42; XIII, 17; XIV, 9, 10, 17, 19, 20, 22, 25

HOÀNG PHÙNG CƠ: Chb. XXXVIII, 40 ; XL, 19, 20; XLI, 3; XLII, 31; XLIII, 7, 15; XLIV, 11, 23; XLV, 10, 11, 12; XLVI, 6, 7, 20, 21, 35, 36, 38; XLVII, 8, 9

HOÀNG PHỤNG THẾ: Chb. X, 43; XI, 10, 11, 15

HOÀNG QUẢNG THÀNH: Chb. XII, 7

HOÀNG SÂM: Tb. I, 9

HOÀNG SĨ CHÂU: Chb. XXXVI, 24

HOÀNG SĨ KHOA: Chb. XXXIII, 1

Hoàng Sơn: Chb. XXIX, 19

HOÀNG SƠN MẪN: Chb. XXXV, 17

HOÀNG SƯ MẬT: Chb. III, 17

HOÀNG TÁ THỐN: Chb. VIII, 11

HOÀNG TÁI: Chb. XII, 47

Hoàng thái hậu CHIÊU TỪ: Chb. X, 13, 29

HOÀNG THANH: Chb. XIX, 20, 25

HOÀNG THÀNH: Chb. XIII, 13, 19

HOÀNG THÀNH NHÃ: Chb. I, 31, 43

HOÀNG THẾ CUNG: Chb. XXIII, 32

HOÀNG THÚC NHỊ: Chb. XLV, 6, 7

Hoàng Thuỷ: Tb. I, 33

HOÀNG TỐ LÝ: Chb. XLIV, 12; XLV, 5

HOÀNG TRỌNG CHÍNH: Chb. III, 27; XIV, 15, 17; XVI, 18, XVII, 18; XXI, 18

HOÀNG TRỌNG ĐỘ: Chd. 5

HOÀNG TRUNG: Chb. XII, 10, 11, 14, 20

HOÀNG Ư LỆNH: Chb. VII, 28

HOÀNG VĂN BẬT: Chb. XLIV, 18

HOÀNG VĂN CHẤT: Chb. XXXIX; 31, 35; XL, 1, 17, 18; 28; XLI, 5, 6; XLII, 10; XLIII, 7, 13, 14, 21; XLV, 23

HOÀNG VĂN ĐỒNG: Chb. XLV, 16, 17; XLVI, 6

HOÀNG VĂN NGẠC: Chb. XVI, 3, 4

HOÀNG VĂN PHÁC: Chb. XXXVII, 4

Hoàng Vân: Chb. XXXI, 24; XXXII, 19; XXXIV, 9; XXXVIII, 36 ; XLIV, 19

HOÀNG VIẾT TUYỂN: Chb. XLV, 33, 34; XLVI, 38, 39;

XLVII, 8, 10, 11, 20, 21, 22, 27, 29, 30

Hoàng Việt địa dư chí: Chb. XV, 33

Hoàng Xá: Chb. XXVI, 25; XXVIII, 26; XXIX, 14, 25, 30; XXXVIII, 8

HOÀNG XUÂN TÚ: Chb. XLVII, 23, 24, 26

Hoành Bồ: Chb. VIII, 5; XXI, 19; XXX, 3; XXXIV, 25; XXXIX, 20

Hoành Cảng: Chb. XXXII, 24

Hoành Châu: Chb. III, 16, 19

Hoành Lĩnh: Chb. XXXII, 24

Hoành Sơn: Chb. VI, 39; XXXII, 5, 6, 9, 10, 27, 38; XLVII, 37, 38

Hoạt: Tb. V, 1

Hoạt Độ: Chb. XXXII, 16, 17

HOẮC GIẶC: Tb. III, 10, 11

HOẮC QUANG: Chb. XI, 19

Hoằng Định: Chb. XXXI, 7 - 17; XXXII, 1; XLV, 32

Hoằng Hoá: Chb. V, 25; X, 47; XI, 35; XII, 45, 46; XXV, 33; XXVII, 22, 23, 25; XXVIII, 8, 20, XXXVIII, 40 ; XXXI, 18, 27, 31; XXXIX, 21; XLIII, 6; XLVII, 3, 51

Hoằng Hoá huyện: Chb. XXI, 10, 16

Hoằng Hựu: Chb. XX, 11, 12; XXIV, 19

Hoằng Liệt: Chb. XXXI, 12; XLII, 10

HOẰNG THÁO: Tb. V, 5, 17-19, 20

HOẰNG TÍN: Chb. XXXII, 16, 17

Hoằng Trị: Chb. XXV, 1 - 17

Hoằng Văn (điện): Chb. XXIV, 23

HỌC (LÊ): Chb. XV, 7

Hồ: Chb. XIV, 13, 27 ; Tb. I, 27, 29

Hồ (triều): Chb. XV, 10

Hồ Bẩy Mẫu: Chb. XXXIV, 46

HỒ BỈNH QUỐC: Chb. XXX, 17

HỒ CƯƠNG: Chb. XI, 18

Hồ Điệp: Chb. XXXIV, 27, 42

HỒ ĐỖ: Chb. XII, 13, 15, 16, 17, 18, 21

HỒ HÁN THƯƠNG: Chb. X, 20; XI, 1, 35, 38, 44; XII, 1, 14, 16, 19, 21, 40

Hồ Hán Thương kỷ: Chb. XI, 39, 44; XII, 1, 14

HỒ HƯNG DẬT: Chb. X, 31

HỒ LẠI: Chb. XXXIV, 45

HỒ LIÊM: Chb. X, 31

HỒ LUNG: Chb. XXI, 1

Hồ Nam: Chb. VII, 43; Tb. V, 1, 2, 11

HỒ NGHIỆN THẦN: Chb. XII, 33, 34

HỒ NGỌC BAN: Chd. 2

HỒ NGUYÊN TRỪNG: Chb. XI, 21, 35, 38; XII, 10, 13, 15, 16, 18, 21, 34

Hồ ông: X: TRẦN CAO:

HỒ PHI TÍCH: Chb. XXXV, 27; XXXVI, 16, 29; XXXVII, 8

Hồ Quảng: Chb. VII, 21, 29, 30, 43; VIII, 1, 19

HỒ QUÝ LY: Chb. X, 31, 32, 34, 36, 39, 41, 45, 46, 47, 49, 50; XI, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 15, 36; XII, 1, 3, 6, 7, 9, 10, 16, 18, 21, 24; XVI, 3; XXII, 34

Hồ Quý Ly kỷ: Chb. XI, 36, 38

HỒ SĨ DƯƠNG: Chb. XXVIII, 33, 34; XXXII,22, 23, 29; XXXIII, 15, 22, 31, 35, XXXIV, 1, 2, 3, 5, 40, 44

HỒ SĨ ĐỐNG: Chb. XLVI, 3, 15

HỒ SĨ TUẤN: Chd. 1

HỒ TAM TỈNH chú giải *Thanh Thông giám tập lãm* : Tb. IV, 5, 40; V, 6, 14

Hồ Tây: Chb. XXVI, 22, 23

HỒ THỊ (sư): Chb. II, 39–40

Hồ Thiên: Chb. XXXVII, 1; XXXVIII, 27

HỒ THỦ ÍCH: Chb. II, 2

HỒ TIẾN PHÁT: Chd. 5

Hồ Tôn: Tb. I, 3, 5

HỒ TÔN [TÔNG] THỐC: Chb. XIII, 5

HỒ TÔNG THỐC: Chb. XI, 3

HỒ TRIỆU: Tb. III, 17

HỒ VẤN: Chb. XII, 3, 11, 17

Hồ Xá: Chb. XXVIII, 31 ; XLIV, 19, 20;

HỒ XẠ: Chb. XII, 11, 15, 16, 17

Hộ Thành (núi): Chb. XLII, 16

Hồi Hồ: Tb. V, 28, 30

Hồi Hột: Chb. XLII, 28

HỐI (LÊ): Chb. XV, 7; XVII, 3

Hội Am: Chb. XXXIII, 35

Hội An: Chb. XLIV, 23, 24

Hội diển: Chb. XIX, 18

Hội diển (Minh): Chb. XXI, 33; XXXIV, 37 ; XLIV, 17, 29

Hội Nguyên: Chb. XLIV, 17

Hội Ninh: Chb. XXI, 17, 33 ; XLIV, 17

Hội Phong: Chb. IV, 1 - 2

Hội Phụ: Chb. XLIV, 28

Hội Thống: Chb. XXXII, 25, 26 ; XLII, 21;

Hội Thống (cửa biển): Chb. XII, 20

Hội Trào (cửa biển): Chb. XXVIII, 24, 25

Hội Triều: Chb. XXV, 33

Hội Tường Đại Khánh: Chb. IV, 6–10

HÔN ĐỨC CÔNG: X. DƯƠNG NHẬT LỄ

Hồng Bàng: Chb. XXIII, 28

Hồng Bàng thị: Chb. XXVI, 11 Tng. 3; Tb. I, 1-8

Hồng Châu: Chb. V, 32, 33, 35, 36 ; VI, 2, 7, 12, 23, 27, 30, 37, 39; VIII, 16, 27; X, 3, 4; XII, 25, 32; XIII, 12, 26; XIV, 6, 7; XV, 5; XXI, 25; XXVIII, 14; XXXVIII, 33; XL, 6; 20; Tb. V, 14

Hồng Đức: Chb. XXI, 36-41; XXII, 1-35; XXIII, 1-43; XXIV, 1-26; XXV, 3, 10, 18, 21; XXVI, 8, 10; XXXIII, 7, 15; XXXIX, 13; XL, 16; XLI, 10; XLII, 13; XLIII, 16; XLIV, 7

Hồng Đức đê: Chb. XX, 38

Hồng Lĩnh: Chb. XXXII, 14

Hồng Lục: Chb. XVII, 26

Hồng Mai: Chb. XXIII, 43; XXIX, 27; XXV, 35, 36; XXVI, 32

Hồng Ninh: Chb. XXIX, 23-26

Hồng Phúc: Chb. XXVIII, 31-35; XXIX, 1-3

Hồng Thuận: Chb. XXV, 21, 36; XXVI, 1-28

HỐT KHA XÍCH: Chb. VIII, 37

HỐT LUNG HẢI NHA: Chb. VII, 11

HỐT TẤT LIỆT: Chb. VIII, 35

Hợp Châu: Chb. XVIII, 29 ; XLIII, 26

Hợp Châu (thành): Chb. VIII, 37

Hợp Hoà: Chb. XL, 14

Hợp Hoà (cửa biển): Chb. XXII, 3

Hợp Phi: Chb. XXI, 19, 31; XXVIII, 16

Hợp Phì: Chb. XXXIV, 27, 43; XLIII, 16; XLV, 23

Hợp Phố: Tb. I, 12; II, 2, 3, 4, 5, 10, 23, 25, 27, 30, 32; III, 1, 3, 5, 10, 11, 12, 13, 23; IV, 34

HÚC: X. TRẦN HÚC

HÚC (NGỰ CÂU vương): Chb. X, 39, 40, 43

Húc Lý: Tb. V, 29

Huê Cầu: Chb. XXVII, 17; XXXII, 12, XXXIV, 30, XXXVII, 11

HUỆ HẬU: Chb. VI, 1, 3, 16

HUỆ HỒNG: Chb. XVI, 30

HUỆ QUANG ĐẠI SƯ: X. LÝ SẢM

HUỆ TỪ : Chb. IX, 41, 42; X, 22, 23, 29

HUỆ VŨ vương : X. TRẦN QUỐC TRẤN

Hung nô : Chb, VIII, 44

Hùng Quan : Chb XXI, 35 ; XXXIII, 28 ; XLIII, 12

HÙNG VƯƠNG : Tb. I, 1-7 ; Tng, 4, 5, 7, 8 ; Dch. II, 9 ;

Phl. 2, 4, 5 ; Tb. I, 1, 2, 7, 8 ; IV, 6

Hùng vương sơn : Tb. I, 2

HUY CHÂU : Chb. IX, 21

HUY MINH công chúa : Chb. X, 32 ; XI, 38

HUY TƯ hoàng thái phi : Chb. X, 13 ; XI, 18

HUY TỬ : Chb. IX, 15

HUYÊN (Lê Trung Tông) : Chb. XXVII, 42

Huyền Thiên động: Chb. X, 22

Huyền Tông: Chb. XXXII, 41; XXXIV, 16

Huyền Tông kỷ: Chb. XXXIII, 1-33

HUYỀN TRÂN công chúa: Chb. VIII, 43, 45

HUYỀN VÂN: Chb. X, 21

Hứa: Tb. V, 1

HỨA NGUYÊN: Chb. XI, 1

HỨA THẾ HANH: Chb. XLVII, 34, 40, 41

HỨA THIÊN TÍCH: Chb. XXV, 24

HỨA TÔNG ĐẠO: Chb. VIII, 39

HỨA TRỌNG TUYÊN: Chb. I, 17

HỨA VIÊM: Chb. IV, 36

HƯNG: Tb. I, 29

Hưng An bá: X. TỪ HANH:

Hưng Châu: Chb. XXI, 27

Hưng Cổ: Tb. III, 16

HƯNG ĐẠO đại vương: X. TRẦN QUỐC TUẤN

HƯNG ĐẠO vương: X. TRẦN QUỐC TUẤN

HƯNG HIỀN: Chb. XXVII, 6

HƯNG HIẾU vương: Chb. IX, 38, 39; X, 4

Hưng Hoá: Chb. III, 11, 27, 48; IV, 2; V, 33; VI, 41; VII, 23; VIII, 39; IX, 30; XI, 1, 29; XIII, 32; XIV, 15, 17; XV, 5, 30; XVII, 18; XVIII, 8; XX, 2, 3, 8, 16, 18, 19, 35; XXI, 16, 19, 28, 30, 31, 35 ; XXII, 32, 39; XXIV, 10, 11, 31, 32; XXV, 8, 27; XXVI, 13; XXVII, 34; XXVIII, 13, 14, 15; XXIX, 10; XXXIV, 20, 21, 26, 27, 28; XXXV, 5, 15, 21, 38; XXXVI, 2, 3, 5; XXXVIII, 10; XXXIX, 12, 18, 22; XL, 2, 3; XLI, 13; XLII, 6, 8, 10, 11, 15, 21, 23, 31; XLIII, 7, 14, 15, 16, 19, 22, 26, 29, 33; XLIV, 2, 10; XLV, 23; XLVI, 6; Tb. I, 5; IV, 20

Hưng Hoá lục: Chb. XIV, 15, 17; XVI, 18; XVII, 18

Hưng Hoá phong thổ ký: Chb. III, 27

Hưng Hoá phong thổ lục: Chb. XX, 18

Hưng Hóa tỉnh sách: Chb. XVII, 1

Hưng Khánh: Chb. XII, 23-28, 34

Hưng Lễ: Chb. XXIX, 12

Hưng Long: Chb. VIII, 20-45; IX, 1, 10, 20

Hưng Nguyên: Chb. I, 36; XIII, 10; XXI, 11, 17, 40; XXVIII, 5; XXXII, 17, 19, 21, 24, 26; XXXVI, 27; XLIV, 22; XLVI, 16 ; XLVII, 6, 21

Hưng Nhân: Chb. V, 8, 34; X, 48; XI, 10; XII, 30; XXI, 34; XXVI, 3; XXVIII, 2; XXXIX, 10; XLVI, 19

HƯNG NHÂN vương : X. PHÙNG TÁ CHU

HƯNG NHƯỢNG vương: X. TRẦN QUỐC TẢNG

HƯNG QUỐC QUẢNG THÁNH HOÀNG THÁI HẬU (mẹ Lê Ngoạ Triều): Chb. I, 38

Hưng Thị: Chb. XXVII, 25

Hưng Thống: Chb. I, 23-29

HƯNG TRÍ vương: X. TRẦN QUỐC NGHIỄN

Hưng Trị: Chb. XXIX, 19-23

HƯNG VẬN QUỐC thượng hầu: X. TRẦN THIÊN LẠI:

HƯNG VŨ vương: X. TRẦN QUỐC NGHIỆN

Hưng Yên: Chb. I, 27; V, 8, 32; VI, 28, 42; VII, 38; X, 20, 48; XI, 10; XII, 30; XIV, 7; XXV, 15; XXVIII, 1; XXXV, 5; XXXVII, 13; XXXVIII, 3, 21, 23, 39; XXXIX, 36; XLIII, 33; XLVI, 14, 19; XLVII, 22; Tb. I, 4; III, 15; V, 30

Hưng Yên tỉnh: Chb. XXI, 27, 34

Hương Bộc: Chb. XXXII, 15, 16

Hương Cái (sông): Chb. I, 36

Hương Cái cảng: Chb. XXI, 11

Hương Cái xã: Chb. I, 36

Hương Canh: Chb. XLI, 3, 5, 7

Hương Duệ: Chb. XXXVIII, 20; XXXIX, 36; XLI, 22; XLIII, 5

Hương Hải: Chb. XXXVIII, 1

Hương Hải am: Chb. XXIV, 41

Hương Khê: Chb. XL, 14; XLIV, 26

Hương La: Chb. XXXVI, 22

Hương Lãm xã: Tb. IV, 23

HƯƠNG LANG: Chb. III, 32

Hương Lâm: Chb. XL, 1; XLI, 6, 7

Hương Mai (thôn): Chb. X, 41

Hương Mặc: Chb. XLVII, 17, 51

Hương Ngạnh: Chb. XLVII, 51

Hương Nhi: Chb. XLI, 6

Hương Quất: Chb. XIX, 27; XXI, 40

Hương Sơn: Chb. V, I; XXI, 16; XXXII, 12, 21; XXXIV, 27; XXXVIII, 25; XL, 11; XLIII, 4, 5, 18; XLVII, 35, 38, 51

Hương Sơn (huyện): Chb. XIII, 21

Hương Sơn (vụng biển): Chb. XXXIII, 6

Hương Thuỷ: Chb. III, 9; XXI, 34; Tb. IV, 16

Hương Trà: Chb. I, 28; XX, 25; XXI, 34; XXVIII, 32; XLV, 1; XLVII, 40

HỰU: Chb. XL, 19

Hựu Tông: Chb. XLVII, 1

HỰU XANH: Chb. XXIII, 3

Hữu Bộc: Chb. XXXIII, 20

Hữu Chấp (sông): Chb. XXVIII, 5, 6

Hữu Lũng: Chb. XI, 31; XXI, 19; XLIII, 12; XLVII, 11, 12

Hữu Sào: Chb. XXXIV, 27

HỮU VĨNH: Chb. XXVI, 24

I

Ích Châu: Tb.II, 20

ÍCH TẮC: X. TRẦN ÍCH TẮC

K

Kẽm Trống (núi): Chb. XXIX, 30

Kê Từ: Tb. II, 5

KẾ PHONG: X. NÙNG KẾ PHONG:

KHA LẠI: Chb. XV, 29, 30

Kha Lãm: Chb. III, 3

Khả Lam: Chb. XV, 21, 22

Khả Lãng (làng): Chb. X, 46

Khả Lặc (đồn): Chb. XX, 27-29

Khả Lưu: Chb. XIII, 19, 21; XXXVI, 12

Khả Ly (cửa ải): Chb. VII, 31

Khai Hoá: Chb. XXVII, 35; XXXIII, 32; XXXIV, 20, 22, 26, 42; XXXVI, 29, 30; XXXVII, 4-7; XLIV, 12; XLV, 17, 23

Khai Hoàng vương NHẬT TÔN: X. Lý Nhật Tôn:

Khai Hựu: Chb. IX, 27, 40

Khai Phong vương SẠ: X. LÊ SẠ:

Khai Quốc vương BỒ: X. LÝ BỒ:

Khai Thái: Chb. IX, 21, 26

Khai thiên vương PHẬT MÃ: X. LÝ PHẬT MÃ:

Khải Lịch: (NÙNG TRÍ CAO): Chb. III, 16

Khải Thuỵ: Chb. IV, 8

Khán Sơn: Chb. XXIII, 27; XLV, 29, 32

Khang Châu: Chb. III, 16, 19; XXIII, 31

Khang Hi: Chb. XXXII, 38; XXXIII, 1-41; XXXIV, 1-51; XXXV, 1-34

Khang Hựu: Chb. XXX, 1

Khang Lộc: Chb. XXI, 17, 34; XXVIII, 29; XLV, 1, 6, 7

KHANG NHẬT TRI: Tb. V, 4, 5

KHANG THỪA HUẤN: Tb. V, 3, 4, 5, 6

KHÁNH DƯ: X. TRẦN KHÁNH DƯ

Khánh Đức: Chb. XXXII, 7

Khánh Hoà: Chb. XXII, 5

Khánh Phương cung: Chb. XIX, 7

KHÁT: Chb. XIV, 15

KHẮC THẬN: Chb. XXVIII, 2

KHẮC XƯƠNG: Chb. XIX, 5, 20; XXIII, 3; XXVI, 41

KHẮC XƯƠNG (LÊ): Chb. XVII, 21

Khâm Châu: Chb. I, 35, 36; II, 23; III, 22 - 23, 35, 36, 37, 41; VII, 38, 43; VIII, 31; XII, 44; XIV, 26; XVII, 24; XXIII, 31; XXVII, 33, 35; XXXIII, 6 ; XLVII, 43 ; Tb. II, 13; IV, 18, 19, 23

Khâm Châu chí: Chb. XXVII, 33

Khâm Châu chí (CHU XUÂN NIÊN: Tb. IV, 23

Khâm Đức hoàng hậu: Chb. XXVI, 28

Khâm thánh công chúa: Chb. III, 43

KHÂM THIÊN đại vương: X. TRẦN NHẬT HIỆU

KHÂM TỪ: Chb. VIII, 20, 23; IX, 3

Khâu Cấp (núi): Chb. VII, 31; VIII, 7

Khâu Chúc: Chb. XX, 16

KHÂU HOÀ: Tb. IV, 16, 17

Khâu Lao: Chb. XX, 17, XXI, 1

Khâu Ôn: Chb. VII, 36

Khê Kiều: Chb. XL, 4

Khê Lực: Chb. XXXVI, 31

Khiêm Châu: Chb. XXI, 19, 31; XXVIII, 16; XLIII, 16; XLV, 23

KHIÊN NHÂN THỌ: Chb. XIX, 17; XX, 16, 21, 28

Khinh Dao: Chb. XXXIX, 9

Khoá hư tập: Chb. XIII, 4

Khoái: Chb. VI, 23, 27; VII, 22; VIII, 12, 13, 42; IX, 38

Khoái Châu: Chb. V, 31, 32; X, 3, 4, 35; XIII, 10, 12, 32; XV, 5; XVIII, 19; XXI, 17, 25, 26, 27; XXVIII, 14; XXX, 6; XXXIII, 2, 3; XXXVI, 23; XXXVIII, 23, 40, 41; XXXIX, 35, 36; XL, 6, 18; XLI, 5; Tb. III, 15; V, 30

Khoái Châu phủ: Chb. I, 34; IV, 4, 27; V, 32

Khoái Lạc: Chb. XLV, 28; XXIX, 3, 8

Khoái Lộ: Chb. V, 31, 32; Tb. III, 15; V, 30

Khoái Trường: Chb. III, 48

KHOAN TRIỆT: Chb. VII, 37
KHOÁNG (LÊ): Chb. XV, 6, 7; XVII, 3
KHÔ ĐẦU (sư): Chb. III, 46
KHÔI THỌ: Chb. XLV, 33
Khôi Trì: Chb. XLIV, 26
Khối Sách (sách Khối): Chb. XIII, 15, 16; XIV, 29
Không Lộ (núi): Chb. XIII, 34; XV, 1
Không Lộ (thiền sư): Chb. XIII, 34
KHỔNG DỰC TUÂN: Chb. XXXVI, 29
Khổng Mục: Chb. X, 51
KHỔNG TỬ: Chb. III, 30; V, 8-9; VI, 36; XI, 18; XVI, 15, 24
KHU CẢNH: Tb. II, 31
Khu Độc: Chb. XXXII, 13, 24, 26, 27
Khu Lật: Tb. III, 26, 28
KHU LIÊN: Tb. II, 19; III, 20
KHUẤT ĐẢ: Chb. XX, 16, 17, 27, 28
Khuất Liêu động: Tb. IV, 5, 7. (Chưa rõ ở đâu)
KHUẤT QUỲNH CỬU: Chb. XXV, 17; XXVII, 17
KHÚC DƯƠNG: Tb. II, 5, 6
KHÚC HẠO: Tb. V, 14, 15, 16
Khúc Phố: Chb. XXV, 29, 35
KHÚC THỪA DỤ: Tb. V, 14
KHÚC THỪA MĨ: Tb. V, 14, 15, 16, 17
KHÚC TIÊN CHỦ: X. KHÚC THỪA DỤ:
Khuông Việt thái sư : Chb. I, 4
Khương Thượng : Chb. XLV, 28
KHƯƠNG TRỌNG CƠ : Tb. III, 27
KHƯƠNG TRÙNG : Chb. XXV 20, 32
KHƯƠNG VĂN TẤN : Chd. 5
Khưu Ôn : Chb. XII, 44 ; XIII, 35, 36 ; XIV, 5
Khưu Ôn châu : Chb. III, 40
KIÊM LONG : Chb. XLIV, 18
Kiềm Châu : Chb. IX, 33, 34, 35
Kiềm Quốc công : X. MỘC THẠNH :
Kiến biểu bí lục : Chb. XXXIII, 6
Kiến Châu : Tb. IV, 30, 32
Kiến đức: X. Lý kiến đức:
Kiến hải khẩu (cửa biển): Chb. I, 12. Xem thêm Tiểu Khang hải khẩu
Kiến Hanh (niên hiệu): Tb. V, 15
Kiến Nguyên điện: Chb. XXXIV, 13, 14
Kiến phù hữu đạo: Chb. II, 43; III, 3
Kiến Thanh điện: Chb. XXXVI, 25

Kiển Thọ điện: Chb. XXXVII, 8; XXXVIII, 32

Kiển Thống: Chb. XXX, 8, XXXI, 3, 21

Kiển Giang thành: Tb. II, 14, 15

Kiến Bình: Chb. IV, 7, 27, 48; XII, 20

Kiến Cực (niên hiệu): Tb. IV, 36

KIẾN ĐỨC: Phl. 2; Tb. I, 31, 32; II, 1

KIẾN ĐỨC đại vương: X. TRẦN ĐẾ HIỆN

Kiến Gia : Chb. V, 35-40

Kiến Hưng: Chb. IV, 7; X, 26, 27; XII, 15

Kiến Khang: Tb. III, 23

Kiến Nghiệp: Tb. III, 13

Kiến Ninh: X. Kiến Xương

Kiến Phúc: Chb. XLVII, 48

Kiến Tân: Chb. XI, 31, 36; XII, 40 (xem thêm Sd. A. III)

KIẾN THÂM (MINH): Chb. XVIII, 34

Kiến Thuỵ: Chb. XXV, 26; XXVI, 11; XXXVIII, 8

Kiến Thuỷ: Chb. XXXVI, 3; XLV, 23

Kiến trúc, X.S.D.B, XI:

Kiến Trung: Chb. V, 1-11, 42, 44; VI, 11.; XII, 40 (xem thêm Sd A. III).

Kiến Trung thường lễ: Chb. XIII, 4

Kiến văn lục: Chb. II, 25; III, 4; IV, 3; XIII, 32; XV, 2, 18, 22, 23; XVII, 1, 10; XXI, 9; XXIII, 32; XXIV, 2, 27; XXVIII, 4; XXXI, 2, 21; XXXIII, 15, 30; XXXIV, 31; XXXV, 6, 14, 28, 32; XXXVII, 20; XXXVIII, 3

Kiến văn tiểu lục: Chb. X. Kiến văn lục

Kiến Vương: Chb. XXII, 10, 11

Kiến Xương: Chb. VI, 23, 27, 28; IX, 45; X, 34, 48; XI, 13; XII, 20; XIII, 24, 25, 32; XIV, 14; XV, 5, 6; XX, 37, XXI, 18, 25, 26, 27; XXX. 5; Tb. V, 29

Kiện Vi: Tb. I, 34; III, 11

KIỆT: Chb. IX, 27

Kiệt Đặc: Chb. XLVII, 24

Kiệt Đặc (núi): Chb. X, 9

Kiệt Sơn: Chb. XL, 30, 31

KIỀU BÁ KHIÊM: Chb. XXVII, 5

KIỀU BIỂU: Chb. XII, 18

KIỀU CÔNG HÃN: Tng. 5; Tb. V, 27, 29, 30

KIỀU CÔNG TIỆN: Tb. V, 17-19; Phl. 3

Kiều Đại: Chb. XLVII, 48

KIỀU LỆNH CÔNG: X. KIỀU THUẬN: Tb.

KIỀU TAM CHẾ: X. KIỀU CÔNG HÃN: Tb.

KIỀU THUẬN: Tb. V, 28, 31

KIỀU TÔN LƯỢNG: Chb. VIII, 30

KIỀU TRI HỰU: Tb. V, 31

KIỀU VĂN CÔN: Chb. XXVII, 9

KIỂU HÀNH HIẾN: Chb. II, I

Kim Anh: Chb. I, 27; XVIII, 15; XXI, 35; XXXVI, 22; XLI, 4, 8; XLV, 12

Kim Âu: Chb. XI, 6

Kim Âu (núi): Chb. XII, 1; XXIX, 10

Kim Bài: Chb. XXVII, 17

Kim Bảng: Chb. XXI, 17; XXIX, 31; XXV, 35; XL, 1; XLIII, 12; XLVII, 30, 51

Kim Bôi: Chb. XIII, 9; XIX, 23; XXVI, 2

Kim Bôi (sông): Chb. XXVIII, 5, 28

Kim Cương kinh: Chb. IX, 19

KIM DẬN: Chb. XIV, 16

Kim Đâu: Chb. XXVI, 19

Kim Đôi: Chb. XX, 2; XXIII, 41; XXIV, 20; XLVII, 3

Kim Động: Chb. XIV, 7; XXI, 18, 27; XXXIV, 9; XXXVII, 19 ; XXXVIII, 36; XXXIX, 36; XLII, 10; XLIII, 12, 32, 33; XLIV, 19; XLVI, 18; XLVII, 22 ; Tb. V, 30

KIM GIẢN: Chb. XLVII, 45, 46

Kim Hoa: Chb. XVIII, 27; XXI, 12, 19, 35; XXII, 35

Kim Hoạch: Chb. XXXIII, 23

Kim Hương: Tb. III, 28

Kim Kê động: Chb. IV, 37, 38

Kim Khê: Tb. II, 11

Kim Lan: Chb. XXVII, 13; XXXVIII, 38

Kim Lặc: Chb. XXVII, 33, 35

Kim Lặc sở: Chb. XX, 29

Kim Lăng: Chb. X, 13, 21; XI, 1; XII, 21, 22, 25, 34, 35; XIII, 4

Kim Lân: Tb. IV, 22

Kim Liên phường: Chb. XXVI, 33

Kim Loan (điện): Chb. XXIV, 20

Kim Lộ: Chb. XV, 27; XVI, 6

Kim Lũ: Chb. XXXII, 4; XXXVII, 34; XLVII, 4

KIM LÝ TƯỜNG: Tng. 3, 5; Dch II, 10; Phl. 1

Kim Mã: Chb. XXXV, 21

Kim Quang điện: Chb. XXV, 28; XXVII, 3

Kim Sa: Chb. XXIII, 29

Kim Sơn: Chb. XXIII, 30; XXVIII, 5, 6; XXXIII, 35 ; XLVI, 38, 39

Kim Thạch (lăng): Chb. XXXVII, 17

Kim Thanh: Chb. XXXI, 22

Kim Thành: Chb. XXI, 17;

XXVIII, 3; XXIX, 31, 32; XXXI, 5, 6; Tb. II, 2, 7

Kim Thành (huyện): Chb. XXXVIII, 1

Kim Thành (phủ): Chb. XXXVI, 34

Kim Thành huyện: Tb. V, 22

Kim thiên hoàng thái hậu: X. Mai Thị:

Kim Trà: Chb. XXI, 17, 33

Kim Trần: X. Kim Lân:

Kim Tử: Chb. XXVIII, 28

Kim Vực: Chb. XXXIX, 21

Kim Xỉ tuyên phủ ti: Tb. IV, 10

Kinh: Tb. II, 19; V, 1, 2

KINH X. TRẦN KINH

Kinh Bắc: Chb. I, 11; II, 6, 11; VI, 2; VII, 35; X, 16; XI, 11, 30; XIII, 26; XIV, 20; XXI, 16, 18, 25, 28, 29, 35; XXII, 32-33; XXIV, 10, 11, 29, 31, 32; XXVI, 10, 33, 37, 39; XXVII, 2; XXVIII, 13, 14, 15; XXIX, 33, XXX, 1, 7, 21; XXXI, 9, 30; XXXIV, 28; XXXVI, 5, 22, 29, 34; XXXVII, 14; XXXVIII, 1, 14, 31, 33; XXXIX, 1, 2, 29, 35; XL, 2-5, 8-10, 28, 29; XLI, 9, 10, 13, 14, 20; XLII, 29, 30; XLIII, 3, 12, 17; XLIV, 25; XLV, 14, 21 XLVI, 6, 32, 36; XLVII, 15-17, 24, 29, 30, 33, 34, 37, 48; Tb. I, 4

Kinh Châu: Tb. II, 31; III, 12

KINH DƯƠNG : Tng.4

KINH DƯƠNG VƯƠNG: Tng. 3, 4, 7, 8; Dch II, 9; Phl. 2; Tb. I, 1-8

Kinh Hồ: Chb. VII, 30

Kinh Lộ: Chb. XIII, 25, 29

Kinh man: Tb. II, 28

Kinh Môn: Chb. XIII, 12; XX, 37; XXI, 17, 25, 29; XXIX, 33; XXXVIII, 8 ; XLI, 16, 17

Kinh Nam: Tb. V, 3

Kinh Triệu: Tb. III, 22

KÌNH: Chb. XXXIX, 7

Kính Chủ: Chb. IX, 11; X, 7

KÍNH CHỪU: Chb. XXXIV, 21, 26

KÍNH ĐỨC: Chb. VIII, 34

KÍNH GIẢN: Chb. XXX, 2

Kính Lão: Chb. XL, 30, 31

KÍNH LIÊU: Chb. XXXIV, 13, 14

Kính Phi: Chb. XXV, 19, 20

KÍNH PHU: Chb. XXX, 1, 2

KÍNH THÀNH: Chb. XXX, 1, 2

KÍNH THẬN: Chb. XXX, 1, 2

Kính Thiên (lầu): Chb. XLIII, 8

Kính Thiên điện: Chb. XIX, 32; XXIII, 35, 36; XXIV, 13, 14, 20; XXV, 27; XXX, 27 ; XLVI, 23, 25

KÍNH THỌ: Chb. XXXIV, 21

KÍNH TÔNG: Phl. 11

Kính Tông (Lê): Chb. XXX, 29; XXXI, 26, 27

Kính Tông kỷ: Chb. XXXI, 1-17

KÍNH TUÂN: Chb. XXX, 2

Kỳ Anh: Chb. III, 9; V, 29; X, 35, 37, 51; XII, 19; XXI, 11, 33; XXXI, 24; XXXII, 6, 12; XXXVI, 27; XXXIX, 36; XLI, 20; XLIII, 5; XLIV, 17; XLVII, 17, 38

Kỳ Bố: Tb. V, 29

Kỳ Hoa: Chb. X, 37; XXI, 17, 33; XXXII, 11, 12, 13, 28, 29; XXXVI, 27; XXXVIII, 20; XLIV, 17; XLVI, 30, 31

Kỳ La: Chb. XII, 18, 19

Kỳ La (cửa biển): Chb. XII, 18, 19; XXXII, 11, 12

Kỳ La (xã): Chb. X, 35

Kỳ Lừa (phố): Chb. VII, 31

Kỳ Sơn: Chb. XLIV, 17

Kỳ Sơn huyện: Chb. XIX, 10; XXI, 17

Kỳ Thường: Tb. IV, 19

KỶ TÍN: Chb. VIII, 34; XV, 26

Ký Chế: X. Cấy Chấy: Chb. XIII

Ký công sách (Lê): Chb. XV, 21

L

La Đôi: Chb. XLIII, 32

La Động: Chb. XVII, 21

La Hà: Chb. XLVI, 16

La Hộc: Chb. IV, 43

La Khê: Chb. XXVI, 31

La La Tư: Chb. XVI, 25, 26

La Lục (trại): Chb. VII, 36

La Mát: Chb. XXXIX, 7

LA NGAI: Chb. X, 51; XI, 11, 12, 14, 37

LA NHỮ KÍNH: Chb. XV, 4, 12

La Phù: Chb. XIX, 28; XVII, 12; XXVII, 33, 35

La Sơn: Chb. XII, 30, 38; XXI, 16; XXVI, 16; XXXII, 12, 17; XLII, 10, 21; XLIV, 21; XLV, 7, 31; XLVI, 6, 34

La Thành: Tb. IV, 25; V, 12; X. Đại La thành

La Thiều: Tb. IV, 19

LA THÔNG: Chb. XIII, 27

La Thuỷ: Chb. VIII, 44

La Thượng đàn: Chb. XXXIV, 29

LA TRỌNG TỐ: Chb. XI, 18

LA TRUYỀN: Chb. XXIII, 32, 33

LA TU: Chb. X, 35

La Võng: Chb. XXXIV, 40

LÃ: X. Lữ:

Lạc: Tb. II, 27

Lạc An: Chb. XXI, 34

Lạc Biên: Chb. XXXIV, 37, 48 ; Tb. IV, 10

Lạc Cảng: Chb. XXI, 11

Lạc Diễm: Tb. IV, 19

Lạc Dương: Tb. III, 15

Lạc Đạo: Chb. XXXII, 7; XXXIII, 2; XXXVIII, 37; XL, 14; XLIII, 10, 20; XLVII, 7, 8

Lạc đạo tập: Chb. XIII, 5

Lạc Đạo thi tập: Chb. VIII, 22

LẠC ĐIÊU THỊ NGỰ: X. CAO BIỀN:

Lạc Hoá: Chb. XLIII, 11

Lạc Hòn: Chb. XXXIV, 47, 48; XXXV, 1; XL, 22, 23; XLII, 23; XLIV, 32

LẠC LONG quân: Tb.; III, 32 Tng. 3,4, 7, 8; Dch II, 9; Phl. 7; Tb. I, 1, 2

Lạc Phố: Chb. XL, 11; XXXVIII, 25

Lạc Quang: Tb. IV, 19

Lạc Sơn: Chb. XXV, 25

Lạc Thổ: Chb. XX, 2; XXI, 18, 34; XXXVII, 30; XLIII, 11

Lạc Thuỷ: Chb. XIII, 2, 3

LẠC VIỆT: Tb. I, 23; II, 9

Lạc Xuyên: Chb. XXXII, 11, 12, 13

Lạc Yên: Chb. XXXVII, 30

Lai Châu: Chb. XIV, 17; XV, 30; XXI, 19; XXVIII, 16; XXXVI, 2, 3; XLIII, 16, 23

Lai Thạch: Chb. XLII, 10; XLIV, 21

Lai Tô: Tb. IV, 31

Lai Xá: Chb. XXVII, 17

Lại Bộ Nương (cửa biển): Chb. X, 50, 51

LẠI CUNG: Tb. II, 31, 32

LẠI KIM BẢNG: Chb. XXVII, 12, 13; XXXIII, 21

LẠI MẪN: Chb. XXIX, 15

Lại Ốc: Chb. XXV, 2; XXVII, 21

LẠI THÁP LỢI: Chb. XXXIV, 4

LẠI THẾ CƯỜNG: Chb. XLIII, 29

LẠI THẾ KHANH: Chb. XXVIII, 13, 16, 17, 19, 23, 25, 27, 28, 29; XXIX, 6

LẠI THẾ MỸ: Chb. XXVIII, 23, 24, 25; XXIX, 8

LẠI THẾ QUÝ: Chb. XXX, 25

LẠI THẾ TÊ: Chb. XXXVIII, 7

LẠI THẾ THIỀU: Chb. XLIII, 28, 29

LẠI THẾ THỜI: Chb. XXXII, 13

LẠI THẾ VINH: Chb. XXVII, 30

LẠI THÚC MẬU: Chb. XXVI, 26, 33; XXVII, 6

Lam Điền: Chb. XIX, 23

Lam Động: Tnb. 3

Lam Giang: Chb. XXVIII, 26

Lam Kinh: Chb. XV,33; XVI, 14, 19; XVII, 16; XVIII, 2, 11, 29, 30, 32; XIX, 15; XX, 11, 12, 13; XXI, 11, 37; XXIII, 3; XXIV, 6; XXXI, 26; XLIII, 26

Lam quốc công TRỪ: Chb. XXVIII, 7

Lam Sơn: Chb. XIII, 1, 2, 16, 36; XIV, 6, 7; XV, 3, 7, 33, XVII, 15, 25, XVIII, 12, 34; XX, 12; XXIII, 41; XXVII, 8, 12, 43; XXXIII, 33; XLII, 11; XLIV, 1, 2; XLVII, 11, 49

LAM SƠN ĐỘNG CHỦ: X. LÊ LỢI:

Lam Sơn thực lục: Chb. XIII, 19; XIV, 28 - 29; XV, 29

Lam Thành: Chb. XIII, 10

Lãm Sơn: Chb. XXVI, 24, 33 ; XXIX, 33

LAN ĐÀ TINH: Chb. II, 46

Lan Khê: Chb. XXV, 25

Lan Lăng: Tb. II, 23

Lạn Kha (núi): Chb. X, 52 Tb. I, 16

Lạn Kha thư viện: Chb. X, 52

Lạn Thương: Chb. XXXV, 6

Lang Chánh: Chb. XI, 8 ; XX, 12; XXI, 16; XXVII, 10, 11; XXXIX, 26, 27; XLIII, 14

LANG LỆ : Chb. XXII, 5

Lang Tài: Chb. XXI, 19; XXV, 23; XXVII, 6, 17; XXXV, 24; XXXVIII, 38; XLIII, 12, 13; XLVII, 3, 17, 51

Lãng Bạc: Chb. IV, 2; XXIII, 28; XXVI, 22; XLIII, 36; XLVI, 9; Tb. II, 11; X. Tây Hồ

Lãng Bạc: X. Tây Hồ:

Lãng Châu: Tb. IV, 33

Lãng Khê: Chb. XXXII, 23, 24

Lãng Khung: Chb. XXXV, 6 Tb. IV, 35

Lãng Ngâm: Chb. XXXV. 24

Lãng Ninh: Chb. XXXIV, 15

Lãng Uyển: Chb. XXVIII, 31

Lạng Châu: Chb. I, 14; II, 33, 36; III, 24-25; IV, 38; V, 36

Lạng Giang: Chb. VI, 20, VII, 36; VIII, 12, 13, 35, 36; X, 1, 19, 46, 47; XII, 20; XIII, 12, 24, 26; XV, 5, 6; XIX, 18, 20; XXI, 19, 25, 31; XXXIX, 30; XLVII, 18, 19, 30

Lạng Nguyên: Chb. XXVI, 32, 34; XXVII, 2, 3

Lạng Sơn: Chb. I, 17; III, 48; IV, 22; VI, 20, 40; VII, 17, 31, 33, 36; VIII, 8, 9, 13; X, 1, 6; XI, 1, 23, 27, 28; XII, 14, 20; XIII, 11, 12, 33; XIV, 20, 22; XVI, 3, 4, 7, 17, 25; XIX, 4; XX, 2, 3, 8, 20, 21, 26, 35; XXI, 3, 16, 19, 27, 31, 35; XXII, 33, 35; XXIII, 32, 34; XXIV, 10-12, 27, 28, 31, 32; XXV, 8, 35; XXVI, 33; XXVII, 30, 34; XXVIII, 13; XXX, 7, 8, 18, 25; XXXI, 8, 10, 11, 21; XXXII, 4; XXXIII, 16, 22; XXXIV, 13, 14, 15, 22, 48, 57; XXXV, 21, 38, 39; XXXVI, 6; XXXVII,

26, 32; XXXVIII, 8, 10, 11, 26; XXXIX, 7, 15, 16, 29, 30; XL, 2; XLI, 13, 17; XLIII, 17, 32; XLVII, 33, 34; Tb. I, 4

LẠNG SƠN VƯƠNG: X. NGHI DÂN:

Lảnh Trì: Chb. XXXVII, 11

Lãnh Canh: Chb. XVII, 14, 15

Lãnh Giang: Chb. XXXI, 7, 8

Lãnh Kinh (sông): Chb. III, 47

Lao Bồn: Chb. XXXV, 1

Lao Sơn: Chb. XX, 17

Lao Thành: X. La Thành

Lão Phong: Chb. XXXIX, 32, 33

Lão Qua: Chb. VI, 32; VII, 35; XI, 13; XII, 6, 24, 40; XIII, 11, 12; XIV, 23, 24, 28; XXIII, 28, 29, 30, 32, 34, 35, 40 ; XXV, 3; XLIII, 33; Tb. I, 3; IV, 10

Lạo Châu: Chb. XXI, 21

LĂNG SÁCH: Chb. I, 41

Lâm An : Chb. XII, 14; XXI, 17, 22, 33; XXVII, 29; XXXIV, 22; XXXV, 6

Lâm An (phủ): Chb. XVIII, 8

Lâm An (trấn): Chb. VI, 14; XI, 1, 27

Lâm Ấp: Chb. I, 12, 19, 24: II, 22, 45; III, 39; IV, 4; V, 6, 13, 39; VII, 21; X, 3; XIV, 6; XX, 15; XXI, 23, 38; XXII, 4, 7; XXVII, 27; XLV, 2; Tb. I, 6, 7, 19; II, 5, 13, 15; III, 2, 5, 8, 15, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27, 28; IV, 2, 14, 15, 16, 21, 24, 29

Lâm Ấp: X. Chiêm Thành:

Lâm Bình: Chb. III, 29; IX, 5, 8; X, 13, 16, 19, 20, 36; XIII, 24; XVIII, 13 ; XXI, 23.

LÂM BỘT: Chb. XI, 2

Lâm Cảng: Chb. III, 15

Lâm Doãn: Tb. II, 5

Lâm Giang: Chb. XIII, 21 Tb. IV, 20

Lâm Hạ: Chb. XXVI, 27 Tb. II, 4

LÂM HI DẬT: Tb. I, 27

LÂM PHÚNG: Tb. V, 11

Lâm sản, X.S.D.B, XIX, 3:

Lâm Tây: Chb. II, 41; XIII, 25; XVII, 1; XX, 18; XXI, 30

Lâm Thao: Chb. XI, 29; XXI, 18; XXXVI, 8; XXXVIII, 25; XLI, 4, 5; XLIII, 12; Tb. I, 2

Lâm Thịnh: Chb. XLVI, 30

Lâm Trần: Tb. II, 5

Lâm Tương: Tb. II, 22

Lẫm Cảng: Chb. XXI, 10

LÂN: Chb. XL, 27

Lân kinh: X. Xuân Thu:

LÂN SẦN: Chb. XXXIV, 23

Lận Sơn: Chb. XXXII, 25, 26

LẬP BẠO: Chb. XXVIII, 25, 31, 32

Lập Thạch: Chb. XI, 36; XIII, 24; XV, 20; XVII, 25; XXI, 18; XXV, 25; XXVII, 13; XLI, 8

LÊ: Chb. XXI

Lê (họ): Chb. XV, 2, 4, 17, 18

LÊ Á PHU: Chb. XI, 4, 5, 6

LÊ ANH TUẤN: Chb. XXXV, 16, 27, 30; XXXVI, 22, 31; XXXVII, 16, 26, 27; XXXVIII, 20

LÊ THÁI Tổ: Chb. XXVI, 9, 11

LÊ THỊ (vợ Uy Mục đế): Chb. XXVI, 24

LÊ BÁ ĐẠT: Chb. XXI, 3

LÊ BÁ HIẾU: Chb. XXVII, 2, 3

LÊ BÁ KỲ: Chb. XVII, 17

LÊ BÁ KÝ: Chb. XXVII, 9

LÊ BÁ LÂN: Chb. XXVI, 1

LÊ BÁ LY: Chb. XXVIII, 2, 3, 5

LÊ BÁ NGỌC: Chb. IV, 12, 13, 17; 19-20, 22, 23, 25, 30

LÊ BÁ QUÁT: Chb. X, 11, 28

LÊ BÁ THẬN: Chd. II

LÊ BÁ TU: Chb. XXI, 10

LÊ BÁ VIỄN: Chb. XVIII, 5, 8, 9

LÊ BÁCH: Chb. XXX, 3

LÊ BẠN: Chb. XVI, 17

LÊ BẢO : Chb. XIX, 10

LÊ BẬT: Chb. XV, 21

LÊ BẬT HUÂN: Chb. XXXIV, 30

LÊ BẬT TỨ: Chb. XXXI, 10, 13, 20

LÊ BÌ: Chb. XV, 21

LÊ BÍ: Chb. XV, 21; XVIII, 2

LÊ BỊ: Chb. XV, 21; XVIII, 28

Lê Bình: Tb. V, 24

LÊ BÔ: Chb. XIX, 10; XXI, 12

LÊ BỒ: Chb. XV, 3

LÊ BỐC: Chb. XXI, 6

LÊ BÔI: Chb. XIII, 27, 35; XIV, 16; XVI, 5, 32, 33; XVII, 27

LÊ BỒI: Chb. XV, 21

LÊ CẢNH HUY: Chb. XIX, 15, 32; XXI, 39; XXII, 11, 29

LÊ CẢNH KỲ: Chb. XII, 21

LÊ CẢNH QUANG: Chb. XIV, 22

LÊ CẢNH SƯỚC: Chb. XVI, 10, 29; XVII, 12

LÊ CẢNH TUÂN: Chb. XII, 34

LÊ CẬP ĐỆ: Chb. XXVIII, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 33, 34

LÊ CHÂU: Chb. XXXIII, 22, 24

LÊ CHÍ: Chb. XVI, 6; XXIV, 18, 23

LÊ CHÍ VIỄN: Chb. XXXIV, 23

LÊ CHÍCH: Chb. XIII, 17; XIV, 6

LÊ CHIẾN: Chb. XV, 21

LÊ CHÍNH: Chb. XV, 21; XVIII, 13

LÊ CHUNG: Chb. IX, 17
LÊ CHUYÊN: Chb. XVIII, 28
LÊ CHUYẾT: Chb. XV, 21
LÊ CHƯƠNG: Chb. XV, 21
LÊ CÔNG CHIÊM: Chb. XXXVIII, 30
LÊ CÔNG LỘ: Chb. XIX, 23
LÊ CÔNG UYÊN: Chb. XXVII, 18
LÊ CUỐNG: Chb. XV, 21
LÊ CƯ NHÂN: Chb. X, 7
LÊ CỰC: Chb. XIV, 1
LÊ DAO: (DIÊU): Chb. XV, 21
LÊ DỊ TÀI: Chb. XXXV, 8
LÊ DỊCH: Chb. XV, 2
LÊ DIỄN: Chb. VII, 38
LÊ DO: Chb. XXVI, 41, 42, 43
LÊ DOÃN: Chb. XLVII, 43, 51
LÊ DOÃN GIẢN: Chb. XLVII, 18
LÊ DOÃN THÂN: Chb. XLIV, 1, 2
LÊ DOÃN TRỊ: Chb. XLVII, 44, 51
LÊ DUY: Chb. IX, 24, 26, 42
LÊ DUY ÁN: Chb. XLVII, 43
LÊ DUY ĐẢN: Chb. XLVII, 33, 36
LÊ DUY KHANG: Chb. XLVII, 47
LÊ DUY KỲ: Tnb.3
LÊ DUY MẬT: Chb. XXIII, 31; XXXIX, 17, 26; XL, 29, 30; XLI, 5, 15; XLII, 16, 17, 22, 24; XLIII, 4, 18, 26, 28; XLIV, 17; Tnb. 3
LÊ DUY XUÂN: Phl. 6
LÊ DỮ NGHỊ: Chb. XI, 6
LÊ DỰC: Chb. XXVI, 31
LÊ ĐÀ: Chb. VII, 12
LÊ ĐẠI DỤNG: Chb. XXXI, 23
LÊ ĐẠI HÀNH: Chb. VII, 37; XXVI, 8; Tng. 5, 7, 8; Dch. II, 9; Phl. 5
Lê Đại Hành hoàng đế kỷ: Chb. I, 13 - 39
LÊ ĐẠT CHIÊU: Chb. XXV, 14
LÊ ĐẮC NINH: Chb. XIX, 6; XVIII, 34, 35
LÊ ĐĂNG TIẾN: Chb. XXXII, 40
Lê Đế (núi): Chb. III, 9
Lê đế LONG ĐĨNH: Xem LÊ LONG ĐĨNH :
Lê đế Long Đĩnh Kỷ: Chb. I, 40; II, 8
LÊ ĐIÊU: Chb. XXVII, 4
LÊ ĐÌNH CHÂU: Chb. XLII, 10, 11; XLIV, 18; XLV, 26, 27
LÊ ĐÌNH HOÁN: Chb. XLVI, 27
LÊ ĐÌNH KIÊN: Chb. XXXIII, 27
LÊ ĐÌNH NGẠN: Chb. XXIII, 28

LÊ ĐÌNH TÚ: Chb. XXVII, 5
LÊ ĐÌNH TUẤN: Chb. XX, 6; XXI, 5, 8
LÊ ĐÌNH VIÊN: Chb. XLII, 18
LÊ ĐĨNH CHI: Chb. XXV, 24
LÊ ĐÍNH: Chb. XV, 21
LÊ ĐỊNH: Chb. XVI, 20
LÊ ĐỊNH: (tác giả Nhất thống chí): Chb. XVIII, 8
LÊ ĐOAN KHẢI: Chb. XXXIX, 35, 36
LÊ ĐỒ: Chb. XVI, 3, 4
LÊ ĐỔ: Chb. XVII, 10
LÊ ĐỨC DƯ: Chb. XVI, 6
LỆ ĐỨC HẦU: Chb. XIX, 2, 17; XXIV, 4
LÊ ĐỨC HUY: Chb. XIV, 22; XV, 25
LÊ Ê: Chb. XV, 2; XVII, 6, 8; XVIII, 30, 31 ; XIX, 12, 13
LÊ GIẢI: Chb. XIX, 3, 10
Lê Giang: Chb. XVII, 30; XXII, 7, 8
LÊ GIỐC (GIÁC): Chb. X, 43, 44
LÊ HÀI: Chb. XV, 22
LÊ HẢI: Chb. XXXIV, 12, 13, 21, 33
LÊ HÃN: X. TRẦN NGUYÊN HÃN:
LÊ HÁN THƯƠNG: X. HỒ HÁN THƯƠNG
LÊ HÀNH: Chb. XIII, 10
LÊ HÀO: Chb. XIII, 13, 16
LÊ HẠO: Chb. XLVII, 43, 51
LÊ HÂN: Chb. XLVI, 30; XLVII, 42, 45, 46
LÊ HI: Chb. XXVI, 16; XXXIV, 33, 34, 36, 39, 41, 44, 49
LÊ HI CÁT: Chb. XVIII, 34; XX, 31; XXII, 1, 2
LÊ HIẾN: Chb. XXXIX, 10
LÊ HIẾN PHỦ: Chb. X, 35
LÊ HIÊU: Chb. XVII, 6; XVIII, 29
LÊ HIẾU TRUNG: Chb. XXV, 24
LÊ HIỆU: Chb. XXXIII, 2, 13, 18, 27, 36, 37
Lê Hoa (cửa ải): Chb. VII, 20; XIV, 10, 12, 19
LÊ HOÀ: Chb. XXIX, 24
LÊ HOÀN: Chb. I, 4, 9, 10, 12, 37
LÊ HOÀN :X.LÊĐẠIHÀNH
LÊ HOÀNG DỤC: Chb. XXI, 11
LÊ HOẢNG: Tb. III, 14
LÊ HOÈ KHANH: Chb. V, 23
LÊ HỐI: Chb. XX, 27-29; XXXIV, 14
LÊ HỢP: Chb. XI, 31
LÊ HUẤN: Chb. X, 31
LÊ HUỆ PHI: (con gái LÊ NGÂN): X. NHẬT LỆ:
LÊ HUY THÂN: Chb. XLVII, 31, 32

LÊ HUY TRÂM: Chb. XLV, 17, 18

LÊ HUYẾN: Chb. XXXIV, 20, 25, 41, 42, 47

LÊ HỮU ĐỨC: Chb. XXXII, 6, 9

LÊ HỮU KIỀU: Chb. XXXIX, 14, 21, 24, 31; XL, 3, 12, 25, 26

LÊ HỮU TRỰC: Chb. XIX, 27

LÊ ÍCH MỘC: Chb. XXV, 9

LÊ KHẢ: Chb. XV, 21; XVI, 7; XVII, 6, 9, 23, 27, 29, 30; XVIII, 9, 11, 17, 18, 21, 26, 28 ; XIX, 23

LÊ KHẢN: Chb. XVII, 8

LÊ KHANG: Chb. XII, 32; XIX, 10

LÊ KHẢO: Chb. XV, 3

LÊ KHẮC CƯƠNG: Chb. XXVII, 2

LÊ KHẮC HÀI: Chb. XVII, 8

LÊ KHẮC PHỤC: Chb. VII, 17, 21; XV, 21; XVI, 5; XVII, 29; XVIII, 1, 6, 9, 12, 14, 26, 28

LÊ KHẮC QUỲNH: Chd. 4

LÊ KHẮC THẬN: Chb. XXVIII, 5, 15, 23, 24, 25

LÊ KHẮC THUẦN: Chb. XXXV, 19

LÊ KHÔI: Chb. XIV, 19; XV, 21, 26; XVI, 9

LÊ KHUÊ: Chb. XXXI, 23

LÊ KHUYỂN: Chb. XIII, 35; XV, 21, XVIII, 22, 23

LÊ KIỆM: Chb. XV, 21

LÊ KÍNH PHU: Chb. VII, 14; X, 13

LÊ LAI: Chb. XIII, 8; XV, 25, 26; XXIV, 1; XXXIII, 33; XLII, 11

LÊ LAN: Chb. XXIV, 42

LÊ LAN HINH: Chb. XXV, 1, 2

LÊ LẠN: Chb. XV, 21

LÊ LANG: Chb. XV, 21

LÊ LẶC: Chb. X, 43; XI, 4, 6

LÊ LĂNG: Chb. XIX, 2, 4, 9, 10, 12, 13, 20, 21; XXIII, 3

LÊ LÂM: Chb. XVIII, 23; XXIV, 1, 18

LÊ LẬT: Chb. XIX, 10; XV, 21

LÊ LỄ: Chb. XV, 3, 9, 21; XVIII, 15, 16, 28

LÊ LỆ: Chb. XXXIX, 10; XL, 6

LÊ LIỄN: Chb. XXVI, 32

LÊ LIỆT: Chb. XV, 3, 21; XVI, 5, 9; XVII, 27; XVIII, 6 ; XIX, 2, 9, 10, 12, 13; XX, 17, 24;

LÊ LIÊU: Chb. XXXV, 27

LÊ LINH: Chb. XIV, 18

LÊ LĨNH (LÃNH): Chb. XIII, 16

LÊ LONG ĐÊ: Chb. I, 26, 27, 36, 37, 42

LÊ LONG ĐINH: Chb. I, 26, 39

LÊ LONG ĐĨNH: Chb. I, 26, 36, 37-38, 40; II, 1-3

LÊ LONG KÍNH: Chb. I, 26, 27, 37, 39

LÊ LONG MANG: Chb. I, 26, 27

LÊ LONG NGẬN: Chb. I, 26, 39

LÊ LONG THÂU: Chb. I, 24, 36

LÊ LONG TUNG: Chb. I, 26, 27

LÊ LONG TƯƠNG: Chb. I, 26, 27

LÊ LONG VIỆT: Chb. I, 24, 36, 37, 38; Phl. 5

LÊ LÔI: Chb. XV, 21

LÊ LỐI: Chb. XV, 21 ; XIX, 10

LÊ LỘNG: Chb. XIX, 17; XXIII, 28

LÊ LỢI: Chb. XIII, 1, 34; XIV, 1, 29; XV, 2, 10, 20, 22, 25, 29, 32; XVI, 3, 4, 6, 8, 14, 15, 16, 21, 29, 31, 33; XVII, 3, 10, 12; XVIII, 3, 8, 10, 14, 15, 16, 21, 23

LÊ LUẬN: Chb. XVIII, 12

LÊ LỤC: Chb. XX, 20

LÊ LUYỆN: Chb. XXI, 3

LÊ LỰU: Chb. XVIII, 29; XIX, 13; XXX, 15

LÊ LỰU: X. Trần Lựu:

LÊ LÝ: Chb. XIII, 2; XIV, 18; XV, 16, 20

Lê Man (động): Chb. VIII, 1

LÊ MẬT ÔN: Chb. X, 43, 51

LÊ MẬU CHIÊU: Chb. XXVI, 1

LÊ MỊCH: Chb. V, 37

LÊ MIỄN: Chb. XV, 21; XX, 16

LÊ MINH ĐỀ: Chb. I, 42

LÊ MINH SƯỞNG: Chb. I, 42, 43

LÊ MINH TRIỆT: Chb. XXVI, 16

Lê Mục: Chb. VII, 24

LÊ NÁO : Chb. XV, 21

LÊ NĂNG CẨN: Chb. XXV, 32

LÊ NĂNG NHƯỢNG: Chb. XXIV, 41; XXV, 16

LÊ NGẠ: Chb. XIII, 11

LÊ NGANG: Chb. XIX, 12, 13

LÊ NGẠNH: Chb. XXX, 15

LÊ NGÂN: Chb. XII, 33; XIII, 2, 23, 26, 27; XV, 15, 20; XVI, 5, 10, 20; XVII, 7, 8, 9, 14, 15; XVIII, 11, 12, 28

LÊ NGHĨA: Chb. XX, 26, 27

LÊ NGHĨA CHIÊU: Chb. XXVI, 29, 30

LÊ NGHĨA TRẠCH: Chb. XXXI, 5

LÊ NGHIỄN: Chb. XV, 3

LÊ NGỌA TRIỀU: X, LÊ LONG ĐĨNH:

LÊ NGUYÊN ĐỈNH: Chb. XII, 29

LÊ NGUYỄN: Chb. XIV, 8

LÊ NHÂN: Chb. XXII, 27

LÊ NHÂN CHÚ : Chb. XV, 16; XVI, 5; XVII, 7

LÊ NHÂN HIẾU: Chb. XXIII, 28

LÊ NHÂN KHOÁI: Chb. XIX, 3, 12

LÊ NHÂN QUÝ: Chb. XIX, 10

LÊ NHÂN THUẬN: Chb. XIX, 3, 9, 12

LÊ NHÂN TÔNG: X. BANG CƠ (LÊ):

Lê Nhân Tông kỷ: Chb. XVII, 25-31; XVIII, 1-35

LÊ NHỊ: Chb. XII, 32

LÊ NHỮ LÃM: Chb. XV, 21, 28; XIX, 10

LÊ NIỆM: Chb. XIX, 2, 4, 9, 10, 12, 18; XX, 12, 13, 28; XXI, 8, 12, 39, 40; XXII, 2, 28, 34; XXIII, 1, 29, 30, 32, 42; XXIV, 1, 18

LÊ NINH: Chb. XXVII, 36, 37

LÊ NỖ: Chb. XIII, 23

LÊ ỐC THUYÊN: Chb. II, 1

LÊ PHI THỪA: Chb. XXVII, 24, 25, 29

LÊ PHÓ: Chb. XXII, 24

LÊ PHỦ: Chb. XV, 21

LÊ PHỤ: Chb. XXVI, 1, 12; XXVII, 4

LÊ PHỤ TRẦN: Chb. VI, 33, 41, 44, 45; VII, 1, 15

LÊ PHỤNG HIỂU: Chb. II, 26-29; VI, 23

LÊ QUÁN CHI: Chb. XVIII, 22

LÊ QUANG BÍ: Chb. XXVII, 17

LÊ QUẢNG: Chb. XXVII, 5

LÊ QUẢNG ĐỘ: Chb. XXV, 3, 16, 31, 36; XXVI, 1, 8, 27, 30, 37

LÊ QUÁT: Chb. X, 44; XVIII, 12, 26

LÊ QUỐC HƯNG: Chb. XIII, 34, 35; XIV, 5; XV, 16, 21; XVI, 21, 24; XVII, 4

LÊ QUỐC KHÍ: Chb. XV, 4, 27; XVI, 6

LÊ QUỐC TRINH: Chb. XV, 21

LÊ QUY : Chb. XV, 2

LÊ QUÝ ĐÔN: Chb. II, 25; III, 4; IV, 3; XIII, 32; XV, 2, 18, 21, 22, 23, 32; XVII, 1, 10; XVIII, 32; XIX, 4, 7, 8, 13, 21; XX, 37; XXI, 2, 4, 9; XXII, 6; XXIV, 2, 27, 42; XXV, 35 ; XXVI, 21, 29 ; XXXI, 2, 21; XXXIII, 15, 30; XXXIV, 31; XXXV, 14, 28, 32; XXXVII, 20; XXXVIII, 3 ; XLI, 29; XLII, 12, 15, 27; XLIII, 8, 12, 30, 34; XLIV, 1, 2, 4, 5, 6, 7, 18, 26, 27,

28, 34, 35; XLV, 1, 8, 11, 16, 22 ; Tb. V, 14

LÊ QUÝ KIỆT: Chb. XLIV, 27, 28, XLV, 8

LÊ QUÝ LY: X. HỒ QUÝ LY

LÊ QUÝ THÍCH: Chb. XLIII, 42, 45, 46, 51

LÊ QUÝ TỲ : Chb. XI, 4

LÊ QUYẾT TRUNG: Chb. XIX, 10; XXII, 2

LÊ QUÝNH: Chb. XXV, 26, 27; XLVII, 18, 32, 33, 36, 37, 44, 45, 47, 51

LÊ SẠ: Chb. I, 40

LÊ SẠN: Chb. XXVI, 31, 42

LÊ SAO: Chb. XV, 21; XIX, 10; XXIV, 18

LÊ SÁT: Chb. XIII, 13, 19, 22, 35; XIV, 16, 17, 18, 19; XV, 16, 20, 29, 31; XVI, 3, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 18, 19, 26, 27; XVII, 6, 7, 8, 9, 15; XVIII, 3, 28

LÊ SĨ BÀNG: Chb. XLI, 9

LÊ SĨ HẬU: Chb. XXXII, 12, 15, 16, 20

LÊ SĨ TRIỆT: Chb. XXXII, 27, 28, 29, 37; XXXIII, 13, 18, 22, 35

LÊ SƯ LỘ: Chb. XXI, 10

Lê sử: Chb. XIV, 28

Lê sử lược dàm: Chb. XV, 10

Lê sử tục biên: Chb. XXXIV, 48; XXXV, 28, 31; XXXVII, 9 Tng. 6

LÊ TÁI NGHIÊM: Chb. II, 9

LÊ TẮC (TRẮC): Chb. VII, 36

LÊ TẦN: X. LÊ PHỤ TRẦN

LÊ TẤN: Chb. XXIII, 4

LÊ THẠCH: Chb. XIII, 2, 15; XV, 8

LÊ THÁI BẠT: Chd. I

Lê Thái Tổ: Chb. XLII, 11; XLVII, 48, 49; Phl. 6

Lê Thái Tổ: X. LÊ LỢI:

Lê Thái Tổ kỷ: Chb. XV, 1-33

LÊ THÁI TÔNG: X. NGUYÊN LONG (LÊ):

Lê Thái Tông kỷ: Chb. XVI, 1-33; XVII, 1-25

LÊ THÁNH TÔNG: Chb. XLIII, 27

Lê Thánh Tông kỷ: Chb. XIX, 1-41; XX, 1-38; XXII, 1-35; XXIII, 1-43; XXIV, 1-26 ; XXIX, 1, 37

LÊ THẢO: Chb. XVII, 8

LÊ THẬN: Chb. XIII, 27; XVII, 27; XVIII, 2

LÊ THẬP THÍ: Chb. XLIV, 18

LÊ THẾ TOẠI: Chb. XLV, 8

LÊ [THÌ] HIẾN: Chb. XXVII, 36; XXXII, 11, 12, 20, 21, 25, 27, 28, 37, 38; XXXIII, 12, 19, 22, 34, 35, 41; XXXIV, 13

LÊ [THÌ] LIÊU: Chb. XXXIII, 20; XXXIV, 35

LÊ THỊ: Chb. XVIII, 27

LÊ THỊ LIỄN: Chb. XVII, 4

LÊ THỊ NGỌC HOÀN: Chb. XXXIII, 38

LÊ THỊ TA: Chb. VIII, 24

LÊ THIÊM: Chb. XVI, 23

LÊ THIỆT: Chb. XV, 21; XVIII, 2; XX, 13, 26, XXI, 7

LÊ THIẾU DĨNH: Chb. XIV, 22, 24; XV, 4

LÊ THIỆU: Chb. XXVII, 18

LÊ THỌ: Chb. XXVII, 3

LÊ THỌ LÃO: Chb. XVI, 19

LÊ THỌ VỰC: Chb. XIX, 10, 12, 18, 29; XXIII, 28, 30, 32, 33; XXIV, 18

LÊ THỤ: Chb. XIII, 35' XIV, 18; XV, 21; XVI, 20; XVII, 29, 30; XVIII, 6, 12, 17, 27, 33 ; XIX, 12, 13

LÊ THÚC HỰU: Chb. XXVII, 4

LÊ THUYÊN: Chb. XXXIV, 34

LÊ THỪA HƯU: Chb. XXVI, 3

LÊ THỨC: Chb. XLVII, 45, 51

LÊ THƯỢNG: Chb. XVIII, 28

LÊ TÍCH: Chb. X, 38

LÊ TIẾN: Chb. XX, 20

LÊ TIỆT: Chb. XII, 29

LÊ TÔNG GIÁO: Chb. VIII, 10

LÊ TÔNG THUẬN: Chb. II, 33

LÊ TRÃI: Chb. XIX, 26; XX, 14, 17 X.NGUYỄN TRÃI

LÊ TRẠM: Chb. XXV, 33

LÊ TRĂN: Chb. XIII, 16, 18

LÊ TRIỆN: Chb. XV,9; XVIII, 28

Lê triều quan chế: Chb. XXXIII, 27, 31; XXXIV, 1, 2

Lê triều thiện chính: Chb. XXXII, 30

Lê triều trung hưng lục: Chb. XXVIII, 33

LÊ TRỌNG: Chb. XXVIII, 13, 16

LÊ TRỌNG DĨNH: Chb. XLVII, 31, 32

LÊ TRỌNG NGUYÊN: Chb. XXVIII, 12

LÊ TRỌNG THỨ: Chb. XXXVIII, 20; XXXIX, 22; XL, 21; XLI, 29, XLII, 7

LÊ TRỤ: Chb. XXXI, 24, 25

LÊ TRUẤT: Chb. XVI, 9

LÊ TRUNG HIẾU: Chb. XXVII, 7, 8; XXVIII, 26

LÊ TRUNG NGHĨA: Chb. XLVI, 37, 38

LÊ TRUNG TÔNG: X. LÊ LONG VIỆT:

Lê Trung tông ký: Chb. I, 37 - 38

LÊ TUÂN: Chb. VII, 24

LÊ TUẤN MẬU: Chb. XXVII, 11; XXXIII, 20

LÊ TUẤN NGẠN: Chb. XXIII, 41
LÊ TÚC TÔNG: Phl. 6
LÊ TUNG: Chb. XXIV, 33; XXV, 24, 33 ; XXVI, 1, 11
LÊ TÙNG: Chb. XLVII, 45, 51
LÊ TUY KIM: Chb. VIII, 17
LÊ TỬ VÂN: Chb. XXV, 30
LÊ UYÊN: Chb. XXV, 24
LÊ VÃ: Chb. V, 24
LÊ VĂN AN: Chb. XIII, 26, 27, 33; XIV, 18; XV, 21; XVI, 4; XVII, 7
LÊ VĂN BẢN: Chb. XLIII, 28, 29
LÊ VĂN HI: Chb. XXXII, 25
LÊ VĂN HIỂN: Chb. XIX, 23
LÊ VĂN HIẾU: Chb. XXXII, 5, 6, 9, 10
LÊ VĂN HƯU : Chb. I, 4; II, 38; IV, 24; VI, 30; VII, 14; XIII, 5 (xem thêm Sd. A, III)
LÊ VĂN HỰU: Phl. 12
LÊ VĂN KHÁC: Chb. XXI, 6
LÊ VĂN LINH: Chb. XIII, 27; XV, 3, 15, 20, 21, 23; XVI, 17, 21, 25, 32; XVII, 7, 8; XVIII, 3; XXI, 12; XXVII, 18
LÊ VĂN LONG: Chb. XXXII, 28
LÊ VĂN NGÔN: Chb. XX, 38
LÊ VĂN PHÚC: Chb. XXVII, 9
LÊ VĂN THỊNH: Chb. III, 33-34, 43, 45; IV, 1-2
LÊ VĂN TRƯƠNG: Chb. XLVII, 42, 45, 46, 51
LÊ VĂN TỰ: Chd. 3
LÊ VĂN XẢO: X. PHẠM VĂN XẢO
LÊ VẤN: Chb. XV, 2, 15, 20; XVI, 5, 10, 20
LÊ VĨ: Chb. XVI, 10 ; XVIII, 3; XXXVIII, 20; XLV, 22, 23
LÊ VIẾT ĐĂNG: Chb. XXXII, 40
LÊ VINH: Chb. XIX, 28; XXXIII, 22
LÊ VĨNH: Chb. XXIV, 18, 23, 41, 42; XXVII, 5
LÊ VĨNH TRƯỜNG: Chb. XIX, 2, 10
LÊ VÕ: Chb. XXV, 34
LÊ VÔ CƯƠNG: Chb. XXVII, 12; XXXIII, 21
Lê Xá: Chb. XXV, 17; XXVII, 1; XXXVII, 9 ; XLIII, 27
LÊ XÍ: Chb. XIII, 3, 24, 25, 27, 28, 30; XIV, 8, 19; XIX, 2, 3, 9, 10, 12, 18, 23, 34
LÊ XƯƠNG: Chb. IV, 22
LÊ Ỷ ĐÀ: Chb. XXII, 4
LÊ Ý: Chb. XXVII, 21-24
LÊ YÊN: Chb. XIX, 3
Lễ Dương: Chb. XVII, 30; XXII, 8, 9
Lễ Giang: Chb. VI, 32; XL, 7
Lễ Tuyền: Chb. XXI. 19, 31;

XXVIII, 16; XLIII, 16, XLV, 23

Lé vĩ: Chb. XXVII, 14

Lệ Cảnh: Chb. XXV, 36

Lệ Chi viên : X. TRẠI VẢI

Lệ Giang: Chb. XVII, 17; XXXV, 6

Lệ Phố: Tb. II, 4, 27

LỆ THÁNH: Chb. IX, 21

Lệ Thiên hoàng hậu Lý Thị: Chb. IV, 22

Lệ Thuỷ: Chb. XII, 5; XXI, 17 ; XLV, 1, 6, 7, 10

Lệ Thuỷ huyện: Tb. IV, 16

Lịch (núi): Chb. XI, 36

LỊCH ĐẠO NGUYÊN: Tb. II, 2, 11, 12

Lịch Giang: Chb. XXXIII, 12

Lịch triều hiến chương: Chb. III, 5, 27, 46; V, 4; VI, 14, 25, 27, 29; XIII, 4, 32; XIV, 7, 12; XV, 3, 6, 10, 17, 18, 22, 23, 28, 32; XVI, 2, 14, 16, 21; XVII, 10, 12, 24' XVIII, 4, 12, 21, 32; XIX, 4, 22, 23, 29, 31; XX, 1, 11, 23; XXII, 10; XXIII, 7, 15; XXIV, 41; XXVI, 8; XXXI, 22; XXXII, 37; XXXIII, 1, 3, 7, 11, 13, 16, 30; XXXIV, 32; XXXV, 3, 14, 23, 35, 41; XXXVI, 4, 5, 11, 12; XXXVII, 14; XXXVIII, 4, 22; XL, 2 ; XLI, 13; XLII, 13, 28; XLV, 32

Liêm Châu: Chb. I, 43; III, 24, 35, 36, 37, 38, 41; VII, 43; VIII, 31; Tb. II, 5

Liêm Châu (Trung Quốc): Chb. XXI, 3; XXIII, 31

Liêm Quế: Tb. V, 2; X. Quảng Quế

LIÊM TĂNG: Chb. XLVI, 1

Liêm Tuyền: Chb. XXXV, 21

Liên Cảng: Chb. XII, 5

Liên Châu: Chb. XXIII, 31; XXVII, 35

Liên Cừ: Chb. XX, 25

Liên Hinh: Chb. XXXIII, 12

Liên Hoa: Chb. XXXV, 6

Liên Hoa (vụng): Chb. XXVII, 32

Liên Hồ: Chb. XLII, 11

Liên Thụ: Tb. II, 5, 7; IV, 32

Liêu Đông: Chb. XXXIV, 4

Liêu Hải khẩu: Chb. XXIV, 31

Liêu Hải môn: Tb. IV, 13

Liêu Thành: Tb. II, 26

LIÊU THỦ TÂM: Chb. II, 2

Liêu Xá: Chb. XXXIX, 14

LIỄU: X. DƯƠNG LIỄU
LIỄU. X. TRẦN LIỄU

Liễu Cát: Chb. XXI, 29; XXVII, 33, 35

Liễu Châu: Chb. XLVII, 43

Liễu Ngạn: Chb. XLIII, 3

LIỄU NGHI: Tng. 4

LIỄU THĂNG: Chb. XII, 18, 21; XIV, 9, 10, 17, 18, 19, 20, 25

LIỄU TRUYỀN: Chb. XVIII, 31

Linh Châu: Tb. V, 4

LINH ĐỨC đại vương: X. TRẦN ĐẾ HIỆN

Linh Đức vương: Chb. XXVI, X. NGUYỄN THANH

Linh Đường: Chb. XLIII, 3, 6; XLV, 31; XLVI, 23

Linh Giang: Chb. XII, 27; XXXII, 6, 9, 10, 12

Linh hiển hoàng thái hậu Lê Thị: Chb. II, 29

Linh Kinh [kênh]: Chb. XII, 10

Linh Lăng: Tb. I, 33; II, 28, 31, 32; V, 2

Linh Nguyên: Chb. XII, 1, 2

Linh Nguyên phủ: Chb. XXI, 22

Linh nhân hoàng thái hậu: Chb. III, 32

Linh Sơn: X. Chí Linh Sơn:

Linh Trường (cửa biển): Chb. XXVIII, 20, 24, 25; XXIX, 20

Linh Trường cảng: Chb. XXI, 10

Lĩnh Kiệu: Tb. II, 19

Lĩnh Nam: Chb. VIII, 18; XVII, 17 Tb. I, 10; II, 10, 20

Lĩnh nam di thư (ÂU ĐẠI NHÂM) Tb. I, 10; II, 27

Lĩnh Nam đạo: Chb. XXI, 27 Tb. IV, 30; V, 1, 5

Lĩnh Nam Đông đạo: Tb. V, 1

Lĩnh nam Tây đạo: Tb. V, 1, 4, 5

Lĩnh nam trích quái: Tb. IV, 7

Lĩnh ngoại đại đáp: Chb. V, 40 Tb. I, 11, 14

Lĩnh Phương: Tb. II, 5

Loa Sơn: Chb. XLVII, 41

Loại thiên: Chb. IV, 28

LONG: Chb. X, 10

Long (Nam Chiếu): Tb. V, 8

Long Biên: Chb. XXI, 32; Tnb. 3; Tb. I, 12; II, 5, 7; III, 10, 19, 23; IV, 2, 8, 13, 19

LONG BIÊN HẦU: Tb.; X. Sĩ Nhiếp

Long Bình: Tb. III, 15

Long Châu: Chb. VII, 17; XII, 13; XVI, 4, 25; XVII, 24, 25, 29; XXI, 26; XXVII, 31; XXX, 8, 9, 19, 25; XXXIV, 4, 15, 29; XL, 11, 12, 13; XLVII, 32

Long chương thiên tự: Chb. III, 26-27

Long Đại (núi): Chb. X, 49

Long Đàm: Chb. XIII, 30; XXVI, 31; XXVII, 9; XLIII, 6; XLVI, 8 X. Thanh Trì Xem Thanh Đàm

LONG ĐỀ: X. LÊ LONG ĐỀ:

LONG ĐINH: X. LÊ LONG ĐINH:

LONG ĐĨNH: Phl. 8, 9; Tng. 5

LONG ĐĨNH: X. LÊ LONG ĐĨNH:

Long Đố: X. Đại La thành

LONG ĐỘ ĐÌNH HẬU: Tb. II, 30, 32

Long Động: Chb. XXV, 26

Long Đức: Chb. XXXVII, 21, 25 - 33; XLII, 13; XLIV, 30, 33

Long Hồ: Chb. XLIV, 26

Long Hưng: Chb. VI, 13, 23, 27, 28; VII, 19; VIII, 3, 9, 16; IX, 3, 6; X, 48; XI, 13 Tb. IV, 1

Long Hưng lộ: Chb. XXI, 26

Long Khánh: Chb. VI, 12; X, 34, 39

LONG KÍNH: X. LÊ LONG KÍNH:

LONG MANG: X. LÊ LONG MANG:

Long Môn: Chb. XXXIV, 25; XLVII, 43

Long Môn (núi): Chb. III, 48

LONG NGẬN: X. LÊ LONG NGẬN:

Long Nhãn: Chb. VII, 32; XL, 29; XLVII, 35

Long Phù: Chb. IV, 3 - 5

Long Phượng thành: Chb. VI, 25

Long Sinh: Chb. XXXV, 21

Long Sùng: Chb. XXVIII, 27

Long Sưởng: Chb. V, 16, 17, 19

Long Thái : Chb. XXXI, 14

LONG THÂU: X. LÊ LONG THÂU:

Long Thiên (điện) : Chb. XLIII, 24

Long Thuỷ hiệp: Chb. III, 48; V, 5

Long Thuỵ Thái Bình: Chb. III, 21-22

Long Tị (núi): Chb. II, 22

Long Trì: Tb. IV, 20

Long Trì quận: Chb. XXI, 22

LONG TUNG: X. LÊ LONG TUNG:

Long Tuyền (Núi) : Chb. XXXI, 27

LONG TƯƠNG: X. LÊ LONG TƯƠNG:

Long Uyên: Tb. II, 6, 7; X. Long Biên

LONG VIỆT: X. LÊ LONG VIỆT:

Long Vũ: Chb. XXXII, 1, 3

Long Xuyên: Tb. I, 14; II, 4

Lô (lư) Giang: Chb. XI, 29

Lô Giang: Chb. XXX, 20 ; Tb. I, 16

Lỗ Giang: Chb. XX, 13

LỖ LÂN: Chb. XII, 21

Lỗ Lược tướng quân: X. ĐỒNG MẶC:

Lỗ Quốc: Tb. II, 29

LỖ THUẦN: Chb. XVIII, 22

Lỗ Vương: Chb. XI, 8

LỘ BÁC ĐỨC: Tb. I, 30, 32, 33; II, 1, 2

Lộ Bố giang: Chb. V, 30

LỘ VĂN LUẬT: Chb. XIII, 10

LỘC: Chb. XIV, 15; XXVI, 41

Lộc Bình: Chb. XXI, 19, 31; XXIII, 32, 34; XXXIV, 22, 23, 24, 48; XLIII, 32

Lộc Bình (châu): Chb. VII, 31

Lộc Châu: Chb. VII, 31; VIII, 7; XII, 7; XXXII, 20; XXXIV, 24

Lộc Sơn: Chb. VIII, 34

LỘC TỤC: Tb. I, 1

LÔI CÔNG: X. NGUYỄN THỦ TIỆP:

Lôi Dương: Chb. XIII, 1, 2; XIV, 9; XV, 4; XIX, 8; XXI, 12, 16; XXV, 35; XXVI, 2, 16, 33, 36; XXVII, 8, 18, 27, 30 ; XXVIII, 26, 27 ; XXIX, 2, 6 ; XXX, 4 ; XXXII, 12, 30; XXXIII, 18, 19; XXXIV, 13, 35; XXXVII, 17; XXXVIII, 12, 21; XXXIX, 10, 26, 27; XLI, 3; XLII, 4; XLIII, 24; XLVI, 27

Lôi Hoả động: Chb. III, 2–3

Lôi Tân : Chb. XXVIII, 28

Lôi Trạch: Chb. XXV, 17 ; XXVII, 17

Lối Giang: Chb. XII, 17; XIII, 13, 14, 27, 29; XIV, 3, 4

Lối Giang (huyện): Chb. XIII, 13

Lộng Động: Chb. XX, 16, 18

Lộng Khê: Chb. XLI, 6

Lộng Nguyên châu: Xem Quảng Uyên huyện

Lộng Thạch châu: Chb. II, 44 - 45

LỢI MÃ DẬU: Chb. XXXIII, 6

Lợi Nhân: Chb. XLIV, 9

Lợi Nhân: X. Lý nhân:

Luân Châu: Chb. XXI, 19; XXVIII, 16; XLIII, 23

Luận ngữ: Chb. XI, 18; XLV, 25

LỤC BÁ SINH : Tb. I, 13

Lục Chân Lạp: Tb. IV, 24, 39

Lục Châu: Chb. XXI, 29; Tb. IV, 18, 19, 22

LỤC DẬN: Tb. III, 8, 9

Lục Đầu: Chb. XL, 4; XLVII, 24, 25

Lục Đầu (sông): Chb. XXXIII, 12, 36; XXXVI, 22

Lục Đầu giang: Chb. II, 11; Tb. V, 19

LỤC GIẢ: Tb. I, 20 - 22, 23 - 27

Lục Giang (sông Luộc): Chb. XLVII, 20, 21, 22

Lục Hải: Chb. XXI, 31; Tb. I, 3, 4, 20

Lục Hợp: Tb. II, 27

Lục Lệnh: Chb. IV, 35, 37
Lục Ngạn: Chb. IV, 18; VII, 31; VIII, 35, 36; XXI, 19; XXX, 7 ; XLIII, 12
Lục Thuỷ: Chb. VIII, 4 Tb. IV, 19
LỤC TỐN: Tb. III, 9
Lục Yên: Chb. XXI, 19
Lục Yên (châu) : Chb. XXVII, 10
LUNG (em Dương Đình Tuấn): Chb. XLVI, 22
Lung Giang: Chb. XIII, 29, 31
Lũng Khê: Tb. II, 7; IV, 32
Lũng Mi (thôn): Chb. XV, 3
Lũng Nhai: Chb. XV, 2, 9, 26
Lũng Trâu: Chb. XXXII, 27, 29
Lụt, X.S.D.B, XXI, 5:
Lư [Lô] Sơn: Chb. XIII, 9, 17
Lư Cầm (họ): Chb. XIX, 13
LƯ CẦM KHÂM: Chb. XLIII, 28
LƯ CẦM UẨN: Chb. XLIII, 28
Lư Dung: Tb. I, 20; II, 5
Lư Dung thuỷ: Tb. III, 26
LƯ ĐA TỐN: Chb. I, 12, 16
Lư Giang: X. Lô Giang:
Lư Lăng: Tb. III, 5, 30, 31
LƯ TUẦN: Tb.III, 23
Lữ Côi (trạm): Chb. XXV, 1, 2
Lữ Côi vương: Chb. XXV, 18
LỮ ĐẠI: Tb. III, 3, 4, 5
LỮ ĐƯỜNG: Tb. V, 27, 30
LỮ GIA: Tb. I, 29-34; II, 1-3
LỮ HƯNG: Tb. III, 9, 10, 11
LỮ NGHỊ: Chb. XII, 20, 23, 27
LỮ TÁ CÔNG: X. LÃ ĐƯỜNG:
Lữ thông: Chb. XVII, 24
Lữ trung tạp thuyết: Chb. XIV, 16; XXXIII, 37
LỮ XỬ BÌNH: Tb. V, 31
Lự Động: Chb. XV, 30
Lực Điền: Chb. XXXIV, 29
Lương Cầm : Chb. XXVII, 5
LƯƠNG (NHIỆM) VĂN: Chb. II, 9
LƯƠNG ĐẮC BẰNG: Chb. XXV, 33: XXVI, 1, 5
LƯƠNG ĐĂNG: Chb. XVII, 2, 5, 10, 11, 12, 13
Lương Đường: Chb. XLV, 18
LƯƠNG GIẢN: Chb. XLIII, 36, 37
Lương Giang: Chb. X, 26; XI, 7, 8, 9, 27; XIII, 1, 2; XIX, 4; XX, 11, 18; XXIV, 18 ; XXVII, 24 ; XXXIX, 6, 8, 26, 27
Lương Giang (huyện): Chb. XVIII, 34
Lương Hà: Chb. XXIII, 36
LƯƠNG KỲ: Tb. III, 13
LƯƠNG LANG: Chb. IX, 8
LƯƠNG LONG: Tb. II, 23
LƯƠNG MINH: Chb. XIV, 9, 10, 19, 21

LƯƠNG NGUYÊN BƯU: Chb. XI, 31, 34

LƯƠNG NHƯ HỘC: Chb. XXI, 4, 9; XVII, 26; XVIII, 35; XIX, 22, 25; XX, 22

LƯƠNG NHỮ HỐT: Chb. XII, 45; XIII, 17, 35; XV, 12

LƯƠNG ỐNG: Chb. XI, 31

LƯƠNG QUẬN CÔNG: X. NGUYÊN LONG (LÊ)

Lương Sơn: Chb. XXXII, 21; Tb. IV, 20

Lương Sơn (huyện): Chb. XIII, 21

LƯƠNG TĂNG: Chb. VII, 24; VIII, 20

LƯƠNG THẠC: Tb. III, 17, 18, 19

LƯƠNG THẾ VINH: Chb. XXI, 5, 8; XXIII, 33, 41; XXIV, 5

LƯƠNG THIÊN PHÚC: Chb. XVI, 27

LƯƠNG THIÊN TÍCH: Chb. XVI, 4

LƯƠNG TRỪ: Chb. XXV, 1

LƯƠNG UÝ: Chb. VII, 26; VIII, 12

Lương Xá: Chb. XVII, 26; XIX, 20; XXIX, 10 ; XXXIV, 16; XXXIX, 6, 18; XL, 8; XLV, 12

Lưỡng Quảng: Tb. I, 4

Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây): Chb. XIII, 24

LƯU ẨN: Tb. V, 15

LƯU BA: Chb. IV, 19-20

LƯU BANG: Phl. 6

LƯU BIỂU: Tb. II, 17, 31

LƯU BỘT: Tb. III, 29

LƯU CÔNG ĐẠO: Chb. XIX, 10

LƯU CƠ: Chb. I, 4

LƯU CỦNG: Tb. VI, 16, 18, 19

LƯU DI: Chb. III, 35

LƯU DỊCH: Chb. XXIV, 18

LƯU DIỄM: Chb. VI, 12

LƯU DIÊN HỰU: Tb. IV, 20, 21, 28

LƯU DOÃN TRỰC: Chb. XXIII, 32

LƯU DỤ: Tb. III, 23

LƯU ĐÌNH CHẤT : Chb. XXXI, 13, 15

LƯU ĐỊNH CHI: Chb. XXXVII, 20

Lưu Gia thôn: Chb. V, 33, 34

LƯU HƯNG HIẾU: Chb. XXIII, 35, 36; XXIV, 17, 28; XXV, 1

LƯU KHẢI: Tb. III, 30, 31

LƯU KHÁNH ĐÀM: Chb. IV, 17, 20, 31

LƯU LONG: Tb. II, 10

LƯU MIỄN: Chb. VI, 37

LƯU MỤC: Tb. III, 29

LƯU NGUYÊN HANH: Chb. IX, 9

LƯU NHAM: Tb. V, 15, 16

LƯU NHÂN CHÚ: Chb. XIII, 22, 23, 24, 30; XIV, 18
LƯU PHIÊN: Tb. III, 23
LƯU PHƯƠNG: Tb. II, 12; III, 21; IV, 13
LƯU QUANG ĐÌNH: Chb. XII, 9
LƯU QUANG PHỤ: Chb. XXV, 17
LƯU QUỐC KIỆT: Chb. VIII, 21
LƯU SƯỞNG: Tb. V, 26, 31
LƯU TẢO: Tb. II, 22
LƯU THANH: Chb. XIV,8
LƯU THẠNH: Tb. V, 25
LƯU THẾ CANH: Chb. XXXII, 25; XXXIII, 27
LƯU THÚC KHIÊM: Chb. XVIII, 19, 20
LƯU THÚC KIỆM: Chb. XI, 37
LƯU THƯ MẬU: Chb. XXIV, 17
LƯU THƯỜNG: Chb. XI, 4, 6
LƯU TIỆP: Chb. XLVII, 12, 13
LƯU TRẦM: Tb. III, 18, 19
LƯU TRẬT: Chb. XIX, 23
LƯU TRỪNG: Chb. I, 13, 17
LƯU TUẤN: Chb. XII, 28; Tb. III, 11
LƯU TUYÊN: Chb. VII, 43
LƯU TỬ KỲ: Tb. II, 29
LƯU VŨ XỨNG: Chb. IV, 35, 36
Lưu Xá xã: Chb. V, 34
LƯU YỂM: Tb. V, 16; X. LƯU CỦNG
Ly Giang: Chb. XVII, 29, 30
Ly Thuỷ: Tb. I, 33
Lý: Chb. XIV, 27; X. TRẦN LÝ
Lý (triều): Chb. XV, 17, 18; XVI, 3
LÝ AN: Chb. XIII, 21, 22
LÝ AN DẬU: Chb. IV, 24
LÝ ANH: Chb. XI, 3
LÝ ANH TÔNG: Chb. XXXII, 15
Lý Anh tông kỷ: Chb. IV, 32; V, 18
LÝ BA LAO: Chb. XIV, 9
LÝ BANG CHÍNH: Chb. V, 12
LÝ BÂN: Chb. XII, 13, 46; XIII, 5, 9, 10, 11, 13, 15
LÝ BẤT NHIỄM: Chb. V, 39
LÝ BỒ: Chb. II, 16, 30-31
LÝ BÔN: Tb. IV, 1-7
LÝ CAO TÔNG: Chb. XI, 20
LÝ CAO TÔNG: X. LÝ LONG CÁN: Chb. I
Lý Cao tông kỷ: Chb. V, 18-35
LÝ CẦM: Tb. II, 26, 27, 28
Lý Châu: Chb. VII, 39; VIII, 43, 44; XXI, 23; XXII, 7
LÝ CHIÊU HOÀNG: Phl. 5
LÝ CHIÊU HOÀNG: X. LÝ PHẬT KIM:

Lý Chiêu hoàng kỷ: Chb. V, 40-44
LÝ CỐ: Tb. II, 19
LÝ CÔNG BÌNH: Chb. IV, 20, 31-32
LÝ CÔNG TÍN: Chb. IV, 30; V, 10, 11
LÝ CÔNG UẨN: Chb. I, 38; II, 4, 8-25
LÝ CƯ GIẢN: Chb. I, 29
LÝ DIÊN BÌNH: Chb. XI, 18
LÝ DUY CHU: Tb. V, 7, 8, 9
LÝ DƯ: Tb. V, 25
LÝ DƯƠNG HOÁN: Chb. IV, 8, 18-32
LÝ ĐẠI QUYỀN: Tb. IV, 13
LÝ ĐẠO THÀNH: Chb. III, 31, 32, 33, 43
LÝ ĐỘ: Chb. I, 23
LÝ GIA DU: Chb. XLVII, 44, 51
LÝ GIÁC: Chb. I, 21-22; IV, 3-4
LÝ GIÁNG: Chb. XL, 14, 15
Lý Hải: Chb. XXV, 17; XXVI, 19, XXVII, 13
LÝ HANH: Chb. XVII, 2
LÝ HÀNH TỐ: Tb. V, 4
LÝ HẰNG: Chb. VII, 26, 37, 42, 44
Lý Hoà (xã): Chb. X, 15
LÝ HỌC DỤ: Chb. XXXVII, 31
LÝ HỘ: Tb. IV, 39, 40
LÝ HÚC: Tb. III, 12
LÝ HUỆ TÔNG: X. LÝ SẢM
Lý Huệ tông kỷ: Chb. V, 35-40
LÝ KHẢI: Tb. III, 32
LÝ KHÁNH: Chb. IV, 19; XIV, 9, 10, 19, 21
LÝ KHÁNH VĂN; (sư): Chb. II, 7
LÝ KHẮC CHÍNH: Tb. V, 16, 17
LÝ KHUÊ: Tb. V, 27, 30
LÝ KIỀN ĐỨC: Chb. III, 26, 30-48; IV, 1-18
LÝ KIẾN TRUNG: Chb. I, 30
LÝ KÍNH TU: Chb. V, 21-22, 30, 34
LÝ KỲ: Chb. XV, 4, 25
LÝ KỲ (ngự sử Minh): Chb. XII, 6, 10
LÝ KỲ (thị lang Lễ Bộ Minh): Chb. XIV, 24
LÝ LÃNG CÔNG: X. LÝ KHUÊ:
LÝ LĂNG: Chb. XIV, 9
LÝ LONG CÁN: Chb. V, 16, 17, 18-35
LÝ LONG CÁN : X. LONG CÁN
LÝ LỘC: Chb. IV, 24
LÝ LƯỢNG: Chb. XIII, 29
LÝ MẠNH DƯƠNG: Chb. XXIV, 7
LÝ MẠNH QUANG : Chb. XXVII, 28
LÝ MÔNG: Chb. V, 6

LÝ NGHĨA VINH: Chb. IV, 41
LÝ NGUYÊN: Chb. IV, 29
LÝ NGUYÊN CÁT: Chb. X, 15
LÝ NGUYÊN GIA: Tb. IV, 31; V, 11, 12
LÝ NHÂM (NHẬM): Chb. XIV, 16
Lý Nhân: Chb. III, 9; IV, 14, 32, 42; VI, 44; XV, 5; XXI, 27, 34; XXXV, 6
LÝ NHÂN NGHĨA: Chb. II, 13, 26-28
Lý Nhân Tông: Chb. XXVI, 9
LÝ NHÂN TÔNG: X. LÝ KIỀN ĐỨC:
Lý Nhân tông kỷ: Chb. III, 30-48; IV, 1-18
LÝ NHẬT QUANG: Chb. III, 2, 8-9
LÝ NHẬT TÔN: Chb. II, 37, 41; III, 1, 4, 6, 21-30
LÝ NHẬT TRUNG: Chb. II, 39-40, 41; III, 6
LÝ NHƯỢC CHUYẾT: Chb. I, 21-22
LÝ ÔNG TRỌNG: Tb. I, 12, 13
LÝ PHẬT KIM: Chb. V, 40, 41-44
LÝ PHẬT MÃ: Chb. II, 7-8, 14, 21, 24, 25, 29; III, 1-20
LÝ PHẬT TỬ: Tb. IV, 11
LÝ PHÓ: Chb. II, 8
LÝ PHỔ ĐỈNH: Tb. IV, 13
LÝ PHỤNG ÂN: Chb. IV, 27, 28
LÝ QUÁN: Chb. VII, 42, 44
LÝ QUẢNG NINH: Chb. XXIII, 32, 33
LÝ SẢM: Chb. V, 25, 31, 33-35; VI, 1, 2, 3, 4, 12
LÝ SƠN: Chb. IV, 20, 22
LÝ TÀI: Chb. XLIV, 23
LÝ TẮC: Tb. III, 32
LÝ TẤT KIẾN: Chb. IX, 14-15
LÝ TẾ XUYÊN: Chb. XIII, 5
LÝ THAI GIAI: Chb. II, 12
LÝ thái hậu: X. HUỆ HẬU
LÝ THÁI PHÚC: Chb. II, 40
Lý Thái Tổ: Chb. XXVI, 9 Phl. 5
LÝ THÁI TỔ: X. LÝ CÔNG UẨN:
Lý Thái tổ kỷ: Chb. II, 8-25
LÝ THÁI TÔNG: Chb. XIII, 4; XXVI, 9 Tb. V, 29
LÝ THÁI TÔNG: X. LÝ PHẬT MÃ
Lý Thái tông kỷ: Chb. II, 25; III, 20
LÝ THÁNH TÔNG: X. LÝ NHẬT TÔN:
Lý Thánh tông kỷ: Chb. III, 21-30
LÝ THẮNG KIỀN: Chb. II, 40

LÝ THẦN TÔNG: X. LÝ DƯƠNG HOÁN:

Lý Thần tông kỷ: Chb. IV, 18-32

LÝ THẾ BÌNH: Chb. XXXIV, 22

LÝ THIÊN BẢO: Phl. 3; Tb. IV, 9

LÝ THIÊN LỘC: Chb. IV, 33

LÝ THIÊN TỘ: Chb. IV, 33, 34; V, 12-18

LÝ THIÊN TỘ : X. LÝ ANH TÔNG:

LÝ THIỆN: Tb. II, 14, 15

LÝ THIỆN TRƯỜNG: Chb. X, 42

LÝ THOÁT: Tb. III, 23

LÝ THỐNG: Tb. III, 11

LÝ THÚC HIẾN: Tb. III, 29, 30

LÝ THƯỜNG HIẾN: Chb. IV, 5; VI, 37

LÝ THƯỜNG KIỆT: Chb. III, 34, 35, 36, 37; IV, 3, 4, 5; VI, 37; VIII, 31

LÝ thượng hoàng: X. LÝ SẢM

LÝ TIÊN CĂN: Chb. XXXIII, 25

LÝ TIẾN: Tb. II, 25, 26, 27, 28

LÝ TIẾN (Nam Hán): Tb. V, 17

LÝ TỘ: Tb. III, 13, 14

LÝ TỐN: Tb. III, 21, 22

LÝ TRÁC: Tb. IV, 37; V, 10

LÝ TRẦN QUÁN: Chb. XLVI, 19, 21, 23, 34

LÝ TRẦN THẢN: Chb. XLIII, 27; XLV, 20

LÝ TRIỆN: Chb. XIII, 16, 24, 25, 27, 28, 30; XIV, 1, 6, 9

LÝ TRƯỜNG NHÂN: Tb. III, 29

LÝ TÚ CHI: Tb. III, 27

LÝ TÙNG: Tb. III, 11, 13

LÝ TỬ CẤU: Chb. XII, 22

LÝ TỬ KHẮC: Chb. IV, 24

LÝ TỬ TẤN: Chb. XI, 37

LÝ TỰ THÀNH: Chb. XXXIV, 4

LÝ TỰ TIÊN: Tb. IV, 20, 21

LÝ TƯỢNG CỔ: Tb. IV, 29, 30

LÝ ÚC: Chb. XVII, 2

LÝ VĂN TUẤN: Chb. VII, 2

Lỵ Châu: Chb. XXI, 21

Lỵ Nhân: Chb. XIII, 32; XIV, 14, 15; XXI, 17, 34; XXVI, 31, 18 ; XLIV, 8

Lỵ Nhân: X. Lý Nhân:

M

Ma (ghềnh): Chb. XLIV, 19, 20

Ma Cô (núi) cô: Chb. III, 8-9

MA HA BÍ CÁI: X. BÍ CAI

MA HA QUÝ DO: Chb. XXI, 38

MA HA QUÝ LAI: Chb. XVII, 29, 30; XVIII, 15

Ma Linh: Chb. III, 29, 34, IV, 4; XII, 40; XXI, 23

Ma Lôi: Chb. VIII, 5

Ma Lộng: Chb. XIII, 35

Ma lục (trại) Chb. VII, 36

Ma Lục Giáp: Tb. IV, 24

MA MẠT: Chb. XXV, 30

Ma Nghĩa: Chb. XXIX, 24

MA NÔ BÀ BỊ: Chb. XVII, 30

MA PHÚC ĐIỆN: Chb. XXXII, 32

MA PHÚC TRƯỜNG: Chb. XXXIII, 28, 31, 32

Ma Sa: Chb. IV, 10 - 11

MA THẾ CỐ : Chb. XLVII, 27, 28

MA THẾ LỘC: Chb. XL, 13

MÃ ANH: Chb. XIII, 27; XIV, 25, 26, 28

Mã Châu: Chb. XVI, 18

MÃ DUNG: Tb. III, 11

Mã Giang: Chb. VI, 32; X, 47; XI, 8, 27; XII, 17; XX, 16; XXVII, 21, 22; XXVIII, 26; XXIX, 15

Mã Hà: Chb. XVI, 18

MÃ HỢP: Chb. VIII, 30

MÃ HỢP MƯU: Chb. IX, 22

MÃ HỢP NGẠT: Chb. IX, 6

MÃ KỲ: Chb. XII, 46; XIII, 2, 9, 10, 11, 16, 27, 28, 29; XIV, 25, 26, 28; XV, 12

Mã Nam: Chb. XVI, 18

Mã Não: Chb. XLI, 6

MÃ THỰC: Tb. IV, 33, 34

MÃ TỔNG: Tb. II, 13; IV, 30, 31

MÃ VĂN UYÊN: Tb. II, 12; X. Mã Viện

MÃ VIỆN: Tb. II, 10-15

Mã Yên (núi): Chb. I, 9; XIV, 22; XXIX, 24; XXXI, 26

MẠ LA: Chb. XXV, 30

MẠC ĐĂNG DOANH: Chb. XXVI, 38; XXVII, 15, 21-24, 30, 31

MẠC ĐĂNG DONG (DUNG): Chb. XXV, 25, 26; XXVI, 11, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43; XXVII, 1-21, 31-34, 36-39

MẠC ĐĂNG DUNG: Chb. XXXIII, 25; XLVII, 48; Phl. 6

MẠC ĐỊCH: Chb. XII, 13, 14

MẠC ĐÌNH KHOA: Chb. XXVII, 17; XXVIII, 25

MẠC ĐĨNH CHI: Chb. VII, 9; VIII, 42; IX, 2, 22; XXV, 25; XXXII, 15

MẠC ĐÔN NHƯỢNG: Chb. XXVIII, 25; XXIX, 11, 12, 22

MẠC HIỀN: Chb. IV, 13, 16

MẠC HIỂN TÍCH: Chb. III, 45; IV, 1

MẠC ÍCH TRƯNG: Chb. XXVII, 17

MẠC KÍNH CHỈ: Chb. XXIX, 33; XXX, 1, 2, 3, 24

MẠC KÍNH CHƯ: Chb. XXXIV, 29

MẠC KÍNH CHƯƠNG: Chb. XXX, 5, 12, 14

MẠC KÍNH CUNG: Chb. XXX, 6, 8, 27; XXXI, 3-10; 14, 20, 21

MẠC KÍNH DIỆU: Chb. XXXIII, 25

MẠC KÍNH DỤNG: Chb. XXX, 5, 24; XXXIV, 4

MẠC KÍNH ĐIỂN: Chb. XXVIII, 1, 2, 5, 8, 16, 19, 20, 25, 26; XXIX, 5-10; XXX, 8; XXXI, 5

MẠC KÍNH HOÀN: Chb. XXXI, 62; XXXII, 1, 39

MẠC KÍNH KHOAN: Chb. XXX, 6, 7; XXXI, 14, 19, 20, 21, 29

MẠC KÍNH NGHI: Chb. XXXIV, 26

MẠC KÍNH VŨ: Chb. XXXIII, 19, 22, 25; XXXIV, 3, 4, 9; X. MẠC KÍNH HOÀN

MẠC LÝ: Chb. XXX, 13

MẠC LÝ HỰU: Chb. XXX, 2

MẠC MẬU HỢP: Chb. XXVIII, 17, 19, 20; XXIX, 4, 9, 11, 15, 24-33; XXX, 1; XXXI, 4

MẠC NGỌC LIỄN: Chb. XXVIII, 25; XXIX, 10, 18, 24, 27; XXX, 6, 8, 23

MẠC NGUYÊN THANH: Chb. XXXIV, 9

Mạc Nô (núi): Chb. XXII, 2, 3

MẠC PHÚC HẢI: Chb. XXVII, 31, 32, 36, 38, 39, 42; XXVIII, 1

MẠC PHÚC NGUYÊN: Chb. XXVII, 42; XXVIII, 2, 3, 5, 14, 16, 17

MẠC QUỐC TRINH: Chb. XXVII, 17, 22, 23

MẠC QUYẾT: Chb. XXVII, 9, 10, 15

MẠC THUÝ: Chb. XII, 13

MẠC TOÀN: Chb. XXIX, 32; XXX, 1

MẠC TRẠCH: Chb. XXXV, 19

MẠC VĨ: Chb. XXX, 13

MẠC VIỄN: Chb. XII, 13

Mai Châu: Chb. VIII, 39; XVII, 2; XXI, 19; XXXVI, 3 ; XLIII, 14.

MAI DANH TÔNG: Chb. XLIII, 6

Mai Dịch: Chb. XXXII, 12

MAI DOÃN KHUÊ: Chb. XLVI, 3, 4, 6

MAI ĐÌNH DŨNG: Chb. XXVIII, 30

Mai Hạ: Chb. XVII, 2

MAI HẮC ĐẾ: Tb. IV, 21-23; X. MAI THÚC LOAN

MAI HỰU: Chb. II, 31

MAI KIỆN: X. TRẦN KIỆN
Mai Lĩnh: Chb. VIII, 31
Mai Phụ: Tb. IV, 23
Mai Sao (xã): Chb. XIV, 22
Mai Sơn: Chb. XVII, 18; XX, 18 ; XLIII, 29;
MAI THẾ CHUẨN: Chb. XL, 3, 30; XLI, 17, XLV, 12
MAI THẾ DƯƠNG: Chb. XLVI, 23
MAI THẾ KHANG: Chb. XXXIII, 25
MAI THẾ PHÁP: Chb. XLVI, 19, 20, 23
MAI THẾ UÔNG: Chb. XLV, 10, 12; XLVII, 36
MAI THỊ (mẹ LÝ THÁNH TÔNG): Chb. III, 21
MAI THÚC LOAN: Tb. IV, 21 - 23
MAI TÚ PHU: Chb. XII, 11
MAI TỬ KIỆT: Chb. XVIII, 20
MẠI: Chb. IX, 11
Man Giang: Chb. XLIII, 33
Man Lý Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố: Tb. II, 10
Man Xuy (huyện): Chb. XIII, 13
MÃN: Chb. XLVI, 38
Mãn Châu: Chb. XXXIV, 35
MÃN SÁT: Chb. XIII, 15
Mạn Trù: Chb. XXXVII, 13
Mạn Trù châu: Chb. VI, 42
Mạn Trường: Chb. XXXII, 27, 29
Mang Chăn thành: Chb. XXXIV, 37, 47
Mang Chân vương: Chb. XIV, 15
Mang Hổ man: Chb. XXVII, 20
MANG KHOA: Chb. XLIV, 32
Mang Việt: Chb. IX, 29
Mãng Giang: Chb. XXXIV, 9
Mãnh Lãng: Tb. II, 4
Mãnh Thiên (động): Chb. XLII, 10, 11; XLIII, 7, 15, 22
MẠNH: X. TRẦN MẠNH
MẠNH CÁN: Tb. III, 11, 13
Mạnh Dưỡng: Chb. XXIII, 29
MẠNH GIÁP: Chb. VII, 2
MẠNH KHANG: Tb. II, 3
Mạnh Mật: Chb. XXIII, 29
MẠNH THÔNG: Tb. III, 11
MẠNH THƯỜNG: Tb. II, 25, 26
MẠNH TỬ: Chb. XLV, 8
Mạnh tử tập chú: Chb. XLIII, 31
MAO BÁ ÔN: Chb. XXVII, 28, 30, 31, 32, 36, 37, 38, 39
MAO QUẾ: Tb. III, 11, 13
Mạo Bồ: Chb. XX, 25; XXV, 17
Mạt lãng: Tb. III, 14
Mạt Liên: Chb. I, 27
MẶC: Chb. IX, 20

Mân Việt: Tb. I, 23, 28

MẬU (con HÀ LAI): Chb. XVII, 20

MÂN VIỆT VƯƠNG SÍNH: Tb. I, 28

MẪN ĐẾ: Chb. XLIII, 37; XLVI, 30; XLVII, 1-51

Mẫn Lệ công: Chb. XXV, 36; XXVI, 24

Mẫn Tường: Chb. XXXII, 14

MẪN VĂN LIÊN: Chb. XXXII, 13, 14, 25

MẪN VƯƠNG: X. TRẦN NGẠC

Mẫn Vương NGẠC: Chb. XII, 29

Mật Châu: Chb. IX, 34

MÂU DU ĐÔ: Chb. IV, 20, 21, 23, 25, 26, 40, 41

MẪU XÁ: Chb. XIX, 11

Mậu Châu: Chb. III, 39, 40, 44

Mễ Sở (làng): Chb. X, 20

Mi (làng)Đa: Chb. VI, 23

Mi Cảng: Chb. XXI, 11

Mi Động: Chb. XIV, 8, 9; XXXVII, 11

Mi Linh: Tb. II, 5, 7, 8, 10

Mi Sơn: Chb. XIX, 28; XX, 22; XXXIV, 2

Mi Thữ: Chb. XXXVIII, 1, 35

Mĩ Dụ: Chb. XXXII, 21, 24; XLVII, 6

Mĩ Hoà: Chb. XXXI, 32

Mĩ Hoá: Chb. XLVII, 15

Mị Lộc: Chb. XXI, 18; XXXVII, 9; XLI, 6; XLIII, 12; XLIV, 11, 12

Mĩ Lương: Chb. XXI, 18; XXVIII, 29, 30; XXIX, 14, 18; XXXIX, 17, 18; XL, 7, 8, 31; XLI, 15; XLIII, 12

Mĩ Phong: Chb. XXXIV, 27

MỊ CHÂU: Tb. I, 15, 16; 17-19

MỊCH: (cha Lê Hoàn) X. Trường Hưng vương Mịch:

Miến Điện: Chb. XXIII, 29

Miệt Giang: Chb. XI, 11

Miêu Nha: Chb. XXVI, 41

Minh: Chb. XII, 2, 47; XIII, 1, 36; XIV, 10, 22, 27

Minh (triều): Chb. XV, 4, 10, 25, 26, 28, 32; XVI, 1, 4, 10, 19, 24, 33; XVII, 2, 17, 23, 24, 26, 29-31; XVIII, 1, 2, 26-31, 33, 34

Minh Anh Tông: Chb. XVIII, 27, 34 ; XIX, 1

MINH CẢNH ĐẾ: Chb. XVIII, 27; XXI, 37

Minh Châu: Chb. XXI, 21

Minh Chính: Chb. III, 29; XXI, 34; XXXI, 29

Minh Đao: Chb. III, 3-6

Minh đạo mười bốn thiên: Chb. XI, 18

MINH ĐỀ: Chb. I, 36, 37, 42

MINH ĐỀ: X. LÊ MINH ĐỀ:

MINH ĐỒ: Chb. XXXIV, 16

Minh Đức: Chb. XXVII, 15–20, 33

Minh đức hoàng thái hậu: X. Phạm Thị:

Minh Giám: Chb. XXXIV, 32

MINH HIẾN TÔNG: Chb. XIX, 27, 28

MINH KHÔNG (sư): Chb. IV, 31

Minh Linh: Chb. III, 29, 34; IV, 4; XII, 40; XXI, 17, 23, 34; XXVIII, 30; XXXII, 38 ; XLIV, 20; XLV, 1

Minh Linh (cửa biển): Chb. III, 10

Minh Luân đường: Chb. XXIII, 39

Minh Lương: Chb. XXXII, 13, 14, 16, 17

Minh Nghĩa: Chb. XXI, 18, 35; XXVII, 4; XXXIX, 17, 18; XLIII, 12

Minh Nhất thống chí: Chb. II, 37

Minh Quảng: Chb. XXIII, 31

Minh Quyết: Chb. XXVI, 17

Minh sử: Chb. II, 17; IV, 43; XII, 6, 39; XIII, 4, 10, 19, 20; XIV, 21; XVI, 4; XVII, 24, 30; XXII, 29; XXIII, 4, 33

Minh sử kỷ sự: Chb. XII, 21, 39

Minh sử thông giám kỷ (ký) sự: Chb. XIV, 5, 21, 26

Minh sử thông giám kỷ sự: Chb. XIV, 5, 21, 26 ; XXVI, 26

Minh sử Vân Nam thổ ti truyện: Chb. III, 19

MINH SƯỞNG: X. LÊ MINH SƯỞNG:

Minh Tế: Chb. II, 45

MINH THÁI TỔ: Chb. X, 13, 21; XII, 8; XIV, 22

MINH THÁI TÔNG: Chb. XIV, 23

MINH THÀNH TỔ: Chb. XII, 2, 47; XIV, 18

MINH THUẬN: Chb. XXI, 30

MINH TUYÊN TÔNG: Chb. XV, 25

MINH TỪ: Chb. IX, 26

MINH TỪ hoàng thái phi: Chb. X, 29, 32

MINH VŨ TÔNG: Chb. XXV, 22

Mọc (Nhân Mục): Chb. XIII, 25, 26

Mô Độ: X. Yên Mô (bến đò):

Mố: Chb. XII, 21

Mố Xá: Chb. XIX, 11

Mộ Chu: Chb. XXXIII, 12

Mộ Dạ sơn: Tb. I, 19

Mộ Đức: Chb. XXII, 9

Mộ Hoa: Chb. XXII, 7, 9

Mộ Trạch: Chb. IX, 30; XIV, 24;

XXIV, 30; XXVI, 11; XXVII, 14, 16, 17; XXXII, 7; XXXIII, 14, 36; XXXIV, 16; XXXVIII, 15, 16; XXXIX, 9; XL, 15

Mộc Châu: Chb. XIV, 15; XVI, 17, 18; XVII, 2; XX, 16, 17; XXI, 19; XXIII, 31; XLIII, 14

Mộc Hoàn (núi): Chb. XXXVII, 27

Mộc Hoàn (sông): Chb. XII, 15, 16

Mộc Hoàn (xã): Chb. XII, 16; XXXVIII, 37, 39

MỘC THẠNH: Chb. XII, 12, 13, 14, 15, 18, 23, 27, 28, 38, 41; XIV, 10, 17, 19, 20, 21; XV, 27

Mỗi Châu: Chb. XVII, 1; XX, 16; XXIII, 28, 29

Mông Cổ: Chb. VI, 24, 40, 41, 42, 43, 44, 45; VII, 2, 3, 8, 11

MÔNG KHA: Chb. VIII, 35, 36

MÔNG THẾ LONG: Tb. V, 3

Mông Tuấn: Tb. IV, 35

Mông Tự: Chb. XXIII, 33; XXVII, 35; XXXIV, 22, 26, 42, 44

Mông Xá: Tb. IV, 35

MỘNG DỮ: X. TRẦN MỘNG DỮ

Mộng Kiều (cầu Muống): Chb. XXVI, 32

Mộng Sơn: Chb. XXVII, 3, 4, 5, 10

Mộng Tự: Chb. XII, 13, 14; XIV, 10

MỤC BÀ MA: Chb. X, 21, 40

Mục Sơn: Chb. XXIX, 10; XLVII, 18, 19, 22

MỤC THẬN: Chb. IV, 1 - 2

Mục thiên tử truyện: Chb. VIII, 41

Muộn (cửa biển): Chb. XII, 15, 16

Mười hai Sứ quân: Chb. I, 2; XXVI, 11; Tb. V, 27 - 32

Mương Mai: Chb. VIII, 39

Mường Giao Lão: Chb. XIII, 3

Mường Lự: Chb. XLIII, 33

Mường Muổi: Chb. XVII, 1

Mường Thanh: Chb. XLIII, 16

Mường Thôi: Chb. XV, 21, 22

Mường Việt: Chb. XX, 18

Mỹ Giang: Tb. V, 19

Mỹ Hoá: Tb. III, 9

Mỹ Lộc: Chb. VI, 4; X, 48; XV, 1

Mỹ Lương: Chb. XII, 30; XIII, 30

MỴ Ê : Chb. III, 7, 9

N

Na Cảng: Chb. XXI, 11

Na Cừ: Chb. XXXIV, 24

Na Đấu: Chb. XXXIV, 24

Na Hà: Chb. XXXIV, 24

Na Kênh: Chb. XXXII, 17

Na Khố: Chb. XXXII, 16, 17

NA LIÊN: Chb. VII, 42

Na Lữ: Chb. XXXVI, 31

NA NĂNG: Tb. III, 24

Na Ngạn: Chb. IV, 18; VII, 32

Na Oa: Chb. XXXIV, 22-24

Nãi Sơn: Chb. XLII, 1

Nam An xã: Tb. IV, 16

Nam ảnh châu: Chb. XX, 23

Nam Bàn: Chb. XXII, 3, 5

Nam Bố Chính: Chb. XXXII, 5, 6, 9, 10, 27, 29, 39

Nam Bố Chính: Chb. XXI, 24, 34; XXXI, 31; XLV, 1, 3, 4

Nam Chân: Chb. VI, 11; XXI, 18; XXXIII, 6; XXXVIII, 25; XXXIX, 18, 19; XLI, 24; XLV, 12; XLVII, 30, 51

Nam Châu: Chb. XXII, 28

Nam Châu dị vật chí: Tb. II, 24

Nam Chiếu: Chb. VIII, 35, 37; XLIII, 33; Tb. I, 13; IV, 10, 24, 30, 35, 36, 37, 38, 39, 40; V, 1, 2, 3, 4, 7, 8, 9

Nam Chưởng: Chb. XI, 13; XLIII, 33; Tb. IV, 10

Nam Dương: Tb. II, 9, 14, 21, 22

Nam Đàn: Xem Nam Đường:

Nam Đạo: Chb. XIII, 32; XIV, 14; XV, 5, 6; XVI, 5

Nam Định: Chb. IV, 7; VI, 4, 28; IX, 48; X, 27, 48; XII, 16, 28; XX, 13, 26, 27, 34; XXVIII, 10; XXIX, 30; XXXV, 5; XXXVII, 9; XXXVIII, 23, 39; XXXIX, 31; XLI, 6; XLV, 12; XLVI, 19; XLVII, 30; Tb. 1, 4

Nam Định huyện: (Đường): Tb. IV, 2, 19; V, 7, 29

Nam Đồng: Chb. XLVII, 41, 42

Nam Đức: Chb. XXI, 21

Nam Đường: Chb. II, 2; XXI, 17; XXVIII, 26; XXXI, 14; XXXIV, 29; XXXVIII, 39; XLI, 7; XLII, 30; XLIII, 5; XLV, 31; XLVI, 30, 31; XLVII, 6, 9, 18, 51; Tb. IV, 23

Nam Giản: Chb. XXVI, 34; XXX, 1 ; XXXVII, 16

Nam Giao: Chb. XLVII, 33; Tng. 4; Tnb. 1; Tb. I, 5

Nam Giới: Chb. XXXII, 15, 16

Nam Giới (cửa biển): Chb. I, 11-12; 28; XXXII, 12

Nam Hải: Tb. I, 10, 11, 12, 14, 19; II, 3, 4, 5, 10, 13, 30; III, 1, 7, 10, 29

Nam Hải quận: Chb. XXI, 24, 29, 30, 31; XXIII, 29

Nam Hán: Chb. I, 42

NAM HIÊN: Tng. 3

Nam Hoa: Chb. XXVIII, 5; XXXII, 19, 20

Nam Khang: Tb. III, 29, 30, 31

Nam Khang ký: Tb. I, 14, 33

Nam Kim: Chb. XXXII, 20

Nam Kim (xã): Chb. XIII, 22

Nam Kinh: Chb. II, 18; XXI, 32

Nam Kỳ: Tb. IV, 39

Nam Linh: Chb. III, 29

Nam Linh châu: Chb. III, 29

Nam Lục: Tb. II, 12

Nam Mã: Chb. XVI, 17, 18, 22

Nam Ngạn: Chb. XXXII, 16, 17, 21

Nam Ngư: Chb. XLIII, 34

Nam Nhung: Chb. IX, 35, 36, 38, 39

Nam Ninh: Chb. XXXII, 8; XXXIII, 25; XXXIV, 13, 15; XLVII, 32

Nam Phố: Chb. XLIV, 29, 30

Nam Quan: Chb. XII, 14; XXVII, 32, 36

Nam quốc vương LONG MANG: X. LÊ LONG MANG

Nam Sách: Chb. I, 11; X, 6; XI, 31, 41; XII, 14; XV, 5; XVI, 7, 25; XVIII, 2, 33 ; XX, 2, 3, 8, 30, 35, 37; XXI, 16, 17, 25; XXV, 26; XXVIII, 14; XXIX, 33; XLI, 16, 17; XXXVIII, 16, 33; XVIII, 2, 33; Tb. V, 21

Nam Sách giang: Tb. V, 21

Nam Sách hạ: Chb. XIII, 32; XV, 5

Nam Sách phủ: Tb. V, 22

Nam Sách thượng: Chb. XIII, 32; XV, 5

NAM TẤN VƯƠNG: X. NGÔ XƯƠNG VĂN

Nam Thành: Tb. I, 18

Nam Tĩnh: Chb. I, 38

Nam Triệu: Chb. VII, 37

Nam Triệu hải khẩu: Tb. V, 20

Nam Trung: Chb. XLIV, 26; Tb. III, 10

Nam Việt: Chb. XVII, 17; Tb. I, 19, 23; II, 4, 26

Nam Việt chí: Tb. II, 11

Nam Xang: Chb. VI, 44; XX, 13, 17; XXVIII, 14; XXXI, 8; XXXV, 21; XXXVII, 11; XXXVIII, 39; XL, 32; XLI, 6; XLII, 9; XLIII, 32, 33, XLVI, 19; XLVII, 30

Nạp Canh (núi): Chb. XXVII, 28

NẠP THÍCH ĐINH: Chb. VII, 2, 3, 8, 11

Nễ (Nẻ) Độ: Chb. XLII, 9

Nễ Châu: Chb. XXXVIII, 39

Nga Đình: Chb. X, 15, 16

Nga Lạc (cửa ải): Chb. XIII, 9

Nga Lạc (đồn): Chb. XIII, 8, 9, 13

Nga Lạc (huyện): Chb. XIII, 9

Nga Sơn: Chb. II, 1; VI, 32;

XIII, 9; XXI, 10, 16; XXII, 6; XXVII, 22, 23; XXVIII, 8, 24, 28; XXIX, 8; XXXIII, 12; XL, 3; XLII, 16; XLV, 12; XLVI, 23; XLVII, 30

Ngã Ngung: Chb. XXXVI, 12

Ngạc: Tb. V, 1

NGẠC X. TRẦN NGẠC

Ngạc Châu: Chb. VII, 43, VIII, 18, 19

NGẠC NHĨ THÁI: Chb. XXXVII, 3, 4

Ngải lăng: Chb. XXXVIII, 25, 36, 37, 38 ; XXVI, 16

NGẠN UY: Tb. II, 29; X. SĨ NHIẾP

Ngân bôi: Chb. XXIX, 25

Ngân Già: Chb. XXXVIII, 25, 36, 37, 38 ; XXXIX, 18

NGÂN TÍCH: Chb. I, 24, 36, 37

NGHÊ THỨC: Tb. II, 22

Nghệ (bến đò): Chb. XLVII, 14, 15

Nghệ An: Chb. I, 36; II, 2, 3; III, 2, 10, 32, 33; IV, 13, 20, 23, 29, 32; V, 1, 6, 29, 31, 32, 39; VI, 5, 13, 23; VII, 35, 36; IX, 8, 33, 35, 36, 38; X, 1, 9, 11, 32, 35, 36, 37, 39, 46, 47, 50; XI, 3, 12, 16, 27, 28; XII, 17, 18, 20, 26, 27, 29, 30, 31, 32, 37, 38, 39; XIII, 3, 9, 10, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 26, 27, 35, 36; XIV, 2, 6, 8; XV, 5, 6, 10; XVI, 2, 8, 9; XVII, 15; XVIII, 8, 13; XX, 2, 3, 8, 29, 30, 34, 37; XXI, 10, 16, 21, 22, 23, 24, 33, 40; XXII, 32; XXIV, 10, 11, 23, 24, 28, 31, 32; XXV, 21; XXVI, 5, 16; XXVII, 20, 38; XXVIII, 8, 10, 12, 22, 30, 33; XXIX, 1, 5, 6, 7, 13; XXX, 25; XXXI, 14; XXXIV, 12, 37, 41, 48; XXXV, 16, 18; XXXVI, 5, 6, 27; XXXVII, 10 - 14, 17, 18, 21, 26, 28, 29; XXXVIII, 11, 13, 29 - 31, 35, 41; XXXIX, 6, 21, 24-27, 34, 36; XL, 29; XLI, 6, 7, 13, 19, 20, 21, 26, 28, 31; XLII, 5, 14, 16, 17, 19, 21, 22, 25; XLIII, 4, 5, 11, 16, 20, 26, 28, 29, 30, 35, 36; XLIV, 8, 10-12, 15, 17, 19, 21, 22, 25; XLV, 3-5, 8, 9, 11, 13, 14, 18, 32, 33; XLVI, 6, 16, 17, 19, 27, 29, 30, 31, 33, 37-39; XLVII, 5, 6, 13, 30, 37, 38, 40; Tb. I, 5, 19, 20; II, 11; IV, 20

Nghệ An châu trại: Chb. II, 40

Nghệ An chí: Chb. I, 36; V, 1; XVIII, 29

Nghệ An cổ tích chí: Chb. XIII, 22

Nghệ An phong thổ ký: Chb. II, 12, 13

Nghệ An Thiết Cảng: Tb. V, 12

NGHI DÂN: Chb. XIX, 1, 2, 3, 5, 6, 7, 13, 17, 27, 30; XXIII, 3; XXIV, 4

NGHI DÂN (LÊ): Chb. XVII, 19, 21; XVIII, 34-35

Nghi Dương: Chb. VII, 38; XXI, 17, 25; XXV, 17, 25; XXVI, 11; XXVII, 1,2 ; XXX, 22; XXXVIII, 7 ; XXXIX, 26, 34; XLII, 1

NGHI THÁNH hoàng hậu: Chb. IX, 48; X, 22

Nghi Xuân: Chb. XII, 20; XXI, 16; XXVIII, 9; XLII, 21; XLIII, 11

Nghị hoàng đế: Chb. XLVII, 48

Nghị Xuân: Chb. XXXII, 12, 13, 15, 20, 24, 25, 26, 29

Nghĩa: Chb. XII, 3, 42, 43

Nghĩa An: Chb. XXI, 22; XL, 10

Nghĩa Châu: Chb. X, 5; XI, 42, 43; XXII, 8

Nghĩa Đô: Chb. XXX, 10

Nghĩa Động: Chb. XVII, 51

Nghĩa Giang: Chb. XXII, 7

NGHĨA HOÀNG : X. TRẦN NGHỆ TÔNG

Nghĩa Hưng: Chb. IV, 17; X, 27; XXI, 18, 27

Nghĩa Lễ: Chb. XXVII, 5

Nghĩa Liệt (thành) : Chb. XIII, 9

Nghĩa Liệt (xã): Chb. XIII, 10

Nghĩa Lộ: Chb. XXVII, 22, 39

Nghĩa Phú: Chb. XXXIV, 27

Nghĩa Sơn: Chb. XXVIII, 29, 30

NGHĨA TRẠCH: Chb. XXIX, 27

Nghĩa Trụ: Chb. XXXVII, 8, 9

NGHIÊM: Tb. I, 33

NGHIÊM BÁ KÝ: Chb. XXVII, 4, 5, 13; XXXIII, 21

NGHIÊM BẢO TÍNH: Chb. II, 38

NGHIÊM THƯỜNG: Chb. IV, 16

NGHIÊM TRỌNG LA: Chb. VIII, 16

NGHIÊM TUNG: Chb. XXVII, 26

NGHIÊM VIỆN: Chb. XXIV, 20

NGHIỄM (thổ tù): Chb. XVII, 20, 21

NGHIỄN: X. TRẦN QUỐC NGHIỄN

NGHIÊU: Chb. IX, 27; X, 10

Nghiêu Phong: Chb. IV, 43; XXI, 35

Ngọ Cầu: Chb. XXIV, 8

Ngọ Trang: Chb. XXXII, 23

NGÔ SĨ LIÊN: Chb. XIX, 17; XXIII, 28

Ngõa kiều: Chb. XXVIII, 30

NGỌA TRIỀU, X. LÊ NGỌA TRIỀU:

NGỌA TRIỀU: X. LONG ĐĨNH:

Ngọa Vân (núi): Chb. XXXIX, 15, 16

Ngọa Vân am: Chb. VI, 18; VIII, 28; IX, 1

Ngoại kỷ: Chb. XXIII, 28

Ngọc Bảo: Chb. XXVII, 31; XXVIII, 11; XXIX, 16

Ngọc Bôi: Chb. XLIV, 28

Ngọc Bội (núi): Chb. XLI, 3, 4, 7, 8

NGỌC CHẤN: Chb. XLVII, 6

NGỌC DAO: Chb. XVII, 9

Ngọc Điệp: Chb. II, 25

Ngọc Đường di tập: Chb. XX, 14

Ngọc Giáp: Chb. XLVI, 37, 38

Ngọc Giáp (cửa biển): Chb. XXVIII, 24

Ngọc Giáp cảng: Chb. XXI, 10

Ngọc Hà: Chb. XXVI, 31

NGỌC HÂN công chúa: Chb. XLVI, 25, 26

Ngọc Hồi: Chb. XLVII, 41, 42

NGỌC HUỆ: Chb. XXVII, 16

NGỌC LAN (công chúa): Chb. XVIII, 6

Ngọc Lặc: Chb. XXXIX, 9

Ngọc Lâm: Chb. XL, 8

Ngọc Lâu: Chb. XXXIX, 17, 18; XL, 30, 31; XLI, 5, 15, 16

NGỌC LIỄN: Chb. XLVII, 6

Ngọc Long: Chb. XXXVI, 21

Ngọc Ma: Chb. XIII, 9, 10, 21, 22, 34; XV, 1; XVI, 32; XVIII, 13, 29; XXI, 17, 33; XXIII, 28, 29

Ngọc Sơn: Chb. VII, 37; XXI, 10, 16, 29; XXIX, 7; XXXII, 7; XLII, 11; XLIII, 37; XLVI, 37, 38; XLVII, 15

Ngọc Sơn huyện: Chb. I, 20; XXVI, 25

NGỌC THA: Chb. X, 25, 29

Ngọc Tỉ: Chb. XXXIV, 27

NGỌC TRIỆU: Chb. XLVII, 6

Ngọc Trục: Chb. XXVII, 9

Ngọc Uyển: Chb. XXXV, 21

Ngọc Xá: Chb. XLVII, 8

NGÔ BỆ: Chb. IX, 43; X, 12, 13, 14

NGÔ BÍNH: Chb. XXVI, 10, 24, 38, 40

NGÔ CẢNH HOÀN: Chb. XLVI, 19, 20, 22, 23, 34

NGÔ CẢNH HỰU: Chb. XXIX, 12, 13, 18, 22, 24; XXX, 3

NGÔ CẢNH TRƯỜNG: Chb. XLVI, 22

NGÔ CAO LĂNG: Chb. XVII, 23

NGÔ CHÂN LƯU: Chb. I, 4

Ngô Châu: Tb. II, 4; III, 16, 18–19 Tb. II, 5, 8

Ngô Châu (Trung Quốc): Chb. XXI, 3

NGÔ CHÍ: Chb. XLVII, 23 Tb. II, 29, 30

NGÔ CHUNG: Chb. XXXIV, 40

NGÔ CÔNG LÝ: Chb. V, 26

NGÔ CỰ: Tb. II, 31, 32

NGÔ DAO: Chb. XLIV, 11
NGÔ ĐÌNH CHẤT: Chb. XXXIX, 1
NGÔ ĐÌNH GIỚI: Chb. XIII, 16
NGÔ ĐÌNH HOÀNH: Chb. XLV, 7, 10, 11
NGÔ ĐÌNH NGA: Chb. XXX, 1; XXXI, 2, 3, 6
NGÔ ĐÌNH OÁNH: Chb. XXXIX, 1, 22; XL, 9, 10, 26; XLI, 10
NGÔ ĐÌNH THẠC: Chb. XXXVII, 23; XXXVIII, 26 ; XXXIX, 20
NGÔ ĐÌNH XUÂN: Chb. XXXII, 25
Ngô Đồng: Chb. XXXVIII, 16; XLV, 10, 12; XLVII, 10, 12, 26
NGÔ HẢI: Chb. XXXIV, 39, 40
NGÔ HIỆT: Chb. XXV, 33
NGÔ HOÁN: Chb. XXIV, 17; XXV, 21; XXVII, 8; XXXIII, 20
NGÔ HỒNG : Chb. XXII, 2
NGÔ HƯNG TẠO: Chb. XXXV, 7
NGÔ HƯNG TỘ: Chb. XXXIV 14, 23
NGÔ KIỀN HƯNG: Tb. V, 21
NGÔ LÃM CÔNG: X. NGÔ NHẬT KHÁNH
NGÔ LUÂN: Chb. XXIII, 41; XXIV, 17
Ngô lục: Tb. I, 28
NGÔ LÝ TÍN: Chb. V, 22, 24
NGÔ MÂN: Tb. V, 18
NGÔ MIỄN: Chb. XII, 18
NGÔ NAM HƯNG: Tb. V, 21
NGÔ NGẠN: Tb. III, 16
NGÔ NHÂM THẦN: Tb. V, 31
NGÔ NHẬT KHÁNH: Chb. I, 11–12; Tb. V, 27, 29
NGÔ NHO: Chb. XLVII, 6, 7
NGÔ PHAN LÂN: Chb. XXXIV, 36
NGÔ PHÚC LÂM: Chb. XLV, 3
NGÔ PHÚC OÁNH: Chb. XLIV, 29; XLV, 6
NGÔ QUANG: Chb. XXXIII, 14
NGÔ QUANG CHÍNH: Chd. 5
Ngô quận: Tb. III, 9
NGÔ QUỐC ÂN: Chb. I, 22
NGÔ QUỐC QUÝ: Chb. XXXIV, 5
NGÔ QUYỀN: Chb. XXIV, 18; Phl. 3; Tb. IV, 24; V, 5, 18–21, 25
NGÔ SÁCH TUÂN: Chb. XXXVI, 29, 30, 33, 39
NGÔ SĨ: X. NGÔ THÌ SĨ
NGÔ SĨ CÔN: Chb. XXXVII, 7
NGÔ SĨ LIÊN: Chb. III, 33; IV, 28; V, 19; XVI, 17, 21; Tng. 7; Phl. 12; Tb. III, 2, 4
Ngô Sứ Quân: Chb. XXIII, 28

NGÔ TAM QUẾ: Chb. XXXIII, 32; XXXIV, 4, 16

NGÔ TẦN: Chb. VI, 30

NGÔ THÁO: Chb. XXIX, 33; XXX, 12

NGÔ THẦM: Chb. XXIV, 17

NGÔ THẾ TỰ: Chb. XLIV, 27, 28

NGÔ THÌ NHẬM: Chb. XLV, 21, 23; XLVI, 2; XLVII, 31, 34, 36, 43

NGÔ [THÌ] SĨ: Chb. I, 18, II, 24, 37; III, 30, 48; IV, 14, 15, 19, 36; V, 8; VI, 31; IX, 2, 3; X, 7; XXXIV, 31; XLI, 29, 30; XLII, 2, 12, 15,; XLIII, 1, 2, 16, 35, 36; XLIV, 25, 26; XLV, 22; XLVII, 23 ; Phl. 12 ; Tb. II, 25

NGÔ THỊ: Chb. XXVI, 26

Ngô Thị (mẹ Lê Thánh Tông): Chb. XIX, 7; XXI, 37

NGÔ THỊ NGỌC LÂM: Chb. XXVIII, 31, 32

NGÔ TÍN: Chb. XII, 8

NGÔ TOÁI: Chb. IV, 20

NGÔ TRÍ THỤC: Chd. 2

NGÔ TRỌNG KHUÊ: Chb. XLVI, 35

NGÔ TUY: Chb. XXV, 24

NGÔ TỪ: Chb. XIX, 7

NGÔ TỬ AN: Chb. I, 28, 34

NGÔ TỬ CANH: Chb. I, 19

NGÔ TƯỞNG ĐÀO: Chb. XLII, 2; XLVII, 37

NGÔ ỨNG LÂN: Chb. XXXIV, 5.

NGÔ VĂN CẢNH: Chb. XXIII, 35, 36; XXIV, 17

NGÔ VĂN SỞ: Chb. XLVII, 13, 28, 29, 31, 33, 34, 37

NGÔ VĂN TỔNG: Chb. XXVI, 10

NGÔ VI QUÝ: Chb. XLVII, 2, 3

NGÔ VI THỰC: Chb. XLI, 10, 11

NGÔ VƯƠNG QUYỀN: X. NGÔ QUYỀN

NGÔ XƯƠNG NGẬP: Tb. V, 21, 23, 31

NGÔ XƯƠNG TẤN: Tb. V, 25, 26

NGÔ XƯƠNG VĂN: Phl. 3, 4; Tb. V, 21-26, 27, 31

NGÔ XƯƠNG XÍ: Tng. 5; Tb. V, 27, 28, 29

NGÔ YÊN: Chb. XXI, 13

Ngốc trai thập khoa sách lược: Chb. XXXVII, 20

NGỘT LƯƠNG: Chb. VII, 14

NGỘT LƯƠNG HỢP THAI: Chb. VI, 41, 42, 43; VIII, 37

NGU DĨ: Tb. III, 12

Ngu Giang: Chb. X, 46; XI, 9, 10

Ngu hành chí,X. Quế Hải Ngu hành chí:

NGU THUẤN: Chb. IX, 27; X, 10; XI, 37

Ngũ Bố (sông): Chb. III, 8, 9, 10

Ngũ đại sử: Chb. VII, 10; XXXVI, 23 Tb. V, 19, 31

Ngũ Huyện giang: Chb. I, 26, 27

Ngũ Khê man: Tb. III, 5

Ngũ kinh, Tứ thư: Chb. XIII, 4

Ngũ Lĩnh: Tb. I, 1, 14, 15, 27

Ngũ Long (lầu): Chb. XLI, 9

NGŨ THẬP: Chb. XLI, 3

NGŨ VÂN: Chb. XIII, 20

NGUNG: X. TRẦN NGUNG

Ngung Sơn: Tb. I, 27, 28

NGỤY LĂNG: Tb. II, 22, 23

NGỤY THẦN: Tb. I, 30

NGỤY THỨC: X. ĐỒNG THỨC:

NGỤY TRỌNG HOÀ: Chb. III, 21

NGỤY TRƯNG: Chb. XI, 41; XL, 14, 15

NGỤY TƯỜNG: Chb. I, 23

Nguyên: Chb. XII, 4; XIII, 35; XIV, 1, 27

Nguyên (triều): Chb. XVI, 26; XVII, 17

NGUYÊN ANH TÔNG: Chb. IX, 19.

NGUYÊN ÁNG: Chb. XIX, 19; XXVI, 38, 39, 40, 43

NGUYÊN DẬN : X. TRẦN NGUYÊN DẬN

NGUYÊN DIỆU: X. TRẦN NGUYÊN DIỆU

NGUYÊN DUY ĐỨC: Tb. V, 2, 3

Nguyên Hoà: Chb. XXVII, 25-43; XXXIII, 6 ; XLI, 24; XLVII, 48

Nguyên Hoà quận huyện chí: Tb. V, 4

NGUYÊN HOÀNG: X. TRẦN THUẬN TÔNG

NGUYÊN HUY: Chb. IX, 31

Nguyên Hựu: Chb. XLVII, 4

NGUYÊN LONG (LÊ): Chb. XV, 4, 15, 16, 27, 31, 32; XVI, 3; XVII, 25; XVIII, 10, 14

NGUYÊN NHÂN TÔNG: Chb. IX, 6, 20; XII, 5

Nguyên Phong: Chb. VI, 33, 45; IX, 13; X, 2

NGUYÊN SỞ KHÁCH: X. QUANG SỞ KHÁCH:

Nguyên sử loại biên: Chb. V, 12; VI, 42; VII, 20, 25; VIII, 3, 8; IX, 10; XVI, 26

NGUYÊN THÁI ĐỊNH: Chb. IX, 22

NGUYÊN THANH: Chb. XXX, 25

NGUYÊN THỊNH: Chb. VIII, 11

NGUYÊN THUẬN ĐẾ: Chb. IX, 35

NGUYÊN TIẾT: Chb. X, 24

NGUYÊN TRÁC: X. TRẦN NGUYÊN TRÁC

NGUYÊN TRẠCH: X. TRẦN NGUYÊN TRẠCH

NGUYÊN TRỪNG: X. HỒ NGUYÊN TRỪNG

NGUYÊN UYÊN: X. TRẦN NGUYÊN UYÊN

NGUYÊN VĂN TÔNG: Chb. IX, 32

NGUYỄN BA: Chb. XLVI, 21, 23

NGUYỄN BÁ CAO: Chb. XXV, 33

NGUYỄN BÁ KỶ: Chb. XXVII, 7

NGUYỄN BÁ KÝ: Chb. XVIII, 28; XIX, 35

NGUYỄN BÁ LAN: Chb. XLVII, 1, 31

NGUYỄN BÁ LÂN: Chb. XXXVI, 6, 24; XLI, 30; XLII, 15; XLIII, 8; XLIV, 5

NGUYỄN BÁ QUÝNH: Chb. XXVIII, 21, 22, 25; XXIX, 5; XXXVIII, 38

NGUYỄN BÁ THANH: Chb. XVIII, 20

NGUYỄN BÁ THẮNG: Chb. XXV, 32

NGUYỄN BÁ TÔN: Chb. XXXV, 21

NGUYỄN BÁ TUẤN: Chb. XXV, 33; XXVI, 1

NGUYỄN BANG CỐC: Chb. VI, 10

NGUYỄN BẢO KHUÊ: Chb. XXIV, 18; XXV, 17

NGUYỄN BÁT SÁCH: Chb. X, 43; XI, 4, 6

NGUYỄN BẶC: Chb. I, 4, 8-10

NGUYỄN BẰNG: Chb. XLV, 29, 30, 31

NGUYỄN BẰNG CỬ: Chb. XI, 35, 36, 41

NGUYỄN BIỂU: Chb. XII, 38

NGUYỄN BÌNH: Chb. XXXI, 30

NGUYỄN BỈNH ĐỨC: Chb. XXVII, 17

NGUYỄN BỔ: Chb. X, 45

NGUYỄN CẢNH: Chb. XXVII, 28

NGUYỄN CẢNH CHÂN: Chb. XI, 7, 42; XII, 10, 28, 29

NGUYỄN CẢNH DỊ: Chb. XII, 29, 32, 39

NGUYỄN CẢNH HOAN: Chb. XXVIII, 26

NGUYỄN CẢNH KIÊN: Chb. XXXI, 14

NGUYỄN CẢNH MÔ: Chb. XLVII, 18

NGUYỄN CẢNH THƯỚC: Chb. XLVII, 16, 17, 18

NGUYỄN CẦM: Tb. II, 28

NGUYỄN CẨN: Chb. XI, 33; XII, 18
NGUYỄN CẤU: Chb. XXVII, 3
NGUYỄN CHÂU QUỐC: Chb. XVIII, 12
NGUYỄN CHÍ: Chb. XI, 8; XXV, 21
NGUYỄN CHIÊM: Chb. XXXII, 22, 23
NGUYỄN CHIÊU PHỦ: Chb. XVI, 27
NGUYỄN CHÍNH LẠI: Chb. V, 33
NGUYỄN CHUYÊN MĨ: Chb. XXVII, 17
NGUYỄN CHƯƠNG: Chb. VII, 28; XII, 29
NGUYỄN CÔNG BAN: Chb. XXXIV, 30
NGUYỄN CÔNG BÍCH: Chb. XXXIII, 22, 26, 41
NGUYỄN CÔNG CHÍNH: Chb. XXXVI, 2, 3
NGUYỄN CÔNG CƠ: Chb. XXXIV, 51; XXXV, 16, 27, 31, 32
NGUYỄN CÔNG ĐÌNH: Chb. XVI, 3, 4
NGUYỄN CÔNG ĐĨNH: Chb. XXXVI, 27, 28
NGUYỄN CÔNG ĐỘ: Chb. XXVI, 36
NGUYỄN CÔNG ĐỒNG: Chb. XXXIV, 30
NGUYỄN CÔNG HÃNG: Chb. XXXV, 19, 21, 27, 30, 31; XXXVI, 1, 22, 23, 25, 30, 32, 34; XXXVII, 1, 14, 15, 26, 27 ; XXXIX, 25, 27
NGUYỄN CÔNG LUẬN: Chb. XXV, 28
NGUYỄN CÔNG QUỲNH: Chb. XXXIV, 12
NGUYỄN CÔNG THÁI: Chb. XXXVII, 5, 6 ; XXXVIII, 17–20, 26 ; XXXIX, 31; XL, 1, 2; XLI, 17, 18, 21, 26, 29; XLII, 9, 18, 25
NGUYỄN CÔNG TIỆP: Chb. XIII, 17
NGUYỄN CÔNG TRIỀU: Chb. XXXIV, 21, 22
NGUYỄN CUNG: Chb. XVI, 26
NGUYỄN CƯ ĐẠO: Chb. XVIII, 19, 20; XX, 15, 16; XXI, 9
NGUYỄN CỪ: Chb. XXXVIII, 15, 32, 36, 41; XXXIX, 6, 7, 10, 15, 32, 34; XL, 10; XLI, 6; XLIV, 24
NGUYỄN CƯƠNG TRUNG: Chb. XVIII, 22
NGUYỄN CỬU DU: Chb. XLIV, 22
NGUYỄN CỬU PHÁP: Chb. XLIV, 19, 22
NGUYỄN CỬU THẾ: Chb. XLIV, 19
NGUYỄN DANH HIẾN: Chb. XLV, 13

NGUYỄN DANH LỆ: Chb. XL, 10

NGUYỄN DANH NHO: Chb. XXXIV, 26, 27, 33, 42

NGUYỄN DANH PHƯƠNG: Chb. XXXVIII, 28, 29; XL, 10, 28, 29, 34; XLI, 3, 4, 5, 7, 8; XLII, 8; XLIV, 27

NGUYỄN DANH THẾ: Chb. XXXI, 10, 23, 25

NGUYỄN DANH THỌ: Chb. XXXI, 31

NGUYỄN DÂN VỌNG: Chb. X, 10

NGUYỄN DI CHI: Tb. III, 25, 26

NGUYỄN DỊCH: Chb. XXVII, 17

NGUYỄN DIÊN: Chb. XXXVII, 32; XXXIX, 10; XLI, 5, 6

NGUYỄN DIỄN: Chb. VII, 2; XXV, 33

NGUYỄN DOÃN ĐỊCH: Chb. XXIII, 35, 36

NGUYỄN DU: Chb. XLVI, 33; XLVII 31

NGUYỄN DUẬT: Chb. XLVII, 9, 13

NGUYỄN DUỆ: Chb. XLVI, 29; XLVII, 5, 6

NGUYỄN DỤNG [NHẬM]: Chb. XXXI, 4, 5, 6, 7

NGUYỄN DỤNG PHỦ: Chb. XI, 35

NGUYỄN DŨNG: Chb. XLVII, 22

NGUYỄN DUY HỢP: Chb. XLVII, 36

NGUYỄN DUY THỜI: Chb. XXXI, 14

NGUYỄN DUY THUẦN: Chb. XLI, 29

NGUYỄN DUY THỨC: Chb. XLIII, 20

NGUYỄN DUY TRINH: Chb. XXV, 1, 2

NGUYỄN DUY TƯỜNG: Chb. XXVII, 12, 13; XXXIII, 20

NGUYỄN DƯ: Chb. V, 30

NGUYỄN DƯ HOAN: Chb. XXVII, 6

NGUYỄN DỰ: Chb. XXVI, 40, 42

NGUYỄN DƯƠNG: Chb. V, 1-3

NGUYỄN ĐA CẤU: Chb. XIII, 11

NGUYỄN ĐA PHƯƠNG: Chb. X, 45, 49, 50, 51; XI, 5, 8, 9, 10

NGUYỄN ĐẠI: Chb. XII, 22

NGUYỄN ĐẠI NĂNG: Chb. XII, 4

NGUYỄN ĐẠI PHẠP: Chb. VIII, 18, 19, 20

NGUYỄN ĐẠO: X. NGUYỄN TÔNG ĐẠO

NGUYỄN ĐẠO DIỄN: Chb. XXIV, 20

NGUYỄN ĐẠO THANH: Chb. II, 20

NGUYỄN ĐẶC: Chb. XIII, 10

NGUYỄN ĐĂNG CẢO: Chb. XXXII, 22

NGUYỄN ĐĂNG ĐÀN: Chb. XLV, 10

NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO: Chb. XXXIV, 40, 42, 43

NGUYỄN ĐĂNG HIỂN: Chb. XXXVIII, 30; XXXIX, 20, 33

NGUYỄN ĐĂNG TUÂN: Chb. XXXIV, 28, 29

NGUYỄN ĐĂNG VẬN: Chb. XLVII, 31, 32

NGUYỄN ĐỊA LÔ: Chb. VII, 36

NGUYỄN ĐỊCH BÀN: Chb. XLII, 31; XLV, 10, 11

NGUYỄN ĐIỂN KÍNH: Chb. XXVII, 17

NGUYỄN ĐIỂU: Chb. XLV, 17; XLVI, 6, 7

NGUYỄN ĐÌNH BÁ: Chb. XL, 3; XLVII, 13

NGUYỄN ĐÌNH DIỄN: Chb. XLIII, 5, 13, 14; XLIV, 11; XLV, 3

NGUYỄN ĐÌNH ĐỐNG: Chb. XLI, 22; XLIII, 4, 5; XLIV, 28

NGUYỄN ĐÌNH GIẢN: Chb. XLVII, 1-3, 17, 23, 36, 37

NGUYỄN ĐÌNH HOÀN: Chb. XXXIV, 24; XXXVIII, 17 - 20, 37, 38; XXXIX, 34, 35, 36; XLI, 22; XLII, 9

NGUYỄN ĐÌNH HUẤN: Chb. XL, 26; XLII, 28; XLIII, 1, 2, 15, 20, 21, 22; XLIV, 2, 12, 13, 18

NGUYỄN ĐÌNH KẾ: Chb. XXXIII, 16

NGUYỄN ĐÌNH KHOA: Chb. XXV, 29

NGUYỄN ĐÌNH KHOAN: Chb. XLII, 18

NGUYỄN ĐÌNH KÍNH: Chb. XXXVIII, 24

NGUYỄN ĐÌNH LỊCH: Chb. XVI, 12, XVII, 24

NGUYỄN ĐÌNH LUÂN: Chb. XXXI, 6, 7

NGUYỄN ĐÌNH LÝ: Chb. XXXVIII, 5

NGUYỄN ĐÌNH MIÊN: Chb. XLVII, 45, 46, 51

NGUYỄN ĐÌNH MỸ: Chb. XVIII, 27, 33; XIX, 26, 27, 29; XXI, 4, 7, 38

NGUYỄN ĐÌNH SÍNH: Chb. XXXIX, 29, 30

NGUYỄN ĐÌNH THẠCH: Chb. XLI, 22; XLIV, 18

NGUYỄN ĐÌNH TỐ: Chb. XLVII, 12, 13

NGUYỄN ĐÌNH TRỤ: Chb. XXXIV, 33, 34

NGUYỄN ĐÌNH TUẤN: Chb. XXIV, 26
NGUYỄN ĐÌNH TƯ: Chb. XLIII, 3, 6
NGUYỄN ĐÌNH TỨ: Chb. XLVII, 31
NGUYỄN ĐÌNH VIỆN: Chb. XLVII, 56
NGUYỄN ĐÌNH XUÂN: Chb. XLII, 18
NGUYỄN ĐĨNH: Chb. XLVII, 33; XXVIII, 26
NGUYỄN ĐỊNH: Chb. XXVII, 6
NGUYỄN ĐỘ: Chb. XXVII, 17
NGUYỄN ĐÔN: Chb. XXIV, 19
NGUYỄN ĐÔN HẬU: Chb. XXIII, 41
NGUYỄN ĐỘNG: Chb. XX, 16
NGUYỄN ĐỨC: Chb. XX, 13
NGUYỄN ĐỨC CHIÊM: Chb. XXXIII, 31
NGUYỄN ĐỨC DO: Chb. XIX, 22
NGUYỄN ĐỨC HOÀNH: Chb. XXXIX, 2
NGUYỄN ĐỨC HUÂN: Chb. XIV, 9-10
NGUYỄN ĐỨC HUẤN: Chb. XXIV, 17
NGUYỄN ĐỨC HUY: Chb. XXXIX, 1, 2
NGUYỄN ĐỨC MẬU: Chb. XXX, 10
NGUYỄN ĐỨC MINH: Chb. XVI, 5, 12
NGUYỄN ĐỨC QUẢNG: Chb. XXV, 3
NGUYỄN ĐỨC THẬN: Chb. XXIV, 26
NGUYỄN ĐỨC TRINH: Chb. XXII, 27
NGUYỄN ĐỨC TRUNG: Chb. XIX, 3, 4, 10; XX, 28, 30; XXI, 12; XXII, 1; XXIV, 24, 40; XXV, 33
NGUYỄN ĐỨC UYÊN: Chb. XXXIV, 51
NGUYỄN ĐỨC VỌNG: Chb. XXXIV, 2
NGUYỄN ĐƯƠNG HƯNG: Chb. XXXVIII, 6
NGUYỄN GIA CÁT: Chb. XLVII, 3, 4
NGUYỄN GIA DUNG: Chb. XLIII, 14, 15
NGUYỄN GIA KIÊN: Chb. XLIII, 3
NGUYỄN GIA TUYỂN: Chd. 2
NGUYỄN GIỚI HUÂN: Chb. VII, 1
NGUYỄN HA: Chb. XI, 4, 6
NGUYỄN HÀ VIÊM: Chb. IV, 23
NGUYỄN HÀN: Chb. XLVII, 12, 13
NGUYỄN HĂNG: Chb. XXVII, 20, 21

NGUYỄN HÀNH: Chb. XXXIV, 30, 46

NGUYỄN HẬU: Chb. XXXII, 22

NGUYỄN HI CHU: Chb. XI, 40; XII, 17

NGUYỄN HIỀN: Chb. VI, 30

NGUYỄN HIÊU [NGAO]: Chb. XII, 32

NGUYỄN HIỆU: Chb. XXXVI, 32; XXXVII, 15, 26, 28, 30, 31, 32

NGUYỄN HIỆU NHUỆ: Chb. VII, 35

NGUYỄN HOÀN: Chb. XL, 14; XLI, 15; XLII, 4; XLIII, 5, 16; XLIV, 18, 20, 25, 26; XLV, 27, 30; XLVII, 31, 36

NGUYỄN HOÀNH TỪ: Chb. XXX, 12

NGUYỄN HOẰNG DỤ: Chb. XXVI, 1, 27, 29, 33, 34, 36, 37, 38, 39, 41

NGUYỄN HÔ: Chb. X, 43

NGUYỄN HUÂN: Chb. XII, 13, 14, 45; XXIV, 20

NGUYỄN HÙNG TRUNG: Chb. XLVII, 46, 51

NGUYỄN HUY BÁ: Chb. XLIII, 9, 10; XLV, 21

NGUYỄN HUY ĐÀO: Chb. XLVII, 31, 32

NGUYỄN HUY NHUẬN: Chb. XXXVI, 13, 26; XXXVII, 4–7; XXXIX, 1; XLI, 22, 28, 30

NGUYỄN HUY TRẠC: Chb. XLVII, 1, 3, 30, 31

NGUYỄN HUY TÚC: Chb. XLVII, 3, 4, 12, 32, 39

NGUYỄN HƯNG: Chb. VIII, 24

NGUYỄN HƯNG VƯỢNG: Chb. XXXVII, 24

NGUYỄN HỮU BẢN : Chb. XXX, 22

NGUYỄN HỮU CẦU: Chb. XXXVIII, 28; XXXIX, 28, 30, 31, 32, 33; XL, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 16, 19, 20, 27, 28, 33; XLI, 5, 6, 8; XLIV, 24

NGUYỄN HỮU CHỈNH: Chb. XLIV, 26, 32–34; XLVI, 15, 16, 17, 25, 27, 28, 29, 33, 36–39; XLVII, 1–3, 5–7, 8, 9, 10, 13–17, 19, 20, 22, 29, 49

NGUYỄN HỮU CÔNG: X. NGUYỄN SIÊU:

NGUYỄN HỮU DẬT: Chb. XXXI, 23, 28; XXXII, 9, 12, 14, 16, 23, 24, 25, 26, 27, 39; XXXIII, 34, 35

NGUYỄN HỮU DU: Chb. XLVI, 39; XLVII, 2, 14, 15, 16, 19

NGUYỄN HỮU ĐĂNG: Chb. XXXIV, 4

NGUYỄN HỮU KỲ: Chb. XLIII, 36, 37

NGUYỄN HỮU LIÊU: Chb. XXVIII, 23, 24, 25; XXIX, 2, 3, 6, 8, 12, 18, 22, 24, 25, 27; XXX, 2, 3, 10, 15

NGUYỄN HỮU NGHIÊM: Chb. XXVII, 4, 12; XXXIII, 21

NGUYỄN HỮU NHUẬN: Chb. XXXVIII, 27

NGUYỄN HỮU PHU: Chb. XVIII, 19

NGUYỄN HỮU QUANG: Chb. XVIII, 15, 22

NGUYỄN HỮU SẮC: Chb. XXXII, 12, 13

NGUYỄN HỮU TÁ: Chb. XXXII, 21

NGUYỄN HỮU TẾ: Chb. XLVII, 24, 25, 26

NGUYỄN HỮU TIẾN: Chb. XXXII, 5, 7, 9, 10, 12, 13, 14, 15, 18, 21, 24, 26, 29

NGUYỄN ÍCH TỐN: Chb. XXIV, 18

NGUYỄN KHẢ HÀNH: Chb. XI, 10, 11

NGUYỄN KHẢI: Chb. XXXI, 9, 14, 23, 27; XLVII, 16, 17

NGUYỄN KHẢI KHANG: Chb. XXVIII, 2, 3, 5

NGUYỄN KHÁNH: Chb. II, 31, 39-40; XI, 32

NGUYỄN KHẮC HÀI: Chb. XXVI, 3

NGUYỄN KHẮC HIẾU: Chb. XVII, 26

NGUYỄN KHẮC LOÁT: Chb. XXXI, 28

NGUYỄN KHẮC NHƯỢNG: Chb. XXVI, 26, 27, 34

NGUYỄN KHẮC TRUNG: Chb. XXXVI, 28

NGUYỄN KHẮC TUÂN: Chb. XLV, 11, 14, 21

NGUYỄN KHẮC XỨNG: Chb. XXXVI, 29

NGUYỄN KHIÊM HANH: Chb. XLII, 1

NGUYỄN KHOÁI: Chb. VII, 39; VIII, 7, 8, 12; XI, 4, 6

NGUYỄN KHOÁI [QUÝ]: Chb. XII, 28

NGUYỄN KHOAN: Tb. V, 27, 30

NGUYỄN KHUÊ: Chb. XXXVI, 22; XLVI, 39; XLVII, 16, 19

NGUYỄN KIM NGAO: Chb. X, 43, 46

NGUYỄN KIM PHẨM: Chb. XLV, 10, 12

NGUYỄN KÍNH: Chb. XXVI, 38, 39, 40, 41, 43 ; XXVII, 5, XXVIII, 1

NGUYỄN KÍNH ĐỐC: Chb. XXVII, 8

NGUYỄN KÍNH NGHIÊM: Chb. XXV, 17

NGUYỄN KY: Chb. XLIII, 20

NGUYỄN KỴ: Chb. XI, 8

NGUYỄN LẠI: Chb. XXXI, 27

NGUYỄN LÃM: Chb. XXII, 27

NGUYỄN LÂN: Chb. XXV, 17

NGUYỄN LỆ: Chb. XLIII, 27, 36, 37; XLIV, 3, 11, 21; XLV, 3, 8, 11, 13, 14, 16, 17, 20–22; XLVI, 2–7, 19

NGUYỄN LỆNH CÔNG: X. NGUYỄN THỦ TIỆP: Tb.

NGUYỄN LỆNH TÂN: Chb. XLIII, 35, 36; XLIV, 28, 34; XLV, 3

NGUYỄN LỊCH: Chb. XXXVIII, 6

NGUYỄN LIÊM: Chb. XIX, 11; XV, 3

NGUYỄN LIÊN: Chb. XIV, 7

NGUYỄN LIỄU: Chb. XVII, 12, 13, 14

NGUYỄN LĨNH: Chb. VII, 36

NGUYỄN LỖ: Chb. XII, 19; XXVI, 37

NGUYỄN LỐI: Chb. XIX, 19, 21; XX, 11, 23, 28; XXI, 3

NGUYỄN LƯỢNG: Chb. XX, 20

NGUYỄN MẠI: Chb. XI, 10, 11; XXXV, 18

NGUYỄN MẠNH THÔNG: Chb. VIII, 11

NGUYỄN MẪN ĐỐC: Chb. XXXIII, 20

NGUYỄN MẬU: Chb. XIX, 15; XXVI, 22; XXX, 12, 17

NGUYỄN MẬU ÁNG: Chb. XXXV, 16, 17

NGUYỄN MẬU DĨNH: Chb. XLIII, 26; XLIV, 28, 34

NGUYỄN MẬU DU: Chb. XLII, 3, 4

NGUYỄN MẬU NỄ: Chb. XLVI, 32, 36, 37, 38; XLVII, 7, 9

NGUYỄN MẬU TÀI: Chb. XXXIII, 35; XXXIV, 2, 3, 5, 11

NGUYỄN MẬU TIÊN: Chb. X, 52

NGUYỄN MẬU TUYÊN: Chb. XXVI, 36; XXX, 4, 7

NGUYỄN MĨ ĐỨC: Chb. XXXIII, 34

NGUYỄN MIỆN: Chb. XXX, 22

NGUYỄN MIỄN: Chb. XXVIII, 3

NGUYỄN MINH CHÂU: Chb. XXXVII, 14; XXXVIII, 2

NGUYỄN MINH ĐẠO: Chb. XXIII, 35, 36

NGUYỄN MINH KIÊN: Chb. XXXVIII, 5

NGUYỄN MỘNG HOA: Chb. X, 5

NGUYỄN MỘNG TRANG: Chb. XII, 28

NGUYỄN MỘNG TUÂN: Chb. XVIII, 1, 2, 20

NGUYỄN NA: Chb. XLVI, 23

NGUYỄN NẠP HOÀ: Chb. X, 39, 40

NGUYỄN NĂNG THIỆU: Chb. XXXII, 27, 28, 29; XXXIII, 13, 18, 22

NGUYỄN NGÃ: Chb. XXVII, 18
NGUYỄN NGÂN HÀ: Chb. XII, 32
NGUYỄN NGHI: Chb. XXXI, 21
NGUYỄN NGHIÊM: Chb. XXVI, 15
NGUYỄN NGHIỄM: Chb. I, 7; III, 33; VI, 31; XXXIX, 26; XLI, 4, 15; XLII, 26; XLIII, 4, 5, 12, 33; XLIV, 1, 6, 10, 18, 21, 28; XLVI, 7; Phl. 12
NGUYỄN NGHIỆN QUANG: Chb. XII, 18, 21
NGUYỄN NGỌC HUYỄN: Chb. XXXIX, 20, 21, 22, 26; XLIII, 6
NGUYỄN NGỐI: Chb. IX, 5
NGUYỄN NGÔN: Chb. XIX, 10
NGUYỄN NHÂN: Chb. XVII, 31
NGUYỄN NHÂN BỊ: Chb. XXIV, 18
NGUYỄN NHÂN CHÍNH: Chb. XXXII, 3, 4
NGUYỄN NHÂN LIỆT: Chb. XI, 51
NGUYỄN NHÂN THIỆM: Chb. XXX, 19
NGUYỄN NHÂN THIẾP: Chb. XX, 2; XXI, 8; XXV, 1, 16, 18
NGUYỄN NHÂN TRỨ: Chb. XXXI, 30
NGUYỄN NHÂN TUỲ: Chb. XXI, 8
NGUYỄN NHẬT KIÊN: Chb. XII, 15
NGUYỄN NHẬT THĂNG: Chb. XVII, 2; XIX, 23
NGUYỄN NHẬT TỰ: Chb. XII, 33
NGUYỄN NHIÊN: Chb. X, 25, 33
NGUYỄN NHO TÔN: Chb. XXV, 1, 2
NGUYỄN NHUẬN: Chb. XXXIII, 26
NGUYỄN NHƯ ĐỔ: Chb. XVII, 26; XIX, 14, 15, 27; XX, 22, 26, 36; XXI, 6, 7, 9, 12; XXIV, 4
NGUYỄN NHƯ THÁI: Chb. XLVII, 10, 11, 13, 14
NGUYỄN NHƯ TIẾN: Chb. XLVI, 31
NGUYỄN NHỮ CÁI: Chb. XI, 35
NGUYỄN NHỮ MAI: Chb. IV, 41
NGUYỄN NHỮ THUYẾT: Chb. XI, 26
NGUYỄN NHỮ VI: Chb. IX, 42; XXV, 18, 19, 20
NGUYỄN NỘN: Chb. V, 39, 40-43; VI, 2, 7, 8
NGUYỄN PHAN: Chb. XXXVIII, 40 ; XL, 34; XLI, 7, 8; XLII, 18; XLIII, 26-28; XLV, 10, 11, 12, 16, 17

NGUYỄN PHI KHANH: Chb. XI, 41; XII, 18; XIII, 5

NGUYỄN PHI SẢNG: Chb. XL, 19, 20

NGUYỄN PHÓ: Chb. XVIII, 20

NGUYỄN PHONG: Chb. XXXIII, 18, 19

NGUYỄN PHU: Tb. III, 20

NGUYỄN PHÙ: Chb. XI, 22

NGUYỄN PHÚ: Chb. XVI, 1; XVIII, 6

NGUYỄN PHỤ LỖ: Chb. XVIII, 9

NGUYỄN PHÚC: Chb. IV, 19

NGUYỄN PHỤC: Chb. XIX, 22, 25; XX, 23; XXI, 5

NGUYỄN PHÙNG THỜI: Chb. XLII, 30

NGUYỄN PHƯƠNG ĐĨNH: Chb. XL, 19, 26; XLIV, 6; XLV, 13, 19-23

NGUYỄN QUAI: Chb. XXXIV, 13, 14; XXXIX, 10; XLI, 9, 21

NGUYỄN QUAN HIỀN: Chb. XXIV, 29

NGUYỄN QUÁN NHO: Chb. XXXIV, 36, 49

NGUYỄN QUÁN CHI: Chb. XXVI, 35

NGUYỄN QUANG BẬT: Chb. XXIV, 17; XXV, 20

NGUYỄN QUANG MĨ: Chb. XXV, 22

NGUYỄN QUANG MINH: Chb. XXXI, 31

NGUYỄN QUANG THỌ: Chb. XXXIV, 28, 29

NGUYỄN QUÂN: Chb. XII, 10

NGUYỄN QUÝ CẢNH: Chb. XXXVIII, 17-20, 26 ; XXXIX, 1, 8, 13, 19, 20; XLII, 9

NGUYỄN QUÝ ĐỨC: Chb. XXXIV, 26, 36, 41, 50; XXXV, 9, 11; XLII, 26

NGUYỄN QUỐC: Chb. V, 9

NGUYỄN QUỐC ĐỐNG: Chb. XLVII, 16, 17, 32, 33, 42, 45, 46

NGUYỄN QUỐC HIẾN: Chb. XXVII, 16, 18

NGUYỄN QUỐC KHÔI: Chb. XXXIII, 37

NGUYỄN QUỐC KHUÊ: Chb. XLII, 10

NGUYỄN QUỐC TRINH: Chb. XXXIII, 22, 26, 30, 36, 37

NGUYỄN QUYỆN: Chb. XXVIII, 2, 3, 5, 9, 25; XXIX, 5, 6, 7, 19, 24-29; XXXI, 4

NGUYỄN QUÝNH: Chb. XLIV, 20, 21

NGUYỄN SÁ: Chb. XLIV, 26

NGUYỄN SAO: Chb. XIII, 8; XV, 9

NGUYỄN SI: Chb. XXVI, 19, 41, 43

NGUYỄN SĨ CỐ: Chb. VII, 15; VIII, 44; IX, 15

NGUYỄN SĨ GIÁO: Chb. XXXIV, 1, 2

NGUYỄN SIÊU: Chb. XLVI, 4; Tb. V, 27, 31

NGUYỄN SÙNG: Chb. XI, 7; XXVII, 12

NGUYỄN SUÝ (SOÁI): Chb. XII, 29, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 43

NGUYỄN SƯ DOÃN: Chb. XXVIII, 23, 25

NGUYỄN SƯ HỒI: Chb. XIX, 12, 18, 19, 35

NGUYỄN SƯ MẠNH: X. LÊ LAN HINH

NGUYỄN SƯ TỀ: Chb. X, 45

NGUYỄN TÀI: Chb. XXI, 40; XLVI, 31

NGUYỄN TẦN: Chb. XLVI, 30

NGUYỄN TẾ: Chb. XXIII, 4

NGUYỄN THÁI BÌNH: X. NGUYỄN KHOAN

NGUYỄN THÁI BẠT: Chb. XXVII, 11, 13; XXXIII, 21

NGUYỄN THÁM: Chb. VII, 2

NGUYỄN THẢNG: Chb. XLVII, 17, 19

NGUYỄN THANH: Chb. XI, 7

NGUYỄN THÀNH: Chb. XI, 37

NGUYỄN THÀNH LÝ: Chb. XXXVI, 2, 3

NGUYỄN THÁNH DU: Chb. X, 43

NGUYỄN THÁNH HUẤN: Chb. VII, 15

NGUYỄN THẤT LÝ: Chb. XXIX, 24, 31; XXX, 1

NGUYỄN THỂ: Chb. XXX, 18

NGUYỄN THẾ ÂN: Chb. XXVII, 16

NGUYỄN THẾ BÁ: Chb. XXXIV, 40; XXXV, 11

NGUYỄN THẾ HIẾN: Chb. XLVII, 24, 25

NGUYỄN THẾ KHẢI: Chb. XXXVIII, 36; XL, 27

NGUYỄN THẾ LỊCH: Chb. XLVII, 31, 32

NGUYỄN THẾ LỘC: Chb. VII, 36

NGUYỄN THẾ NINH: Chb. XVI, 3, 4

NGUYỄN THẾ PHÓ: Chb. XXVI, 35

NGUYỄN THẾ SIÊU: Chb. XXXVIII, 25

NGUYỄN THÌ UNG: Chb. XXVII, 3, 10, 17

Nguyễn Thị (mẹ Lê Hiến Tông): Chb. XXIV, 24, 40

NGUYỄN THỊ (mẹ Trịnh Sâm): Chb. XLV, 24, 30, 31, 34; XLVI, 1

NGUYỄN THỊ (Tiết phụ): Chb. XIX, 24

NGUYỄN THỊ (Trang Thuận hoàng thái hậu): Chb. XXV, 15

NGUYỄN THỊ (Trường lạc hoàng thái hậu): Chb. XXV, 14

NGUYỄN THỊ (vợ Bùi Văn Khuê): Chb. XXIX, 29

NGUYỄN THỊ (vợ Gia Dung): Chb. XLIII, 15

NGUYỄN THỊ (vợ NGÔ MIỄN: Chb. XII, 18

NGUYỄN THỊ (vợ NGUYỄN VĂN ĐIỀU): Chb. XVIII, 33

NGUYỄN THỊ ANH: Chb. XIX, 7

NGUYỄN THỊ KIM: (vợ Chiêu Thống): Chb. XLVII, 48, 51

NGUYỄN THỊ LỘ: Chb. XVII, 22, 23; XVIII, 16

NGUYỄN THỊ NGỌC BẠCH: Chb. XXXIV, 11

NGUYỄN THỊ NIÊN: Chb. XXXI, 3, 5

NGUYỄN THIÊN HỰU: Chb. XVI, 7, 12, 13, 17

NGUYỄN THIÊN TÍCH: Chb. XV, 28; XVI, 6, 19; XVIII, 34

NGUYỄN THIÊN TÚNG: Tb. I, 4

NGUYỄN THIẾN: Chb. XXVIII, 2, 3, 5

NGUYỄN THIẾN : Chb. XXVIII, 2, 3, 5

NGUYỄN THIỆN: Chb. XIX, 15, 26; XX, 9

NGUYỄN THIỆU TRI: Chb. XXVII, 12; XXXIII, 20

NGUYỄN THỌ: Chb. XXVII, 3

NGUYỄN THỌ TRƯỜNG: Chb. XXVII, 18; XXXVII, 29, 30; XXXVIII, 20

NGUYỄN THÔNG: Chd. 3

NGUYỄN THỦ TIỆP: Tb. V, 27, 30

NGUYỄN THỤ: Chb. XXV, 24; XXXIII, 1

NGUYỄN THÚC HUỆ: Chb. XVI, 10, 33; XVII, 2, 24, 29; XVIII, 1, 20, 21

NGUYỄN THUYÊN: Chb. VII, 26; XLVII, 6; XXV, 24

NGUYỄN THƯ: Chb. XI, 7; XXI, 13

NGUYỄN THỨ: Chd. 2

NGUYỄN THỰ: Chb. XXXIX, 15, 16

NGUYỄN THỰC: Chb. XXX, 10; XXXI, 14, 25

NGUYỄN THƯỜNG (sư): Chb. V, 28

NGUYỄN THƯỞNG: Chb. XLV, 20

NGUYỄN TIẾN SÁCH: Chb. XXXIV, 26

NGUYỄN TIỂU LUẬT: Chb. X, 43

NGUYỄN TÍN: Chb. XXIX, 28

NGUYỄN TINH: Chb. XXV, 22

NGUYỄN TÍNH: Chb. XXXII, 11, 12

NGUYỄN TOÁN: Chb. XI, 1; XII, 8, 12

NGUYỄN TÔN HIẾU: Tb. III, 32

NGUYỄN TÔN MIỆT: Chb. XXIV, 18

NGUYỄN TÔNG: Chb. XXV, 28

NGUYỄN TÔNG ĐẠO: Chb. XI, 1 ; XII, 8

NGUYỄN TÔNG TRỤ: Chb. XVI, 10, 24, 25

NGUYỄN TRÁC LUÂN: Chb. XXXVIII, 13

NGUYỄN TRÃI: Chb. II, 45; III, 47; VIII, 36; XI, 37, 41; XIII, 33; XIV, 3, 8; XV, 4, 21, 26; XVI, 10, 11, 22, 26; XVII, 2, 5, 12, 22, 23; Tb. I, 4; IV, 10; V, 20

NGUYỄN TRANG: Chb. XLVI, 21, 23, 34; XXVI, 19

NGUYỄN TRẬT: Chb. XXXI, 18

NGUYỄN TRÍ PHONG: Chd. 4

NGUYỄN TRÍ TRUNG: Chb. XXXIV, 28, 29

NGUYỄN TRIÊM: Chb. XLVI, 3-6

NGUYỄN TRINH: Chb. XXVI, 35

NGUYỄN TRỌNG: Chb. XXV, 21

NGUYỄN TRỌNG CẢNH: Chb. XXXVIII, 23

NGUYỄN TRỌNG CHIỂU: Chb. XLV, 30

NGUYỄN TRỌNG CÔN: Chb. XXXVIII, 6

NGUYỄN TRỌNG DIỆU: Chb. XLVI, 23

NGUYỄN TRỌNG ĐANG: Chb. XLVI, 14, 16, 34

NGUYỄN TRỌNG ĐẠT: Chb. XXV, 22

NGUYỄN TRỌNG ĐIỂN: Chb. XL, 6; XLIII, 3, 4, 13, 14

NGUYỄN TRỌNG HOÀNH: Chb. XLIII, 6, 18, 21

NGUYỄN TRỌNG MẠI: Chb. XLVII, 9, 11

NGUYỄN TRỌNG THÂN: Chb. XL, 6, 28; XLVII, 11

NGUYỄN TRỌNG UÔNG: Chb. XXXVIII, 26, 27; XL, 6

NGUYỄN TRỌNG VIÊM: Chb. XLV, 30, 31

NGUYỄN TRỌNG YÊN: Chb. XLVI, 19, 20, 23

NGUYỄN TRỢ: Chb. XIX, 10

NGUYỄN TRÙ: Chb. XXXVI, 14; XXXVII, 1; XLV, 31

NGUYỄN TRỤ : X. NGUYỄN TÔNG TRỤ

NGUYỄN TRUNG NGẠN: Chb. VIII, 42; IX, 11, 17, 22, 23, 24, 29, 33, 38, 40, 41, 42; X, 2, 8; XIII, 5

NGUYỄN TRÙNG XÁC: Chb. XXIII, 41; XXIV, 17

NGUYỄN TRUYỀN: X. NGUYỄN PHÚ

NGUYỄN TRỰC: Chb. XVII, 22

NGUYỄN TRỪNG: Chb. XXXI, 30

NGUYỄN TUÂN: Chb. XXII, 34

NGUYỄN TUẤN: Chb. XXXI, 27

NGUYỄN TUỆ: Chb. XXVII, 17

NGUYỄN TÙNG: Chb. XXVI, 35

NGUYỄN TUYỂN: Chb. XXXVIII, 15, 17, 26, 27, 30, 32, 35, 36, 38, 40, 41; XXXIX, 5, 7, 10, 15, 34; XL, 10; XLIV, 24

NGUYỄN TƯ GIẢN: Chd. 3

NGUYỄN TỬ HOAN: Chb. XIII, 33

NGUYỄN TỬ KỲ: Chb. XXV, 22

NGUYỄN TỬ TẤN: Chb. XVIII, 20

NGUYỄN TỰ: Chb. XIX, 23

NGUYỄN TỰ CƯỜNG: Chb. XXVII, 12, 13; XXXIII, 20

NGUYỄN TỰ ĐẮC: Chb. XVIII, 22

NGUYỄN TƯỜNG: Chb. XXI, 8

NGUYỄN UNG: Chb. XXV, 33; XXVI, 1, 32, 41

NGUYỄN VĂN CHẤT: Chb. XXI, 13, XXIII, 33

NGUYỄN VĂN CHÍNH: Chb. XLIV, 19

NGUYỄN VĂN ĐIỀU: Chb. XVIII, 33

NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG: Chb. XXXIV, 11, 12

NGUYỄN VĂN GIAI: Chb. XXIX, 11; XXX, 15; XXXI, 14

NGUYỄN VĂN HIẾN: Chb. V, 12

NGUYỄN VĂN HOÀ: Chb. XLVII, 19

NGUYỄN VĂN HUẤN: Chb. XXIV, 20

NGUYỄN VĂN HUỆ: Chb. XLIV, 22; XLVI, 14-17, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28; XLVII, 5-7, 13, 20, 28-31, 34, 37, 39, 40, 41, 43, 44

NGUYỄN VĂN HUY: Chb. XXVII, 20, 21

NGUYỄN VĂN HUYÊN: Chb. XV, 29; XVII, 12

NGUYỄN VĂN KIỆT: Chb. XVIII, 5

NGUYỄN VĂN KIỀU: Chb. XXXII, 16

NGUYỄN VĂN LANG: Chb. XXV, 32, 33; XXVI, 1, 11, 12, 13, 18, 33, 36

NGUYỄN VĂN LẬP: Chb. VIII, 34, 37

NGUYỄN VĂN LÔI: Chb. XVII, 9

NGUYỄN VĂN LỮ: Chb. XLIV, 22. XLVII, 5

NGUYỄN VĂN LỰ: Chb. XXVI, 31, 35

NGUYỄN VĂN NHẠC: Chb. XLIV, 10, 22, 23, 26, 28; XLV, 2, 5, 32-34, XLVI, 15, 17, 27-30, 37; XLVII, 5, 6

NGUYỄN VĂN PHÚ: Chb. XVIII, 1; XLIV, 19

NGUYỄN VĂN QUYÊN: Chb. XLVII, 46, 51

NGUYỄN VĂN THÁI: Chb. XXVI, 3; XXVII, 15, 17, 29, 33

NGUYỄN VĂN THỰC: Chb. XXXIII, 20, 22, 24; XXXIV, 31, 42

NGUYỄN VĂN TRẠC: Chb. XXXII, 11, 12

NGUYỄN VĂN VẬN: Chb. XXVII, 8, 9

NGUYỄN VÂN NHI: Chb. X, 43; XI, 4, 6

NGUYỄN VÂN THẮNG: Chb. XXXI, 28

NGUYỄN VĨ: Chb. XIII, 36; XLI, 22, 23

NGUYỄN VỊ: Chb. XI, 42

NGUYỄN VIỄN: Chb. III, 45

NGUYỄN VIẾT: Chb. XVIII, 20

NGUYỄN VIẾT KHANG: Chb. XLVII, 20, 21, 30, 51

NGUYỄN VIẾT KÍNH: Chb. XXIX, 13

NGUYỄN VIẾT THÂN: Chb. II, 35

NGUYỄN VIẾT THỨ: Chb. XXXIV, 1

NGUYỄN VIẾT TRÁNG: Chb. XXX, 10

NGUYỄN VIẾT TRIỆU: Chb. XLVII, 42, 45, 46, 47

NGUYỄN VĨNH TÍCH: Chb. XVII, 7, 11, 12; XX, 31, 36

NGUYỄN VÕ: Chb. XXVI, 27, 28

NGUYỄN VŨ: Chb. XXII, 1

Nguyễn Xá: Chb. XXXIX, 2

NGUYỄN XÍ: Chb. XXVII, 4, 5; XLVII, 11

NGUYỄN XUÂN HUYÊN: Chb. XLIII, 15

NGUYỄN YÊN: Chb. XIX, 3, 10; XXI, 12

Nguyệt Áng: Chb. XXXI, 31; XXXIII, 22; XLVII, 13

Nguyệt Ấn: Chb. XIII, 2, 3

Nguyệt Biểu: Tb. IV, 16

Nguyệt Đức: Chb. XLVII, 17, 18, 22, 34

Nguyệt Đức (sông): Chb. I, 27

Nguyệt Viên: Chb. XXXI, 18, 31

Ngư Đại cảng: Chb. XXXIX, 33

Ngư Đại xã: Chb. XXXIX, 34

Ngư Uyên: Chb. XIII, 12 - 13

Ngự bắc vương LONG NGẬN: X. LÊ LONG NGẬN:

NGỰ CÂU vương: X. HÚC

Ngự man vương LONG ĐINH: X. LÊ LONG ĐINH:

Ngự phê Lịch đại thông giám tập lãm: X. Thông giám tập lãm:

Ngự Thiên: Chb. V, 8; XVII, 23; XXI, 18, 34; XXIII, 36; XXVI, 41; XXVIII, 1

Ngự Thiên (huyện): Chb. XII, 30

Ngự Thiên (thành): Chb. XII, 29

Người Trung Quốc CHIÊU VƯƠNG: Chb. VIII, 34, 36

Ngưu Dương: Chb. XXXIV, 27, 42

Ngưu Hống: Chb. III, 26; V, 10; XI, 28, 29, 38, 39

NGƯU LƯỢNG: Chb. X, 23

Nha giang: Chb. XXXI, 4

NHÃ LANG: Tb. IV, 12

NHẠC SỬ: Tb. I, 2, 11, 17, 27, 33; II, 13

Nhai Châu: Chb. VIII, 1; XXIV, 7; Tb. II, 6; IV, 40; V, 2

Nham kênh: Chb. XXIX, 31

NHAN SƯ CỒ: Chb. XXXIII, 38

NHAN SƯ CỔ: Tb. I, 23, 27; II, 3, 6

NHÂM DIÊN: Tb. II, 8, 9

NHÂM HANH THÁI: Chb. XI, 23

NHÂM HIÊU: Tb. I, 14, 15, 18

NHÂM LAN CHI: Chb. XXXVII, 4, 5

NHÂM (NHẬM) NĂNG: Chb. XIII, 23

NHÂM VŨ: Chb. XLVII, 25

Nhẫm Bà La: Chb. VII, 17

NHÂN ĐẠO vương: Chb. VI, 33

NHÂN HOÀNG: X. TRẦN THÁNH TÔNG

NHÂN HUỆ vương: X. TRẦN KHÁNH DƯ

Nhân Hữu: Chb. XXX, 10

Nhân Lý: Chb. XIX, 28; XXXI, 24; XXXVIII, 36

Nhân Mục: Chb. XXV, 22, 29; XXVII, 6; XXIX, 27; XXXI, 27; XL, 4; XLV, 23; XLVI, 32, 34; XLVII, 33

Nhân Mục : X. Mọc

Nhân Nội: Chb. XLII, 1

Nhân Tông: Chb. XIX, 6, 7, 22, 35; XXI, 4, 5

NHÂN TÚC vương: X. TOẢN

NHÂN VINH: Chb. X, 32; XI, 2

NHẤT : X. SĨ NHẤT

Nhất thống chí (của LÊ ĐỊNH): Chb. XVIII, 8

Nhất thống chí (Thanh): Chb. VII, 18

Nhất Trai: Chb. XXIV, 8

Nhật Bản: Chb. VII, 43

Nhật Chiêu: Chb. XXIX, 19; XL, 26; XLI, 19; XLII, 12

Nhật Chiêu phường: Chb. XXV, 36; XXVI, 13

NHẬT ĐÔN: Chb. XI, 34

Nhật Đức: Chb. XLVII, 19

NHẬT HIỆU: Chb. VI, 2, 6, 35, 41, 42; VII, 6, 11

Nhật Hiệu (thành): Chb. I, 35, 36

NHẬT KHUÊ: Chb. XIV, 22

Nhật Lệ: Chb. XVII, 14, 15; XXXI, 22, 23, 24, 28, 31; XXXII, 5, 6, 26, 28; XXXIII, 34, 35; XLIV, 20

Nhật Lệ (cửa biển): Chb. III, 9; X, 39; XII, 26, 27

Nhật Lịch (sách): Chb. XX, 26, 27

Nhật Nam: Chb. I, 28; III, 29; X, 5, 20, 36, 37; XXI, 21, 22, 23; XXII, 4, 7; Tb. I, 7, 20; II, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 12, 13, 14, 15, 16, 19, 20, 21, 22, 27, 29; III, 10, 13, 15, 20, 21, 22, 26, 27, 28; IV, 2, 19

Nhật Nam châu: Chb. I, 38

Nhật Nam quận vương: X. TRẦN NGỖI:

NHẬT QUANG, X. LÝ NHẬT QUANG:

Nhật Tảo: Chb. XXXII, 30; XXXIII, 19; X. Tảo Xã

NHẬT TÔN, X. LÝ NHẬT TÔN:

NHẬT TRUNG, X. LÝ NHẬT TRUNG:

Nhị Hà: Chb. II, 11, 13; V, 33; VI, 41, 42; VII, 5, 26, 40; VIII, 3; XI, 26, 27; XII, 12; XIII, 11, 12, 29; XIV, 1, 3, 24; XV, 8; XVI, 24, 31; XXIV, 19; XXVI, 25, 40; XXVII, 12; XXIX, 19, 27, 28; XXX, 2; XXXI, 25, 26, 27, 28; XXXIII, 2, 3, 9; XXXIV, 17; XXXV, 5, 6; XXXVI, 21; XXXVII, 8, 9, 13; XXXVIII, 39; XXXIX, 35, 36; XL, 5, 9, 24; XLI, 24; XLVI, 19; XLVII, 34, 35; Tb. IV, 36

Nhị Khê thi tập : Chb. XIII, 5

Nhiệt Hà: Chb. XLVII, 47

Nho Lâm: Chb. XLVI, 39

Nho Quan: Chb. XII, 30; XLIII, 11

NHO TÔN (con Lê Ngân): Chb. XVIII, 11

Nhu Viễn: Tb. IV, 19

Nhuận Châu: Tb. V, 5

NHUẾ: Chb. X, 44; XII, 18, 21

Nhuệ Giang: Tb. IV, 31; V, 29

Nhung thôn: Chb. XVII, 24

Nhuyễn Hải khẩu: Chb. XX, 25

Như Áng (thôn): Chb. XV, 7

Như Hồng (trại): Chb. II, 23

Như Hồng (trấn): Chb. I, 43

Như Kinh: Chb. XXXVI, 6, 23, 34 ; XXXVIII, 20 ; XXXIX, 1; XLVI, 7; XLVII, 7, 8

Như Mã: Tb. IV, 20

Như Nguyệt (sông): Chb. III, 38, 39

NHƯ THUẦN: Tb. II, 6

Như Tích: Chb. XXVII, 35

NHỮ BÁ SĨ: Chb. XXIII, 27

NHỮ CÔNG ĐIỀN: Chb. XLV, 27, 28, 34

NHỮ CÔNG VŨ: Chb. XLVII, 3, 4

NHỮ ĐÌNH TOẢN: Chb. XXXIX, 7, 9, 23; XL, 13; XLI, 10, 11, 30; XLII, 7, 11, 12; XLV, 28

NHỮ TIẾN HIỀN: Chb. XXXIV, 40

NHỮ TRỌNG THAI: Chb. XXXIX, 5, 6

Nhượng (cửa biển): Chb. V, 29

Niêm Lãng: Chb. XXI, 29

NINH (tên Lê Trang tông) Chb XXVII, 25

Ninh Biên: Chb. XLII, 11; XLIII, 16; XLV, 23; XVIII, 8

Ninh Bình: Chb. I, 2, 12, 40; II, 11; IV, 31; VIII, 18, 23; IX, 47; XII, 28; XIII, 25; XX, 37; XXI, 20, 21, 34; XXV, 34; XXVI, 2; XXVIII, 8, 18; XXIX, 23; XXXIV, 33; XXXV, 6; XXXVII, 30; XXXIX, 18; XLII, 16; XLIII, 11; XLVII, 15; Tb. V, 24

Ninh Bình sách: Chb. I, 9

Ninh Châu: Tb. III, 16

Ninh Cường: Chb. XXXIII, 6

Ninh Giang: Chb. XIII, 25, 26; XV, 1; XXI, 25, 34; XXVII, 5; XXIX, 26; XXXI, 6; XXXII, 2; XL, 7; Tb. V, 14

Ninh Hải: Chb. XXI, 26, 29 Tb. I, 3, 4, 20; IV, 18, 19

Ninh Hải (bộ): Chb. II, 23

Ninh Hoá: Chb. XIV, 28, 29

NINH HOÀNG: X. TRẦN MINH TÔNG

Ninh Kiều: Chb. XIII, 25, 26, 28, 30; XIV, 21

Ninh Minh: Chb. XXXIV, 24

Ninh Sóc: Chb. IV, 37; XII, 31; XXI, 16, 19, 31, 32, 35; XXV, 15; XXXII, 1, 4, 39; XL, 3; XLI, 9; XLII, 3; XLIII, 3;

NINH SÓC X. Thái-nguyên

Ninh Sơn: Chb. XXVI, 43; XXXIX, 18; XLI, 15, 18

NINH TỐN: Chb. XLVI, 26, 35; XLVII, 31

NỊNH TRƯỜNG CHÂN: Tb. IV, 16, 17

Ninh Viễn: Chb. XIV, 17; XV, 29, 30; XVI, 21; XVIII, 1

Ninh Việt: Chb. XXI, 29

Ninh Xá: Chb. XXXIX, 7; XLI, 6; XXXVIII, 15, 36-38

Nội Bàng (cửa ải): Chb. VIII, 7

Nội Duệ: Chb. XLIII, 5

Nội Duệ (làng): Chb. XV, 28; XVI, 6

Nội Thiên Lộc: Chb. XLI, 9

Nộn Châu: Chb. XI, 11

Nộn Liễu: Chb. XLV, 31; XLVI, 30, 31; XLVII, 9

NÔNG: Chb. IX, 30

Nông Cống: Chb. IX, 24; XI, 8, 9; XXI, 16; XXVIII, 26, 27; XXIX, 6; XXXII, 29; XXXIV, 29; XXXVIII, 12 ; XL, 14, 34; XLIV, 26

NÔNG ĐẮC THÁI: Chb. XV, 27, 28

NÔNG HỒNG NGUYÊN: Chb. XVIII, 30, 31

NÔNG KÍNH: Chb. XVII, 17

Nông Sơn: Chb. XXVIII, 26

NÔNG THẾ ÔN: Chb. XVIII, 12

NÔNG VĂN CƯƠNG: Chb. XXXIV, 22

Nông Vụ: Chb. XXXVII, 9

NÙNG KẾ PHONG: Chb. III, 17

Nùng Sơn: Chb. XV, 13

NÙNG TIẾN LAI: Chb. XXXIV, 21

NÙNG TỒN LỘC: Chb. II, 42

Nùng Tồn Lộc : X. TỒN LỘC

NÙNG TỒN PHÚC: Chb. II, 42-44

NÙNG TRÍ CAO: Chb. II, 44; III, 2-3, 6, 13-14, 16-18

NÙNG TRÍ QUANG: Chb. III, 17

NÙNG TRÍ THÔNG: Chb. II, 43

NÙNG VẠN CHUNG: Chb. XXXIV, 42

Nữ Chân (tộc): Chb. XV, 15

Nữ Nhi (cửa ải): Chb. VIII, 7

NỮU HOA: Chb. XVII, 18

NỮU TẠI: Chb. XVI, 17, 18

O

OÁNH: (Giản Tu công): Chb. XXV, 29, 32-36

Ô

Ô Châu: Chb. VII, 39; VIII, 43, 44; XXI, 23

Ô Da: Chb. XI, 42

Ô Diên: Tb. IV, 12, 13

Ô ĐẶC CÁP LÝ ĐẠT: Chb. VI, 43; VIII, 37

Ô Hử: Tb. II, 23, 24

Ô LAN CÁP ĐẠT: Chb. VI, 43

Ô Long: Chb. XX, 25

Ô Long (cửa biển): Chb. III, 8 - 9

Ô Lộ (ruộng): Chb. II, 35

Ô Lôi: Tb. IV, 18, 19

Ô Lôi (núi): Chb. XXVII, 32

Ô Lôi lĩnh: Tb. IV, 23

Ô Lý: Chb. I, 27 - 28; V, 13

Ô MÃ NHI: Chb. VII, 33, 34, 40, 41; VIII, 1, 2, 3, 4, 6, 7, 9, 11, 12, 31; XIII, 35

Ô Mễ: Chb. XXIX, 15

Ô Tôn: Chb. VIII, 44

Ô Tôn (eo biển): Chb. X, 51

Ôn Châu: Chb. I, 17; III, 40; VII, 31, 36; XI, 23; XIV, 22; XXI, 19; XXII, 34

ÔN THIỆU: Tb. III, 19

Ổn Bà La: Chb. VII, 18

Ông Cung (chợ): Chb. XXVIII, 6

Ông Mặc: Chb. XXVII, 12

ÔNG NGHĨA ĐẠT: Chb. XXIII, 4

ÔNG SĨ: X. LÊ NHÂN CHÚ

Ông Vi giang: Chb. XX, 13

P

Pha Luỹ (cửa ải): Chb. XII, 13, 14; XIV, 10, 16, 18

Phả Lại: Chb. VIII, 3, 6

PHẠ NHÃ TRẠI (người Lão Qua): Chb. XXIII, 34

PHẠM (CHÁU HỒ QUÝ LY): Chb. XII, 21

PHẠM A SONG: Chb. X, 13, 20

PHẠM BÁ KHUÊ: Chb. XIX, 27

PHẠM BÁ TÔN: Chb. XXII, 7

PHẠM BÁ ƯNG: Chb. XLIII, 35

PHẠM BẠCH HỔ: Phl. 3; Tb. V, 28, 31

PHẠM BÌNH DI: Chb. V, 28, 31-33

PHẠM BỐ: Chb. V, 35

PHẠM CANH: Chb. XII, 9

PHẠM CẤM: Chb. XXI, 9

PHẠM CẨN TRỰC: Chb. XXIV, 18

PHẠM CHẤN: Chb. XII, 24

PHẠM CHÍ: Tb. III, 21

PHẠM CHÍNH NGHỊ: Chb. XXVII, 17

PHẠM CHƯ NÔNG: Tb. III, 20

PHẠM CÔN SA ĐẠT: Tb. III, 28

PHẠM CÔNG DONG: Chb. XXXVII, 23

PHẠM CÔNG KIÊM: Chb. XXXIII, 18

PHẠM CÔNG NGHỊ: Chb. XX, 24

PHẠM CÔNG NIÊM: Chb. XVIII, 22

PHẠM CÔNG THẾ: Chb. XXXVIII, 7

PHẠM CÔNG TRỨ: Chb. XXXI, 30; XXXII, 1, 28, 40; XXXIII, 10, 13, 14, 18, 20, 29, 36; XXXIV, 40; XLI, 14

PHẠM CƯ: Chb. XIX, 28

PHẠM CỰ ĐỊA: Chb. VII, 28

PHẠM CỰ LẠNG: Chb. I, 13, 14, 22

PHẠM CỰ LUẬN: Chb. X, 45; XI, 5, 7, 26

PHẠM DANH LINH: Chb. XXXVIII, 24

PHẠM DAO: Chb. XXVIII, 2, 8

PHẠM DẬT: Tb. III, 20

PHẠM DIÊN: Chb. V, 29

PHẠM DOÃN VĨ: Chb. XXXIX, 24; XL, 21

PHẠM DU: Chb. V, 31-33; XIX, 15; XVIII, 27

PHẠM DUY CHẤT: Chb. XXXII, 22, 23

PHẠM DƯƠNG MẠI: Tb. III, 20, 21, 26, 27, 28

PHẠM ĐẠO PHÚ: Chb. XXIV, 18

PHẠM ĐIỂN: Chb. XXVII, 6, 7

PHẠM ĐÌNH: Chb. XI, 2

PHẠM ĐÌNH DỮ: Chb. XLVII, 1, 3, 17, 23, 36

PHẠM ĐÌNH KIÊN: Chd. 5

PHẠM ĐÌNH KÍNH: Chb. XXXVI, 14, 26

PHẠM ĐÌNH SĨ: Chb. XLI, 6; XLVII, 11

PHẠM ĐÌNH TẤN: Chd. 4

PHẠM ĐÌNH THIỆN: Chb. XLVII, 10, 11, 42, 45, 46, 47

PHẠM ĐÌNH TRỌNG: Chb. XXXIX, 9, 15, 16; XL, 10, 16, 19, 20, 27, 28, 29, 34; XLI, 5, 6, 20, 21

PHẠM ĐỐC: Chb. XXVIII, 5, 8, 9, 10

PHẠM ĐÔN LỄ: Chb. XXIII, 35, 36

PHẠM ĐỒN: Chb. XVIII, 34, 35

PHẠM ĐỒNG VIỆN: Chb. XLIII, 32

PHẠM ĐỐT: Tb. III, 21

PHẠM ĐỨC KỲ: Chb. XXVIII, 8, 9

PHẠM GIA HUỆ: Chb. XLII, 30

PHẠM GIA MÔ: Chb. XXVII, 1, 3, 4, 17

PHẠM GIA NINH: Chb. XL, 7, 8

PHẠM GIA VƯỢNG: Chb. XXXIV, 15

PHẠM HẠC NHƯ: Chb. II, 20

PHẠM HÀNG: Chb. XXX, 18

PHẠM HẠP: Chb. I, 9-11
PHẠM HI LƯỢNG: Chd. 3
PHẠM HIẾN: Chb. XXVII, 3
PHẠM HỒ ĐẠT: Tb. III, 20, 22, 24
PHẠM HỔ: Chb. XXXIII, 15; XXXVIII, 16
PHẠM HỒNG NHO: Chb. XXX, 17
PHẠM HUỆ PHI (vợ lẽ LÊ LỢI: Chb. XVI, 14, 27, 28
PHẠM HÙNG: Tb. III, 15, 20
PHẠM HUY: Chd. 3
PHẠM HUY CƠ: Chb. XLII, 29; XLIII, 9, 10
PHẠM HUY ĐÍNH: Chb. XLIII, 9, 10, 19, 23, 24, 36, 37; XLIV, 4, 7, 13, 18
PHẠM HUY THỨC: Chb. XLV, 22
PHẠM HUYỀN LINH: Chb. X, 39, 40
PHẠM HƯNG VĂN: Chb. XXIV, 26
PHẠM HỮU DU: Chb. XXXIX, 23
PHẠM HỮU TÁ: Chb. XXXVIII, 27
PHẠM KHẢ VĨNH: Chb. XI, 8, 9, 14, 34
PHẠM KHÁNH DONG: Chb. XIX, 28
PHẠM KHẮC THUẬN: Chb. XXIV, 26
PHẠM KHIÊM BÍNH: Chb. XXVI, 24, 33, 39; XXVII, 12
PHẠM KHIÊM ÍCH: Chb. XXXVI, 13, 25; XXXVII, 15, 30; XXXVIII, 12
PHẠM KIỆN: Tb. III, 24
PHẠM KIM BẢNG: Chb. XXVII, 13
PHẠM KINH VĨ: Chb. XXXVIII, 38
PHẠM KÍNH AN: Chb. VI, 14, 21
PHẠM LẶC: Chb. XI, 14
PHẠM LỆNH CÔNG: Tb. V, 27
PHẠM LUẬN: Chb. XIII, 12
PHẠM LỤC TÀI: Chb. XII, 18
PHẠM MIỄN LÂN: Chb. XXIV, 6
PHẠM MINH TÂM: Chb. II, 38
PHẠM MỤC: Chb. XXII, 27
PHẠM MƯU: Chb. VIII, 24
PHẠM NGẢI: Chb. IX, 39
PHẠM NGỌC: Chb. XIII, 11, 12
PHẠM NGÔ CẦU: Chb. XLIII, 15, 20; XLIV, 34; XLV, 1, 2, 5, 6; XLVI, 14, 15, 16
PHẠM NGỘ: Chb. IX, 11, 24
PHẠM NGŨ LÃO: Chb. VIII, 16, 22, 25, 26, 27, 34, 38; IX, 14, 15, 16, 17
PHẠM NGUYÊN CÔI: Chb. XII, 3, 10, 11

PHẠM NGUYÊN HẰNG: Chb. IX, 46

PHẠM NGUYỄN BẢNG: Chb. XXXIX, 1

PHẠM NGUYỄN DU: Chb. XLIV, 26; XLV, 17, 34; XLVI, 9

PHẠM NGƯU TẤT: Chb. XI, 34

PHẠM NHÂN KÍNH: Chb. XXIII, 30

PHẠM NHẤT NGẠC: Chb. XXV, 26

PHẠM NHU HUỆ: Chb. XXIV, 18

PHẠM NHƯ DỤ: Chb. XXIV, 32

PHẠM NHƯ LAM: Chb. XXI, 8

PHẠM NHƯ LẶC: Chb. XI, 12

PHẠM NHƯ TOẠI: Chb. XLVII, 36, 37

PHẠM NHƯ TÙNG: Chb. XLVII, 42, 45, 46, 51

PHẠM NI TA: Tb. V, 8

PHẠM ÔNG THIỆN: Chb. XI, 34

PHẠM PHẬT: Tb. III, 20

PHẠM PHI HIỂN: Chb. II, 8

PHẠM PHI KIẾN: Chb. XXXI, 18

PHẠM PHIẾM: Chb. XI, 7

PHẠM PHÒNG ÁT: Chb. I, 2

PHẠM PHÒNG ÁT: X. PHẠM BẠCH HỔ:

PHẠM PHỔ: Chb. XXI, 13

PHẠM PHÚ LONG: Tb. III, 26, 28

PHẠM PHỤ: Chb. V, 32

PHẠM PHÚC : Chb. XVIII, 8

PHẠM QUANG TRẠCH: Chb. XXXIV, 28, 29

PHẠM QUÝ THÍCH: Chb. XLV, 18; XLVII 31

PHẠM QUỲNH: Chb. XXVIII, 2, 8

PHẠM SƯ MẠNH: Chb. VIII, 10; IX, 46; X, 11, 12, 17, 28; XIII, 5 (xem thêm sd. A, III)

PHẠM SƯ ÔN: Chb. XI, 10, 11

PHẠM TẠI: Chb. XXVII, 4

PHẠM TẤT TOÀN: Chb. XXXII, 6, 9, 10

PHẠM THÀNH: Chb. XV, 4

PHẠM THẢO: Chb. VIII, 23

PHẠM THÂN DUẬT: Chd. 4; Tnb. 1

PHẠM THẾ CĂNG: Chb. XI, 12; XII, 19, 26

PHẠM THÌ TRUNG: Chb. XVI, 1

PHẠM THỊ (mẹ Lý Thái Tổ): Chb. II, 6 - 7

PHẠM THỊ (vợ thiếp Nguyễn Trãi): Chb. XIX, 26

PHẠM THỊ NGỌC HẬU: Chb. XXXIII, 18

PHẠM THỊ NGỌC TRẦN: Chb. XIX, 8
PHẠM THỊ TRẦN (mẹ của Lê Thái Tông): Chb. XVI, 14, 21, 30; XVII, 3
PHẠM THIỆN: Chb. XIII, 10, 11
PHẠM THỊNH: Chb. XXV, 16, 18, 34
PHẠM THỨ: Chb. XXVII, 3
PHẠM TỔ THU: Chb. XI, 34
PHẠM TRẦN TÔNG: Chb. XXXVIII, 23
PHẠM TRÍ KHIÊM: Chb. XXIV, 17
PHẠM TRỌNG HUYẾN: Chb. XLVII, 31
PHẠM TRUNG: X. PHẠM THÌ TRUNG
PHẠM TU : Tb. IV, 2, 3
PHẠM TỬ NGHI: Chb. XXVIII, 1, 2
PHẠM ỨNG MỘNG: Chb. VI, 37
PHẠM ỨNG THẦN: Chb. VI, 16
PHẠM VĂN: Tb. III, 20
PHẠM VĂN ĐỊCH: Tb. III, 20
PHẠM VĂN HIỂN: Chb. XXI, 38
PHẠM VĂN KHOÁI: Chb. XXVIII, 23, 24, 25; XXIX, 3, 33
PHẠM VĂN XẢO: Chb. XIII, 24, 25; XIV, 19; XV, 4, 5, 27; XVI, 6
PHẠM VẤN: Chb. XIII, 16; XIV, 19
PHẠM XUÂN QUẾ: Chd. 1
PHAN ẤT: Chb. XXVI, 26, 30, 32
PHAN BAN: Chb. XVIII, 34, 35
PHAN CẢNH: Chb. XLII, 10
PHAN CẬN: Chb. XLIII, 8; XLIV, 28, 29; XLVI, 35, 38
PHAN CÔNG TÍCH : Chb. XXVIII, 23, 27 ; XXIX, 5, 6
PHAN DOÃN MẪN: Chb. XXXVI, 29; XXXVII, 3
PHAN DUY TRINH: Chb. XIX, 23
PHAN ĐÌNH PHÙNG: Chd. 4
PHAN ĐÌNH TÁ: Chb. XXVII, 14, 17
PHAN ĐÌNH TUYỂN: Chd. 2
PHAN ĐỨC KHẢI: Chb. XLVII, 34, 35
PHAN GIAM DỰC: Chb. XVII, 24
PHAN HI TĂNG: Chb. XXVI, 18
PHAN HOA PHỦ: Chb. XII, 4
PHAN HUY ÁNG: Chb. XLIV, 29
PHAN HUY CHÚ: Chb. III, 5, 27, 46; V, 4; VI, 14, 25, 27, 29; XIII, 4, 32; XIV, 7, 12; XV, 3, 6, 10, 17, 18, 22, 23,

32; XVI, 2, 14, 16, 21; XVII, 10, 12, 24; XVIII, 4, 12, 21, 32; XIX, 4, 22, 23, 29, 31; XX, 1, 11, 23; XXI, 10; XXIII, 7, 15; XXVI, 8; XXXI, 22; XXXII, 37; XXXIII, 2, 3, 7, 11, 13, 16, 30; XXXIV, 32; XXXV, 3, 14, 23, 35, 41; XXXVI, 4, 5, 11, 12; XXXVII, 14; XXXVIII, 4, 22; XL, 2; XLI, 13; XLII, 13, 28; XLV, 31

PHAN HUY ÍCH: Chb. XLIV, 27, 28; XLVI, 37, 38; XLVII, 31, 36

PHAN HUY ÔN: Chb. XXXIII, 37

PHAN HƯNG TẠO: Chb. XXXII, 13, 14, 18

PHAN KHẢI ĐỨC: Chb. XLVII, 43, 45

PHAN KIÊM TOÀN: Chb. XXXII, 18, 19, 25, 28; XXXIII, 13, 18, 36, 37

PHAN KỲ: Chb. XXXII, 4

PHAN LÂN: Chb. V, 37; XXXII, 19

PHAN LÊ PHIÊN: Chb. XLIII, 12, 13, 15, 18, 19; XLIV, 10, 28, 34; XLV, 1, 27, 34; XLVI, 4, 24, 35; XLVII, 1, 8, 31, 36

PHAN LIÊU: Chb. XII, 38; XIII, 9, 10

Phan Lung: Chb. XXII, 34

PHAN MÃNH: Chb. XI, 12, 16

PHAN MỖ (Chiêm thành): Chb. XVII, 30

PHAN NGẠN: Chb. XXX, 12, 13, 22, 23; XXXI, 2-6

PHAN NGHĨA: Chb. X, 31, 52

PHAN NHÂN [YÊN]: Chb. XIV, 21

PHAN PHU TIÊN: Chb. VIII, 24 ; X, 10 XVIII, 28, 29 Phl. 12

PHAN QUÝ HỰU: Chb. XII, 38, 39; XIII, 10

Phan Rang: Chb. XXII, 4

Phan Rí: Chb. XXII, 4

PHAN SƯ TÔN: Chb. XX, 12

PHAN THANH GIẢN: Dch. II, 9; Chd. 1

PHAN THỊ THUẤN: Chb. XLVI, 22, 23

PHAN THỊ VIÊN: Chb. XXXV, 20

PHAN THIÊN TƯỚC: Chb. XVI, 20, 26, 27, 28, 29, 31

PHAN TÔNG: Chb. XXIV, 26

PHAN TRINH: Chb. XXI, 13, 14

PHAN TỬ VIẾT: Chb. XVI, 24

PHAN TỰ CƯỜNG: Chb. XXXIV, 39, 40

PHAN VĂN LÂN: Chb. XLVII, 28, 34

PHAN VĂN TUẾ: Chb. XLIV, 26

PHÀN TIẾP: Chb. VIII, 1, 2, 6, 11

Phao Sơn: Chb. XXXVIII, 32, 36; XXXIX, 7, 15; XLVII, 24, 25

PHÁP LOA: Chb. IX, 1, 2

PHÁP LOA (sư): Chb. XVII, 22

PHÁP NGỮ (sư): Chb. III, 15

Phần Thuỷ: Tb. III, 12

Phấn Thượng: Chb. XXIX, 23

Phất nạo: Chb. XXX, 12

Phật giáo pháp sự đạo tràng công văn cách thức: Chb. VIII, 30

Phật Kệ: Chb. XLV, 31

PHẬT KIM: Chb. V, 41; VI, 1, 16, 44

PHẬT KIM: X. LÝ PHẬT KIM

PHẬT MÃ: X. LÝ PHẬT MÃ

Phật Thệ thành: Chb. III, 9; Tb. III, 21

Phật Tích: Chb. XXXVII, 10

Phật Tích (núi): Chb. VII, 52; XXIV, 40, 41

PHI BÁO: Chb. XVI, 3

Phi Lai: Chb. XXII, 6

PHI LIÊM: Chb. X, 10

Phi Quan: Chb. XXVII, 5

Phi sa tập: Chb. XIII, 5

PHÍ GIA HỰU: Chb. III, 2-4

PHÍ LANG: Chb. V, 29-30

PHÍ MÁNH: Chb. VIII, 17

PHÍ MỘC LẠC: X. BÙI MỘC ĐẠC

PHÍ SÙNG ĐỨC: Chb. I, 30

PHÍ TRÍ (sư): Chb. II, 20

PHÍ TRỰC: Chb. IX, 13

Phiên: Tb. I, 26

Phiên Dương: Tb. III, 18

Phiên huyện: Tb. I, 28

Phiên Ngung: Tng. 4; Tnb, 3; Tb. I, 12, 18, 19, 32, 33; II, 1, 3, 4, 7; III, 5, 10; V, 15

PHIÊN NGUNG HẦU: X. LÃ ĐẠI

Phong Châu: Chb. I, 34, 39 ; II, 24, 33 ; XI, 29 ; XXI, 27; Tng. 4; Tb. I, 1, 2,; II, 8, 11; III, 14; IV, 13, 14, 18, 19, 22, 25, 32; V, 7, 8, 27, 31

PHÓ : X. LÝ PHÓ

Phong Doanh: Chb. XII, 28; XXI, 34; XXIX, 30; XLIII, 12

Phong Dương: Tb. II, 4

Phong Đăng: Chb. XXI, 34

Phong Điền: Chb. I, 28; XXI, 33 ; XLVI, 27

PHONG HỰU: Tb. IV, 36

Phong Khê: Tb. I, 8, 9; II, 14; III, 15

Phong Lộc: Chb. X, 39; XXI, 34; XXVI, 37; XXXII, 6, 39; XLIV, 20; XLV, 1

Phong Nẫm: Chb. XLVII, 51

Phong Phú: Chb. XLVI, 3; XLVII, 38

Phong Thành hầu X. LÝ BÂN:

Phong thuỷ quân (chiêm Thành): Chb. V, 13

Phong Xuyên: Chb. XXXIV, 2

Phòng Châu: Tnb. 3

PHÒNG PHÁP THỪA: Tb. III, 31, 32

PHÒNG QUÝ VĂN: Tb. III, 31

Phố Dương: Tb. IV, 19

Phố Hành (xã): Chb. XXVIII, 30

PHỔ TUỆ: Chb. IX, 16

Phổ Viên: Chb. XXXIV, 27, 42

Phổ Yên: Chb. XXI, 19; XXX, 5, 7; XXXV, 38; XXXVI, 34; XLIII, 12

Phù Cát: Chb. XXII, 9

Phù Chấn: Chb. XXV, 18, 19, 21, 29, 36

Phù Cừ: Chb. XXI, 34; XXIX, 32; XLIII, 12

Phù Da: Tb. V, 8, 9, 10

Phù Dung: Chb. XXI, 18, 27, 34; XXIX, 31; XLIII, 12

PHÙ DƯƠNG: Chb. XXXII, 16, 19

Phù-đái (đới) Chb. I, 27.

Phù-đái (đới) vương : Chb. I, 26

Phù-đái (đới) vương (con nuôi Lê Đại Hành) : Chb. I, 26-27

Phù Đổ: Chb. XLI, 25

Phù Đổng: Chb. XL, 3; XLV, 15

Phù Đổng (làng): Chb. V, 39, 40

Phù Hoa: Chb. XXI, 19, 35

Phù Khang: Chb. XXI, 18, 34

Phù Lan : Chb. I, 39

Phù Lan trại: Chb. I, 27, 39

Phù Lập xã: Tb. V, 29

Phù Lê: Chb. XLII, 6

Phù Liệt: Chb. XXIII, 30

Phù Long: Chb. XXXII, 18, 19

Phù Lộ: Chb. XXXII, 26, 28, 37

Phù Lỗ: Chb. XLI, 4; XLV, 12

Phù-Lỗ (xã): Chb. XVIII, 15

Phù Lỗ kiều: Chb. XVIII, 14, 15

Phù Lưu: Chb. XXXII, 27, 29; XXXVIII, 38

Phù Lưu trường: Chb. XXVII, 15; XXIX, 11; XXXI, 14

Phù Ly: Chb. XXII, 7, 9

Phù Minh: Chb. XXXV, 19

Phù Minh (làng): Chb. V, 40

Phù Mỹ: Chb. XXII, 9

Phù Nam: Chb. IV, 43; Tb. I, 6, 7; III, 5, 8, 15; IV, 39

Phù Nam ký: Tb. II, 11

Phù Nguyên: Chb. XLII, 6; XLIII, 36

Phù Ninh: Chb. VII, 40, 41; XXI, 34

Phù Nội: Chb. XII, 25

Phù Phong : Tb. Tb. IV, 31

Phù Sa: Chb. XLVI, 18, 19

Phù Tải xã: Chb. I, 27

Phù Thạch: Chb. XXXII, 16, 17

Phù Than: Chb. XLVII, 24

Phù Ủng: Chb. IX, 17; XXXIII, 18

Phù Vân: Chb. XXXVIII, 30

PHÙ VÂN quốc sư: Chb. VI, 17

Phù Vệ: Chb. XXVII, 17

Phù Vệ xã: Chb. I, 27

Phù Yên: Chb. XVII, 18; XXI, 35; XXXII, 28

Phủ biên tập lục : Chb. III, 9 ; XXII, 6

Phủ Lý : Chb. X, 44

Phú Bình: Chb. XXI, 19, 32; XXV, 21; XXXI, 14; XXXV, 38

Phú Đa: Chb. XLVI, 6

Phú Điền: Tb. III, 9

Phú Hào: Chb. XXIII, 4; XXXII, 12; XXXIV, 13, 35; XXXIX, 10

Phú Hòa (thôn) : Chb. X, 41

Phú Hựu (thôn): Chb. XIV, 4

Phú Lâm: Chb. XXXV, 20

Phú Lễ: Chb. XLIV, 20

Phú Lệnh (cửa ải): Chb. XII, 13, 14

Phú Lộc: Chb. I, 28; XXI, 34 ; XLIV, 24;

Phú Lương: Chb. IV, 37, 38, 40, 42; XXI, 19; XXIX, 20; XXXIII, 3; XXXIV, 18; XXXV, 5, 6, 38; XXXVII, 9

Phú Lương (huyện): Chb. XLIII, 12

Phú Lương (sông): Chb. XII, 13, 15; XIII, 12; XIV, 1; XV, 8; XVI, 24; XXVI, 25; XXXIX, 36; XL, 7; XLI, 24; XLVII, 35

Phú Lương giang: X. Nhị Hà

Phú Lương giang (sông): Chb. II, 13; III, 38, 39

Phú Nguyên: Chb. XXVII, 9; XXXVIII, 30

Phú Thị: Chb. XXXVII, 9, 11; XLIII, 10; XLVII, 7, 8, 13

Phú Vinh: Chb. I, 28; III, 9; XLIV, 30; XLV, 1; XX, 25, 34; XXVIII, 31

Phú Xuân: Chb. XLIV, 19; XLV, 33

Phú Xuyên: Chb. XII, 16; XXI, 17; XXVII, 9; XXXVIII, 30, 39 ; XXXIX, 31; XL, 1, 32; XLII, 9; XLVII, 7; Tb. II, 4; IV, 19

Phú Yên: Chb. XXII, 8, 9; XLIII, 27; XLIV, 26; XLV, 2; Tb. II, 13

PHỤ : X. PHẠM PHỤ

Phụ Dực: Chb. XXI, 18 ; XLI, 7

PHỤ MINH: Chb. IX, 29

Phụ Vệ: Chb. XXXVII, 1

Phúc Am: Chb. IX, 1

Phúc Châu: Chb. XXXII, 3, 4, 19, 20

Phúc Dương: Chb. XLVII, 38

PHÚC ĐIỆN: Chb. XXXIII, 31

PHÚC KHANG AN: Chb. XLVII, 43, 44

Phúc Khê: Chb. XXIII, 40; XXVII, 5; XXXIX, 10

Phúc kiến: Chb. XXVII, 31; XXXII, 4; Tb. V, 5

PHÚC LAN: Chb. XXXIII, 31

Phúc Lâm: Chb. XVII, 4

Phúc Long (chùa): Chb. XXXV, 24

Phúc Lộc: Chb. XXI, 18; XXIX, 24; XXXII, 37, 38; XXXIII, 38, 39; XXXVIII, 24; Tb. I, 3, 4, 20; II, 7, 8; IV, 19, 26

Phúc Lộc châu: Tb. IV, 18, 19, 20

Phúc Quang đường: Chb. XXI, 37

Phúc thái: Chb. XXXI, 32; XXXII, 1-7; XXXIV, 17

Phúc thị: Chb. XXVIII, 30

Phúc Thọ: Chb. I, 11-12; XXXV, 6; XXXVIII, 24; XLI, 24; XLVII, 22 Tb. II, 7, 14: X. Phúc Lộc

Phúc Thọ (huyện): Chb. XIII, 31

Phúc Tự: Chb. XXXII, 37, 38

Phúc Yên lăng: Chb. XXXIII, 39

Phục Cổ: Chb. XXVI, 35; XXVII, 6

Phục Cổ (phường): Chb. X, 30

PHỤC ĐẶNG CHI: Tb. III, 31, 32

PHỤC HI: Tng. 3, 4

Phục Lễ: Chb. XIV, 17; XV, 30; XVI, 21; XVII, 18: XVIII, 1

PHÙNG AN: Tb. IV, 27

PHÙNG CHÂN: Chb. II, 17

PHÙNG CHƯƠNG: Chb. XXVI, 24

PHÙNG CỰ: Chb. XI, 21

PHÙNG DĨNH: Chb. XXVI, 29

Phùng Giang (bến đò): Chb. XIII, 31

PHÙNG HẢI: Tb. IV, 25, 26

PHÙNG HƯNG: Tb. IV, 25, 26

PHÙNG KHẮC KHOAN: Chb. XXVIII, 29; XXIX, 11; XXX, 15, 18, 19, 26

PHÙNG LUẬT: Chb. III, 2

PHÙNG MẠI: Chb. XXVI, 29

PHÙNG PHỈ: Tb. III, 12

PHÙNG QUÝ: Chb. XIII, 16

PHÙNG SĨ CHU: Chb. VIII, 13

PHÙNG TÁ CHU: Chb. VI, 5, 13, 14, 19, 20, 26

PHÙNG TÁ THANG: Chb. VI, 26

PHÙNG THỪA: Tb. II, 4

PHÙNG TRẤN: Chb. XXVI, 26, 27

PHÙNG TRÍ NĂNG: Chb. III, 1

PHÙNG TỬ DO: X. PHÙNG TỬ DU:

PHÙNG TỬ DU: Tb. IV, 21

PHÙNG VIẾT TU: Chb. XXXII, 18, 19, 39

Phùng Xá: Chb. XXVIII, 29

Phụng Công: Chb. XXIX, 9; XXXIX, 29; XLIV, 12

Phụng Hoá: Chb. XII, 20, XIII, 13; XXI, 18, 26; XXVI, 1; XXXIX, 17, 18; XLIII, 11, 14

Phụng Kiến vương NHẬT TRUNG: X. LÝ NHẬT TRUNG:

PHỤNG KIẾN vương : X. TRẦN LIỄU

Phụng Thiên: Chb. XXI, 16, 32, 33, 35; XXIV, 5; XXX, 21; XXXIV, 32; XXXV, 13; XXXVI, 30; XLV, 15; XLVII, 1

Phụng Thiên (phủ): Chb. XXV, 3, 9, 18, 19, 21

Phụng Thiên (Trung Quốc): Chb. XLVII, 46

PHƯƠNG: Chb. XXXIX, 25

PHƯƠNG CHÍNH (CHÁNH): Chb. XIII, 18, 19, 20, 27, 28, 29; XIV, 6, 25, 28

Phương dư kỷ yếu: X. Độc Sử phương dư kỷ yếu

Phương Để: Chb. XXXIX, 19

Phương Đỗ: Chb. XXXII, 38

Phương Giai: Chb. XII, 16

PHƯƠNG VÂN LONG: Chb. XXXIV, 25

Phượng Nghi đường: Chb. XX, 26; XXI, 5, 8

Phượng Nhãn: Chb. XL, 28; XLVII, 24, 25, 34, 35; XXXIII, 12

Phượng Nhỡn: Chb. XXI, 19

Phượng Nhỡn (nhãn): Chb. VII, 33; XXIX, 33

Phượng Thành: Chb. VIII, 42

Phượng Xí (sông): Chb. XXVIII, 9, 10

Q

Qua Châu: Tb. IV, 14

Qua Gia: Chb. XI, 13

Qua Oa: Chb. IX, 14, 15, 48

Qua Oa : X. Trảo Oa:

Quả Động: Chb. XXVI, 13

Quả Nhuệ: Chb. XXXIII, 18, 32

Quả Thịnh lăng: Chb. XXXIII, 32

Quả Thoát ải: Chb. XX, 24

QUÁCH BỐC: Chb. V, 32

QUÁCH CẢNH: Chb. XXIII, 1

QUÁCH CÔNG THI: Chb. XXXVII, 30

QUÁCH ĐÌNH BẢO: Chb. XXI, 12, 38; XXIII, 40, 41

QUÁCH GIA DI: Chb. III, 8

QUÁCH HỮU NGHIÊM: Chb. XXIII, 39, 40; XXV, 3

QUÁCH NHẪN: Chb. VII, 16

QUÁCH PHÁC: Chb. VIII, 42

QUÁCH QUÂN BIỆN: Chb. I, 17, 21

QUÁCH QUỲ: Chb. III, 38, 39, 42

QUÁCH TẾ: Chb. XVI, 19

QUÁCH THỊNH DẬT: Chb. III, 13

QUÁCH TRỌNG NAM: Chb. XVIII, 28

QUÁCH TỬ NGHI: Chb. IX, 32

Quan Các: Chb. XXXIX, 23

Quan Canh đài: Chb. XXIII, 42

Quan chế điển lệ: Chb. XXIII, 6

QUAN CÔNG: Chb. XLII, 11

Quan Da: Chb. XIII, 15, 16; XIV, 29; XXI, 16, 33; XLIII, 14

Quan da châu: Chb. XXVII, 22

Quan Du (trại): Chb. XIII, 13, 16

Quan Hoá: Chb. XXVIII, 28; XXXIX, 27

Quan Hoá (châu): Chb. XIII, 9, 13

Quan Hoá (huyện): Chb. XIII, 17

Quan Hoá châu: Chb. XX, 18; XXI, 33

QUAN PHỤC hầu: X. PHỦ

Quan Sơn: Chb. XXV, 35

Quan Trung: Chb. XXXIII, 2

Quan Trung (Trung Quốc): Chb. XL, 27

Quan Vinh: Chb. XXI, 40

QUẢN DANH DƯƠNG: Chb. XXXVII, 11

Quản khuy tập yếu: Chb. XVIII, 7, 11, 19; XXIX, 21; XXX, 20

Quán Tuần: Chb. XXXVI, 12

Quang Bảo: Chb. XXVIII, 4-16

Quang Bị: Chb. XXVI, 13

QUANG CHIẾU: Chb. XXVII, 36

Quang Dực: Chb. XLI, 6

QUANG HOÀ: Chb. XXVII, 36

Quang Hưng: Chb. XXIX, 9-34 XXX, 1-30 ; XXXIII, 7; XXXIV, 17

QUANG KHẢI: X. TRẦN QUANG KHẢI

Quang Lang: Chb. III, 39, 40, 44; XXIII, 31, 34

Quang Lãng: Chb. XXVII, 31; XXVIII, 14, 24; XXXVIII, 8; XLIII, 29

Quang Liệt: Chb. X, 29

QUANG SỞ KHÁCH: Tb. IV, 22

QUANG SƯỞNG: X. TRẦN QUANG SƯỞNG

Quang Thái: Chb. XI, 4, 31

Quang Thiệu: Chb. XXVI, 10, 32, 34-43 ; XXVII, 1-13, 21; XLVII, 48

Quang Thuận: Chb. X, 1; XIX, 1-37; XX, 1-39; XXI 1-37; XXV, 10; XXVI, 4, 5; XXXIII, 7, 13; XLIII, 18

Quang Thuận trung hưng ký: Chb. XVIII, 28

QUANG THỤC HOÀNG HẬU: Chb. XXVI, 26

QUANG THỤC HOÀNG THÁI HẬU (mẹ LÊ THÁNH TÔNG): Chb. XXI, 37

QUANG TIỀN: Chb. XXXIII, 23

QUANG TRỊ: Chb. XXVI, 29, 30

Quang Trung: Chb. XLVII, 40

Quang Vinh: Chb. XXIII, 31

Quảng: Chb. VI, 24

Quảng (Lĩnh Nam): Tb. V, 1

Quảng Bình: Chb. III, 29; X, 39, 51; XII, 5, 27; XVIII, 8; XXI, 16, 24, 33, 34; XXVII, 24, 25, 26; XXIX, 24; XXXI, 29, 32; XXXII, 5, 6, 28, 38, 39; XXXIII, 34; XLIII, 11, 12, 20; XLV, 1, 10; XLVII, 38; Tb. IV, 16; I, 20; II, 5

Quảng Bố: Chb. XXIV, 26; XXXIV, 29

Quảng Châu: Chb. I, 41, 42 ; III, 16, 18 ; VII, 35; XXIII, 31; XXXIII, 6; Tb. I, 19; II, 4, 7, 24; III, 3, 10, 16, 17, 18, 19, 23, 25; IV, 1, 2; 21, 32, 35, 36, 39; V, 1, 5, 11, 15

Quảng Châu ký: Tb. I, 14

Quảng Dịch: Chb. IV, 37, 38

Quảng dư ký (LỤC BÁ SINH): Tb. I, 13

Quảng dư ký (THÁI PHƯƠNG BỈNH): Tb. IV, 10

Quảng Địa: Chb. XXI, 33; XXVII, 18, 25; XXIX, 26

Quảng Điền: Chb. I, 28; XXI, 33 ; XLIV, 20; XLV, 1; Tb. IV, 16

Quảng Đông: Chb. I, 42; VIII, 1; XII, 44; XVIII, 1; XXIV, 7, 8; XXXII, 4; XXXIII, 6; XLIII, 3; XLIV, 23; XLVII, 32, 33; Tb. I, 3, 11, 19; II, 3; V, 22

Quảng Đông (Trung Quốc): Chb. XXVII, 26, 31, 37

Quảng Đức: Chb. XXI, 20, 24, 32, 35; XXV, 19; XXVII, 17; XXXIV, 24, 29; XLVII, 51

Quảng Hoá: Chb. XIII, 15; XXI, 33; XXVII, 25; XXVIII, 6, 18, 28; XXIX, 26

Quảng Hựu: Chb. III, 45-48

Quảng Khuyến: Chb. XXXII, 18, 19

Quảng Lăng: Chb. XLIII, 16; XLV, 23; XXXIV, 27, 43 Tb. III, 5

Quảng Nam: Chb. I, 28, 42; X, 20, 21; XI, 42; XVII, 30; XXII, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 32; XXIV, 10, 11, 12, 31, 40; XXV, 30; XXVIII, 12, 21, 22, 30; XXX, 25; XXXI, 28; XXXVI, 5; XXXVII, 27; XLIV, 20, 22, 23, 24, 28, 29, 34; XLV, 2, 4, 6; XLVI, 3, 15; XLVII, 5; Tb. I, 4; IV, 16

Quảng Nam (Trung Quốc): Chb. I, 41, 42; III, 17

Quảng Nam phủ (Trung Quốc): Chb. XXXIV, 22

Quảng Ngãi: Chb. X, 5; XLIV, 24, 27

Quảng Nghĩa: Chb. XXII, 3, 8, 9

Quảng Nguyên: Chb. II, 43 ; III, 38, 39, 41, 42, 43, 44; IV, 13, 38, 40, 41

Quảng Ninh phủ: Chb. III, 29

Quảng Oai: Chb. V, 38-39, 43; VI, 2; X, 51, 52; XI, 27, 28, 29; XII, 20; XIII, 24, 25, 33; XXI, 18, 27; XXVI, 14; XXXVI, 8 ; XLVII, 8, 9

Quảng Quế: Tb. V, 2

Quảng Tây: Chb. III, 17; IV, 36; V, 12; VI, 24, 40; VII, 17; XII, 7, 13, 14, 21; XIV, 10, 16, 26; XVII, 17, 24; XVIII, 31; XXVII, 31, 34, 35, 37; XXX, 19; XXXII, 8; XXXIV, 5, 13, 14, 15, 24; XXXV, 16, 17; XXXVII, 4; XL, 3; XLIII, 32; XLVII, 32, 33, 43, 44, 45; Tb. I, 11; II, 5

Quảng Tây (Trung Quốc): Chb. XX, 20, 21; XXI, 3, 30; XXIII, 34

Quảng Tây thông chí: Chb. XXXIV, 15

Quảng Tế: Chb. XLIII, 11 ; XXI, 33

Quảng Thi: Chb. XIII, 3; XXIX, 1

Quảng Tín: Tb. II, 4, 7, 8, 29

Quảng Trị: Chb. I, 28; III, 29 ; XVI, 8; XXI, 24, 33, 34; XXII, 6; XXVIII, 12; XXXII, 38; XLIV, 20; XLVI, 16; Tb. I, 4, 20; II, 5

Quảng Uất: Tb. II, 5

Quảng Uyên: Chb. XXXIII, 26; XL, 13

Quảng Uyên huyện: Chb. XX, 24; XXI, 10, 20, 35

Quảng Văn (Đình): Chb. XXIV, 15

Quảng Xương: Chb. XXVIII, 24, 27; XXIX, 11, 12; XXXIII, 12

Quảng Xương huyện: Chb. XXI, 10, 16

Quảng Yên: Chb. II, 24; IV, 43; VII, 38; VIII, 5, 6; XI, 16; XX, 30; XXI, 30, 35; XXVII, 35; Tb. I, 4; IV, 19; V, 20

Quảng Yên sách: Chb. XXVII, 33, 35

Quắc Hương (làng): Chb. X, 48

Quân An (núi): Chb. XXVIII, 5, 6

Quân Ninh: Tb. IV, 19

Quân Thần châu: Tb. IV, 11, 12

Quân trung từ mệnh tập: Chb. XX, 14

Quần Anh: Chb. XLVII, 30; XXXIII, 6

Quần Lai: Chb. XIX, 8

Quần Liêu: Tb. IV, 13

Quận quốc lợi bệnh thư (CỐ VIÊM VŨ): Tb. IV, 23, 24

Quế (Lĩnh Nam): Tb. V, 1

Quế Châu: Chb. III, 16, 19, 35, 36; IV, 15-16; Tb. IV, 20, 21

Quế Dương: Chb. II, 11; III, 46; VIII, 3; XIX, 23; XXI, 18; XXIII, 41; XXIV, 20; XLIII, 12; XLVI, 39; XLVII, 11, 12, 25; XXIX, 33; XXXI, 31; XXVI, 24, 26, 27, 33; XXXV, 24; XXXVI, 22; XXXVIII, 13, 27 Tb. I, 30, 33; II, 20, 22

Quế hải Ngu hành chí: Chb. II, 16

Quế Lâm: Chb. XLVII, 43 Tb. I, 10, 11, 12; II, 2, 3, 5; III, 5, 16, 18, 19

QUẾ NGUYÊN: Tb. III, 22

Quế Nham: Chb. XL, 4

Quế Ổ: Chb. XXXVIII, 27 ; XL, 6; XLVI, 38, 39; XLVII, 9, 11, 12

Quế Quản: Tb. IV, 30; V, 2. X. Ung Châu

Quế Sơn: Chb. XXII, 9 ; XLIV, 23

Quế Trạo: Chb. XXXVIII, 12

QUẾ TRỌNG: X. QUẾ TRỌNG VŨ

QUẾ TRỌNG VŨ: Tb. IV, 29, 30

Quế Vương: Chb. XXXII, 3, 8

QUỐC KHANG: X. TRẦN QUỐC KHANG

QUỐC NGHIỆN: X. TRẦN QUỐC NGHIỆN

Quốc Oai: Chb. VI, 23; X, 15; XI, 10, 27, 28; XIII, 24, 25, 31, 33, 34; XVII, 4; XVIII, 10; XX, 2, 3, 8, 12, 13, 36; XXI, 16, 18, 27, 30, 33; XXVII, 4 ; XL, 30 ; XLVII, 8, 9.

Quốc sử: Chb. XLIV, 26

Quốc sử thực lục: Chb. XXXIV, 40

QUỐC THÁNH hoàng thái hậu: Chb. VI, 4, 10

QUỐC TOẢN: X. TRẦN QUỐC TOẢN

QUỐC TRẤN: X. TRẦN QUỐC TRẤN

Quốc triều hội điển: Chb. XXXVII, 31; XLIV, 33

Quốc triều thông lễ: Chb. XIII, 4

QUỐC TÚ: X. TRẦN QUỐC TÚ

QUỐC TUẤN: X. TRẦN QUỐC TUẤN

Quốc Tử Giám: Chb. XXXIV, 31, 32

Quy Châu: Chb. XXVII, 31, 33, 34

Quy Châu phủ: Chb. XIX, 10, 17

Quy Đức: Chb. III, 10 - 11

Quy Hoá: Chb. V, 34; VI, 41, 42; VIII, 12, 13; X, 1; XII, 20 ; XIII 24, 25 ; XIV, 20; XVII, 8; XVIII, 6, 7; XXI, 19, 30; XXXIV, 28

Quy Hoá châu: Chb. III, 11; XXVII, 34

Quy Hóa giang : Chb V. 32, 33

Quy Hợp: Chb. XXI, 17; XLIV, 32; XLV, 3; XLVI, 30, 31

Quy Nhân: Chb. XXII, 8, 9; XLIV, 10, 22, 33, 34; XLVI, 29; XLVII, 5, 6

Quy Thuận (châu): Chb. IX, 9

QUỲ: Chb. X, 10

QUỲ CẦM: Chb. IX, 34

Quỳ Châu: Chb. XLII, 17, 23; XLIII, 26

Quỳ Đạo doanh: Chb. XXXIV, 23, 24

Quỳ Hợp (châu): Chb. XVIII, 8, 29

QUÝ: Tb. I, 33, 34

Quý Châu: Chb. III, 16, 19; XLVII, 33

QUÝ DO: Chb. XVIII, 15

QUÝ LAI: X. MA HA QUÝ LAI

QUÝ LỘC: Chb. XLIV, 18

QUÝ LY : X. HỒ QUÝ LY:

QUÝ TÌ: Chb. XII, 18, 21

QUYÊN: Chb. XXV, 34

QUYẾT (em Mạc Đăng Dung): Chb. XXV, 25

QUỲNH: Chb. XLVII, 14, 20, 21, 22

Quỳnh Châu: Chb. VIII, 1, 4; XIII, 18, 20, 21; XVIII, 8; Tb. II, 6; IV, 30

Quỳnh Côi: Chb. XXI, 18; XLVII, 51

Quỳnh Lâm: Chb. XXXVII, 16; XXXVIII, 5, 27

Quỳnh Lâm (chùa): Chb. XXVI, 26

Quỳnh Lưu: Chb. X, 32; XXI, 11, 17; XXIX, 13; XXXII, 23; XLI, 7; XLII, 5, 21; XLIII, 1; XLV, 7, 8, 33; XLVII, 30

Quỳnh Nhai: Chb. XXI, 19; XXVIII, 16; XXXIV, 26, 27; XXXVI, 2; XLIII, 16, 23; Tb. VI, 30

Quỳnh uyển cửu ca: Chb. XXIV, 17

Quỳnh Vân điện: Chb. XXVI, 27; XXVII, 10

S

Sa Bôi: Chb. XXI, 17

Sa Đôi: Chb. XIII, 27, 31

Sa Kỳ (cửa biển): Chb. XXII, 1, 3

Sa Ly Nha: Chb. XII, 3, 4

Sa Nam: Chb. XLIII, 4, 5; XLVI, 31, XLVII, 6

SẠ : X. LÊ SẠ

SẠ ĐẨU: Chb. III, 7-9; XXVII, 20, 26

Sách Ấn: X. Sử ký sách ấn:

Sách Giang: Chb. X, 35

Sách học đề cương: Chb. XXXVII, 20

Sài Sơn: Chb. XXIV, 41; XXIX, 14

SÀI XUÂN: Chb. VII, 20, 24

SẢM, X. LÝ SẢM:

SAN MẠC NẠI MẪU: Chb. XVI, 23

San Vi: Chb. XXV, 17

Sâng Mộc: Chb. XXXV, 21

Sâm Thị: Chb. IX, 6

Sầm Châu: Chb. XXI, 16, 33; XXVII, 20

Sầm Lâu tập: Chb. XIII, 5

SẦM NGHI ĐỐNG: Chb. XLVII, 34, 40, 41

Sầm Nứa: Chb. XXVII, 20, 25

SẦM TỔ ĐỨC: Chb. XX, 20

SẦM TRÌ PHƯƠNG: Chb. XXXIV, 46

SẦM VỌNG: Chb. XX, 20

SẨM BÀNH: Tb. II, 8

SĨ CÁN: Tb. III, 3

SĨ HÂM: Tb. III, 1, 4

Sĩ hoan tu tri lục: Chb. XIII, 17

SĨ HUY: Tb. III, 2, 3, 4

SĨ KHUÔNG: Tb. III, 3, 4

SĨ KỲ: Tb. III, 3, 4

SĨ NHẤT: Tb. II, 30; III, 1, 2, 4

SĨ NHIẾP: Phl. 3; Tb. II, 29, 30-32; III, 1, 2, 3

SĨ TỤNG: Tb. III, 3

SĨ TỨ: Tb. II, 29

SĨ VĨ: Tb. II, 30; III, 4

SĨ VỮ: Tb. II, 30

SĨ VƯƠNG TIÊN: X. SĨ NHIẾP

Siêu Loại: Chb. XX, 2; XXI, 9, 18; XXII, 31; XXVI, 39; XXVII, 17 ; XXVIII, 14 ; XXXIV, 5, 24; XLIII, 3; XLIV, 2; XLVI, 39; XLVII, 12, 18, 51; Tb. II, 7; IV, 32; V, 30

Siêu Loại (làng): Chb. III, 26

Sinh Quả: Tb. V, 29

SINH TƯỢNG: Chb. XVII, 21

Sóc Sơn: Chb. XXVIII, 14; XXXIII, 40; XXXVIII, 3; XLVII, 51

Sông Gianh: Chb. XXI, 24;

XXXII, 6, 9, 10, 12, 39; XXXIII, 34, 35; XLIV, 18, 20

Sông Lam: Chb. XXXII, 12, 16, 17, 19, 21, 24, 37

Sông Lô: Chb. XXXV, 5

Sông Ngư Đại: Chb. XXXIX, 33, 34

Sông Thao: Chb. XXXV, 5, 6

Sông Tranh: Chb. XXXIX, 33

Sở vương THIỆU LÝ : X. THIỆU LÝ

SƠN: Chb. XLVI, 14

Sơn Dương: Chb. IV, 24; XXI, 18; XXX, 7; XXXVIII, 24 ; XI, 36; XLIII, 12

Sơn Đình: Chb. XXXVI, 34

Sơn Định : Chb. XXXIV, 25 ; XLV, 12

Sơn Đông: Chb. XV, 20; XLI, 27, 29; XLVII, 44; Tb. V, 5

Sơn Đông (làng): Chb. XIII, 24

Sơn Đồng: Chb. XVIII, 19; XXXIV, 1

Sơn động: Chb. XXVII, 1

Sơn La: Chb. XVII, 18; XX, 18

Sơn Lộ: Chb. XL, 7, 8

Sơn Man: Chb. XXII, 35

Sơn Miêng: Chb. XXVII, 9, 17, 18; XXIX, 17

Sơn Minh: Chb. XXI, 17; XLIII, 6, 12; XLVII, 14

Sơn Minh (miêng): Chb. IX, 40

Sơn Nam: Chb. VI, 30; VII, 42 ; IX, 40; XI, 30, 37; XXI, 16, 17, 20, 21, 25, 26, 27, 39, 40; XXII, 32; XXIV, 10, 11, 29,. 31, 32; XXVI, 1, 31, 32, 39, 41; XXVII, 5, 37, 40; XXVIII, 2, 9, 10, 17, 18; XXIX, 13, 17, 18, 27; XXXI, 4, 7, 30; XXXII, 2, 20; XXXIII, 3, 27; XXXIV, 27, 28, 34, 52; XXXV, 13; XXXVI, 5, 8, 12, 22, 29; XXXVII, 11, 14, 15, 32; XXXVIII, 6, 15, 23, 25, 30, 31, 39, 40; XXXIX, 1, 2, 6, 9, 16, 23, 31; XL, 1, 2, 13, 17, 18, 21, 25, 27, 32; XLI, 9, 14, 20; XLII, 7, 8, 9, 14, 29; XLIII, 12, 17, 19; XLIV, 7, 11, 12, 24, 29, 34; XLV, 10, 14, 33; XLVI, 6, 14, 18, 19; XLVII, 10, 16, 20, 21, 27, 30, 41; Tb. I, 4

Sơn Nam Hạ: Chb. XLI, 13

Sơn Nam Thượng: Chb. XLI, 13

Sơn Tây: Chb. I, 11, 27, 34; III, 32; IV, 24; V, 39; VII, 4, 41; X, 16; XI, 29, 36; XII, 9, 46; XIII, 10, 31, 34; XV, 20; XVIII, 18, 20; XXI, 16, 18, 27, 28, 31, 33, 35; XXII, 32; XXIV, 4, 10, 11, 29, 31, 32; XXVI, 13, 14, 15, 24, 25, 32, 36, 41, 43; XXVII, 3, 4; XXVIII, 13; XXIX, 14, 23; XXX, 9, 17, 18, 21; XXX, 28; XXXI, 9, 14, 30; XXXII, 2; XXXV, 6, 13, 18; XXXVI, 8, 22, 29; XXXVIII, 6, 24, 25,

27, 29, 31, 38; XXXIX, 1, 2, 10, 17, 18, 25; XL, 2, 8, 10, 11, 29, 31, 34; XLI, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 13, 14, 15, 18, 24; XLII, 2, 12, 15, 21, 31 ; XLIII, 7, 11, 15, 17, 19, 21, 26; XLIV, 25; XLV, 2, 14, 16, 21; XLVI, 2, 5, 6, 19, 20, 21, 35, 38; XLVII, 8, 16; Tb. I, 2, 4; II, 7, 10, 11; III, 14; IV, 26; V, 30

SƠN THỌ: Chb. XIII, 16, 18, 35; XIV, 25, 26, 28

Sơn Trang bạch tộc: Chb. XLI, 16

Sơn Trang hắc tộc: Chb. XLI, 16

Sơn Tử bạch tộc: Chb. XLI, 16

Sơn Tử hắc tộc: Chb. XLI, 16

Sơn Vi: Chb. XI, 37; XX, 25; XXI, 18; XXVII, 8; Tb. I, 2

Sơn Vị Động: Chb. XXXIV, 37

Sơn Yêu: Chb. XXXIV, 27

Suất Tuân: Chb. XXXVI, 12

SÙNG (Cẩm Giàng vương): Chb. XXV, 33, 34; XXVI, 29, 30, 35

Sùng Bình: Tb. IV, 19

Sùng Hưng Đại Bảo: Chb. III, 14–20

Sùng Khang: Chb. XXVIII, 21–31

SÙNG LÂM: Tb. I, 1

Sùng Nghiêm: Chb. XXXVII, 16

Sùng Sơn: Chb. XX, 9

Sùng Trinh: Chb. XXXII, 1

Sùng Văn quán: Chb. XIX, 11

SƯ DỤNG HOÀ: Chb. II, 37, 45

SƯ HIỀN: X. TRẦN SƯ HIỀN

SƯ HỰU: Chb. XIII, 18

SỬ AN: Chb. XIV, 21

Sử của Ngô (Thì) Sĩ : Chb. I, 8, 12; II, 21, 45; III, 4, 5, 12, 20, 23; IV, 9, 19, 35, 41; V, 5, 6, 12, 14

SỬ HOÀNG: Tb. II, 31

Sử Ký: Chb. XIX, 2; XLIII, 31

Sử ký (NGÔ THÌ SĨ): Tb. II, 7

Sử ký (Trung Quốc) : Chb. XVIII, 7

Sử ký (TƯ MÃ THIÊN): Tb. II, 3; V, 22

Sử ký chính nghĩa: Chb. XXXI, 23

Sử ký sách ẩn: Tb. I, 33

SỬ LỘC: Tb. I, 10, 11

T

TẢ AO: Chb. XXXII, 25, 26

TẢ ĐỊCH: Chb. XII, 32

Tả Giang: Chb. XVII, 17

Tả Thanh Oai: Chb. XXXIX, 1; XLI, 11, 30; XLII, 2; XLVII, 3, 23

Tả Thị Xuân Thu: X. Xuân thu tả thị truyện

TẢ THIÊN đại vương: X. ĐỨC VIỆP

TẠ BƯU: Chb. XX, 25, 26

TẠ DANH THUỲ: Chb. XLV, 26-28; XLVI, 17

TẠ ĐĂNG HUÂN: Chb. XXXVII, 1, 2

TẠ MỘC: Tb. II, 4

TẠ PHƯỢNG: Chb. XIII, 13

TẠ THẾ PHÚC: Chb. XXXI, 14

TẠ TỬ ĐIÊN: Chb. XIX, 23

Tác Hồng: Chb. VIII, 44

Tái Thượng: Tb. I, 33

Tam Á: Chb. XXV, 16

Tam Chế: Chb. XXXII, 14

Tam Dương: Chb. XI, 36; XVIII, 18; XXI, 18; XXX, 5; XXXVI, 34; XXXVIII, 6; XLI, 3, 4; XLIII, 12

Tam Đái: Chb. XII, 12; XIII, 24, 25, 33; XIV, 18, 20; XX, 12, 13; XXI, 18, 27, 34; XXIX, 31; XLI, 4, 5; Tb. II, 10; V, 27

Tam Đảo: Chb. XI, 36; XVIII, 16, 18; XXIX, 31; XXXVI, 34; XXXVIII, 6, 28

Tam Đảo (núi): Chb. XXV, 12; XXVI, 3, 24

Tam Đăng: Chb. XXXII, 13

Tam Điệp (núi): Chb. XXIX, 20, 22

Tam Giang: Chb. XII, 11, 20, 32; XIII, 14, 32; XV, 5; XXI, 27; XXXVI, 5

Tam Giang (lộ): Chb. XI, 28, 29

Tam Giang (thành): Chb. XIII, 25, 35; XIV, 8

Tam Kỳ: Chb. XXXIII, 12 ; XXXVI, 12; XXXVII, 11 XLV, 16, 17;

Tam Kỳ (châu): Chb. X, 51

Tam Kỳ giang: Chb. XXII, 3

Tam Lộng: Chb. XXXIII, 16, 17; XXXV, 21; XXXVIII, 21

Tam Nông: Chb. V, 33; IV, 2; XXI, 18, 28, 31; XXXVI, 8; XLII, 15

Tam Sơn: Chb. XXIII, 41; XXVII, 13

Tam Sơn (giếng): Chb. XLIII, 24

Tam Tằng (núi): Chb. XLVII, 34, 35

Tam Trĩ nguyên: Chb. VII, 37

Tàm Châu: Chb. XXI, 16, 33; XXVIII, 26

Tản Viên: Chb. XI, 26, 27, 36; XVIII, 16, 18; XXV, 12; XLI, 16; XLV, 8 ; XLVI, 1

Tản Viên (núi): Chb. I, 34; III, 31, 32; IV, 24; XXXI, 11

Tang Cảng: Chb. XXI, 10

TẢNG: X. TRẦN QUỐC TẢNG

TÀO BÍNH: Tb. III, 22

TÀO HUYỀN TĨNH: Tb. IV, 20, 21

Tào Sơn: Chb. XLIII, 37

TÀO THÁO: Chb. XL, 15; Tng. 5, Phl. 12

Tào Xuyên: Chb. XXVIII, 8

Tảo Thượng: Chb. XXIX, 26

Tảo Xã: Chb. VI, 9

TẤT CHỈ NGOÃ: Chb. IX, 32

TẮC: Chb. X, 10

TẮC TỰ: Chb. XVII, 5

TĂNG: Chb. XIV, 8

TĂNG CỔN: Tb. II, 12; V, 9, 13, 14

TĂNG ĐẠC: Chb. XXV, 24

Tăng Thực: Tb. II, 5

Tầm Châu: Chb. III, 16, 19

Tầm Châu (Trung Quốc): Chb. XXI, 3

Tầm Hiệp: Tb. II, 1, 3

TÂN (con Lê Thánh Tông): Chb. XXII, 10, 11

TÂN (Kiến Vương): Chb. XXV, 29, 33, 35; XXVI, 30, 34

Tân An: Chb. XI, 29; XII, 20; XX, 30; XXI, 19, 25, 29

Tân Ấp (cửa biển): Chb. XXII, 1, 3

TÂN ÂN SỦNG: Chb. XXXIV, 25

Tân Bình: Chb. III, 29; VI, 23; X, 36, 39, 46, 47, 50; XI, 12, 27, 28; XII, 5, 20, 26, 27, 40, 46; XIII, 23, 24; XIV, 6, 7 ; XV, 5, 6, 10 ; XVI, 2, 9 ; XVIII, 13 ; XXI, 17, 23; XXVIII, 30

Tân Bình vương: Chb. XXIII, 3 X. KHẮC XƯƠNG (LÊ)

Tân Châu: Chb. III, 17, 19

Tân Châu (cảng): Chb. XVII, 30

TÂN ĐẾ DỊCH: Phl. 8

Tân Đường thư: Tb. II, 13

Tân Hoá: Chb. V, 8

Tân Hưng: Chb. VI, 28, 41; XIII, 24, 25, 32; XIV, 6, 14, 15; XV, 5; XXI, 18, 25, 27, 30, 34; XXX, 5 Tb. I, 3, 5, 20; IV, 20

Tân Hưng (làng): Chb. XVI, 29

Tân Manh: Chb. XXX, 5

Tân Minh: Chb. XIII, 10, 12

Tân Ninh (trấn): Chb. XI, 42

Tân Ninh bá: X. ĐÀM TRUNG

Tân Phong: Chb. XXI, 9; XXV, 2; XXIX, 24; XXXVIII, 24

Tân Phúc: Chb. XI, 18

Tân Thành hầu: X. TRƯƠNG PHỤ:

Tân Xương: Chb. XXI, 27; Tb. II, 8, 11; III, 12, 13, 14, 30; IV, 19

TẤN (con Hiến Tông): Chb. XXIV, 42

TẤN (uy mục đế): Chb. XXV, 16

Tấn Châu: Tb. IV, 36, 37

Tấn chí: Chb. XXIX, 24

TẤN CHƯỚC: Chb. XXXVII, 24

Tấn Hưng: Chb. XXXIV, 15

Tấn thân thục lục: Chb. XLI, 11

Tấn thư: Chb. XXXVII, 24; Tb. II, 19

TẤN TRÙNG QUÝ: Phl. 9

TẬP ĐÌNH: Chb. XLIV, 22, 23

Tất Lực: Tb. IV, 24

Tất Mã: Chb. XLVII, 13, 15

Tất Mã (sông): Chb. XXVII, 36; XXIX, 8

Tây Âu: Tb. I, 23, 26

Tây Bình: Chb. VII, 31; XI, 27

Tây Bình hầu: X. MỘC THẠNH:

Tây Chân: Chb. VI, 11; X, 35; XXX, 13

Tây Dương: Chb. XXXIII, 5, 6

Tây Dương (cầu): Chb. XIII, 29, 31

Tây Đạo: Chb. XIII, 32; XV, 5; XVII, 7; XVIII, 1, 2, 6, 10, 11; XXI, 30

Tây Để: Chb. XIX, 5, 6

Tây Đồ: Chb. I, 10; XI, 29, 40; XII, 16; XIII, 3, 13, 22, 26, 27; XIV, 25; XV, 25, 26; XVIII, 13; XXI, 20; XXV, 32, 33; XXVI, 17; Tnb. 3

Tây đô thành: Chb. XXVII, 22, 39; XXVIII, 13, 17; XXIX, 15, 24; XXX, 21

Tây Đồ Di : Tb. II, 13

Tây Giai: Chb. XII, 16

Tây Giai (phường): Chb. VIII, 24

Tây Giang: Tb. IV, 4

Tây Hồ: Chb. VI, 38; X, 2; XVII, 4, 5; XXIII, 28; XXIX, 19; XLIII, 35, 36; XLVI, 8, 9; Tb. II, 11

Tây Hồ (Thanh Hoá): Chb. XLIII, 26

Tây Kết: Chb. I, 17; VII, 39, 40

Tây Kinh: Chb. XV, 26, 31; XVIII, 29, 30; XIX, 15, 26; XX, 13; XXIII, 37; XXIV, 13, 18, 19; XXV, 7, 13, 23; XXVI, 10, 22, 29, 30, 31; XXVII, 3, 41; XXX, 12; XXXI, 26

Tây Lan: Chb. XXI, 18, 35; XXV, 25; XXX, 10 ; XLIII, 12

Tây Lâm: Chb. XII, 7

Tây Long: Chb. XII, 7

Tây Luông: Chb. XLVI, 19, 20, 21, 23, 31, 38; XLVII, 35

Tây Nhị Hà: Chb. XXXV, 6

Tây Nội: Chb. XXVII, 15

Tây Nông: Chb. II, 43-44; IV, 35, 37; XLVII, 28

Tây Phù Liệt: Chb. XIV, 8, 9 Tb. V, 28, 30

Tây Quan : Chb. XXI, 35 ; XLIII, 12

Tây Quyển: Tb. I, 20; II, 5

Tây Sơn: Chb. XLIV, 10, 22, 26, 27, 28; XLV, 5, 22, 32; XLVI, 24, 26, 28, 30, 31, 38; XLVII, 6, 44, 47

Tây Thiên (chùa): Chb. XXXVI, 34

Tây Tựu: Chb. XXVIII, 24 XLVII, 51

Tây Vu: Tb. II, 5, 14, 15

Tây Xuyên: Tb. V, 13

TỀ: Chb. X, 6

TẾ: Chb. XXXVIII, 28 ; XLI, 3

Tế Giang: Chb. VI, 12, 39; XX, 6; XXV, 2, 33 Tb. V, 28

Tha Mạc: Chb. VII, 36

THÁC HOAN: X. THOÁT HOAN

Thạch an: Chb. II, 42

Thạch Bàn đô: Chb. XX, 14

Thạch Bi (núi): Chb. XXII, 4, 5; XLIII, 27

Thạch Bi sơn: Tb. II, 14

THẠCH ĐÀI: Tb. II, 6, 7

Thạch Đường: Chb. II, 2

Thạch Giản: Chb. XL, 3; XLV, 12; XLVI, 23

Thạch Hà: Chb. I, 12, 38; II, 2; XII, 39; XIII, 10; XXI, 17; XXX, 12; XXXII, 10, 12, 15; XXXVI, 27; XXXVIII, 23, 29, 40 ; XL, 27, 32; XLII, 17; XLIV, 29; XLV, 3, 34; XLVI, 3, 16, 23, 30, 31; XLVII, 37

Thạch Kỳ: Tb. III, 23, 24

Thạch Lâm: Chb. IV, 41; XXI, 20; XXXIII, 26; XL, 13

Thạch Lâm (châu): Chb. XV, 27, 28

Thạch Lâm châu: Chb. XXVII, 36

Thạch Lưu: Chb. XXVII, 17

Thạch Môn: Tb. II, 1, 3

Thạch Thành: Chb. I, 33; XXI, 16; XXVII, 24, 25; XXVIII, 14, 20; XXXI, 15; XXXIX, 18; XLIII, 11

Thạch Thất: Chb. XIII, 10, 31, 34; XXI, 18; XXV, 17; XXVI, 39; XXVII, 4, 17; XXVIII, 29; XXIX, 10, 14, 19, 24; XXXVIII, 28; XL, 7, 8; XLI, 15, 18; XLIII, 12

Thạch Thất (điện): Chb. XXIV, 12, 13

Thạch Tích: Chb. XXI, 29

THẠCH VĂN THẠNH: Chb. XXXIV, 43, 44

THAI: Chb. XLII, 21

Thái [Sái] Phúc: Chb. XIII, 27; XIV, 2

Thái Bạt: Chb. XXIV, 34

Thái Bình: Chb. XX, 37; XXI, 18, 25, 26, 27; Tb. IV, 1, 11, 19

Thái Bình (cửa biển): Chb. XXXV, 5; XXXVII, 9

Thái Bình (niên hiệu Đinh Tiên Hoàng): Chb. I, 3-12

Thái Bình (Phủ): Chb. VI, 24, 40; IX, 29; XLVII, 12, 22

Thái Bình (Trung Quốc): Chb. XVII, 17, 18 ; XLVII, 43

Thái Bình hoàn vũ ký: Chb. XX, 17

Thái Bình hoàn vũ ký (nhạc sử nhà Tống): Tb. I, 2, 11, 17, 27, 33; II, 13; III, 9; IV, 3, 29; V, 8

Thái Bình phủ: Chb. I, 39; XII, 13

Thái Bình phủ (Trung Quốc): Chb. XXVII, 35; XXX, 19

Thái Bình quân: Chb. I, 24, 26

Thái Bình quân (Trung Quốc): Xem Liêm Châu

Thái Bình thôn: Tb. V, 22, 26

Thái Cân: Chb. XXII, 2, 3

Thái Cực (bến đò): Chb. XXVI, 27, 28

THÁI ĐIÊN: Chb. XII, 35

Thái Đức: Chb. XLVI, 15; XLVII, 40

Thái Đường: Chb. VI, 12; X, 48; XIX, 10; XXIX, 10

Thái Gia (cảng): Chb. XII, 39

Thái Hoà: Chb. XVII, 25-31; XVIII, 1-27; XIX, 5, 15, 27; XX, 9, 10; XXI, 6 ; Tb. IV, 36

Thái Hoà (huyện): Chb. XXXV, 6

Thái Hoà phường: Chb. III, 34

Thái Học môn: Chb. XXIII, 39

THÁI HUỆ TRÙ: Chb. XVI, 19

THÁI KHANG: Chb. IX, 27; XXII, 4, 5

THÁI KHẮC TUY: Chd. 4

THÁI KINH: Tb. V, 1, 2

Thái Nguyên: Chb. III, 11, 47; IV, 35, 37; VI, 23; VIII, 36; X, 1; XII, 20, 31, 32; XV, 5, 6, 27; XVI, 9; XVII, 17, 24, 29; XVIII, 14, 15, 30, 31; XIX, 4; XX, 2, 8, 19, 20, 35; XXI, 3, 16, 32, 35; XXII, 33; XXIV, 10, 11, 12, 31, 32; XXV, 35; XXVII, 2; XXVIII, 13; XXIX, 31; XXX, 5, 7, 25, 29; XXXI, 10, 11, 14, 21, 27; XXXIII, 22; XXXIV, 28; XXXV, 21, 38; XXXVI, 6, 12, 34; XXXVIII, 6, 10; XXXIX, 17, 18; XL, 2, 3, 11, 12, 13; XLI, 4, 7, 9, 13, 14; XLII, 2, 3, 12, 15 ; XLIII, 1, 2, 12 ; XLIV, 34, 35 ; XLVII, 16, 18, 27, 28, 38, 45 Tb. I, 4; IV, 19, 20

Thái Nguyên (Trung Quốc): Tb. IV, 37

Thái Ninh: Chb. III, 31 - 36

THÁI PHÚC: X. LÝ THÁI PHÚC:

THÁI QUÂN THỰC: Chb. XVI, 10, 24, 25

THÁI SĨ MINH: Chb. XVII, 2

THÁI TẬP: Tb. V, 1, 2

THÁI TỔ (Lê): Chb. XIX, 7, 8, 9, 25, 28; XX, 14; XXI, 4,

Thái Tổ tân (bến đò): Chb. X, 30

Thái Tông (Lê): Chb. XIX, 5, 7, 8, 9, 25; XX, 14; XXI, 4, 5

Thái Trinh: Chb. XXV, 12-16

Thái tử TRANH: Chb. XXIV, 22

Thái xá: Chb. XXVIII, 24; XXIX, 5

Tham (sông): Chb. I, 40

Thám Già: Chb. XVIII, 12, 13

Thang Châu: Tb. IV, 18, 19, 20

THANG NÃI: Chb. XVII, 17

Thảng Do: Chb. II, 42

Thanh (triều): Chb. XIV, 10; XVII, 17

Thanh Ba: Chb. XXI, 18; XXX, 10; XLII, 31

Thanh Bảo (thôn): Chb. XIII, 31

Thanh Bình: Chb. III, 10-11

Thanh Bình đạo: Chb. XXI, 21

Thanh Châu: Chb. XLIII, 15, 16, 19-21; XLV, 23

Thanh Chương: Chb. XIII, 22; XXI, 8, 16; XXVII, 5; XXVIII, 5; XXXII, 12, 20; XXXIV, 2; XXXVIII, 39; XXXIX, 24; XLIII, 4, 5; XLV, 16

Thanh Dương: Chb. XXV, 35

Thanh Đàm: Chb. XII, 27, 28, 29, 30; XIX, 15, 24; XXI, 17; XXIII, 43; XXIV, 13, 14; XXVI, 30, 31, 32; XXVII, 9; XXVIII, 14; XXXI, 7; X. Thanh Trì

Thanh Đán: Chb. XXVII, 23

Thanh Đô: Chb. XII, 1; XXI, 16, 20, 33; XXIII, 28, 29; XXVII, 10 ; XLIII, 11

Thanh Đô (trấn): Chb. XI, 27

Thanh Hà: Chb. XXI, 17; XXV, 25; XXVI, 22; XXX, 12, 13; XXXIX, 31, 33, 34; XL, 20; XLVII, 24, 25

Thanh Hoa: Chb. XXVI, 24, 25; XXVII, 6-12, 20-26, 29, 30, 37, 38, 40-42; XXVIII, 3, 8, 10, 12, 16-20, 24, 28, 31; XXIX, 6-33; XXX, 17, 21, 30; XXXI, 2, 3, 13, 19; XXXII, 20; XXXIII, 21, 29, 30; XXXIV, 6, 10, 33, 34, 49, 51; XXXV, 13; XXXVI, 5, 6, 8, 31; XXXVII, 30; XXXVIII, 1, 3, 6, 7, 12; XXXIX, 11, 17, 18, 20, 21, 24-27, 31; XL, 21, 29; XLI, 6, 13, 17, 19, 26; XLII, 5, 8, 9, 10, 14, 16, 22, 23, 25; XLIII, 1, 4, 5, 14, 15, 16, 17, 19, 26, 28, 29, 30, 34; XLIV, 8, 11, 15, 25; XLV, 3, 4, 7, 8, 18, 32; XLVI, 27, 37; XLVII, 2, 13, 15, 25, 30, 34, 37, 38, 40

Thanh Hoa sách: Chb. XXVI, 37

Thanh Hoá: Chb. I, 20, 27, 33, 40; III, 15; IV, 23, 29, 31; V, 6, 24, 25, 27, 30; VI, 6, 10, 19, 23, 27, 30, 32, 37, 38; VII, 16, 37, 40, 41; VIII, 8; IX, 23, 24, 29, 33; X, 11, 19, 26, 31, 35, 36, 37, 44, 47, 49, 50; XI, 6, 8, 11, 16, 26, 30, 35, 37, 40; XII, 16, 17, 20, 29, 31, 32, 45, 46; XIII, 1, 2, 13, 17, 22, 27, 35; XIV, 6, 7, 29; XV, 5, 6, 33; XVI, 2, 7, 17; XVII, 15, 27; XVIII, 8, 9, 12; XIX, 7; XX, 2, 3, 8, 9, 12, 18, 23, 33; XXI, 2, 3, 10, 15, 16, 20, 21, 22, 26, 33 XXII, 6, 32; XXIV, 10, 11, 32; XXV, 21, 25, 32, 33; XXVI, 13, 22, 25, 32, 36, 37, 41, 43; XXVII, 18; XXVIII, 28; XXIX, 2, 8, 12, 17, 23; XXX, 25; XXXII, 7, 15, 17; XXXVII, 17, 32; XXXIX, 18; XLII, 6, 16; XLIII, 11, 32; XLIV, 19, 27; XLVI, 39; XLVII, 15; Tb. I, 5, 20; II, 12; III, 9; IV, 18, 20

Thanh Lan: Chb. XXI, 18, 34; XXIII, 40; XXIV, 26; XXV, 25

Thanh Lãng: Chb. XX, 6

Thanh Lãnh: Chb. XL, 10, 11; XLI, 3, 4

Thanh Lâm: Chb. VI, 39; VII, 26; XVIII, 35; XIX, 28; XXI, 17; XXIV, 20; XXV, 35; XXVII, 8; XXX, 1, 2, 13; XXXI, 24; XXXIII, 12; XXXIV, 30; XXXVIII, 17, 19, 36 ; XLIII, 12, 32

Thanh Liêm: Chb. I, 4; X, 17; XXI, 17; XXIX, 31; XXVI, 2 ; XLIII, 12;

Thanh Miện: Chb. VI, 37; XII, 25; XXI, 17; XXVI, 19; XXXVII, 11; XXXVIII, 14; XLIII, 12; XLVII, 22

Thanh Nê: Chb. XLVI, 8

Thanh nhất thống chí: Chb. I, 42; II, 41, 45; IV, 27, 43; V, 25 Tb. IV, 6, 14, 30, 34; V, 5, 12

Thanh Nhất Thống (chí) *X. Nhất thống chí (Thanh)*

Thanh Oai: Chb. VIII, 42; XIII, 27, 31; XVII, 22; XXI, 17; XXII, 36; XXIV, 8, 13, 14; XXV, 36; XXVI, 19, 30, 33; XXVII, 9, 17; XXVIII, 3; XXIX, 28, 31, 32; XXXI, 5; XXXII, 13; XXXIII, 25; XXXVIII, 21; XXXIX, 1; XLI, 11, 30; XLII, 2; XLV, 18, 22; XLVI, 32; XLVII, 3, 23, 32 Tb. V, 29

Thanh Quan: Chb. XXI, 27, 34; XLI, 6; XLIV, 11; XLVII, 12

Thanh Quyết: Chb. XLVI, 38, 39; XLVII, 13-15

Thanh Sơn: Chb. XXI, 35

THANH THÁI TỔ: Phl. 7

THANH THÁI TÔNG: Phl. 7

Thanh thần: Chb. XXIX, 32

Thanh Thuỷ: Chb. XXXIV, 29; XLVII, 51

Thanh Thuỷ (Suối): Chb. IX, 29

Thanh Trì: Chb. VI, 26; IX, 6; X, 29; XIII, 26; XIV, 9; XVII, 26; XXIV, 19; XXV, 22; XXVI, 24, 33; XXVIII, 17; XXIX, 19; XXXI, 7, 18, 25, 26, 27, 31; XXXII, 4; XXXIII, 22; XXXVII, 11, 34; XXXVIII, 16; XXXIX, 31; XL, 4; XLII, 10; XLIII, 3, 6; XLIV, 8; XLV, 5, 23, 31; XLVI, 7, 8, 9, 23, 31, 33; XLVII, 4, 13, 32, 40, 42

Thanh Trì (huyện): Tb. IV, 3; V, 30

Thanh Tương: Chb. XXVIII, 31

Thanh Vị: Chb. XXIII, 30

Thanh Xa (mán): Chb. IX, 34

Thanh Xuân: Chb. XXIX, 28; XXXI, 19

Thanh Xuyên: Chb. XXI, 19, 35

THÀNH: Chb. XLII, 8, 10

Thành Cách: Chb. XII, 28

Thành Hoá: Chb. XIX, 28; XX, 1-10; XXI, 11-21; XXII, 6, 28

Thành nhà Hồ (Hồ Thành): Chb. XII, 16

Thành quốc công: X. CHU NĂNG

Thành Sơn hầu: X. VƯƠNG THÔNG

Thành Thị (làng): Chb. X, 48

THÀNH TRÁC: Chb. III, 43

Thành Trung xã: Tb. IV, 16

Thành Tuấn: Chb. XXXVI, 12

THÀNH VĂN: Chb. XXXV, 26

THÀNH VƯƠNG: Chb. XI, 19

THÀNH VƯƠNG KỲ NGỌC: Chb. XVIII, 27

Thánh Chủ (núi): X. Kính Chủ

Thánh Nguyên: Chb. XI, 36-38

Thánh Tông: Chb. XXVI, 8, 9; XXXIII, 7, 13 ; XLVII, 49

THÁNH TƯ phu nhân: Chb. IX, 2

Thao (sông): Chb. XXXIX, 17, 18

Thao Giang: Chb. IV, 1-2; V, 33; VI, 41; VII, 4; XI, 29; XII, 13; XXIII, 1; XXX, 20; Tb. V, 26

Thảo nhàn hiệu tần: Chb. XIII, 5

Thảo nhàn hiệu tần thi: Chb. XI, 3

Thảo tân: Chb. XXIX, 33; XXX, 2, 10, 12

Thát Đát: Chb. V, 14

Thăng: Chb. XII, 42, 43

Thăng Bình: Chb. X, 21 ; XVII,

30; XXII, 9 ; XLIV, 28, 29; Tb. IV, 16

Thăng Châu: Chb. XI, 42; XXII, 8

Thăng Hoa: Chb. XII, 1, 20, 42; XXII, 7, 8, 9; XXIV, 31

Thăng Hoa (lộ): Chb. XI, 42

Thăng Hoa (phủ): Chb. X, 20

Thăng Hoa lộ: Chb. XII, 18

Thăng Long: Chb. II, 10; VI, 9, 25; XI, 29; XVI, 2; XXI, 32, 33; XXIII, 27, 37; XLVI, 19, 24, 27, 29, 38; XLVII, 7, 14, 15, 20, 21, 22, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 39, 40, 42, 48, 51; Tb. II, 7

Thăng Long thành: Chb. II, 9-10, 11, 24; III, 34, 40; XXVII, 15; XXVIII, 1, 14; XXIX, 4, 5, 12, 15, 17, 19, 23, 25, 26, 27, 31, 33; XXX, 2, 3, 12, 17; XXXIII, 15, 25

THẮNG KIỀN, X. LÝ THẮNG KIỀN

Thắng Lãm (xã): Chb. XIII, 31

THẨM: Chb. XLV, 20, 22

Thẩm Cô: Chb. XLIII, 21

THẨM ĐÀO: Chb. XXV, 24

THẨM HOÀI VIỄN: Tb. II, 11

THẨM HOÁN: Tb. III, 29, 30

THẨM KHỞI: Chb. III, 35

Thẩm Toán: Chb. XXXVI, 31

Thân chinh ký sự: Chb. XXIII, 40

THÂN DUY NHẠC: Chb. XXVI, 10

THÂN ĐỨC TÀI: Chb. XXXIV, 13, 14

THÂN KHOÁI: Chb. VIII, 34

THÂN LỢI: Chb. IV, 35-38, 39-40, 42

THÂN NHÂN TRUNG: Chb. XV, 2 ; XXIII, 40, 41 ; XXIV, 27, 28 ; XLII, 16

THÂN TẤN: Chb. XXXII, 37, 38; XXXIV, 1, 4, 10

THÂN THIỆU THÁI: Chb. II, 32, 33; III, 24

THÂN VĂN QUANG: Chb. XXXII, 13, 14

Thân Vũ: Chb. III, 28-31

THÂN XUÂN THỰ: Chb. XLV, 10, 11

THẦN ANH PHU NHÂN (mẹ Lý Thần Tông): Chb. IV, 19

Thần Đầu: Chb. X, 42, 49; XL, 1

Thần Đầu (cửa biển): Chb. I, 39, 40; V, 11; XXVIII, 6

Thần Khê: Chb. XI, 37; XXI, 18, 27 ; XXXVIII, 23; XLI, 6; XLIII, 11; XLVI, 14

Thần Lộ: Chb. XXXIX, 19

Thần Phi : X. Ỷ LAN PHU NHÂN:

Thần phi HIỂN TRINH: Chb. X, 34

Thần Phù: Chb. I, 40; XL, 1

Thần Phù (cửa biển): Chb. X,

41; XXV, 33; XXVIII, 5, 6, 8, 9, 24, 25

Thần Phù cảng: Chb. XXI, 10

Thần Phù xã: Chb. XXV, 34

Thần Tông: Chb. XXXII, 7; XXXIII, 2, 11, 39

Thần tông (Lê) kỷ: Chb. XXXI, 18-32

Thần tông hiếu chiêu (Nguyễn): Chb. XXXI, 29

Thần Tông kỷ: Chb. XXXII, 7 - 41

Thận Đức: Chb. XXX, 19; XXXI, 1-7 ; XLV, 32

Thận Vi: Chb. XLIII, 37; XLV, 10, 11, 12

Thập nhị Sứ quân, X. Mười hai Sứ quân:

Thập quốc xuân thu (NGÔ NHẬM THẦN): Tb. V, 31

Thập tam châu chí (HÁM NHÂN): Tb. II, 16

Thất Khê: Chb. XXI, 35; XXXII, 39; XXXIII, 24

Thất Nguyên: Chb. XXVII, 2

Thất Nguyên châu: Chb. II, 25

Thất Truyền: Chb. XXXII, 39; XXXIII, 24

Thất Tuyền: Chb. XXI, 19, 35; XXX, 25

Thâu Bồ: Chb. XXIII, 29, 30, 31

THẾ: Chb. XLV, 20, 22

Thế Lại: Chb. XXVIII, 32

THẾ PHỒN: Chb. XXXIV, 5

THẾ SUNG: Chb. VIII, 34

THẾ TỔ (Nguyễn): Chb. XLVII, 47

THẾ TÔNG: Chb. XXXIII, 7; XXXIV, 7

THẾ TÔNG (Lê): Chb. XXIX, 1-4

Thế tông kỷ: Chb. XXIX, 5-34; XXX, 1-30

Thi Lang: Chb. XIII, 13, 14

Thi Lãng: Tb. IV, 35

Thi Lâm: Chb. XXXVII, 30

Thi Nại: Chb. XXI, 28; XXII, 2

Thi Nại (cảng): Chb. X, 40, 41

Thi Nại (cửa biển): Chb. XVII, 29, 30

THI SÁCH: Tb. II, 10

Thị Cầu: Chb. XVIII, 35; XL, 4, 10; XLVII, 34, 35

Thị Cầu (thành): Chb. XIII, 35; XIV, 6, 7, 8

Thị Kiều (trạm): Chb. XXV, 1, 2

THÍCH CA MÂU NI: Chb. IX, 19

THÍCH DỤC: Chb. XXXIV, 13, 16

Thích kinh: Chb. XVI, 15

Thích Thị yếu lãm: Chb. XVI, 15

THIÊM BÌNH: X. TRẦN THIÊM BÌNH

THIÊM LIÊN: Chb. XLVI, 14

Thiêm Lộc: Chb. XXXII, 26

Thiên Bản: Chb. I, 8; XIII, 26; XX, 21; XXI, 18; XXXII, 23 ; XLV, 28

Thiên Biểu: Chb. XXVII, 13

THIÊN BÌNH: X. THIÊM BÌNH

Thiên cảm chí bảo: Chb. V, 16-18

THIÊN CẢM phu nhân: Chb. VI, 46

Thiên Cảm Thánh Vũ: Chb. III, 7-13

Thiên Cầm (Đàn trời): Chb. XII, 19

Thiên Cầm (Trời bắt): Chb. XII, 18, 19

THIÊN CHÂN công chúa: Chb. IX, 30

Thiên Chương Bảo Tự: Chb. IV, 30-33

Thiên Chương Hữu Đạo: Chb. V, 40-41

THIÊN CỰC công chúa: X. HUỆ HẬU

Thiên Cương (làng): Chb. X, 1

Thiên Đức : Chb. XXXI, 6 ; XLVI, 2

Thiên Đức (niên hiệu Lê Bảng): Chb. XXVI, 41

Thiên Đức (sông): Chb. II, 11; XI, 14; XXVI, 32

Thiên Đức giang: Tb. I, 16

Thiên Đức phủ: Chb. II, 10-11, 21, 32

Thiên Gia Bảo Hựu : Chb. V, 27-30

Thiên Hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư: Chb. II, 1, 45; V, 30; XIII, 9, 13; XIV, 28; XXIII, 29; XXV, 27; XXVII, 28

Thiên hạ quận quốc lợi bệnh toàn thư (Minh): Chb. XV, 1

Thiên Hiến (niên hiệu Lê Do): Chb. XXVI, 41

Thiên Hoà cung: Chb. XIX, 6

Thiên huống bảo tượng: Chb. III, 28

THIÊN HUY công chúa: Chb. X, 42; XI, 19

Thiên Hưng: Chb. XIX, 1; XXI, 30

Thiên Hưng (niên hiệu NGHI DÂN) : Chb. XVIII, 35

Thiên Hưng (trấn): Chb. XI, 27

Thiên Hưng trấn: Chb. III, 11

Thiên Hựu: Chb. XXVIII, 7-10

Thiên Khánh (niên hiệu của Trần Cao): Chb. XIII, 34

Thiên Kiện (núi): Chb. X, 17, 46; XXV, 34; XXVI, 17

Thiên Liêu: Chb. X, 12

Thiên Lộc: Chb. XXI, 16; XXIX, 11; XXXI, 14; XXXII, 12, 13, 14, 15, 19, 29; XXXIV, 30;

XLI, 9; XLIV, 28; XLVI, 38; Tb. IV, 23

THIÊN LỘC: X. LÝ THIÊN LỘC

Thiên Lộc huyện: Chb. I, 12

THIÊN LÝ: X. CAO BIỀN:

Thiên Mạc: Chb. XXXVII, 13

Thiên Mạc (sông): Chb. VI, 41; VII, 37, 40, 41

Thiên Mỗ: Chb. XXVI, 28; XXVII, 6; XXXVIII, 20

Thiên Nam dư hạ tập: Chb. XIX, 11; XX, 3, 19, 31, 36; XXII, 7, 13; XXIII, 7, 12, 36, 40; XXIV, 37; XLIII, 16

Thiên Nam đế tử: Chb. XXXIX, 17

Thiên Nam động chủ: Chb. XXIII, 1

Thiên nam hành kỷ: Chb. VII, 25; VIII, 10, 12

Thiên Nam trung nghĩa lục: Chb. II, 8

THIÊN NINH công chúa: X. NGỌC THA

Thiên Ninh điện: Chb. XXXIII, 39

Thiên Phái (sông): Chb. XXIX, 29, 30

Thiên Phù Duệ vũ: Chb. IV, 11,15

Thiên phù khánh thọ: Chb. IV, 16-17

Thiên Phúc: Chb. I, 12-23; XL, 12; XLIII, 2, 3

Thiên Phúc (chùa): Chb. XXIV, 40, 41

Thiên Quan: Chb. XII, 31; XIII, 24, 25; XXI, 18, 20, 21, 26; XXVI, 2, 31; XXVIII, 13, 15, 18, 31; XXIX, 13, 18, 24; XXXIII, 29, 30; XXXVI, 6, 8; XXXVII, 30; XXXIX, 17; XLIII, 11; Tb. V, 25

Thiên Quan (trấn): Chb. XI, 27

Thiên Quan thư: Chb. XIX, 2

THIÊN SÁCH VƯƠNG: X. NGÔ XƯƠNG NGẬP

Thiên Thành: Chb. II, 25-37

THIÊN THÀNH công chúa: Chb. VI, 33

Thiên Thi: Chb. VIII, 42; XXI, 18, 27; XXV, 2, 15; XXX, 5, 2 ; XLIII, 12

Thiên Thu (bến): Chb. IV, 11

Thiên Thuận: Chb. IV, 18-29; XIX, 1-26

THIÊN THUỴ công chúa: Chb. VII, 27, 28; IX, 1, 2

Thiên Thượng hoàng đế: X. LÊ NGẠ: Chb. XII

THIÊN TỘ: X. LÝ THIÊN TỘ

Thiên Tôn (núi): Chb. XXVII, 41

THIÊN TRẠCH: X. TRẦN THIÊN TRẠCH

Thiên Trường: Chb. V, 34; VI,

23; 27-30; VII, 4, 7, 23, 39; VIII, 10, 14, 25; 27-30, 40; IX, 13, 18, 27; X, 17, 33, 35, 36, 41; XI, 28; XII, 23; XIII, 13, 24, 32; XIV, 14; XV, 5, 6; XX, 2, 3, 8, 13, 35; XXI, 16, 18, 26, 27; XXVIII, 10

Thiên Tư gia thuy: Chb. V, 23-27

Thiên Uy cảng: Tb. V, 11, 12

Thiên Ứng (niên hiệu Trần Cao): Chb. XXVI, 30

Thiên Ứng chính bình: Chb. VI, 11-33

THIÊN XUÂN: Chb. IX, 18

Thiên Xuân (chùa): Chb. XXIX, 26-27

Thiên Xương: Chb. XII, 1, 2

Thiên Xương phủ: Chb. XXI, 20

Thiện chính lục: Chb. XXXII, 30; XXXIV, 7, 19

Thiện Phiến: Chb. XIII, 36

Thiện Tài: Chb. XXIV, 8

Thiện Xiển: Chb. VII, 20; Tb. V, 8, 9

THIẾP TRỤ: Chb. IX, 35

Thiết Cảng: Chb. XXI, 11, 40

Thiết Giáp cảng : Chb. XLVII, 30

Thiết Khoan: Chb. XX, 21

Thiết Sơn: Chb. IX, 35; XL, 4; XLII, 10

Thiết Thượng: Chb. XXXVIII, 21

THIẾT TRỤ: Chb. IX, 35

Thiết Ứng: Chb. XLIII, 14

Thiếu Châu: Chb. XLIII, 1, 3

THIỀU DUNG CÔNG CHÚA: Chb. IV, 40

THIỀU DUY TINH: Chb. XX, 28, 37

THIỀU DƯƠNG CÔNG CHÚA Chb. VII, 18

THIỀU THỐN: Chb. IX, 19

THIỀU TÔN HỢP: Chb. XLVII, 6

Thiếu Khang: Chb. XLVII, 48, 49

Thiếu Vi: Chb. XLIV, 25

THIỆU: Chb. XLIV, 32

Thiệu Bảo: Chb. VII, 21-32; IX, 32; X, 15

Thiệu Bình: Chb. XVI, 1-33 ; XVII, 1-19 ; XXIV, 1 ; XLI, 10

THIỆU CHẤN: Chb. XIX, 27

Thiệu Hoá: Chb. XIII, 2; XV, 7, 33; XXI, 33; XXV, 33; XXVII, 8, 25, 37, 42; XXVIII, 28, 29; XXIX, 17, 26; XXXIV, 35

THIỆU HƯNG: Chb. I, 40

Thiệu Khánh: Chb. X, 24-33

Thiệu Long: Chb. VI, 45-46; VII, 1-14; IX, 19

THIỆU LÝ: Chb. I, 40

Thiệu Minh (niện hiệu Lý Anh Tông): Chb. IV, 34

Thiệu Phong: Chb. IX, 40-49; X, 1-11, 37

Thiệu Thành: Chb. XI, 39-44

Thiệu Thiên: Chb. XXI, 16, 20, 33; XXVI, 31; XXXIV, 34; XXXVI, 6

Thiệu Việp: Chb. I, 42

Thiệu Vũ: Chb. IX, 26

THINH (LÊ): Chb. XV, 6, 7; XVII, 3

Thịnh An: Chb. XXXIII, 15

Thịnh Đức: Chb. XXXII, 9-20; XXXIII, 10 ; XLIV, 22

Thịnh Liệt: Chb. XXVIII, 3; XXXI, 12, 28; XXXII, 38; XLV, 5; XLVI, 9

Thịnh Mĩ: Chb. XXVI, 36; XXX, 4; XXXIX, 26; XLI, 3; XLII, 4; XLIII, 24

Thịnh Quang: Chb. XXVII, 17; XXIX, 20

Thịnh Quang (phường): Chb. VI, 21

Thọ Hạc: Chb. XLVII, 40

Thọ Lãnh huyện: Chb. III, 29

Thọ Xuân: Chb. XIII, 2; XXI, 16, 33; XXVII, 37; XLIII, 11, 14

Thọ Xương: Chb. III, 22; IV, 6; X, 30; XXI, 20, 35; XXV, 36; XXVI, 4, 28, 33; XXVII, 11; XXIX, 33; XXXII, 29; XXXIII, 15; XXXIV, 5, 30; XL, 4; XLI, 19; XLII, 1; XLIII, 34; XLIV, 1, 23 Tb. IV, 32

Thọ Xương (sông): Chb. XLVII, 18

Thọ Xương (xã): Chb. XIII, 12

Thoái thực ký văn: Chb. V, 1

THOÁN CỐC: Tb. III, 10

Thoán Cốc PHÀN CỐC: X. : Tb.

THOÁN NĂNG: Tb. III, 11, 13

Thoát Châu: Chb. XX, 26

THOÁT HOAN: Chb. VII, 26, 28, 29, 30, 33, 35, 40, 41, 42, 43; VIII, 1, 2, 3, 6, 7, 8, 17, 18

Thoát Lãng châu: Chb. XX, 26; XXI, 19

Thổ Du: Chb. XIII, 21, 22; XLIII, 5

Thổ Đôi: Chb. XXXII, 29

Thổ Hào: Chb. XXXIX, 24

Thổ Khối: Chb. X, 3; XXIX, 27

Thổ Lỗi (làng): Chb. III, 26

Thổ Phồn: Chb. XXIII, 29; Tb. IV, 35

Thổ Sơn: Chb. XLVII, 13, 15

THỐC THUỶ: X. TƯ MÃ QUANG

Thôi (thôn): Chb. XIII, 13

THÔI CẢNH THÚC: Tb. III, 32

THÔI TỤ: Chb. XIV, 9, 10, 17, 19, 21, 22

THÔNG: Chb. XL, 16

Thông chí (TRỊNH TIỀU): Tb. I, 5, 6

Thông Điển (ĐỖ HỰU): Tb. II, 13, 14

Thông giám: Tng. 3

Thông giám cương mục(Trung Quốc): Chb. V, 38

Thông giám kỷ sự: Chb. XXVII, 34

Thông giám tập lãm: Chb. VI, 43; VIII, 37 ; XII, 5; XIII, 6; XIV, 10, 20, 25; XLIII, 33; Phl. 7, 13, 14

Thông Hoá: Chb. XX, 19, 20; XXI, 19, 32; XXXV, 29; XLIV, 35

Thông Nông: Chb. IV, 41 X. THẠCH LÂM

Thông Nông (châu): Chb. XX, 20, 21

Thông Quang: Chb. XXIII, 32, 34

Thông sử: Chb. XXVI, 21; XXVII, 38

Thông sử (của LÊ QUÝ ĐÔN): Chb. XIII, 20; XV, 22, 32

Thông Thuỵ: Chb. II, 38-43

Thống Nguyên: Chb. XXVII, 5-15

Thu Bồn: Chb. XI, 41; XLIV, 22

Thu Châu: Chb. XXVII, 2; XXIX, 10; XXXVIII, 25

Thu Hoạch: Chb. XLIV, 28; XLVI, 38

Thu Phố: Chb. XXVIII, 12

Thu Vật: Chb. XVII, 20; XXI, 19; XXXVIII, 24

Thù du: Chb. XXVII, 2

THỤ (con hoàng Phùng Cơ): Chb. XLVI, 20

Thụ mệnh: Chb. XXXIII, 12

THUẦN (con Lê Hiến Tông): Chb. XXIV, 41, 42

THUẦN (Lê Túc Tông): Chb. XXV, 14

Thuần Hựu: Chb. X, 35; XXVI, 36; XXVIII, 20, 28

Thuần Khang: Chb. XXI, 9, 16

Thuần Lộc: Chb. XXI, 33; XXVI, 37; XLII, 16

Thuần Lương: Chb. XL, 1

Thuần Mậu đường: Chb. XXI, 37; XXII, 31

Thuần Mĩ: Chb. XXXVII, 11

Thuần Mĩ điện giám: Chb. XXVI, 25

Thuần Phúc: Chb. XXVIII, 17-19

THUẦN TÔNG: Chb. XXXVIII, 31

Thuần Tông kỷ: Chb. XXXVII, 28-34

Thuấn: X. NGU THUẤN

THUẤN (đế): Tb. III, 5

Thuận An: Chb. X, 3-4; XXI, 18, 25, 28; XXVII, 6; XXIX,

31; XXX, 6; XXXV, 24; XXXVIII, 33, 39; XL, 30

Thuận An (phủ): Chb. XIII, 35; XIV, 4

Thuận An phủ: Tb. V, 30

Thuận Bình: Chb. XXI, 17, XXII, 6; XXVII, 43; XXVIII, 1-7

Thuận Châu: Chb. I, 28; III, 41, 42, 44; IV, 39; VIII, 44; XII, 39; XVII, 1, 20; XVIII, 13; XX, 16, 17, 18; XXI, 19, 23, 24; XXIII, 28, 29; XXIV, 10, 11; XXVII, 33, 34

Thuận Đức: Chb. XXXI, 29; XXXIII, 25 Tb. V, 22

Thuận Hoá: Chb. I, 28; X, 36, 39, 46, 47, 50; XI, 12; XII, 5, 20, 27, 29, 40; XIII, 23, 24; XV, 5, 6; XVI, 2, 9; XVIII, 13; XX, 2, 3, 8, 34; XXI, 16, 17, 23, 24, 33; XXII, 1, 7, 8, 33; XXIV, 10, 11, 28, 31, 32; XXV, 27; XXVIII, 11, 22, 30, 31, 32; XXIX, 3; XXX, 4, 25; XXXI, 3, 5, 11, 12, 22; XXXVI, 5; XLIV, 11, 12, 20, 21, 23, 28, 29, 34; XLV, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 33, 34; XLVI, 3, 15, 17, 27; XLVII, 5; Tb. I, 4

Thuận Mối: Chb. XVII, 20

Thuận Nghĩa: Chb. XLII, 31

Thuận Pháp: Chb. IV, 43

Thuận Thành trấn: Chb. XXII, 4, 5

THUẬN THÁNH hoàng hậu: Chb. XI, 3, 30, 32

Thuận Thiên: Chb. XIX, 25; XV, 1-33; XVI, 9; XXV, 4

Thuận Thiên (niện hiệu Lý Thái Tổ): Chb. II, 8-25

Thuận Thiên công chúa: Chb. V, 41. Xem thêm Lý Phật Kim

THUẬN THIÊN THỪA VẬN DUỆ VĂN ANH VŨ ĐẠI VƯƠNG: X. LÊ LỢI

THUẬN TRỊ: Chb. XXXII, 1, 29

THUẬN TỪ hoàng thái hậu: Chb. X, 34

THUẬT DƯƠNG VƯƠNG: Tb. II, 6

THÚC DAO: X. TRẦN THÚC DAO

THÚC DỰ: Chb. I, 1

THÚC QUỲNH: X. TRẦN THÚC QUỲNH

Thục: Tb. III, 11

THỤC AN DƯƠNG VƯƠNG: X. THỤC PHÁN

THỤC ĐỨC hoàng hậu: Chb. X, 34

THỤC PHÁN: Tb. I, 7, 8, 9-19

THỤC TOẠI: Chb. XLV, 10, 11

Thuỷ Chú (xã): Chb. VII, 37

Thuỷ Đường: Chb. XIII, 11; XIX, 28; XX, 22; XXI, 17; XXV, 20; XXVI, 25, 26; XXX, 22, 23; XXXVII, 16 ; XXXVIII,

1; XLIII, 12; XLVII, 26, 27; Tb. V, 19

Thuỷ Hưng: Tb. II, 3; III, 30, 31

Thuỷ Khẩu: Chb. XXXIV, 13

Thuỷ Khẩu (cửa ải): Chb. XLVII, 32

Thuỷ kinh chú: Tb. II, 2, 7, 11, 12, 14

Thuỷ Liên (xã): Chb. XII, 5

Thuỷ vân tuỳ bút: Chb. XIII, 5

Thuỷ vân tuỳ bút tập: Chb. IX, 16

Thuỷ Vĩ: Chb. XI, 1; XIV, 21; XXI, 19; XXV, 27; XXXIV, 20, 21, 26, 27, 28, 43; XLII, 15

Thuỷ Xá: Chb. XXII, 5

Thuỷ Cam: Chb. XXXIII, 25

Thuỷ Chân Lạp: Chb. XLVII, 5; Tb. IV, 24, 39

Thuỷ Chú: Chb. XIII, 2; XXV, 35; XXVI, 2, 33; XXVII, 8, 27

Thuý Ái : Chb. XXIV, 19; XXVI, 11

Thuý Ái (sông): Chb. XLVI, 20, 22, 23

Thuý Ái (xã): Chb. XLVI, 23

Thuý Đà: Chb. XXVII, 18

Thuý Ngọc điện: Chb. XXII, 37

Thuý Vân: Chb. XXI, 17

Thụy Anh: Chb. XIX, 15; XXI, 18; Tb. IV, 2

THỤY BÀ: Chb. VI, 34

THỤY BẢO: Chb. VIII, 43

Thụy Chương: Chb. XI, 31; XLIII, 19

Thụy Chương phường: Chb. XXVI, 23

Thụy Hương: Chb. XXVI, 13; XXXVIII, 1

Thụy Hương xã: Tb. I, 13

Thụy Khuê: Chb. XXIV, 41; XXIX, 14

Thụy Lôi: Chb. XLVII, 51

Thụy Nguyên: Chb. XIII, 2, 3, 36; XV, 7, 33; XVIII, 12; XXI, 16; XXVII, 24, 42; XXVIII, 27, 28; XXIX, 1, 2, 6; XXXI, 31; XXXII, 19; XXXIII, 12, 14, 23, 39; XXXIV, 34; XXXVII, 32; XXXVIII, 12, 21; XXXIX, 2; XLII, 6; XLIII, 32, 36; XLVII, 15

Thụy Quang: Chb. XXVII, 5

Thụy Quang (cung): Chb. XXVI, 32

THUYÊN: X.TRẦN THUYÊN

Thuyết văn: Tb. IV, 8

Thư: Chb. XV, 11

Thư Trì: Chb. V, 22; XXI, 18; XXII, 3, 4; XXXII, 12; XXXIX, 31; XLVII, 51

Thư truyện: Tb. II, 31

Thử Cốc: Chb. XXXVIII, 21

THỨ CÔNG: Tb. I, 29

THỪA: X. TRẦN THỪA

Thừa Hoa điện: Chb. XXIV, 19

Thừa Thiên: Chb. I, 28; III, 9; XLIV, 19, 24, 30; Tb. I, 20; III, 21; IV, 16

Thừa Thiên phủ: Chb. XX, 25, XXI, 24, 33, 34

Thửa Hoá: Tb. I, 2; II, 8; IV, 19

Thực hóa chí: Chb. XXXIV, 50

Thực lục: Chb. IX, 43

Thương Ngô: Tb. I, 11, 31, 33; II, 1, 3, 4, 5, 7, 8, 29, 31; III, 5, 10, 12

THƯỜNG HIẾN : X.LÝ THƯỜNG HIẾN

Thường Tân: Chb. II, 18, 41

Thường Tín: Chb. XIV, 9; XXI, 17, 27; XXVI, 24; XXVII, 9; XXXIII, 2; XXXVI, 23; XXXVIII, 30 ; XL, 30; XLIV, 8

Thưởng Trì cung: Chb. XXXVII, 15, 19

Thượng cát: Chb. XXV, 2

Thượng Cung xã: Tb. V, 29

Thượng Dã: Chb. XLII, 15: XLIII, 3

THƯỢNG DUY THĂNG: Chb. XLVII, 40, 41

Thượng Dương thái hậu DƯƠNG THỊ (Vợ Lý Thánh Tông): Chb. III, 31, 32

Thượng Đáp: Chb. XXVII, 8

Thượng Hào: Chb. XXXVIII, 39

Thượng Hiền: Chb. VI, 30; XXXVIII, 23

Thượng Hồng: Chb. XIII, 24, 26, 32; XV, 5; XXI, 17, 25, 34; XXIX, 31, 33; XXX, 5; XXXVIII, 35; XXXIX, 9; XL, 20; Tb. V, 14

Thượng Lang: Chb. III, 3; XXI, 19, 35; XXXIII, 26 ; XL, 13; XLVII, 51

Thượng Lâm: Chb. XXI, 12, 13

Thượng Ngu: Tb. II, 23, 25

Thượng Nguyên: Chb. IV, 35, 37; XV, 1; XXI, 18; XXVIII, 24; XXXVIII, 23 ; XLIII, 12, 37, XLV, 12

Thượng Nông: Chb. IV, 37

Thượng Phúc: Chb. III, 32; VII, 41; XI, 37; XVII, 12; XIX, 28; XX, 36; XXI, 17; XXIII, 35; XXIV, 24; XXV, 11, 2, 25; XXVI, 18; XXVII, 9, 21; XXVIII, 17; XXXI, 28; XXXVIII, 30; XXXIX, 6; XL, 32; XLI, 24; XLVII, 40, 42; Tb. V, 23, 29

Thượng Thanh Oai: Chb. XXVI, 19

Thượng thư: Tb. II, 31

Thượng Trì: Chb. XXVIII, 21; XXXVIII, 21

Thượng Tư Lãng: Chb. III, 3

Thượng Uy châu: Chb. II, 33

Thượng Xá: Chb. XLVII, 11;

Thượng Yên Quyết: Chb. XXVII, 7

Ti Lẫm: Chb. XXI, 29; XXVII, 35

Ti Phù: Chb. XXVII, 33, 35

Tì Bà: Chb. XLVII, 17, 51

Tỉ Ảnh quận: Chb. XXI, 23

Tị ảnh: Tb. I, 20; II, 5

TÍCH LỆ CƠ NGỌC: Chb. VIII, 7, 9, 11

TÍCH QUANG : Tb. II, 8, 9

TỊCH ĐÀM: Dch. I, 1

TIÊM: Chb. XXIII, 31

Tiêm - [la]: Chb. IX, 8, 34

Tiêm La: Chb. IV, 43-44; V, 22; XII, 40; XVII, 14; XX, 36; XXVII, 20; XLIII, 33; Tb. IV, 24

Tiêm La Hộc: Chb. IV, 43

Tiềm long thục lục: Chb. XLIII, 16

Tiên An: Xem Tân An

Tiên Bình: Chb. III, 29

Tiên Du: Chb. I, 27; V, 40; X, 33, 52: XI, 37; XV, 28; XVI, 6; XXI, 18; XXVI, 37; XXVIII, 14; XXXII, 22; XXXIV, 29, 40; XXXVII, 10; XXXVIII, 16; XL, 3; XLIII, 5; XLV, 15; XLVII, 32; Tb. V, 27, 30

Tiên Du huyện: Tb. I, 16

Tiên Du sơn: Tb. I, 15, 16

TIÊN DUNG công chúa: Chb. XLIII, 23

TIÊN DUNG MỊ NƯƠNG: Tb. IV, 6

Tiên Điền: Chb. XXXIX, 26

Tiên Hưng: Chb. VI, 28. Xem thêm Long Hưng; XIII, 26; XXI, 27, 34; XXVIII, 14; XXX, 5; XLVII, 22; Tb. III, 15

Tiên Kiều (cầu): Chb. XLII, 10

Tiên Liệt: Chb. XXVI, 3

Tiên Lữ: Chb. I, 27; XIII, 36; XVIII, 35; XXI, 18, 27; XXXVIII, 39, 41; XL, 7, 8 ; XLIII, 12 ; XLVI, 19

Tiên Lý: Chb. XL, 29; XLVI, 18, 30;

Tiên Minh: Chb. XXI, 17; XXX, 22, 23

Tiên Minh [Miêng]: Chb. XIII, 12

Tiên Mộc: Chb. XL, 34; XXIX, 6; XXXIV, 29

Tiên Nông: Chb. XLII, 15

Tiên Nông đàn: Chb. XXIII, 42

Tiên Phong: Chb. XII, 9; XXI, 18; XXIX, 26; XXXIV, 2; XXXVIII, 6, 24; XL, 34; XLVI, 6

Tiên Sơn: Chb. XL, 11

Tiên Táo: Chb. XXIV, 20

Tiên Tích (chùa): Chb. XLIII, 34

Tiên Yên: Chb. II, 24; VII, 38; XXXIV, 25

Tiền biên thảo bản: Chb. XXVII, 40

Tiền Hán Địa lý chí: Tb. II, 4

Tiền Hán thư: Chb. XXXVII, 24; XLII, 29; XLIII, 25

Tiền Lê: Chb. XXXIV, 6

Tiền Liệt: Chb. XLVII, 25

TIỀN NĂNG: Chb. XXIII, I

TIỀN PHỔ: Chb. XIX, 23

Tiếp Vũ: Chb. XXXII, 13, 14

TIẾT: Chb. X, 10

TIẾT HỦ: Tb. III, 12

TIẾT KIÊM: Chb. XVII, 26

TIẾT KÍNH VĂN: Tb. III, 5

Tiết La (sông): Chb. IX, 35, 36

TIẾT TỤ: Chb. XIV, 2

TIÊU BỘT: Tb. IV, 4

TIÊU CHÚ: Chb. II. 3, III, 17, 35

TIÊU ÍCH: Tb. V, 18

TIÊU THÁI ĐĂNG: Chb. VIII, 23

TIÊU TIỂN: Tb. IV, 16, 17

TIÊU TƯ: Tb. IV, 1

Tiêu Viên : Chb. XXVI, 1, 31

Tiều ẩn thi tập: Chb. XIII, 5

Tiểu Ấp (cửa biển): Chb. XXII, 3

Tiểu Côn Luân: Tb. IV, 24

Tiểu Giang: Tb. I, 15, 16

Tiểu Khang (cửa biển): Chb. I, 11–12

Tiểu phấn: Chb. XXVIII, 24

Tiểu trấn an: Chb. XXXIII, 23; XXXIV, 46

Tinh Châu: Tb. II, 21

Tinh Cương (làng): Chb. VI, 13, 41, 42

Tinh thần (bãi): Chb. XXIX, 31

TINH THIỀU: Tb. IV, 1, 3

TÌNH (con Hoàng Phùng Cơ): Chb. XLVI, 20

Tỉnh Thạch: Chb. XXXIV, 30

Tỉnh Thuỷ cương: Tb. I, 16

Tĩnh An: Chb. XIII, 3; XXI, 29

Tĩnh An (châu): Chb. II, 23

Tĩnh Gia: Chb. XXI, 16, 20; XXV, 24; XXVI, 25, 31; XXVII, 8, 37; XXVIII, 24, 28; XXXVI, 6

Tĩnh Gia (phủ): Chb. XLIII, 11

Tĩnh Gia (tên xã): Chb. XLIII, 32

Tĩnh Luyện: Chb. XLI, 8

TĨNH QUỐC vương: X. QUỐC KHANG

Tính lý: Chb. XIII, 4

TOA ĐÔ: Chb. VII, 35, 36, 40, 41, 42, 44; VIII, 31; IX, 32

Toả Thoát ải: Chb. XX, 23, 24

TOÀN: Chb. VII, 15

Toàn Châu: Chb. XLVII, 43

Toàn tạo hoàng sách cách thức: Chb. XIII, 7

TOẢN CƠ: Chb. XXXIX, 15, 20; XXXVIII, 26

Tô Châu: Chb. III, 39-40, 44

TÔ ĐỊNH: Tb. II, 9, 10

TÔ GIAM: Chb. III, 37

TÔ HIẾN THÀNH: Chb. IV, 37, 38, 39; V, 9, 10, 11, 13, 17-18, 19, 20-21; XI, 20

TÔ HINH: Chb. XXXIV, 34

TÔ HOẰNG: Tb. II, 1

TÔ LĂNG TÍN: Chb. XIX, 27

Tô Lịch: Chb. XXIII, 2; XXV, 11, 12; XXVI, 17, 23; XXXVI, 21

Tô Lịch (sông): Chb. VI, 39; VII, 29; X, 15, 16; XXIX, 27; Tb. IV, 31-32; V, 25

Tô Lịch giang: Tb. IV, 31

TÔ THẾ HUY: Chb. XXXVII, 23

TÔ TIỆM: Chb. IV, 36

TÔ TRIỀU: Chb. XXXII, 24

TÔ TRUNG TỪ: Chb. V, 33, 34, 35

TÔN ÂN: Tb. III, 23

TÔN ĐẢN: Chb. III, 35, 37

TÔN HẠO: Tb. III, 15

Tôn Lỗ: Chb. XIII, 10

TÔN MIỆN: Chb. III, 16

TÔN QUYỀN: Tb. III, 1, 2, 4, 5

TÔN SĨ NGHỊ: Chb. XLVII, 32, 33, 34, 35, 37, 40, 41, 42

TÔN THẤT TIỆP: Chb. XLIV, 18, 19

TÔN THẤT VỆ: Chb. XXXI, 23

TÔN THỊNH: Tb. III, 4

TÔN TOÀN HƯNG: Chb. I, 13, 16-17, 28-29

TÔN TRÁC VINH: Chb. XXXIV, 16

TÔN TỤ: Chb. XIV, 5

TÔN TƯ: Tb. III, 9, 10

TÔN VĨNH THANH: Chb. XLVII, 32

Tôn Bồn man: X. BỒN MAN

TÔNG CHIẾU: Chb. XXX, 29

Tông Tranh: Chb. XXV, 25

TÔNG XÁC: Tb. III, 27, 28

Tống: Chb. XIV, 27

Tống (triều): Chb. XVII, 17

Tống Bình: Chb. XXI, 26 Tb. IV, 19, 32

TỐNG CẢO: Chb. I, 24-25

Tống Châu: Chb. XXI, 26

TỐNG ĐỨC VỊ: Chb. XXIX, 2

Tống Giang: Chb. XXVII, 31

TỐNG HỮU ĐẠI : Chb. XXXII, 14; 15, 19, 20

TỐNG HỮU TRƯỜNG: Chb. XLIV, 18

TỐNG KIỆT: Chb. XVII, 26

TỐNG MÂN: Chb. XXIV, 7

TỐNG NHO: Chb. XXXIV, 28; 29

TỐNG NHUNG: Tb. V, 3, 4, 5

TỐNG PHÚC HỢP: Chb. XLIV, 26, 27

TỐNG PHÚC KHANG: Chb. XXXII, 16, 17

TỐNG PHÚC LÂM: Chb. XXIV, 6

TỐNG PHÚC TRỊ: Chb. XLIV, 27

Tống Sơn: Chb. III, 15; XIX, 4; XXI, 10, 16; XXIV, 24; XXV, 33; XXVI, 33; XXVII, 31, 41; XXVIII, 8, 12, 14, 24, 27, 28, 31; XXIX, 10; XXXI, 24; XXXII, 7, 15, 17; XXXIII, 12; XXXVIII, 8 ; XLII, 16; XLIII, 29; XLIV, 19, 23, 27

Tống sử: Chb. XV, 15, 17

Tống Thái Bình ngự lãm: Tb. IV, 22

TỐNG THÁI TỔ: Chb. VIII, 32; XV, 16, 17

TỐNG THIỆU: Chb. XX, 23

Tống Tinh: Chb. XXXV, 21; XLIII, 2

Tống Triết Tông: Chb. XLVII, 4

Tốt Động: Chb. XIII, 27, 28, 29, 30; XIV, 9

Tốt Lâm: Chb. XXIX, 24

Trà Châu: Chb. XLII, 17, 23; XLIII, 26

Trà Đổng: Chb. XXXVIII, 16

TRÀ HOÀ BỐ ĐỂ: Chb. IX, 41; X, 3

Trà Hương: Chb. VIII, 13; IX, 43; XXIX, 32; Tb. V, 21, 22, 23

Trà Kiều (làng): Chb. VII, 22

Trà Lân: Chb. XIII, 17; XLIII, 4; XLIV, 17

Trà Lân phủ: Chb. XIX, 10; XXI, 17, 33; XXII, 28, 29

Trà Long: Chb. XIII, 17, 18, 19, 20; XLIV, 17; XVIII, 13

Trà Lộ: Chb. VI, 30

Trà Lũ: Chb. XXXIII, 6

TRÀ PHÚC: Chb. XXV, 30

TRÀ TOẠI: Chb. XXII, 28, 29; XXV, 30

TRÀ TOÀN: Chb. XXI, 38: XXII, 1, 2, 3, 6, 28, 29

Trà Tu: Chb. XXVIII, 8

Trác Bút: Chb. XXIX, 17, 20

Trác Dương: Chb. XXVIII, 1

TRAI Á MA PHẤT AM (Chiêm Thành): Chb. XXIV, 7

TRAI Á PHẤT AM: Chb. XXII, 29

TRAI CƯƠNG THÍCH: Chb. XVII, 14

TRAI LANG: Chb. VI, 21

Trai Thị: Chb. XL, 4

TRẠI VẢI: Chb. XVII, 23

TRẠM NHƯỢC THUỶ: Chb. XXV, 18

TRANG ĐỊNH đại vương: X. TRẦN NGẠC

Trang Liệt: Chb. XXIV, 26; XLVII, 48

Trang tông kỷ: Chb. XXVII, 25-43

Trang Tông: Chb. XXXIII, 6; XXXIV, 6; XLI, 24; XLVII, 48, 49

TRANG TRỢ: Tb. I, 28

Tràng An: X. Trường Yên

Tràng Định phủ: Chb. XX, 26

TRÀNG LẠC HOÀNG HẬU: Chb. XXV, 18

TRANH: Chb. XIX, 16, 23

Tranh giang: Chb. XXIX, 33

Tranh Xuyên: Chb. XXXIX, 34

Trảo Nha: Chb. XXIX, 12; XLIV, 29, XLV, 3; XLVI, 23

Trảo Oa: Chb. IV, 43

Trạo Vịnh: Chb. XII, 46

Trát Kiều : Chb. XXV, 11, 12

Trầm (ghềnh): Chb. XLIV, 19, 20

Trầm (sông): Chb. VI, 10

Trầm Hương (thôn): Chb. IX, 34

Trầm Mông cảng: Chb. XXI, 10

TRẦM PHÁC SA: Chb. XX, 14

Trần (triều): Chb. XIII, 4, 34; XIV, 1, 16, 21, 23, 24, 25, 27; XV, 10, 12, 14, 17, 18, 19, 20, 23, 25; XVI, 3

TRẦN ẢI: Chb. VII, 25

TRẦN AN: Chb. XI, 32 - 36

TRẦN AN QUỐC: Chb. VII, 6

TRẦN ANH TÔNG: Chb. XIII, 4; X. TRẦN THUYÊN

Trần Anh tông kỷ: Chb. VIII, 20-45; IX, 1-10

TRẦN AO: Chb. XXIII, 32

TRẦN BÀ LIỆT: Chb. VI, 11

TRẦN BÁ LÃM: Chb. XLVII, 3, 4

TRẦN BÁ LINH: Chb. XVIII, 35

TRẦN BÁ LƯƠNG: Chb. XXV, 1

TRẦN BÁ TIÊN: Tb. IV, 4

TRẦN BÁCH NIÊN: Chb. XXIX, 27, 30, 31; XXX, 5

TRẦN BAN: Chb. XIV, 12

TRẦN BÀN: Chb. XIX, 23

TRẦN BÀN THẠCH: Tb. V, 5

TRẦN BANG: Chb. X, 43

TRẦN BẢO: Chb. XXIII, 30 ; Tb. V, 17

TRẦN BẤT CẬP: Chb. V, 42

TRẦN BÌNH TRỌNG: Chb. VII, 36; XI, 10

TRẦN CẢNH (DUỆ TÔNG): Chb. VI, 12 ; X, 32, 33, 42, 48; XI, 20

TRẦN CẢNH: Chb. V, 42, 43;

XXXVIII, 36, 38 ; XXXIX, 32; XL, 26, 27, 33; XLI, 18

TRẦN CẢNH (THÁI TÔNG): Chb. V, 41-43; VI, 1-45; VIII, 32, 43

TRẦN CAO: Chb. XIII, 34; XIV, 18, 22, 24; XV, 1, 4; XXVI, 25, 26, 30 - 34, 37; XXVII, 2, 29

TRẦN CẨN: Chb. XIX, 33, 34

TRẦN CẬN: Chb. XXIV, 33, 34; XXVI, 13

TRẦN CHÂN: Chb. XXVI, 30, 38, 39; XXVII, 10, 11

TRẦN CHU PHỔ: Chb. VI, 12

TRẦN CHÚA : X. TRẦN CAO

TRẦN CÔNG BÁCH: Chb. XXXII, 25, 26

TRẦN CÔNG HÃN: Chb. XXXIX, 29, 30

TRẦN CÔNG NINH: Chb. XXVI,

TRẦN CÔNG THƯỚC: Chb. XLVI, 8, 20, 24

TRẦN CÔNG TÔN: Chb. XXXV, 15

TRẦN CÔNG TRỤ: Chb. XXXV, 8

TRẦN CÔNG XÁN: Chb. XLVI, 8, 20; XLVII, 2, 6, 7

TRẦN CUNG: Chb. XXVII, 2, 30, 33

TRẦN CUNG TÚC: Chb. XII, 11

TRẦN CƯƠNG TRUNG: Chb. VI, 22

TRẦN DANH ÁN: Chb. XLVI, 23, 33, 36

TRẦN DANH LÂM: Chb. XL, 12, 13; XLII, 26

TRẦN DANH NINH: Chb. XXXIX, 19; XLI, 10

TRẦN DANH QUÁN: Chb. XXXVIII, 25

TRẦN DI ÁI: Chb. VII, 24

TRẦN DIỆU: Chb. XXXVIII, 38

TRẦN DỤ TÔNG: Chb. XIII, 4; X. TRẦN HẠO

Trần Dụ Tông kỷ: Chb. IX, 40-49; X. 1-23

TRẦN DỤC: Chb. IX, 41; X, 19, 22, 23

TRẦN DUỆ TÔNG: Chb. XIII, 11; X. TRẦN CẢNH

Trần Duệ Tông kỷ: Chb. X, 33-41

TRẦN DUNG: Chb. XIV, 21

TRẦN DUY TRINH: Chd. 3

TRẦN DỰC: Chb. XXVI, 16

TRẦN ĐẠI NIÊN: Chb. IX, 24, 2, 28, 48

TRẦN ĐẠO TÁI: Chb. VIII, 22, 43

TRẦN ĐĂNG DOANH: Chb. XXXVI, 28

TRẦN ĐĂNG TUYỀN: Chb. XXXIII, 13, 18, 27

TRẦN ĐẾ HIỆN: Chb. XII, 8 ; X. TRẦN HIỆN

Trần Đế Hiện kỷ: Chb. X, 41, 43-52; XI, 1-4

TRẦN ĐẾ NGỖI: Phl. 6

Trần Đế Ngỗi kỷ: Chb. XII, 15-28

TRẦN ĐÌNH CẨM: Chb. XXXIX, 1, 29; XL, 4

TRẦN ĐÌNH MIÊN: Chb. XXXVIII, 24

TRẦN ĐÌNH QUÝ: Chb. XI, 9

TRẦN ĐÌNH THÂM: Chb. X, 35, 42

TRẦN ĐÍNH: Chb. XII, 11, 17; XLVII, 24, 25, 26, 27

TRẦN ĐỖ: Chb. XI, 4

TRẦN ĐỘ: Chb. IV, 11

TRẦN ĐÔN LÂM: Chb. XXX, 15, 19, 26

TRẦN HÃN: X. TRẦN NGUYÊN HÃN

TRẦN HẠO: Chb. IX, 41-42; X, 1, 7, 8, 11, 15, 23, 27, 28, 29, 30

TRẦN HẤP: Chb. VI, 4; IX, 7

TRẦN HIỀN: Chb. XXXVIII, 20

TRẦN HIẾN: Chb. IX, 46, 47

TRẦN HIẾN TÔNG: X. TRẦN VƯỢNG

Trần Hiến Tông kỷ: Chb. IX, 27-40

TRẦN HIỆN: Chb. X, 41, 48, 4; XI, 1, 4, 6, 15, 19

TRẦN HIỆP: Chb. XII, 41; XIII, 17, 18, 20, 27, 29; XIV, 9; Tb. IV, 37

TRẦN HOẢNG: Chb. VI, 20, 45-46; VII, 1-20, VIII, 33, 40

TRẦN HỒ: Chb. XIV, 17

TRẦN HÚC: Chb. X, 31; XI, 5; XII, 13

TRẦN HÙNG THAO: Chb. VII, 22; VIII, 30

TRẦN HUY LÂM: Chb. XLVII, 43, 51

TRẦN HUY MẬT: Chb. XXXIX, 35; XLI, 10; XLII, 12; XLIV, 2

TRẦN HUY XÁN: Chd. 2

TRẦN HƯNG ĐẠO: X. TRẦN QUỐC TUẤN

TRẦN HỮU LƯỢNG: Chb. X, 13

TRẦN HỰU: Chb. IX, 18

TRẦN ÍCH TẮC: Chb. VII, 9, 38, 43; VIII, 14, 19, 21

TRẦN KHANG: Chb. XI, 13; XII, 6

TRẦN KHÁNH DƯ: Chb. VII, 26; VIII, 4, 35; IX, 5, 38, 39

TRẦN KHÁT CHÂN: Chb. XI, 9, 11, 12, 13, 34, 35; XII, 24; XVI, 3; XXII, 34

TRẦN KHẮC CHUNG: X. ĐỖ KHẮC CHUNG

TRẦN KHẮC DỤNG: Chb. VIII, 11, 23, 30

TRẦN KHẮC TRANG: Chb. XII, 17

TRẦN KHÂM: Chb. VII, 15, 20, 21-44; VIII, 1-20; 23; IX, 2, 3, 14, 15, 28

TRẦN KHÂM TỘ: Chb. I, 13, 17

TRẦN KHUÊ KÌNH: Chb. VI, 24

TRẦN KIẾN: Chb. VIII, 17, 25, 26, 36

TRẦN KIỆN: Chb. VI, 36; VIII, 14

TRẦN KIM: Chb. XVIII, 28

TRẦN KINH: Chb. VI, 4; IX, 7

TRẦN KÝ ĐẰNG: Chb. III, 34, 43, 44; IV, 25

TRẦN LAI: Chb. VII, 31

TRẦN LÃM: Tb. I, 2 ; V, 23, 24, 27, 28, 29, 30

TRẦN LÃNG: Chb. XX, 3, 9

TRẦN LÃO: Chb. VII, 28

TRẦN LĂNG: Chb. XVIII, 34; XX, 3, 9

TRẦN LÊ LÂN: Chb. XXXVIII, 20

TRẦN LỆNH HINH: Chb. V, 29-30

TRẦN LIÊN: Chb. XLVII, 26

TRẦN LIỄU: Chb. V, 41; VI, 6, 13, 16, 17, 34, 35, 40, 46

TRẦN LỰU: Chb. XIII, 33, 35, 36; XIV, 5, 16, 17, 18, 19; XVI, 17

TRẦN LÝ: Chb. V, 33, 34, 35; VI, 3, 4, 12; IX, 7

TRẦN MẠNH: Chb. VIII, 43; IX, 2, 10-26; X, 5, 8, 10, 13, 15, 28, 31

TRẦN MẠNH KHUÔNG: Chb. XLVII, 10, 11

TRẦN MINH CÔNG: X. TRẦN LÃM

TRẦN MINH TÔNG: Chb. XIII, 4. X. TRẦN MẠNH

Trần Minh Tông kỷ: Chb. IX, 10-26

Trần Minh Tông thi tập: Chb. XIII, 4

TRẦN MỘNG DỮ: Chb. XI, 2

TRẦN NĂNG: Chb. XXV, 34

TRẦN NGẠC: Chb. X, 31; XI, 4, 6, 15

TRẦN NGHỆ TÔNG: Chb. XII, 6, 29; XIII, 5, 34 X. TRẦN PHỦ

Trần Nghệ Tông kỷ: Chb. X, 24-33

Trần Nghệ Tông thi tập: Chb. XIII, 5

TRẦN NGHI: Chb. XXVI, 16

TRẦN NGHIÊU DU: Chb. XI, 1

TRẦN NGHIÊU TẨU: Chb. I, 30-31
TRẦN NGOẠN: Chb. X, 43
TRẦN NGỌC HẬU: Chb. XXXII, 6, 7, 11
TRẦN NGỌC KHÁNH: Chb. IV, 25
TRẦN NGỌC KIỂM: Chb. XI, 31
TRẦN NGỌC KY: Chb. XI, 31
TRẦN NGỌC TOẢN: Chd. 5
TRẦN NGÔ LANG: Chb. X, 20, 25, 26, 27
TRẦN NGỐI: Chb. XII, 23, 25, 26, 27, 29, 30, 31, 40
TRẦN NGUNG: Chb. XI, 6, 7, 33, 35
TRẦN NGUYÊN CHỈ: Chb. XII, 15
TRẦN NGUYÊN DẬN: Chb. XI, 22
TRẦN NGUYÊN DIỆU: Chb. XI, 9, 11, 12, 14
TRẦN NGUYÊN ĐÀN: Chb. XIII, 5
TRẦN NGUYÊN ĐÁN: Chb. VIII, 22; X, 25, 29; XI, 1, 2, 41; XV, 20; XVII, 22
TRẦN NGUYÊN ĐÀO: Chb. XIII, 5
TRẦN NGUYÊN ĐĨNH: Chb. XI, 13
TRẦN NGUYÊN HÃN: Chb. XIII, 23, 24, 29; XIV, 16, 19; XV, 4, 20; XVI, 6
TRẦN NGUYÊN HÀNG: Chb. XI, 19, 28, 34
TRẦN NGUYÊN HI: Chb. XI, 14
TRẦN NGUYÊN HUY: Chb. XII, 6
TRẦN NGUYÊN THÁI: Chb. I, 7
TRẦN NGUYÊN THƯ: Chb. XI, 28
TRẦN NGUYÊN TRÁC: Chb. IX, 39; X, 5, 23-25; XI, 13
TRẦN NGUYÊN TRẠCH: Chb. XI, 19
TRẦN NGUYÊN UYÊN: Chb. X, 29; XI, 19, 22
TRẦN NGUYỆT HỒ: Chb. XII, 24, 25
TRẦN NHẪM: Chb. III, 12
TRẦN NHÂN LIỄN : Chb. XXXII, 8
TRẦN NHÂN TÔNG: Chb. XIII, 4 X. TRẦN KHÂM
Trần Nhân Tông kỷ: Chb. VII, 21-44; VIII, 1-19
Trần Nhân Tông thi tập: Chb. XIII, 4
TRẦN NHẬT CHIÊU: Chb. XII, 18, 25, 26
TRẦN NHẬT CHƯƠNG: Chb. XI, 16
TRẦN NHẬT DUẬT: Chb. VII,

10, 22, 38, 39; VIII, 39, 43; IX, 6, 26, 28, 31

TRẦN NHẬT HẠCH: Chb. X, 28

TRẦN NHUẾ: Chb. XIII, 11

TRẦN NHỮ VI: Chb. XXIV, 3

TRẦN PHẪU: Chb. IX, 26, 44

TRẦN PHỈ: Chb. XXVII, 17

TRẦN PHONG: Chb. XIII, 35; XIX, 33, 34; XX, 11, 12, 15, 26, 29; XXI, 8, 12; XXIV, 4; XV, 12; XVIII, 35

TRẦN PHU: Chb. VIII, 20

TRẦN PHỦ: Chb. VII, 30

TRẦN PHỦ (NGHỆ TÔNG): Chb. IX, 39; X, 4, 21-26, 31, 33, 34, 48, 49; XI, 3, 17, 21, 22, 32, 41

TRẦN PHÚC: Chb. XXX, 25

TRẦN PHỤNG CÔNG: Chb. VII, 2

TRẦN QUANG CHÂU: Chb. XLVII, 23, 24, 26

TRẦN QUANG KHẢI: Chb. VI, 46; VII, 3, 13, 14, 25, 28, 3, 36, 40; VIII, 21, 22, 40; XIII, 5

TRẦN QUANG SƯỞNG: Chb. VIII, 19

TRẦN QUỐC HƯNG: Chb. X, 43

TRẦN QUỐC KHANG: Chb. VI, 20; VII, 3, 12, 36

TRẦN QUỐC LẶC: Chb. VI, 38

TRẦN QUỐC NGHIỄN: Chb. VII, 32 ; VIII, 12

TRẦN QUỐC NGHIỆN: Chb. VII, 28, 32, 42; VIII, 12, 33; Chd. 2

TRẦN QUỐC TẢNG: Chb. VII, 32; VIII, 12, 32, 45; IX, 2

TRẦN QUỐC TOẢN: Chb. VII, 27, 39, 40

TRẦN QUỐC TRẤN: Chb. VIII, 21; IX, 5, 14, 17, 21, 25, 26, 44; X, 9, 12

TRẦN QUỐC TÚ: Chb. IX, 6

TRẦN QUỐC TUẤN: Chb. VI, 33, 34, 40; VII, 21, 25, 28, 29, 30, 31, 37, 41, 42, 43, 44; VIII, 1, 4, 6, 11, 12, 15, 17, 31, 32, 33; IX, 1 ; X, 6; XIII, 5, 35; XIV, 1; Tb. V, 20

TRẦN QUÝ HUYÊN: Chb. XXI, 8

TRẦN QUÝ KHOÁNG: Chb. XII, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 37, 40, 41, 43 ; Phl. 6

TRẦN SĨ LONG : Chb. I, 30

TRẦN SƯ HIỀN: Chb. X, 29, 42; XI, 22; XII, 15

TRẦN THÁI TỔ: X. TRẦN THỪA

TRẦN THÁI TÔNG: Chb. XII, 40; XIII, 4; XVIII, 29; XXVI, 9, 26 ; Tng. 5. X. TRẦN CẢNH

Trần Thái Tông kỷ: Chb. V, 42-44; VI, 1-44

Trần Thái Tông ngự thi: Chb. XIII, 4

TRẦN THANH LY: Chb. IX, 8

TRẦN THÁNH TÔNG: Chb. XIII, 4 ; X. TRẦN HOẢNG

Trần Thánh Tông kỷ: Chb. VI, 45-46; VII, 1-20

Trần Thánh Tông thi tập: Chb. XIII, 4

TRẦN THẾ ĐĂNG: Chb. X, 43

TRẦN THẾ HIỀN: Chb. IX, 17

TRẦN THẾ HƯNG: Chb. X, 20

TRẦN THẾ VINH: Chb. XXXIV, 1, 2, 13, 14

TRẦN THỊ (vợ Trương Trà): Chb. XXVIII, 30

TRẦN THỊ TRÚC: Chb. XXV, 22

TRẦN THỊ TÙNG: Chb. XXV, 22

TRẦN THIÊM: Chb. V, 42

TRẦN THIÊM BÌNH: Chb. XII, 6, 10, 11, 12, 13, 24

TRẦN THIỀM: Chb. IV, 36

TRẦN THIÊN LẠI: Chb. XIII, 11

TRẦN THIÊN TRẠCH: Chb. X, 11

TRẦN THIẾU ĐẾ: Chb. XII, 40 X. TRẦN AN

Trần Thiếu Đế kỷ: Chb. XI, 31-36

TRẦN THÌN: Tb. III, 3

TRẦN THỌ: Chb. XXXIV, 21, 26

TRẦN THỐC: Chb. XIX, 15; XX, 26, 29; XXI, 5, 13

TRẦN THỦ ĐỘ: Chb. V, 40, 41, 42, 43; VI, 1, 2, 3, 12, 17, 19, 41; VII, 5

TRẦN THUẬN TÔNG: X. TRẦN NGUNG

Trần Thuận Tông kỷ: Chb. XI, 7-33

TRẦN THÚC DAO: Chb. XI, 2; XII, 25, 26

TRẦN THÚC MẠI: Chb. XXV, 26

TRẦN THÚC QUỲNH: Chb. XI, 2

TRẦN THUYÊN: Chb. VIII, 18-20, 21-45; X, 9 ; XI, 1-10, 13, 16, 20, 21, 28

TRẦN THỰ: Chb. III, 17

TRẦN THỪA: Chb. V, 40, 41, 42, 44; VI, 4; X, 34

TRẦN THỰC: Chb. XXVII, 10

TRẦN TỈ : Chb. XXVII, 27

TRẦN TIẾN: Chb. XL, 27; XLVII, 25

TRẦN TIẾN THỌ: Chd. 1

TRẦN TIẾN TRIỀU: Chb. XXXII, 25

TRẦN TÔN: Chb. X, 52; XI, 13; XII, 6

TRẦN TỐT: Chb. XLVII, 32

TRẦN TRÍ: Chb. XIII, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 21, 22, 24, 25, 26, 27; XIV, 26; XV, 9

Trần triều đại diển: Chb. XIII, 4

TRẦN TRIỆU CƠ: Chb. XII, 23

TRẦN TRỌNG LÂM: Chb. XLIII, 36, 37

TRẦN TRỌNG LIÊU: Chb. XXXIX, 5, 6

TRẦN TRUNG: Chb. XIII, 18

TRẦN TRUNG HIẾU: Chb. X, 43

TRẦN TRUNG TÁ: Chb. V, 20

TRẦN TỨ HOÃN: Chb. VII, 38

TRẦN TUÂN: Chb. XXVI, 13, 15 ; XXII, 34

TRẦN TUẤN: Chb. XII, 14

TRẦN TÙNG: Chb. XI, 37, 42

TRẦN TỬ LƯƠNG: Chb. VIII, 16

TRẦN TỰ KHÁNH: Chb. V, 35, 36, 37, 38, 39, 40

TRẦN TƯỜNG ĐẠO: Chb. XVII, 14

TRẦN TỶ: Chb. XXVII, 27

TRẦN UYÊN: Chb. VI, 39

TRẦN VĂN BÍCH: Chb. VIII, 22; IX, 27

TRẦN VĂN CHÂN: Chb. XXI, 28

TRẦN VĂN HOÁN: Chb. XXXVIII, 13

TRẦN VĂN KỶ: Chb. XLVI, 27

TRẦN VĂN LỘNG: Chb. VII, 38; VIII, 14

TRẦN VĂN TUYẾN: Chb. XXXII, 18, 28

TRẦN VĂN VI: Chd. 1

TRẦN VẤN: Chb. XI, 37

TRẦN VIÊM: Chb. XXXVIII, 40

TRẦN VƯỢNG: Chb. IX, 26, 27-40

TRẦN XÁ: Chb. VII, 28

TRẦN XUÂN HUY: Chb. XLV, 27, 28

TRẦN XUÂN TRẠCH: Chb. XLV, 10

TRẦN XUÂN VŨ: Chb. XXXIV, 35

Trấn Biên: Chb. XXI, 33; XXVII, 20

Trấn Bình châu: Chb. III, 29

Trấn di quan : Chb. XIV, 21

Trấn Điển: Chb. XXXIV, 5

Trấn Định: Chb. XIII, 3, 9, 10; XXI, 33

TRẤN LONG: Tb. III, 21

Trấn Man: Chb. XII, 20; XIII, 13; XXI, 26; XXVII, 20 Tb. IV, 10

Trấn Nam: Tb. IV, 23, 25

Trấn Nam quan: Chb. 35, 42, 43, 48; XXX, 15, 18; XXXII, 4; XXXIV, 14, 15 ; XLVII, 34

Trấn Ninh: Chb. XXII, 5, 6; XXIII, 30; XXXII, 39; XXXIII, 34; XXXIV, 37, 47; XXXV, 1, 16; XL, 23; XLI, 19, 26, 28, 31; XLII, 16, 17, 22, 23, 24; XLIII, 4, 5, 25, 26, 28, 29; XLIV, 10, 17, 19, 24; Tnb. 3; Tb. IV, 10

Trấn Ninh (luỹ): Chb. XLIV, 18, 19

Trấn Ninh (phủ): Chb. XVIII, 8

Trấn Tĩnh: Chb. XXI, 33

Trấn Viễn hầu: X. CỐ HƯNG TỔ

Trấn Vũ (quán): Chb. XLIII, 19

Trấn Yên: Chb. XX, 20, 21, 23; XXI, 19; XXVII, 34; XXXIII, 23; XXXIX, 12

Trấn Yên (Trung Quốc): Chb. XL, 12, 13

Trấn Yên châu : Chb. IX, 9

TRÂU CANH: Chb. X, 1-2, 18

Trâu cầu: Chb. XXVI, 27

Trâu Sơn: Chb. XXVI, 26, 27

TRÂU TÔN: Chb. X, 2

Trệ Nguyên châu: Chb. II, 37-38

Tri Châu: Tb. IV, 34

Tri Chỉ: Chb. XLVII, 7

Trí Châu: Chb. XXI, 21, 22

TRÍ QUANG : X. NÙNG TRÍ QUANG

TRÍ THÔNG : X. NÙNG TRÍ THÔNG

TRÍ THUỶ: Chb. XXXI, 14

TRỊ (Minh vương): Chb. XXV, 14

Trị Bình long ứng: Chb. V, 30-34

Triền dương: Chb. XXIX, 33

TRIỆN: Chb. XIX, 4

TRIẾT HOÀNG: X. TRẦN HIẾN TÔNG

Triệt: Chb. XII, 21

Triều Châu: Chb. XLIII, 1, 3

Triều Dương: Chb. I, 31; II, 23; XXI, 29 ; Tb. IV, 23

Triều Khẩu: Chb. XLII, 21

Triều Khẩu (làng): Chb. XXXII, 16, 17, XXXVI, 27

TRIỀU PHÚC: Chb. XXXIV, 37, 47; XXXV, 1

TRIỆU: Tb. IV, 12

Triệu (nhà): Chb. XIV, 27

TRIỆU ẨU: Tb. III, 8, 9

TRIỆU CHỈ: Tb. III, 17

TRIỆU ĐÀ: Tb. I, 14-28; II, 4, 31; III, 5

TRIỆU GIÁC: Chb. IX, 9

TRIỆU HỮU ĐÀO: Chb. XXXII, 4

TRIỆU HỮU KINH: Chb. XXXII, 4

TRIỆU KHẢI: Chb. XXXII, 4

TRIỆU KHÁNH: Chb. XXXII, 3
TRIỆU MINH VƯƠNG: Phl. 2
TRIỆU NẶC MI: Tb. V, 8
TRIỆU NGHIÊM: Tb. I, 33, 34
TRIỆU NGUYỆN: Chb. IV, 41
TRIỆU NHÂN CHÍNH: Chb. XVII, 17, 24, 25, 29; XVIII, 30, 31
Triệu Phong: Chb. XXI, 17, 24; XXII, 6, 8; XXVIII, 30 ; XLV, 1
TRIỆU PHỤNG HUÂN: Chb. I, 17, 21
TRIỆU QUANG: Tb. II, 1
TRIỆU QUANG PHỤC: Tb. IV, 6
TRIỆU SÓC: Tb. V, 22
TRIỆU THÁI: Chb. XVII, 24, 25
TRIỆU THUẪN: Tb. V, 22
TRIỆU TIẾT: Chb. III, 38, 39
Triệu Tổ (Nguyễn): Chb. XXVII, 20. 25. 26. 31. 38, 40; XXVIII, 11, 14; XXX, 7; XLVII, 49
TRIỆU TRÍ CHI: Chb. IV, 36
TRIỆU TRUNG: Chb. VII,39
TRIỆU TÚC: Tb. IV, 1, 3, 10
Triệu tường (núi): Chb. XXVII, 41
TRIỆU VĂN VƯƠNG: Phl. 2
TRIỆU VIỆT VƯƠNG: PL3 ; X. TRIỆU QUANG PHỤC
TRIỆU VŨ: Chb. VIII, 31; Tb. V, 22
Triệu Xá: Chb. X, 19
TRIỆU XƯƠNG: Tb. I, 13; IV, 26, 27, 28, 33; V, 11, 12
TRINH NỮ (SÔNG): CHB. IX, 47
Trinh Phù: Chb. V, 18-22
Trinh Sơn : Chb XLVII, 13
TRÌNH ANH: Tb. V, 22
Trình Ban (động): Chb. XLIII, 28, 29
Trình bằng (động): Chb. XVI, 1
TRÌNH BẰNG PHI: Chb. VIII, 2, 3, 7
TRÌNH CẢNH: Chb. XVII, 26
TRÌNH CHÂN: Chb. XVIII, 27
TRÌNH CHÍ SÂM: Chb. XXV, 16; 18, 35; XXVI, 27, 41; XXVII,3
Trình Cố: Chb. XVI, 18
TRÌNH DỤC: Chb. XVII, 26; XVIII, 1, 22
Trình Hàm: Chb. XXXIV, 27
TRÌNH HOÀNH BÁ: Chb. XV, 27; XVI, 6
TRÌNH HOẰNG NGHỊ: Chb. XVII, 31; XVIII, 20
TRÌNH HUỆ: Chb. XVIII, 27
Trình Lạn: Chb. XXXIV, 27; XXXV, 21; XLII, 15
TRÌNH MÂN: Chb. XVIII, 5

TRÌNH NGUYÊN ĐĨNH: Chb. XVIII, 22

TRÌNH NGUYÊN HI: Chb. XVI, 24

TRÌNH NGỰ: Chb. XVIII, 15

TRÌNH PHƯƠNG TRIỀU: Chb. XXXIII, 21

Trình Quang: Chb. XLII, 22, 23; XLIII, 26, 28

TRÌNH THANH: Chb. XVII, 26, 29

TRÌNH THUẤN DU: Chb. XVI, 26, 29

Trình Xá: Chb. XXVII, 8 ; XXXVI, 12; XXXVIII, 23

TRỊNH AO: Chb. XL, 15

TRỊNH BÁ KHÂM: Chb. XL, 4

TRỊNH BÁ QUÁT: Chb. XXVI, 10, 35

TRỊNH BÁCH: Chb. XXVIII, 23, 27, 29; XXIX, 12, 18; XXXIV, 18, 20, 50, 51

TRỊNH BÀN: Chb. XXXII, 18

TRỊNH BẢNG: Chb. XXXI, 14; XXXIX, 32, 33

TRỊNH BÍNH: Chb. XLII, 26

TRỊNH BÍNH(cháu Trịnh Căn): Chb. XXXIV, 20, 45, 50; XXXV, 9

TRỊNH BÍNH(tướng của Trịnh Tráng): Chb. XXXII, 11

TRỊNH BỒNG: Chb. XLV, 24, 25; XLVI, 31,-33, 35, 36, 37, 38; XLVII, 2, 9-12, 26

TRỊNH CÁN: Chb. XLV, 14, 20, 24, 27, 28, 31, 34

Trịnh Cao: Chb. XIII, 9; XXI, 17; XL, 23; XLII, 17, 23; XLIII, 18, 26

TRỊNH CĂN: Chb. XXXII, 17-20, 23-25, 27-29, 37, 39; XXXIII, 22, 34, 37; XXXIV, 12-52, XXXV, 1-7; XLII, 26

TRỊNH CỐI: Chb. XXVIII, 22, 23, 24, 25

TRỊNH CÔNG CHỨNG: Chb. XIII, 10, 11

TRỊNH CÔNG ĐÁN: Chb. XXIV, 23

TRỊNH CÔNG LỘ: Chb. XX, 30; XXI, 7; XXIII, 28

TRỊNH CÔNG NĂNG: Chb. XXVII, 30, 40

TRỊNH CƯƠNG: Chb. XXXIV, 50, 51; XXXV, 7-42; XXXVI, 1-34; XXXVII, 1-10 ; XLII, 26 ; XLV, 25, 28 ; XLVI ; 30

TRỊNH DAO: Chb. XVIII, 29;

TRỊNH DOANH: Chb. XXXIII, 1; XXXIX, 1-36; XL, 1-34; XLI, 1-32; XLII, 1-31; XLIII, 1-4, 6, 9, 23, 26; XLV, 4, 25, 30

TRỊNH DOANH (con Trịnh Cương): Chb. XXXVIII, 2, 17-41

TRỊNH DUY ĐẠI: Chb. XXVI, 1, 26, 30, 35

TRỊNH DUY LIÊU: Chb. XXVII, 26, 27, 28, 36, 37

TRỊNH DUY SẢN: Chb. XXVI, 1, 12, 13, 16, 24, 27-34

TRỊNH DUY THUẬN: Chb. XXVII, 7

TRỊNH ĐẠC: Chb. XIX, 3, 10; XXXVIII, 38 ; XXXIX, 14; XL, 7, 8; XLII, 9

TRỊNH ĐÌNH TOẢN: Chb. VII, 20

TRỊNH ĐỒ: Chb. XIII, 9

TRỊNH ĐỖ: Chb. XXVIII, 29; XXIX, 3, 12, 18, 22; XXX, 3, 15; XXXI, 10, 18

TRỊNH ĐỒNG: Chb. XXVIII, 29; XXIX, 22; XXX, 3

TRỊNH ĐỐNG: Chb. XXXII, 18, 28; XXXIII, 12, 19, 22

TRỊNH ĐỨC NHUẬN: Chb. XXXIV, 21

TRỊNH ĐƯỜNG: Chb. XXXII, 24, 26

TRỊNH GIA: Chb. XXXI, 24

TRỊNH GIANG: Chb. XXXV, 27, 28; XXXVI, 25, 34; XXXVII, 10-34; XXXVIII, 1-17; XLII, 12; XLV, 25; Phl. 11

TRỊNH GIỐC (GIÁC) MẬT: Chb. VII, 22

TRỊNH HI: Chb. XXVI, 31

TRỊNH HIẾN: Chb. XLVII, 44, 51

TRỊNH HỒNG: Chb. XXVI, 27, 34

TRỊNH HƯNG : Chb. XVI, 16

TRỊNH HỰU: Chb. XXV, 27; XXVI, 3, 38, 40

TRỊNH KHẢ: Chb. XIII, 9, 24, 25, 35; XIV, 1, 8, 19, 20

TRỊNH KHẢI: Chb. XXXVIII, 36 ; XLIII, 27; XLV, 5, 14, 19-22, 24, 28, 29, 30, 31, 34; XLVI, 1-22, 31, 34

TRỊNH KHANG THÀNH: Chb. XLIII, 31

TRỊNH KHIÊM: Chb. XXXII, 24, 26; XXXIII, 1

TRỊNH KHỔNG CHIÊU: Chb. XXVI, 26, 27

TRỊNH KIỂM: Chb. XLII, 13; XXVII, 30, 41, 42; XXVIII, 3-23; XXX, 7

TRỊNH KIỀN: Chb. XXXII, 28, 39; XXXIII, 12, 22

TRỊNH KIỀU: Chb. XLV, 27, 28, 34, 35; XXXI, 20, 27

TRỊNH KÍNH: Chb. XXXVIII, 23

Trịnh Kỳ (trại): Chb. IX, 38, 39

TRỊNH LÃM: Chb. XXXII, 8

TRỊNH LÂM: Chb. XXXI, 14

TRỊNH LỄ: Chb. XXXII, 18

TRỊNH LỆ: Chb. XXXI, 30, 31; XXXII, 4 ; XLIII, 9, 10; XLVI, 31, 32

TRỊNH LỊCH: Chb. XXXII, 2

TRỊNH LONG: Chb. VII, 38
TRỊNH LUÂN: Chb. XXXIV, 51
TRỊNH MÔ: Chb. XXVIII, 25, 27, 29; XXIX, 5, 6, 7
TRỊNH NANH: Chb. XXVIII, 29; XXX, 3, 26
TRỊNH NGẠC: Chb. XXVI, 26, 27
TRỊNH NGANG: Chb. XXVII, 19
TRỊNH NGHIÊM: Tb. I, 34
TRỊNH NGÔ DỤNG: Chb. XL, 13, 14
TRỊNH NGUNG: Chb. XXVII, 19
TRỊNH NHẠC: Chb. XXXI, 24
TRỊNH ỐC: Chb. XXXIII, 13, 32
TRỊNH PHẤT: Chb. XXXIV, 51
TRỊNH PHẪU: Chb. VI, 12
TRỊNH PHƯƠNG: Chb. XL, 8; XLIII, 4, 13, 14
TRỊNH QUÁN: Chb. XXXV, 31; XXXVI, 4, 5, 6, 30
TRỊNH QUANG: Chb. XXVIII, 13
TRỊNH SÂM: Chb. XXXIII, 24; XL, 14; XLI, 21; XLII, 4; XLIII, 3-37; XLIV, 1-36; XLV, 1-28, 34; XLVI, 26; XLVII, 49
TRỊNH SẦM: Chb. XXXI, 30 ; XXXII, 2
TRỊNH TẠC: Chb. XXXI, 30, 31; XXXII, 1, 2, 7, 8, 12, 13,17-41; XXXIII, 1-41; XXXIV, 1-12; XL, 15
Trịnh tân : Chb. XLI, 22
TRỊNH TẾ: Chb. XXXII, 29, 37; XXXIII, 18, 19, 22, 26
TRỊNH THẦN PHI (vợ lê Lê Lợi): Chb. XVI, 14, 27, 28
TRỊNH THẾ CÔNG: Chb. XXXII, 19, 20
Trịnh Thị : Chb. XV, 34, 35
TRỊNH THỊ NGỌC ÁNG: Chb. XXXIII, 17
TRỊNH THỊ NGỌC HÀNH: Chb. XXXI, 25
TRỊNH THỊ NGỌC TẤN: Chb. XXXIII, 39
TRỊNH THỊ NGỌC TRANG: Chb. XXXVII, 24
TRỊNH THIẾT TRƯỜNG: Chb. XVII, 34; XX, 22
TRỊNH THỤ: Chb. XLI, 29
TRỊNH THỨC: Chb. XXXI, 14
TRỊNH THƯỚC: Chb. XXXI, 30
TRỊNH TOÀN: Chb. XXXII, 14, 15, 16, 17, 18
TRỊNH TÔNG: Chb. XLIII, 27
TRỊNH TRÁNG: Chb. XXX, 22, 25; XXXI, 12, 14, 17, 19, 20, 22-25, 28-31; XXXII, 1-17; XXXIV, 6; XLVI, 32, 34
TRỊNH TRĂN: Chb. XXXI, 14
TRỊNH TRÍ KHÔNG: Chb. II, 36

TRỊNH TRỌNG PHONG: Chb. XXV, 35

TRỊNH TRỤ: Chb. XXXIX, 1; XLII, 9

TRỊNH TRƯỢNG: Chb. XXXII, 2, 10, 11, 12, 13; XXXIII, 12

TRỊNH TÚ: Chb. I, 6

TRỊNH TUỆ: Chb. XXXVIII, 2, 3, 12; XXXIX, 13; XLI, 9

TRỊNH TÙNG: Chb. XXVIII, 22, 23, 25, 29, 33, 34; XXIX, 1-34; XXX, 1-3, 8, 18, 19, 22, 27, 29; XXXI, 1, 5, 7, 8, 10, 17-19; XXXII, 30; XXXIII, 9; Phl. 11

TRỊNH TUY: Chb. XXV, 25 ; XXVI. 31, 33, 35, 36, 39, 41, 42 ; XXVII, 3, 6, 7, 9, 10, 29

TRỊNH TỰ QUYỀN: Chb. XLV, 11, 12; XLVI, 6, 16, 17, 18

TRỊNH TỰ THÀNH: Chb. XXXVIII, 38

TRỊNH VĂN HẢI: Chb. XXIX, 10, 24; XXX, 3

TRỊNH VĂN SÁI: Chb. XIX, 3, 12, 18; XX, 28, 31; XXI, 8

TRỊNH VIÊN: Chb. XXVII, 27, 36

TRỊNH VĨNH: Chb. XXXIV, 18, 20, 50, XXXV, 9

TRỊNH VĨNH THIỆU: Chb. XXVIII, 23, 27, 29

TRỊNH VỊNH: Chb. XLII, 26

TRỊNH VŨ : X. LÊ CHÍCH

TRỊNH XUÂN: Chb. XXIV. 6; XXXI, 14

TRỌNG THUỶ: Tb. I, 15, 17, 19, 27

Trù Hựu: Chb. XXXIII, 12

TRỤ: Chb. IX, 27; X, 10

TRÚC CHI: Tb. II, 11

TRÚC LÂM cư sĩ: Chb. IX, 1

Trung (Con Hi Tông) : Chb. XXXI, 23

Trung Ái xã: Tb. IV, 16

Trung Cần: Chb. XLVI, 16

Trung Dã: Chb. XL, 12; XLIII, 3

Trung Đô: Chb. XX, 8; XXI, 16, 22, 32; XXIV, 10, 11

Trung Hà: Chb. XVI, 3

Trung Hoà (đồn): Chb. XXXI, 31

Trung Hội (thôn): Chb. XIII, 22

Trung hưng: Chb. XXIX, 9-34; XXX, 1-30

Trung Hưng thực lục: Chb. VIII, 13

Trung Hưng thực lục (Trần): Chb. XIII, 4

Trung hưng tiết nghĩa lục: Chb. XXVII, 8

Trung Kinh: Chb. XXI, 32

Trung Lưu: Tb. II, 5

TRUNG MẪN á vương: X. TRẦN NGÔ LANG

Trung Nghĩa: Tb. IV, 20

Trung Quốc: Chb. XII, 36

Trung quốc vương LONG KÍNH: X. LÊ LONG KÍNH

Trung Sa: Chb. XL, 24

Trung Sơn: Chb. XXI, 17

Trung Sơn (đồn): Chb. XLIV, 23

TRUNG THÀNH vương: Chb. VI, 33

TRUNG TIẾT: X. LÊ LỄ

Trung tông (Lê) kỷ: Chb. XXVIII, 1-7

Trung Túc: Tb. II, 4

TRUNG VŨ VƯƠNG: X. LÊ THẠCH

Trùng Hoa cung: Chb. XXVI, 3

Trùng Hưng: Chb. VII, 33-44; VIII, 1-20

Trùng Khánh: Chb. VIII, 37

Trùng Quang: Chb. XII, 29-40

Trùng Quang (chùa): Chb. XXVII, 6

TRUYỀN (con Hoàng Phùng Cơ): Chb. XLVI, 20

Truyện An Nam: Chb. XXII, 28; XXIII, 1, 33

Truyện Chiêm Thành: Chb. XXII, 28; XXIV, 7

TRỪ (LÊ): Chb. XV, 7

TRỪ (Lam quốc công) : Chb. XVIII, 7

Trừ Châu: Chb. X, 13

TRỬ CỬU: Tb. V, 22

Trực Lệ: Chb. IX, 32

TRỰC TĨNH: X. HUYỀN TĨNH

TRƯNG HIỂN: Chb. II, 8

TRƯNG NHỊ: Tb. II, 10

TRƯNG TRẮC: Tb. II, 9-14

TRƯNG VƯƠNG: X. TRƯNG TRẮC

TRỪNG: X. HỒ NGUYÊN TRỪNG

Trừng Xá: Chb. XXIX, 17

TRƯƠNG BÁ NGHI: Tb. IV, 23-26; V, 11, 12

TRƯƠNG BÁ NGỌC: Chb. IV, 23, 30, 31

TRƯƠNG CHU: Tb. III, 21; IV, 28, 29; V, 22

TRƯƠNG CÔNG KHẢI: Chb. XXXVI, 16

TRƯƠNG DĨ NINH: Chb. X, 23

TRƯƠNG DỊCH BÔN: Chb. XXXIII, 21

TRƯƠNG DƯƠNG CÔNG: X. DƯƠNG TAM KHA

TRƯƠNG ĐẮC DANH: Chb. XXXII, 18

TRƯƠNG ĐĂNG QUỸ: Chb. XLVI, 8; XLVII, 2, 10, 17, 23

TRƯƠNG ĐÌNH TRÂN: Chb. VII, 12

TRƯƠNG ĐỊNH CƯƠNG: Chb. XXIII, 3

TRƯƠNG ĐỖ: Chb. X, 38

TRƯƠNG HÁN SIÊU: Chb. VIII,

34; IX, 1, 24, 41; X, 1, 5, 6, 7, 33

TRƯƠNG HANH: Chb. VI, 12

TRƯƠNG HIỂN: Chb. VII, 40

TRƯƠNG HOÀNG CHÍ: Chb. XXV, 24

TRƯƠNG HÙNG: Chb. XIII, 22

TRƯƠNG HUYỀN LINH: Chb. XXVI, 31

TRƯƠNG KHUÔNG: Chb. XXXVIII, 18, 30, 37; XXXIX, 7, 19; XL, 5, 6, 8, 9; XLII, 9; XLIV, 18

TRƯƠNG KIỀU: Tb. II, 19 - 22

TRƯƠNG LÂN: Chb. XIV, 5

TRƯƠNG LẬP ĐẠO: Chb. VIII, 17, 18

TRƯƠNG LUẬN ĐẠO: Chb. XXXIII, 22, 24

TRƯƠNG MA NI: Chb. I, 4

TRƯƠNG NGHIÊM: Chb. XXXVIII, 39, 40

TRƯƠNG NGỌC: Chb. VIII, 2, 7

TRƯƠNG NHÂN: Tb. V, 6, 7

TRƯƠNG NHIẾP: Chb. I, 25

TRƯƠNG NHIÊU: Chb. XXXVI, 22; XXXIX, 1, 35

TRƯƠNG NHƯNG: Chb. XXXVI, 5, 6; XXXVII, 27; XXXVIII, 2

TRƯƠNG PHÓNG: Chb. VIII, 42

TRƯƠNG PHU DUYỆT: Chb. XXVI, 19; XXVII, 15

TRƯƠNG PHỤ: Chb. XII, 12, 13, 14, 17, 18, 21, 22, 23, 25, 26, 37, 38, 39, 40, 41, 43, 44, 45, 46; XIII, 12; XIV, 23

TRƯƠNG PHÚC GIA: Chb. XXXI, 23

TRƯƠNG PHÚC LOAN: Chb. XLIV, 10, 20

TRƯƠNG PHÚC PHẤN: Chb. XXXII, 5, 7

TRƯƠNG QUAN: Chb. I, 30

TRƯƠNG QUÂN: Chb. VIII, 7

TRƯƠNG QUỐC DỤNG: Chb. V, 1

TRƯƠNG QUỐC HOA: Chb. XXVIII, 25

TRƯƠNG SĨ LONG: Chb. XLVII, 34, 40, 41

TRƯƠNG SĨ THÀNH: Chb. X, 13

TRƯƠNG TÂN: Tb. II, 29, 30, 31; III, 1

Trương thái phi (mẹ Trịnh Cương): Chb. XXXVI, 34

TRƯƠNG THẤT: Chb. VI, 25, 33

TRƯƠNG THỦ TIẾT: Chb. III, 35

TRƯƠNG THUYÊN: Tb. V, 7

TRƯƠNG TÔN QUYỀN: Chb. I, 16

TRƯƠNG TRÀ: Chb. XXVIII, 30
TRƯƠNG TRỌNG: Tb. II, 27, 28
TRƯƠNG TUÂN: Chb. XLVI, 6, 7, 31, 32
TRƯƠNG VĂN HỔ: Chb. VIII, 1, 4, 6, 8
TRƯƠNG VĂN VÂN: Chb. XXXII, 24, 37, 39
TRƯƠNG VỊ: Chb. XXX, 19
Trương Xá xã: Tb. V, 30
TRƯƠNG XÁN: Chb. VI, 39
TRƯƠNG YẾN: Tb. I, 33
Trường An (Trung Quốc): Tb. I, 29
Trường Cát: Chb. XXVIII, 18; XXIX, 20
Trường Châu: Tb. I, 26; IV, 18, 19
Trường Dục (luỹ): Chb. XXXII, 5, 6
Trường Hưng vương MỊCH: Chb. I, 14
Trường Khánh: Chb. I, 17; XXI, 19
Trường Lạc (Cung): Chb. XXIV, 24
Trường Lâm: Tb. IV, 19
TRƯỜNG MÂN: Tb. II, 32
Trường Sa: Chb. VIII, 21, 31; Tb. I, 22, 23; II, 10, 20, 22; III, 17
Trường sinh quốc (Quốc hiệu của NÙNG TỒN PHÚC: Chb. II, 42
Trường Sơn: Tb. IV, 19
Trường Tân: Chb. VI, 12; VIII, 27; XIX, 23
Trường Thân: Chb. XXVII, 1, 2
Trường Yên: Chb. VI, 23, 27; VII, 40; XI, 27, 28; XVII, 15; XXI, 18, 20, 21, 26, 34; XXVI, 31; XXVIII, 18, 19; XXIX, 13, 18, 20, 22, 30; XXX, 18; XXXI, 5; XXXIII, 29, 30; XXXIV, 33; XXXV, 13; XXXVI, 6, 8; XXXVII, 12; XXXVIII, 11; XL, 2; XLII, 5; XLIV, 3, 4; Tb. V, 25
Trường Yên [Tràng An]: Chb. XII, 23, 27
Trường Yên Hạ xã: Chb. I, 9
Trường Yên phủ: Chb. I, 9; II, 10, 11, 30–31
Trường Yên Thượng xã: Chb. I, 9
TU TẮC: Tb. III, 11
TÚ CAO: Chb. XXXVIII, 25
TÚ HOÃN: X. TRẦN TÚ HOÃN
Tú Lâm: Chb. XXIII, 5, 6
TÚ LONG: X. LONG:
TÚ MINH: Chb. XXXII, 24
Tụ Long: Chb. XXXIV, 43; XXXV, 21; XXXVII, 3, 5, 11; XLIV, 12; XLV, 16, 17
TUÂN (con Lê Hiến Tông): Chb. XXIV, 42

TUÂN (Trường Yên vương): Chb. XXV, 14

Tuân Giáo: Chb. XVII, 18

TUÂN HÚC: Chb. VIII, 42

TUÂN ÚC: Chb. XL, 15; Tb. II, 30

Tuần Châu: Tb. I, 14

Tuần Giáo: Chb. XX, 18

Tuần lễ: Chb. XXXII, 21

TUẤN (LÊ): Chb. XVII, 30, 31

Túc Lẫm: Chb. XXXIV, 27

Túc tang: Chb. III, 44 - 45

TÚC TÔNG: Chb. XXIV, 42; XXV, 12, 13

TUNG: Chb. XI, 4

TUNG (chắt Mạc Đĩnh Chi): Chb. XXV, 25

Tung Lăng: Chb. XXI, 19, 31; XXVIII, 16

TÙNG (Hoa Khê vương): Chb. XXVI, 3

Tùng Thiện: Chb. XXI, 35; XXIX, 26; XLIII, 12

Tuy An: Chb. XXII, 9

Tuy Hoà: Chb. XXII, 8, 9; XLIII, 27

Tuy Phụ: Chb. XXI, 19, 31; XXII, 9; XXVIII, 16; XLIII, 16; XLV, 23

Tuy Phúc: Chb. X, 41

Tuy Viễn: Chb. X, 41; XXII, 7, 9; Tb. IV, 16

Tuy Viễn (huyện): Chb. XLIV, 22, 24; XLV, 2

Tuy Viễn (sở): Chb. XLII, 9

Tuỳ bút lục: Chb. XXXIII, 15

Tuỳ sử: Tb. II, 12

TUÝ (cháu Mạc Đĩnh Chi): Chb. XXV, 25

Tuyên Hoà (niên hiệu Trần Cung): Chb. XXVI, 34

Tuyên Hoá: Chb. III, 10-11; IV, 37, 38; XII, 20, 31

Tuyên Quang: Chb. III, 11, 45; IX, 32; XI, 29; XII, 9, 14; XIII, 24, 26, 32; XIV, 10, 18, 20; XV, 5; XVI, 7, 9; XVII, 20; XVIII, 6, 7, 12; XX, 2, 3, 8, 34; XXI, 16, 19, 30, 35; XXII, 33; XXIV; 10, 11, 31, 32; XXV, 8, 36; XXVII, 2, 10; XXVIII, 3, 13; XXIX, 4, 10; XXX, 20, 29; XXXIII, 28, 31; XXXIV, 20, 21, 26, 46; XXXV, 5, 15, 21, 38; XXXVI, 6; XXXVII, 4, 5, 27; XXXVIII, 10, 25; XXXIX, 10, 12, 22; XL, 2, 3; XLI, 3, 13, 16; XLII, 6, 10; XLV, 16, 17; XLVI, 6; XLVII, 27, 28, 33, 36, 45; Tb. I, 5; IV, 19, 20

Tuyên Quang tỉnh chí: Chb. XIV, 10

TUYÊN TỪ: Chb. VIII, 23; IX, 14

Tuyên Từ hoàng thái hậu: Chb. XIX, 7

Tuyên Vũ: Chb. XLVI, 21

TUYÊN VŨ hầu: X. QUỐC TÚ

Tuyền Cam: Chb. XXXII, 14

Tư: Chb. X, 5; XII, 3, 42, 43; XLV, 20

Tư Châu: Chb. XI, 42, 43; XXII, 8

Tư Doanh thành: Chb. I, 26-27

Tư doanh thành phó vương LONG TƯƠNG: X. LÊ LONG TƯƠNG : Chb. I

Tư Dung: Chb. III, 9

Tư Dung (cửa biển): Chb. XX, 25

Tư Hiền: Chb. XX, 25

Tư Hiền (cửa biển): Chb. III, 9

Tư Khách: Chb. III, 9; XX, 25

Tư Lang: Chb. III, 39, 40, 44; VI, 41

Tư Lang châu: Chb. III, 2-3

Tư Lãng (châu): Chb. IX, 9

Tư Lặc: Chb. XXVII, 35

Tư lăng: Chb. XXIII, 32; XXXIV, 22, 24, 48; XLIII, 32

Tư Lăng châu: Chb. II, 41

Tư Long thành: Tb. I, 9

TƯ MÃ QUANG: Chb. XLVII, 3, 4; Tnb. 1

TƯ MÃ THIÊN: Tb. II, 3; V, 22 ; Tnb. 4

Tư Minh: Chb. VI, 39; VII, 31, 42; VIII, 2, 7, 8; XII, 7; XXI, 31; XXVII, 31; XXX, 8, 19; XXXIII, 23; XXXIV, 23, 24

Tư Nghĩa: Chb. X, 5; XXII, 7, 8; XXIV, 31

Tư Nông: Chb. II, 44; XI, 8; XXI, 19; XXXV, 38; XL, 12; XLVII, 28; Tb. IV, 20

Tư Phố: Tb. I, 20; II, 5

TƯ TỀ (LÊ): Chb. XV, 15, 16, 27, 29, 31; XVI, 6; XVII, 16

TƯ THÀNH: Chb. XIX, 5

TƯ THÀNH (LÊ): Chb. XVII, 28

Tư Thuận: Chb. XXIII, 31

Tư Vinh: Chb. XXI, 17, 34

Từ: Tb. V, 1

TỪ ANH NHỊ: Chb. V, 29-30

TỪ CÁ: Chb. XII, 8

Từ công: Chb. XXIV, 40

TỪ DIÊN: Chb. IV, 16, 20

TỪ ĐẠO HẠNH: Chb. XXIV, 41

TỪ HANH: Chb. XIV, 10

Từ Hồ: Chb. XXV, 16

TỪ KỲ : Chb. XV, 28, XVI, 1

Từ Liêm: Chb. V, 22; XI, 31; XIII, 31;. XIV, 6; XIX, 23; XXI, 18, 27, 28, 33; XXIII, 4; XXIV, 30; XVIII, 29; XXV, 2; XXVI, 14, 28, 31, 33, 40, 41, 43; XXVII, 5, 6; XXVIII, 24, 26; XXX, 10; XXXII, 12; XXXIV, 22, 29; XXXVII, 23; XXXVIII, 20, 21, 38, 39; XXXIX, 31; XL, 4, 5, 8; XLII,

18, 30; XLIII, 13; XLV, 9; XLVI, 19, 23; XLVII, 4, 32, 51; Tb. I, 12, 13; IV, 12; V, 22

TỪ MINH THIỆN: Chb. VII, 25; VIII, 10, 12

TỪ MỤC: Chb. I, 19, 22, 34

TỪ NGỌC: Chb. XXV, 1

Từ Ô: Chb. XXXVIII, 14

Từ Sơn: Chb. I, 27; XII, 44; XIII, 35; XIX, 23; XXI, 18; XXVI, 10, 27; XXVII, 6; XXX, 6; XXXV, 24; XXXVIII, 33, 39; Tb. V, 30

Từ Thức (động): Chb. XLII, 16

TỪ TỒN: Tb. III, 12

TỪ TRƯNG: Tb. II, 27

Từ Văn: Tb. I, 12; II, 5, 30, 32

TỪ VĂN THÔNG: Chb. IV, 33

TỪ VĨNH ĐẠT: Chb. XV, 4, 12, 25; XVI, 19

Tứ đạo trường sách: Chb. XXXVII, 20

Tử Dương: Chb. XXXVIII, 1, 2

TỬ DƯƠNG: X. CHU TỬ

Tử Đường xã: Tb. IV, 2

TỬ LĂNG: Chb. XIV, 11

TỬ PHÒNG: Chb. XL, 15

Tử Tiêu (núi): Chb. VI, 18; IX, 1

Tử Trầm: Chb. XXXVIII, 27

TỬ TRƯỜNG: X. TƯ MÃ THIÊN

Tứ Hạo: Chb. XIV, 11

Tứ Hội: Tb. II, 4

Tứ Kỳ: Chb. XIX, 27; XXI, 17, 40; XXIX, 13; XXX, 13; XXXIII, 12; XXXIX, 9; XL, 20; XLVII, 11, 12, 24, 25

Tứ Thành: Chb. XXXIV, 23, 24

Tứ thư thuyết ước: Chb. XIII, 5

Tứ Xuyên: Chb. VIII, 37

Tự Đức: Chb. XLVI, 23

Tự Nhiên châu: Tb. IV, 7; X. Dạ Trạch

Tự vị: Chb. XXXVII, 30

Tức Mặc: Chb. V, 34; VI, 4, 10, 19, 28; VII, 4, 23

TƯỚC TÊ: Chb. X, 4, 5

TƯƠNG: Chb. XL, 7, 29, 30; XLI, 15; Tb. V, 1

TƯƠNG (tướng Tây Sơn): Chb. XLVII, 25

Tương Châu: Tb. III, 30, 31

Tương Dực đế: Chb. XXV, 33, 35; XXVI, 35; XXVII, 29

Tương Dực đế kỷ: Chb. XXVI, 1-28

Tương Dương: Chb. III, 10; IX, 33, 35, 36; XIII, 17; XVIII, 8; XXI, 17, 33; XXXIV, 21; XLIV, 17

Tương Trúc: Chb. XXXIX, 31

Tường Kha: Chb. XXXIV, 22; Tb. I, 33, 34

Tường Quang điện: Chb. XIX, 5

Tường Thọ điện: Chb. XXVI, 26

TƯỜNG TRUNG: Chb. XXXII, 14

TƯỞNG TƯ: Chb. XII, 11

Tướng Đài oa: Chb. XLVII, 47

Tượng Cần (làng): Chb. II, 42

Tượng Lâm: Tb. I, 20; II, 5, 13, 15, 19; III, 20, 28

Tượng Phố: Tb. III, 28

Tượng Quận: Chb. I, 28; XXI, 20, 21, 23, 25, 27, 28, 30, 31, 32; XXII, 7; XLV, 2; Tb. I, 10, 11, 12, 20; II, 5; III, 5, 20

U

U Châu: Tb. V, 6

Uẩn Áo xã: Tb. IV, 16

Uất Lâm: Chb. XXXIV, 15 ; Tb. I, 11; II, 3, 4, 5; III, 10, 11, 18, 19, 30; V, 5, 12

Úc Kỳ: Chb. XL, 12; XLI, 3, 4, 7

Ung: Chb. VI, 24; VII, 20

Ung (Lĩnh Nam): Tb. V, 1

Ung Châu: Chb. I, 12, 14, 42; III, 13, 24, 25, 35, 36, 37, 38, 41; IV, 13, 41; XXXIV, 15; Tb. V, 1, 4, 6, 11

Ung Kê: Tb. II, 5

UNG KHẢI: Tb. III, 2

UNG MINH TA ĐIỆP: Chb. V, 6

Ung Quản: Tb. IV, 40; V, 13

Ứng Ải : Chb. XIII, 14, 15

Ứng quan : Chb. XIII, 15 ; XXVIII, 26

UÔNG: Chb. XII, 21

UÔNG (Con Nguyễn Kim) Chb. XXVII, 41 ; XXVIII, 11

UÔNG SĨ ĐIỂN: Chb. XLIV, 10, 28; XLV, 1; XLVI, 24; XLVII, 2, 3

UÔNG SĨ LÃNG: Chb. XLIV, 11

UÔNG VĂN THỊNH: Chb. XXVII, 27, 28

UY GIẢN hầu: Chb. IX, 21

Uy minh hầu NHẬT QUANG: X. LÝ NHẬT QUANG

Uy Mục đế: Chb. XXIV, 42; XXV, 14; XXVI, 17, 35; XLVII, 49

Uy Mục đế kỷ: Chb. XXV, 17-35

Uy Tế: Tb. V, 24

UY TÚC vương: Chb. IX, 27

Uy Văn vương: X. TRẦN QUỐC TUỴ

Uy Viễn: Tb. V, 24

Uyên giám loại hàm: Chb. XVII, 14; XXXVI, 26

UYÊN HỢP: Chb. XXXV, 19

UYỂN: Chb. XLVII, 28

Ứng Hoà: Chb. XIII, 26; XXI, 27, 34; XXVI, 2; XXVII, 9

ỨNG LONG: X. NGUYỄN PHI KHANH

Ứng phong : Chb. IV, 16, 42

Ứng Quan: Chb. XIII, 15; XXVIII, 26

Ứng Thiên: Chb. XIII, 25; XIX, 11; XXI, 17, 34; XXVI, 31; XXXVI, 22; XL, 30; XLIV, 8

Ứng Thiên (niên hiệu Lê Đại Hành): Chb. I, 29 - 44

Ứng Thiên phủ: Chb. II, 18, 36

ỨNG THIỆU: Tb. I, 33

V

Văn Hà : Chb. XXIX, 21 ; XXXI, 31

Vạn An: Chb. VII, 31; VIII, 35, 36

Vạn Châu: Chb. VIII, 1

VẠN HẠNH (sư): Chb. II, 4

Vạn Khánh: Chb. XXXII, 40

Vạn Kiếp: Chb. VII, 31, 32, 33, 41, 42; VIII, 3, 6, 22; XIV, 1, 2

Vạn Kiếp bí truyền: Chb. XIII, 5

Vạn Lại: Tnb. 3 ; Chb. XXVII, 42 ; XXVIII, 16, 17, 23 ; XXIX, 9, 12, 33 ; XXX, 3 , 13, 23

Vạn Lịch: Chb. XXXIII, 6

Vạn Nhai: Chb. IV, 37, 38; XXXI, 14; XXXV, 39 ; XL, 12

Vạn Nhai châu: Chb. II, 42, 43

Vạn Ninh: Chb. II, 24; VII, 38; XI, 15; XII, 44; XX, 30; XXI, 19; XXVII, 33, 35; XXX, 8, 12; XXXIV, 25; XLII, 21

Vạn Nữ (sông): Chb. IX, 47

Vạn Phái: Chb. XXXIII, 12

Vạn Phân: Chb. XLV, 34

Vạn Phúc: Chb. XXVI, 33

Vạn Phúc (đầm): Chb. XLVI, 23

Vạn Phúc (xã): Chb. XLVI, 23

Vạn Phúc đàm (đầm): Tb. IV, 3

Vạn Phúc xã: Tb. IV, 3

VẠN THẮNG VƯƠNG: Chb. I, 2

VẠN THẮNG VƯƠNG : X. ĐINH BỘ LĨNH

Vạn Thọ điện: Chb. XXVI, 3 ; XXXV, 16; XLVI, 24, 26, 33

Vạn Tượng: Chb. XVIII, 8; XXIII, 31; XXVII, 20; XXXIV, 37, 38; Tb. IV, 10

Vạn Xuân: Tb. IV, 3

Vạn Xuân (hồ): Chb. XLVI, 20, 23

Vạn Xuân hồ: Tb. IV, 3

Văn Bàn: Chb. XXI, 19; XXXIV, 28

VĂN BÌ: Chb. XLI, 4

VĂN BÍCH: X. TRẦN VĂN BÍCH

Văn Chấn: Chb. XXI, 19

Văn Châu: Chb. II, 25; III, 6

Văn Chưng: Chb. XXXIV, 27

VĂN DŨNG: Chb. I, 30

Văn Dương: Tb. IV, 19

VĂN ĐÌNH DẬN: Chb. XXXVI, 18; XXXVIII, 23 ; XXXIX, 12; XL, 12

VĂN ĐÌNH NHÂM: Chb. XXXV, 15

VĂN ĐÌNH ỨC: Chb. XL, 10, 11, 12, 30; XLII, 16, 17

VĂN ĐỐC: Chb. XXXI, 17

Văn Giang: Chb. X, 20; XXI, 18; XXVII, 6, 21; XXVIII, 14; XXXII, 12 ; XXXIV, 30 ; XXXVII, 11; XXXVIII, 19, 21; Tb. V, 30; XLII, 18; XLIV, 24, XLV, 13; XLVI, 31; XLVII, 3, 4

Văn Giang (làng): Chb. XXVI, 29

Văn Giáp: Chb. XXXIX, 17, 18; XLIII, 12, XLIV, 35

VĂN HIẾN hầu: Chb. IX, 26

Văn hiến thông khảo: Chb. XXI, 10; Tb. II, 8

VĂN KHÁNH: Chb. IX, 13, 14

Văn Lan: Chb. XXI, 19, 35

Văn Lan (châu): Chb. XXX, 8

Văn Lan (người) : Chb. XXVII, 29, 30

Văn Lang: Tng. 4; Dch. II, 9; Tnb. 3; Tb. I, 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8

Văn Lãng: Chb. XXI, 19; XXXV, 38 ; XXXIX, 17, 18 ; XLIII, 12 ; XLIV, 35

VĂN LỘNG: X. TRẦN VĂN LỘNG

VĂN LƯ: Chb. XX, 22

VĂN MINH: Chb. XXVII, 32

VĂN NGHĨA hầu: X. TỨ HOẰN

VĂN NGUYÊN: Chb. XXIX, 30

VĂN NHUỆ : Chb. XV, 1

Văn Quan: Chb. XXI, 35

VĂN QUẢNG: Chb. XLI, 4

Văn Thai: Chb. XXIII, 4

Văn Trai: Chb. XLVII, 15

VĂN TRINH: X. CHU AN

VĂN TÚC vương: X. ĐẠO TÁI

Văn Uyên: Chb. IX, 10; XII, 14; XXI, 19; XXXIV, 15

Văn Xá: Chb. XXV, 23 ; XLVI, 33

Vân Bảo: Chb. XXXVI, 21

Vân Canh: Chb. V, 22; XXXVIII, 21, 39; XL, 4; XLVI, 23; XLVII, 4

Vân Cát: Chb. XXXII, 14, 15

Vân Cốc: Chb. XXXVIII, 40; XXXIX, 10; XL, 20

Vân Cừ giang : X. Bạch Đằng giang

Vân Dương bá: X. TRẦN HÚC

Vân đài loại ngữ: Chb. II, 17; III, 24; XX, 37; XXI, 2; Tb. II, 7; V, 14

Vân Điểm: Chb. XXX, 10 ; XXXI, 14 ; XLVI, 23

Vân Điểm: Chb. XXXIV, 16

Vân Đậu: Chb. XXXVII, 9

Vân Đồn: Chb. VII, 38; VIII, 4, 5, 8; IX, 48; XII, 37; XIII, 3; XVII, 9; XX, 36; XXI, 19, 29; XXXIX, 32, 34; XLII, 21; XLIV, 22; XLVII, 10, 12

Vân Đồn châu: Chb. IV, 43

Vân Đồn trang: Chb. IV, 43

Vân Hải: Chb. IV, 43

Vân Hoàng: Chb. XXXIX, 31

VÂN KHẢ: Chb. XXXII, 23

Vân Lung: Chb. XXXI, 15

Vân Lũng: Chb. XXVIII, 14

Vân Nam: Chb. VI, 24, 42; VII, 35; VIII, 1, 18; XI, 1, 3; XII, 6, 13, 14, 27; XIII, 24, 25; XIV, 10; XVI, 26; XXI, 31; XXIII, 1, 32, 34; XXVII, 27, 28, 31, 32; XXXIII, 32; XXXIV, 5, 16, 20, 21, 22, 26; XXXV, 6; XXXVI, 3; XXXVII, 6; XLII, 8; XLIII, 16, 21, 22, 32; XLIV, 12; XLV, 17, 23; XLVII, 33; Tb. I, 3, 4; IV, 9, 35; V, 10

Vân Nam chí: Chb. XXIIII, 29

VÂN NAM vương: X. HỐT KHA XÍCH

Vân Nội: Chb. XVIII, 28

Vân Sàng: Chb. XXXIII, 12

Vân Trà: Chb. VII, 32

VÂN TRẠCH: Chb. XXXII, 37, 38

Vân Trai: Chb. XXXII, 7

Vân Trình: Chb. XLVI, 27

Vân Trung: Tb. II, 27

Vân Truỳ: Chb. XL, 14

Vấn Dương: Tb. II, 29

Vật Ác động: Chb. III, 13

Vệ Quốc công: X. LÊ LỢI

VỆ QUỐC CÔNG CHÚA: Chb. XVIII, 12

Vi Cảng: Chb. XXI, 10

VI ĐAN: Tb. V, 2

VI ĐỨC THẮNG: Chb. XXXIV, 23

Vi Giang: Chb. XX, 13

Vi lượng: Chb. XIII, 25

VI PHÚC KIÊM: Chb. XXXIV, 24

VI PHÚC VĨNH: Chb. XXXIV, 48

VI THẾ HOA: Chb. XXXIV, 24

VI TRỌNG TỂ: Tb. V, 9

VI TRỤ: Tb. V, 1, 2, 6

VI VINH DIỆU: Chb. XXXIV, 23, 48

VĨ KHIÊM : Chb. XLIV, 26

Vị Hoàng: Chb. XXXVI, 8; XXXVIII, 37, 39; XLI, 6; XLVI, 16, 17–19, 22, 23; XLVII, 20, 22, 27, 29, 30

Vị Khê: Chb. XXV, 25

Vị Long châu: Chb. II, 16; 18; III, 43

Vị Xuyên: Chb. XXI, 19; XXXIV, 20, 21, 26, 27, 42, 43;

XXXVII, 5, 6; XLI, 17; XLIV, 12

VIÊM ĐẾ THẦN NÔNG THỊ: Tb. I, 1

Viêm Lãng (châu): Chb. IX, 23

Viên Chăn: Chb. XXXIV, 37, 38

VIÊN HUY: Tb. II, 30

Viên Khê: Chb. XVIII, 2

Viên Minh (vườn): Chb. XLVII, 46

Viên Nội: Chb. XXI, 9

Việt (cửa biển) : X. Việt An

Việt An (cửa biển): Chb. XVI, 8

Việt Châu: Chb. IX, 29; XX, 16, 18; XXI, 19

Việt chí: Chb. IV, 43 ; Tb. II, 11

Việt điện u linh tập: Chb. XIII, 5

Việt Hải (cửa biển): Chb. XLVI, 17, 19

Việt Hải môn (cửa biển): Chb. III, 10

Việt Nam thế chí: Chb. XIII, 5

Việt Sơn: Chb. XLIII, 20

Việt sử: Chb. XVIII, 28

Việt sử cương mục (của HỒ TÔNG THỐC): Chb. XIII, 5

Việt Thuật: Chb. XII, 7; XXXV, 17

Việt Thường: Chb. I, 27 - 28; III, 29; XXI, 21, 23; XXII, 7; XLV, 2; Tb. I, 3, 4, 20; II, 5; IV, 19, 20

VIỆT THƯỜNG THỊ: Tng. 4; Tb. I, 6; III, 15, 20

Việt Tích: Tb. IV, 35

Việt Trì: Chb. XL, 10, 11; XLI, 3, 4; XXXVIII, 27

VIỆT VƯƠNG: Chb. XV, 20

Việt Yên: Chb. XXXII, 16, 17; XLVII, 18

Vĩnh An: Chb. XIII, 3

Vĩnh An châu: Chb. II, 23, 37

Vĩnh Bình: Chb. VI, 21; VIII, 9, 10

Vĩnh Doanh: Chb. XLIII, 4, 5

Vĩnh Đại: Chb. XLII, 21

Vĩnh Điện: Chb. III, 45; XXI, 35

Vĩnh Định: Chb. XXVII, 13, 42

Vĩnh Đồng: Chb. XL, 7, 8; XLI, 15, 16

Vĩnh Động: Chb. XIV, 7

Vĩnh Hoà: Chb. III, 10; XXI, 33; XLIV, 17

Vĩnh Hưng lăng: Chb. XXVII, 13

Vĩnh Hựu: Chb. XXXVII, 33; XXXVIII, 1-38; XXXIX, 16, 20; XLI, 3, 27; XLII, 5; XLIV, 5

Vĩnh Khang: Chb. XIII, 36; XXI, 17, 33 ; XLIV, 17

Vĩnh Khang trấn: Chb. III, 10

Vĩnh Khánh: Chb. XXXVII, 8-24

Vĩnh Khố: Chb. XXXVI, 27

Vĩnh Kỳ: Chb. XXIV, 30

Vĩnh Lạc : Chb. XII, 47 ; XIII, 4, 12, 20, 34

Vĩnh Lại: Chb. I, 27; XXI, 17; XXVI, 3; XXIX, 33; XXX, 13, 23; XXXIII, 35; XXXIX, 30, 33, 34; XL, 20; XLI, 6

Vĩnh Lịch: Chb. XXXII, 3, 38

Vĩnh Long: Tb. IV, 24

Vĩnh Lộc: Chb. X, 26; XI, 6, 35; XIX, 10, XXI, 33; XXII, 34; XXVI, 2; XXVII, 24; XXVIII, 24; XXIX, 8, 9, 17, 25 ; XLIII, 11, XLVII, 15, 51

Vĩnh Lộc (Phước): Chb. XII, 16, 17

Vĩnh Lộc huyện chí: Chb. XIX, 10

Vĩnh Mỗ: Tb. V, 30

Vĩnh Ninh: Chb. XI, 10; XIX, 23; XXIII, 36; XXIV, 40; XXXIV, 15

Vĩnh Phúc: Chb. XXI, 16, 33; XXVII, 24; XXVIII, 14, 24, 27, 29; XXIX, 8, 9, 17, 25; XXXVIII, 3, 12 ; XLIII, 17

Vĩnh Sơn (vụng biển): Chb. X, 51

Vĩnh Thiên (niên hiệu của LÊ NGẠ) : Chb. XIII, 11

Vĩnh Thịnh: Chb. XXXV, 1-27; XL, 2; XLVII, 49

Vĩnh Thọ: Chb. XXXII, 20-38; XXXIII, 11; XLIV, 7

Vĩnh Thông: Chb. III, 10-11; IV, 37, 38; XXXV, 39

Vĩnh Thuận: Chb. VIII, 39; XIII, 31; XVI, 3; XXI, 35, XXIII, 2; XXV, 19, 37; XXVI, 22, 23, 29, 31; XXIX, 20 ; XL, 5; XLIII, 19; XLVII, 42

Vĩnh Tộ: Chb. XXXI, 16-24; XLII, 1

Vĩnh Trị: Chb. XX, 19; XXXIII, 40; XXXIV, 1-10

Vĩnh Trị (làng): Chb. XLVII, 3

Vĩnh Trị (niên hiệu): Chb. XXXIX, 3, 4, XLIV, 26

Vĩnh tuy: Chb. XXX, 20; XXXVII, 5, 6

Vĩnh Tường: Chb. XVIII, 20; XXI, 34; XXVI, 25; XXXVIII, 29; Tb. I, 2; II, 10, 11; V, 29

Vĩnh Xương: Chb. XXI, 32, 35; XXXIV, 32; XLIII, 34; Tb. IV, 9

Vĩnh Xương (Trung Quốc): Chb. XVI, 26

Vĩnh Yên: Chb. XXI, 19, 29; XXVII, 33

Vĩnh Yên (làng): Chb. XXXVI, 27

Vịnh Cầu: Chb. XXVII, 21; XXXIV, 2

Võ (Vũ) Giàng: Chb. XXV, 2

Võ Giàng: Chb. XXI, 18

Võ Nhai: Chb. XXI, 19

Vọng An trấn: Chb. XXI, 22

Vọng Doanh: Chb. XXI, 18, 34; XLIII, 12

Vọng Giang (trấn): Chb. XI, 27

Vọng Hải: Tb. II, 14, 15

Vọng Nguyệt: Chb. XLIII, 20

Vọng Quốc trấn: Chb. III, 10-11

Võng Xuyên: Chb. XLI, 24

Vô Biên: Tb. I, 20; II, 5

VÔ CỨU: Chb. XII, 18, 21

Vô Cữu (thôn) : Chb. XXXIV, 27

Vô Dật: Chb. XI, 22

Vô Thiết: Tb. I, 20; II, 5

Vợ LÝ THÁI TÔNG THIÊN CẢM HOÀNG HẬU: Chb. II, 39

Vu Dương: Tb. II, 29

Vũ An: Chb. XXIX, 32

Vũ An châu: Tb. IV, 18, 19, 20

VŨ BÁ: Chb. XXV, 32

VŨ BÁ XƯỞNG: Chb. XLIII, 36, 37

Vũ Bình: Tb. III, 14, 15, 29, 30; IV, 19

VŨ CẢNH: Chb. XXV, 30

Vũ Cao: Chb. XII, 11

VŨ CHÂU: Chb. XXV, 17 ; Tb. IV, 40

VŨ CHIÊU: Chb. XLVII, 24, 25

VŨ CÔNG ĐẠO: Chb. XXXIII, 35; XXXIV, 13, 14, 27, 28

VŨ CÔNG ĐẮC: Chb. XXXIII, 28, 31; XXXV, 15

VŨ CÔNG KỶ: Chb. XXIX, 3, 4, 10; XXXIII, 28

VŨ CÔNG TỀ: Chb. XXXVI, 29; XXXVIII, 26

VŨ CÔNG TỂ: Chb. XXXIX, 18, 24, 25

VŨ CÔNG TRẤN: Chb. XXXVII, 29; XXXVIII, 20; XL, 26; XLI, 10, 15, 21, 22

VŨ CÔNG TUẤN: Chb. XXXIII, 28, 33, 34; XXXIV, 20, 21, 26, 27; XXXV, 15

VŨ DANH QUÁN: Chb. XXXVI, 28

Vũ Di: Tb. IV, 20

VŨ DUỆ: Chb. XXVII, 8, 16; XXXIII, 20

VŨ DUNG: Chb. XLVII, 24; Tb. IV, 20

VŨ DUY CHÍ: CHB. XXXIII, 13, 14, 27; XXXIV, 3; XXXVI, 28 ; CHB. XL, 15

VŨ DUY DƯƠNG: Chb. XXXIV, 28, 29

VŨ DUY ĐOÁN: Chb. XXXIV, 13, 16

VŨ DUY GIÁO: Chb. XXIII, 33

VŨ DUY HÀI: Chb. XXXIII, 35; XXXIV, 1

VŨ DƯƠNG: Chb. XXIV, 17

VŨ ĐÁI (đới): Chb. V, 2-3, 4

Vũ Điện: Chb. XXXVIII, 37

VŨ ĐÌNH ÂN: Chb. XXXVI, 29

VŨ ĐÌNH DUNG: Chb. XXXVIII, 25, 36, 37
VŨ ĐÌNH TRÁC: Chb. XLII, 9, 10
Vũ Định: Chb. XXI, 30, 31; Tb. I, 3, 5, 20; IV, 20, 24; V, 10
Vũ Đức: Chb. XVII, 17, 18
VŨ ĐỨC CUNG: Chb. XXX, 9, 10, 23, 28; XXXIII, 28
Vũ Giàng: Chb. VII, 34; XIII, 35; XVIII, 35; XL, 4, 5; XLIII, 12; XLVII, 3, 18
Vũ Giàng huyện: Tb. I, 16
VŨ HỘ: Chb. XXVII, 1-4; 10, 16
VŨ HỒN: Tb. IV, 33, 34
VŨ HUY: Chb. XXXIV, 46
VŨ HUY DĨNH: Chb. XLIII, 20, 21; XLV, 20
VŨ HUYÊN: Chb. XXXIV, 46
VŨ HỮU: Chb. XXIV, 29, 34; XXVII, 14
VŨ KHẮC BẰNG: Chd. 5
VŨ KHÂM LÂN: Chb. XXXIX, 9, 33; XL, 18, 21, 26
Vũ Kiến động: Chb. II, 44-45
VŨ KIỆT: Chb. XXII, 30, 31
Vũ Kim: Tb. IV, 20
Vũ Lang: Tb. IV, 20
Vũ Lao: Tb. IV, 20
Vũ Lặc: Chb. II, 43
Vũ lăng: Chb. XXVII, 21; Tb. III, 5; IV, 33
Vũ Lâm (xã): Chb. VIII, 23, 28
Vũ Lập: Tb. IV, 12
VŨ LỘC: Chb. XXIV, 40
Vũ Lục: Tb. IV, 20
Vũ Lục châu: Tb. IV, 34
Vũ Lũng (sông): Chb. II, 1
Vũ Lũng châu: Chb. I, 27; II, 1
VŨ LƯƠNG: Chb. XXXII, 6, 7, 11
VŨ MIÊN: Chb. XLIII, 12, 13; XLIV, 26; XLV, 25; XLVII, 25
Vũ Môn (núi): Chb. V, 1
VŨ MỘNG NGUYÊN: Chb. XI, 37
Vũ Nga: Chb. XXI, 31; Tb. IV, 20
Vũ Nga châu: Tb. IV, 18, 19, 20
Vũ Nghị: Chb. XLIX, 11
Vũ Nghĩa: Tb. IV, 20
VŨ NGHIÊM UY: Chb. XXVII, 1
VŨ NGHIÊU TÁ: Chb. IX, 30
VŨ NGUYÊN TIỀM: Chb. XX, 25, 26
Vũ Nhai: Chb. XXX, 7; XXXI, 14; XXXV, 38; XL, 12; XLIII, 12; XLIV, 35
VŨ NHỊ: Chb. III, 16
VŨ NHƯ QUẾ: Chb. XXVII, 10, 32
VŨ NHƯ TÔ: Chb. XXVI, 17, 29
VŨ NHỰ: Chd. 4; Tnb. 1
Vũ Ninh: Chb. VII, 33; XX, 2;

XXI, 28; XXIII, 41; XXIV, 20; XXVI, 2, 10; XXV, 33; XXIX, 33; XXXI, 4; Tb. I, 3, 4, 17, 20; II, 12; V, 30

Vũ Ninh châu: Tb. I, 16

Vũ Ninh sơn: Tb. I, 15

VŨ PHỤC LONG: Chb. XXIV, 32

VŨ PHƯƠNG ĐỀ: Chb. XXXIX, 9; XL, 4

VŨ PHƯƠNG TRƯỢNG: Chb. XXXVI, 28

VŨ QUỲNH: Chb. XXVI, 11

VŨ SƯ THƯỚC: Chb. XXVIII, 13, 16, 17, 19, 20, 25, 27, 28; XXIX, 3, 6

VŨ TÁ DAO: Chb. XLV, 33

VŨ TÁ ĐOAN: Chb. XLII, 17

VŨ TÁ KIÊN: Chb. XLVI, 14-16, 34

VŨ TÁ LIỄN: Chb. XXXIX, 32; XL, 6, 8

VŨ TÁ LÝ: Chb. XXXVIII, 28

VŨ TÁ QUÁN: Chb. XL, 32

VŨ TÁ SẮT: Chb. XL, 27

VŨ TÁ VỊNH: Chb. XXXIX, 29

VŨ TÁN ĐƯỜNG: Chb. V, 20-21

VŨ TẤT THẬN: Chb. XXXVIII, 17, 19, 31, 35, 37; XXXIX, 19, 20; XL, 15; XLII, 3, 9

VŨ THÁI PHI: Chb. XXXVIII, 2, 16, 17, 38

VŨ THẠNH: Chb. XXXIV, 30, 45 ; XLI, 10

VŨ THẾ HẢO: Chb. XXIV, 32

VŨ THƯỚC: Chb. XXXVIII, 7

Vũ Tiên: Chb. XX, 13; XXI, 18; XXIX, 15; XXX, 5; XXXI, 22, 32; Tb. V, 29

VỤ TIÊN NỮ: Tb. I, 1

VŨ TIẾP: Chb. XXV, 32

Vũ Tông (Minh): Chb. XXV, 24

VŨ TRÁC OÁNH: Chb. XXXVIII, 15, 16 ; XXXIX, 6

VŨ TRẦN THIỆU: Chb. XLIV, 1, 34; XLV, 7

VŨ TRẦN TỰ: Chb. XLIV, 1

VŨ TRÍ HANH: Chb. XLVII, 24, 25, 26

VŨ TRINH: Chb. XLVII, 2, 3, 17, 23, 36 ; X. LÊ CHÍCH

Vũ trung tuỳ bút lục: Chb. XXXVIII, 16

VŨ TƯ HOÀNH: Chb. IX, 29

VŨ VĂN MẬT: Chb. XXVIII, 3, 14, 15; XXIX, 3; XXX, 9; XXXIII, 28; XXXV, 15

VŨ VĂN NHẬM: Chb. XLVI, 15, 28; XLVII, 5, 13, 14, 15, 20, 21, 22, 28, 29

VŨ VĂN THÊM: Chb. XXXII, 12, 13, 14, 15, 16

VŨ VỊ PHỦ: Chb. VI, 30

VŨ VINH TIẾN: Chb. XXXIII, 18, 25

VŨ VĨNH TRINH: Chb. XX, 21
VŨ VƯƠNG: Phl. 2; Tng. 4 ; X. TRIỆU ĐÀ
Vũ Xá: Chb. XXXII, 6
Vũ Xương: Chb. XXI, 17, 34; XXII, 6; XXVIII, 30; Tb. III, 4, 14
Vụ Bản: Chb. XV, 1
Vụ Cầu: Chb. XLII, 31
Vụ Nông: Chb. XXXV, 21
Vụ Ôn (núi): Chb. V, 1
Vụ Thấp (núi): Chb. V, 1
Vực Đường: Chb. XXV, 2
VƯƠNG: Tng. 4
VƯƠNG ÁI (sư): Chb. IV, 11
VƯƠNG AN LÃO: Chb. XIII, 25
VƯƠNG AN THẠCH: Chb. III, 35
VƯƠNG ÁN QUYỀN: Tb. V, 8, 9
Vương CÁNH (CUNG TUYÊN: Chb. X, 23, 25, 26, 31, 33
VƯƠNG CHÂN TRI: Tb. III, 24
VƯƠNG CHẨN: Chb. XXV, 1
VƯƠNG CÔNG KIÊN: Chb. VIII, 34, 37
VƯƠNG CƠ: Tb. III, 17, 18, 19
Vương Cung Tuyên : X. CẢNH
VƯƠNG CỬU: Chb. IV, 28
VƯƠNG DỤC: Tb. IV, 35
VƯƠNG DỰ : Chb. XIX, 23
VƯƠNG ĐỖ: Chb. II, 31
VƯƠNG ĐÔN: Tb. III, 18, 19
VƯƠNG HUY: Tb. III, 25
VƯƠNG KẾ VĂN: Chb. XXXIV, 42
VƯƠNG KHẢ TUÂN: Chb. XI, 7
VƯƠNG KHẮC THUẬT: Chb. XXIII, 4; XXIV, 6
VƯƠNG KHOAN: Tb. V, 1
VƯƠNG KHÔI: Tb. I, 28
VƯƠNG KIẾN LẬP: Chb. XXX, 19, 26, 27
VƯƠNG LÊ: Chb. V, 37
VƯƠNG LƯỢNG: Tb. III, 19
VƯƠNG MÃNG: Tng. 5; Phl. 12; Tb. II, 8, 29
Vương mẫu hiến đào truyện: Chb. X, 15
VƯƠNG NGHỊ: Tb. III, 18
VƯƠNG NGHIỆN PHÚ: Chb. I, 6
VƯƠNG NHỮ CHU: Chb. XI, 24, 25, 28
VƯƠNG NHỮ MAI: Chb. XI, 4
VƯƠNG QUỐC TRINH: Chb. XXXIV, 13, 14
VƯƠNG QUÝ NGUYÊN: Tb. IV, 27
VƯƠNG SĨ HÀNH: Chb. IX, 46
VƯƠNG THĂNG TRIỀU: Tb. IV, 32
VƯƠNG THẾ TẮC : Chb. I, 24, 25, 29
VƯƠNG THIỆU TỘ: Chb. I, 16
VƯƠNG THÔNG: Chb. XIII, 27,

29, 30, 34, 35; XIV, 2, 8, 9, 10, 17, 20, 22, 24, 26, 28
VƯƠNG THỨC: Tb. IV, 33, 36, 37, 38, 39
VƯƠNG TỐ: Tb. III, 11, 13
VƯƠNG TRÂN: Chb. XXVIII, 23
VƯƠNG TUỆ: Tb. V, 9
VƯỢNG: X. TRẦN VƯỢNG

X

Xa (họ): Chb. XVI, 18
Xa Bồn: Chb. XXXIV, 48
XA KHẢ SÂM: Chb. XIV, 15
XA LẶC: Chb. IX, 34
Xa Lộc (cầu): Chb. XIII, 25, 26, 30
Xa Lý: Chb. XI, 13; XXIII, 34
XA MAN: Chb. XX, 17
Xa Miên: Chb. XVI, 17, 18
XA PHẦN: Chb. IX, 38
Xà Bàn thành: Chb. XXII, 1, 2, 3
Xã đàn: Chb. XXIX, 33
Xã Đường thiêu hương quan: Chb. XXVI, 26
Xá Giang: Chb. XIII, 26
Xạ Đôi (gò tập bắn): Chb. XXVI, 30
Xích Đằng: Chb. XLVII, 21, 22
Xích Thổ quốc: Chb. IV, 43
XUÂN (em LÊ CHIÊU TÔNG) : Chb. XXVII, 4, 5, 9, 10, 14, 15
Xuân (Hoa) Giai: Chb. XII, 16
Xuân Canh: Chb. XXIII, 36
Xuân Câu: Chb. XXXVII, 9
Xuân Cầu: Chb. XLV, 13; XLVII, 4
Xuân Dương: Chb. XLIII, 29
Xuân Đỗ: Chb. XXVI, 40, 42
Xuân Hi: Chb. XLI, 8
Xuân Lôi: Chb. XXVII, 13
Xuân Lôi (giáp): Chb. XIII, 22
Xuân Lũng: Chb. XXVII, 8
Xuân Quan: Chb. XLIII, 13; XLVII, 3
Xuân Sơn: Chb. XXXVII, 31
Xuân thu: Chb. VII, 12; Phl. 1. 10; Tnb. 2, 4; Tb, II, 30
Xuân thu tả thị truyện: Tb. I, 13; II, 29, 31
Xuân Trường: Chb. VI, 4, 11; XXXVIII, 23
Xuân Viên: Chb. XXXII, 26
Xuất Đế: Chb. XLVII, 48
Xuy Châu: Chb. XXIII, 31
Xước Cảng: Chb. XXI, 10
Xương Giang: Chb. XIII, 11, 12; XIX, 32; XL, 8, 10, 16; XLVII, 18, 34, 35
Xương Giang thành: Chb. XIII, 12, 35; XIV, 16, 17, 19, 21
Xương Phù: Chb. X, 39, 52; XI, 1-4
Xưởng chỉ: Chb. XXXVI, 29; XXXVII, 5, 7

Xưởng đồng: Chb. XXXVI, 30

Y

Y (Lê Chiêu Tông): Chb. XXVI, 29

Y LẶC: Chb. VIII, 21

Y Lê: Chb. XLVII, 46

Y NÊ XU: Chb. XXXIII, 6; XLI, 24

Y quốc thiên: Chb. VIII, 41

Ỷ La: Chb. XIX, 23

Ỷ LAN phu nhân: Chb. III, 26, 28, 31

Ỷ Mang động: Chb. X, 40, 41

Ỷ TƯỚNG: Tnb. 4

Ý Tông: Chb. XXXVII, 33; XLII, 6, 12, 22; XLVII, 7, 25

Ý Tông kỷ: Chb. XXXVIII, 1-38

Ý VƯƠNG: X. KINH

Ý Yên: Chb. V, 30; XII, 28; XXI, 18; XXIX, 30 XXXII, 26; XLIII, 12; XLVII, 31

Yên: X. Yên Kinh

Yên (An) châu: Chb. III, 27

Yên (An) Khánh: Chb. II, 11

Yên (An) Lãng huyện: Chb. I, 27

Yên (An) Mô: Chb. I, 12, 40

Yên (An) Thượng: Chb. XIII, 23

Yên Bác: Chb. XXI, 19, 35

Yên Bình: Chb. XXI, 19; XXVII, 10

Yên Bình (phủ): Chb. XVII, 20

Yên Cừ: Chb. XXVI, 2

Yên Dật: Chb. XXIV, 20

Yên Diên: Chb. XXIII, 35

Yên Dũng: Chb. XXI, 19; XXIII, 36; XXIX, 33; XXXII, 38; XXXIII, 14 ; XXXVIII, 21; XXXIX, 29; XL, 4, 6, 10; XLII, 10; XLIV, 12 ; XLVII, 17, 19, 22, 23, 25, 35

Yên Duyên: Chb. XXV, 25; XXXI, 28

Yên Dương: Chb. XXV, 25

Yên Định: Chb. XI, 16

Yên Hân: Chb. XXXV, 21

Yên Hoá: Chb. XXVIII, 18

Yên Hồ: Chb. XXXII, 17

Yên Hưng: Chb. XXI, 19 Tb. V, 20

Yên Khang: Chb. XXI, 18, 34 ; XXVIII, 19 ; XXIX, 13 ; XLII, 16

Yên Khánh: Chb. XX, 38; XXI, 34; XXVI, 2; XXVIII, 8; XLIII, 29; Tb. V, 25

Yên Kinh: Chb. XII, 6, 41; XIII, 3, 12; XIV, 22, 25; XV, 12, 25; XXVII, 26, 33; XXX, 19, 26; XXXIII, 2, 6; XXXIV, 4; XLVII, 11, 27, 44, 45, 46

Yên Lãng: Chb. XXI, 18; XXV, 17; XXVI, 19, 25, 39, 42; XXVII, 13; XXXI, 15; XXXVI, 22; XLI, 5; XLVI, 21, 23 ; Tb. II, 7, 15

Yên Lãng (huyện): Chb. XVIII, 19, 20

Yên Lập: Chb. XXI, 19

Yên Lệnh: Chb. XLII, 9

Yên Liệt (sông): Chb. XXVIII, 28

Yên Lũng: Chb. XLVII, 32

Yên lương: Chb. XXVII, 33, 35

Yên Mô: Chb. XX, 37, 38; XXI, 18; XXV, 34; XXVI, 1; XXVII, 41; XXVIII, 8, 19; XXIX, 13, 22; XXX, 18; XLI, 17; XLII, 16; XLIV, 26; XLV, 28

Yên Mô (bến đò): Chb. XII, 23, 35

Yên Mô (huyện): Chb. XII, 23

Yên Mô (xã): Chb. XII, 23

Yên Nhân: Chb. XXXVIII, 35

Yên Ninh: Chb. XL, 4; XXIII, 36; XXVI, 1

Yên Phong: Chb. I, 27; XXI, 18; XXVI, 10, 37; XXVII, 5, 13; XXXVI, 22; XLIII, 20;

Yên Phú: Chb. XXVI, 10, 37

Yên Phụ: Chb. VIII, 39; IX, 43

Yên Phụ (núi): Chb. IX, 43: X, 12, 13

Yên Phúc: Chb. XXI, 19; XXV, 11, 12

Yên Quảng: Chb. XXI, 25, 29, 30; XXVII, 32; XXVIII, 1; XXX, 5, 12, 23; XXXI, 12. 21; XXXIII, 6, 7 ; XXXIV, 25; XXXV, 15; XXXVII, 23; XXXIX, 20, 22, 33; XL, 2, 16; XLI, 13; XLII, 20, 21; XLIV, 2, 28, 29; XLV, 10; XLVI, 14; XLVII, 20, 33

Yên Quyết: Chb. XL, 4, 5; XXIX, 30

Yên Sinh: Chb. IX, 17; X, 22

Yên Sinh (xã): Chb. X, 23, 48

Yên Sơn: Chb. XXI, 18; XXIV, 41; XXVI, 43 ; XXIX, 14, 18, 19, 24; XL, 7, 8; XLI, 15, 18

Yên Tây: Chb. XXVIII, 13, 14

Yên Thế: Chb. XXI, 19; XL, 4; XLIII, 12; XLVII, 17, 18, 19

Yên Thường: Chb. XXX, 19; XL, 26

Yên Tĩnh phường: Chb. XXVI, 22

Yên Tôn: Chb. XI, 26, 27

Yên Tử: Chb. XXXIX, 16

Yên Tử (núi): Chb. VI, 17 ; VIII, 28, 38, 40; IX, 1, 2: X, 22

Yên Vĩ: Chb. XLVI, 8

Yên Việt: Chb. XXI, 19; XXII, 31; XXXI, 11

Yên Xá: Chb. XLVII, 8

Yết Dương: Tb. II, 4

YẾT KIÊU: Chb. VII, 32; VIII, 32

SÁCH DẪN B
(Tìm tài liệu theo các chủ đề)

MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ
(Theo thứ tự a, b, c,... tên chủ đề)

1. Ăn mặc
2. Âm nhạc
3. Bạo động
4. Bạo lực
5. Biến động
6. Canh nông
7. Cần Vương
8. Cầu
9. Chiến sự
10. Chính trị (hành chính)
11. Cổ vật
12. Công nghệ
13. Cung điện
14. Cư trú
15. Cưới gả
16. Cương vực
17. Danh từ đặc biệt
18. Du hí
19. Đàn cúng tế
20. Đánh dẹp
21. Đê, Đường, Sông ngòi
22. Đền, Chùa, Miếu
23. Điền thổ
24. Điển tịch
25. Điêu khắc
26. Đo lường
27. Đồ dùng
28. Hải sản
29. Hình luật
30. Học thuật
31. Hội hoạ
32. Kho tàng
33. Khoa cử
34. Khoáng sản

35. Khởi nghĩa
36. Kiến trúc
37. Lăng tẩm
38. Lâm sản
39. Mậu dịch
40. Nghệ thuật
41. Ngoại giao
42. Ngoại xâm
43. Nhà cửa
44. Nô tì
45. Nông sản
46. Pháp luật
47. Phong tục
48. Phụ nữ
49. Quân sự
50. Quốc hiệu
51. Sản vật
52. Săn bắn
53. Tai hoạ
54. Tế lễ
55. Thành quách
56. Thị tộc, dân tộc
57. Thơ văn
58. Thuế khoá
59. Thương mại
60. Tiền tệ
61. Tín ngưỡng
62. Tô thuế
63. Tổ chức chính trị
64. Tổ chức học tập
65. Tổ chức quân đội
66. Tôn giáo
67. Truyền thuyết
68. Trường học
69. Từ ngữ
70. Xã thôn
71. Y tế

1. ĂN MẶC

Áo bào: Chb. XIII, 8

Áo dệt kim tuyến, mũ cao sơn: Chb. XVIII, 29

Áo gấm, áo thêu mặc khi ca hát: Chb. X, 15

Áo mặc của các quan đời Trần trọng màu tía: Chb. IX, 23-24

Áo mặc của Triệu Ẩu: Tb. III, 9

Áo thượng trữ, áo trung trữ, áo hạ trữ: Tb. I, 25

Ban cẩm bào và áo the cho những người có công trong cuộc đánh Chiêm Thành: Chb. III, 10

Ban yến cho dân làng Tức Mặc, đàn bà thì cho hai tấm lụa: Chb. VII, 4

Ban yến cho phụ lão: Chb. VI, 11

Búi tóc: Chb. V, 38

Cấm dân mặc mầu vàng và đi giày, đi hài: Chb. XVIII, 9

Cấm uống rượu: Chb. XV, 15 ; Chb. XXXV, 23, 24

Cất bỏ mũ khi phải tạ tội: Chb. XVIII, 12

Chăn gấm lông ngỗng: Tb. I, 16

Cho người dân từ 70 tuổi trở lên được uống rượu mừng nhân dịp đại xá: Chb. XVII, 19

Cho phụ lão các lộ vui mừng uống rượu khi Hồ Quý Ly 70 tuổi : Chb. XII, 9

Dân đem dâng bánh khoai khi Lê Chiêu Tông lánh nạn đến Dương Quang: Chb.XXVI, 39

Đồ mặc của Trần Minh Tông khi tiếp sứ Nguyên: Chb. IX, 10

Đội khăn: Chb. V, 16

Hoạn quan mặc áo xanh: Chb. VII, 22

Khăn trầu: Chb. V, 42

Mặc áo trắng 27 ngày trước khi bỏ đồ trở: Chb. XVI, 22

Mũ áo bì biển do vua nhà Minh ban cho: Chb. XXV, 24; XXVI, 18

Mũ áo các quan, các thứ khăn, kích thước xiêm và áo của các quan: Chb. VIII, 37-38

Mũ áo công hầu và văn võ: Chb. II, 35

Mũ áo của các quan và đồ mặc thường dân: Chb. XXV, 5-6

Mũ áo của cung tần, mạng phụ mặc lúc theo vua đi tế giao: Chb. XI, 43

Mũ áo của sứ bộ đời Lý được nhà Tống khen: Chb. V, 12-13

Mũ áo những người đỗ Thái học sinh: Chb. VIII, 40

Mũ áo văn võ đời Đinh: Chb. I, 6

Mũ "Bình Đính" Chb. T.5

Mũ "Củng thần" Chb. V, 31

Mũ đâu mâu: Chb. I, 35

Nam nữ không được cắt tóc. -Phụ nữ mặc áo ngắn, quần dài: Chb. XII, 42

Ngô Quyền đặt triều nghi, áo phẩm phục: Tb. V, 20, 21

Những người chân sào của Trần Khánh Dư đều đội nón cói, mặc áo vải ngắn: Chb. VII, 27

Phẩm phục của các quan văn, võ đầu đời Lê: Chb. XV, 21

Quy định mũ áo triều phục theo kiểu nhà Tống: Chb. I, 40 -41

Quy định triều phục: mũ phốc đầu: Chb. III, 23

Quy Lý mặc áo sắc bồ hoàng, đi 12 cây lọng vàng: Chb. XI, 35

Thể lệ áo mũ, hành nghi của quan văn, quan võ: Chb. XXXII, 30 - 36; XXXV, 31; XXXVI, 23, 24

Thể lệ mũ và áo từ quan nhất phẩm đến người không có phẩm cấp và hạng hoành nô: Chb. XI, 25

Tiểu hiệu, Trần Lai, dâng cơm gạo hẩm cho Trần Nhân Tông khi lánh giặc Nguyên chạy đi Hải Đông: Chb. VII, 31

Trần Anh Tông đi đánh Chiêm Thành trở về bị đắm thuyền, bầy tôi vào chầu phải mặc áo ngắn đến đầu gối (bình tất phục): Chb. IX, 6

Trần Anh Tông say rượu xương bổ, bị vua cha trách phạt: Chb. VIII, 27

Trần Cao dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm, mình mặc áo thâm, quân sĩ đều cạo đầu: Chb.XXVI, 26

Trần Dụ Tông uống rượu thi với Bùi Khoan: Chb. X, 18

Trần Hiến Tông may áo bằng vải hoả cán do lái buôn người Tống đem dâng: Chb. IX, 47

Trần Minh Tông thích ăn chay: Chb. IX, 28

Trần Tuân dấy quân ở Sơn Tây. Quân sĩ của Trịnh Duy Sản xé áo làm dấu hiệu thể đánh nhau với Trần Tuân: Chb.XXVI, 13

Triều phục theo lễ mới của Lương Đăng: Chb. XVII, 12

Tục dân ở Vân Đồn, thức ăn đồ mặc theo y như tập tục Trung Quốc: Chb. VIII, 5

Xăm mực vào ngực và chân: Chb. IV, 9

Xứ ăn thịt người (Hám nhân quốc): Tb. II, 24

2. ÂM NHẠC

Âm nhạc bằng tiếng chuông, tiếng trống: Tb. I, 26

Bình Ngô phá trận nhạc: Chb. XVIII, 13-14, 30

Căn bản của âm nhạc do Nguyễn Trãi trình bày: Chb. XVII, 2-3

Chuông, khánh vang rền khi Sĩ Nhiếp ra vào: Tb. II, 31

Đánh trống đồng, tấu đại nhạc: Chb. XVIII, 30

Nhạc mới do hoạn quan Lương Đăng sắp đặt: Chb. XVII, 10-11

Quy định nhã nhạc: Chb. XVII, 2

Ca, nhạc, vũ

Ca nữ hơn 100 người: Chb. II, 39

Chiêm Thành âm: Chb. V, 28

Con hát gọi là quản giáp: Chb. II, 25

Đỗ Anh Vũ múa khéo hát hay: Chb. IV, 35

Người phường chèo (ưu nhân) Liêu Thủ Tâm: Chb. II, 2-3

Người phường chèo Ngô Toái: Chb. IV, 20

Phường nhạc (linh nhân) thổi kèn, thổi sáo và ca múa: Chb. II, 32

3. BẠO ĐỘNG

Bắt Đàm Văn Lễ và Nguyễn Quang Bật phải tự tử và giết Nguyễn Nhữ Vi: Chb. XXV, 20

Binh lính tam phủ lại nổi dậy, giết Nguyễn Triêm: Chb. XLVI, 3-6

Binh lính tam phủ nổi dậy, truất Trịnh Cán, lập Trịnh Khải: Chb. XLV, 28-31

Các trấn dấy quân định giết kiêu binh: Chb. XLVI, 6-7

Giản Tu công Oánh đem quân đánh và giết Uy Mục đế: Chb. XXV, 32-36

Giết bọn Chử Khải: Chb. XXVI, 40

Giết chết hết những người Chiêm Thành còn bị giam giữ: Chb. XXV, 30

Giết hoàng thái hậu ở cung Tràng Lạc: Chb. XXV, 18

Giết Trần Chân: Chb. XXVI, 38

Khương Trùng đánh chết Nguyễn Chí vứt xác ở ngoài thành: Chb. XXV, 21

Lê Chiêu Tông giết Trịnh Duy Đại và Trịnh Bá Quát: Chb. XXVI, 35

Mạc Đăng Dung giết Đỗ Nhạc và Nguyễn Dự: Chb. XXVI, 40

Trịnh Duy Đại giết Lê Quang Trị: Chb. XXVI, 30

Trịnh Duy Sản sai võ sĩ Hạnh đâm chết Tương Dực đế: Chb. XXVI, 27, 28

Tương Dực đế giết hơn 10 người trong họ Tôn thất: Chb. XXVI, 24

Ưu binh nổi dậy, phá nhà tham tụng Nguyễn Quý Cảnh: Chb. XXXIX, 8

Vụ Dương Tiến Lộc ở Hoan Ái : Chb. I, 24

Vụ Đoàn Thượng: Chb. V, 35-36

Vụ Khai quốc vương Bồ: Chb. II, 30 -31

Vụ Lê Văn, người giáp Cổ Hoằng (Thanh Hoá): Chb. V, 24

Vụ Long Sưởng: Chb. V, 19

Vụ Lý Giác: Chb. IV, 3-4

Vụ Nguyễn Nộn: Chb. V, 39-40

Vụ Phạm Du: Chb. V, 31

Vụ Quách Bốc: Chb. V, 32-34

Vụ quân lính đào ngũ: Chb. I

Vụ Tam vương (ba con Lý Thái Tổ): Chb. II, 26-28

Vụ Thân Lợi: Chb. IV, 35-40

Vụ Thổ Mán nhà Tống cướp biên giới: Chb. V, 30

4. BẠO LỰC

Bắt được Ngô Bệ và đồng đảng, đóng cũi đem về chém ở kinh sư: Chb. X, 14

Bắt giết bọn Nguyên Trác 18 người: Chb. X, 24

Chém người thợ Cao Sư Đăng, vì dám phê bình vua quan: Chb. XVI, 11-12

Dương Nhật Lễ dùng thuốc độc giết Thái hoàng thái hậu: Chb. X, 23

Đánh thuốc độc những thổ quan do người Minh đặt tại 59 thôn ở Cổ Lâu: Chb. XII, 7

Giết bọn Lê Tiệt và Lê Nguyên Đỉnh vì mưu đánh úp Trần Quý Khoáng: Chb. XII, 29

Giết cha con Lê Khả và cha con Lê Khắc Phục: Chb. XVIII, 26

Giết hai cung nữ với Lê Hợp và Lương Ông: Chb. X, 30-31

Giết hết tôn thất nhà Lý: Chb. VI, 12-13

Giết Huệ Vũ vương Quốc Trấn, vì gia thần của Quốc Trấn là Trần Phẫu ăn của đút một trăm lạng vàng, vu cho Quốc Trấn làm phản: Chb. IX, 26

Giết Lê Ngân: Chb. XVII, 14-15

Giết Lê Nhân Chú: Chb. XVI, 5

Giết Lê Sát: Chb. XVII, 6-9

Giết Lý Huệ Tông ở chùa Chân Giáo: Chb. VI, 2-3

Giết Nguyên Uyên, Nguyên Dậu và Nguyễn Phù: Chb. XI, 22

Giết oan Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân: Chb. XII, 28 - 29

Giết Phạm Văn Xảo: Chb. XV, 27

Giết Phan Mãnh và Chu Bỉnh Khuê: Chb. XI, 16

Giết Trần Hãn: Chb. XV, 20

Giết Trần Khát Chân và hơn 370 người đồng mưu: Chb. XI, 34

Giết Trần Nhật Chương: Chb. XI, 16-17

Mạc Đăng Dung giết các quan nhà Lê: Chb. XXVII, 11, 12

Mạc Đăng Dung giết Hoàng đệ Xuân: Chb. XXVII, 15

Mạc Đăng Dung giết Lê Chiêu Tông: Chb. XXVII, 13

Nghệ Tông bắt Đế Hiện thắt cổ chết và giết bọn Lê Á Phụ, Lưu Thường, v.v: Chb. XI, 6

Nghi Dân giết Lê Nhân Tông và Cung Từ thái hậu: Chb. XVIII, 34-35

Nhật Lễ đánh chết Trần Ngô Lang: Chb. X, 27

Quý Ly bắt ép Trần Thuận Tông truyền ngôi cho thái tử là An : Chb. XI, 31

Quý Ly xui Nghệ Tông bắt Nguyễn Phương Đa phải tự tử: Chb. XI, 10

Sai Nguyễn Cẩn đánh thuốc độc và Phạm Khả Vĩnh thắt cổ giết Trần Thuận Tông: Chb. XI, 33-34

Sai Nguyễn Nhân Liệt đuổi theo giết Trang Định vương Ngạc trong khi Ngạc trốn ra Vạn Ninh: Chb. XI, 15

Sai người đi truyền đuổi theo giết Bảo Uy vương Hoàn ở sông Trinh Nữ vì tội lấy trộm áo vải hoả cán của vua: Chb. IX, 47

Trịnh Tùng giết Lê Anh tông: Chb. XXIX, 2

Trịnh Tùng giết Lê Cập Đệ: Chb. XXVIII, 33

Trịnh Tùng giết Lê Kính tông: Chb. XXXI, 17

Trịnh Tùng giết Trịnh Bách: Chb. XXIX, 18

5. BIẾN ĐỘNG

Binh lính nổi dậy giết bồi tụng Nguyễn Quốc Trinh, cướp phá nhà tham tụng Phạm Công Trứ: Chb. XXXIII, 36, 37

Cuộc nổi dậy của Ngô Bệ. "Chẩn cứu bần dân": Chb. IX, 43; X, 12, 14

Dân đinh nhiều nơi nổi dậy, vì nạn đói: Chb. IX, 43

Đoàn Thượng đắp luỹ ở Yên Nhân. Nguyễn Nộn đánh giết Đoàn Thượng: Chb. VI, 7-8

Giặc cướp nổi dậy ở Lạng Châu và Nam Sách: Chb. X, 6

Giặc cướp nổi dậy ở miền núi thuộc Quảng Oai. -Nguyễn Nộn giữ Bắc Giang, Đoàn Thượng giữ Hồng Châu: Chb. VI, 2

Giặc cướp nổi dậy ở Thái Nguyên và Lạng Giang: Chb. X, 1

Lê Duy Mật, Duy Chúc dấy quân ở Thanh Hoa: Chb. XXXVIII, 7, 24

Liên binh của bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn và Tú Cao ở Ngân Già đánh phá phố Chân Ninh, giết viên đốc lãnh và tướng sĩ: Chb. XXXVIII, 25

"Lưu tặc" đánh phá châu Thu Vật: Chb. XXXVIII, 24, 25

Nghĩa binh vùng đông nam nổi dậy. Trịnh Doanh thân hành đem đại binh đi đánh Vũ Đình Dung (Nghĩa binh Ngân Già): Chb. XXXVIII, 36-39

Nguyễn Bổ nổi dậy ở Bắc Giang: Chb. X, 45

Nguyễn Đương Hưng, thầy chùa, tụ tập đồ đảng trong núi Tam Đảo: Chb. XXXVIII, 6

Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang, tụ họp hàng vạn dân lương thiện nổi dậy: Chb. XI, 35-36

Nguyễn Thanh nổi dậy ở Lương Giang. -Nguyễn Kỵ tự xưng là Lỗ vương: Chb. XI, 7-8

Nguyễn Tuyển đánh nhau với Hoàng Nghĩa Bá ở Phao Sơn: Chb. XXXVIII, 36

Nguyễn Tuyển đánh nhau với Nguyễn Đăng Hiển ở Phú Xuyên: Chb. XXXVIII, 30

Nguyễn Tuyển đánh nhau với Nguyễn Trọng Uông, thống lãnh Bắc Đạo, Uông bị chết trận: Chb. XXXVIII, 26, 27

Nguyễn Tuyển đánh nhau với Trần Viêm ở Khoái Châu, Viêm bị tử trận: Chb. XXXVIII, 40, 41

Nguyễn Tuyển đánh phá huyện Đường Yên, đốt phủ đệ và từ đường Mi Thữ: Chb. XXXVIII, 35

Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá, Vũ Trác Oánh ở Mộ Trạch, Hoàng Công Chất ở Sơn Nam họp tập nhân dân nổi dậy: Chb. XXXVIII, 15, 16, 23

Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Diên tung hoành ở địa phương Từ Sơn, Thuận An, Nam Sách và Hồng Châu: Chb. XXXVIII, 32

Nhiều nơi có biến động. Đặt đồn hoả hiệu ở đỉnh núi để thông tin tức: Chb. XXXVIII, 6

Phạm Sư Ôn, một thầy chùa có yêu thuật, tụ tập đồ đảng nổi dậy, xâm phạm thẳng vào kinh sư: Chb. XI, 10, 11

Tế và Bổng đánh nhau với Vũ Tá Lý ở An Lạc, Tế và Bổng bị bắt. Nguyễn Danh Phương chiếm giữ núi Tam Đảo, Nguyễn Hữu Cầu liên kết với Hoàng Công Chất tung hoành ở vùng đông nam: Chb. XXXVIII, 28, 29

Toản Cơ ở Lạng Sơn đánh phá Đoàn Thành, giết viên tổng phủ: Chb. XXXVIII, 26

Trần Liễu họp quân ở sông Cái nổi loạn: Chb. VI, 16-17

Trịnh Giốc Mật, thổ tù ở Đà Giang, họp quân đi cướp bóc: Chb. VII, 22-23

6. CANH NÔNG

Bãi bỏ chức quan hà đạo giữ việc khám xét đất bãi: Chb. XXXVII, 29, 30

Bãi bỏ lính đồn điền: Chb. XLII, 2

Ban bố cách thức chế xe tát nước vào ruộng: Chb. XLII, 6

Bàn định chia đều ruộng đất cho dân: Chb. XXXVIII, 29, 30

Bàn định về việc đồn điền: Chb. XLI, 17

Các hạng: quân thợ, người làm bếp, người coi ngục chia phiên nhau về làm ruộng: Chb. XXIV, 29

Các quan Thừa , Hiến và phủ huyện giúp đỡ dân về việc làm ruộng: Chb. XXIII, 9

Cày tịch điền: Chb. XXV, 27; XXVI, 23: Chb. XXII, 31: Chb. I, 22, 23; II, 36, 42; III, 3; IV, 42

Cày tịch điền ở Cửa Bố Hải (Bố Hải khẩu): Chb. II, 42

Cày tịch điền ở Đố Động giang: Chb. II, 36

Cày tịch điền ở Kha Lãm: Chb. III, 3

Cấm quan viên thiện tiện lập trang trại: Chb. XXXV, 9

Cấm tố cáo ruộng ẩn lậu: Chb. XXXIV, 20

Cấp thóc giống cho dân, vì vỡ đê, lúa mùa bị ngập: Chb. XXXVII,8.

Cho binh lính tứ trấn về làm ruộng: Chb. XLI, 18

Cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng: Chb. IV, 19

Dựng đài Quan Canh: Chb. XXIII, 42

Đặt 42 sở đồn điền: Chb. XXIII, 36, 37

Đặt chức đồn điền sứ ở Trường Yên: Chb. XLIV, 3

Đặt chức nông quan và khuyến nông lại ở tứ trấn; đặt 33 sở đồn điền: Chb. XXXIX, 14, 15

Đặt quan khuyến nông ở các lộ: Chb. XLI, 22

Đem ruộng bỏ hoang ở Hương Sơn cấp cho dân Cao Châu bị phiêu tán: Chb. XLIII, 18

Đo đạc ruộng của dân: Chb. XXXV, 25, 26

Đo đất bãi bồi cấp cho dân sở tại: Chb. XXXVI, 19, 20

Đồ làm ruộng bằng loài kim và bằng sắt, trâu, bò, dê, ngựa: Tb. I, 26

Được mùa: Chb. I, 23; II, 19, 35; III, 42; IV, 6, 12, 27, 35

Hạ lệnh chuẩn bị xe tát nước để bảo vệ việc làm ruộng : Chb. XXV, 11

Khuyên dân làm ruộng, trồng dâu: Chb. XIX, 16; XXI, 36; XXIV, 2, 29

Lạc điền: Tb. I, 2, 9

Lê Hối chăm nghề cày cấy, trở nên giàu có: Chb. XV, 7

Lúa và thóc của dân đều bị ngập vì mưa to luôn mấy ngày: Chb. X, 13

Mộ dân khai khẩn ruộng hoang: Chb. XLIV, 33

Một kiến nghị về việc khai khẩn ruộng hoang: Chb. XLV, 3

Người can tội phải đày đi Tảo Xã, mỗi người cày cấy ba mẫu ruộng công, mỗi mẫu nộp 300 thăng thóc: Chb. VI, 9

Nhâm Diên dạy dân Cửu Chân đúc đồ làm ruộng và khai khẩn ruộng đất: Tb. II, 8, 9

Phân phối quân sĩ một nửa về làm ruộng: Chb. XX, 6

Quan giữ đê, quan khuyến nông đốc dân cày cấy: Chb. XXIII, 2

Quận Hợp Phố không sản thóc lúa: Tb. II, 25

Ruộng Ô Lộ, ruộng Vĩnh Hưng: Chb. II, 35

Ruộng vàng, bạc: Chb. I, 23

Rút bớt số ruộng mà trước kia đem cấp cho bầy tôi có công: Chb. XXXIII, 33

Sai phủ liêu làm khuyến nông sứ, chia nhau đi bốn đạo, dàn xếp việc tranh ruộng đất và đôn đốc việc cày cấy: Chb. XXXVI, 22, 23

Sở trồng dâu chăn tằm có chức quan tàm tang sở sứ và phó sứ. Sở trồng rau có chức quan thực thái sở sứ: Chb. XXII, 23, 24

Thể lệ quân cấp ruộng công: Chb. XXXV, 8

Thóc lúa bị ngập lụt thiệt hại: Chb. XVII, 28

Trần Dụ Tông sai tư nô khai khẩn bờ sông Tô Lịch, trồng hành tỏi và các thứ rau, đặt tên chỗ đất ấy là "Toán viên" (vườn tỏi): Chb. X, 5

Trâu, bò, nông cụ, thóc lúa: Chb. XII, 16

Trồng dâu: Chb. XII, 37

Trương Phụ lập đồn điền. -Bắt Tuyên Hoá, Thái Nguyên và Tam Giang nộp thóc: Chb. XII, 32

Xem xét cày ruộng: Chb. IV, 7, 12, 42

Xem xét gặt lúa: Chb. II, 35; IV, 8, 12, 16, 32

7. CẦN VƯƠNG

Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp chống lại Lê Hoàn: Chb. I, 9 - 10

8. CẦU

Cầu đường (xem Giao thông):

Cầu Minh Nguyệt: Chb. V, 8

Cầu Phượng Hoàng: Chb. II, 34

9. CHIẾN SỰ

Bọn Đặng Công Diễn đánh đổ đảng nhà Mạc ở Cao Bằng: Chb. XL, 3

Bùi Thế Đạt đánh Duy Mật ở Trấn Ninh: Chb. XLIII, 26-29

Bùi Văn Khuê đánh Phạm Hàng ở Sơn Nam: Chb. XXX, 18

Chiếm cứ phủ Thăng Bình và Điện Bàn: Chb. XLIV, 28

Cuộc chiến tranh giữa chúa Trịnh và chúa Nguyễn: Chb. XLIV, 10, 11, 18, 19 ; XXXII, 5-7, 9-17, 19-21, 23-29, 37-39, XXXIII, 34-35.

Cuộc chiến tranh giữa nhà Lê và nhà Mạc: Chb. XXVII, 30; XXVIII, 3, 5, 8-10, 13-17, 19, 20, 25, 28; XXIX, 4-33; XXX, 1-3, 5-8, 12, 13, 24, 25; XXXI, 5-14, 19, 20, 29

Cuộc chiến tranh giữa Trịnh và Nguyễn: Chb. XXXI, 22-24, 28-31

Cuộc khởi nghĩa của Tây Sơn: Diệt chúa Nguyễn ở Đường Trong: XLIV, 22, 23.

Cuộc nổi dậy của Hoàng Văn Chất: Đinh Văn Giai đánh nhau với Hoàng Văn Chất ở Đỗ Xá: Chb. XXXIX, 34, 35.

Cuộc nổi dậy của Lê Duy Mật: Duy Mật xưng Thiên Nam đế tử, đánh nhau với Đặng Đình Mật ở Sơn Tây: Chb. XXXIX, 17.

Cuộc nổi dậy của Nguyễn Danh Phương: Văn Đình Ức đánh Nguyễn Danh Phương ở Bạch Hạc: Chb. XL, 10, 11

Cuộc nổi dậy của Nguyễn Hữu Cầu: Hoàng Ngũ Phúc đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Thanh Hà: Chb. XXXIX, 31-33

Dân thượng du ở Sơn Tây nổi dậy, xưng hiệu là Thuận Nghĩa, đánh nhau với Nguyễn Địch Bàn: Chb. XLII, 31

Dâng sổ sách binh, dân lên Lê Hiển Tông: Chb. XLVI, 23, 24.

Diệt chúa Trịnh ở Đường Ngoài: Chb. XLVI, 14-22.

Duy Mật đánh Hà Lãm, tướng giữ đồn ở Hương Sơn: Chb. XLIII, 4.

Duy Mật đánh úp Trấn Ninh, đem quân tràn xuống địa đầu Thanh Hoa: Chb. XLII, 22, 23.

Đàm Xuân Vực đánh tên Tương ở Sơn Tây: Chb. XLI, 15, 16

Đánh giặc biển ở Yên Quảng: Chb. XXXIV, 25; XXXV, 15

Đánh Ma Phúc Lan ở Tuyên Quang: Chb. XXXIII, 31

Đánh Mạc Kính Hoàn ở Cao bằng: Chb. XXXII, 1, 39

Đánh Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng: Chb. XXXIII, 19, 20, 23; XXXIV, 3, 4

Đánh nhau ở Thịnh Mĩ: Chb. XXXIX, 26.

Đánh và bắt Mạc Kính Chư ở Cao Bằng: Chb. XXXIV, 29, 30

Đinh Văn Thản hội đồng với người nhà Thanh đánh tên Thành ở Hưng Hoá: Chb. XLII, 18

Đoàn Nguyễn Thục đánh Hoàng Công Toản (con Văn Chất) ở Thanh Châu: Chb. XLIII, 20-23

Giặc cỏ đánh bắt Hoàng Công Kỳ, trấn thủ Sơn Nam: Chb. XL, 17, 18

Hai anh em Trịnh Cối, Trịnh Tùng cầm quân đánh lẫn nhau: Chb. XXVIII, 23, 24

Hoàng Đình Bảo đánh dẹp ở Đông Thành và Quỳnh Lưu: Chb. XLV, 7

Hoàng Đình Thể đánh dẹp ở Khang Lộc và Lệ Thuỷ: Chb. XLV, 6

Hoàng Ngũ Phúc đánh đổ đảng nhà Mạc ở Thái Nguyên: Chb. XL, 11, 12

Hoàng Ngũ Phúc đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Thanh Hà : Chb. XXXIX, 31-33.

Hoàng Viết Tuyển đánh Dương Trọng Khiêm: Chb. XLVII, 7, 8

Hoạt động ở Phú An và Bình Thuận: Chb. XLV, 2.

Lê Chiêu tông sai tướng đánh Mạc Đăng Dung: Chb. XXVII, 4, 11

Lê Công Uyên đánh Mạc Đăng Dung: Chb. XXVII, 18

Lê Duy Trù đánh Trịnh Bồng: Chb. XLVII, 9, 10

Lê Đình Châu đánh nhau với Hoàng Văn Chất ở Hưng Hoá: Chb. XLII, 10.

Lê Hân và Lê Đình Hoán đón đánh Nguyễn Văn Nhạc ở Nghệ An: Chb. XLVI, 30

Lê Lệ và Nguyễn Quai đánh phá được Nguyễn Diên ở Sơn Tây: Chb. XXXIX, 10

Lê Ý đánh Mạc Đăng Dung: Chb. XXVII, 21-23

Mạc Đăng Dung đánh Lê Khắc Cương và Lê Bá Hiếu ở Kinh Bắc: Chb. XXVII, 2, 3

Mạc Đăng Dung đánh Trần Cung ở Lạng Nguyên: Chb. XXVII, 2

Nguyễn Danh Phương hoạt động ở trấn Sơn Tây: Chb. XL, 29

Nguyễn Đăng Hiển đánh và bắt được Toàn Cơ ở Hoành Bồ: Chb. XXXIX, 20

Nguyễn Đình Huấn đánh nhau với Hoàng Văn Chất ở Thanh Châu: Chb. XLIII, 15.

Nguyễn Đình Luân đánh Nguyễn Dụng ở Hoàng Giang: Chb. XXXI, 6, 7

Nguyễn Hoàng đánh bọn Phan Ngạn ở cửa biển Đại An, rồi quay về Thuận Hoá: Chb. XXI, 3

Nguyễn Hoàng đánh dẹp vùng Hải Dương: Chb. XXX, 22, 23

Nguyễn Hữu Cầu hoạt động ở Đồ Sơn, ở Kinh Bắc, ở Ngọc Lâm, ở Xương Giang, và ở Sơn Nam: Chb. XL, 3-6, 8-10, 16, 19, 20, 27

Nguyễn Hữu Chỉnh đánh đuổi Trịnh Bồng: Chb. XLVI, 36-38

Nguyễn Hữu Chỉnh đánh Hoàng Phùng Cơ: Chb. XLVII, 8, 9

Nguyễn Hữu Liêu đánh Vũ Đức Cung ở Đại Đồng: Chb. XXX, 9, 10

Nguyễn Lệ và Nguyễn Phan đánh nhau với Hoàng Văn Đồng ở Tuyên Quang: Chb. XLV, 16, 17

Nguyễn Phan đánh nhau với Danh Phương ở Tiên Phong: Chb. XL, 34

Nguyễn Phan đánh và bắt được Danh Phương ở Tĩnh Luyện: Chb. XLI, 7, 8

Nguyễn Trọng Điển đánh dẹp ở Kinh Bắc: Chb. XLIII, 3

Nguyễn Trọng Điển đánh nhau với Hoàng Văn Chất ở Thanh Hoa: Chb. XLIII, 13, 14.

Nguyễn Tuyển và Đặng Đình Luận đánh nhau ở Đông Triều: Chb. XXXIX, 5, 6

Nguyễn Văn Huệ tiến vào Thăng Long: Chb. XLVII, 28, 29.

Nguyễn Văn Huệ xưng đế, đem quân đánh đuổi quân xâm lược Mãn Thanh: XLVII, 39-41

Nguyễn Văn Nhạc tự xưng hoàng đế: Chb. XLVII, 5

Ở Thăng Long trở về Thuận Hoá: Chb. XLVI, 27-29.

Phạm Đình Trọng đánh và bắt được Nguyễn Cừ ở núi Ngoạ Vân: Chb. XXXIX, 15, 16

Phạm Đình Trọng đánh và bắt được Nguyễn Hữu Cầu ở Nghệ An: XLI, 5, 6

Sai Vũ Văn Nhậm chiếm cứ Nghệ An: Chb. XLVII, 6.

Sai Vũ Văn Nhậm chiếm lấy Thanh Hoa và chống nhau với Nguyễn Hữu Chỉnh: Chb. XLVII, 13-15.

Sơn Tây và Hưng Hoá đánh và bắt được tên Thai cùng đồ đảng 159 người: Chb. XLII, 21

Thổ phỉ Cần Dinh đánh phá Đoàn Thành: Chb. XXXIX, 29, 30

Thục Toại và Trần Xuân Trạch đánh phá Yên Quảng, bắt viên án trấn Đặng Đình Viện: Chb. XLV, 10, 11

Tôn Sĩ Nghị đem quân sang xâm lược: Chb. XLVII, 33-35.

Tống Chiếu đánh Vũ Đức Cung ở Thái Nguyên: Chb. XXX, 28

Trần Danh Lâm đánh đồ đảng nhà Mạc ở Cao Bằng: Chb. XL, 12, 13

Trịnh Doanh tự làm tướng chống nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở bờ phía nam sông Nhị : Chb. XL, 28

Trịnh Doanh tự làm tướng đi đánh Danh Phương: Chb. XLI, 3, 4

Trịnh Đạc và tên Trương đánh nhau ở Yên Sơn: Chb. XL, 7, 8

Trịnh Tùng đánh Nguyễn Dụng ở Lãnh Giang: Chb. XXXI, 7, 8

Trương Khuông và tên Kình đánh nhau ở La Mát: Chb. XXXIX, 7

Văn Đình Dận đánh nhau với Đạo Thoan ở Đồng Quang: Chb. XXXIX, 12

Văn Đình Ức chống cự với Duy Mật ở Sơn Nam: Chb. XL, 30.

Vũ Hộ đánh Vũ Nghiêm Uy ở Tuyên Quang: Chb. XXVII, 1, 2

Vũ Trác Oánh và Nguyễn Cừ đánh nhau với Hoàng Nghĩa Bá ở Gia Phúc: Chb. XXXIX, 6, 7

Vũ Văn Nhậm bắt giết Nguyễn Hữu Chỉnh: Chb. XLVII, 19. Tướng Tây Sơn đánh nhau với Nguyễn Viết Khang: Chb. XLVII, 20.

Vũ Văn Nhậm tiến quân vào Thăng Long, Lê Chiêu Thống bỏ chạy: Ch. XLVII, 15, 16.

10. CHÍNH TRỊ (HÀNH CHÍNH)

Ai muốn tâu bày công việc, thì làm tờ khải niêm phong kín, rồi đánh chuông báo hiệu: Chb. XLIV, 34

Ba điều răn dạy trăm quan: Chb. XIV, 13

Bá cáo cho toàn dân biết về việc đã dẹp xong giặc Ngô: Chb. XIV, 27-28

Bãi bỏ chức tuần phủ về hàng văn ở các vệ: Chb. XXXIX, 30, 31

Bãi bỏ thể lệ hàng năm ti Hiến sát sứ đi thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian: Chb. XLIV, 33

Bãi bỏ thể lệ Tổng binh kiêm giữ chức Thừa chính sứ: Chb. XX, 38

Ban bố 7 điều về việc thuế buôn bán, ruộng đất, kiện tụng, đi đường, thuế đò thuế chợ và án nhân mạng: Chb. XLIV, 4

Ban hành 9 điều về chức trách các quan trong kinh và ngoài trấn: Chb. XLI, 11-13

Ban hành 12 điều hiểu bảo các quan trong kinh và ngoài trấn: Chb. XLI, 1

Ban hành 47 giáo điều: Chb. XXXIII, 4, 5

Ban hành 50 điều trị bình bảo phạm: Chb. XXVI, 12

Ban hành giáo điều: Chb. XXXV, 7, 33

Ban hành giáo điều đời Cảnh Trị: Chb. XLI, 14

Ban thái ấp cho bầy tôi có công: Chb. XLII, 9

Bàn định sáu điều để xử trí các trấn Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Tuyên Quang và Hưng Hoá: Chb. XXXVIII, 10

Bản đồ 12 thừa tuyên: Chb. XXI, 15-35

Bắt đầu đặt chức tuần thủ ở các trấn: Chb. XXXVI, 29

Bầy tôi được ban cho quốc tính, đến đời con cháu lại được theo về họ cũ của mình: Chb. XIX, 12, 28; XX, 24

Biểu dương bầy tôi tử tiết trong khi Mạc Đăng Dung cướp ngôi: Chb. XXXIII, 20, 21

Biểu dương dân trung nghĩa ở Đại An và Nam Chân: Chb. XXXIX,, 18, 19

Biểu dương người hiếu đễ: Chb. XIX, 11

Bỏ bớt chức thuộc viên trong sáu bộ: Chb. XLII, 19

Bỏ bớt ti Hiến sát sứ ở Tuyên Quang, Hưng Hoá và Yên Quảng: Chb. XXXIX, 22

Bỏ bớt ti Thừa chính và các quan ở phủ, huyện thuộc Thái Nguyên: Chb. XLIV, 34, 35

Bỏ bớt ti Thừa chính và chức quan ở phủ, huyện thuộc Yên Quảng: Chb. XLII, 20

Bỏ bớt và hợp lại một số phủ, huyện, sau lại chia ra như cũ: Chb. XLIII, 11, 31

Bỏ sáu viện, đặt sáu bộ và sáu tự: Chb. XX, 6

Bổ dụng con cháu những bầy tôi có công: Chb. XXIII, 42

Bổ dụng quan văn giữ chức đốc trấn: Chb. XXXV, 39, 40

Bộ Lại tuyển bổ 1239 chức quan trong một lúc: Chb. XXXIII, 39

Các quan quyên tiền hoặc thóc, sẽ được chức tước: Chb. XL, 25

Các quan trong phủ chúa bảo cử người giữ chức ở ti Thừa chính các trấn: Chb. XL, 21

Cấm bắt dân phu theo đi đánh giặc một cách ngang trái: Chb. XL, 22

Cấm bắt dân trạm đệ văn thư trái phép: Chb. XLIII, 17

Cấm bọn quý thích nhũng nhiễu dân: Chb. XLII, 28

Cấm chơi bời cờ bạc: Chb. XLII, 1

Cấm dựng chùa quán mới: Chb. XIX, 16

Cấm hoạn quan thiện tiện đến nhà người khác: Chb. XXV, 10

Cấm không ai được tiết lộ công việc trong cung. -Người trong

cung không được giao thiệp với những người làm nghề bói toán: Chb. XIX, 8

Cấm phỉ báng nhà cầm quyền: Chb. XLII, 20

Cấm phụ đạo ở phiên trấn giao thiệp riêng với người quyền quý trong triều. Thể lệ phụ đạo vào triều dự các tiết lễ lớn: Chb. XXXV, 7

Cấp điền lộc cho các quan: Chb. XXIII, 20, 25

Cấp liêm điền cho quan văn: Chb. XXXIX, 11

Cấp phát "thực hộ" và "bổng tiền" cho trăm quan: Chb. XVIII, 32

Cấp ruộng đất ở Lam Sơn cho bầy tôi có công: Chb. XX, 12

Cấp ruộng thế nghiệp cho bầy tôi có công: Chb. XIX, 12

Cấp thái ấp cho hai tham tụng trong phủ chúa Trịnh, mỗi người 2 xã gọi là ngụ lộc: Chb. XL, 2

Chế độ lương bổng: Chb. XXIII, 6-9

Chế độ mũ áo các quan và đồ mặc của thường dân: Chb. XXV, 5, 6

Chế độ về phẩm tước các quan: Chb. XXII, 11, 26

Chế thẻ bài "hoả tốc": Chb. XXXVIII, 21

Chia Đông Đô làm bốn đạo . -Cất đặt các văn quan võ chức ở kinh đô và các lộ: Chb. XIII, 32-34

Chia Sơn Nam làm thượng lộ và hạ lộ, đặt chức chưởng đốc: Chb. XXXIX, 1

Chia trong nước làm 12 đạo: Chb. XX, 7, 8

Chia trong nước làm 13 xứ: Chb. XXIV, 10, 11

Chia trong nước làm năm đạo: Chb. XV,· 5-6

Chiêu tập dân phiêu lưu: Chb. XXXIV, 28; XXXVII, 15, 16

Chiêu tập dân phiêu tán: Chb. XXXIX,, 18

Chiêu tập phủ dụ dân phiêu tán vùng tây và vùng nam: Chb. XLI, 15

Chỉnh đốn phong tục ở dân gian: Chb. XIX, 33

Cho các quan đề cử người giữ được chức quan văn hoặc quan võ: Chb. XLII, 19

Cho các quan trong kinh, ngoài trấn làm giấy tờ niêm phong mật trình bày công việc: Chb. XXXIX, 30

Cho dân nộp thóc, bổ làm quan ở phủ, huyện: Chb. XLII, 8

Cho dân nộp thóc được bổ làm quan: Chb. XXXIX, 11, 12

Cho Mạc Kính Vũ được giữ bốn châu ở Cao Bằng: Chb. XXXIII, 25 - 26

Cho những dân xiêu giạt trở về quê cũ: Chb. XIV, 12

Cho quan tam phẩm đề cử người giữ chức ở phủ, ở huyện và ở châu: Chb. XXXIX, 16

Cho quan tam phẩm mỗi ngày hai người thay đổi nhau vào phủ đường trình bày công việc chính trị: Chb. XXXIX, 22

Cho quan võ đề cử người trí dũng, mưu lược: Chb. XXXIX, 30

Chức trách Ngự Sử đài và Hiến Sát sứ: Chb. XXII, 32, 33

Chức trách và danh vị của tể tướng: Chb. XXVI, 8

Cử dùng người hiền: Chb. XV, 9, 11-12, 23, 24; XVI, 1-2

Dân chúng được yết bảng khen hoặc chê các quan giữ việc cai trị: Chb. XXXVI, 25

Di dân vào lộ Thăng Hoa: Chb. XII, 1

Dò xét công việc ở các lộ vùng tây và vùng nam: Chb. XLI, 29

Dò xét kẻ tham, người liêm trong đám quan lại: Chb. XVI, 30

Dò xét sự đau khổ của quân và dân: Chb. XX, 26

Dời lỵ sở trấn Thanh Hoa đến An Lãng: Chb. XLIII, 32

Dùng giám sinh làm duyện lại: Chb. XVIII, 22

Dùng người làm An Phủ sứ hoặc làm Tham Tri qua sự bảo cử của đại thần chỉ vì cảm tình tư vị: Chb. XVIII, 11

Dựng đình Quảng Văn để niêm yết giấy tờ pháp lệnh: Chb. XXIV, 15

Đại xá: Chb. XVIII, 19, 28

Đặt chuông và mõ ở cửa phủ đường, để ai muốn trình bày việc gì thì báo hiệu: Chb. XL, 23, 24

Đặt chức chưởng phủ và thự phủ ở Ngũ Phủ. -Danh từ "Ngũ phủ phủ liêu": Chb. XXXIII, 13

Đặt chức giám ban: Chb. XXXVIII, 9

Đặt chức quan để lãnh ở bốn cửa thành: Chb. XXVI, 2.

Đặt chức tả pháp ti và hữu pháp ti : Chb. XL, 26

Đặt chức trưng phủ ở các phủ, giữ việc thu tiền và chiêu tập nhân dân: Chb. XLII, 22

Đặt chức tuần thủ ở 4 đạo thuộc Hải Dương: Chb. XXXIX, 9

Đặt đạo Quảng Nam, đặt 3 ti : Đô, Thừa, Hiến: Chb. XXII, 6, 10

Đặt đủ chức thượng thư trong sáu bộ: Chb. XXXIII, 13

Đặt Hiến Sát sứ ở 12 đạo: Chb. XXII, 10

Đặt lại ti thuộc bộ Hình: Chb. XX, 9, 10

Đặt Ngự Sử đài: Chb. XV, 19-20

Đặt ống đồng ở cửa phủ đường để thu nhận giấy tờ của những ai muốn kêu việc gì hoặc muốn bày tỏ sự oan uổng: Chb. XXXIX, 21, 22

Đặt quốc hiệu là Đại Việt: Chb. XV, 7-8

Đặt sáu viện, định lại tên quan: Chb. XIX, 30, 31

Đặt sở Tuy Viễn để thu nạp dân Man: Chb. XLII, 9

Đặt tên Đông Kinh và Tây Kinh: Chb. XV, 26

Đặt thể lệ cho những người có chân ấm được miễn tuyển mộ làm lính: Chb. XVIII, 14

Đem bạc trong kho phát chẩn cho dân Cao Bằng: Chb. XLI, 23

Đề cử người có thể làm nổi công việc thái thú và huyện lệnh: Chb. XXXIII, 31

Đề cử người hiếu hạnh, thanh liêm: Chb. XXXIII, 19

Đề cử người làm tri phủ: Chb. XXXV, 4, 5

Đề cử những người hiền lương, phương chính, trí dũng và hào kiệt: Chb. XIV, 10-11

Đi thăm hỏi sự đau khổ của dân Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XXXIX, 21

Định 7 điều lệnh giao cho đề lãnh thi hành ở trong kinh kỳ: Chb. XL, 22

Định ân lộc cho các quan đã thôi việc về nghỉ: Chb. XXXV, 32

Định ban thứ trong triều: Chb. XXIV, 16

Định bổng lộc hàng năm cho các quan: Chb. XXXVIII, 3, 4

Định cách thức thưởng công: Chb. XL, 31

Định chế độ bổ dụng quan lại: Chb. XLI, 23

Định chế độ quân ngũ, ruộng đất và bổng lộc: Chb. XXVII, 18, 19

Định chức trách các viên chức trong lục bộ: Chb. XXXIII, 40

Định lại giới mốc các châu huyện: Chb. XXXVI, 7, 8

Định lại niên hạn làm sổ đinh: Chb. XXXVII, 14

Định lại tên quan chức : Chb. XLVI, 34, 35, 36

Định năm thứ dùng để cân lường: Chb. XXXIII, 10

Định niên hạn thuyên chuyển các viên quan phủ và huyện: Chb. XLIII, 31

Định niên hạn và tư cách giám sinh, nho sinh: Chb. XXV, 30, 32

Định phép bảo cử quan văn quan võ: Chb. XXXVI, 3

Định phép khảo công các lại điển: Chb. XXXIV, 32

Định phép khảo công các quan lại: Chb. XXXIII, 15, 16; XXXIV, 18, 19, 28, 29; XXXV, 2

Định phép khảo công các quan về việc thu nộp nhiều hay ít, thiếu hay đủ: Chb. XXXV, 19

Định phép khảo công viên quan ở trấn ti và viên đế lãnh ở bốn cửa thành: Chb. XXXV, 24, 25

Định phép khảo xét công trạng quan lại căn cứ vào việc thu thuế: Chb. XL, 23

Định phép xét công trạng quan lại: Chb. XXI, 40, 41; XXIV, 8, 9, 32, 34

Định thể lệ bổ dụng đối với ấm tử: Chb. XLII, 23, 24

Định thể lệ bổ dụng những người trong họ tôn thất: Chb. XLIII, 11

Định thể lệ cất nhắc bổ dụng quan trong kinh và ngoài trấn: Chb. XXXIX, 22, 23

Định thể lệ phong ấm cho bầy tôi có công và quan văn quan võ: Chb. XXXVI, 1, 2, 30

Định thể lệ phong ấm cho các công thần và miễn dao dịch cho nha lại, dân đinh: Chb. XXXVI, 5, 6

Định thể lệ truy tặng và ân tuất cho các quan: Chb. XXXV, 4

Định thể lệ viên quan *ngự sử* tâu bày công việc : Chb. XXXV, 23

Định thứ tự các quan bàn việc ở triều đường: Chb. XXIV, 5, 6

Định tư cách lại điển: Chb. XXIII, 10–15

Đổi chức tham trấn làm lưu thủ: Chb. XXXV, 9, 10

Đổi tên quan trấn thủ, lưu thủ ở các trấn gọi là đốc phủ: Chb. XXXIII, 12

Đúc ấn Thuận Thiên: Chb. XV, 9

Đúc bảo tỉ truyền quốc: Chb. XXI, 9, 10

Gia hạn cho dân phiêu lưu trở về làng: Chb. XXXV, 4

Giảm bớt số quan chức ở biên trấn: Chb. XXXV, 37, 38

Giảm bớt thuộc viên ở hai phủ Bắc Bình và Thông Hoá: Chb. XX, 19

Giết Trần chúa tên là Cao: Chb. XV,1

Hạ lệnh cho dân nộp thóc sẽ được bổ làm quan: Chb. XXXII, 20

Hạ lệnh cho viên phủ doãn Phụng Thiên và ti Hiến sát các trấn đi tuần hành trong hạt, xét hỏi những việc làm trái phép: Chb. XLV, 14, 15

Hộ thiếp. –Hoàng sách: Chb. XIII, 5–8

Hội họp trăm quan tuyên thệ ở cửa nam kinh thành: Chb. XXX, 11

Hội thề ở trường đua: Chb. XVI, 3

Hợp Nam Bố Chính và Bắc Bố Chính làm một cho thuộc vào Nghệ An: Chb. XLV, 3, 4

Khám xét dân trấn Sơn Nam bị phiêu tán: Chb. XXXVII, 32

Khảo duyệt những người được bổ đi giữ chức ở phủ hoặc huyện: Chb. XLIII, 33, 34

Khảo hạch các thuộc viên trong kinh đô và ngoài các lộ: Chb. XV, 9

Khảo hạch học sinh, giám sinh và nho lại: Chb. XX, 14

Khảo xét công trạng quan lại: Chb. XLI, 22

Khảo xét công trạng quan lại trấn Sơn Nam: Chb. XLII, 7

Khảo xét công trạng trong 10 năm của quan chức: Chb. XXXV, 27

Khôi phục chế độ phong ấm đời Bảo Thái: Chb. XLI, 2

Khôi phục chế độ phong tặng và phong ấm đời Hồng Đức: Chb. XL, 16, 17

Khôi phục quan chế đời Hồng Đức: Chb. XXXV, 28, 30

Không cho sử dụng sức dân một cách khinh thường: Chb. XVI, 26

Không nhận lời quần thần tôn xưng là hoàng đế: Chb. XXI, 4

Khuyên dân giữ gìn phong tục tốt: Chb. XXIV, 2, 3

Kiểm duyệt hộ khẩu người Chiêm Thành: Chb. XXI, 6

Kiểm soát dân đinh trốn tránh: Chb. XXXVI, 23

Lại đặt chức lưu thủ ở Tuyên Quang: Chb. XXXV, 15

Làm hộ tịch: Chb. XIV, 16

Làm sổ điền, sổ hộ. Đặt chức xã quan: Chb. XV, 13, 30

Làm sổ hộ: Chb. XXXII, 23; XXXVI, 19

Làm sổ hộ, lệ định 6 năm một kỳ: Chb. XIX, 14

Làm sổ hộ. -Thể lệ sổ hộ triều Lê: Chb. XLIV, 6

Lê Lợi không lập hoàng hậu: Chb. XVI, 14

Lê Thế Tông ban hành 6 điều ân điển: Chb. XXIX, 1, 2

Lê Thế Tông về Thăng Long sau khi đã dẹp được nhà Mạc: Chb. XXX, 3

Lê Tử Vân đi xếp đặt công việc ở xứ Quảng Nam: Chb. XXV, 30

"Lộ dẫn văn", tức như giấy thông hành: Chb. XVI, 30

Lục dụng con cháu những bầy tôi có công: Chb. XXV, 3, 4; XXVI, 15

Lục khoa và Ngự Sử đài được lệnh dò xét công việc của quan lại: Chb. XXIV, 23

Mở kinh thi, tuyển người văn học, bổ làm an phủ sứ và viên ngoại lang: Chb. XIII, 36

Mười bốn chính sách về việc trị binh của Lương Đắc Bằng: Chb. XXVI, 5-8

Nghe lời tâu bày để sửa đổi lại những điều không lợi cho quân và dân: Chb. XV, 19

Nghi Dân đặt sáu bộ, sáu khoa và đặt quan ở phủ, huyện, châu: Chb. XIX, 1

Người Minh đô hộ: thiết lập phủ huyện, cắt đặt quan lại: Chb. XII, 20-47

Người nào dâng nộp vật liệu dùng vào việc binh, sẽ được xá thuế mỏ, thuế dung và thuế điệu, hoặc được bổ làm quan: Chb. XXXVIII, 22

Người nào nộp tiền hoặc thóc sẽ được trao cho quan chức: Chb. XXXVIII, 29

Nhà Mạc tuyển hoàng đinh: Chb. XXVII, 29

Nhà Minh đổi nước ta làm An nam đô thống sứ ti: Chb. XXVII, 36, 37

Phái quan đi tuần hành các quận huyện: Chb. XXIV, 28

Phát chẩn cho dân bị đói: Chb. XXXV, 12, 13

Phát chẩn cho dân đói: Chb. XXXIX,, 16, 17

Phát chẩn cho dân Hải Dương và ban hành 4 điều cho trong kinh, ngoài trấn: Chb. XXXIX, 9

Phát chẩn cho dân Thanh Hoa: Chb. XXXIX, 20: Chb. XXXIV, 49

Phát chẩn và cho dân vay thóc: Chb. XVIII, 7

Phẩm trật các quan trong quan chế triều Lê Trung Hưng: Chb. XXXIV, 1, 2

Phong thưởng công thần: Chb. XV, 2-4, 8-9, 20-22, 25-26

Phong tước cho bầy tôi có công: Chb. XXVI, 1

Phong tước và thăng thưởng cho bầy tôi có công đánh nhà Mạc thu phục Cao Bằng: Chb. XXXIII, 24; XXXIV, 9

Phủ dụ dân Sơn Tây, Kinh Bắc và Thái Nguyên: Chb. XLI, 9

Quan chế về thể lệ tiến triều và tốn phẩm: Chb. XXXVI, 28

Quan ở biên trấn phải đến lỵ sở làm việc: Chb. XXXV, 11

Quan và dân nộp tiền sẽ được bổ dụng: Chb. XXXVIII, 5

Quân và dân nộp thóc, sẽ được trao cho quan chức: Chb. XIX, 9, XXIV, 40

Quy định cho nhà các ngụy quan chuộc tội bằng tiền: Chb. XIV, 14-15

Rút bớt điền lộc mà trước kia đã ban cấp cho các quan. -Thể lệ ban cấp về tự sự, huệ lộc, sứ lộc và ngụ lộc: Chb. XLIX, 30-32

Sai các quan hội đồng tính toán việc thu chi: Chb. XXXVIII, 9

Sai Nguyễn Hoàng đi trấn thủ Thuận Hoá: Chb. XXVIII, 11, 12

Sai Nhữ Đình Toản đi dò xét công việc ở lộ Sơn Nam hạ: Chb. XXXIX, 23

Sai Phùng Khắc Khoan chiêu tập dân phiêu lưu ở Thanh Hoa: Chb. XXVIII, 29

Sai quan đến các xứ thăm hỏi nhân dân: Chb. XXXI, 12

Sát hạch công trạng các quan văn võ: Chb. XVI, 16

Sắp xếp lại việc châu Phục Lễ: Chb. XVIII, 1

Tha dao địch cho dân phiêu lưu mới trở về: Chb. XXX, 16

Tha tội cho người can án trộm cướp và tù trốn: Chb. XXX, 22

Tha tù phạm nhẹ hoặc bị tình nghi trong những khi gặp hạn hán: Chb. XVI, 7; XVIII, 5

Tham tụng hàng ngày vào phủ đường bàn luận công việc: Chb. XLI, 15

Thể lệ bổ người giữ việc dạy học: Chb. XXV, 2

Thể lệ bổng lộc các viên quan trong lục bộ: Chb. XLIV, 3

Thể lệ các quan lại về hưu trí: Chb. XIX, 21

Thể lệ cấp dân lộc đối với người có quân công: Chb. XLI, 32

Thể lệ con các quan được thừa ấm: Chb. XIX, 10, 11

Thể lệ để bản và tấu bản: Chb. XIX, 22

Thể lệ để bạt hoặc truất bãi các quan giữ việc hình ngục: Chb. XIX, 28, 29

Thể lệ lập người thừa tự: Chb. XXIV, 2

Thể lệ lựa chọn các quan ở Ngự Sử đài và Hiến Sát sứ: Chb. XXIII, 37

Thể lệ người thừa tự bầy tôi tử tiết: Chb. XXII, 34

Thể lệ phong ấm: Chb. XXIII, 15–19

Thể lệ thăng bổ nho sinh, giám sinh và đô lại ở các nha môn: Chb. XXV, 2

Thể lệ thuyên chuyển các viên quan làm việc ở biên giới: Chb. XXI, 11

Thể lệ thức văn khế ở dân gian: Chb. XXI, 11

Thể lệ tuyển bổ hoa văn học sinh: Chb. XXIV, 16, 17

Thể lệ tuyển các hiến sát sứ và phủ, huyện, châu: Chb. XXIV, 21

Thể lệ tuyển cử các quan trong ti Thừa chính sứ: Chb. XXIII, 37, 38

Thể lệ tuyển dụng quan trong triều và ngoài các đạo: Chb. XXV, 10

Thể lệ văn thư của chúa Trịnh ban bố cho thần dân và thần dân dâng lên phủ chúa: Chb. XXXIII, 38

Thể thức tờ chế, tờ cáo, tờ sắc dùng để cấp cho các quan: Chb. XXI, 15. Thể thức văn khế ở dân gian : Chb. XXI, 11

Thi bầy tôi có văn học ở Đông Các: Chb. XXXII, 22

Thi bầy tôi nho học ở Phượng Nghi đường: Chb. XXI, 5

Thi hành 4 điều cải cách để cứu vớt dân: Chb. XLI, 20, 21

Thi khảo quan văn về môn từ lệnh: Chb. XXXIV, 30

Thi khảo quân và dân về môn tính toán: Chb. XXV, 2

Thu nuôi những người đã đầu hàng: Chb. XIV, 14

Thừa ti và Hiến ti các xứ xét các viên phủ huyện về việc thi hành chính lệnh, xét hỏi kiện tụng: Chb. XXXIII, 2

Tìm cầu những người tài lược trí dũng: Chb. XIV, 2

Tra xét việc mạo nhận quân công: Chb. XLIV, 5

Trao quan tước cho các thổ tù: Chb. XIV, 5, 15, 17

Trích tiền kho phát chẩn cho dân Thanh Hoa: Chb. XXXVI, 32; XXXVII, 1

Triều phục của các quan văn võ: Chb. XX, 7

Trịnh Cương tự ý đặt sáu phiên giữ việc trưng thu tô thuế: Chb. XXXV, 22, 23

Trịnh Duy Sản và Đàm Cử đi xếp đặt công việc ở Hải Dương và Kinh Bắc: Chb. XXVI, 33

Trịnh Giang tự chế lễ nhạc dùng ở phủ chúa: Chb. XXXVII, 23

Trịnh Kiểm được thống lĩnh binh quyền và quyết đoán công việc trong nước: Chb. XXVII, 41, 42

Trong kinh kỳ chia thành 36 khu: Chb. XL, 25, 26

Trưng cầu lời nói thẳng: Chb. XII, 7

Trưng cầu lời nói trung trực: Chb. XIX, 20

Tuyển dụng con cháu các quan văn võ: Chb. XXIII, 4, 6

Tuyển duyệt dân đinh, chia làm sáu hạng: Chb. XIX, 29, 30

Tuyển hoàng đinh: Chb. XXV, 22

Tuyển viên quan do tiến sĩ xuất thân để bổ vào Ngự Sử đài: Chb. XXIV, 24, 25

Tứ phụ ở kinh Tây Đô: Chb. XII, 1

Xét công tội liêu thuộc trong 3 ti Đô, Thừa, Hiến: Chb. XXIII, 26

Xét hỏi sự đau khổ của dân: Chb. XXXIV, 17

Xét lý lịch các viên tri châu, tri huyện căn cứ vào vị trí trông nom sông ngòi đường sá: Chb. XXV, 10

Xét sổ dân đinh phủ Phụng Thiên: Chb. XXX, 21

Xoá bỏ tên làng Đa Giá thượng vì làng này tụ họp nhau đón đường giết hành khách đã hơn 20 năm: Chb. XXXIV, 32, 33

11. CỔ VẬT

Ấn bạc: Tb. I, 30

Ấn đồng: Tb. I, 2

Chuông Quy Điền: Chb. IV, 3

Chuông Quy Điền, đỉnh Phổ Minh: Chb. XIII, 29

Cột đồng Mã Tổng: Tb. II, 12; IV, 15, 30

Mả Sĩ Nhiếp: Tb. III, 2

Nỏ thần: Tb. I, 15

Tháp Báo Thiên: Chb. III, 22

Trống đồng: Chb. XVIII, 30

12. CÔNG NGHỆ

Áo dệt kim tuyến: Chb. XVI, 12, 32; XVIII, 29

Bắt người sang Yên Kinh để xây dựng cung thất: Chb. XII, 45

Các thuyền chiến: Chb. III, 6-7; IV, 10

Các thuyền Vĩnh Long, Thanh Lan, Tường Quyết, Phụng Tiên, Vĩnh Diệu, Vĩnh Thanh và Nhật Long: Chb. V, 15

Chén nặn nung thành khí mà nhà Nguyên bắt phải cống nạp: Chb. VII, 2-3

Chế khăn áo cho quan văn, quan võ: có thứ khăn chữ đinh, khăn toàn hoa, khăn triều thiên và bao cân, may xiêm và triều phục: Chb. VIII, 37-38

Chế tạo thuyền chiến: Chb. XII, 6, 15, 17; XIV, 28

Chế tạo thuyền đinh sắt: Chb. XII, 6

Chế xe đánh thành: Chb. XIV, 1

Cung nữ dệt gấm vóc: Chb. III, 1

Điều động thợ ở các sở bày trận tại Đông Hà để chống nhau với Trần Tuân: Chb. XXVI, 13

Đoạn hồng, lụa, đồ sứ: Chb. XVIII, 3

Đóng thuyền: Chb. XV, 20

Đồ dùng bằng vàng bạc: Chb. XV, 29

Đơn vị vải lụa và giấy được quy định: Chb. XVII, 18, 19

Đúc ấn bằng vàng bạc: Chb. XV, 9; XVI, 25

Đúc tiền: Chb. XIII, 11; Chb. XV, 14; XVIII, 28

Đúc tượng bằng loài kim: Chb. XXVI, 18

Đúc tượng người bằng vàng: Chb. XV, 12,; XVI, 31

Đục chữ vào bia đá: Chb. VII, 6; VIII, 33-34; IX, 33-34

Hồ Nguyên Trừng biết phép chế súng: Chb. XII, 21

Hộp bằng vàng [để đựng trầu cau]: Chb. XII, 10

Hương xông, hương vòng đen: Chb. XV, 29

Kén một thứ sâu ở đồng nội đem ươm thành tơ : Chb, XXI, 2

Khắc bia tiến sĩ: Chb. XV, 2

Khắc gỗ làm con dấu: Chb. IX, 13

Khắc gỗ làm người tiên mặc áo gấm. Chế cỗ ỷ "bách cầm". Các thứ này dùng vào việc đi tế Giao: Chb. XI, 43

Khắc kinh *Đại tang* và in cuốn *Phật giáo pháp sự đạo tràng công văn cách thức* để ban hành: Chb. VIII, 30

Làm tượng người bằng vàng, bạc: Chb. XII, 34; XIV, 24

Làng Ma Lôi có nghề chế trúc thanh bì làm nón, gọi là "nón Ma Lôi": Chb. VIII, 5

Lụa bạch: Chb. XV, 29, XVI, 12

Lụa ban cho sứ giả Chiêm Thành: Chb. XIV, 6

Lụa màu: Chb. XVII, 14

Lư hương bạc. -Bình hoa bằng bạc. -Lụa ta (thổ quyến). -Hương xông. -Hương vòng: Chb. XIV, 24

Mũ cỏ: Chb. XVII, 11

Nấu muối: Chb. XII, 43-44

Nhà Nguyên yêu cầu nước ta cống nạp hai người thợ: Chb. VII, 24

Nón Ma Lạp, nón sơn đỏ: Chb. XXI, 14

Nung gạch để xây thành: Chb. XI, 40

Pháo dùng để bắn khi nổi hiệu: Chb. XIII, 28, 29; XIV, 14

Quạt giấy: Chb. XV, 29

Quân Minh đan tre làm cái khiên, trong cắm chông sắt: Chb. XIII, 28

Quân Minh làm "thang mây" (vân thê) để trèo đánh thành Đa Bang: Chb. XII, 14

Sơn đen xe và đồ dùng của vua: Chb. X, 27

Sơn son sơn then các thứ kiệu của vương hầu. -Chế lọng xanh, lọng tía: Chb. VI, 36

Súng "thần cơ hoả khí": Chb. XII, 15

Tạc bia ghi chiến công của Trần Minh Tông: Chb. IX, 33-34

Thợ chuyên môn xăm hình rồng vào vế đùi cho vua và quân dân: Chb. VIII, 29

Thợ sơn: Chb. XVI, 11

Thuyền Ngoạn Thủy : Chb. V, 15

Thuyền Thiên Long: Chb. V, 26

Tôn Tư đưa thợ thủ công hơn nghìn người sang Kiến Nghiệp: Tb. III, 9

Tơ lụa: Chb. XV, 13

Trần Dụ Tông bắt tư nô làm quạt bán: Chb. X, 15

Trương Chu làm chiến thuyền mông đồng: Tb. IV, 28

Tuyển hoàng đinh, người nào biết công nghệ bổ sung vào ngạch thợ ở các sở: Chb. XXV, 5

Ươm tơ, dệt lụa: Chb. XII, 42

Vẽ hình và đắp tượng tiên thánh, tiên hiền: Chb. VI, 35-36

Xe thái bình: Chb. III, 12

13. CUNG ĐIỆN

An lăng: Chb. IX, 15

Bí các: Chb. IV, 14

Chiêu Lăng: Chb. VII, 19, VIII, 9

Cung Bảo Hoà: Chb. XI, 3

Cung Bảo Nguyên: Chb. X, 10

Cung Bảo Thanh: Chb. XI, 32

Cung Cảnh Linh: Chb. IV, 20-21

Cung điện ở Hoa Lư: Chb. I, 2, 3

Cung Hợp Hoan: Chb. III, 48

Cung Lệ Quang: Chb. IV, 29

Cung Lệ Thiên: Chb. VI, 16 ; Chb. V, 7
Cung Long Đức: Chb. II, 14, 26, 29
Cung Nghênh Thiềm: Chb. V, 26
Cung Nhân Thọ: Chb. XI, 35
Cung Phụ Thiên: Chb. VI, 4
Cung Quan Triều: Chb. VI, 9; IX, 21
Cung Quảng Từ: Chb. IV, 43; V, 5
Cung riêng cho cung nữ Chiêm Thành: Chb. III, 10
Cung Thái Thanh: Chb. IV, 20-21
Cung Thánh Thọ: Chb. V, 34-35
Cung Thánh Từ: Chb. VI, 9; VIII, 30, 41; IX, 21, 23
Cung Thiên Trường: Chb. VIII, 14; IX, 27
Cung Thuý Hoa: Chb. II, 11
Cung Trùng Hoa: Chb. VII, 4; VIII, 29
Cung Trùng Quang: Chb. VII, 4; VIII, 29, 40; IX, 16
Cung Vạn Diên: Chb. V, 33
Cung Vĩnh An: Chb. IX, 37
Dinh Bồ Đề: Chb. XIV, 3, 25
Dụ lăng: Chb. VIII, 16
Dựng cung điện lâu các trong thành Thăng Long: Chb. VI, 9
Dựng cung điện ở Tức Mặc: Chb. VI, 19
Dựng hành cung ở Thanh Hoá cộng 5 sở: Chb. VI, 20
Dựng nhà cửa ở Tây Đô: Chb. XI, 40
Dựng nhà thái miếu trong thành Thăng Long: Chb. XXX, 17
Đài Chúng Tiên: Chb. IV, 12
Đài Động Linh: Chb. IV, 6
Đài Tử Tiêu: Chb. IV, 12
Đài Uất La: Chb. IV, 12
Đắp luỹ đất ngoài thành Đại la: Chb. XXIX, 19
Đắp luỹ đất từ sông Hát đến sông Hoa Đình: Chb. XXIX, 17

Đền Đồng Cổ: Chb. VI, 5

Điện: Chb. II

Điện Bách Bảo Thiên Tuế: Chb. I, 20

Điện Bồng Lai: Chb. I, 20

Điện Cảm Linh: Chb. IV, 29

Điện Cực Lạc: Chb. I, 20

Điện Diên Hồng: Chb. VII, 30

Điện Diên Phúc: Chb. II, 34

Điện Diên Sinh: Chb. IV, 31

Điện Hàm Quang: Chb. II, 13, 14, 41

Điện Hoàng Nguyên: Chb. XI, 7, 35

Điện Hội Tiên: Chb. III, 31

Điện Kiến Nguyên: Chb. I, 26; II, 19, 26, 33

Điện Lạc Thanh, gác Nguyên Huyền: Chb. X, 17-18

Điện Lam Kinh: Chb. XV, 33; XVIII, 11, 30

Điện Linh Quang: Chb. IV, 10, 26

Điện Long An và điện Long Thuỵ: Chb. II, 14

Điện Long Lộc: Chb. I, 20

Điện Phong Lưu: Chb. I, 20

Điện Phụng Tiên: Chb. II, 34

Điện Quang Đức, điện Sùng Hiếu, điện Diên Khánh: Chb. XVIII, 30

Điện Quang Vũ: Chb. II, 34; III, 1

Điện Sùng Dương: Chb. IV, 13

Điện Thanh Hoà: Chb. V, 14

Điện Thiên An: Chb. II, 33-34, 36; III, 1, 15; IV, 15, 18, 22, 27, 34; V, 18, 43 ; Chb. VI, 39; X, 2, 8

Điện Thiên Khánh: Chb. II, 34, 40; III, 25; IV, 39

Điện Thiên Linh: Chb. IV, 27

Điện Thiên Quang: Chb. III, 23

Điện Thuỵ Quang: Chb. V, 8

Điện Thuỷ Tinh: Chb. III, 23
Điện Trường Xuân: Chb. II, 34; III, 20: Chb. I, 20
Điện Tuyên Đức: Chb. II, 34
Điện Tử Hoa: Chb. I, 20
Điện Tử Thần: Chb. III, 29
Điện Văn Minh: Chb. II, 34
Điện Vinh Quang: Chb. IV, 17
Điện Vĩnh Ninh: Chb. V, 24
Đình Quảng Văn: Chb. IV, 29
Đình Thưởng Hoa: Chb. V, 8
Đông điện tức Tập Hiền điện: Chb. II, 19, 22
Đức lăng: Chb. IX, 3, 14
Gác Bí Thư: Chb. III, 45
Gác Chiếu Vân: Chb. V, 8
Gác Diên Phú: Chb. V, 8
Gác Đoan Minh: Chb. III, 15
Gác Kính Thiên: Chb. V, 28
Gác Long Đồ: Chb. II, 34
Gác Ly Minh: Chb. V, 26
Gác Vĩnh Bình: Chb. IV, 18
Hành cung Lợi Nhân: Chb. IV, 14
Hành cung Ngự Thiên: Chb. V, 8
Hành cung Ứng Phong: Chb. IV, 7
Hành điện An Trường: Chb. XXVIII, 4
Hành điện Vạn Lại: Chb. XXVII, 42
Hành lang Long Khánh: Chb. V, 7
Làm hành lang và giải vũ ở bên lầu, điện: Chb. II, 34
Làm nhà kiểu bát giác: Chb. II, 34
Làm nhiều cung điện: Chb. V, 28
Làm Thừa Thiên các: Chb. XVIII, 3

Lăng miếu các đế vương: Chb. XIV, 7

Lập miếu ở Lam Kinh thờ bà Cung từ: Chb. XVI, 14

Lập thái miếu và tẩm miếu: Chb. XII, 2

Lầu Chính Dương: Chb. II, 34

Lầu Đại Vân: Chb. I, 20

Mục lăng: Chb. X, 11

Nguyên lăng: Chb. XI, 21

Nhà Lê sửa cung điện Tây Kinh: Chb. XXX, 12

Nhà Mạc đắp thành Thăng Long Chb. XXIX, 15

Nhà nghỉ ngơi và ngủ đỗ ở bảy trạm cho người phương xa cư trú khi đến triều cống: Chb. III, 10

Nhà Song Hương: Chb. IX, 31

Nhà Thuỷ Viện: Chb. V, 32

Nhà trạm "dịch đình": Chb. VI, 11

Phụ lăng: Chb. X, 23

Phủ Thái Dương: Chb. XI, 6

Quán Ngọc Thanh: Chb. XI, 33

Dỡ điện Thuỵ Chương và Thiên An, chuyển vận gạch, gỗ đến Thanh Hoá để xây dựng nhà cửa ở kinh đô mới: Chb. XI, 31

Sửa chùa Diên Hựu (Một Cột): Chb. VI. 32

Sửa điện Kính Thiên.- Làm điện Vạn Thọ, điện Cần Chính: Chb. XV, 13

Sửa miếu Lý Thái Tổ: Chb. II, 46

Sửa nhà Quốc Tử giám: Chb. VI, 25

Tây điện tức Giảng Võ điện: Chb. II, 22

Thái lăng: Chb. IX, 17, 32

Thái miếu: Chb. III, 10; IV, 10: V, 23

Thái miếu ở lăng Thiên Đức: Chb. II, 20 -21

Tháp chùa Bảo Quang: Chb. VI, 3

Thềm Kim Tinh: Chb. V, 33

Thọ Lăng: Chb. VI, 13

Trần Nghệ Tông cấm dùng sức dân để làm cung thất. -Cung thất phải làm mộc mạc: Chb. X, 32

Viện Quốc Tử: Chb. VI, 16

Xây dựng nhiều cung điện: Chb. XXXI, 25

14. CƯ TRÚ

Cho người đạo sĩ Trung Quốc là Hứa Tông Đạo cư trú ở phường An Hoa: Chb. VIII, 39

Đinh Bàng Đức, người Nguyên, đem gia quyến sang cư trú ở nước ta: Chb. X, 1

Năm mươi con theo cha về ở miền nam: Tb. I, 2

Năm mươi con theo mẹ về miền núi: Tb. I, 2

Người nhà Tống dùng 30 chiếc thuyền chở gia quyến sang nước ta, được phép cư trú tại phường Giai Tuân: Chb. VII, 14

Nhân dân tứ chiếng đến trú ngụ tại phủ Phụng Tiên: Chb. XXX, 21

Nhân sĩ Trung Quốc nhiều người sang nương tựa Sĩ Nhiếp: Tb. II, 30

Sau khi nhà Tống mất, nhiều người Tống chạy sang cư trú ở nước ta: Chb. VII, 39

Thổ quan Tống, Hoàng Bính, đem bộ thuộc 1. 200 người sang quy phụ nước ta: Chb. VI, 40

15. CƯỚI GẢ

Con gái các nhà quan chỉ được đi lấy chồng sau khi bị loại, không được tuyển vào cung vua: Chb. IV, 26

Công chúa Vệ Quốc mới 10 tuổi đã gả chồng: Chb. XVIII, 12

Cuộc hôn nhân của Mị Châu với Trọng Thuỷ: Tb. I, 15-19

Cuộc hôn nhân của Mị Nương, con gái Hùng Vương: Tb. I, 7

Dẫn cưới cho Trần Quốc Tuấn bằng mười mâm vàng sống. Bồi thường cho Trung Thành vương hai ngàn khoảnh ruộng, vì lỗi hẹn hứa gả: Chb. VI, 33-34

Đặt tên cho con là Nhâm để kỷ niệm Nhâm Diên: Tb. II. 9

Đem cung nữ và con gái họ tôn thất nhà Lý gả cho các tù trưởng người Mán: Chb. VI, 4

Đem thái hậu nhà Lý là Trần Thị gả cho Trần Thủ Độ: Chb. VI, 3

Đem Thiên Huy công chúa (vợ Đế Hiện) gả cho Nguyên Hàng để làm nhục: Chb. IX, 19

Gả Chiêu Thánh công chúa cho Lê Phụ Trần: Chb. VI, 44

Gả công chúa cho các viên châu mục ở mạn ngược: Chb. II, 32

Gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành. Chúa Chiêm Thành dâng hai châu Ô và Lý làm lễ cưới: Chb. VIII, 34-44

Gả Ngoạn Thiềm công chúa cho Nguyễn Nộn: Chb. VI, 7

Hơn 2000 người được giúp để lấy vợ lấy chồng: Tb. II, 9

Lấy con gái Hoàng Bính, thổ quan châu Tư Minh (Trung Quốc), lập làm phu nhân: Chb. VI, 40

Lấy con gái người thày chùa nhà Nguyên làm cung phi: Chb. IX, 3

Lê Thụ nhân dịp có con sắp cưới công chúa, tha hồ vơ vét lễ mừng của mọi người và bảo các trấn cung đốn cho trâu, dê: Chb. XVIII, 12

Lễ giá thú do Nhâm Diên đặt ở Cửu Chân: Tb. II, 9

Nguyễn Phi Khanh, dòng dõi hàn vi, lấy Trần Thị Thái là con gái họ nhà vua, không được bổ dụng mặc dầu đỗ thái học sinh : Chb. XI, 41

Người Cửu Chân lập đền thờ sống Nhâm Diên: Tb. II, 9

Nô bộc riêng của các nhà quan không được lấy con gái nhà bách tính ở kinh đô: Chb. IV, 26

Phát tiền nội phủ, chuộc gái nghèo bị cầm đợ để gả cho đàn ông không vợ: Chb. IV, 6-7

Quan và dân không được lấy phụ nữ Chiêm Thành: Chb. XXIV, 39, 40

Sau khi cớ lễ giá thú, những người sinh con mới biết đến tộc tính: Tb. II, 9

Thể lệ về việc cưới gả: Chb. XXI, 37

Trần Thái Tông chiếm vợ vủa anh là Trần Liễu khi đã có mang: Chb. VI, 17

Trần Thừa (bố đẻ Trần Thái Tông) trước lấy con gái thôn Bà Liệt, khi đã có mang thì bỏ: Chb. VI, 11

Trịnh Thị Ngọc Hành, con gái Trịnh Tráng, trước lấy Lê Trụ đã sinh 4 con, sau Trịnh Tráng bắt về gả cho Lê Thần tông lập làm hoàng hậu: Chb. XXXI, 24, 25

Tuyển con gái dân gian sung vào hậu cung: Chb. VI, 4

16. CƯƠNG VỰC

Ba quận thuộc Giao Châu: Tb. II, 4

Bản đồ 12 thừa tuyên: Chb. XXI, 15, 35

Bảy quận dưới quyền cai trị của Sĩ Nhiếp: Tb. II, 30

Bình Giang (tức Thiên Đức Giang: sông Cà Lồ), ranh giới giữa Triệu Đà và Thục An Dương vương sau khi giảng hoà: Tb. I, 15, 16

Bọn Đoàn Tuấn Khoa hội đồng với người nhà Thanh khám đất biên giới thuộc châu Lộc Bình: Chb. XXXIV, 22, 24

Bọn Hà Tông Mục đi xếp đặt việc đất biên giới Tuyên Quang: Chb. XXXIV, 46

Bọn Nguyễn Danh Nho sang nhà Thanh tâu xin khám xét những đất ở biên giới bị thổ ti nhà Thanh xâm chiếm: Chb. XXXIV, 26, 27

Bọn Nguyễn Thành Lý đi xếp đặt công việc ở châu Chiêu Tấn: Chb. XXXVI, 2, 3

Bốn đạo ở Đông Đô: Chb. XIII, 32

Chia trong nước làm 12 đạo: Chb. XX, 7, 8

Chia trong nước làm 13 xứ: Chb. XXIV, 10, 11

Chín quận và bộ Giao Chỉ do Hán đặt: Tb. II, 3–6

Cột đồng Mã Viện: Tb. II, 12–14; IV, 15

Cửa ải Lê Hoa, có thuyết cho rằng, trước thuộc Tuyên Quang, sau mất vào Vân Nam: Chb. XIV, 10

Cửu Chân: Tb. I, 20

Diện tích đất đai mà bọn Trương Phụ nhà Minh chiếm được sau khi chiến thắng nhà Hồ: Chb. XII, 23

Doãn Bang Hiến sang nhà Nguyên tranh luận về việc biên giới: Chb. IX, 20

Địa bàn nước Nam Việt từ kinh đô Phiên Ngung đến Cửu Chân: Tb. I, 19, 20

Địa Lý: Chb. I, 27-28

Địa Lý, Ma Linh, Bố Chính: Tb. III, 29

Định lại bờ cõi về mặt bắc: Chb. IX, 9

Định lại tên quan chức: Chb. XLVI, 34, 35, 36

Động Vũ Đức bị người Minh thôn tính: Chb. XVII, 17

Giao Chỉ: Tb. I, 20

Giao, Quảng do Ngô chia: Tb. I, 12

Lập giới mốc ở Chu Quan thuộc châu Thuỷ Vĩ: Chb. XXV, 27

Lê Kính Phu cùng người bên Tống tranh luận việc biên giới: Chb. VII, 14

Lê Văn Thịnh đi hội nghị với người Tống về việc biên giới: Chb. III, 43

Lương chia Giao Châu đặt Ái Châu: Tb. III. 33

Mạc Đăng Dung đem đất 5 động ở Yên Quảng dâng nhà Minh: Chb. XXVII, 31-34

Mộc Châu, có thuyết cho rằng, xưa là thái ấp của một con vua Ai Lao: Chb. XIV, 15

Mở bờ cõi đến đất Chiêm Động và Cổ Luỹ, đặt lộ Thăng Hoa: Chb. XI, 42

Mở cương vực đến Quảng Nam: Chb. XXII, 6, 10

Mười lăm bộ đời Hùng Vương: Tb. I, 3-5

Nam tiến đến Chiêm Động và Cổ Luỹ (đất Chiêm Thành): Chb. XII, 1

Năm mươi chín thôn ở Cổ Lâu nhà Hồ cắt nhường cho Minh: Chb. XII, 6-7

Ngô chia đất Giao Châu đặt thêm Quảng Châu: Tb. III, 3, 10

Người Chiêm Thành chiếm lại Chiêm Động và Cổ Luỹ mà nhà Hồ đã đặt làm bốn châu Thăng, Hoa, Tư, Nghiã: Chb. XII, 42-43

Người nhà Thanh xâm chiếm đất ba động Ngưu Dương, Hồ Điệp và Phổ Viên thuộc châu Vị Xuyên, trấn Tuyên Quang: Chb. XXXIV,42, 43

Người ở biên giới phải giữ gìn cửa ải, không được giao thiệp với nước ngoài: Chb. XIX, 11

Người thổ nhà Thanh xâm chiếm đất 6 châu thuộc phủ An Tây: Chb. XLV, 23

Nhà Nguyên phái quân đi tuần ở biên giới để xem xét địa thế nước ta: Chb. VII, 17

Nhà Thanh trả lại xưởng đồng Tụ Long, bọn Nguyễn Công Thái cùng người nhà Thanh lập bia chia địa giới của hai nước: Chb. XXXVII, 3, 7

Nước Âu Lạc của Thục An Dương vương: Tb. I, 8, 9

Ô Lý: Chb. I, 27-28

Quảng Nguyên: Chb. III, 42-44

Quân Thần châu: Tb. IV, 12

Sáu huyện Bảo Lạc và sáu động Túc Tang: Chb. III, 44-45

Sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Nam mà Trưng Vương đã lược định được: Tb. II, 10

Sáu quận thuộc Quảng Châu: Tb. II, 4

Sứ Nguyên sang ta, hỏi giới mốc đồng trụ ngày trước: Chb. IX, 46

Thổ quan nhà Thanh trả lại đất châu Lộc Bình: Chb. XLIII, 32

Thổ ti Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm đất biên giới Tuyên Quang và Hưng Hoá: Chb. XXXIV, 20, 21

Thổ tù châu Tư Lăng nhà Thanh xâm chiếm ruộng của dân châu Lộc Bình thuộc Lạng Sơn: Chb. XXXIV, 48

Thuận Châu: Chb. III, 42, 44

Trồng tre gỗ để phân chia cương giới với châu Tư Lăng nhà Minh: Chb. XXIII, 32

Tứ phụ của Tây Đô đời Hồ: Chb. XII, 1

Tượng quận do Tần đặt: Tb. I, 10, 11, 12

Việc tranh chiếm đất đai biên giới giữa hai châu An Bình (Trung Quốc) và châu Hạ Tư lang (thuộc Thái Nguyên): Chb. XVII, 17, 24-25

Vũ Đình Ân hội đồng với người nhà Thanh lập giới mốc ở núi Xưởng Chỉ: Chb. XXXVI, 29, 30

Xin nhà Minh vạch rõ cương vực nước ta và Chiêm Thành: Chb. XXIII, 3, 4

17. DANH TỪ ĐẶC BIỆT

Ả Trần, Mai Kiện: Chb. VIII, 14

Bạ đầu (cách thức thi lại viên): Chb. VI, 6

Bố điền (Chiêm Thành dùng để gọi đại vương). Bố đế (Chiêm Thành dùng để gọi tể tướng): Chb. X, 3; XI, 42

Diện (mẫu ruộng): Chb. VI, 37

Đạt Lỗ hoa xích: Chb. VII, 2-3

Đô (đơn vị hiệu quân): Chb. VIII, 62; IX, 17

Đơn số (số người trong hộ tịch): Chb. VI, 6-7

Giặc bụt: Chb. VI, 42

Hàn luật (luật thơ họ Hàn): Chb. VII, 26

Hoạch lư: Chb. XI, 22

Hoành (tiếng gọi người nô lệ): Chb. VI, 9

Hộ xá, tá công (người nghèo đói, tập hợp thành một phường, để đi làm thuê): Chb. X, 37

Khăn chữ đinh, khăn toàn hoa, khăn triều thiên, bao cân: Chb. VIII, 39

Nhập nội (từ ngoài vào làm tể tướng): Chb. VIII, 40

Quan gia: Chb. VI, 45; VIII, 22, 23, 28; XI, 21

Quan trung khách, toạ thượng nô: Chb. X, 14

Sai sử hoành: Chb. VIII, 14

Sát Thát (giết quân Thát Đát): Chb. VII, 34

Tả Giai đạo lục (chức của đạo sĩ): Chb. VI, 26

Ti Bình Bạc: Chb. VI, 10

Tiền tỉnh mạch (mỗi tiền bớt một đồng): Chb. VI, 4

Xã Chính, sử giám: Chb. VI, 22

18. DU HÍ

Bài bạc. Cờ vây: Chb. XV, 15

Bơi thi: Chb. XVI, 31

Bơi thuyền thi: Chb. I, 20; II, 14; 41; III, 42; IV, 9, 10, 26; V, 5

Cấm đánh bạc: Chb. XXXIV, 41, 42

Chèo hát: Chb. XVII, 5, 6

Chơi rắn và cọp: Chb. I, 25

Cờ vây: Chb. XII, 41

Dân Hoá Châu cứ đến đầu mùa xuân, con trai con gái cùng nhau đánh đu: Chb. X, 19

Dương Nhật Lễ thích chơi bời, hay bày trò chèo hát: Chb. X, 24

Đá cầu ở điện Thiên An: Chb. IV, 15, 27

Đinh Bàng Đức, một người phường trò nhà Nguyên, truyền bá trò leo dây sang nước ta: Chb. X, 1

Đội đánh vật, đánh cầu: Chb. VI, 11

Hội Quảng Chiếu đăng: Chb. IV, 15

Mở hội bảy ngày đêm, bày các đồ quý báu và nhiều trò vui để nhân dân chơi xem, nhân dịp "hợp kết" của trưởng công chúa: Chb. VI, 33

Ở Cổ Lan có vườn Tử Bình, trong vườn có hồ, ao, mai, trúc, là nơi thắng cảnh, để du quan: Chb. IX, 47-48

Ở hậu cung, nơi vườn ngự, chứa đá làm núi, đào hồ ao, nuôi chim muông lạ, cá sấu và đồi mồi: Chb. X, 17-18

Quần thần ăn yến ở nội điện, dắt tay nhau mà hát, lại có người đội mo nang, cầm dùi đục, chỉ huy hiệu lệnh uống rượu: Chb. VI, 34-35

Quý Ly khánh thành kinh đô mới, cho con trai con gái được ngày đêm dạo chơi ngắm cảnh ở cửa nam kinh thành: Chb. XI, 32-33

Trần Anh Tông thường ngồi kiệu đi chơi đêm, một đêm, đi đến quân phường, bị bọn vô lại lấy đá ném: Chb. VIII, 29

Trần Dụ Tông bắt vương, hầu, công chúa dâng các trò tạp hí: Chb. X, 15

Trần Ích Tắc thạo đá cầu và đánh cờ: Chb. VII, 9

Trần Nhật Duật thông hiểu âm nhạc, ngày nào trong nhà cũng bày ra yến tiệc để vui chơi: Chb. IX, 32

Trần Quốc Khang và Trần Thánh Tông múa điệu múa của người rợ mọi: Chb. VII, 13

Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải, có một hôm, đánh cờ chơi đùa suốt ngày: Chb. VIII, 22

Trần Thánh Tông ngự vọng lâu xem bắt cọp: Chb. VIII, 20

Tụ tập các nhà giàu vào trong cung để đánh bạc: Chb. X, 15

Vòng tay làm kiệu và lấy bông lau làm cờ: Chb. I, 1

Xem bắt voi: Chb. II, 36; III, 48; IV, 31; LI, 5

Xem đánh cá: Chb. I, 37; IV, 1-2

Xem đánh cá ở Tây Hồ: Chb. XVII, 4-5

Xem đèn: Chb. I, 26

Xếp đặt quan chức giữ ti Giáo phường, thự Đồng văn nhã nhạc và sở Bách hí: có những chức ti chánh, ti phó trong ti Giáo phường; thự chánh trong thự Đồng văn nhã nhạc và sở chánh trong sở Bách hí: Chb. XXII, 21-24

19. ĐÀN CÚNG TẾ

Đàn Viên Khưu: Chb. V. 6

Vu đàn: Chb. IV, 33

20. ĐÁNH DẸP

Dẹp bọn giặc cỏ ở An Bang: Chb. XX, 27, 28, 29

Dẹp bọn trộm cướp ở Nghệ An và Thanh Hoá: Chb. XXIV, 28

Đánh Bồn Man: Chb. XIX, 13; XXI, 15; XXII, 29, 30

Đánh Chiêm Thành: Chb. XXI, 39; XXII, 1, 28

Đánh dẹp bọn Đặng Hân và Lê Hất, vì bọn này dấy quân ở Thanh Hoa: Chb. XXVI, 24, 25

Đánh đại binh của Trần Cao: Chb. XXVI, 26, 27, 30, 31, 34

Đánh đuổi được Phùng Chương, vì Phùng Chương dấy quân ở Sơn Tây: Chb. XXVI, 24

Đánh giết Nguyễn Khắc Hài và đồ đảng của hắn: Chb. XXVI, 3

Đánh Lão Qua: Chb. XXII, 28

Đánh nước Hắc La La, vì nước này xâm phạm vào cửa ải Chu Quan: Chb. XXV, 26, 27

Đánh tan quân của Nguyễn Nghiêm là tàn quân của Trần Tuân: Chb. XXVI, 15

Đánh Trần Công Ninh, vì Ninh dấy quân ở Yên Lãng: Chb. XXVI, 25

Đánh và bắt giết bọn Thân Duy Nhạc, vì bọn này dấy quân ở vùng Kinh Bắc: Chb. XXVI, 10

Đánh và giết bọn Lê Hi, vì bọn này dấy quân ở Nghệ An: Chb. XXVI, 16

Đánh và giết Trần Tuân, vì Tuân dấy quân ở Sơn Tây và chiếm Hưng Hoá: Chb. XXVI, 13

Lê Chiêu Tông sai tướng đánh Nguyễn Hoằng Dụ: Chb. XXVI, 36

Mộ quân đi đánh Sơn Man: Chb. XXII, 35

Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy đem quân đánh lẫn nhau: Chb. XXVI, 35

Sai Khuất Đà đi đánh Cầm Công và bộ lạc Ai Lao: Chb. XX, 16-18

Sai Nguyễn Hoàng Dụ đem quân đánh Trịnh Tuy: Chb. XXVI, 41

21. ĐÊ, ĐƯỜNG, SÔNG NGÒI

Bắc cầu ở Tây Đô: Chb. XI, 40

Bắc cầu Phượng Hoàng: Chb. II, 34

Các đường tiến quân của các tướng Bình Định Vương: Chb. XIII, 24, 25

Các quan chia nhau đi khám đê, sức dân sở tại bồi đắp.- Đê đắp bằng đá ở huyện Yên Mô.- Đê Hồng Đức: Chb. XX, 37, 38

Cầu Ba La: Chb. XIII, 28

Cầu cửa Đông: chb. XVIII, 14

Cầu đá ở Thi Nại cảng: Chb. X, 40

Cầu ở ao Tây Thấu: Chb. IX, 22

Cầu phao sông Nhị: Chb. XIII, 11

Cầu Tây Dương: Chb. XIII, 29

Cầu Thấu Ngọc ở Côn Sơn: Chb. XI, 20

Cầu Xa Lộc: Chb. XIII, 25

Châu Quỳ Hợp là con đường mà Vạn Tượng sang ta triều cống tất phải đi qua: chb. XVIII, 8

Cống Mọc: Chb. XIII, 28

Dọc đường đều dựng nhà trạm để cho hành khách nghỉ. Nhà trạm quét bằng vôi trắng, gọi là "dịch đình": Chb. VI, 11

Dọc theo đường từ Nghệ An đều đặt trạm, để tiện vận tải lương thảo sang Vân Nam : Chb. XI, 3

Dựng cầu Lâm Ba ở chùa Chân Giáo qua ao Ngoạn Thiềm đến cung Cảnh Linh và quán Thái Thanh: Chb. VI, 31

Đào các sông ở Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hoá: Chb. X, 50

Đào Liên cảng từ tân Bình đến Thuận Hoá nhưng không thành công: Chb. XII, 5

Đào sông: Chb. I, 19 - 20, 35; II, 1

Đào sông Đa Cái: Chb. I, 35

Đào sông Đăn Năi: Chb. III, 33

Đào sông Lãnh Kinh: Chb. III, 47

Đào sông Nghĩa Trụ ở Gia Lâm: Chb. XXXVII, 8, 9

Đào sông ngòi ở Tây Đô: Chb. XI, 40

Đào sông ở Ái Châu: Chb. II, 1

Đào sông ở Thanh Hoá và Nghệ An: Chb. X, 11, 35

Đào sông Thiên Đức: Chb. XI, 14

Đào sông Trầm và sông Hào từ Thanh Hoá đến Diễn Châu: Chb. VI, 10

Đào sông từ núi Đồng Cổ đến sông Bà Hòa: Chb. I, 19-20

Đắp đê Cơ Xá: Chb. IV, 6

Đắp đê Đỉnh Nhỉ (tai vạc) và đặt chức chánh phó sứ hà đê: Chb. VI, 31

Đắp đê ở lộ Thanh Hoa: Chb. VI, 37

Đắp đê sông Nhị. - Nguyên lưu sông Nhị: Chb. XXXV, 5, 6

Đắp đê Tô Lịch, đào cừ Yên Phúc: Chb. XXV, 11

Đắp đường, dựng đồn ở Ái Châu: Chb. II, 1

Đắp đường sá, đê điều: Chb. XXIII, 2

Đặt các trạm từ Vạn Ninh qua Đông Triều, Chí Linh đến Từ Sơn và Gia Lâm: Chb. XII, 44

Đặt chức chánh phó sứ hà đê. Khi mùa làm ruộng đã rảnh, đốc dân đắp bờ đê và khơi vét khe cừ: Chb. VI, 38

Đặt chức để lãnh giữ việc đường sá và cầu cống: Chb. XXVI, 2

Đặt chức quan hà đê: Chb. XXIII, 2

Đê Bát Tràng và Thổ Khối bị vỡ: Chb. X, 3

Đê Long Đàm bị vỡ: Chb. VI, 26

Đình hoãn công việc đào sông đắp đê, vì đại hạn: Chb. XLIV, 35

Định kỳ hạn đắp đê: Chb. XXXIII, 14

Định thể lệ sửa đắp và khám xét đê: Chb. XLI, 27; XLIII, 8, 9

Đo đường biển, đem dân di cư vào lộ Thăng Hoa: Chb. XII, 1

Đổi tên sông Hát làm Vân Bảo, sông Tô Lịch làm Địa Bảo: Chb. XXXVI, 21, 22

Đục Thiên Uy cảng: Tb. V, 11

Đường cũ Mã Viện: Tb. II, 10, 11; IV, 23

Đường Đan Dĩ (thuộc Lạng Sơn) đi Lộc Châu. Khi Thoát Hoan thua chạy, phải theo con đường này trốn về phủ Tư Minh (Trung Quốc): Chb. VIII, 7

Đường đi từ Hải Môn về Trung Quốc (Lạc Dương): Tb. V, 9

Đường sá vùng Nghệ An không được thông đồng vì sự nổi dậy của Phạm Du: Chb. V, 31

Hạ lệnh cho các xã tính số ruộng công, ruộng tư và đinh suất; trong nội vi tử, tạo lệ, tự sự, ân lộc, ngụ lộc, chế lộc, rồi thu tiền điền mẫu và đinh suất để thuê người đắp đê: Chb. XXXV, 13, 14

Hai đạo quân Minh kéo sang tiếp viện Đông Quan: một đạo do đường Quảng Tây tiến đánh Pha Luỹ quan; một đạo do đường Vân Nam tiến đánh Lê Hoa quan: Chb. XIV, 9, 10

Khai các sông ở Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XXXVI, 14

Khai sông Lẫm: Chb. III, 15

Khi đã xin hoà, bọn Vương Thông do đường bộ đi về Quảng Tây, khi bọn Trần Trí do đường thuỷ đi về Khâm Châu: Chb. XIV, 26

Khi Trần Nhân Tông lánh nạn quân Nguyên, trước hết đi thuyền nhỏ ra nguồn Tam Trĩ (thuộc tỉnh Quảng Yên), rồi đổi đi đường bộ đến xã Thuỷ Chú, đi thuyền đến sông Nam Triệu qua cửa biển Đại Bàng để vào Thanh Hoá: Chb. VII, 37

Khơi Liên Cảng ở Thuận Hoá và các cảng ở Thanh Hoá, Nghệ An: Chb. XXI, 10

Khơi sâu sông Tô Lịch: Chb. VI, 39; VII, 29

Khơi vét sông Tô Lịch: Chb. V, 25, Chb. V, 25

Làm thuyền để qua sông Vũ Lung: Chb. II, 1-2

Lê Hiến Tông hạ lệnh cho viên tham nghị phải đi khám sông ngòi và đường sá: Chb. XXV, 11

Mộ nhà giàu nộp của để thuê dân công đắp đê: Chb. XLIV, 9

Mở đường bộ đến châu Địa Lý: Chb. I, 28

Mở đường núi từ Thanh hoa thông ra Sơn Nam: Chb. XXVIII, 18

Mở đường từ Thiên quan thông ra Hưng Hoá: Chb. XXVIII, 13

Nạo vét các sông ở Trường Yên, Thanh Hoá và Nghệ An: chb. XVII, 15

Nước lớn vỡ đê, hạ lệnh cho dân bồi đắp: Chb. XL, 30

Nước Sông Đáy tràn ngập: Chb. XIII, 14

Sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê: Chb. XXXV, 8

Sông Bình Lỗ đào từ thời nhà Lý để giao thông với Thái Nguyên: Chb. VIII, 31, 36

Sửa đắp đường từ Cửu Chân đến Hà Hoa: Chb. X, 36.

Sửa đường từ sông Châu Giáp đến cửa Nam Giới: Chb. II, 2

Trần Minh Tông thân hành đi xem sửa đê, vì nước sông lên to: Chb. IX, 12

Trần Thiêm Bình từ Lão Qua, do đường Vân Nam đi lên Yên Kinh: Chb. XII, 6

Trần Thủ Độ sai lấp sông ngòi, xẻ núi, mở đường ngang đường dọc: Chb. VI, 32

Vét sông Đông Ngàn: Chb. XVI, 33

Vét sông ở Thanh Hoá: chb. XVII, 27

Vỡ đê Bộ Đầu và Võng Xuyên: Chb. XLI, 24

Vỡ đê Đông Trạch: Chb. XLIV, 8

Vỡ đê Kinh Bắc: Chb. XLII, 29

Vỡ đê Mạn Trù: Chb. XXXVII, 13

Vỡ đê sông Nhị: Chb. XXXIV, 17; XXXVII, 8

Vỡ đê Sơn Nam: Chb. XXXIV, 27

Vỡ đê Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa: Chb. XXXV, 13

Vỡ đê Thanh Hoa: Chb. XXXIII, 21

Xương Giang là đường quân Minh tất phải qua lại: từ Minh sang ta hoặc từ ta về nước: Chb. XIV, 16

22. ĐỀN, CHÙA, MIẾU

Bảo Tháp: Chb. IV, 5

Chùa Báo Ân : Chb. XVIII,5

Chùa Báo Thiên : Chb. XVI, 11-12 ; XVIII, 5

Chùa Cẩm Y: Chb. II, 1

Chùa Chân Giáo: Chb. II, 24; V, 14, 41; VI, 1,2,3

Chùa Cổ Pháp: Chb. II, 7

Chùa Diên Hựu, chùa Một Cột: Chb. III, 14; IV, 3, 5

Chùa Đại Giáo: Chb. II, 21

Chùa Giao Thuỷ (Keo): Chb. IV, 31

Chùa Hưng Thiên ngự tự: Chb. II, 11, 21

Chùa Lãm Sơn: Chb. III, 45-46

Chùa Linh Cảm: Chb. IV, 32

Chùa Long Hưng: Chb. II, 11

Chùa Phả (Phổ) Minh: Chb. VII, 4; VIII, 40

Chùa Pháp Vân: Chb. III, 32; V, 23

Chùa Phù Đổng: Chb. V, 39

Chùa Quảng Nghiêm tư khánh: Chb. IV, 32

Chùa Sùng Khánh: Chb. III, 22; IV, 32

Chùa Thánh Thọ: Chb. II, 11

Chùa Thắng Nghiêm: Chb. II, 11, 21

Chùa Thắng Nghiêm thánh thọ: Chb. IV, 9

Chùa Thiên Đức: Chb. II, 11

Chùa Thiên Phù: Chb. V, 10

Chùa Thiên Quang: Chb. II, 11

Chùa Thiên Vương: Chb. II, 11

Chùa Tiêu Sơn: Chb. II, 7

Chùa Trung Tiết: Chb. IX, 18

Chùa Trường Liêu: Chb. II, 7

Chùa Tư Phúc: Chb. VIII, 27; IX, 26; X, 4, 5

Chùa Tư Quốc ở Côn Sơn: Chb. XVII, 22

Chùa Vạn Tuế: Chb. II, 11, 21, 34

Chùa Vĩnh Long phúc thánh: Chb. IV, 42

Cung Cảnh Linh (nơi đạo sĩ tu luyện): Chb. XVII, 5; XVIII, 5

Cuối đời Tấn, người Lâm Ấp xâm lược Giao Châu, phát quật mả Sĩ Nhiếp, thấy thể mạo còn như người sống, cho lấp lại. Thổ nhân cho là thần, lập đền thờ: Tb. III, 2

Dân gian phần nhiều dựng chùa quán để cầu công đức: Chb. XIX, 16

Đắp đàn Nam Giao tế trời đất và thần núi sông: Chb. XIX, 18

Đền Bát Lang (Nhã Lang): Tb. IV, 12

Đền Hùng Vương: Tb. I, 2

Đền Lý Hiệu Uý (đền Chèm): Tb. I, 13

Đền Mai Hắc Đế: Tb. IV, 23

Đền sinh từ do người Cửu Chân lập thờ Nhâm Diên: Tb. II, 9

Đền thờ Phùng Hưng: Tb. IV, 26

Đền thờ Trần Hưng Đạo. –Đền thờ công thần các triều đại trước: Chb. XIV, 1, 2

Đền thờ Triệu Ẩu : Tb. III, 8, 9

Đền Thục Vương: Tb. I, 19

Đền Triệu Việt Vương: Tb. IV, 13

Đền Trưng Vương: Tb. II, 12, 14

Làm chùa ở Thiên Đức và Thăng Long: Chb. II, 11

Làm hơn 100 cảnh chùa: Chb. IV, 6

Miếu Khổng Tử: Chb. V, 8-9, 15

Quan âm liên hoa đài: Chb. III, 14

Thần chủ vàng: Tb. IV, 15

Tháp Báo Thiên: Chb. III, 22; IV, 32, 33; V, 23; VI, 45; Chb. IX, 19

Tháp chùa Bảo Quang : Chb. VI, 3

Văn Miếu: Chb. III, 30

23. ĐIỀN THỔ

Ban cho bọn Lê Sát mỗi nhà hàng trăm mẫu quan điền: Chb. XVIII, 28

Bán ruộng công cho dân mua làm ruộng tư, mỗi "diện" (mẫu) giá năm quan tiền: Chb. VI, 36-37

Cấm bọn cường hào chiếm ruộng đất của dân: Chb. XXIV, 39

Cấm chiếm công điền, công thổ làm của riêng: Chb. XVIII, 3

Cấp ruộng ở chân núi Yên Tử cho cung tần, thị nữ: Chb. VIII, 28-29

Chia ruộng đất: Chb. XV, 17-19

Chiêu Từ thái hậu đặt phép "sa châu tiệt cước" để chiếm đất phù sa mới bồi, đến đời Trần Nghệ Tông bãi bỏ phép này: Chb. X, 29-30

Cho Dương Ngang 30 mẫu ruộng, vì có công đánh được Chiêm Thành: Chb. XI, 14

Cho Đặng Tảo 20 mẫu ruộng: Chb. IX, 17

Cho phép vương hầu, công chúa, phò mã và cung tần được lập điền trang: Chb. VII, 8

Cho Trung Thành Vương hai ngàn khoảnh ruộng: Chb. VI, 34

Cung tần chiếm ruộng của dân, sau bị dân khiếu tố, phải trả lại: Chb. IX, 21

Di chuyển hạng dân không ruộng mà có của vào cư trú tại lộ Thăng Hoa: Chb. XII, 1

Đặt thêm 14 điều luật về điền sản: Chb. XVIII, 23

Đem đất ở Yên Phụ, Yên Dưỡng, Yên Sinh, Yên Bang phong cho Trần Liễu làm thái ấp: Chb. VI, 17

Đem ruộng cấp cho bầy tôi có công làm thế nghiệp điền: Chb. XIX, 12

Đem ruộng đất cấp cho hoàng tông và bầy tôi làm điền lộc: Chb. XXIII, 20, 25

Điền sản của dân ta bị người Minh chia xếp từng hạng để đánh thuế: Chb. XII, 42

Định rõ thể lệ cầm bán ruộng đất: Chb. IV, 39

Định thước, tấc của mẫu, sào ruộng đất: Chb. XXII, 28

Đo đạc ruộng của dân: Chb. XI, 33

Đồn điền do Trương Phụ lập: Chb. XII, 52

Hồ cắt nhường cho Minh đất 59 thôn ở Cổ Lâu: Chb. XII, 6, 7

Khám ruộng đất ở Lam Kinh: Chb. XX, 12

Lập 42 sở đồn điền: Chb. XXIII, 36, 37

Lập giới mốc để phân biệt ruộng công cùng ruộng thế nghiệp: Chb. XXIV, 3

Lấy hai mươi bốn lộ trong nước làm ấp thang mộc cho công chúa Phật Kim: Chb. V, 40-41

Luật lệ về việc ẩn lậu ruộng đất, bãi phù sa. -32 điều luật về điền sản: Chb. XV, 13

Nhiều người phải bán ruộng đất vì nạn đói. Ruộng đất đã bán, sau có lệnh không được chuộc lại: Chb. VIII, 16, 19

Những điền sản bị sung công: Chb. XV, 13

Ruộng đất của dân, nếu chỗ nào bị choán vào thân đê Đĩnh Nhĩ, đều được tính giá để bồi thường: Chb. VI, 31

Ruộng quốc khố, ruộng thác đao, ruộng làm muối: Chb. VI, 21

Sai vương hầu và các quan gặt lúa ruộng tịch điền: Chb. IX, 13

Số ruộng và lương thực của dân ta bị người Minh kê khai vào *Tu tri sách*: Chb. XII, 47

Thái ấp của Mục Thận ở Dâm Đàm: Chb. IV, 2

Thể lệ quân cấp công điền ở các xã: Chb. XXIII, 20, 25

Thể lệ về việc hai bên kiện nhau tranh ruộng đất: Chb. XIX, 13

Thi hành phép hạn điền: Chb. XI, 30

Thuế ruộng, đầm nước, đồi nương, bãi dâu: Chb. XV, 8

Thưởng thái ấp và 1.500 hộ cho Lý Bất Nhiễm: Chb. V, 39

Thưởng vài trăm hộ cho quốc sư Minh Không: Chb. IV, 31

Trả lại cho dân tất cả những ruộng đất đã bị sung công: Chb. IV, 18

Trăm mẫu ruộng cấp cho Lý Ba Lao, thân phụ Lý Triện: Chb. XIV, 9

24. ĐIỂN TỊCH

Ba bộ sách do vua nhà Thanh ban cho: Chb. XXXVI, 25

Bài biểu do Trần Cao đứng tên để cầu phong: Chb. XIV, 22 - 24

Bài biểu đời Lê Đại Hành gửi sang Tống nói về việc đánh Chiêm Thành (lược): Chb. I, 33

Bài ca về Giả Mạnh Kiên: Tb. II, 25

Bài chế của Tống phong An Nam quốc vương (lược): Chb. V, 23

Bài chế của Tống phong Giao Chỉ quận vương (lược): Chb. I, 5

Bài chế của Tống sách phong Lê Đại Hành (lược): Chb. I, 21

Bài chiếu nhường ngôi cho Trần Cảnh (lược): Chb. V, 43

Bài chiếu sách phong quốc vương và hoàng thái tử: chb. XV, 16-17

Bài chiếu thiên đô đến Thăng Long (lược): Chb. II, 9

Bài chiếu trị tội bọn Nùng Tồn Phúc: Chb. II, 44

Bài chiếu trưng cầu ý kiến nên đúc tiền đồng hay nên phát hành tiền giấy : chb. XV, 14

Bài thơ chúc mừng vua nhà Thanh của Phạm Khiêm Ích: Chb. XXXVI, 25

Bài từ mừng năm được mùa của Trịnh Cương: Chb. XXXVI, 6

Ban bố sách *Phật giáo pháp sư đạo tràng công văn cách thức cho cả nước:* Chb. VIII, 30

Ban kinh *Giới thí* cho cả nước: Chb. VIII, 40

Ban phát *Ngũ kinh đại toàn* cho học quan các xứ: Chb. XXXVII, 30

Bảng văn do quân Minh kể tội nhà Hồ: Chb. XII, 13

Biên soạn xong bộ *Quốc sử thực lục*: Chb. XXXIV, 40, 41

Biên tập bộ *Quốc triều hội điển*: Chb. XXXVII, 31

Binh pháp yếu lược của Trần Quốc Tuấn: Chb. VIII, 35

Bình Ngô đại cáo: Chb. XIV, 27 - 28

Bình Ngô sách và thư trát của Nguyễn Trãi: Chb. XIV, 3 - 4

Bọn Nguyễn Hoàn trông nom việc biên tập *Quốc sử*: Chb. XLIV, 26

Bức thư của Tống dụ Lê Đại Hành (lược): Chb. I, 16

Chiếu dụ quan lại của vua Minh: Chb. XII, 36 - 37

Chiếu đại xá của vua Minh: Chb. XII, 26, 32 - 33

Chính Lý Thánh Tông đã làm bài minh khắc vào chiếc chuông lớn chùa Sùng Khánh ở phường Báo Thiên: Chb. III, 22

Di chiếu của Lý Nhân Tông (lược): Chb. IV, 17

Dụ của Bình Định vương: Chb. XIV, 11 - 13

Dư địa chí của Nguyễn Trãi: Chb. VIII, 36

Đại Việt sử ký của Lê Văn Hưu: Chb. VII, 14

Đại Việt sử ký của Ngô Sĩ Liên: Chb. XXIII, 28

Đổi thể văn kinh nghĩa theo thể văn bát cổ nhà Thanh: Chb. XXXVII, 1

Giới Hiên thi tập của Nguyễn Trung Ngạn: Chb. X, 8

Hai cuốn *Di hậu lục* của Trần Thái Tông: Chb. VII, 16

Hịch của Triệu Đà truyền đi các nơi quan ải: Tb. I, 18

Hồ Sĩ Dương trông coi việc biên chép *Quốc sử*: Chb. XXXIV, 1

Hộ thiếp . - Hoàng sách về phú thuế sưu dịch: Chb. XII, 5 - 8

Kiến nghị của Lương Đăng về nhã nhạc: Chb. XVII, 5-6

Kinh *Đại tạng* xin của nhà Nguyên: Chb. VIII, 30

Kinh *Kim Cương* dùng để thi các thày chùa: Chb. IX, 19

Ký công sách ghi công tác công thần: Chb. XV, 21

Lam Sơn thực lục, do Lê Lợi đề tựa: Chb. XV, 29

Làm dư địa đồ vẽ núi sông và ghi sự tích: Chb. XX, 25

Làm Hội Điển: Chb. IV, 2

Làm sổ Tu tri: Chb. XXXIV, 34

Lê Nghĩa dâng *Nhật Lịch*: Chb. XX, 27

Lộ bố kể tội Tống: Chb. III, 38

Lời chiếu cầu hiền: Chb. XV, 24; XVI, 1

Lời chiếu cho quần thần nói thẳng về những chính sự sai trái: Chb. XVII, 19

Lời chiếu cho thần dân điều trần chính sự và tiến cử những người tài năng: Chb. XVIII, 6

Lời chiếu cho trăm quan điều trần chính sự: Chb. XVII, 16

Lời chiếu của vua kiểm điểm lỗi mình: Chb. XVIII, 16–17

Lời chiếu khuyên bảo trăm quan cố gắng làm tròn nhiệm vụ: Chb. XVIII, 31–32

Lời chiếu răn chừa điều dở, khuyên làm chính sự tốt: Chb. XVIII, 27

Lời chiếu tha nửa tiền thuế trong một năm cho dân: Chb. III, 11

Lời chiếu về việc cho thái tử Nguyên Long coi giữ việc nước: Chb. XV, 31

Lời chiếu về việc giảm nhẹ hình phạt và thuế khoá: Chb. XVII, 6, 28

Lời chiếu về việc nới rộng cho dân và thương xót dân: Chb. XVIII, 26

Lời chiếu xét hỏi những nỗi đau khổ của dân: Chb. XVII, 31

Lời của người nước ta khai với nhà Minh về việc con cháu nhà Trần không còn và Lê Lợi xứng đáng trị dân giữ nước: Chb. XV, 25

Lời dụ răn bảo các quan văn võ phải giữ thanh liêm: Chb. XVIII, 4–5

Lời dụ về việc truất ngôi quốc vương Tư Tề: Chb. XV, 31

Lời nguyền ghi công Lệ Lai: Chb. XV, 26

Lời phê bình về Lê Lợi: Chb. XV, 32

Lời sắc khuyên răn trăm quan: Chb. XVI, 29-30

Lời sắc về việc miễn và giảm tô: Chb. XVI, 31

Lời sớ của bọn Phan Thiên Tước và Lương Thiên Phúc: Chb. XVI, 27-29

Lời sớ của tể tướng tự nhận lỗi mình: Chb. XVIII, 17-18

Lời tâu của Nguyễn Trãi về âm nhạc: Chb. XVII, 2-3

Lời tâu của Phan Thiên Tước: Chb. XVI, 26-27

Lời tuyên thệ khi hội thề: Chb. IV, 22

Lời tuyên thệ trước thần Đồng Cổ: Chb. II, 30

Lời vua Minh dụ bọn Nguyễn Huân, Lương Như Hốt: Chb. XII, 45

Lục bộ biên tập bộ *Hội điển*: Chb. XLIV, 32, 33

Mười bốn thiên *Minh Đạo* của Qúy Ly: Chb. XI, 18

Nam Bắc phiên giới đồ: Chb. V, 15

Nghi lễ mới, do Lương Đăng đặt: Chb. XVII, 12-14

Những sách để ở kinh thành bị Chiêm Thành thiêu huỷ cùng một lúc với cung điện: Chb. X, 30

Những sách và các bài bia ở đền thờ bách thần, bị nhà Minh sao lục đem về Trung Quốc: Chb. X, 24

Những sử sách của ta bị người Minh tịch thu: Chb. XIII, 4 - 5

Quân hiến, quân lệnh và giới điều của Bình Định Vương: Chb. XIV, 12 - 14

Qúy Ly dịch thiên *Vô Dật* trong kinh *Thư* ra quốc âm: Chb. XI, 22

Sách *Đại Việt thông giám* do Vũ Quỳnh biên soạn, bài "Tổng luận" của Lê Tung: Chb. XXVI, 11

Sách *Tấn thân thực lục* do bọn Nhữ Đình Toản biên soạn: Chb. XLI, 11

Sách *Trung hưng thực lục* ghi tên và vẽ hình dạng những bầy tôi có công đánh thắng giặc Nguyên: Chb. VIII, 13

Sớ của Tiết Kính Văn: Tb. III, 5 - 8

Sớ điều trần của Bùi Ư Đài: chb. XVI, 13

Sớ tấu của Lý Tiến về việc xin nhà Hán bổ dụng người Giao Châu: Tb. II, 26

Tám cuốn *Bảo Hoà dư bút* của Trần Nghệ Tông do Đào Sư Tích đề tựa: Chb. X, 52

Tăng Cổn làm *Giao Châu ký*: Tb. II, 12; V, 13

Tập *Thiên Nam dư hạ*. – Sách *Thân chinh ký sự*: Chb. XXIII, 40

Tập thơ *Băng Hồ* của Trần Nguyên Đán phần nhiều mượn sự việc để cảm khái thời thế: Chb. XI, 2

Tập thơ *Lạc đạo* của Trần Quang Khải: Chb. VIII, 22

Tập thơ *Thảo nhàn hiệu tần* của Hồ Tông Thốc cảm khái việc Lê Quý Ly chuyên quyền: Chb. XI, 3

Tập *Thuỷ vân tuỳ bút* của Trần Anh Tông, lúc gần mất, bắt đem đốt đi: Chb. IX, 16

Thông chế, hình luật và lễ nghi, cộng 20 cuốn: Chb. VI, 8–9

Thơ Lãm Sơn dạ yến: Chb. III, 45–46

Thư của Hán Văn đế gửi Triệu Đà: Tb. I, 23 – 25

Thư của nhà Hán về dịp phong chức cho Sĩ Nhiếp: Tb. II, 31

Thư của Triệu Đà đáp Hán Văn đế: Tb. I, 25 – 27

Tìm sách *Thiên Nam dư hạ*: Chb. XLIII, 16

Tìm tòi và mua lại sách cũ: Chb. XXXVII, 21

Triều điển và *Hình thư* do Nguyễn Trung Ngạn và Trương Hán Siêu biên soạn: Chb. IX, 41

Triệu Xương làm *Phủ chí*: Tb. IV, 27

Tu tri sách để kê khai hộ khẩu, ruộng đất và lương thực: Chb. XII, 47

Tứ thư, Ngũ kinh, Tính lý đại toàn và kinh Phật do người Minh ban phát và truyền bá ở nước ta: Chb. XIII, 3, 4

Vạn Kiếp tông bí truyền của Trần Quốc Tuấn: Chb. VIII, 36

Vạn ngôn thư của Lê Cảnh Tuân: Chb. XII, 34, 35

Việt sử do Phan Phù Tiên soạn: Chb. XVIII, 28–29

Vua nhà Thanh thân viết bốn chữ ban cho vua nhà Lê: Chb. XXXIV, 16

25. ĐIÊU KHẮC

Đồ dùng chạm trổ rồng phượng: Chb. XVIII, 9

Tạc gỗ làm tượng Lý Ông Trọng: Tb. I, 13

26. ĐO LƯỜNG

Ban hành cân, thước, thưng, đấu: Chb. XII, 1

Ban hành thước công: thước thợ mộc, thước thợ may cùng một hạng: Chb. VII, 21

27. ĐỒ DÙNG

Ấn tín: Chb. XIV, 24

Bảo toạ và kim đài để vua ngự: Chb. XVII, 13

Bát, đĩa: Chb. XVII, 14

Bó thây bằng chiếu của vua và chở xác bằng xe của vua: Chb. V, 33

Cái lao (binh khí): Chb. XIV, 21

Cấm quan, quân và dân gian dùng các đồ hoa mĩ: Chb. XXXVII, 31

Chiêng: Chb. XIV, 14

Chuông giống khánh rền mỗi khi Sĩ Nhiếp ra vào: Tb. II, 31

Cỗ ỷ sơn son: Chb. XVI, 22

Cờ trống: Chb. XIII, 19

Đồ dùng chạm vẽ rồng phượng: Chb. XVIII, 9

Đồ dùng phải tuỳ theo chức phận cao thấp, không ai được dùng tiếm lạm: Chb. XXX, 21

Đồ dùng uống rượu do Ai Lao tiến cống: Chb. XVI, 23

Đồ làm ruộng: Chb. XIII, 16

Đồ sứ: Chb. XVIII, 3

Hộp [trầu] bằng vàng: Chb. XII, 10

Hộp thư bằng đồng đặt ở sân rồng để tiếp nhận những thư từ bày tỏ dân tình lại tệ: Chb. V, 9

Lư hương bạc, bình hoa bạc, hương xông, hương vòng, trầm hương, tốc hương: Chb. XIV, 24

Thẻ đồng hồ, báo canh và khắc: Chb. II, 34

Thể thức dùng kiệu, võng và mâm bát của quan và dân: Chb. XXXVI, 24

Trần Dụ Tông cho Nguyễn Trung Ngạn cái nghiên gỗ nạm vàng gọi là "lăng kim nghiễn", để tiện ghi chép: Chb. X, 2

Trống, kèn dùng trong khi ca hát: Chb. X, 15

Xe hoàng ốc, cờ tả đạo: Tb. I, 23, 25

Xe kiệu dc Lương Đăng sắp đặt: Chb. XVII, 11, 13

Xe và đồ dùng của Trần Nghệ Tông đều sơn then, không sơn son thếp vàng: Chb. X, 27

Yên ngựa, bàn ghế: Chb. XVIII, 29

28. HẢI SẢN

Ao lại sinh hạt châu: Tb. IV, 33

Biển Hợp Phố sản châu báu: Tb. II, 25

Cá biển: Chb. V, 14

Cá, muối: Chb. XIII, 16

Cá và muối: Chb. III, 27

Cá xương, cá công: Chb. IV, 28

Châu báu: Tb. I, 22

Châu báu do chúa Chiêm Thành dâng tiến: Chb. V, 13

Châu về Hợp Phố: Tb. II, 25

Đồi mồi: Tb. II, 29

Kiếm hạt trai ở châu Vĩnh An: Chb. II, 37

Muối: Chb. I, 32; III, 27; V, 21, Chb. XV, 13; XVI, 21

Ngọc trai: Chb. XVII, 9

Ngọc trai ở hải phận Tĩnh Hải và Vân Đồn: Chb. XIII, 3

Ngọc trai sáng: Tb. II, 24

Ngọc trai và ngọc cơ: Tb. I, 10

Nhà Trần Lý do nghề đánh cá trở nên giàu có: Chb. V, 33-34

Rau, dưa: Chb. XIII, 16

Rùa chín đuôi: Chb. XIII, 3

Rùa sáu chân: Chb. III, 45

Tử bối: Tb. I, 27

Vực sản hạt trai ở châu Vĩnh An: Chb. II, 37

29. HÌNH LUẬT

An trí Lê Văn Thịnh ở trại Thao Giang: Chb. IV, 1-2

Ân xá: Chb. III, 37

Ban *Hình thư* : Chb. III, 4

Bầy tôi trong kinh và bầy tôi ở ngoài các lộ nếu giao kết riêng với nhau sẽ bị tội: Chb. XXIII, 9, 10

Bức tử bằng cách tuận táng: Chb. III, 32

Các quan văn võ, ai thiếu mặt trong khi hội thề, phải phạt 5 quan tiền: Chb. VI, 5

Cấm bán hoàng nam làm tư nô: Chb. III, 5

Cấm cha con, vợ chồng và nô tì trong một nhà kiện cáo lẫn nhau: Chb. IX, 11

Cấm đẵn cây trong mùa xuân: Chb. IV, 15

Cấm giết trâu: Chb. IV, 12

Cấm phù thu lạm bổ: Chb. III, 3-4

Cấm tù phạm nhân ở nhà thuỷ viện: Chb. V, 32

Cấm tự thiến: Chb. V, 11

Cấp bổng lộc cho các quan lại coi ngục: Chb. III, 27

Di 50 vạn dân bị đày sang thú Ngũ Lĩnh: Tb. I, 14

Dùng trượng đánh chết Nguyễn Hưng vì can tội đánh bạc: Chb. VIII, 24-25

Đại xá: Chb. I, 23; III, 26; IV, 18, 30; V, 18-19

Đại xá tội nhân: Chb. IV, 44

Đánh trượng giết chết Đào Khánh Văn: Chb. II, 13

Đặt chuông lớn ở sân rồng để dân kêu oan: Chb. III, 15

Đặt chức quan đề lãnh ở bốn cửa thành xét hỏi việc kiện tụng: Chb. XXVI, 2

Đặt phép khảo hạch các quan lại: Chb. III, 15

Đặt ti Đình Uý: Chb. XXIV, 41

Đâm chết cha con Phạm Bỉnh Di ở thềm Kim Tinh: Chb. V, 33

Địa hình luật: Chb. VI, 2, 25; XI, 41

Điều luật con để tang cha mẹ, vợ để tang chồng: Chb. XXI, 36

Định lệ chuộc tội bằng tiền: Chb. III, 30

Định luật lệnh: Chb. I, 35

Định rõ luật lệnh: Chb. V, 9

Định thể lệ làm việc cho những người bị tội đồ: Chb. VI, 9

Định tội quân và dân trốn tránh sai dịch: Chb. XI, 17

Đô hộ phủ sĩ sư: Chb. I, 4

Đổi đô vệ phủ làm ba viện để xét hình ngục: Chb. VI, 33

Giết bọn Đinh Lộc và Phùng Luật về tội mưu phản: Chb. III, 2

Giết bọn Nguyễn Khánh: Chb. II, 39

Hạ chiếu bắt Nguyễn Nộn vì được vàng và ngọc bích mà không dâng tiến: Chb. V, 39

Hình quan xét kiện phải theo đúng hạn định: Chb. XXIV, 30, 31

Hoạn quan được kiêm chức kiểm pháp để xét kiện: Chb. VII, 22

Hội điển: Chb. IV, 2

Khảo cứu điển lệ đời trước, làm sách hình luật: Chb. VI, 8

Khắc Chung và Nhữ Hài đều bị phạt vì cười đùa trong khi hội nghị: Chb. IX, 25

Khi xảy ra thiên tai, nếu các quan có trách nhiệm không giúp đỡ dân, sẽ bị tội lưu: Chb. XXIII, 9

Làm huyện lại, bị đốc bưu đánh đòn bằng roi: Tb. I, 13

Lê Thánh Tông phân tích quốc pháp với quân pháp: Chb. XX, 29

Lệnh chuộc tội: Chb. III, 5

Luật lệ cầm bán ruộng đất: Chb. IV, 39

Luật lệ nghiêm cấm ở nơi cung phủ: Chb. V, 4-5

Lựa chọn quan chức để bổ vào ty thuộc bộ Hình: Chb. XXI, 9

Ngục tụng còn ngờ, khi xét xử, được giảm xuống một bậc: Chb. XIX, 28

Nguyễn Trung Ngạn lập Binh Doãn đường để xét ngục tụng: Chb. IX, 33

Người can tội ăn trộm hoặc trốn tránh thì phải chặt ngón chân hay cho voi giày chết: Chb. VI, 25

Người làm tiền giấy giả, người tích trữ hoặc tiêu dùng tiền đồng đều bị tử hình và sung công điền sản: Chb. XI, 24

Những ngược hình của Lê Ngọa triều: Chb. II, 2-3

Pháp luật về tội đào ngũ và tội trốn chức vụ: Chb. III, 11-12

Phát chăn chiếu cho tù đồ: Chb. III, 21

Phát lưu Mạc Hiển và sung công vợ con của Hiển về tội trốn sang Cống Động (Tống): Chb. IV, 13

Phạt 50 trượng kẻ nào lẩn trốn không hội thề ở đền Đồng Cổ: Chb. II, 29-30

Phạt Trương Hán Siêu 300 quan tiền về tội tâu man cho hình quan ăn của đút: Chb. IX, 24

Phạt trượng và phối dịch về tội ăn hối lộ bằng lụa của dân: Chb. III, 4-5

Phân phối các quan đi 13 xứ để xét kiện: Chb. XXIV, 15

Phí Trực xét vụ án tên Văn Khánh: Chb. IX, 13-14

Quan chức trong Đại Lý tự được tham dự khi xét tội tù phạm: Chb. XXI, 5

Sắc sai rộng rãi nới nhẹ cho tù tội: Chb. III, 25-26

Tha tội cho Cự Đà vì không được ăn quả muỗm mà tránh việc đánh giặc Nguyên: Chb. VI, 43-44

Tha tù: Chb. III, 31: Chb. IV, 1

Tha tù, nhưng không tha người can tội hàng giặc: Chb. VII, 5

Tha tù ở Đô hộ phủ: Chb. IV, 15, 21, 26

Tha tù vì có hạn hán: Chb. VII, 12; VIII, 39

Thể lệ đòi hỏi đối với các quan ở các lộ, nếu bị kiện: Chb. XIX, 32, 33

Thể lệ người được đeo kiếm, đội nón vào hoàng thành Chb. XIX, 25

Thể lệ thưởng phạt đối với các quan giữ việc hình ngục: Chb. XIX, 28, 29

Thể lệ xét kiện, 3 tháng trình bày một lần. -Thể lệ việc kiện về điền thổ: Chb. XIX, 13

Thi hành quân luật về việc hộ vệ hành cung: Chb. XXIV, 27

Thi lại viên bằng thư (viết), toán và hình luật: Chb. III, 40

Thích chữ vào trán và tay tù binh người Tống: Chb. III, 41

Thời hạn xét kiện: Chb. XXIV, 6

Thời kỳ triển hoãn việc thi hành tội phạt trượng: Chb. XXIV, 35

Ti Bình Bạc giữ việc xét xử hình ngục trong 61 phố phường: Chb. VI, 10

Tiêu chuẩn tuyển bổ những người sung vào hình quan: Chb. XXIII, 26, 27

Tội đánh chết người. -Tội giấu giếm che chở cho những giặc cướp trốn tránh: Chb. IV, 15

Tội đồ phải làm điển nhi và lộ ông: Chb. IV, 18-19

Tội gian dâm: Chb. III, 5

Tội thích chữ: Tb. I, 30

Tội trộm cướp: Chb. III, 5

Tội trộm trâu: Chb. III, 5

Tội trộm trâu hoặc giết trâu: Chb. IV, 7

Tội xẻo mũi: Tb. I, 30

Trần Anh Tông quở trách hình quan về việc xử vụ kiện người quan nô là Hoàng Hạc: Chb. IX, 15–16

Trần Ích Tắc tư thông với giặc ngoài, sau đầu hàng quân Nguyên bị tước tên họ: Chb. VII, 38; VIII, 14

Trần Lão làm thư nặc danh nói xấu triều đình, phải nộp tiền chuộc tội và bị đày làm lính: Chb. VII, 28

Trần Phẫu bị tội lăng trì (tùng xẻo) vì ăn của đút một trăm lạng vàng, vu cáo Quốc Trấn mưu phản: Chb. IX, 26

Trương Thất được quyết đoán hình ngục ở phủ đô hộ: Chb. VI, 25

Vạc lớn, cũi cọp: Chb. I, 3

Việc kiểm soát hình ngục: Chb. XXII, 11

Viện Đăng Văn kiểm pháp giữ việc xét hỏi ngục tụng trong nước, sau đổi "viện" làm "tự": Chb. XI, 21

Xá tội nhân trong nước: Chb. IV, 25

Xá tội phạm, trừ ra những người tùng đảng với kẻ phản nghịch: Chb. IV, 5

Xét kỹ lại tội các tù phạm: Chb. X, 16

Xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ cho những người can phạm tội thường: Chb. IX, 46

Xếp đặt lại ty thuộc bộ Hình: Chb. XX, 9, 10

Xử vụ đảng Thân Lợi: Chb. IV, 39–40

30. HỌC THUẬT

Bài châm 150 chữ của Trần Nghệ Tông ban cho Trần Duệ Tông khi mới lên ngôi: Chb. X, 33

Ban hành 24 huấn điều: Chb. XXIII, 36–39

Ban "Huấn dân đại cáo" cho trong nước: Chb. XIX, 16, 17

Chữ khoa đẩu: Tb. I, 6

Con em các văn thần được vào học ở viện Quốc Sử: Chb. VI, 16

Con trai từ 15 tuổi trở lên ở Quảng Nam được tuyển vào kinh đô để dạy cho biết lễ nghĩa: Chb. XXII, 7

Đặt chức Ngũ kinh bác sĩ: Chb. XX, 19

Đặt quan giữ việc dạy học ở các lộ và cấp học điền cho học quan: Chb. XI. 29-30

Đặt thêm môn viết chữ và môn toán vào kỳ thi: Chb. XII, 4

Định thể lệ thi hương : Chb. XXV, 8, 9

Hạ lệnh cho quân sĩ đọc sách: Chb. XX, 21

Hạng có văn học và tài cán được liệt làm một loại trong quan lại: Chb. V, 20

Hoàng thái tử đến học ở Văn Miếu: Chb. III, 30

Học trò được vào Quốc tử viện giảng *Ngũ kinh* và *Tứ thư*: Chb. VII, 6

Làm bài minh ban cho hoàng tử: Chb. VI, 33

Lãm sơn dạ yến thi: Chb. III, 45-46

Lập Bí thư các: Chb. III, 45

Lập nhà giảng võ: Chb. VI, 36

Lập nhà học ở phủ Thiên Trường: Chb. VII, 23

Lập Quốc tử giám, bổ vào đó những văn thần có văn học: Chb. III, 38

Lập Văn Miếu: Chb. III, 30; V, 8

Lập viện Quốc Học, trong viện đắp và vẽ hình tượng tiên thánh, tiên hiền để thờ: Chb. VI, 35-36

Lê Thánh Tông cùng Đỗ Nhuận thảo luận hai chữ "đạo" và "lý": Chb. XXI, 39

Lịch rùa: Tb. I, 6

Lý Cầm, Trương Trọng đều do khoa mục xuất thân: Tb. II, 28

Lý Nhân Tông chính tay viết tám chữ "Thiên hạ thái bình, thánh cung vạn tuế" để khắc vào bia: Chb. IV, 14

Lý Ông Trọng sang Trung Quốc học sử sách: Tb. I, 13

Lý Tiến thông hiểu *Kinh, Truyện*: Tb. II, 28

Mấy viên quan bị bãi chức vì giảng sai nghĩa sách và làm ba bài chế, chiếu, biểu bất thành văn: Chb. XX, 26

Miếu thờ Khổng Tử: Chb. V, 8-9

Mở rộng nhà Thái Học. Đặt thể lệ cấp lương và bổ dụng học sinh ở thượng xá, trung xá, hạ xá: Chb. XXIII, 39, 40

Mười bốn chương *Hoàng huân* của Nghệ Tông dạy thái tử: Chb. X, 32

Nguyễn Sĩ Cố giảng dạy năm kinh: Chb. VIII, 44

Ngự sử đài có chỗ để vua ra học tập: Chb. IX, 43

Nhà Minh ban phát sách vở cho các phủ, châu, huyện: Chb. XIII, 3, 4

Nhà Minh cầu tìm những người có văn học, giỏi viết, giỏi toán và am tường các tạp nghệ: Chb. XII, 21, 22

Nhà Minh lập học hiệu ở nước ta: Chb. XII, 35, 42

Nhà Minh tịch thu tất cả sử sách của ta từ đời Trần trở về trước: Chb. XIII, 4, 5

Nho, Đạo, Thích dâng thơ mừng được mùa: Chb. IV, 12

Nước ta biết *thi, thư*, tập lễ nhạc, trở thành nước văn hiến, là từ Sĩ Nhiếp trước: Tb. III, 2

Phát bản in *Ngũ kinh* cho Quốc tử giám: Chb. XX, 21

Sĩ Nhiếp nghiên cứu và chú giải kinh *Xuân thu*: Tb. II, 30

Tên gọi *Bố Cái*: Tb. IV, 26

Thi cống sĩ : Chb. XXV, 9

Tích Quang đem lễ nghĩa dạy dân Giao Chỉ: Tb. II, 9

Tìm người hiền lương minh kinh vào chầu ở Kinh Diên và bổ vào chức tư nghiệp ở Quốc tử giám: Chb. VII, 15

Toà Kinh Diên: Chb. IV, 19; V, 22

Trần Anh Tông làm bài *Dược thạch châm ban* cho thái tử: Chb. VIII, 43

Trần Anh Tông mỗi khi rảnh việc, lại để tâm vào việc bút nghiên: Chb. IX, 16

Trần Ích Tắc mở trường học ở nhà riêng, hội họp văn sĩ, cấp cho cơm áo để đi học tập: Chb. VII, 9

Trần Minh Tông và Văn Bích tranh luận về phương pháp dạy hoàng tử: Chb. IX, 27

Trần Tôn, một danh nho, giữ chức viện trưởng ở thư viện Lạn Kha để dạy học trò: Chb. X, 52

Trương Trọng là người nới giỏi, làm việc kế toán ở Nhật Nam: Tb. II, 27

Tuyển người có đức hạnh vào hầu đông cung học tập. -Trần Thánh Tông tự tay viết bài thơ dạy thái tử và ban cho hai cuốn *Di hậu lục*: Chb. VII, 15-16

Tuyển nho sinh đã thi đỗ vào hầu vua học tập: Chb. VI, 16

Xin Cửu kinh và Đại tạng: Chb. I, 43

31. HỘI HỌA

Bản đồ vẽ khánh đá do Nguyễn Trãi sáng tác: Chb. XVII, 2

Bức tranh "Tứ phụ": Chb. XI, 19-20

Đồ dùng vẽ rồng, phượng: Chb. XVIII, 9

Lấy mực vẽ các loài thuỷ quái vào thân thể: Tb. I, 1

Tô tượng Chu Công, Khổng Tử và Tứ phối; vẽ hình tượng thất thập nhị hiền: Chb. III, 30

Tô tượng Phật, vẽ tranh Phật: Chb. III, 1

Trần Anh Tông viết tốt vẽ khéo: Chb. IX, 16

Tượng Phật chùa Pháp Vân: Chb. V, 23

Vẽ hình dạng công thần vào sách *Trung hưng thực lục*: Chb. VIII, 13

Vẽ hình và đắp tượng thánh hiền: Chb. VI, 35-36

Vẽ tượng Bùi Mộc Đạc để ở thư phủ: Chb. IX, 23

Xăm mực vào ngực và chân làm thành những hình văn vẻ: Chb. IV, 9

32. KHO TÀNG

Kho Đại Hưng: Chb. II, 20

Kho ngự khố: Chb. II, 42; V, 8

Làm 50 kho ở Nghệ An như Tư Thành, Lợi Nhân và Vĩnh Phong: Chb. II, 40

Lập bốn kho quân khí: Chb. XII, 7-8

Lập kho tào thương ở các lộ: Chb. IX, 38

33. KHOA CỬ

Bãi bỏ việc nộp tiền thông kinh: Chb. XLI, 18

Các hạng binh lính được dự thi hương: Chb. XXXVI, 2

Chấn chỉnh lại thể văn khoa cử: Chb. XXXIV, 30, 31

Chấn chỉnh thể văn thi hương: Chb. XXXV, 10

Dùng bảy khoa để thi học trò: Chb. VIII, 42

Dựng bia tiến sĩ: Chb. XVII, 22

Dựng trường thi hương ở các thừa tuyên: Chb. XXX, 21

Đặt khoa sĩ vọng: Chb. XXXI, 21

Đặt lại phép thi lại điển: Chb. XVIII, 14

Đề cử những người hiền lương, phương chính, trí dũng và hào kiệt: Chb. XIV, 10, 11

Định 3 năm một lần thi đại tỉ: Chb. XIX, 24

Định điều lệ thi hội: Chb. XXXIII, 7-8

Định điều lệ thi hương: Chb. XXXIV, 7, 8

Định niên hạn thi đại tỉ: Chb. VI, 29

Định phép thi, có thể văn bốn kỳ thi, chia ra thi hương và thi hội: Chb. XI, 24-25

Định phép thi võ cử: Chb. XLV, 18, 19

Định thể lệ thi hội.- Định tư cách tiến sĩ: Chb. XXII, 30, 31; XXIV, 34, 35

Định thể lệ thi hương: Chb. XXV, 8, 9; Chb. XIX, 19, 20

Đổi lại phép thi hương, lại thu tiền thông kinh: Chb. XLII, 25

Hồ Qúy Ly thi thái học sinh: Chb. XI, 37

Khoa thi tiến sĩ: Chb. XV, 15-16; XVII, 21-22

Khôi phục ngạch lấy đỗ ở trường thi Sơn Nam: Chb. XLIII, 19, 20

Khôi phục phép thi hương đời Bảo Thái: Chb. XL, 24

Khôi phục thể lệ cũ về khoa thi hương: Chb. XXXIX, 2-5

Lại mở khoa hoành từ: Chb. XLII, 2

Lập bia tiến sĩ: Chb. XXIII, 41

Mở khoa hoành từ: Chb. XV, 28; Chb. XXI, 8

Mở khoa thi bác cử. Thể lệ thi bác cử và sở cử: Chb. XXXVI, 16-18; XXXVII, 20

Mở khoa thi hội: Chb. XXIX, 11

Mở kỳ thi tại hành doanh Bồ Đề để tuyển lấy những người văn học: Chb. XIII, 36

Mở thi hương ở Tây Đô: Chb. XXVIII, 17

Mở trường thi hương ở Thuận Hoá: Chb. XLV, 6

Nhà Lê thi chế khoa: Chb. XXVIII, 4

Nhà Mạc mở khoa thi hội: Chb. XXVII, 20

Những người đỗ thái học sinh được đi từ cửa Phượng Thành ra chơi phố ba ngày: Chb. VIII, 42

Phép thi của nhà Hồ: Chb. XII, 4, 5

Phúc hạch học trò sẽ cho dự kỳ thi hương: Chb. XXXIV, 36

Quan chức trong viện Hàn Lâm, được chuyên giữ chức khảo quan các trường thi: Chb. XXIV, 15

Sát hạch học sinh ở các lộ: Chb. XVI, 4-5

Tăng thêm số lấy đỗ ở trường thi hương: Chb. XXXIX, 34

Tên Mặc ở hiệu quân Thiên Thuộc đỗ thái học sinh, bổ làm người lại trong quân Thiên Đình: Chb. IX, 20

Thể lệ hằng năm tiến cử sinh viên: Chb. XII, 47

Thể lệ quan viên tại chức được dự thi hội: Chb. XXIV, 4, 5

Thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi Phụng Thiên: Chb. XXXVI, 30

Thi các giáo quan và những quân và dân có học để bổ sung vào giáo chức: Chb. XVI, 31

Thi các tăng đạo: Chb. XV, 24

Thi chế khoa: Chb. XLVII, 3, 4

Thi con các quan văn: Chb. VIII, 24

Thi cống sĩ: Chb. XX, 1; XXIII, 35, 36; XXIV, 20; Chb. XLII, 1: Chb. XXV, 9

Thi cống sĩ mới đỗ ở lầu Ngũ Long: Chb. XLI, 9, 10

Thi đại tị: Chb. XXXI, 18

Thi đình: Chb. V, 5-6; Chb. XXX, 10

Thi học sinh: Chb. V, 13

Thi hội. Lê Quý Kiệt nhờ Đinh Thì Trung làm gà bài thi: Chb. XLIV, 27, 28

Thi kẻ sĩ để sùng vào Kinh Diên: Chb. V, 22

Thi khảo học trò, ai trúng sẽ được miễn tuyển vào quân ngũ: Chb. XXIV, 1, 2

Thi khảo những người tinh thông thuật số, sẽ bổ làm quan: Chb. XL, 22

Thi khoa tiến sĩ, những người trúng cách, được ban yến, mũ áo và cho xuất thân: Chb. X, 35

Thi lại cống sĩ ở bãi Trung Sa: Chb. XL, 24

Thi lại viên: Chb. III, 40

Thi lại viên bằng cách thảo thiện công văn gọi là bạ đầu: Chb. VI, 6

Thi lại viên bằng phép viết, phép tính: Chb. VII, 1

Thi lại viên bổ làm duyện lại ở nội lệnh sử: Chb. X, 35

Thi minh kinh: Chb. XV, 23

Thi phúc khảo những người đã đỗ hương cống: Chb. XXXVI, 31

Thi phúc khảo sinh đồ ở bãi sông Nhị: Chb. XXXIII, 9

Thi Tam giáo: Chb. V, 26

Thi Tam giáo (Nho, Thích và Lão): Chb. VI, 30

Thi tam trường tuyển lấy những người minh kinh bác học: Chb. III, 33-34

Thi thái học sinh chia ra kinh trạng nguyên và trại trạng nguyên: Chb. VI, 38-39

Thi thái học sinh, chia ra tam giáp: Chb. VI, 12, 29, 38; VII, 16; VIII, 41, 42; IX, 11, 20, 45

Thi thái học sinh hợp kinh trạng nguyên làm một: Chb. VII, 16

Thi viết chữ và tính toán: Chb. XLII, 13, 14

Thí sinh trúng tuyển chia ra từng hạng: giám sinh, nho sinh, sinh đồ: Chb. XIX, 21, 22

Thu tiền thông kinh, ai nộp 3 quan, sẽ được dự khoa thi hương: Chb. XL, 2

Trịnh Doanh thi cống sĩ ở phủ đường: Chb. XLI, 29, 30

Trịnh Giang thi tiến sĩ ở trong phủ chúa: Chb. XXXVIII, 3

Trịnh Sâm mở thịnh khoa thi hương và thi hội: Chb. XLV, 17, 18

Trịnh Sâm thi những người được cử về văn tuyển. -Thể lệ văn tuyển và võ tuyển: Chb. XLV, 13

Tuyển lấy người có văn nghệ bổ vào những nơi quán các; người tinh thư toán bổ làm thuộc lại ở sảnh và viện: Chb. X, 17

Tuyển người văn học, sung vào Hàn Lâm viện: Chb. III, 45

34. KHOÁNG SẢN

Ấn bằng bạc: Tb. I, 30

Ấn bằng đồng: Tb. I, 2

Ban vàng và lụa cho bách quan: Chb. IV, 20

Chân núi Thiết Sơn huyện Hưng Nguyên có mỏ sắt, dân địa phương thường khai đào để lấy sắt: Chb. XXI, 40

Dầu: Chb. XV, 13

Đồng, sắt: Chb. XV, 13

Hối lộ bằng vàng: Chb. V, 17-18

Khai mỏ đồng, bạc, gang và diêm tiêu: Chb. XLII, 15

Khí bạc ở châu Lộng Thạch và châu Định Biên: Chb. II, 44

Lọ vàng ở Đội Sơn và lọ bạc ở Bàn Hải Sơn: Chb. I, 23

Mỏ đồng, mỏ bạc, mỏ vàng và mỏ thiếc ở Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn. -Hạn chế số người làm việc khai mỏ: Chb. XXXV, 21; XXXVI, 29; XXXVII, 5

Nghìn vàng do Triệu Đà tặng tiến Lục Giả, sứ nhà Hán: Tb. I, 22

Ngọc bích trắng: Tb. I, 27

Ngói bạc lợp điện Long Lộc: Chb. I, 20

Phạm Du sai đem vàng đút lót cho người trong Nội: Chb. V, 32

Rùa vàng: Chb. I, 21

Sắt: Chb. V, 21

Tiêu (dùng chế thuốc súng): Chb. XV, 13

Vàng, bạc: Chb. IV, 16 ; Chb. XV, 8, 12, 13, 29; Chb. XII, 34; XIII, 16 ; XVI, 17, 20, 25; XVII, 12; XVIII, 2, 3

Vàng bạc do Ngưu Hống và Ai Lao tiến cống: Chb. III, 26-27

Vàng bạc trang sức điện Bách Bảo Thiên Tuế: Chb. I, 20

Vàng bạc tước của Chiêm Thành: Chb. I, 19

Vàng mà Nguyễn Nộn được ở chùa Phù Đổng: Chb. V, 39

Vàng Quảng Nguyên: Chb. III, 42

Vàng sống ở động Vũ Kiến: Chb. II, 44

Xếp đặt công việc những người làm ở hầm mỏ: Chb. XLIII, 1-3

35. KHỞI NGHĨA

Các cuộc khởi nghĩa lẻ tẻ, như nhóm Trịnh Công Chứng, nhóm Lê Ngạ, vân vân: Chb. XIII, 10-12

Châu dân vây phủ thành: Tb. IV, 38

Chung cục của nhóm Trần Ngối: Chb. XII, 30

Chung cục của nhóm Trần Quý Khoáng: Chb. XII, 39-41

Cuộc khởi nghĩa của Lương Long: Tb. II, 23

Cuộc nổi dậy của binh sĩ Giao Chỉ: Tb. II, 24

Cuộc nổi dậy của Chu Đạt, người huyện Cư Phong: Tb. II, 22

Cuộc nổi dậy của Đồng Mặc : Chb. XII, 32

Cuộc nổi dậy của Giao Chỉ, Hợp Phố và người Man Ô Hử: Tb. II, 23

Cuộc nổi dậy của nhân dân Giao Chỉ: Giết thứ sử Hán, Chu Phù: Tb. II, 29, 30

Cuộc nổi dậy của Nhật Nam và Cửu Chân: Tb. II, 22

Cuộc nổi dậy của nhóm Nguyễn Ngân Hà, Lê Nhị: Chb. XII, 32

Cuộc nổi dậy của nhóm Phạm Chấn, Trần Nguyệt Hồ: Chb. XII, 24

Cuộc nổi dậy của nhóm Trần Ngối (Giản Định), Trần Thiệu Cơ, Đặng Tất...: Chb. XII, 23

Cuộc nổi dậy của nhóm Trần Quý Khoáng (Trùng Quang), Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị...: Chb. XII, 29

Dương Diên Nghệ đem quân đánh Nam Hán: Tb. V, 16-18

Đinh Bộ Lĩnh khởi nghĩa ở Hoa Lư: Tb. V, 23, 24

Hai Bà Trưng đánh đuổi thái thú Tô Định: Tb. II, 9, 10

Hai Bà Trưng kháng chiến với Mã Viện: Tb. II, 10-14

Hơn 3000 người huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam nổi dậy chống Hán: Tb. II, 15

Khởi nghĩa Lam Sơn: Chb. XIII, 1-36; XIV, 1-29

Khu Liên ở Nhật Nam nổi dậy chống Hán: Tb. II, 19-21

Lý Bôn: Tb. IV, 1

Lý hộ là Đinh Kiến v. v... vây phủ thành: Tb. IV, 20, 21

Lý Trường Nhân chiếm giữ châu, xưng thứ sử: Tb. III, 29

Mai Thúc Loan: Tb. IV, 21-23

Mười hai Sứ quân: Tb. V, 27-32

Ngô Quyền dấy quân giết Kiểu Công Tiện: Tb. V, 17, 18

Ngô Xương Văn đánh Dương Tam Kha: Tb. V, 22, 23

Phủ quân nổi dậy: Tb. V, 13

Phùng Hưng: Tb. IV, 25-27

Quét sạch giặc Minh: Chb. XIV, 17-20; 24-26

Triệu Ẩu : Tb. III, 8

36. KIẾN TRÚC

Bãi bỏ các việc xây dựng: Chb. XXXVIII, 27

Bãi bỏ công việc xây dựng chùa Phúc Long: Chb. XXXV, 24

Dựng chùa Hồ Thiên và Hương Hải: Chb. XXXVIII, 1

Dựng chùa Tiên Tích: Chb. XLIII, 34

Dựng cung miếu ở Cổ Bi: Chb. XLI, 27

Dựng điện Cẩn Đức: Chb. XIX, 33

Dựng điện Chân Nguyên, nhà Bảo Thuỵ ở làng Phù Chẩn: Chb. XXV, 19

Dựng điện Mục Thanh, làm nhà Chương Đức, nhà Chiêu Huân để thờ tiên tổ: Chb. XXVI, 19

Dựng điện Quang Mĩ ở phường Lệ Viên: Chb. XXV, 19

Dựng điện Thiên Quang: Chb. XXVI, 9

Dựng đình Quảng Văn: Chb. XXIV, 15

Dựng phủ đệ mới ở Cổ Bi : Chb. XXXVI, 34; XXXVII, 9

Đào hồ Hải Trì, dựng điện Giảng Võ: Chb. XXIII, 37

Đắp đàn Tiên Nông, dựng đài Quan Canh: Chb. XXIII, 42

Đắp thành chặn ngang sông Tô Lịch: Chb. XXVI, 23

Đắp thành Đại Đô (Đại La) bằng đất, chia ra 8 cửa thành: Chb. XL, 32, 33

Đắp thành Đại La cho thêm kiên cố: Chb. XXIII, 4

Đắp thành Lạng Sơn: Chb. XLI, 17, 18

Đắp thành ở kinh đô, dựng điện Thạch Thất lập vườn Thượng Lâm: Chb. XXIV, 12

Khánh thành điện Chiêu Sự ở đàn Nam Giao: Chb. XXXIII, 14, 15

Làm điện trăm nóc. -Dựng nhà chín tầng. -Đào hào thông với sông Tô Lịch: Chb. XXVI, 17

Làm nhà Tuyên Dự ở Hoa Lăng: Chb. XXV, 19

Sửa chùa Quỳnh Lâm và Sùng Nghiêm: Chb. XXXVII, 16

Sửa chùa Thiên Phúc: Chb. XXIV, 40

Sửa chữa nhà Thái Học, dựng nhà Minh Luân, nhà học sinh ở và nhà bia: Chb. XXIII, 38, 39

Sửa đắp thành ở kinh đô: Chb. XXII, 35

Sửa điện Kính Thiên: Chb. XIX, 32

Sửa nhà Thái Học: Chb. XLVI, 13 ; Chb. XXXII, 40

Sửa quán Trấn Vũ: Chb. XLIII, 19

Sửa sang thắng cảnh núi Dục Thuý và động Bích Đào: Chb. XLII, 16

Sửa viện Đãi Lậu: Chb. XXIV, 25

37. LĂNG TẨM

Hựu lăng (lăng Lê TháiTông) : Chb. XVII, 25

Lăng (Lý) Thánh Tông: Chb. III, 32

Lăng Thiên Đức: Chb. II, 20-21; IV, 23

Sơn lăng Hoa Lư: Chb. I, 9, 37

Sơn lăng Trường Yên: Chb. I, 9

Thọ lăng: Chb. II, 21, 32; III, 20

Vĩnh lăng (lăng Lê Thái tổ): Chb. XV, 33; XVII, 25

38. LÂM SẢN

Bắt voi ở Lạng Châu: Chb. II, 36

Bắt voi ở Lạng Sơn: Chb. III, 48

Bắt voi ở Thanh Hoá: Chb. IV, 31

Biếu nhà Tống năm con voi đã dạy quen: Chb. III, 40-41

Các thứ hương thơm, gỗ tốt: Tb. II, 24

Cánh chim trả: Tb. I, 27; II, 24

Cây bồ đề: Chb. XIV, 4

Chim công: Tb. I, 27

Chim trả sống: Tb. I, 27

Chim trĩ trắng: Tb. I, 6

Con tê và voi: Chb. IV, 16

Đặng Tuân sai người đem 30 chim công sang Mạt Lăng: Tb. III, 9

Hằng năm cống nhà Tống bằng thứ voi đã dạy quen: Chb. V, 10-11

Hồ tiêu, hương liệu, hươu trắng, vượn, trăn: Chb. XIII, 3

Hổ: Chb. XVIII, 33

Hương giáng chân, trầm hương, tốc hương, mộc hương: Chb. XV, 29

Hươu trắng: Chb. IV, 24

Hươu trắng, hươu đen, sẻ trắng, rùa trắng: Chb. IV, 28

Ngà voi: Chb. I, 21

Sâu cây quế: Tb. I, 27

Sơn, trám, sáp ong , dây mây: Chb. XV, 13

Sừng tê: Tb. I, 27; II, 24

Sừng tê, ngà voi: Chb. XV, 29; XVI, 32; XVIII, 3

Trầm hương, sừng tê, ngà voi: Chb. III, 27

Trầm hương, tốc hương: Chb. XIV, 24

Voi: Chb. XII, 4, 14; XIII, 3, 8, 15, 16, 19, 22; XIV, 9, 23, 24; XVI, 17; XVIII, 3, 8

Voi trắng: Chb. III, 14; V, 5, 23

39. MẬU DỊCH

Ban hành đồ đo lường: Chb. XII, 1

Chợ Đông Đô: Chb. XII, 19

Chợ Kinh Kỳ Tây Đô. -Chức giám thị chợ Kinh Kỳ: Chb. XII, 1

Dân các lộ bán thóc: Chb. XII, 7

Định giá cho tiền giấy để việc mậu dịch được thông đồng: Chb. XII, 1

Lê Thụ lén lút buôn bán với người nước ngoài: Chb. XVI, 20, 21

Mua hàng hoá Trung Quốc ở biên giới: Chb. XVIII, 2

Nạn chê tiền giấy rách nát. - Điều luật xử trị những tội bài xích tiền giấy, làm cao giá hàng, đóng cửa không buôn bán...: Chb. XII, 1

Người các nước tụ họp buôn bán ở Thuận Hoá, Quảng Nam: Chb. XXVIII, 32

Những người tuỳ tùng sứ bộ nhà Minh mang nhiều hàng hoá Trung Quốc sang bán giá đắt: Chb. XVI, 19

Thứ thuyền chiến, khi binh, dùng vào việc vận tải: Chb. XII, 6

40. NGHỆ THUẬT

Dương Khương, một người phường chèo, diễn khúc Bàn đào. Vợ hắn đóng vai Tây Vương mẫu: Chb. X, 22

Đình Bàng Đức truyền bá trò leo dây ; -Lý Nguyên Cát truyền bá điệu hát Bắc và diễn trò cổ tích: Chb. X, 1, 15

Đúc tượng Phật ở chùa Quỳnh Lâm: Chb. XXXVIII, 5

Múa điệu "Bình Ngô phá trận" : Chb. XVIII, 30

Múa điệu "Chư hầu đến chầu" : Chb. XVIII, 80

Trần Dụ Tông sai vương hầu và công chúa dâng các trò tạp hí: Chb. X, 15

41. NGOẠI GIAO

Bình Định Vương với Ai Lao: Chb. XIII, 9

Bình Định Vương với Chiêm Thành: Chb. XIV, 6

Bình Định Vương với Minh: Chb. XIII, 16, 34; XIV, 17-20, 22 - 24, 25-26

Chế Bồng Nga, chúa Chiêm Thành, dâng vua nhà Trần mười mâm vàng, bị Đỗ Tử Bình ăn chặn: Chb. X, 39

Chế Mố, người Chiêm Thành, chạy sang nước ta: Chb. X, 3

Cống 5 vạn lạng vàng: Chb. XV, 29

Cống người vàng thế mạng: Chb. XV, 12

Cù hậu đem hết của báu của nhà Triệu dâng cho nhà Hán để cầu nội phụ: Tb. I, 32

Cuộc ngoại giao giữa Triệu và Hán: Tb. I, 20, 23-27

Đào Tử Kỳ sang cống nhà Nguyên, bị nhà Nguyên giam giữ: Chb. VIII, 21

Đặng Như Lâm sang sứ nhà Nguyên, bí mật vẽ bản đồ cung điện đem lén bản đồ địa dư và sách đã có lệnh cấm: Chb. VIII, 30

Đặt viên đại thần giữ chức tư đồ để chịu trách nhiệm giao thiệp với sứ thần Trung Quốc: Chb. VIII, 21

Đinh với Tống: Chb. I, 3, 5, 6, 7

Định thể lệ cho những người nhà Thanh sang trú ngụ: Chb. XXXIV, 35, 36

Đoàn Như Hài sang sứ Chiêm Thành, không chịu lạy chúa Chiêm Thành: Chb. VIII, 41

Đỗ Khắc Chung sang dinh trại quân Nguyên xin giảng hoà, để dò hư thực: Chb. VII, 33-34

Đối xử với Sài Xuân, sứ nhà Nguyên: Chb. VII, 20-21; 24-25

Hai con của Chế Bồng Nga lánh nạn chạy sang nước ta, được vua nhà Trần dung nạp : Chb. XI, 14

Hồ với Chiêm Thành : Chb. XII, 4

Hồ với Minh : Chb. XI, 39 : Chb. XII, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12

Khu xử phân biệt đối với người nhà Thanh sang trú ngụ : Chb. XXXIII, 5

Khúc Hạo sai con là Thừa Mỹ thông hảo với Nam Hán : Tb. V, 15

Khúc Thừa Dụ xin với nhà Đường cho làm tiết độ sứ : Tb. V, 14

Lập kế đục thuyền giết Ô Mã Nhi : Chb. XIII, 11

Lê Lợi với Chiêm Thành: Chb. XV, 26; XVI, 18, 19; XVII, 17-31; XVIII, 13, 15, 22

Lê với Ai Lao: Chb. XVI, 12, 17-18 ; XXVII, 20, 25, 26; XXVIII, 18; XXIX, 13 ; Chb. XXVI, 5: Chb. XLI, 28, 31

Lê với Chiêm Thành: Chb. I, 24, 27, 28, 30 ; XV, 26 ; XVI, 18, 19, 30 ; XVII, 27-31 ; XVIII, 13, 15, 22

Lê với Lạc Hòn: Chb. XL, 22, 23. XLIV, 32

Lê với Minh: Chb. XV, 4, 10, 25, 26, 28, 32, 33; XVI, 1, 4, 10, 18, 19, 24, 33; XVII, 2, 17, 23, 24, 26, 29-31; XVIII, 1, 2, 26-31, 33, 34 ; XXV, 1, 17, 23; XXVI, 3, 18 ; XXVII, 19, 26, 27; XXX, 15, 18, 19, 26

Lê với Nam Chưởng: Chb. XLIII, 33

Lê với Thanh: Chb. XLII, 11, 12; XLV, 7; XLVII, 33

Lê với Tiêm La: Chb. XVII, 14

Lê với Tống: Chb. I, 15-16, 18-19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28-29, 30-33, 36-37, 41-44

Lê với Trấn Ninh: Chb. XLI, 19, 26, 27

Lệ cống đặt năm Hồng-Vũ: Chb. XV, 29

Lý với Ai Lao: Chb. III, 26-27

Lý với Chân Lạp: Chb. II, 15, 36; 21; III, 21; IV, 8, 30

Lý với Chiêm Thành: Chb. III, 14, 21; IV, 1, 6, 9, 27, 30; V, 12, 27

Lý với Ngưu Hống: Chb. III, 26-27

Lý với nước Kim: Chb. V, 14

Lý với Tiêm La: Chb. IV, 43; V, 22

Lý với Tống: Chb. II, 12, 13, 19, 34, 35, 38, 43, 45; III, 21, 22,

24, 25, 27, 32, 40, 41, 42, 43-44, 45; IV, 27, 29, 34; V, 10-11, 12, 14, 22-23;

Mạc với Minh: Chb. XXVII, 29-32; 38, 39

Mông Cổ sai sứ sang dụ về lễ nghi và mũ áo vẫn cứ được giữ theo tục cũ của nước ta. Mông Cổ lại bắt nộp học trò, thầy thuốc, thầy số, thầy bói, các hạng thợ và đặt chức Đạt lỗ hoa xích ở ta để giám sát việc cai trị: Chb. VII, 2-3

Một bộ lạc của nước Ai Lao xin phụ thuộc vào nhà Lê : Chb. XXI, 1

Nam Tấn Vương sai sứ sang Nam Hán: Tb. V, 25, 26

Nguyễn Biểu làm sứ cầu phong: Chb. XII, 38

Nguyễn Đại Phạp sang sứ nhà Nguyên, được người ta gọi là "lão lệnh công": Chb. VIII, 18-19

Người nước Tiêm La đến cửa Vân Đồn, dâng tờ biểu kim diệp: Chb. XX, 36

Nhà Lê với Ai Lao: Chb. XXXIV, 37, 47, 48; XXXV, 1; XXXVII, 2

Nhà Lê với Bồn Man: Chb. XXXV, 15

Nhà Lê với nhà Minh: Chb. XIX, 22, 27; XXI, 38; XXII, 26, 27; XXIII, 1, 3, 32; XXIV, 6, 8, 26: Chb. XXXII, 3, 4, 8

Nhà Lê với nhà Thanh: Chb. XXXIII, 2, 14, 21, 22, 25, 26, 35; XXXIV, 10, 13, 14, 16, 21, 22, 26, 40; XXXV, 16, 17, 21, 22, 26, 27; XXXVI, 13, 25; XXXVII, 11, 23, 31

Nhà Minh đòi các thứ cây quý. Đế Hiện cho đưa sang các cây cau, cây vải, nhãn và mít. Nhà Minh lại mượn đường nước ta để đem quân sang đánh Chiêm Thành và xin giúp cho 50 thớt voi: Chb. XI, 2-3

Nhà Minh đòi nhà Trần phải nộp thầy chùa. Đế Hiện sai tuyển 20 thầy chùa đem nộp: Chb. XI, 1

Nhà Minh phong vương và tặng ấn vàng: Chb. XVII, 2

Nhà Minh xin giúp lương thực để tiếp tế cho quân. Đế Hiện giúp cho năm hộc lương: Chb. XI, 1

Nhà Minh xin nước ta giúp cho năm vạn quân, 50 thớt voi, 50 vạn hộc lương. Trần Thuận Tông chỉ giúp cho một ít gạo: Chb. XI, 23

Nhà Triệu cho thế tử Anh Tế sang Hán làm con tin: Tb. I, 28, 29

Nói chuyện ngoại giao với Chu phải qua hai, ba lần thông dịch: Tb. I, 6

Nói chuyện ngoại giao với Đường phải qua hai lần thông dịch: Tb. I, 6

Nước Qua Oa cống chim anh vũ biết nói: Chb. IX, 48

Sai sứ sang Mông Cổ xin cho miễn việc nộp học trò, thầy thuốc, thầy bói. Mông Cổ lại yêu cầu nhà Trần phải nhận 6 việc: Chb. VII, 8

Sai sứ sang nhà Chu: Tb. I, 6

Sai sứ sang nhà Đường: Tb. I, 5, 6

Sai sứ sang nhà Nguyên xin hoãn binh: Chb. VII, 30

Sĩ Nhiếp cho con sang Ngô làm con tin: Tb. III, 1

Sứ giả đời Hùng Vương được tặng xe chỉ nam: Tb. I, 6

Sứ thần Ai Lao sang cống: Chb. XXII, 5, 35

Sứ thần Chiêm Thành sang cống: Chb. XX, 14, 15

Tây Sơn với Thanh: Chb. XLVII, 44

Tha cho tù binh nhà Nguyên về nước họ: Chb. VII, 43; VIII, 11

Tờ chiếu đặt chức học quan ở các lộ: Chb. XI, 29-30

Tranh luận với sứ Mông Cổ: 1) Quốc vương không phải lạy tờ chiếu của Mông Cổ. 2)Sứ thần Mông Cổ không được ngang hàng với quốc vương: Chb. VII, 12

Trần Đế Quý Khoáng với Minh: Chb. XII, 33-34

Trần Nhân Tông sang chơi Chiêm Thành : Chb. VIII, 38

Trần Thái Tông bắt giam sứ thần Mông Cổ: Chb. VI, 43

Trần với Chiêm Thành: Chb. VI, 7; VII, 7, 21, 23, 42; VIII, 45; IX, 41, 46; X, 21

Trần với Minh: Chb. X, 21, 23, 42

Trần với Nguyên: Chb. VI, 43, 44; VII, 14; VIII, 10-11, 16, 17, 23, 30; IX, 2, 6, 11, 19, 21, 32, 35, 46; X, 13

Trần với Tống : Chb. VI, 8, 16, 24, 44; VII, 5

Triệu Văn Vương sai sứ đi báo cáo với nhà Hán về việc bị Mân Việt Vương Sính xâm lược: Tb. I, 28

Trịnh Đình Toản sang nhà Nguyên, bị nhà Nguyên bắt giữ lại: Chb. VII, 20-21

Xếp đặt việc Triều Hữu Kinh, thủ lĩnh Long Châu, lén lút sang Cao Bằng: Chb. XXXII, 4

Xin đổi chức Đạt lỗ hoa xích làm dẫn tiến sứ: Chb. VII, 17

42. NGOẠI XÂM

Ai Lao đánh úp nghĩa quân Lam Sơn: Chb. XIII, 15

Bọn Cố Hưng Tổ sang cứu viện thành Đông Quan: Chb. XIV, 16

Bọn Liễu Thăng và Mộc Thạnh sang cứu viện thành Đông Quan: Chb. XIV, 9-10, 17-22

Bọn Lộ Bác Đức và Dương Bộc, tướng Hán, xâm lấn nước Nam Việt: Tb. I, 32-34

Bọn Trương Phụ sang xâm lược lần thứ nhất: Chb. XII, 12-21

Bọn Vương Thông sang cứu viện thành Đông Quan: Chb. XIII, 27-31; XIV, 24-26

Bột Lân, thổ tù nhà Minh, lấn cướp châu Hạ Lang: Chb. XXI, 3

Cầm Đồng, thổ tù châu Thuận, đem Ai Lao vào cướp Hưng Hoá: Chb. XX, 16

Chân Lạp cướp Nghệ An: Chb. IV, 20, 23: Chb. IV, 31; V, 1

Chân Lạp và Chiêm Thành cướp Nghệ An: Chb. IV, 29

Chiêm Thành cướp Hoá Châu: Chb. XXI, 15, 37 ; Chb. XVI, 8; XVII, 27, 28

Chiêm Thành cướp Nghệ An: Chb. V, 19

Chiêm Thành dụ dân Tân Bình, Thuận Hoá sang bắt người Nghệ An, rồi lại cướp Thanh Hoá: Chb. X, 46; XI, 8

Chiêm Thành lại vào cướp Thăng Long: Chb. X, 43-44

Chiêm Thành vào cướp Hoá Châu: Chb. X, 5, 19, 38

Chiêm Thành vào cướp Lâm Bình: Chb. X, 14, 19

Chiêm Thành vào cướp Quảng Oai: Chb. X, 51

Chiêm Thành vào cướp Thăng Long: Chb. X, 30, 41, 42, 43, 44

Chiêm Thành xâm lược: Chb. IV, 4-5

Chiêm Thành xâm phạm Hoàng Giang: Chb. XI, 9

Côn Luân, Chà Bà: Tb. IV, 23

Lâm Ấp: Tb. III, 2, 20, 28; IV, 2

Lâm Ấp đánh Nhật Nam: Tb. IV, 2

Lư Tuấn, giặc nhà Tấn, chạy sang Giao Châu: Tb. III, 23

Lương sai tướng sang đánh Lý Bôn: Tb. IV, 3, 4

Minh sai bọn Hàn Quan đưa Trần Thiêm Bình về nước ta: Chb. XII, 10-11

Nam Chiếu: Tb. IV, 35, 36, 39; V, 1

Nam Chiếu đánh phá An Nam đô hộ phủ: Tb. V, 2, 6

Nam Hán đến xâm lược: Tb. V, 18

Nam Hán sai Lý Khắc Chính sang xâm lược: Tb. V, 16

Ngô Nhật Khánh và Chiêm Thành: Chb. I, 11

Người châu Tư Lăng nhà Minh cướp phá châu Lộc Bình: Chb. XXIII, 32, 33

Người Mán khuấy nhiễu biên giới: Chb. V, 19

Người Minh bắt oan Phạm Luận và ép mạo nhận là Lê Ngạ để giải về Yên Kinh: Chb. XIII, 11-12

Nhà Hán để bọn sứ giả An Quốc Thiếu Quý đóng ở Nam Việt: Tb. I, 30

Nhà Tần xâm lược Lĩnh Nam: Tb. I, 10

Nhâm Hiêu và Triệu Đà xâm lược Âu Lạc: Tb. I, 15-19

Những cuộc tàn sát bạo ngược của Trương Phụ: Chb. XII, 31

Nước Ai Lao vào cướp Đà Giang: Chb. VIII, 38

Nước Ai Lao xâm phạm sông Chàng Long: Chb. VIII, 25

Quân Ai Lao khuấy nhiễu nơi biên giới: Chb. XV, 29-30; XVII, 18

Quân Ai Lao sang cướp biên giới: Chb. IX, 46

Quân Minh bắt đem về nước những phụ nữ và dân nghèo lưu ly: Chb. XII, 41

Quân Mông Cổ xâm lấn lần thứ nhất, xâm phạm Thao Giang: Chb. VI, 41

Quân Nguyên xâm lấn lần thứ ba: Chb. VIII, 1, 2, 3, 6

Quân Nguyên xâm lấn lần thứ hai: Chb. VII, 26, 31, 33, 35, 37

Tham quan nhà Minh bóc lột dân ta bằng cách vơ vét châu báu: Chb. XII, 46

Thổ man: Tb. IV, 37-39

Thổ man nhà Minh lấn cướp Bắc Bình: Chb. XX, 20

Thổ man nhà Tống sang cướp ở biên giới nước ta: Chb. VI, 21

Thục Phán xâm lược Văn Lang: Tb. I, 7

Tống: Chb. I, 12-13, 16-17

Tống Thiệu, thổ tù nhà Minh lấn cướp cửa ải Toả Thoát: Chb. XX, 23, 24

Tống xâm lược, chiếm các châu Quảng Nguyên: Chb. III, 38-40

Tri châu Trấn An nhà Nguyên sang bắt người châu Tư Lãng nước ta: Chb. IX, 9

Triệu Đà xâm lược nhà Thục: Tb. I, 18, 19

Triệu Nhân Chính nhà Minh lấn đất Hạ Tư lang: Chb. XVII, 17, 24, 29

Trương Phụ sang lần thứ ba: Chb. XII, 44-46

Trương Phụ sang xâm lược lần thứ hai: Chb. XII, 30-41

Tuỳ Lưu Phương: Tb. IV, 13, 15

Vương Thông phá chuông Quy Điền và đỉnh Phổ Minh để làm xe và khí giới: Chb. XIII, 29

43. NHÀ CỬA

Cột nhà bằng đồng: Chb. XVI, 33

Làm nhà ở nơi hoang rậm vắng khuất tại bờ phía nam sông Cái để dân lánh giặc: Chb. XII, 12

Lê Hối dời nhà đến ở tại Lam Sơn vì thấy đó là chỗ cảnh đẹp: Chb. XV, 7

Nhà chòi ở dinh Bồ Đề: Chb. XIV, 3

44. NÔ TÌ

Ba người thị nữ phải tuận táng theo Phù thánh linh nhân Hoàng thái hậu (mẹ Lý Nhân Tông): Chb. IV, 8

Bắt người sang Yên Kinh làm việc xây cất cung thất: Chb. XII, 45

Cấm tư nô xăm ngực và chân làm giả mạo dấu hiệu cấm quân: Chb. IV, 9

Chế độ nấu muối hồi Minh thuộc: Chb. XII, 43, 44

Con gái nhỏ của Lê Lợi bị bắt về Yên Kinh sung làm nữ tì nhà quan (quan tì): Chb. XV, 12

Cung nữ lên đàn thiêu tuận táng Lý Nhân Tông: Chb. IV, 18

Dã Tượng và Yết Kiêu tình nguyện chết già làm gia nô Hưng Đạo vương: Chb. VIII, 32-33

Dân lương thiện bị bán làm nô tì, được phép chuộc lại: Chb. VIII, 19

Dân miền Đông Đạo phải chuẩn bị lo việc khao quân: Chb. XVIII, 2

Đày dân hai làng Bàng Hà và Bà Điểm làm "sai sử hoành" vì tội hàng Nguyên: Chb. VIII, 14

Đặng Tuân bắt dân đem chim công sang Mạt Lăng: Tb. III, 9

Điền nô ở các chùa: Chb. III, 46

Gái đẹp phải bắt làm việc đấm bóp: Chb. XII, 8

Gái nghèo bị cầm đợ, được chuộc bằng tiền nội phủ để gả cho những đàn ông không có vợ: Chb. IV, 6-7

Gia đồng của Hưng Hiếu vương có công đánh giặc, nhưng vì là gia nô, nên không được thưởng quan tước: Chb. IX, 39

Gia nô các vương hầu phải thích chữ vào trán theo hàm của mình: Chb. X, 14

Gia nô của Thiệu Vũ (con Quốc Trấn) ăn sống thịt Trần Phẫu để báo thù cho chủ: Chb. IX, 26

Gia nô nhà Lê Văn Thịnh là người Đại Lý: Chb. IV, 1

Gia nô nhà Trần Nguyên Huy trốn tránh sang Lão Qua: Chb. XII, 6

Gia nô nổi dậy làm việc bạo động do Ngô Bệ cầm đầu: Chb. X, 6

Gia nô nổi dậy làm việc bạo động, vì nạn đói: Chb. IX, 43

Hạn chế việc dùng điền nô. Điền nô đều phải ghi dấu hiệu vào trán: Chb. XI, 40

Hạng "hoàng" (nô lệ). Tảo Xã: Chb. VI, 9

Lập trường, sở thu hạt trai. Bắt dân kiếm nộp hồ tiêu, hương liệu, hươu trắng, voi trắng, v. v...: Chb. XIII, 3

Lập trường, sở thu vàng bạc, bắt dân làm việc khai vàng, đãi bạc. -Bắt dân đi kiếm sừng tê, ngà voi và mò hạt trai: Chb. XII, 43; XIII, 3

Lê Ngạ, gia nô nhà Trần Thiên Lại, giả làm người hầu của Mã Kỳ, hống hách với các châu, các huyện: Chb, XIII, 11

Nguyễn Thị (mẹ Uy Mục đế), trước vì nghèo đói phải bán mình cho nhà một người ở Phụng Thiên, sau bị tịch thu vào làm nô tì trong cung: Chb. XXV, 18

Người hầu hạ về việc thờ tự (tự phu) ở các lăng miếu đế vương: Chb. XIV, 7

Người quét tước ở nhà thờ họ Trần: Chb. XII, 35

Nô tì các nhà nguỵ quan được chuộc bằng tiền: Chb. XIV, 15

Phu quét tước Văn Miếu và trường học ở các lộ: Chb. XVIII, 19

Phụ nữ làm việc hầu hạ: Chb. XII, 41

Thể lệ áo mặc của hoành nô dùng màu trắng: Chb. X, 25

Trần Thái Tông khi ra đường thường hỏi chuyện gia đồng các nhà vương hầu: Chb. VIII, 13

45. NÔNG SẢN

Bốn con ngựa hay, tước của Văn Châu: Chb. III, 6

Cây cau: Chb. IV, 11

Cây muỗm: Chb. V, 24, 25

Dâu, gai: Chb. XV, 13

Một trăm con trâu và một nghìn chum rượu do hai sứ giả Giao Chỉ và Cửu Chân đem khao quân Hán: Tb. II, 2, 3

Ngựa: Chb. XIII, 16, 18; XIV, 6, 23, 24, 26, 28

Ngựa của Mị Châu cưỡi để chạy khi bị quân Triệu đuổi: Tb. I, 19

Rau, dưa : Chb. XIII, 16

Rượu: Chb. XIII, 21

Sĩ Nhiếp mỗi lần sai sứ sang Tôn Quyền, đem biếu các thứ: tạp hương, vải nhỏ, ngọc trai sáng, vỏ xà cừ, lưu li, lông chim trả biếc, đồi mồi, tê, voi, chuối tiêu, dừa, nhãn và *mấy trăm con ngựa*: Tb. III, 2

Thóc Giao Chỉ bán sang Hợp Phố: Tb. II, 25

Thóc Giao Chỉ bán vào Cửu Chân: Tb. II, 9

Thóc lúa, lương thực: Chb. XII, 7, 31, 36, 37, 42; XIII, 16; XIV, 2, 25

Thứ lúa một rò chín bông: Chb. II, 36

Tơ: Chb. XII, 42

Trại vải: Chb. XVII, 23

Trâu bò: Chb. XIII, 16, 21

Trâu, bò, dê: Chb. XVIII, 12

46. PHÁP LUẬT

Áp dụng tiêu chuẩn "bát nghị" đối với Lê Xí: Chb. XVII, 28

Ba điều răn các quan: Chb. XIV, 13

Bãi bỏ hình luật chặt ngón tay: Chb. XXXV, 34, 25

Ban bố luật lệ: Chb. XV, 26

Ban hành thể lệ các nha môn khám xét kiện tụng: Chb. XXXIV, 3

Bàn định xử trí bảy tên trộm cướp tái phạm: Chb. XVI, 10–11

Bị bỏ ngục, vì Lê Thụ để con làm bùa ếm, phù chú: Chb. XVIII, 27

Bị thích chữ vào mặt và đày đi châu xa vì tội tranh luận xung đột với hoạn quan: Chb. XVII, 13–14

Bình Định Vương chém Nguyễn Liên vì tội không giữ kỷ luật trong quân: Chb. XIV, 14

Bọn Lê Bá Viễn bị hặc và bị bãi vì làm việc ở ti Tường hình quá khắc nghiệt: Chb. XVIII, 8-9

Bọn Vũ Công Trấn xem xét công việc trong nhà ngục: Chb. XLI, 21

Các nha môn xét kiện phải tuân theo đúng kỳ hạn: Chb. XLII, 9

Cấm giá thú trong khi có quốc tang: Chb. XVI, 20

Cấm quần thần và nhân dân lén lút buôn bán với ngoại quốc: Chb. XVI, 20, 21

Cấm tả đạo: Chb. XIV, 12

Cấm thi hành thể lệ nộp tiền chuộc tội: Chb. XXXVIII, 3

Cấm vượt bậc mà kiện tụng: Chb. XVI, 14-15

Cho bọn Trịnh Tuệ ứng chực ở điếm cửa tả khám xét kiện tụng: Chb. XLI, 9

Dùng quân luật đối xử với những kẻ vi phạm quân lệnh khi ra trận: Chb. XIV, 11-12

Đại xá: Chb. XII, 7, 26, 32-33

Đặt chức quan bình ngục khám lý: Chb. XXX, 12

Đặt chức quan xét hỏi việc ngục tụng oan uổng: Chb. XXXIX, 23

Đặt luật lệ: Chb. XV, 9-11

Đặt rõ luật hộ: Chb. XVIII, 23

Đặt thêm 14 điều luật về điền sản : Chb. XVIII, 23

Điều luật để trừng trị những tội chê tiền giấy, làm cao giá hàng : Chb. XII, 1

Đình hoãn việc xét hỏi kiện tụng : Chb. XLI, 26

Định luật lệ : Chb. XXX, 28

Định phép khám hỏi kiện tụng, định tiền phạt các quan xử kiện trái lẽ và người đi kiện không theo thể lệ : Chb. XXXIII, 16, 17

Định rõ thể lệ khám xét kiện tụng: Chb. XLII, 15

Định thể lệ khám xét kiện tụng: Chb. XL, 18, 19

Định thể lệ những việc kiện tụng xin xét lại: Chb. XLII, 3; XLIII, 7

Định thể lệ tiền phạt và tiền bồi thường về án nhân mạng: Chb. XXXIII, 11

Giết những kẻ hàng Minh là bọn Trần Thúc Dao hơn 600 người: Chb. XII, 25-26

Hình phạt mà nhà Minh xử trí với cha con, ông cháu nhà Hồ Quý Ly: Chb. XII, 21

Hồ Nghiện (Ngạn) Thần bị giết vì tội tiết lộ những bí mật về việc quân và việc nước: Chb. XII, 33-34

Kẻ giết người, không bị trị tội, chỉ phải nộp tiền đền mạng: Chb. XVIII, 23

Kẻ nào đánh bạc thì bị trị tội: Chb. XLII, 1

Không được để việc kiện ứ đọng lại: Chb. XLII, 4

Không giết những kẻ đã hàng: Chb. XIV, 24-25

Lệnh cấm uống rượu và đánh bạc: Chb. XV, 15

Miễn tiền tạ, tiền tra khám chc dân nghèo bị kiện, vì dân bị nạn đói: Chb. XXXIX, 9

Mười điều quân hiến: Chb. XIV, 12-13

Ngự sử xét hỏi kiện tụng không được để chậm trễ: Chb. XXXIII, 2

Người Minh dùng đòn vọt đối xử với các lý trưởng và giáp thủ: Chb. XIII, 5-6

Người Minh tịch thu nhà Bùi Bá Kỳ. -Bắt giam cha con Lê Cảnh Tuân: Chb. XII, 34-35

Những kẻ làm quan với Minh mà có tiếng ác đều phải giết chết: Chb. XII, 22

Những tù trốn, nếu ra thú, sẽ được tha tội hoặc giảm nhẹ: Chb. XXXIII, 12

Phàm các vụ án đều trước phải do đại thần, thái giám và ngự sử kết hợp với nhau để cùng thẩm duyệt: Chb. XVII, 9

Phạt lưu những người đi sứ làm nhục quốc thể: Chb. XVI, 24, 25

Phạt trượng và biếm truất những kẻ nào viết giấy tờ không ghi niên hiệu và quốc hiệu: Chb. XV, 7-8

Phủ liêu chia nhau khám xét kiện tụng: Chb. XXXVI, 12, 13

Quan văn, quan võ chia nhau khám xét kiện tụng: Chb. XXXIV, 38; XXXV, 4

Răn dạy pháp ti xử đoán hình ngục phải theo dúng pháp luật: Chb. XVII, 9

Thể lệ cho nguỵ quan chuộc tội bằng tiền: Chb. XIV, 14-15

Thời Minh thuộc, pháp luật dữ dội, hình phạt hà khắc: Chb. XIII, 1

Tội ăn hối lộ đáng phải xử tử: Chb. XVII, 12

Tội xử trảm khi vi phạm quân lệnh: Chb. XIV, 13-14

Tội xử trảm và tịch thu vợ con, điền sản kẻ nào ra trận mà nhút nhát, lùi bước: Chb. XII, 3

Tru di cả họ Nguyễn Trãi: Chb. XVII, 23

Tử hình mà Nguyễn Đại, kẻ hàng Minh, phải chịu: Chb. XII, 22

Vì dân bị nạn đói, đình hoãn việc bắt bớ khám xét kiện tụng: Chb. XXXIX, 24

47. PHONG TỤC

Chiêm Thành có tục hoả táng, mỗi khi chúa mất thì vợ chúa phải vào hoả đàn, chết theo: Chb. VIII, 45

Cho 400 quan tiền để người ta tự thiến, rồi dùng làm hành khiển: Chb. VI, 37

Dân Đà Giang có tục ăn bằng tay, uống bằng mũi. Trần Nhật Duật am hiểu được phong tục của họ: Chb. VII, 23

Nhà Trần khởi nghiệp ở bãi biển, nên có tục xăm hình rồng vào vế đùi, người Trung Quốc gọi là "rồng vẽ": Chb. VIII, 29

Tục nhà Trần, mỗi khi cung, điện, lầu, các bị cháy, phải làm lễ cầu đảo và tống tiễn: Chb. IX, 8

Tục nhà Trần, mỗi khi vua mất thì ở triều đình khua chuông để báo hiệu: Chb. VII, 18

Tục ở Hoá Châu cứ đến đầu mùa xuân, con trai con gái đánh đu ở đất Bà Dương: Chb. X, 19

Vì hữu sinh vô dưỡng, nên đem con nhờ người trong họ nuôi giúp: Chb. VIII, 43

48. PHỤ NỮ

A Nùng, mẹ Nùng Trí Cao : Chb. III, 2, 17

An Toàn hoàng thái hậu hành hạ con dâu là Trần Thị và định bắt phải chết vì cho rằng Trần Thị là bè đảng của giặc: Chb. V, 37

Ba thị nữ phải tuận táng: Chb. IV, 8

Cả vợ lẫn chồng cùng phải chịu trách nhiệm về tội lấy trộm hoặc giết trâu: Chb. IV, 7

Chiêu Linh thái hậu thết yến quần thần để mưu cuộc phế lập: Chb. V, 19

Chuộc những gái nghèo đã bị cầm đợ mà gả chồng cho: Chb. IV, 6 - 7

Con gái Bế Thuấn kết duyên với Lê Ngạ, một gia nô nhà Trần Thiên Lại ngày trước, sau đứng vào hàng ngũ kháng Minh: Chb. XIII, 11

Con gái các quan phải đợi sau cuộc tuyển không được lựa vào cung vua, mới được đi lấy chồng: Chb. IV, 26

Con gái của Hùng Vương gọi là Mị Nương: Tb. I, 5

Con gái dân gian không được bắt chước lối trang sức trong cung: Chb. IV, 26

Cô gái hái dâu, được lập làm Ỷ Lan phu nhân: Chb. III, 26

Con gái làm thứ phi, có lỗi, cha phải chịu tội: Chb. IV, 29

Con gái Nguyễn Cừ lấy Nguyễn Hữu Cầu: Chb. XLI, 5

Con gái ở Đông Đô bị giặc Minh cướp bắt khi chúng kéo đến thành này: Chb. XII, 15

Công chúa Ngọc Lan can thiệp vào vụ án bắt giam Lê Liệt hàng 4 năm: Chb. XVIII, 6

Công chúa Ngọc Tha khảng khái xin đem gia nô để dẹp loạn Nhật Lễ: Chb. X, 24

Cù Thị mẹ Triệu Ai Vương, quyết tâm phụ thuộc nhà Hán, bị thái phó Lữ Gia giết chết: Tb. I, 29-32

Cung nữ Chiêm Thành khéo ca múa Tây Thiên khúc điệu: Chb. III, 8

Cung nữ dệt gấm: Chb. III, 1

Cung nữ phải lên đàn thiêu sau khi vua chết: Chb. IV, 18

Dương hậu sai lấy áo long cổn mặc cho Lê Hoàn: Chb. I, 13

Dương Thị, mẹ Trịnh Khải, phải bỏ tiền bạc ra cho ưu binh để chuộc mạng cho em là Khuông: Chb. XLVI, 5-6

Dương Thị sai Lê Hoàn ra quân kháng Tống: Chb. I, 12

Đàn bà có thai bị giặc Minh mổ bụng, giết chết cả mẹ lẫn con: Chb. XII, 31

Gả công chúa cho các viên châu mục: Chb. II, 32; III, 43; IV, 40

Gái đẹp bị đưa sang Minh để làm việc đấm bóp: Chb. XII, 8

Giải phóng cung nữ: Chb. XVII, 31

Hàng trăm phụ nữ phải làm thê thiếp cho Cầm Quý: Chb. XVI, 33

Huê Phi Nhật Lệ bị giáng xuống làm tu dung vì cha là Lệ Ngân bị tội: Chb. XVII, 14-15

Lập 4 hoàng hậu: Chb. I, 39

Lập 5 hoàng hậu: Chb. I, 3, 18

Lập ba hoàng hậu và 36 cung nhân: Chb. IV, 6

Lập con gái, Phật Kim, làm thái tử và truyền ngôi cho làm vua: Chb. IV, 41

Lập hoàng hậu: Tb. V, 20

Lê Thỉ Ta chết theo chồng, được tính biểu là tiết phụ: Chb. VIII, 24

Lê Thị, là vợ Trần Duệ Tông và là mẹ Đế Hiện, biết trước con mình thế nào cũng sẽ bị nạn nếu phải làm vua: Chb. X, 49

Lê Thị Liễn được biểu dương: Chb. XVII, 4

Mẹ Lê Chiêu Thống rước giặc Thanh sang xâm nước ta: Chb. XLVII, 32, 39

Mị Châu với Trọng Thuỷ: Tb. I, 15-19

Mị Ê : Chb. III, 7, 9

Mị Nương từ hôn với Thục Vương: Tb. I, 7

Nghĩa phụ họ Kim: Tb. IV, 25

Ngọc Hân kết duyên với Nguyễn Huệ: Chb. XLVI, 25

Ngô Thị Ngọc Lâm, một thị tì của Nguyễn Hoàng, lập mưu dụ giết được tướng nhà Mạc là Lập Bạo: Chb. XXVIII, 31, 32

Nguyên phi (Ỷ Lan) coi quản việc nước: Chb. III, 28

Nguyên Phi Ngọc Dao bị phế làm thứ nhân vì cha là Lê Sát có tội: Chb. XVII, 8-9

Nguyễn Thị Kim, vợ Lê Chiêu Thống, uống thuốc độc chết theo chồng: Chb. XLVII, 48, 51

Nguyễn Thị, một người trinh tiết, được triều đình biểu dương: Chb. XIX, 24

Nguyễn Thị Niên, vợ Bùi Văn Khuê, lập kế giết Phan Ngạn để báo thù cho chồng: Chb. XXXI, 4

Nguyễn Thị, vợ Ngô Miễn, chết theo chồng khi chồng tử tiết và nước bị diệt vong: Chb. XII, 18

Nguyễn Thị, vợ Trịnh Doanh, không cho Trịnh Sâm cùng ngồi một chiếu để ăn với thái tử Lê Duy Vĩ: Chb. XLIII, 23

Những phụ nữ làm việc hầu hạ đều bị Trương Phụ bắt đưa về Trung Quốc: Chb. XII, 41

Nô bộc riêng của nhà các quan không được lấy con gái nhà bách tính ở kinh đô: Chb. IV, 26

Nữ tì các nhà nguỵ quan đều được chuộc lại bằng tiền: Chb. XIV, 14-15

Phạm Phổ, siểm nịnh một huy nhân (nữ quan) cầu cạnh để dâng con gái vào trong cung: Chb. XXI, 13

Phan Thị Thuấn, vợ Ngô Cảnh Hoàn, trầm mình xuống bến Thuý Ái, chết theo chồng: Chb. XLVI, 22-23

Phong 13 hoàng hậu và cung phi, 18 ngự nữ, hơn 100 ca nữ: Chb. II, 39

Phụ nữ, cũng như đàn ông, bị Minh cấm cắt tóc. -Phụ nữ phải mặc áo ngắn, quần dài, theo phong tục Bắc Quốc: Chb. XII, 42

Phụ nữ để tang chồng mà gian dâm sẽ bị xử tử: Chb. XXI, 36

Phụ nữ ở các lộ, từ 70 tuổi trở lên, được ban thưởng tiền giấy nhân dịp Hồ Quý Ly lên thọ thất tuần: Chb. XII, 9

Phụ nữ từ 15 đến 40 tuổi là tuổi có thể kết hôn với đàn ông từ 20 đến 50 tuổi: Tb. II, 9

Thái hậu Dương Thị (vợ Lý Thánh Tông) bị ép phải tuận táng: Chb. III, 32

Thái hậu Dương Thị (vợ Lý Thánh Tông) buông mành tham dự chính sự : Chb. III, 31, 32

Thái hậu nhà Lý đem vàng hối lộ Lữ Thị, vợ Tô Hiến Thành, định mưu việc phế lập: Chb. V, 17-18

Thần Phi Dương Thị bị phế vì ghen: Chb. XVII, 21

Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng hậu được thời bấy giờ khen là người đứng đầu những bà mẹ có đức tốt: Chb. IX, 30-31

Tiết phụ được biểu dương: Chb. XV, 8; XVIII, 28, 33

Tội đêm vào nhà người gian dâm thê thiếp người ta: Chb. III, 5

Trần Thị, con gái nhà chài lưới Trần Lý, kết duyên với thái tử Sảm trong khi lánh nạn đến thôn Lưu Gia: Chb. V, 33, 34

Trần Thị, vợ Trương Hà, bắn chết Nghĩa Sơn để báo thù cho chồng: Chb. XXVIII, 30

Trịnh Phi Nguyễn thị ăn hối lộ của Nguyễn Danh Phương: Chb. XLI, 3

Trong 24 huấn điều của Lê Thánh Tông, có 9 điều bắt buộc đàn bà con gái phải tuân theo: Chb. XXIV, 37, 39

Trưng Trắc, con gái của Lạc tướng, là người rất hùng dũng, cùng em là Trưng Nhị, khởi nghĩa đánh đuổi quân Hán, tự lập làm vua: Tb. II, 9-14

Tú nữ bị tuyển vào cung: Chb. XVII, 21

Tuyên Phi Đặng Thị Huệ, vợ Trịnh Sâm, cùng Hoàng Đình Bảo lật đổ Trịnh Khải để giành chính quyền, sau bị thất bại: Chb. XLV, 20-22, 26-28, 29-35

Tương Dực đế bắt phụ nữ cởi trần, chèo thuyền để chơi Hồ Tây: Chb. XXVI, 23

Uy Mục đế thường đêm bắt cung nhân hầu rượu, khi say rượu thì giết đi: Chb. XXV, 29

Vợ con người phải tội lưu đày đều bị sung công: Chb. IV, 13

Vợ con sẽ bị sung công nếu chồng đi trận mà nhút nhát, lùi bước: Chb. XII, 3

Vợ Lê Liệt cũng bị bỏ tù vì Lê Liệt bị gièm pha: Chb. XVII, 27

Vợ và con gái của Bình Định Vương bị giặc Minh bắt trong trận Lạc Thuỷ: Chb. XIII, 2

Xăm hai chữ "quan khách" vào tay trái phụ nữ nhà Tống: Chb. III, 41

49. QUÂN SỰ

Anh em họ Trần đem quân hương dũng dẹp yên đảng Quách Bốc: Chb. V, 33-34

Âu Việt và Lạc Việt đều đầu hàng quân Hán: Tb. II, 2

Ban 24 điều quân lệnh khi đi đánh Chiêm Thành. -Quân sĩ chế tạo thang dài để trèo lên mặt thành Xà Bàn: Chb. XXI, 39; XXII, 2

Ban bố phép tập trận: diễn tập ở Lỗ Giang và Vi Giang: Chb. XX, 13

Bảo Uy Vương Hoà đi đánh Ai Lao: Chb. IX, 46

Biên chế dân mới di cư và dân còn sót lại ở lộ Thăng Hoa làm quân đội, rồi xăm vào cánh tay những dân ấy hai chữ tên châu họ ở: Chb. XII, 1

Bỏ Đô hộ phủ đặt Hành Giao Châu ở Hải Môn: Tb. V, 3, 6

Bổ sung thân quân: Chb. XIV, 14

Bùi Khâm đi xem xét ở biên giới về mặt bắc, vì người nhà Tống sang cướp của cải của dân Lạng Giang: Chb. VI, 20

Các quan võ tập đánh trận và phá trận: Chb. V, 15

Các viên tổng quản phải theo trận đồ đốc thúc binh sĩ tập dượt: Chb. XIX, 8

Cao Biền đánh Nam Chiếu: Tb. V, 1-14

Cắm cọc ở sông Bạch Đằng: Chb. I, 17

Chế tạo binh khí và chiến thuyền: Chb. V, 40

Chế tạo chiến thuyền "Tải lương cổ lâu": Chb. XII, 6

Chiến thuyền mông đồng: Tb. IV, 28

Chiêu dụ được châu Ninh Viễn: Chb. XIV, 17

Cho sáu quân thay phiên nhau về làm ruộng: Chb. IV, 19

Cho thân quân thay phiên nhau vào làm túc vệ: Chb. XVIII, 3-4

Cho Vương Thông giảng hoà rút quân về nước: Chb. XIV, 17-20, 24-26

Chọn trong các tướng lấy những người thông binh pháp, tinh võ nghệ để chia quản các quân: Chb. V, 10

Chống quân Minh xâm lược: Chb. XIII, 12-13

Chống quân Nguyên lần thứ hai: Chb. VII, 27-41

Chống quân Nguyên lần thứ nhất: Chb. VI, 41-42

Chống quân Nguyên xâm lược lần thứ ba: Chb. VIII, 2-9

Chu Táo nhà Hán định đánh nước Nam Việt để báo thù trận Trường Sa, nhưng không vượt qua được Ngũ Lĩnh: Tb. I, 22-23

Con Thục Vương đem binh đánh Lạc Hầu: Tb. I, 9

Công phá và đánh úp các thành quân Minh: Chb. XIII, 35

Cù thị rút ngọn mâu chực đâm theo Lữ Gia: Tb. I, 31

Cuộc nổi dậy của Quách Bốc: Chb. V, 32

Cứu Nùng Trí Cao: Chb. III, 16-18

Dạ Trạch: Tb. IV, 6

Dân gian không được giấu giếm binh khí ở trong nhà. -Khí giới của quân sĩ hư hỏng phải mang đến kho vũ khí khố sửa chữa: Chb. XXI, 14

Dâng tù binh Ma Sa ở nhà Thái Miếu: Chb. IV, 10

Dẹp loạn ba vương: Đông Chinh, Dực Thánh và Vũ Đức: Chb. II, 26-28

Dẹp yên Diễn Châu: Chb. II, 15

Di chuyển quân doanh An Bang đến Bài Lẫm: Chb. XXI, 2

Diệt Cử Long: Chb. II, 13

Duyệt binh: Chb. XXX, 11

Duyệt chư quân: Chb. IV, 10

Duyệt phép tập trận, ban các điều lệnh về thuỷ trận, tượng trận, mã trận và bộ trận: Chb. XIX, 36

Duyệt sáu quân, định cấp bậc: Chb. IV, 26-27

Dựng điện giảng võ ở cạnh hồ Hải Trì để duyệt binh mã: Chb. XXIII, 37

Dương Anh Nhị đánh bại Chân Lạp và Chiêm Thành: Chb. IV, 29

Đại Niên đi đánh Chiêm Thành, nhưng không thắng: Chb. IX, 24-25

Đánh Ai Lao: Chb. III, 12-13

Đánh Ái Châu: Chb. III, 6

Đánh bắt Nùng Trí Cao: Chb. III, 2

Đánh bật quân Ai Lao: Chb. XV, 29-30; XVII, 18

Đánh châu Vị Long: Chb. II, 16

Đánh Chiêm Thành: Chb. III, 6-10 ; Chb. XVI, 9-10 ; XVII, 27, 28, 29, 31

Đánh Chiêm Thành, bắt Chế Củ: Chb. III, 28-29

Đánh Chiêm Thành nhưng không được: Chb. XII, 3

Đánh Chiêm Thành, vẽ hình thế núi sông ba châu Bố Chính, Ma Linh và Địa Lý: Chb. III, 34

Đánh Cử Long: Chb. I, 34

Đánh dẹp Ái Châu: Chb. II, 39 -40

Đánh dẹp bọn Bế Khắc Thiệu ở Thái Nguyên. Tuyển bộ binh: Chb. XV, 27

Đánh dẹp bọn Hoàng Nguyên Ý ở Lạng Sơn: Chb. XVI, 3-4

Đánh dẹp bọn Quy, Thang ở Gia Hưng: Chb. XVII, 1-2

Đánh dẹp bọn Quý ở Ngọc Ma : Chb. XVI, 32

Đánh dẹp Châu Định Nguyên : Chb. II, 36-37

Đánh dẹp châu Trệ Nguyên : Chb. II, 37-38

Đánh dẹp Đèo Cát Hãn ở Ninh Viễn : Chb. XV, 29-30

Đánh dẹp giáp Đăn Nãi ở Ái Châu : Chb. II, 33

Đánh dẹp Thân Lợi : Chb. IV, 35-40

Đánh dẹp thổ tù Nghiễm ở châu Thuận Mỗi : Chb. XVII, 20-21

Đánh Diễn Châu : Chb. II, 25

Đánh Diễn Châu và Tây Đô: Chb. XIII, 22, 26-27; XIV, 2

Đánh Đỗ Động: Chb. I, 33

Đánh động Ma Sa: Chb. IV, 10

Đánh đuổi Chiêm Thành lấn cướp nơi biên giới: Chb. I, 33

Đánh giết bọn thổ tù Nông Thế Ôn ở Tuyên Quang: Chb. XVIII, 12

Đánh giết Hà Lai ở Tuyên Quang: Chb. XVII, 20

Đánh giết Nùng Tồn Phúc, thủ lãnh châu Thảng Do : Chb. II, 42-43

Đánh Hà động : Chb. I, 33

Đánh Hoan Đường và Thạch Hà: Chb. II, 2

Đánh Khai quốc vương Bổ ở Trường Yên: Chb. II, 30-31

Đánh Lý Giác ở Diễn Châu: Chb. IV, 3-4

Đánh Nùng Trí Cao: Chb. III, 13-14

Đánh phá Chiêm Thành: Chb. II, 21-22

Đánh phá Đại Nguyên Lịch: Chb. II, 23

Đánh phá Lâm Tây: Chb. II, 41

Đánh phá mán Hạc Thác: Chb. II, 17

Đánh Phong Châu và Đô Kim: Chb. II, 24

Đánh sơn lạo ở châu Đại Hoàng: Chb. V, 7

Đánh Thất Nguyên châu và Văn Châu: Chb. II, 25

Đánh Tống, đến Khâm châu lại kéo về: Chb. III, 22-23

Đánh Tống, phá Khâm châu và Liêm châu: Chb. III, 35-36

Đánh Tống, phá Ung châu: Chb. III, 37

Đánh Trịnh Hàng ở Phong Châu: Chb. I, 34

Đánh và giết Dương Tiến Lộc ở Hoan Ái: Chb. I, 24

Đánh và hàng phục được người Hoan Châu: Chb. II, 35

Đánh Văn Châu: Chb. III, 6

Đào Thế Quang mượn tiếng sang mua thuốc bắc Long Châu để dò xét tình hình nhà Nguyên: Chb. VII, 17

Đắp thành Đa Bang ở Sơn Tây. -Đóng cọc ở sông Bạch Đằng: Chb. XII, 9

Đặt chức để lãnh ở bốn cửa thành: Chb. XXVI, 3

Đặt hai giám ti Ngự Tượng và Ngự Mã. -Định sắc mũ của quân ở hai giám ti: Chb. XXV, 28, 29

Đặt hai mươi đô phong đoàn để đi nã bắt giặc cướp: Chb. IX, 45; X, 13

Đặt pháp luật về tội đào ngũ: Chb. III, 11-12

Đặt quân hiệu: Chb. XII, 3

Đặt thêm vệ quân ở Quảng Nam: Chb. XXIV, 31

Đặt ti Cường lực: Chb. XXV, 23

Đặt ti Phi Vũ lực sĩ và số quân trong ti: Chb. XXV, 28

Đặt vệ quân Thiện Võ và Thiện Oai; lập lại ti Thường Xuyên xá nhân: Chb. XXVI, 4

Đem quân trấn giữ biên giới mặt bắc để có đường liên lạc được với nhà Tống: Chb. VI, 24

Đi tuần, xem xét tình hình biên giới: Chb. I, 34

Điểm duyệt quân đội: Chb. XVI, 2, 32

Điều chỉnh bổ sung quân đội, chế tạo chiến cụ, luyện tập võ nghệ: Chb. V, 37

Đinh Lễ hi sinh trong trận Mi Động: Chb. XIV, 8-9

Định số quân các ti, các vệ ở trong kinh và ngoài các lộ: Chb. XX, 31

Đoàn Thượng giữ Hồng Châu chống lại triều Lý: Chb. V, 35-36

Đón giết Trần Thiêm Bình do quân Minh đưa về: Chb. XII, 10-11

Đóng cọc những chỗ xung yếu ở các cửa biển và các sông lớn. -Đi tuần xem xét các núi sông và các cửa biển: Chb. XII, 8

Đóng thuyền chiến: Chb. III, 6-7

Đỗ Mẫn đánh Chiêm Thành, Chiêm Thành xin hàng và xin dâng đất: Chb. XI, 41-42

Đỗ Thanh và Phạm Diên bị Bố Trì, người Chiêm, giết chết: Chb. V, 29

Đổi lại quân hiệu: Chb. XVIII, 21

Đường xuất quân của Mã Viện: Tb. II, 10, 11; IV, 23

Giảm bớt số quân thuộc ở các vệ, các sở thuộc Lạng Sơn: Chb. XXIV, 27

Giảng tập võ nghệ: Chb. XVI, 23

Giáp. Hỏa đầu: Chb. II, 24, 25

Hạ lệnh cho quân ngũ phủ chế tạo quân khí, Văn Lư, một quân nhân, tranh luận với thị lang Lương Như Hộc về việc này: Chb. XX, 22

Hạ Phương chiêu dụ người Nhật Nam: Tb. II, 22

Hạ thành Điêu Diêu: Chb. XIV, 5

Hạ thành Tam Giang: Chb. XIV, 8

Hạ thành Thị Cầu: Chb. XIV, 6

Hạ thành Xương Giang: Chb. XIV, 16

Hai sứ giả ở Giao Chỉ và Cửu Chân đem nộp cho tướng Hán sổ hộ tịch của dân hai quận: Tb. II, 2

Hán đặt chức tướng binh trưởng sử để ngăn ngừa cuộc nổi dậy của dân huyện Tượng Lâm: Tb. II, 15

Hạng quân "tam đoá" của Trần Cao: Chb. XXVI, 32

Hoàng Phụng Thế đem quân đi đánh Sư Ôn: Chb. XI, 11

Hội minh ở phía nam thành Đông Quan: Chb. XIV, 17-20

Hội nghị quân sự bàn chiến hay hoà: Chb. XII, 9-10

Hùng Vương không lo việc võ bị, khi bị Thục Phán đánh, quân sĩ trở giáo đầu hàng: Tb. I, 7

Hưng Hiếu vương đi đánh Ngưu Hống đại thắng: Chb. IX, 38-39

Khảo hạch các viên quan cầm quân về môn võ nghệ.- Duyệt võ: Chb. XXIII, 27

Khảo sát võ nghệ, định cách thức thưởng phạt: Chb. XXI, 1

Khởi nghĩa Lam Sơn dưới sự lãnh đạo của Bình Định Vương Lê Lợi: Chb. XIII, 1-36; XIV, 1-29

Khuất Lạo động: Tb. IV, 4, 5

Kiểm soát các cửa biển và các thư từ gửi về Bắc Quốc: Chb. XIII, 32

Lạc tướng, chức tướng võ đời Hùng Vương: Tb. I, 5

Lại đi đánh Ai Lao. Đốc tướng Đoàn Nhữ Hài bị chết đuối: Chb. IX, 35-36

Làm kế "thanh dã", tức như lối "tiêu thổ" sau này, để chống giặc Minh : Chb. XIV, 18

Lấy Tân Bình và Thuận Hoá : Chb. XIII, 23

Lê Chiêu Tông uỷ Mạc Đăng Dung chỉ huy quân thuỷ, quân bộ của 13 đạo: Chb. XXVII, 1

Lê Đại Hành dong túng cư dân nơi biên giới lấn cướp bờ cõi nhà Tống: Chb. I, 30

Lê Đại Hành đánh Chiêm Thành: Chb. I, 19

Lê Đại Hành phá quân Tống: Chb. I, 16-17

Lê Quý Ly đem thuỷ quân đi đánh Chiêm Thành: Chb. X, 50; XI, 8

Lê Quý Ly đóng cọc trong sông Ngu Giang, đánh tan được quân Chiêm Thành: Chb. X, 46

Lễ ăn mừng thắng trận và dâng tù binh: Chb. III, 10

Long quân theo xe thái bình: Chb. III, 12

Long Sưởng âm mưu nổi loạn: Chb. V, 19

Lữ Gia bị bọn Lộ Bác Đức, tướng Hán, đánh và bắt được: Tb. II, 1-3

Lữ Gia dấy quân đánh giết vua và thái hậu nhà Triệu luôn với sứ giả nhà Hán: Tb. I, 30-32

Lữ Gia đánh giết bọn Hàn Thiên Thu: Tb. I, 32, 33

Lưu Phương đánh Lâm Ấp, trận voi: Tb. IV, 14, 15

Lý Bôn chạy vào hồ Điển Triệt, Khuất Lạo: Tb. IV, 3, 4

Lý Bôn sai Phạm Tu đánh Lâm Ấp: Tb. IV, 2

Lý Công Bình đánh bại Chân Lạp: Chb. IV, 20

Lý Công Tín đánh dẹp giặc cướp do lính đào ngũ quần tụ nổi lên: Chb. V, 11

Lý Kính Tu đi đánh Đại Hoàng: Chb. V, 30

Lý Mông cầm đầu hơn 5.000 người, đưa Ung Minh Ta Điệp về Chiêm Thành, nhưng thất bại và bị giết: Chb. V, 6

Lý Phật Tử và Triệu Quang Phục đánh nhau: Tb. IV, 11-13

Lý Thiên Bảo: Tb. IV, 9

Lý Thường Kiệt đánh Chiêm Thành: Chb. IV, 4-5

Lý Triện hi sinh trong trận Từ Liêm: Chb. XIV, 6

Lý Tượng Cổ bị giết: Tb. IV, 29

Mạc Đăng Dung định chế độ quân ngũ: Chb. XXVII, 18, 19

Mân Việt vương Sính xâm lấn nước Nam Việt. Nhà Hán xuất quân đánh giết Mân Việt vương để cứu Nam Việt: Tb. I, 28

Miễn cho quân sĩ mùa xuân tới không phải hội họp điểm duyệt: Chb. XIX, 24

Mộ thêm quân. -Đóng cọc ở bờ phía nam Nhị Hà. -Hạ cây làm chướng ngại vật ở các sông và cửa biển. -Làm nhà cho dân vùng Bắc Giang và Tam Đái tản cư: Chb. XII, 12

Mũ đâu mâu: Chb. I, 35

Mũ "tứ phương bình đính" mũ "binh đính" (chớp phẳng): Chb. I, 5

Mười điều quân hiến cho các tướng sĩ: Chb. XIV, 12-13

Mười vệ Cấm quân: Chb. II, 31-32

Nghĩa quân Trần Giản Định chống Minh xâm lược: Chb. XII, 23-28, 30

Nghĩa quân Trần Quý Khoáng chống Minh: Chb. XII, 29-41

Ngô Lý Tín đánh Ai Lao: Chb. V, 22

Ngô Quyền phá quân Nam Hán ở Bạch Đằng: Tb. V, 18-20

Nguỵ bổ Lữ Hưng sang coi việc quân ở Giao Châu: Tb. III, 10

Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp đánh nhau với Lê Hoàn ở Ái Châu: Chb. I, 9-10

Nguyễn Bằng Cử đem quân đi đánh Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang: Chb. XI, 35-36

Nguyễn Đa Phương đánh tan quân Chiêm Thành ở cửa biển Thần Phù: Chb. X, 49-50

Nguyễn Nộn giữ Phù Đổng, tự xưng là Hoài Đạo Vương: Chb. V, 39-40

Người Minh bắt lính. Đặt quân vệ và thủ ngự thiên hộ sở: Chb. XII, 46

Người Việt rút vào trong rừng rậm, lựa người tuấn kiệt làm tướng, đánh giết Đỗ Thư, hiệu uý Tấn: Tb. I, 10

Nhà có người đi lính được miễn một suất sưu dịch: Chb. XV, 8

Nhà Đường đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam: Tb. V, 10

Nhà Hán sai Lộ Bác Đức và Dương Bộc đi đánh Nam Việt: Tb. I, 32-34

Nhà Hán sắm xe, thuyền, sửa cầu đường, khơi khe lạch, chứa thóc lúa để xâm lược ta: Tb. II, 10, 11

Nhà Tống phỏng theo phép hành quân của triều Lý: Chb. III, 24

Nhà vua tập cưỡi ngựa, bắn cung: Chb. V, 14-15

Nhiều nhóm nghĩa quân nổi dậy chống Minh: Chb. XII, 24, 25; XIII, 11-12

Những trận quật khởi của quân Lam Sơn: Chb. XIII, 2-3, 8, 9, 13, 14-20

Nỏ của Thục An Dương vương, tức Linh quang kim trảo thần nỗ: Tb. I, 16-19

Phạm A Song đem quân đánh Chiêm Thành ở Lâm Bình: Chb. X, 19, 20

Phạm Bỉnh Di đi đánh Phạm Du: Chb. V, 31

Phạm Ngũ Lão đem quân đánh Ai Lao, vì Ai Lao xâm phạm vào sông Chàng Long: Chb. VIII, 25; Chb. VIII, 38-39

Phân phối quân sĩ một nửa ứng trực ở dinh trại, một nửa về nhà làm ruộng: Chb. XX, 6

Quân lệnh: Chb. XIV, 11-12, 13-14

Quân Ngô và Tấn đánh nhau ở Giao Châu: Tb. III, 11, 12, 15

Quân sĩ đi đánh Trần Tuân, ai chém được nhiều thủ cấp bên địch đều được phong chức: Chb. XXVI, 14

Quân Trưng Vương đánh nhau với quân Mã Viện ở Lãng Bạc: Tb. II, 11

Quân và thợ nếu làm việc chưa đủ hạn định mà bỏ trốn sẽ phải tội: Chb. XXV, 5

Quy định phép thu tô để cung cấp quân lương: Chb. IV, 1

Quy định quân hiệu: Chb. III, 23-24

Quy định về chế độ cờ xí và khí giới cho các quân: Chb. XV, 13, 14

Quý Ly sai Trần Tùng và Đỗ Mẫn đem quân đi đánh Chiêm Thành: Chb. XI, 37-38

Sai cấm quân đi tuần để bắt giặc cướp ở các lộ: Chb. X, 14

Sai nhà sư xã Đại Than đem các sư trong nước đi đánh Chiêm Thành: Chb. X, 47

Sai quân đi nã bắt Ngô Bệ: Chb. IX, 43

Sáu quân đời Lý: Chb. II, 13, 15

Sáu quân Ngự Tiền: Chb. XVIII, 12

Sửa binh khí và áo giáp: Chb. III, 7

Tả Vũ tiệp binh; Tả Hưng vũ binh: Chb. IV, 28

Tài giảm tướng hiệu ở các vệ quân: Chb. XVIII, 4

Tấn cho thứ sử Quảng Châu, Đảo Khản, coi thêm việc quân ở Giao Châu: Tb. 17-19

Tập trận lục chiến và thuỷ chiến: Chb. XVI, 23-24

Tập trận thuỷ chiến: Chb. XVII, 15

Tế, Lương đánh nhau: Tb. III, 32

Thái Tập đem ba vạn quân các đất Hứa, Hoạt, Từ, Biện, Kinh, Tương, Đàm, Ngạc sang An Nam chống lại Nam Chiếu: Tb. V, 1

Thành Đa Bang và Đông Đô thất thủ: Chb. XII, 14-15

Thao diễn quân đội-Chia quân về làm ruộng: Chb. XV, 19

Thảo lộ bố kể tội Tống: Chb. III, 38

Thân quân-"Thiên tử quân" của Lê Đại Hành: Chb. I, 21

Thập đạo quân: Chb. I, 5

Thập đạo tướng quân: Chb. I, 4

Thể lệ tỉ thí các môn võ nghệ: Chb. XVII, 4

Thiên tử quân: Chb. I, 25

Thiếu Thốn đem quân trấn giữ biên giới phía Bắc: Chb. X, 19

Thổ mán nhà Tống lên cướp nơi biên giới: Chb. V, 30

Thu nuôi những người đã đầu hàng: Chb. XIV, 14

Thục An Dương vương giảng hoà với Triệu Đà: Tb. I, 15-17

Thưởng tiền và lụa cho các tướng sĩ đi đánh động Ma Sa: Chb. IV, 10

Tiến quân ra các lộ Đông Đô: Chb. XIII, 24-26

Tô Hiến Thành đánh Chiêm Thành: Chb. V, 13

Tô Hiến Thành đánh thắng Ngưu Hống và Ai Lao: Chb. V, 10

Tô Hiến Thành đi tuần miền biên giới: Chb. V, 11

Tổ chức bốn kho quân khí: Chb. XII, 7-8

Tổ chức lại binh chế: Chb. XII, 8

Trao trả tù binh Tống; thích vào người chúng những chữ "thiên tử binh" hoặc "đầu Nam triều", hoặc "quan khách": Chb. III, 41

Trần Anh Tông cho quân đánh châu Quy Thuận và Dưỡng Lợi nhà Nguyên để báo thù việc viên tri châu Trấn An lấn cướp: Chb. IX, 9

Trần Anh Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành: Chb. IX, 4-5

Trần Dụ Tông đi tuần ngoài biên giới: Chb. X, 9

Trần Duệ Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành, bị chết tại trận: Chb. X, 39-41

Trần Khát Chân đem quân chống cự với Chiêm Thành ở Hoàng Giang: Chb. XI, 9

Trần Khát Chân phá tan quân Chiêm Thành, giết được chúa Chiêm Thành là Chế Bồng Nga: Chb. XI, 12

Trần Khuê Kinh đem quân trấn ngữ biên thuỳ mặt bắc, đánh chiếm đất Bằng Tường: Chb. VI, 24

Trần Lệnh Hinh và Từ Anh Nhị đi đánh Đại Hoàng: Chb. V, 29-30

Trần Minh Tông tự làm tướng đi đánh Ai Lao, sai Nguyễn Trung Ngạn tạc bia vào núi để ghi công: Chb. IX, 33

Trần Minh Tông tự làm tướng đi đánh mán Ngưu Hống: Chb. IX, 28-29

Trần Nhân Tông tự làm tướng đi đánh Ai Lao: Chb. VIII, 15-22

Trần Quốc Trấn và Phạm Ngũ Lão đem quân đánh Chiêm Thành: Chb. IX, 14-15

Trần Quốc Tuấn đem quân chống cự biên thuỳ mặt bắc: Chb. VI, 40

Trần Thái Tông đi tuần ngoài biên giới, rồi dùng mấy chiếc thuyền Kim Phượng, Nhật Quang và Nguyệt Quang đi vào địa phận nhà Tống: Chb. VI, 21

Trần Thái Tông tự làm tướng đi đánh Chiêm Thành: Chb. VI, 35

Trần Thánh Tông tự làm tướng đi đánh Nhẫm Bà La: Chb. VII, 17-18

Trần Thế Hưng đem quân đánh Chiêm Thành, nhưng bị thua và bị bắt: Chb. X, 20

Trần Thủ Độ đem quân đánh Nguyễn Nộn và Đoàn Thượng: Chb. VI, 2

Trần Tự Khánh đem quân đến uy hiếp ở trước cửa cung khuyết: Chb. V, 36, 37

Trần Tự Khánh đi đánh mán Quảng Oai: Chb. V, 38-39

Trận Chi Lăng, chém được Liễu Thăng: Chb. XIV, 17-19, 20-22

Trận chiến thắng quân Minh ở Bô Cô: Chb. XII, 27-28

Trận Lê Hoa quan, đánh bại được Mộc Thạnh: Chb. XIV, 19-20

Trận Pha Luỹ, đánh bật được tướng Minh, Cố Hưng Tổ: Chb. XIV, 15-16

Trận Thái (Sái) Gia cảng: Chb. XII, 39

Trận Tốt Động, đại phá quân Minh: Chb. XIII, 27-31

Triệu Đà đánh Trường Sa: Tb. I, 22

Triệu Quang Phục đánh Dương Sàn: Tb. IV, 8

Triệu Quang Phục đánh tướng nhà Lương: Tb. IV, 8

Trịnh Tùng ban hành ba điều quân lệnh trong khi đi đánh Mạc Mậu Hợp : Chb. XXIX, 26

Trưng Vương đánh nhau với quân Hán: Tb. II. 9-14

Trưng Vương lui giữ Cấm Khê: Tb. II, 11

Trương Phụ tuyển lựa những người bản thổ khoẻ mạnh hùng dũng làm "tay vi tử": Chb. XII, 46

Tuyển Cấm quân: Chb. IV, 8-9 ; Chb. IV, 42

Tuyển hoàng nam làm binh lính: Chb. III, 43

Tuyển lấy những dân đinh khoẻ mạnh sung vào quân đội: Chb. V, 19-20

Tuyển lính: Chb. I, 35 ; Chb. V, 10 ; Chb. XIX, 14 ; Chb. XXX, 16, 24, 25; XXXI, 13 ;

Tuyển lính, đặt dưới quyền cai quản của quan các lộ: Chb. V, 31

Tuyển lựa binh lính: Chb. XVI, 5

Tuyển người có đủ tư cách giữ chức tổng binh: Chb. XXIV, 5

Tuyển tráng đinh sung bổ vào quân ngũ: Chb. XXV, 7

Từ sông Mộc Hoàn đến cửa Đại An, Hàm Tử quan, Lỗi Giang và cửa Kỳ La, quân nhà Hồ đều thất bại: Chb. XII, 15-19

Tương Dực đế xem tập trận ở Định Công: Chb. XXVI, 24

Uy hiếp thành Đông Quan: Chb. XIV, 1

Vấn đề hành quân và tiếp tế của nhà Hán đề ra trước khi đi đánh Nhật Nam: Tb. II, 20, 21

Vây thành Cổ Lộng: Chb. XIV, 5

Vây và hạ được Nghệ An: Chb. XIII, 21; XIV, 2

Vương Thức làm luỹ bằng gỗ, đào hào, v.v...: Tb. IV, 36, 37

Xét hỏi nghiêm ngặt những người qua lại ở biên giới, vì lúc ấy Vũ Thành vương là Doãn trốn sang phủ Tư Minh: Chb. VI, 39-40

Xếp đặt lại số quân ở ngũ phủ và đặt chức quan võ: Chb. XX, 2

Xếp đặt số lính ở ven biên giới: Chb. XXIV, 26

Xếp đặt thêm số quân trong ngũ phủ: Chb. XXIV, 13

Xuất quân định giúp Ai Lao: Chb. XVI, 17-18

50. QUỐC HIỆU

An Nam quốc: Chb. V, 12

Đại Cồ Việt: Chb. I, 1

Đại Lịch quốc (Nùng Trí Cao): Chb. III, 2

Đại Nam quốc (Nùng Trí Cao): Chb. III, 13

Đại Việt: Chb. III, 20

Trường Sinh quốc (Nùng Tồn Phúc): Chb. II, 42

51. SẢN VẬT

Các thứ cây quý như cau, vải, nhãn và mít mà nhà Minh yêu sách: Chb. XI, 2-3

Nón Ma Lôi: Chb. VIII, 5

Quít và rươi ở Thiên Trường: Chb. VII, 10

Trầm hương, sừng tê, đồi mồi, trân châu và ngà voi mà nhà Nguyên bắt nhà Trần phải cống: Chb. VII, 2-3

Trân châu ở Vân Đồn: Chb. IX, 48

52. SĂN BẮN

Lưới để đi săn: Chb. XVIII, 18

53. TAI HỌA

Bão: Chb. IV, 29; V, 24

Bệnh dịch: Chb. XVI, 25

Cá sấu đến sông Phú Lương: Chb. VII, 26

Cây núi chết rụi vì có băng đóng: Chb. XVI, 19

Chứng dịch: Chb. XLII, 2, 13: Chb. XX, 13

Dân bị đói to : Chb. VII, 11, 12; VIII, 16, 17, 39; IX, 3, 18, 19, 33, 43, 45; X, 11, 12, 45

Dân bị nạn đói: Chb. XXIV, 10, 15, 23 ; XXVIII, 10, 31, 33; XXIX, 8, 15, 16; XXX, 9, 11, 12; XXXI, 24 ; XXXIV, 10, 51; XXXV, 12; XXXVI, 27, 31; XXXVII, 1

Dân bị nạn đói, nhiều người bị chết: Chb. XXVI, 17, 37, 38

Dịch lệ: Chb. IV, 2; V, 13: Chb. XII, 26

Dịch trâu bò: Chb. V, 13

Đại hạn: Chb. VI, 21; VII, 11; VIII, 14, 39; IX, 12, 21, 45, 48; X, 12, 16; XI, 19: XIX, 6, 7; XX, 11; XXI, 11; XXII, 32; XXIII, 3, 31; XXIV, 10, 24, 25 ; XLI, 26; XLII, 4, 6, 10, 20; XLIII, 17; XLIV, 4, 33; XLV, 8

Đại hạn, núi sụt, cơ thuỷ tai lớn: Chb. VI, 21

Đói kém: Chb. I, 19; V, 13, 21, 27, 31; V, 35; XII, 7, 26

Đói kém lớn: Chb. XVIII, 7

Động đất: Chb. I, 7, 33; II, 19; III, 3, 15; IV, 2, 6, 32; V, 5, 7a, 7b, 11, 16a, 16b, 20, 21, 24a, 24b, 24c, 26, 27, 38; VI, 30, 33; VII, 13, 19; VIII, 31; X, 7; XI, 19; XVI, 32; XVII, 25, 27 ; XIX, 16, 25; XXXIV, 6, 19; XXXV, 35

Gió bão lớn, ngọn tháp Báo Thiên bị đổ: Chb. VI, 45

Gió bão to: Chb. VI, 12

Gió bão to, lúa bị ngập, nhiều người chết đói: Chb. XX, 37

Hạn hán: Chb. I, 7, 33; II, 25; III, 19, 30; IV, 1, 8, 9, 12, 15, 22, 26, 27; IV, 25, 32a, 32b, 40, 42; V, 1, 13, 23, 26, 40; XVI, 6, 7; XVII, 4, 5, 6, 16; XVIII, 5, 7, 16; XXV, 11; XXVI, 42; XXVII, 31; XXX, 8, 11, 16, 18, 20, 22, 24; XXXI, 24, 29; XXXIII, 24, 27, 41; XXXIV, 10, 19, 51; XXXV, 12; XXXVII, 8

Hoả tai : Chb. XVI, 19; XXIX, 16; XXXI, 16

Hoàng trùng: Chb. IX, 12, 21; X, 6; XI, 19 ; Chb. XX, 36; XXI, 6 ; Chb. XXXI, 14 ; Chb. XLII, 6; XLVI, 13 ; Chb. XXXVI, 13

Hoàng trùng (sâu lúa): Chb. IV, 12; V, 40

Không mưa: Chb. IV, 6, 7, 25, 30, 32, 35

Làng Thiên Cương, con gái biến thành con trai: Chb. X, 1

Mưa dầm: Chb. IV, 16, 22, 26, 28, 30, 40

Mưa đá: Chb. VI, 32; VII, 5, 28: Chb. I, 7; III, 42; V, 25 ; Chb. XLI, 18 ; Chb. XXIX, 12; XXXI, 9, 25 ; Chb. XVIII, 30 ; Chb. XXIII, 31 ; Chb. XXXII, 3 ; XXXIV, 41

Mưa to: Chb. XXV, 7

Mưa to gió lớn, lúa ở Thanh Hoa và Sơn Nam bị đổ hết: Chb. XXXII, 20

Mưa to, gió lớn, nước tràn lên cao, động đất: Chb. VI, 20

Mưa to, nước cống tràn ngập, thóc lúa thối nát: Chb. XL, 27, 30; XLI, 19, 20; XLII, 2, 8; XLIII, 26; XLIV, 27

Mưa to, nước ở ruộng cao đến 4 thước: Chb. XXIV, 13

Nạn đói luôn 6 năm: Tb. IV, 38

Ngoài kinh thành bị thất hoả: Chb. VII, 19

Người ở Hồng Châu đẻ con trai hai đầu: Chb. VIII, 31

Người ở kinh thành đẻ con gái hai đầu: Chb. VIII, 41

Núi Tản Viên và Tam Đảo bị sụt: Chb. XXV, 12

Nước biển tràn ngập: Chb. XVI, 12

Nước lớn, vỡ đê Bát Tràng và Thổ Khối: Chb. X, 3

Nước lớn, vỡ đê Tô Lịch: Chb. XXIII, 2, 26

Nước lớn, vỡ tràn vào cung Lệ Thiên: Chb. VI, 16

Nước sông tràn ngập: Chb. XIII, 14

Phát sinh chứng dịch: Chb. VI, 12; VII, 5, 19; XXXV, 16; XXXVIII, 4

Ruộng bị hạn: Tb. IV, 36

Sâu cắn lúa: Chb. XVI, 19, 26, 30; XVII, 6, 16; XVIII, 7

Sét đánh: Chb. VI, 14, 39; VII, 5, 15; IX, 8, 19; X, 7, 16; XI, 39

Thuỷ tai : Chb. XXV, 12; XXVI, 22, 23, 24, 25; XXVIII, 12, 13; XXIX, 8, 15, 16, 21, 29; XXX, 20; XXXI, 11, 13, 25; XXXIII, 2, 3; XXXIV, 49; XXXV, 13, 35; XXXVII, 8

Thuỷ tai lớn : Chb. I, 33; III, 14, 15; IV, 3, 11; V, 7, 12, 21, 26, 27; VI, 19, 21, 25, 26; VII, 7, 11, 12, 13, 15, 18; VIII, 45; IX, 3, 15, 16, 33, 39, 48; X, 1, 3, 7, 13, 14, 44, 50; XI, 19

54. TẾ LỄ

Bái yết lăng tẩm và thái miếu : Chb. XV, 25, 31 ; XVI, 1; XVIII, 2, 29-30

Cầu đảo tạnh mưa : Chb. IV, 26

Chỉ quan Hành khiển mới được dùng nhạc thái thường trong khi tế lễ : Chb. IX, 37

Cho Lê Thạch được thờ phụ ở nơi miếu đình : Chb. XV, 8 - 9

Cung nữ lên đàn thiêu tuận táng: Chb. IV, 18.

Cúng tế bằng dê, ngựa, trâu, bò : Tb. I, 26

Cử hành lễ bảo thần ở Thái Miếu để cầu phúc : Chb. XX, 11

Đảo vũ : Chb. IV, 7, 9, 27, 40, 42 ; Chb. XVII, 4, 5, 6 ; Chb. XVIII, 5, 16

Đặt lễ thờ Khổng Tử : Chb. XVI, 24

Đắp đàn ở Đốn Sơn làm lễ tế Nam Giao : Chb. XI, 43

Để tang ngắn hạn : Chb. XVII, 25, 26, ; XVIII, 21

Để trở có ba ngày : Chb. IV, 17

Định lễ vật tế thần cô hồn : Chb. XIX, 26

Định thể lệ tế Văn Miếu ở các lộ, các phủ : Chb. XIX, 29 ; XXII, 31

Đồ tế khí ở dân gian không được sơn son thếp bạc : Chb. XXX, 21

Gia phong và tế cáo các thần linh : Chb. XVII, 3-4

Hỏa táng : Chb. IV, 8

Hội thề ở sân rồng điện Thiên An. Hội thề trước khi làm lễ an táng Lý Nhân Tông : Chb. IV, 23

Khi Trần Nhân Tông xuất gia, ở am Ngọa Vân, tự hiệu là Trúc Lâm đại sĩ. Khi Nhân Tông mất ở trên núi, Pháp Loa dùng phép hỏa hóa : Chb. IX, 1

Không xây lăng tẩm : Chb. IV, 17

Làm đài Động Linh để cầu đảo : Chb. IV, 6

Làm lễ "tiếu" để cúng cho nhà vua được thọ : Chb. IV, 31

Làm lễ nghênh xuân ở đình Quảng Văn : Chb. IV, 29

Làm lễ và rước tượng Phật từ chùa Pháp Vân đến chùa Bảo Thiên để đảo vũ : Chb. V, 23

Làm thần chủ và lễ tế "phụ" : Chb. IV, 25

Lập các đàn thờ cúng ở kinh đô : Chb. XVIII, 18

Lập đàn cúng để cầu tự : Chb. IV, 6

Lập đàn tế bách thần tiễn hoàng trùng : Chb. XX, 36

Lê Thánh Tông nhận việc cầu trời đất, tế quỷ thần có thể trừ được tai họa : Chb. XIX, 35

Mở hội Quảng Chiếu đăng : Chb. IV, 15

Nghi lễ tế Nam Giao dưới triều Lê : Chb. XXXI, 2

Nhà có người chết, gặp tiết trung nguyên, thường làm chay, bày ra ăn uống, hát xướng : Chb. XIX, 33

Nhà Minh sai sứ sang tế các thần sông núi ở nước ta : Chb. X, 24

Nhà Tống tế viếng Lê Đại Hành : Chb. I, 44

Rước thần chủ lên thờ ở nhà thái miếu : Chb. XVI, 21-22

Sư và đạo sĩ tụng kinh, cầu đảo, vì có nạn cá biển chết nhiều: Chb. V, 14

Tế các lăng tẩm và các thần linh : Chb. XV, 6

Tế điếu Lê Thái Tông : Chb. XVII, 26

Tế thần Cao Mối : Chb. IV, 5

Tiết Thiên Thánh, làm núi bằng trúc có năm ngọn : Chb. II, 32

Tiết Thiên Thánh, làm núi Vạn Thọ nam sơn bằng trúc : Chb. II, 22

Trần Anh Tông ốm nặng, hoàng hậu cho tìm sư Phổ Tuệ, đặt đàn chay cúng lễ. Anh Tông có nói về lẽ sống chết : Chb. IX, 16

Trần Dụ Tông mất, Ngưu Lượng, sứ nhà Minh, có bài thơ phúng viếng : Chb. X, 23

Trần Minh Tông phân tích việc xem ngày làm lễ táng Thuận Thánh Bảo Từ hoàng thái hậu : Chb. IX, 33

Trần Nhân Tông lập đàn chay ở chùa Phả (Phổ) Minh, mở hội "vô lượng phật pháp" : Chb. VIII, 40

Trần Thủ Độ giết Lý Huệ Tông rồi đem hài cốt táng ở tháp chùa Bảo Quang : Chb. VI, 3

Tuận táng : Chb. IV, 8, 18

Tục Chiêm Thành, khi quốc vương chết, hoàng hậu phải lên đàn thiêu, chết theo : Chb. VIII, 45

55. THÀNH QUÁCH

Cao Biền đắp Đại La thành: Tb. V, 10, 13

Cửa Diệu Đức: Chb. II, 10

Cửa Đại Hưng: Chb. II, 10; IV, 11, 18, 23

Cửa Quảng Phúc: Chb. II, 10, 22, 23, 26, 28, 29

Cửa Thanh Hoà ở hành cung Ngự Thiên: Chb. V, 8

Cửa Tường Phù: Chb. II, 10, 26, 29; III, 22

Dời phủ thành ra ngoài cửa Đông Quan: Tb. IV, 31

Đại La: Chb. III, 40

Đắp thành, đào ao ở Hoá Châu: Chb. XI, 15

Đắp thành Đa Bang: Chb. XII, 9

Đắp thành đất bao quanh kinh thành Thăng Long: Chb. II, 18

Đắp thành Hoá Châu: Chb. X, 16

Đắp thành Hoan Ái : Tb. IV, 27

Đắp thành Long Phượng: Chb. VI, 25

Đắp thành Tây Đô: Chb. XI, 40

Đắp thành Thăng Long. Trong thành chia ra 61 phường: Chb. VI, 9

Đoàn Thượng đắp luỹ ở Yên Nhân: Chb. VI, 7.

Đoàn Thượng đắp thành ở Hồng Châu chống triều Lý: Chb. V, 35-36

Đồn cổ ở trên núi thôn Phú Hoà: Chb. X, 41

Đồn Hán Nam: Chb. VIII, 3

Hồ Kim Liên ở Ngự Thiên: Chb. V, 8

Kinh đô Hoa Lư: Chb. I, 2, 3

Kinh đô mới của Quý Ly ở Thanh Hoá, nay hãy còn nền thành cũ: Chb. XI, 26-27

La thành: Tb. IV, 27, 28
Loa thành: Tb. I, 9, 16, 17
Long thành: Chb. II, 34
Ngô Quyền đóng đô Cổ Loa: Tb. V, 20
Sửa cửa ải Lê Hoa: Chb. XIV, 12
Sửa kinh thành Thăng Long: Chb. II, 24
Sửa thành Thăng Long: Chb. III, 40
Thành Bình Lỗ: Chb. VIII, 31, 36
Thành Côn Luân: Tb. I, 9
Thành Đại La: Chb. VI, 27
Thành Kiển Giang: Tb. II, 14
Thành Tư Long: Tb. I, 9
Thành Vọng Hải: Tb. II, 15
Trương Bá Nghi đắp La thành: Tb. IV, 24
Vũ Hồn đắp phủ thành: Tb. IV, 34, 35
Vương Thức đào hào, trồng luỹ tre: Tb. IV, 36
Xây cung điện và cửa thành ở Thăng Long: Chb. II, 10

56. THỊ TỘC, DÂN TỘC

Ấn động man: Chb. II, 3
Bào Hi thị : Tng. 3
Cao Dương thị : Tng. 4
Cử Long man: Chb. I, 34-35, 39-40; II, 13
Đại Nguyên lịch: Chb. II, 23
Đãn nhân: Chb. I, 31
Đào Đường thị : Tng. 4. Tb. I, 5, 6
Hà man: Chb. I, 33
Hạ tác man: Chb. II, 16, 17

Hạc thác man : Chb. II, 16, 17

Hồng Bàng thị : Tng. 3

Kinh man: Tb. II, 28

Man Lý ở Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố: Tb. II, 10

Ngũ Khê man: Tb. III, 5

Ô Hử man: Tb. II, 23

Quảng Oai man: Chb. V, 38-39

Thần Nông thị : Tb. I, 1

Việt Thường thị : Tng : 4; Tb. I, 5, 6

Xứ ăn thịt người: Tb. II, 24

57. THƠ VĂN

Ba mươi bài thơ của Phùng Khắc Khoan mừng nhà vua Minh nhằm tiết vạn thọ: Chb. XXX, 19

Bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Hưng Đạo: Chb. VIII, 34

Bài minh của Trần Anh Tông để vào cái hốt cho Trần Kiến: Chb. VIII, 26

Bài phú *Phượng hoàng danh* của Ngô Thì Sĩ: Chb. XLIV, 25

Bài thơ *Cảm hoài* của Trần Thánh Tông khi về chơi phủ Thiên Trường: Chb. VIII, 14

Bài thơ *Chu công phụ Thành vương* ban cho Mạc Đăng Dung: Chb. XXVII, 14

Bài thơ chúc mừng vua nhà Thanh của Phạm Khiêm Ích: Chb. XXXVI, 25

Bài thơ của Nguyễn Trung Ngạn: Chb. X, 8

Bài thơ của Sư Hồi vu khống bọn Lê Niệm: Chb. XIX, 18, 19

Bài thơ của Trịnh Doanh ban cho Phạm Đình Trọng: Chb. XL, 20

Bài thơ mà Nghệ Tông nằm mộng thấy Duệ Tông đọc: Chb. XI, 20

Bài thơ Quý Ly đưa cho Đỗ Tử Trừng: Chb. XI, 17

Bài thơ *Thiên Trường ký sự* của Phạm Sư Mạnh, tả thổ sản Thiên Trường có quýt và rươi : Chb. VIII, 10

Bài thơ treo ở đền Hoằng Hựu về việc đảo vũ: Chb. XXIV, 19

Bài từ mừng năm được mùa của Trịnh Cương: Chb. XXXVI, 6

Bài tựa của Trần Khánh Dư đề sách *Vạn Kiếp tông bí truyền*: Chb. VIII, 36

Bài văn bia ghi công đánh Ai Lao do Nguyễn Trung Ngạn soạn: Chb. IX, 33-34

Bài văn bia ở Chiêu Lăng: Chb. XXIV, 28

Bài văn bia ở chùa Thiên Phúc: Chb. XXIV, 40, 41

Bốn chữ do Trịnh Doanh ban cho Hoàng Ngũ Phúc: Chb. XLII, 7

Bức thư của Nguyễn Dụng Phủ dâng Quý Ly: Chb. XI, 35

Các tập thơ đời Trần: Chb. XIII, 4 - 5

Câu ca của dân Diễn Châu đối với Phí Mãnh: Chb. VIII, 17

Câu ca dao nói về Hoàng Đình Bảo: Chb. XLV, 5

Câu đối mà bố con Quý Ly đối đáp với nhau: Chb. XI, 38

Câu ngạn ngữ mà Lê Quý Ly dùng để làm xiêu lòng Nghệ Tông: Chb. XI, 5

Câu thơ của Hồ Tông Thốc trả lời Nghệ Tông hỏi về việc y đã ăn của đút của dân: Chb. XI, 3

Câu thơ mỉa mai Đoàn Nhữ Hài : Chb. VIII, 28

Câu thơ Trần Nhân Tông kỷ niệm việc chân ngựa đá dính bùn: Chb. VIII, 9

Câu thơ vịnh phong cảnh Tây Hồ của Ngô Thì Sĩ: Chb. XLIII, 36

Chí Linh sơn phú của Nguyễn Trãi: Chb. XIII, 20

Đổi thể văn kinh nghĩa theo thể văn bát cổ nhà Thanh: Chb. XXXVII, 1

Hai câu thơ của sứ thần nhà Minh nói về Uy Mục đế: Chb. XXV, 24

Lê Quý Ly làm thơ bằng quốc âm tạ ơn Trần Nghệ Tông vì được ban cho cờ biển: Chb. XI, 3

Lê Thánh Tông cùng con và bầy tôi sáng tác tập thơ *Anh hoa hiếu trị* : Chb. XXI, 12

Lê Thánh Tông làm văn, thường sơ lược nghĩa kinh, sử: Chb. XIX, 35

Lê Thánh Tông mỗi khi làm thơ ca, thường bảo con thứ năm hoạ lại: Chb. XXIII, 11

Lời ngạn cảnh cáo những kẻ theo Minh: Chb. XII, 22

Mấy câu ca của quân sĩ ca tụng Thiều Thốn: Chb. X, 19

Mười bài châm của Nguyễn Hoàn tiến dâng Trịnh Sâm: Chb. XLII, 4

Nguyễn Sĩ Cố có tài làm thơ quốc âm: Chb. VIII, 44

Nguyễn Thuyên viết văn thả xuống sông đuổi cá sấu, được đổi họ là họ Hàn. Hàn Thuyên làm thợ bằng quốc âm, đời gọi là "Hàn luật": Chb. VII, 26

Nhạc thái thường dùng khi tế lễ: Chb. IX, 37

Những thi thảo do Minh Tông đã sáng tác, khi gần mất, sai đem đốt đi: Chb. X, 10

Phạm Ngũ Lão thích đọc sách, ngâm thơ: Chb. IX, 16-17

Quỳnh uyển cửu ca: Chb. XXIV, 17

Sách văn của nhà Nguyễn truy đặt tên thuỵ cho Chiêu Thống: Chb. XLVII, 48

Sách văn của nhà Thanh phong vương cho Chiêu Thống: Chb. XLVII, 36

Thất trảm sớ của Chu An: Chb. X, 28

Thơ của Lê Niệm và Lê Nhân Thiêm tiễn sứ thần nhà Minh, Lê Thánh Tông đề tựa, xưng là "Thiên Nam động chủ đạo am": Chb. XXIII, 1

Thơ ký sự khi xuất quân đi đánh Chiêm Thành: Chb. XXI, 39

Thơ trào phúng về việc gả Huyền Trân công chúa cho chúa Chiêm Thành: Chb. VIII, 44

Tìm thơ văn của Nguyễn Trãi: Chb. XX, 14

Tờ chiếu đặt chức học quan ở các lộ : Chb. XI, 29-30

Tờ chiếu truyền ngôi của Thuận Tông: Chb. XI, 32

Trịnh Doanh theo thể "phi bạch" viết 4 chữ ban cho Phạm Đình Trọng: Chb. XLI, 22

Tương Dực đế cùng bầy tôi làm thơ xướng hoạ: Chb. XXVI, 3

Văn bia ở Dụ Lăng: Chb. XXV, 16

Văn bia ở Kính Lăng: Chb. XXV, 18

Văn bia ở sinh từ Trần Hưng Đạo: Chb. VIII, 33-34

Văn bia ở sinh từ Trần Thủ Độ: Chb. VII, 6

Vua nhà Thanh thân viết bốn chữ ban cho vua nhà Lê: Chb. XXXIV, 16

58. THUẾ KHOÁ

Ân xá và giảm nhẹ thuế tô, thuế dung: Chb. XLIII, 5, 6, 8

Bọn Lê Quý Đôn trích hơn chín ngàn mẫu ruộng ven biển thuộc Sơn Nam hạ còn ẩn lậu, bắt phải đăng bạ nộp tô: Chb. XLIV, 7

Bộ Hộ trông nom tài sản thuế khoá: Chb. XXXIX, 13, 14

Cấm sở tuần ti sách nhiễu thuyền buôn: Chb. XLII, 3

Cho sở tuần ti thu thuế theo như lệ định: Chb. XLII, 4

Đặt hiệu bình đông và bình tây để thu thuế: Chb. XLI, 13, 14

Đình hoãn việc thu thuế thiếu ở hiệu bình đông, bình tây; giảm nhẹ tô ruộng công, ruộng tư ở Thanh, Nghệ ; miễn thuế gia tô cho tứ trấn: Chb. XLI, 26

Định kỳ hạn thu tiền gia tô và tiền thuế điệu: Chb. XLI, 30

Định lại thuế điền trang ở Thanh Hoa: Chb. XL, 21

Định ngạch tô thuế binh và dân ở Thuận Hoá: Chb. XLV, 1

Định phép đánh thuế tơ, thuế muối: Chb. XLIII, 30, 31

Định thể lệ đánh thuế muối: Chb. XL, 20, 21

Định thể lệ đánh thuế người Nùng ở Tuyên Quang: Chb. XLI, 16

Định thể lệ đánh thuế quế: Chb. XLI, 19

Định thể lệ thu thuế ở phủ Trà Lân: Chb. XLIV, 17

Định thuế đất bãi: Chb. XLIII, 22

Định thuế mỏ đồng Tụ Long: Chb. XLIV, 12

Định thuế muối ở Sơn Nam: Chb. XLII, 14

Định tiền tô ruộng tư ở Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XLV, 18

Giảm bớt số đinh ở Kinh Môn, Nam Sách thuộc Hải Dương: Chb. XLI, 16, 17

Hoạn quan trông nom việc thu tiền thuế tô, thuế điệu: Chb. XLI, 28

Khôi phục phép đánh thuế điệu đời Bảo Thái: Chb. XXXIX, 27

Lại thu nửa tiền gia tô: Chb. XLII, 24, 25

Lại thu thuế tô, dung và điệu ở biên trấn: Chb. XLI, 25

Làm sổ kê thuế tô, thuế dung ở tứ trấn và phủ Trường Yên: Chb. XL, 2

Miễn thuế thuỷ sản cho các đạo: Chb. XLI, 18, 19

Miễn thuế tuần ti ở các lộ: Chb. XXXIX, 30

Miễn tiền gia tô: Chb. XLI, 20

Phạm Gia Huệ lạm thu hơn hai ngàn quan của dân phủ Bắc Hà: Chb. XLII, 30

Tăng tiền tô ruộng: Chb. XXXIX, 27

Tha thuế diêm tiêu ở Tuyên Quang và Hưng Hoá: Chb. XLII, 6

Tha thuế thổ sản còn bỏ thiếu cho Thanh, Nghệ và tiền thuế điệu cho tứ trấn: Chb. XLV, 4

Tha tiền thuế còn bỏ thiếu cho các lộ và tiền thuế điệu cho dân ven đường: Chb. XLIV, 35

Tha tiền thuế điệu cho các lộ gần kinh kỳ: Chb. XL, 30

Tha tô ruộng tư cho Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XL, 29

Tha tô, thuế cho dân Hưng Hoá: Chb. XLIII, 22, 23

Xá tô cho ruộng ở ven biển: Chb. XLIV, 29

Xá tô ruộng và thuế dung, triệt bỏ các sở tuần ti đặt trái lệ ngạch ở tứ trấn: Chb. XXXIX, 19

Xá tô thuế cho Thuận Hoá: Chb. XLIV, 21

Xếp đặt lại ngạch thuế bốn châu thuộc Cao Bằng: Chb. XLIII, 6

59. THƯƠNG MẠI

Cấm bán đồ làm ruộng bằng sắt. Cấm bán ngựa cái, dê cái, trâu bò cái: Tb. I, 26

Cấm người buôn bán không được lường thưng tráo đấu, không được họp tập bè đảng làm việc trộm cướp: Chb. XXIV, 38

Cấm người buôn Trung Quốc ở lẫn với dân bản xứ: Chb. XLII, 21

Cấm sở tuần ti và sở tuần sát sách nhiễu người buôn bán: Chb. XLII, 4

Cửu Chân đong thóc gạo của Giao Chỉ: Tb. II, 9

Đặt chức thị trưởng ở các chợ: Chb. XXII, 24

Đặt ở các trường mậu dịch mỗi trường 4 người lại sử: Chb. XXIII, 15

Định lệ cấm về việc mua bán muối và sắt: Chb. V, 21

Đong thóc ở Sơn Nam và Nghệ An, cứ 50 bát quan thóc trị giá một quan tiền. Mỗi bát quan đếm được 84.000 hạt thóc: Chb. XXXIX, 6

Hợp Phố đong thóc lúa ở Giao Chỉ để làm lương thực: Tb. II, 25

Khi trấn thủ Thuận Hoá, Phạm Ngô Cầu chuyên tâm về việc buôn bán: Chb. XLVI, 15

Lập trang Vân Đồn: Chb. IV, 43

Lữ Hậu, nhà Hán cấm bán đồ sắt ở cửa ải nước Nam Việt: Tb. I, 22, 25, 26

Nguyễn Lệ trình bày 4 điều về việc cứu đói, trong ấy có 3 điều nói về việc buôn bán: Chb. XLV, 3

Người Mán mua bán đổi chác ở châu Vị Long: Chb. II, 16–17

Nhiều người buôn bán nón thuỷ lạp và nón sơn đỏ: Chb. XXI, 14

Sang Trung Quốc mua nhiều thứ hàng: Chb. XIX, 27

Thuyền buôn các nước ngoài tụ tập ở Vân Đồn: Chb. IX, 48

Thuyền buôn người Tống dâng tấm vải hoả cán: Chb. IX, 46

Thuyền buôn Trung Quốc khi sang nước ta, có chở cả người Trung Quốc định sang cư trú: Chb. VIII, 39

Trần Dụ Tông sai tư nô trồng các thứ rau và làm quạt để bán: Chb. X, 15

Trần Khánh Dư làm nghề buôn than ở sông Bình Than: Chb. VII, 27

Tục dân ở Vân Đồn, chuyên làm nghề buôn bán. -Trần Khánh Dư cho người buôn bán nớn Ma Lôi bán cho quân sĩ: Chb. VIII, 5

Vì cấm sở tuần ti và bến đò đánh thuế trái phép, nên việc buôn bán không bị đình trệ: Chb. XLIII, 17; XLIV, 10

Vì dân bị nạn đói, nên cho phép thóc gạo được buôn bán lưu thông, không đánh thuế: Chb. XXXIX, 9

Xin đổi chác mua bán ở Liêm châu và trấn Như Hồng: Chb. I, 43

60. TIỀN TỆ

Bãi bỏ trường đúc tiền ở các trấn: Chb. XLI, 19

Ban tiền bạc cho dân: Chb. III, 15

Ban tiền cho sư: Chb. XVI, 15

Ban tiền Minh Đạo cho các quan: Chb. III, 7

Ban tiền và lụa cho các kỳ lão: Chb. II, 8

Ban tiền và lụa cho quần thần khi hội thề ở điện Thiên An: Chb. IV, 22

Ban tiền và lụa cho trong nước: Chb. II, 29

Bút chỉ tiền (triều Lê): Chb. III, 4

Cấm đúc tiền vụng trộm: Chb. XLIV, 6

Chi tiền "dưỡng liêm" cho các quan lại coi ngục: Chb. III, 27

Đặt chức quan giám đốc ở xưởng đúc tiền Nhật Chiêu, Cầu Giền, Sơn Tây và Thái Nguyên: Chb. XLII, 12

Đem tiền đồng giấu ở núi Thiên Kiện và tầng dưới cái tháp ở xã Khải Lãng: Chb. X, 46

Định giá tiền giấy: Chb. XII, 1

Định phép thông dụng tiền và bạc: Chb. XXXVIII, 35

Định thể lệ tiền tệ: tiền "thượng cung" tiền "tỉnh mạch": Chb. VI, 4

Đơn vị tiền: sử tiền, cổ tiền, tiền gián, tiền quý : Chb. XXI, 2

Đơn vị tiền tệ được quy định: Chb. XVII, 18, 19

Đúc tiền "Diên Ninh": Chb. XVIII, 28

Đúc tiền ""Đại Trị Thông Bảo": Chb. X, 13

Đúc tiền (khi Lê Ngạ lên làm vua Vĩnh Thiên): Chb. XIII, 11

Đúc tiền kẽm, rồi lại bãi bỏ ngay: Chb. IX, 21

Mạc Đăng Dung đúc tiền kẽm: Chb. XXVII, 16

Mở trường đúc tiền ở Thuận Hoá: Chb. XLIV, 29

Nguyễn Nhữ Cái ở Đà Giang làm tiền giấy giả: Chb. XI, 35

Những biện pháp để giữ vững tiền giấy: Chb. XII, 1

Phát hai vạn quan tiền để làm chùa: Chb. II, 11

Phát tiền, kho nội phủ để chuộc những gái nghèo bị cầm đợ: Chb. IV, 7

Tha nửa tiền thuế trong một năm cho dân: Chb. III, 11

"Thông bảo hội sao" (tiền giấy), có 7 loại: 10 đồng, 30 đồng, 1 tiền, 2 tiền, 3 tiền, 5 tiền và 1 quan: Chb. XI, 24

Thu hết tượng đồng ở các đền chùa để đúc tiền: Chb. XLVII, 4–5

Thưởng tiền cho các quan hộ giá đi Lam Kinh: Chb. XVIII, 2

Thưởng tiền và lụa cho bầy tôi có công giúp việc lên ngôi: Chb. IV, 19

Thưởng tiền và lụa cho các tướng sĩ đi đánh động Ma Sa: Chb. IV, 10

Tiền bổng lộc hằng năm cấp cho các quan: Chb. XVIII, 32

Tiền đền mạng: Chb. XVIII, 23

Tiền Thiên Phúc: Chb. I, 20

Tiền "Thuận Thiên thông bảo".– Lai lịch tiền giấy: Chb. XV, 14–15

61. TÍN NGƯỠNG

Bốn câu sấm nói Trần Chân sẽ làm vua: Chb. XXVI, 38

Trần Cao tin câu sấm: phương đông có khí sắc thiên tử. -Khi dấy quân, Cao tự xưng là Đế Thích giáng sinh : Chb. XXVI, 25, 26

62. TÔ THUẾ

Bãi thuế: Tb. IV, 36

Bắt đầu đánh thuế dân đinh, mỗi người phải nộp 3 quan tiền: Chb. X, 44-45

Bỏ bớt sở tuần ti ở các trấn: Chb. XXXVII, 11

Bỏ các thuế thổ sản: Chb. XXXVII, 21, 22

Bỏ phép đánh thuế muối: Chb. XXXVII, 27, 28

Bỏ thuế ngoại ngạch: Chb. XXXVI, 33

Các thứ thuế hiện vật do người Minh đánh vào dân ta: Chb. XII, 42; XIII, 3

Dân nộp thuế ba năm: Tb. IV, 33

Đại xá: Chb. I. 23; II, 35, 40; III, 1; IV, 30; V, 18-19

Đánh thuế châu Hoan, châu Ái: Chb. I, 24

Đánh thuế thuyền buôn: Chb. XI, 39

Đặt mười ba sở tuần ti: Chb. XXXIII, 11, 12

Đặt thêm sở tuần ti ở các trấn: Chb. XXXVI, 12

Đặt thuế khoá ti, Hà Bạc sở để kiểm soát muối và đánh thuế muối: Chb. XII, 43, 44

Định lại phép tô ruộng: Chb. XXXVII, 2, 3

Định ngạch thuế ruộng đất ở Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XXVIII, 12

Định phép quân bình thuế khoá và dao dịch: Chb. XXXV, 20, 37

Định phép thuế "tô" và "dung", thuế tô đánh vào ruộng đất và

bãi trồng dâu, thuế dung đánh vào người đinh nam có ruộng: Chb. XI, 44

Định thể lệ thuế bãi ở Thanh Hoa: Chb. XXX, 17

Định thuế thổ sản: Chb. XXXVI, 20, 21

Đối với các châu Thăng Hoa, Tư, Nghĩa, người Minh Chư thi hành được thuế khoá, sưu dịch: Chb. XII, 43

Giảm bớt thuế tô và điệu cho tứ trấn và Thanh, Nghệ: Chb. XXXVII, 12

Giảm nhẹ thuế khoá: Chb. XVI, 31; XVII, 28

Giảm nhẹ tô thuế cho dân Thanh, Nghệ và kinh kỳ: Chb. XXXVI, 15, 16

Giảm thuế đầm nước: Chb. XVIII, 18

Giảm thuế khoá ở trấn Cao Bằng: Chb. XXXVI, 30, 31

Giảm thuế ruộng và thuế nhân đinh vi ở kinh sư bị nạn đói: Chb. XX, 29

Hoành đầu, số phụ thu một phần mười (1/10) ngoài chính ngạch: Chb. III, 3-4

Lý hộ cũ hằng năm nộp nửa tô: Tb. IV, 20

Miễn các ngạch thuế ở Thanh Hoa: Chb. XXXIV, 49

Miễn tô ruộng tư cho các quan: Chb. XXXVI, 6, 7

Miễn tô thuế và sưu dịch cho mấy trăm hộ ở chỗ quốc sư Minh Không được ăn lộc: Chb. IV, 31

Nhà Minh miễn tô thuế ba năm, sau khi xâm lược, đặt quận huyện ở ta: Chb. XII, 20, 26

Quy định phép thu tô: Chb. IV, 1

Quy định số ngạch thuế khoá: Chb. XV, 26

Sáu thứ thuế đời Lý: Chb. II, 15-16

Tăng thuế dung, thuế điệu đối với người trú ngụ và bọn tạp lưu: Chb. XXXVII, 15

Tha một nửa thuế điền: Chb. VI, 24

Tha một nửa thuế đinh: Chb. XXXII, 2-3

Tha nửa tiền thuế: Chb. III, 1

Tha thuế ba năm và những thuế cũ còn thiếu: Chb. II, 11

Tha thuế bỏ thiếu từ mấy năm trước: Chb. XXXVI, 19, 21

Tha thuế đinh, thuế điền nhân dịp tiết vạn thọ: Chb. XVI, 20

Tha thuế đinh và thuế điền thổ: Chb. XXXIII, 7

Tha thuế nhân đinh, vì dân bị nạn đới: Chb. VIII, 16

Tha tô ruộng và các thuế khác trong hai năm: Chb. XV, 8

Tha tô thuế: Chb. IV, 1

Tha tô thuế ba năm: Chb. II, 19

Tha tô thuế cho dân Trường An và Phụng Thiên: Chb. XXXV, 13

Tha tô thuế và dao dịch cho những nơi bị quân Nguyên tàn phá: Chb. VIII, 9

Thể lệ đánh thuế vỏ quế và đồng: Chb. XXXV, 34

Thể lệ thuế nhân đinh và thuế bãi trồng dâu: Chb. XXII, 27; XXIV, 30

Thể lệ thuế thân của dân đinh: Chb. XXV, 7, 8

Thể lệ thuế vàng và bạc : Chb. XXVI, 14, 15

Thi hành phép đánh thuế muối: Chb. XXXV, 42

Thi hành thể lệ quân bình sổ hộ: Chb. XXXIII, 29, 30

Thi hành thuế tô, dung và điệu: Chb. XXXVI, 9-12

Thời Minh thuộc, sưu cao, thuế nặng: Chb. XII, 43; XIII, 1

Thu tiền làm luỹ bằng gỗ: Tb. IV, 36

Thuế đánh vào năm mươi hộ hoặc trăm hộ để làm "lộc" cho quan: Chb. XVIII, 32

Thuế ruộng công, ruộng tư, ao, thả cá, ruộng làm muối, cây cau, cây an tức. Tô thuế vừa thu bằng thóc vừa thu bằng tiền. Dân gian có vàng bạc dù là phân lạng cũng phải nộp vào quan. Con cá, lá rau cũng phải chịu thuế: Chb. VI, 21, 22

Tô ruộng, lực dịch: Tb. V, 15

Truy thu tô thuế. -Thuế nhân đinh, thuế ruộng: Chb. XX, 1

Tu tri bạ khai trình về hộ khẩu, ruộng đất, lương thực: Chb. XII, 47

Xá hai tháng thuế bến đò và cửa ải cho trấn Thanh Hoa: Chb. XXXVII, 29

Xá một nửa thuế nhân đinh: Chb. IX, 43

Xá một nửa thuế ruộng: Chb. X, 6

Xá một nửa tô thuế: Chb. X, 16

Xá nửa tiền thuế: Chb. III, 1

Xá thuế cho dân đinh và thuế tuần ti, thuế bến đò: Chb. XXXIV, 10

Xá thuế cho những nơi nào còn bỏ thiếu lại đã lâu năm: Chb. XXX, 22

Xá tô thuế: Chb. XXXVIII, 12

63. TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ

An Nam đô hộ: Tb. II, 4

An Nam Đô hộ phủ: Tb. IV, 18-20, 25

Ấn đồng, thao xanh: Tb. I, 2

Ấn Giao Chỉ quận vương: Chb. I, 43

Ấn thừa tướng bằng bạc: Tb. I, 30

Ấn và thao do nhà Hán ban cho Triệu Đà: Tb. I, 20, 22

Ấn và thao do tướng Hán cấp cho những người Nam Việt đã đầu hàng: Tb. II, 1

Ban cho Lý Bất Nhiễm tước hầu, thái ấp và 1.500 hộ để ăn lộc: Chb. V, 39

Ban hiệu quốc sư và thưởng vài trăm hộ cho sư Minh Không: Chb. IV, 31

Biên soạn *Thông chế và lễ nghi*: Chb. X, 32

Biên soạn *Triều điển* và *Hình thư*: Chb. IX, 41

Bỏ Đô hộ phủ, đặt Hành Giao Châu ở Hải Môn: Tb. V, 3, 5, 6

Các quan trong triều và các lộ phải khảo hạch các tớ thuộc: Chb. IX, 37-38

Cấp bổng lộc cho các ngục lại: Chb. III, 27

Cầu người nói thẳng: Chb. III, 37

Chẩn tế tù đồ: Chb. III, 21

Châu mục và thứ sử: Tb. II, 17, 18

Chế độ giám trị quận huyện của Hán: Tb. III, 18, 19

Chế độ và địa vị thứ sử do Hán đặt ở Giao Chỉ: Tb. II, 16-18

Chế độ về thuyền của thái hậu và cung phi: Chb. IX, 18

Chia đất Chiêm Động và Cổ Luỹ làm bốn châu: Chb. XI, 42

Chia trong nước làm 12 lộ. Chia dân đinh ra từng hạng. Đánh thuế ruộng đất: Chb. VI, 21-22

Chia trong nước làm mười lăm bộ: Tb. I I, 3-5

Chiêu an dân chúng ở châu Quảng Nguyên: Chb. IV, 38

Chiêu linh thái hậu "vận động" phế lập: Chb. V, 17-18, 19, 21-22

Cho công thần từ 80 tuổi trở lên, vào chầu, được chống gậy, ngồi ghế: Chb. III, 33

Cho Lý Công Tín được vào cung cấm tâu bày công việc: Chb. IV, 30

Cho nhà giàu nộp thóc rồi ban thưởng quan tước: Chb. X, 34, 37

Cho phép Phùng Tá Chu, tri phủ Nghệ An, được tự quyền ban tước phẩm cho người khác: Chb. VI, 5

Cho thái tử coi chầu và xét xử chính sự: Chb. III, 20

Cho thái tử ra ở ngoài thành để hiểu biết công việc dân gian: Chb. II, 14

Chọn học trò có tài năng văn học bổ giữ việc ở quán, các, sảnh và viện: Chb. VII, 9

Dời kinh đô vào Thanh Hoá: Chb. XI, 30-31

Dời trị sở Đô hộ phủ đến Tống Bình: Tb. IV, 32

Dùng Đỗ Anh Vũ làm cung điện lệnh tri nội ngoại sự: Chb. IV, 34

Dùng hoạn quan làm chức Hành khiển: Chb. VI, 37; VIII, 40

Dùng Lý Thường Kiệt kiêm chức Nội thị phán thủ đô áp nha hành điện nội ngoại đô tri sự: Chb. IV, 3

Dùng văn quan trông coi về việc các chùa chiền: Chb. III, 46

Duyệt số dân đinh: Chb. V, 9-10

Đặt binh làm giáp, đổi hoả đầu làm chính thủ: Chb. II, 24

Đặt chức liêm phóng sứ ở các lộ, để dò xét dân tình, lại tệ: Chb. XI, 37

Đặt "hộp thư" ở sân rồng: Chb. V, 9

Đặt lại các tên quan chức: Chb. IX, 44

Đặt lại quan chế văn võ: Chb. I, 40 - 41

Đặt làng mạc cho người Chiêm Thành cư trú: Chb. III, 10

Đặt tên gọi các chức bách quan: Chb. III, 46 - 47

Đặt trạm Hoài Viễn và bảy trạm khác để cho người các nước xa cư trú khi đến triều cống: Chb. III, 10

Đem thóc phát chẩn cho dân nghèo: Chb. V, 27

Đi tuần đường biển: Chb. V, 15

Định chức quan ở lộ, phủ, châu và huyện: Chb. XI, 28

Định lại các lộ, phủ ở Hoan Châu, Diễn Châu và Lâm Bình: Chb. X, 36

Định lệ cấm về việc mua bán muối và sắt: Chb. V, 21

Định lương bổng các quan, dùng tiền thuế để cấp phát: Chb. VI, 26

Định nghi lễ trong triều: Chb. VI, 11

Định quan chế và hình luật: Chb. XI, 41

Định quan hàm các đại thần: Chb. VI, 14-15

Định quy chế dùng kiệu, dùng ngựa và quân hầu: Chb. VI, 36

Định quy chế dùng thuyền và xe: Chb. VI, 19

Định quy chế mũ áo của các quan: Chb. VIII, 37-38

Định quy chế mũ áo từ quan nhất phẩm đến người không có phẩm trật và hoành nô: Chb. XI, 25

Định quy chế thuyền, xe, kiệu, tàn, đồ mặc và nghi trượng: Chb. X, 37-38

Định rõ phép xét thành tích: Chb. V, 11

Định thể lệ phong ấm cho những người trong tôn thất: Chb. VII, 8

Đổi châu Ô, châu Lý làm Thuận Châu và Hoá Châu: Chb. VIII, 44

Đổi giáp làm hương (làng): Chb. VIII, 25

Đổi Hành Khiển ti là Môn Hạ sảnh, còn Nội Thư Hoả cục vẫn để làm Nội Mật viện: Chb. IX, 22

Đổi họ Lý làm họ Nguyễn: Chb. VI, 12

Đổi lịch *Thụ thì* làm lịch *Hiệp kỷ*: Chb. IX, 39-40

Đổi lộ, phủ làm trấn, bỏ đại tư xã và tiểu tư xã, duy quản giáp vẫn để như cũ: Chb. XI, 27

Đổi mười đạo làm hai mươi bốn lộ; đặt Ái Châu và Hoan Châu làm trại: Chb. II, 12

Đổi quốc hiệu là Đại Việt: Chb. III, 20

Đổi tên ba châu của Chiêm Thành và di dân đến ở: Chb. III, 34

Đổi ti Bình Bạc ở kinh sư làm Đại an phủ sứ: Chb. VII, 7

Được nhà Tống thừa nhận là một nước: Chb. V, 12-13

Giao Châu đại tổng quản: Tb. IV, 16

Giao thái tử trông coi việc nước: Chb. II, 35, 37, 38

Gọi vua là triều đình, là Vạn Thặng, là Phật: Chb. II, 38

Hạ chiếu khuyến nông: Chb. III, 22

Hán dùng Lý Tiến, người nước ta, làm thứ sử Giao Chỉ: Tb. II, 25, 26-28

Hán đặt chín quận và liệt làm bộ Giao Chỉ: Tb. II, 3-6

Hán đặt chức tướng binh trưởng sử ở Tượng Lâm: Tb. II, 15

Hán đặt Giao Chỉ làm Giao Châu: Tb. III, 29, 30

Hán Thương đổi lịch *Hiệp kỷ* nhà Trần làm lịch *Thuận Thiên*: Chb. XI, 37

Họp kỳ lão trong nước ở điện Diên Hồng, hỏi về kế đối phó với quân Nguyên: Chb. VII, 30

Hội họp các quan ăn thề ở đền Đồng Cổ: Chb. VI, 5; XI, 34

Hội minh ở miếu thần Đồng Cổ: Chb. II, 29-30

Hội thề điện Thiên An: Chb. IV, 34

Hội thề ở cửa Đại Hưng: Chb. IV, 23

Hội thề ở điện Thiên An: Chb. IV, 22

Hội thề quần thần ở điện Thiên An: Chb. V, 18

Khi thái tử đã khôn lớn, vua cha truyền ngôi cho. Vua cha xưng là thượng hoàng, quyết đoán công việc trong nước. Thượng hoàng và thần dân gọi thái tử là "quan gia": Chb. VI, 45; VIII, 22, 23

Khúc Hạo tổ chức xã, giáp, v.v...: Tb. V, 15

Khúc Thừa Dụ làm tiết độ sứ: Tb. V, 14

Lạc hầu, Lạc tướng, Bồ chính, Quan lang, Mị nương, Phụ đạo: Tb. I, 5

Lạc vương, Lạc tướng: Tb. I, 2; II, 3

Lại đi tuần đường biển và biên giới Nam, Bắc: Chb. V, 15

Làm sổ dân đinh ở các lộ: Chb. VI. 24 ; Chb. X, 33

Làm sổ hộ, kê khai từ người 2 tuổi trở lên: Chb. XI, 39-40

Lập bí thư các: Chb. III, 45

Lập kho tào thương ở các lộ: Chb. IX, 38

Lấy hai mươi bốn lộ trong nước làm ấp thang mộc cho công chúa Phật Kim: Chb. V, 40 - 41

Lệnh "kiểm điểm tài sản" và phép "sa châu tiệt cước": Chb. X, 29-30

Lộ Bác Đức, tướng Hán, dùng hai quan sứ làm thái thú ở Giáo Chỉ và Cửu Chân, lại để các Lạc tướng cai trị nhân dân như cũ: Tb. II, 2, 3

Lộ, phủ, châu: Chb. I, 35

Lý Phật Tử: Tb. IV, 11

Lý Phật Tử, Triệu Việt Vương chia cắt ranh giới: Tb. IV, 11

Lý Thiên Bảo, Triệu Quang Phục: Tb. IV, 7-9

Lý Thiên Bảo xưng Đào Lang vương: Tb. IV, 9

Mỗi khi có chiếu đại xá, thì viện Hàn Lâm khởi thảo, chức Hành khiển tuyên đọc; nhưng khi viện Hàn Lâm thảo xong, phải đưa trước bản thảo cho viện Hành khiển tập đọc: Chb. VIII, 9-10

Mười đạo đời Đinh: Chb. I, 5

Ngô Quyền đóng đô Cổ Loa: Tb. V, 20

Ngô Tôn Quyền dùng Bộ Chất làm thứ sử Giáo Châu: Tb. III, 1

Nhà Đường chia Lĩnh Nam làm hai đạo Đông và Tây: Tb. V, 1

Nhà Đường đặt Tĩnh hải quân ở An Nam: Tb. V, 10

Những người hai lần đánh được quân Nguyên và có chiến công đặc biệt được ghi chép và vẽ hình vào tập *Trùng hưng thực lục*: Chb. VIII, 12-13

Nước Vạn Xuân: Tb. IV, 2

Phái quan văn đi cai trị các lộ và phủ: Chb. VI, 25 ; Chb. VIII, 15

Phát chẩn cho dân nghèo bằng tiền và thóc: Chb. III, 29

Phẩm cấp văn võ đời Đinh: Chb. I, 4

Phong hiệu và lập miếu cho các Thần linh: Chb. V, 23

Phong phẩm tước cho các quan có công giúp vua Trần trong khi được Chiêu Hoàng nhường ngôi: Chb. VI, 2

Phong thưởng người có công đánh giặc và trị tội kẻ đầu hàng: Chb. VII, 42

Phong tước vương cho Tô Hiến Thành: Chb. V, 17

Phong vương, phong hầu cho các con: Chb. II, 39

Phong vương và chia đất cho các con: Chb. I, 26

Phục Đăng Chi: Tb. III, 31

Quản giáp: Chb. I, 24

Quy định hội điển rồi thi hành: Chb. IV, 2

Quy định thể lệ cấm bán ruộng đất: Chb. IV, 39

Sát hạch quan lại và làm sổ hộ tịch ở Phú Lương: Chb. IV, 42

Sớ của Tiết Kính Văn nói về việc dùng người sang cai trị Giao Châu: Tb. III, 5-8

Tên gọi Giao Châu bắt đầu xuất hiện: Tb. II, 30

Thái hậu buông mành tham dự chính sự: Chb. III, 31

Thày vua (đế sư): Chb. V, 21

Thăng làng Tức Mặc lên làm phủ Thiên Trường: Chb. VII, 4

Thắt nút dây: Tb. I, 2

Thi những người văn học để bổ vào Hàn lâm viện: Chb. III, 45

Thiên đô lên Thăng Long: Chb. II, 9

Thừa Mỹ làm tiết độ sứ: Tb. V, 16

Thưởng công cho những người đánh được Chiêm Thành: Chb. XI, 13

Tôn cha là Trần Thừa làm thái thượng hoàng quyết đoán công việc lớn trong nước: Chb. VI, 4

Tổng quản tri quân dân sự: Chb. I, 22

Trần Hưng Đạo được tự quyền phong tước cho người khác: Chb. VIII, 34

Trần Thủ Độ được thống lĩnh mọi việc trong nước và đem quân đánh dẹp các nơi: Chb. VI, 1

Trấn Nam Đô hộ phủ: Tb. IV, 11

Triệu Đà đặt hai quan sứ để coi quản Giao Chỉ và Cửu Chân: Tb. I, 19, 20

Triệu Quang Phục xưng vương: Tb. IV, 10

Trước kia, dùng người tôn thất làm đại thần cầm quyền trong chính phủ; đến đời Trần Anh Tông mới bổ dụng người ngoài: Chb. VIII, 43

Tước đại liêu ban: Chb. II, 35

Vời quần thần hội nghị vì có hạn hán: Chb. IV, 32-33

Xét cấp bậc các quan văn, quan võ, cấp cho số hộ và nhân khẩu: Chb. IX, 12

Xét công các quan: Chb. X, 32

Xét duyệt quan văn, quan võ, đặt thuộc viên ở sảnh và viện: Chb. IX, 37

Xét định các hạng danh sắc ở Nghệ An: Chb. VI, 13

Xét hộ khẩu trong nước: Chb. VII, 43

Xét lý lịch các quan ở trong kinh và ngoài các lộ: Chb. VI, 29

Xét quan tịch các quan văn,quan võ: Chb. X, 34

Xét sổ dân đinh: Chb. VII, 21

Xét thành tích các quan lại: Chb. V, 20

Xét trướng tịch ở Thanh Hoá: Chb. VI, 6-7, 19

Xuống chiếu cầu hiền: Chb. V, 21

64. TỔ CHỨC HỌC TẬP

Bàn định tôn sùng việc học Kinh, Truyện: Chb. XXXVII, 22

Bùi Huy Bích đến Quốc Tử Giám để khuyến khích sĩ tử đọc sách, tập văn: Chb. XLVI, 13

Cấp ruộng cho trường học: Chb. XXXVI, 8, 9

Đặt Bí Thư các: Chb. XLII, 15

Đặt chức quan ở Quốc Tử Giám trông coi việc dạy học: Chb. XXXIV, 31, 32

Đặt chương trình học tập ở quốc học và huyện học: Chb. XLIII, 13

Định phép học võ và thi võ: Chb. XXXV, 36

Định quy chế việc học tập: Chb. XLV, 15

Định thể lệ học tập ở trường quốc học và hương học: Chb. XXXV, 36, 37

Phạm Công Trứ giữ việc dạy học ở Quốc Tử Giám: Chb. XXXII, 40

Ra mẫu mực cho quan dạy học trò để chỉnh đốn lại văn thể: Chb. XLII, 14, 15

65. TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI

Bãi bỏ lệnh cấm nhân dân biên trấn cất giấu binh khí: Chb. XLIV, 2

Bãi bỏ vệ binh trước đặt ở phủ Trường Yên: Chb. XLII, 5

Binh chế triều Lê và thể lệ cấp tiền hoặc thóc cho binh lính: Chb. XLIV, 12 - 16

"Binh lính cần tinh nhuệ, không cần nhiều": Chb. VIII, 1

Bỏ việc bắt lính trốn và bãi bỏ lệnh mộ lính: Chb. XXXVII, 28

Bọn Nguyễn Quý Cảnh chia nhau quản lãnh hương binh ở gần kinh kỳ: Chb. XXXIX, 19, 20

Bổ sung quân ngũ và sắm sửa thuyền chiến: Chb. X, 34

Bốn viên đô đốc vào cung quản lãnh quân bốn vệ. - Số quân ở các đội và các cung: Chb. XXXIII, 1

Các quan võ được phép đề cử người có thao lược tài trí; con em nhà tướng được tự đề cử: Chb. XXXIV, 16

Cấm binh đinh thay đổi riêng với nhau: Chb. XLII, 25

Cấm tướng sĩ cướp bóc nhân dân: Chb. XXXVIII, 34

Cấp ruộng khẩu phần cho binh lính: Chb. XXXVI, 7; XXXVII, 3

Cấp ruộng khẩu phần cho lính tứ trấn: Chb. XLII, 30

Cho vương hầu sắm khí giới, luyện quân sĩ: Chb. X, 4

Cử hành lễ duyệt binh trọng đại: Chb. XXXVI, 26, 27

Duyệt binh: Chb. XI, 23, 41

Duyệt binh ở Đông Bộ Đầu: Chb. VII, 29-30

Duyệt binh ở Nhị Hà: Chb. XLI, 24

Duyệt cấm quân ở điện Thiên An: Chb. X, 2

Đặt đô Phù Liễn gọi là Long Vệ tướng, rồi lại đổi là Khấu Mã quân: Chb. IX, 11

Đặt đồn luỹ ở châu Bạch Thông: Chb. XXXVIII, 8

Đặt hai mươi đô Phong Đoàn ở các lộ: Chb. IX, 45

Đặt hiệu quân ở tứ trấn: Chb. XLIV, 24, 25

Đặt hương binh ở Sơn Nam, Sơn Tây và Hải Dương, lập đồn canh giữ: Chb. XXXIX, 1

Đặt quan *sát hải sứ* và *bình hải quân* ở Vân Đồn: Chb. IX, 48

Đặt thêm hiệu quân. Hiệu quân nào cũng có ký hiệu riêng xăm vào trán: Chb. X, 36

Đặt thêm hiệu quân làm đô Toàn Kim Cương và chia quân thiên thuộc làm đô Phù Đồ thượng và đô Phù Đồ hạ: Chb. IX, 3

Đặt thêm quân hiệu, các đô đều thích chữ vào trán: Chb. VIII, 26

Đặt vệ binh ở Cao Bằng: Chb. XLIII, 18

Đi tuần và canh giữ ở các cửa ải và bến sông: Chb. XI, 17

Điều động quân thuỷ, quân bộ tập trận. Hạ lệnh cho Quốc Tuấn thống lĩnh các quân: Chb. VII, 29

Định điều lệ về quân chính: Chb. XXXIX, 12, 13

Định hiệu quân, có những hiệu: Tứ Thiên, Tứ Thánh, Tứ Thần,

Thiên Thuộc, Thiên Cương, Chương Thánh, Củng Thần, Thánh Dực và Thần Sách: Chb. VI, 27

Định lệnh truy tặng và ân tuất cho tướng sĩ bị chết trận: Chb. XXXV, 2, 3

Định quân ngũ. Dùng người trong tôn thất để cai quản: Chb. VII, 10

Định rõ ngạch lính ở tứ trấn và Thanh,Nghệ: Chb. XXXV, 40

Định rõ quy chế binh lính. Dân đinh khoẻ mạnh suốt đời làm lính, không được làm quan: Chb. VIII, 25

Định thể lệ tuyển và mộ lính nhất binh: Chb. XXXVI, 33

Đỗ Tử Bình duyệt quân Lâm Bình và Thuận Hoá: Chb. X, 16

Đổi hiệu quân Vũ Tiệp làm quân Thiết Ngạch: Chb. IX, 8

Đổi lại vệ binh đặt thành cơ đội, cho một nửa tại ngũ, một nửa về làm ruộng: Chb. XL, 25

Hoàng Ngũ Phúc dâng 12 điều binh pháp. - Ngũ Phúc vay một vạn quan tiền công để mộ tráng sĩ: Chb. XXXIX, 28, 29

Hoàng Ngũ Phúc định 37 điều quân lệnh: Chb. XLI, 4

Hội họp quân sĩ ở Bồ Đề: Chb. XL, 33, 34

Hưng Đạo vương hội họp quân các lộ ở Vạn Kiếp: Chb. VII, 32

Kén đinh tráng ở Sơn Nam, bổ sung quân đội: Chb. XL, 32

Kén hương binh: Chb. XXXVIII, 34

Kén lính ở Thanh Hoa: Chb. XXXIX, 11

Kén lính ở Thanh, Nghệ: Đặt chức tổng cán: Chb. XLII, 14

Kén lính Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XLIII, 29, 30

Kén quân ngũ, cứ người nào béo trắng là hơn: Chb. IX, 20

Kén thêm thuỷ binh: Chb. XXXVIII, 31

Kén thêm ưu binh ở Thanh, Nghệ: Chb. XXXVIII, 21, 20

Kén vệ binh ở tứ trấn: Chb. XLIII, 25

Không cho quân Thiên Thuộc học tập văn nghệ: Chb. VII, 23

Lại tuyển những lính đã thải ở tứ trấn: Chb. XXXVIII, 10, 11

Lập phép đoàn kết: Chb. XXXVIII, 14

Lê Quý Ly tuyển những quan viên thông thạo võ nghệ thao lược làm tướng các hiệu quân: Chb. X, 36

Mộ lính ở các trấn: Chb. XXXVIII, 12

Năm điều về quân sự ở Nghệ An do Bùi Thế Đạt trình bày: Chb. XLII, 17

[illegible]

Quân thuỷ, quân bộ sửa soạn chiến khí, chiến thuyền và tập trận: Chb. VII, 4

Quân Tứ Tương (sương) dùng để canh giữ cửa thành: Chb. VI, 9

Quý Ly duyệt binh ở Hoá Châu: Chb. XI, 15

Sai lính Thái Nguyên đi thú thủ Cao Bằng: Chb. XXXVI, 14

Sai quan đi kén lính ở Thanh Hoa và Nghệ An: Chb. XXXIX, 24

Thải bớt lính đã mộ (chí nguyện quân): Chb. XXXVII, 29

Thải bớt số lính mới tuyển: Chb. XXXVIII, 3

Thể lệ bắt lính trốn: Chb. XXXIV, 49, 50

Thi hành luật binh lính bỏ trốn: Chb. XLIV, 8

Thiếu Thốn khéo phủ dụ quân sĩ: Chb. X, 19

Thu hết chuông khánh ở chùa chiền đúc binh khí: Chb. XXXVIII, 34, 35

Thưởng tiền cho quân sĩ: Chb. XLV, 4

Trần Duệ Tông duyệt binh ở sông Bạch Hạc và sai quân dân Thanh Hoá, Nghệ An tải 5 vạn hộc lương chứa ở Hoá Châu: Chb. X, 38

Trần Hưng Đạo đốc suất các vương hầu chiêu mộ binh lính, sắm sửa vũ khí: Chb. VII, 44

Trần Khánh Dư bắt quân ở Vân Đồn phải đội nón Ma Lôi, không được đội nón Trung Quốc: Chb. VIII, 5

Trận đồ bát quái cửu cung của Trần Hưng Đạo: Chb. VIII, 36

Trịnh Cương đặt sáu doanh: Chb. XXXVI, 5, 6

Trong quân Thiên Thuộc có tên Mặc đồ thái học sinh, nhưng bị trả về quân tịch và bổ làm người lại trong quân Thiên Đình: Chb. IX, 20

Tuyển dân đinh, chia làm ba hạng quân, sắm chiến thuyền và chiến khí: Chb. X, 18

Tuyển dân đinh khoẻ mạnh sung làm lính, ngoài ra sung vào sắc dịch ở sảnh, viện, cục và đội Tuyển Phong ở phủ, huyện và lộ: Chb. VII, 1

Tuyển đinh tráng các lộ sung vào ngạch cấm quân: Chb. IX, 42

Tuyển lính: Chb. X, 37, Chb. XXXII, 4

Tuyển lính, chia ra ba bậc: thượng, trung và hạ: Chb. VI, 20

Tuyển người có tài trí mưu kế bổ sung vào quân ngũ: Chb. XXXVIII, 28

Tuyển người khoẻ mạnh, am hiểu vũ nghệ sung vào quân túc vệ: Chb. VI, 20

Tuyển thêm quân ở tứ trấn: Chb. XXXIII, 21

Tuyển vệ sĩ quản lĩnh các hiệu quân: Chb. X, 43

Xếp đặt vệ binh ở tứ trấn: Chb. XXXIX, 25, 26

66. TÔN GIÁO

Ban hiệu quốc sư cho sư Khô Đầu và dùng để bàn hỏi việc nước: Chb. III, 46

Ban hiệu quốc sư và thưởng mấy trăm hộ để ăn lộc cho sư Minh Không: Chb. IV, 31

Ban khoa giáo nhà Phật cho dân gian: Chb. VIII, 30

Ban phẩm phục cho sư Huệ Hồng: Chb. XVI, 30

Bắt ba thị nữ tuẫn táng: Chb. IV, 8

Các nhà trạm ở dọc đường đều đắp tượng Phật để thờ: Chb. VI, 11

Các ti Tăng cương, Đạo kỷ. -Truyền bá kinh Phật: Chb. XIII, 3-4

Cấm đạo Hoà Lan: Chb. XLI, 25; XLIV, 9

Cấm tả đạo: Chb. XIV, 12

Cấm tuyên truyền đạo Gia Tô: Chb. XXXIII, 5, 6; XXXIV, 35; XXXV, 10, 11

Cấp người trông nom quét tước ở các lăng tẩm đế vương và nhà thờ, mồ mả công thần các triều đại: Chb. XV, 8

Chia chùa chiền làm ba hạng danh lam: lớn, vừa, nhỏ. Chùa có điền nô và kho chứa đồ vật: Chb. III, 46

Cho các đạo sĩ nhận "ký lục": Chb. II, 36

Chùa Cẩm Y: Chb. II, 11

Chùa Cổ Pháp: Chb. II, 7

Chùa Hưng Thiên ngự tự: Chb. II, 11

Chùa Lãm Sơn. Chia chùa chiền trong nước làm ba hạng danh lam. Đặt văn quan trông coi việc chùa: Chb. III, 45–46

Chùa Long Hưng: Chb. II, 11

Chùa Thánh Thọ: Chb. II, 11

Chùa Thắng Nghiêm: Chb. II, 11

Chùa Thiên Đức: Chb. II, 11

Chùa Thiên Quang: Chb. II, 11

Chùa Thiên Vương: Chb. II, 11

Chùa Tiêu Sơn: Chb. II, 7

Chùa Trường Liêu: Chb. II, 7

Chùa Trường Thánh: Chb. II, 38–39

Chùa Vạn Tuế: Chb. II, 11

Chữa chùa Diên Hựu. –Đúc chuông lớn. –Chuông Quy Điền: Chb. IV, 3

Cung Thái Thanh: Chb. II, 36

Cư sĩ chùa Phù Đổng: Chb. V, 39

Dâng tù binh Chiêm Thành ở nhà Thái miếu: Chb. III, 28

Dâng tù binh Ma Sa ở nhà Thái miếu: Chb. IV, 10

Dựng chùa Diên Hựu, chùa Một Cột: Chb. III, 14

Đại xá tội nhân vì khánh thành chùa Linh Cảm: Chb. IV, 32

Đảo vũ: Chb. IV, 42: Chb. IV, 7, 9

Đảo vũ chùa Báo Thiên: Chb. IV, 32

Đảo vũ ở Vu Đàn và chùa Báo Thiên: Chb. IV, 33

Đạo sĩ Nguyễn Khánh khuyên Trần Thuận Tông nên nhường ngôi vua đi tu tiên: Chb. XI, 32

Đắp đàn tế thần nông: Chb. II, 42

Đắp đàn Viên Khưu: làm chỗ tế trời: Chb. V, 6

Đặt chức tăng thống và xiển giáo giác nghĩa trong ti Tăng lục, chức đạo thống và diễn pháp huyền nghĩa trong ti Đạo lục: Chb. XXII, 24

Đến thờ Nhật Quang: Chb. III, 2

Đến Trần Hưng Đạo. Đến công thần các triều đại: Chb. XIV, 1-2

Đi các đền chùa để cầu tự: Chb. III, 26

Độ dân kinh đô và dân trong nước làm tăng (sư): Chb. II, 21

Đốt hương khấn trời: Chb. II, 15

Đúc 330 quả chuông đồng: Chb. VI, 39

Gọi vua là Phật: Chb. II, 38

Hằng năm, các quan hội họp tuyên thệ ở đền Đồng Cổ: Chb. VI, 5

Hoả táng Phù thánh linh nhân hoàng thái hậu: Chb. IV, 8

Hội thề: Chb. XVI, 3

Hứa Tông Đạo, đạo sĩ Trung Quốc, truyền bá các khoa cúng về phù thuỷ và làm chay làm tiếu sang nước ta: Chb. VIII, 39

Khánh thành Bảo Tháp: Chb. IV, 8

Khánh thành chùa Thắng Nghiêm thánh thọ: Chb. IV, 9, 32

Khuông Việt thái sư: Chb. I, 4

Lại sửa chùa Diên Hựu. -Xây bảo tháp. -Đào bích trì. -Trồng hoa sen. -Làm hành lang và cầu. -Mồng một và rằm, ngự giá đến vãn cảnh chùa: Chb. IV, 5

Làm 950 cảnh đền, chùa: Chb. II, 35-36

Làm chùa Chân Giáo và tụng kinh: Chb. II, 24

Làm chùa Sùng Khánh: Chb. III, 22

Làm hơn 100 cảnh chùa: Chb. IV, 6

Làm lễ cáo nhà Thái Miếu về việc chiến thắng Chiêm Thành: Chb. III, 10

Làm lễ nghênh xuân: Chb. III, 14

Làm lễ ở chùa Pháp Vân và đến thần núi Tản Viên để cầu tạnh mưa: Chb. III, 31-32

Làm lễ và rước tượng Phật ở chùa Pháp Vân để đảo vũ: Chb. IV, 23

Lập đàn tế xã tắc: Chb. III, 14

Lập miếu thờ Khổng Tử: Chb. V, 8-9, 15

Lập Văn Miếu: Chb. III, 30

Lập viện Địa tạng: Chb. III, 32

Lê Văn Linh sùng mộ thầy chùa: Chb. XVIII, 3

Lễ tạ các đền chùa vì được tin chiến thắng Chân Lạp: Chb. IV, 20-21

Lý Huệ Tông bị truất làm Huệ Quang thiền sư, ra tu ở chùa Chân Giáo: Chb. VI, 1

Lý Huệ Tông nhường ngôi cho con gái Phật Kim đi ở chùa Chân giáo: Chb. V, 41

Mở hội chùa: Chb. II, 35, 36

Mở hội Phật pháp ở sân rồng: Chb. IV, 44

Mở hội Thiên Phật: Chb. IV, 9

Mở hội Vu Lan. -Ban 220 quan tiền cho sư: Chb. XVI, 15

Nhà Tống biếu kinh Đại tạng: Chb. II, 38, 39

Những sư thông hiểu đạo Phật được trao cho chức Tăng Đường đầu mục và tri cung, tri quán, tri tự, tu nhân và thị giả. Những sư chưa đến 50 tuổi trở lên phải hoàn tục: Chb. XI, 23

Phát hai vạn quan tiền làm tám cảnh chùa: Chb. II, 11

Phát vàng bạc để đúc chuông lớn: Chb. II, 21

Phong sắc cho các thần linh: Chb. V, 23

Quốc Khang tri châu Diễn, dựng dinh thự nguy nga, sau dùng làm nơi thờ Phật: Chb. VII, 13

Rước tượng Phật để đảo vũ: Chb. XVI, 6-7; XVIII, 5

Sa thải thày chùa: Chb. V, 26

Sai sư làm phép điểm nhỡn cho tượng để thờ: Chb. XVI, 31

Sai sư tụng kinh để đảo vũ: Chb. XVIII, 5

Sai sư và đạo sĩ tụng kinh cầu đảo: Chb. V, 14

Sùng chân uy nghi: Chb. I, 4

Sửa lăng miếu đế vương các triều đại trước: Chb. XIV, 7

Tả giai đạo lục: Chb. VI, 26

Tăng lục đạo sĩ: Chb. I, 4

Tế thần Cao Mối : Chb. IV, 5

Thần Đồng Cổ: Chb. II, 29-30

Thi các thầy chùa: Chb. IX, 19

Thi Nho, Đạo, Thích: Chb. V, 26

Thờ thần vị Lý Thánh Tông: Chb. III, 32-33

Thờ "xá lị" (tàn xương sau khi hoả táng) của sư Nghiêm Bảo Tính và sự Phạm Minh Tâm: Chb. II, 38

Thường lập đàn cúng để cầu tự: Chb. IV, 6

Tiêu chuẩn những sư được cấp thẻ (thiếp) làm tăng: Chb. XV, 24

Tô tượng Phật, vẽ tranh Phật, làm bảo phan: Chb. III, 1

Trai giới đảo vũ: Chb. IV, 25

Trần Dụ Tông hỏi đạo sĩ Huyền Vân về phép tu luyện : Chb. X, 21-22

Trần Nhân Tông xả thân ở am Ngoạ Vân: Chb. VIII, 28

Trần Nhân Tông xuất gia, ở hành cung Vũ Lâm: Chb. VIII, 23

Trương Tân thích việc quỷ thần... đọc sách đạo Lão: Tb. III, 1

Tượng Phật Đại nguyện: Chb. II, 40

Xây đài Động Linh để cầu đảo: Chb. IV, 6

Xây tháp Báo Thiên mười hai tầng: Chb. III, 22

Xin kinh *Tam tạng*: Chb. I, 43; II, 20

67. TRUYỀN THUYẾT

Bài sấm ở cây gạo làng Diên Uẩn: Chb. II, 4

Bàn cờ tiên trên núi Lạn Kha: Tb. I, 16

Cao Biền, Lạc Điêu thị ngự: Tb. V, 7

Cao Biền khi đánh Nam Chiếu, thường được Lý Ông Trọng hiển linh giúp đỡ: Tb. I, 13

Chuyện cổ Chiêm Thành do Chế Mố kể: Chb. X, 4

Du Chi Bà Lam, thầy chùa Trung Quốc, tự nói đã sống 300 tuổi và có nhiều thuật lạ: Chb. IX, 3-4

Đốt hương khấn trời khi thuyền ngự của Lý Thái Tổ về đến cửa Biện (Thanh Hoá), liền thấy gió bão sấm sét yên tĩnh: Chb. II, 15

Kim Quy giúp việc đắp Loa thành: Tb. I, 16-18

Lý Thái Tông chiêm bao thấy Phật Quan Âm đón lên toà sen: Chb. III, 14

Mống rồng và Chử Đồng Tử: Tb. IV, 8, 12

Nguyễn Bổ dùng pháp thuật tự xưng là "Đường lang tử y", tiếm hiệu xưng vương: Chb. X, 45

Nỏ thiêng và lông ngỗng (truyện Trọng Thuỷ và Mị Châu): Tb. I, 15-19

Phùng Sĩ Chu gieo quả bói đoán chắc chắn sẽ chiến thắng quân Nguyên: Chb. VIII, 13

Rồng hiện ở chỗ thuyền Lý Thái Tổ ngự khi mới thiên đô lên Thăng Long: Chb. II, 10

Rồng hiện ở nền điện Kiến Nguyên: Chb. II, 33-34

Rồng tiên: Tb. I, 1, 2

Rồng vàng che phủ hai bên cho Đinh Bộ Lĩnh khi bị Dự đuổi: Chb. I, 2

Rồng vàng hiện ở gác Đoan Minh: Chb. III, 15

Rồng vàng hiện ở hành cung Lợi Nhân: Chb. IV, 14

Rùa thần: Tb. I, 5, 6

Sĩ Nhiếp sau khi được chôn cất đến hơn 600 năm sau, người

Lâm Ấp đến xâm lược, đào mả lên, còn thấy mặt, người như còn sống, nên lại lấp lại: Tb. III, 2

Sinh trăm trứng: Tb. I, 2

Tần đúc tượng đồng Lý Ông Trọng để trấn át Hung Nô: Tb. I, 13

Thần Đồng Cổ báo mộng về việc Tam vương (ba con Lý Thái Tổ) mưu làm loạn: Chb. II, 29-30

Tô Lịch: Tb. IV, 31

Trần Kiến hai lần bói *Dịch* đều đoán quân Nguyên tất thua: Chb. VIII, 17-18

Trần Nghệ Tông cắt nghĩa bốn câu thơ theo phép tản tự: Chb. XI, 20

Trần Thánh Tôn gieo quẻ để xem bói năm nào sẽ chết: Chb. VII, 18

Trấn yểm các núi sông, xẻ các núi ở Thanh Hoá và mở đường dọc đường ngang: Chb. VI, 32

Triệu Xương nhà Đường nằm chiêm bao thấy mình cùng Lý Ông Trọng giảng nghĩa *Xuân thu Tả truyện*: Tb. I, 13

Tro tàn sau khi lên giàn thiêu của sư Nghiêm Bảo Tính và sư Phạm Minh Tâm đều thành thất bảo: Chb. II, 38-39

Yên Kỳ tu luyện ở trên núi Yên Tử: Chb. VI, 18

68. TRƯỜNG HỌC

Chức trực giảng ở Quốc Tử giám: Chb. XVIII, 19

Quốc Tử giám. -Lộ hiệu sinh: Chb. XV, 2

Quy định số người quét tước trường học các lộ: Chb. XVIII, 19

Tuyển con các quan văn võ vào học tại nhà Quốc học: Chb. XV, 17; XVI, 2-3

Xin tuyển nho thần vào hầu vua học tập ở toà Kinh Diên: Chb. XVI, 26

69. TỪ NGỮ

Bổng la nga: Chb. III, 12

Chánh thủ: Chb. II, 24

Chủ đô (chức quan): Chb. III, 3, 4

Chư hoả thư gia: Chb. III, 47

Đại Cồ Việt: Chb. I, 1

Đại Liêu ban (tước): Chb. II, 35, 45; IV, 19, 20, 22

Điển nhi: Chb. IV, 18–19; V, 3

Đô hộ phủ sĩ sư: Chb. I, 4; III, 27–28

Giáp (đơn vị quân đội đời Lý): Chb. II, 24

Gọi vua là Triều đình là Vạn Thặng, là Phật: Chb. II, 38

Hoả đầu: Chb. II, 24–25; IV, 19–20; V, 1, 3

Hoàng nam: Chb. III, 5, 43

Hoành đầu (số phụ thu một phần mười ngoài chính ngạch): Chb. III, 3, 4

Kiểu quốc, Cổ quốc, Ca ông: Chb. I, 3

Lộ ông: Chb. IV, 18–19

Minh Tự: Chb. V, 4, 33, 34

Ngoại giáp (chức quan đời Đinh): Chb. I, 11

Nội nhân hỏa đầu : Chb. IV, 20

Nội nhân thư gia : Chb. IV, 13

Phụ quốc (chức quan): Chb. I, 28

Phụng ngự: Chb. V, 31, 32

Quản giáp: Chb. I, 24; II, 24, 25; III, 4, IV, 20

Thân vương ban (tước): Chb. II, 45

Thiên tử quân (quân túc vệ đời Lê Đại Hành): Chb. I, 25

Thượng chế: Chb. IV, 20; V, 6

70. XÃ THÔN

Bổng sách: Chb. I, 1

Đàm thôn, Đàm Gia thôn: Chb. I, 2

Đào Áo sách: Chb. I, 1

Đường Lâm: Chb. I, 11-12

Giáp Cổ Hoằng: Chb. V, 24

Giáp Đăn Nãi: Chb. II, 33

Khúc Hạo xưng làm tiết độ sứ, chia trong nước làm từng xứ, lộ, phủ, châu, xã,đặt lệnh trưởng chính và tá, v.v...: Tb. V, 15

Làng An Để: Chb. V, 22

Làng Bình Lãng: Chb. V, 22

Làng Diên Uẩn: Chb. II, 4

Làng Phù Đái (đới): Chb. I, 27

Làng Phù Đổng: Chb. V, 40

Làng Siêu Loại: Chb. III, 26

Làng Thổ Lỗi: Chb. III, 26

Làng Thung Độ: Chb. V, 36

Làng Vân Canh: Chb. V, 22

Phường Cơ Xá: Chb. IV, 6

Thôn Đông,phường Yên Thái: Chb. II, 30

Thôn Lưu Gia: Chb. V, 33-34

Thôn Tiên Thị: Chb. III, 22

Thôn Văn Giáp: Chb. III, 32

Trại Định Phiên: Chb. II, 12

Trại Phù Lan: Chb. I, 27

Tượng Cần: Chb. II, 42

Xã Cam Lâm: Chb. I, 11

Xã Cao Xá: Chb. V, 27

Xã Chi Lăng: Chb. I, 17

Xã Đan Nê: Chb. I, 20

Xã Đội Sơn: Chb. I, 23

Xã Đồng Hoà: Chb. I, 20

Xã Hội Thống, xã Bạch Đường: Chb. III, 2

Xã Lãm Sơn: Chb. III, 46

Xã Lưu Xá: Chb. V, 34

Xã Nguyệt Biều: Chb. III, 9

Xã Như Nguyệt: Chb. III, 39

Xã Thuận Quang: Chb. III, 26

71. Y TẾ

Dùng phép châm cứu để chữa bệnh: Chb. XII, 4

Mỗi phủ đặt 3 người lại sử trông coi về y học: Chb. XXIII, 15

Phát thuốc và tiền gạo cho dân nghèo, vì ở Thiên Trường phát sinh chứng dịch: Chb. X, 17

Tỉ Thái y thi lấy người tinh thông nghề làm thuốc: Chb. VII, 1

Tổ chức Quảng Tế thự: Chb. XII, 4

Trần Dụ Tông say rượu, ra tắm sông, bị bệnh, Trâu Canh ngày đêm hầu hạ thuốc thang: Chb. X, 18

Trần Minh Tông khi ốm, không chịu uống thuốc, không cho cầu cúng: Chb. X, 10

Trâu Canh chữa cho Trần Dụ Tông khỏi chứng liệt dương: Chb. X, 2

Trích tiền trong kho, giao Tế Sinh đường sứ mua thuốc chữa cho nhân dân Quốc Oai và Tam Đái: Chb. XX, 12

Xếp đặt chức quan coi việc y tế, có những chức: Thái Y viện đại sứ, viện sứ, ngự y chánh, ngự y phó, biện kiểm, Tế Sinh đường sứ, Tế Sinh đường khán chẩn, lương y chánh, sinh dược khố sứ và y học huấn khoa: Chb. XXII, 18-24

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại Hà Nội NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên tập lần đầu :
LÊ ĐÌNH HÀ – NGUYỄN HỒNG LIÊN
NGUYỄN ĐỨC NHUỆ – NGUYỄN HỮU TÂM

Biên tập tái bản :
TRẦN THÁI HÀ

Trình bày bìa :
Hoạ sĩ TRẦN VIỆT SƠN

Sửa bản in :
TRẦN MAI ĐAN · NGUYỄN THỊ NHUNG
PHAN TỰ TRANG

Tổng phát hành :
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP ĐÀ NẴNG

KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ THÔNG GIÁM CƯƠNG MỤC – TẬP 2

Mã số : 8X136T7-NĐN

In 1.000 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam-260 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ. Số ĐKKH xuất bản : 584-2007/CXB/2-1344/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2007.

欽定越史通鑑綱目

1957-2007
50 NĂM

LONDON
QUALITY CROWN
QC 100
VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ty Sách - Thiết bị trường học ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản Giáo dục :
- Tại TP. Hà Nội : 187 Giảng Võ; 232 Tây Sơn; 23 Tràng Tiền; 25 Hàn Thuyên.
- Tại TP. Đà Nẵng : 15 Nguyễn Chí Thanh; 62 Nguyễn Chí Thanh.
- Tại TP. Hồ Chí Minh : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1; 240 Trần Bình Trọng, Quận 5; 451B - 453, Hai Bà Trưng, Quận 3.
- Tại TP. Cần Thơ : 5/5, đường 30/4.

Website : www.nxbgd.com.vn

8 934980 783962

Giá : 196.000đ